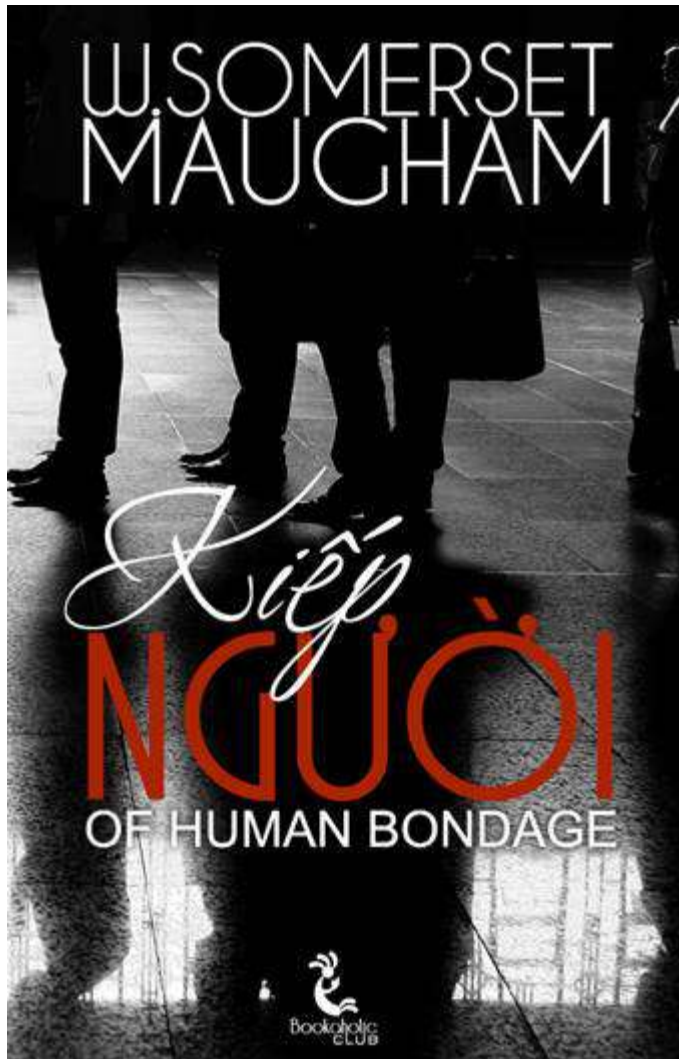


W. SOMERSET
MAUGHAM

Kepp

NGƯỜI

OF HUMAN BONDAGE



KIỆP NGƯỜI

W.S. Maugham

Making Ebook Project

BOOKAHOLIC CLUB





Tên sách: **KIỆP NGƯỜI**

Tác giả: **William Somerset Maugham**

Dịch giả: Hoàng Túy, Nguyễn Xuân Phương

Nguyên tác: *Of Human Bondage*

Nhà xuất bản: Văn nghệ TP.HCM

Năm xuất bản: 2000

Số trang: 1.124 (2 tập)

Khổ sách: 13 x 19 cm

Giá tiền: 92.000 Đồng (2 tập)

Đánh máy: Thùy Trang, Minh Khuyên, Thảo Đoàn, Ngọc Trâm, Thanh Thảo, Ngọc Bích, Cẩm Tú, Kim Ngân, Hanks Nguyễn, Minh Phương, Ngọc Oanh, Kim Phượng, Minh Huy, Dân, Thanh Nam, Đỗ Quyên, Minh Uyên, Hồng Sơn, Hoài Thuận, Ngọc Nở

Kiểm tra: Hồng Hạnh, Đỗ Quyên, Thảo Đoàn, Ngọc Nở

Chế bản ebook: Thảo Đoàn

Ngày thực hiện: 13/6/2011

Making Ebook Project #133 - www.BookaholicClub.com

Bạn đang đọc ebook **KIỆP NGƯỜI** của tác giả **W.S. Maugham** do **Bookaholic Club** chế bản theo **Dự án chế bản Ebook (Making Ebook Project)**.

Mong rằng ebook này sẽ mang đến cho bạn một tác phẩm Văn học hay, giàu giá trị biểu cảm và nhân văn, với chất lượng cao. Chúng tôi luôn cố gắng mang đến những chế bản ebook tốt nhất, nếu trong quá trình chế bản có lỗi sai sót nào mong bạn góp ý và cho chúng tôi biết những ebook mà đang mong muốn.

Making Ebook Project của **Bookaholic Club** là một hoạt động phi lợi nhuận, nhằm mục đích mang đến những chế bản ebook hay, có giá trị với chất lượng tốt nhất mà chúng tôi có thể với Cộng đồng đọc - người Việt. Tuy nhiên, nếu bạn có khả năng xin hãy đọc tác phẩm này bằng sách trước hết vì lợi ích cho Nhà xuất bản, bản quyền tác giả và góp phần phát triển xây dựng nền Văn hóa đọc.

Hãy chỉ đọc chế bản này trong điều kiện bạn không thể tìm đến ấn phẩm sách.

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

1.

2.

3.

4.

5.

6.

7.

8.

9.

10.

11.

12.

13.

14.

15.

16.

17.

18.

19.

20.

21.

22.

23.

24.

25.

26.

27.

28.

29.

30.

31.

32.

33.

34.

35.

36.

37.

38.

39.

40.

41.

42.

43.

44.

45.

46.

47.

48.

49.

50.

51.

52.

53.

54.

55.

56.

57.

58.

59.

60.

61.

62.

63.

64.

65.

66.

67.

68.

69.

70.

71.

72.

73.

74.

75.

76.

77.

78.

79.

80.

81.

82.

83.

84.

85.

86.

87.

88.

89.

90.

91.

92.

93.

94.

95.

96.

97.

98.

99.

100.

101.

102.

103.

104.

105.

106.

107.

108.

109.

110.

111.

112.

113.

114.

115.

117.

118.

119.

120.

121.

122.

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ



William Somerset Maugham là nhà văn Anh, sinh năm 1874 và sống ở Pháp cho đến khi lên mười. Học xong đại học ở Anh, ông làm thầy thuốc tại bệnh viện. Có khiếu văn chương, ông sớm bắt đầu viết tiểu thuyết và thành công với vài tác phẩm đầu tay, rồi chuyển hẳn sang sáng tác văn học. Ông nổi tiếng với hai truyện dài **Kiếp người** (*Of Human Bondage*) (1914) và **Mặt trăng và đồng sáu xu** (*The Moon and sixpence*) (1919). Trong số sách được xuất bản sau đó có: **Bức Bình phong** (*The Painted Veil*) (1925), **Quý Ngài trong phòng khách** (*The Gentleman in the Parlour*) (1930), **Don Fernando** (1935), **Lưỡi dao cạo** (*The Razor's*

Edge) (1944), **Sổ tay nhà văn** (*A Writer' Notebook*) (1949), **Cách nhìn thiên vị** (*Points of View*) (1958), ...

W.S. Maugham đồng thời còn là một nhà soạn kịch trứ danh với những sáng tác như: **Phu nhân Frederick** (*Lady Frederick*) (1907), **Smith** (1909), **Đất hứa** (*The Land of Promise*) (1913).

Ông cũng là tác giả nhiều truyện ngắn rất được hoan nghênh. Toàn tập truyện ngắn của ông được tái bản nhiều lần với số lượng mấy trăm nghìn bản, ví dụ như **Mưa**.

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

Kiếp người của nhà văn nổi tiếng nước Anh W.Somerset Maugham (1874 - 1965) đã được xuất bản trước đây, nhưng đó là bản rút gọn, khoảng 370 trang.

Nay, theo nguyện vọng của đông đảo bạn đọc muốn có toàn văn tác phẩm văn học lớn này, chúng tôi quyết định dịch và in toàn văn gồm 122 chương của Nhà xuất bản THE SUN DIAL PRESS - GARDEN CITY - NEW YORK - 1945.

Kiếp người, một cuốn tiểu thuyết giàu chất tự truyện, được coi như kiệt tác của Maugham và là một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của văn học thế giới đầu thế kỉ 20.

Nhân vật chính là Philip Carey. Từ khi mới chào đời, Philip đã là một đứa trẻ bất hạnh, bị vẹo chân bẩm sinh, mồ côi cha. Sau khi mẹ qua đời Philip phải sống với vợ chồng ông bác ruột, một mục sư. Từ đấy, Philip phải nếm trải bao nhiêu đau, buồn, gian khổ, mất mát, rủi ro. Vì thế chàng thường suy ngẫm tìm hiểu ý nghĩa cuộc đời. Phải chăng cuộc đời có thể ví như một tấm thảm Ba Tư mà sắc màu rực rỡ, hình nét phức tạp, hoàn toàn phụ thuộc vào người nghệ nhân đã làm ra nó? Phải chăng con người có quyền sống theo ý muốn, sở thích của mình, mà không cần lệ thuộc những chuẩn mực, tiêu chí về đạo đức? Mặc dù thế, Philip vẫn luôn hành động và xử sự theo tiếng gọi của tuổi trẻ, của lương tri. Vì vậy, cuối cùng, chàng đã vượt được mọi khó khăn để vươn tới hạnh phúc lứa đôi trong sáng.

Kiếp người là một trong những tác phẩm lớn viết về kiếp nô lệ của con người đối với tình yêu hay bất cứ đam mê nào khác. Qua cuộc tình đơn phương vô lý đến ngu xuẩn của Philip đối với Mildred, một cô gái tầm

thường, chúng ta được biết thêm bao nhiêu cảnh ngộ, bao nhiêu số phận éo le khác. Gấp sách lại, chúng ta có thể tự hỏi, phải chăng ý nghĩa cuộc đời là giữ vững thiên lương, sống nhân hậu và biết quan tâm tới những đau khổ của con người?

Có lẽ vì tính chất nhân văn cao của nó nên *Kiếp người* đã được chọn đưa vào tủ sách trọng tâm cần đọc trong chương trình đại học văn khoa ở Anh.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

1.

Tầng sáng hôm ấy, trời âm u và ảm đạm. Mây phủ nắng bầu trời và không khí khô ráo hiệu sắp có tuyết. Một người hầu gái bước vào gian phòng có một đứa bé đang ngủ. Chị kéo rèm và bất giác đưa mắt nhìn ngôi nhà trước mặt, một ngôi nhà cao, tường trát vữa, với dãy hành lang có nhiều cột giả đá hoa cương. Đoạn chị đến bên giường đứa bé.

- Nào, Philip, dậy đi em! - Chị gọi. Chị kéo chân, bế đứa bé xuống nhà dưới. Đứa bé chưa tỉnh hẳn.

- Mẹ muốn gặp em đây - Chị nói.

Chị mở cửa một căn phòng ở dưới nhà, bế đứa bé đến đặt ở chiếc giường có một thiếu phụ đang nằm. Đó là mẹ đứa bé. Chị dang hai tay ra và đứa bé liền nép vào lòng mẹ. Nó không hỏi tại sao nó bị đánh thức. Thiếu phụ hôn mắt con và đưa hai bàn tay nhỏ bé và gầy guộc lần mò bên ngoài tấm áo ngủ bằng ni trắng, sờ nắn tấm thân ấm áp của thằng bé. Chị ôm ghì con vào lòng.

- Con buồn ngủ ư, con yêu của mẹ? - Thiếu phụ hỏi.

Giọng chị đã rất yếu tựa như một nơi xa xăm nào vắng đến. Đứa bé không trả lời mà chỉ nhoẻn miệng cười. Nó cảm thấy rất sung sướng được nằm trên chiếc giường rộng, ấm áp trong vòng tay biết bao êm ái này. Nó cố thu mình nằm gọn trong lòng mẹ. Nó hôn mẹ nó trong cơn ngái ngủ. Một lát sau mắt nó riu lại và nó ngủ tít. Người bác sĩ đến cạnh giường:

- Trời, đừng đưa cháu đi vội - Thiếu phụ rên rỉ.

Người thầy thuốc không trả lời, nghiêm trang nhìn chị. Thiếu phụ biết mình không được giữ con lâu hơn nên lại hôn con, rồi chị đưa tay lên theo người xuống tận chân đứa bé. Chị nắm bàn chân phải của con trong lòng tay, nắn nắn năm ngón chân nhỏ xíu. Rồi chị từ từ chuyển tay sang chân bên trái. Bỗng chị nấc lên,

- Bà làm sao thế? - Bác sĩ nói - Bà mệt rồi đấy.

Thiếu phụ lắc đầu không thốt nên lời, nước mắt rùng rùng trên má.

Người thầy thuốc liền cúi xuống:

- Bà để tôi bế cháu.

Chị yếu quá, không còn đủ sức để cưỡng lại ý muốn của bác sĩ, nên đành rời con. Bác sĩ trao đứa con cho người vú.

- Chị nên đặt trả về giường cậu ấy.

- Thưa ông, vâng.

Chị vú bế đứa bé đi mà nó vẫn ngủ. Người mẹ liền nấc lên, lòng dạ tan nát.

- Tội thân con, rồi sau này con sẽ ra sao?

Người hộ lý cố khuyên giải nhưng ngay sau đó tiếng khóc chấm dứt. Sức thiếu phụ đã kiệt. Bác sĩ tiến đến cạnh chiếc bàn kê ở cuối phòng. Trên bàn là một xác đứa bé thai phủ một chiếc khăn bông to, ông nhấc chiếc khăn lên nhìn. Bác sĩ đứng khuất sau tấm bình phong ngăn cách với giường người ốm, thiếu phụ đoán được ông ta đang làm gì.

- Trai hay gái? - Chị thều thào hỏi người y tá.

- Lại con trai.

Thiếu phụ không hỏi thêm. Một lát sau người vú em quay trở lại. Chị đến cạnh giường.

- Cậu Philip ngủ say rồi - Chị nói.

Một giây im lặng. Đoạn bác sĩ xem lại mạch người bệnh.

- Lúc này tôi thấy chưa thể làm gì. Sau bữa điếm tâm tôi sẽ ghé lại thăm
- Ông nói.

- Để cháu tiễn bác sĩ về - Chị vú nói.

Hai người lặng lẽ đi xuống gác. Xuống tới phòng lớn bác sĩ dừng lại,

- Chị đã cho mời ông anh chồng bà Carey rồi chứ?

- Vâng, cháu đã mời.

- Chị có biết mấy giờ ông ta đến đây không?

- Thưa ông không, cháu đang đợi ông ấy điện về.

- Còn cháu bé thì làm thế nào nhi? Tôi nghĩ nên đưa cháu đi chỗ khác là tốt nhất.

- Thưa ông, cô Watkin bảo là sẽ đưa cậu ấy đi.

- Cô ấy là ai thế?

- Thưa ông, cô ấy là mẹ đỡ đầu của cậu bé. Liệu bà Carey có qua khỏi được không, thưa bác sĩ?

Bác sĩ lắc đầu.

2.

Một tuần sau, Philip đang ngồi trên sàn nhà trong phòng khách nhà cô Watkin tại Onslow Gardens. Vốn là con một, nên đứa bé quen chơi một mình. Căn phòng la liệt bàn ghế đồ sộ, trên mỗi chiếc xô - pha có đến ba chiếc đệm lớn, ghế bành nào cũng trải đệm. Philip vơ hết đệm, bê lấy những chiếc ghế tựa thép vàng nhẹ để khuân làm một cái hang rất công phu. Bé náu mình trong đó, để trốn những người da đỏ đang lảng vảng sau những bức màn cửa. Bé áp tai xuống sàn nhà và lắng nghe tiếng đàn trâu đang phì trên đồng cỏ. Bỗng có tiếng mở cửa, bé vội vàng nín thở để khỏi bị lộ. Nhưng một bàn tay đẩy mạnh chiếc ghế tựa, thế là gối đệm úp xuống.

- Em hư thế! Em làm thế này là cô Watkin không bằng lòng đâu.

- Chào

Chị cúi xuống hôn đứa bé. Đoạn chị đập đập những chiếc đệm đặt vào chỗ cũ.

- Em có phải về nhà không?

- Chị đến đón em đấy.

- Hôm nay chị mặc áo mới!

Năm ấy là năm 1885. Emma mặc một bộ “kép”. Tắm áo bằng nhung đen may vải xuôi, tay bó, chiếc váy chồng ba nếp rộng dưới gối. Chị đội một chiếc mũ tròn đen có đai bằng nhung. Chị vú ngập ngừng. Chị đã chuẩn bị sẵn câu trả lời. Vậy mà đứa bé vẫn không hỏi cái cậu chị hằng chờ đợi. Cuối cùng chị hỏi: “Em không hỏi thăm sức khỏe của mẹ ư?”

- Ôi, em quên mất. Mẹ em có khỏe không chị?

Lúc này thì chị vú đã sẵn sàng,

- Mẹ em rất khỏe và rất sung sướng.

- Ồ thế thì thích quá.

- Mẹ em đã đi rồi. Em chẳng còn bao giờ gặp lại mẹ nữa đâu.

Philip chẳng hiểu chị nói gì.

- Tại sao thế?

- Mẹ em lên thiên đàng rồi.

Nói xong chị òa khóc. Philip cũng khóc theo mặc dù chẳng hiểu gì. Emma là một phụ nữ cao lớn, tóc vàng, các nét thô. Quê chị ở Devonshire và tuy làm việc ở Luân Đôn hàng bao nhiêu năm nay chị vẫn nặng giọng địa phương. Càng nói chị càng thêm xúc động và chị áp đứa bé vào lòng. Chị bỗng thấy xót xa cho đứa bé; thế là từ nay em mất hẳn tình cảm duy nhất hoàn toàn vô tư trên cõi đời này. Phải trao thằng bé vào những bàn tay xa lạ, quả là một điều khủng khiếp. Nhưng một lát sau chị bình tĩnh lại, chị nói:

- Bác William của em đang đợi em ở nhà đấy. Em đến chào cô Watkin rồi chúng ta về.

- Em chẳng muốn chào đâu - Đứa bé trả lời, rõ ràng nó không muốn để người khác thấy nó khóc.

- Thôi được, em chạy lên gác lấy mũ đi!

Nó đi lấy mũ và khi trở lại thì Emma đã đợi nó ở gian phòng lớn. Nghe có tiếng người trong phòng đọc sách sau phòng ăn, nó dừng lại. Nó biết rằng cô Watkin và bà chị gái của nó cũng cảm thấy nếu chú bước vào phòng thì thế nào cũng được mọi người thương xót,

- Em sẽ vào chào cô Watkin vậy, chị ạ,

- Như thế là ngoan - Emma nói,

- Thế chị vào báo cho em đi - Nó nói.

Chú bé muốn tận dụng cơ hội. Emma gõ cửa bước vào. Nó nghe chị nói:

- Thưa cô, cậu Philip muốn vào tạm biệt cô.

Câu chuyện bỗng dừng và Philip khập khiễng bước vào, Cô Henrietta Watkin người béo tròn, mặt đỏ, tóc nhuộm. Thời ấy, hễ có ai nhuộm tóc là lập tức gây nên những điều chỉ trích, nên Philip được nghe ở nhà đàm tiếu rất nhiều, khi người mẹ đỡ đầu của mình nhuộm tóc. Cô Watkin sống với người chị cả, bà này đã vui vẻ an phận tuổi già. Trong phòng còn có hai bà khách nữa mà Philip chưa được gặp bao giờ. Họ tò mò nhìn chú bé.

Cô Watkin dang tay đón Philip.

- Tội nghiệp con tôi - Cô nói.

Nói xong cô òa khóc. Bây giờ Philip hiểu tại sao cô không đến phòng ăn và tại sao cô vận đồ đen. Cô ghen ngào không nói nên lời.

Cuối cùng Philip nói:

- Cháu phải về.

Nó gỡ ra khỏi vòng tay cô Watkin và cô lại hôn nó. Nó tiến đến bên bà chị cô Watkin và chào bà. Một trong hai bà khách lạ xin phép được hôn nó, và chú bé trịnh trọng đồng ý. Mặc dù đang khóc, nó cũng thấy khoái khoái về bầu không khí xúc động mà nó đã tạo ra. Kể ra được nán lại một chút để được âu yếm vuốt ve thì cũng thích, nhưng nó cảm thấy người ta mong nó ra về, nên nó bèn nói là Emma đang đợi bên ngoài. Nó bước ra khỏi phòng. Emma đã xuống tầng hầm nói chuyện với một chị bạn. Nó đứng ở cầu thang đợi chị và nghe rõ tiếng cô Henriette Watkin nói:

- Mẹ cháu là bạn thân nhất của em. Cái ý nghĩ rằng chị ấy đã qua đời làm em không chịu nổi.

Chị cô nói:

- Lẽ ra cô không nên đi đưa - Henrietta ạ. Tôi biết trước là thế nào cô cũng ngất mà!

Một trong hai bà khách lạ nói:

- Khổ thân thằng bé. Cứ nghĩ tới việc nó phải một thân một mình chống chọi với đời mà thấy ớn! Tôi thấy cháu nó khập khiễng thì phải.

- Vâng, cháu bị thọt. Ngày còn sống mẹ cháu rất khổ tâm về chuyện này.

Vừa lúc đó Emma trở lại. Chị gọi một chiếc xe ngựa và nói địa chỉ.

3.

Khi họ về đến ngôi nhà, nơi mà bà Carey vừa mới qua đời, Emma dắt Philip vào phòng khách. Ngôi nhà này ở một đường phố sang trọng nhưng buồn tẻ giữa Notting Hillgate và High Street Kensington. Bác Philip đang viết thư cảm ơn những người đã gửi hoa đến viếng. Có một vòng hoa đến quá muộn không đưa kịp theo xe tang lúc này vẫn còn nằm nguyên trong hộp giấy trên bàn,

- Thưa ông, cậu Philip đã về. Emma nói.

Ông Carey từ từ đứng dậy bắt tay cậu bé Rồi nghĩ thế nào ông lại cúi xuống hôn vào trán cháu. Ông người hơi thấp, bụng đã bắt đầu phệ, tóc để dài lật về phía sau để che chỗ hói, râu cạo nhẵn nhụi, Đường nét thanh tú trên khuôn mặt chứng tỏ hồi còn trẻ khá đẹp trai. Ông đeo một cây thánh giá bằng vàng gắn ở dây đồng hồ quả quýt.

- Cháu sẽ về ở với bác, Philip ạ. Cháu có thích không? - Ông nói.

Cách đây hai năm, Philip đã được gửi về xứ đạo này sau một trận sốt. Nhưng nó chỉ còn nhớ cái gác xếp áp mái và khu vườn lớn, còn hai bác thì nó đã quên hẳn.

- Có ạ.

- Cháu phải coi bác và bác gái Louisa như bố mẹ cháu nhé.

Miệng đứa bé hơi run, nó đỏ mặt, nhưng không trả lời.

- Mẹ cháu đã nhờ hai bác trông nom cháu.

Ông Carey cảm thấy hơi khó diễn đạt. Khi được tin người em dâu đang hấp hối, ông vội vàng lên đường đi Luân Đôn ngay, nhưng dọc đường ông chỉ nghĩ đến sự xáo trộn trong cuộc sống của mình nếu người em dâu chết đi buộc ông phải chăm sóc đứa con trai. Ông đã ngoài năm mươi, ông lấy vợ đã ba mươi năm nay mà vẫn không có con. Bây giờ ông chẳng vui gì khi nghĩ đến sự có mặt của một đứa bé có thể rất ồn ào và nghịch ngợm. Xưa nay ông vốn chẳng ưa gì cô em dâu.

- Ngày mai bác sẽ đưa cháu về Blackstable - Ông nói.

- Cả Emma nữa chứ.

Đứa bé đặt bàn tay vào lòng bàn tay Emma và chị vú nắm chặt lấy,

- Emma phải đi làm nơi khác thôi - Ông Carey nói.

- Nhưng cháu muốn Emma cùng đi với cháu cơ

Philip khóc òa lên khiến chị vú không thể cầm được nước mắt. Ông Carey nhìn hai người bối rối.

- Chị để tôi gặp riêng cậu Philip một lát.

- Thưa ông, vâng.

Philip nắm lấy Emma, nhưng chị khẽ gỡ ra. Ông Carey đặt cháu ngồi lên gối mình rồi vòng tay ôm nó. Ông nói:

- Đừng khóc. Cháu lớn rồi, không cần phải vú em nữa. Hai bác sẽ lo cho cháu ăn học.

- Cháu muốn Emma đi với cháu cơ. Đưa bé nhắc lại.

- Như thế thì tốn kém lắm, cháu ạ. Bố cháu mất đi chẳng để lại được bao nhiêu. Bác cũng chẳng biết số tiền ấy hiện giờ ra sao nữa. Từ nay rồi sẽ phải dành dụm từng xu ấy cháu ạ.

Ngày hôm trước ông Carey đã đến gặp ông luật sư của gia đình. Bố của Philip khi còn sống là một bác sĩ phẫu thuật nổi tiếng và tiền lương ở bệnh viện chứng tỏ ông đã có một vị trí vững vàng. Bởi vậy sau khi ông chết đột ngột vì nhiễm trùng máu, ai cũng ngạc nhiên được biết ông chỉ để lại cho người vợ góa một số tiền không hơn số tiền cho thuê ngôi nhà của họ ở phố Bruton. Việc này xảy ra cách đây sáu tháng. Độ ấy bà Carey cũng đã yếu lắm rồi đang có thai. Bà chẳng còn đầu óc nào, đâm ra nghĩ quẩn, nên khi có người dám thuê nhà là bà đồng ý ngay. Bà dọn tất cả đồ đạc vào một nơi và thuê một ngôi nhà đầy đủ tiện nghi trong một năm với một cái giá mà ông mục sư cho là quá đáng. Bà muốn được sống không phải lo nghĩ gì cho đến khi đứa bé thứ hai ra đời. Nhưng vì chưa quen cầm đồng tiền và không biết cách thu xếp chi tiêu cho phù hợp với hoàn cảnh mới, vì thế số tiền ít ỏi bà có được chẳng mấy chốc đã bay biến, và bây giờ sau khi trang trải mọi khoản chi phí, chỉ còn lại hơn hai nghìn bảng một ít để nuôi đứa bé đến khi nó có thể tự kiếm sống nuôi thân. Chẳng làm thế nào mà giải thích tất cả chuyện này cho Philip, và thằng bé cứ tấm tức khóc.

- Thôi cháu đi ra gặp Emma đi. Ông Carey nói. Ông cảm thấy chỉ có chị vú mới có thể an ủi thằng bé.

Đứa bé lẳng lặng tụt khỏi đầu gối ông bác, nhưng ông Carey giữ nó lại.

- Ngày mai bác cháu ta phải đi, vì thứ bảy bác phải chuẩn bị bài giảng đạo. Cháu nhớ bảo Emma chuẩn bị mọi thứ ngay hôm nay. Cháu có thể mang theo tất cả đồ chơi của cháu. Và nếu cháu muốn có một vật kỷ niệm gì của bố mẹ chú thì cháu có thể cầm theo của mỗi người một thứ. Còn lại thì bán tất.

Đưa bé len lén ra khỏi phòng. Ông Carey không quen làm việc nên miễn cưỡng trở lại viết thư. Trên một góc bàn có một bó giấy thanh toán. Nhìn những tờ giấy này ông rất bức. Đặc biệt có một tờ hết sức vô lý. Ngay sau khi bà Carey qua đời, Emma đã cho đặt biết bao nhiêu là hoa trắng để bày trong phòng người quá cố. Thật là hết sức lãng phí. Emma đã đi quá xa quyền hạn của mình. Nay dù không có khó khăn về tài chính ông cũng quyết định cho chị ta thôi việc.

Trong khi ấy, Philip đến với Emma, nó gục đầu vào lòng chị và khóc sụt sùi. Còn Emma thì cảm thấy dường như đây chính là con mình. Chị đã chẳng chăm nom nó từ lúc nó mới lọt lòng đó sao? Với những lời lẽ dịu dàng, chị ôn tồn khuyên giải thẳng bé, hứa thỉnh thoảng sẽ đến thăm nó. Rồi chị kể cho nó nghe về cái nơi nó sắp đến và về miền quê chị ở Devonshire. Bố chị là người thu tiền ở đường cái quan đi Exter, ông cụ nuôi cả đàn lợn, và có cả một con bò cái, mà con bò mẹ lại vừa sinh được một con bê. Philip quên hẳn cả khóc nghĩ đến cuộc hành trình sắp đến và thế là nó cảm thấy lòng náo nức.

Chị đặt Philip xuống vì còn bao nhiêu là việc phải làm, và nó giúp chị xếp quần áo lên giường. Chị bảo nó vào phòng trẻ để thu dọn các đồ chơi, và chỉ một lúc sau nó đã chơi đùa vui vẻ.

Nhưng chơi một mình mãi cũng chán, nó trở lại buồng ngủ với Emma, lúc này đang xếp đồ đạc của nó vào một hòm thiếc lớn. Philip chợt nhớ ông

Carey bảo nó có thể mang theo một vật kỷ niệm của bố mẹ. Nó liền hỏi chị Emma nên chọn vật gì.

- Tốt hơn là em nên vào phòng khách tìm cái gì đó mà em thích.

- Nhưng bác William đang ở trong đó.

- Đừng ngại. Hiện giờ tất cả đều là của em.

Philip thong thả bước xuống cầu thang và thấy cửa để ngỏ. Ông Carey đã rời phòng khách. Nó chậm rãi bước quanh phòng. Hai mẹ con vừa đến ở nhà này chưa được bao nhiêu, nên chẳng có gì làm nó đặc biệt thích thú. Đây là gian phòng của một người lạ, Philip chẳng thấy gì hấp dẫn.

Nhưng nó biết rõ cái gì của mẹ và cái gì của chủ nhà này. Nó chú ý một chiếc đồng hồ nhỏ để bàn mà đã có lần nó nghe thấy mẹ bảo là rất thích. Nó buồn rầu cầm chiếc đồng hồ trở lên gác. Đến bên ngoài phòng của mẹ, nó dừng lại và lắng tai nghe. Mặc dù chẳng ai cấm nhưng nó cảm thấy không nên vào. Nó thấy sờ sợ và tim đập thình thịch. Nhưng cùng lúc đó có cái gì đó xui nó quay quả đấm. Nó xoay thật nhẹ nhàng, như không muốn để ai nghe thấy, rồi nó từ từ đẩy cửa. Nó đứng ở ngưỡng cửa một lát để lấy lại can đảm trước khi bước vào phòng. Nó không còn sợ, nhưng cảm thấy lạ lẫm. Nó đóng cửa phòng lại. Cái rèm đã thả xuống, và trong ánh sáng lạnh lẽo của chiều tháng giêng, căn phòng nom tối quá. Ở bàn trang điểm của mẹ nó có nhiều bàn chải và một chiếc gương con, một chiếc kho nhỏ đầy cặp tóc. Một tấm ảnh của nó đặt ở trên lò sưởi cạnh tấm ảnh của bố. Trước đây nó hay vào đây những lúc mẹ nó không có trong phòng, nhưng bây giờ nó thấy khác quá. Những chiếc ghế tựa nom cứ là lạ. Chiếc giường cũng được trải khăn thơm tất như đêm nay sắp có người đến ngủ, và một bộ quần áo ngủ xếp gọn đặt trên chiếc gối.

Philip mở một chiếc tủ lớn đựng đầy quần áo. Nó dang tay ôm thật nhiều và úp mặt vào đống quần áo của mẹ: quần áo sức mùi nước hoa mà mẹ nó vẫn dùng. Đoạn nó mở tung các ngăn kéo đựng đủ mọi thứ của mẹ, và chăm chú nhìn: nhiều túi vải đựng hương thảo trong đống quần áo tỏa một mùi thơm tươi mát dễ chịu. Vẻ lạ lùng của căn phòng biến mất. Philip cảm thấy tựa như mẹ vừa mới ra ngoài dạo chơi. Ngay bây giờ mẹ sẽ về đây và sẽ sắp lên gác uống trà với nó. Nó như cảm thấy cái hôn của mẹ trên môi.

- Nó sẽ chẳng bao giờ được gặp lại mẹ nữa ư? Không, người ta nói không đúng. Không đúng chỉ vì đơn giản là không thể thế được.

Nó trèo lên giường, ngả đầu lên gối. Nó cứ nằm yên như vậy.

Lúc chia tay chị Emma, Philip đã khóc. Nhưng chuyến đi Blackstable rất thú vị nên khi hai bác cháu đến nơi thì nó đã khuấy khỏa và vui vẻ lại. Blackstable cách Luân Đôn sáu mươi dặm. Sau khi giao hành lí cho người khuân vác, ông Carey đi bộ cùng Philip về tòa cha sở. Hơn năm phút sau hai bác cháu đã lên nhà và Philip chợt nhận ra cái cổng. Cổng màu đỏ và có năm chấn song: cánh cổng có thể đẩy đi đẩy lại quanh bản lề. Có thể đu tới đu lui trên đó, tuy bác nó cấm nó không được làm thế. Hai bác cháu đi qua khu vườn đến phía cửa tiền. Cửa này chỉ dành cho khách vào những ngày chủ nhật, hoặc những dịp đặc biệt như khi ông mục sư đi lên Luân Đôn hay trở về. Ra vào nhà phải qua một cửa bên, còn cửa sau dành cho bác làm vườn và những người ăn may hoặc những kẻ cầu bơ cầu bất. Ngôi nhà khá rộng xây gạch vàng, lớp ngói đỏ, được dựng cách đây khoảng hai mươi lăm năm theo phong cách cơ đốc giáo. Cửa trước nom như một cổng nhà thờ và các cửa sổ phòng khách làm theo kiểu Gô tích.

Bà Carey đã biết trước chuyến tàu hai bác cháu sẽ về nên đang ngồi đợi trong phòng khách, lắng tai nghe. Khi nghe tiếng cổng kêu cọt két bà đi ra cửa.

- Bác Louisa kia - Ông Carey nói khi nhìn thấy bà - cháu chạy đến bên bác đi.

Philip lết bên chân thọt vụng về chạy đến. Rồi nó dừng lại. Bà Carey người thấp nhỏ, khô đét, cùng tuổi với chồng, với khuôn mặt nhăn nheo và đôi mắt màu xanh nhạt. Mái tóc hoa râm tết thành bím như một thời bà còn trẻ. Bà mặc chiếc áo liền váy đen và vật trang sức duy nhất trên người bà là sợi dây chuyền vàng, cổ đeo một cây thánh giá. Dáng dấp bà rụt rè nhút nhát nhưng giọng nói thì dịu dàng êm ái.

- Kìa, hai bác cháu đi bộ sao? Khi ôm hôn ông chồng, bà hỏi ông bằng một giọng gần như chê trách.

- Tôi cũng chẳng để ý đến chuyện đó - Ông trả lời vừa đưa mắt liếc nhìn đứa cháu.

- Cháu đi bộ thế có đau không, Philip? - Bà hỏi đứa bé.

- Không ạ, cháu vẫn quen đi bộ.

Nó hơi ngạc nhiên nghe hai người lớn trao đổi. Bác Louisa bảo nó vào nhà, và cả ba bước vào gian phòng lớn. Phòng lát đá đỏ và vàng, trang trí xen kẽ hình thánh giá Hy Lạp và con cừu của Chúa. Một cầu thang bê thế đưa ra khỏi gian phòng. Cầu thang làm bằng gỗ thông đánh bóng thơm một mùi hương đặc biệt. Nó được làm bằng gỗ thừa sau dịp trùng tu nhà thờ. Tay vịn trang trí các tiêu chướng của bốn vị thánh việt phúc âm.

- Tôi nghĩ rằng đi xa về hai bác cháu thế nào cũng rét nên đã cho đốt lò - Bà Carey nói.

Đó là một cái lò lớn màu đen nên đặt trong gian phòng lớn và chỉ được nhóm khi thời tiết rất xấu hoặc khi cha sở bị cảm. Nếu bà Carey bị cảm thì không đốt lò vì than rất đắt. Và lại chị Mary-Ann, người hầu gái, không thích chỗ nào cũng có lửa. Nếu muốn đâu cũng có lửa thì mời ông bà cứ việc mượn thêm một người hầu nữa. Mùa đông ông bà Carey ở trong phòng ăn nên chỉ cần một ngọn lửa là đủ. Và đến mùa hè thì hai người không từ bỏ được thói quen ấy, bởi vậy phòng khách chỉ dành riêng cho ông Carey ngủ trưa vào ngày chủ nhật. Nhưng thứ bảy nào ông cũng đốt lửa trong phòng đọc sách để có thể viết bài thuyết giáo.

Bác Louisa đưa Philip lên gác và dẫn nó vào một buồng ngủ nhỏ xíu nhìn xuống đường. Ngay trước cửa sổ có một cây to, và Philip sức nhớ ra có thể trèo lên tít ngọn cao vì cành cây rất thấp.

- Một căn phòng dành cho chú bé con - Bà Carey nói - Ngủ một mình cháu không sợ chứ?

- Không ạ.

Lần đầu tiên đến thăm tòa cha sở, Philip đi cùng với chị vú nên bà Carey chẳng phải chăm lo đến nó mấy. Bây giờ bà băn khoăn nhìn nó.

- Cháu có tự rửa tay được không, hay bác phải rửa cho cháu?

- Cháu có thể tự rửa được - Nó trả lời quả quyết.

- Được rồi, hai bác sẽ xem tay cháu khi cháu xuống nhà dùng bữa tối - Bà Carey nói.

Bà Carey chẳng biết gì về trẻ con. Sau khi đã quyết định đưa Philip về Blackstable bà đã suy nghĩ nhiều về việc này: bà sẽ đối xử với chú bé như thế nào đây; bà nóng lòng muốn thực hiện nghĩa vụ của mình, nhưng giờ đây bà bỗng thấy rụt rè e ngại với thằng bé không kém gì nó đối với bà. Bà mong nó không ồn ào và nghịch ngợm, vì chồng bà không thích những trẻ nghịch và ồn. Bà Carey tìm được một kế để Philip ở lại một mình nhưng một lúc sau bà đã trở lại gõ cửa phòng. Đoạn bà xuống nhà, rung chuông báo giờ ăn.

Phòng ăn rộng, cân đối có cửa sổ hai bên, có màn nặng bằng vải sọc. Giữa phòng là một chiếc bàn lớn, một bên phòng bày một tủ chè bằng gỗ đào hoa tâm có gắn một tấm gương nom rất bề thế. Ở một góc phòng kê

một chiếc ác-mô-ni-um. Mỗi bên lò sưởi đặt hai chiếc ghế tựa có tay gọi là “chồng”, và chiếc kia không có tay tựa gọi là “vợ”. Bà Carey không bao giờ ngồi ghế bành. Bà bảo bà thích ghế tựa hơn vì ghế tựa khó ngồi lâu; bà thì bận trăm công nghìn việc mà đã ngồi vào ghế bành, khó mà rời nó được.

Ông Carey đang nhóm lò thì Philip bước vào. Ông chỉ cho Philip xem chiếc que cời. Một chiếc lớn bóng nhoáng không dùng đến bao giờ gọi là “cha sở”, chiếc kia nhỏ hơn nhiều và chắc nó đã qua lửa nhiều lần gọi là “cha phó”.

- Chúng ta còn đợi gì nữa? - Ông Carey hỏi.

- Tôi đã bảo Mary-Ann luộc cho ông một quả trứng. Tôi chắc ông đi xa về thế nào cũng đói. Bà Carey nghĩ rằng chuyến đi từ Luân Đôn về Blackstable hẳn là nhọc lắm. Bà ít đi xa vì thu nhập chỉ ba trăm bảng một năm, khi chồng bà cần đi nghỉ, ông chỉ đi một mình, không đủ tiền cho hai người. Ông rất thích đi dự các đại hội Giáo hội và thường cố xoay xở để đi đến Luân Đôn mỗi năm một chuyến. Ông đã đi Pari dự triển lãm một lần, đi Thụy Sĩ vài ba lần. Mary-Ann mang trứng lên, ba người ngồi vào bàn. Chiếc ghế tựa quá thấp đối với Philip, nên ông bà Carey loay hoay mãi chẳng biết làm cách nào.

- Tôi sẽ kê vài cuốn sách cho cậu ấy ngồi. - Mary-Ann, nói. Chị lấy từ trên tróc chiếc ác-mô-ni-um cuốn thành thư lớn và cuốn sách kinh cha sở thường vẫn đọc, rồi đặt trên ghế của Philip.

- Kia, ông William, thằng bé không thể ngồi trên kinh thánh được - Bà Carey nói giọng bất bình - Ông không tìm cho cháu mấy cuốn sách trong phòng đọc được hay sao?

Ông Carey trầm ngâm một lúc.

- Tôi cho rằng một lần cũng chẳng sao, nếu ta đặt cuốn sách kinh lên trên, Mary-Ann ạ. Cuốn sách kinh thường ngày là do những người như chúng ta biên soạn. Nó chẳng có gì thiêng liêng cả.

- Ông William ạ, tôi không nghĩ đến điều ấy - Bà bác nói.

Philip ngồi ngất ngưỡng trên mấy cuốn sách. Sau khi cầu kinh, cha sờ cắt móm đầu quả trứng, đưa cho Philip.

- Đây - ông nói - cháu có thể ăn cái món này nếu cháu thích.

Philip muốn ăn cả quả trứng, nhưng chẳng được mời, đành phải nhận cái phần ít ỏi kia.

- Từ hôm tôi đi, gà đẻ được bao nhiêu quả? - Cha sờ hỏi.

- Ôi giờ, chán lắm, mỗi ngày chỉ vài quả thôi.

- Thế nào, cháu có thích món trứng ấy không, Philip? - Ông hỏi.

- Cháu thích lắm ạ. Cám ơn bác.

- Chiều chủ nhật cháu lại được ăn một miếng nữa.

Ông Carey bao giờ cũng ăn trứng luộc vào bữa trưa ngày chủ nhật để có thêm sức cho buổi giảng đạo tối.

Philip dần dà hiểu được những người mà nó phải sống chung. Qua những mẩu chuyện trao đổi giữa họ, đôi khi không muốn cho nó nghe thấy, Philip hiểu thêm rất nhiều về bản thân, về bố mẹ nó. Bố nó trẻ hơn cha sở Blackstable rất nhiều. Sau một thời gian thực tập xuất sắc ở bệnh viện St. Luke, ông được vào biên chế và chẳng bao lâu kiếm được rất nhiều tiền. Ông tiêu tiền không cần tính toán. Khi cha xứ quyết định trùng tu lại nhà thờ và gửi thư yêu cầu người em trai quyên góp, ông rất lấy làm ngạc nhiên nhận được số tiền hai trăm bảng.

Vốn là một người dè sẻn theo thiên hướng tiết kiệm do nhu cầu, ông Carey anh nhận số tiền trên với những tình cảm hỗn tạp. Thấy em có khả năng quyên góp một số tiền lớn như vậy, ông rất thèm muốn địa vị đó. Ông cũng hài lòng cho giáo hội, nhưng đồng thời lại bực mình ngấm ngấm về sự rộng rãi có vẻ huênh hoang kia. Rồi Henry Carey cưới một bệnh nhân, một cô gái đẹp nhưng nghèo rớt mồng tơi, mồ côi không họ hàng thân thuộc, nhưng là con nhà tử tế. Và bao nhiêu bạn bè lịch sự đã đến dự tiệc cưới. Trong những dịp đến thăm cô em dâu ở Luân Đôn, cha xứ hết sức giữ ý. Ông hơi ngại cô em dâu và trong thâm tâm cảm thấy bực tức trước nhan sắc kiêu diễm của nàng. Cô ăn mặc quá lộng lẫy không thích hợp với vẻ một nhà phẫu thuật cần mẫn. Những bộ bàn ghế đẹp mê hồn và gian phòng đầy hoa ngay giữa mùa đông. Tất cả sự tiêu pha hoang phí ấy, khiến ông rất phiền lòng. Ông nghe nàng kể về những buổi tiếp đãi mà nàng đến dự; và như ông thường kể lại với vợ, mỗi khi trở về nhà, ở đời này không thể cứ nhận lòng hiếu khách mà không đền đáp lại. Ông đã được nhìn thấy những chùm nho trong phòng ăn phải đến tám silinh nửa ki lô; và món măng tây cho bữa trưa mà mãi hai tháng sau vườn tòi cha sở mới có. Bây giờ mọi điều ông tiên đoán đã xảy ra. Cha sở hài lòng như một nhà tiên tri nhìn thấy ngọn lửa địa ngục thiêu trụi cả cái đô thành đã không sớm cải tà quy chính

trước lời cảnh tỉnh của ông. Thằng cháu Philip khốn khổ giờ thì một đồng một chữ cũng không. Thử hỏi các bạn bè sang trọng của mẹ nó bây giờ được cái tích sự gì? Nó nghe nói tiêu pha phung phí như bố nó là có tội, và thật là may Thượng đế kịp thời nhận lại người mẹ yêu quý của nó: hệt như trẻ thơ, mẹ nó không hiểu tí gì về tiền nong.

Philip đến Blackstable được một tuần lễ thì một sự cố xảy ra khiến bác nó rất bức mình. Một buổi sáng ông nhìn thấy trên bàn điểm tâm một gói nhỏ do bưu điện chuyển đến từ ngôi nhà của bà Carey đã quá cố ở Luân Đôn. Bưu phẩm này là gửi cho Philip. Khi mở ra ông thấy có mười hai tấm ảnh của bà Henry Carey. Ảnh chụp bán thân, tóc không chải chuốt như thường ngày, phủ xuống trán, khiến bà nom có vẻ khác thường; khuôn mặt bà gầy gò hốc hác, nhưng không bệnh tật nào có thể làm giảm sút nhan sắc lộng lẫy của bà. Trông đôi mắt đen và to thoáng một vẻ buồn. Philip không nhớ đã nhìn thấy bao giờ. Thoạt nhìn tấm ảnh lòng ông Carey xao xuyến nhưng ngay sau đó ông cảm thấy hoang mang bối rối: ảnh hình như chụp rất gần đây và ông không thể tưởng tượng được người nào đã đặt. Ông hỏi Philip:

- Cháu có biết gì về những tấm ảnh không?

- Cháu nhớ mẹ cháu bảo là mẹ cháu đi chụp ảnh - Nó trả lời - Cô Watkin có mắng mẹ cháu.. Mẹ cháu bảo: “em muốn khi lớn lên thằng bé có một cái gì đó để nhớ đến em”.

Ông Carey nhìn Philip một lúc. Đứa bé kể lại với một giọng trong và cao, nó nhớ rất kỹ lời của mẹ nó nhưng chẳng hiểu gì cả.

- Cháu nên mang một tấm ảnh vào phòng. Còn những tấm kia bác sẽ cất đi.

Ông gửi một tấm cho cô Watkin và cô đã viết thư giải thích những tấm ảnh đó đã được chụp trong hoàn cảnh như thế nào. Một hôm bà Carey đang nằm trên giường bệnh bỗng cảm thấy dễ chịu hơn mọi ngày. Buổi sáng hôm ấy bác sĩ tỏ vẻ lạc quan hơn. Emma đã đưa thằng bé ra ngoài dạo chơi và các cô hầu gái đang ở tầm hầm. Bỗng nhiên bà Carey cảm thấy mình bơ vơ trên thế gian này. Một nỗi lo sợ hãi hùng tràn chiếm tâm hồn bà. Bà không biết liệu mình có qua nổi lần sinh nở sắp tới trong vòng hai tuần lễ nữa không. Con trai bà mới lên chín. Làm sao nó có thể nhớ về bà được. Bà không chịu nổi ý nghĩ là lớn lên nó sẽ quên, quên hẳn bà. Mà bà thì yêu quý nó vô cùng. Vì nó gầy yếu và tàn tật, và vì nó là hòn máu của bà. Từ ngày cưới đến nay đã mười năm rồi mà bà chẳng chịu chụp tấm ảnh nào, và bà muốn con trai bà biết được mẹ nó như thế nào vào lúc lâm chung. Thế thì nó không thể quên bà, quên hẳn bà. Bà biết rằng nếu bà bảo đưa hầu gái bà muốn đứng lên cô ta sẽ ngăn bà và có lẽ sẽ cho mời bác sĩ đến mà bà thì không đủ sức giằng co hay tranh luận. Nghĩ thế bà đứng lên mặc quần áo. Bà nằm trên giường bệnh quá lâu nên chân không đứng vững nữa. Gót chân bà như có kiến bò, bà hầu như không đặt nổi chân xuống đất. Nhưng bà vẫn cố. Bà không quên tự chải đầu, nên khi giơ cánh tay lên bà như muốn ngắt đi. Chẳng bao giờ bà có thể chải đầu như người hầu gái đã làm cho bà. Tóc bà mượt và đẹp màu vàng sẫm, lông mày bà thẳng và đen. Bà mặc một chiếc váy đen bà chọn một chiếc áo lót mà bà thích nhất, may bằng thứ lụa Đa-mát trắng rất hợp thời trang. Bà ngắm nhìn mình trong gương. Mặt bà xanh xao, nhưng da bà rất mịn, xưa nay bà chẳng bao giờ hồng hào và điều này càng làm nổi bật làn môi đỏ thắm xinh đẹp của bà. Bà không giữ nổi một tiếng nấc, Nhưng không thể cứ ngồi đó mà than thân trách phận mãi được. Bà cảm thấy mệt mỏi lắm rồi. Bà khoác tấm áo lông thú mà ông chồng đã tặng bà vào dịp Nô-en năm ngoái. Bà vẫn tự hào và sung sướng về tấm áo lông thú này, và tìm đập thành thịch, bà lần xuống cầu thang. Bà lên ra khỏi nhà mà chẳng ai hay biết gì cả, và thuê xe đến một hiệu chụp ảnh. Bà trả tiền mười hai tấm ảnh. Trong lúc ngồi chụp bà đã phải xin một cốc nước lã. Thấy bà đang ốm, người thợ ảnh đề nghị bà trở lại một hôm khác, nhưng bà khẳng khẳng đòi ngồi cho đến cùng. Nhưng mọi việc đều

ôn cả và bà quay trở lại ngôi nhà nhỏ tồi tàn ở Kensington mà bà ghét cay ghét đắng. Phải chết trong ngôi nhà như thế, thật là khủng khiếp.

Bà nhìn thấy cửa trước mở, và khi chiếc xe tiến vào, cô hầu Emma từ trên gác lao xuống đỡ bà. Trước đó họ phát hoảng khi thấy căn phòng không có người. Thoạt tiên họ cho rằng bà đến nhà cô Watkin và bảo chị bếp đến đây tìm. Cô Watkin về cùng với chị và đang ngồi trong phòng khách đợi bà. Lúc này cô từ trên gác bước xuống, lòng đầy lo lắng và luôn mồm trách mắng. Những cố gắng vừa rồi đã quá sức chịu đựng của bà, nên khi không cần thiết phải vững vàng nữa, bà đã quy xuống ngã vào vòng tay của Emma và được khiêng lên gác. Đối với những người ngồi cạnh theo dõi bà, cơn ngất của bà kéo dài dường như bất tận. Người ta gọi cho bác sĩ, nhưng ông này không đến được. Mãi ngày hôm sau, khi bà đã đỡ hơn đôi chút, cô Watkin mới hiểu rõ căn do. Lúc đó Philip đang chơi trên sàn nhà trong buồng ngủ của mẹ và chẳng bà nào để ý đến chú bé. Nó chỉ hiểu mang máng những điều họ nói với nhau, và nó không thể giải thích tại sao những lời của mẹ vẫn còn lưu lại trong ký ức nó.

- Em muốn khi lớn lên, thằng bé có một cái gì để nhớ đến em.

- Tôi chẳng hiểu tại sao thím ấy lại đặt những mười hai tấm - Ông Carey nói - Hai tấm cũng đủ rồi.

Ở tòa cha sở ngày nào cũng giống hết ngày nào. Ngay sau bữa ăn sáng, Mary-Ann mang tờ Thời báo vào. Ông Carey mua chung với hai người hàng xóm. Ông đọc từ mười giờ sáng đến một giờ trưa, sau đó bác làm vườn mang sang cho ông Ellis ở Limes, ông này đọc tiếp cho đến bảy giờ tối rồi chuyển cho cô Brooks ở Mannor Hause. Vì cô này nhận chậm nên được quyền giữ tờ báo lại. Đến mùa hè mỗi lần làm mứt, bà Carey lại xin của cô Brooks một tờ để bọc các lọ mứt. Khi cha sở bắt đầu đọc báo thì bà vợ đội mũ trùm đến các cửa hiệu để mua hàng. Philip đi cùng bà. Blackstable là một làng đánh cá, gồm một phố chính có các cửa hiệu, ngân hàng, nhà bác sĩ và các nhà của vài ba chủ tàu chở than; quanh cái cảng nhỏ là những ngõ tối tăm, nơi trú ngụ của dân chài và người nghèo khổ. Nhưng vì họ thuộc giáo hội độc lập nên chẳng ai để ý đến. Khi bà Carey nom thấy những mục sư thuộc nhà thờ này ngoài đường bà thường qua bên kia đường để tránh gặp họ. Nhưng nếu không kịp thì bà dán mắt xuống mặt đường. Cha sở không chịu nổi điều ô nhục là ở phố chính lại có những ba nhà thờ như thế. Ông nghĩ rằng đáng lẽ ra pháp luật phải can thiệp để ngăn chặn việc xây dựng những nhà thờ kia. Mua bán ở Blackstable không phải là chuyện đơn giản. Vì nhà thờ xứ đạo cách thị trấn những hai dặm, việc nhiều người không đi lễ nhà thờ quốc giáo là phổ biến; mà nhất thiết chỉ được giao dịch mua bán với những người đi lễ nhà thờ quốc giáo thôi. Bà Carey biết rất rõ là việc mua bán của tòa cha sở có thể ảnh hưởng nhiều đến tín ngưỡng của một thường dân. Có hai chủ hiệu đi lễ nhà thờ, nhưng họ không chịu hiểu rằng cha sở không thể cùng một lúc giao dịch mua bán với cả hai người; họ cũng chẳng bằng lòng với kế hoạch đơn giản của ông là đến cửa hiệu này sáu tháng và đến cửa hiệu kia sáu tháng. Người chủ cửa hiệu không cung cấp thịt cho tòa cha sở lúc nào cũng dọa sẽ không đi lễ, và cha sở đôi khi buộc phải đe dọa: lão không đi lễ nhà thờ là sai lầm, nhưng nếu lão cứ tiếp tục làm cái điều trái đạo lý kia, và đi lễ ở nhà thờ không

theo quốc giáo, thì dù thịt của lão có ngon đến bao nhiêu đi nữa, ông Carey cũng phải vĩnh viễn từ bỏ lão. Bà Carey thường hay dừng lại nhà ngân hàng để chuyển thư cho người giám đốc là Josiah Graves đồng thời là quản ca của đội hợp xưởng, thủ quỹ của ủy viên quản lí tài sản của xứ đạo. Ông ta người cao gầy, mặt vàng khè, mũi dài, tóc bạc phơ và đối với Philip ông rất già, ông giữ các tài khoản của giáo khu, bố trí tiệc tùng cho đội hợp xưởng và các trường học. Tuy nhà thờ giáo khu không có giàn đàn ống, ý kiến chung ở Blackstable vẫn cho rằng đội hợp xưởng mà ông ta điều khiển là đội cừ nhất ở Kent; và nếu có buổi lễ nào, chẳng hạn dịp đức giám mục đến dự lễ liến tít hay dịp ngài linh mục địa phương đến thuyết giáo tại buổi lễ tạ ơn thu hoạch, ông đều lo liệu mọi thứ cần thiết. Trong mọi việc ông chỉ cần trao đổi một cách chiếu lệ với cha sở. Mặc dù luôn tránh không muốn bị phiền hà, cha sở rất bực mình với cung cách làm ăn của ông ra. Dường như ông ta thực sự coi mình là nhân vật quan trọng nhất trong giáo khu. Ông Carey thường nói với vợ rằng nếu Josiah Graves không cẩn thận thì một ngày nào đó ông sẽ mắng cho một trận nên thân. Y cũng là người có thiện ý đấy, nhưng đâu phải lỗi ở y, nếu y không hoàn toàn là một con người lịch sự. Cha sở tìm nguồn ai ủi trong việc tu dưỡng đạo đức cơ đốc giáo, cố gắng kiên nhẫn chịu đựng. Nhưng để trả thù, sau lưng Graves ông gọi y là tên Bismarck. Có lần giữa giờ mỗi khi nghĩ đến thời kỳ gay gắt ấy, bà Carey vẫn còn thấy ớn lạnh cả xương sống. Hồi đó ứng cử viên đảng Bảo thủ có ý định nói chuyện tại một cuộc mít tinh ở Blackstabe. Sau khi đã bố trí cuộc mít tinh ở phòng truyền đạo, Josiah Graves đến gặp ông Carey và đề nghị mục sự phát biểu đôi lời. Hình như ứng cử viên có yêu cầu Josiah Graves làm chủ tọa cuộc mít tinh. Điều này quả là quá sức chịu đựng của ông Carey. Ông có những quan niệm rất kiên định về sự tôn kính đối với tăng lữ, và quả là một điều lố bịch nếu để cho một viên quản lí tài sản của giáo khu làm chủ tọa một cuộc mít tinh khi cha sở có mặt tại đó. Ông nhắc nhở Josiah Graves rằng mục sự có nghĩa là người chẵn dặt bày chiên của Chúa, như vậy thì cha sở phải là người đứng đầu của xứ đạo này, Josiah Graves trả lời rằng ông là người đầu tiên thừa nhận các chức sắc của Nhà thờ, nhưng đây là một vấn đề chính trị và ông nhắc cha sở rằng, Đấng

cứu thế thiêng liêng đã lệnh cho con chiên của người cái gì của Cesar phải trả lại cho Cesar. Ông Carey trả lời rằng quý dữ cũng có thể trích dẫn kinh thánh để phục vụ lợi ích riêng của nó, còn bản thân ông là người duy nhất có quyền đối với phòng truyền đạo, và nếu ông không được mời làm chủ tọa thì ông sẽ từ chối không cho sử dụng nó cho một cuộc mít tinh chính trị. Josiah Graves bảo ông Carey rằng ông muốn làm gì thì tùy, nhưng về phần ông ta cho rằng Nhà thờ Wesleyan không theo quốc giáo cũng là một địa điểm thích hợp không kém phòng giảng đạo. Ông Carey bèn nói rằng nếu Josiah Graves đặt chân đến một nơi chỉ khá hơn một ngôi đền ngoại đạo một chút thì ông ta không đủ tư cách làm ủy viên quản lý tài sản trong một giáo khu cơ đốc giáo. Josiah Graves lập tức từ bỏ mọi chức vụ và ngay tối hôm ấy ông ta cho người đến nhà thờ lấy về cả tấm áo thụng lẫn tấm áo choàng. Cô Graves em gái ông ta là người trông nom mọi công việc trong gia đình ông ta, liền từ chức thư ký câu lạc bộ hộ sinh, nơi vẫn cấp cho các phụ nữ có thai nghèo khổ vải flanel, tã lót, than và năm si - linh. Ông Carey nói rằng cuối cùng ông được làm chủ ngôi nhà của chính mình. Nhưng sau đó ít lâu ông thấy rằng ông phải quan tâm đến biết bao nhiêu việc mà ông không hề có một chút hiểu biết gì. Còn Josiah Graves thì sau giây phút cáu kỉnh nhận ra là mình đã mất cái điều chủ yếu duy nhất trên đời mà ông quan tâm. Chuyện cãi cọ này làm bà Carey và cô Graves rất phiền muộn. Hai người gặp nhau sau khi đã bí mật trao đổi thư từ. Họ quyết định thu xếp mọi sự cho ổn thỏa; thế là từ sớm đến tối, người này nói chuyện với chồng, người kia nói chuyện với anh trai. Và cái lý lẽ mà hai bà phụ nữ thuyết phục hai vị là những điều mà chính trong thâm tâm họ hai vị cũng muốn làm, nên sau ba tuần lễ lo lắng, hai vị đã đến hòa giải. Điều này có lợi cho cả hai, nhưng cả hai lại cho rằng đó là nhờ lòng kính yêu chung của họ đối với Chúa cứu thế. Cuộc mít tinh được tổ chức tại phòng truyền đạo, vị tiến sĩ thần học được mời làm chủ tọa. Cả ông Carey và Josiah Graves đều phát biểu ý kiến.

Sau khi gặp ông chủ ngân hàng, bà Carey thường lên gác ngồi chuyện phiếm với cô Graves. Hai bà bàn về vấn đề trong giáo khu, về cha phó, hay về chiếc mũ trùm mới của bà Wilson. Ông Wilson là người giàu có nhất ở Blackstable; người ta đồn rằng lợi tức đồng niên của ông phải đến năm trăm bảng và bà vợ ông hôm nay chính là người nấu bếp của ông ngày xưa. Trong khi hai bà chuyện trò, Philip ngồi yên trong phòng khách trang nghiêm, mãi mê nhìn những con cá vàng lượn đi lượn lại trong cống thủy tinh. Cửa sổ trong phòng khách này chẳng bao giờ mở trừ ít phút buổi sáng để cho thoáng, vì vậy căn phòng sức mùi ẩm mốc khiến Philip nghĩ rằng có một mối liên quan huyền bí gì đó với công việc của ngân hàng.

Sau đó bà Carey sức nhớ mình phải đến nhà người bán tạp phẩm và hai bác cháu lại tiếp tục lên đường. Xong việc mua bán họ thường rẽ vào một ngõ hẻm có những ngôi nhà bé nhỏ, phần lớn bằng gỗ, nơi trú ngụ của dân chài. Đây đó một vài ngư dân đang ngồi ở thềm vá lưới, một số lưới treo phơi ở cửa. Hai bác cháu đi lần đến một bãi biển nhỏ khấp khểnh giữa hai gẫy nhà kho, nhưng có thể nhìn thấy cái khối nước ngẫu bùn vàng ấy (và ai mà biết được những ý nghĩ gì đã thoáng qua trong tâm trí người đàn bà ấy?), trong khi đó Philip đi tìm những mảnh đá dẹt để chơi ném thia lia. Đoạn họ lững thững ra về. Họ nhìn vào phòng bưu điện để xem giờ chính xác, đoạn gật đầu chào bà Wigram, vợ ông tiến sĩ thần học, đang ngồi khâu vá trên cửa và họ về nhà.

Bữa trưa ăn vào lúc một giờ. Thứ hai, thứ ba và thứ tư họ dùng thịt bò, rán, băm, hoặc thái nhỏ; thứ năm, thứ sáu và thứ bảy họ dùng thịt cừ. Chủ nhật họ ăn một gà nhà nuôi. Buổi chiều Philip học bài. Ông bác dạy nó tiếng La tinh và toán, là hai môn mà ông chẳng hiểu biết gì cả. Bác gái dạy nó tiếng Pháp và dương cầm. Về tiếng Pháp bà dốt nhưng về dương cầm thì bà đủ trình độ đệm những bài hát cổ lỗ sĩ mà bà vẫn thường hát trong suốt ba mươi năm ròng. Bác William thường kể cho Philip nghe khi ông làm cha phó, bác gái đã thuộc lòng mười hai bài hát, bà bất cứ lúc nào có người yêu

cầu là bà có thể hát ngay được. Bây giờ bà vẫn hát khi có tiệc trà ở tòa cha sở. Ông bà Carey chẳng mời nhiều khách và đến sự các buổi tiệc trà thường chỉ có cha phó, Josiah Graves chơi vài bản nhạc không lời của Mendelssohn và bà Carey hát bài “Khi đàn chim én bay về” hay “Ngựa con phi nước kiệu”.

Nhưng ông bà Carey ít mời tiệc trà. Công việc chuẩn bị làm họ rối trí lên, và khi khách khứa đã ra về hai người cảm thấy mệt nhoài. Họ thích dùng trà trong gia đình hơn và sau bữa trà, họ chơi cờ tào cáo. Bà Carey bao giờ cũng sắp xếp để chồng bà được, vì ông không thích thua. Đến tám giờ họ dùng bữa tối. Đây là bữa ăn gồm những thức ăn thừa vì sau bữa trà Mary-Ann không thích lại phải chuẩn bị bất kỳ một thứ gì khác. Bà Carey giúp Mary-Ann thu dọn bát đĩa. Ngoài bánh mì, bơ và mứt quả hiếm khi bà ăn một thứ gì khác. Còn ông Carey thì ăn một khoanh thịt lạnh. Ngay sau bữa tối, bà Carey rung chuông báo giờ cầu kinh, sau đó Philip đi ngủ. Nó không chịu để cho Mary-Ann cởi quần áo cho nó, và ít lâu sau nó được phép tự mặc và cởi quần áo lấy một mình. Đến chín giờ tối Mary-Ann mang trứng gà đẻ trong ngày và bát đĩa bạc vào. Bà Carey ghi ngày tháng trên mỗi quả trứng và ghi số lượng trứng vào một cuốn sổ. Đoạn bà xách làn đồ bạc lên gác. Ông Carey tiếp tục đọc một cuốn sách cũ, nhưng khi đồng hồ điểm mười giờ, ông đứng dậy, tắt đèn và đi nằm.

Khi Philip mới đến, hai ông bà lung túng không biết quyết định nên cho thằng bé tắm vào tối nào. Có được nhiều nước nóng chẳng phải là chuyện dễ dàng, vì nồi đun nước hỏng, không thể sắp xếp cho hai người cùng tắm một ngày được. Ở khắp Blackstable chỉ có độc một mình ông Wilson có buồng tắm và vì điều đó ông bị người ta gán cho là một người hay phô trương. Mary-Ann tắm trong bếp vào tối thứ hai, vì chị thích khi bước vào đầu tuần thân thể phải sạch sẽ. bác William không thể tắm vào hôm thứ bảy vì hôm sau là cả một ngày bận rộn với biết bao công việc mà thường thì tắm xong bao giờ ông cũng thấy mệt, cho nên ông tắm vào thứ sáu. Cũng vì

lý do trên mà bà Carey tắm vào thứ năm. Như thế thứ bảy tự nhiên dành cho Philip, nhưng Mary-Ann bảo là chị không thể đốt lò vào tối thứ bảy, vì chị còn phải nào là nấu nướng ngày chủ nhật, nào là làm bánh ngọt, rồi gì gì nữa, chị không còn sức đâu mà tắm cho thằng bé vào tối thứ bảy. Mà rõ ràng thằng bé không thể tự tắm được. Bà Carrey cảm thấy ngỡ ngàng phải tắm cho một thằng bé, còn cha sở thì tất nhiên còn bận rộn viết bài giảng. Nhưng ông kiên quyết đòi Philip phải sạch sẽ thơm tho vào ngày của Chúa. Mary-Ann báo là chị thôi việc chứ không chịu ép việc như vậy. Sau mười tám năm trời lao động, chị đâu có ngờ đến hôm nay ông bà lại dồn việc vào đầu chị, và ông bà cũng phải quan tâm đến chị tí chút, và Philip nói rằng nó không cần bất cứ ai tắm cho nó, mà nó hoàn toàn có thể tự tắm được. Như thế là vấn đề được giải quyết. Mary-Ann nói là chắc chắn thằng bé không thể tự tắm được cho sạch sẽ đâu và thà chị phải làm việc cho đến rũ xương ngay cả vào tối thứ bảy còn hơn để thằng bé phải bẩn. Chẳng phải vì nó phải đến trước mặt Chúa mà vị chị không thể chịu nổi một đứa bé không được tắm gội sạch sẽ.

Chủ nhật là ngày có nhiều sự cố. Ông Carey vẫn thường nói ông là người đàn ông duy nhất ở giáo khu này phải làm việc bảy ngày một tuần.

Cả nhà dậy sớm hơn thường ngày nửa giờ. Đối với một cha xứ nghèo thì không thể nằm trên giường vào ngày nghỉ được, ông Carey nhận xét như vậy, khi Mary-Ann gõ cửa phòng ông đúng vào lúc tám giờ. Bà Carey phải mất nhiều thời gian hơn để mặc quần áo, và bà hỗn hển xuống nhà ăn sáng lúc chín giờ, vừa vắn trước ông chồng ít phút. Đôi ủng của ông Carey dựng hong trước lò sưởi. Thời gian cầu kinh dài hơn ngày thường và bữa sáng có chất hơn. Sau bữa điểm tâm, cha sở cắt bánh mì ra nhiều khoanh nhỏ cho lễ ban thánh thể và Philip được đặc ân gọt phần vỏ cứng. Ông sai nó vào phòng làm việc lấy một cái chặn giấy bằng đá cẩm thạch rồi ông dùng cái đó ép bánh mì cho đến khi nó mỏng dính, sau đó thải ra thành nhiều hình vuông nhỏ. Số lượng của chúng tùy thuộc vào thời tiết. Vào ngày xấu trời chẳng hạn, chẳng mấy người đến nhà thờ; và ngày đẹp trời tuy người đến có đông hơn, nhưng số người ở lại chịu lễ không bao nhiêu. Họ dự đông nhất là vào những ngày trời khô ráo khi họ cảm thấy đi nhà thờ là chuyện thú vị, nhưng cũng đừng đẹp trời quá để họ khỏi nóng lòng đi ngay.

Đoạn bà Carey lấy chiếc đĩa đựng thánh thể từ trong tủ kết đặt ở trong phòng đựng thức ăn. Ông Carey đánh chiếc đĩa thật bóng bằng miếng da nai. Mười giờ xe thuê đến, ông Carey xỏ ủng, bà Carey mất đến mấy phút để đội mũ trong lúc ấy cha sở, khoác một chiếc áo choàng kéch sù, đứng đợi ở giữa phòng, vẻ mặt giống như một tín đồ cơ đốc giáo đấu xáo, sắp phải dẫn ra đấu trường. Thật là kỳ lạ, sau ba mươi năm, vợ chồng bà lão vẫn không sẵn sàng nổi cho đúng giờ vào buổi sáng chủ nhật. Cuối cùng bà cũng bước ra, mặc toàn xa tanh đen, Cha sở không muốn vợ một mục sư ăn vận lòe loẹt, nhưng ngày chủ nhật ông cương quyết bắt bà phải mặc màu

đen. Thịnh thoảng, được cô Graves khuyến khích, bà liêu cài một lông vũ trắng hay một bông hồng đỏ trên mũ, nhưng cha sở một mực bắt bà phải bỏ đi. Ông bảo rằng ông không bao giờ chịu đi nhà thờ với một mũ đàn bà áo đỏ. Người phụ nữ trong bà thờ dài, nhưng người vợ đàn phụng tòng. Họ sắp sửa lên xe thì ông phải ăn trứng để lấy giọng; trong nhà có hai người đàn bà mà chẳng ai quan tâm đến ông. Bà Carey quở trách Mary-Ann nhưng chị cãi lại chị không thể chăm lo mọi thứ trên đời được. Chị tất tả đi lấy trứng, và bà Carey liền đập trứng vào một cốc rượu sê-ry và đánh lên. Ông Carey uống cạn một hơi. Chiếc đĩa thánh thể được đặt vào trong xe và họ lên đường.

Chiếc xe hiệu “Sư tử Đỏ” sực nức một mùi đặc biệt của rơm mục. Hai cửa xe đều đóng kín để cha sở khỏi bị cảm lạnh. Người trông nom đồ thờ đứng ở cổng chờ lấy đĩa thánh thể trong khi cha sở vào phòng thay quần áo, bà Carey và Philip ngồi trên ghế dài. Bà đặt trước mặt mình đồng sáu xu bà vẫn thường bỏ vào chiếc đĩa, bà cho Philip đồng ba xu để quyên góp. Nhà thờ đông dần và buổi lễ bắt đầu.

Trong khi cha thuyết giáo, Philip mỗi lúc một thấy chán. Những hễ nó cựa quậy thì bà Carey liền dịu dàng đặt bàn tay lên cánh tay nó và nhìn nó một cách nghiêm khắc. Khi bài thánh ca cuối cùng vang lên và ông Graves cầm chiếc đĩa đi vòng một lượt, Philip lại thấy phấn chấn.

Khi mọi người đã ra về, bà Carey vào chỗ cô Graves trao đổi vài ba câu chuyện trong khi chờ ông Carey và ông Graves, còn Philip thì đi vào phòng thay quần áo. Bác nó và ông Graves vẫn còn mặc áo choàng. Ông Graves bảo nó ăn phần bánh thánh còn lại. Trước đây ông vẫn ăn như thế, vì cho rằng vứt đi là một điều bố báng. Nhưng chứng hấu đói của Philip đã giúp ông giải thoát cho ông nhiệm vụ này. Họ bắt đầu đếm tiền quyên góp gồm các đồng một xu, sáu xu và ba xu. Bao giờ cũng có hai đồng si - linh, một của cha sở, một của ông Graves. Thịnh thoảng có một đồng Florin và ông

Graves báo cho ông Carey biết ai đã quyên. Chắc chắn có một người lạ ở Blackstable, ông Carey nghĩ thầm và thắc mắc muốn biết người đó là ai. Cô Graves đã nhìn thấy sự việc đó và cô báo cho bà Carey biết người đó đã có vợ con và từ Luân Đôn đến. Trên đường về bà Carey cho cha sở biết điều đó. Ông quyết định đến thăm và yêu cầu ông ta quyên góp cho Hội tương trợ các mục sư. Ông Carey hỏi xem Philip có ngoan không. Bà Carey nhận xét rằng bà Wigram có một chiếc áo khoác mỏng, ông Cox không có mặc ở nhà thờ, và có người cho rằng cô Philipx đã đính hôn. Khi họ về đến tòa nhà cha sở ở mọi người đều cảm thấy họ xứng đáng được ăn một bữa trưa ngon. Sau bữa ăn, bà Carey lên phòng nghỉ và ông Carey ngả lưng trên chiếc ghế xô - pha ngủ trưa.

Đến năm giờ chiều họ dùng bữa trà. Ông Carey ăn một quả trứng để lấy sức cho buổi giảng kinh tối. Bà Carey không đi dự buổi này để Mary-Ann có thể đi được nhưng bà đọc tất cả các lời kinh thánh ca. Tối đến ông Carey đi bộ đến nhà thờ và Philip khập khiễng đi theo.

Cuộc đi bộ dọc theo đường cái trong đêm gây một ấn tượng kỳ lạ với chú bé. Ngôi nhà thờ đèn nện rực sáng xa xa cứ mỗi lúc một gần và Philip cảm thấy chúng vô cùng thân thiết. Ban đầu Philip còn rụt rè nhưng dần dà nó đã quen với bác nó. Nó luồn tay vào trong tay áo bác và bước thoải mái hơn, cảm thấy được bác bảo vệ che chở.

Về đến nhà họ cùng ăn bữa tối. Đôi dép lê của ông Carey được đặt sẵn trên chiếc ghế đầu trước lò sưởi, và bên cạnh chúng là đôi giày của Philip, một chiếc bình thường của trẻ con và chiếc kia dị dạng méo mó. Khi lên gác ngủ Philip mệt nhoài nên nó chẳng còn chống lại khi Mary-Ann cởi quần áo cho nó. Chị đặt nó vào giường và hôn nó. Philip bắt đầu thấy mẩn chị.

Là con một, Philip vẫn quen sống một mình. So với ngày còn mẹ, cuộc sống của nó ở tòa cha sở không cô đơn hơn bao nhiêu. Nó đã quen thân với chị Mary- Ann. Người phụ nữ thấp béo này là con một gia đình ngư dân, đến làm tại tòa cha sở lúc mười tám tuổi và bây giờ đã ba mươi năm. Đây là chỗ làm đầu tiên của chị và chị không có ý định đi làm chỗ khác. Nhưng lúc nào chị cũng đưa chuyện đi lấy chồng ra dọa ông bà chủ và làm cho hai người luôn lo lắng. Bố mẹ chị sống trong một căn nhà nhỏ ở phố cảng và những buổi tối nghỉ việc chị thường đến thăm hai cụ. Những câu chuyện chị kể về biển cả khêu gợi trí tưởng tượng non trẻ của nó, những con đường nhỏ hẹp quanh cảng trở nên vô cùng kỳ thú. Một buổi tối nó xin phép theo Mary-Ann về nhà chị chơi. Bà Carey sợ nó bị lây bệnh, còn ông Carey thì cho rằng tiếp xúc với môi trường không lành mạnh sẽ ảnh hưởng đến tính tình của đứa bé. Ông vốn ghét những người ngư dân cục cằn thô lỗ và đi lễ nhà thờ không theo quốc giáo. Nhưng Philip cảm thấy ở trong bếp thoải mái hơn ở phòng ăn và khi có dịp thuận tiện nó thường mang đồ chơi vào bếp chơi. Bà Carey không phản đối. Bà không thích bừa bãi và mặc dầu chấp nhận rằng con trai thường hay mậy trật tự, bà thường nghĩ rằng thà nó làm lung tung dưới bếp còn hơn. Khi nó tỏ ra quá hiếu động, ông Carey không chịu nổi, tuyên bố rằng đã đến lúc nên cho nó đến trường. Bà bảo nó còn non quá và lòng bà cảm thấy vô cùng yêu thương đứa trẻ côicút. Nhưng bà tranh thủ tình cảm đứa bé bằng những cử chỉ vụng về khiến nó đâm ra rụt rè e ngại và nó tiếp nhận những biểu hiện tình cảm ấy với một thái độ nhả nhó khó chịu khiến bà cảm thấy mình bị xúc phạm. Một đôi lần nghe tiếng cười lạnh lạnh của thằng bé trong bếp vang lên, bà bước vào thì nó bỗng im bặt và khi Mary-Ann giải thích tại sao nó cười thì mặt nó đỏ lựng. Bà Carey chẳng thấy có gì ngộ nghĩnh cả nhưng cũng miễn cưỡng cười rồi trở về phòng tiếp tục khâu vá. Bà nói với chồng:

- Ông ạ, xem chừng thằng bé thích ở với Mary-Ann hơn với chúng ta.

- Rõ ràng là nó được dạy dỗ rất tồi. Nó cần phải được uốn nắn.

Chủ nhật thứ hai sau khi Philip đến Blackstable, một việc không hay xảy ra. Như thường lệ, sau bữa ăn trưa ông Carey trở về phòng để ngủ trưa; nhưng hôm đó ông cảm thấy trong người bứt rứt, không sao chợp mắt được. Buổi sáng Josiah Graves cực lực phản đối mấy cây đèn nến mà cha sở dùng trang trí bàn thờ. Ông mua những cây này ở Tercanbury và theo ý ông những cây đèn nến ấy trông rất hay, Josiah Graves thì bảo là chúng có cái chất của giáo hội La Mã. Cái lối nhận xét ấy vẫn thường làm cho cha sở điên tiết. Ngày còn ở Oxford ông có tham gia phong trào dẫn đến việc phân liệt của Giáo hội thiết lập của Edward Manning và ông có cảm tình với giáo hội La mã. Ông sẵn sàng tổ chức những buổi lễ linh đình hơn những buổi lễ thường thấy ở nhà thờ Blackstable và trong thâm tâm ông mơ ước đến những lễ rước có đốt đèn. Nhưng ông dừng ở việc đốt trầm hương. Ông không thích từ tân giáo và gọi mình là cơ đốc giáo. Ông thường nói những người theo Giáo hoàng còn có một bổ ngữ, tức là cơ đốc giáo La mã; còn giáo hội Anh theo ông, mang tính chất cơ đốc giáo đầy đủ nhất, cái quý nhất và đẹp nhất. Ông thích thú nghĩ rằng khuôn mặt nhẵn nhụi của ông khiến ông nom giống một vị linh mục, và ngày còn trẻ, vẻ khổ hạnh của ông càng làm mạnh mẽ theo ấn tượng trên. Ông thường hay kể lại về một chuyến đi nghỉ ở Boulogne, một trong những chuyến đi nghỉ mà vì tiết kiệm, vợ ông không đi cùng. Một hôm ông đang ngồi trong nhà thờ thì một linh mục đến mời ông giảng đạo. Khi các cha phó của ông lấy vợ, ông cho họ nghỉ việc vì những quan điểm dứt khoát của ông về chế độ độc thân của cha cố. Nhưng trong dịp tuyển cử khi các đảng viên Đảng tự do viết lên hàng rào vườn ông những chữ xanh to nét: “Đường này dẫn đến La Mã” thì ông cáu tiết. Ông dọa sẽ khởi tố các đảng viên Tự do tại Blackstable. Ông quyết định sẽ không bao giờ nghe theo Josiah Graves mà dẹp những cây đèn nến đi. Và mấy lần ông tức giận rửa thầm y là Bismarck.

Bỗng nhiên ông nghe có tiếng động bất thường. Ông vội kéo chiếc khăn tay khỏi mặt và đứng lên bước vào phòng ăn. Philip đang ngồi trên bàn với những viên gỗ hình khối ngổn ngang quanh mình. Nó vừa mới xây xong một lâu đài đồ sộ và do nền móng không vững chắc, nên toàn bộ lâu đài đã sụp đổ gây nên tiếng động.

- Philip, cháu nghịch gì đấy? Cháu không được phép chơi đùa ngày chủ nhật, cháu nhớ không?

Đôi mắt sợ hãi của Philip nhìn bác chăm chặp một lúc. Và theo thói quen, mặt nó đỏ rừ:

- Hồi ở nhà cháu vẫn chơi.- Nó trả lời.

- Bác nghĩ rằng mẹ cháu chẳng bao giờ cho phép cháu chơi những trò xấu xa như thế.

Philip không biết chơi như thế nào là xấu, nhưng nếu quả là xấu thật, thì nó cũng không muốn người ta buộc tội mẹ nó. Nó cúi đầu không nói gì.

- Cháu không biết chơi đùa ngày chủ nhật là hư lắm sao? Cháu không biết tại sao người ta lại gọi ngày chủ nhật là ngày nghỉ ngơi à? Tối nay cháu đi nhà thờ cháu làm sao đứng trước mặt Đấng cứu thế được khi cháu vi phạm một trong những luật lệ của Người trưa nay.

Ông Carey bảo nó phải cất ngay những viên gỗ đi và cúi nhìn nó thi hành mệnh lệnh của ông.

- Cháu hư lắm.- Ông nhắc lại - Mẹ cháu sẽ khổ tâm như thế nào nơi thiên đường, cháu có biết không?

Philip chỉ chực khóc, nhưng theo bản năng, nó không thích để người khác nhìn thấy mình khóc, nên nó nghiêng răng cố giữ để không òa lên nấc nữa. Ông Carey ngồi xuống chiếc ghế bành và giở sách ra đọc. Philip đứng cạnh cửa sổ. Tòa cha sở được xây dựng sâu vào bên trong con đường cái đi Tercanbury. Từ cửa sổ phòng ăn có thể nhìn thấy một bãi cỏ hình bán nguyệt và xa tít tận chân trời những cánh đồng màu xanh lục, cả những con cừu đang ăn cỏ. Bầu trời đầy mây và âm u. Philip cảm thấy đau khổ khôn cùng.

Vừa lúc đó, Mary-Ann vào phòng bày biện cho bữa ăn. Bác Louisa đang từ trên gác xuống. Bà hỏi chồng:

- Ông ngủ ngon chứ?

- Không, Philip ồn quá tôi không sao chợp mắt được. - Ông trả lời.

Nói như thế là không đúng, vì ông thao thức không ngủ được là do bận tâm suy nghĩ. Philip bực mình lắng nghe, nghĩ thầm nó chỉ làm ồn có một lần thôi và chẳng có lí do gì mà ông không ngủ được trước hoặc sau đó. Khi bà Carey hỏi căn nguyên ông kể lại sự việc từ đầu đến cuối.

- Nó cũng không hề xin lỗi. - Ông kết thúc.

- Kìa Philip, bác tin rằng cháu rất hối tiếc chuyện vừa rồi. Bà Carey lo lắng nói, tìm cách xin lỗi cho Philip.

Philip không trả lời. Nó tiếp tục nhai bánh mì và bơ. Nó không hiểu sức mạnh gì đã ngăn không cho nó biểu thị sự bất bình, sự ân hận nào. Tại nó ù lên, nó chỉ chực khóc, nhưng nhất định không nói gì cả.

- Cháu không nên dối nữa, như thế chỉ làm lỗi cháu nặng thêm. - Bác William bảo.

Bữa trà kết thúc trong im lặng. Bà Carey thỉnh thoảng liếc trộm nó. Còn ông Carey thì làm như hoàn toàn phớt lờ. Khi Philip thấy bác nó lên gác chuẩn bị đi nhà thờ, nó đi vào buồng lớn lấy mũ áo; nhưng cha sở ở trên gác trông thấy nó, ông nói:

- Philip ạ, tối nay bác không muốn cháu đi nhà thờ. Bác thấy cháu không nên bước vào nhà Chúa trong trạng thái tâm hồn như thế này.

Philip không nói gì cả. Nó cảm thấy vô cùng nhục nhã và mặt nó đỏ bừng. Nó đứng lặng im nhìn bác nó đội chiếc mũ lông to vành và chiếc áo choàng đồ sộ. Bà Carey tiến ông đến tận cửa vẫn như thường lệ. Đoạn quay về phía Philip, bà nói:

- Chả sao đâu, Philip ạ. Chủ nhật tới cháu sẽ không hư nữa, đúng không? Thế là bác trai sẽ đưa cháu cùng đến nhà thờ thôi. Bà cởi áo khoác và cất mũ cho nó và dắt nó đến phòng ăn.

- Hai bác cháu ta đọc kinh đi. Rồi hát theo đàn ác-mô-ni-um! Cháu có thích không?

Philip lắc đầu vẻ cương quyết. Bà Carey vô cùng sửng sốt. Thằng bé mà không chịu đọc kinh tối thì bà chẳng còn biết làm gì đây!

Bà thất vọng hỏi:

- Thế cháu định làm gì cho đến lúc bác trai về?

Im lặng hồi lâu, cuối cùng nó nói:

- Cháu muốn được yên thân.

- Philip, làm sao cháu có thể nói những lời tệ bạc như thế được? Cháu có biết rằng hai bác chỉ muốn làm điều tốt cho cháu không? Cháu không yêu bác hay sao?

- Cháu ghét bác. Cháu chỉ mong bác chết đi.

Bà Carey sững sờ. Khi nó nói những lời ấy, vẻ mặt nó nom rất dữ tợn khiến bà hoảng sợ. Bà chẳng biết nói gì. Bà ngồi phịch xuống chiếc ghế của chồng. Trời, bà chỉ mong sao nó cũng yêu bà! Bà là một phụ nữ vô sinh và mặc dù rõ ràng ý Chúa muốn cho bà tuyệt đường sinh đẻ, bà không thể chịu nổi mỗi khi ngắm nhìn những đứa trẻ thơ ngây, vì lòng bà đau xót vô cùng. Bà cảm thấy nước mắt dâng lên và từng giọt lệ từ từ lăn trên hai gò má. Philip kinh ngạc nhìn. Bà rút khăn tay và không nén được nữa bà òa khóc. Bỗng Philip chợt hiểu là tại sao bà khóc và nó cảm thấy vô cùng ân hận. Nó lặng lẽ đến bên cạnh bà và hôn bà. Đây là lần đầu tiên nó hôn bà mà không cần phải yêu cầu. Rồi người đàn bà đáng thương kia, người đàn bà có những vòng tóc quăn tít trên khuôn mặt nhăn nheo vàng vọt, có thân hình nhỏ bé trong bộ xa-tanh đen, vội bế đứa bé lên, ôm nó vào lòng khóc nức nở. Những giọt nước mắt kia cũng là những giọt nước mắt hạnh phúc, vì bà cảm thấy giữa hai người không còn xa lạ nữa. Bà yêu đứa bé với một tình yêu mới mẻ vì nó đã làm bà đau khổ.

Chủ nhật sau trong khi cha sở đang chuẩn bị vào phòng khách để chợp mắt buổi trưa (mọi hành động trong đời ông đều tiến hành một cách long trọng) và bà Carey sắp sửa lên gác thì Philip chợt hỏi:

- Nếu cháu không được phép chơi thì cháu biết làm gì?
- Cháu không thể ngồi yên được một lần sao?
- Cháu không thể ngồi im mãi đến tận bữa trà chiều được.

Ông Carey nhìn qua cửa sổ; trời lạnh và ẩm khiến ông không thể bảo Philip ra vườn chơi được.

- Bác nghĩ ra rồi đấy. Cháu có thể học thuộc bài nguyện cho buổi lễ nhà thờ sắp tới.

Ông cầm quyển sách kinh in những bài nguyện đặt trên đàn ác-mô-ni-um, lần giở từng trang để tìm đoạn ông cần.

- Bài này không dài lắm đâu, nếu cháu đọc không vấp, bữa trà chiều bác sẽ thưởng cho cháu một quả trứng.

Bà Carey kéo chiếc ghế của Philip (họ mới mua riêng cho nó một chiếc ghế cao) đến bên bàn ăn rồi đặt quyển kinh trước mặt nó.

“Nhàn cư vi bất thiện”. Ông Carey nói.

Ông cho thêm than vào lò sưởi để lúc trở lại dùng bữa trà ông được xem ngọn lửa tí tách reo vui; rồi đi sang phòng khách. Ông nới lỏng cổ áo, xếp gối rồi đặt mình thư thái xuống chiếc xô-pha. Nhưng e rằng phòng khách hơi lạnh, bà Carey đã mang một chiếc chăn vào đắp lên chân và quần quanh bàn chân ông. Bà che rèm cho ông khỏi chói, thấy ông đã nhắm mắt, bà rón rén bước nhẹ trở ra. Hôm nay lòng cha xứ thanh thản nên chỉ sau mười phút ông đã ngáy êm êm trong giấc ngủ.

Đó là sáng chủ nhật thứ sáu sau lễ Epiphany và bài nguyện bắt đầu bằng câu: “Ôi chúa, Đấng linh thiêng, con của Người đã chỉ ra rằng Ngài sẽ có thể đánh đuổi quỷ dữ và biến chúng thành con của Chúa, những kẻ thừa kế của sự sống vĩnh cửu.” Philip đọc hết đoạn mà vẫn không hiểu gì cả - Nó bắt đầu đọc to lên nhưng có nhiều từ nghe thật xa lạ, và cấu trúc câu cũng thật khác thường. Nó không thể học thuộc được đến quá hai câu. Đầu óc nó đang tư tưởng đến những thứ khác: ngoài kia mấy cây ăn quả là cành xuống bên vách rường tòa cha sở, chốc chốc mấy nhánh lá lại đập đập vào những ô cửa kính; đàn cừu thư thả gặm cỏ trên cánh đồng bên kia vườn. Đầu óc tựa như đặc bự. Rồi một cảm giác sợ hãi bỗng xâm chiếm tâm trí nó khi nghĩ rằng nó không kịp thuộc bài nguyện trước bữa trà, vậy là nó vội vàng lẩm nhẩm một mình. Nó cũng chẳng cố hiểu là những lời lẽ ấy mà chỉ cần nhồi vào óc mình một con vẹt.

Suốt chiều hôm ấy bà Carey không sao chợp mắt được và đến bốn giờ chiều bà thấy tỉnh táo hẳn nên bà đi xuống nhà. Bà muốn giúp Philip học thuộc bài nguyện để nó sẽ không ấp úng khi phải đọc cho bác trai nghe và rồi bác nó sẽ hài lòng và ông sẽ thấy rằng đã cảm hóa được cậu bé. Nhưng bà Carey đến cửa phòng ăn và sắp sửa bước vào thì một âm thanh đập vào tai bà khiến bà dừng lại. Tim bà giật thót - bà quay gót và khẽ khàng ra khỏi phòng tiền sảnh. Bà đi vòng sau nhà cho đến khi tới bên cửa sổ phòng ăn và thận trọng đưa mắt nhìn vào. Philip vẫn ngồi trên chiếc ghế bà đặt nó lên lúc nãy, hai tay ôm lấy đầu gục lên bàn, đương tức tưởi khóc. Đôi vai

nó rung lên. Bà Carey hốt hoảng. Một điều ở thằng bé khiến bà luôn ngạc nhiên là nó thường tỏ ra rất bình tĩnh. Bà chưa bao giờ thấy nó khóc. Và lúc này, bà nhận ra rằng nó trầm tính chẳng qua do nó sĩ diện, bản năng không muốn bộc lộ tình cảm của mình: nó phải tránh mặt mọi người để khóc thầm.

Quên băng là ông chồng bà không thích bị đánh thức bất thành hình, bà lao vào phòng khách:

-William! William - bà gọi - Thằng bé đang khóc thảm thiết kia kìa ông.

Ông Carey choàng dậy, nhưng hai chân còn đang lùng bùng trong tấm chăn đắp.

- Nó khóc về chuyện gì?

- Tôi không biết... Ôi ông William, chúng ta không thể cho cháu nó phải khổ sở như vậy. Ông có cho rằng đấy là lỗi tại ông và tôi không? Giá như ta có con thì chắc tôi và ông đã biết phải xử sự như thế nào.

Ông Carey bối rối nhìn bà. Ông cảm thấy hoàn toàn bất lực.

- Chắc không phải nó khóc vì tôi đã bắt nó học thuộc bài nguyện đầu. Bài chỉ vèn vèn chưa quá mười dòng.

- Ông này, hay là tôi đem mấy quyển truyện tranh vào cho cháu nó xem nhé! Có mấy quyển nói về Miền đất thánh đấy. Chắc chẳng có gì hại đâu.

- Ồ, thế cùng được.

Bà Carey vào phòng làm việc. Sưu tầm sách là niềm say mê duy nhất của ông Carrey; bao giờ đến Tercanbury ông cũng mất vài giờ đồng hồ để đi xem các cửa hiệu sách cũ và lần nào ông cũng trở về với mấy quyển sách sờn gáy. Ông không bao giờ đọc những quyển sách mua ấy vì từ lâu ông đã mất cái thói quen đọc sách, tuy nhiên ông vẫn thích được lật đi lật lại những trang sách, ngắm nghía tranh ảnh trong đó nếu có và sửa sang lại bìa. Ông thích những ngày mưa vì những ngày đó ông được ở nhà mà lương tâm không chút dẫn vật để xoay tròn ra cùng với lọ hồ lông trắng trứng dán cái bìa da Nga vào những tập sách đã xộc xệch. Ông có nhiều bộ truyện kể về xứ Palestine. Bà cố tình ho khẽ khi đứng trước cửa để cho Philip có thì giờ trấn tĩnh, vì bà đã biết rằng nếu vào đúng lúc Philip còn đầm đìa nước mắt, nó sẽ cảm thấy bị tổn thương, rồi bà lạch cạch vịn đấm cửa. khi bà bước vào Philip đang cắm cúi vào quyển kinh, hai tay che mắt để cho bà khỏi nhận ra là nó vừa mới khóc.

Nó ngập ngừng chưa trả lời và bà cảm thấy thẳng bé sợ, rằng giọng nói của nó sẽ bị lạc đi. Bà thấy thật lúng túng.

- Cháu không thể thuộc lòng được. Cuối cùng nó trả lời, giọng nấc lên:

- Ồ thế à, không sao. Bà nói, chẳng cần phải học nữa. Bác mang cho cháu mấy quyển truyện tranh đây này. Đến đây ngồi vào lòng bác, bác cháu ta cùng xem.

Philip trườn xuống khỏi chiếc ghế cao và tập tễnh bước đến bên bà. Nó cúi gằm để bà khỏi nhìn thấy mắt nó. Bà vòng tay ôm thẳng bé.

- Cháu xem này, bà nói. Đây là nơi Đức chúa thiêng liêng của chúng ta đã chào đời.

Bà chỉ cho nó một thành phố phương Đông có mái phẳng, mái vòm như bát úp và những tháp chuông. Trên bức tranh phía tiền sảnh là một khóm cọ, và dưới gốc có hai người Ả rập đang nằm nghỉ bên mấy chú lạc đà. Philip đưa tay sờ bức tranh như muốn được sờ tận tay những mái nhà và các bộ quần áo lung thùng của đám người du mục.

- Bác đọc xem họ nói gì. Nó yêu cầu.

Bà Carey cất giọng đều đều đọc những hàng chữ trang bên. Câu chuyện lãng mạn ấy kể về một du khách phương Đông nào đó vào những năm ba mươi, lời văn tuy có vẻ khoa trương nhưng đậm màu sắc tình cảm phương Đông đối với thế hệ kế tục Bryon và Chatcaubriand. Được một đoạn ngắn Philip ngắt lời bà:

- Cháu muốn xem tranh khác.

Khi Mary-Ann vào và bà Carey đứng dậy giúp chị trải khăn bàn, Philip vội lấy quyển sách và vội lật những tấm hình. Phải vất vả lắm bà mới bảo được nó rời quyển sách và đi ăn chiều. Philip đã quên biến cuộc chiến đấu ghê gớm để học thuộc bài nguyện và cũng quên luôn những giọt nước mắt. Ngày hôm sau, trời mưa, nó lại đòi xem sách. Bà Carey vui vẻ đưa sách cho nó. Khi bàn với ông chồng về tương lai của thằng bé, bà Carey cảm thấy rằng cả hai vợ chồng bà đều muốn cho nó trở thành tu sĩ, vì vậy sự háo hức khi thằng bé đọc những cuốn sách mô tả những miền đất thiêng liêng được Chúa Jesus lui tới có vẻ như một dấu hiệu tốt đẹp, tưởng chừng như tâm trí thằng bé đã bị thu hút một cách tự nhiên vào những điều thiêng liêng ấy.

Nhưng chỉ vài ngày sau nó lại đòi thêm sách. Ông Carey dẫn cậu bé vào phòng làm việc của mình, chỉ cho nó giá sách dành riêng cho truyện tranh, lục tìm cho nó một cuốn kể về thành Rome. Philip vội lấy cuốn sách. Những

tấm hình mang đến cho nó một điều thích thú mới. Philip bắt đầu đọc hết những dòng chữ trước và sau tấm ảnh khắc để cố hiểu xem người ta nói cái gì, dần dà đồ chơi chẳng còn mấy may hấp dẫn đối với nó.

Và rồi khi không có ai bên cạnh, nó tự với lấy sách và có lẽ vì những hình ảnh đầu tiên gây ấn tượng cho nó là một thành phố phương Đông, nên nó thấy đặc biệt cuốn hút khi đọc những sách mô tả về xứ mặt trời mọc. Tim nó như rộn lên vui sướng trước những bức tranh chụp những ngôi đền hay những lâu đài nguy nga tráng lệ, nhưng có một bức trong cuốn về Constantinople kích thích đặc biệt trí tưởng tượng của nó. Bức tranh mang tên là Phòng khánh tiết ngàn cột. Đó là một bể chứa xây theo kiểu Byzantine được óc tưởng tượng của quần chúng phú thêm cho một tầm vóc khác thường. Truyền thuyết nó đang đọc kể rằng ở cửa bể lúc nào cũng có một chiếc thuyền để cám dỗ những kẻ khinh suất, nhưng chẳng một du khách nào đã liều mạng dấn thân và bóng đêm lại còn được thấy quay trở lại. Philip ngẫm nghĩ mãi không ra, chiếc thuyền ấy vẫn cứ len lỏi qua hết trụ này đến trụ khác mà đi mãi hay là cuối cùng đổ lại bên một lâu đài kỳ lạ nào.

Một hôm nó gặp may: nó tình cờ tìm được cuốn “Nghìn lẻ một đêm”, tập chuyện dịch của Lane. Đầu tiên những bức ảnh cuốn hút nó, và rồi nó chuyển sang đọc truyện, lúc đầu là những câu chuyện về thần thoại, sao đó là những truyện khác; chuyện nào thích nó cứ đọc đi đọc lại. Phải gọi tới hai ba lần nó mới chịu xuống ăn. Thế là nó đã vô tình tạo được cho mình một sự say mê đáng quý nhất trên đời này: say mê đọc sách. Nó không hiểu được rằng làm như vậy nó đã dự phòng cho mình một nơi ẩn náu tránh mọi phiền muộn trên đời, nó cũng không biết được rằng nó đang tự tạo cho mình một thế giới hư ảo rồi sẽ làm cho cái thế giới thường có thực chung quanh nó trở thành ngọn nguồn của những nỗi thất vọng. Chẳng bao lâu nó chuyển sang đọc cả những sách khác. Đầu óc nó đã sớm hiểu biết. Biết thẳng bé tự tìm lấy việc, không lo nghĩ và làm ờn gì cả, và bởi vì ít đọc nên

ông cũng đã quên luôn cả số sách, nay một quyển, mai hai quyển, ông đã mua với giá rẻ. Thịnh thoảng lẩn trong những bài giảng đạo, những bài nguyện, những chuyện phiêu lưu, hoặc về cuộc đời các thánh, các đức cha, về lịch sử của các ngôi nhà thờ có những câu chuyện cổ mà Philip cuối cùng đã tìm ra được. Cậu cứ nhìn đầu đề mà chọn và quyển đầu tiên cậu đọc là “Những mù phù thủy ở Lancashire”, sau đó đến “Crichton đáng khâm phục” và nhiều cuốn khác nữa. Cứ khi nào bắt đầu một quyển sách nó thấy có hai du khách cô đơn cười ngửa bên miệng hố một khu núi hiểm trở là nó cảm thấy an tâm.

Mùa hè đến, người làm vườn vốn trước kia là một thủy thủ đan cho nó một cái võng và mắc vào mấy cành thùy dương. Ở đó, nó nằm hàng tiếng đồng hồ, tránh phải chạm với bất cứ một người nào đến nhà cha sở và nó đọc, đọc miệt mài. Ngày tháng trôi đi, tháng sáu qua, tháng tám đến: chủ nhật nào nhà thờ cũng đông nghịt những người lạ, số tiền quyên của buổi chiều lên tới hai bảng. Cha sở và bà vợ thời kỳ này chẳng mấy khi ra khỏi vườn, vì họ không thích trông thấy những khuôn mặt lạ. Hai ông bà nhìn những vị khách từ Luân Đôn tới với những con mắt đầy ác cảm. Trong sáu tuần nghỉ với hai cậu con trai. Ông này gửi giấy sang và xin phép cho Philip sang chơi với hai con ông, nhưng bà Carey viết thư sang lịch sự từ chối. Bà sợ mấy cậu bé Luân Đôn làm hư Philip. Nó sẽ trở thành một tu sĩ nên cần phải giữ gìn cho nó khỏi những ảnh hưởng xấu. Bà mong được nhìn thấy ở nó một ông thánh Samuel thời thơ ấu.

Ông bà Carey đã quyết định gửi Philip vào Quốc Vương học hiệu ở Tercanbury. Các vị tu sĩ láng giềng cũng gửi con cái tới đó. Quốc vương học hiệu đã gắn bó từ lâu đời với Nhà thờ. Hiệu trưởng trường hiện nay là một phó chủ giáo. Ở đó người ta khuyến khích cậu bé trở thành tu sĩ. Nền giáo dục của nhà trường chuẩn bị cho những cậu bé trung thực sẵn sàng hiến dâng cả cuộc đời mình phụng sự Chúa. Phụ thuộc vào trường còn có một trường tiểu học là trường ông bà Carey dự định gửi Philip tới học. Một chiều thứ năm cuối tháng chín ông Carey đưa Philip tới Tercanbury. Suốt ngày hôm ấy Philip vừa phấn khởi vừa lo lo. Không hiểu bao nhiêu về cuộc sống ở nhà trường, ngoài những gì đọc được trong những mẫu chuyện của tờ “Cậu ấm”. Ngoài ra, nó cũng đã đọc “Eric” hay “Từng bước một”.

Khi bước ra khỏi tòa lâu ở Tercanbury, Philip thấy nôn nao cả người vì sợ hãi, vì thế suốt dọc đường vào thành phố, nó ngồi lặng lẽ trong xe, mặt mũi tái nhợt. Bức tường gạch cao trước cửa làm cho nhà trường nom như một nhà lao. Một cánh cửa hẹp mở ra khi họ bấm chuông rồi một người vụng về ăn mặc lỗi thời bước ra, bê hòm đồ đạc và hộp đồ chơi của Philip vào. Hai bác cháu được dẫn vào phòng khách. Trong phòng kê đầy những bộ bàn ghế công kênh xấu xí, những chiếc ghế cùng bộ được xếp thành hàng sát tường chung quanh phòng trông cứng nhắc đến khó chịu. Họ ngồi đợi ông hiệu trưởng.

- Ông Watson trông thế nào hở bác? Một lát sau Philip hỏi.

- Rồi cháu sẽ khắc thấy.

Hai bác cháu lại yên lặng. Ông Carey băn khoăn không hiểu vì sao ông hiệu trưởng lại chưa đến. Được một lát Philip lại cố hỏi.

- Bác nhớ nói với ông ấy rằng chân cháu bị tật nhé!

Ông Carey chưa kịp trả lời thì cánh cửa bật mở và ông Watson bước vào phòng. Đối với Philip, ông Watson trông như một người khổng lồ. Ông ta cao gần hai mét, vai rộng, hai bàn tay to bè, râu đỏ và rậm. Giọng ông ta oang oang vui vẻ, nhưng tính hồ hởi vui vẻ sống sượng của ông ta làm Philip khiếp sợ. Ông bắt tay ông Carey, rồi nắm lấy bàn tay bé xíu của Philip.

- Thế nào chàng trai, cháu thích đi học chứ? Ông nói như thét.

Philip đỏ mặt chẳng biết nói gì.

- Cháu lên mấy rồi?

- Lên chín, Philip đáp.

- Cháu phải nói là “Thưa thầy” nữa chứ. - Bác nó chữa lại.

- Tôi mong rằng cậu bé sẽ học được ở đây nhiều điều. Ông hiệu trưởng rống lên một cách vui vẻ.

Để cho cậu bé tin cậy hơn, ông đưa những ngón tay thô ráp cù cù cậu bé. Philip ngượng ngùng, khó chịu, co rúm người lại.

- Hiện tại tôi cứ tạm xếp cháu ở khu nội trú nhỏ. Cháu thích thế chứ? Rồi ông nói thêm với Philip: “Ở đó chỉ có tám em tôi, cháu sẽ không bỏ ngỡ đâu”.

Cánh cửa bật mở. Bà Watson bước vào, da bà ta mai má, tóc đen, ngồi giữa thẳng tắp. Bà có cặp môi dày đến kỳ lạ và cái mũi nhỏ tròn.

Mắt bà to và đen. Ở bà toát ra một vẻ lạnh lùng khác thường. Rất hiếm khi bà mở miệng và cười thì lại càng ít. Chồng bà giới thiệu Philip với bà, rồi bằng một cử chỉ thân mật, ông khẽ đẩy Philip về phía bà.

- Đây là cậu học trò mới, Helen ạ. Tên em là Carey. Bà bắt tay Philip và ngồi xuống, không nói một lời trong khi ông hiệu trưởng hỏi Carey xem Philip đã biết những gì và đã học được sách nào. Cảm thấy lúng túng trước sự ân cần ăm ỉ của ông Watson, mấy phút sau vị cha sở của Blackstable đứng dậy.

- Thôi, tôi để Philip lại đây với ông.

- Phải đấy. Ông Watson nói. Tôi sẽ chăm sóc em chu đáo, ông cứ yên tâm. Rồi cậu ấy sẽ chạy nhảy như các cậu cho mà xem, có phải thế không cậu bé?

Chưa kịp nghe Philip, người đàn ông to béo ấy đã phá lên cười như sấm. Ông Carey hôn lên trán Philip rồi ra về.

- Đi theo thầy nào, cậu bé. - Ông Watson nói to. Thầy sẽ chỉ lớp học cho em.

Ông vọt ra khỏi phòng khách, sai những bước chân dài khổng lồ trong khi Philip vội vã tập tễnh theo sau. Nó được dẫn vào một phòng dài, trống trải, có hai chiếc bàn nằm dọc theo suốt chiều của căn phòng, hai bên bàn là hai hàng ghế gỗ dài.

- Ở đây chưa có mấy người đâu - Ông Watson nói. Thầy chỉ nốt cho em chỗ sân chơi và còn lại em sẽ tư xoay xử lý.

Ông Watson đi trước. Philip vào một sân rộng ba mặt bao bọc bằng tường gạch cao. Mặt thứ tư là một hàng rào sắt, qua đó ta có thể trông thấy rõ một sân cỏ rộng thênh thang được nối tiếp bằng những tòa nhà của Quốc Vương học hiệu. Một thằng bé lang thang như đang buồn bực điều gì, vừa đi vừa đá mấy hòn sỏi.

- Chào Venning - Ông Watson thét oang oang - Em đến lúc nào vậy?

Cậu học trò nhỏ bước tới bắt tay ông.

- Đây là một bạn mới nhé. Cậu ấy nhiều tuổi hơn, to hơn em đấy, đừng có mà bắt nạt bạn ấy.

Ông hiệu trưởng đưa mắt thân thiện nhìn hai đứa bé nhưng cái giọng oang oang của ông khiến cả hai đều sợ. Ông cười to rồi bỏ đi.

- Tên cậu là gì?

- Carey.

- Bố cậu làm gì?

- Bố tớ chết rồi.

- Mẹ cậu có giặt quần áo không?

- Mẹ tớ cũng chết rồi.

Philip nghĩ bụng câu trả lời của mình hẳn sẽ gây cho cậu một sự lúng túng, nhưng Venning không chấm dứt cái trò châm chọc của mình vì một chuyện nhỏ như vậy.

- Này, thế bà ấy có giặt quần áo không? Nó tiếp tục hỏi.

- Có đấy. Philip nói với vẻ căm phẫn.

- Thế bà ấy là thợ giặt à?

- Không phải như thế.

Thằng bé vênh mặt lên hoan hỉ với những lý luận của mình. Bỗng nhiên mặt nó bắt gặp đôi chân của Philip.

- Chân cậu làm sao thế?

Theo bản năng Philip cố gắng không để người khác nhìn thấy cái chân bị tật. Nó giấu ra sau chiếc chân lành.

- Chân tớ bị thọt. Nó trả lời

- Sao lại bị thế?

- Tớ bị từ bé.

- Tao nhìn một cái.

- Không được.

- Thế thì thôi.

Nói xong, thằng bé co chân đá mạnh vào ống chân Philip. Philip hoàn toàn bị bất ngờ nên không kịp đề phòng. Cú đá mạnh đến nỗi nó lạng cả người đi, tuy nhiên nó ngạc nhiên hơn là đau đớn. Nó không thể hiểu được tại sao Venning lại đá nó. Nó chưa đủ nhanh trí để thui trả Venning một quả thâm tím mặt mày. Hơn nữa, thằng kia bé hơn nó, mà nó thì đã đọc được trong tờ “Cậu ấm” rằng đánh bạn bé hơn mình là một điều hèn hạ. Trong khi Philip đang xoa ống chân, một thằng bé thứ ba xuất hiện và Venning bỏ đi. Nó chợt hiểu ra rằng hai đứa đang nói về mình và nó cảm thấy như chúng đang nhìn chân mình. Người nó nóng ran, khó chịu.

Nhưng một số khác lại đến, sau đó thì nhiều hơn nữa; chúng bắt đầu kể cho nhau nghe về những việc đã làm trong kì nghỉ, những nơi đã tới thăm hoặc một trận crickê hay mà chúng đã chơi. Vài thằng bé mới xuất hiện và ngay lập tức Philip bắt chuyện với bọn này. Nó vừa thẹn thùng vừa hồi hộp. Nó lo lắng làm sao cho vui lòng bạn mới, nhưng không sao nghĩ ra điều gì để nói. Chúng hỏi nó nhiều điều, và nó vồn vã trả lời. Một đứa hỏi nó có biết chơi crickê không, Philip nói: “Không, tớ bị thọt.” Đứa kia vội nhìn xuống và lập tức đỏ mặt. Philip hiểu rằng nó cảm thấy mình đã hỏi một câu vô ý. Cậu bé nhút nhát không dám xin lỗi. Nó ngượng ngùng nhìn Philip.

Sáng hôm sau, tiếng chuông leng keng làm Philip tỉnh giấc, nó ngỡ ngàng nhìn quanh căn buồng. Một giọng nói ai đó hét rõ to làm cho nó chợt nhớ ra mình đang ở đâu.

- Cậu dậy chưa đấy, Singer?

Những tấm vách ngăn trong phòng làm bằng gỗ thông đánh bóng, phía trước treo một tấm màn gió màu lục. Thời ấy chẳng mấy ai quan tâm đến việc thông gió nên các cửa sổ đều đóng kín, từ buổi sáng cần phải mở để phòng được thoáng.

Philip ngồi dậy rồi quỳ xuống cầu nguyện. Buổi sáng hôm đó trời lạnh khiến Philip khẽ rùng mình, nhưng bác nó đã dạy rằng khi nó mặc nguyên áo ngủ mà cầu nguyện Chúa, Chúa sẽ thấu hiểu những điều nó cầu nguyện hơn là khi nó mặc quần áo chỉnh tề. Điều này không làm nó ngạc nhiên vì chính nó cũng bắt đầu hiểu ra rằng nó là con chiên của đức Chúa biết cảm thông với những thiếu thốn của các tín đồ của Người. Cầu nguyện xong nó rửa mặt. Có hai buồng tắm cho cả thầy năm mươi đứa bé nên mỗi đứa chỉ tắm mỗi tuần một lần. Muốn rửa ráy gì thì chúng đã có một cái chậu nhỏ đặt trên chiếc bồn trong từng ngăn. Chiếc bồn nước, giường và ghế là đồ đặc duy nhất trong ngăn của mỗi đứa bé. Bọn trẻ vừa mặc quần áo vừa nói chuyện vui vẻ. Philip lắng nghe không bỏ sót một lời. Một hồi chuông nữa lại vang lên, bọn trẻ chạy ùa cả xuống nhà. Chúng ngồi vào hai hàng ghế quanh hai chiếc bàn dài của lớp học. Ông Watson, theo sau là bà vợ và những người giúp việc, bước vào lớp và ngồi xuống ghế. Ông Watson đọc kinh bằng một giọng diễn cảm, còn những lời nguyện âm vang trong cái giọng sang sảng của ông, nghe như lời hăm dọa đối với từng đứa trẻ.

Philip ngồi nghe mà lòng lo lắng. Rồi ông Watson bắt đầu một chương trong quyển kinh thánh và những người giúp việc lục đục đi ra. Một phút sau người thanh niên ăn mặc lôi thôi bê vào hai bình trà to, sau đó là những đĩa lớn đầy bánh mì và bơ.

Philip vốn khảnh ăn nên những lớp bơ kém phẩm chất dày trên bánh làm cho bụng nó nôn nao, nhưng khi thấy bọn bạn đưa nào đưa nấy vét sạch nó cũng làm theo. Bọn bạn Philip đưa nào cũng có thịt kho hoặc thức ăn khác đem theo trong những hộp đồ chơi; hoặc thức ăn “đặc biệt” như trứng hay thịt muối - những thức ăn ông Watson hoàn toàn nhất trí với ông Carey rằng để nuôi bọn trẻ đang độ lớn không có gì tốt hơn bánh mì phết bơ. Nhưng một vài phụ huynh nuôi con thái quá cứ đòi nhất định phải tẩm bổ thêm. Philip nhận thấy rằng các loại thức ăn “đặc biệt” này làm cho những đứa khác có vẻ được coi trọng hơn nên quyết định là khi viết thư cho bác Louisa nó cũng xin được ăn loại thức ăn “đặc biệt”.

Sau bữa điểm tâm, bọn trẻ chơi lang thang ngoài sân, bọn học sinh ngoại trú cũng dần dần tụ tập tại đây. Bọn này là con của cha sở địa phương, các sĩ quan ở Depot hay của các chủ xưởng, hoặc thương nhân của cái thành phố cũ kỹ này. Chẳng bao lâu lại có tiếng chuông, tất cả bọn chúng xếp hàng vào trường. Trường ở đây là một phòng to, dài, ở hai đầu phòng có hai giáo viên phụ trách một lớp hai và một lớp ba, còn một phòng nhỏ hơn ở xa hơn dành cho lớp một do ông Watson phụ trách. Để gần trường với những trường cấp cao hơn, người ta chính thức phân loại ba lớp này theo như tên gọi của chúng trong báo cáo hay cá bài diễn văn là: lớp lớn, lớp nhỏ, lớp bé. Philip học ở lớp bé. Thầy giáo chủ nhiệm, mặt đỏ như gấc có giọng nói ấm áp với cái tên gọi là Rice. Ông đối xử với bọn trẻ thật dễ dãi khiến thì giờ trôi đi nhanh chóng. Philip lấy làm ngạc nhiên vì đã đến mười một giờ kém mười lăm và chúng được ra ngoài nghỉ mười phút.

Toàn trường ồn ào ùa cả ra sân, những cậu học trò mới được xếp đứng giữa sân trong khi bọn còn lại đứng sát vào những bức tường đối diện, chúng bắt đầu chơi trò “lợn chạy trong vòng”. Bọn học sinh cũ chạy từ phía tường này sang tường kia, còn bọn mới cố hết sức bắt lấy đĩa đang chạy: khi tóm được một đĩa, chúng đọc câu thần chú: một - hai - ba - một con lợn đã về ta - lập tức đĩa bé ấy phải làm tù binh, phải quay tứ phía mà bắt lấy những đĩa còn đang chạy. Philip thấy một đĩa chạy qua và cố sức túm lấy nó nhưng vì cái chân bị tật, nó không tài nào đuổi kịp, đĩa kia thừa dịp cơ hội chạy thẳng một mạch về phía tường trước mặt. Bỗng nhiên một đĩa trong số bọn trẻ nghĩ ra cái trò bắt chước những bước chân vụng về của Philip. Những đĩa khác nhìn thấy và phá lên cười, thế rồi bọn chúng đĩa nào cũng nhại theo. Tất cả đi tập tễnh vòng quanh Philip trông đến kỳ cục, vừa đi vừa cười ré lên. Chúng không kìm nổi mình trước cái trò thú vị mới mẻ này, nhiều đĩa cười đến nghẹn cả tiếng. Một đĩa ngáng chân Philip làm cho nó ngã kèn ra, đầu gối nó khuyu xuống. Bọn trẻ càng cười to hơn khi Philip ngượng nghịu đứng dậy. Một đĩa đứng đằng sau đẩy Philip khiến nó suýt ngã sấp một lần nữa nếu không có một đĩa khác đỡ. Bọn trẻ hoàn toàn không còn nhớ gì đến trò chơi nữa vì đang thích thú với kiểu đùa giỡn với cái chân bị tật của Philip. Một đĩa lại phát minh ra một kiểu kỳ quặc vừa tập tễnh vừa quay tròn như chong chóng khiến cả bọn cười đến lộn ruột. Nhiều đĩa phải bò ra đất mà cười lăn cười lộn.

Philip sợ hãi đến tột cùng. Nó không tài nào hiểu nổi vì sao chúng lại cười mình. Tim nó đập nhanh đến tức thở và chưa từng bao giờ nó hốt hoảng đến như vậy. Nó đứng ngây ra như phỗng mặc cho bọn kia chạy vòng quanh, nhại rồi cười nó. Chúng hét lên thách Philip bắt được chúng, nhưng nó vẫn đứng im, nó không muốn bọn kia nhìn thấy nó chạy. Nó đang cố hết sức kìm mình để khỏi òa lên khóc.

Đột nhiên tiếng chuông vang lên, chúng lại kéo nhau vào lớp. Đầu gối Philip chảy máu, người đầy bụi và quần áo đầu tóc rối bời. Mấy phút đầu,

thầy Rice không sao quản nổi lớp. Bọn trẻ vẫn chưa hết thích thú về cái trò mới, và Philip nhìn thấy một vài đứa lớn đưa mắt nhìn liếc đôi chân của nó. Nó liền thu chân xuống dưới ghế.

Buổi chiều bọn trẻ lại ra sân đá bóng, nhưng ông Watson đã kịp giữ Philip lại sau khi ăn và hỏi:

- Carey, em không đá bóng phải không?

Philip bỗng nhiên đỏ mặt, nó đáp:

- Thưa thầy, em không đá được.

- Được rồi. Em cũng nên ra sân bãi. Em có thể đi đến tận đấy được chứ?

Philip chưa hề biết sân bãi ở đâu cả, nhưng nó vẫn trả lời:

- Thưa thầy vâng ạ!

Thầy Rice dẫn bọn trẻ ra sân. Thầy đưa mắt nhìn Philip thấy nó không hề động đậy, thầy liền hỏi tại sao nó lại không đi.

- Thấy Watson nói rằng em có thể không chơi cũng được ạ - Philip trả lời.

- Tại sao thế?

Bọn trẻ đang bám đầy xung quanh Philip, tò mò nhìn nó khiến Philip thấy xấu hổ. Nó cúi đầu không đáp. Bọn kia trả lời thay.

- Chân bạn ấy bị thọt đấy ạ.

-Ồ thế à!

Thầy Rice còn rất trẻ, thầy mới tốt nghiệp được một năm, thầy bỗng thấy lúng túng. Theo bản năng, thầy muốn xin lỗi cậu bé, nhưng vì quá rụt rè nên lại thôi. Thầy đổi giọng, nói to và ra lệnh:

- Nào các cậu, còn chờ gì nữa? Đi đi chứ.

Mấy đứa đã đi trước, những đứa còn lại bắt đầu đi ra thành từng tốp hai ba đứa một.

- Em cũng nên đi với thầy, Carey ạ - thầy giáo nói.

Em chưa biết đường phải không?

Philip đoán ra được một tấm lòng nhân hậu khiến lòng nó muốn khóc.

- Em không đi nhanh được đâu, thầy ạ.

- Thì thầy sẽ đi chậm thôi. Thầy giáo nói, môi nở một nụ cười.

Philip thấy có cảm tình với cái con người bình dị có bộ mặt đỏ này, người đã nói với nó những lời dịu dàng. Nó bỗng cảm thấy đời nó bớt khổ.

Thế nhưng buổi tối, lúc chúng vào giường và đang thay quần áo, cậu bé có cái tên Singer trèo ra khỏi ngăn của mình và thò đầu sang giường của Philip:

- Này, cho tao xem chân mày một cái - Nó nói.

- Không - Philip trả lời.

Nó vội vàng trèo vào giường.

- Không với tao thế nào được, Singer nói. - Mason đâu, đến đây.

Thằng bé ở gần bên cạnh đang nhìn quanh và khi Singer nói thế, nó cũng trèo vào.

Hai đứa đến gần Philip và cố kéo chiếc chăn khỏi người Philip nhưng nó vẫn níu chặt lấy.

- Sao các cậu không để cho tớ yên? Nó hét lên.

Singer vớ lấy cái bàn chải đập cán vào đôi tay của Philip đang giữ chặt tấm chăn. Philip thét lên.

- Ai bảo mày không chịu yên lặng cho chúng tao xem chân.

- Không đời nào.

Cùng đường, Philip đành nắm tay thụi vào thằng bé đang hành hạ mình, nhưng nó đang ở cái thế không lợi, nên thằng bé kia giữ được tay nó. Nó bắt đầu vịn chéo tay Philip.

- Ôi, đừng đừng. Mày làm gãy tay tao bây giờ.

- Thế thì đừng cựa quậy nữa và thò chân ra.

Philip khóc nức nở. Thằng kia vịn tay nó thêm một cái nữa. Philip đau quá không chịu nổi. Nó nói:

- Thôi tao sẽ bỏ chân ra.

Nó đặt chân ra ngoài. Tay thằng Singer vẫn giữ cổ tay Philip, nó tò mò nhìn vào cái chân tàn tật của Philip.

- Trông khiếp nhỉ - Mason nói.

Một thằng bé khác bước vào và cũng dán mắt nhìn.

- Ôi giời! - Nó nói có vẻ ghê tởm.

- Đây, trông kỳ nhỉ - Singer nói, mặt nhăn lại. Nó có cứng không?

Nó lấy đầu ngón tay thận trọng sờ sờ cái chân tựa chừng chính cái điều dị thường kia cũng có cuộc sống riêng. Thành linh chúng nghe tiếng bước chân nặng nề của ông Watson bước lên cầu thang. Chúng tung trả chẵn cho Philip rồi nhanh như sóc chạy về chỗ của mình.

Ông Watson vào phòng. Ông kiểng chân và nhìn qua thanh gỗ treo chiếc rèm cửa màu xanh, vào hai ba ngăn của bọn trẻ. Tất cả đều đang yên giấc. Ông tắt đèn rồi bước ra. Singer gọi với sang giường Philip nhưng nó không trả lời. Nó cố cắn thật chặt để đừng ai nghe thấy nó khóc. Nó khóc không phải vì bọn kia làm đau, cũng không phải vì đã bị lãng nhục để bọn kia xem chân, mà vì phần nộ với chính nó đã không chịu được đau đớn hành hạ mà tự nguyện giơ chân ra.

Nó bỗng nhận ra cái tình trạng khổ cực của đời mình. Đối với đầu óc trẻ thơ của nó, dường như nỗi niềm bất hạnh này sẽ kéo dài mãi mãi. Không hiểu vì sao nó bỗng nhớ lại cái buổi sáng lạnh lẽo khi chị vú Emma bế nó ra khỏi giường và đặt nó nằm cạnh mẹ. Từ ngày ấy chưa bao giờ nó lại nghĩ chuyện này, nhưng giờ đây, nó như cảm thấy hơi ấm từ người mẹ đang nằm sát cạnh và vòng tay mẹ đang ôm lấy nó. Cái chết của mẹ nó, những ngày sống ở tòa cha sở và hai ngày trời khốn khổ ở trường nội trú này, tất cả cuộc đời trước mắt nó bỗng nhiên hình như chỉ là một giấc mơ và khi tỉnh dậy nó thấy mình đang ở nhà. Nghĩ đến điều ấy lòng nó bỗng dịu hẳn. Nó bất hạnh quá. Chắc hẳn chỉ là một giấc mơ thôi, mẹ nó vẫn còn sống và rồi vú Emma sẽ lên gác ngủ ngay bây giờ. Nó thiếp đi.

Nhưng sáng hôm sau, nó tỉnh giấc khi có tiếng chuông leng keng và vật đầu tiên đập vào mắt nó vẫn là tấm rèm cửa màu xanh.

Ngày tháng qua đi cái chân tật của Philip không còn gây thích thú cho bọn trẻ nữa. Người ta đã coi nó chẳng còn gì đặc biệt hơn một bộ tóc đỏ của người này hay cái dáng phụng phịch của người kia. Trong khi ấy Philip đã trở nên đặc biệt nhạy cảm. Nó không bao giờ chạy khi nào không cần thiết bởi nó ý thức được khi ấy cái chân tật của nó dễ bị phát hiện hơn và nó tập đi theo một kiểu riêng. Nó thường đứng yên thật lâu, giấu cái chân tật đằng ra sau cái chân lành để mọi người khỏi chú ý tới, đồng thời nó cũng luôn luôn để ý xem có ai nhắc tới nó không. Vì không thể tham dự những trò chơi cùng những đứa trẻ khác nên sinh hoạt của chúng hoàn toàn xa lạ đối với Philip. Nó chỉ thích thú đứng ngoài nhìn chúng chơi và cảm thấy hình như giữa mình với bọn chúng có cả một sự ngăn cách. Đôi khi bọn chúng hình như nghĩ rằng không đá bóng được với chúng hay làm cho chúng không hiểu nó chính là lỗi của nó.

Nó thường xuyên bị bỏ lại một mình. Trước đây nó vốn là đứa tương đối hay chuyện nhưng dần dà nó trở nên ít nói. Nó bắt đầu suy ngẫm về sự khác biệt giữa mình với những đứa khác. Đứa lớn nhất trong khu nội trú - Singer - ghét nó, và Philip vì chậm lớn hơn so với tuổi, thường phải chịu đựng nhiều sự ngược đãi. Đến giữa năm học, khắp cả trường đâu đâu cũng thấy bọn trẻ chơi một trò chơi mới tên là “búng ngòi bút”. Muốn chơi cần phải có hai người, một cái bàn hoặc ghế và hai ngòi bút sắt. Đứa bé phải dùng móng tay búng ngòi bút của mình sao cho đầu nhọn của ngòi bút của mình chồm lên đầu ngòi bút của đối thủ khi đối thủ muốn chặn ngòi bút của đứa kia. Khi đã búng được, đứa bé hà hơi vào đầu ngón tay cái rồi ấn xuống hai cái ngòi bút, khi giơ lên mà không bị rơi, thì cả hai ngòi bút là của nó. Chẳng bao lâu đâu đâu cũng thấy bọn trẻ bò ra chơi cái trò ấy; đứa nào điều luyện hơn thì thu được hàng đống ngòi bút. Nhưng rồi được một thời gian, ông Watson cho rằng trò chơi này cũng là một kiểu cờ bạc và ra

lệnh cấm và tịch thu toàn bộ số ngòi bút bọn trẻ kiếm được. Philip chơi rất cừ nên số khi phải từ bỏ những gì đã thắng cuộc, nó rất buồn. Tuy vậy, nó thấy ngứa ngáy tay chân và vẫn muốn được chơi. Vài ngày sau khi trên đường ra sân bóng, nó tạt vào một cửa hàng và mua một xu ngòi bút hình J. Nó để bút xúng xoảng trong túi và thích thú được sờ chúng. Singer ngay lập tức phát hiện ra. Singer cũng đã phải nộp tất cả ngòi bút, nhưng còn giữ lại một cái rất to gọi là “khổng lồ”, ngòi “khổng lồ” bao giờ cũng thắng cuộc, và lần này nó muốn chiếm cho kì được những cái hình J của Philip. Mặc dầu Philip hiểu nó ở thế bất lợi vì những ngòi bút của nó nhỏ hơn, nó vẫn không từ bỏ tính phiêu lưu của mình và liều lĩnh dự cuộc. Ngoài ra nó còn hiểu rằng Singer không bao giờ cho phép nó từ chối. Nó bỏ chơi đã một tuần nay, và lúc này nó ngồi vào bàn đầy lóng phẫn hứng. Nó nhanh chóng bị thua hai ngòi nhỏ, khiến Singer rất đắc thắng. Nhưng đến cái thứ ba do một sự tình cờ nào đó ngòi “khổng lồ” lại chạy trệch đi và Philip có cơ hội búng ngòi J của mình lên đầu ngòi kia. Nó hoan hỉ với thắng lợi. Nhưng cũng đúng lúc ấy, ông Watson bước vào.

- Các em đang làm gì đấy? - Ông hỏi.

Ông hết nhìn Singer đến Philip nhưng cả hai đều không đáp.

- Các em không nhớ là tôi đã cấm chơi cái trò ngu dốt này rồi à?

Tim Philip đập liên hồi. Nó biết điều gì sắp xảy ra và vô cùng sợ hãi, nhưng sự sợ hãi của nó còn pha lẫn một cảm giác vui mừng. Nó chưa bao giờ bị đòn. Tất nhiên là roi vọt sẽ đau, nhưng nó sẽ có cái để mà khoe khoang sau đó.

- Vào phòng của tôi.

Ông hiệu trưởng quay đi, hai đứa đi sát bên nhau theo ông. Singer thì thào vào tai Philip:

- Thế nào cũng ăn đòn. Không thoát được rồi!

Ông Watson chỉ Singer:

- Cúi xuống - Ông nói.

Singer cứ một roi là một lần nẩy bật người lên.

Philip mặt trắng nhợt nhìn thấy sau cái quật thứ ba Singer khóc. Nó còn bị ba cái roi nữa.

- Đủ rồi. Đứng dậy.

Singer đứng dậy, nước mắt ròng ròng trên má. Philip bước lên, nhưng ông Watson nhìn nó một chút và bảo:

- Tôi sẽ không đánh em. Em là học trò mới, và tôi cũng không muốn đánh một học trò bị tàn tật. Cả hai em hãy đi và đừng tái phạm.

Khi chúng vào lớp, một nhóm con trai không hiểu bằng cách bí ẩn nào đã biết hết mọi chuyện và đừng chờ hai đứa. Chúng xông tới Singer và hỏi han tới tấp. Singer quay sang chúng, mặt còn đỏ vì đau và những vệt nước mắt còn in nguyền trên má. Nó hất đầu về phía Philip đang đứng bên cạnh:

- Nó không bị quật vì nó què - Nó nói giọng tức tối.

Philip đứng im không nói và đỏ mặt. Nó cảm thấy như bọn kia đang nhìn nó đầy khinh bỉ.

- Mà bị mấy roi? - Một đứa hỏi Singer nhưng nó không đáp. Nó tức vì bị đau.

- Đừng có rủ tao chơi búng ngòi bút nữa. - Nó nói với Philip - Mà thì chẳng phải nói. Mà chả thiệt gì cả.

- Tao có rủ mày đâu.

- Hừ, không rủ.

Bằng một động tác rất nhanh, nó giơ chân ngoè Philip. Philip chẳng bao giờ đứng được vững vàng và thế là nó ngã ụch xuống đất.

- Thằng què - Singer nói.

Suốt cả những ngày còn lại của năm học nó tàn nhẫn hành hạ Philip, và mặc dầu Philip đã cố tránh gặp nó, nhưng vì trường quá bé nhỏ nên không thể không chạm trán. Nó cố làm lành với Singer. Nó đã phải hạ mình mua cho hắn một con dao, nhưng nhận dao rồi, Singer vẫn chưa hả dạ. Một đôi lần, vì không chịu nổi nữa, Philip đã đánh trả thẳng bé to lớn kia nhưng Singer khỏe hơn nhiều nên Philip chẳng làm gì được, và thế là sau khi bị hành hạ hoặc mau hoặc lâu bao giờ nó cũng buộc phải xin lỗi Singer. Đây chính là điều đã an ủi Philip. Phải xin lỗi là một điều nhục nhã không chịu đựng nổi đối với nó, thế nhưng những cơn đau bị tra tấn lại còn lớn hơn vượt qua sức nó, nên cuối cùng nó vẫn phải cứ cắn răng mà xin lỗi. Khổ sở hơn nữa là dường như sự đày đọa này chẳng bao giờ kết thúc. Singer mới mười một tuổi và phải hai năm nữa nó mới đủ tuổi sang lớp lớn. Philip hiểu rằng mình còn phải chung sống thêm hai năm nữa với một kẻ luôn hành hạ

mình mà không sao tìm cách trốn tránh được. Học bài và ngủ đó là những thời gian hạnh phúc nhất đối với Philip. Và nó có cảm giác kỳ lạ rằng cuộc sống này cùng với mọi điều đau khổ nó phải chịu đựng chỉ là một giấc mơ và rồi một sáng nào đó nó sẽ tỉnh dậy nằm trên chiếc giường của chính nó ở Luân Đôn. Cảm giác đó thường xuyên ám ảnh đầu óc Philip.

Hai năm trôi qua, Philip sắp sang tuổi mười hai. Nó đang ở lớp nhất và xếp bảng thứ hai hoặc thứ ba trong lớp, và sau lễ Giáng sinh, khi một loạt học trò chuyển lên lớp trên, nó sẽ là đứa lớn nhất. Nó đã đoạt được nhiều phần thưởng, những quyển sách chẳng ra gì in bằng giấy xấu, nhưng bì bọc lại thật đẹp và có đóng dấu của trường. Vị trí này giúp nó thoát khỏi bị bắt nạt và nó không còn khổ sở nữa, vì nó tàn tật nên những thành công của nó bạn bè cũng không ai ganh tị gì.

- Rốt cuộc nó đã được giải một cách thật dễ dàng - Chúng bảo nhau - Nó chẳng làm được cái gì ngoài việc học gạo.

Sự sợ hãi ban đầu về ông Watson tan dần. Nó đã quen cái giọng nói oang oang của ông hiệu trưởng và mỗi khi bàn tay nặng trĩu của ông đặt lên vai, Philip lờ mờ nhận ra như một ý định vuốt ve. Trí nhớ nó tốt về cái gì có lợi cho những thành đạt về học tập hơn là cho trí lực; nó cũng biết rằng ông Watson mong đợi nó sẽ được nhận học bổng để học lên sau khi tốt nghiệp tiểu học.

Tuy vậy, nó đã khôn lớn và rất có ý thức về bản thân mình. Một đứa bé sơ sinh không thể nhận thức được rằng cơ thể của nó gắn bó với nó hơn tất cả những đồ vật xung quanh, nên nó thường chơi đùa với những ngón tay của mình mà không hề cảm nhận được rằng những ngón tay ấy thuộc về nó hơn là những đồ chơi leng keng bên cạnh. Rồi dần dần chỉ qua đau đớn nó mới hiểu ra sự thật về bản thân con người mình. Để ý thức được mình, mỗi cá nhân nhất thiết phải trải qua những bước như vậy, nhưng lại có một sự khác biệt ở chỗ mặc dầu mỗi người đều ý thức được rằng cơ thể mình là một bộ phận hoàn chỉnh và riêng biệt thì không phải ai cũng nhận thức được như nhau. Đến độ dậy thì, hầu hết đều có xu hướng tách khỏi bạn bè

này không phải ở mọi trường hợp đều đạt đến một mức độ mà cá nhân có thể nhìn thấy.

Chỉ có những người nào có thể vô tư được như những con ong sống giữa đàn mới là người hạnh phúc.

Tất cả bọn họ đều cùng làm việc và niềm vui sẽ được gọi theo đúng nghĩa niềm vui khi có tất cả cùng tham gia. Bạn có thể gặp họ trong vũ hội Whit - Monday ở Hampstead Heath, khi họ gào lên đến khản cả tiếng trong một trận bóng đá hay từ cửa sổ của các câu lạc bộ ở Pall Mall để đón chào một đám rước hoàng gia. Nhờ có họ mà con người mới được mang cái tên là một động vật sống theo quần thể.

Philip chuyển từ tuổi ấu thơ vô tư sang giai đoạn tự ý thức một cách cay đắng về mình qua những trò nhạo báng cái chân tật của nó. Trường hợp của nó đặc biệt đến nỗi nó không thể áp dụng cho mình những nguyên tắc có sẵn vẫn được áp dụng có hiệu quả trong những trường hợp thông thường, và nó buộc phải tự nghĩ lấy cho mình. Bao nhiêu sách vở đọc được đem lại cho nó rất nhiều tư tưởng nhưng do chưa hiểu hết nó chỉ càng thêm mông mị. Đằng sau cái tính nhút nhát đến nhức nhối của nó có điều gì đang trưởng thành trong con người nó mà nó lờ mờ nhận ra tính cách. Nhưng nhiều lúc nó rất ngạc nhiên, nó đã làm những điều mà nó cảm thấy lạ lẫm vô cùng.

Philip kết bạn với một cậu tên là Luard. Một hôm khi đang chơi trong lớp học, Luard nghịch cái quản bút bằng gỗ mun của Philip.

- Đừng có nghịch thế. - Philip nhắc. - Cậu làm gãy bây giờ.

- Không gãy được đâu.

Luard chưa nói dứt lời thì cái quản bút gãy làm đôi. Luard hoảng hốt nhìn Philip:

- Ôi, tớ thành thật xin lỗi cậu.

Nước mắt rùng rùng trên má, Philip nhìn nó không đáp nửa lời.

- Bây, cậu làm sao thế? - Luard ngạc nhiên hỏi. - Tớ sẽ đền cho cậu một cái khác cũng giống hệt như thế này.

- Không phải tớ tiếc cái quản bút đâu. - Philip nói bằng một giọng run run. - Có điều vì đây là của mẹ cho tớ trước khi mẹ mất.

- Thật à, Carey, tớ thành thật xin lỗi cậu.

- Không sao đâu. Có phải lỗi tại cậu đâu.

Philip cầm lấy hai đoạn bút gãy ngẫm nghía. Nó cố tìm cơn nức nở. Nó cảm thấy vô cùng khổ tâm. Đương nhiên nó không thể giải thích được tại sao vì nó biết rằng chính nó đã mua cái quản bút trong kỳ nghỉ vừa rồi ở Blackstable với giá một hào. Chẳng hiểu được vì sao nó lại bịa ra câu chuyện thương tâm kia, chỉ biết rằng nó thấy khổ sở cứ như chuyện đó là có thật. Bầu không khí thành kính ở tòa cha sở cùng với màu sắc tôn giáo ở trường đã luyện cho Philip trở nên rất dễ dàng xúc động. Từ khi nào chẳng rõ, đã thấm dần vào đầu óc nó ý nghĩ rằng quý dữ lúc nào cũng rình mò muốn chiếm đoạt linh hồn bất tử của mình. Và cho dù chẳng thật thà hơn ai, mỗi lần nói dối nó đều cảm thấy hối hận. Khi nghĩ lại chuyện này, nó rất buồn phiền và quyết định sẽ gặp Luard và nói cho Luard biết đó chỉ là chuyện bịa. Mặc dầu nó sợ bị mất thể diện hơn hết mọi điều nên đến hai ba ngày liền nó vẫn tự khen mình khi nghĩ về niềm vui đến đâu đón lúc được tự sỉ nhục mình để làm sáng danh Chúa.

Nhưng rồi nó cũng không làm thêm được điều gì khác. Nó chọn một biện pháp dễ dàng hơn để thỏa mãn lương tâm, đó là đến ăn năn sám hối trước Đấng Toàn năng. Nhưng nó vẫn không hiểu nổi vì sao câu chuyện bịa hôm nọ đã làm nó xúc động một cách chân thực đến thế. Những dòng nước mắt tràn ra trên đôi má nhem nhuốc của nó hôm ấy là những dòng nước mắt đích thực. Rồi do liên tưởng, trong óc nó lại hiện lên cái cảnh vú Emma báo tin mẹ nó qua đời và mặc dù đang nghẹn ngào không nói nên lời nó vẫn nhất định vào tạm biệt cô Watkin để họ nhìn tận mắt nỗi đau buồn của nó và thương hại nó.

Thế rồi trong khắp trường bỗng dấy lên một làn sóng sùng đạo. Đố ai nghe thấy một lời nói bậy bạ nào, và cả những trò lếu láo của bọn trẻ nhỏ cũng bị khinh thường ra mặt. Những cậu học trò lớn giống như những hiệp sĩ thời trung cổ đã sử dụng sức mạnh của đôi tay mình để thuyết phục những kẻ yếu hơn đi vào con đường chính đạo.

Vốn không biết mệt mỏi trong cuộc đi tìm những điều mới lạ, Philip liền trở nên ngoạn đạo. Chẳng bao lâu nó nghe nói rằng có thể gia nhập vào Hội Thánh Thư nên đã viết thư lên Luân Đôn hỏi cặn kẽ các chi tiết. Thủ tục đòi hỏi phải làm một lá đơn có điền tên tuổi, trường của thí sinh, một tờ ước nguyện trang trọng có ký tên người xin gia nhập hội, cam kết rằng anh ta tối tối sẽ đọc một đoạn nhất định trong Thánh Thư trong suốt một năm liền, kèm theo là một nửa đồng Crown. Đóng góp này theo giải thích một phần để trang trải những chi phí của các buổi lễ. Theo đúng thời hạn, Philip đã nộp đầy đủ các loại giấy tờ, tiền lệ phí và nhận được một tờ lịch đáng giá một penni trên có ghi sẵn đoạn kinh cần phải đọc hàng ngày, cùng với tờ giấy một mặt in tranh của Thánh Mục Đồng hỏa tâm bên chú cừ non và mặt kia là một bài nguyện ngắn để xem trước khi đọc, đoạn kinh được đóng khung và trang trí.

Thế là tối tối, nó vội vàng cởi quần áo để kịp làm nhiệm vụ trước khi ngọn đèn ga tắt. Nó đọc cần mẫn, cái kiểu đọc muôn thừa của nó, không phê phán, nhưng mẩu chuyện kể về sự độc áo, xảo trá, vô ơn, bất lương hay những trò lấu cá hèn hạ. Những hành động nhẽ ra trong cuộc sống hàng ngày đã phải làm trối dậy trong nó sự ghê tởm thì ngược lại, chỉ thoáng qua trong đầu lúc nó đọc chẳng khơi gợi được một ý bình luận, vì những hành vi ấy đã được sự cảm hứng được tiếp từ Chúa Trời. Phương pháp của Hội là cho xen kẽ kinh Tân ước với kinh Cựu ước. Một đêm, Philip tình cờ đọc

đến một đoạn của Chúa Jesus: *“Nếu con có đức tin và lòng con không ngờ vực, không những con làm được cái điều con vừa nom thấy ở cây đề kia mà con có thể bảo ngọn núi lửa kia: “Người hãy chuyển khỏi đây và lao vào biển cả” và điều đó sẽ được thực hiện, và bất kỳ điều gì con ước trong khi cầu nguyện với đức tin trong lòng, con đều đạt được”*.

Những dòng chữ trên chẳng đem cho nó một cảm xúc gì đặc biệt, nhưng rồi tình cờ hai,ba ngày sau, vào chủ nhật ông cha chương lễ chọn đoạn này làm bài giảng cho buổi chiều. Dù Philip có muốn nghe buổi chiều cũng không thể được, vì bọn trẻ của Trường Hoàng Gia phải ngồi bên dàn đồng ca mà bục giảng lại đặt ở góc chân bàn của bệ thờ, như vậy cha giảng bài sẽ quay lưng lại phía chúng. Khoảng cách ấy rất xa và chỉ có một người có giọng tốt và biết giảng giải lưu loát mới có thể giảng cho cả dàn đồng ca nghe được. Theo thường lệ, người ta chọn các đức Cha từ Tercanbury để giảng bài là dựa vào học vấn của họ chứ không đếm xỉa gì đến những phẩm chất có thể được sử dụng trong nhà thờ. Những lời của bài giảng kia, có lẽ do Philip vừa đọc xong trước khi vào buổi lễ, đã hiện ra rõ ràng và bỗng nhiên chúng như thể đang nói với Philip. Nó nghiền ngẫm những lời ấy trong suốt buổi chiều và đến đêm, khi đã vào giường, nó lật lại quyển sách Phúc Âm và lại thấy đoạn văn trên. Mặc dù ngẫm tin mọi điều in trong sách, nó cũng biết rằng trong kinh những điều được giảng giải kỹ cũng thường vẫn hay lơ mờ mang một ý nghĩa khác. Nó không thích hỏi ai ở trường, vì thế nó cứ giữ mãi trong đầu câu hỏi ấy cho đến tận kỳ lễ Chúa Giáng sinh và nó đã tìm được một cơ hội. Lúc đó, bữa ăn tối xong, và bài kinh tối cũng vừa dứt. Bà Louisa đang đếm số trứng mà chị Mary - Ann thu được như thường ngày và ghi ngày tháng vào vỏ trứng. Philip đứng cạnh bàn và giả vờ lật những trang kinh một cách không chủ định.

- Bác William này, bác xem cái đoạn này có thật như người ta nói không?

Nó vừa đặt tay lên đoạn văn vừa nói như thể tình cờ đọc được.

Ông Carey ngó qua cặp kính, tay ông đang cầm tờ thời báo Blackstable ghé sát bếp lửa. Người ta vừa đưa báo đến lúc chập tối, mực in còn ướt và ông bao giờ cũng hơ tờ báo mười phút trước khi đọc.

- Đoạn nào thế? Ông hỏi.

- Đây, đoạn nói về nếu có đức tin, người ta có thể dời núi.

- Nếu Kinh Thánh đã dạy thì đúng như thế đấy cháu ạ. Bác Louisa từ tốn đưa tay nhắc rõ bát đĩa.

Philip nhìn ông bác chờ câu trả lời.

- Vấn đề là phải có lòng tin.

- Bác nói vậy có nghĩa là nếu người ta thật sự tin rằng mình có thể dời được núi thì nhất định họ sẽ làm được, phải thế không ạ?

- Nhờ ơn Chúa. - Cha sở nói

- Thôi hãy chúc ngủ ngon đi Philip. - Bác Louisa nhắc.

- Đêm nay chắc cháu chưa cần phải di chuyển núi, có phải không?

Philip giơ trán cho bác hôn và lên gác. Bác Carey theo sau. Nó đã hỏi được điều nó cần. Căn buồng nhỏ của nó thật lạnh lẽo và nó đã phải rùng mình khi chui vào áo ngủ. Nhưng nó luôn luôn cảm thấy rằng khi cầu nguyện trong những điều kiện không thoải mái thì những lời cầu nguyện

của nó sẽ làm Chúa hài lòng hơn. Chân tay nó lạnh giá đó là lẽ vật nó dâng lên Thượng đế, Đấng toàn năng. Đêm nay nó quỳ gối áp mặt vào lòng bàn tay và với trọn vẹn tấm lòng, nó cầu xin Chúa làm cho cái chân tật nguyên của nó được lành lặn. So với đời núi, việc đó thật nhỏ bé. Nó biết rằng Chúa có thể làm được việc đó, nếu Người muốn và niềm tin của nó là tuyệt đối. Sáng hôm sau, khi chấm dứt buổi đọc kinh, với những lời khẩn cầu như vậy, nó ấn định ngày cho điều kì diệu xảy ra. “Ôi lạy Chúa khoan dung nhân từ, nếu đây là ý Người, xin cho chân con lành lặn vào đêm trước khi con trở lại trường.”

Nó sung sướng diễn đạt mong ước của mình bằng một lời cầu nguyện như vậy. Và sau đó, trong phòng ăn, trước khi đứng lên, nó đã tranh thủ nhắc lại những lời cầu xin đó trong khi cha sờ dờng lời. Buổi tối, trước khi đi ngủ, run rẩy trong chiếc áo ngủ, nó nhắc đi nhắc lại điều đó. Và nó rất tin. Lần này, nó đã sốt ruột mong chờ đến cuối kỳ nghỉ. Nó bật cười khi nghĩ rằng bác nó sẽ ngạc nhiên vô cùng thấy nó lao xuống thang ba bậc một. Và sau buổi sáng, nó và bác gái Louisa sẽ phải vội vã ra phố mua một đôi giày mới. Còn ở trường, lũ bạn nó sẽ phải sừng sốt. “Kìa, Carey, mày đã làm gì với cái chân của mày thế?”

- Ồ, nó đã khỏi rồi! - Nó sẽ trả lời như thế, đó là điều tự nhiên nhất trên đời.

Nó sẽ có thể đá bóng. Tim nó đập rộn lên khi nó tưởng tượng thấy mình chạy, chạy nhanh hơn tất cả những đứa khác. Đến cuối kỳ sau lễ Phục Sinh, nhà trường sẽ tổ chức ngày hội thể thao, nó sẽ tham gia vượt rào. Rốt cuộc nó sẽ được như mọi người, không còn phải chịu đựng cặp mắt tò mò của bọn học trò mới không biết rằng nó có tật. Rồi hè đến, những lúc đi bơi, khi cởi quần áo nó chẳng còn phải lo làm sao giấu được chân cho tới khi xuống nước.

Nó hết lòng cầu nguyện, lòng không gợn mảy may nghi ngờ. Nó đặt hết niềm tin vào lời Chúa - Buổi tối trước hôm khai trương, nó đi nằm mà người cứ run lên vì xúc động. Trời có tuyết và bác Louisa nhóm lửa trong phòng mình, đây là một sự xa xỉ hiếm khi bà tự dành cho mình. Nhưng ở buồng của Philip thì lạnh đến mức ngón tay nó tê cóng không sao bật nổi chiếc khuy ở cổ áo - Răng nó va vào nhau lập cập - Philip chợt nghĩ nó phải làm một điều gì đó khác hẳn mọi ngày để kêu gọi lòng lành của Chúa; nó liền nhắc tấm thảm ở dưới chân giường rồi quỳ ngay xuống sàn. Sau đó nó lại cho rằng tấm áo ngủ như vậy là thừa, Đấng Sáng Thế sẽ chẳng vui lòng. Nó cởi hẳn áo rồi mới cầu nguyện. Đến khi nó lên giường; nó rét quá đến nỗi rất lâu không sao ngủ nổi; song cuối cùng Philip ngủ rất say đến sáng hôm sau khi chị Mary-Ann đem nước nóng đến, chị phải lay mãi Philip mới dậy - Chị vừa kéo rèm lên vừa chuyện trò với Philip, nhưng nó không trả lời chị; nó nhớ ngay tức khắc sáng nay là sáng phép lạ sẽ xảy ra. Lòng nó rộn rã vui mừng và tràn trề ơn Chúa. Nó những mong muốn đưa ngay tay xuống sờ mó vào cái chân giờ đây đã lạnh lặn, nhưng làm như vậy là nghi ngờ lòng nhân từ của Chúa. Nó biết là chân nó đã khỏe. Nhưng cuối cùng nó quyết định lấy đầu ngón chân phải quệt nhẹ lên chân trái. Sau đó nó mới đưa tay vuốt qua.

Philip tập tễnh xuống cầu thang đúng vào lúc chị Mary-Ann bước vào phòng ăn, cầu kinh buổi sớm. Sau đó nó ngồi bòn bòn ăn lót dạ.

- Sáng nay sao cháu lặng lẽ vậy, Philip? Bác gái Louisa hỏi.

- Nó đang nghĩ tới bữa điểm tâm ngon lành sáng mai được ăn ở trường đấy. - Bác William nói.

Khi Philip trả lời thì lại là cái không hề ăn nhập đến vấn đề mọi người đang trò chuyện, đây là điều vốn làm bác William bực bội. Ông mắng thẳng cháu mắc phải cái bệnh lơ lửng trên cung trăng.

- Cháu giả dụ - Philip nói - có ai đó cầu xin Chúa một việc mà anh ta thực sự tin rằng nó sẽ xảy ra, tỉ như việc dời núi chẳng hạn. Anh ta có lòng tin, nhưng việc ấy lại không xảy ra. Như vậy là thế nào hở bác?

- Cháu thật kỳ cục! - Bác Louisa nói. - Trước đây hai ba tuần cháu đã hỏi về cái chuyện dời núi ấy rồi mà.

- Như vậy chứng tỏ rằng kẻ đó chưa đủ đức tin - Bác William nói. - Chỉ có vậy thôi.

Philip chấp nhận lời giải thích. Nếu Chúa không cho nó khỏe chẳng qua chỉ vì nó chưa thực sự tin tưởng. Nhưng làm thế nào để thêm được đức tin đây! Có lẽ tại nó yêu cầu Người trong một thời gian quá ngắn. Chắc vừa qua nó chỉ cầu nguyện Người trong có mười chín ngày. Được một hai ngày sau, Philip lại tiếp tục cầu xin và lần này thì nó ấn định ngày vào kỳ Phục sinh. Đây là ngày mà Chúa sống lại và hẳn là trong niềm hạnh phúc ấy, Chúa sẽ có bề khoan dung. Nhưng lần này Philip áp dụng thêm một số biện pháp để hòng đạt được mục đích: khi khẩn khẩn nguyện cầu, nó chọn đúng đầu tuần trăng, hoặc khi nó gặp một con ngựa hoang, hoặc nữa đúng lúc sao đổi ngôi. Trong một dịp được về nghỉ ở Blackstable, gia đình có thịt một con gà giò. Philip với bác gái Louisa cùng bẻ một đoạn xương lấy phước và như bất kỳ lúc nào gặp dịp, nó lại cầu xin cho cái chân tật nguyền của nó được lành lặn. Làm như vậy, nó đã vô hình trung kêu cầu tới những Chúa trời còn cổ xưa hơn Chúa trời của người dân Israel. Rồi vào bất kỳ lúc nào nó nghĩ tới, ở bất kỳ thời gian nào trong ngày, nó lại tiếp tục quấy rầy Chúa bằng vẫn cái lời nguyện cầu cũ, bởi vì nó thấy hình như dâng lên Người lời thỉnh nguyện dưới cái dạng không thay đổi, là một điều vô cùng quan trọng. Nhưng chẳng được bao lâu nó lại cảm thấy rớt cuộc cả lần này nữa lòng tin của nó vẫn chưa đủ độ lớn. Philip không đủ sức cưỡng lại

những nỗi nghi ngờ dồn dập tấn công nó. Từ những nguyên tắc rất vững, Philip đã giành được kinh nghiệm cho riêng mình.

- Có lẽ chẳng một ai có đủ được lòng tin - Philip nói.

Có lẽ đây cũng giống câu chuyện hạt muối mà vú Emma đã kể với nó: “Chỉ cần đặt được một hạt muối lên đuôi nó thôi, là chim nào em cũng bắt được”, và thế là Philip đem cả một gói muối đến đuôi nó. Đến trước lễ Phục Sinh, Philip bỏ cuộc. Nó ngấm ngấm giận bác William vì như vậy là bác đã lừa nó. Đoạn giảng nói về chuyện đời núi rớt cuộc chỉ là loại bài nói một đàng nghĩa một nẻo. Nó nghĩ rằng đúng là bác William đã chơi xỏ mình.

Trường Hoàng Gia ở Tercanbury mà Philip vào học hồi mười ba tuổi tự lấy làm hãnh diện về sự lâu đời của mình. Nó nguyên là một tu viện sáng lập trước thời kỳ Chinh phục, ở đây những kiến trúc cơ sở do các thầy tu dòng Augustine giảng dạy và giống như nhiều trường sở tôn giáo khác cùng loại, trường này được các viên chức của vua Henry VIII cải tổ lại trong khi phá huy tu viện và vì vậy nó mang tên nhà vua. Từ đó, tiếp tục con đường khiêm tốn của mình, nó đem lại cho con cái tầng lớp quý tộc nhỏ ở địa phương và những kẻ làm nghề tự do thành phố Kant nền giáo dục đủ cho nhu cầu của họ. Xuất thân từ trường này mà lừng danh có một vài nhà văn, bắt đầu là một thi sĩ, mà chỉ có Shakespeare mới có thiên tài kiệt xuất, và sau cùng là một nhà viết văn xuôi mà nhân sinh quan đã ảnh hưởng sâu sắc tới thế hệ của Philip. Trường này cũng đã sản sinh một hai luật gia nổi tiếng, nhưng luật gia nổi tiếng thì nhiều, và một vài nhà quân sự lỗi lạc. Nhưng trong ba thế kỷ, từ khi tách khỏi chế độ tu viện, nhà trường đặc biệt đào tạo người cho nhà thờ, giám mục linh mục địa phận, giáo sĩ và trước nhất là mục sư đại hạt. Ở trường có những học sinh mà các bậc cha mẹ và cụ kỵ mấy đời đã từng được giáo dục ở đây, và hết thấy đều là mục sư trong giáo khu Tercanbury; người ta đến trường với ý định được phong chức. Ấy thế nhưng cũng có những dấu hiệu cho thấy rằng ngay ở đó cũng đang có những thay đổi, một số ít nhắc đến điều họ nghe được ở nhà, nói rằng giáo hội chẳng còn như xưa. Và vài ba học sinh biết nhiều cha phó có bố mẹ là thương nhân. Người ta thà đi đến các thuộc địa (ngày ấy thuộc địa còn là niềm hy vọng cho những ai không có việc làm ở Anh) hơn là làm cha phó dưới quyền một thằng cha nào đó không phải là quý tộc. Ở trường Hoàng gia cũng như ở tòa nhà cha sở Blackstable, thương nhân là người nào đó không đủ may mắn có ruộng đất (ở đây có sự phân biệt chính xác giữa một chủ trại quý tộc với một địa chủ) hoặc không theo đuổi một trong bốn nghề có thể chấp nhận là của người quý tộc. Trông đám học sinh ngoại trú,

khoảng một trăm rưỡi là con cái lớp quý tộc nhỏ ở địa phương, và con cái của những người trong quân đội; còn những kẻ nào bố mẹ tham gia buôn bán, đều bị người ta làm cho cảm thấy địa vị xã hội của mình hèn kém.

Các thầy giáo không chịu được những quan điểm mới mẻ về giáo dục mà họ đọc trong các báo *Thời đại* hay *Người bảo vệ*, họ thiết tha hi vọng nhà trường hoàng gia phải trung thành với những truyền thống ngày xưa của mình. Những ngôn ngữ chết được dạy kỹ lưỡng đến nỗi một học sinh cũ sau khi đã bước vào đời rồi ít khi nghĩ đến Homere hay Virgile mà chẳng thấy bản khoán khó chịu; và dù trong phòng ăn tập thể, một vài đầu óc táo bạo hơn đề nghị thừa nhận môn toán học ngày càng quan trọng, nhưng cảm giác chung cho đối tượng nghiên cứu này ít cao cả hơn các tác phẩm cổ điển. Môn tiếng Đức, môn hóa không được dạy, còn tiếng Pháp thì các thầy trong lớp dạy; các thầy giữ gìn trật tự tốt hơn người ngoại quốc vì các thầy hiểu ngữ pháp chẳng khác gì bất kỳ người Pháp nào, và nếu như không ai trong bọn họ được uống một chén cà phê trong tiệm ăn ở Boulogne trừ phi cậu bồi bàn biết một ít tiếng anh thì chuyện đó cũng chẳng có gì quan trọng. Khoa địa lý được dạy chủ yếu là bắt học sinh vẽ bản đồ, đây là công việc được ưa thích, đặc biệt khi học đến một vùng có lắm núi non: có thể bỏ nhiều thời giờ để vẽ những miền Andes hay miền Apennines. Các thầy giáo tốt nghiệp trường đại học Oxford hay Cambridge đều được phong chức và chưa lập gia đình; nếu tình cờ, họ muốn lấy vợ thì chỉ có một điều kiện là phải chấp nhận một cuộc sống nghèo khổ hơn theo sự sắp đặt của giáo hội; nhưng đã nhiều năm, không ai trong bọn họ muốn rời bỏ cái xã hội thanh lịch của Tercanbury, nhờ có sở chỉ huy trung đoàn kỵ binh mà cuộc sống đơn điệu của nhà mục sư ở nông thôn vừa có màu sắc quân nhân lại vừa có màu sắc tu hành; và giờ đây tất cả bọn họ đều đã là người ở lứa tuổi trung niên.

Ngược lại, thầy hiệu trưởng thì bắt buộc phải cưới vợ và quản lý nhà trường cho đến tuổi về hưu. Lúc ấy thầy được thưởng công bằng một chức

giáo sư danh dự và một cuộc sống tốt đẹp hơn bất kỳ người trợ giáo nào mong đợi.

Nhưng một năm trước khi Philip vào học, ở trường bỗng xảy ra một sự thay đổi lớn. Tiến sĩ Fleming từng là hiệu trưởng từ một phần tư thế kỷ nay, bỗng bị đieć khá nặng, không tiếp tục được sự nghiệp của mình cho thanh danh lớn lao hơn của Chúa. Bởi vậy khi khuyết một chức cha xứ với lương hàng năm sáu trăm bảng, ở vùng ngoại ô này, giáo hội bèn mời ông nhận lãnh ngụ ý rằng đã đến lúc ông cần nghỉ hưu. Với khoản thu nhập như thế ông có thể yên tâm mà chữa chạy bệnh tật. Hai, ba vị cha phó trông mong được thăng chức bảo các bà vợ rằng giáo khu đang cần một người trẻ, khỏe, đầy nghị lực, mà lại đưa đến một ông già không hiểu biết công việc của giáo khu và đã lo thu vén cho bản thân thì thật là điều nhục nhã; nhưng những tiếng xì xào của giới tăng lữ bị mất quyền lợi ấy không đến được tai hội đồng thầy tu nhà thờ. Còn dân chúng trong giáo khu thì không có gì để nói về vấn đề này; nên cũng không ai hỏi ý kiến họ. Những người theo giáo phái Wesley và những người theo giáo phái Baptism đều có nhà thờ trong làng.

Khi tiến sĩ Fleming đã được sắp xếp như vậy rồi thì việc tìm kiếm một người thay thế trở nên cần thiết. Điều này trái với truyền thống của nhà trường là một trong số giáo sư bậc thấp hơn phải được lựa chọn. Các giáo sư nhất trí đề cử ông Watson, hiệu trưởng dự bị: ông này được coi gần như hiệu trưởng trường Hoàng gia rồi, mọi người hiểu ông ta đã bị từ hai mươi năm nay chẳng có gì để mà lo sợ rằng ông ta sẽ làm phiền ai. Nhưng hội đồng giáo sĩ lại tung ra một việc thật bất ngờ đối với họ. Hội đồng chọn một người tên là Perkins. Lúc đầu không ai biết Perkins là ai, và cái tên này không gây ấn tượng thuận lợi đối với mọi người; nhưng trước khi cơn sùng sốt đó nguôi nguôi người ta thấy rõ rằng Perkins là con trai nhà Perkins bán vải. Tiến sĩ Fleming thông bao việc này cho các thầy giáo đứng trước bữa cơm chiều và điếu bộ ông ta chứng tỏ sự kinh hoàng. Những người đang ăn

thì cứ ngồi gẩn như trong sự im lặng, không dả động đến chuyện này cho tới khi những người phục vụ rời khỏi phòng. Sau đó họ bắt đầu lao vào tranh luận. Tên tuổi những người hiện diện trong dịp này không quan trọng, nhưng nhiều thế hệ học sinh biết họ dưới những biệt hiệu như: Thở Dài, Nhựa Đường, Nháy Mắt, Ống Tiêm, Khoanh Bơ Nhỏ.

Tất cả bọn họ đều quen biết Tom Perkins. Điều đầu tiên mà họ biết là y không thuộc giới thượng lưu. Họ nhớ lại y rất kỳ lạ. Perkins trước là một học sinh gầy gò, da ngăm ngăm, tóc đen bù xù, mắt to tướng trông như dân di gan. Y là học sinh ngoại trú được khoản học bổng tốt nhất của nhà trường trong số tiền quyên góp, nên việc học hành chẳng tốn kém gì. Dĩ nhiên Perkins học giỏi. Cứ mỗi lần đến ngày phát phần thưởng, cậu học sinh đó ôm về nhà hàng ôm nặng. Cậu là thần đồng đối với bọn họ và giờ đây họ cay đắng nhớ lại nỗi sợ của họ là cậu học sinh này sẽ cố xin được học bổng tại một trường công to hơn và như vậy là cậu sẽ thoát khỏi tay họ. Tiến sĩ Fleming đã đến nhà người bán vải là bố đẻ Tom. Tất cả bọn họ đều nhờ cửa hàng Perkins và Cooper ở phố St. Catherine và Fleming tuyên bố ông hy vọng Tom sẽ ở lại với họ cho đến khi vào trường đại học Oxford. Trường này là khách hàng sộp nhất của cửa hàng Perkins và Cooper, và ông Perkins cha chỉ còn quá sung sướng để đồng ý. Tom Perkins tiếp tục giành thắng lợi lớn. Y là học giả kinh điển giỏi nhất mà tiến sĩ Fleming nhớ đến và khi rời nhà trường trường y đem theo khoản học bổng có giá trị lớn nhất mà người ta phải tặng. Y còn được một khoản học bổng nữa ở Magadalen và yên tâm làm ăn với sự nghiệp rục rở ở trường đại học này. Tạp chí nhà trường ghi lại những biểu hiện lỗi lạc y đạt được năm này qua năm khác và khi cùng một lúc y đạt được hai danh hiệu xuất sắc nhất thì bản thân tiến sĩ Fleming đã viết tay mấy lời tán dương trên trang đầu với sự hài lòng to lớn. Người ta đã hoan nghênh thành công của y bởi vì cửa hàng Perkins và Cooper sa sút bước vào thời kì đen tối: Cooper uống rượu như hũ chìm và đứng trước khi Tom Perkins thi đỗ thì cửa hàng bán vải này đệ đơn báo vỡ nợ.

Sau đó Tom Perkins thụ giới thánh và bước vào nghề nghiệp hết sức thích hợp với y, y đã từng làm trợ giáo ở Wellington rồi sau đó ở Rugby.

Nhưng hoan nghênh thành công của y tại các trường khác và chính mình phục vụ dưới quyền lãnh đạo của y là hai việc khác nhau. Ngày xưa Nhựa Đường thường cho y cóp bài vở, còn Ông Tiêm thì hay bạt tai y; họ không thể tưởng tượng làm sao mà hội đồng giáo sĩ lại phạm một sai lầm như vậy. Không ai có thể quên y là con trai một gã bán vải đã phá sản và chứng nghiện rượu của Cooper dường như tăng thêm nỗi nhục của y. Chuyện vị linh mục địa phận sốt sắng ủng hộ đề cử y, nếu có thể sẽ mời cơm y, là điều dễ hiểu; nhưng liệu rồi khi Tom Perkins ngồi vào bàn thì những bữa cơm vui vẻ ít ỏi trong khoảng đất có tường bao quanh này có mãi mãi được như thế không? Còn sở chỉ huy trung đoàn thì sao? Thực tế y không trông mong các sĩ quan và những người thượng lưu đón tiếp y như người của họ. Điều đó sẽ gây cho nhà trường những thiệt hại không lường trước được. Phụ huynh học sinh có thể bất bình và nếu có hàng loạt học sinh bỏ trường ra về thì cũng chẳng có ai ngạc nhiên. Lúc ấy mà gọi y là “ngài Perkins” thì thật nhục. Như là để phản đối, các thầy giáo định đưa đơn tập thể xin từ chức, nhưng lo sợ đơn đó có thể được chấp nhận một cách bình thản, nên họ lại thôi.

- Việc tốt nhất là chúng ta chuẩn bị tư tưởng cho những sự thay đổi -Thờ Dài nói. Y đã dạy lớp năm trong hai mươi lăm năm nay và y là con người bất tài chưa từng có.

Khi gặp y, bọn họ không lấy làm vững dạ. Tiến sĩ Fleming mời họ đến dự bữa tiệc đón y vào buổi trưa. Bấy giờ y đã ba mươi hai tuổi, người cao, gầy còm nhưng vẫn còn cái vẻ phóng túng lôi thôi lệch thếch như khi y còn là một cậu học sinh. Quần áo y cắt may xấu xí, đã mòn sòn xộc xệch. Tóc y đen và dài hơn bao giờ hết, rõ ràng ý chẳng bao giờ học được cách chải

đầu, mỗi cử động là tóc xõa xuống trán và y vội vàng lấy tay hất ra đằng sau cho khỏi vướng mắt. Y có hàng ria mép đen và bộ râu quai nón mọc lan đến gần gò má. Y chuyện trò với các thầy giáo thoải mái như thể y mới chia tay họ một vài tuần lễ trước đây, rõ ràng y thích thú được gặp họ.

Y có vẻ không biết đến cái tình thế kỳ lạ này và tỏ ra không hề chú ý tới điều kỳ quặc được người ta gọi là ông Perkins.

Khi y chào từ biệt bọn họ, một thầy giáo nhận xét cho có chuyện rằng y còn thừa thãi thời gian để kịp giờ ra tàu.

- Tôi muốn dạo quanh và ngó qua các cửa hàng - Y vui vẻ trả lời.

Câu nói rõ ràng làm mọi người lúng túng. Bọn họ ngạc nhiên là y lại có thể thiếu tế nhị và kém xã giao đến thế, và còn tệ hại hơn nữa là tiến sĩ Fleming lại không nghe thấy điều y nói.

Bà vợ ông phải lớn tiếng nhắc vào tai ông:

- Ông ấy muốn dạo quanh và nhìn xem cửa hàng ngày xưa của ông cụ.

Chỉ có Tom Perkins là không hay biết sự lặng nhục mà bọn họ đều cảm thấy. Y quay sang bà Fleming:

- Bây giờ cửa hàng thuộc về ai, bà có biết không?

Bà ta rất tức giận nên khó khăn lắm mới trả lời được.

- Cũng vẫn là cửa hàng của gã bán vải tên là Grove. Chúng tôi không còn giao dịch mua bán gì với cửa hàng đó nữa. - Bà nói chua cay.

- Không biết họ có cho tôi xem lại căn nhà không nhỉ?

- Tôi nghĩ rằng họ sẽ để ông xem, nếu ông giải thích với họ ông là ai.

Chiều hôm ấy, cho đến khi xong bữa cơm, trong phòng họp của giáo sư không ai nhắc đến vấn đề đang ám ảnh mọi người. Sau đó chính Thở Dài nói:

- Thế nào, các vị suy nghĩ gì về vị hiệu trưởng mới của chúng ta?

Họ nhớ đến câu chuyện ở bữa tiệc trưa. Thật khó mà nói được đây là một cuộc đàm luận. Một cuộc đối thoại thì đúng hơn.

Perkins nói thao thao bất tuyệt. Y nói rất nhanh, lưu loát, thanh thoát với giọng trầm mà vang. Tiếng cười của y kỳ cục, ngắn, nhỏ nhẹ để lộ hàm răng trắng. Phải khó khăn bọn họ mới nghe kịp y, là vì tư tưởng y vọt từ vấn đề này sang vấn đề khác trong một mối liên quan mà không phải bao giờ họ cũng nắm bắt nổi. Y nói về khoa sư phạm, điều này khá tự nhiên nhưng y nói nhiều về học thuyết hiện đại ở Đức mà họ chưa hề nghe đến nên họ tiếp nhận với thái độ hồ nghi. Y nói đến những tác phẩm kinh điển, nhưng vì y đã từng ở Hy Lạp nên y nói về khảo cổ học; đã có lần y tiến hành công việc khai quật suốt một mùa đông; họ không thể nào hiểu được thế nào mà điều đó lại giúp một người dạy cho học sinh thi đỗ. Y nói về chính trị. Thật kỳ quặc đối với họ khi nghe y so sánh Lord Beaconsfield với Alcibiades.

Y bàn về ông Gladstone và phép nước. Họ nhận rõ y là đảng viên Đảng Tự Do. Lòng họ se lại. Y bàn về triết học Đức và tiểu thuyết Pháp. Họ không thể nghĩ rằng một người uyên thâm lại quan tâm đến nhiều thứ linh tinh như vậy.

Chính Nháy Mắt tóm tắt cảm giác chung và diễn đạt ra thành một hình thức mà cả bọn cuối cùng cảm thấy là nhằm để chê trách. Nháy Mắt là thầy giáo lớp đệ tam mắc bệnh chùng gối, mi mắt sụp xuống. Nom vóc dáng y người ta nghĩ rằng y phải khỏe, nhưng cử chỉ của y thì lại chậm chạp, uể oải. Y tỏ ra mỗi mệ và cái biệt hiệu của y nổi tiếng là thích hợp.

- Hẳn ta rất nhiệt tình. - Nháy Mắt nói - Nhiệt tình là vô giáo dục, là bất lịch sự. Họ nghĩ đến “Đội quân cứu đói” với kèn trống inh tai. Nhiệt tình có nghĩa là thay đổi. Họ sờn gai ốc khi nghĩ đến tất cả những thói quen cũ kỹ thú vị đang đứng trước một nguy cơ sắp xảy ra. Họ lo sợ không dám trông đợi tương lai.

- Hẳn giống một gã di gan hơn bao giờ hết. - Một lúc sau một người nói.

- Không biết khi chọn hẳn, ông linh mục địa phận và giáo hội có biết hẳn ta là đảng viên Đảng cấp tiến không? - Một người khác chua cay nhận xét.

Nhưng rồi câu chuyện dừng lại. Người nào cũng quá nhiều lo âu nên không ai nói gì nữa.

Một tuần lễ sau, khi Nhựa Đường và Thở Dài cùng đi đến trụ sở Hội đồng giáo sư nhân ngày phát phần thưởng, Nhựa Đường vốn là kẻ độc mồm độc miệng đã bảo bạn đồng nghiệp:

- Nào chúng mình đã chứng kiến khá nhiều ngày phát thưởng ở đây rồi phải không? Tôi tự hỏi không biết chúng mình có được chứng kiến cuộc nào khác nữa không?

Thở Dài có vẻ u uất hơn thường lệ:

- Nếu có điều gì đáng tiếc xảy ra làm trở ngại cho sinh kế, khi thôi việc, tôi chẳng lấy làm phiền.

Một năm đã qua và khi Philip đến trường thì tất cả các thầy giáo vẫn ở vị trí như xưa. Mặc dù sự chống đối ngoan cường của họ, được che đậy bằng nguyện vọng rõ ràng là tán đồng ý kiến của hiệu trưởng mới, nhưng khá nhiều thay đổi đã xảy ra. Tuy các thầy chủ nhiệm lớp vẫn dạy tiếng Pháp ở trường tiểu học, nhưng một thầy nữa đến, với bằng tốt nghiệp tiến sĩ triết học ở trường Đại học Heidelberg, và với một kỷ lục ba năm ở một trường trung học Pháp, đến dạy tiếng Pháp cho các lớp cao hơn và tiếng Đức cho những ai muốn học thay tiếng Hy Lạp. Một thầy nữa được tuyển đến dạy toán cho hệ thống hơn, đây là môn cho đến nay người ta chưa bao giờ thấy cần thiết như vậy. Không có ai trong số các thầy giáo này được phong chức mục sư. Điều này là một cuộc cách mạng thực sự, nên khi các thầy giáo mới đến, các thầy giáo cũ đón tiếp họ với thái độ ngờ vực. Một phòng thí nghiệm được sửa sang lại cho đủ tiện nghi, nhiều lớp học được thành lập; mọi người bảo tính chất nhà trường đang thay đổi. Và chỉ có trời biết những dự án gì hơn nữa đang quay cuồng trong đầu tóc bù xù của ông Perkins. Trường này bé nhỏ như các trường công, nó không quá hai trăm học sinh nội trú; nhà trường khó có thể phát triển to hơn vì trường làm vội vàng qua loa, dựa vào nhà thờ lớn; trừ nhà ở của các thầy giáo, các khoảng đất có tường bao quanh đều do giới tăng lữ nhà thờ chiếm hết, nên chẳng còn thừa chỗ nào để mà xây dựng. Nhưng ông Perkins nghĩ ra một kế hoạch tỉ mỉ nào đó, ông có thể có được một khoảng đủ mở rộng nhà trường gấp đôi so với hiện nay. Ông muốn thu hút học sinh từ Luân Đôn. Ông cho rằng được tiếp xúc với những chàng trai vùng Kent là một điều tốt cho các học sinh Luân Đôn và sự tiếp xúc đó sẽ làm trí tuệ quê nhà của những anh chàng ở Kent được mài sắc.

- Thế là ngược lại mọi truyền thống của chúng ta - Thở Dài nói khi ông Perkins gọi y với ông ta. Xưa nay chúng ta đã cố tránh đám học sinh từ

Luân Đôn đến để khỏi bị ô nhiễm.

- Ô, nói bậy, ông Perkins nói.

Trước đây chưa một ai bảo các thầy giáo chủ nhiệm là nói bậy; Thở Dài đang ngẫm nghĩ một câu trả lời gay gắt trong đó có lẽ y có thể lồng vào một ý ám chỉ đến hàng dẹt kim thì ông Perkins đã công kích y kịch liệt bằng cái tính khí sôi nổi của mình:

- Giá mà ông lấy vợ, tòa nhà trong khu đất có tường bao quanh này, thì tôi sẽ được nhà thờ cho làm thêm hai tầng gác nữa, chúng ta sẽ có nhiều nhà ở tập thể và phòng học bề thế, và bà nhà có thể giúp đỡ ông.

Vị giáo sư già này há hốc miệng. Vì sao ông phải lấy vợ? Ông ta năm mươi bảy tuổi, đàn ông năm mươi bảy tuổi ai còn lấy vợ được. Đã vào giai đoạn này của cuộc đời, ông không thể bây giờ mới bắt đầu tìm một căn nhà. Ông không muốn cưới vợ. Nếu phải lựa chọn giữa việc này và cuộc sống ở nông thôn thì thà rằng thôi việc sớm còn hơn. Ông chẳng muốn gì hơn là được sống trong bình an như trước.

- Tôi không nghĩ đến chuyện lấy vợ - Ông nói.

Ông Perkins nhìn ông với cặp mắt đen long lanh, và nếu như trong đôi mắt đó có cái gì ranh mãnh thì Thở Dài tội nghiệp không bao giờ thấy được.

- Thật đáng tiếc! Ông không thể lấy vợ để giúp tôi sao? Việc này sẽ giúp tôi nhiều khi tôi đề nghị với vị linh mục địa phận và nhà thờ xây dựng lại căn nhà ông.

Nhưng sáng kiến làm mất lòng người nhất của ông Perkins là thỉnh thoảng ông giảng dạy lớp học của người khác. Ông ta yêu cầu chuyện này như một đặc ân, nhưng dù sao thì đó cũng là một đặc ân không thể từ chối, và như là Nhựa Đường tức ông Turner nói việc đó không đáng hoàng cho tất cả đôi bên. Ông ta không báo trước, nhưng sau giờ cầu kinh buổi sáng ông tuyên bố với một số thầy giáo:

- Hôm nay ông nhận dạy lớp sáu lúc mười một giờ. Không biết có phiền ông không? Chúng ta đổi lớp cho nhau được chứ.

Họ không biết ở các trường khác chuyện này có bình thường không, nhưng chắc chắn ở Tercanbury thì chưa hề xảy ra. Kết quả thật lạ lùng. Ông Turner, nạn nhân đầu tiên, báo tin này cho lớp ông rằng hiệu trưởng sẽ dạy tiếng La tinh cho họ hôm đó, và viện cố rằng học sinh có thể thích hỏi thầy vài câu để chứng tỏ họ không phải hoàn toàn là những kẻ ngu xuẩn, ông dùng mười lăm phút cuối cùng của giờ dạy sử để giải thích với họ đoạn văn của Livy là bài học cho họ ngày hôm ấy. Nhưng khi ông trở lại lớp, nhìn tờ giấy ông Perkins ghi điểm, ông lấy làm ngạc nhiên, vì hai học sinh đứng nhất lớp dường như làm bài rất kém, trong khi những học sinh khác trước đây không ai chú ý tới lại được điểm cao. Khi ông hỏi Eldridge là học sinh giỏi nhất của ông ý nghĩa của việc này là thế nào thì cậu buồn rầu trả lời rằng:

- Thầy Perkins không hề cho chúng em phân tích câu chữ. Thầy hỏi em có biết gì về tướng Gordon không?

Ông Turner kinh ngạc nhìn em. Rõ ràng đám học sinh cảm thấy bị đối xử chẳng ra gì và ông không thể không đồng tình với thái độ im lặng bất bình của các em. Ông không hiểu tướng Gordon thì có liên quan gì tới Livy. Sau này ông đánh bạo nêu lên một câu hỏi:

- Câu hỏi của ông về tướng Gordon làm em Eldridge rất lúng túng. - Ông mỉm cười nói với ông hiệu trưởng.

Ông Perkins cười.

- Tôi thấy các em đã học đến luật ruộng đất của Caius Gracchus và tôi tự hỏi chúng có biết gì về tình trạng rối ren ruộng đất ở Ireland không. Nhưng tất cả những điều chúng biết về Ireland là thành phố Dublin nằm bên bờ sông Liffey. Vì vậy tôi tự hỏi không biết các em có bao giờ nghe nói đến tướng Gordon không.

Lúc ấy người ta khám phá sự việc kinh khủng là thầy hiệu trưởng mới mắc căn bệnh ham mê kiến thức tổng hợp. Nhân chuyện này ông ta nghi ngờ lợi ích việc thi cử của các môn nhồi sọ. Điều ấy ông yêu cầu là học sinh cần có ý thức.

Tháng này qua tháng khác Thờ Dài ngày càng lo nghĩ, ông không thể gạt bỏ khỏi tâm trí việc ông Perkins sẽ yêu cầu ông ấn định ngày làm lễ thành hôn; và ông ghét thái độ của hiệu trưởng đối với văn học cổ điển. Không còn nghi ngờ gì nữa, hiệu trưởng là một học giả uyên thâm, đang bận rộn với một công việc hoàn toàn hợp với truyền thống: ông đang viết một luận án về cây cối trong văn học la tinh, ông bàn về vấn đề này thiếu nghiêm trang như một trò tiêu khiển không quan trọng lắm, như trò chơi bi-a thu hút thời gian nhàn rỗi của ông, nhưng không coi là chuyện nghiêm túc. Còn Ông Tiêm, thầy giáo lớp đệ tam trung học thì ngày càng trở nên gắt gỏng.

Khi tới trường, Philip được xếp đúng vào lớp của ông. Đức cha B.B. Gordon là một người bản chất không thích hợp để trở thành nhà giáo: ông ta thiếu kiên nhẫn và nóng tính. Vì không ai bắt được ông phải báo cáo, vì trước mặt ông lúc nào cũng chỉ có bọn học sinh, nên trong một thời gian dài, ông mất hết khả năng tự chủ. Ông bắt đầu giảng bài trong cơn điên và

đến cuối giờ thì ông như hóa khùng. Người ông tầm thước, mặt phì phì béo, mái tóc hung hung giờ đã hoa râm để ngắn, hàng ria thưa và cứng. Cặp mắt xanh bé nhỏ, nhưng trong những cơn giận dữ bộ mặt ấy dần dần sẫm lại và biến thành đỏ tía. Móng tay ông bị cắt sát đến tận thịt, là vì trong khi một vài học sinh run sợ phân tích một bài văn thì ông thường ngồi ở bàn làm việc run lên với cơn thịnh nộ đang thiêu đốt tâm can và ông gặm móng tay mình. Nhiều chuyện nói về tính hung dữ của ông có lẽ đã được thêm thắt. Hai năm trước đây nhà trường nghe tin đồn một vị phụ huynh học sinh dọa sẽ đệ đơn kiện vì ông ta đã ném một cuốn sách vào mặt một học sinh tên là Walters, mạnh đến nỗi tai em bị ảnh hưởng và sau đó em phải bỏ học. Người cha học sinh này ở tại Tercanbury, dự luận thành phố rất lấy làm công phần; báo chí địa phương cũng đã nói tới chuyện ấy; nhưng ông Walters cha chỉ là một người ủ rượu bia, cho nên sự đồng tình bị chia năm bè bảy mối. Các học sinh khác, vì những lý do chỉ có chúng mới biết được, tuy không ưa gì thầy giáo, nhưng chúng lại về phe với thầy trong vụ này, và để tỏ sự bất bình của chúng đối với nội bộ nhà trường lại phải giải quyết ở ngoài, chúng bèn hết sức gây phiền phức cho cậu em của Walters còn học ở trường. Nhưng ông Gordon chỉ do gặp vận may mà thoát khỏi cuộc sống nông thôn, nên từ đó ông không đánh học sinh nữa. Cái quyền thầy giáo dùng roi đánh vào tay học trò bị phế bỏ và chẳng bao lâu Ông Tiêm cũng không còn trút giận vào cây ba toong đập ùng ùng lên bàn mình nữa. Bây giờ ông chẳng làm gì hơn là nắm hai vai học sinh rồi lắc mạnh. Nhưng ông vẫn còn bắt cậu nào nghịch ngợm hay bướng bỉnh phải đứng dang một tay từ mười phút đến nửa giờ. Còn về cách nói năng thì miệng lưỡi ông vẫn ghê gớm như trước.

Không thầy giáo nào lại có thể bất lực hơn trong việc dạy bảo một học sinh nhút nhát như Philip. Giờ đây em đến trường không còn sợ hãi nhiều như lần đầu tiên đến trường ông Watson. Em quen biết khá nhiều học sinh đã cùng học ở trường dự bị. Em cảm thấy mình khôn lớn và theo bản năng, em thấy rằng giữa trường lớp đông đúc thế này, tính trạng tật nguyền của

em sẽ ít ai để ý. Nhưng từ ngày đầu, ông Gordon đã làm em sợ hết hồn; còn ông thầy thì nhanh chóng nhận ra một vài học sinh hoảng sợ em, và dường như vì thế mà ông sinh ra đặc biệt ác cảm với em. Philip thích thú với công việc học hành của mình, nhưng em bắt đầu khiếp sợ những giờ phút ngồi học trong lớp. Em thà ngồi im lặng một cách ngu độn còn hơn là liều trả lời một câu có thể sai để phải hứng chịu cơn bão tố xỉ vả của thầy, và khi đến lượt em đứng lên phân tích một câu chữ la tinh, em lo sợ đến mức mặt nhợt nhạt như người ốm. Em có khả năng thỏa mãn sự say mê kiến thức chung vốn choán hết tâm trí ông hiệu trưởng: em đã đọc đủ mọi loại sách kỳ lạ vượt qua tuổi em, và khi đặt câu hỏi cho cả lớp, ông Perkins thường dừng lại nhìn Philip mỉm cười làm cho em sung sướng vô ngần, rồi ông ta bảo:

- Này Carey, em trả lời cho các bạn rõ.

Những điểm tốt em đạt được trong dịp này đã tăng thêm sự phẫn nộ của thầy giáo Gordon. Một hôm đến lượt Philip dịch bài học, còn ông thì ngồi đó trừng trừng nhìn em và giận dữ cắn ngón tay cái. Tính khí ông lúc này thật là dữ dội. Philip bắt đầu nói nhỏ nhẹ.

- Đừng có lúng túng như thế! - Thầy quát.

Philip thấy như có gì nghẹn trong cổ họng.

- Cứ nói tiếp, nói tiếp, nói tiếp đi! - Thầy dẫn từng tiếng mỗi lúc một to hơn làm cho Philip không còn nhớ một điều gì, rồi em đành nhìn vào trang sách in mà cứ như nhìn vào chỗ trống. Ông Gordon bắt đầu thở hỗn hển:

- Nếu anh không biết, tại sao anh không nói là anh không biết? Anh có biết điều đó hay không? Vừa qua anh có nghe giảng bài hay không? Tại sao anh không nói? Nói đi, anh là người đần độn, nói đi!

Thầy giáo nắm chặt tay vịn ghế ngồi như ngăn không cho mình lao xuống người Philip. Lũ học trò đã biết ngày xưa thầy hay túm cổ họng học trò cho đến khi các em ngạt thở. Gân xanh trên trán thầy nổi lên. Mặt thầy hằm hằm dễ sợ. Thầy lúc này như mất trí.

Hôm trước Philip thuộc trọn vẹn đoạn văn này, nhưng bây giờ em chẳng còn nhớ gì hết.

- Em không hiểu đoạn văn này. Philip ấp úng.

- Tại sao anh chưa hiểu đoạn đó? Ta cứ nhắc lại từng chữ một. Chúng ta sẽ thấy ngay có phải là anh không hiểu hay không?

Philip đứng yên, mặt tái mét run run cúi đầu xuống quyển sách. Thầy giáo cứ thét mỗi lúc một khó khăn.

- Ông hiệu trưởng bảo rằng anh thông minh. Tôi không hiểu ông ấy hiểu vấn đề này thế nào. Hừ, kiến thức chung! Rồi thầy cười một cách man dại - Tôi không hiểu vì lẽ gì người ta xếp anh vào lớp này. Đồ đàn độn.

Thầy khoái trá với danh từ ấy, và hăng cao giọng nhắc đi nhắc lại:

- Đồ đàn độn! Đồ đàn độn! Đồ thọt chân đàn độn!

Nói được thế cơn giận của thầy đã hả. Thầy thấy Philip đỏ mặt. Thầy bảo em đi tìm quyển sổ đen. Philip đặt cuốn César xuống bàn và lặng lẽ ra ngoài. Sổ đen là tập sách ám đạ ghi tên những học sinh có hành động xấu, học sinh nào bị ghi tên ba lần có nghĩa là em đó sẽ bị một trận đòn. Philip đến nhà thầy hiệu trưởng và gõ cửa phòng làm việc của ông ta. Ông Perkins đang ngồi ở bàn.

- Thưa thầy, thầy vui lòng cho em xin cuốn sổ đen.

- Sổ đây, ông Perkins đáp, hất hàm chỉ vào chỗ để cuốn sổ. Em đã phạm phải điều gì?

- Thưa thầy em không rõ.

Ông Perkins đưa mắt nhìn em, không hỏi thêm rồi lại tiếp tục công việc. Philip cầm cuốn sổ đi ra. Mấy phút sau khi hết giờ em đem sổ trả lại.

- Cho tôi xem qua một chút. - Thầy hiệu trưởng bảo - Tôi thấy thầy Gordon ghi vào sổ đen là em xác láo trắng trợn. Việc gì thế?

- Thưa thầy, em không hiểu. Thầy Gordon bảo em là thẳng thọt chân ngu đần.

Ông Perkins lại nhìn em. Ông tự hỏi không biết đằng sau câu trả lời của cậu học sinh có ý nghĩa mỉa mai châm biếm gì không, nhưng ông vẫn còn rất bàng hoàng. Mặt ông tái mét, lộ vẻ phiền muộn một cách kinh khủng. Ông Perkins đứng lên, đặt cuốn sổ xuống, đồng thời nhặt lên mấy tấm ảnh.

- Sáng nay một người bạn gửi cho tôi mấy tấm ảnh thành Athens. Em nhìn đây, đây là Acropolis^[1].

Ông bắt đầu giải thích cho Philip những gì em trông thấy. Lời lẽ của ông làm cảnh điêu tàn này dần dần trở nên sinh động. Ông chỉ cho em thấy nhà hát Dionysos và giải thích cho em biết quần chúng ngồi hàng nào, và làm thế nào ở phía bên kia họ có thể trông thấy màu xanh của biển Egee. Và sau đó bỗng ông nói:

- Tôi nhớ ngày xưa khi tôi còn học ở lớp của thầy ấy, thầy Gordon thường gọi tôi là “cái áo ngủ của con mụ di gan”.

Tâm trí Philip còn mãi tập trung vào các tấm ảnh. Trước khi em có thì giờ hiểu ra lời nhận xét đó thì ông Perkins đưa cho em xem một tấm ảnh của Salamis và với ngón tay có đầu móng hơi bẩn đen, chỉ cho em thấy cách xếp đặt của tàu bè Hy Lạp và tàu bè Ba Tư.

Hai năm tiếp theo Philip sống trong trạng thái đều đều dễ chịu. Chàng không bị trêu chọc hơn những học sinh khác cùng lứa tuổi; và tình trạng tật nguyền của chàng cho phép chàng khỏi tham gia các trò chơi, làm cho sự có mặt của chàng trở thành vô nghĩa, vì vậy mà chàng lấy làm khoan khoái. Chàng không được mọi người ưa thích và chàng sống rất cô độc. Chàng qua hai học kỳ lớp đệ tam với Nháy Mắt. Thầy giáo này, dáng điệu mệt mỏi, hai mí mắt lúc nào cũng rũ xuống nom có vẻ vô cùng buồn rầu. Thầy làm nhiệm vụ của mình nhưng với một thái độ thờ ơ. Thầy rất tin tưởng vào danh dự của học sinh. Thầy thấy rõ muốn cho chúng thật thà thì việc đầu tiên là không một lúc nào được để lọt vào đầu mình cái ý nghĩ rằng chúng dối trá. “Đòi hỏi nhiều” thầy trích dẫn “thì anh sẽ được nhiều”. Cuộc sống ở lớp đệ tam thoải mái. Người ta biết chính xác đến lượt phải giải thích câu văn nào, và với bài quay cóp được chuyển tay nhau, người ta có thể tìm ra mọi điều cần thiết trong vài phút; người ta có thể đặt cuốn ngữ pháp la tinh để mở trên đầu gối trong khi các câu hỏi đang đặt ra cho cả lớp; và nếu thấy trong hàng tá bài tập có cùng một lỗi lớn như nhau, thì Nháy Mắt cho đó là điều kỳ quặc. Thầy không tin lắm vào việc thi cử, vì thầy để ý thấy học sinh tại các kỳ thi không bao giờ làm bài tốt như làm ở lớp. Thật là chán ngán nhưng không có ý nghĩa gì quan trọng. Học sinh được lên lớp đúng trình tự, nhưng không học được gì nhiều ngoài cái tính trâng tráo sẵn sàng xuyên tạc sự thật, điều này có thể giúp họ nhiều trong cuộc sống sau này hơn là khả năng đọc được tiếng La tinh trôi chảy.

Sau đó học sinh lại rơi vào tay của Nhựa Đường. Tên thầy là Turner và là người hoạt bát nhất trong số thầy giáo cũ, người thấp, bụng phệ, râu đen đã bắt đầu hoa râm, nước da ngâm ngâm. Trong bộ quần áo tăng lữ, quả thật thầy có cái gì đó khiến người ta nghĩ đến thùng nhựa đường. Và mặc dầu trên nguyên tắc thầy bắt chép phạt năm trăm dòng đối với cậu nào hé

môi nhưng ở cái bữa tiệc trong khoảng đất có tường bao quanh của nhà thờ, thầy lại thường lấy đó làm chuyện đùa bình thường. Thầy là người thích giao du nhất trong số các thầy giáo, thường đi ăn cơm khách nhiều hơn bất kỳ ai khác và quan hệ của thầy rất đáng nể. Trong những ngày lễ thầy trút bỏ quần áo tăng lữ, và người ta nom thấy thầy ở Thụy Sĩ trong bộ quần áo vải tuyết sặc sỡ. Thầy thích rượu và thích ăn ngon. Một lần người ta gặp thầy ở “Tiệm cà phê Hoàng Gia” đi với một người đàn bà, chắc hẳn là người họ hàng gần gũi, từ đó các thế hệ học sinh cho rằng thầy theo đuổi những cuộc truy hoan trác táng mà những chi tiết tường tận chứng tỏ niềm tin vào sự sa đọa của con người là không giới hạn.

Thầy Turner tính rằng sau khi chúng học xong lớp đệ tam cao đẳng cần phải có một học kỳ mới để uốn nắn học sinh trở vào nề nếp và thỉnh thoảng thầy thốt ra một lời bóng gió kín đáo tỏ ra mình biết rất rõ điều gì đang xảy ra trong lớp học của bạn đồng nghiệp. Thầy chấp nhận tình trạng một cách vui vẻ, thầy xem đám học sinh như bọn lưu manh non trẻ để trở nên thật thà hơn nếu chúng hoàn toàn chắc chắn rằng sự dối trá của chúng là riêng giữa chúng với nhau, không thích hợp trong quan hệ với các thầy giáo, và chúng ít có khả năng quấy rầy hơn khi chúng biết là chẳng có lỗi gì. Thầy tự hào về lớp học của mình, và ở vào cái tuổi năm mươi lăm, mà lòng thầy vẫn đầy khát vọng chẳng khác gì trước đây thầy đến trường lần đầu tiên, khi lớp thầy trong các kỳ thi đều thắng lợi tốt đẹp hơn bất cứ lớp nào của các thầy cô khác. Thầy có tính hay cáu gắt của người béo phì, dễ nổi giận và cũng dễ bình tĩnh lại, chẳng mấy chốc mà bọn học sinh nhận ra đằng sau những lời mắng nhiếc túi bụi liên miên của thầy là bao tình cảm yêu thương đối với chúng. Thầy không chịu được ngu xuẩn, nhưng sẵn sàng chịu phần lo lắng với những học sinh mà thầy nghi ngờ là giấu diếm vốn hiểu biết đằng sau tính cách bướng bỉnh của mình. Thầy rất thích rủ các em đi uống trà tuy các em thề không cùng với thầy nhìn đến bánh ngọt, bánh nướng, vì các em tin rằng sự béo phì của thầy là do tính phàm ăn, và tính phàm ăn của thầy

đã dẫn đến bệnh sán, nhưng các em vẫn thực sự vui lòng nhận lời mời của thầy.

Giờ đây Philip đã cảm thấy thoải mái hơn. Vì nhà cửa chật hẹp, chỉ lớp trên là có phòng học cho học sinh nên cho đến lúc đó, Philip phải ở trong căn phòng rộng lớn dùng làm nhà ăn tập thể của học sinh và cho các lớp dưới chuẩn bị bài vở. Tình trạng chung chạ ấy làm cho chàng mơ hồ cảm thấy khó chịu. Đôi khi cuộc sống chung đùng ấy làm chàng không được nghỉ ngơi và lập tức chàng muốn được sống cô độc. Chàng bắt đầu những cuộc dạo chơi một mình ở vùng quê. Một dòng sông nhỏ, hai bên bờ cây cối bị cắt ngọn, chảy qua những cánh đồng xanh biếc, chàng không hiểu vì sao chàng lấy làm vui sướng những lúc thơ thẩn dọc theo bờ sông này. Khi nào mệt chàng úp mặt xuống thảm cỏ theo dõi những đàn cá chép, những đàn nòng nọc hăm hở bơi lội. Và chàng lấy làm thỏa mãn lạ thường với việc đi tản bộ xung quanh những khoảng đất có tường bao quanh của nhà thờ. Vào mùa hè người ta căng lưới giữa bãi cỏ xanh tập đánh khúc côn cầu, nhưng những ngày còn lại trong năm thì vắng vẻ, các em học sinh thường đi lang thang vòng quanh, tay cầm tay, hoặc một anh bạn chăm học nào đó thông thả bước đều, mắt nhìn lơ đãng nhắc lại cho mình điều gì đó phải học thuộc lòng. Trên những câu du to lớn, một bày quạ cất tiếng kêu sầm muồn tràn ngập cả không gian. Dù theo một bên là nhà thờ lớn, giữa có tháp đồng hồ, và cho đến bây giờ, Philip chưa biết gì về cái đẹp khi trông thấy nó, lòng cũng xốn xang một niềm khoái cảm mà chàng không hiểu được. Khi có một phòng học (đó là một phòng vuông nhỏ hẹp cho bốn học sinh, nhìn ra khu nhà ổ chuột) chàng mua một bức ảnh phong cảnh nhà thờ lớn này đem về treo phía trên bàn học. Và chàng thấy mình có sự quan tâm mới mẻ đối với điều chàng bắt gặp qua cửa sổ phòng học lớp đệ tứ trông qua những bãi cỏ ngày xưa được chăm nom cẩn thận, cấy cối xum xuê. Cảnh này gợi cho chàng một cảm giác kỳ lạ trong lòng và chàng không hiểu đó là nỗi đau khổ hay là niềm khoái trá. Bình minh đầu tiên của những xúc cảm thẩm mỹ bắt đầu le lói trong tâm hồn chàng, nó kéo theo nhiều thay đổi

nữa. Giọng chàng nghẹn ngào, chàng không tự chủ được nữa mặc cho những âm thanh lạ lùng thoát ra khỏi họng.

Thời gian này chàng đã bắt đầu đến dự những giờ giảng của thầy hiệu trưởng, tổ chức lại chính phòng làm việc của ông sau bữa trà tối nhằm chuẩn bị cho lễ Kiên tin. Lòng mộ đạo của Philip không chứa đựng nổi sự thử thách của thời gian và từ lâu chàng đã bỏ việc đọc kinh thánh ban đêm. Nhưng bây giờ, chịu ảnh hưởng của thầy Perkins, trong trạng thái mới của cơ thể khiến chàng xiết bao bồn chồn, những cảm nghĩ ngày xưa bỗng chốc trở dậy và chàng đắng cay tự trách mình đã sa ngã. Ngọc lửa địa ngục bùng cháy dữ dội trong trí tưởng tượng của chàng. Nếu chàng chết trong thời kỳ đó, khi chàng chỉ khá hơn kẻ ngoại đạo một chút, thì chắc hẳn chàng đã mất linh hồn, chàng tin tuyệt đối điều này nhiều hơn là tin vào hạnh phúc bất diệt và chàng rùng mình ghê sợ nghĩ đến những nỗi hiểm nghèo mà chàng đã lao vào.

Từ ngày ông Perkins thân mật nói chuyện với chàng khi chàng bị lãng nhục bằng những lời tàn tệ thì Philip thấy mến thầy hiệu trưởng như con chó quý mến chủ nhà. Chàng đã tốn công vắt óc tìm cách làm vui lòng ông. Những lời khen ngợi bé mọn nhất tình cờ thoát ra từ cửa miệng ông được chàng coi như của báu. Khi chàng đến dự các buổi gặp gỡ ngắn ngủi đơn giản ở nhà ông, chàng chuẩn bị tư tưởng phó mặc mình cho ông chi phối hoàn toàn. Chàng ngồi há hốc mồm, đầu hơi cúi về phía trước như không để mất một lời, mắt dán vào cặp mắt sáng ngời của ông Perkins. Trong khung cảnh tầm thường của môi trường chung quanh, những vấn đề họ trao đổi trở nên sinh động lạ lùng. Và bị hấp dẫn bởi chủ đề kỳ diệu của chính mình, thầy giáo thường đẩy cuốn sách đặt trước mặt ra xa, hai bàn tay đan vào nhau đặt lên ngực như muốn làm dịu đi nhịp đập con tim, để nói về những điều huyền bí của tôn giáo. Đôi lúc Philip không hiểu, nhưng chàng không cần hiểu, chàng mơ hồ nghĩ rằng chỉ cảm thấy cũng đủ. Lúc ấy dường như chàng thấy ông hiệu trưởng với mái tóc đen bù xù, gương mặt

tái nhợt, giống như các nhà tiên tri Do Thái không biết sợ hãi khi trách cứ các bậc vua chúa. Và khi nghĩ đến Chúa Cứu Thế, chàng chỉ thấy Người cùng với cặp mắt đen như vậy và hai má cũng xanh xao như vậy.

Ông Perkins đảm nhận phần công việc này của ông hết sức nghiêm túc. Ở đây tuyệt đối không có lấy một thoáng hài hước để các thầy giáo khác nghi ngờ được là ông suồng sã. Sắp xếp thời gian cho một ngày bận rộn, thế mà vào những lúc tạm nghỉ trong mười lăm, hai mươi phút, ông có thể chọn riêng những học sinh để kèm cặp chuẩn bị cho lễ kiên tin. Ông muốn cho các em thấy đó là một bước quan trọng có ý thức đầu tiên trong đời họ; ông cố gắng mò mẫm đi vào chỗ sâu kín trong tâm hồn họ; ông muốn truyền cho họ lòng dùng đạo mãnh liệt của chính ông. Ở Philip mặc dù chàng nhút nhát, ông vẫn cảm thấy khả năng một tình cảm nồng nàn như của chính ông. Đối với ông tính khí của đám học sinh có vẻ chủ yếu là ngoan đạo. Một hôm đang giảng đột nhiên ông ngừng lại:

- Em có nghĩ đến chuyện em sẽ làm gì khi em đến tuổi trưởng thành không?

- Bác em muốn em làm mục sư.

- Còn ý em thì sao?

Philip nhìn chỗ khác. Chàng lấy làm xấu hổ thẹn thấy mình phải trả lời là chàng không xứng đáng,

- Tôi không biết có cuộc đời nào tràn đầy hạnh phúc như cuộc đời chúng ta. Mong rằng tôi có thể làm cho em thấy đó là một đặc ân kỳ diệu biết bao. Người ta có thể phụng sự Chúa trong mọi lĩnh vực hoạt động, nhưng chúng ra thì đứng gần Người hơn. Tôi không muốn tác động đến em đâu, nhưng

nếu em quyết định thì, -Ồ, ngay lập tức - em không thể không cảm thấy niềm vui đó, niềm an ủi đó không bao giờ rời bỏ con người nữa.

Philip không đáp lại, nhưng ông hiệu trưởng đã đọc được trong mắt chàng rằng đã nhận ra cái gì đó của điều mà ông đã cố gắng biểu lộ.

- Nếu em tiếp tục như hiện nay, một ngày nào đấy em sẽ đứng đầu nhà trường và khác hẳn hẳn là em sẽ được học bổng khi ra trường. Em có của riêng gì không?

- Bác em bảo khi nào em hai mươi tuổi thì mỗi năm em được hưởng một trăm bảng.

- Em sẽ giàu có. Còn tôi trước đây tôi chẳng có gì cả.

Thầy hiệu trưởng lưỡng lự một lúc rồi cầm bút chì kẻ vu vơ mấy đường trên tờ giấy thăm trước mặt và tiếp tục nói:

- Tôi e rằng chuyện em chọn nghề nghiệp có phần bị hạn chế. Cố nhiên là em không thể đi vào ngành nào đòi hỏi hoạt động thể lực được.

Philip thẹn đỏ mặt tía tai, như bất kỳ lúc nào khi có điều gì liên quan đến cái chân thọt của chàng. Ông Perkins nghiêm nghị nhìn chàng.

- Tôi tự hỏi không biết em có quá nhạy cảm về tật nguyền của mình không. Có bao giờ em có ý nghĩa cảm tạ Thượng đế về chuyện đó không?

Philip ngược mắt nhìn lên, môi chàng mím chặt. Chàng nhớ rằng trong nhiều tháng, tin tưởng vào điều người ta chỉ bảo, chàng đã khẩn cầu Thượng đế như thế nào, để xin Người chữa khỏi tật nguyền cho chàng như Người đã chữa khỏi cho người hủi và làm sáng mắt kẻ mù lòa.

- Chừng nào mà em còn chấp nhận tất nguyên của em một cách phần nộ thì nó chỉ làm cho em hổ thẹn mà thôi. Nhưng nếu em coi nó như một cây thánh giá, được giao cho em để em vác, chỉ vì em có hai vai khá khỏe để vác nó, thì đáng lẽ ra nó là điều bất hạnh, nó lại là một ân huệ của Chúa, lại là một nguồn hạnh phúc của em.

Nhận thấy cậu học sinh không thích tranh luận vấn đề này, ông để cậu ra về.

Nhưng Philip suy nghĩ kỹ về mọi điều ông hiệu trưởng nói và ngay sau đó, tâm trí chàng hoàn toàn bị thu hút vào buổi lễ sắp tới ở nhà thờ, người chàng lâng lâng một trạng thái xuất thần huyền bí. Tâm hồn chàng như thoát ra khỏi những ràng buộc của xác thịt và chàng như đang sống một cuộc đời mới mẻ. Chàng khao khát sự tuyệt mỹ với tất cả tình cảm nồng nàn của mình. Chàng muốn hiến dâng mình cho Chúa hoàn toàn, và chàng quyết định dứt khoát sẽ làm mục sư. Khi ngày trọng đại ấy đến, tâm trí chàng xúc động sâu sắc do mọi việc chuẩn bị, do sách vở đã nghiên cứu, và trước hết do chịu ảnh hưởng mãnh liệt của thầy hiệu trưởng, chàng hầu như không kiềm chế được niềm vui và lòng sợ hãi. Lòng biết chàng sẽ phải đi một mình qua thánh đường và, chàng nghĩ đến mà sợ, để người ta xem tất đi khắp khiêng của mình hiển nhiên như vậy, không chỉ đối với toàn thể nhà trường dự lễ này, mà còn đối với những khách lạ, dân chúng thành phố này, hoặc cha mẹ học sinh đến chứng kiến con cái họ được làm lễ Kiên tin. Nhưng đến lúc đó, bỗng chàng cảm thấy có thể vui vẻ chấp nhận nỗi hổ thẹn ấy, và khi chàng, hết sức bé nhỏ và vô nghĩa dưới vòm cao ngất tòa nhà thờ lớn; khắp khiêng bước tới thánh đường, chàng ý thức được rằng chàng tự nguyện hiến dâng tất nguyên của mình như một vật hy sinh lên Chúa, Người yêu thương chàng.

Nhưng Philip không thể sống mãi trên những đỉnh cao thiếu thốn khí trời. Điều gì đã xảy ra cho chàng khi lần đầu tiên chàng xúc động vì lòng mộ đạo thì nay lại xảy đến với chàng. Là vì chàng thấm thía sâu sắc cái đẹp của niềm tin, bởi sự ao ước được quên mình bồng bồng trong lòng chàng cứ rục rờ như một viên ngọc quý, dường như sức lực không tương xứng với hoài bão với chàng, khát vọng mãnh liệt làm chàng rã rời. Bỗng nhiên tâm hồn trở nên khô khan một cách kỳ lạ. Chàng bắt đầu quên Chúa mà trước đây chàng tưởng như lúc nào cũng có mặt quanh chàng; và những buổi lễ châu cho tới nay vẫn còn được cử hành rất đúng giờ, dần dần chỉ còn là hình thức. Mỗi lần chàng trách mình về chuyện bỏ đạo, sau đó nỗi sợ hãi ngọn lửa địa ngục thúc giục chàng tiếp tục hang say, nhưng tình cảm nồng nàn đã tắt, dần dần nhưng điều thích thú khác đã làm xao lãng mãi ý nghĩa của chàng.

Philip có ít bạn bè. Thói quen đọc sách đã cô lập chàng, nó trở thành một nhu cầu đến nỗi sau khi đi cùng với người nào một lúc là chàng dần dần trở nên mệt mỏi bồn chồn; chàng tự phụ về kiến thức rộng rãi mình đạt được, nhờ đọc kỹ nhiều sách, trí óc chàng minh mẫn, và chàng vụng về che giấu thái độ khinh rẻ của mình đối với sự ngu đần của bạn bè. Họ than phiền chàng kiêu ngạo, và vì chàng chỉ xuất sắc về những vấn đề không quan trọng đối với họ, nên họ mỉa mai tự hỏi chàng có gì để mà tự cao tự đại. Khả năng hài hước đang phát triển trong chàng và chàng thấy mình có sở trường về những điều cay đắng xúc phạm thiên hạ; chàng nói những điều đó vì chàng cảm thấy vui thích được làm như vậy. Chàng không hiểu được lời lẽ ấy xúc phạm họ biết bao nhiêu, và chàng tức giận khi thấy nạn nhân của chàng nhìn chàng với một mối ác cảm thật sự. Tình trạng bị làm nhục mà chàng mà chàng phải cam chịu lần đầu tiên đến trường đã làm cho chàng trốn tránh bạn bè, những người mà chàng không bao giờ hoàn toàn

thăng được, chàng vẫn nhút nhát ít nói. Nhưng dù đã làm đủ điều để cắt đứt mối thiện cảm của những học sinh khác, chàng vẫn vô cùng khát khao được mọi người yêu mến, điều mà một vài người làm được thật dễ dàng. Chàng sống xa họ nhưng chàng than phục họ một cách phi lý; và dù sẵn sàng mĩa mai họ nhiều hơn nữa so với kẻ khác, dù làm cho họ mất uy tín bằng những chuyện đùa bỡn vặt vãnh, chàng sẵn sàng bỏ ra bất cứ vật gì để đổi lấy địa vị của họ. Thực vậy, chàng sẽ vui vẻ đổi lấy vị trí của cậu học sinh dẫn đầu nhất trường nhưng chân tay nguyên vẹn. Chàng nhiễm phải một thói quen kỳ dị. Chàng thường tưởng tượng mình là một người nào đó mà chàng thích. Chàng gửi hồn mình - có thể cho là như vậy - có thể xác người ấy, làm tất cả mọi việc người ấy làm. Trí tưởng tượng của chàng mạnh mẽ đến nỗi, có vẻ như trong chốc lát, chàng thực sự không còn là chàng nữa. Làm như vậy chàng được hưởng nhiều phút giây hạnh phúc vô cùng kỳ diệu.

Sau lễ Kiến tìn, vào đầu học kỳ Nô-en, Philip chuyển đến một phòng học khác. Một học sinh là Rose cũng được phân vào phòng này. Cậu ta cùng một lớp với Philip và Philip thường nhìn cậu ta vừa hâm mộ vừa ghen tị. Cậu ta không đẹp trai; tuy hai cánh tay và thân mình vạm vỡ khiến người ta nghĩ rằng cậu ta sẽ phải là người cao lớn. Cậu có vẻ lóng ngóng vụng về, nhưng đôi mắt cậu đẹp, khi cậu cười (cậu thường hay cười) các nếp nhăn hiện ra vui tươi quanh đôi mắt ấy. Cậu ta không thông minh, cũng không ngu đần, nhưng học hành khá vất vả, chơi các môn cũng thuộc loại cừ. Cậu được thầy giáo và bạn bè đặc biệt yêu hơn người khác, còn cậu, cậu cũng quý mến mọi người.

Khi được xếp vào phòng này, Philip không thể không nhận thấy những người bạn đã cùng nhau trải qua ba học kỳ đón tiếp chàng một cách lạ lùng. Điều đó khiến chàng bức dọc cảm thấy mình là khách không mời mà đến, nhưng chàng đã học được cách che giấu cảm nghĩ của mình nên cách bạn thấy chàng trầm lặng và không làm phiền ai. Đối với Rose, cũng như bất kỳ ai, Philip ít có khả năng chống lại sức hấp dẫn của cậu ấy, chàng còn dè dặt

và cục cấn hơn thường lệ; và hoặc vì chuyện này (cậu ta không có ý định sử dụng sức quyến rũ của mình mà cảm biết qua những kết quả thực tế), hoặc vì cậu vốn thật sự là người nhân từ, chính Rose là người đầu tiên giới thiệu Philip nhập bọn. Một hôm cậu ra hết sức đột ngột hỏi Philip có muốn đi tới bãi đá bóng với cậu ra không, Philip đỏ mặt.

- Tôi không thể đi nhanh theo anh được.

- Nói với vẫn. Cứ đi.

Và đúng lúc họ bắt đầu đi ra thì một cái đầu thò vào cửa phòng học rủ Rose cùng đi.

- Không thể được. Mình đã hứa đi với Carey rồi. Cậu ta đáp.

- Khỏi phải lo về tôi. Không sao đâu. - Philip nói vội vã.

- Nói với vẫn. Rose cúi lên.

Cậu nhìn Philip với cặp mắt vốn hiền từ, rồi cậu cười.

Philip cảm thấy lòng xao xuyến một cách kỳ lạ.

Trong giây phút ngắn ngủi, tình cảm giữa hai người lớn lên với sự mau lẹ của trẻ con và đôi bạn không rời nhau nửa bước. Các bạn khác lấy làm ngạc nhiên về sự mật thiết đột ngột này, và họ hỏi Rose đã tìm thấy gì ở Philip.

- Ở mình chẳng biết - Cậu ta đáp - thực ra cậu ấy cũng không đến nỗi là một thằng tồi.

Chẳng mấy chốc mà bạn bè đã quen dần với cái cảnh đôi bạn khoác tay nhau đi vào nhà thờ hay dạo quanh khu đất có tường bao, vừa đi vừa trò chuyện, ở bất kỳ nơi nào người này có mặt là có thể tìm thấy người kia ở đó, và cứ như là công nhận quyền sở hữu của Philip, khi nào lũ bạn muốn gặp Rose là họ lại gửi giấy nhờ Philip chuyển.

Lúc đầu Philip còn dè dặt. Chàng hoàn toàn không chịu để cho niềm vui kiêu hãnh tràn ngập trong lòng khuất phục được chàng; nhưng ngay sau đó sự ngờ vực vào số phận đành nhường bộ trước niềm hạnh phúc đến cuồn cuộn. Chàng cho Rose là người bạn thật tuyệt vời từ trước đến nay chàng chưa từng gặp. Sách vở đối với chàng bây giờ vô nghĩa, khi đã có một điều gì quan trọng hơn choán ngập tâm hồn, chàng còn bận tâm đến chúng làm gì! Thịnh thoảng bạn bè của Rose có thói quen đến uống trà trong phòng học, hay ngồi loanh quanh ở đấy khi chẳng có việc gì để làm - Rose thích đám đông, để có cơ hội đùa nghịch - Và họ thấy Philip hoàn toàn là con người đứng đắn, Philip cảm thấy hạnh phúc.

Vào ngày cuối cùng của học kỳ, Philip và Rose tính toán họ sẽ trở lại bằng chuyến tàu nào để có thể gặp nhau ở nhà ga rồi cùng đi uống trà ở thành phố, trước khi về trường. Philip về nhà lòng nặng trĩu. Suốt mất ngày nghỉ, chàng chỉ nhớ đến Rose và chàng hình dung rõ những việc họ sẽ cùng làm trong học kỳ tới. Mấy ngày nghỉ ở nhà chàng buồn bực và tối hôm cuối cùng, khi bác trai hỏi chàng bằng cái giọng bông lơn quen thuộc.

- Sao thế nào, được trở lại trường cháu có vui không? Philip vui vẻ đáp:

- Vui lắm chứ!

Để chắc chắn gặp Rose ở nhà ga, chàng đi chuyến tàu sớm hơn thường lệ và đợi một tiếng đồng hồ ở sân ga. Khi tàu từ Feversham tới, chàng biết Rose phải chuyển tàu, chàng sốt ruột chạy theo. Nhưng Rose không có đấy.

Chàng phải bảo người gác cổng cho biết khi nào có chuyến tàu khác đến, và chàng lại đợi, nhưng chàng thất vọng. Vừa lạnh vừa đói, chàng đi tắt các ngõ hẻm và khu nhà ổ chuột về trường. Chàng thấy Rose đang ngồi trong phòng học, chân gác lên mặt lò sưởi. liến láu huyền thuyên với nửa tá học sinh đứng ngồi lộn xộn. Cậu ta nồng nhiệt bắt tay Philip nhưng Philip mặt xịu xuống, chàng nhận thấy Rose đã quên mất chuyện họ hẹn gặp nhau.

- Này, sao cậu đến muộn quá thế? - Rose nói - Tớ cứ nghĩ là cậu không đến.

- Cậu ở nhà ga lúc bốn giờ rưỡi - một học sinh khác nói - khi tớ đến tớ thấy cậu.

Philip hơi đỏ mặt. Chàng không muốn Rose biết mình đã đợi hẵn như một thằng ngốc.

- Tớ phải chăm sóc một người bạn của gia đình - chàng bịa một cách dễ dàng - ở nhà yêu cầu tớ đi tiễn cô ấy.

Nỗi thất vọng làm Philip buồn buồn. Chàng định khi nào còn lại hai người với nhau thì sẽ giải quyết với Rose. Nhưng khi những người kia đi khỏi thì Rose lập tức đến ngồi trên tay ghế mà Philip đang ngả người ra ưỡn oải.

- Này, tớ hết sức sung sướng là học kỳ này chúng mình vẫn chung trong phòng ấy. Tuyệt quá phải không?

Cậu ta có vẻ thành thật vui mừng gặp Philip làm cho điều bực mình của Philip tiêu tan. Đôi bạn lại bắt đầu sôi nổi nói đến hàng nghìn thứ chuyện mà họ quen làm, xem như trước đó họ vẫn không rời nhau dù là trong năm phút.

Lúc đầu Philip hết sức biết ơn tình bạn của Rose nên không có một đòi hỏi nào. Chàng tiếp nhận mọi việc như chúng xảy ra và tận hưởng cuộc đời. Nhưng ít lâu sau lòng tử tế của Rose với tất cả mọi người làm chàng bắt đầu bực bội. Chàng muốn một sự gắn bó chỉ dành riêng cho mình, điều gì trước đây chàng tiếp nhận như một ân huệ thì nay chàng đòi phải là một quyền lợi. Chàng ghen ghét theo dõi quan hệ bạn bè của Rose với những người khác; và dù biết điều đó là vô lý, chàng cũng không ngăn được thỉnh thoảng nói với anh ta những điều chua chát. Nếu Rose chơi trò hề một giờ ở phòng học khác, thì khi anh ta trở về phòng Philip tiếp đón với vẻ mặt cau có; phiền muộn. Chàng sẽ hờn dỗi cả ngày và càng đau khổ hơn vì Rose không để ý trạng thái cáu kỉnh, càu nhàu của chàng, hay cố ý không biết đến. Philip lúc nào cũng biết mình thật là ngớ ngẩn nhưng không phải là hiếm khi chàng sinh sự cãi vã, và họ có giận lâu thì Philip không chịu được, thậm chí khi tin chắc mình đúng chàng cũng nhún nhường xin lỗi. Sau đó trong một tuần đôi bạn lại thân thiết như xưa. Nhưng thời kỳ tốt đẹp nhất đã hết và Philip hiểu rằng Rose hay đi chơi với chàng chỉ là do thói quen cũ vì sợ chàng giận dỗi; họ không nói năng với nhau như lúc đầu và Rose thường buồn chán. Philip cảm thấy tất đi khắp khiếm của chàng bắt đầu làm hấn ta phát cáu.

Vào cuối học kỳ, có vài học sinh mắc bệnh tinh hồng nhiệt; thế là nổi lên dư luận xì xào bàn tán tất cả học sinh sẽ bị đuổi về nhà để tránh bệnh dịch; nhưng số người bệnh được cách ly và không còn ai bị lây, nên người ta cho rằng nạn dịch đã được ngăn chặn. Trong số bị bệnh có Philip, chàng phải nằm viện suốt kỳ nghỉ lễ Phục sinh và bắt đầu kỳ học hè thì được đưa về nhà ở tòa cha sở để hưởng lấy không khí mát mẻ. Mặc dù y tế đảm bảo rằng chàng không còn lây nhiễm nữa, cha sở vẫn nghi ngại mà đón nhận chàng; ông cho rằng gợi ý cho cháu ông phải dưỡng bệnh gần bờ biển như

ông bác sĩ là rất khinh suất, và nếu ông có đồng ý để chàng về nhà chẳng qua vì chàng không thể đến được nơi nào khác mà thôi.

Đến giữa học kỳ thì Philip trở lại trường, chàng đã quên những chuyện cãi cọ với Rose chỉ nhớ hắn ta là người bạn cao thượng nhất của mình. Chàng biết thời gian qua mình xử sự thật ngờ nghệch. Chàng quyết tâm sẽ tỏ ra biết điều hơn. Trong khi chàng ốm, Rose gửi cho chàng hai bức thư ngắn, thư nào cũng kết thúc bằng những chữ: “Nhanh lên trở lại trường” - Philip cho là Rose nóng lòng mong chàng trở lại cũng như chính chàng mong gặp lại hắn ta.

Chàng thấy do một học sinh lớp đệ lục lại chết vì bệnh tinh hồng nhiệt mà có vài thay đổi trong các phòng học. Rose không còn ở cùng phòng với chàng nữa. Chàng thất vọng cay đắng. Nhưng vừa đến trường là chàng nhảy xổ vào người Rose, Rose ngồi ở bàn đọc, đang làm việc với cậu tên là Hunter, và khi Philip bước vào, hắn quay lại gắt gỏng.

- Quỷ sứ nào thế? - Hắn quát lên, và hắn thấy Philip - Ô, cậu đấy hả.

Philip đứng lúng túng.

- Tớ nghĩ là tớ phải vào xem sức khỏe các cậu ra sao? - Đúng là bọn tớ đang làm việc.

Hunter xen ngang.

- Cậu trở lại lúc nào?

- Cách đây năm phút.

Họ ngồi nhìn chàng như thể chàng là kẻ đang quấy rầy họ. Rõ ràng họ mong chàng đi về cho nhanh. Philip đỏ mặt.

- Tớ về đây, khi nào xong việc, cậu ghé qua chỗ mình nhé - Chàng bảo Rose.

- Được rồi.

Philip bước ra, đóng cửa lại rồi khép khếnh về phòng mình. Chàng cảm thấy bị xúc phạm ghê gớm. Còn lâu Rose mới có vẻ vui mừng được gặp chàng, ngược lại hẳn trông gần như khó chịu. Có lẽ họ không hơn gì là những người quen. Tuy chàng đợi trong phòng, không đi khỏi một phút nào để chờ bạn, nhưng Rose không đến, và sáng hôm sau, khi đi cầu kinh chàng gặp Rose và Hunter khoác tay nhau nhún nhảy đi phía trước. Điều gì chàng chưa thấy thì chàng được người khác thuật lại. Chàng quên rằng trong quãng đời học sinh, thì ba tháng là một thời gian dài, và dù chàng phải trải qua thời gian đó trong cảnh cô đơn thì Rose vẫn sống giữa cuộc đời. Hunter bước tới ngồi vào chỗ khuyết. Philip thấy Rose nhất định tránh chàng. Nhưng chàng đâu phải là thằng con trai cam chịu hoàn cảnh mà không nói một lời. Đợi đến lúc chắc chắn chỉ còn một mình với Rose trong phòng, Philip mới đi vào.

- Mình vào được chứ? Chàng hỏi.

Rose nhìn chàng lúng túng và từ lúng túng, hẳn tức giận Philip.

- Được, nếu cậu muốn.

- Cậu tử tế quá đấy. Philip mĩa mai.

- Cậu muốn gì?

- Này, tại sao từ khi mình trở lại trường, cậu thối thế.

- Ồ, đừng có ngốc - Rose đáp.

- Tớ không hiểu cậu thấy gì ở Hunter.

- Đó là việc của tôi.

Philip nhìn xuống. Chàng không thể nói điều đang nung nấu trong lòng, sợ mình lại sỉ nhục chính mình; - Rose đứng dậy.

- Tôi phải đi tập thể dục đã. - Hấn nói. - Khi hấn ra đến cửa, Philip buộc phải nói:

- Này Rose, đừng có chó má nhé.

- Chà, quý tha ma bắt mày đi.

Rose đóng sầm cửa bỏ đi, mặc Philip ở lại một mình. Philip tức giận run lên. Chàng trở về phòng học nghĩ đi nghĩ lại chuyện này. Giờ đây chàng ghét Rose, chàng muốn làm nhục hấn, chàng nghĩ đến những lời cay độc lẽ ra chàng có thể nói với hấn. Chàng nghiền ngẫm về việc chấm dứt tình bạn này và tưởng tượng đến mọi người khác đang xì xào bàn tán. Vốn nhạy cảm, chàng đã tưởng tượng thấy những nụ cười chế nhạo, thái độ ngạc nhiên của các bạn khác, một khi họ không còn chút bận tâm đối với chàng. Chàng hình dung họ đang nói những gì:

- Rốt cuộc, chuyện đó không thể tồn tại lâu. Mình tự hỏi làm sao hấn chịu nổi cái thẳng ấy. Đồ vô dụng!

Để tỏ ra đứng dung, chàng hăng hái kết bạn với một học sinh tên là Sharp, một gã không những chàng không ưa mà còn khinh miệt. Cậu này là một chàng trai Luân Đôn, vẻ vụng về, cục mịch, mép mới mọc lông tơ, mày rậm giao nhau trên sống mũi. Bàn tay hăn mềm mại, cử chỉ hăn quá khéo léo so với lứa tuổi. Hăn nói năng pha chút ít giọng khu dân đông Luân Đôn. Hăn ở trong số học sinh quá chậm chạp không tham gia được các trò chơi, hăn xin lỗi hết sức chân thực để tránh những chuyện cưỡng bách như vậy. Bạn bè và thầy giáo cảm thấy một mối ác cảm mơ hồ với hăn. Và chính là do kiêu ngạo mà giờ đây Philip tìm tới đánh bạn với hăn. Còn hai học kỳ nữa thì Sharp sẽ sang Đức một năm. Hăn ghét học đường, hăn xem như một sự hèn hạ cứ phải chịu đựng cho đến khi đủ kinh nghiệm để bước vào cuộc đời. Đối với hăn, Luân Đôn là tất cả những gì hăn ưa thích, và hăn có nhiều chuyện về hoạt động của hăn ở trong những ngày nghỉ. Từ câu chuyện hăn kể - Hăn nói giọng trầm trầm dịu dàng - nổi lên tiếng đồn mơ hồ về đường phố Luân Đôn ban đêm. Philip lắng nghe, bị quyến rũ ngay nhưng cũng lấy làm khó chịu. Với trí tưởng tượng mạnh mẽ, chàng như trông thấy đám đông dâng lên quanh của chỗ ngồi hạng nhì trong các nhà hát, và vẻ hào nhoáng của những tiệm ăn rẻ tiền, những bar, ở đây những gã đàn ông nửa tỉnh nửa say ngồi trên chiếc ghế đầu cao, chuyện trò với các cô hầu bàn, và dưới ánh đèn đường, một khách qua đường mờ ám trong lũ người đang đi tìm khoái lạc. Sharp cho chàng mượn những tiểu thuyết rẻ tiền mua ở Helywell Street.

Philip đem về đọc trong phòng ngủ với một nỗi sợ hãi kỳ lạ.

Một lần Rose cố tình tìm cách hòa giải. Hăn bản chất là kẻ tốt bụng, không muốn có kẻ thù.

- Này Carey, tại sao cậu ngờ ngẩn như con lừa thế. Cậu làm chạm tự ái của mình đến mức như vậy có ích gì.

- Tớ không hiểu cậu muốn nói gì. Philip đáp,

- Quái, tớ không hiểu vì sao chúng mình lại không trò chuyện.

- Cậu làm phiền mình.- Philip nói. - Cậu thích gì xin cứ làm. - Tùy cậu.

Rose nhún vai bỏ đi. Mặt Philip tái ngắt, chàng vẫn thường như vậy mỗi khi xúc động, và tim đập nhanh. Khi Rose đi khỏi chàng bỗng thấy đau đớn khổ sở. Không hiểu vì sao chàng lại trả lời hằn như vậy. Nhẽ ra chàng phải nhường nhịn bất cứ điều gì để nối lại tình bạn với Rose. Chàng không muốn cãi nhau với hấn và vì thấy mình làm cho hấn đau khổ, chàng rất hối hận. Nhưng lúc bấy giờ chàng không tự chủ được. Dường như ma quỷ đã ám ảnh chàng, buộc chàng thốt ra những lời gay gắt trái với ý định, thậm chí lúc ấy chàng đã muốn bắt tay Rose, làm vui lòng hấn chứ không phải chỉ nhân nhượng. Cái ý muốn trả thù cho nỗi đau khổ, nỗi nhục nhã mà chàng đã phải chịu đựng. Đó là tính kiêu căng, cũng là ý nghĩ điên rồ, bởi vì chàng hiểu rằng Rose sẽ không hề bận tâm, trong khi đó thì chàng đau khổ đắng cay. Chàng chợt có ý muốn đến nhà Rose gặp hấn và bảo:

- Này, tớ lấy làm tiếc là đã thô bạo như thế. Tớ không kìm nổi mình. Ta dàn hòa với nhau nhé.

Nhưng chàng biết mình sẽ không bao giờ làm nổi điều đó. Chàng sợ Rose sẽ chế nhạo. Chàng tức giận với chính mình và một lát sau, khi Sharp bước vào, chàng chớp ngay lấy cơ hội đầu tiên để cãi nhau với hấn. Philip có một bản năng tàn ác về phát hiện những vết nhơ đau buốt của người khác, có thể nói chuyện làm cho người ta ray rứt vì là những chuyện có thật. Nhưng chính Sharp là người giành được phần thắng:

- Vừa rồi, tôi nghe Rose nói về anh với Mellor - Hấn nói, Mellor hỏi: Vì sao cậu không đá cho nó một phát. Như vậy nó mới biết cách xử sự và

Rose trả lời: Tôi không thích thế. Cái thằng què quỷ tha ma bắt!

Mặt Philip bỗng đỏ bừng. Chàng không thể nào trả lời, vì một cái gì đó chẹn ngang cổ họng làm cho chàng nghẹt thở.

Philip được lên lớp đệ lục, nhưng bây giờ chàng rất ghét học đường, và một khi đã không còn hoài bão, chàng còn cần gì dù chàng xử sự tốt hay xấu. Sáng ngủ dậy, lòng chàng chán chường vì lại phải qua một ngày nữa sống khổ sai. Chàng chán ngấy phải làm những việc người ta sai bảo, và những hạn chế đó làm chàng khó chịu. không phải vì chúng vô lý nhưng vì đó là những giới hạn. Chàng thì khát khao tự do, chàng chán ngấy phải nghe đi nhắc lại những điều đã thuộc, nghe lái nhái không ngừng về một điều gì chàng đã hiểu từ lâu, vì một anh bạn ngu si đần độn.

Với ông Perkins người ta có thể làm việc hay không tùy thích. Ông ta vừa hăm hờ vừa lơ đãng. Phòng học lớp đệ lục nằm ở một phần trong tu viện cổ đã được sửa chữa lại. Phòng có một cửa sổ kiểu gô-tích. Philip vẽ đi vẽ lại cái cửa sổ này, cố khuây khỏa, buồn chán và lảm lức, chàng vẽ ra bìa thêm một cái tháp lớn hay cái cổng dẫn vào các khoảng đất có tường bao quanh. Chàng có khiếu về họa. Lúc còn son trẻ, bác gái Louisa đã vẽ màu nước và có nhiều tập an-bom đầy những phác họa về nhà thờ, về những chiếc cầu xưa và những mái nhà tranh xinh đẹp. Các bức tranh này thường được giới thiệu trong những buổi tiệc trà ở tòa cha sở. Có lần bà đã cho Philip một hộp thuốc màu làm quà ngày lễ Giáng sinh, và chàng bắt đầu vẽ phông theo tranh của bà. Chàng vẽ phông theo đẹp hơn không ai ngờ và chẳng mấy chốc chàng tự vẽ lấy bức tranh nho nhỏ. Bà Carey khuyến khích chàng khỏi nghịch ngợm và sau này những phác họa của chàng có thể dùng được trong các cuộc bán hàng phúc thiện. Hai hay ba bức phác họa đó đã được đóng khung và treo trong phòng ngủ của chàng.

Nhưng một hôm, vào lúc kết thúc buổi sáng, ông Perkins chặn chàng lại khi chàng đang thơ thẩn ngoài lớp học.

- Thầy muốn nói chuyện với em, Carey ạ.

Philip chờ đợi. Ông Perkins đưa mấy ngón tay xương xẩu vuốt ve chòm râu và nhìn Philip, có vẻ như đang suy nghĩ về điều ông muốn nói.

- Em Carey, em có chuyện gì vậy? Ông đột nhiên hỏi.

Philip đỏ mặt, nhìn nhanh thầy. Nhưng hiểu rõ thầy vào lúc này, chàng không đáp, đợi thầy nói tiếp:

- Gần đây thầy không được hài lòng về em, em uể oải và lơ đãng. Dường như em không quan tâm đến công việc học. Việc học của em cầu thả và không tốt.

- Thưa thầy, em rất lấy làm tiếc - Philip đáp.

- Đó là tất cả những điều em muốn nói đấy phải không?

Philip sa sầm nét mặt nhìn xuống đất.

Biết nói thế nào đây để thầy hiểu được rằng chàng buồn chán đến chết được.

- Em biết đấy, học kỳ này đáng lẽ em tiến bộ thì lại thụt lùi. Thầy sẽ không cấp phiếu chứng nhận học tập giỏi cho em được.

Philip tự hỏi thầy sẽ nói gì đây nếu thầy biết tờ phiếu ấy đã được ở nhà tiếp đón như thế nào. Gia đình nhận được phiếu vào lúc ăn sáng. Bác Carey dừng dừng liếc qua rồi đưa cho Philip.

- Đây là phiếu chứng nhận thành tích học tập của cháu. Tốt nhất là cháu nên xem trong ấy nói gì - ông vừa nói vừa đưa mấy ngón tay giơ lướt qua trang mục quảng cáo hàng của mấy cuốn sách cũ.

Philip đọc tờ phiếu.

- Có tốt không? - Bác gái Loisa hỏi.

- Cháu đáng được tốt hơn kia. - Philip mỉm cười trả lời và đưa tờ phiếu cho bác gái.

- Bác sẽ lấy kính đọc sau - bà nói.

Nhưng sau bữa sáng, chị Mary-Ann vào nói bác hàng thịt đã đến thế là bác gái lại quên.

Ông Perkins tiếp tục.

- Thầy thất vọng về em. Thầy không hiểu nổi. Thầy biết em có thể học hành, nếu em muốn, nhưng xem chừng như em không thích gì nữa. Kỳ học tới đây thầy có ý định bố trí em làm lớp trưởng lớp nhưng thầy nghĩ rằng tốt hơn thầy nên đợi thêm ít lâu.

Philip đỏ mặt. Chàng không thích nghĩ rằng mình đang bị bỏ rơi. Chàng mím chặt môi.

- Còn điều này nữa. Bây giờ là lúc em phải bắt đầu nghĩ đến vấn đề học bổng rồi đấy. Em sẽ không được gì trừ phi em bắt đầu học tập hết sức nghiêm túc.

Lời quở trách này khiến chàng bức bối. Chàng tức giận thầy hiệu trưởng và tức giận cả chính mình.

- Em sẽ không nghĩ là em sẽ đi Oxford - chàng nói.

- Tại sao không? Thầy nghĩ rằng trước đây em có ý muốn được phong làm mục sư

- Em đã thay đổi ý kiến.

- Vì sao?

Philip không đáp. Ông Perkins đứng nghiêng, tư thế quen thuộc của ông, đầu gối chùng xuống giống một nhân vật trong tranh của Perugino, tư lự đưa mấy ngón tay vuốt vuốt chòm râu. Thầy nhìn Philip như thể đang cố hiểu, rồi bất thình lình ông bảo chàng có thể ra về.

Rõ ràng ông không hài lòng, vì một tuần sau đó, vào một buổi tối, khi Philip phải đến phòng làm việc của ông, nom mấy bài luận văn, ông lại tiếp tục câu chuyện hôm nọ, nhưng lần này ông chọn một phương pháp khác. Ông nói chuyện với Philip không phải như hiệu trưởng với học sinh, mà như hai con người bình đẳng với nhau. Bây giờ ông tỏ vẻ không để ý đến việc học tập kém cỏi của Philip, đến chuyện chàng ít cần được may mắn chống chọi với những đối thủ sắc sảo để đoạt được học bổng cần thiết cho chàng đi Oxford: Điều quan trọng là chàng đã thay đổi ý định về đời chàng sau này. Ông Perkins gợi lại ý muốn tha thiết của chàng được phong làm mục sư. Ông vô cùng khéo léo tác động vào những cảm nghĩ của chàng, điều này dễ dàng hơn vì chính bản thân ông cũng xúc động chân thành. Việc Philip thay đổi ý định làm cho ông đau buồn cay đắng, ông thực sự cho rằng chàng đang vứt bỏ cơ hội hạnh phúc trong đời, vì lẽ gì ông không hiểu nổi. Giọng nói của ông rất có sức thuyết phục, và Philip vốn dễ động

lòng vì niềm xúc cảm của người khác, chính chàng cũng hết sức bùi ngùi - tuy bề ngoài tỏ ra trầm tĩnh - nét mặt chàng một phần do tự nhiên, nhưng cũng do thói quen của những năm tháng ở nhà trường hiếm khi bộc lộ những cảm xúc của chàng, không kể trường hợp chàng đỏ mặt ngay tức khắc. Lời thầy hiệu trưởng làm cho Philip vô cùng cảm động. Chàng hết sức biết ơn về thái độ quan tâm của thầy - và chàng thấy lương tâm cắn rứt vì đã làm cho thầy buồn. Chàng phảng phất lấy làm hãnh diện về việc ông Perkins bận lo liệu mọi việc cho nhà trường, thế mà phải suy nghĩ vì chàng, nhưng cùng lúc ấy chàng thấy một cái gì khác trong người chàng như có một người nào đó đứng ngay cạnh chàng khăng khăng ba tiếng tuyệt vọng - Tôi không muốn. Tôi không muốn. Tôi không muốn.

Chàng cũng thấy mình đang làm lỗi. Chàng bất lực trong sự yếu đuối đang nhấn chìm chàng; giống như nước tràn vào cái chai không, khi người ta đìm nó vào bể đầy, và chàng nghiêm trang nhắc lại với chính mình những lời đó: Tôi không muốn. Tôi không muốn. Tôi không muốn.

Cuối cùng ông Perkins đặt tay lên vai Philip.

- Thầy không muốn thúc đẩy em - ông nói - tự em phải quyết định lấy. Em hãy cầu xin Đấng Toàn năng giúp đỡ chẵn dặt em.

Khi Philip ra khỏi nhà thầy hiệu trưởng thì trời lất phất mưa. Chàng bước đi dưới cổng tò vò dẫn vào các khu đất có tường bao quanh. Ở đây, không một bóng người và trên những cây du, bầu quạ cũng im lặng, Chàng lững thững bước quanh. Chàng cảm thấy nóng nực, nên cơn mưa làm chàng dễ chịu. Chàng suy nghĩ kỹ về mọi lời nói của ông Perkins, bây giờ bình tĩnh chọn, vì đã thoát khỏi tấm lòng nhiệt thành của ông, chàng lấy làm vui mừng vì không nhượng bộ.

Trong bóng tối, chàng chỉ có thể nhìn thấy lơ mơ khối nhà thờ đồ sộ, giờ thì chàng ghét nó, vì những buổi lễ thánh chán ngắt chàng buộc phải dự. Bài thánh ca dài bất tận, khi hát phải đứng nghiêm buồn thảm; bài thuyết giáo rì rầm rì rầm không nghe nổi và người thì co rúm lại vì phải ngồi yên trong lúc cần được đi đi lại lại. Philip chợt nhớ đến hai buổi lễ vào ngày thứ bảy ở Blackstable. Nhà thờ trống không lạnh lẽo, sức mùi sáp thơm bôi tóc, mùi quần áo hồ bột. Ông cha phó và bác chàng mỗi người thuyết giảng một lần. Khi khôn lớn, chàng đã học cách tìm hiểu bác mình. Thẳng thắn và cố chấp, Philip không thể hiểu nổi một con người với tư cách mục sư lại có thể thành thật khuyên nhủ những điều mà chính mình không bao giờ thực hiện với tư cách một trang nam nhi. Sự đối trá đó xúc phạm đến chàng. Bác trai chàng là một con người yếu đuối, ích kỷ, ước vọng của ông là tránh mọi chuyện lo nghĩ buồn phiền.

Ông Perkins nói với chàng về cái đẹp của cuộc đời hiến dâng cho sự nghiệp phụng sự Chúa. Philip biết rõ ở nơi xứ East Anglia quê hương của chàng, giới tăng lữ sống cuộc đời như thế nào. Có cha ở vùng Whilestone, một xứ đạo cách Blackstable không xa mấy; ông ta chưa vợ, để có việc làm, gần đây, ông chọn nghề đồng áng; báo chí địa phương thường tường thuật những vụ kiện ở tòa án tỉnh, người lao công này, người lao công nọ không được ông trả tiền hoặc những thợ thủ công bị ông tố cáo là lừa đảo, còn chuyện tai tiếng về vụ ông để đàn bò cái phải chết đói rồi sư luận xôn xao bàn tán nhiều người cùng đứng tên kiện ông. Rồi đến cha sở xứ Ferne, một người có râu đen hình dáng thanh tú, người vợ buộc phải bỏ đi vì sự tàn ác của ông; bà con hàng xóm đã được nghe người vợ kể lại về những chuyện đời bại của ông. Còn cha sở xứ Surle, một xóm nhỏ gần biển, thì tối nào thiện hạ cũng gặp ông trong quán rượu cách tòa cha sở có một tầm ném; và những ủy viên quản lý tài sản giáo hội phải đến xin lời chỉ bảo của ông Carey. Không có ai để ý các cha sở nói chuyện trừ một ít tá điền và dân chài; những đêm đông dài, gió rét thê lương qua những thân cành trụi lá, họ không trông thấy gì chung quanh, trừ cảnh trần trụi đơn điệu của cánh đồng

đã được cày xới; và còn cảnh bần cùng thiếu công ăn việc làm, mọi lệch lạc trong người họ trở dậy; không gì kiềm chế nổi dần dần họ trở nên hẹp hòi, nhọn nhem kỳ cục; Philip biết rất rõ tất cả điều này, nhưng với tính không khoan dung của tuổi trẻ, chàng không chấp nhận đó là một lý do để bào chữa. Nghĩ đến phải sống một cuộc đời như vậy chàng rùng mình, chàng muốn thoát ra dẫn thân vào cuộc đời.

Ông Perkins thấy ngay những lời nói của mình không có tác dụng gì với Philip nên suốt thời gian còn lại của học kỳ ông phớt lờ chàng. Ông ghi một bản nhận xét chua ca về học tập của chàng. Khi nhận được giấy, bác gái Louisa hỏi chàng bản nhận xét đó thế nào, chàng tươi cười đáp:

- Chả ra gì.

- Thật ư? - Cha sờ hỏi - Tôi phải xem lại lần nữa.

- Bác có nghĩ rằng cháu tiếp tục ở lại Tercanbury là có ích không? Cháu cho rằng tốt nhất cháu nên đi sang Đức một thời gian.

- Sao cháu lại nghĩ thế? - Bác Louisa hỏi.

- Bác không cho đó là một ý khá tốt hay sao?

Sharp đã rời trường Hoàng gia, và từ Hanover viết thư về cho Philip. Hắn đang thực sự bước vào đời. Nghĩ đến điều đó Philip càng bồn chồn không yên tâm. Chàng thấy không thể chịu bị cật thúc thêm một lần nữa.

- Nhưng rồi cháu không có học bổng.

- Dù sao chẳng nữa cháu cũng không có may mắn được học bổng. Và lại, cháu không thấy mình cần phải đi Oxford.

- Nhưng nếu cháu sắp được phong chức mục sư thì sao? Bác gái Louisa hoảng hốt kêu lên:

- Cháu đã từ bỏ ý nghĩ đó từ lâu rồi.

Bà Carey sững sốt nhìn chàng và sao đó, vốn đã quen tự kiềm chế, bà rót một cốc nước chè nữa đưa bác trai. Họ im lặng. Một lúc Philip thấy nước mắt từ từ chảy xuống hai má bác gái. Chàng bỗng thấy xót xa vì đã làm cho bà đau khổ. Với chiếc áo dài đen bó sát cắt may xoàng xĩnh, khuôn mặt nhăn nheo, cặp mắt xám mệt mỏi, mái tóc hoa râm vẫn còn vấn khăn dài các như hồi còn trẻ, bà là một nhân vật lố bịch nhưng lại làm cho người ta cảm động lạ thường. Lần đầu tiên Philip nhận ra điều này.

Sau đó, khi cha sở vào ngồi trong phòng làm việc với cha phó, chàng vòng tay ôm ngang lưng bác gái.

- Bác Lousisa, cháu lấy làm buồn đã làm bác lo lắng. - Chàng nói - nhưng cháu được phong làm mục sư thì chẳng ích lợi gì nếu thực sự cháu không có thiên hướng phải không bác?

- Bác chán lắm, Philip - Bà rên rỉ - Bác đã đặt bao hy vọng vào việc đó. Bác nghĩ cháu có thể làm cha phó cho bác trai rồi khi nào Chúa gọi hai bác về châu Người, nói cho cùng, hai bác không thể nào sống mãi, phải không? - thì cháu có thể tiếp nhận địa vị của bác trai.

Philip rùng mình hoảng sợ. Tim chàng đập mạnh như con chim bồ câu mắc bẫy vẫy vùng dang đôi cánh. Bác gái gục đầu vào vai chàng trai khóc thút thít.

- Cháu hy vọng bác sẽ thuyết phục bác trai William cho cháu đi khỏi Tercanbury, cháu chán ở đây lắm rồi.

Nhưng đâu có dễ dàng thay đổi bất kỳ công việc gì cha sở Blackstalbe đã sắp đặt, ông thường tỏ ý định là Philip phải học ở trường Hoàng gia cho đến 18 tuổi, và sau đó sẽ đi Oxford. Trong mọi tình huống, nhất định ông không chịu để chàng bỏ học lúc này, vì do không báo trước nên học phí kỳ này vẫn cứ phải đóng.

- Vậy bác có vui lòng báo trước cho cháu được rời khỏi nhà trường vào dịp lễ Nô-en không? Philip hỏi lúc kết thúc một cuộc trao đổi dài dòng và đôi khi gay gắt.

- Bác sẽ viết cho ông Perkins về vấn đề này để xem ông ấy trả lời sao.

- Ôi, ước gì cháu đã hai mươi một tuổi. Thật dễ sợ, hoàn toàn chịu thiên hạ sai khiến.

- Cháu Philip, cháu không được nói năng về bác trai như vậy. - Bà Carey khẽ bảo.

- Nhưng bác không thấy rằng ông Perkins sẽ muốn cháu ở lại sao? Cứ mỗi học sinh ở trường là ông ấy kiếm được khối tiền.

- Tại sao cháu không muốn đi Oxford?

- Nếu cháu đã không vào nhà thờ thì chuyện ấy phỏng có ích gì?

- Không phải là cháu vào nhà thờ. Cháu đã vào rồi đấy. - Cha sở nói.

- Và cháu đã được phong chức. Philip nóng nảy đáp lại.

- Cháu Philip, cháu sẽ làm gì? - Bà Carey hỏi.

- Cháu không biết, chưa quyết định. Nhưng dù cháu làm gì, biết được ngoại ngữ sẽ rất có ích. Một năm ở Đức, cháu sẽ học được nhiều hơn ở cái xó kia.

Chàng không muốn nói Oxford chẳng hay ho gì hơn là tiếp tục sống ở trường. Chàng thiết tha ước mong được làm chủ bản thân mình. Và lại, trong một chừng mực nào đó, đám bạn học cũ đã biết chàng, và chàng muốn tránh xa tất cả bọn họ. Chàng cảm thấy cuộc đời ở trường đã là một thất bại. Chàng muốn khởi sự lại từ đầu.

Nguyện vọng đi Đức của chàng trùng hợp với một vài ý kiến đã được bàn cãi gần đây ở Blackstable. Thịnh thoảng, vài người bạn đến chơi và ở lại với cha sở mang lại những tin tức của thế giới bên ngoài và những khách đến nghỉ mát tháng Tám ở bờ biển cũng nhìn sự vật theo cách riêng của họ. Cha sở nghe nói có người cho rằng phương pháp giáo dục cũ kỹ, thời buổi này chẳng có ích gì, như ngày trước, và ngôn ngữ hiện đại phải chiếm được vị trí quan trọng chưa từng có trong thời thanh niên của ông. Tâm sự của ông bị phân tán, vì cậu em trai hồng thi, được cử sang Đức, đã tạo ra một tiền lệ, nhưng khi cậu ấy chết ở đó vì bệnh thương hàn thì ông không thể nào xem kinh nghiệm ấy là không nguy hiểm. Kết quả của vô số cuộc chuyện trò này là Philip phải trở lại Tercanbury một kỳ học nữa, rồi sau đó mới được thôi học. Philip hài lòng với thỏa thuận này. Nhưng khi chàng về trường được mấy ngày, thì hiệu trưởng nói với chàng:

- Thầy có nhận được thư của bác em. Dường như em muốn đi Đức nên ông ta hỏi ý kiến thầy về vấn đề này.

Philip sửng sốt. Chàng giận điên người vì ông bác trai giám hộ đã không giữ lời hứa.

- Thưa thầy, em nghĩ rằng việc này đã được quyết định rồi đấy ạ - Chàng đáp.

- Còn lâu. Thầy đã viết thư nói rằng theo thầy thì để em đi nơi khác là sai lầm lớn nhất.

Lập tức Philip ngồi viết cho bác trai một bức thư lời lẽ gay gắt. Chàng tức giận đến nỗi, đêm hôm đó, khuya lắm chàng vẫn không ngủ được. Và sáng hôm sau chàng dậy sớm, bắt đầu suy ngẫm về cách đối xử của người ta với chàng. Chàng sốt ruột chờ đợi thư trả lời. Hai ba ngày sau thì có thư đến. Đó là một bức thư lời lẽ dịu dàng mà phiến muộn của bác gái Louisa, khuyên chàng không nên viết những điều như vậy với bác trai đang hết sức đau buồn. Như thế là tàn nhẫn, và trái với đạo cơ đốc. Chàng phải biết rằng hai bác cố gắng hết sức mình chỉ vì chàng; hai bác nhiều tuổi hơn chàng biết bao nhiêu; vì vậy hai bác phải biết hơn nhiều việc gì có lợi cho chàng. Philip nắm chặt hai tay. Những lời phát biểu như thế này chàng được nghe luôn, chàng không hiểu vì sao nó đúng được. Hai bác không trải qua những hoàn cảnh như chàng, sao hai bác lại có thể chấp nhận được cái điều mà tự thân nó đã là điều hiển nhiên, rằng nhiều tuổi hơn thì càng khôn ngoan hơn? Bức thư kết thúc bằng tin ông Carey đã rút lui lời hứa. Philip giận dữ mãi trong lòng cho đến buổi chiều trước ngày nghỉ. Người ta nghỉ những ngày thứ ba, thứ năm vì chiều thứ bảy họ phải đi lễ nhà thờ lớn. Chàng ở lại sau khi các học sinh khác của lớp đệ lục đã đi ra hết.

- Thưa thầy, em xin phép về Blackstable chiều nay có được không? - Chàng hỏi.

- Không. - Thầy hiệu trưởng trả lời gọn lỏn.

- Em có việc quan trọng cần hỏi ý kiến bác trai em.

- Em không nghe thầy đã bảo là không à?

Philip không đáp. Chàng đi ra. Chàng thấy gần như phát ốm vì bị nhục, nhục vì phải xin xỏ, nhục vì bị cự tuyệt thẳng thừng. Bây giờ chàng ghét thầy hiệu trưởng. Philip uất ức chế độ chuyên quyền này không bao giờ thèm giải thích gì cho hành động bạo ngược nhất. Chàng quá tức giận nên không để ý mình đang làm gì, và sau khi ăn tối, chàng xuống nhà ga, theo mấy con đường tắt mà chàng rất thạo, vừa kịp đúng giờ lên chuyến tàu đi Blackstable. Chàng vào tòa cha sở, thấy bác trai và bác gái đang ngồi trong phòng ăn.

-Ồ, cháu từ đâu đến đây? - Cha sở hỏi, rất rõ ràng là ông không hài lòng khi thấy chàng. Ông có vẻ hơi khó chịu.

- Cháu phải về hỏi ý kiến bác về chuyện cháu nghỉ học. Khi cháu ở đây, bác hứa với cháu một cách, và một tuần sau thì bác lại làm một cách, nên cháu muốn biết như vậy là thế nào - Chàng hơi hoảng sợ về cách ăn nói táo bạo của mình, nhưng chàng quyết định phải dùng những lời lẽ như thế, và tuy tim chàng đập nhanh, chàng cố nói ra cho được.

- Cháu có được phép về đây chiều nay không?

- Không. Cháu đã xin phép ông Perkins nhưng ông không cho. Nếu bác muốn viết cho ông ấy nói cháu ở đây thì bác có thể làm cho cháu tha hồ bị khiển trách.

Bà Carey ngồi đan, hai tay run lấy bậy. Bà không quen với những cuộc cãi vã, nên hai bác cháu làm cho bà vô cùng bối rối.

- Đáng đời anh nếu tôi báo cho ông ấy biết! - Ông Carey bảo.

- Nếu bác muốn trở thành một kẻ hoàn toàn không còn phẩm giá, bác cứ làm. Bác đã viết được cho ông Perkins, thì việc đó bác cũng thừa khả năng.

Philip nói như vậy là đại dột, vì câu đó đem lại cho cha sở cái cơ hội đúng như ông ấy muốn.

- Tôi sẽ không ngồi yên trong khi anh ăn nói hỗn láo với tôi. - Ông nghiêm trang nói.

Ông đứng lên bước nhanh ra ngoài rồi vào phòng làm việc. Philip nghe ông đóng cửa và khóa lại.

- Trời ơi, ước gì tôi đã 21 tuổi. Bị ràng buộc thế này thật đáng sợ.

Bác gái Louisa ngồi khóc âm thầm.

- Ôi Philip, cháu không nên ăn nói với bác trai như thế. Bác xin cháu, cháu hãy đi xin lỗi bác trai đi.

- Cháu không có lỗi chút nào. Bác ấy lợi dụng một lợi thế hèn hạ. Dĩ nhiên giữ cháu ở lại trường đúng là lãng phí tiền của, nhưng bác ấy quan tâm đến cái gì? Tiền bạc có phải của bác ấy đâu. Đặt cháu dưới sự giám hộ của một người không hiểu chút gì về sự đời thì thật là tàn nhẫn.

- Philip.

Đang giận dữ, bỗng Philip ngừng lại khi nghe giọng nói của bác gái. Ôi cái giọng nghe sao mà não ruột. Philip không thấy được là chàng đang nói những điều thật cay đắng.

- Philip, làm sao mà cháu có thể tàn nhẫn như vậy? Cháu biết là hai bác đã cố gắng hết sức mình chỉ vì cháu và hai bác cũng hiểu rằng hai bác không có kinh nghiệm; nếu như hai bác đã có con cái rồi thì lại khác; vì vậy hai bác mới phải hỏi ý kiến ông Perkins. - Giọng nói của bà nghẹn ngào. - Bác cố sao làm được như một người mẹ đối với cháu. Bác yêu thương cháu như chính con trai bác.

Bà bé nhỏ quá, yếu đuối quá, trong cái vẻ gái già của bà có cái gì rất đổi tội nghiệp, khiến Philip lấy làm cảm động. Bỗng cổ họng bà nghẹn tắc lại, nước mắt giàn giụa.

- Cháu rất buồn. - Chàng nói - Cháu không định bụng xử sự súc vật như thế này. Chàng quỳ xuống cạnh ôm bà vào lòng và hôn lên hai má nhăn nheo đầm đìa nước mắt. Bà khóc nức lên cay đắng. Chàng bỗng thấy thương cái đời người bị bỏ phí thế này. Bà chưa bao giờ để cho niềm xúc động biểu lộ ra ngoài như vậy.

- Cháu Philip, bác biết bác không làm được cho cháu như lòng bác hằng mong muốn, nhưng bác chẳng biết làm thế nào. Thật đúng là dễ sợ cho cái cảnh không con cái của bác, cũng như cái cảnh cháu không còn mẹ.

Philip đã quên cơn tức giận và những lo âu của mình, lúc này chẳng còn nghĩ đến việc an ủi bác gái bằng những câu nói đứt quãng, và những vuốt ve khẽ khàng lúng túng. Đúng lúc ấy chuông đồng hồ điểm, chàng phải chạy đi ngay cho kịp chuyến tàu duy nhất đưa chàng trở lại Tercanbury đúng lúc điểm danh. Ngồi trong góc toa, thế là mình không làm được việc gì. Chàng giận mình nhu nhược. Để cho thái độ vênh vang của cha sở và nước mắt của bác gái lái mình ra khỏi chủ định thì thật là hèn. Chàng không rõ hai bác đã trao đổi với nhau thế nào, nhưng kết quả là một bức thư nữa đã được gửi đến cho thầy hiệu trưởng. Ông Perkins vừa đọc thư vừa nhún vai, khó chịu. Ông đưa lá thư cho Philip. Bức thư như sau:

Kính thưa ông Perkins,

Xin ông tha lỗi cho tôi làm phiền ông một lần nữa về người cháu được tôi bảo trợ. Nhà tôi và tôi, cả hai chúng tôi đều lo lắng cho cháu. Hình như cháu rất ao ước được rời khỏi nhà trường, bác gái cháu cho là cháu khổ sở. Vì không phải là cha mẹ nên chúng tôi không biết làm gì. Hình như cháu không thấy mình đang học hành rất khá, nên cháu thấy có lưu lại thêm chỉ lãng phí tiền bạc của mình. Tôi sẽ biết ơn ông rất nhiều nếu ông vui lòng trò chuyện cùng cháu. Nếu cháu vẫn không thay đổi ý kiến thì có lẽ tốt hơn là cháu nghỉ học vào dịp lễ Noel như ý định ban đầu của tôi.

Bạn rất chân thành của ông

William Carey

Philip đưa trả lại bức thư cho thầy hiệu trưởng. Chàng rất rộn ràng tự hào thắng lợi của mình. Chàng đã thực hiện được điều mong muốn và chàng lấy làm thỏa mãn, ý chí của chàng đã chế ngự được ý chí của người khác và đã giành được thắng lợi.

- Thật là vô ích. Cứ mỗi lúc nhận được thư anh, ông ta lại thay đổi ý kiến như thế này thì phải bỏ ra nửa giờ để viết cho bác anh. - Thầy hiệu trưởng bực bội nói.

Philip không nói gì, nét mặt chàng hoàn toàn bình thản; nhưng chàng không ghìm nổi để mắt khỏi long lanh. Ông Perkins nhận rõ điều đó nên ông khẽ cười.

- Đúng hơn là em ghi được một điểm thắng phải không?

Lúc ấy Philip cười thẳng thắn. Chàng không che giấu được niềm hân hoan của mình.

- Có thật là em nóng lòng ra đi không?

- Thưa thầy đúng thế.

- Ở đây em có khổ sở không?

Philip đỏ mặt. Theo bản năng chàng không muốn ai đó đi sâu vào những cảm nghĩ của mình.

- Ồ thưa thầy, em không biết.

Ông Perkins chậm rãi đưa ngón tay phải cào cào chòm râu, trầm ngâm nhìn chàng. Ông nói dường như với riêng mình:

- Dĩ nhiên các trường lập nên cho học sinh trung bình. Nhưng dù cái chốt hình dáng thế nào thì bằng cách này hay cách khác cũng phải đem nêo vào chỗ đã đục. Người ta không có thì giờ để lo lắng bất cứ việc gì khác ngoài học sinh trung bình. Rồi bỗng ông nói với Philip:

- Đây, thầy gợi ý với em như thế này. Học kỳ này của chúng ta sắp sửa kết thúc. Có thêm học kỳ nữa thì em cũng chẳng chết nào, còn nếu như em muốn đi Đức thì đi sau lễ Phục Sinh, tốt hơn là sau lễ Nô-en. Mùa xuân sẽ thú vị hơn là giữa mùa đông. Nếu kết thúc học kỳ tới đây mà em vẫn muốn đi thì thầy không phản đối. Em nghĩ thế nào?

- Thưa thầy, em xin cảm ơn thầy rất nhiều.

Philip quá sung sướng giành được ba tháng cuối tháng cuối cùng nên chàng không bận tâm gì đến học kỳ thêm này nữa. Nhà trường ít có vẻ là nhà tu hơn khi chàng biết rằng trước ngày lễ Phục Sinh chàng sẽ mãi mãi được giải thoát, tim chàng như nhảy múa trong lồng ngực. Tối hôm đó, trong nhà thờ, chàng nhìn quanh khắp đám học sinh mỗi người đứng đúng chỗ quy định theo lớp học của mình, và nghĩ rằng chẳng còn bao lâu nữa, chàng sẽ không bao giờ gặp lại họ nữa. Chàng thoải mái cười thầm. Điều này khiến chàng nhìn họ thân thiết. Mắt chàng nhìn lại nhìn Rose. Hắn đang hết sức nghiêm trang đứng ở vị trí trưởng lớp. Đúng là hắn có ý trở thành người có ảnh hưởng tốt trong trường; tối nay đến lượt hắn đọc bài và hắn đọc rất hay. Philip mỉm cười khi chàng nghĩ rằng chàng sẽ thoát khỏi hắn. Trong sáu tháng nữa, dù thân hình hắn co cao lớn thêm chẳng hạn thì cũng chẳng có ý nghĩ gì. Có gì quan trọng nếu hắn sẽ làm lớp trưởng, và đội trưởng đội bóng tròn. Philip nhìn các thầy giáo trong những tấm áo choàng. Thầy Gordon đã chết, thầy chết vì chứng ngạt máu hai năm trước đây, các thầy khác vẫn còn đó. Philip biết rằng hiện nay số phận họ đáng thương bao nhiêu, có lẽ trừ thầy Turner có cái gì đó của kẻ nam nhi, và chàng bức tức nghĩ đến việc trước đây chàng phải chịu dưới quyền họ. Trong sáu tháng nữa đối với chàng, họ cũng như những lời khen của họ chẳng có ý nghĩa gì, và đối với những lời khiển trách của họ, chàng sẽ nhún vai khinh bỉ.

Philip đã học được cách không biểu lộ cảm xúc ra ngoài, chỉ tính nhút nhát là vẫn còn dẫn dắt chàng, nhưng chàng luôn luôn ở trong trạng thái phấn khởi. Lúc ấy tuy chàng đi khập khiễng, bẽn lẽn ít nói, dè dặt nhưng chàng nghe như trong lòng rộn rã tiếng chào vui. Dường như chàng bước đi nhẹ nhàng hơn. Đủ thứ ý nghĩ nhảy múa trong đầu, đuổi theo nhau dữ dội đến nỗi chàng không thể nắm bắt kịp; chúng cứ qua qua lại lại trong trí chàng khiến cho chàng hồ hởi. Giờ đây chàng vui sướng, chàng có thể yên tâm học tập, và trong những tuần còn lại của học kỳ, chàng ra sức gỡ lại thời gian xao lãng kéo dài. Đầu óc chàng làm việc một cách thoải mái và

chàng vô cùng thích thú được hoạt động bằng trí tuệ. Trong kỳ thi kết thúc học kỳ, chàng làm bài rất tốt. Ông Perkins trao đổi về một bài tiểu luận của chàng và sau những lời bình phẩm thường lệ, ông chỉ có một nhận xét:

- Thế là em quyết định ngừng làm trò hề một tí phải không.

Ông cười tùm tùm với chàng để lộ hàm răng trắng muốt. Còn Philip thì nhìn xuống ngưỡng nghịu mỉm cười.

Nửa tá học sinh đang chờ phân phát phần thưởng nhân dịp kết thúc học kỳ hè đã thôi coi Philip như một đối thủ đáng gờm nhưng cũng bắt đầu khó chịu nhìn chàng. Chàng không nói với ai là mình sẽ thôi học vào dịp lễ Phục sinh, và như vậy chàng là một đối thủ không còn ý nghĩa, chàng mặc kệ cho họ lo lắng. Chàng biết Rose hãnh diện về môn tiếng Pháp; và hẳn tin rằng sẽ đoạt được giải thưởng của vị linh mục địa phận về bài tiểu luận tiếng Anh. Philip rất lấy làm hài lòng thấy hẳn mất tinh thần khi hiểu rằng Philip đã làm bài khá hơn hẳn rất nhiều về các môn học này. Một bạn nữa là Morton không đi Oxford được trừ phi hẳn được một trong số học bổng theo các sắp xếp của trường. Hẳn hỏi Philip có định dự thi để nhận học bổng không.

- Cậu có ý kiến phản đối gì không? - Philip hỏi.

Điều đó làm chàng thích thú nghĩ mình nắm chắc trong tay tương lai của người khác. Có một cái gì đó thật lãng mạn trong việc giành được nhiều phần thưởng trong tay nhưng rồi lại bỏ mặc. Cuối cùng đến ngày trường đóng cửa nghỉ hè, chàng đến chào biệt ông Perkins.

- Em không có ý nói em thực sự muốn bỏ học đấy chứ?

Philip xịu mặt xuống trước vẻ ngạc nhiên rõ ràng của thầy hiệu trưởng.

- Thưa thầy, thầy đã bảo là thầy không phản đối, không ngăn cản em -
Chàng đáp.

- Thầy cứ nghĩ rằng đấy chẳng qua chỉ là một sở thích bất thường mà tốt hơn là lúc đó ra nên chiều. Thầy biết em bướng bỉnh, cứng đầu cứng cổ. Quái quỷ làm sao em lại muốn bỏ học vào lúc này? Dù thế nào em cũng chỉ còn một học kỳ nữa. Em có thể giành được học bổng Magdalen, em sẽ được nửa số phần thưởng chúng tôi bắt đầu phát.

Philip nhăn nhó nhìn thầy hiệu trưởng, chàng cảm thấy bị đánh lừa. Nhưng ông Perkins đã hứa với chàng, ông phải thực hiện lời hứa.

- Em sẽ được hưởng một thời kỳ hết sức thú vị ở Oxford; Em không cần quyết định ngay sau này sẽ làm gì. Thầy sẽ ngạc nhiên nếu như em biết được cuộc đời trên ấy vui sướng như thế nào đối với bất cứ kẻ nào có đầu óc.

- Thưa thầy, hiện nay em đã chuẩn bị tất cả để đi Đức - Philip đáp.

- Chẳng lẽ những sự thu xếp đó lại không thay đổi được hay sao? - Ông Perkins hỏi, với nụ cười giễu cợt. Nhưng rồi ông ân cần hỏi tiếp - Mất em thầy sẽ rất tiếc, ở trường, những học sinh hơi dần dộn mà chịu học tập thường có kết quả tốt hơn so với những học sinh thông minh mà lười nhác, nhưng một khi mà anh chàng học sinh thông minh chịu học tập - thì anh ta làm được điều mà em hoàn thành trong học kỳ này.

Philip đỏ mặt buồn rầu. Chàng không quen nghe những lời khen ngợi, vì chưa bao giờ một ai nói với chàng là chàng thông minh. Thầy hiệu trưởng để tay lên vai Philip:

- Em biết đó. Nhồi nhét mọi thứ vào đầu những học sinh đã là một việc chán ngắt, nhưng thỉnh thoảng may mắn mà được một học sinh có thiên chí, mới nói nửa lời cậu ta đã hiểu thì, lúc đó, nghề dạy học là nghe vui nhất trong đời.

Thái độ ân cần tử tế đó làm cho Philip mỉm lòng, chàng chưa bao giờ nghĩ là việc chàng đi hay ở lại trở thành một vấn đề quan trọng đối với ông Perkins. Chàng lấy làm cảm động và vô cùng tự hào. Kết thúc vẻ vang những ngày học sinh và sau đó đi Oxford hẳn là vui thích: trong một thoáng, bỗng hiện ra trước mắt Philip cuộc đời mà chàng nghe những học sinh thi đấy ở O, K, S trở về thuật lại, hay được mô tả trong những bức thư từ trường đại học trở về. Nhưng chàng lấy làm hổ thẹn. Nếu bây giờ chàng nhượng bộ thì chính chàng cũng cảm thấy mình là một kẻ khờ khạo; bác trai sẽ cười thầm trong bụng về mưu mô thành công của ông hiệu trưởng. Từ việc khinh thường không thèm nhận những phần thưởng đã ở trong tầm tay, đến việc giành lấy một cách chắc chắn đơn giản, bình thường những cái đó, quả là một sự sa sút. Chỉ cần được thuyết phục thêm một chút nữa, vừa đủ để cứu vớt lòng tự trọng, là Philip có thể làm bất cứ việc gì ông Perkins mong muốn. Nhưng mặt chàng không biểu lộ nét gì về những cảm xúc trái ngược trong lòng. Thật là bình thản và ngao ngán.

- Thưa thầy, em thích đi hơn - Chàng nói.

Như nhiều người điều khiển công việc bằng ảnh hưởng cá nhân, ông Perkins dần dần trở nên nóng nảy, khi quyền lực của ông không được tôn trọng ngay. Ông bận trăm công nghìn việc nên không thể lãng phí thêm thời giờ cho một cậu học sinh bướng bỉnh.

- Thôi được, tôi đã hứa cho phép nếu em thực sự muốn đi, và tôi sẽ giữ lời. Khi nào thì em đi Đức?

Tim Philip đập rộn ràng. Trận đánh đã thắng lợi, và chàng không biết có thật là chàng đã thắng lợi hay thực ra chàng đã thất bại.

- Thưa thầy, vào đầu tháng năm. - Chàng đáp

- Được, khi nào trở về, em phải đến thăm chúng tôi.

Ông chìa tay ra. Nếu ông tạo thêm cơ hội nữa cho chàng thì Philip có thể thay đổi ý kiến, nhưng ông có vẻ xem vấn đề này như đã kết thúc. Philip bước ra khỏi nhà. Những ngày học của chàng đã hết và chàng được tự do, nhưng lúc ấy lòng chàng lại không cảm thấy hân hoan như bao lâu nay chàng vẫn mong đợi. Chàng chậm rãi bước quanh khuôn viên, tâm hồn trĩu nặng. Lúc muốn ra đi, nhưng chàng biết rằng sẽ không bao giờ chàng có thể đến gặp thầy hiệu trưởng và báo với thầy chàng muốn ở lại. Đó là điều sỉ nhục mà chàng không thể tự chuốc lấy cho mình. Chàng tự hỏi phải chăng hành động như vậy là đúng. Chàng buồn rầu tự hỏi có phải khi người ta đã tìm được lối đi cho mình rồi thì sau đó người ta ước ao sao đừng bao giờ tìm thấy.

Bác của Philip có người quen cũ ở Béc lanh là cô Wikinson, con gái một giáo sĩ. Khi ông này làm mục sư một làng vùng Lincolnshire thì ông Carey giữ chức cha phó. Sau khi người cha qua đời, phải tìm kế sinh nhai, cô làm nhiều nghề như đi dạy trẻ ở Pháp và ở Đức. Cô vẫn tiếp tục quan hệ thư từ với bà Carey và chỉ trả một ít tiền cơm thường lệ như một số ít khách khác của ông bà Carey.

Khi đã rõ ràng là chiều theo nguyện vọng của Philip thì đỡ phiền hà hơn cường lại, bà Carey viết thư hỏi ý kiến cô Wikinson. Nàng giới thiệu Heidelberg là nơi tuyệt vời để học tiếng Đức và nhà riêng bà giáo sư Erlin là một nơi thuận lợi. Sống ở đó Philip có thể trả một tuần ba mươi mác và chính giáo sư Erlin, một thầy giáo trường cao trung học địa phương sẽ dạy cậu.

Philip đến Heidelberg vào một buổi sáng tháng năm. Quần áo đồ đạc chất lên xe ba gác, chàng đi theo người phu khuân vác ra khỏi ga. Trời trong xanh và cây cối trên đường họ đi qua cành lá sum suê. Philip cảm thấy trong không khí có một cái gì đó mới mẻ. Cái cảm giác rụt rè e ngại khi bước vào một cuộc sống mới giữa những người xa lạ, lúc này bỗng pha lẫn một niềm vui. Chàng hơi buồn vì không một ai ra đón và lúc người phu khuân vác bỏ chàng dừng lại trước cửa một tòa nhà trắng đồ sộ thì chàng rất lúng túng. Một anh chàng ăn mặc lôi thôi lệch thếch dẫn Philip vào nhà, đưa đến phòng khách. Một bộ bàn ghế to lớn bọc nhung xanh choán hết căn phòng; trên chiếc bàn tròn ở giữa, một bó hoa cuộn chặt trong giấy xếp thành nếp, cắm trong bình nước nom như một khúc xương, sườn cừu. Quanh lọ hoa là những cuốn sách bìa da, được đặt cách nhau cẩn thận. Phòng sực mùi ẩm mốc.

Ngay sau đó, bà giáo sư bước vào mang theo mùi bếp núc. Người bà thấp béo, tóc vấn chặt, mặt đỏ gay, mắt nhỏ long lanh như hạt chuỗi, thái độ rất sởi lởi, bà nắm cả hai tay Philip hỏi thăm về cô Wikinson, cô đã hai lần đến ở chơi với bà mấy tuần lễ. Bà nói tiếng Đức pha với tiếng Anh sai ngữ pháp. Philip không sao làm cho bà hiểu nổi rằng chàng chưa quen biết cô Wikinson. Lúc đó hai cô con gái của bà xuất hiện. Đối với Philip hình như hai cô không còn trẻ lắm, nhưng có lẽ họ chưa quá tuổi hai mươi lăm: cô chị là Thekla cũng thấp lùn như mẹ, cũng có vẻ hơi ranh ma, nhưng diện mạo xinh xắn với mái tóc dày màu nâu; Ann là cô em út cao và xấu, nhưng có nụ cười dễ thương nên Philip có cảm tình ngay với nàng. Sau một lúc trò chuyện thăm hỏi, bà giáo sư dẫn Philip về căn phòng dành cho chàng. Phòng bày xây trong một tháp nhỏ. Trông ra vườn cây, giường kẻ kín trong góc nên khi ngồi vào bàn viết, người ta không nghĩ đây là phòng ngủ. Philip dỡ hành lý lấy quần áo ra và sắp xếp lại sách vở. Cuối cùng, chàng đã được tự mình làm chủ mình.

Chuông báo ăn trưa vào lúc một giờ. Ở phòng ăn, Philip gặp mặt các khách trọ của giáo sư. Cậu được giới thiệu với chồng bà, một người cao, đứng tuổi, đầu to với tóc vàng hoa đã điểm bạc, mắt xanh dịu dàng. Ông ta nói chuyện với Philip bằng một thứ tiếng anh hơi cổ, đúng ngữ pháp, học được từ việc nghiên cứu các tác phẩm kinh điển Anh, chứ không phải từ lối văn đàm thoại thông thường. Philip lấy làm lạ khi nghe ông ra chuyện trò với mình bằng những từ mà chàng chỉ gặp trong những vở kịch của Shakespeare.

Bà giáo sư Erlin gọi ký túc của mình là một gia đình chứ không phải là một quán trọ cơm tháng. Nhưng hẳn phải có sự tinh tế của nhà siêu hình học mới phát hiện được sự khác biệt này nằm ở chỗ nào. Khi họ ngồi vào ăn trong gian phòng dài tối tăm thông với phòng khách, Philip ngượng nghịu nhận thấy họ có cả thảy mười sáu người. Bà giáo sư ngồi ở đầu bàn, thái thịch. Phục vụ bữa ăn trong tiếng bát đĩa loảng xoảng là anh chàng cục

mịch vụng về đã mở cửa đón Philip, mặc dù hẳn ta nhanh tay nhưng những người được phục vụ trước đã ăn xong mà những người sau vẫn chưa nhận được phần. Bà giáo sư yêu cầu không nói tiếng gì khác ngoài tiếng Đức. Vì vậy tuy Philip không còn rụt rè mấy, cũng buộc lòng phải ngồi im. Chàng ngấm nhìn những người mà chàng sắp phải cùng chung sống. Ngồi cạnh bà giáo sư có nhiều bà già, nhưng Philip không chú ý lắm đến họ. Có hai cô gái thì cả hai đều tóc vàng, nhưng một người rất xinh đẹp. Philip nghe gọi là cô Hedwig và cô Cacilie. Cô này có bím tóc dài bỏ thõng sau lưng. Họ ngồi bên nhau, luôn mồm nói chuyện và cố không cười to. Chốc chốc các cô liếc nhìn Philip và một cô nói nhỏ câu gì đó, rồi cả hai cười khúc khích khiến Philip ngượng nghịu đỏ mặt, cảm thấy họ đang chế nhạo mình. Ngồi gần họ là một anh chàng Trung Quốc, mặt vàng, nụ cười cởi mở, anh chàng đang nghiên cứu tình hình các nước phương Tây tại trường đại học. Anh chàng nói quá nhanh, lại cộng thêm với giọng nói kỳ quặc khiến các cô gái thường không hiểu được anh ta nói gì và họ phá lên cười. Còn có hai ba người Mỹ mặc áo choàng đen, nước da hơi vàng và khô; họ là sinh viên khoa thần học, Philip nhận ra giọng mũi của họ không rõ trong thứ tiếng Đức còn nói tồi, Philip ngờ vực liếc nhìn họ, vì người ta đã dạy cậu xem dân Mỹ như là những người man rợ ghê gớm không còn hy vọng giáo hóa được.

Sau đó, khi ngồi được một lát trên những chiếc ghế bọc nhung xanh trong phòng khách, cô Anna mời Philip đi dạo chơi với bọn họ.

Philip nhận lời. Họ đi thành một nhóm gồm hai cô con gái bà giáo sư; hai cô kia, một người Mỹ và Philip. Philip đi cạnh Anna và Hedwig. Chàng có phần bối rối. Chàng chưa bao từng bao giờ quen biết một người con gái nào. Ở Blackstable chỉ có những cô con gái nông dân và con những người buôn bán trong vùng. Chàng biết mặt, biết tên họ, nhưng chàng nhút nhát và nghĩ rằng họ cười giễu mình tạt nguyên. Sự khác biệt mà hai bác chàng đã dựng lên giữa địa vị cao sang của họ với tầng lớp nông dân đã được

Philip chấp nhận một cách dễ dàng. Ông thầy giảng đạo có hai cô con gái thì cả hai đều lớn tuổi hơn Philip và họ sẽ kết hôn với những người trợ lý của cha trong khi Philip hầy còn là một cậu bé. Ở nhà trường, có vài ba cô gái nết na thì ít, trơ trẽn thì nhiều, mấy cậu con trai quen biết họ, thế là nhiều chuyện yêu đương tăng tịu ghê gớm được lan truyền, chắc chắn do khả năng tưởng tượng của con trai, nhưng Philip thường che giấu sự sợ hãi do những chuyện đó mang lại cho chàng bằng thái độ khinh thường và kiêu ngạo. Trí tưởng tượng, những sách vở mà chàng đã đọc, gợi lên trong người chàng ham muốn có được một thái độ kiểu Byron. Chàng bị giằng xé giữa tính tự ái bệnh hoạn và lòng tin chắc rằng mình cũng biết nịnh đầm. Giờ đâu chàng cảm thấy phải tỏ ra vui vẻ hồn nhiên, nhưng đầu óc chàng xem chừng rỗng không và dù có chết chàng cũng chẳng sao nghĩ nổi chuyện gì để nói. Cô Anna, con gái bà giáo sư thường nói chuyện với chàng là do ý thức trách nhiệm, nhưng còn cô kia thì ít nói hơn, thỉnh thoảng nhìn chàng với cặp mắt sắc sảo, đôi lúc lại cười vang khiến chàng ngượng ngùng. Philip nghĩ rằng hẳn cô ta thấy mình rất đáng buồn cười.

Họ đi men dọc theo sườn đồi, giữa những rừng thông mà mùi hương dịu dịu khiến Philip ngây ngất. Trời nóng không một gợn mây. Cuối cùng họ leo lên một gò đất cao, trước mặt là thung lũng sông Rhine trải dài dưới nắng. Đây là một vùng quê rộng lớn lấp lánh nắng vàng, xa xa là các đô thị, ở giữa uốn khúc một dải sông long lanh như bạc. Ở cái xóm thành Kent, nơi Philip đã từng sống, hiếm có những khoảng rộng và biển là nơi duy nhất có thể nhìn thấy chân trời bao la, nên đứng trước cảnh mênh mông lúc này, lòng Philip rung động khác thường, không sao tả được. Bỗng nhiên chàng cảm thấy lòng rộn ràng một niềm vui. Dù không nhận thức được điều này, đây là lần đầu tiên Philip cảm được ý nghĩa của cái đẹp mà hoàn toàn không bị chi phối bởi những xúc cảm xa lạ. Ba người ngồi trên một ghế dài, các bạn khác còn tiếp tục đi đâu đó và trong khi hai cô gái rúc rích với nhau bằng tiếng Đức thì Philip, say sưa với cảnh vật, dường như quên hẳn sự có mặt của họ, chàng bất giác tự nhủ: “Trời ơi, ta thật hạnh phúc!”.

Thỉnh thoảng Philip nhớ đến trường học Hoàng gia ở Tercanbury, và chàng mỉm cười một mình khi hồi tưởng lại những điều họ đã làm một lúc đặc biệt nào đó trong ngày. Thỉnh thoảng chàng mơ thấy mình vẫn còn ở đây và chàng sung sướng lạ thường khi tỉnh dậy thấy mình ở trong căn phòng nhỏ bé của cái tháp con này. Nằm trên giường, chàng có ngắm những áng mây lơ lửng trên nền trời xanh lơ. Chàng say sưa với tự do, muốn ngủ, muốn dậy lúc nào tùy ý. Không còn phải nhận lệnh của ai nữa. Không còn bao giờ phải nói dối nữa, điều này cũng làm Philip cảm thấy dễ chịu.

Đã thỏa thuận là giáo sư Erlin sẽ dạy Philip tiếng La tinh và tiếng Đức, một người Pháp hàng ngày đến giảng bài tiếng Pháp, còn về toán thì bà giáo sư giới thiệu cho Philip một người Anh đã tốt nghiệp đại học ngữ văn, tên là Wharton. Sáng sáng, Philip đến chỗ ông ta. Ông ta ở một phòng trên gác thượng một căn nhà tồi tàn. Phòng bẩn thỉu lộn xộn, nồng nặc rất nhiều mùi hôi hám khác nhau. Thông thường khi Philip đến vào lúc mười giờ ông ta vẫn còn ngủ. Ông nhảy xuống giường, khoác chiếc áo ngoài bẩn thỉu, xỏ chân vào đôi dép, và vừa ăn bữa điểm tâm thanh đạm, vừa giảng bài. Ông thấp lùn, người béo phệ do uống bia quá nhiều, ria mép dài rậm, tóc bù xù không chải, ông ta đã sống ở Đức từ năm nay và cũng đã rất giống người Đức. Với một giọng khinh miệt ông ta nói về Cambridge nơi ông đã tốt nghiệp, và với một sự ghê tởm, ông ra nói về cuộc sống đang chờ đợi ông, sau khi đỗ tiến sĩ ông phải trở về nước Anh làm nghề dạy học. Ông mê đời sinh viên Đại học Đức, ở đây người ta hạnh phúc trong tự do, vui nhộn trong tình bạn. Ông là hội viên của một Burchenschaft và hứa sẽ dẫn Philip đến một quán rượu bình dân. Ông quá nghèo, và không giấu giếm rằng nhờ dạy Philip, ông mới có thêm thịt trong bữa ăn, nếu không chỉ có bánh mì và pho mát. Thỉnh thoảng sau một đêm buồn bực, ông đau đầu đến nỗi không

uống được cà phê và giảng bài trong trạng thái ủ ê chán nản. Trong những lúc như vậy, ông để dành sẵn ít chai bia dưới gầm giường; một chai bia, một tẩu thuốc, thế là đi hăm nổi cay đắng của cuộc đời.

“Lấy độc trị độc” ông vừa nói, vừa rót bia thật từ từ cho bớt bọt, khỏi phải chờ quá lâu.

Rồi ông nói với Philip về trường đại học, về những cuộc cãi vã giữa những người nhóm kinh địch, những cuộc tranh chấp tay đôi nhưng công lao của giáo sư này và giáo sư nọ. Philip học được ở ông kinh nghiệm trường đời nhiều hơn là học toán. Đôi khi Wharton ngồi lù lịm lại, vừa cười vừa nói:

- Đây, hôm nay chúng ta không phải làm gì, vì vậy anh không phải trả tiền học.

- Ồ, điều đó không quan trọng, Philip nói.

Thật là một điều mới mẻ và hết sức thú vị, chàng cho là còn quan trọng hơn môn lượng giác học mà chàng không hiểu. Nó giống như một cánh cửa sổ mở trông ra cuộc đời, mà chàng tình cờ ngó qua, và chàng đã mở to mắt ra nhìn với sự rung động mãnh liệt của tâm hồn.

- Không, anh có thể giữ lại những đồng tiền bản thù của anh. - Wharton nói.

- Nhưng còn việc ăn uống của thầy thì sao? Philip mỉm cười hỏi vì chàng biết rõ túi tiền của ông thầy thế nào rồi.

Để cho sự việc đỡ phức tạp, ngay đến việc thanh toán mỗi bài giảng là hai si - linh, mà Wharton cũng yêu cầu trả theo tuần hơn là hàng tháng trả

một lần.

- Ồ, đừng bận tâm đến chuyện ăn uống của tôi, không phải đây là lần đầu tôi uống bia trừ bữa, thế mà đầu óc tôi chưa bao giờ lại sáng suốt bằng.

Ông luôn vào dưới gầm giường (khăn trải giường xám đen vì không được giặt), lôi ra một chai nữa. Philip còn trẻ chưa từng được thưởng thức của ngon vật lạ trên đời nên từ chối không uống với ông và ông uống một mình.

- Anh sẽ ở đây bao lâu? Wharton hỏi.

Thế là cả thầy và trò phớt lờ không trao đổi gì về môn toán nữa.

- Ồ tôi không biết. Tôi cho rằng khoảng chừng một năm. Sau đó gia đình tôi muốn chuyển tôi đi Oxford.

Wharton nhún vai tỏ vẻ khinh bỉ. Philip lại được thêm một kinh nghiệm nữa, như vậy là cũng có người không nhìn chõn văn miếu này một cách kính sợ.

- Anh muốn đến đây làm gì! Anh sẽ chỉ là một cậu học sinh được người ta tán tụng mà thôi. Tại sao không vào đại học ở đây? Một năm chẳng ăn thua gì đâu. Anh cứ ở đây năm năm. Anh có biết rằng ở đời này chỉ có hai điều là đáng kể không, đó là sự tự do tư tưởng và tự do hành động. Ở Pháp anh được tự do hành động, anh có thể muốn làm gì thì làm, không ai quấy rầy anh, nhưng anh phải làm điều mà mọi người khác làm, nhưng anh có thể suy nghĩ gì tùy ý. Đó là lợi thế của các nước dân chủ. Đó là hai việc rất chính đáng, cá nhân tôi thích sự tự do tư tưởng. Còn bên Anh không thể suy nghĩ gì cũng được, không thể muốn làm gì cũng được. Tôi chắc rằng ở Mỹ còn tệ hơn.

Do một chân ghế lung lay khập khiễng, nên ông cẩn thận tựa lưng về phía sau, sợ bất thành linh ngã bổ xuống sàn nhà thì lúng túng gián đoạn những lời lẽ khoa trương hoa mỹ.

- Năm này tôi phải về Anh, song nếu như có thể dành dụm đủ sống thì tôi ở lại một năm nữa. Nhưng sau đó thì cũng phải đi thôi. Tôi sẽ phải từ giã mọi cái này - ông khoa một vòng tay chỉ căn gác xếp bần thiêu với cái giường hồng, quần áo vung vãi trên sàn, hàng chai rỗng để sát giường, những chồng sách rách tả tơi, tụt chỉ gáy ở mỗi góc phòng - để đến một trường đại học tỉnh lẻ nào đó, cố xin được một chân dạy ngữ văn - Tôi sẽ chơi quần vợt, dự tiệc trà - Ông dừng lại đưa cặp mắt giễu cợt nhìn Philip ăn mặc gọn gàng sạch sẽ, cổ áo thẳng đứng, tóc chải mượt. “Trời ơi, tôi phải đi tắm mới được.

Philip mặt đỏ bừng, cảm thấy sự bảnh bao của mình như một điều hổ thẹn, không thể chịu đựng nổi. Thời gian gần đây, chàng đã bắt đầu quan tâm đến ăn mặc và từ Anh ra đi, chàng mang theo nhiều cà vạt được lựa chọn khá xinh đẹp.

Mùa hè đã đến khắp nơi như một kẻ đi chinh phục. Ngày nào cũng đẹp. Bầu trời xanh ngạo nghễ như thách thức nghị lực con người. Trên đại lộ Anlage, màu xanh cây lá rục rờ và dưới nắng, màu trắng của những ngôi nhà chói chang đến khó chịu. Thỉnh thoảng, từ chỗ thầy đi về, Philip bay đến ngồi trên chiếc ghế dài dưới bóng cây bên đường Anlage, hít thở không khí mát mẻ và ngắm nhìn bóng nắng vờn qua kẽ lá, in hình trên mặt đất. Tâm hồn chàng cũng nhảy múa vui reo như tia nắng kia. Chàng thích những phút giây vớ vẩn không phải học tập như thế - Đôi lúc chàng thơ thần qua những con đường của thành phố cổ này. Chàng ngưỡng mộ ngắm nhìn học viên quân sự, má có sẹo, hồng hào, đội mũ lưỡi trai, chàng lang thang trên đồi với các cô gái trong nhà bà chủ và đôi khi họ ngược bờ sông,

đến uống trà dưới vòm cây rộng bóng của một quán bia giữa trời. Tối đến, họ dạo quanh vườn hoa thành phố nghe nhạc.

Chẳng bao lâu Philip đã biết được nhiều điều thú vị về mọi người trong nhà. Thekla con gái lớn bà chủ nhà, hứa hôn với một người bên Anh, anh chàng này đã ở trọ đây một năm để học tiếng Đức. Lễ cưới định tổ chức vào cuối năm. Nhưng anh chàng viết thư cho biết cha anh, một nhà buôn cao su ở Slough không tán thành cuộc hôn nhân này làm Thekla thường hay khóc. Thịnh thoảng người ta bắt gặp nàng và bà mẹ, môi cắn chặt, mắt nghiêm nghị, xem đi xem lại những lá thư của con người tình bất đắc dĩ này. Thekla vẽ được tranh màu nước. Nàng hay rủ Philip và một cô bạn nữa đi cùng, vẽ những phong cảnh nho nhỏ. Cô Hedwig xinh đẹp, con một nhà buôn ở Beclanh, cũng có điều sầu muộn về chuyện tình duyên. Một chàng khinh khỉnh bảnh bao, dòng dõi quý tộc hẳn hoi đã đem lòng yêu nàng, nhưng một người ở địa vị như nàng lập tức bị cha mẹ chàng phản đối và người ta phải đưa nàng đi Heidellberg để nàng quên chàng. Nhưng nàng không quên và sẽ không bao giờ quên được, nên vẫn tiếp tục thư từ với chàng, còn chàng thì đang cố làm dịu cơn tức giận mà ra sức thuyết phục cha chàng thay đổi ý kiến. Nàng thờ dài mặt đỏ ửng, thuật lại mọi việc với Philip và đưa cho chàng xem ảnh chàng trung úy tươi vui kia. Philip thích nàng nhất trong số tất cả các cô gái ở nhà bà giáo sư. Trong những buổi dạo chơi, bao giờ chàng cũng cố giành chỗ bên nàng. Cảm tình lộ liễu đó đã bị bạn bè chế giễu khiến chàng đỏ mặt. Chàng tỏ tình với Hedwig, và đây là lần đầu tiên trong đời chàng, nhưng chẳng may lại có chuyện rủi ro và sự việc xảy ra như sau. Trong những buổi tối không ra ngoài chơi, cánh phụ nữ trẻ tuổi thường hát những bài hát ngắn trong phòng khách và vốn là người luôn sẵn sàng phục vụ, Anna đệm cho Hedwig hát bài mà cô ưa thích: “Ich liebe dich” - “Anh yêu em”. Một tối, sau khi nàng hát xong bài này, khi Philip đứng với nàng ngoài ban công, nhìn trời sao, chàng chợt nhớ đến bài hát và chàng bắt đầu:

“Ich liebe dich”

(Anh yêu em)

Chàng chưa thạo tiếng Đức, còn phải ngập ngừng tìm kiếm từng chữ từng lời. Chỗ ngắt giọng nghe hết sức nhỏ, trước khi chàng có thể hát tiếp.

“Ah Herr Carey, Sie dürfen mir nicht “du sagen” (Ồ anh Carey, anh không cần phải gọi tôi là “em”) Anh không được gọi tôi ở ngôi thứ hai số ít.

Philip thấy người nóng ran, là vì chàng chưa bao giờ lại dám sỗ sàng đến thế và chàng không nghĩ ra được điều gì trên đời để nói. Trả lời thế nào đây? Sẽ là khiếm nhã nếu giải thích rằng mình chỉ nhắc lại đầu bài hát chứ chẳng có tình ý gì.

- Entschuldigen Sie - chàng nói - xin lỗi cô.

- Không sao, nàng thì thầm.

Nàng cười một cách dễ thương, yên lặng siết chặt tay chàng rồi đi vào phòng khách.

Ngày hôm sau, chàng ngượng quá đến nỗi không thể nói chuyện với nàng và vốn bẽn lẽn, chàng tìm mọi cách tránh nàng. Khi được rủ đi dạo chơi như thường lệ, chàng từ chối lấy cớ bận việc. Nhưng Hedwig đã tranh thủ được dịp nói chuyện một mình với chàng:

- Tại sao anh lại xử sự như vậy? Nàng hỏi một cách thân ái “Anh biết không. Tôi không giận anh về điều anh nói hôm qua. Khi anh yêu tôi anh không tránh được chuyện đó. Tôi rất đỗi tự hào. Nhưng dù đúng là chưa

hứa hôn với Hermann tôi cũng không thể yêu một người nào khác và tôi tự xem mình là vợ anh ấy rồi”.

Philip lại đỏ bừng mặt, nhưng làm ra vẻ hoàn toàn là một kẻ bị tình phụ, chàng nói:

- Tôi mong rằng cô sẽ rất hạnh phúc.

Hằng ngày giáo sư Erlin giảng bài cho Philip. Ông lập một danh mục những sách Philip cần đọc trước, để cuối cùng sẵn sàng hoàn thành việc nghiên cứu Faust đồng thời ông giúp chàng dịch ra tiếng Đức một vở kịch của Shakespeare mà Philip đã học ở trường. Đó là thời kỳ Goethe nổi tiếng nhất ở Đức. Mặc dù có phần nào hồ hững với tinh thần yêu nước, ông cũng được công nhận là nhà thơ dân tộc và từ cuộc chiến tranh 70, như là một trong số vĩ nhân tiêu biểu của sự thống nhất quốc gia. Trong đêm hãi hùng của Walpurgisnacht những kẻ hăng hái như còn nghe tiếng rền vang của pháo binh ở Gravelotte. Nhưng một tiêu chuẩn của nhà văn lớn là từ nhiều ý nghĩ khác nhau, nhà văn tìm ra được nguồn cảm hứng dạt dào, và giáo sư Erlin vốn ghét người Phổ, đã say sưa thán phục Goethe vì tác phẩm của ông, uy nghi và sâu sắc, đã đem lại chỗ dựa duy nhất cho những tâm hồn lành mạnh chống lại sự công kích dữ dội của thế hệ đương thời. Gần đây, ở Heidelberg có một nhà soạn kịch tên tuổi mà tác phẩm được diễn nhiều. Mùa đông trước một vở kịch của ông được đem diễn ở nhà hát, giữa tiếng hoan hô của những người đứng đắn. Và Philip đã được nghe cuộc tranh luận về vở kịch đó, nổ ra giữa nhóm người ngồi ăn ở nhà bà chủ. Giáo sư Erlin đã không giữ được tính bình tĩnh quen thuộc của ông, ông đập bàn, lớn tiếng phát biểu những ý kiến chính xác, áp đảo phe đối lập. Một vở kịch phi lý và tục tĩu. Ông buộc phải ngồi xem cho đến hết buổi nhưng ông không hiểu là mình buồn chán hơn hay kinh tởm hơn. Kịch cợt gì mà đến nông nổi này thì đã đến lúc cảnh sát phải đến mà đóng cửa nhà hát thôi. Ông không phải là người khó tính khó nết, ông cũng có thể cười như ai, về chuyện đòi bại dí dỏm của vở hài kịch nơi cung đình, nhưng đây thì toàn những chuyện rác rưởi. Bằng một điệu bộ cường điệu, ông bịt mũi và xì xì qua kẽ răng. Đó là gia đình đổ nát, đạo đức suy đồi, là sự phá hoại nước Đức.

- “Aber, Adolf”^[2] - Bà giáo sư từ phía cuối bàn ăn kêu lên. “Xin ông hãy bình tĩnh”.

Ông dứ dứ nắm tay về phía bà, thế nhưng ông là con người nhu nhược nhất, cả đời không dám liều lĩnh một việc gì mà không hỏi ý kiến vợ.

- Không, Helene ạ, tôi khẳng định điều này với bà - Ông quát lên - Tôi thà để con gái nằm chết ngay dưới chân tôi còn hơn là phải trông thấy chúng nó ngồi nghe văn chương sọt rác của thằng cha vô liêm sỉ này.

Vở kịch đó tên là “Nhà búp bê” và tác giả là Henrik Ibsen.

Giáo sư Erlin xếp ông ta với Richard Wagner là người mà khi nhắc đến, giáo sư chỉ cười vui chứ không giận dữ. Ông ta là một kẻ bịp bợm nhưng là một kẻ bịp bợm thành đạt, ở con người đó thường có một điều gì đó để hài hước cho vui.

- Verruckter Kerl! Một thằng điên. Ông nói ông đã xem Lohengrin, nội dung chán ngắt, nhưng không dở quá. Còn Siegfried, khi nhắc đến, ông đưa hai tay lên đầu cười ầm lên. Từ đầu đến cuối không có một giai điệu gì hết. Ông có thể hình dung Richard Wagner ngồi trong hàng ghế lô, cười tức cả bụng khi thấy mọi người nghiêm túc ngồi xem. Đó là trò lừa bịp lớn nhất của thế kỷ 19. Rồi nâng cốc bia lên mời, ông ngửa cổ ra sau, nốc một hơi cạn. Sau đó, ông lấy mu bàn tay chùi miệng và kết luận.

“Các bạn trẻ ạ, tôi cả quyết với các bạn rằng trước khi thế kỷ 19 này kết thúc, Wagner đã chết cứng ra rồi. Wagner! Tôi sẵn sàng đổi tất cả tác phẩm của ông ấy lấy một vở opera của Donizetti.

Trong số thầy giáo của Philip, người kỳ cục nhất là ông Ducroz dạy tiếng Pháp, dân Giơ-ne-vơ. Ông là một ông già cao lớn, nước da tái xám, má hóp, tóc lơ thơ điểm bạc, ông mặc bộ đồ đen tối, tồi tàn, rất bẩn, khuỷu tay áo rách, quần sờn, chưa bao giờ Philip thấy cổ áo ông sạch sẽ. Ông ít nói, giảng bài thì chu đáo nhưng không nhiệt tình, đến lớp và ra về đúng giờ giấc không chậm một phút. Tiền công của ông rất ít. Ông lảm lì, điều gì Philip học của ông ta thì ông ta cũng học ở người khác. Hình như ông ta cùng với Garibaldi^[3] đấu tranh chống Giáo hoàng, nhưng khi đã thấy rõ mọi cố gắng cho tự do nhằm xây dựng một nước cộng hòa không đem lại gì nhiều hơn là một sự thay đổi ách kìm kẹp, ông chán nản rời khỏi nước Ý. Ông bị trục xuất khỏi Giơ-ne-vơ không rõ phạm tội chính trị gì. Philip nhìn ông, ngạc nhiên và bối rối vì theo cách suy nghĩ của chàng, ông không mấy may có dáng dấp một nhà cách mạng: nói năng nhỏ nhẹ và lễ độ lạ thường, ông không bao giờ ngồi khi chưa có ai mời. Trong những dịp hiếm hoi gặp Philip ngoài đường, ông ngả mũ chào; ông không bao giờ cười, thậm chí cười mỉm cũng không. Nếu như trí tưởng tượng Philip phong phú hơn, ắt chàng đã hình dung được ở ông một thời thanh niên đầy hoài bão huy hoàng, vì chắc hẳn ông ta phải bước vào tuổi trưởng thành năm 1848, khi các vua chúa nhớ lại người anh em Pháp mà rợn tóc gáy, lo cho số phận của mình và có lẽ sự say mê tự do đã tràn ngập châu Âu quét sạch chính thể chuyên chế, và bọn vua chúa ngóc đầu dậy trong thời kỳ phản động, từ cuộc cách mạng 1789 được tiến hành kiên quyết với một sự hăng hái phi thường. Người ta có thể hình dung ông ta, một con người mê say bình đẳng, nhân cách, đã từng biện luận, tranh cãi, đã từng chiến đấu sau các chiến lũy ở Pari, chạy thoát trước kỵ binh Áo ở Milan, bị giam cầm ở nơi này, bị trục xuất khỏi nơi nọ, vẫn luôn luôn hy vọng, luôn luôn giương cao khẩu hiệu. Tự do, một khẩu hiệu xiết bao kỳ diệu. Cho đến khi quy xuống vì bệnh tật, đói khát, già yếu; không còn cách nào tiếp tục nuôi thân, trừ

những buổi dạy học thế này để kiểm chác ít nhiều của đám sinh viên nghèo khổ, ông thấy mình sống trong cái thành phố nhỏ bé gợn gàng này dưới gót một tên bạo ngược lớn hơn bất cứ kẻ nào ở châu Âu. Có thể tính lầm lì của ông che giấu sự khinh miệt đối với loài người đã từ bỏ những giấc mơ tươi đẹp của tuổi trẻ và giờ đây lại đắm mình trong vũng bùn biếng nhác an nhàn, hoặc có thể ba mươi năm cách mạng này đã dạy ông rằng con người chưa đủ điều kiện để được hưởng tự do và ông cho rằng ông đã hy sinh cả cuộc đời theo đuổi một cái chẳng đáng tìm. Hoặc có thể ông đã kiệt sức, chỉ còn đứng đưng chờ đợi cái chết đến giải thoát cho mình. Một hôm với tính bộc trực của lứa tuổi mình, Philip hỏi thật ông đã sống cùng với Garibaldi không. Ông thầy già có vẻ không chú ý mấy đến câu hỏi, hoàn toàn thản nhiên trả lời bằng một giọng khẽ khàng như thường lệ.

- Vâng, thưa ông.

- Người ta nói ông tham gia Công xã?

- Người ta bảo thế à? Thế nào, ta phải tiếp tục làm việc chứ.

Ông mở sách ra và Philip bẽn lễn, bắt đầu dịch đoạn văn mà chàng đã chuẩn bị.

Một hôm, ông Ducroz có vẻ đau đớn lăm, khó nhọc lăm ông mới lê được lên bao nhiêu bậc thang để phòng vào Philip, khi đến nơi, ông ngồi phịch xuống, nhột nhạt, nhần nhó, trán lã chã mồ hôi. Ông cố gắng bình tĩnh lại.

- Em sợ thầy ốm mất - Philip nói.

- Không có vấn đề gì đâu.

Nhưng Philip thấy ông đang đau đớn và sau buổi học chàng đề nghị thầy có lẽ nên nghỉ giảng bài cho đến khi khỏe hẳn

- Không, ông già khê đáp. Tôi muốn tiếp tục công việc khi còn đủ sức.

Cứ mỗi khi phải đã động đến tiền nong là Philip cảm thấy bối rối. Lúc này, mặt chàng bỗng đỏ bừng.

- Nhưng mà điều đó chẳng quan hệ gì. Chàng nói: “Em sẽ trả tiền học như thường lệ. Nếu không phiền gì thầy, em muốn xin ứng trước học phí cả tuần sau cho thầy”.

Ông Ducroz tính mỗi giờ học là mười tám xu. Philip lấy trong túi ra đồng mười tám ngượng ngập đặt trên bàn. Chàng không dám quyết định tặng ông giáo già món tiền này như của bố thí.

- Nếu vậy thì khi nào khỏe hẳn, tôi sẽ lại. Rồi ông cầm tiền, không nói gì nữa, cúi chào tạm biệt như thường lệ và đi ra.

- Chào em.

Philip hơi thất vọng. Chàng nghĩ bụng mình làm một việc hào hiệp như vậy, lẽ ra ông Ducroz phải tỏ vẻ vô cùng biết ơn. Chàng ngạc nhiên thấy ông thầy già nhận món quà như thể là đương nhiên ông có quyền được hưởng. Chàng còn trẻ quá, không hiểu ra rằng người ban ơn bao giờ cũng thấy việc mình làm nhiều ý nghĩa hơn là kẻ chịu ơn.

Năm sáu ngày sau, ông Ducroz trở lại, người rất yếu, đi đứng hơi lão đảo, nhưng có vẻ đã chiến thắng được cơn bệnh hiểm nghèo, ông không còn cõi mở như trước, trở nên khó hiểu, xa lánh mọi người và bản thủ.

Ông không nhắc đến bệnh tình của mình, mãi đến khi hết giờ học, đúng lúc mở cửa ra về, ông mới đứng lại, ngập ngừng như có điều gì khó nói.

- Nếu không có món tiền em cho, tôi chắc phải chết đói. Tôi sống được nhờ tất cả vào đó.

Ông rất lễ độ long trọng cúi chào và đi ra. Philip thấy cổ họng như tức nghẹn. Dường như ở một mặt nào đó chàng đã hiểu được cuộc chiến đến đặng cay vô vọng của ông già, cuộc sống đối với ông già gian khổ bao nhiêu trong khi đối với chàng thì thật là thú vị.

Philip ở Heidelberg được ba tháng thì một buổi sáng giáo sư Erlin cho chàng biết một người Anh tên là Hayward đến trọ và ngay trong bữa ăn tối hôm đó, chàng đã trông thấy một khuôn mặt mới. Từ mấy hôm nay, cả nhà sống trong một trạng thái rất phấn khích. Trước hết là do kết quả của một mưu đồ nào có trời biết được, do cầu nguyện khiêm nhường hoặc những lời đe dọa kín đáo, mà cha mẹ chàng thanh niên hứa hôn với Thekla đã mời nàng sang Anh thăm họ, và nàng lên đường với tập tranh màu nước để phô trương nàng là người tài năng như thế nào, và một bọc thư từ để chứng tỏ chàng trai đã yêu sâu sắc đến đâu.

Một tuần sau thì Hedwig tươi cười báo tin chàng trung úy rất mực mến thương của nàng sẽ cùng cha mẹ đến Heidelberg. Một mối vì con trai van nài, xúc động vì của hồi môn của cha Hedwig đưa ra, cha mẹ chàng trung úy đồng ý đến Heidelberg để làm quen với cô gái. Cuộc gặp gỡ diễn ra tốt đẹp và Hedwig lấy làm vui mừng giới thiệu người yêu với cả nhà bà giáo sư Erlin tại vườn hoa thành phố.

Khi Hedwig tuyên bố nàng phải về nhà ngay để làm lễ đính hôn chính thức, thì bà giáo sư không ngại tốn kém, tuyên bố bà vui lòng biếu một chai Malbowle. Mấy bà già ít nói ngồi ở đầu bàn gần bà giáo sư, có vẻ lúng túng. Giáo sư Erlin lấy làm tự hào về tài pha chế món rượu nhẹ này của mình, thế là sau bữa ăn, một bát to đầy rượu vang trắng Đức, với nước xôđa, lênh bênh lá thơm và quả dâu rừng được long trọng mang ra, đặt trên bàn tròn trong phòng khách. Anna chông gheo Philip về chuyến đi của người bạn tình của chàng, chàng thấy rất lúng túng và hơi buồn. Hedwig hát nhiều bài. Anna chơi khúc “Hành khúc đám cưới” và giáo sư thì hát bài “Die Wacht am Rheim”^[4]

Giữa cuộc vui, Philip không chú ý mấy đến người khách mời. Trong bữa ăn họ ngồi đối diện nhau, nhưng Philip bận chuyện trò với Hedwig, mà khách lại không biết tiếng Đức nên anh ta chỉ yên lặng ngồi ăn. Philip nhận thấy anh ta thắt cà vạt màu xanh nhạt và bỗng nhiên chàng thấy không ưa anh ta. Anh ta hai mươi sáu tuổi, rất đẹp trai, luôn luôn đưa tay vuốt mớ tóc dài lượn sóng bằng một cử chỉ hờ hững. Mắt anh to và xanh; nhưng là màu xanh phơn phớt, trông có vẻ mệt mỏi. Mặt anh ta cao nhẵn, miệng xinh có duyên mặc dù môi mỏng. Anna rất say mê môn xem tướng mạo, nên nàng lưu ý ngay Philip rằng xương sọ anh ta đáng đẹp, còn nửa phần mặt phía dưới thì có vẻ yếu đuối. Đầu anh ta là đầu của một nhà tư tưởng, nàng nhận xét, nhưng cái cằm thì lại biểu hiện sự thiếu nghị lực. Với cặp gò má cao mũi to xấu xí, Anna đã được tiên đoán là suốt đời sẽ ế chồng, nên nàng hay nói nhiều đến nghị lực. Trong khi người ta bàn tán về anh, thì anh ta ngồi một mình trầm tĩnh nhìn buổi họp mặt huyên náo, nhưng thái độ có vẻ hơi kiêu. Anh ta cao dong dỏng, cố tạo ra một dáng điệu bộ. Weeks, một trong số sinh viên Mỹ, thấy anh ta có một mình bèn đến bắt chuyện. Cặp này tương phản nhau một cách kỳ quặc: anh chàng người Mỹ thì gầy gò khô khan, rất mực trang nhã và giản dị trong bộ quần áo đen, thái độ cử chỉ có cái gì đó trầm tĩnh của con nhà tu hành, còn anh chàng người Anh thì điệu bộ chậm chạp, chân tay lỏng thong trong bộ quần áo vải tuyết rộng thùng thình.

Mãi đến hôm sau Philip cũng chưa chuyện trò với khách mới đến. Trước bữa ăn, lúc hai người đứng một mình trên ban công phòng khách, Hayward hỏi Philip:

- Có phải cậu là người Anh không?
- Phải.
- Bữa nào thức ăn cũng dở như tối hôm qua phải không?

- Gần như lúc nào cũng thế.

- Chán nhĩ!

- Đúng thế.

Thực ra Philip thấy không có gì đáng chê và trên thức tế chàng đã ăn nhiều, ngon lành và thích thú, nhưng không muốn tỏ ra mình là người có óc suy xét tầm thường đến nỗi bữa ăn người ta chê dở, mình lại khen ngon.

Thekla đi Anh nên cô em phải đảm đương công việc nhà nhiều hơn, vì vậy không thể thường đi chơi lâu được. Cacilie có bím tóc vàng hoe, mặt nhỏ, mũi tẹt và hếch, gần đây có vẻ không thích giao du. Hedwig đã ra đi và Weeks, anh chàng người Mỹ thường thường vẫn dạo chơi với họ, giờ đã lên đường đi một vòng miền Nam nước Đức. Thế là Philip luôn luôn ở nhà một mình. Hayward tìm tới làm quen với chàng. Nhưng Philip có một điểm đáng tiếc là: do bản tính nhút nhát, hoặc do trong người còn mang dòng máu di truyền từ thời kỳ ở hang ở hốc nên chàng thường không ưa người mình mới gặp, thậm chí cho đến khi quen biết nhau rồi không phải chàng đã vứt bỏ được cái cảm giác đầu tiên đó. Điều này làm cho mọi người khó gần gũi. Chàng vô cùng rụt rè tiếp nhận sự cầu thân của Hayward và tới khi Hayward mời đi chơi, chàng nhận lời chỉ vì không nghĩ ra được cách nào từ chối cho lịch sự. Chàng đưa ra lời xin lỗi quen thuộc, mặt đỏ bừng giận mình đã không tự chủ được, chàng chỉ cố gượng cười.

- Tôi sợ không thể đi nhanh quá được.

- Trời ơi, nào tôi có đi để ăn cá ăn cượng đâu. Tôi thích đi dạo, thế thôi. Cậu không nhớ trong Marius có chương Pater nói việc đi tản bộ nhẹ nhàng là phương pháp tốt nhất kích thích trò chuyện hay sao?

Philip là người biết nghe chuyện. Chàng thường nhớ được nhiều điều hay, song lại hiếm khi nói ra, thành thử chàng đã bỏ lỡ nhiều cơ hội. Còn Hayward lại thích trò chuyện. Bất cứ ai từng trải hơn Philip ắt phải thấy rằng anh chàng này thích được nghe mình nói. Thái độ kiêu kỳ của anh gây ấn tượng với Philip. Chàng không thể không tán phục, thậm chí còn e sợ, con người có vẻ xem thường mọi điều mà chàng coi gần như thiêng liêng. Anh ta vứt bỏ sự sùng bái rèn luyện thân thể, khinh miệt “những kẻ đi săn giải”, lên án mọi người sốt sắng tham gia các hình thức thể dục khác nhau, và Philip không nhận ra rằng anh đã chỉ dựng lên một sự tôn sùng khác để thay thế: sự sùng bái văn hóa.

Họ thơ thẩn đến lâu dài và lên ngôi trên sân thượng trông xuống thành phố. Heidelberg nấu mình ấm cúng trong thung lũng dọc sông Neckar êm đềm. Khói từ các ống khói lơ lửng trên thành phố như một màn sương mờ xanh nhạt. Những mái nhà cao, những chóp tháp của các nhà thờ đem lại cho Heidelberg cái dáng dấp êm đềm của thành phố thời trung cổ và quang cảnh bình dị ở đây sưởi ấm lòng người. Hayward nói về Richard Feverel và bà Bôvary, về Verlaine, Dante và Matthew Arnold. Hồi ấy, chỉ một số người vào loại ưu tú là biết đến bản dịch của Eitzgerald về Omar Khyam. Hayward đã nhắc lại bản dịch với chàng. Anh rất thích ngâm thơ, kể cả thơ của mình và của người khác, anh ngâm bằng một giọng đều đều buồn tẻ. Lúc về đến nhà thì sự ngờ vực của Philip đối với Hayward đã trở thành lòng ngưỡng mộ nhiệt thành.

Thế là thành thói quen, chiều nao hai người cũng cùng nhau đi dạo và chẳng mấy chốc Philip đã biết được đôi điều về hoàn cảnh của Hayward. Anh ta là con trai một vị thẩm phán tỉnh lẻ mới qua đời cách đây không lâu, để lại cho anh một khoảng lợi tức đồng niên là ba trăm bảng. Anh học tập ở Charterhouse xuất sắc đến nỗi khi đến trường đại học Trinity Hall ở Cambridge, anh được thầy hiệu trưởng hoan nghênh bằng những lời lẽ vượt

hắn lệ thường. Anh chuẩn bị cho mình bước vào một sự nghiệp lừng danh. Anh hoạt động trong các giới trí thức nhất, say sưa đọc Browning, và coi thường Tennyson. Anh hiểu cặn kẽ từng chi tiết những chuyên luận của Shelley về Harriet. Anh học cả lịch sử nghệ thuật. (Trên tường phòng anh có treo các bức phiên bản tranh của G.F. Watts, Burne - Jones và Botticelli) và anh làm, không phải là không có tài, những câu thơ bi quan. Bè bạn anh thường nói với nhau rằng anh là con người tài năng lỗi lạc và anh sẵn lòng nghe họ tiên đoán tương lai xán lạn của mình. Trong quãng thời gian đó, anh trở nên một người có uy tín về văn học nghệ thuật. Anh chịu ảnh hưởng cuốn Apologia của Newman. Đức tin đẹp tuyệt vời của giáo hội La Mã kích thích những cảm xúc thâm mỹ ở anh, và chỉ vì sợ cha tức giận (một người cha chất phác, thẳng thắn, tư tưởng hẹp hòi đã từng đọc Macaulay), anh mới không chạy sang phía bên kia. Việc anh tốt nghiệp đại học chỉ được xếp vào hàng thứ làm bạn bè ngạc nhiên nhưng anh nhún vai nói bóng gió một cách tế nhị rằng anh không mắc mưu ban giám khảo đâu. Anh làm người ta có cảm giác là đồ đầu cũng tầm thường thôi, chẳng có gì đáng kể. Hóm hình độ lượng, anh tả lại hình dáng một vị giáo sư, một lão nào đó có cổ áo kỳ quặc đang hỏi anh về môn lôgic. Đây là một môn tế nhạt vô cùng, bỗng nhiên anh nhận ra ông ta mang giày cao cổ có cánh chim thật lỗ bịch và buồn cười, thế là bỗng dâng trí nghĩ tới vẻ đẹp gôgích của nhà thờ Trường Hoàng gia. Nhưng ở Cambridge anh đã sống một số ngày thú vị, đã thết những bữa tiệc thịnh soạn hơn hẳn bất kỳ người nào anh quen biết và những buổi chuyện trò trong phòng anh luôn là điều đáng ghi nhớ. Anh trích dẫn cho Philip một câu thơ trào lộng tế nhị:

- Người ta nói với tôi, hỡi Heraclite, người ta nói với tôi rằng người đã chết.

Giờ đây khi thuật lại mẫu giai thoại sinh động về ông thầy chấm thi và đôi giày của ông ta, anh phì cười nói.

- Dĩ nhiên đó là việc rồ dại, những việc rồ dại có chứa đựng một cái gì đó tế nhị.

Philip thấy vui vui, cho câu chuyện này thật hay.

Sau đó Hayward đi Luân Đôn theo học khoa luật. Anh có một căn nhà xinh xắn ở Clement Inn, tường có ghép ván. Và anh cố gắng sắp đặt cho giống căn nhà cũ ở Hall. Anh nuôi những tham vọng chính trị mơ hồ, tự xưng là đảng viên đảng Whig (đảng tiền thân của Đảng Tự Do ở Anh). Anh tham gia một câu lạc bộ của Đảng Tự Do nhưng có hơi hướng của tầng lớp thượng lưu quý phái. Ý anh muốn làm luật sư (anh chọn Tòa đại pháp cho ít gay go hơn) và sẽ kiếm một khu cử tri cho thật dễ chịu ngay sau khi những lời hứa giúp anh được thực hiện. Trong khi chờ đợi, anh hay đi xem kịch và làm quen với một số phụ nữ xinh đẹp, những cô nàng khen ngợi hết thảy những gì anh khen ngợi. Anh tham gia một câu lạc bộ mà phương châm hành động là: vì cái Toàn vẹn, vì cái Thiện, vì cái Mỹ. Anh kết bạn lý tưởng với một thiếu phụ lớn hơn anh mấy tuổi ở quảng trường Kensington. Hầu như chiều nào, dưới ánh sáng ngọn nến có chao, anh cũng cùng nàng uống trà, đàm đạo về George, Meredith và Walter Pater. Thiên hạ ai cũng biết rằng bất cứ thăng dốt nào cũng đỗ được luật khoa nên anh học hành bê trễ. Khi bị đánh hỏng trong kỳ thi tốt nghiệp anh coi đó là một sự lãng mạ bản thân. Cùng lúc ấy, người thiếu phụ ở quảng trường Kensington báo cho anh là chồng nàng từ Ấn Độ về nghỉ phép, và dù đáng trọng về mọi mặt, chồng nàng là người đầu óc tầm thường, chắc hẳn không thông cảm sự lui tới thường xuyên của một chàng trai trẻ. Hayward thấy cảnh đời đây rầy xấu xa, anh thấy ghê tởm nghĩ mình lại phải đương đầu với sự trắng trợn của ban giám khảo, và anh cho rằng đá được quả bóng nằm dưới chân mình ra ngoài thì cũng có cái hay. Anh cũng mang công mắc nợ. Sống ở Luân Đôn như một kẻ thượng lưu với 300 bảng một năm thì thật khó. Anh mơ ước Venice và Florence mà John Ruskin đã mô tả thật tuyệt diệu. Anh thấy mình không hợp với công việc bận rộn tầm thường nghề luật, anh chợt phát

hiện rằng không phải cứ treo tên mình lên cửa là đã có khách hàng và hoạt động chính trị hiện đại dường như đã mất đi tính chất cao quý. Anh cảm thấy mình là nhà thơ. Anh bán các căn phòng ở Clement Inn và đi Ý. Anh sống qua một mùa đông ở Florence và một mùa đông ở Rome, và bây giờ anh sống mùa hè thứ hai ở Đức để có thể đọc Goethe bằng nguyên bản.

Hayward có một năng khiếu rất quý, anh thực sự yêu văn chương và có thể truyền đạt tình cảm nồng nàn của mình một cách linh hoạt đáng khâm phục. Anh có thể đi sâu vào tình cảm của một nhà văn, hiểu thấu đáo mọi điều tốt đẹp nhất của họ, và lúc ấy anh có thể trình bày về họ một cách thông minh.

Philip đọc nhiều nhưng chàng đọc bất kỳ thứ gì tình cờ bắt gặp mà không có lựa chọn, vì vậy nếu như gặp được ai đó có thể hướng dẫn thì hiểu cho chàng là điều rất tốt. Chàng mượn sách ở một thư viện nhỏ của thành phố, bắt đầu đọc mọi điều kỳ diệu mà Hayward thường nói đến, không phải lúc nào chàng cũng đọc thích thú say sưa nhưng rất mực kiên trì. Chàng hăng hái tự trau dồi. Chàng thấy mình còn quá dốt nát, quá tầm thường. Cho đến cuối tháng Tám, khi Weeks từ miền Nam nước Đức trở về, thì Philip hoàn toàn chịu ảnh hưởng của Hayward. Hayward không ưa Weeks, không thích áo choàng đen, cái quần lấm chấm đen trắng của anh chàng người Mỹ này nói và khi nói về tâm tính người Mỹ, thì anh ta nhún vai khinh bỉ. Philip sốt sắng nghe anh ta nói xấu một con người mà chàng thấy tử tế với mình, nhưng đến lượt Weeks đưa ra những nhận xét khó chịu về Hayward thì Philip lại nổi nóng.

- Ông bạn mới của cậu cứ như là thi sĩ ấy - Weeks nói và khẽ nhếch mép, chua chát.

- Anh ấy là thi sĩ.

- Anh ta nói với cậu thế à? Ở bên Mỹ chúng tôi gọi anh ta là một mẫu người bỏ đi khá đẹp.

- Thế nhưng chúng tôi không sống ở Mỹ. - Philip trả lời lạnh nhạt.

- Anh ta bao nhiêu tuổi, hai mươi lăm chẳng?

- Anh ta không làm gì khác ngoài việc ở trọ và làm thơ sao?

- Anh không hiểu anh ta đâu. - Philip gay gắt trả lời.

- Ồ vâng, tôi không hiểu đâu. Tôi đã gặp một trăm bốn mươi bảy người như vậy.

Mắt Weeks nháy nháy, nhưng Philip không hiểu cách khôi hài của người Mỹ. Chàng mím môi ra vẻ nghiêm nghị. Đối với Philip, Weeks dường như ở lứa tuổi trung niên, nhưng thực ra anh chưa quá ba mươi. Dáng dấp thư sinh, lưng gù, đầu to xấu xí, tóc hoe thưa thớt, nước da nhợt nhạt, cặp môi mỏng, mũi dài, thanh, cũng cái trán rất dô tạo cho khuôn mặt anh một vẻ kỳ quái, cử chỉ lạnh lùng, chính xác, anh là một con người thờ ơ, không có tình cảm đam mê, nhưng lại có một đặc tính nhẹ dạ lả lùng làm lúng túng những người đứng đắn, những người mà bản năng tự nhiên trong anh thúc đẩy anh tìm đến. Heidelberg anh theo học khoa thần học. Những sinh viên khác cùng khoa, cũng quốc tịch với anh thì nhìn anh bằng con mắt ngờ vực. Anh chẳng có vẻ gì là người chính giáo khiến họ hoảng sợ và họ cũng không tán thành tính khí thất thường của anh.

- Làm thế nào mà anh biết được một trăm bốn mươi bảy người như anh ấy? - Philip nghiêm nghị hỏi.

- Tôi gặp họ ở khu la tinh ở Pari, tại các nhà trọ ở Beclanh, và Munich. Họ sống trong các khách sạn nhỏ bé ở Perugia và Assisi. Florence bọn họ đứng hàng tá trước những bức tranh của Botticelli, ngồi đây trên các ghế dài nhà thờ Sistine ở Rome. Ở Ý họ uống có phần quá nhiều vang, nhưng ở Đức thì họ nốc bia thực sự quá nhiều. Họ luôn luôn ngưỡng mộ điều phải ngưỡng mộ, bất chấp điều đó như thế nào, và rồi sẽ một ngày họ viết một tác phẩm vĩ đại. Hãy nghĩ đến điều đó, đã có một trăm bốn mươi bảy tác phẩm vĩ đại trong lòng một trăm bốn mươi bảy con người vĩ đại nhưng điều bi thảm là trong số một trăm bốn mươi bảy tác phẩm vĩ đại đó không bao giờ và không một cuốn nào sẽ được viết ra, ấy vậy mà cuộc đời tiếp tục trôi qua.

Weeks nói một cách nghiêm trang, nhưng khi kết thúc lời phát biểu dài dòng, cặp mắt xám của anh nháy máy. Philip đỏ bừng mặt, nhận ra anh chàng người Mỹ này nhạo mình, chàng càu nhàu:

- Anh toàn nói chuyện vợ vẫn thôi.

Weeks ở hai buồng nhỏ sau nhà Erlin, một buồng được bố trí thành phòng khách vừa đủ cho anh mời bạn bè đến tụ họp. Sau bữa ăn tối, thúc đẩy bởi tính khí ranh mãnh, cái tính khí đã làm chán chường bạn bè anh ở Cambridge, anh thường mời Philip và Hayward đến tán chuyện phiếm. Anh tiếp đón hai người không được tự nhiên, ép họ ngồi hai cái ghế vững chắc nhất trong phòng. Anh không uống, nhưng cứ để hai chai bia sát Hayward một cách trang nhã mà Philip nhận thấy đó là sự mỉa mai. Trong lúc sôi nổi tranh luận, mỗi lúc tẩu thuốc của Hayward tắt là anh bật lửa mời ngay. Buổi đầu mới quen nhau với tư cách là thành viên một trường đại học nổi tiếng, Hayward lên mặt kể cả với Weeks là người đã tốt nghiệp đại học Harvard, và khi câu chuyện tình cờ hướng vào các tác giả bi kịch Hy Lạp, một chủ đề mà Hayward tự cho mình là người am hiểu, anh ra vẻ ta đây làm nhiệm vụ thông tin hơn là trao đổi ý kiến. Weeks nghe một cách lịch sự, tươi cười khiêm tốn cho đến lúc Hayward nói xong, anh đặt một vài câu hỏi lắt léo bên ngoài có vẻ quá ngây thơ đến nỗi Hayward không nhận ra ngay được là sẽ bị đẩy vào chỗ vô cùng lúng túng, nên trả lời rất nhẹ nhàng. Weeks nhã nhặn bác bỏ ý kiến của Hayward, hiệu chỉnh lại sự kiện, sau đó đưa ra trích dẫn của một nhà bình luận La tinh ít tiếng tăm nào đó, rồi viện đến một người Đức có uy tín, điều này chứng tỏ anh ta là một con người thông thái. Tươi cười thoải mái như vẻ tạ lỗi, anh đập tan những điều Hayward trình bày; hết sức nhã nhặn, anh làm lộ rõ tính hời hợt trong kiến thức của Hayward. Anh chế giễu Hayward bằng những lời châm biếm nhẹ nhàng. Philip không thể không thấy Hayward đúng là một anh chàng khờ khạo. Y không nhận thức được là phải nín lặng. Trong cơn giận dữ, với lòng tự tin không bị khuất phục, y cố cãi, đưa ra những lập luận rồ dại. Weeks thân tình sửa lại. Y suy luận sai, Weeks chứng minh rằng y vô lý. Weeks thú nhận anh ta đã từng dạy văn học Hy Lạp ở Harvard. Hayward cười khinh bỉ:

- Tôi biết điều đó - Hayward nói - Dĩ nhiên anh đọc văn học Hy Lạp như một nhà giáo, còn tôi đọc như một nhà thơ.

- Và khi anh hoàn toàn không hiểu gì hết thì anh lại thấy văn học Hy Lạp giàu chất thơ hơn ư? Tôi nghĩ rằng chỉ trong thần khải của đạo thì việc dịch sai mới làm ý nghĩa của nó hay hơn.

Cuối cùng sau khi Hayward uống cạn bia, rời khỏi phòng Weeks, người nóng bừng, đầu tóc rối bù, y vung vẩy chân tay, giận dữ bảo Philip:

- Dĩ nhiên thằng cha thông thái rờm, hẳn chả có cảm xúc thật sự gì về cái đẹp, tính chính xác là đức hạnh của giới tăng lữ. Cái mà chúng ta coi như mục tiêu hướng tới đó là tinh thần của nhân dân Hy Lạp. Weeks cũng giống như thằng cha nọ đi nghe Rubinstein rồi phàn nàn ông ta chơi sai nốt nhạc. Nốt nhạc chơi sai! Điều đó quan trọng gì, khi mà ông ta đánh đàn tuyệt diệu.

Vì không hề biết rằng đã bao kẻ bất tài tìm thấy niềm an ủi trong những nốt nhạc sai kia nên Philip hết sức xúc động.

Hayward không bao giờ có thể bỏ lỡ cơ hội do Weeks tạo cho y để y lấy lại vị trí đã mất trong dịp trước, nên Weeks rất dễ dàng lôi cuốn y vào cuộc tranh luận. Mặc dù y không thể không thấy kiến thức mình còn biết bao nghèo nàn so với kiến thức của anh chàng Mỹ nọ, nhưng tính ngoan cố của người Anh, lòng tự cao, tự đại bị tổn thương của y (có lẽ tính ngoan cố và lòng tự cao tự đại là một) không cho phép y bỏ cuộc. Dường như Hayward thích phô bày sự dốt nát, lòng tự mãn và tính ương ngạnh của mình. Bất cứ lúc nào, y nói gì phi lý, là Weeks đã chỉ ra được chỗ sai trong lập luận, anh nói ngắn gọn ngừng một lát để hưởng thụ thắng lợi, rồi vội vàng chuyển sang vấn đề khác tựa như lòng khoan dung của cha đạo cơ đốc bắt buộc anh

ta tha thứ cho kẻ thù bại trận. Thịnh thoảng Philip gắng làm một cái gì đó để giúp bạn, nhưng Weeks nhẹ nhàng thân mật gạt đi, khác với cách mà anh trả lời cho Hayward đến nỗi ngay cả Philip vốn rất nhạy cảm, vẫn không thấy bị xúc phạm. Đôi lúc mất bình tĩnh, thấy mình ngày càng ngu xuẩn, Hayward đâm ra ăn nói thô tục và chỉ có thái độ lịch sự tươi cười của anh chàng người Mỹ mới ngăn ngừa được cuộc tranh luận khỏi biến thành cuộc cãi vã. Những lúc như vậy, khi Hayward rời phòng Weeks, y chỉ tức giận lẩm bẩm:

- Thăng Mỹ khốn kiếp.

Thế là sự việc được giải quyết. Đó là câu trả lời hoàn hảo đối với một lý lẽ dường như không thể nào bác bỏ được.

Tuy bắt đầu là họ tranh luận về tất cả các loại vấn đề trong gian phòng nhỏ bé của Weeks, nhưng cuối cùng bao giờ cũng chuyển sang vấn đề tôn giáo. Anh chàng sinh viên thần học quan tâm đến vấn đề này có tính chất nghề nghiệp, còn Hayward hoan nghênh một đề tài mà những sự kiện vốn đã rõ ràng rành rành không còn chối cãi được, y không sợ sẽ bị lúng túng. Khi anh lấy cảm tính làm tiêu chuẩn cho chân lý, thì anh bất chấp lôgic, khi lôgic của anh yếu kém thì có nghĩa là anh sẵn sàng đồng ý. Hayward thấy khó dùng ít lời mà giải thích với Philip, tín ngưỡng của mình nhưng rõ ràng là (và điều này rơi vào quan niệm của Philip về trật tự đương nhiên của sự việc) y được giáo dục theo nguyên tắc đã định của nhà thờ. Dù bây giờ y đã từ bỏ mọi ý định trở thành tín đồ của giáo hội La Mã, y vẫn có cảm tình với nhóm này. Y hết lời tán tụng họ. Y so sánh một cách thiên vị nghi lễ huy hoàng của họ với buổi lễ đơn giản của nhà thờ Anh quốc giáo. Y đưa Philip đọc Apologia của Newman. Philip thấy sách chán ngắt nhưng cũng đọc từ đầu đến cuối.

- Cậu hãy đọc vì văn phong của nó, đừng vì nội dung - Hayward bảo. Y say sưa nói về âm nhạc ở giáo đường và bao nhiêu chuyện quyến rũ về mối liên quan giữa khói hương trầm với lòng mộ đạo. Weeks vừa nghe vừa cười nhạt.

- Anh cho rằng điều đó chứng minh chân lý của công giáo La Mã rằng John Henry Newman viết tiếng Anh giỏi, rằng giáo chủ Manning thì có diện mạo đẹp như tranh phải không?

Hayward nói bóng gió rằng y đã chứa chất biết bao điều phiền muộn, đã bơi lội một năm trời trên biển tối tăm. Y đưa mấy ngón tay lên vuốt mái tóc đẹp gọn sóng và nói với hai bạn rằng y không vì năm trăm bảng mà cam chịu lần nữa những đau khổ tinh thần như thế. May mắn thay, cuối cùng y cũng đi tới được chốn biển lặng sóng yên.

- Nhưng anh tin tưởng vào cái gì chứ? - Philip hỏi, chàng không bao giờ thỏa mãn với những lời phát biểu mơ hồ.

- Tôi tin vào cái Toàn vẹn, cái Hay và cái Đẹp.

Khi nói câu này, và nói một cách điệu bộ, Hayward trông rất đẹp trai, với dáng đầu thanh thanh, với cử chỉ chân tay mềm mại.

- Có phải theo cách đó, anh mô tả tôn giáo của anh trong một bản khai điều tra dân số chẳng? - Weeks hỏi giọng ngọt ngào.

- Tôi ghét sự định nghĩa cứng nhắc, nó xấu xí quá minh bạch quá. Anh muốn tôi sẽ tuyên bố rằng tôi tin ở giáo hội của công tước Wellington và Glasdstone.

- Đó là Anh quốc giáo. - Philip nói.

- Chà, chàng trai mới khôn ngoan làm sao!

Hayward đáp làm cho Philip đỏ mặt, vì chàng thấy mình tầm thường khi diễn đạt giản đơn điều mà người khác phải giải thích dài dòng. “Tôi thuộc giáo hội Anh quốc. Nhưng tôi thích vàng và lụa may quần áo cho linh mục La Mã, tôi thích cuộc đời độc thân của họ trong phòng xưng tội, luyện tội của họ; tôi hết lòng tin vào phép lạ của lễ Misa, trong bóng tối Nhà thờ lớn ở Ý, huyền bí thơm ngát hương trầm. Ở Venise, tôi gặp vợ một người thuyền chài đi chân không bước vào đặt rổ bên cạnh mình, quỳ xuống cầu nguyện dưới chân tượng Madonna; và điều mà tôi cảm thấy là lòng thành thực sự, và tôi cũng cầu nguyện, cũng tin tưởng như bà ta. Nhưng tôi cũng tin ở Aphrodite và Apollo và Đấng Chúa trời Pan vĩ đại”.

Giọng Hayward quyến rũ, lựa chọn lời ngay trong lúc nói và phát biểu gần như có nhịp điệu. Đáng lẽ y còn tiếp tục, nhưng Weeks đã mở chai bia thứ hai.

- Cho phép tôi mời anh uống cái này.

Hayward quay sang Philip với một cử chỉ hơi hạ cổ khiến chàng trai cảm động.

- Bây giờ thì cậu thỏa mãn chưa? - Y hỏi.

Philip đang có phần lúng túng, thú nhận là mình đã thỏa mãn. Weeks nói:

- Tôi chưa được thỏa mãn bởi vì anh đã không nói một chút gì về Phật giáo. Và thú thật là tôi cũng có một thứ cảm tình nào đó với Mohamet; tiếc rằng anh bỏ qua ông ta không nói đến.

Hayward cười. Tối hôm ấy, tâm trạng y vui vẻ, và lời nói của chính y như còn ngân vang bên tai y một cách thú vị. Y cạn cốc nói:

- Tôi không trông mong anh sẽ hiểu tôi đâu. Với trí thông minh lạnh lùng, người Mỹ các anh chỉ có thể lựa chọn thái độ phê bình mà thôi. Phê bình Emerson và mọi hạng người như vậy. Nhưng phê bình là gì? Phê bình chỉ là sự phá hoại. Ai cũng có thể phá hoại, nhưng không phải ai cũng có thể xây dựng. Anh là người thông thái rởm, anh bạn thân mến ạ. Điều quan trọng là xây dựng. Tôi là con người xây dựng. Tôi là một nhà thơ.

Weeks nhìn y với cặp mắt có vẻ vừa nghiêm nghị vừa rạng rỡ tươi cười.

- Tôi nói câu này mong anh bỏ quá cho nhé, hình như anh hơi say thì phải.

- Ồ, không đáng kể. - Hayward vui vẻ đáp. - Và cũng chưa đủ để tôi có thể áp đảo anh trong tranh luận. Nào, tôi đã thổ lộ lòng mình, bây giờ anh cho chúng tôi biết tín ngưỡng của anh?

Weeks nghiêng đầu sang một bên giống như con chim sẻ trên cành.

- Từ nhiều năm nay tôi kiên trì tìm kiếm điều đó - Tôi cho rằng tôi là người theo thuyết nhất thể.

- Nhưng đó là biệt giáo - Philip nói xen vào, và không hiểu vì sao hai bạn lại phá lên cười. Hayward cười to còn Weeks cười khúc khích, rồi hỏi:

- Ở bên Anh, những người biệt giáo không phải là người quý phải, phải thế không?

- Đấy, vì anh đã hỏi thẳng thắn như vậy tôi xin nói họ không phải là người quý phái - Philip trả lời hơi bực bội.

Chàng không thích bị cười nhạo, nhưng họ vẫn cười.

- Cậu có vui lòng cho mình biết quý phái là người như thế nào không? - Weeks hỏi.

- Ồ, tôi cũng chẳng biết nữa, nhưng ai mà chẳng biết họ là thế nào.

- Cậu có phải là người quý phái không?

Trong tâm trí Philip chưa bao giờ từng gợn một chút nghi ngờ về vấn đề này, nhưng chàng hiểu rằng đây không là điều nên nói về mình.

- Nếu có người xưng với anh hãnh là người quý phái, anh có thể bán cả nhà đi mà đánh cuộc, hãnh không phải đâu - Philip trả lời.

Vậy thì tôi có phải là người quý phái không? - Weeks hỏi.

Tính thật thà của Philip làm anh khó trả lời, nhưng chàng vốn là người lịch sự.

- Ồ, anh thì khác, anh là người Mỹ phải không?

- Tôi cho rằng như vậy là chúng ta có thể hiểu rằng chỉ có người Anh mới là người quý phái có phải không? - Weeks nghiêm trang nói. Philip không cãi lại.

- Cậu không thể cho mình biết một ít chi tiết nữa sao? - Weeks hỏi.

Philip đỏ mặt nhưng đang trong cơn giận, chàng không cần biết mình có thể lỗ bịch.

- Tôi có thể cung cấp cho anh nhiều. Chàng nhớ đến lời của bác mình là phải qua ba thế hệ mới tạo ra được một con người quý phái. Lời nói này cũng như câu tục ngữ “ít bột không gột nên hồ”. Trước hết anh phải là con trai một nhà quý phái đã được học ở trường công này rồi đến Oxford hoặc Cambridge.

- Có lẽ trường Edimburg cũng không ăn thua? Tôi nghĩ như vậy - Weeks hỏi.

- Và anh ta nói tiếng Anh như một nhà quý phái, ăn mặc hợp thời và nếu như anh ta đã là quý phái thì lúc nào cũng có thể xác định được thằng cha nào là quý phái.

Càng nói thì Philip dường như càng nhận ra những định nghĩa của mình có phần nào chưa thỏa đáng nhưng biết làm thế nào: đó chính là điều chàng muốn diễn đạt mà mọi người quen biết xưa nay cũng muốn nói như vậy.

- Như vậy thì rõ ràng tôi không phải là quý phái rồi, - Weeks tiếp tục, - không hiểu tại sao cậu lại ngạc nhiên đến thế vì tôi là người biệt giáo.

- Tôi hoàn toàn không hiểu người theo thuyết nhất thể là thế nào? - Philip nói.

Weeks lại kỳ cục nghiêng đầu qua một bên, và có lẽ chỉ chút nữa là được nghe anh ta ríu rít.

- Người theo thuyết nhất thể là người kiên quyết không tin vào hầu hết mọi điều mà người nào khác tin tưởng, người ấy nuôi dưỡng một niềm tin sắt đá vào điều hoàn toàn chưa được xác định.

- Không hiểu sao mà anh giễu cợt tôi, tôi thực sự muốn tìm hiểu mà, Philip nói.

- Anh bạn ạ, mình không giễu cợt đâu. Phải sau bao nhiêu năm lao động bần bĩ, nghiên cứu căng thẳng nhất, lo âu khắc khoải nhất, mình mới đi đến một định nghĩa như vậy.

Khi Philip và Hayward đứng dậy ra về, Weeks đưa một quyển sách nhỏ bọc giấy.

- Mình nghĩ rằng lúc này cậu đọc thạo tiếng Pháp rồi, không biết cuốn sách này có làm cậu vui thích không?

Philip cảm ơn anh, cầm lấy sách nhìn nhan đề. Đó là “Cuộc đời Jesus” của Renan^[5].

Cả Hayward lẫn Weeks đều không ngờ rằng những câu chuyện trong một tối vô công rồi nghề vậy mà sau đó cứ trăn trở trong đầu óc siêng năng của Philip. Trước đây chàng không bao giờ nghĩ rằng tôn giáo lại là vấn đề có thể đem ra bàn cãi. Đối với chàng tôn giáo có nghĩa là giáo hội nước Anh, và không tin vào giáo lý của nó là dấu hiệu ngoan cố không thể không bị trừng phạt kiếp này hoặc kiếp sau. Đầu óc chàng ít nhiều còn hồ nghi về sự trừng phạt những người vô đạo. Có thể vì quan tòa khoan dung dành riêng ngọn lửa địa ngục cho người ngoại đạo là môn đồ của Mô-ha-mét, của Phật v.v..., hẳn sẽ tha thứ những kẻ biệt giáo và công giáo La Mã (dù họ phải trả bằng giá bao nhiêu điều khổ nhục để buộc phải hiểu rõ những sai lầm của mình), cũng có thể nổi thương xót những kẻ không có cái may mắn học hỏi được chân lý - điều này cũng khá có lý mặc dù trong hoàn cảnh đó những hoạt động như vậy của Hội Truyền giáo không nhiều nếu gặp được may mắn mà họ lại hững hờ (hiển nhiên người công giáo La Mã và người biệt giáo ở trong số này) thì sự trừng phạt là chắc chắn và xứng đáng. Rõ ràng người tà giáo nằm trong tình thế nguy hiểm. Về vấn đề này, có lẽ Philip chưa được dạy bảo bằng nhiều tin báo như vậy, nhưng chắc chắn chàng có cảm tưởng rằng chỉ tín đồ Anh quốc giáo mới được hy vọng thực sự về hạnh phúc vĩnh cửu.

Một trong những chuyện Philip nghe được rành mạch là người không tín ngưỡng là người độc ác tội lỗi xấu xa, nhưng mặc dù Weeks khó mà tin được những điều Philip tin tưởng; anh ta lại sống một cuộc đời trong trắng của người công giáo. Trong cuộc đời, Philip ít gặp điều tử tế, chàng cảm động khi thấy người Mỹ này tỏ ý giúp mình; có một lần chàng bị cảm lạnh, phải nằm liệt giường ba ngày, Weeks đến săn sóc chàng như một bà mẹ. Ở con người này, không có thói hư tật xấu, cũng không có tính độc ác, mà chỉ

có lòng chân thành, và tình mến thương nhân hậu. Như thế rõ ràng là con người ta có thể là con người có đạo đức nhưng không cần có tín ngưỡng.

Philip cũng hiểu được rằng thiên hạ gắn bó với những niềm tin khác chỉ là do ngoan cố hoặc do tư lợi: trong thâm tâm họ biết mình sai lầm, nhưng họ vẫn cố ý đánh lừa người khác. Hiện nay, nhằm trau dồi tiếng Đức của mình, các buổi sáng chủ nhật, Philip thường quen đi dự lễ đạo Luther, nhưng gặp Hayward đến thì thay vào đó chàng lại cùng anh đi dự lễ Misa. Anh chú ý thấy nhà thờ Tin lành hầu như chẳng có ai, không khí buổi họp buồn tẻ.

Trong khi đó thì nhà thờ dòng Tên chật ních những người mộ đạo cầu nguyện với tất cả tâm hồn. Họ không có vẻ đạo đức giả. Chàng rất đỗi ngạc nhiên về sự trái ngược này. Dĩ nhiên chàng hiểu rằng tín đồ Luther^[6] có tín ngưỡng gần với tín ngưỡng tín đồ Anh quốc giáo, vì vậy mà họ gần chân lý hơn những người công giáo La Mã. Phần đông những người này, chủ yếu là nam giới, là dân Đức phía Nam và chàng cũng không thể tự nhủ nếu sinh ra ở miền Nam nước Đức thì chắc chàng cũng sẽ là tín đồ công giáo La Mã. Đúng là chàng có thể sinh trưởng ở xứ công giáo La Mã cũng như ở Anh, và sinh trưởng ở Anh cũng như trong một gia đình thuộc giáo phái Weeks Baptism, hay Methodism^[7] cũng như trong một gia đình, mà may mắn thuộc một giáo hội được pháp luật chính thức hóa. Chàng nín thở một chút nghĩ đến nỗi hiểm nghèo đã vượt qua.

Philip có quan hệ thân thiết với một người Hoa nhỏ bé tên là Sung thường ngày hai lần cùng ngồi ăn với mình. Sung luôn luôn tươi cười, hòa nhã, lễ độ. Nghĩ cũng lạ là hẳn phải chịu rán xèo xèo dưới địa ngục chỉ vì hẳn là người Hoa, nhưng nếu thừa nhận có một sự cứu vớt linh hồn, bất kỳ tín ngưỡng của con người là thế nào thì gia nhập Anh quốc giáo cũng chẳng được lợi lộc đặc biệt gì.

Cả đời chưa bao giờ Philip thấy bối rối như vậy, nên chàng mới thăm dò Weeks. Chàng phải thận trọng là vì chàng dễ làm cho người ta chế giễu, và cái tính hài hước chua cay của người Mỹ nói về giáo hội Anh làm chàng lúng túng ngại ngùng. Nhưng Weeks chỉ càng làm chàng bối rối thêm. Anh làm Philip công nhận rằng người miền Nam nước Đức trong nhà thờ giáo hội Dòng Tên là những người vững tin vào chân lý giáo hội Anh quốc. Từ đó, anh dẫn dắt chàng đến chỗ phải thừa nhận rằng người đạo Hồi và đạo Phật cũng tin chắc vào chân lý của tôn giáo họ. Nếu mọi người đều tin mình có chân lý thì dường như riêng anh tin mình có chân lý cũng chẳng có ý nghĩa gì. Weeks không có ý phá hoại niềm tin của bạn nhưng anh hết sức quan tâm đến tôn giáo và thấy đó là câu chuyện hấp dẫn. Anh trình bày một cách chính xác những quan điểm của chính mình khi anh tuyên bố anh không tin chút nào ở hầu hết mọi điều người khác tin. Có lần Philip hỏi anh một vấn đề mà Philip nghe bác mình đưa ra ở tòa cha sở, khi câu chuyện rơi vào một tác phẩm duy lý chữ nghĩa ôn hòa đã gây tranh luận trên báo chí hồi ấy.

- Nhưng vì sao cậu khẳng định cậu đúng còn những người kia như St. Anselme và St. Augustine là sai?

- Cậu muốn nói họ là những học giả hết sức thông minh uyên bác, trong khi đó cậu lại quá nghi ngờ không biết tôi có phải là một trong hai người ấy không? - Weeks hỏi.

- Vâng - Philip ngập ngừng trả lời vì câu hỏi anh đặt ra như vậy dường như không đúng chỗ.

- St. Augustine tin rằng quả đất bằng phẳng và mặt trời quay quanh trái đất.

- Tôi không hiểu điều này chứng minh cái gì?

- Thế nào, điều đó chứng minh rằng anh cũng một nguồn tin với thế hệ anh. Các vị thánh của anh sống trong một thời đại tín ngưỡng mà con người tất phải tin vào những điều mà chúng ta ngày nay rõ ràng là không thể tin được.

- Vậy thì làm sao mà anh biết rằng bây giờ chúng ta có được chân lý?

- Tôi không biết.

Philip nghĩ ngợi một lúc rồi nói:

- Tôi không hiểu vì sao những điều chúng ta tin tưởng tuyệt đối ngày nay thật đúng là không sai lầm như những điều ngày xưa con người tin tưởng.

- Tôi cũng không hiểu.

- Vậy thì làm sao anh có được một chút lòng tin.

- Tôi không biết.

Philip hỏi Weeks nghĩ gì về tín ngưỡng của Hayward.

- Con người thường tạo ra thân phận theo hình ảnh của chính mình, và họ tin tưởng vào hình ảnh đó. - Weeks nói.

Ngừng một lát Philip nói:

- Tôi không hiểu một tí nào vì sao người ta phải tin Chúa.

Nhưng vừa dứt lời chàng đã thấy mình không còn tin Chúa nữa. Điều đó làm cho chàng nghẹn thở tựa như đắm đầu xuống dòng nước lạnh. Chàng nhìn Weeks với cặp mắt hốt hoảng. Chàng bỗng thấy sợ hãi và vội vàng từ giã Weeks. Chàng muốn một mình thanh vắng. Từ trước đến nay chưa bao giờ chàng trải qua một cơn sửng sốt như vậy. Chàng hết sức suy nghĩ về điều đó, một điều rất lý thú dường như có liên quan đến cả đời chàng, (chàng cho rằng quyết định của mình về vấn đề này nhất định sẽ tác động sâu sắc đến quá trình diễn biến của cuộc đời) và một chút sai lầm cũng có thể dẫn đến một kiếp đọa đầy mãi mãi; nhưng đang ngẫm nghĩ chàng càng tin, và trong mấy tuần sau đó, mặc dù say sưa đọc sách vở có khuynh hướng hoài nghi chủ nghĩa, việc đó chỉ làm cho chàng nhiễm sâu thêm điều mà chàng mới cảm thấy theo bản năng. Thực ra việc chàng không còn tin ngưỡng không phải vì lý do này hay lý do nọ, mà vì chàng không có lòng sùng đạo. Niềm tin áp đặt cho chàng là từ bên ngoài, do hoàn cảnh xung quanh, do có tiền lệ. Một môi trường mới, một gương mẫu mới đã tạo cho chàng điều kiện tự tìm thấy mình. Chàng vứt bỏ niềm tin thời thơ ấu một cách hoàn toàn giản đơn như vứt bỏ chiếc áo choàng lâu rồi không dùng đến. Thoạt đầu, chàng thấy cuộc sống như xa lạ, quạnh hiu, như không có niềm tin đã từng là nơi nương tựa vững chắc dù chẳng bao giờ chàng nghĩ như vậy. Chàng cảm thấy như một người đã quen chống gậy, bỗng thấy mình phải đi không, không dựa được vào đâu, mà ngày dường như thực sự lạnh lẽo hơn, và đêm thì càng vắng vẻ. Nhưng chàng vẫn vững tinh thần do cảnh sống sôi động làm cho cuộc đời trở thành một cuộc phiêu lưu mạo hiểm ly kỳ và trong giây phút chàng thấy mình nhẹ nhõm như trút bỏ xong cái gánh nặng không chịu nổi của cây gậy đã vứt sang một bên và của chiếc áo choàng đã rơi khỏi hai vai. Trong bao nhiêu năm chàng buộc phải chấp nhận những nghi lễ tu hành là bộ phận khăng khít của lòng tín ngưỡng. Chàng nhớ lại những bài kinh khai lễ phải học thuộc lòng, những buổi lễ kéo dài trong nhà thờ lớn, phải ngồi dự từ đầu đến cuối mà chân tay thì muốn cử động. Chàng nhớ lại những lần đi bộ ban đêm qua những con đường lầy lội đến nhà thờ xứ đạo ở Blackstable và sự lạnh lẽo của tòa nhà hoang vắng, chàng ngồi xuống, chân lạnh ngắt như nước đá, ngón tay tê

cóng, nặng trĩu. Chao ôi! Ngày ấy chàng buồn phiền biết bao nhiêu. Cho nên khi thấy mình thoát khỏi cảnh đó, tim chàng nhảy lên reo vui.

Chàng ngạc nhiên thấy mình đã từ bỏ tín ngưỡng để dằng đến thế. Chàng cho rằng mình vững vàng già dặn là nhờ sự thông minh khéo léo của bản thân chứ chàng không ngờ đã hành động khôn ngoan theo cái bản năng tự nhiên tiềm ẩn trong mình. Chàng hết sức hài lòng về mình. Tuổi trẻ vốn không thích những quan điểm khác mình, nên chàng xem thường không ít Weeks và Hayward vì họ toại nguyện với cái cảm xúc mơ hồ mà họ gọi là Thượng đế, và không muốn tiến tới một bước nữa mà với chàng dường như quá hiển nhiên.

Một hôm, chàng đi một mình lên ngọn đồi để ngắm cảnh, không hiểu vì sao mà cảnh trí xung quanh bao giờ cũng làm cho chàng hết sức thích thú. Bây giờ tuy đã vào mùa thu song vẫn còn nhiều ngày trời trong không mây; và lúc ấy bầu trời như rực rỡ huy hoàng hơn. Tạo hóa như có ý gắng làm cho những ngày đẹp trời cuối cùng này càng thêm tráng lệ. Chàng nhìn xuống cánh đồng rung rinh dưới nắng trải rộng trước mắt, xa xa là mái nhà của thành phố Mannheim và xa hơn nữa mờ mờ hình dáng của thị trấn Worms.

Đây đó lóe lên một vết sáng chói hơn, đó là dòng sông Rhin. Khoảng bao la kỳ lạ này rực rỡ một màu vàng đậm. Philip đứng đó, lòng rộn ràng một niềm hân hoan đích thực; chàng nghĩ tới Quỷ Xa tăng đã từng đứng với Jesus trên ngọn núi cao kia, chỉ cho Người xem vương quốc trần gian như thế nào. Say sưa với cảnh đẹp, ngỡ như toàn bộ thế gian này đã phơi bày ra trước mắt và chàng nóng lòng muốn bước xuống để tận hưởng. Chàng thoát khỏi những định kiến, những lo ngại bình thường. Chàng có thể đi theo con đường của mình không còn hết hồn sợ hãi lửa địa ngục. Bỗng nhiên chàng nhận thấy mình cũng đã trút được trách nhiệm nặng nề đã làm cho mỗi hành động của đời mình lúc nào cũng thành một vấn đề quan trọng cấp

bách. Chàng có thể hít thở thoải mái hơn trong một bầu không khí nhẹ nhõm, chàng chỉ chịu trách nhiệm với mình về những việc mình làm. Tự do! Rốt cuộc chàng đã được làm chủ lấy mình. Do thói quen từ xưa, chàng bất giác cảm tạ Thượng Đế rằng chàng không còn tin Người nữa.

Say sưa tự hào về trí thông minh và lòng can đảm của mình, Philip khoan thai bắt đầu cuộc sống mới. Nhưng sự mất lòng tin không làm thay đổi bao nhiêu cách ăn ở của mình như chàng đã tưởng. Dù chàng đã vứt bỏ những giáo lý cơ đốc, không bao giờ chàng nảy ra ý nghĩ phê phán đạo đức cơ đốc; chàng công nhận những đức tính của đạo cơ đốc và quả thực chàng nghĩ rằng đem thực hành những đức tính đó cho mục đích của chính chúng chứ không nghĩ đến thường phạt thì thật là cao quý.

Hiếm có dịp thì thổ cử chỉ anh hùng ở nhà trọ bà giáo sư, nhưng đúng là chàng có phần thật thà hơn trước và chàng cố ép mình ân cần hơn ngày thường với các bà đàn độn, sắp về già thỉnh thoảng bắt chuyện với chàng. Lời nguyện rửa nhẹ nhàng, những tính từ dữ dằn điển hình trong ngôn ngữ mà trước đây chàng đã từng trau dồi như là tiêu biểu cho nam tính thì nay chàng lại rất cần né tránh.

Sau khi giải quyết toàn bộ vấn đề này một cách thỏa mãn, chàng cố không nghĩ đến nó nữa, những nói thì dễ hơn làm, và chàng không thể không thấy hối tiếc, không che giấu được nỗi hồ nghi thỉnh thoảng ray rứt lòng mình. Chàng còn rất trẻ, và rất ít bạn bè nên đối với chàng vấn đề vĩnh cửu chẳng có gì đặc biệt hấp dẫn và chàng có thể từ bỏ ý nghĩ đó không khó khăn gì, nhưng có một việc làm chàng khổ sở, chàng hằng tự nghĩ như vậy là vô lý và cố chế nhạo mình để gạt bỏ những cảm xúc ấy; nhưng rồi nước mắt cứ thực sự rưng rưng khi chàng nghĩ rằng sẽ không còn bao giờ gặp lại người mẹ xinh đẹp nữa. Từ ngày mẹ mất, biết bao năm tháng trôi qua; tình yêu của mẹ đối với chàng cũng trở nên vô cùng quý giá. Biết bao năm tháng trôi qua và đôi khi cái tinh thần ngoan đạo kính Chúa của những

bậc tổ tiên, không biết từ bao đời tác động tới chàng mà chàng không hay, làm chàng hoảng sợ. Chàng nghĩ rằng có lẽ mọi sự đều đúng như vậy và có lẽ sau bầu trời xanh lơ trên kia, có một ông Thượng đế đố kỵ sẽ trừng phạt những kẻ vô thần trong ngọn lửa đời. Những lúc đó lý lẽ cũng không thể giúp chàng được gì. Chàng hình dung những cơn đau thể xác nhất định sẽ kéo dài bất tận, chàng lo sợ muốn phát ốm, người đẫm mồ hôi. Cuối cùng, chàng tuyệt vọng nhủ thầm:

“Xét cho cùng, đâu phải lỗi tại ta. Ta không thể bắt mình phải tin, nếu rốt cuộc có một Đấng Thượng đế, mà Người sẽ trừng phạt ta vì ta thành thật không tin Người, thì ta cũng không thể nào làm khác”.

Mùa đông đã đến, Weeks đi Berlin dự các buổi giảng bài của Paulssen, và Hayward bắt đầu tính chuyện đi về phía Nam. Nhà hát địa phương đã mở cửa. Hàng tuần Philip và Hayward đến đó hai lần với mục đích đáng khen là tra dồi thêm tiếng Đức, Philip cho đó là cách giải trí lý thú để rèn luyện ngôn ngữ cho thành thạo hơn là đi nghe thuyết pháp. Giữa sự phục hồi nghệ thuật kịch nói, họ thấy được sở trường năng khiếu của mình. Nhiều vở của Ibsen được ghi trong tiết mục biểu diễn mùa đông; vở “Danh dự” của Sudermaran lúc bấy giờ là một vở mới và khi được diễn trong thành phố yên tĩnh của những trường đại học, nó đã gây ra một sự bàn tán sôi nổi nhất, nó được khen ngợi hết lời, và Philip chứng kiến một loạt tác phẩm trong đó cái hèn hạ của con người được phơi bày ra trước mắt chàng. Cho đến lúc ấy, trong đời chàng chưa một lần xem kịch (những gánh kịch rong nghèo nàn tinh thoảng cũng đến nhà Hội Đồng ở Blackstable biểu diễn phục vụ, nhưng cha sở phần vì nghề nghiệp, phần vì cho họ là xoàng nên chẳng bao giờ xem) thế mà chàng đắm ra say mê sân khấu. Chàng rùng mình khi bước vào một nhà hát tồi tàn, nhỏ hẹp, tối tăm. Chẳng mấy chốc, chàng đã đến mức hiểu được những nét riêng biệt của đoàn kịch nghèo khổ này; qua bảng phân vai, chàng có thể nói ngay tính cách nhân vật trong vở kịch; nhưng Philip không cho điều đó là quan trọng. Đối với chàng đó là đời thật. Đó là cuộc đời khác thường, tối tăm, dằn vặt, cuộc đời trong đó, đàn ông, đàn bà phô bày tâm hồn xấu xa của họ trước những con mắt lạnh lùng; gương mặt xinh đẹp che đậy đầu óc sa đọa, người đoan chính dùng đức hạnh như mạng đeo mặt để che giấu thói xấu thâm kín của mình, người có vẻ trắng kiện ngất xỉu vì yếu đuối; người lương thiện hư hỏng, kẻ trình bạch thì dâm dăng. Người ta có cảm giác như ở trong một căn phòng đêm qua đã diễn ra một cuộc truy hoan; sáng ra cửa sổ chưa mở, đèn khí leo lét, không khí còn nồng nặc mùi bia, mùi đầu mẩu thuốc lá. Không một tiếng cười. Quá lắm là người ta cười thầm tên đạo đức giả hay thằng điên; đó là

các vai thể hiện bằng những lời lẽ xót xa, những lời như bị vắt ra từ những tâm hồn.

Bao nhiêu chuyện nhớp nhúa cùng cực đó lôi cuốn Philip. Dường như chàng nhìn lại thế giới bằng một con mắt khác, và cái thế giới này chàng cũng khao khát muốn tìm hiểu.

Sau khi vở kịch kết thúc, chàng đến một quán rượu, ngồi bên lửa ấm, ăn một lát bánh kẹp thịt, uống bia với Hayward, xung quanh từng tốp nhỏ sinh viên cười cười nói nói, và đây đó, một gia đình cha, mẹ, một cô con gái và hai cậu con trai; thỉnh thoảng cô gái kể một chuyện hóm hỉnh và người cha cười ngất trên ghế, tiếng cười thật vui. Trong cái cảnh này có một cái gì êm đềm giản dị, nhưng Philip không để ý. Tư tưởng chàng cứ quanh quẩn về vở kịch vừa xem.

- Anh thấy đó chính là cuộc đời chứ, phải không? - Philip sôi nổi nói. - Anh biết không, tôi nghĩ rằng tôi không thể ở đây lâu hơn. Tôi muốn đến Luân Đôn để được thực sự bắt đầu. Tôi muốn có kinh nghiệm. Tôi đã chán ngấy cái công việc chuẩn bị vào đời này lắm rồi: giờ đây tôi muốn được sống.

Đôi khi Hayward để Philip về nhà một mình. Anh thường không bao giờ trả lời đúng những câu hỏi háo hức của Philip và với nụ cười vui vẻ ngớ ngẩn, anh bóng gió đến một chuyện tình lãng mạn nào đó, anh trích dẫn mấy câu chuyện của Rosette và có lần đọc cho Philip một bài sonnet trong đó gói ghém những đam mê cùng lòng giận dữ, những tình cảm bi lụy, đối tượng là một thiếu phụ trẻ tuổi tên là Trude. Hayward phết lên những chuyện dan díu, vụn vặt, tầm thường và nhớp nhúa của mình một quầng ánh sáng đầy chất thơ và cho rằng mình ngang hàng với Périclès và Phidias^[8], bởi vì để mô tả đối tượng mà anh ta ve vãn, anh dùng từ “gái hồng lâu” thay cho những từ nói thẳng toạc ra, thích hợp hơn trong ngôn

ngữ tiếng Anh. Ban ngày, Philip tò mò đi qua con đường nhỏ gần một cây cầu cũ kỹ với những mái nhà trắng gọn gàng sạch sẽ, sơn xanh, theo Hayward thì cô Trude sống ở đây; nhưng những mù đàn bà với bộ mặt thú vật, má trát bột phấn, bước ra khỏi cửa gào lên gọi chàng, làm chàng phát sợ, và chàng hốt hoảng chạy trốn khỏi những bàn tay thô bạo đang cố giữ lấy mình. Trên hết chàng mong sao được ném trái mọi thứ trên đời này, chàng tự nhận thấy mình lỗ bịch là vì vào lứa tuổi chàng mà chàng vẫn chưa được hưởng điều mà mọi cuốn tiểu thuyết đã dạy cho chàng là quan trọng nhất đời, nhưng bất hạnh thay, chàng lại có một năng khiếu nhìn được sự vật đúng như thật trạng của nó và chàng đã bắt gặp một thực tế khác xa với lý tưởng trong mộng của mình. Nói lứa tuổi thanh niên là lứa tuổi hạnh phúc thật là ảo tưởng, ảo tưởng của những ai đã hết thời son trẻ. Nhưng thanh niên thì biết rằng họ bất hạnh vì tâm hồn họ đã thấm nhiễm biết bao lý tưởng không thực tế rồi khi va chạm với thực tế, mình mấy họ mới tím bầm đầy thương tích. Dường như họ là nạn nhân của một âm mưu, bởi vì sách vở mà họ đọc được lý tưởng hóa do nhu cầu tuyển chọn, và những câu chuyện của cha anh nhìn lại quá khứ đã bị lãng quên, qua một lớp sương mù màu hồng, đã chuẩn bị cho họ bước vào cuộc đời không thực tế. Họ phải tự mình khám phá rằng tất cả những điều họ đã đọc, tất cả những điều người ta kể cho họ nghe đều là dối trá và dối trá; và mỗi sự phát hiện chẳng khác gì lại thêm một mũi đinh nữa ghim vào thân thể trên cây thập tự cuộc đời. Có điều lạ lùng là mỗi một người đã trải qua sự vỡ mộng cay đắng đó, bằng một thứ nội lực còn mạnh mẽ hơn, chính anh ta lại đến lượt mình góp phần vào đó mà không hề hay biết. Không có điều gì tệ hại hơn cho Philip như tình bạn của Hayward đối với chàng. Anh ta là con người không nhìn sự đời bằng chính mắt mình mà chỉ nhìn qua cái kính viễn chương, và anh ta nguy hiểm vì anh ta lừa dối chính mình bằng một niềm tin chân thật. Anh ta thực thà nhằm lẫn nhục cảm của anh ta với cảm xúc lãng mạn, tính dao động với tính nghệ sĩ, sự lười biếng với sự thanh thản của một triết gia. Khi phải cố gắng lập luận tế nhị, thì đầu anh ta lại tỏ ra tầm thường, nhìn cái gì cũng thấy đôi chút lớn hơn so với quy mô cuộc đời và những đường nét mờ nhạt trong lớp mây mù dát vàng của tính đa cảm. Anh ta nói dối, mà không

bao giờ biết mình nói dối và khi bị phát hiện thì anh ta lại bảo rằng dối trá là tốt đẹp. Anh ta là con người mơ mộng không thực tế.

Philip áy náy không yên, không thỏa mãn. Những lời bóng gió đẩy chất thơ của Hayward làm cho óc chàng rối bời và tâm hồn chàng khát khao một mối tình lãng mạn. Ít nhất chàng cũng tự giải thích trạng thái tâm hồn mình như vậy.

Một việc đã xảy ra ở nhà trọ của bà Erlin làm Philip càng thêm bận trí về những chuyện tình ái. Trong những cuộc dạo chơi trên đồi, hai ba lần chàng gặp cô Cacilie thơ thẩn một mình. Chàng ngả đầu chào nàng rồi đi tiếp, thêm mấy bước về phía trước thì chàng thấy anh chàng người Hoa nọ. Chàng không nghĩ gì về việc này, nhưng một chiều trên đường về, lúc đó trời đã tối hẳn, chàng vượt qua hai người đang đi sát vào nhau. Nghe tiếng chân chàng họ vội tách ra, và dù không nhìn rõ trong đêm tối, chàng cũng hầu như chắc chắn đây là Cacilie và cậu Sung. Việc họ vội vã tách ra gợi cho người ta nghĩ ngay là họ đã khoác tay nhau mà đi sóng đôi. Philip bối rối và ngạc nhiên. Chàng chưa bao giờ chú ý nhiều đến Cacilie. Nàng là một cô gái chất phác, mặt chữ điền, đường nét thô, tuổi chưa quá mười sáu, vì tóc nàng còn để dài tết thành bím. Tối hôm đó, trong bữa ăn, chàng tò mò nhìn nàng.

Gần đây dù ít nói trong bữa ăn, nàng cũng bắt chuyện với anh.

- Anh đã đi chơi đâu hôm nay, anh Carey? - Nàng hỏi.

- Ồ, tôi đi gần về phía Königsstuhl.

- Vì em nhức đầu nên em không ra đến ngoài, - Nàng nói. Anh chàng người Hoa ngồi bên nàng quay lại.

- Rất lấy làm tiếc, tội hy vọng rằng bây giờ cô khá hơn.

Cacilie lộ rõ vẻ khó chịu, vì cô lại nói với Philip.

- Anh có gặp nhiều người trên đường đi không? Philip không thể không đỏ mặt, khi nói dối một cách lộ liễu.

- Không, tôi chẳng gặp một ma nào.

Anh nghĩ rằng mắt nàng đang ánh lên một niềm vui nhẹ nhõm.

Tuy vậy, chẳng bao lâu sau việc giữa đôi ấy có một cái gì với nhau là điều không còn nghi ngờ, và chín người khác trong nhà bà Giáo sư đã gặp họ nấp trong những chỗ tối. Mấy bà già ngồi đầu bàn bắt đầu bàn cãi ở thời buổi hôm nay thế nào là một chuyện điếm nhục. Bà Giáo sư tức giận và mệt mỏi. Bà cô làm như không biết chuyện gì. Mùa đông sắp đến rồi, chẳng dễ gì mà giữ được cho nhà mình đông người như mùa hè. Anh chàng Sung là một khách hàng tử tế, anh ở hai buồng dưới nhà, bữa ăn nào cũng uống một chai Moselle. Bà Giáo sư tính anh ba mác một chai nên kiếm được nhiều lãi. Các khách trọ khác chẳng một ai uống rượu, vài người trong bọn họ thậm chí cả bia cũng không uống. Bà cũng không muốn bỏ mất cô Cacilie. Cha mẹ nàng buôn bán ở Nam Mỹ, đã trả khá hậu cho sự chăm nom mẫu tử của bà đối với nàng; và bà biết rằng nếu bà viết thư cho bác nàng ở Berlin, ông ta sẽ gọi nàng về ngay. Bữa ăn, bà giáo sư đành phải nhìn cả hai người bằng cặp mắt nghiêm khắc, mặc dù bà không dám thổ lộ với anh chàng người Hoa kia, bà có phần lấy làm thỏa mãn tỏ thái độ không lịch sự với Cacilie. Nhưng ba bà luống tuổi thì không bằng lòng. Hai bà góa chồng, một bà người Hà Lan, chưa chồng, trông như đàn ông. Các bà trả tiền trọ ít nhất nhưng phiền hà nhiều nhất, nhưng họ ở trọ thường xuyên cho nên mọi người phải kiên nhẫn chịu đựng. Họ đến gặp Giáo sư và bảo bà phải làm một cái gì đó. Thật là xấu hổ, nhà trọ này không còn được tôn

trọng nữa. Bà Giáo sư cố tỏ ra bướng bỉnh, bà tức giận khóc lóc, nhưng ba bà già kia áp đảo bà, và bỗng nhiên bà làm ra vẻ công phần một cách đơan chính, bà tuyên bố nhất định sẽ chấm dứt toàn bộ câu chuyện kia.

Sau bữa ăn trưa, bà dẫn Cacilie vào phòng ngủ của mình và bắt đầu nói chuyện rất nghiêm túc với nàng, nhưng trước sự kinh ngạc của bà, nàng cứ trơ ra; nàng có ý định sẽ đi đây đi đó theo ý của riêng mình và nếu như nàng thích đi chơi với anh chàng người Hoa kia thì đó là việc riêng của nàng chứ không phải của người nào khác. Bà Giáo sư dọa sẽ viết thư cho bác nàng.

- Lúc đó bác Heinrich sẽ để cháu ở lại trong một gia đình ở Berlin suốt mùa đông, điều đó càng hay cho cháu, vì cả anh Sung nữa cũng sẽ đến Berlin.

Bà Giáo sư bắt đầu khóc lóc. Nước mắt rùng rùng xuống hai gò má đỏ xù xì béo phị của bà. Cacilie cười giễu: - Thế có nghĩa là suốt mùa đông này, ba căn buồng sẽ không có người ở - Nàng nói.

Sau đó bà Giáo sư liền thử một kế hoạch khác. Bà kêu gọi bản tính tốt đẹp của nàng: tốt bụng, biết lẽ phải, khoan dung, bà đối xử với nàng không còn như một đứa trẻ nữa mà như với một phụ nữ đã trưởng thành. Bà nói chuyện kia cũng chẳng có gì là ghê gớm, nhưng cái anh chàng người Hoa da vàng mũi tẹt, mắt ti hí như mắt lợn, thì eo ôi, chính cái đó mới là điều gớm ghiếc. Cứ nghĩ đến là người ta đã thấy tởm.

- Xin lỗi, xin lỗi, - Cacilie hít vào một hơi thật nhanh rồi nói.

- Cháu không muốn nghe bất kỳ một lời nói xấu nào về anh ta.

- Thế là không đúng đắn - Bà Erlin hờn hển nói.

- Cháu yêu anh ấy, cháu yêu anh ấy! Cháu rất yêu anh ấy!

- Gott im Himmel!^[9]

Bà Giáo sư nhìn nàng vô cùng kinh ngạc: bà cho rằng đây chẳng qua là sự hư đốn của con trẻ và là lời nói dối đại dột ngây thơ, nhưng niềm xúc cảm mãnh liệt trong giọng nói của nàng đã để lộ mọi việc. Cacilie nhìn bà một lúc bằng cặp mắt nãy lửa, sau đó nàng nhún vai đi ra khỏi phòng.

Bà Erlin giữ kín chi tiết cuộc gặp gỡ riêng này, và một vài ngày sau thì bà sắp xếp lại chỗ ngồi ở bàn ăn. Bà yêu cầu Sung đến ngồi bên cạnh bà: với thái độ luôn luôn lịch sự, anh ta nhanh nhẩu đồng ý ngay, còn Cacilie thì dừng dừng tiếp nhận sự thay đổi đó. Bởi lẽ quan hệ giữa hai người với nhau cả nhà trọ đều biết, nên họ lại càng không thẹn thùng, bây giờ thì nhiều lúc đi chơi với nhau họ không còn giữ bí mật nữa mà cứ chiều chiều là bắt đầu đi thơ thẩn quanh đồi một cách hoàn toàn công khai. Rõ ràng hai người chẳng bận tâm đến dư luận đối với họ. Cuối cùng cả giáo sư Erlin vốn là người nhẹ nhàng cũng bị lay chuyển, ông cứ khẳng khẳng bảo vợ phải nói chuyện với anh chàng người Hoa kia. Đến lượt anh này, bà kéo ra một nơi, khuyên bảo, nào là anh làm mất thanh danh cô gái, làm thiệt hại đến nhà trọ, nào phải tự thấy tư cách mình xấu xa độc ác như thế nào. Nhưng bà chẳng thu hoạch được gì ngoài những nụ cười phủ nhận; anh ta bảo là không hiểu bà nói gì, anh không hề để ý đến Cacilie mà anh cũng chẳng bao giờ đi chơi với nàng, hoàn toàn sai sự thật, một câu cũng chẳng đúng.

- Anh, anh Sung, sao mà anh lại có thể nói thế được? Người ta bắt gặp anh nhiều lần cơ mà.

- Không, không đúng đâu! Bà nhầm rồi.

Anh có nụ cười không tắt trên miệng, để lộ hàm răng trắng nhỏ, đều đặn. Anh hoàn toàn bình tĩnh. Anh từ chối mọi việc. Anh phủ nhận trắng trợn một cách thật dễ thương. Sau cùng bà Giáo sư mất bình tĩnh, bà nói rằng cô gái đã thú nhận là cô yêu anh. Anh chàng cứ trơ ra tiếp tục cười.

- Bậy bạ, bậy bạ! Hoàn toàn không đúng! Bà không thể moi gì được ở anh chàng. Thời tiết trở nên rất xấu, tuyết rơi và sương giá, rồi tuyết tan với những ngày ẩm đạm, đi dạo chơi trong những ngày đó là một kiểu tiêu khiển chán ngắt. Một tối khi Philip vừa học xong bài tiếng Đức với giáo sư và đang còn đứng một lúc trong phòng khách nói chuyện với bà Erlin, thì Anna bước vội vào.

- Mẹ ơi! Cacilie đâu? - Nàng hỏi.

- Mẹ nghĩ rằng con bé đang ở trong phòng! - Trong phòng không có đèn! Bà giáo sư kêu lên một tiếng, hoảng hốt nhìn con gái. Ý nghĩ của Anna cũng là ý nghĩ vừa lóe lên trong óc bà.

- Rung chuông gọi Emil - Bà khản tiếng bảo, và đây là người cục mịch dần dần vẫn được hầu bàn và làm gần hết mọi việc trong nhà. Hẳn bước vào.

- Này Emil, hãy xuống buồng anh Sung đi vào đừng gõ cửa. Nếu có ai đang ở đó thì bảo là xuống xem xét lò sấy nhé.

Không một dấu hiệu ngạc nhiên nào hiện ra trên khuôn mặt lạnh lùng của Emil. Hẳn chậm chạp bước xuống thang gác.

Bà giáo sư và Anna để ngõ cửa, nghe ngóng. Ngay sau đó Emil đi lên, họ gọi anh:

- Có ai ở đó không, bà giáo sư hỏi.

- Có! anh Sung ở đây.

- Một mình anh ấy thôi à? Một nụ cười quý quýt chúm chím trên miệng hăn:

- Không, có cả Cacilie ở đó.

- Ồ thật là nhục - Bà giáo sư kêu lên.

Bây giờ hăn cười hô hố.

- Tối nào Cacilie chẳng ở đó, mỗi lần hàng mấy tiếng đồng hồ.

Bà Giáo sư vịn vẹo hai tay

- Chao ôi! Ghê tởm quá! Nhưng tại sao mà không bảo tao?

- Chuyện đó đâu phải là nhiệm vụ của tôi, hăn nhún vai chậm rãi trả lời.

- Tao chắc rằng chúng nó trả công mà rất hậu. Thôi cút đi! Cút!

Hăn lắc lư vụng về bước ra.

- Phải tổng cổ đi, mẹ ạ! Anna nói.

Nhưng rồi ai sẽ trả tiền thuê nhà, thuế má cũng đã đến kỳ phải trả. Đối với con, bảo chúng nó xéo khỏi đây là hay đấy, nhưng chúng đi rồi, thì mẹ không thanh toán nổi các hóa đơn. - Bà quay sang Philip, nước mắt chảy

ròng rỗng trên má - Anh, anh Carey, xin anh đừng nghe thấy gì nhé - Nếu cô Forster - tức là người đàn bà Hà Lan không chồng - nếu bà ấy biết được nhất định bà ấy bỏ đi ngay. Tất cả họ mà bỏ đi thì chúng tôi phải đóng cửa nhà họ. Tôi không đủ sức quản lý được nữa.

- Dĩ nhiên là tôi không nói điều đó làm gì.

- Nếu chị ấy còn ở lại, con sẽ không thêm chuyện trò gì với chị ấy - Anna nói.

Bữa cơm tối hôm ấy. Cacilie đến rất đúng giờ, nàng ngồi vào chỗ, mặt đỏ hơn ngày thường và có vẻ bướng bỉnh, nhưng Sung chưa đến, nên Philip thoáng nghĩ rằng anh chàng sẽ lẩn tránh thử thách. Nhưng anh chàng cũng đến, mặt mày hết sức hớn hở, mắt nhấp nháy, tròn miệng xin lỗi mọi người về việc đến muộn. Như thường lệ anh rót đầy một chén rượu Mosselle của mình, năn nỉ mời bà Giáo sư và mời cô Forster một cốc khác. Căn phòng rất nóng bức, vì lò sưởi cháy cả ngày và các cửa sổ thì ít khi mở. Emil vụng về đi lại quanh bàn, nhưng không hiểu sao lại phục vụ mọi người có phần nhanh chóng và chu đáo. Ba bà già ngồi im nom rõ ràng có ý phản đối. Bà Giáo sư thì vừa mới ráo nước mắt, ông chồng ngồi lặng thinh, vẻ bức bối. Câu chuyện rời rạc nhạt nhẽo. Philip thấy trong cuộc họp mặt mà anh thường ngồi tham gia này dường như có một cái gì đó ghê rợn. Mọi người có vẻ khang khác. Dưới ánh sáng hai ngọn đèn treo, Philip thấy trong người hơi bứt rứt. Một lần anh bắt gặp cặp mắt của Cacilie và anh có cảm giác nàng nhìn mình vẻ căm ghét và khinh bỉ. Không khí trong phòng ngột ngạt khó thở. Giống như cơn đăm mê của đôi gái kia đã làm tất cả mọi người phiền lòng. Đây là cảm giác suy đồi kiểu phương Đông, khói hương ngột ngạt, bí ẩn của những thói hư tật xấu bị giấu kín làm cho họ thấy nặng nề khó thở. Philip có thể nghe được nhịp đập của các động mạch trên trán. Anh không hiểu nổi cơn xúc động kỳ lạ nào đã làm mình bối rối; anh cảm

thấy như có điều gì đó vô cùng hấp dẫn, đồng thời anh lại thấy khó chịu và kinh tởm.

Tình trạng đó kéo dài nhiều ngày. Không khí buồn với câu chuyện tình ghê tởm đó ám ảnh mọi người và trạng thái thần kinh của cái gia đình nhỏ này dần đang trở nên căng thẳng. Riêng Sung vẫn thản nhiên, anh chàng tươi cười hòa nhã với mọi người, lịch sự như trước. Không thể nói thái độ anh ta là sự thắng lợi của nền văn minh hoặc là sự biểu lộ lòng khinh bỉ của người Đông đối với người phương Tây bị đánh bại. Còn Cacilie thì cứ phơi phới bất chấp dư luận. Cuối cùng, ngay bà Giáo sư cũng không chịu đựng được lâu. Bà bỗng dưng hoảng sợ, vì giáo sư Erlin với tính bộc trực rõ ràng, đưa ra giả thuyết về những hậu quả có thể xảy ra do chuyện tăng tịu mà ai cũng biết rõ và bà thấy rằng thanh danh của bà ở Heidelberg, tiếng tăm nhà trọ của bà bị tiêu tan vì chuyện ô nhục không còn cách nào che giấu. Nhưng vì lý do nào đó, có lẽ bị quyền lợi làm cho mù quáng, nên bà không bao giờ nghĩ đến khả năng này; và giờ đây đầu óc bà rối lên vì nỗi sợ hãi khủng khiếp; phải khó khăn lắm người ta mới ngăn được bà đuổi cổ ngay cô gái ra khỏi nhà. Chính nhờ trí thông minh của Anna mà một bức thư thận trọng được gửi cho người bác ở Berlin gợi ý cần phải gọi Cacilie trở về.

Nhưng khi đành chịu mất hai người khách trọ, bà Giáo sư không thể cưỡng lại niềm vui được buông lỏng tính gắt gỏng lâu nay bị kềm chế. Bây giờ, bà tự do tha hồ nói với Cacilie bất kỳ điều gì bà thích.

- Này Cacilie, tôi đã viết cho bác cô, yêu cầu đem cô đi khỏi đây. Tôi không thể để cô ở trong cái nhà này lâu hơn được nữa.

Cặp mắt tròn ti hí của bà sáng lên khi bà thấy mặt cô gái bỗng tái nhợt.

- Cô thật là vô liêm sỉ, vô liêm sỉ. - Bà nói tiếp. Bà gọi cô bằng đủ thứ tên tục tĩu.

- Bà nói gì với bác Heinrich tôi, hờ bà Giáo sư, - Cô gái hỏi, đột nhiên không còn giữ được thái độ khoe khoang tự chủ nữa.

- Ồ, rồi tự ông ta sẽ nói với cô. Chắc ngày mai tôi nhận được thư ông ta.

Hôm sau, nhằm làm việc bêu rếu được công khai hơn, đến bữa ăn tối, trước mọi người ngồi ăn, bà gọi to Cacilie.

- Tôi đã nhận được thư của bác cô. Đêm nay cô gói ghém quần áo và sáng mai chúng tôi đưa cô ra tàu hỏa- Bác cô sẽ thân hành đến đón cô tại nhà ga chính Bahnhof ở Berlin.

- Tốt quá bà Giáo sư ạ!

Sung mím cười nhìn thẳng vào mặt bà, và mặc dù bà từ chối, anh vẫn rót một cốc đầy rượu vang nài bà uống. Bữa cơm tối đó, bà Giáo sư ăn rất ngon miệng. Nhưng bà đã vui mừng quá sớm. Ngay trước lúc đi ngủ, bà bảo người đầy tớ:

- Này Emil, nếu hòm xiềng của Cacilie đã sẵn sàng thì tốt nhất là mày mang xuống dưới nhà đêm nay. Phu khuân vác sẽ mang đi trước bữa điếm tâm.

Tên đầy tớ đi ra, một lúc thì trở lại:

- Cacilie không có trong phòng, va li của cô ấy cũng không thấy.

Bà Giáo sư kêu lên một tiếng và chạy vội về phía trước: hòm xiếc đã buộc và khóa lại vẫn còn trên sàn nhà, nhưng va li không còn nữa, cũng không thấy áo choàng. Bàn trang điểm cũng dọn trống trơn. Bà Giáo sư thở hổn hển chạy xuống thang gác vào phòng anh chàng người Hoa. Từ hai mươi năm nay bà không bao giờ đi đứng nhanh đến thế, và Emil ở phía sau phải gọi thật to để bà khỏi ngã. Bà không cần gõ cửa cứ xông xộc bước vào. Cả mấy phòng đều trống không. Hành lý chẳng còn và cánh cửa trông ra vườn còn để mở, chứng tỏ đây là lối họ ra đi. Trên bàn trong một phòng bì có phiếu ghi tiền cơm tháng phải trả và một số tiền xấp xỉ trả thêm. Bà rên rỉ, bỗng nhiên rơi phịch xuống ghế trường kỷ, kiệt sức vì vội vàng. Không còn nghi ngờ gì nữa, hai đứa đã cùng nhau bỏ trốn. Emil đứng thản nhiên không nhúc nhích.

Suốt một tháng, ngày nào Hayward cũng nói là hôm sau sẽ đi miền Nam, nhưng rồi vì bận mình với chuyện thu xếp đóng gói hành lý và cuộc hành trình chán ngắt, anh cứ hoãn đi hoãn lại hết tuần này sang tuần khác, nên mãi đến đúng trước lễ Giáng sinh, vào lúc chuẩn bị cho ngày hội này, anh mới lên đường. Nghĩ đến mùa vui đình đám của người Đức, anh không chịu nổi. Anh sờn gai ốc khi hình dung tới những buổi liên hoan của bọn họ trong dịp này, anh muốn tránh, nên kiên quyết định đi vào đêm Nôn.

Thấy bạn ra đi, Philip không tiếc, bởi anh vốn là con người thẳng thắn, mà vì điều này đôi lần Hayward tức giận rằng chẳng có ai hiểu mình. Dù chịu nhiều ảnh hưởng của Hayward anh quyết không chịu thừa nhận sự dao động đó là dấu hiệu của sự nhạy cảm đẹp đẽ và lấy làm phật ý khi Hayward tỏ vẻ chế giễu tính ngay thật của mình.

Họ trao đổi thư từ với nhau. Hayward là tay viết thư đáng phục, anh ta bỏ nhiều công sức vào việc này. Hayward là con người có tâm hồn nhạy cảm nên dễ tiếp thu những ảnh hưởng tốt đẹp mà anh gần gũi. Những bức thư của anh gửi đi từ Roma đều phảng phất hương vị nước Ý. Anh cho rằng thành phố của người La Mã cổ xưa hơi tầm thường chỉ được nổi tiếng vào thời kỳ Đế chế suy tàn; nhưng thành phố La Mã của các giáo hoàng lại lôi cuốn được tình cảm của anh, ở đây qua những lời lẽ được lựa chọn của anh, một vẻ đẹp Rococo^[10] hiện ra hết sức tuyệt vời. Anh viết thư về nhạc cổ nhà thờ, về vùng đồi núi Alban, về khói hương trầm ngậy ngắt, và về sức quyến rũ của phố xá ban đêm trong mưa. Khi những vĩa hè bóng loáng dưới những ngọn đèn đường đầy huyền ảo. Có lẽ những bức thư tuyệt diệu đó anh đã gửi cho nhiều bạn khác. Anh không hiểu được những bức thư đó đã làm cho tâm hồn Philip vô cùng xao xuyến. Dường như chúng đã làm cho cuộc đời Philip càng thêm buồn tẻ. Đến mùa xuân, những bức thư tán tụng

của Hayward ngày càng quá đáng. Anh đề nghị Philip nên sang Ý, đừng nên ở lại Heidelberg làm gì cho thêm lãng phí thời gian. Ở đó người Đức thì phì nộn, cuộc sống thì tầm thường, làm sao mà tâm hồn con người có thể bay bổng trong khung cảnh nghiêm trang ấy? Toscane mùa xuân về mùa xuân đi, đến nơi nào cũng chỉ thấy hoa, mà Philip mới mười chín tuổi đầu, anh cứ đến đây và hai người sẽ cùng đi lang thang qua những thị trấn vùng núi Umbria. Tên tuổi những nông trang đã véo von trong lòng Philip. Cả Cacilie nữa, nàng cũng đi Ý với người yêu. Nghĩ đến họ, Philip cảm thấy lòng đã bồn chồn nhưng anh không làm sao giải thích được. Vì không tiền để đi du lịch, anh nguyên rủa số phận, anh biết rằng bác mình thường mỗi tháng gửi cho không quá mười lăm bảng đã hứa. Món tiền trợ cấp ấy, Philip sử dụng không được khéo, trả xong tiền trợ, tiền giảng bài thì chẳng còn mấy, và còn khoản đi đây đi đó với anh chàng Hayward cũng rất tốn kém. Cứ đúng lúc Philip xài hết tiền trợ cấp hàng tháng thì Hayward thường rủ anh đi du ngoạn, xem kịch hay uống một vài chai rượu vang, nhưng với sự điên rồ của tuổi trẻ anh không chịu nhận mình là không đủ sức tiêu pha phung phí.

May mắn thay thư của Hayward cũng ít, và giữa những khoảng cách, Philip lại yên tâm với cuộc sống cần cù. Anh trúng tuyển vào đại học, đã dự một hai buổi lên lớp. Kuno Fisher lúc ấy đang ở trên đỉnh cao của danh vọng và suốt mùa đông ông đã giảng về Schopenhauer một cách xuất sắc. Đang là bước đầu Philip làm quen với triết học. Anh vốn có đầu óc thực tế nên loay hoay lung túng trong vấn đề trừu tượng, nhưng anh bị quyến rũ không ngờ. Anh nín thở ngồi nghe, việc này gần như được ngắm nhìn một vũ nữ múa trên dây căng đang khéo léo làm những động tác nguy hiểm trên miệng vực. Đây là một món rất hấp dẫn. Tính bi quan của đề tài lôi cuốn tuổi trẻ của anh; anh tin rằng cái thế giới mình sắp bước vào là một nơi tối tăm, đầy rẫy thương đau. Những khát vọng vào đời không hề vì thế mà giảm bớt. Và khi bà Carey với tư cách là người không tin vào quan điểm của ông bác, người giám hộ của anh, gợi ý anh là đến lúc anh nên trở về

Anh thì anh sẵn sàng tán thành. Bây giờ là lúc anh phải tự quyết định lựa chọn nghề nghiệp hẳn hoi. Nếu anh rời Heidelberg vào cuối tháng bảy thì anh có thể bàn công việc với hai bác trong tháng tám, đó là dịp tốt để chuẩn bị.

Khi ngày khởi hành đã được quyết định, thì lại có thư của bà Carey. Bà nhắc anh về cô Wilkinson, người đã có lòng tốt giới thiệu anh trọ học ở nhà bà Erlin lại Heidelberg và bà cho biết là cô ta đã sửa soạn đến Blackstable ở lại chơi mấy tuần với họ. Một ngày nào đó cô sẽ đi tàu biển từ Flessingue đi ngang qua, nếu anh lên đường cùng thời gian đó thì có thể tìm được cô rồi cùng về Blackstable. Vốn tính e thẹn, Philip trả lời ngay là một hai ngày sau anh mới đi được. Anh hình dung mình đang gắng công chờ đợi cô Wilkinson, lung túng đến gặp và hỏi xem có đúng là cô không. Anh có thể rất dễ hỏi nhầm một người nào khác, như thế sẽ chẳng có đất mà chui, rồi lại còn cái khó với cô hoặc có thể cứ phớt lờ mà đọc sách.

Cuối cùng anh rời khỏi Heidelberg. Suốt ba tháng trời anh chẳng nghĩ ngợi gì, ngoài chuyện tương lai, nên giờ đây ra đi không luyến tiếc. Anh không bao giờ biết rằng ở đây mình đã sống những tháng ngày lạnh lẽo. Cô Anna tặng anh cuốn *Der Trompheter von Sackingen*^[11], anh tặng nàng một cuốn sách của William Morris^[12]. Hai người đều rất khôn ngoan. Không ai đọc tặng phẩm của người kia bao giờ.

Philip ngạc nhiên khi gặp bác trai và bác gái. Trước kia không bao giờ anh nhận ra hai bác mình là người già hoàn toàn. Cha sở đón anh vẫn với cái vẻ dửng dưng khó chịu như thường lệ. Ông ta đẩy hơn một chút, hói hơn một ít, tóc hoa râm hơn một ít. Philip thấy bác mình sao mà đáng khinh quá. Nét mặt ông trông yếu đuối, bệ rạc. Bác gái Louisa mừng rỡ ôm chầm lấy anh, hôn anh, nước mắt hạnh phúc ràn rụa trên má. Philip cảm động, bối rối, ngỡ ngàng, anh không biết rằng bác đã săn sóc anh với tất cả tấm lòng khao khát được yêu thương.

Bà nắm lấy tay anh, cặp mắt hoan hỉ nhìn vào mặt anh:

- Chao ôi, từ lúc cháu đi xa, thời gian như dài ra Philip ạ. - Bà kêu lên.

- Cháu lớn lên đấy. Bây giờ thì cháu thành người lớn rồi!

Trên hai mép anh đã lờ mờ một hàng ria mảnh. Anh đã mua dao cạo và thỉnh thoảng cạo sạch lông tơ trên cái cằm nhẵn thín.

- Vâng cháu nhà hiu quạnh quá - Rồi bà rụt rè hỏi giọng run run: “Cháu có mừng được trở về nhà không?”.

- Vâng, dĩ nhiên là có.

Bà gầy gò đến nỗi trông gần như chỉ còn da bọc xương, hai cánh tay dang choàng qua cổ anh mỏng manh như xương trẻ con và nét mặt tàn tạ của bà, chao ôi, sao mà nhăn nheo đến thế. Mái tóc hoa râm quăn quăn của bà vẫn để như hồi còn trẻ làm cho bà có vẻ tội nghiệp một cách kỳ lạ, và cái hình hài nhỏ bé héo hon của bà nom tựa như chiếc lá mùa thu khiến

người ta nghĩ rằng chỉ một cơn gió lạnh đầu mùa cũng đủ cuốn theo. Philip hiểu rằng hai bác anh, hai con người trầm lặng bé bỏng kia, đã chán ngán cảnh đời. Thế hệ của hai bác đã qua rồi, hôm nay họ đang nhẫn nại, thậm chí còn có phần dửng dưng đón chờ cái chết. Còn anh đang ở cái tuổi trẻ trung cường tráng, anh khao khát cuộc đời ấm áp niềm vui và chuyện lạ, anh cảm thấy sợ hãi trước những biến đổi kinh sợ này. Hai bác chẳng làm được gì, và khi chết đi thì cũng gần như họ chưa từng bao giờ tồn tại. Anh thương bác gái vô cùng và đương nhiên anh cảm thấy anh yêu quý bác vì bác đã yêu thương anh.

Cô Wilkinson kín đáo đứng lánh ra một chỗ, đợi cho ông bà Carey xong việc đón tiếp cháu trai lúc này mới bước vào:

- Đây là Wilkinson, Philip ạ - Bà Carey giới thiệu.

- Chào người con hư hỏng đã trở về. - Nàng vừa nói vừa chìa tay ra. - Tôi đã mang một bông hồng đến để cài vào khuyết áo đưa con hư đây.

Nàng tươi cười ghim lên áo Philip đóa hoa mới hái ngoài vườn, anh đỏ mặt và cảm thấy luống cuống. Anh biết cô Wilkinson là con gái vị mục sư trước bác William, con gái các mục sư thì anh biết khá nhiều. Các cô mặc toàn những quần áo cắt may xấu xí, chân đi giày thô. Các cô thường vận đồ đen, bởi vì trong những năm đầu Philip ở Blackstable, vải thô gia đình dệt lấy bằng sợi xa chưa tràn tới vùng phía Đông Anglia, và các bà các cô trong gia đình tăng lữ thì lại ngại dùng vải màu. Đầu tóc các cô chải bới rối xuềnh xoàng và sức mùi vải lạnh hồ bột. Các cô xem chuyện điểm trang làm duyên phụ nữ là điều khiếm nhã và dù già hay trẻ thì trông cũng giống như nhau. Các cô phụng thờ tôn giáo của mình một cách ngạo mạn. Quan hệ chặt chẽ của các cô với nhà thờ khiến các cô có thái độ hách dịch với người khác.

Cô Wilkinson thì khác hẳn. Nàng mặc áo dài muxolin trắng có in những bó hoa nhỏ màu xám, đi giày cao gót, mang bít tất có lỗ. Đối với một người chưa từng trải như Philip, thì dường như nàng ăn mặc như vậy là tuyệt vời. Anh đâu biết rằng áo dài của nàng là loại rẻ tiền, lòe loẹt. Tóc nàng chải chuốt công phu với cụm khum khum ở giữa trán, mái tóc đen nhánh và cứng tựa như không bao giờ có thể rối. Mắt nàng to đen, mũi hơi khoằm; nhìn nghiêng có cái gì hao hao con chim săn mồi, nhưng nhìn thẳng trông nàng cũng dễ thương. Nàng tươi cười, nhưng miệng rộng, nên khi cười, nàng cố che kín hàm răng to hơi vàng. Nhưng điều làm anh lung túng ngượng ngùng nhất là mặt nàng bự phấn, anh có quan điểm nghiêm khắc về tư cách đạo đức phụ nữ. anh không cho rằng đàn bà lúc nào cũng phải son phấn, nhưng là con gái một vị mục sư, mà mục sư là con người thuộc giai cấp thượng lưu, thì dĩ nhiên là cô Wilkinson phải là một tiểu thư quý phái.

Philip hoàn toàn không ưa thích nàng. Nàng nói bằng một giọng Pháp nhẹ. Anh không hiểu vì sao, vì biết nàng vốn sinh ra và lớn lên trong lòng nước Anh. Cái cười của nàng anh cho là không tự nhiên, và cung cách vui vẻ hoạt bát của nàng làm anh bức bối. Trong hai ba ngày, anh im lặng giữ thái độ không thân thiện, nhưng cô Wilkinson tỏ ra không nhận thấy điều đó. Nàng hết sức niềm nở. Khi trò chuyện riêng với anh trong cách nói của nàng gần như thường xuyên phải nhờ đến những nhận xét đúng mực của anh, có điều gì đó như tăng bốc. Nàng cũng làm cho anh phải phì cười, mà Philip không thể cưỡng lại được khi người nào làm cho mình vui thích. Anh cũng có tài thỉnh thoảng nói những câu dí dỏm, và khi có người biết thưởng thức thì thật là thú vị. Cả cha sở và phu nhân đều không ai hiểu hài hước, nên anh nói gì họ cũng chẳng cười. Dần dần anh cũng quen với cô Wilkinson không còn e thẹn nữa, anh bắt đầu mến nàng hơn; anh nhận thấy cái giọng Pháp ấy thi vị và vào một buổi chiều đái của cha sở ngoài vườn, nàng ăn mặc đẹp hơn bất cứ ai. Nàng khoác khăn quàng lụa màu xanh mỏng có điểm trắng to khiến Philip rất thích thú.

- Tôi chắc chắn không ai nghĩ rằng cô lại có thể đẹp hơn - Anh cười, nói với nàng.

- Mơ ước của đời tôi là được coi như là người đàn bà hư hỏng bỏ đi! - Nàng đáp.

Một hôm, khi cô còn ở trong phòng, anh bèn hỏi bác gái Louisa tuổi nàng.

- Ôi cháu yêu quý, chẳng bao giờ nên hỏi tuổi một phụ nữ, nhưng chắc chắn là so với cháu thì cô ta lớn tuổi lắm, không lấy nhau được đâu.

Cha sở chậm rãi nhếch mép cười.

- Cô ấy không còn là trẻ con đâu, bà Louisa ạ - Ông nói; - Khi chúng ta ở Linconlshire, cô ta đã lớn lắm rồi, tóc đuôi sam thòng lòng sau lưng, và đến nay thì đã hai mươi năm qua.

- Cô ta còn nhiều tuổi hơn thế kia. - Bác gái Louisa trả lời.

- Có thể lúc ấy cô ta chưa lên mười. - Philip nói.

- Tôi cho rằng lúc ấy cô ta cũng đã gần hai mươi - Cha sở nói.

- Ồ không, William ạ, nhiều nhất là mười sáu hoặc mười bảy.

- Như vậy thì bây giờ cô ta cũng phải ngoài ba mươi. - Philip nói.

Lúc ấy cô Wilkinson bước nhẹ xuống cầu thang, vừa đi vừa hát một bài của Benjamin Godard. Nàng đã đội mũ vì sắp đi chơi với Philip, nàng đưa

tay ra cho anh cái cốc găng tay. Anh làm việc này một cách vụng về. Anh lúng túng nhưng muốn tỏ ra mình biết chiều chuộng phụ nữ. Bây giờ thì họ đã chuyện trò thoải mái. Họ vừa đi, vừa nói đủ thứ chuyện. Nàng kể cho Philip nghe về thành phố Berlin, còn anh kể cho nàng năm mình ở Heidelberg. Khi anh kể lại thì những điều trước đây tưởng như không quan trọng lúc này lại tạo được một niềm hứng thú mới. Anh mô tả mọi người ở nhà trọ bà Erlin, còn những cuộc đàm luận giữa Hayward là Weeks ngày ấy xem chừng có ý nghĩa đến thế, nhưng khi thuật lại, mặt anh hơi cau lại cho nên nó có vẻ như phi lý khiến cô Wilkinson bật cười và anh lấy thế làm hãnh diện.

- Tôi rất sợ anh đấy, anh cứ nói chua cay quá. Nàng nói rồi vui đùa hỏi anh có chuyện yêu đương gì ở Heidelberg không. Không cần nghĩ ngợi gì, anh thật thà trả lời không có, nhưng nàng không tin.

- Anh kín đáo thế! - nàng nói - Ở cái tuổi anh chuyện đó khó mà tin được.

Anh đỏ bừng mặt rồi cười:

- Cô muốn biết nhiều quá đấy. - Anh bảo.

- À tôi cũng nghĩ như vậy. - Nàng cười đắc thắng và nhìn mặt anh đang bừng đỏ.

Anh thích thú chắc nàng nghĩ mình hư hỏng, và anh đổi chuyện như để cho nàng tin rằng có mọi thứ chuyện tình lãng mạn phải giấu diếm. Anh tự giận mình đã chẳng có những chuyện đó. Thực ra anh cũng chẳng có cơ hội nào thuận tiện.

Cô Wilkinson bắt mắt với số phận. Nàng tử hờn phải tự kiếm nuôi thân, và kể cho Philip câu chuyện dài dòng về một người bác của mẹ nàng đã định để lại gia tài cho nàng, nhưng sau lại lấy bà nấu bếp nên đã thay đổi ý định. Nàng nói bóng gió đến sinh hoạt xa hoa của gia đình mình, so sánh cuộc đời lên xe xuống ngựa của nàng ở Lincolnshire với tình cảnh bị phụ thuộc khốn khổ hiện này của nàng. Về sau, khi Philip thuật lại việc này với bác gái Louisa thì bác bảo ngày bác quên biết gia đình Wilkinson, họ chẳng có gì hơn là một con ngựa nhỏ và một cái xe chó, làm cho Philip hơi lúng túng. Bác gái Louisa có nghe nói về ông bác giàu có đó, nhưng ông ấy có vợ, có con từ trước khi Emili ra đời nên cô ta không có nhiều hy vọng được thừa kế gia sản của ông. Cô Wilkinson tỏ ra không thích mấy khi nói về thành phố Berlin mà nàng đang có công ăn việc làm. Nàng kêu ca cuộc sống tầm thường ở Đức và chua xót so sánh với sự rục rờ của Paris mà nàng đã sống nhiều năm, nàng không nói rõ là bao nhiêu. Nàng đã từng là cô nuôi dạy trẻ trong đại gia đình của một họa sĩ vẽ chân dung nổi tiếng. Ông này lấy vợ Do Thái giàu có, và nàng đã gặp nhiều người có tiếng tăm ở nhà họ mà tên tuổi làm cho Philip kinh ngạc. Nào là diễn viên của Nhà hát kịch Pháp lui tới thường xuyên, nào là trong bữa ăn, Coquelin^[13] ngồi cạnh nàng, đã nói với nàng chưa bao giờ ông ta gặp được người ngoại quốc nói tiếng Pháp hoàn hảo như vậy. Cả Alphonse Daudet^[14] cũng đến đó, ông đã tặng nàng một tập Sapho^[15], hứa ghi lời tặng vào đó, nhưng nàng quên nhắc ông ta. Nàng trân trọng gìn giữ bộ sách, tuy vậy nàng sẽ vui lòng cho Philip mượn. Sau đó là Guy de Maupassant^[16]. Cô Wilkinson khẽ mỉm cười ranh mãnh nhìn Philip. Thật đáng đàn ông! Nhưng cũng đáng là một nhà văn!

Hayward đã nói về Maupassant, Philip không phải là không biết tiếng ông ta.

- Ông ấy có tán tỉnh cô không? Câu hỏi này dường như cứ vướng trong cổ họng, tuy vậy anh vẫn cứ hỏi. Bây giờ thì anh rất thích cô Wilkinson và

chuyện nàng làm anh xúc động nhưng anh không hình dung được ai đã tán tỉnh nàng.

- Hỏi gì mà kỳ thế! - Nàng kêu lên - Cái anh chàng Guy tội nghiệp, anh ấy tán tỉnh bất cứ người đàn bà nào anh ấy gặp: Đó là thói quen anh ấy không thể tự bỏ.

Nàng khẽ thở dài, và tựa như ấu yếm nhìn lại quá khứ.

Nàng lẩm bẩm: “Anh ấy là con người duyên dáng”.

Dựa vào những lời nói đó, kẻ thạo đời hơn Philip hẳn đoán được diễn biến cuộc gặp gỡ có thể như sau: Nhà văn lỗi lạc kia được mời dự bữa cơm trưa gia đình thân mật, cô dạy trẻ nghiêm trang bước vào dắt theo hai cô học trò gái lớn, rồi đến mục giới thiệu:

- Xin giới thiệu cô giáo người Anh của chúng tôi.

Thế rồi tiệc trưa diễn ra, cô giáo người Anh ngồi yên lặng, trong khi nhà văn lỗi lạc nói chuyện với ông chủ và bà chủ. Nhưng đối với Philip, những điều nàng nói lại gợi ra nhiều hình ảnh lãng mạn hơn thế nữa.

- Cô hãy nói cho tôi tất cả về ông ấy. - Anh sôi nổi nói.

- Chẳng có gì để mà nói, anh không nên tò mò. - Nàng thật thà đáp, những cũng bằng cách đó để lộ ra rằng dù có ba tập sách cũng khó mà chứa đủ những điều thú vị.

Nàng bắt đầu nói về thành phố Pari. Nàng thích những đại lộ, thích rừng Bulônơ. Đường phố nào cũng duyên dáng. Cây cối ở đại lộ Champs Elysees thì có nét đặc biệt không nơi nào có. Lúc này hai người đang ngồi

trên một tấm rào chắn dọc đường cái, còn Wilkinson khinh khỉnh nhìn những cây du oai vệt trước mặt họ. Rồi có các nhà hát nữa chứ. Vợ thì tuyệt diệu, còn diễn xuất thì vô song. Nàng thường đi với bà Foyot, mẹ các cô gái mà nàng dạy dỗ, khi bà ta đi thử quần áo.

- Chao ôi! Khổ thay là cảnh nghèo!. - Nàng kêu lên - Những bộ quần áo đẹp đẽ kia, chỉ ở Pari người ta mới biết mặc thế nào, chứ không phải là để có thể mua nổi! Tội nghiệp bà Foyot! Bà ấy không có dáng. Thịnh thoảng anh chàng thợ may bảo nhỏ tôi: “Chà, thưa cô, giá mà bà ấy có dáng người như cô”.

Lúc ấy, Philip mới để ý tới những đường nét tròn trĩnh mà nàng lấy làm tự hào.

- Ở Anh đàn ông dớ dẩn lắm! Học chỉ nghĩ tới bộ mặt. Nước Pháp là một đất nước của những người biết yêu, họ hiểu rằng hình dáng của con người mới là điều quan trọng.

Trước đây, Philip chưa bao giờ nghĩ tới những chuyện như thế, những bây giờ anh nhận ra rằng, mắt cá của cô Wilkinson to và xấu xí. Nhưng anh vội vàng nhìn đi chỗ khác.

- Anh phải đi Pháp. Tại sao anh lại không đến ở Pari một năm, nhất định anh phải học tiếng Pháp, việc này sẽ deniaiser^[17] anh.

- Thế là thế nào? - Philip hỏi.

Nàng cười ranh mãnh:

- Anh phải tìm ra nghĩa nó trong từ điển. Ở Anh đàn ông không biết cách đối xử với phụ nữ. Họ nhút nhát quá. Đàn ông mà nhút nhát thì thật là buồn

cười. Họ không biết cách tán tỉnh. Thậm chí họ không nói được với một người đàn bà nào đó rằng chị ta xinh đẹp, mà không tỏ ra đần độn.

Philip cảm thấy mình ngớ ngẩn. Rõ ràng cô Wilkinson mong đợi ở anh một cách đối xử khác kia. Lẽ ra anh phải say sưa nói những chuyện tình tứ và dí dỏm, những anh chẳng bao giờ nghĩ ra, và khi nghĩ được chuyện gì đó để nói, anh lại sợ mình trở thành một thằng hề.

- Chao ôi! Ngày ấy tôi thích Pari. Cô Wilkinson thở dài - Nhưng tôi buộc phải đi Berlin, ở với các cô gái nhà Foyot cho đến khi các cô ấy đi lấy chồng. Lúc đó tôi còn chẳng biết làm gì ở Berlin, cũng may tôi tìm được công việc này. Họ toàn là bà con thân thuộc của bà Foyot và thế là tôi đã nhận lời. Tôi có một căn nhà nhỏ xíu phố Breda ở tầng cinquième^[18]; chẳng đàng hoàng chút nào. Anh biết phố Breda chứ, ces dames^[19] anh biết chứ.

Philip gật đầu, chẳng hiểu nàng nói gì, nhưng lờ mờ đoán ra và thầm mong là nàng đừng cho mình là quá dốt.

- Nhưng mà tôi không cần. Je suis libre, n'est-ce pas^[20]. - Nàng rất thích nói tiếng Pháp. Quả thực nàng nói thạo - Một lần, ở đó tôi có việc bất ngờ lạ lùng thế này.

Nàng ngừng lại một lát, và Philip giục nàng kể tiếp.

- Còn anh, anh có chịu kể chuyện của anh ở Heidelberg đâu. - Nàng bảo.

- Chẳng có những chuyện bất ngờ như thế. - Anh cãi lại.

- Tôi không hiểu bà Carey sẽ nói gì, nếu bà biết chúng ta trao đổi với nhau những chuyện như thế này nhỉ.

- Chẳng lẽ cô lại nghĩ tôi sẽ kể với bác ấy hay sao?

- Thế anh hứa chứ?

Khi anh hứa rồi, nàng mới kể chuyện một sinh viên mỹ thuật ở một buồng gác trên nàng, làm thế nào... nhưng rồi nàng lại ngừng.

- Tại sao anh không ham mê nghệ thuật? Anh vẽ đẹp là thế?

- Cũng không đẹp lắm đâu.

- Để dành cho người khác nhận xét. Je m'y connais^[21] và tôi tin rằng anh sẽ có những tố chất của một nghệ sĩ lớn đấy.

- Cô thử tưởng tượng xem, nếu tôi đột ngột báo cáo với bác tôi là tôi muốn đi Pari theo ngành mỹ thuật, thì nét mặt của bác William sẽ như thế nào.

- Anh đã được tự mình làm chủ rồi kia mà, đúng không?

- Cô cố đánh trống lảng rồi. Xin cô kể tiếp đi.

Cô Wilkinson khẽ cười rồi tiếp tục: đã nhiều lần chàng sinh viên mỹ thuật nọ và nàng gặp nhau trên cầu thang, mà nàng cũng không đặc biệt để ý. Nàng thấy chàng có cặp mắt đẹp và ngả mũ chào nàng cực kỳ lễ phép. Một hôm, nàng nhận được một bức thư của anh chàng. Chàng nói rằng chàng thiết tha yêu nàng từ nhiều tháng nay, chàng cứ đứng quanh bên cầu thang đợi nàng đi qua. Chao ôi! Bức thư thật là hấp dẫn. Dĩ nhiên là nàng không trả lời, nhưng có người đàn bà nào lại không thích đọc những lá thư như vậy? Và ngày hôm sau, lại một lá thư nữa, một lá thư kì diệu, nồng nàn, thống thiết. Lần sau, gặp anh chàng trên cầu thang nàng không biết

ngoảnh mặt về đâu. Rồi ngày nào cũng có thư, lúc này thì chàng cầu xin nàng cho gặp. Chàng hứa sẽ đến vào buổi tối vers neuf heures^[22]. Và nàng không biết phải làm thế nào. Dĩ nhiên là không thể như thế được, nhưng chàng có thể bấm chuông, bấm chuông mãi nhưng nàng sẽ nhất định không mở; và rồi trong khi nàng chờ đợi tiếng chuông leng keng trong trạng thái thần kinh căng thẳng, thì bỗng nhiên chàng đứng trước mặt nàng. Nàng đã quên đóng cửa khi vào phòng.

C'est une fatalité^[23]

- Và sau đó thì chuyện gì xảy ra? Philip hỏi.

- Đó là kết thúc của câu chuyện. - Nàng vừa trả lời vừa khẽ cười.

Philip nín lặng một hơi. Tim anh đập rộn ràng. Những xúc cảm kỳ lạ dường như xô đẩy nhau chen lấn trong lòng anh.

Anh hình dung cái cầu thang tối om, những cuộc gặp gỡ tình cờ. Anh thán phục những bức thư táo bạo - chao ôi, anh chắc không bao giờ dám làm điều đó - Lại còn yên lặng gần như bí mật len vào phòng người ta. Đối với anh, chuyện này có vẻ là câu chuyện tiêu diệt thật sự.

- Trông anh ta thế nào?

- Ồ, anh ấy đẹp trai. Charmant garçon^[24]

- Cô vẫn còn quen anh ấy chứ?

- Anh ta đối xử với tôi khá ố. Đàn ông bao giờ mà chả như nhau. Các anh ác lắm, tất cả bọn các anh.

- Tôi chẳng hiểu gì về chuyện đó, - Philip đáp lại, không phải là không lúng túng.

- Thôi ta về đi - Cô Wilkinson nói.

Câu chuyện của cô Wilkinson cứ luẩn quẩn trong đầu óc Philip. Mặc dù nàng đã rút ngắn lại, nhưng ý nghĩa những điều nàng nói là khá rõ nên anh có phần sửng sốt. Loại chuyện tình như vậy rất hợp với đàn bà có chồng. Anh đã đọc khá nhiều tiểu thuyết Pháp, nên anh biết ở Pháp chuyện đó là bình thường, nhưng cô Wilkinson là người Anh, chưa chồng, con gái một mục sư. Một ý nghĩ chợt đến: anh chàng sinh viên mỹ thuật kia chưa hẳn là người tình đầu tiên mà sẽ không phải là người tình cuối cùng. Không bao giờ anh nghĩ Wilkinson lại như vậy, dường như không thể tin được là cũng có người tỏ tình với nàng. Với trí óc ngây thơ của anh, anh ít nghi ngờ câu chuyện của nàng như nghi ngờ những chuyện đã đọc trong cuốn sách, và anh tức giận mình không bao giờ gặp những chuyện tuyệt vời như vậy. Anh sẽ bẽ mặt biết mấy nếu như cô Wilkinson cứ cố nài anh sẽ kể cho nghe những chuyện của anh ở Heidelberg mà anh thì chẳng có gì để mà nói. Thật ra anh cũng có chút ít khả năng hư cấu, nhưng anh không chắc có thể làm cho nàng tin rằng anh là kẻ đã dấn sâu trong vòng tội lỗi; trực giác của đàn bà nhạy cảm lắm, anh hiểu như vậy, và nàng sẽ dễ dàng phát hiện là anh bịa đặt. Mặt anh đỏ bừng khi nghĩ nàng đang cười thầm.

Cô Wilkinson hay chơi dương cầm và hát với một giọng hơi chán chường những bài hát của Massenet, Benjamin Godard và Augusta Holmès^[25] là điều mới mẻ đối với Philip, và hai người ngồi với nhau hàng giờ bên chiếc dương cầm. Một hôm nàng muốn biết anh có giọng không và ép anh thử hát. Nàng bảo anh có giọng nam trung ấm áp và đề nghị được anh dạy hát. Lúc đầu, vốn bản tính rụt rè nên anh từ chối, nhưng nàng ép mãi thế là từ sau đó cứ sáng sáng vào những lúc thích hợp nhất sau khi điểm tâm nàng dạy anh một giờ. Nàng có năng khiếu dạy học nên hiển nhiên nàng là một giáo viên xuất sắc, nàng dạy có phương pháp và là một người thầy kiên quyết. Dù cái giọng Pháp quá gấn bó với nàng vẫn còn tồn

tại, nhưng khi bắt đầu dạy, cung cách dịu dàng trong con người nàng biến mất. Nàng không chịu được chuyện vô nghĩa lý. Giọng nói của nàng có phần quyết đoán, và do bản năng, nàng cấm sự lơ đãng, khiến trách tính cầu thả. Nàng biết công việc nàng đang làm và cho Philip học gam và đi vào luyện giọng.

Khi bài học kết thúc, giọng nàng lại trở nên dịu dàng hấp dẫn, nụ cười quyến rũ trở lại trên môi không một chút khó khăn, tuy nhiên Philip không dễ dàng gì từ bỏ vai trò học sinh cũng như nàng từ bỏ vai trò nhà sư phạm. Ấn tượng này mâu thuẫn với cảm nghĩ mà những chuyện của nàng đã khơi dậy trong anh. Anh nhìn nàng kỹ hơn. Buổi tối anh thấy thích nàng hơn là buổi sáng. Buổi sáng mặt nàng hơi nhăn, cổ nàng có phần hơi thô. Anh những muốn nàng che giấu điều đó, nhưng vào thời gian ấy thời tiết nóng quá, mà nàng lại mặc áo cánh cắt hở. Nàng rất ưa mặc đồ trắng, màu không hợp với nàng vào buổi sáng. Ban đêm trông nàng lúc nào cũng rất có duyên. Nàng mặc tấm áo dài thường dùng vào buổi tối, đeo quanh cổ một chuỗi ngọc đỏ; viền đăng ten quanh ngực và khuỷu tay, tai đeo khuyên vàng, trông nàng càng dễ thương; nước hoa nàng dùng (ở Blackstable không ai dùng thứ khác ngoài Eau de Cologne mà cũng chỉ vào ngày chủ nhật hay những lúc đau đầu) có một mùi hương là lạ làm người ta xao xuyến, những lúc đó trông nàng thật sự trẻ trung.

Philip rất băn khoăn về tuổi của nàng. Anh đem cộng hai mươi với mười bảy và không sao đạt được một tổng số vừa ý. Anh hỏi bác gái Louisa không phải chỉ một lần, tại sao bác lại cho nàng là ba mươi bảy tuổi. Nàng có vẻ không quá ba mươi; ai cũng biết rằng người nước ngoài già nhanh hơn phụ nữ Anh, mà cô Wilkinson ở nước ngoài lâu đến nỗi có thể gọi nàng là người ngoại quốc. Bản thân anh không tin rằng nàng đã quá hai mươi sáu.

- Cô ta còn lớn tuổi hơn thế kia. - Bác gái Louisa nói.

Philip không tin lời phát biểu của hai bác là chính xác tất cả, nhưng tất cả những gì mà hai bác nhớ được là cho tới ngày gặp cô lần cuối ở Lincolnshire, cô Wilkinson vẫn còn đeo bím tóc. Vậy thì lúc ấy có thể cô mới mười hai tuổi. Chuyện ấy đã lâu quá rồi, mà trí nhớ của cha sở thường không đáng tin cậy. Hai bác nói là hai mươi năm trước, nhưng người ta hay dùng con số tròn, chứ đúng có thể là mười tám hoặc mười bảy gì đó. Mười bảy với mười hai là hai mươi chín, vậy thì trời đất ơi, thế đâu có phải là già, đúng không nào? Khi Antony^[26] vì nàng mà từ bỏ mọi thứ trên đời này thì Cleopatra^[27] đã bốn mươi tám tuổi.

Ngày này qua ngày khác, trời nóng bức, không mây, nhưng vì gần biển nên sức nóng có giảm. Không khí vui tươi dễ chịu khiến người ta phấn chấn, không đến nỗi ngột ngạt vì cái nóng thánhtám. Ở ngoài vườn có một cái bể phun nước thả hoa súng, cá vàng thường nổi lên mặt nước phơi nắng. Sau bữa cơm chiều, Philip và tiểu thư Wilkinson thường ra vườn đem theo thảm, nệm nằm nghỉ trên bãi cỏ, dưới bóng một bờ đậu cao toàn hoa hồng. Cả buổi chiều, họ chuyện trò, đọc sách và hút thuốc lá, cha sở cấm hút thuốc lá trong nhà, ông cho hút thuốc là thói quen đáng ghét và thường nói người nào là nô lệ cho một thói quen thì thật đáng hổ thẹn. Ông quên rằng chính ông cũng là nô lệ của bữa trà chiều.

Một hôm cô Wilkinson đưa cho Philip cuốn *La vie de bohème* tình cờ tìm thấy khi nàng lục lợi đóng sách trong phòng làm việc của cha sở. Cuốn sách này ở trong mớ sách ông mua cùng lúc với một cuốn hồi đó ông cần, những bị bỏ quên từ mười năm nay.

Philip bắt đầu đọc tác phẩm của Murger^[28]. Đây là cuốn sách viết tồi ngớ ngẩn nhưng hấp dẫn nên anh mê ngay. Tâm hồn anh rộn lên niềm vui trên cảnh đói được miêu tả một cách vui vẻ, cảnh nghèo sinh động, cảnh yêu đương bán thiu mà lãng mạn, lối hành văn thống thiết giả tạo mà rất cảm

động. Những nhân vật như Rodolphe và Mimi, Misette và Schaunard, họ lang thang sống nương thân qua các phố xá xám xịt của khu phố La tinh, lúc ở áp mái nhà này, lúc ở áp mái nhà khác, áo quần kỳ quặc kiểu từ đời Louis Philip^[29] lúc khóc lúc cười, tới đâu hay tới đó, không lo lắng. Liệu có ai cưỡng nổi mà không bị hấp dẫn? Chỉ khi nào ta đọc được một nhận định chín chắn hơn, ta mới thấy những thú vui của họ sao mà thô tục, đầu óc sao mà tầm thường. Philip thì vô cùng hoan hỉ với cuộc viễn hành vui nhộn của những kẻ được coi là nghệ sĩ này. Về hân hoan của Philip khiến cô Wilkinson thích thú, cô hỏi:

- Có phải anh muốn đi Pari hơn là ở lại Luân Đôn không?

- Dù tôi có muốn thì bây giờ đã quá muộn rồi! - Anh đáp

Từ khi ở Đức về nửa tháng nay, nhiều cuộc thảo luận diễn ra giữa ông bác và Philip về tương lai của anh. Anh dứt khoát từ chối không chịu đi Oxford. Bây giờ thì khả năng nhận học bổng không còn và ông Carey thì đành kết luận bản thân ông không thể lo liệu cho anh. Toàn bộ gia sản của anh trị giá hai nghìn bảng, và mặc dù đã cầm cố với lãi suất năm phần trăm, cũng không thể sống với lợi tức đó được. Số vốn đó bây giờ có giảm đi một ít. Thật là vô lý mỗi năm phải tốn hai trăm bảng - mức sống tối thiểu trong trường đại học - mà sau ba năm ở Oxford, chắc gì anh có thể ra kiếm sống được. Anh muốn đi ngay Luân Đôn. Bà Carey cho rằng đối với giới thượng lưu chỉ có bốn nghề: Lục quân, Hải quân, ngành Luật sư và nhà thờ. Bà kể thêm nghề y vì em rể bà làm nghề này, nhưng bà không quên rằng vào những ngày bà còn trẻ, không ai xem bác sĩ là người của giới thượng lưu. Hai nghề đầu xem như không cần bàn tới, và Philip thì cương quyết từ chối nghề tôn giáo. Chỉ còn mỗi nghề Luật sư. Ông bác sĩ trong vùng giới thiệu hiện nay nhiều người quý phái yêu chuộng nghề kỹ sư, nhưng bà Carey phản đối ngay ý kiến này. Bà nói:

- Tôi muốn Philip đi vào con đường buôn bán.
- Không được, nó phải có nghề có nghiệp - Cha sở trả lời.
- Tại sao không cho cháu nó làm bác sĩ như chú ấy?
- Cháu rất ghét nghề ấy, - Philip nói.

Bà Carey không tức giận. Nghề Luật sư xem như được chọn. Vì anh không đi Oxford - ông bà Carey thì nghĩ rằng học vị vẫn là cần thiết cho thành công trong nghề này - cuối cùng hai bác quyết định để anh vào tập sự tại văn phòng của một luật sư. Albert Nixon là người cùng với cha sở thực hiện chúc thư của ông Henry Carey, nên ông viết thư cho ông bà luật sư yêu cầu ông vui lòng chấp nhận Philip. Vài ngày sau thì có thư phúc đáp rằng, ông ta không còn chỗ khuyết, vả lại ông ta cũng hoàn toàn không tán thành dự định đó, nghề này đã quá đông người và nếu không có tiền của hay quan hệ thân thuộc thì quá lắm cũng chỉ lên chân thư ký thứ nhất là cùng. Tuy vậy ông gợi ý Philip nên học nghề kế toán, nó có bằng cấp hẳn hoi. Hai ông bà không biết thế nào là nghề kế toán, mà Philip cũng chưa nghe ai nói đến nghề này; một lá thư khác của ông luật sư giải thích: sự phát triển của ngành kinh doanh và sự gia tăng của các công ty đã đưa đến thành lập nhiều hãng kế toán để xem xét sổ sách và đưa vào công tác tài chính của khách hàng một nề nếp mà lỗi tính toán cũ còn thiếu. Mấy năm trước Nhà vua ban hành sắc luật, nghề này càng ngày càng đáng kính, kiếm ra tiền và quan trọng. Một hãng kế toán có bằng cấp mà ông Albert Nixon dùng trong ba mươi năm nay tình cờ lại thiếu một chân tập sự và họ sẽ nhận Philip với học phí là ba trăm bảng. Một nửa số này sẽ được hoàn lại trong năm năm của thời kỳ học việc dưới hình thức tiền lương. Viễn cảnh này không hấp dẫn lắm nhưng Philip thấy cần phải lựa chọn cái gì đấy, đồng thời ý nghĩ được sống ở Luân Đôn đã thẳng tư tưởng thoái lui mạnh nha trong đầu anh. Cha sở viết thư hỏi ông Nixon liệu nghề đó có thích hợp

với người thượng lưu hay không; ông Nixon trả lời rằng từ khi có sắc luật thì nhiều người từng học ở các trường công, các trường đại học cũng xin học, vả lại nếu Philip không thích công việc này, và sau một năm vẫn muốn thôi thì Herbert Cater hiệu trưởng trường kế toán sẽ hoàn lại nửa số tiền đã nộp. Điều này giải quyết được vấn đề và Philip thu xếp để bắt đầu học từ ngày mười lăm tháng chín.

- Tôi có cả một tháng trước mắt. - Philip nói.

- Thế là anh bước đến với tự do, còn tôi thì vào tròng nô lệ.- Cô Wilkinson đáp.

Nàng được nghỉ sáu tuần và sẽ rời Blackstable chỉ một hai ngày trước Philip.

- Không biết có bao giờ chúng ta gặp lại hay không nhỉ. - Nàng hỏi.

- Tôi không biết nữa, nhưng sao lại không.

- Ô, đừng nói cái kiểu thực dụng ấy. Tôi chưa thấy người nào khô khan như anh.

Philip đỏ mặt, sợ cô Wilkinson cho là mình hèn yếu; xét cho cùng nàng là người đàn bà trẻ trung, đôi khi trông rất xinh xắn, còn anh xấp xỉ tuổi hai mươi; thật là vô lý nếu họ chẳng nói gì với nhau ngoài chuyện văn học nghệ thuật. Lẽ ra phải tán tỉnh nàng. Hai người đã nói nhiều về tình yêu, từ chuyện anh chàng sinh viên mỹ thuật phố Breda đến anh chàng họa sĩ ở Pari mà nàng ở lâu trong nhà; anh chàng đến yêu cầu nàng ngồi làm mẫu vẽ và đã ra sức tán tỉnh nàng, đến nỗi nàng phải buộc lòng tìm có thoái thác không ngồi làm mẫu nữa. Rõ ràng là cô Wilkinson đã quen với những cách săn đón ân cần như vậy. Lúc này nom nàng rất xinh đẹp với một chiếc mũ

ơm to rộng vành. Chiều hôm ấy trời nóng, một ngày nóng nực nhất, mồ hôi lấm tấm thành hàng trên làn môi trên của nàng. Anh chợt nhớ đến Cacilie và anh chàng Sung. Anh không bao giờ nghĩ đến chuyện yêu đương với Cacilie, vì nàng xấu xí quá, nhưng bây giờ đây nghĩ lại, anh thấy mối tình ấy có vẻ rất lãng mạn. Anh cũng đã có cơ hội để mà yêu thương lãng mạn. Cô Wilkinson có thể coi như là người Pháp. Điều này làm cho câu chuyện tình đến với hai người càng thêm thú vị. Ban đêm nằm trên giường, hay khi ngồi một mình đọc sách trong vườn nghĩ đến việc này anh cảm thấy lòng xúc động bồi hồi, nhưng khi nhìn thấy cô Wilkinson thì điều đó lại không còn đẹp nữa.

Dù thế nào sau hết thấy những gì nàng tâm sự với anh nếu anh tỏ tình nàng sẽ không ngạc nhiên. Anh có cảm tưởng kì quái. Có lẽ chỉ là sự tưởng tượng của anh, nhưng vài ngày gần đây một hai lần anh hình dung trong cái nhìn của nàng thoáng ánh lên một cái gì đó như là khinh thường.

- Anh nghĩ gì mà mê mải thế? - Cô Wilkinson mỉm cười nhìn anh hỏi.

- Tôi sẽ không nói đâu. - Anh trả lời.

Anh đang nghĩ là mình phải hôn nàng tại chỗ này, ngay lúc này. Anh tự hỏi không biết nàng có mong chờ điều đó không, nhưng rốt cuộc các anh chẳng biết phải làm thế nào nếu không có những thủ tục mào đầu. Biết đâu nàng sẽ chẳng cho là anh điên, hoặc nàng có thể tát vào mặt anh, hoặc nàng có thể thừa lại với bác anh. Anh tự hỏi không hiểu anh chàng Sung đã bắt đầu với Cacilie như thế nào. Nếu nàng mách với bác trai thì thật là xấu hổ, anh đã biết bác là người thế nào, chắc bác sẽ thuật lại với ông luật sư và Josiah Graves và anh sẽ đúng là một thằng đàn độn.

Bác gái Louisa thì cứ một mực bảo cô Wilkinson ba mươi bảy tuổi không hơn không kém. Anh rùng mình khi nghĩ đến mình ở vào tình thế

làm trò cười cho thiên hạ, người ta sẽ bảo nàng đáng tuổi làm mẹ anh.

- Anh nghĩ gì thế? - Cô Wilkinson cười hỏi.

- Tôi đang nghĩ đến cô. - Anh bạo dạn đáp. Dù sao thì câu trả lời này cũng chẳng ràng buộc anh.

- Anh nghĩ thế nào?

- À, bây giờ cô lại muốn biết nhiều quá đấy.

- Bé hư nhé. - Cô Wilkinson nói.

Đấy lại thế rồi. Cứ bất kỳ lúc nào anh bắt đầu bạo dạn được thì nàng lại nói một điều gì đó khiến anh nghĩ đến cô dạy trẻ. Nàng gọi đùa anh là bé hư khi không vừa ý về các bài hát của anh. Lần này thì anh đổi.

- Tôi mong cô đừng xử sự với tôi như với trẻ con.

- Anh bực mình à?

- Rất bực mình.

- Tôi không có ý định như vậy.

Nàng đưa tay ra và anh nắm lấy tay nàng. Khi chia tay nhau trong đêm, một vài bận gần đây anh đã có cảm giác là nàng xiết tay anh có phần hơi chặt hơn, lần này thì không còn nghi ngờ gì nữa. Cuối cùng lúc này cơ hội tỏ tình đã đến mà anh không biết tranh thủ thì thật là ngốc. Anh hoàn toàn không biết mình nên tiếp tục như thế nào. Nhưng đây là thời cơ có phần

hơn bình thường mà anh thì mong đợi một cái gì đó hấp dẫn hơn. Anh đã đọc nhiều cảnh về tình yêu, và lòng anh không cảm thấy xúc động dâng trào như các nhà văn mô tả, anh không thấy tràn ngập xúc cảm, mà cô Wilkinson cũng không phải là người lí tưởng. Anh vẫn thường hình dung đôi mắt huyền to tròn, làn da trắng ngần, một cô gái yêu kiều nào đó, và nghĩ rằng mình được áp mặt vào mái tóc nâu vàng gợn sóng của nàng. Anh không sao nghĩ nổi mình áp mặt vào mái tóc cô Wilkinson, mái tóc lúc nào cũng gây cho anh ấn tượng về một cái gì chớp nháy. Dù sao, nếu có được mỗi tình vụng trộm anh cũng cũng đã thỏa mãn lắm rồi và lòng anh đã thấy run lên một niềm kiêu hãnh chính đáng khi nghĩ đến anh sẽ chinh phục được nàng. Anh quyết định sẽ hôn cô Wilkinson không phải vào lúc ấy mà vào buổi tối; trong bóng đêm việc đó sẽ dễ dàng hơn, và sau khi hôn nàng, thì mọi việc sẽ trôi chảy hơn. Anh phải hôn nàng ngay tối nay. Anh thề thực hiện cho kì được.

Anh sắp đặt kế hoạch. Ăn tối xong anh ngỏ ý rủ nàng ra vườn dạo chơi. Cô Wilkinson nhận lời. Hai người đi thơ thẩn bên nhau. Philip hết sức bồn chồn, anh không hiểu vì sao mà câu chuyện lại không đi vào đúng hướng, anh đã định đầu tiên là đưa tay quàng ngang lưng nàng, nhưng anh không thể làm được như vậy một cách đột ngột trong lúc nàng đang nói về cuộc đua thuyền vào tuần tới. Anh khéo léo đưa nàng đi vào những chỗ tối trong vườn nhưng đến đấy thì anh không còn đủ can đảm. Hai người ngồi trên một chiếc ghế dài và anh thực sự quyết định đây đúng là thời cơ, thì bỗng cô Wilkinson bảo ở đây có sâu và một mực đòi đi chỗ khác. Họ đi quanh vườn một lần nữa, Philip hứa với mình là phải liềm một phen trước khi trở lại chiếc ghế dài. Nhưng khi đi qua nhà họ thấy bà Carey đứng ngoài cửa.

- Này các cháu vào nhà đi có hơn không? Bác cho rằng không khí ban đêm không tốt cho các cháu đâu.

- Có lẽ tốt hơn là chúng ta phải vào nhà. Philip nói

- Tôi không muốn cô bị nhiễm lạnh. Anh nói rồi thở dài nhẹ nhõm. Đêm nay anh không thể cố gắng gì hơn nhưng sau đó khi còn một mình trong phòng anh giận dữ với mình. Mình đúng là một thằng ngốc. Anh tin chắc cô Wilkinson mong đợi anh hôn. Nếu không thì nàng đã không ra vườn. Nàng vẫn thường nói chỉ người Pháp mới biết cách đối xử với phụ nữ. Philip đã đọc tiểu thuyết Pháp. Nếu anh là người Pháp anh sẽ ôm lấy nàng trong vòng tay, anh sẽ đắm đuối nói rằng anh thiết tha yêu nàng, anh sẽ ép môi lên gáy, lên cổ nàng. Anh không hiểu sao người Pháp thường hôn lên gáy đàn bà. Dĩ nhiên đối với người Pháp làm chuyện đó dễ dàng hơn, họ đã được ngôn ngữ hỗ trợ, Philip không thể không thấy rằng diễn đạt những điều thiết tha bằng tiếng Anh nghe có vẻ hơi lố bịch. Bây giờ anh mong rằng mình chưa từng bao giờ công hãm đức hạnh cô Wilkinson. Nửa tháng đầu sao mà anh vui đến thế, mà hôm nay anh lại khổ sở đến thế. Nhưng anh quyết không chịu đầu hàng, làm như vậy anh sẽ chẳng còn lòng tự trọng, và anh quyết định dứt khoát đêm sau phải hôn nàng cho được.

Hôm sau thức dậy anh thấy trời mưa, ý nghĩ đầu tiên của anh là tối hôm đó không thể ra vườn. anh vui vẻ phấn chấn vào ăn sáng. Cô Wilkinson sai Mary vào thưa rằng nàng đau đầu nên phải nằm. Đến giờ uống trà nàng mới xuống, mặt nhợt nhạt trong bộ áo choàng xinh đẹp, nhưng đến bữa tối thì nàng đã hoàn toàn bình phục, và bữa ăn rất vui.

Sau khi cầu nguyện nàng nói phải đi nằm ngay. Nàng hôn bà Carey rồi quay sang Philip:

- Trời ơi! Nàng kêu lên. Tôi cũng sẽ hôn cả anh nữa đấy.

- Sao cô không hôn - Anh nói.

Nàng cười và đưa tay ra.

Ngày hôm sau trời không một gợn mây, sau cơn mưa vườn mát dịu. Philip ra bãi biển tắm và lúc trở về anh được một bữa cơm ngon miệng. Buổi chiều họ chơi quần vợt ở tòa nhà cha sở. Cô Wilkinson mặc quần áo đẹp nhất. Tất nhiên là nàng biết cách ăn mặc và Philip không thể không nhận thấy nàng thanh lịch bao nhiêu so với bác gái mình và người con gái đã có chồng của ông thầy giảng đạo. Trên dây thắt lưng nàng gài hai bông hồng. Nàng ngồi trên ghế bên bãi cỏ trong vườn cầm chiếc ô đỏ che đầu hắt ánh lên mặt nàng trông rất hợp. Philip rất mê quần vợt. Anh giao bóng tốt và vì chạy vụng về nên anh chơi sát lưới. Tuy chân vẹo anh cũng nhanh nhẹn, đưa được một đường bóng vượt qua anh cũng khó, anh cũng lấy làm thích chí vì mấy ván anh đều thắng. Đến giờ uống trà anh thở hốt hển, người nóng rực, anh đến nằm dài dưới chân cô Wilkinson.

- Quần áo Phơ la nen hợp với anh đấy, chiều hôm nay trông anh rất đẹp -
Nàng nói.

Anh thích thú đỏ mặt.

- Tôi chân thành gửi lại cô lời khen đó. Trông cô đẹp mê hồn.

Nàng cười và đưa cặp mắt đen đăm đăm nhìn anh.

Sau bữa tối anh cố rủ nàng ra ngoài.

- Anh rèn luyện trong một ngày như thế không đủ sao?

- Cảnh ngoài vườn hôm nay thật là tuyệt. Trời đầy sao.

Philip vui vẻ phấn khởi.

- Anh biết không, vì anh mà bà Carey trách móc tôi đó, - Cô Wilkinson nói lúc hai người đi thơ thẩn qua vườn rau, - Bà bảo tôi không được ve vãn anh.

- Thế cô đã ve vãn tôi hay sao? Tôi chẳng nhận thấy điều đó. Bà ấy nói đùa thôi.

- Tối hôm qua cô từ chối hôn tôi. Như vậy là không tốt đâu.

- Giá mà anh nhìn thấy bác anh nhìn tôi, khi tôi nói điều đó.

- Đó là tất cả những gì ngăn cản cô phải không?

- Tôi thích hôn người ta mà không ai nhìn thấy cơ.

- Bây giờ thì chẳng có ai.

Philip ôm choàng tay sau lưng nàng và hôn lên môi. Nàng chỉ khẽ cười mà không có ý rút ra. Sự việc xảy ra hoàn toàn tự nhiên. Philip rất kiêu hãnh về mình. Anh nói là làm và anh đã làm. Thật là việc dễ nhất trần gian. Thế mà trước đây anh mong muốn mình thực hiện điều này từ trước. Và anh lại hôn nàng.

- Ồ không được đâu - Nàng nói.

- Tại sao không?

- Là vì tôi thích thế - Nàng cười.

Hôm sau, ăn trưa xong hai người đem chăn, nệm ra bể nước và cả sách nữa, nhưng họ không đọc. Cô Wilkinson tự nhiên, thoải mái, mở ô đỏ che nắng. Bây giờ Philip chẳng e lệ chút nào, nhưng thoát đầu nàng không để anh hôn. Nàng nói:

- Đêm qua tôi sai quá, tôi không thể ngủ được. tôi thấy mình xử sự thật sai lầm.

- Chuyện đến vô lí! Tôi chắc chắn cô ngủ say như chết - Anh kêu lên.

- Anh thử nghĩ xem, nếu bác anh biết ông sẽ nói gì?

- Chẳng có lí gì mà bác tôi biết được. Anh ngả người về phía nàng và tìm anh đập rộn ràng.

- Vì sao anh muốn hôn tôi?

Anh biết lẽ ra anh phải trả lời: “ Vì anh yêu em”. Nhưng anh không nói được thành lời. Thay vào đó là một câu hỏi:

- Cô thử nghĩ xem vì sao?

Nàng nhìn anh long lanh trong ánh mắt rồi đưa mấy đầu ngón tay lên chạm mặt anh.

- Mặt anh nhăn quá. - Nàng thì thầm.

- Tôi phải cạo dử lắm đấy. - Anh nói.

Thật lạ lùng, nói ra những lời lãng mạn sao mà khó. Anh thấy im lặng giúp anh nhiều hơn là lời nói. Anh có thể nhận ra những điều không biểu hiện nổi bằng lời. Cô Wilkinson thở dài.

- Anh có yêu em chút nào không?

- Có, yêu vô cùng.

Khi anh định hôn nàng lần nữa, nàng không cưỡng lại. Anh làm ra vẻ rất đắm đuối si mê và anh đã thành công trong việc sắm cái vai mà anh cho rằng rất đạt.

- Em bắt đầu hơi sợ anh! - Cô Wilkinson nói.

- Ăn tối xong thế nào em cũng ra ngoài nhé! Anh vật nài.

- Không, trừ phi anh hứa sẽ cư xử đúng đắn.

- Anh xin hứa bất cứ điều gì!

Thế là anh bắt đầu bén lửa. Ngọn lửa mà tự anh đã góp phần nhen nhóm, và đến giờ uống trà anh vui đùa âm ỉ. Cô Wilkinson lo lắng nhìn anh rồi nói:

- Anh không nên có cặp mắt long lên như thế. Bác gái anh sẽ nghĩ như thế nào?

- Anh không cần biết đến điều bác nghĩ.

Cô Wilkinson thỏa mãn khẽ cười. Ăn tối vừa xong anh đã bảo nàng.

- Cô có thể cùng đi với tôi trong lúc tôi hút thuốc không?

- Sao cháu không để cho cô Wilkinson nghỉ ngơi. - Bà Carey nói. - Cháu phải nhớ là cô ấy không trẻ trung như cháu đâu.

- Ồ, cháu cũng muốn ra ngoài mà, bác Louisa ạ. - Nàng nói, giọng có vẻ hơi gay gắt.

- Sau khi ăn trưa nên tản bộ một dặm, sau khi ăn tối nên nghỉ một lát. - Cha sở nói.

- Bác gái anh hết sức tử tế, nhưng thỉnh thoảng bà cứ như chọc tức em! - Cô Wilkinson nói khi họ khép cửa đi ra.

Philip rút điếu thuốc anh vừa châm và dang tay ra ôm lấy nàng. Nàng cố đẩy anh ra.

- Anh đã hứa là sẽ đứng dẫn dắt, Philip ạ.

- Em cũng chẳng tin là anh sẽ giữ một lời hứa như thế.

- Đừng đứng gần nhà quá, Philip ạ, nhờ có ai bất tỉnh linh thì sao? - Nàng nói

Anh dẫn nàng ra vườn rau, ở đây sẽ không ai đến. Lần này thì cô Wilkinson không còn nghĩ đến sâu bọ. Anh hôn nàng say sưa. Còn một điều làm anh bối rối là buổi sáng thì anh không thích nàng tí nào, vào buổi

chiều chỉ thích vừa phải, nhưng đêm đến, nàng vừa chạm tay vào người anh là anh đã bối rối xúc động. Anh nói những điều mà chính anh không bao giờ nghĩ là nói ra; rõ ràng giữa ban ngày ban mặt, anh không thể nói dối, và anh lắng nghe chính mình, vừa kinh ngạc vừa lấy làm thỏa mãn.

- Anh tỏ tình hay quá. - Nàng nhận xét.

Bản thân anh cũng nghĩ như thế.

- Ồ, nếu anh có thể nói hết được những gì đang nung nấu tim anh! - Anh thì thầm đăm đuối.

Thật là tuyệt. Đây là một trò chơi xúc động nhất từ trước đến nay anh được tham gia, và điều kỳ diệu là anh thấy lòng mình rung cảm với hầu hết những điều mình nói. Chỉ có điều là anh cường điệu lên chút ít mà thôi. Anh vô cùng phấn khởi và thú vị thấy những điều đó tác động đến nàng. Dĩ nhiên là cuối cùng nàng phải cố gắng mới gợi ý đi vào nhà.

- Ồ, chưa vào đâu. - Anh kêu lên.

- Em phải vào thôi. - Nàng thì thầm, - Em sợ.

Anh linh cảm biết mình cần phải làm gì lúc này.

- Anh chưa vào được. Anh sẽ ở lại đây suy nghĩ. Mặt anh đang nóng bừng lên đây này? Anh cần không khí ban đêm. Thôi chúc em ngủ ngon.

Anh nghiêm chỉnh chìa tay ra và nàng lặng lẽ nắm lấy. Anh cảm thấy nàng cố nén một tiếng nấc. Chao ôi, sao mà đẹp đẽ. Sau đó anh ở lại một lúc vừa phải, một khoảnh khắc vừa đủ để anh cảm thấy buồn chán một mình trong vườn tối. Anh bước vào nhà và thấy cô Wilkinson đã đi ngủ.

Sau đó, mọi sự giữa hai người trở nên khác hẳn.

Hôm sau và hôm sau nữa, Philip tỏ ra mình là con người yêu tha thiết. Anh cảm thấy lòng lâng lâng thích thú khi nhận ra cô Wilkinson cũng yêu anh, nàng nói với anh điều đó bằng cả tiếng Anh và tiếng Pháp. Nàng ca tụng anh, trước đây không có ai bảo anh có cái nhìn quyến rũ, có cái miệng khiêu gợi. Anh chưa bao giờ băn khoăn về hình thức bên ngoài của mình, những giờ đây những khi có dịp, anh thường hài lòng ngắm nghía mình trong gương. Khi hôn nàng, kỳ lạ thay, anh thấy dường như người nàng run lên trong cơn đam mê đắm đuối, điều đó tuyệt vời. Anh hôn nàng rất nhiều vì anh cảm thấy làm như vậy còn dễ hơn nói những điều mà theo bản năng, anh biết rằng nàng đang mong đợi. Hơn nữa nói là anh tôn sùng nàng thì anh quả là thẳng ngốc. Anh muốn gặp người nào đó để mà khoe khoang đôi chút, anh sẽ sẵn sàng thảo luận tỉ mỉ về cách cư xử của mình. Thỉnh thoảng nàng nói những điều khó hiểu làm cho anh bối rối. Anh mong sao lúc này có Hayward ở đây để hỏi xem anh ấy nghĩ thế nào về điều nàng muốn nói và anh phải làm gì tiếp cho hay hơn. Anh không thể quyết định mình phải thúc đẩy sự việc hay cứ phó mặc nó cho thời gian. Chỉ còn hơn ba tuần nữa.

- Em không chịu nổi khi nghĩ đến điều đó! - Nàng nói. - Điều đó sẽ làm rạn vỡ tim em, và có thể nói chúng ta sẽ chẳng bao giờ gặp nhau!

- Nếu em lo lắng cho anh một chút thì em đừng tàn nhẫn với anh như thế.
- Anh thì thâm.

- Ồ, vì sao anh không bằng lòng cứ để cho sự việc tiếp diễn bình thường? Bọn đàn ông các anh bao giờ cũng như nhau. Họ chẳng bao giờ thỏa mãn.

Và khi anh xiết chặt thân nàng, nàng bảo:

- Nhưng anh không thấy rằng việc đó không làm được ư? Ở đây thì làm thế nào?

Anh đưa ra đủ mưu mẹo, nhưng nàng gạt bỏ hết.

- Em chẳng dám hiểu thế đâu, ôi, nếu bác gái anh biết được thì thật khủng khiếp.

Vài hôm sau anh tìm được một ý rất hay.

- Này, em này, tối chủ nhật em cứ bảo là em nhức đầu và đề nghị được ở nhà, trông nhà cho bác gái Louisa đi lễ.

Thường thường thì cứ tối chủ nhật và Carey ở nhà để cho Mary-Ann được đi lễ, nhưng bà cũng mong có dịp dự buổi cầu kinh ban chiều.

Philip thấy không cần phổ biến cho người thân biết đến sự thay đổi quan điểm của mình về giáo lý cơ đốc xảy ra ở Đức; không thể trông mong gì hai bác sẽ hiểu được anh, vậy thì tốt nhất là anh cứ đi lễ cho đỡ phiền hà, nhưng anh chỉ đi lễ buổi sáng. Anh xem chuyện này đã là một sự nhân nhượng lịch sự trước những định kiến xã hội và riêng anh từ chối không đi lần thứ hai là một sự khẳng định thỏa đáng về tự do tư tưởng.

Khi anh gợi ý, cô Wilkinson không nói gì một lúc, rồi lắc đầu:

- Không, không, em không muốn thế!

Nhưng đến ngày chủ nhật, vào giờ uống trà, nàng làm cho Philip kinh ngạc.

- Tối nay cháu không đi lễ, cháu đau đầu quá! - Nàng đột nhiên nói.

Bà Carey rất lo lắng, bà ép nàng uống mấy giọt thuốc nước mà bà vốn quen dùng. Cô Wilkinson cảm ơn bà và ngay sau khi uống trà nàng bảo là phải về phòng nằm.

- Cháu có chắc không cần gì nữa không? - Bà Carey áy náy hỏi.

- Xin cảm ơn bác không ạ!

- Nếu không cần gì, tôi sẽ đi vậy. Thường tôi không có mấy khi có dịp được đi lễ buổi tối.

- Vâng bác cứ đi ạ! - Cháu ở nhà - Philip nói, - Nếu cô Wilkinson cần gì, lúc nào cô ấy cũng gọi được cháu.

- Tốt nhất là cháu để ngỏ cửa phòng khách Philip ạ, khi nào cô Wilkinson bấm chuông là cháu nghe ngay.

- Vâng, tất nhiên! - Philip đáp.

Thế là sau sáu giờ, chỉ còn Philip ở nhà một mình với cô Wilkinson. Anh thấy run người lên vì lo sợ, anh vô cùng ân hận đã đưa ra kế hoạch này; nhưng bây giờ thì đã quá muộn. Anh phải nắm lấy cơ hội mà mình tạo ra. Cô Wilkinson sẽ nghĩ gì về anh nếu anh không hành động. Anh tự hỏi không biết cô Wilkinson có đau đầu thật không? Có thể nàng đã quên gợi ý của anh, tim anh đập mạnh. Anh rón rén bước lên cầu thang, cố hết sức nhẹ nhàng, anh giật mình dừng lại khi cầu thang kêu cọt két. Anh dừng lại ngoài buồng cô Wilkinson nghe ngóng. Anh để tay lên nắm cửa. Anh chờ đợi. Dường như anh đã chờ ít ra phải đến năm phút, cổ trấn tĩnh, tay run run, anh sẵn sàng bỏ chạy nhưng lại sợ sẽ phải bứt rứt tiếc nuối. Cũng

giống như khi anh trèo lên tấm ván nhảy cao nhất ở bể bơi thì anh không thấy gì ở dưới, nhưng khi anh đã đứng ở trên nhìn xuống nước thì lòng anh thắt lại; và điều duy nhất buộc anh phải lao đầu xuống nước là sự hổ thẹn phải ngoan ngoãn bước xuống các nấc cầu thang mà mình đã trèo lên. Philip lấy hết can đảm, nhẹ nhàng quay nắm đấm cửa và bước vào. Anh tự cảm thấy người anh run như đang lên cơn sốt.

Nàng đang đứng bên bàn trang điểm, quay lưng ra phía cửa, và khi nghe thấy cửa mở, nàng quay phắt lại.

- Ồ, anh đấy à? Anh cần gì?

Nàng đã cởi váy và áo cánh, chỉ mặc một tấm váy lót ngắn không chạm mũi chân, phần trên may bằng một thứ vải đen óng ánh, nẹp một đường ren đỏ, và một chiếc áo ngoài ngắn tay vải trúc bầu trắng. Trông nàng thật kỳ cục. Philip nhìn nàng chòng chọc, cụt hứng. Chưa bao giờ anh thấy nàng vô duyên đến thế. Nhưng bây giờ thì đã quá muộn. Anh đóng cửa và vặn khóa lại.

Sáng hôm sau Philip dậy sớm. Suốt đêm anh trằn trọc ngủ không yên nhưng khi duỗi chân, nhìn ánh nắng xuyên qua cửa chớp, vẽ thành những đường nét trên sàn nhà, anh thở dài thỏa mãn. Anh lấy làm tự hào. Anh bắt đầu nghĩ đến cô Wilkinson. Nàng yêu cầu anh gọi nàng là Emil, nhưng không hiểu tại sao anh không làm nổi. Đối với anh nàng lúc nào cũng là cô Wilkinson. Từ khi nàng trách anh không làm như vậy, thì anh liền tránh không gọi cả tên nàng. Trong những năm còn nhỏ, anh đã từng nghe gọi em gái bác Louisa, vợ góa của một sĩ quan hải quân, là dì Emil. Cho nên bây giờ nếu gọi cô Wilkinson bằng cái tên đó anh thấy ngượng ngượng mà anh cũng không nghĩ rằng có một tên nào khác thích hợp hơn với nàng. Nàng đã đến với anh bằng cái tên Wilkinson, bởi vậy tên đó khó mà tách khỏi cảm nghĩ của anh. Anh hơi cau mày nhăn mặt, dù thế nào thì từ nay hình ảnh nàng đã in đậm trong ký ức anh đúng vào lúc nàng xấu xí nhất, anh không sao quên được cái giây phút khi anh nhìn thấy nàng quay lại, trong cái áo ngoài ngắn và tấm váy lót ngắn. Anh nhớ cái lớp da thịt hơi khô và những nếp nhăn rõ ràng ở cổ nàng. Thắng lợi của anh thế là chết yểu. Anh tính lại tuổi nàng một lần nữa, và lần này thì nàng chắc chắn phải xấp xỉ bốn mươi. Câu chuyện yêu đương trở nên lố bịch. Nàng xấu và già. Hình ảnh hiện ra rất nhanh trong trí tưởng tượng của anh, da nàng nhăn nheo, mặt nàng phờ phạc trong những chiếc áo dài quá lờ lợt so với địa vị của nàng, và hợp với thanh niên hơn là tuổi của nàng. Anh rùng mình và bỗng cảm thấy không còn bao giờ muốn gặp nàng nữa.

Nghĩ đến chuyện hôn nàng, anh không chịu nổi nữa. Anh kinh tởm chính mình. Tình yêu là như vậy đấy ư?

Anh đứng đờ đẫn mặc quần áo thật lâu để đẩy lùi thời gian gặp nàng, cuối cùng tới lúc bước sang phòng ăn, thì lòng anh nặng trĩu. Cầu kinh xong mọi

người ngồi xuống ăn sáng.

- Anh chàng lười ngay xương! Cô Wilkinson vui vẻ kêu lên.

Anh nhìn nàng và thở phào nhẹ nhõm. Nàng ngồi tựa vào cửa sổ. Thực ra nàng rất xinh, anh tự hỏi vì sao mình lại có thể suy nghĩ như thế về nàng. Và anh lấy làm hài lòng. Anh sửng sốt trước sự thay đổi của nàng. Ngay sau bữa ăn sáng, nàng run run cảm động nói với anh rằng nàng yêu anh và một lát sau lúc hai người vào phòng khách tập hát nàng ngồi trên ghế đánh pi-a-nô, đến giữa một gam nàng bỗng ngẩng lên bảo:

- Embrasse - moi!^[30]

Khi anh cúi xuống, nàng liền quàng hai tay ôm lấy cổ anh và giữ anh trong tư thế như vậy, làm anh lúng túng, gần như bị ngạt thở.

- Ah, je t'aime, je t'aime, je t'aime!^[31] - Nàng kêu lên bằng cái giọng người Pháp lơ lửng.

Philip muốn nàng nói bằng tiếng Anh.

- Này em! Em không sợ bác làm vườn có thể bất kỳ khi nào cũng đi qua cửa sổ ư?

- Ah, je m'en fiche du jardinier. Je m'en fiche et je m'en contrafiche^[32]

Philip nghĩ bụng thật đúng như trong tiểu thuyết Pháp và anh không hiểu vì sao anh bỗng cảm thấy hơi bực mình. Cuối cùng anh bảo nàng:

- Anh lang thang ra bãi biển tắm một cái đây

- Ô, lẽ nào anh lại bỏ mặc em sáng nay, nhất là sáng nay?

Philip hoàn toàn không hiểu vì sao anh lại không đi tắm, nhưng điều này không quan trọng.

- Em muốn anh ở lại đây à! - Anh mỉm cười nói.

- Ôi, anh yêu! Nhưng không sao đâu. Anh đi đi, anh đi đi. Em muốn anh chế ngự biển cả, em muốn anh đắm chìm trong biển khơi.

Anh cầm mũ lông thừng đi ra.

- Đàn bà hay nói ba hoa vớ vẩn. - Anh nghĩ bụng.

Nhưng anh lấy làm vui sướng và tự hào; rõ ràng nàng mê anh quá rồi. Khập khiễng trên con đường lớn ở Blackstable, anh vượt qua mọi người và nhìn họ với ánh mắt kiêu kỳ. Trong số này, anh quen nhiều và anh gật đầu chào họ, và khi mỉm cười nhìn nhận ra nhau, anh nghĩ thầm giá mà họ biết được. Anh rất cần có người biết. Anh nghĩ sẽ phải viết thư cho Hayward và trong óc đã hình thành nội dung bức thư. Anh sẽ nói về khu vườn, về những bông hồng, về cô giáo dạy trẻ bé nhỏ người Pháp như một đóa hoa lạ giữa vườn hoa ấy ngát hương, bướng bỉnh. Anh phải nói nàng là người Pháp - đúng thế, vì nàng ở Pháp lâu đến nỗi nàng đã gần như người Pháp, vả lại nếu tiết lộ toàn bộ sự việc quá chính xác như vậy, thì tầm thường quá. Anh sẽ kể cho Hayward lần đầu anh gặp nàng thế nào trong bộ quần áo mút-xơ-lin mỏng xinh đẹp, về đóa hoa nàng tặng anh. Anh sẽ lấy cảm hứng đó sáng tác một ca khúc điền viên thanh nhã. Năng trời và biển rộng sẽ đóng góp vào khổ thơ ấy chất đắm say huyền diệu, trời sao sẽ tăng thêm phần thơ mộng và khu vườn cổ nhà cha sở sẽ là khung cảnh thích hợp tuyệt vời. Bài thơ phảng phất ít nhiều phong vị của Merredithe, hoàn toàn không

phải là Lucy Fernal và cũng hoàn toàn không phải là Clara Middleton, nhưng nó sẽ có sức quyến rũ không thể tả. Tim Philip đập nhanh, anh hân hoan với những điều tưởng tượng của mình, đến nỗi ngay khi bơi vào bờ leo lên bông tắm, người còn sũng nước và thấm lạnh anh đã bắt đầu nhớ lại. Anh nghĩ tới đối tượng tình cảm của mình. Anh phải mô tả nàng cho Hayward biết. Nàng có cái mũi nhỏ xinh xắn thật đáng yêu, cặp mắt to màu nâu, mái tóc nâu dày mượt mà, loại tóc thơm tho ngào ngạt để ta ấp mặt vào, làn da nàng trong trắng như ngà, ấm áp như nắng và má nàng đỏ như hoa hồng. Nàng bao nhiêu tuổi nhỉ? Có lẽ mười tám, anh gọi nàng là Musette. Nàng cười như suối chảy róc rách, còn giọng nói của nàng thì sao mà dịu dàng trầm ấm hết như tiếng nhạc êm ái du dương mà chưa một lần trong đời anh được nghe.

- Anh nghĩ gì đấy?

Philip bỗng dừng lại. Anh đang chậm rãi về nhà.

- Anh đãng trí quá, em vậy gọi anh từ cách đây một phần tư dặm.

Cô Wilkinson đứng trước mặt anh, thấy anh ngạc nhiên liền cười nói.

- Em đi đón anh mà.

- Em chu đáo quá.

- Em làm anh giật mình phải không?

- Được thôi, anh công nhận.

Về nhà anh vẫn viết cho Hayward tám trang thư.

Nửa tháng còn lại qua nhanh. Buổi tối khi cơm nước xong, hai người ra vườn, tối nào cô Wilkinson cũng nhắc lại một ngày nữa qua đi, tâm trạng vui mừng phấn khởi của Philip không hề bị ý nghĩ lo lắng chi phối. Một đêm cô Wilkinson nói nàng sẽ vui mừng nếu có thể đổi được chỗ làm của nàng từ Berlin sang Luân Đôn. Được như vậy, họ sẽ gặp nhau luôn. Philip cho như thế là vui lắm đấy, nhưng viễn cảnh chẳng gợi được gì trong lòng anh. Anh đang trông mong một cuộc sống tuyệt diệu ở Luân Đôn, nên anh không muốn vướng víu. Anh tâm sự một cách hơi thẳng thắn về dự định của mình để cô Wilkinson thấy rằng anh đang nóng lòng được đi xa.

- Nếu anh yêu em thì anh không nói như vậy. - Nàng kêu lên.

Bị bất ngờ, Philip đứng yên không nói gì.

- Ôi em mới ngu xuẩn làm sao. - Nàng thăm thì.

Anh sững sốt thấy nàng khóc. Anh vốn dễ xúc động, nên rất ghét phải thấy người khác khổ sở.

- Ồ, anh vô cùng ân hận. Anh có làm gì đâu, đừng khóc.

- Anh Philip, anh đừng bỏ em. Anh không biết anh có ý nghĩa như thế nào với em đâu. Cuộc đời em biết bao đau khổ, thế mà anh đã đem lại hạnh phúc cho em.

Anh lặng lẽ hôn nàng. Giọng nói của nàng thực sự đau khổ khiến anh lo sợ. Anh chưa bao giờ nghĩ ra khi Wilkinson muốn gì là nàng nói ra rất nghiêm chỉnh.

- Anh vô cùng ân hận. Em biết đấy, anh hết sức yêu em. Và anh mong em sẽ đến Luân Đôn.

- Anh biết là em không thể đi được. Công việc thì khó tìm mà em lại ghét cuộc sống của người Anh

Hầu như không ý thức được là mình đang đóng kịch, cảm động trước sự đau khổ của nàng, anh càng siết nàng vào lòng. Nước mắt của nàng làm anh hãnh diện và anh hôn nàng với tình cảm say mê thực sự.

Nhưng rồi một vài ngày sau, nàng cũng thực sự gây chuyện với anh. Trong một buổi đánh quần vợt tại nhà cha sở, có hai cô gái, một con thiếu tá của một trung đoàn Ấn Độ đã về hưu, mới dọn đến ở Blackstable đến chơi. Các cô gái rất đẹp, một người trạc tuổi Philip, còn một người trẻ hơn vài tuổi. Vốn quen giao thiệp với thanh niên (họ có nhiều chuyện về nơi an dưỡng trên vùng núi Ấn Độ, và lúc này chuyện của Rudyard Kipling đang được nhiều người tìm đọc), họ bắt đầu vui vẻ đùa cợt với Philip trong khi đó các phụ nữ trẻ tuổi của Blackstable đối xử có phần nghiêm nghị nên Philip lấy làm vui vẻ phấn khởi với những người bạn mới. Con quý trong người anh xúi giục anh bắt đầu tán tỉnh sát sạt của hai chị em, và vì anh là gã đàn ông duy nhất ở đây nên hai cô liền rất vui vẻ nhập cuộc ngay. Ngẫu nhiên là hai cô chơi quần vợt rất hay, mà Philip thì đã chán ngấy cái trò chơi nường nhẹ với cô Wilkinson (nàng chỉ bắt đầu chơi khi đến Blackstable). Vì thế, uống trà xong, khi sắp đặt các trận đấu, anh sắp xếp để cô Wilkinson đấu với cha phó và bà vợ ông ta. Còn anh thì đánh với mấy người bạn mới. Anh ngồi gần cô chị tên là O'connor và nói nhỏ với nàng.

- Trước hết chúng mình gạt bỏ những người chơi kém, sau đó ta đánh một ván cho thú vị.

Rõ ràng cô Wilkinson chột nghe được, nàng bỗng quăng vợt nói đau đầu rồi bỏ đi. Mọi người đều dễ thấy là nàng giận dữ. Philip bực mình là nàng

làm cho sự việc thành công khai. Ván quần vợt vẫn tiếp diễn mà không có nàng tham gia. Ngay sau đó bà Carey gọi Philip.

- Philip, cháu đã làm méch lòng Emily, cô ấy đã về buồng mình và đang khóc đấy.

- Về chuyện gì ạ?

- Ồ, chắc là chuyện ván quần vợt nào đó, có người chơi kém, cháu nên gặp cô ấy, nói rằng cháu không có ác ý thế mới phải.

- Vâng.

Anh đến gõ cửa buồng cô Wilkinson, nhưng không ai trả lời, anh liền đi vào thì thấy nàng úp mặt xuống giường khóc. Anh đặt tay lên vai nàng.

- Thế nào, có chuyện gì thế?

- Hãy để cho tôi yên! Tôi chẳng bao giờ muốn trò chuyện với anh nữa.

- Anh đã làm gì nào? Anh vô cùng ân hận đã làm em méch lòng. Anh không chủ tâm đâu. Thôi dậy đi em.

- Chao ôi! Tôi khổ sở thế này. Sao anh độc ác với tôi thế này. Anh biết là tôi ghét cái trò vợ vãn đó. Tôi muốn chơi quần vợt là chỉ vì muốn chơi với anh kia.

Nàng ngồi dậy đi lại bàn trang điểm, nhưng sau khi liếc nhanh vào gương, nàng ngồi phịch xuống ghế. Nàng cuộn tròn khăn tay và chấm chấm nhẹ lên mắt.

- Tôi đã đem tặng anh cái quý báu nhất mà một người đàn bà có thể tặng cho một người đàn ông. Chao ôi, tôi dại quá, thế mà anh có ơn nghĩa gì đâu. Anh thật là nhẫn tâm. Làm sao mà anh có thể tàn ác đi ve vãn cái bọn con gái thô lỗ ấy, để dày vò tôi. Chúng ta chỉ còn đúng hơn một tuần nữa. Anh không thể dành thời gian ấy cho tôi hay sao?

Philip nhìn xuống, vẻ mặt anh có vẻ hờn dỗi. Anh nghĩ bụng nàng cư xử thật trẻ con. Anh bực mình vì nàng đã gắt gỏng trước mặt người lạ.

- Nhưng em biết đấy, anh cần có gì hai chị em nhà O'Connor kia. Trời đất, vì sao mà em có thể nghĩ như vậy kia chứ.

Cô Wilkinson cất khăn tay. Những vệt nước mắt vẫn còn in ngấn trên khuôn mặt bôi phấn của nàng và mái tóc nàng hơi rối. Giây phút này tấm áo trắng quả thật không hợp với nàng. Nàng nhìn Philip bằng cặp mắt khát khao đăm đui.

- Vì sao à? Vì anh hai mươi tuổi và con bé kia cũng vậy. - Nàng nói giọng khàn khàn. - Còn tôi thì già rồi.

Philip đỏ mặt quay nhìn chỗ khác. Giọng nói đau khổ của nàng làm anh khó chịu lạ lùng. Anh thật lòng mong sao mình đừng bao giờ quen biết Wilkinson.

- Anh không muốn làm cho em khổ. - Anh nói một cách lúng túng.

- Tốt hơn là anh xuống mà săn sóc các bạn anh. Họ thắc mắc là anh bỏ đi đâu đấy.

- Đúng đấy. - Anh sung sướng làm theo lời nàng. Sau lần cãi vã hai người cũng mau chóng làm lành, nhưng mấy ngày còn lại lắm lúc chán

ngấy đối với Philip. Anh chẳng muốn nói gì ngoài vấn đề tương lai, điều này bao giờ cũng làm cô Wilkinson khóc lóc. Những ngày đầu nước mắt của nàng làm cho anh xúc động thấy mình là súc vật, anh ra sức thanh minh cho mối tình bất diệt, nhưng giờ đây những chuyện khóc than như thế này chỉ làm anh nổi giận. Giả sử nàng là một thiếu nữ trẻ trung, mà như vậy thôi thì cũng được, nhưng đấng này đã lớn tuổi rồi mà chẳng đâu ra đâu cũng khóc lóc thì thật là ngớ ngẩn. Nàng không ngừng nhắc lại anh phải chịu ơn nàng, không bao giờ trả được, anh sẵn sàng thừa nhận điều này một khi nàng đã cho nó là quan trọng, nhưng thực ra anh cũng không hiểu vì sao mà anh lại phải chịu ơn nàng hơn là nàng phải chịu ơn anh. Anh cũng mong chứng tỏ ý thức của mình trong những trường hợp đúng là phiến toái. Xưa nay anh đã quen sống trong cảnh cô đơn, đôi lúc việc này là cần thiết đối với anh, nhưng bất kỳ lúc nào anh cũng phải chiều theo ý nàng, nếu không nàng sẽ cho đó là sự tàn nhẫn. Chị em nhà O'connor mời hai người đi uống trà, Philip thì muốn đi, nhưng cô Wilkinson lại bảo nàng chỉ còn năm ngày nữa và muốn anh hoàn toàn là của riêng nàng. Nghe như một điều đáng hãnh diện, nhưng thật là chán chường. Cô Wilkinson kể cho anh những chuyện về sự tế nhị tuyệt vời của người Pháp trong quan hệ với những người đàn bà đẹp như anh với nàng. Nàng khen ngợi thái độ lịch thiệp của người Pháp, lòng si mê được quên mình và sự tinh tế của họ. Hình như cô Wilkinson đòi hỏi quá nhiều. Philip nghe nàng liệt kê những đức tính mà người tình hoàn hảo phải có, và anh không thể không hài lòng việc nàng cứ sống ở Berlin.

- Anh sẽ viết thư cho em chứ? Mỗi ngày mỗi lá đấy. Em muốn biết mọi việc anh làm, anh không được giấu em điều gì!

- Chắc là anh sẽ bận lắm. Nếu có thể được, anh sẽ viết thường xuyên. - Anh nói.

Nàng say sưa ôm cổ anh, cái kiểu biểu hiện tình cảm của nàng làm anh lúng túng. Anh những mong nàng nhiều nữ tính hơn. Anh cảm thấy hơi chướng là nàng luôn luôn nắm lấy quyền sắm vai chính. Điều này hoàn toàn không hợp với suy nghĩ của anh về tính thùy mị của phụ nữ.

Cuối cùng đã đến ngày cô Wilkinson phải ra về. Nàng xuống nhà dưới ăn sáng, mặt nàng ửng đỏ nhợt nhạt trong bộ quần áo du lịch bằng vải kẻ ô vuông đen trắng. Nàng có dáng vẻ một cô giáo dạy trẻ kiểu mẫu. Philip cũng im lặng, anh hoàn toàn không biết phải nói gì cho hợp với hoàn cảnh đó; anh rất sợ nói một điều gì đó khinh suất làm cho cô Wilkinson có thể nước mắt ngấn nước mắt dài rồi gây chuyện với anh ngay trước mặt bác trai. Đêm qua họ đã chia tay nhau lần cuối ở ngoài vườn, và bây giờ thì Philip cảm thấy nhẹ người, họ sẽ không còn cơ hội nào để gặp nhau. Ăn sáng xong, anh vẫn ngồi lại trong phòng để tránh việc nàng có thể nằng nặc đòi hôn anh trên cầu thang. Anh không muốn Mary-Ann, bây giờ đã thành một người đàn bà qua tuổi trung niên, miệng lưỡi độc địa bắt gặp họ trong một tình thế nguy hiểm. Mary-Ann không thích cô Wilkinson và gọi nàng là gái già nanh ác.

Bác gái Louisa người không được khỏe nên không thể ra ga, chỉ có cha sở và Philip ra tiễn nàng. Đúng lúc tàu chuyển bánh, nàng nghiêng người hôn cha sở.

- Tôi cũng phải hôn anh nữa, anh Philip ạ. - Nàng nói.

- Được thôi. - Anh đáp - Mặt đỏ bừng.

Anh đứng lên bậc của toa tàu và nàng vội vàng hôn anh. Tàu bắt đầu chạy, cô Wilkinson ngồi phịch vào góc toa tàu khóc sụt sướt. Trên đường về nhà, Philip cảm thấy người nhẹ nhõm hẳn.

- Thế nào, hai bác cháu đi tiễn cô ấy lên tàu an toàn chứ, - bác Louisa hỏi khi thấy họ bước vào nhà.

- Ừ, cô ta có vẻ cảm động. Cô cứ nhất định đòi hôn tôi và Philip.

- Ồ, được, ở cái tuổi cô ấy, việc đó chẳng có gì mà lo.

Bà Carey chỉ vào tủ búp phê: đây là thư của cháu, thư đến vào chuyển thứ hai.

Đó là thư của Hayward, nội dung thư như sau:

“Bạn thân mến,

Tôi trả lời ngay thư bạn. Tôi đã đọc thư bạn cho một người bạn thân nhất của tôi, một phụ nữ duyên dáng mà giúp đỡ và tình cảm của cô ấy là rất quý báu đối với tôi, đó là một người đàn bà thực sự say mê văn học và nghệ thuật. Chúng tôi thừa nhận thư của bạn rất hấp dẫn. Bạn viết với cả tấm lòng mình, và bạn không biết rằng sự trong trắng toát ra từ mỗi dòng thư của bạn, vì bạn đã yêu, nên bạn viết như một nhà thơ. Ôi, bạn thân mến! Đây là sự thật! Tôi như cảm thấy hơi ấm lan tỏa từ mỗi tình trẻ trung của bạn và những xúc cảm chân thật rung lên trong lời văn như tiếng nhạc. Chắc hẳn là bạn hạnh phúc! Tôi ao ước được có mặt trong khu vườn huyền diệu kia mà bạn không hề hay biết trong khi các bạn cầm tay nhau đi thơ thẩn, như giữa muôn hoa, như Dahlinis và Chloe. Tôi có thể hình dung ra bạn, hơi chàng Dahlinis của tôi, với tình yêu son trẻ long lanh trong mắt, dịu dàng, đê mê và nồng nàn. Còn nàng Chloe xiết bao trẻ trung, xiết bao dịu dàng tươi mát thì đang thề thốt trong tay bạn rằng không bao giờ ưng thuận mà lại đang ưng thuận. Chung quanh bạn là hoa hồng, hoa viôlét và hoa kim ngân! Trời ơi, tôi ghen với bạn đấy bạn ạ. Thật là dễ chịu khi được nghĩ rằng mỗi tình đầu của bạn trong sáng và thơ mộng. Hãy giữ gìn

những phút giây ấy như báu vật, bởi vì các vị thần linh bất tử đã tặng cho bạn món quà quý giá nhất đời và đó sẽ là kỷ niệm êm đềm, cảm động cho đến lúc bạn vĩnh biệt cõi đời. Sẽ không bao giờ bạn lại còn được hưởng trạng thái mê ly vô tư lự ấy. Mỗi tình đầu là đẹp nhất trần gian. Nàng thì xinh đẹp mà bạn thì trẻ trung, và cả vũ trụ là của bạn. Tôi chắc rằng đó là mái tóc màu hạt dẻ tuyệt vời hơi lóng lánh ánh vàng. Tôi hằng mong được thấy hai bạn ngồi sát bên nhau dưới vòm cây, cùng đọc Romeo và Juliet và lúc đó tôi muốn bạn quỳ xuống thay mặt tôi, hôn lên mảnh đất đã để lại dấu chân nàng, và nói với nàng đó là lòng tôn kính của một thi nhân đối với tuổi thanh xuân lộng lẫy của nàng, đối với tình yêu của bạn dành cho nàng.

Người bạn thân thiết

G. Etheridge Hayward.

“Chuyện vợ vẫn chết tiệt!” - Philip lầm bầm khi đọc xong thư.

Kể cũng khá kỳ cục. Cô Wilkinson trước đây đã có lần gợi ý là nên cùng nhau đọc Romeo và Juliet nhưng Philip kiên quyết từ chối. Lúc rút bức thư vào túi anh bỗng cảm thấy lòng nôn nao vừa buồn khổ vừa cay đắng. Sự việc sao mà khác xa với lý tưởng!

Mấy ngày sau, Philip đi Luân Đôn. Theo lời dặn dò của cha phó, anh đã gửi thuê một căn phòng ở Barnes giá mỗi tuần tới bốn silinh. Anh đến đó vào buổi tối. Bà chủ, một bà già nhỏ người trông ngô ngộ, thân hình héo hon, mặt mũi hết sức nhăn nheo dọn cho anh một bữa trà thịnh soạn. Một cái tủ búp-phê, một cái bàn vuông chiếm gần hết phòng khách, kê sát buồng là một cái ghế trường kỳ bọc vải lông ngựa, gần lò sưởi để một ghế bành rất hợp, lưng ghế bọc vải trắng, và mặt ghế lót nệm cứng vì lò xo đã gãy hỏng.

Dùng trà xong, anh mở va li sắp xếp sách vở rồi ngồi xuống cố gắng đọc sách, nhưng anh cảm thấy chán nản. Sự yên lặng trên đường phố làm anh băng khuâng, anh cảm thấy vô cùng cô đơn.

Hôm sau anh dậy sớm. Anh mặc áo đuôi tôm đội chiếc mũ ống mà anh hay dùng ở trường học. Chiếc mũ đã sờn mòn nhiều nên anh quyết định trên đường đến sở sẽ tạt vào hiệu mua một cái mới. Mua xong, thấy còn nhiều thì giờ, anh đi bộ dọc theo đường Strand. Văn phòng công ty Herbert Carter ở tại một phố nhỏ cách xa Chancery Lane, anh phải hỏi đường hai ba lần. Anh có cảm giác là người ta nhìn anh nhiều quá, nên một lần anh phải lấy mũ xuống xem có phải cái nhãn hiệu đã tình cờ vẫn còn dính trên mũ. Lúc đến nơi, anh gõ cửa, nhưng không ai trả lời, nhìn đồng hồ thì mới chín rưỡi. Chắc chắn còn sớm quá. Anh đi ra và mười phút sau trở lại. Một chú bé chạy giấy công ty, mũi dài, mặt đầy mụn bọc, nói giọng Êcot ra mở cửa. Philip xin gặp ông Herbert Carter. Ông này chưa đến.

- Khi nào ông ấy đến đây.

- Trong khoảng 10 giờ và 10 rưỡi.

- Tốt hơn là tôi đợi - Philip nói.

- Ông cần gì. - Chú bé hỏi.

Philip sốt ruột nhưng cố giấu bằng một câu đùa.

- A, tôi đến làm việc ở đây, nếu chú không phản đối.

- Ô, ông là thư ký tập sự mới? Nếu vậy xin mời ông vào đây hơn. Chỉ một lát nữa là ông Goodworthy sẽ đến đây thôi.

Philip đi vào. Anh thấy chú chạy giấy - trạc tuổi Philip và tự xưng là nhân viên cấp dưới - để ý đến cái chân anh. Anh đỏ bừng mặt ngồi xuống giấu cái chân tật sau cái chân lành. Anh nhìn quanh căn phòng tối và bẩn thỉu, anh sáng lọi qua một cửa sổ trên mái nhà. Trong phòng có ba dãy bàn cùng với những hàng ghế cao. Trên mặt lò sưởi là một bản khắc chạm một trận đấu quyền anh đầy bụi bặm. Chẳng mấy chốc một nhân viên bước vào và tiếp theo là một nhân viên khác; họ liếc nhìn Philip và hỏi nhỏ chú chặn giấy (Philip biết được tên chú là Macdougall) anh là ai. Bỗng có tiếng còi thổi, và Macdougall đứng dậy.

- Ông Goodworthy đến. Ông ấy là trưởng ban quản trị. Tôi có phải báo cáo với ông ta là ông ở đây không?

- Vâng, chú làm ơn báo giúp. - Philip nói. Chú đi ra và một lát thì trở lại.

- Mời ông đi đường này.

Philip theo chú qua một lối đi và được dẫn vào một căn phòng nhỏ đồ đạc trang bị sơ sài. Một người bé nhỏ gầy gò đang đứng trong phòng lưng

tựa lò sưởi. Ông ta cao dưới mức trung bình, đầu lại to như treo lỏng lẻo trên thân thể, làm cho ông có vẻ vụng về kỳ quặc. Mặt ông to bè bè, mắt lồi xám nhạt, tóc thưa màu hung hung và hai bên tóc mai thì cũng mọc không đều trên khuôn mặt, ở những chỗ đáng lẽ tóc phải mọc dày lại chẳng có sợi nào. Nước da ông ta xanh xao vàng vọt. Ông chìa tay ra cho Philip và lúc cười ông để lộ hàm răng sâu mọc nặng. Ông nói năng có vẻ kẻ cả bề trên đồng thời cũng có vẻ rụt rè tựa như mặc dù cố làm ra vẻ quan trọng mà ông ta vẫn thiếu tự tin. Ông nói ông hi vọng Philip sẽ thích công việc này, đây là một công việc rất vất vả cực nhọc, nhưng khi đã quen thì thật là thú vị, mà lại kiếm ra tiền nữa, đó mới là vấn đề chính yếu phải không nào? Rồi ông ta cười, pha trộn kỳ quặc của một thái độ bề trên với sự rụt rè.

- Ông Carter sẽ đến ngay bây giờ - Ông nói - Sáng thứ hai thỉnh thoảng ông ấy đến muộn một chút. Khi nào ông ta đến, tôi sẽ gọi anh. Trong khi chờ đợi tôi bố trí một vài việc cho anh. Anh có biết gì về sổ sách kế toán không?

- Tôi e là không biết - Philip trả lời.

- Tôi cũng đã nghĩ như vậy, ở trường người ta không dạy các anh những điều vẫn hay được sử dụng trong công việc thương mại. - Ông suy nghĩ một lúc - Tôi cho rằng tôi có thể tìm ra công việc cho anh làm.

Ông đi vào phòng bên một lúc rồi đi ra với một hộp to bìa cứng đựng đầy thư từ lộn xộn vào bảo Philip lấy ra sắp xếp lại theo thứ tự chữ cái căn cứ vào tên họ người viết.

- Tôi sẽ đưa anh đến phòng nhân viên tập sự thường ngồi, ở đó có một anh bạn rất tốt. Tên anh ấy là Watson, là con trai ông Watson. Các ông Watson Crag và Thompson là những người ủ rượu bia, anh biết chứ? Anh ta đã ở đây với chúng tôi một năm để học nghề.

Ông Goodworthy dẫn Philip đi qua một phòng giấy bán thiu có sáu hay tám nhân viên đang làm việc, rồi vào một căn buồng chật hẹp phía sau. Buồng này được ngăn thành một gian riêng bằng một tấm kính làm vách. Họ gặp Watson ở đây, đang ngồi dựa ghế đọc báo “Người vận động viên thể thao: Đó là một chàng trai trẻ cao lớn lực lưỡng ăn mặc lịch sự. Y nhìn lên khi ông Goodworthy. Khó chịu về sự suồng sã đó, ông này cũng chua cay gọi y là Watson, nhưng Watson đáng lẽ thấy đó là lời quở trách thì lại thừa nhận cách xưng hô đó như một sự tôn kính đối với tầng lớp thượng lưu của y.

- Tôi xem bao thấy người ta gạch tên Rigoletto rồi. - Y nói với Philip khi chỉ còn hai người với nhau.

- Họ gạch tên ở số ạ? Philip hỏi lại tuy anh chẳng biết gì về đua ngựa.

Anh kính nể nhìn quần áo đẹp của Watson, tấm áo đuôi tôm hết sức vừa vặn, một cái ghim quý giá đính rất khéo giữa chiếc cà vạt to tướng. Chiếc mũ lụa cao thành bánh bao sáng bóng của y đặt trên lò sưởi. Philip cảm thấy mình tồi tàn quá. Watson bắt đầu nói về đi săn. Lãng phí thời gian trong cái văn phòng hỏa ngục này, chỉ ngày thứ bảy mới được đi săn, thì buồn chán hơn là bị đày hỏa ngục. Còn về chuyện săn bắn thì khắp miền này mời y và dĩ nhiên là y phải từ chối. Thật đen đui như hỏa ngục, nhưng y không phải chịu đựng lâu đâu, y chỉ ở trong cái hỏa ngục gớm ghiếc này một năm thôi, rồi sau đó y bước vào nghề kinh doanh, y sẽ đi săn bốn ngày trong tuần lễ và tha hồ được bắn.

- Anh sẽ phải sống năm năm ở đây phải không? - Y vừa nói vừa khoa vòng tay chỉ căn phòng bé tí này.

- Tôi nghĩ là như vậy. - Philip trả lời.

- Nếu vậy chúng mình còn có thời gian gặp nhau. Carter phải làm công việc của chúng ta, anh biết chứ?

Philip có phần bị khuất phục bởi sự hạ cố của chàng trai quý tộc này. Ở Blackstable người ta thường coi khinh một cách lịch sự cái nghề ủ rượu bia, đối với thứ đồ uống nấu, cha sở cũng có vài câu nói đùa nên việc Philip phát hiện ra Watson là một tay quan trọng là hào hoa, là một kinh nghiệm đáng ngạc nhiên. Y đã từng ở Winchester và Oxford, và trong câu chuyện y thường hay nhắc đi nhắc lại chuyện này. Khi y biết rõ vốn học vấn cụ thể của Philip, y càng tỏ thái độ bao dung che chở hơn.

- Dĩ nhiên là nếu không học trường công thì những trường loại như thế này cũng là khá rồi, phải không?

Philip hỏi về những người khác trong cơ quan.

- Ồ, anh biết đó, tôi không quan tâm nhiều đến họ - Watson nói - Carter không phải hạng người xấu. Thịnh thoảng chúng tôi cũng mời ông ta ăn cơm. Còn tất cả số còn lại là những anh chàng khoác lác dễ sợ.

Ngay sau đó Watson chăm chú vào công việc y đang làm dở, còn Philip bắt đầu sắp xếp phân loại các thư từ. Lúc ấy ông Goodworthy đi vào, cho biết ông Carter đã đến. Ông dẫn Philip vào một phòng rộng ở ngay sát phòng ông. Trong phòng kê một cái bàn to và hai cái ghế bành lớn: một tấm thảm Thổ Nhĩ Kỳ trải trên sàn nhà, bốn bức tường trang trí những hình ảnh về thể dục thể thao. Ông Carter đang ngồi ở bàn đứng dậy bắt tay Philip, ông mặc áo choàng dài, nom ông có vẻ con nhà binh, ria mép đánh sấp, tóc hoa râm ngắn gọn; ông đứng thẳng, nói năng vui vẻ hoạt bát. Ông ở Enfield, rất hâm mộ điền kinh và là người tốt trong vùng. Ông trước là sĩ quan kỵ binh dân vệ ở Hertford-shire và là chủ tịch Hội đồng những người

bảo thủ. Khi có một nhân vật quyền thế lớn ở địa phương nói về ông rằng không ai có thể nghĩ rằng ông là dân của khu trung tâm thủ đô Luân Đôn, thì ông cảm thấy rằng ông đã không sống một cách vô ích. Ông nói chuyện vui vẻ và thoải mái với Philip: “Ông Goodworthy sẽ trông nom Philip. Còn Watson là anh chàng tử tế, một con người quý phái hoàn hảo, một tay thể thao cừ - Philip có đi săn không? Tôi nghĩ chưa, đó là môn thể thao của giới quý tộc”. Bây giờ thì ông ta không có nhiều dịp đi săn, phải dành chuyện đó cho anh con trai. Con trai ông đang ở Cambridge, trước kia ông gửi con đến Rugby, trường Rugby tốt lắm, lớp học con trai ở đấy tốt lắm. Chỉ hai năm nữa con ông sẽ về nhà tập sự, việc này sẽ rất tốt đối với Philip, anh sẽ thích con trai ông là một tay thể thao thể dục hoàn hảo đấy. Ông hy vọng Philip sẽ ham thích công việc và đạt kết quả tốt. Anh không được bỏ các bài giảng của ông, người ta đang tìm cách nâng cấp trình độ nghề nghiệp, người ta muốn trong nghề có những người thượng lưu quý tộc. “Được, được, có ông Goodworthy ở đó. Nếu anh cần biết điều gì ông Goodworthy sẽ sẵn sàng chỉ bảo. Anh viết chữ nghĩa như thế nào? À tốt, ông Goodworthy sẽ xem xét vấn đề này.”

Philip chìm đắm trong không khí đầy hào hoa phong nhã. Ở miền đông Anglia người ta biết ai là thượng lưu quý tộc, ai không phải, nhưng những người thượng lưu quý tộc thì không nói về chuyện đó.

Lúc đầu Philip thích thú với điều mới lạ. Ông Carter đọc cho anh viết thư từ và anh phải sao lại cho sạch sẽ các bản kê tài khoản.

Ông Carter thích điều khiển văn phòng theo cách lịch sự hòa nhã. Công việc của ông không có gì cần phải đánh máy, tốc ký thì ông không ưa. Chú chạy việc vặt cho cơ quan biết tốc ký, nhưng chỉ có ông Goodworthy mới dùng khả năng của chú. Thỉnh thoảng Philip cùng một trong số nhân viên có kinh nghiệm đi kiểm tra giấy tờ sổ sách của một công ty nào đó; anh bắt đầu hiểu được khách hàng nào cần được đối xử một cách kính trọng, khách hàng nào đang lâm vào tình thế khó khăn. Đôi lúc người ta giao cho anh cộng lại những bản kê chữ số dài dòng. Anh dự nghe những buổi giảng bài phục vụ cho kỳ thi kiểm tra đầu tiên. Ông Goodworthy nhắc lại với anh rằng công việc này lúc đầu thì buồn tẻ nhưng rồi anh sẽ quen dần. Philip rời khỏi sở lúc sáu giờ và đi qua sông đến Waterloo, về đến nhà thì cơm tối đã dọn; buổi tối anh đọc sách. Chiều thứ bảy, anh đến phòng trưng bày tranh tượng quốc gia. Hayward đã giới thiệu với anh một cuốn sách chỉ dẫn các tác phẩm được sưu tầm bởi Ruskin^[33], với sách này trong tay, anh cần cù đi hết phòng này đến phòng khác, anh đọc cẩn thận những gì nhà phê bình nói về một bức họa và tiếp đến anh tự mình tìm tòi trong bức họa ấy những điều đó theo một cách thức nhất định. Ngày chủ nhật của anh thật là dài. Anh không quen ai ở Luân Đôn nên chủ nhật nào anh cũng chỉ sống một mình. Nhưng vào một chủ nhật, ông Nixon luật sư mời anh đi chơi ở Hampstead, thế là Philip được hưởng một ngày vui sướng với đám người lạ sôi nổi, anh ăn uống lu bù, làm một cuộc dạo chơi trên đường kéo dắt thuyền bè, và khi trở về mang theo một lời mời chung chung khi nào muốn anh cứ trở lại; nhưng anh sợ một cách bệnh hoạn sẽ làm phiền người ta, nên cứ chờ đợi một lời mời theo đúng nghi thức. Cố nhiên việc đó chẳng bao giờ xảy ra, vì gia đình Nixon có nhiều bạn bè thân thuộc nên họ không nhớ

đến cái anh chàng ít nói còn anh cũng chẳng đòi hỏi nhiều lòng mến khách của họ. Vì vậy những ngày chủ nhật anh dậy muộn, và đi dạo dọc theo con đường kéo dắt thuyền bè. Con sông ở Barnes bùn lầy đục ngầu và nước lên xuống theo thủy triều, nên nó không có vẻ duyên dáng của dòng Thames phía trên con đập và cũng chẳng có cái lãng mạn của những con sóng dồn dập dưới cầu Luân Đôn. Buổi chiều, anh đi dạo qua cánh đồng cỏ, ở đây cũng xám ngắt và bẩn thỉu; không phải thành thị cũng chẳng phải nông thôn với những bụi kim hoàn cần cỗi, không có dấu vết của nền văn minh. Tối thứ bảy nào anh cũng đi xem kịch và sẵn sàng đứng hàng giờ và hơn nữa ở cửa chuồng gà rạp hát. Giữa giờ viện bảo tàng đóng cửa và bữa ăn ở nhà hàng A. B. C anh không cần phải trở về Barnes và khoản thời gian này chậm chạp trôi qua. Anh đi ngược lên phố Bond Street hoặc qua vòm Burlington Arcade và khi thấm mệt thì đến ngồi ở công viên còn những ngày mưa thì vào thư viện công cộng ở phố Stmartins Lane. Anh nhìn thiên hạ ngược xuôi, ghen tỵ với họ, vì họ có bạn bè thân thuộc; đôi lúc sự thèm muốn của anh trở thành sự căm ghét vì họ hạnh phúc còn anh thì khổ sở. Anh không bao giờ nghĩ rằng trong thành phố lớn mà có thể đơn độc như vậy. Thỉnh thoảng, khi đứng ở chuồng gà rạp hát, người bên cạnh muốn bắt chuyện, nhưng Philip có sự nghi ngờ của anh học trò nhà quê đối với người xa lạ, nên anh trả lời hờ hững không muốn có thêm một người quen nữa. Sau khi hạ màn, vẫn mang theo mình tất cả mọi điều suy nghĩ về vở kịch, anh mới vội vàng qua cầu trở về Waterloo. Về đến căn nhà tối om không không đèn lửa, vì tiết kiệm, lòng anh se lại. Thật buồn ghê gớm. Anh bắt đầu kinh tởm phòng trọ và những đêm cô đơn ở đây. Đôi lúc anh cảm thấy lẻ loi đến nỗi đọc sách không được và lúc đó anh ngồi nhìn lò sưởi giờ này qua giờ khác với nỗi khổ tâm cay đắng. Bây giờ anh đã sống ba tháng ở Luân Đôn, không kể ngày chủ nhật ở Hampstead, anh không nói chuyện với ai trừ các bạn đồng sự. Một buổi tối Waston mời anh đi ăn khách sạn, và cùng vào nhà hát ca múa nhạc. Anh thấy ngây ngất lúng túng. Waston luôn mồm nói chuyện về những điều mà anh chẳng cần để ý quan tâm, anh coi hẵn như một gã tầm thường ít học, nhưng không thể không khâm phục, nhưng anh tức giận vì Waston là người không chịu nâng cao trình độ văn

hóa. Người khác đánh giá anh thế nào thì anh cũng đánh giá họ lại như thế, với tư tưởng đó, anh bắt đầu coi thường những điều đã học mà cho tới nay đối với anh hình như không phải là không quan trọng. Lần đầu tiên anh cảm thấy sự nhục nhã của cảnh nghèo khó. Bác anh gửi cho mỗi tháng mười bốn bảng, mà anh thì phải sắm nhiều quần áo, riêng bộ quần áo đi chơi tối đã tốn năm quan. Anh không dám nói với Waston là đã mua nó ở Strand bởi vì Waston bảo ở Luân Đôn chỉ có một hiệu may mà thôi.

- Tôi nghĩ rằng anh không khiêu vũ. - Một hôm Waston vừa hỏi vừa liếc nhìn cái chân thọt của anh.

- Không. - Philip đáp.

- Tiếc quá, người ta yêu cầu tôi đưa mấy người khiêu vũ đến vũ hội. Tôi có thể giới thiệu anh với mấy cô gái đẹp.

Một vài lần Philip không muốn trở về Barnes, anh ở lại thành phố và đợi đến tối đi lang thang qua khu vực West End cho đến khi tìm được nhà nào có tổ chức khách khứa, tiệc tùng. Anh đứng giữa một đám người tồi tàn, sau những người hầu hạ; nhìn khách đến và nghe nhạc thoảng qua cửa sổ. Thịnh thoảng, mặt dù trời lạnh, cũng có một cặp trai gái đi ra ban công, hít thở khí lành một chút; Philip hình dung đây là hai người yêu nhau; anh quay đi chỗ khác, khập khiễng lê bước dọc đường phố, lòng nặng trĩu. Chẳng bao giờ anh được hưởng cái may mắn của người đàn ông kia. Anh cảm thấy sẽ không có người đàn bà nào thực sự đoái hoài đến anh mà lại không kinh tởm tật nguyên của mình.

Điều này làm anh nhớ đến Wilkinson. Anh nghĩ tới nàng mà lòng cảm thấy không vui. Trước khi chia tay họ đã thỏa thuận là nàng sẽ viết thư đến bưu điện Charing Cross, cho đến lúc anh có địa chỉ gửi cho nàng, và khi đến đó anh đã thấy ba lá thư của nàng, thư viết trên giấy xanh, mực tím và bằng tiếng Pháp. Philip tự hỏi vì sao nàng không viết bằng tiếng Anh,

như một người đàn bà khôn ngoan. Anh cảm thấy đứng đưng trước biểu lộ tình cảm tha thiết của nàng bởi vì chúng gợi anh nhớ đến một cuốn tiểu thuyết Pháp. Nàng trách anh không viết thư, và khi trả lời anh xin lỗi là bận việc. Anh hoàn toàn không biết mở đầu bức thư như thế nào. Anh không thể quyết định chỉ dùng những chữ “Em yêu quý nhất đời” hoặc là “em thân yêu”. Anh không thích gọi nàng là Emili, vì vậy cuối cùng anh bắt đầu bằng từ “Thân mến”, từ này đứng một mình nghe sao kỳ quặc và hơi ngớ ngẩn, nhưng rồi anh cứ viết. Đây là lần đầu tiên từ trước tới nay anh viết một lá thư tình và anh thấy sao mà nhạt nhẽo, anh cảm thấy đáng lẽ ra phải nói đủ mọi điều nồng nàn như là từng phút từng giây anh nhớ nàng thế nào, anh khát khao được hôn bàn tay xinh đẹp của nàng ra sao, lòng anh xôn xao thế nào khi nhớ đến đôi môi đỏ thắm của nàng nhưng bản tính nhút nhát không thể lý giải được đã ngăn cản anh viết như vậy. Thay vào đó anh viết cho nàng về căn phòng mới, về sở làm việc của anh. Trong thư hồi âm, nàng tức giận, nàng tan nát cõi lòng, nàng trách móc: anh không biết nàng mong mỗi thư anh như thế nào hay sao? Sao mà anh có thể lạnh lùng như vậy? Nàng đã hiến dâng những gì một người đàn bà có thể hiến dâng cho anh tất cả và bây giờ phần thưởng anh dành cho nàng là như vậy đấy, phải chăng anh đã chán nàng? Rồi vì rất nhiều ngày sau anh không trả lời, cô Wilkinson tới tập gửi tiếp. Nàng không chịu nổi sự tàn nhẫn của anh, nàng chờ đợi người đưa thư mà chẳng bao giờ nhận được thư anh, đêm đêm nàng khóc một mình cho tới khi ngủ thiếp đi. Trông nàng ốm đau đến nỗi ai cũng thấy, nếu anh không yêu nàng nữa sao anh không nói. Nàng nói thêm là không có anh, nàng không thể sống nổi, chỉ có tự tử mà thôi. Nàng trách anh lạnh lùng, anh ích kỷ, anh vong ân bội nghĩa. Tất cả đều được viết bằng tiếng Pháp. Philip biết rằng nàng dùng ngôn ngữ này là để mà khoe khoang. Dù sao đi nữa thì anh cũng cảm thấy áy náy. Anh không muốn làm nàng khổ. Sau đó nàng viết thư cho anh nói ngay là nàng không chịu nổi nữa tình cảnh xa nhau và nàng sẽ thu xếp đi Luân Đôn vào dịp lễ Noel. Philip trả lời là anh không mong gì hơn, chỉ có điều là anh đã hứa đi nghỉ Noel với bạn bè ở vùng quê và không biết làm thế nào mà thất hứa được. Nàng trả lời rằng nàng không muốn ép buộc anh, rõ ràng là anh không muốn gặp nàng;

anh đã xúc phạm nàng ghê gớm và chưa bao giờ nàng nghĩ rằng anh có thể đền đáp mọi ân cần của nàng một cách tàn ác như vậy. Thư nàng rất cảm động, Philip tin rằng có vết nước mắt thấm trên giấy. Anh viết cho nàng một lá thư chính thức nói rằng anh hết sức ân hận và van xin nàng đến, nhưng anh nhẹ nhõm khi nhận được phúc đáp là nàng không thể đi xa. Sau đó mỗi khi nhận được thư nàng, lòng anh nặng trĩu; anh không vội mở ra, vì anh biết rằng nội dung là những lời trách móc, những lời kêu gọi thống thiết, những lời lẽ đó sẽ làm cho anh cảm thấy mình hoàn toàn là thú vật, tuy nhiên anh không thấy mình có điều gì đó đáng chê trách. Và anh cứ lần lữa không trả lời, rồi một lá khác đến, nào là nàng ốm, cô đơn và nghèo khổ.

- Chao ôi, phải chi mình đừng bao giờ biết nàng.

Anh khâm phục Waston, y dàn xếp những việc như vậy sao mà dễ dàng đến thế. Anh chàng tặng tịu với một cô diễn viên trong một gánh hát lưu động. Y thuật lại câu chuyện yêu đương làm cho Philip hết sức ngạc nhiên và thèm muốn. Nhưng sau một thời gian thì tình cảm non trẻ của y thay đổi và một hôm y mô tả với Philip sự tan vỡ:

- Tôi cho rằng trong chuyện này tốt nhất là không nên vòng vèo vì vậy tôi bảo với nàng là tôi đã chán nàng. - Y nói.

- Cô ta có làm mình làm mấy khủng khiếp lắm không? - Philip hỏi.

- Anh biết đó là chuyện bình thường, nhưng tôi đã bảo cô ta là gỡ cái trò đó ra với tôi chẳng hay ho gì đâu.

- Cô ta khóc lóc gì không?

- Cô ta bắt đầu khóc nhưng tôi không chịu nổi bọn đàn bà khi họ khóc, vì thế tôi bảo cô ta tốt nhất nên cuốn gói.

Khả năng hài hước của Philip đã trở nên sắc sảo hơn theo tuổi đời.

- Thế là cô ta có cuốn gói không? - Anh mỉm cười hỏi.

- Ừ, mà cô ta chẳng còn đường nào khác, phải không?

Thời gian này ngày lễ Noel gần đến. Suốt cả tháng mười một, bà Carey toàn ốm đau, nên bác sĩ gợi ý vợ chồng bà nên đi Cornwall vài tuần nhân dịp này để bà có thể phục hồi sức lực. Kết quả là Philip không đi đâu được và anh nghĩ Noel ở phòng trọ. Chịu ảnh hưởng của Haward, anh tin chắc rằng những ngày hội hè trong dịp này là dung tục và man rợ, và anh nhất định không bận tâm đến chút nào. Nhưng ngày lễ đến, những cuộc vui chơi đình đám chung quanh đã tác động tới anh một cách lạ thường. Ông bà chủ nhà thì đi nghỉ lễ với con gái đã có chồng. Nên để tránh phiền hà cho họ Philip báo anh sẽ đi ăn ngoài hiệu. Anh đến Luân Đôn vào lúc trưa, một mình ăn mấy miếng thịt gà với ít bánh ở nhà hàng Gatti; sau đó vì chẳng biết làm gì, anh đến nhà thờ Westminster dự lễ buổi chiều. Phố xá gần như vắng vẻ, những người đi trên đường có vẻ bận rộn, họ không thờ thần mà có ý định, có mục đích rõ rệt, hầu như người nào cũng đi một mình. Trong con mắt Philip, mọi người đều có vẻ vui sướng. Cả đời, anh chưa bao giờ cảm thấy cô đơn hơn lúc này. Anh đã định lang thang trên đường phố giết thời gian rồi đi ăn tối khách sạn, nhưng phải ngắm nhìn đám người nói nói cười cười chơi đùa vui vẻ, anh không chịu nổi, nên anh trở lại Waterloo. Trên đường qua Westminster Bridge Road anh mua ít dăm bông, hai miếng bánh ba tê rồi trở về Barmes. Anh ngồi ăn trong căn phòng nhỏ bé quạnh hiu, và đọc sách qua đêm, tâm trạng chán chường gần như không thể nào chịu nổi.

Khi trở lại sở, anh buồn chán nghe Watson thuật lại ngày nghỉ ngắn ngủi của y. Gia đình y có mời một vài cô gái đẹp ở lại sau bữa ăn tối, họ dọn sạch phòng khách và khiêu vũ.

- Mãi tới ba giờ sáng, mình mới đi ngủ, bây giờ mình không biết làm thế nào mà mình lên được phòng lúc đó. Chao ôi, mình say ơ là say!

Cuối cùng Philip thất vọng hỏi:

- Ở Luân Đôn làm quen với mọi người bằng cách nào?

Watson nhìn anh ngạc nhiên, tỏ vẻ coi thường giễu cợt.

- Ồ, mình cũng chẳng biết, quen nhau là quen nhau, thế thôi. Nếu anh đi nhẩy thì chẳng mấy chốc mà làm quen với khối người.

Philip ghét Watson vậy mà có lẽ anh sẵn sàng cho đi bất cứ cái gì để đổi lấy địa vị của y. Những cảm nghĩ từ ngày còn ở nhà trường lại trở về, anh cố đặt mình vào vị trí của kẻ khác, hình dung nếu mình là Watson thì cuộc đời sẽ ra sao.

Công việc cuối năm rất bề bộn. Ngày ngày Philip cùng với một nhân viên tên là Thompson đến nhiều nơi làm cái việc đơn điệu buồn tẻ là người này đọc to từng khoản chi tiêu cho người khác soát lại. Thịnh thoảng người ta đưa cho anh những trang dài tính toán các con số phải cộng lại. Anh vốn không có khả năng tính toán, nên làm việc này chậm chạp. Thompson nổi cáu mỗi lần anh cộng sai. Anh bạn nhân viên này người cao gầy, trạc bốn mươi, da tái xanh, tóc đen, râu ria tua tủa, má hõm có hai vết nhăn rất sâu ở hai bên mũi. Hẳn không ưa Philip vì anh làm kế toán tập sự, vì anh có thể bỏ ra ba trăm “ghi nê” và tự nuôi lấy thân mình trong năm năm, anh có triển vọng nghề nghiệp, còn hẳn, hẳn có kinh nghiệm và năng lực vậy mà hẳn không bao giờ có thể hơn một nhân viên lương mỗi tuần ba nhăm silinh. Hẳn khó tính, bị cả một gia đình lớn đè nén, nên hẳn bực bội cho rằng Philip kiêu kỳ. Hẳn chế giễu cả Philip vì Philip được ăn học chu đáo hơn hẳn, hẳn chế nhạo cách phát âm của Philip, hẳn không chịu bỏ qua cho anh vì anh không có giọng nói của Luân Đôn. Khi nói chuyện hẳn cường điệu mĩa mai âm “h” của Philip. Lúc đầu thái độ của hẳn chỉ là cộc cằn thô lỗ, khó chịu, nhưng khi hẳn phát hiện ra Philip không có khả năng làm kế toán, hẳn lấy làm thích thú được làm anh bẽ mặt; lời lẽ công kích của hẳn nghe thô lỗ, ngốc nghếch, xúc phạm lòng tự ái của Philip, và để tự vệ, anh phải giả bộ lên mặt kẻ cả.

- Sáng nay anh tắm phải không? Thompson hỏi lúc Philip đến sở chậm, vì gần đây anh đến sở không còn đúng giờ như trước.

- Vâng, còn anh không tắm sao?

- Không, tôi không phải là một người thượng lưu quý phái. Tôi chỉ là người làm công thôi. Tôi đã tắm tối thứ bảy rồi.

- Tôi cho đó là nguyên nhân khiến anh thường gặt gồng cau có hơn vào ngày thứ hai.

- Hôm nay anh hạ cố làm cho một ít bài toán cộng đơn giản không? Tôi e rằng việc đó là một đòi hỏi quá lớn đối với một vị phong lưu quý phái biết tiếng La tinh và Hy Lạp.

- Những chuyện châm biếm của anh chả hay ho gì lắm đâu.

Nhưng Philip không thể không thấy rằng những nhân viên khác vụng về, lương lậu tồi, làm ăn còn cừ hơn mình. Đã một hai lần, ông Goodworthy tỏ ra nóng nảy với anh.

- Đã đến lúc anh phải thực sự tỏ ra có năng lực làm ăn tốt hơn thế này - ông nói - thậm chí anh còn không linh lợi bằng thằng nhỏ sai vặt ở cơ quan.

Philip lắng nghe mà trong lòng thấy buồn. Anh không muốn bị khiển trách và khi ông Goodworthy nhận những bản thống kê các tài khoản đã chép lại cho rõ ràng, không được hài lòng, đưa cho một nhân viên khác làm, Philip cảm thấy đó là điều sỉ nhục đối với anh. Lúc đầu thì công việc này chịu được vì nó mới mẻ, nhưng bây giờ thì ngày càng tẻ ngắt, anh thấy nó không thích hợp với mình và bắt đầu chán ngán. Thường khi lẽ ra phải làm công việc được giao thì anh lại bỏ phí thời gian ngồi vẽ những bức họa nho nhỏ trên giấy viết thư của sở. Anh làm ký họa Watson trong mọi tư thế nghĩ ra được khiến Watson phục lẫn tài năng của anh. Y bèn đem các bức tranh vẽ này về nhà, và hôm sau, y trở lại đem theo những lời khen ngợi của gia đình.

- Tôi thấy làm lạ tại sao anh không trở thành họa sĩ - Y nói - cố nhiên có điều là làm việc này không làm ra tiền.

Cách hai ba ngày sau, tình cờ ông Carter đến ăn cơm với gia đình Watson và những bức họa kia được đưa cho ông xem. Sáng hôm sau ông cho mời Philip đến. Philip ít gặp ông nên hơi sợ.

- Này anh bạn, tôi không quan tâm những gì anh làm ngoài giờ làm việc, nhưng tôi đã được xem những phác họa này của anh, nó lại được vẽ trên giấy của sở, và ông Goodworthy thì nói với tôi rằng anh chậm chạp. Nếu anh không tỏ ra nhanh nhẹn hoạt bát hơn, thì anh sẽ không làm được việc gì ra trò với tư cách là nhân viên kế toán đầu. Đây là một nghề cao quý, một nghề đang được tiếp nhận những chàng trai con nhà khá giả, nhưng đó là một nghề mà anh phải... Ông ta cố tìm ra một câu để kết thúc, nhưng không tìm ra được đúng cái câu mình cần nên đành kết thúc một cách nhạt nhẽo. - “Anh phải tỏ ra nhanh nhẹn”

Có lẽ Philip cũng đã chăm chỉ làm ăn, nếu như không có khoản thỏa thuận rằng trường hợp không thích công việc thì sau một năm có thể xin thôi và lấy lại số tiền học phí tập sự. Anh thấy mình có khả năng làm việc gì khác hơn là ngồi cộng các bản kê khai thanh toán, và trong cái công việc có vẻ hạ đẳng này kết quả anh lại làm quá tồi tệ, thì thật nhục nhã. Thật là nhục khi phải làm một việc tồi tệ đến thế, một việc có vẻ bần tiện. Những cuộc cãi cọ và thô bỉ với Thompson làm tinh thần anh căng thẳng.

Qua tháng ba, Watson kết thúc năm thực tập ở sở, dù không quan tâm đến y, thấy y ra đi Philip cũng tiếc. Còn những nhân viên khác không ưa thích hai người như nhau chỉ vì hai người đều thuộc tầng lớp cao hơn họ một chút. Khi nghĩ phải sống hơn bốn năm nữa với đám người tối tăm này, Philip thấy lòng mình se lại. Anh đã từng chờ mong những chuyện diệu kỳ ở Luân Đôn, nhưng thành phố này chẳng đem lại gì cho anh. Giờ thì anh thất vọng. Anh không quen biết một ai và trong đầu không hề có một ý niệm làm thế nào để làm quen với ai. Anh đã chán cái cảnh lang thang một mình.

Anh đã bắt đầu không chịu nổi nữa một cuộc sống như thế này. Tối đến, anh thường nằm trên giường nghĩ đến niềm vui không phải gặp lại cái văn phòng bẩn thỉu kia hay bất cứ ai ở đó và niềm vui dứt khoát khỏi phòng trọ buồn tẻ này.

Mùa xuân đến, mang theo cho Philip một nỗi thất vọng thật lớn. Trước đây Hayward đã thường bảo có ý định đến Luân Đôn trong thời gian này, và Philip rất mong được gặp lại hẳn. Ít lâu nay anh đọc nhiều, suy nghĩ nhiều, đầu óc ăm ắp những ý kiến cần phải trao đổi, và anh biết chẳng ai ở đây muốn quan tâm đến những vấn đề trừu tượng. Anh thật vui sướng nghĩ tới việc được chuyện trò thoải thích với người nào đó, nên anh lấy làm khổ sở khi Hayward viết cho anh rằng mùa xuân ở Ý là mùa đáng yêu, nếu phải rời Ý đi thì hẳn không bao giờ chịu nổi. Hẳn còn hỏi tại sao Philip không đến đó. Phung phí làm gì năm tháng tuổi xuân trong một văn phòng, khi cuộc đời quanh ta xiết bao tươi đẹp? Bức thư tiếp:

“Tôi tự hỏi làm thế nào mà bạn chịu nổi tình hình đó. Giờ đây nghĩ đến phố Fleet, đến nhà nội trú ở Lincoln mà rung mình ghê gớm. Chỉ có hai việc trên đời làm cho cuộc sống đáng tồn tại đó là tình yêu và nghệ thuật. Tôi không thể tưởng tượng được bạn ngồi ở văn phòng bên quyển sổ cái kế toán; bạn có đội mũ thành cao, cặp ô và mang túi sắc nhỏ màu đen không? Tôi nghĩ rằng ta nên nhìn đời như một cuộc phiêu lưu, người ta phải sống sôi nổi như ngọn lửa cháy bùng gay gắt, người ta phải liều, phải xông vào nguy hiểm. Tại sao bạn không đi Pari học mỹ thuật? Tôi luôn cho rằng bạn có tài năng”.

Gợi ý này trùng hợp với suy nghĩ của Philip đã có lần cân nhắc đó trong trí. Trước hết, ý đó làm cho anh giật mình, nhưng không thể không nghĩ đến, và trong khi suy đi nghĩ lại vấn đề này, anh tìm ra đây là một lối thoát duy nhất cho tình thế bất hạnh hiện nay của mình. Mọi người đều cho anh có tài, ở Heidelberg người ta khâm phục tranh thủy mặc của anh. Tiểu thư

Wilkinson nhiều lần bảo anh rằng những tranh đó đẹp, ngay cả những người xa lạ như gia đình Watson cũng phải chú trọng những phác họa của anh. Cuốn sách *La vie de Boheme* gây một ấn tượng sâu sắc đối với anh. Anh mang sách đó đến Luân Đôn và khi buồn phiền, anh chỉ cần đọc mấy trang để thấy mình được đưa vào những góc mái xinh đẹp, ở đây cùng bạn bè khiêu vũ, ca hát. Anh bắt đầu nghĩ tới Pari như trước đây anh đã nghĩ tới Luân Đôn, nhưng anh không sợ vỡ mộng một lần nữa; anh khát khao tình yêu lãng mạn, mơ ước sắc đẹp và ân ái, và dường như Pari sẽ thỏa mãn tất cả điều đó. Anh say mê hội họa vậy thì tại sao anh chẳng có thể vẽ tranh như ai khác. Anh viết thư cho tiểu thư Wilkinson hỏi nàng có thể sống ở Pari với bao nhiêu tiền. Nàng trả lời có thể xoay sở dễ dàng với tám mươi bảng một năm và nàng nhiệt liệt tán thành dự định của anh. Nàng bảo anh rất tài giỏi tội gì mà phí bỏ cuộc đời trong bàn giấy. Ai lại đi làm một nhân viên xoàng khi có thể trở thành một nghệ sỹ lớn, nàng thiết tha yêu cầu Philip hãy tin ở mình, vì đó là một sự việc trọng đại. Nhưng tính Philip rất cẩn thận. Hayward tính chuyện liêu là phải, một năm anh chàng thu được ba trăm bản lợi tức chứng khoán hạng nhất, còn toàn bộ gia sản của Philip không quá một nghìn tám trăm bảng, vì thế mà anh do dự.

Sau đó, một hôm tình cờ ông Goodworthy đột ngột hỏi anh có muốn đi Pari không. Công ty họ muốn hoàn thành việc thanh toán với một khách sạn của công ty Anh, ở vùng ngoại ô St. Honore. Cứ mỗi năm ông Goodworthy và một nhân viên hai lần đi kiểm tra. Nhưng nhân viên thường đi với ông bị ốm, mà công việc thì bề bộn không ai có thể đi được, nên ông nhớ đến Philip vì anh là người không cần thiết lắm cho công việc ở nhà; hơn nữa là nhân viên tập sự, anh có quyền đòi hỏi một công tác theo yêu cầu của nghề nghiệp. Philip lấy làm vui thích.

- Anh ta sẽ phải làm việc cả ngày - Ông Goodworthy nói - nhưng buổi tối là của chúng ta. Pari vẫn là Pari. Ông mỉm cười ranh mãnh - ở khách sạn người ta phục vụ chúng ta rất tốt, họ lo việc ăn uống cho chúng ta, chúng ta

chẳng tốn kém gì hết. Tôi thích đi Pari theo cách này, phí tổn có người khác chịu.

Lúc họ đến Calais, trước đám đông khuôn vác lao động chân tay tất bật, Philip cảm thấy lòng mình rộn lên một niềm vui.

“Đây mới đúng là điều mình đang cần!” - Anh tự nhủ. Khi tàu hỏa lăn bánh nhanh qua vùng nông thôn, anh nhìn ra chăm chú, anh thích những cồn cát màu sắc đẹp đẽ hơn bất cứ cảnh nào anh đã thấy, anh khoái trá ngắm những con sông đào, những hàng bạch dương. Khi rời khỏi ga phía Bắc, họ đi theo những con đường lát đá trên một chiếc xe ngựa xiêu vẹo cộc cạch, anh như hít thở được không khí mới mẻ làm cho anh say sưa đến nỗi phải kiềm chế mình, khó khăn mới khỏi hét lên. Họ được viên quản lý khách sạn, một người béo mập vui tính nói tiếng Anh tạm tạm đón ở cửa. Ông Goodworthy là chỗ bạn cũ nên ông ta đón tiếp thật niềm nở. Họ ăn uống trong phòng riêng với bà vợ ông ta. Philip chưa được ăn bao giờ món ăn ngon như bít-tết nấu khoai, rượu dọn ra là thứ vang thông thường mà anh cũng cho là ngon như chưa lần nào được uống.

Đối với ông Goodworthy, là người chủ gia đình đáng kính và phép lịch sự xử thế tuyệt vời thì thủ đô nước Pháp là một nơi cực kỳ đậm ô truy lạc. Sáng hôm sau ông hỏi viên quản lý khách sạn có cái gì tọc tịu xem được không. Ông hoàn toàn thích thú những chuyến đi Pari này của mình, ông bảo những chuyến đi đó làm cho người ta khỏi lạc hậu. Buổi tối sau khi kết thúc công việc và ăn xong, ông dẫn Philip đến Le Moulin Rouge^[34] và Les Folies Bergeres^[35]. Cặp mắt ti hí của ông long lanh, một nụ cười ranh mãnh thèm muốn nhục dục hiện ra trên vẻ mặt, khi ông thấy tranh ảnh khiêu dâm. Ông đến các nơi dành cho người nước ngoài lui tới để rồi sau đó tuyên bố rằng một quốc gia không làm nên trò trống gì khi cho phép những việc như vậy. Ông lấy khuỷu tay thúc vào Philip khi xem một vở kịch thời sự nào thấy xuất hiện một người đàn bà hầu như trần truồng, và ông chỉ cho anh

bọn gái dĩ quý phái to béo nhất trong phòng. Đó là một Pari thô bỉ mà ông giới thiệu với Philip, nhưng Philip xem tất cả những việc đó bằng cặp mắt mù quáng, và ảo tưởng. Một buổi sáng sớm anh chạy ra ngoài khách sạn, đến đại lộ Champs-Elysees và đứng ở quảng trường La Concorde. Lúc ấy là tháng Sáu, Pari cũng óng ánh như bạc với bầu không khí dịu dàng. Philip thấy có cảm tình với mọi người. Nhưng rốt cuộc rồi anh cũng nghĩ đến những chuyện tình lãng mạn.

Họ ở lại một tuần và đến chủ nhật thì rời khỏi nơi này. Đến khuya về tới căn phòng bán thiu của mình ở Barnes anh mới quyết định thôi tập sự và đi Pari học mỹ thuật nhưng để không ai phải nghĩ là anh không biết điều, anh dứt khoát ở lại sở cho hết năm học việc. Anh được nghỉ phép vào nửa sau tháng Tám và khi đi anh sẽ báo cho ông Herbert Carter biết là anh không trở lại. Nhưng dẫu Philip có cố gắng hàng ngày đến sở, anh cũng không còn tâm trí nào để ý đến công việc dù chỉ giả vờ. Anh chỉ có nghĩ tới tương lai. Giữa tháng Bảy không có việc gì nhiều, anh thường nghỉ lấy cố là phải đi nghe những buổi lên lớp chuẩn bị cho kỳ thi sát hạch đầu tiên. Anh dùng thì giờ này để đến phòng trưng bày tranh ảnh quốc gia. Anh đọc sách báo nói về thủ đô Pari, về hội họa. Anh miệt mài với Ruskin. Anh đọc nhiều tác phẩm của Vassari^[36] viết về cuộc đời các họa sĩ. Anh thích tác phẩm của Corregge^[37] và anh tưởng mình đang đứng trước một kiệt tác tuyệt vời nào đó và kêu lên: “ Anch ’is Son’ pittore^[38]. Anh không do dự nữa, tin chắc rằng mình có những yếu tố để trở thành một họa sĩ lớn.

- Nói cho cùng, tốt nhất là ta thử xem - Anh tự nhủ - Việc lớn ở đời ta phải mạo hiểm.

Trung tuần tháng Tám, ông Carter phải đi Scotland một tháng và trưởng phòng quản trị đảm nhiệm công việc của sở. Ông Goodworthy tỏ ra vừa lòng Philip từ sau chuyến đi Pari. Giờ đây Philip biết rằng chẳng bao lâu

nữa mình được tự do, anh có thể độ lượng với con người ti tiện buồn cười này.

- Ngày mai anh nghỉ phép phải không, anh Carey? - Tối hôm đó ông hỏi anh. Cả ngày Philip tự bảo đây là giờ phút cuối cùng mình ngồi trong cái sở đáng ghét này.

- Vâng tôi đã xong một năm tập sự.

- Tôi nghĩ rằng anh xử sự chưa đúng lắm. Ông Thompson không bằng lòng với anh đó.

- Hầu như tôi cũng vậy, chẳng bằng lòng gì ông ấy. - Philip vui vẻ đáp.

- Tôi không nghĩ là anh nên nói như thế, anh Carey ạ.

- Tôi không trở lại. Tôi đã thoả thuận rằng nếu tôi không thích nghề kế toán thì ông phải hoàn lại tôi nửa số tiền tôi đã nạp để học việc, và tôi có thể bỏ đi sau một năm tập sự.

- Anh không nên nóng nảy đi đến quyết định như vậy.

- Trong mười tháng nay, tôi đã ghê tởm tất cả, tôi ghê tởm công việc này, tôi ghê tởm thành phố Luân Đôn. Tôi thà quét đường còn hơn là ở lại đây sống phí ngày xanh.

- Ừ, tôi chắc rằng nghề kế toán không hợp với anh.

- Xin chào tạm biệt - Philip đưa tay ra nói - Tôi phải cảm ơn ông về lòng tốt của ông đối với tôi. Tôi rất lấy làm tiếc đã làm phiền các ông. Từ lúc đầu, hình như tôi đã biết rằng mình không được việc gì.

- Tốt lắm, nếu anh thực sự quyết tâm, tôi cũng xin chào anh. Tôi không biết anh sẽ làm gì, nhưng nếu có dịp ở gần, mời anh đến thăm chúng tôi bất cứ lúc nào.

Philip nhếch mép cười:

- Tôi e rằng hình như là quá khiếm nhã, nhưng từ đáy lòng, tôi mong rằng không bao giờ tôi gặp lại bất kỳ ai trong số các ông.

Cha sở địa phận Blackstable không bằng lòng với kế hoạch Philip báo cáo với ông. Ông có một quan niệm rất hay là người ta phải gắn bó với cái gì mà người ta bắt đầu. Như tất cả những kẻ nhu nhược, ông nhấn mạnh quá đáng về việc giữ vững ý kiến của con người.

- Cháu chọn nghề kế toán là do hoàn toàn tự nguyện - Ông nói.

- Đúng là cháu chọn nghề này vì đó là cơ hội duy nhất để cháu đến được thành thị, nhưng cháu đã chán Luân Đôn, chán công việc đó và không có gì khiến cháu quay lại nghề ấy.

Ông bà Carey thật lấy làm đau buồn về ý định của Philip muốn trở thành nghệ sỹ. “Cháu không được quên rằng - Ông bà nói - cha cháu và mẹ cháu đều là những người thuộc gia đình quyền quý, và hội họa không phải là một nghề đứng đắn, mà là một nghề tự do phong tưng, đồi bại, làm ô nhục thanh danh. Lại còn Pari nữa chứ”.

- Chừng nào mà bác còn phải nói về vấn đề này thì bác nhất định không cho phép cháu sống ở Pari - Cha sở kiên quyết báo - Đó là một vũng bùn tội lỗi. Con đi áo đỏ và người đàn bà thành Babylon phô trương sự hèn hạ của chúng ở đấy. Những đô thị vùng đồng bằng cũng không tệ hại hơn. Đối với bác, cháu được nuôi dưỡng để trở thành con nhà thượng lưu quý phái và tín đồ cơ đốc, và bác sẽ phụ lòng tin cậy của bao mẹ cháu đã qua đời, nếu bác cho phép cháu lao vào một sự cám dỗ như vậy.

- Đúng, cháu biết cháu không phải là một tín đồ cơ đốc, và cháu đang bắt đầu nghi ngờ cháu có phải là người thượng lưu quý phái không? - Philip nói.

Cuộc tranh luận này càng trở nên gay gắt quyết liệt. Còn một năm nữa Philip mới có quyền sở hữu cái gia tài nhỏ bé của mình, trong thời gian này ông Carey đề nghị chỉ gửi phụ cấp cho anh nếu anh còn ở lại làm việc. Thật rõ ràng đối với Philip, nếu không muốn tiếp tục làm nghề kế toán thì phải từ bỏ khoản trợ cấp kia, lại còn một số tiền trả cho thời gian tập sự có thể thu về. Cha sở nhất định không nghe. Philip không giữ gìn gì nữa, nói năng nhiều điều chọc tức và xúc phạm.

- Bác không được quyền lãng phí tiền bạc của cháu, - cuối cùng anh nói - xét cho cùng, đó là tiền của cháu, phải không? Cháu không phải trẻ con. Bác không thể ngăn cháu đi Pari nếu cháu đã quyết. Bác không thể buộc cháu phải trở lại Luân Đôn.

- Mọi việc tôi có thể làm là không gửi tiền cho anh nữa, trừ phi anh làm điều gì đó tôi cho là hợp lý.

- Được, cháu không cần, cháu đã quyết định đi Pari cháu sẽ bán quần áo, sách vở và đồ trang sức của cha cháu.

Bác gái Louisa ngồi bên, yên lặng, lo lắng khổ sở, bác thấy Philip không tự chủ, nếu bà nói gì lúc đó chỉ làm tăng sự tức giận của anh mà thôi. Cuối cùng cha sở nói ông không muốn nghe gì nữa về vấn đề này, và với vẻ mặt trang nghiêm đi ra khỏi phòng. Trong ba ngày tiếp theo cả ông và Philip không nói chuyện với nhau. Philip viết cho Hayward hỏi tin tức tình hình ở Pari và quyết tâm lên đường khi nào nhận được thư trả lời. Bà Carey không ngớt dẫn đo trong trí vấn đề này, bà cảm thấy Philip ghét cả bà và chồng bà. Ý nghĩ này giày vò bà. Bà hết lòng yêu quý anh. Bà nói chuyện rất lâu với anh. Bà chăm chú lắng nghe, còn anh thì tuôn ra tất cả sự vỡ mộng của mình đối với thành phố Luân Đôn và lòng hoài bão thiết tha của mình đối với tương lai.

- Có thể cháu không tài giỏi gì nhưng ít nhất cứ để cháu thử một chuyến xem sao. Cháu không thể là người thất bại tồi tệ hơn lúc cháu còn làm việc trong cái sở đáng tởm kia. Cháu nhận thấy cháu có thể theo đuổi nghề hội họa. Cháu biết cháu có năng khiếu đó.

Bà không tin chắc như chồng là họ đã hành động đúng khi ngăn trở kiên quyết như vậy một sở thích. Bà đã xem lịch sử, những nhà danh họa, cha mẹ họ điều phản đối nguyện vọng học tập của họ, và kết quả đã chứng minh rằng ý nghĩ đó điên rồ biết bao nhiêu; và xét cho cùng một họa sĩ cũng có thể đưa cuộc đời đoan chính đến vinh quang của Chúa như một nhân viên kế toán làm thuê.

- Bác rất ngại cháu đi Pari - Bà nói một cách thăm thương - Giá mà cháu học ở Luân Đôn thì chẳng có gì hại lắm.

- Nếu cháu theo nghề hội họa thì cháu phải ra sức và chỉ ở Pari người ta có mới thể tìm thấy đúng nghề hội họa chân chính.

Theo ý anh, bà Carey viết thư cho vị cố vấn pháp luật nói rằng Philip không vừa lòng công việc ở Luân Đôn và xin thay đổi. Ông Nixon trả lời như sau:

Kính thưa bà Carey:

Tôi đã gặp ông Herbert Carter và tôi lấy làm lo ngại phải báo cho bà biết Philip không cư xử tốt như người ta mong đợi. Nếu cậu ấy khẳng không muốn làm việc đó thì có lẽ tốt nhất là cần phải nắm lấy cơ hội này để ngừng hợp đồng tập sự. Dĩ nhiên là tôi rất thất vọng, nhưng như bà biết người ta có thể dắt ngựa đến dòng sông nhưng không thể bắt nó uống nước được.

Bạn chân thành của bà

Albert Nixon

Bức thư này được đưa cha sở xem, nhưng chỉ làm tăng thêm tính ngoan cố của ông. Tuy vậy ông cũng đành để cho Philip chọn một nghề nào khác, ông gợi ý nghề y là ngành của cha anh nhưng không được buộc ông phải trả trợ cấp nếu Philip đi Pari.

- Đó chỉ là lời bào chữa cho sự bê tha và tính ham khoái lạc dâm dục mà thôi - Ông bảo.

- Cháu thích thú nghe bác đổ tội bê tha lên đầu kẻ khác - Philip đáp lại gay gắt.

Trong khi đó thư trả lời của Hayward cho biết tên một khách sạn Philip có thể thuê một buồng ở đó ba chục quan mỗi tháng. Hayward còn kèm theo trong bức thư đó một tờ giấy giới thiệu Philip tới gặp một nữ sinh thu tiền góp của một trường học. Philip đọc thư cho bác gái nghe và báo với bác là anh dự định khởi hành vào ngày mồng một tháng Chín.

- Nhưng cháu không có một xu nào - Bà nói.

- Chiều nay cháu đi Tercanbury bán đồ trang sức.

Anh thừa hưởng của cha để lại một đồng hồ đeo tay vàng với dây chuyền vàng, mấy chiếc nhẫn, vài cúc áo măng set và hai ghim cà vạt mà một cái bằng ngọc trai có thể bán được nhiều tiền.

- Giá trị của cái thế nào, bán được bao nhiêu đó là việc hoàn toàn khác nhau - Bác gái Louisa nói.

Philip mỉm cười vì đó là một trong những ngôn từ của bác trai.

- Cháu biết lắm nhưng tệ nhất cháu cũng có thể bán được một trăm bảng, tất cả vốn liếng đó, cháu có thể sống tới năm hai mươi tuổi.

Bà Carey không trả lời, bà lên gác, đội mũ phụ nữ đen và đi ra ngân hàng. Một giờ sau bà trở về, bà đến gặp Philip đang đọc sách trong phòng khách và đưa một phong bì cho anh.

- Cái gì đây bác - Philip hỏi.

- Đây là món quà mọn cho cháu - bà mỉm cười e thẹn đáp.

Anh mở phong bì, thấy tờ giấy bạc năm bảng, và một gói nhỏ bằng giấy phồng lên những đồng xê-vê-rin vàng.

- Bác không thể chịu để cháu đi bán đồ kỷ niệm của cha. Đây là tiền của bác gửi ngân hàng. Món này suýt soát một trăm bảng Anh.

Philip đỏ mặt và không hiểu vì sao nước mắt ràn rụa.

- Bác yêu quý, cháu không thể nhận cái này - Anh nói - Bác hết sức rộng lượng, nhưng cháu không thể nhận.

Khi lấy chồng, bà Carey có ba trăm bảng, số tiền này bà giữ gìn cẩn thận, chỉ trang trải một vài khoản chi bất thường, một khoản cứu tế khẩn cấp nào đó hoặc mua quà Noel, sinh nhật cho chồng và Philip. Trong những năm đó, số tiền này có vơi dần, nhưng với cha sở, vẫn là vấn đề để đùa cợt. Ông

nói đến vợ như một bà già giàu và ông không ngớt nhắc đến “số bạc dự trữ này”.

- Nay, cất đi cháu ạ, bác rất tiếc là đã phung phí, nay chỉ còn chừng đó. Nhưng bác sẽ lấy làm sung sướng nếu cháu nhận lấy.

- Nhưng bác cần số tiền đó - Philip nói.

- Không, bác không cho là bác sẽ cần tới đâu. Bác đã giữ gìn nó phòng khi nếu bác trai chết trước bác. Bác cho là cần có cái vốn nho nhỏ bất cứ khi nào cần thì có ngay thì thật là ích lợi, nhưng bác không nghĩ rằng bác còn sống lâu hơn nữa.

- Bác yêu quý, bác đừng nói thế. Vì sao, dĩ nhiên là bác sẽ sống mãi. Cháu rất cần có bác.

- Ô, bác không buồn đâu. Bà nghẹn ngào lấy khăn lau nước mắt một lúc và mỉm cười rạng rỡ - Trước hết bác cầu Chúa đừng có bắt bác đi sớm, bác không muốn bỏ bác trai lại một mình. Bác không muốn bác trai phải đau khổ nhiều, nhưng bây giờ thì điều đó chẳng đáng kể lắm đối với bác trai cũng như đối với bác. Bác trai muốn sống lâu hơn bác, bác không phải là người vợ cần thiết cho bác trai, và bác dám chắc rằng nếu bác có điều gì thì bác trai sẽ lấy vợ khác. Vì thế mà bác muốn đi trước. Đừng cho bác là ít kỹ nghe cháu. Bác không thể nào chịu nổi nếu bác trai chết đi.

Philip hôn lên gò má nhăn nheo, gầy guộc của bà. Anh không hiểu vì sao anh ấy hồ thẹn lạ lùng trước một tấm lòng yêu thương chan chứa như vậy. Thật khó hiểu, bà săn sóc ân cần đến thế một con người thờ ơ như vậy, ích kỷ như vậy, hết sức bê tha như vậy, và anh đoán lờ mờ rằng trong thâm tâm, bà hiểu rõ sự lãnh đạm, tính ích kỷ của chồng, biết tất cả những điều đó mà vẫn khúm núm yêu thương chồng, không có gì khác.

- Cháu hãy nhận số tiền này, Philip - Bà bảo, dịu dàng vuốt ve tay anh - Bác biết không có tiền đó, cháu cũng xoay xử được, nhưng cháu nhận cho bác vui lòng. Bác luôn luôn muốn làm một cái gì đó cho cháu. Cháu biết đấy, bác không con, nên bác yêu quý cháu như con trai bác. Khi cháu còn bé, - dù bác biết đây là điều tội lỗi - bác thường mong cháu ốm đau để bác có dịp ngày đêm săn sóc cháu. Nhưng cháu ốm có một lần và về sau thì ốm ở trường. Bác hằng mong mỏi giúp đỡ cháu như thế. Đây là cơ hội duy nhất từ trước tới nay bác có được. Có thể một ngày nào đây, khi cháu là một nghệ sĩ lớn, thì đừng quên bác, nhưng cháu phải nhớ rằng bác đã tác thành cho cháu bước đầu.

- Bác quý hóa quá! - Philip nói - Cháu vô cùng biết ơn bác.

Một nụ cười tươi ánh lên trong đôi mắt mệt mỏi của bà, nụ cười của một niềm vui trong sáng.

- Chao ôi, bác sung sướng quá chừng!

Mấy hôm sau bà Carey ra ga tiễn Philip. Bà đứng ở bậc cửa toa tàu cố cầm nước mắt. Philip thì hăm hờ hoạt bát, mong được đi ngay.

- Hôn bác một lần nữa đi! - bà bảo.

Anh ngã người ra ngoài toa, hôn bác gái. Toa bắt đầu chuyển bánh, bà đứng trên sàn gỗ của ga xếp, vẫy khăn tay cho đến khi anh đi khuất hẳn. Lòng bà vô cùng đau đớn, đường về nhà chừng một trăm thước thôi mà có vẻ dài dằng dặt. Dĩ nhiên, Philip hăm hờ ra đi, bà nghĩ vậy, anh là chàng trai, tương lai vậy gọi anh, còn bà - bà nghiêng chặt hai hàm răng đến nỗi không khóc được. Bà âm thầm lẩm bẩm cầu nguyện Chúa phù hộ Philip, giữ không để anh sa vào vòng cám dỗ, ban phúc và mọi điều may mắn cho anh. Nhưng một lát sau, vừa ngồi xuống trong toa thì Philip không còn nghĩ tới bác gái. Anh chỉ nghĩ tới tương lai. Anh đã viết cho cô Otter, người nữ sinh thu tiền góp do Hayward giới thiệu; trong túi áo anh đã có giấy mời dự tiệc trà hôm sau. Đến Pari anh đưa hành lý lên một chiếc xe ngựa, xe từ từ lăn bánh qua những con đường đông vui, qua cầu và đi dọc theo những con đường chật hẹp của khu vực La-tinh. Anh thuê một buồng ở khách sạn Hotel des deux Ecoles trong một phố tồi tàn cách xa đại lộ Montparnasse, gần trường Amitrano, nơi anh sẽ đến học tập. Người hầu phòng mang hành lý anh lên năm tầng cầu thang. Philip được đưa vào một căn phòng nhỏ xíu ẩm mốc cửa sổ đóng kín, một chiếc giường gỗ trên có màn che bằng vải sọc đỏ kê choán phần lớn gian phòng, trên các cửa sổ treo những bức màn u ám cùng một thứ nguyên liệu tối màu, một tủ com-mốt đồng thời làm giá rửa mặt, và một tủ quần áo lớn kiểu thời vua Louis Philip. Giấy dán tường đen xám, đã phai nhạt với thời gian, còn lờ mờ những hình in vòng hoa lá màu nâu. Đối với Philip căn phòng có vẻ duyên dáng hay lạ lạ.

Tuy đã khuya nhưng anh thấy rạo rức không ngủ được, anh ra ngoài đại lộ, đi về phía ánh đèn, đối diện nhà ga là ngã tư với ngọn đèn hình cung sáng choang, với xe điện màu vàng ồn ào qua đây để đi về mọi hướng, cảnh đó khiến anh bật cười to vui vẻ. Chung quanh là những hộp đêm; khát khao, hăm hở muốn nhìn gần quần chúng hơn, tình cờ Philip ngồi vào chiếc bàn con bên ngoài quán cà phê de Versaille. Đêm nay đẹp trời, các bàn khác đều có người, Philip tò mò nhìn thiên hạ, đây những gia đình ngồi thành những tốp nhỏ con cái người nhà, kia một nhóm râu, mũ hình dáng kỳ quặc, nói chuyện oang oang khua chân múa tay. Cạnh anh có hai người có vẻ là họa sĩ với mấy người đàn bà mà Philip tin rằng không phải là vợ hợp pháp của họ. Đằng sau anh là mấy người Mỹ sôi nổi tranh luận về nghệ thuật. Người anh hồi hộp. Anh ngồi đó rất khuya, đã mệt lã nhưng vui quá, không muốn đứng dậy đi, mãi đến khi lên giường nằm ngủ cuối cùng anh mới tỉnh hẳn, anh lắng nghe sự huyền ảo của Pari.

Hôm sau, vào giờ uống trà anh đi Lyon de Belfort và trong một phố mới dẫn tới ngoài đại lộ Raspail anh tìm ra cô Otter. Cô là người phụ nữ bình thường ngoài ba mươi tuổi, phong thái người tinh lẻ, cố làm ra vẻ quý phái, cô giới thiệu anh với mẹ. Chẳng mấy chốc mà anh phát hiện cô đã từng học hành ở Pari ba năm và mới đây đã bỏ chồng. cô có treo trong phòng khách nhỏ bé của mình một bức tranh do cô vẽ, mấy bức tranh đó như hết sức hoàn hảo trong con mắt thiếu kinh nghiệm của Philip.

- Tôi tự hỏi, không biết bao giờ tôi có thể vẽ đẹp như thế này - anh nói với cô.

- Ồ, tôi cho là được thôi - Cô đáp một cách tự hào - dĩ nhiên anh không thể mong làm ngay được mọi việc.

Cô rất tử tế, cô cung cấp cho anh địa chỉ một cửa hiệu để đến mua cặp hồ sơ, giấy vẽ và bút chì than.

- Sáng mai, khoảng chín giờ tôi sẽ đến trường Amitrano, nếu anh có mặt ở đó lúc ấy, tôi sẽ lo liệu giúp anh một chỗ ở thoải mái và các thứ đồ dùng - Cô hỏi anh muốn làm gì, nhưng Philip thấy không nên để cô biết mình còn đang lơ mơ lảm trong tất cả công việc này.

- À trước hết tôi muốn học vẽ - Anh đáp.

- Tôi vui mừng nghe anh nói thế, thiên hạ thường muốn xúc tiến công việc một cách vội vàng. Cho đến nay tôi ở đây đã được hai năm, tôi cũng chưa bao giờ mó đến tranh sơn dầu và mời anh nhìn xem kết quả đây.

Rồi cô liếc nhìn một bức họa chân dung mẹ, vẽ nổi treo trên đàn pianô.

- Nếu tôi là anh, tôi phải hết sức cẩn thận với một người mới bắt đầu quen biết. Tôi không muốn giao thiệp với người lạ. Bản thân tôi rất cẩn thận.

Philip cảm ơn cô về những ý kiến đó mà anh thấy kỳ quặc. Anh không nhận thấy mình phải đặc biệt cẩn thận.

- Chúng tôi sống hoàn toàn như bên Anh - Bà mẹ cô Otter nói, mãi đến lúc này bà mới nói ít nhiều - khi đến đây, chúng tôi mang hết đồ đạc của mình theo.

Philip nhìn quanh phòng. Toàn là những đồ đạc chắc nịch, trên cửa sổ cùng một thứ màn đăng ten trắng mà bác Louisa treo ở nhà cha sở vào mùa hè. Trên đàn pianô phủ một tấm lụa Lyberty, mặt lò sưởi cũng vậy. Cô Otter theo dõi anh hết cái này đến cái khác:

- Tối đến chúng tôi đóng các cửa chớp thì ai cũng thực sự cảm thấy mình đang sống trên đất nước Anh.

- Và, chúng tôi ăn uống đúng theo như hồi ở nhà - Bà nói thêm - buổi sáng ăn điểm tâm với thịt, buổi trưa ăn lúc mười hai giờ.

Từ biệt cô Otter, Philip đi mua đồ dùng để vẽ. Và sáng hôm sau khi đồng hồ điểm đúng chín tiếng, cố làm ra vẻ tự tin, anh đến trường trình diện. Otter đã có mặt ở đó, cô đón tiếp anh với nụ cười thân mật. Anh lo lắng về cuộc đón tiếp dành cho mình là người mới đến, vì anh đã biết nhiều chuyện trêu chọc thô lỗ đối với kẻ mới đến trong một vài xưởng vẽ, nhưng Otter đã làm cho anh yên tâm.

-Ồ, ở đây không có chuyện như vậy đâu. Cô nói. - Anh xem đây, khoảng nửa số sinh viên là phụ nữ và họ tỏ ra gương mẫu trong nhiệm vụ.

Xưởng vẽ rộng rãi và trống trải, tường xám có ghim tên học sinh được giải thưởng. Một người mẫu khoác áo choàng lưng thùng đang ngồi trên ghế, có khoảng mười hai người đàn ông và đàn bà đứng xung quanh, một số nói chuyện, những người đàn ông đang cặm cụi với những phát thảo của mình. Đó là giờ nghỉ giải lao thứ nhất của người mẫu.

- Tốt nhất là anh đừng có làm cái gì quá khó lúc đầu - Cô Otter bảo - Để cái giá vẽ của anh đây. Anh sẽ thấy kiểu này dễ nhất.

Philip đặt giá vẽ vào nơi cô chỉ, và cô giới thiệu anh với một thiếu phụ trẻ đang ngồi cạnh anh.

- Anh Carey - Cô Price. Anh Carey trước đây chưa học, cô có thể không giúp anh một ít, nhất là buổi đầu, phải không? - Rồi cô quay sang phía người mẫu: “làm mẫu đi”.

Người mẫu ném ra một tờ báo đang đọc “Nước cộng hòa thân yêu”, mặt mày sừng sĩa, cởi áo choàng ra, bước lại vị trí. Nàng đứng thẳng hai chân, hai tay đan vào nhau để sau gáy.

- Kiểu này chán lắm - Cô Price nói - Tôi không thể hình dung vì sao họ lại chọn kiểu này.

Khi Philip đi vào, mọi người trong xưởng tò mò nhìn anh, cô người mẫu lãnh đạm liếc nhanh anh, nhưng bây giờ thì họ không để ý đến anh nữa.

Philip với tờ giấy đẹp để trước mặt, ngượng ngịu nhìn người mẫu. Anh không biết bắt đầu như thế nào. Trước kia, anh chưa bao giờ thấy một người đàn bà trần truồng. Chị ta không trẻ, vú đã teo, người xanh xao, tóc vàng hoe không chải xõa xuống trán, và mặt đầy những vết tàn nhang to. Anh liếc nhìn bức họa của cô Price. Cô bắt đầu tác phẩm này mới hai ngày, cô có vẻ lúng túng, giấy vẽ của cô không còn sạch sẽ vì bị tẩy xóa liên miên, và trong cách nhìn của Philip thì hình vẽ bị méo mó kỳ quặc.

- Nếu mình vẽ thì cũng thế thôi - anh ta nói riêng mình.

Anh bắt đầu vẽ cái đầu trước, nghĩ rằng sẽ dần dần vẽ xuống dưới, nhưng không hiểu sao anh thấy vẽ cái đầu người mẫu vô cùng gay go hơn là vẽ cái đầu do anh tưởng tượng ra. Anh gặp phải khó khăn, anh liếc nhìn cô Price, cô đang vẽ, nét mặt hết sức nghiêm nghị, mày nhíu lại, chăm chú, say mê, mắt nhìn lo lắng. Xưởng vẽ nóng bức, trán cô đổ mồ hôi hột, cô hai mươi sáu tuổi, tóc rậm dày, màu vàng sẫm, đẹp nhưng không được chải chuốt gọn gàng. Gương mặt cô to, nhãn mịn có vẻ khoáng đạt, hai mắt nhỏ, da thịt xanh xao, hai má nhợt nhạt, giọng nói yếu ớt lạ thường do sức khỏe ốm đau. Trông cô bản thủ, và anh không thể không tự hỏi hẳn là khi nghĩ cô vẫn mặc nguyên không thay quần áo. Cô nghiêm nghị ít nói, đến giờ giải lao thứ hai, cô lui lại nhìn tác phẩm của mình.

- Không hiểu vì sao mà tôi bức mình quá. - Cô nói - Tôi muốn hiểu đúng điều đó - Cô quay sang Philip - Anh xúc tiến công việc thế nào rồi?

- Chưa có gì - Anh trả lời với cái cười đáng thương hại.

Cô nhìn vào bản vẽ của anh.

- Thế này thì anh chẳng mong làm được cái gì, Anh phải lấy kích thước, phải điều chỉnh lại giấy vẽ cho đúng.

Cô nhanh nhẹn chỉ cho anh làm thế nào để bắt tay vào việc. Philip xúc động trước sự sốt sắng của cô, nhưng khó chịu là cô không có nhan sắc.

Anh cảm ơn những gợi ý của cô và bắt đầu lao vào việc. Giữa lúc đó, nhiều người khác đến, phần đông là đàn ông, vì đàn bà thường đến trước nhất và xướng vẽ vào dịp này trong năm (tuy vẫn còn sớm) nhưng vẫn chật ních người. Ngay sau đó, bước vào một người trẻ tuổi, tóc đen thưa, mũi to, mặt như mặt ngựa. Hắn ta ngồi cách Philip và gật đầu với qua chào cô Price.

- Anh đến trễ quá - Cô nói - Có phải anh vừa mới ngủ dậy phải không?

- Một ngày huy hoàng thế này, tôi nằm trên giường, nghĩ rằng bên ngoài đẹp để biết bao nhiêu.

Philip mỉm cười, nhưng cô Price nghiêm trang chớp lấy nhận xét này.

- Chuyện buồn cười, tôi thiết nghĩ là phải thức dậy đúng lúc để mà hưởng ngày đẹp chứ.

- Cách nói của cô khôi hài khó chịu quá - Người trai trẻ trịnh trọng đáp.

Hắn ta có vẻ như vội lao vào công việc. Hắn nhìn bức vẽ của hắn, hắn đang tô màu vì đã vẽ phác thảo trong ngày trước, người đứng làm mẫu. Hắn quay sang Philip.

- Anh vừa ở Anh đến phải không?

- Vâng.

- Làm thế nào mà anh tìm ra đường đến trường Amitrano.

- Đó là nhà trường duy nhất mà tôi biết.

- Tôi mong rằng anh không đến với ý nghĩ là sẽ học được bất cứ điều gì ở đây có ích tối thiểu cho anh.

- Đây là trường tốt nhất ở Pari - cô Price nói - đây là trường duy nhất người ta đòi hỏi nghệ thuật một cách nghiêm túc.

- Có phải nghệ thuật được coi trọng như vậy không? Người trai trẻ hỏi, vì cô Price chỉ trả lời bằng cái nhún vai đầy khinh bỉ, nên hẳn ta thêm:

- Thực tế tất cả các trường ở đây đều tồi tệ, luôn luôn theo chủ nghĩa kinh nghiệm. Vì sao trường này ít có hại hơn là nhiều trường khác phải chăng là sự giảng dạy kém hơn nơi khác. Bởi vì người ta chẳng học được gì.

- Vậy tại sao anh lại đến đây? Philip cắt ngang.

- Tôi biết cần phải làm gì nhưng tôi không làm. Chị Price có học thức, hẳn nhớ câu La-tinh về chuyện này.

- Tôi mong anh vui lòng gạt tôi ra khỏi câu chuyện của anh, anh Clutton ạ - cô Price đột ngột nói.

- Cách duy nhất để học vẽ - Hẳn tiếp tục, không nao núng - là tậu một xưởng vẽ, thuê người làm mẫu và chỉ mình tự điều khiển lấy công việc.

- Điều đó dường như là một việc giản đơn phải làm - Philip nói.

- Chỉ cần có tiền thôi - Clutton đáp.

Hẳn ta bắt đầu vẽ và Philip liếc nhìn trộm hẳn. Hẳn cao, gầy kinh khủng, bộ xương đồ sộ của hẳn dường như muốn lò ra khỏi thân hình, hai khuỷu tay sắc nhọn đến nỗi như nhô ra khỏi tay áo bành tô đã sờn rách của hẳn. Quần hẳn bị co, mòn đến đít, và trên mỗi chiếc giày của hẳn là một miếng vá vụng về. Cô Price đứng dậy đi qua chỗ vẽ của Philip.

- Nếu ông Clutton chịu tâm mồm một lúc tôi sẽ giúp anh một tí thử xem.
- Cô nói.

- Chị Price không thích tôi vì tôi hay khôi hài - Clutton vừa nói vừa nhìn dăm dăm vào bản vẽ của mình - nhưng chị ghét tôi vì tôi có thiên tài. Hẳn ta nói trịnh trọng và cái mũi to xấu xí làm cho điều hẳn nói thành ra rất buồn cười. Philip gượng cười, nhưng Price bực mình tức giận đỏ mặt.

- Anh là người duy nhất bao giờ cũng cho mình có thiên tài.

- Tôi cũng là người duy nhất tự đánh giá mình kém nhất.

Price bắt đầu bình phẩm bản vẽ của Philip. Cô nói liền thoả về khoa mổ xẻ và xây dựng, về hai mặt phẳng và đường nét, về nhiều thứ khác mà Philip chẳng hiểu gì cả. Cô ở lâu trong xưởng vẽ này, nắm được những điểm trọng yếu mà các thầy giáo nhấn mạnh, nhưng dù có chỉ ra được chỗ sai trái trong công việc của Philip cô cũng không thể bảo anh làm thế nào cho đúng.

- Chị tử tế quá, tốn nhiều công phu vào khóa học với tôi - Philip nói.

- Ồ, chả có gì đâu - Cô đáp lại hai má ửng đỏ - Người ta cũng từng làm như thế với tôi, khi tôi mới đến. Tôi cũng phải làm như thế đối với bất cứ ai.

- Chị Price muốn chứng tỏ ra rằng chị cung cấp những kiến thức có lợi của chị cho anh là do tinh thần trách nhiệm hơn là vì cái duyên nào đó của con người anh - Clutton nói.

Price nhìn hẳn giận dữ rồi đi về bảng vẽ của mình. Đồng hồ điểm mười hai giờ, cô người mẫu thốt lên một tiếng, nhẹ nhõm bước ra khỏi bục đứng. Price thu thập dụng cụ của mình.

- Một vài người chúng tôi ăn trưa ở nhà hàng Gravier - Cô nói với Philip và nhìn Clutton. - Tôi thì thường về nhà một mình.

- Nếu anh muốn tôi sẽ đưa anh đến nhà hàng Gravier - Clutton nói.

Philip cảm ơn hẳn và chuẩn bị ra về. Trên đường ra xưởng, cô Otter hỏi anh công việc ra sao rồi.

- Fanny Price có giúp đỡ anh không? - Cô hỏi - Tôi để anh đấy, biết cô ấy có thể làm việc đó nếu cô thích. Cô là người con gái khó tính, hay gặt gồng, không thể tự kiềm chế chút nào, nhưng cô biết nắm vững tình hình, điều kiện, có thể có ích cho người mới đến bất cứ lúc nào cô muốn chịu khó.

Trên đường đi xuống phố, Clutton nói với anh:

- Anh gây được ấn tượng đối với Fanny Price đấy. Tốt nhất là phải coi chừng nhé!

Philip cười. Anh chưa bao giờ gặp ai mà anh ít mong gây được ấn tượng như vậy!

Họ đến một quán cơm xoàng, ở đó có nhiều sinh viên đến ăn, Clutton ngồi xuống một bàn đã có ba bốn người. Với một quan họ mua một quả trứng, một đĩa thịt, pho mát và một chai rượu vang nhỏ cùng với món cà phê phụ thêm. Họ ngồi trên lề đường. Những chiếc xe điện màu vàng lên xuống trên đại lộ, rung chuông không ngớt.

- À này, tên anh là gì nhỉ? - Clutton hỏi khi họ ngồi xuống ghế.

- Carey.

- Anh Flanagan, anh Lawson, cho phép tôi giới thiệu một người bạn cũ tin cậy tên là Carey. - Clutton tuyên bố trịnh trọng.

Họ cùng cười và tiếp tục câu chuyện. Họ nói hàng nghìn sự việc một lúc. Không ai buồn để ý đến họ. Họ nói về những nơi đã sống trong dịp hè, về xưởng vẽ, về các trường khác; họ kể ra nhiều tên mà Philip không quen: Monet, Manet, Renoir, Pissaro, Degas, Philip lắng tai nghe, mặc dù mình không dính dáng đến nhiều, nhưng anh cũng thấy hơi rộn ràng. Thời gian trôi qua, lúc đứng tên Clutton nói:

- Tối nay mong anh tìm tôi ở đây bất kỳ lúc nào anh muốn. Anh sẽ tìm hiểu nơi tốt nhất trong khu vực, như thế này để mua lấy chứng khó tiêu với giá rẻ mạt nhất.

Philip đi suốt đại lộ Montparnasse. Pari hoàn toàn không còn như ngày anh đến thăm hồi mùa xuân, nhân dịp phải làm bản phúc trình về khách sạn St. George. Anh rùng mình nghĩ đến giai đoạn này của cuộc đời, nhưng nó gợi anh nhớ lại những suy nghĩ của mình về thành phố tỉnh lẻ. Ở đây thấy rất thanh thản với khoảng trời khoáng đạt tràn trề nắng như mời chào ta thả hồn vào cõi mộng. Cây cối cắt tĩa gọn gàng, nhà cửa trắng một màu trắng chói lọi, những khoảng trời rộng, tất cả làm nên một Philip dễ chịu vô cùng. Anh cảm thấy hoàn toàn như ở nhà mình. Anh thơ thẩn bước đi, ngắm nhìn mọi người. Những kẻ bình thường nhất cũng có vẻ thanh lịch, thợ thuyền mặc quần ống rộng, thắt lưng đỏ to bản, các chú lính nhỏ bé vận đồng phục xinh xắn màu sẫm. Chẳng mấy chốc anh đã tới đại lộ đài thiên văn, anh thờ dãi thích thú, Philip cảm thấy tâm hồn mê mẩn trước cảnh trí tráng lệ mà thanh nhã này. Anh đến khu công viên Luxembourg. Trẻ em nô đùa, các cô giữ trẻ với những dải băng lòng thông, từng đôi một bước đi chậm rãi, đàn ông tay cặp cặp da đen hớt hải đi qua, đám thanh niên ăn mặc kỳ quặc. Quang cảnh kiểu cách nhưng xinh đẹp. Thiên nhiên được bố trí và sắp đặt và bố trí một cách tuyệt vời đến nỗi nếu không, thiên nhiên sẽ là một cảnh hoang dã. Philip cảm thấy tâm hồn mê mẩn. Philip lấy làm hứng thú được đứng tại đây. Anh ta đã từng làm quen qua sách vở, đối với anh đây là mảnh đất cổ xưa và anh bỗng cảm thấy trong lòng mình lẫn lộn một mối e dè kính nể và niềm hân hoan của một vị giáo sư già lần đầu tiên được ngắm nhìn đồng bằng tươi vui Sparte.

Đang thơ thẩn, tình cờ anh thấy cô Price ngồi một mình trên chiếc ghế dài. Anh lưỡng lự, lúc này anh không muốn gặp bất kỳ ai, thêm nữa tính thô lỗ của cô sẽ lạc lõng trong khung cảnh hạnh phúc quanh anh. Nhưng anh đoán ra cô là người rất nhạy cảm với những cử chỉ khinh khi và cô đã thấy anh, nên anh nghĩ lịch sự hơn là phải chào cô.

- Anh làm gì đấy - cô hỏi khi anh bước tới.
- Tôi đang đi ngắm cảnh đây - Chị không làm như tôi sao.
- Ồ ngày nào tôi cũng đến đây từ bốn đến năm giờ. Tôi nghĩ rằng nếu làm việc cả ngày không nghỉ thì chẳng làm được gì tốt.
- Tôi có thể ngồi xuống đây một lát được không? - Anh hỏi.
- Tùy anh.
- Câu trả lời nghe không được thân mật lắm. Anh cười nói.
- Tôi là người không có tài nói những điều êm tai.

Philip hơi lúng túng, anh im lặng châm một điếu thuốc.

- Clutton có nói gì về công việc của tôi không? - Cô đột ngột hỏi.
- Không, tôi cho rằng anh ấy không nói gì - Philip trả lời.
- Anh biết đấy, hãn không tốt đâu. Hãn cho mình là thiên tài nhưng đâu có phải, trước hết hãn rất lười. Thiên tài là một năng lực vô hạn và chịu được gian khổ. Việc duy nhất phải làm là kiên trì bền bỉ. Nếu đã quyết làm gì thì phải làm cho kỳ được.

Giọng cô nói say sưa khác thường đến mức Philip phần nào kinh ngạc. Cô đội chiếc mũ lính thủy bằng rơm đen, mặc áo cánh trắng không được sạch sẽ lắm và một tấm váy nâu. Cô không mang găng tay và hai tay cũng

không được sạch. Thái độ cô khó ưa đến nỗi Philip nghĩ rằng phải chi mình đừng bắt chuyện. Anh tự hỏi anh không hiểu cô muốn anh ngồi lại hay đi.

- Tôi sẽ làm bất cứ điều gì có thể làm được cho anh - Thành tình cô nói, không hề liên quan gì đến câu chuyện trước đó - Tôi biết công việc này thật khó khăn như thế nào.

- Rất cảm ơn chị - Philip nói rồi ngừng một lát - Chị có vui lòng đi uống trà đầu đây với tôi không?

Cô liếc nhìn anh với vẻ mặt đỏ bừng. Khi cô đỏ mặt làn da xanh xao nổi lên những chấm lốm đốm trông lạ lùng như dâu tây bị đánh kem hồng.

- Không! xin cảm ơn. Anh nghĩ thế nào mà bảo tôi muốn dùng trà. Tôi vừa ăn trưa xong.

- Tôi nghĩ là để giết thời gian mà - Philip đáp.

- Này, nếu anh thấy sốt ruột, anh không cần phải băn khoăn về tôi. Tôi ngồi một mình cũng chẳng sao.

Lúc ấy có hai người đàn ông đi qua, họ mặc quần nhung nâu rộng đầu đội mũ nồi bax-cơ. Họ còn trẻ nhưng cả hai đều để râu.

- Này có phải họ đều là sinh viên mỹ thuật không? Philip hỏi - Trông họ cứ như những nhân vật trong cuốn *Vie de Bohême* ấy.

- Họ là người Mỹ - Price trả lời đầy khinh bỉ - Người Pháp không ăn mặc như thế đã ba mươi năm nay nhưng dân Mỹ vùng viễn tây đi mua quần áo đó và đi chụp ảnh ngay sau khi đến Pari. Về mặt mỹ thuật thì đây hầu như những gì họ học được. Nhưng đối với bọn họ, chuyện đó xá gì, người nào túi cũng rủng rinh ấy mà.

Philip thích kiểu quần áo đó của người Mỹ, nó đẹp một cách táo bạo và anh cho rằng nó biểu hiện chất lãng mạn. Price hỏi mấy giờ.

- Tôi phải trở về xưởng vẽ - Cô nói - Anh có đến dự giờ vẽ ký họa không?

Philip không biết gì về những buổi này. Price cho anh biết chiều chiều từ năm đến sáu giờ có người đến ngồi mẫu, ai thích vẽ thì trả năm mươi xu. Mỗi ngày có một người mẫu khác nhau. Đây là những buổi rất tốt.

- Tôi tin rằng về môn này, anh chưa khá lắm. Hãy đợi một thời gian dài thì tốt hơn.

- Tại sao tôi lại không thử nhỉ? Tôi hiện chẳng có việc làm gì khác.

Họ đứng dậy đi đến xưởng vẽ, Philip phân vân tự hỏi cung cách Price là muốn anh đi hay muốn đi một mình. Anh rụt rè lúng túng không biết rời cô bằng cách nào nên vẫn ở lại nhưng cô có vẻ không muốn nói chuyện và trả lời các câu hỏi một cách khó chịu.

Một gã đàn ông bưng một đĩa lớn đứng trước cửa trường, mỗi người đi qua bỏ vào một đồng nửa quan. Xưởng đông người hơn buổi sáng. Người Anh, người Mỹ không chiếm đa số mà phụ nữ lại ít hơn.

Philip nhận thấy đám đông này đúng với những điều anh phỏng đoán trước. Trời rất nóng và không khí mau chóng trở nên ngột ngạt. Lần này lại là một cụ già râu dài hoa râu ngồi làm mẫu và Philip cố đem ra thực hành những điều ít ỏi học được hồi sáng, nhưng anh vẽ chẳng ra gì. Anh nhận ra rằng anh không thể vẽ được như đã tưởng. Anh liếc nhìn một cách thèm thuồng sang một vài ký họa của mấy người ngồi bên và tự hỏi liệu có bao giờ anh sử dụng được chì than thành thạo như thế. Thời gian qua nhanh. Không muốn làm phiền Price, anh ngồi cách xa cô một tí và cuối cùng lúc

ra về anh đi ngang qua cạnh cô, cô xẵng giọng hỏi anh công việc như thế nào.

- Không tốt lắm - anh mỉm cười đáp.

- Nếu anh hạ cố đến ngồi gần tôi thì tôi có thể giúp anh đôi điều. Chắc anh cho mình xuất chúng lắm rồi.

- Không, không phải như vậy. Tôi sợ chị cho là tôi làm phiền chị.

- Khi nào tôi cho là anh làm phiền tôi, tôi sẽ nói với anh, mà không ngọt ngào đâu.

Trong cách nói thô lỗ của cô, Philip nhận thấy cô ngỏ ý muốn giúp mình.

- Được, ngày mai tôi sẽ đặt mình dưới quyền chị.

- Tôi không phản đối - Cô trả lời.

Philip ra ngoài, phân vân không biết làm gì cho tới buổi ăn chiều. Anh háo hức muốn làm một điều gì đó thật đặc biệt.

Rượu áp-xanh! Đúng rồi, đây đúng là món thích hợp, thế là anh lững thững ra ga, ngồi bên ngoài một quán cà phê và gọi rượu. Anh uống ly rượu vừa cảm thấy buồn nôn vừa khoan khoái vì rượu thật kinh tởm, nhưng hiệu quả tinh thần tuyệt vời. Anh cảm thấy giờ mình là sinh viên mỹ thuật từ chân tơ đến kẽ tóc, và vì uống lúc bụng đói nên ngay sau đó anh rất lấy làm phấn chấn. Anh ngắm nhìn đám đông, và cảm thấy mọi người đều là anh em. Anh sung sướng. Khi anh đến nhà hàng Gravier các bàn đã đầy người. Clutton vừa trông thấy Philip tập tễnh bước tới, đã gọi anh. Họ liền ngồi hẹp lại nhường chỗ cho anh. Bữa cơm thật thanh đạm: một đĩa súp, một đĩa thịt, hoa quả, pho mát, và nửa chai rượu; nhưng Philip không lưu ý đến ăn

uống mà chỉ lưu ý đến những người ngồi cùng bàn. Flanagan lại có mặt ở đây. Anh ta là người Mỹ, một thanh niên thấp lùn, mũi tẹt, gương mặt vui vẻ, miệng tươi cười. Anh ta mặc áo vét may theo kiểu Norford lác cắc, cổ màu xanh, đầu đội một chiếc mũ vải tuyết hình dáng kỳ quái. Thời bấy giờ, trường phái ấn tượng đang ngự trị trong khu la tinh, nhưng sự thăng thế của nó đối với các trường phái cũ là mới gần đây. Carolus - Duran, Bouguereau và những người cùng quan điểm đã bắt đầu chống Manet, Monet và Digas. Đánh giá đúng những người này vẫn được coi là dấu hiệu biết thưởng thức nghệ thuật. Whistler có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với người Anh và người đồng hương của ông, còn những ai tinh ranh thì đi sưu tầm những bức tranh khắc Nhật Bản. Các nghệ sĩ bậc thầy thời trước bị những tiêu chuẩn mới thử thách. Sự quý trọng Raphael từ bao nhiêu thế kỷ bị đám thanh niên đưa ra làm trò cười. Họ sẵn sàng đánh đổi toàn bộ tác phẩm của ông ta lấy hình đầu vua Philip IV của Velasquez đặt trong phòng trưng bày tranh tượng quốc gia. Philip nhận thấy mọi người đang tranh luận dữ dội về nghệ thuật. Lawson, người mà anh gặp tại bữa ăn trưa, lúc này ngồi đối diện với anh. Y là một thanh niên mảnh khảnh, mặt đầy tàn nhan, tóc hung hung đỏ, có cặp mắt xanh long lanh. Philip vừa ngồi xuống, cặp mắt ấy đã nhìn thẳng vào anh và y đột nhiên nhận xét:

- Raphael chỉ có thể chấp nhận được khi ông ấy vẽ theo tranh của người khác. Ông ta làm cho thiên hạ say mê trong những bức tranh Peruginos hoặc Pinturichios nhưng khi ông vẽ những bức tranh của chính ông thì ông là - y nhún vai khinh bỉ - là Raphael. Giọng Lawson quá hung hăng làm cho Philip sững sốt, nhưng anh chưa phải đáp lại vì Flanagan đã nôn nóng ngắt ngang.

- Ồ, quảng bển nghệ thuật đi - Anh ta nói to - Ta uống cho say đã.

- Flanagan, đem qua cậu đã say rồi - Lawson nói.

- So với đêm nay thì chẳng nghĩa lý gì đâu - y đáp - Cứ tưởng tượng mình đang được sống ở Pari, luôn luôn chẳng nghĩ đến gì hết, ngoài nghệ thuật. Y nói với giọng miền Tây nặng chình chịch - Úi chà chà, cuộc sống mới đẹp làm sao chứ - Trầm ngâm một lúc rồi đập mạnh xuống bàn “Quảng bển cái nghệ thuật đi!” Tôi tuyên bố như vậy.

- Cậu không những chỉ tuyên bố, mà cậu còn nói đi nói lại chán ngắt điều đó - Clutton nghiêm trang bảo.

Ngồi cùng bàn còn có một người Mỹ nữa. Người này ăn mặc như anh chàng bánh trai Philip gặp ở vườn hoa hồi chiều. Gương mặt anh đẹp gãy gò, khổ hạnh với cặp mắt đen nhánh, anh ta mặc bộ quần áo kỳ quặc với vẻ táo tợn của một tên cướp biển. Tóc anh đen và dày lúc nào cũng rũ xuống tận mắt, khiến anh luôn phải ngửa đầu bằng một động tác rất kịch về đằng sau để hất lên. Anh bắt đầu nói về bức họa Olympia của Monet trưng bày lúc bấy giờ ở Luxembourg.

- Hôm nay tôi đã đứng một giờ trước bức họa đó và tôi tuyên bố với các bạn rằng đó không phải là một bức tranh đẹp.

Lawson đặt dao, nĩa xuống, cặp mắt xanh của anh rực lửa, anh thở gấp vì giận dữ, nhưng rõ ràng là cố trấn tĩnh.

- Thật là hết sức thú vị được nghe ý kiến của một kẻ man rợ dốt nát - Y nói - Xin anh hãy vui lòng cho chúng tôi biết vì sao bức tranh đó không đẹp?

- Tôi không nói thế. Tôi e rằng vú bên phải được vẽ rất tốt.

- Tôi không cần cái vú bên phải đó - Lawson nói - toàn bộ bức tranh là một phép lạ.

Anh ta bắt đầu mô tả từng chi tiết những nét vẽ tỉ mỉ đẹp của bức tranh, nhưng ở nhà hàng Gravier, tại cái bàn ăn này, người ta có nói lắm cũng chỉ để cho một mình nghe, một mình hiểu lấy mà thôi. Không ai thèm nghe anh ta. Người Mỹ kia giận dữ ngắt lời.

- Các anh không muốn nói các anh cho cái đầu là đẹp đấy chứ?

Bây giờ Lawson tái người tức giận bắt đầu bên vức cái đầu; nhưng Clutton từ nãy vẫn ngồi lặng thinh với vẻ mặt tươi cười khinh bỉ, lúc này bỗng ngắt lời:

- Hãy cho anh ta cái đầu. Chúng ta thì không thích cái đầu. Điều này chẳng ảnh hưởng gì đến bức họa.

- Được! Tôi sẽ cho anh cái đầu - Lawson hét lên - Anh cứ lấy cái đầu. Quý tha ma bắt anh đi.

- Còn đường viền đen thì sao? - Người Mỹ kia nói to, đắc thắng, vừa hất mái tóc sắp rơi vào bát súp - Trong thiên nhiên người ta không thấy đường viền đen nào bao quanh sự vật.

- Ồ, trời ơi, hãy cho lửa trời xuống thiêu đốt kẻ ăn nói báng bổ - Lawson nói - Thiên nhiên thì có liên quan gì đến đây? Không ai biết được trong thiên nhiên có và không có cái gì. Loài người nhìn thiên nhiên qua con mắt nghệ sĩ. Vì sao, vì trải qua bao nhiêu thế kỷ người ta thấy ngựa nhảy qua hàng rào bốn cạnh duỗi thẳng và trời ơi, thưa ngài, bốn cạnh ấy đều duỗi thẳng. Loài người cũng nhìn thấy những bóng đen cho đến lúc Monet phát hiện rằng chúng được tô màu và trời ơi, chúng thực sự là đen. Nếu chúng ta muốn viền quanh mọi vật một đường viền đen thì thế gian này sẽ thấy đường đen ấy và nếu chúng ta vẽ cỏ đỏ, bò xanh, người ta sẽ trông thấy chúng đỏ và xanh, và trời ơi, thế là cỏ sẽ đỏ và bò sẽ xanh.

- Quảng bét nghệ thuật đi. - Flanagan lăm bắm.

- Tôi muốn uống cho say.

Lawson không để ý tới câu nói phá ngang này.

- Này, các bạn, khi bức Olympia được đưa ra giới thiệu ở phòng tranh thì Zola nói - giữa những tiếng cười nhạo báng của kẻ phàm phu tục tử, tiếng suýt của bọn nghệ sĩ khoa trương, của các viện sĩ và công chúng: “Tôi hân hoan chờ đón cái ngày tranh của Monet được đem trưng bày ở Louvre đối diện với bức Odalisque^[39], và khi đem so sánh thì không phải bức tranh Odalisque thắng cuộc. Nhất định rồi nó sẽ được trưng bày ở đó. Mỗi ngày tôi thấy thời điểm đó đến gần. Trong vòng mười năm nữa, bức Olympia sẽ được treo ở Louver.”

- Không bao giờ - Người Mỹ nọ hét to, đưa hai tay lên, hết sức cố gắng hất chỏm tóc ra phía sau - trong mười năm nữa bức tranh đó sẽ chết. Đây chẳng qua là thời trang mà thôi - không một bức tranh nào tồn tại được mà hoàn toàn thiếu một cái gì đó.

- Đó là cái gì?

- Nghệ thuật cao quý không thể tồn tại nếu không có yếu tố tinh thần.

- Ô, trời ơi - Lawson kêu lên giận dữ - Tôi cũng hiểu như vậy - Nghệ thuật phải thể hiện những phẩm chất hợp đạo lý. Anh ta chấp tay đưa lên trời và cầu xin. - Ôi, Cristopher Columbus, Cristopher Columbus, ông đã làm gì khi phát hiện châu Mỹ?

- Ruskin nói...

Nhưng trước khi y nói thêm, Clutton hách dịch lấy cán dao gỗ xuống bàn.

- Thưa quý ông - Anh chàng nghiêm nghị nói, cái mũi to của anh chun lại vì giận dữ - một cái tên mà tôi nghĩ rằng không còn được nghe thấy trong một cuộc họp mặt thanh lịch, lại được nhắc đến, tự do ngôn luận là rất tốt nhưng chúng ta phải tuân thủ giới hạn của phép lịch sự thông thường, nếu muốn các anh có thể nói về Bougereau, cái tên đáng ghét ấy đọc lên nghe vui tai làm cho người ta phì cười, nhưng cũng đừng làm uestap đôi môi tinh khiết của chúng ta với những tên J. Ruskin, G.F. Watts hoặc E.B. Jones.

- Nhưng Ruskin là ai vậy? Flanagan hỏi.

- Ông ta là một trong những tác giả vĩ đại tiêu biểu thời Vitoria, là bậc thầy phong cách Anh.

- Phong cách Ruskin là một cái gì đó manh mún và hoa mỹ - Lawson nói - bất cứ lúc nào giờ tờ báo thấy một tác giả vĩ đại thời nữ hoàng Victoria chết đi là tôi cảm ơn trời phật lại cho thêm một vị nữa xuống âm phủ. Cái tài duy nhất của bọn họ là sống dai, không một nghệ sĩ nào được phép sống quá bốn mươi, chỉ như vậy con người mới làm được nhưng công việc tốt nhất, sau đó chỉ là lập lại mà thôi. Chẳng lẽ anh lại không tin rằng Keats, Shelly, Bonnington, Byron chết sớm là điều vô cùng may mắn cho họ ư? Nếu như ngay sau lần xuất bản đầu tiên những tập thơ balat mà Svinburne qua đời, có phải rằng chúng ta đã nghĩ rằng ông ta quả đúng là thiên tài không?

Ý kiến này làm hài lòng mọi người bởi vì lúc này không một ai ngồi bàn ấy quá cái tuổi hai tư, và họ khoái trá chấp nhận ý kiến đó. Thế là được một

lần tất cả đều đồng thanh nhất trí. Họ bàn thêm chi tiết, một vài người đề nghị vào dịp mừng sinh nhật thứ bốn mươi của họ, họ sẽ dùng các tác phẩm của bốn mươi vị viện sĩ đốt một ngọn lửa mừng, và ném vào đó các tác phẩm vĩ đại của thời nữ hoàng Vitoria. Sáng kiến này được hoan hô nhiệt liệt, Carlyle và Ruskin, Tennyson, Browning, G.F. Watts, E.B. Jones, Dickens, Thackeray đều bị quăng vào lửa; ông Gladstone John Bright và Cobden cũng vậy; về George Meredith thì có thảo luận một lúc nhưng Matthew Arnold và Emerson thì họ sẵn sàng vứt đi. Sau hết đến Walter Pater.

- Walter Pater thì không - Philip thì thầm.

Lawson đưa cặp mắt xanh chằm chằm nhìn anh một lúc rồi gật đầu.

- Anh rất có lý. Walter Pater sự biện hộ duy nhất cho Mona Lisa. Anh biết Cronshaw không? Trước đây ông ấy quen biết Pater.

- Cronshaw là ai? - Philip hỏi.

- Cronshaw là một nhà thơ. Ông ta ở đây. Chúng ta đi đến Lilas đi.

La Closerie des Lilas là tiệm cà phê họ thường đến sau bữa cơm tối; từ khoảng 9 giờ tối cho đến hai giờ sáng chắc chắn sẽ gặp Cronshaw ở đó. Nhưng Flanagan đã ngán ngẩm luận văn học nghệ thuật suốt một buổi, nên khi Lawson đưa ra gợi ý đó anh quay sang Philip.

- Ồ, ta hãy đến chỗ nào có bọn đàn bà con gái ấy? - Y nói - hãy đến Gaité Montparnasse - Chúng mình sẽ say sưa một trận.

- Tôi thích đi gặp Cronshaw hơn và giữ mình tỉnh táo - Philip cười nói.

Có sự xáo trộn trong bọn họ. Flanagan và hai ba người nữa đến ca vũ trường, còn Philip thì cùng Clutton và Lawson lững thững tới Closeries de Lilas.^[40]

- Cậu phải đến Gaité Montparnasse. - Lawson bảo anh - Đó là một trong những nơi đẹp nhất Pari. Mình có ý định một ngày nào đấy sẽ vẽ cảnh đó.

Chịu ảnh hưởng của Hayward, Philip xem tiệt ca vũ - với con mắt đầy khinh bỉ nhưng anh lại đến Pari đúng lúc những khả năng nghệ thuật của nó vừa mới được phát hiện. Ánh sáng bố trí đặc biệt, những khối đỏ sẫm và vàng lơ mờ, bóng tối sâu và những đường nét trang trí gợi ra một đề tài mới; và có đến một nửa các xưởng vẽ trong khu vực chứa đựng những bức vẽ được phác thảo tại nhà hát này hay nhà hát nọ của địa phương. Noi gương các họa sĩ, những nhà văn bỗng nhiên kết hợp lại để tìm ra giá trị nghệ thuật của các thể loại đặc biệt này; những diễn viên mũi đỏ nhờ có ý thức về tính cách, được tán dương lên đến tận mây xanh; các nữ ca sĩ béo phì kêu gào hàng hai mươi năm nay trong cảnh tối tăm bỗng được phát hiện là có khả năng khôi hài không ai bắt chước được. Có người tìm thú thẩm mỹ trong việc xem chó biểu diễn; trong khi đó những người khác vắt kiệt vốn từ để ca tụng tài hoa của người làm trò ảo thuật và người cười xe đạp xiếc. Cả quần chúng cũng do ảnh hưởng mà trở thành mục tiêu của một sự quan tâm thân ái. Cũng như Hayward, Philip đã học được thói nhìn vào đám đông mà khinh thị con người, theo kiểu vợ đũa cả năm, anh có thái độ của người trùu chẵn cô độc, chán chường ngắm nhìn trò hề của cái tầm thường, nhưng Clutton và Lawson lại hăng say nói về quần chúng. Họ sôi nổi mô tả những đám người chen chúc như nêm ở các chợ phiên Pari, mô tả những bộ mặt, một nửa bóng loáng trước ánh sáng đèn đất, một nửa khuất trong bóng tối, và tiếng kèn trompette inh ỏi, tiếng huýt sáo, tiếng nói năng

ồn ào. Đối với Philip, những điều họ nói là mới lạ. Họ kể cho anh nghe về Cronshaw.

- Cậu có bao giờ đọc tác phẩm nào của ông ta không?

- Không - Philip đáp.

- Tác phẩm của ông ta có in trong sách The Yellow Book (sách vàng) đấy.

Như họa sĩ vẫn thường xử sự với văn sĩ, họ coi khinh ông vì ông là người ngoại đạo không biết gì về chuyên môn của họ, độ lượng đối với ông vì ông cũng là nghệ sĩ và họ e dè kính nể ông vì ông sử dụng một môi trường trong đó chính họ cũng cảm thấy lúng túng.

- Ông ta là một người kỳ dị. Mới gặp ông lần đầu cậu sẽ hơi thất vọng, ông ta chỉ sung sức nhất vào những lúc say.

- Nhưng điều phiền toái là - Clutton nói tiếp - khi ông uống, có quý dữ mới biết được đến lúc nào ông mới say.

Lúc đến quán ăn, Lawson bảo Philip là họ phải vào nhà trong. Mới vừa chớm thu, nhưng Cronshaw sợ gió lùa nên thậm chí những hôm thời tiết nóng nực, ông cũng ngồi trong nhà.

- Ông ta quen biết bất kỳ ai đáng quen - Lawson giảng giải - Ông ta quen Pater và Oscar Wilde, ông ta quen Mallarmé và cả nhóm ấy.

Người họ tìm gặp đang ngồi trong một góc kín đáo nhất của quán ăn, mặc nguyên cả áo bành tô cổ dựng lên mũ đội ép xuống trán để tránh gió lùa. Người ông to lớn chắc mập nhưng không béo phì, gương mặt tròn trịa,

ria mép thừa, đôi mắt như hơi đờ đẫn, đầu ông quá bé so với thân thể ông như hạt đậu đặt gượng gạo trên quả trứng. Ông đang chơi cờ đô-mi-nô với một người Pháp và lặng lẽ mỉm cười chào những người mới đến. Ông nói, nhưng như để nhường chỗ cho họ, ông đẩy đĩa nhỏ trên bàn, chứng minh ông uống đã khá nhiều. Ông gật đầu chào Philip khi anh được giới thiệu với ông, rồi tiếp tục ván cờ. Vốn liếng về ngôn ngữ của Philip chưa được là bao, nhưng anh cũng hiểu vừa đủ để nói rằng mặc dù ở Pari lâu năm, ông Cronshaw nói tiếng Pháp rất tồi.

Cuối cùng, ông ngả người ra sau, mỉm một nụ cười đắc thắng:

- Je vous ai battu! (Tôi đánh bại ông bạn rồi!) - Ông nói bằng một giọng rất dờ.

Ông gọi người hầu bàn và quay sang Philip:

- Vừa ở Anh sang phải không? Có xem một trận Cricket nào không?

Câu hỏi bất ngờ làm cho Philip hơi bối rối.

- Ông Cronshaw biết điểm trung hình của tất cả những người chủ Cricket giỏi nhất từ hai mươi năm nay - Lawson cười nói.

Gã người Pháp bỏ họ đi tìm bạn ở bàn khác và Cronshaw bằng cái giọng dễ dãi khề khà vốn là một trong những đặc tính của ông, bắt đầu bình luận về tài năng của Kent và Lancashire^[41]. Ông kể cho họ nghe trận đấu thử vừa qua mà ông đã chứng kiến và mô tả quá trình thi đấu rất tỉ mỉ.

- Đó là chuyện duy nhất tôi chịu thiếu ở Pari - Ông nói khi đã uống cạn vại bia người bồi bàn mang đến - Anh không được xem một trận Cricket nào cả à?

Philip thất vọng, Lawson thì sốt ruột muốn phô trương một trong những nhân vật danh tiếng của khu phố này. Còn Cronshaw thì cứ nhẩn nha định thức thâu đêm, mặc dù chông đĩa để cạnh ông đã chứng tỏ ít nhất ông cũng đã thật thà cố gắng uống cho say. Clutton ngồi ngắm cảnh tượng một cách thích thú. Anh nghĩ có cái gì đó giả tạo trong sự hiểu biết tinh tế về môn Cricket của Cronshaw; ông ta thích trêu người thiên hạ, bằng cách cho người ta nghe những chuyện rõ ràng là chán ngắt. Clutton hỏi xen vào:

- Vừa rồi bác có gặp Mallarmé không?

Cronshaw từ từ nhìn sang anh như đang cân nhắc câu hỏi trong trí và trước khi trả lời, cầm một cái đĩa gỗ nhẹ trên bàn đá hoa.

- Đem chai uýt-ki của tôi ra đây - Ông gọi to rồi quay sang Philip - Tôi phải để riêng chai uýt ki của tôi ra - vì tôi không đủ khả năng trả cho mỗi người năm mươi xu.

Anh hầu bàn đem chai rượu đến và Cronshaw cầm giơ lên ánh đèn.

- Có người đã uống rồi - Này cậu hầu hàn. Ai tự tiện rót rượu uýt ki của tôi ra xơi?

- Malis personne, Monsieur Cronshaw!^[42]

Đêm qua tôi đã đánh dấu chai rượu, nhìn đấy mà xem.

- Ông đánh dấu, nhưng sau đó ông tiếp tục uống. Nếu cứ đà này, ông có đánh dấu cũng chỉ phí.

Anh hầu bàn là một gã vui tính, và hiểu Cronshaw tường tận. Cronshaw nhìn chăm chăm anh ta.

- Nếu cậu nói với tôi một lời danh dự, như một người lịch sự, một người quý tộc, rằng không ai hết trừ tôi đã uống ụyt ki của tôi, tôi sẽ thừa nhận sự trình bày của cậu.

Lời phê bình này được diễn ra từng chữ bằng tiếng Pháp thô thiển nhất, nghe rất khôi hài, và bà ngồi ở quầy hàng không nhin được cười.

- Il est impayable!^[43] - Bà thì thầm.

Cronshaw nghe được, đưa mắt ngượng nghịu nhìn bà - một người đàn bà béo mập, đoan trang, đã đứng tuổi - và nghiêm nghị gửi cái hôn tay tới bà. Bà ta nhún vai.

- Thừa bà, đừng ngại - Ông ta nói giọng sần sảo - Tôi đã qua rồi cái tuổi bị các bà bốn mươi lăm và lòng biết ơn của các bà quyến rũ.

Ông rót cho mình một ít ụyt-ki với nước lã và từ từ uống, rồi lấy mu bàn tay lau miệng.

- Ông ấy nói chuyện rất hay.

Lawson và Cluton hiểu rằng lời bình luận đó của Cronshaw là câu trả lời cho câu hỏi về Mallarmé. Cronshaw thường đến dự các cuộc họp vào những tối thứ ba khi nhà thơ này tiếp các nhà văn, các nhà hội họa và với tài hùng biện tinh tế, đàm luận bất cứ vấn đề gì được nêu ra. Rõ ràng cách đây không lâu Cronshaw cũng có mặt ở đó.

- Ông ta nói rất hay, nhưng là nói bậy. Ông ta bàn về nghệ thuật cứ như đây là việc quan trọng nhất thế giới.

- Nếu không phải thế thì chúng ta ở đây làm gì? Philip hỏi.

- Anh ở đây để làm gì, tôi không biết. Đó không phải là việc của tôi. Nhưng nghệ thuật là sự xa hoa. Con người coi bản năng tự bảo tồn và sự nhân giống nhân loại mới là quan trọng. Chỉ khi nào cái bản năng đó được thỏa mãn thì họ mới đồng ý nghĩ đến chuyện tiêu khiển với những gì các nhà văn, nhà thơ, nhà hội họa đem lại cho họ.

Cronshaw ngừng một lát để uống. Từ hai mươi năm nay ông vẫn hằng tự hỏi không biết ông thích rượu vì rượu khiến cho ông nói được nhiều hay ông thích nói chuyện vì chuyện làm cho ông khát.

Rồi ông tuyên bố: “Hôm qua tôi làm một bài thơ”, không ai yêu cầu, ông cũng bắt đầu ngâm. Ông ngâm hết sức chậm, dùng ngón tay vỗ đánh nhịp. Có thể là một bài thơ hay, nhưng lúc ấy một thiếu phụ bỗng bước vào. Chắc hẳn màu đỏ của đôi môi và ánh hồng của đôi má không phải tự nhiên; lông mi và lông mày nàng kẻ đen còn mi mắt nàng phủ màu xanh tảo tợn kéo dài đến khước mắt thành hình tam giác. Nom thật chướng mà cũng ngộ ngộ. Nàng có mái tóc đen phủ xuống đôi tai theo kiểu phổ biến của tiểu thư Cleo de Merode được mọi người ưa thích. Philip liếc mắt nhìn nàng, còn Cronshaw sau khi ngâm xong bài thơ, mỉm một nụ cười độ lượng với anh.

- Anh không nghe ư? - Ông hỏi.

- Ồ, có chứ, tôi đang lắng nghe.

- Tôi không trách anh vì anh đưa ra một minh họa thích hợp với điều tôi vừa nói. Nghệ thuật là gì so với tình yêu. Tôi kính trọng và khen ngợi thái

độ thờ ơ của anh đối với một bài thơ hay khi anh chiêm ngưỡng sắc đẹp giả tạo của thiếu phụ kia.

Nàng đi qua bàn họ đang ngồi, và ông cầm lấy tay nàng.

- Hãy đến đây ngồi bên tôi, này cô bé đáng mến, và chúng ta sẽ cùng nhau diễn vở kịch vui tình yêu thần thánh.

- Đừng quấy rầy tôi. - Nàng nói vừa đẩy ông ta ra một bên và bước tiếp.

- Nghệ thuật - Ông khoát tay nói tiếp - chỉ là nơi nường nấu mà con người khôn khéo bịa đặt ra để lẫn tránh khi anh ta no nê thức ăn và quá đủ cái tẻ nhạt của đàn bà.

Cronshaw lại rút dây cốc và bắt đầu kéo dài câu chuyện. Giọng nói của ông đều đặn, từ ngữ của ông được lựa chọn cẩn thận. Ông đem sự khôn ngoan trộn lẫn với điều phi lý khiến mọi người kinh ngạc; ông vừa nghiêm trang diễn cợt thính giả, liền sau đó ông đã giúp họ những lời khuyên đúng đắn. Ông nói về văn học, về nghệ thuật, về cuộc đời. Khi thì nhiệt tình tục tũ, khi thì vui vẻ sụ sùi. Rõ ràng ông đã say, thế là ông bắt đầu ngâm thơ, thơ của ông và của Milton, của ông và của Shelley, của ông và của Kit Marlowe.

Cuối cùng Lawson mệt lử, đứng dậy ra về.

- Tôi cũng về - Philip nói.

Clutton người ít nói nhất trong bọn vẫn ở lại, với nụ cười mỉa mai trên môi, anh ngồi nghe Cronshaw nói năng dông dài. Lawson tiễn Philip về tận khách sạn rồi mới chia tay. Nhưng khi nằm lên giường Philip không tài nào ngủ được. Hết thấy những ý kiến mới mẻ kia cứ lảng vảng chập chờn trước

mắt anh, rộn ràng trong tâm trí anh, kích động anh ghê gớm. Trước đây anh chưa bao giờ tin mình như vậy.

- Ta sẽ là một nghệ sỹ lớn, - Anh nghĩ bụng - Ta cảm thấy điều đó.

Anh bồi hồi sung sướng, trong lúc đó mọi ý nghĩ khác đến, nhưng thậm chí với chính mình, anh cũng không diễn đạt được ý ấy thành lời.

- Trời ơi, ta tin rằng ta có tài năng.

Quả thật anh đã say đắm, nhưng anh đâu có uống một cốc bia, chắc hẳn đây phải do một chất kích thích nào đó còn nguy hiểm hơn rượu.

Vào những buổi sáng thứ ba và thứ sáu, các thầy giáo đến trường Amitrano phê bình các tác phẩm đã hoàn thành. Ở Pháp họa sỹ chẳng kiếm được bao nhiêu tiền, trừ phi họ vẽ chân dung và được những người Mỹ giàu có đỡ đầu; và những người danh tiếng lấy làm sung sướng tăng thêm thu nhập bằng cách mỗi tuần một lần hai ba tiếng đồng hồ đến các xưởng vẽ để dạy mỹ thuật. Ngày thứ ba là ngày Michel Rollin đến trường Amitrano. Ông là người đứng tuổi, râu bạc, nước da hồng hào và vẽ nhiều tranh trang trí cho nhà nước, nhưng những tranh này là đối tượng nhạo báng của học trò ông. Ông là môn đệ của Ingress, không tiếp thu sự phát triển của nghệ thuật, tức giận khó chịu với Tas de farceurs là Manet, Degas, Monet và Sisley, nhưng ông là thầy giáo xuất sắc, lịch thiệp hay giúp đỡ đồng viên mọi người. Foinet, trái lại là người khó hòa hợp, ông đến xưởng vẽ vào những ngày thứ sáu. Ông ta người nhỏ bé hom hem, răng xấu xí, vẻ mặt cáu gắt, râu hoa râm rối xù, mắt hung dữ, giọng nói the thé, mĩa mai châm biếm. Luxembourg đã mua tranh của ông: vào lứa tuổi hai mươi năm, ông đã hân hoan chờ đón một tương lai xán lạn, nhưng tài hoa của ông là do tuổi trẻ hơn là do tính cách, nên trong hai mươi năm ông không làm gì hơn là vẽ phong cảnh, điều đã đem đến thành công quá sớm cho ông. Nếu như có ai đó chê tranh ông đơn điệu, ông đáp:

- Corot^[44] chỉ vẽ một kiểu thôi. Tại sao tôi lại không vẽ được như thế.

Ông ghen tị với thành công của người khác, và đặc biệt ác cảm với những người thuộc phái ấn tượng, vì ông xem sự thất bại của bản thân là do các tác phẩm rõ dại của chính họ đã hấp dẫn được quần chúng, những con vật bản thủ, ngược lại với thái độ khinh khỉnh vui vẻ của Michel Rollin, người vẫn gọi phái ấn tượng là những kẻ lừa đảo, ông hết lời chửi rủa họ, và những cái tên như “Crapule” (đại bất lực), “Canaille” (đồ vô lại) được

coi là những từ êm ái nhất. Ông tiêu khiển bằng cách lăng mạ đời tư của họ, và với thái độ hài hước chua cay, với những chi tiết báng bổ, tục tĩu, ông công kích dòng dõi chính thống, quan hệ vợ chồng trong trắng của họ; ông dùng hình tượng kiểu phương đông, cách cường điệu của phương đông để nêu bật sự khinh miệt thô bỉ của mình. Ông cũng không giấu giếm thái độ coi thường đối với những sinh viên có tác phẩm được ông xem xét. Họ ghét ông nhưng họ sợ ông. Phụ nữ thường phải phát khóc trước những câu nói chua cay tàn nhẫn của ông, nhưng sau đó ông vẫn điếu cày họ. Ông vẫn được giữ lại ở xưởng vẽ, bất kể sự phản đối của những kẻ chịu nhiều cay đắng bị ông công kích, bởi vì, chẳng nghi ngờ gì nữa, ông là một trong những thầy giáo giỏi nhất Pari. Thịnh thoảng người mẫu cũ, lúc này trông nom công việc trong trường đánh bạo khuyên can ông, nhưng trước thái độ láo xược quá đáng của nhà họa sỹ, ông đành chịu thua và khúm núm chịu tạ lỗi.

Chính Foinet là người Philip tiếp xúc đầu tiên. Khi Philip đến thì ông ta đã có mặt ở xưởng vẽ. Ông đi từ giá vẽ này sang giá vẽ khác, bên cạnh là chị Otter, người sinh viên chịu trách nhiệm thu tiền góp, đi cùng để phiên dịch những ý kiến nhận xét của ông cho những ai không biết tiếng Pháp. Fanny Price ngồi cạnh Philip, đang say sưa làm việc. Mặt cô tái xanh vì lo lắng, chốc chốc cô ngừng lại bần khoản, chùi hai bàn tay hâm hấp mồ hôi vào áo. Bỗng cô quay sang Philip nhìn anh lo lắng, nhưng cô giấu giếm nước mắt dưới cặp lông mày chau lại.

- Anh cho bức tranh này có được không? - Cô hất hàm về phía bản vẽ của mình hỏi.

Philip đứng dậy nhìn vào bảng vẽ. Anh sửng sốt, anh cảm thấy cô chẳng nhìn thấy gì hết, hình mẫu bị vẽ sai không sửa lại được.

- Tôi chỉ mong vẽ được bằng nửa chừng ấy thôi - Anh đáp.

- Anh mới đến, không thể mong thế được. Mong vẽ được như tôi thì hơi quá, tôi đã ở đây hai năm rồi.

Fanny Price làm cho Philip bối rối. Cô tự phụ lạ lùng. Philip phát hiện ra là mọi người trong xưởng vẽ đều rất ghét cô, và điều này cũng không đáng ngạc nhiên vì cô có vẻ như quyết tâm xúc phạm mọi người.

- Tôi đã than phiền về Foinet với chị Otter - Cô nói - Hai tuần vừa rồi ông ta không chú ý bảng vẽ của tôi. Ông bỏ ra hàng nửa giờ với chị Otter vì chị là người thu tiền góp. Xét cho cùng, tôi cũng trả tiền bằng mọi người, tôi cho rằng tiền của tôi cũng có giá như tiền của họ. Tôi không hiểu vì sao tôi không được quan tâm như người khác.

Cô cầm thỏi chì than lên nhưng một lúc sau lại đặt xuống.

- Bây giờ thì tôi chẳng vẽ gì được nữa. Tôi hồi hộp kinh khủng.

Cô nhìn Foinet đang đi đến cùng với chị Otter là người phụ nữ nhu mì tầm thường nhưng tự mãn ra vẻ ta đây. Foinet ngồi xuống bên cạnh giá vẽ của một phụ nữ Anh bé nhỏ, tóc rối bù, tên là Ruth Chalice. Chị có cặp mắt đen xinh đẹp lơ lơ say đắm, khuôn mặt gầy khổ hạnh nhưng kêu gọi, nước da chị trắng ngà, do ảnh hưởng của Burne Jones lúc bấy giờ, được giới phụ nữ trẻ tuổi ở Chelses ưa chuộng. Foinet có chiều vui vẻ, ông không nói nhiều với chị, nhưng cầm lấy thỏi chì than của chị và chỉ bằng những nét sắc sảo nhất ông đã chỉ ra những chỗ sai sót. Chalice rất vui, mặt chị hớn hở khi ông đứng dậy. Ông đến chỗ Clutton, lúc ấy Philip cũng hồi hộp, nhưng chị Otter đã hứa sẽ giúp anh mọi việc ổn thỏa. Foinet đứng lại một lúc trước bức vẽ của Clutton, lạng lẽ căn ngón tay cái rồi lơ đãng phun lên bức vẽ mẫu da nhỏ xíu ông vừa căn đứt.

- Đây là nét vẽ đẹp - Cuối cùng ông nói, lấy ngón tay cái chỉ vào nét vẽ làm ông thích thú - Anh đã bắt đầu biết vẽ rồi đấy.

Clutton không đáp nhưng nhìn thầy với vẻ dửng dưng mĩa mai quen thuộc của anh đối với ý kiến của mọi người.

- Tôi bắt đầu nghĩ rằng ít nhất anh cũng có một chút tài năng.

Chị Otter bĩu môi, vốn không ưa Clutton, chị không thấy có gì đẹp trong bức vẽ của anh.

Foinet ngồi xuống, đi sâu vào những chi tiết chuyên môn. Otter dần dần thối mệ vì phải đứng lâu, Clutton không nói gì, thỉnh thoảng gật đầu và Foinet thấy hài lòng rằng anh nghe ông, nhưng rõ ràng là họ không bao giờ hiểu nhau. Sau đó Foinet đứng lên đi đến chỗ Philip.

- Anh ấy mới đến chỉ có hai ngày - Chị Otter vội vã giải thích - Anh ta mới vào học. Trước đây, anh ta chưa học bao giờ.

- Biết rồi! - Ông nói.

Ông bước qua và Otter nói nhỏ với ông:

- Đây là người phụ nữ trẻ mà tôi đã nói với thầy.

Ông nhìn Price như nhìn một con vật gớm ghiếc, giọng nói của ông dần dần càng gay gắt.

- Hình như cô cho rằng tôi không chú ý đầy đủ đến cô. Cô đã phàn nàn với chị thu tiền. Được rồi, có cho tôi xem bức họa mà cô muốn tôi chú ý tới
- Price đỏ mặt. Dưới làn da ốm yếu, máu cô như ngả sang màu đỏ kỳ dị.

Không đáp lại, cô chỉ vào bức họa mà có cặm cụi vẽ từ đầu tuần. Foinet ngồi xuống.

- Nào, nào, cô muốn tôi nói với cô điều gì? Cô muốn tôi nói với cô rằng bức họa này rất tốt chẳng? Bức họa này không tốt đâu. Cô muốn tôi bảo bức họa này vẽ đẹp chẳng? Không có giá trị đâu. Cô muốn tôi chỉ ra cho cô cái gì sai trái trong bản vẽ chẳng? Tất cả đều hỏng hết. Cô có muốn tôi bảo cô phải làm gì với bản vẽ này không? Phải xé bỏ đi thôi. Bây giờ cô hài lòng chưa?

Mặt Price nhợt nhạt. Cô giận muốn điên lên vì ông nói hết tất cả điều đó trước mặt Otter. Mặc dù ở Pháp lâu, hiểu tiếng Pháp khá giỏi, nhưng khó khăn lắm cô mới nói được vài lời.

- Ông ta không có quyền đối xử với tôi như vậy. Tiền bạc của tôi cũng quý như bất cứ của ai. Tôi trả công cho ông ấy dạy tôi học. Đó không phải là cách ông ấy dạy tôi.

- Cô ấy nói gì thế, cô ấy nói gì thế? - Foinet hỏi. Otter ngập ngừng dịch và Price nhắc lại bằng thứ tiếng nói rất dở.

- Tôi trả công cho ông để ông dạy tôi học.

Mắt Foinet long lanh giận dữ, ông vung nắm tay, cao giọng:

- Nhưng mà nhân danh Chúa, tôi không thể dạy cô. Tôi dạy con lạc đã còn dễ hơn.

Ông quay sang Otter “Chị thử hỏi xem cô ấy vẽ để đùa sao. Hay là cô ấy mong kiếm tiền bằng cách đó”.

- Tôi sẽ kiếm sống với tư cách là nghệ sỹ. - Price đáp.

- Vậy thì tôi có bốn phận nói cho cô biết rằng cô đang lãng phí thì gian. Cô không có tài, điều đó không hề gì, tài năng ngày nay không chạy rông ngoài đường, cô không có một biểu hiện nào của năng khiếu. Cô ở đây bao lâu rồi? Một đứa trẻ lên năm chỉ sau hai bài học là nó sẽ vẽ giỏi hơn cô. Tôi chỉ nói với cô một điều là hãy từ bỏ mưu toan vô vọng này. Có lẽ cô kiếm sống bằng nghề quản gia nô tốt hơn là làm họa sỹ. Cô nhìn đây.

Ông cầm một mẩu chì than, mẩu chì than gãy khi ông ấn mạnh vào giấy, ông chửi rủa, và với mẩu chì còn lại, ông vẽ vạch lên những nét rộng vững chãi. Ông vừa vẽ nhanh, vừa nói, miệng ông phun ra những lời độc ác.

- Cô nhìn đây. Hai cánh tay này không dài bằng nhau. Cái đầu gối này phi lý quá. Tôi đã bảo cô đây là cháu bé lên năm. Cô xem, chân nó không đứng vững. Cái bàn chân này này!

Cứ mỗi lời nói, cây bút chì giậm dử lại ghi một nét vẽ và chỉ trong chốc lát không còn nhận ra được bức họa mà Fanny Price đã hăm hở bỏ vào bao nhiêu thì giờ công sức, lúc này nó chỉ còn là một mớ rối rắm đường nét lộn xộn. Cuối cùng ông ta ném mẩu than xuống đất và đứng lên.

- Cô ạ, hãy nghe lời tôi khuyên, cố gắng mà làm nghề may - Ông nhìn đồng hồ: Mười hai giờ - Xin chào các ông, tuần sau ta gặp nhau.

Price chậm rãi thu thập đồ đạc dụng cụ. Philip ở lại sau cùng để nói với cô vài lời an ủi. Anh không nghĩ được gì ngoài một câu:

- Tôi hết sức lấy làm tiếc. Con người kia quả là quá thô bạo.

Cô quay lại giậm dử nhìn anh.

- Anh chờ tôi để nói thế đấy phải không? Khi nào cần sự thông cảm của anh, tôi sẽ yêu cầu. Tránh ra cho tôi đi.

Cô đi qua mặt anh ra khỏi xưởng vẽ. Philip nhún vai, khập khểnh lê bước đến nhà hàng Gravier ăn trưa.

- Thật đáng đời - Lawson nói, khi Philip kể lại cho anh ta nghe những việc đã xảy ra - Cái con đĩ quàu quạu!

Lawson hết sức nhạy cảm với những lời chỉ trích nên để tránh việc này, khi có Foinet đến, anh không tới xưởng vẽ.

- Tôi không muốn ai có ý kiến về công việc của tôi - Anh nói - Tự tôi hiểu lấy việc đó tốt hay xấu.

- Như vậy là anh muốn nói anh không thích ai có ý kiến xấu đối với tác phẩm của anh - Clutton trả lời cộc lốc.

Buổi chiều, Philip nghĩ nên đến Luxembourg xem tranh, khi đi qua công viên anh thấy Fanny Price đang ngồi ở chỗ thường ngày. Anh vẫn còn bực về thái độ thô lỗ của cô đối với nhã ý của anh, nên anh đi qua, làm ra vẻ không trông thấy cô. Nhưng cô đứng lên ngay và đi về phía anh.

- Anh định phớt lờ tôi à? - Cô nói.

- Không, dĩ nhiên là không. Tôi cho rằng có lẽ cô muốn ngồi một mình cho yên tĩnh.

- Anh đi đâu đấy?

- Tôi muốn đi ngó qua tranh của Manet mà tôi được nghe nói rất nhiều.

- Anh có vui lòng để tôi đi cùng không? Tôi biết Luxembourg khá rõ. Tôi có thể đưa anh đi xem một vài bức họa đẹp.

Anh hiểu rằng cô không thể xin lỗi một cách thẳng thắn nên coi lời đề nghị này như một cách để sửa chữa lỗi lầm.

- Quý hóa quá, tôi rất muốn như thế.

- Anh không cần đồng ý, nếu như anh muốn đi một mình. - Cô ngỡ vực nói.

- Không bao giờ.

Họ đi về phía phòng tranh. Bộ sưu tầm của Caillebotte được trưng bày cách đó không lâu, đây là lần đầu tiên chàng sinh viên có dịp xem xét thoải mái các tác phẩm của người theo trường phái ấn tượng. Cho đến lúc ấy, anh mới chỉ được xem những tác phẩm đó ở cửa hàng Durant-Rue đường Lafitte.

Không như đồng nghiệp của họ ở Anh thường có thái độ trịch thượng đối với họa sĩ, người bán tranh ở đây luôn luôn vui lòng đưa cho người sinh viên nghèo khổ nhất xem bất cứ cái gì anh ta muốn xem, hoặc sinh viên có thể dễ dàng xin thẻ ra vào nhà riêng của họ vào những ngày thứ ba để được xem những bức tranh nổi tiếng. Price đưa thẳng Philip đến bức Olympia của Manet. Anh im lặng sững sờ nhìn bức tranh.

- Anh thích bức tranh này không? Price hỏi.

- Tôi chưa hiểu - Anh yếu ớt trả lời.

- Anh có thể tin tôi, đây là bức tranh đẹp nhất trong phòng trưng bày, có lẽ không kể bức chân dung mẫu thân của ông Whistler.

Cô để anh ngắm kiệt tác đó một lúc rồi sau đó đưa anh đến xem bức tranh vẽ về một nhà ga xe lửa.

- Đây là một tác phẩm của Monet - Cô nói - Đây là nhà ga St-Lazare.

- Nhưng đường ray lại không song song - Philip nói.

- Cái đó quan trọng gì? - Cô kiêu ngạo hỏi.

Philip ngượng vô cùng. Ở xưởng vẽ Franny Price quen nói năng liến thoắng nên lúc này cô đang gây ấn tượng với Philip bằng kiến thức rộng rãi của mình. Cô bắt đầu giải thích tranh cho anh một cách kiêu ngạo nhưng không phải là không thông tuệ, cô chỉ cho anh nhận ra được ý đồ của tác giả, chỉ cho anh điều phải tìm. Cô vừa nói vừa luôn khoa khoa ngón tay cái, đối với Philip, mọi điều cô nói đều mới mẻ, anh hết sức chú ý lắng nghe nhưng đồng thời cũng cảm thấy hoang mang. Từ trước tới giờ Watts và Burne-Jones là những họa sĩ được anh tôn sùng. Sắc màu đẹp đẽ của người thứ nhất, nét bút cầu kỳ của người thứ hai thỏa mãn hoàn toàn về nhạy cảm của thẩm mỹ của anh. Thứ cảm nghĩ lý tưởng mơ hồ, một chút ít tư tưởng triết lý làm nên nhan đề các bức tranh của họ, những cái đó rất mực phù hợp với chức năng của nghệ thuật như anh đã hiểu sau khi đã cần cù nghiên cứu Ruskin; nhưng ở đây có một cái gì đó hoàn toàn khác, ở đây không có tiếng gọi của đạo đức và ngắm nhìn những tác phẩm này không giúp được ai sống một cuộc đời thanh cao hơn, trong sạch hơn. Anh cảm thấy bối rối. Cuối cùng anh nói: - Chị ạ, tôi mệt quá rồi, tôi nghĩ rằng lúc này không thể nhồi nhét thêm một chữ gì cho nó có ích. Ta ra ghế dài kia ngồi thôi.

- Đúng đấy, nghệ thuật là đừng có vơ vét quá nhiều trong một lúc, như vậy tốt hơn - Price đáp.

Khi cả hai đã ra đến ngoài, anh cuồn cuộn cảm ơn cô đã không quản khó nhọc giúp đỡ anh.

- Ô, thôi được rồi - Cô nói, vẽ không vừa ý - Tôi làm việc này vì tôi thích như vậy. Nếu anh muốn, ngày mai chúng ta sẽ đi Louvre, tôi sẽ đưa anh đến cửa hàng Durant-Ruel.

- Chị thực quá tử tế với tôi.

- Anh không xem tôi là người đáng ghét như phần đông bọn họ chứ?

- Không đâu - Anh mỉm cười đáp.

- Họ tưởng họ sẽ xua đuổi tôi ra khỏi xưởng vẽ, nhưng họ không làm được đâu. Tôi sẽ còn ở lại đó chừng nào tôi muốn. Mọi chuyện sáng nay là chính con mụ Lucy Otter làm ra. Tôi biết điều đó. Mụ ấy vốn ghét tôi. Mụ nghĩ rằng sau chuyến này tôi sẽ bỏ đi, tôi dám chắc mụ ấy thích tôi bỏ đi. Mụ ấy sợ tôi biết quá nhiều chuyện về mụ mà.

Price kể cho anh nghe một câu chuyện dài rắc rối. Như vậy thì Otter, cái con người tẻ nhạt đoan trang ấy có những chuyện gian díu rất khó nói. Sau đó cô nói đến Ruth Chalice, người con gái được Foinet khen ngợi sáng hôm nay.

- Ăn nằm với mọi người trong xưởng vẽ, không hơn một gái điếm. Mà lại còn ở bẩn nữa, cả tháng không tắm được một lần. Tôi biết rất rõ điều đó.

Philip khó chịu ngồi nghe cô kể, anh đã nghe nhiều chuyện xì xào về Chalice, nhưng còn chị Otter, chị ta hiện đang sống với mẹ, mà lại bảo chị ta là người không đoan chính thì thật nực cười. Người phụ nữ đang đi bên anh cùng với những điều dối trá hiểm độc ấy rõ ràng đã làm anh kinh tởm.

- Mặc kệ cho họ nói, tôi cứ tiếp tục chất nghệ sĩ. Tôi cảm thấy tôi là nghệ sĩ. Tôi thà tự tử còn hơn là chịu từ bỏ. Ồ tôi chẳng phải là kẻ đầu tiên bị cả trường chế giễu và sau này sẽ trở thành người duy nhất có tài. Tôi chỉ quan tâm đến nghệ thuật, muốn hiến dâng cuộc đời tôi cho nghệ thuật. Chỉ còn vấn đề là phải bền bỉ gắn bó với nó.

Đối với ai không đánh giá cô đúng như ý thì cô cho họ có những động cơ xấu xa. Cô ghét Clutton. Cô nói với Philip rằng bạn anh thực sự chẳng có tài năng, hời hợt, thích chưng diện. Còn Lawson?

- Một kẻ thô lỗ, tóc thì hung hung đỏ, mặt đầy tàn nhang. Hẳn sợ Foinet quá đến nỗi không dám để lão ấy xem tác phẩm của mình. Nói cho cùng thì tôi cũng chả sợ gì việc đó, có đúng không? Tôi cóc cần những điều Foinet nói với tôi. Tôi biết mình là một nghệ sĩ chân chính.

Họ đã đến phố cô ở, và Philip từ biệt cô, thở phào nhẹ nhõm.

Tuy vậy, đến chủ nhật sau, khi Price tỏ ý muốn đưa anh đi Louvre, Philip nhận lời. Cô chỉ cho anh xem bức Monna Lisa. Khi nhìn bức tranh anh hơi thất vọng, nhưng vì anh đã đọc đến thuộc lòng những lời châu ngọc mà Walter Pater tô vẽ cho bức họa nổi tiếng nhất thế giới, nên giờ đây anh đọc lại cho Price nghe.

- Đó hoàn toàn là văn chương - Cô nói với vẻ hơi khinh thường - Anh phải tránh cái đó.

Cô chỉ cho anh xem tác phẩm của Rembrandt và có nhiều nhận xét độc đáo. Cô dừng lại trước bức Các vị tông đồ ở Emmaus.

- Khi nào anh cảm được cái đẹp của tranh này - cô nói - lúc đó anh hiểu được ít nhiều về hội họa.

Cô chỉ anh xem bức Odalisque và La Source của Ingres. Fanny Price là người hướng dẫn độc đoán, cô không để anh muốn xem gì thì xem mà cứ mưu toan gò ép anh phải khen ngợi mọi cái cô khen ngợi. Price là con người nghiêm chỉnh một cách tuyệt đối trong vấn đề nghiên cứu nghệ thuật. Vì vậy trong phòng tranh rộng rãi khi đi qua một chiếc cửa sổ nhìn sang điện Tuileries tràn trề nắng tươi vui và trang nhã như cảnh trong tranh của Raffaelli, Philip kêu lên: - Ôi đẹp quá! Dừng lại đây một lát - thì cô lãnh đạm nói: - Vâng đúng đấy, nhưng chúng ta đến đây là để xem tranh.

Không khí mùa thu vui tươi nhộn nhịp làm cho Philip phấn chấn. Đến trưa, khi đứng trong sân rộng lớn của Louvre, anh thấy muốn hét lên như Flanagan: “Quảng bég cái nghệ thuật đi”.

- Này ta đến một tiệm ăn nào đó ở Boul Mich cùng ăn qua loa cái gì chẳng - Anh gợi ý.

Price nghi ngại nhìn anh.

- Ở nhà đang chờ tôi về ăn trưa - Cô đáp.

- Không sao, cô để ngày mai hãy ăn. Cứ để tôi đãi cô một chiều trưa.

- Tôi không hiểu tại sao anh muốn thế.

- Điều đó làm cho tôi vui thích - Anh mỉm cười đáp.

Họ qua sông, ở góc đại lộ St Michel có một hiệu ăn.

- Ta vào đây đi.

- Không, tôi không vào, ở đây có vẻ đắt lắm.

Cô kiên quyết đi tiếp và Philip buộc phải theo. Họ đi mấy bước thì đến một quán nhỏ, ở đó có chừng hơn chục người đang ăn trưa trên vỉa hè dưới bóng mát một tấm dù lớn; trên mặt tủ kính bày hàng có thông báo bằng chữ trắng to nét: “ăn trưa một động hai mươi lăm cả rượu”.

- Ta không thể ăn gì ở đâu rẻ hơn đây, trông có vẻ được lắm.

Họ ngồi vào một bàn chưa có người và đợi món trứng tráng là món thứ nhất ghi trên thực đơn. Philip vui thích nhìn khách qua đường, anh có tình cảm với họ. Anh mệt nhưng rất sung sướng.

- Này, chị nhìn người mặc áo choàng kia xem trông anh ta có cừ không?

Anh liếc nhìn Price và ngạc nhiên thấy cô vẫn cúi xuống, không chú ý cảnh tượng đang diễn ra và từ trên má cô chảy ra hai giọt lệ đau buồn.

- Có chuyện quý quái gì thế?

- Nếu anh nói thêm một câu nữa với tôi, tôi sẽ đứng lên đi ngay lập tức -
Cô đáp.

Anh rất bối rối nhưng may sao đúng lúc đó người ta bưng trứng tráng đến. Anh chia đôi và hai người bắt đầu ăn. Philip cố hết sức nói những chuyện vô thưởng vô phạt và hình như về phần mình Price cũng cố gắng làm ra vẻ vui nhưng nhìn chung bữa ăn trưa hôm ấy không đạt. Philip khó tính, cách ăn uống của cô khiến anh ăn mất ngon. Cô ăn nhồm nhoàm, ngẫu nhiên gần giống như một con thú rừng trong chuồng bách thú, và mỗi lần ăn xong một món, cô lấy những mẫu bánh mỳ vét đĩa đến sạch bóng như không muốn để mất một giọt nước thịt nào. Họ ăn đến phó mát Camembert và Philip ghê tởm thấy cô ăn cả cùi và suýt của cô, cô ăn đến hết sạch. Nếu anh sắp chết đói, anh cũng không thể ăn ngẫu nhiên như thế.

Price tính tình khó hiểu, nếu hôm nào đó anh thân mật chia tay cô, anh không thể khẳng định ngày hôm sau cô không hờn dỗi hoặc thô lỗ, tuy vậy anh đã học được ở cô nhiều mặc dù có vẻ không giỏi. Cô hiểu tất cả những điều cần chỉ bảo, và những gợi ý bèn bí của cô giúp cho anh tiến bộ. Otter cũng giúp ích cho anh, và thỉnh thoảng Chalice bình phẩm tác phẩm của anh; anh học cách nói nhiều mà lém lỉnh của Lawson và cái tính gương mẫu của Clutton. Nhưng Fanny Price không thích anh hỏi ý kiến mọi người mà không hỏi cô, và khi nói chuyện xong với người khác, anh mới yêu cầu cô giúp đỡ thì cô nhất quyết từ chối thô bạo. Các bạn Lawson, Clutton, Flannagan hay chế giễu anh.

- Phải cẩn thận đấy! Chàng trai ơi - Họ bảo - Cô nàng phải lòng cậu rồi đó.

- Ô, nói bậy. Anh cười đáp.

Ý kiến cho rằng Price có thể yêu một người nào đó thật là phi lý. Anh rùng mình nghĩ đến hình ảnh xấu xí của cô, tóc tai bết ẩm, tay chân bẩn thỉu, và bộ đồ nâu đã bạc thối, gấu rách tơi tả. Có vẻ cô túng quẫn, nhưng tất cả bạn học nào có hơn gì cô, nhưng ít nhất cô cũng phải ăn ở cho sạch sẽ và điều chắc chắn là với cây kim sợi chỉ, cô có thể sửa soạn cho xiêm áo gọn gàng.

Philip bắt đầu phân loại cảm tưởng của mình đối với người mình có quan hệ. Anh không còn quá ngây thơ như những ngày ở Heidelberg mà lúc này tựa chừng đã lùi xa vào dĩ vãng, anh đã bắt đầu thận trọng chú ý đến bản chất con người, anh có khuynh hướng khảo sát và phê phán. Trong ba tháng liền ngày nào anh cũng gặp Clutton vậy mà Philip thấy anh ta khó hiểu hơn là ngày mới quen nhau. Mọi người trong xưởng vẽ đều nghĩ rằng anh ta có tài, tin rằng anh ta nhất định làm được những việc lớn, bản thân Philip cũng đồng ý với cách đánh giá đó, nhưng nói thật chính xác anh ta sẽ làm được gì, thì cả Philip và bất kỳ ai đều hoàn toàn không biết. Trước khi đến trường Alnitano, anh ta đã làm việc tại nhiều xưởng vẽ, ở Julians, the Beaux-Arts và tại trường Mác-Pherson, anh ở trường Amitrano lâu hơn mọi nơi vì anh ta thấy rằng ở đây mình được thanh thoi nhiều hơn. Anh ta không thích và không như phần đông đám sinh viên mỹ thuật trẻ tuổi, anh ta không yêu cầu ai khuyên bảo mà cũng không khuyên bảo ai. Người ta đồn rằng tại xưởng vẽ nhỏ bé ở đường Campagne Premiere, vừa là phòng làm việc, vừa là phòng ngủ, anh ta có những bức tranh kỳ diệu, nhất định sẽ làm cho anh ta nổi tiếng nếu có ai đó xui anh ta đem triển lãm. Anh ta không có tiền thuê người mẫu mà chỉ vẽ tĩnh vật, Lawson thường nói đến

đĩa táo mà anh ta tuyên bố là kiệt tác. Anh ta khó tính và khi nhắm vào cái gì, anh ta hoàn toàn không nể bắt được đầy đủ nên anh thường không hài lòng tác phẩm của mình một cách trọn vẹn; có lẽ anh ta chỉ thích một bộ phận nào đó của bức tranh, một cẳng tay hoặc cẳng chân hoặc bàn chân của tĩnh vật; thế là anh ta cắt riêng ra giữ lại và hủy chỗ còn lại của bức vẽ. Vì vậy khi người ta đòi xem tranh của anh, anh có thể thật thà trả lời không có một bức tranh nào để đưa cho họ xem. Ở Brotanhơ, tình cờ anh ta gặp một họa sĩ chẳng một ai được nghe nói đến, một gã kỳ quặc trước đây vốn làm mỗi lái cổ phần chứng khoán mãi đến lúc đúng tuổi mới bắt đầu say mê hội họa. Thế là các tác phẩm của hắn tác động mạnh mẽ đến Clutton. Anh ta liền quay lưng lại trường phái ấn tượng, tìm cho mình một tính cách riêng biệt không chỉ về hội họa mà cả về cách nhìn nữa. Philip nhận ra ở anh ta có cái gì đó rất độc đáo.

Ở Nhà hàng Gravier mà họ đến ăn những buổi tối, ở Versailles hay ở công viên Closerie des lilas, Clutton thường lăm lăm lì lì. Anh ngồi yên lặng, vẻ nhạo báng lộ rõ trên khuôn mặt hốc hác, chỉ lên tiếng khi có dịp vào một câu dí dỏm. Anh thích châm chọc và vui vẻ ra mặt những khi có ai đó ở bên để anh có thể thực hiện sở thích đó. Anh ít nói đến những chuyện khác ngoài hội họa, và lúc ấy chỉ với một vài người mà anh ta cho là xứng đáng. Philip phân vân tự hỏi không biết anh ta có thực sự có một cái gì đó trong tâm hồn. Tính lăm lì, vẻ dữ dội nhưng hài hước cay độc, tất cả những cái đó có vẻ như tính cách nhưng cũng có thể đấy chỉ là một tấm mặt nạ mà bên trong thì rỗng tuếch.

Với Lawson thì trái lại. Chẳng mấy chốc mà Philip trở nên thân mật. Ở con người này có rất nhiều điều thú vị khiến anh chàng thành một người bạn dễ chịu. Anh ta đọc nhiều hơn phần đông các sinh viên khác, mặc dù thu nhập của anh ít ỏi nhưng anh thích mua sách và sẵn lòng cho mượn. Như thế Philip làm quen với Flaubert và Balzac, Verlaine, Heredia, và Williers de l'isle-adam. Hai người thường xem kịch, thỉnh thoảng đến nhà

hát Opera-comique bằng những tấm vé hangбет. Rạp Odeon rất gần chỗ họ ở nên chẳng mấy chốc mà Philip cũng chia sẻ niềm say mê những vở bi kịch thời Louis XIV và thể thơ Alexandrin giàu âm điệu. Phố Tournon có Nhà hát Concert Rouge. Ở đây với bảy mươi lăm xu họ được nghe tiếng nhạc tuyệt vời mà lại còn mua thêm được cái gì đó hoàn toàn có thể uống được. Tuy ghế ngồi không thoải mái, rạp lúc nào cũng chật như nêm, không khí ngột ngạt, khói thuốc rẻ tiền, nhưng với tuổi thanh niên sôi nổi, họ đứng đưng không để ý. Thình thoảng họ đến Bal Bullier. Trong những dịp đó, Flanagan cùng đi với họ. Tính dễ bị kích thích và sự hăng hái ồn ào của anh làm cho hai người phì cười. Flanagan là tay khiêu vũ giỏi nên vào phòng chưa đầy mười phút đã thấy anh quay tít với một cô bé bán hàng nào đó mà anh mới làm quen.

Tất cả bọn họ người nào cũng muốn có tình nhân ở Pari. Chuyện này là một phần trong cuộc sống riêng của sinh viên mỹ thuật, điều này làm cho họ được bạn bè kính trọng và là dịp để họ có thể huênh hoang. Nhưng thật khó khăn đối với họ vì tiền cũng chỉ vừa đủ để ăn, và cho dù họ có lý luận rằng phụ nữ Pháp đảm đang, hai miệng ăn cũng chẳng tốn kém hơn một là bao, họ thấy khó mà gặp được một người phụ nữ trẻ nào vui lòng chia sẻ quan điểm đó. Đại đa số họ chỉ thêm muốn khát khao hoặc lợi dụng những phụ nữ được các họa sĩ đã có tên tuổi vững chắc hơn họ che chở. Thật kỳ lạ là những chuyện này ở Pari lại khó khăn đến thế! Lawson làm quen được với một cô bé và liền hẹn hò gặp mặt. Trong suốt hai mươi bốn giờ anh chàng xõn xang chờ đợi, gặp ai cũng hết lời mô tả người đẹp chim sa cá lặn, nhưng đến giờ hẹn, chẳng thấy cô nàng đến. Khuya lắm mới thấy anh chàng đến nhà hàng Gravier mặt mày nhăn nhó.

- Đồ quý quái! Nó lại cho mình ăn thịt thỏ! Mình không hiểu được tại sao lại như vậy, tại sao bọn họ lại không thích mình. Có lẽ tại mình nói tiếng Pháp không giỏi hoặc tại cái tóc đỏ này của mình. Chán quá chừng, ở Pari hơn một năm rồi mà chẳng kiếm nổi được một nàng.

- Tại cậu không biết cách tiến hành - Flanagan nói. Anh này có thể kể lại một bản liệt kê dài dòng đáng ghen tỵ về những cuộc chiến thắng, mặc dù anh em từ chối không tin tất cả những chuyện anh thuật lại, nhưng họ cũng buộc phải thừa nhận rằng anh chàng không hoàn toàn nói dối. Nhưng anh không kiếm tìm những quan hệ lâu bền. Anh chỉ ở Pari có hai năm; đáng lẽ phải vào đại học anh đã thuyết phục được gia đình để anh học mỹ thuật nhưng hết thời gian này anh phải trở về Seattle, đi theo con đường kinh doanh của cha. Anh quyết định phải tận dụng thời gian để chơi bời cho thỏa thích. Trong chuyện yêu đương anh yêu cầu số lượng hơn là chất lượng.

- Tôi không hiểu làm thế nào mà bắt được họ - Lawson giận dữ hỏi Flanagan.

- Việc đó thì có gì là khó khăn hả cu con - Flanagan chỉ cần cậu cứ lao thẳng vào bọn họ thôi. Cái khó là làm sao giữ được bọn họ. Đó mới là cái cậu cần phải tinh tế.

Philip có quá nhiều bận rộn với công việc, nào đọc sách, nào xem kịch, nào nghe nói chuyện, nên anh không phải băn khoăn lo nghĩ về vấn đề ham muốn với phụ nữ. Anh cho rằng việc đó sẽ đến khi nào anh nói tiếng Pháp trơn tru hơn, anh vẫn còn thiếu thốn thời gian dành cho việc này. Từ ngày anh gặp cô Wilkinson đến nay đã hơn một năm trôi qua. Trong những tuần lễ đầu tiên ở Pari, anh quá bận rộn nên không viết trả lời một lá thư cô viết cho anh ngay trước khi anh rời khỏi Blackstable. Khi có tiếp thư khác, anh biết thư chỉ toàn lời lẽ trách móc, mà anh thì chẳng thích thú gì những thư đó, nên anh xếp vào một chỗ, định bụng sau này sẽ xem, nhưng rồi anh quên băng mất một tháng sau cũng không động đến, cho tới khi dốc ngăn kéo tìm bút tất lành, anh mới nhìn thấy bức thư chưa mở mà bàng hoàng cả người. Anh sợ mình đã làm cho cô Wilkinson đau khổ nhiều và anh cảm thấy mình thật là tàn ác, nhưng bây giờ chắc hẳn cô đã hết đau khổ. Chính

điều này làm cho anh nảy ra ý nghĩ rằng phụ nữ thường hay quá quan trọng trong cung cách biểu lộ tình cảm. Nếu là của bọn đàn ông thì chẳng có gì đáng kể và anh quả quyết chẳng có điều gì buộc mình phải gặp lại cô. Đã lâu quá rồi anh không thư từ, thì nay có viết thư cũng chẳng ích gì. Và anh nhất định không đọc lá thư đó.

- Mình dám chắc cô ta sẽ không viết nữa - Anh nghĩ bụng - Cô ta không thể không thấy mọi sự việc đã kết thúc, và lại cô ấy đã đáng tuổi mẹ mình. Cô phải hiểu biết hơn chứ: Trong mấy tiếng đồng hồ, anh cảm thấy trong người bực dọc. Hiển nhiên thái độ anh là đúng, nhưng anh vẫn thấy không hài lòng với toàn bộ sự việc. Tuy nhiên, Wilkinson không viết nữa mà cũng không bất ngờ đến Pari để biến anh thành trò cười cho bạn bè, như anh lo sợ một cách phi lý. Chẳng mấy chốc anh quên hẳn cô.

Lúc ấy đang là lúc anh dứt khoát từ bỏ những thần tượng cũ của mình. Cảm giác kinh ngạc lần đầu xem tác phẩm trường phái ấn tượng giờ đây đã biến thành sự khâm phục và chẳng mấy chốc mà chính anh nói đến tài của Manet, Monet và Degas cũng hùng hồn như người khác. Anh mua phiên bản bức Odalisque của Ingres và phiên bản Olympia treo cạnh nhau trên giá rửa mặt để khi cạo mặt anh có thể chiêm ngưỡng vẻ đẹp của. Bây giờ anh biết chắc hoàn toàn rằng trước Monet hề có tranh phong cảnh, và anh cảm thấy lòng thật sự rộn ràng vui sướng khi đứng trước “Các tông đồ ở Emmaus” của Rembrandt hay bức “Người đàn bà bị bọ chét đốt mũi” của Velasquez. Cũng như Ruskin, Burne-Jones và Watts, Philip đã bỏ chiếc mũ ống và tấm cà vạt màu xanh trắng mộc mạc mà anh dùng ngày mới đến Pari, bây giờ anh vui với chiếc mũ mềm rộng vành, dải cà vạt phất phơ và tấm áo choàng không tay kiểu may lãng mạn.

Anh đi bộ dọc đại lộ Montparnasse như đã cả đời quen với nó và do kiên trì luyện tập, anh đã hiểu cách uống rượu áp xanh mà không thấy kinh. Anh

để tóc dài, và nếu như anh không để râu thì chỉ vì tạo hóa đã tàn nhẫn không quan tâm đến những khát vọng bất diệt của tuổi trẻ.

Chẳng mấy chốc Philip hiểu rằng các bạn mình chịu ảnh hưởng của Cronshaw. Chính do ông ta mà Lawson có những ý kiến ngược đời, và thậm chí Clutton là người muốn ra về là mình độc đáo cũng phát biểu ý kiến bằng những lời lẽ mặc nhiên tiếp thu được của con người cao tuổi hơn này. Tại bàn ăn, họ bàn tán ý kiến của ông và căn cứ vào ông, họ hình thành tính cách đánh giá của mình đối với ông. Bù lại sự kính trọng vô ý thức đối với ông, họ cười nhạo những nhược điểm và xót xa những khuyết điểm của ông.

- Dĩ nhiên ông lão Cronshaw đáng thương sẽ không bao giờ làm được việc gì cho ra hồn. Trường hợp của ông ta đúng là tuyệt vọng.

Họ lấy làm tự đắc là chỉ có riêng mình biết đánh giá thiên tài của ông ta và mặc dù lớp trẻ vốn coi thường những chuyện điên rồ của lớp người cao niên, họ vẫn chiếu cố tới sự hiện diện của ông giữa bọn họ, và không quên coi chuyện đó như một điều đáng tự hào nếu như ông ta có chọn một thời điểm nào đó, để tỏ ra ta đây đặc biệt phi thường với chỉ một người nào ở đó. Cronshaw không bao giờ đến nhà hàng Gravier. Bốn năm gần đây ông sống trong cảnh nghèo nàn túng quẫn với một người đàn bà mà Lawson mới gặp một lần trong gian phòng nhỏ hẹp ở góc sáu của một căn nhà ọp ẹp nhất đường bến cảng Des Grands Augustins. Lawson khoái trá mô tả tình trạng bẩn thỉu, rác rưởi bừa bãi.

- Cái mùi sao mà gớm ghiếc! Suýt nữa thì mình nôn mửa!

- Lawson này! Đừng có nói thế, trong bữa ăn - Một người khác phản đối.

Nhưng anh ta không cưỡng lại nổi niềm thích thú được đưa ra những chi tiết sinh động về những mùi mà lỗ mũi anh phải chịu đựng. Anh say sưa mô tả một cách rất hiện thực người đàn bà đã ra mở cửa cho anh. Chị ta có nước da ngăm ngăm, người thấp lùn, béo phì nhưng rất trẻ, mái tóc đen lúc nào cũng như muốn xõa xuống. Chị mặc tấm áo choàng xộc xệch không có coóc xê, má đỏ miệng rộng, kêu gọi, mắt long lanh dâm dăng, chị gọi cho người ta nhớ đến bức tranh La Bohemienne ở Louvre của Frans Hals. Cách ăn mặc lòe loẹt tầm thường làm người ta buồn cười nhưng cũng làm người ta kinh tởm. Một thằng bé còi cọc, nhếch nhác đang chơi trên sàn nhà. Người đàn bà dâm dăng này đã lừa dối Cronshaw để giao du với bọn vô lại trong khu phố, đó là điều mà người ta đều biết. Điều bí mật đối với các chàng trai ngây thơ, đã được hấp thụ những điều không ngoan của ông, tại bàn quán ăn, là Cronshaw đầu óc thông minh, sắc sảo, say mê cái đẹp, lại có thể gắn bó với một con người như thế. Dường như ông thích cách ăn nói thô lỗ của nàng, và thường nhắc lại một vài từ ngữ gì đó sặc mùi đầu đường xó chợ. Cronshaw châm biếm gọi chị là “người con gái ông gác cổng của tôi”. Cronshaw rất nghèo. Ông kiếm vừa đủ sống bằng cách viết bài về triển lãm cho vài tờ báo tiếng Anh ở Pari nhưng bị sa thải vì say rượu, tuy vậy ông vẫn còn làm ít công việc lật vật cho báo đó, tường thuật về những cuộc bán đấu giá ở khách sạn Drouot hoặc về những buổi trình diễn ở các ca vũ trường. Cuộc sống ở Pari đã thấm vào máu ông, nên cho dù nghèo khó gian khổ nhọc nhằn, ông quyết không đổi nó với bất kỳ cuộc sống nào khác trên đời này. Suốt năm ông ở Pari, cả trong mùa hạ khi mà bạn bè quen biết đều rời khỏi đây, và ông chỉ cảm thấy thoải mái trong vòng một dặm đường quanh đại lộ St. Michel. Điều lạ lùng là ông không chịu học tiếng Pháp cho gọi là tạm tạm, và trong bộ quần áo tồi tàn mua ở hiệu La Belle Jardiniere ông vẫn giữ được cái dáng vẻ người Anh không thể nào triệt bỏ. Chắc hẳn ông sẽ là con người thành đạt trên đường đời ở một thế kỷ rưỡi trước đây, khi mà nghệ thuật chuyện trò là tấm hộ chiếu để bước vào xã hội thanh lịch.

- Tôi phải sống ở thế kỷ mười tám - Ông tự bảo - Điều tôi cần là một Mạnh Thường Quân. Tôi sẽ xuất bản thơ tôi bằng tiền mua đóng trước và tặng cho một vị quý tộc. Tôi ước mong được sáng tác những vần thơ về con chó xù của một nữ bá tước. Tâm hồn tôi khao khát tình yêu của các nàng thị nữ và chuyện trò cùng các vị giám mục.

Ông trích dẫn nhà văn lãng mạn Rolla: “Tôi sinh ra quá muộn trong một thế giới quá già cỗi”.

Ông thích những khuôn mặt mới, ông mê Philip vì hình như anh đã hoàn thành được một kỳ công là chỉ nói vừa phải để đủ gợi chuyện và không nói quá nhiều để khởi phá một cuộc đối thoại. Philip bị Cronshaw quyến rũ. Anh không nhận ra rằng những gì Cronshaw nói có rất ít cái mới. Trong chuyện trò, tính cách ông ta mạnh mẽ kỳ lạ. Giọng nói của ông hay, sang sảng, cách diễn đạt sự việc hấp dẫn không cưỡng lại được đối với thanh niên. Mọi điều ông nói dường như kích thích người ta suy nghĩ, và trên đường về, Lawson cùng Philip thường cứ lộn đi lộn lại từ khách sạn người này đến khách sạn người kia, thảo luận mãi về một điểm nào đó trong lời nói tình cờ Cronshaw gợi ra. Philip, vốn mang trong người tính chất của tuổi trẻ háo hức trông chờ ở kết quả cụ thể đã chững hững khi thấy thơ của Cronshaw hầu như không đạt được điều mong mỏi. Thơ của ông ta chưa bao giờ được xuất bản thành tập, mà phần nhiều đăng trong các tạp chí định kỳ; và sau nhiều lần được thuyết phục, Cronshaw mới mang lại một mớ giấy in xé ra từ các tập “Sách xanh”, “Tạp chí thứ bảy” và các báo khác, tờ nào cũng có thơ của ông ta. Philip ngạc nhiên thấy đa số những bài thơ này gợi anh phảng phất nhớ đến thơ của Henley hoặc của Swinburne. Chỉ cần thêm vào giọng ngâm tuyệt vời của Cronshaw là đã biến chúng thành của riêng ông. Anh bày tỏ nỗi thất vọng với Lawson, anh chàng này thậm trọng nhắc lại với Cronshaw, và lần sau, khi Philip đến Closerie des Lilas thì nhà thơ mỉm cười dịu dàng nhìn anh.

- Tôi nghe nói anh không coi thơ tôi ra gì.

Philip lúng túng:

- Tất cả điều tôi biết là đọc nó, tôi cảm thấy một niềm vui lớn.

- Anh đừng cố khoan dung với lòng tự ái của tôi - Cronshaw khoát tay béo mập đáp lại - Tôi không hề quan trọng hóa quá quắt thơ tôi đâu. Cuộc đời là để mà sống chứ đâu để làm đối tượng cho những kẻ viết lách. Mục đích của tôi là kiếm tiền, kinh nghiệm đa dạng của cuộc đời, từng giây phút chắt lọc ra những niềm cảm xúc. Tôi xem việc viết lách của tôi là một việc thanh nhả không có mục đích bòn rút, mà ngược lại nhân lên niềm vui cho cuộc đời, còn với lớp hậu thế thì quẳng bég nó đi.

Philip mỉm cười. Rõ ràng con người nghệ sĩ này đã không tạo cuộc đời mình thành một cái gì hơn là một bức tranh tồi tàn bôi bác. Cronshaw trầm ngâm nhìn anh và rót đầy cốc rượu. Ông bảo bồi đi lấy một bao thuốc lá.

- Tôi nói như thế này chắc anh cho là ngộ bởi vì anh biết rằng tôi nghèo, sống trên gác xép với một con đĩ thô bỉ sẵn sàng phản bội tôi với mấy thẳng hớt tóc và bồi bàn ở tiệm cà phê. Tôi dịch những cuốn sách rẻ tiền bỉ ổi cho công chúng Anh, viết báo ca ngợi những bức tranh tồi tệ không đáng hưởng cả đến một lời lăng mạ. Nhưng xin anh cho tôi biết ý nghĩa cuộc đời là gì?

- Ông ạ, đấy là một câu hỏi thật khó. Ông thử tự trả lời xem sao.

- Không, làm như vậy thì chẳng có giá trị gì trừ phi tự anh tìm thấy. Nhưng anh nghĩ thế nào, anh sinh ra trên đời này để làm gì?

Philip chưa bao giờ tự hỏi như vậy, nên anh suy nghĩ một lát rồi đáp:

- Ồ, tôi không biết. Tôi nghĩ rằng mình phải làm tròn bổn phận, cố hết sức sử dụng năng lực của mình, và tránh làm hại người khác.

- Tóm lại, làm cho kẻ khác điều gì anh muốn họ làm cho anh có phải thế không?

- Có lẽ là như vậy.

- Giáo lý cơ đốc.

- Không, không phải - Philip bất bình nói - Điều này chẳng liên quan gì đến giáo lý cơ đốc. Đây chỉ là đạo lý trừu tượng.

- Nhưng không hề có cái gì gọi là đạo lý trừu tượng cả.

- Nếu như vậy thì cứ giả định rằng, vì say rượu, khi rời khỏi đây, ông bỏ quên ví tiền và tôi nhặt được, thì vì sao ông nghĩ rằng tôi phải trả lại? Đâu phải là vị sợ cảnh sát.

- Đó là vì người ta sợ phạm tội phải xuống địa ngục và muốn ăn ở đoan chính để hy vọng lên thiên đường.

- Nhưng tôi không tin có địa ngục và thiên đường.

- Có thể như thế. Kant cũng không tin khi ông phát minh thuyết mệnh lệnh tuyệt đối. Anh gạt bỏ tín ngưỡng sang một bên, nhưng lại bảo tồn đạo đức từ đó phát sinh. Dù thế nào thì anh vẫn là tín đồ cơ đốc, nếu có một vị Thượng đế trên trời, thì không nghi ngờ gì nữa, anh sẽ nhận được phần thưởng. Đấng Tối cao hầu như không phải một thằng điên để cho người ta xây dựng nhà thờ. Miễn là anh tuân thủ phép tắc của Người, thì dù anh tin hay không tin Người, tôi nghĩ rằng Người cũng không phản đối.

- Nhưng nếu tôi bỏ lại cái ví tiền, chắc nhất định ông sẽ trả lại tôi, Philip nói.

- Không phải vì đạo đức trù tượng, mà chỉ vì sợ cảnh sát mà thôi.

- Tôi xin cuộc một nghìn ăn một là cảnh sát sẽ không bao giờ tìm ra.

- Tổ tiên tôi sống ở một xứ sở văn minh lâu đời đến nỗi việc sợ cảnh sát ăn sâu vào tiềm thức của tôi. Người con gái ông gác cổng nhà tôi nhất định sẽ không do dự lấy một phút nào. Anh sẽ bảo rằng cô thuộc các hạng người tội ác. Không phải đâu, chẳng qua chỉ vì cô ta chẳng hề có định kiến thông thường mà thôi.

- Nếu như vậy thì lý thuyết của ông hủy bỏ cả danh dự, đạo lý, nhân hậu, lễ nghĩa, và tất tần tật... - Philip nói.

- Đã bao giờ anh phạm tội ác chưa?

- Tôi không biết. Tôi cứ cho là như vậy. - Philip đáp.

- Anh trả lời như một luật sư không theo nhà thờ chính thống. Tôi không bao giờ phạm tội ác.

Trong cái áo choàng tồi tàn, cổ áo lật ngược, mũ đội kín đầu, mặt đỏ béo phì, cặp mắt nhỏ bé long lanh, nom Cronshaw khôi hài một cách kỳ lạ, nhưng Philip đang ở trong trạng thái hết sức nghiêm chỉnh nên không cười nổi.

- Ông không làm một điều gì để phải hối tiếc chứ?

- Làm sao mà hối tiếc được khi việc tôi làm là điều tất nhiên không thể tránh? - Cronshaw hỏi ngược lại.

- Nhưng đó là thuyết định mệnh.

- Cái áo tưởng ý chí tự do nó bám rễ sâu xa trong con người đến nỗi tôi sẵn sàng thừa nhận nó. Tôi hành động như một tác nhân tự do. Nhưng khi một hành động diễn ra thì rõ ràng tất cả mọi quyền lực từ nghìn xưa của thế gian kết hợp lại để tạo ra nó, và không điều gì tôi có thể làm còn ngăn cản được nó. Đó là điều không thể tránh khỏi. Nếu là việc tốt, tôi chẳng đòi hỏi công lao, nếu là việc xấu tôi cũng không nhận sự khiển trách.

- Đầu óc tôi đang quay cuồng. - Philip nói.

- Uống chút ượu-kki nhé. - Cronshaw quay lại đưa chai rượu sang. Không có gì làm cho đầu óc minh mẫn bằng thứ này. Phải là đàn độn anh mới khăng khăng đòi uống bia.

Philip lắc đầu và Cronshaw nói tiếp:

- Anh không phải là một chàng trai xấu nhưng anh không thích uống rượu. Ngồi nói chuyện mà không có rượu thì chuyện trò sẽ lộn xộn. Khi tôi nói đến cái thiện và cái ác, - ông tiếp nối mạch chuyện, - tôi nói theo thói quen, không gán ý nghĩa vào những lời nói đó. Tôi khước từ làm một bản phân loại hành động của con người, quy tiếng tốt cho người này tiếng xấu cho người nọ. Những từ ngữ đức hạnh, thói hư tật xấu đối với tôi đều vô nghĩa. Tôi không ca ngợi cũng không chê trách, tôi chấp nhận tôi là cái thước đo mọi sự, là trung tâm của thế gian.

- Nhưng còn có người khác trên thế gian này. - Philip phản đối.

- Tôi chỉ phát biểu cho tôi. Tôi chỉ biết họ như là đường giới hạn các hoạt động của tôi. Vũ trụ xoay quanh mỗi người và mỗi người tự mình là trung tâm của vũ trụ. Quyền của tôi chỉ mở rộng theo lực của tôi mà thôi. Điều gì tôi làm được là ranh giới duy nhất của điều tôi làm. Bởi vì chúng ta thích giao du, chúng ta sống trong xã hội, và xã hội gắn bó với nhau bằng sức mạnh, sức mạnh của vũ lực (đó là nhân viên cảnh sát) và sức mạnh của công luận (đó là cô Grundy). Một bên là xã hội, một bên là cá nhân, mỗi bên là một bộ phận phấn đấu để tự bảo tồn. Đó là sức mạnh chống lại sức mạnh. Tôi đứng một mình, nhất định tôi phải chấp nhận xã hội, và không phải là không vui lòng, vì rằng để đền đáp lại thuế mà tôi đóng, xã hội bảo vệ tôi, một người yếu đuối, chống lại hành động bạo ngược của kẻ khác mạnh hơn tôi, nhưng tôi phục tùng các phép tắc đó. Tôi không biết công lý, tôi chỉ biết có quyền lực. Khi tôi trả công cho cảnh sát, cảnh sát bảo vệ tôi và nếu tôi sống ở một nước mà chế độ cường bách tòng quân có hiệu lực, tôi sẽ phục vụ trong quân đội và quân đội giữ gìn bảo vệ nhà cửa ruộng đất của tôi chống kẻ xâm lược. Thế là tôi thanh toán song phẳng với xã hội; và lại tôi buộc phải phục tùng pháp luật xã hội mà tôi không công nhận là chính đáng. Xã hội làm ra luật pháp để tự bảo toàn; nếu tôi vi phạm pháp luật, tôi sẽ phải nhận sự trả thù của Nhà nước, nhưng tôi sẽ không coi đó là sự trừng phạt mà cũng không thấy mình có tội. Xã hội cám dỗ tôi phục vụ nó bằng tiền tài, danh vọng, bằng ý kiến của họ, tôi xem thường danh vọng, và tôi không cần đến tiền tài.

- Nếu ai cũng suy nghĩ như ông thì vũ trụ tan tành ngay tức khắc.

- Tôi không làm gì cho người khác. Tôi chỉ lo cho tôi. Tôi lợi dụng đa số nhân loại chỉ vì nghĩ đến những phần thưởng mà làm những việc trực tiếp hay gián tiếp có lợi cho tôi.

- Cách nhìn sự việc như thế theo tôi có vẻ quá vị kỷ. - Philip nói.

- Nhưng anh có cảm thấy rằng con người bao giờ cũng làm bất cứ điều gì mà không vì lý do vị kỷ không?

- Vâng.

- Nhất định con người không thể làm được. Khi anh khôn lớn già dặn hơn, anh sẽ hiểu rằng việc đầu tiên cần phải làm cho thế gian này thành một nơi tạm tạm ở được, là thừa nhận tính vị kỷ tất yếu của loài người. Anh đòi hỏi người khác phải vị tha, có nghĩa là họ phải hy sinh dục vọng của họ cho dục vọng của anh, đấy là một đòi hỏi phi lý. Khi anh đành phải cam chịu một sự thật là trên trần gian này, mỗi một người phải sống cho mình đã, thì anh sẽ ít đòi hỏi hơn đối với người khác. Họ sẽ không làm cho anh thất vọng và anh nhìn lại họ cũng độ lượng hơn. Con người chỉ tìm kiếm một việc ở đời - đó là lạc thú.

- Không, không, không - Philip nói to.

Cronshaw cười khẩy.

- Anh lờng lên như con ngựa con hoảng sợ, vì tôi dùng một từ mà đạo cơ đốc của anh gán cho một cái nghĩa xấu xa. Anh có một hệ thống giá trị trong đó lạc thú xếp ở bậc thang cuối cùng. Anh sôi nổi tự mãn nói về bốn phạm, về lòng nhân đức, về tính chân thực. Anh cho lạc thú chỉ là khả năng thưởng thức. Những kẻ nô lệ khốn khổ, những kẻ đã bày đặt ra giá trị đạo đức của các anh, khinh thường một sự thỏa mãn mà họ ít có khả năng được hưởng, anh sẽ không quá hoảng sợ nếu tôi đề cập đến hạnh phúc thay vào lạc thú, nghe ít chướng tai hơn, và tâm trí anh sẽ đi lang thang từ căn nhà bẩn thỉu như ổ lợn của Epicure cho đến khu vườn ông ấy. Nhưng mà tôi nói về lạc thú, vì tôi thấy con người nhắm vào đó mà không nhắm vào hạnh phúc. Chính là lạc thú ẩn náu trong việc thực hiện mỗi một đức tính của con người. Con người hành động mà có lợi cho người khác thì được coi là

có đạo đức, nếu con người thấy vui khi giúp đỡ người khác, thì người đó có lòng hữu ái, nếu người ta vui làm việc cho xã hội, thì người ấy có tinh thần lo lợi ích chung, nhưng chính là để mưu cầu lạc thú cho cá nhân anh mà anh cho kẻ ăn xin hai xu, cũng như vì lạc thú cá nhân tôi, uống thêm uýt ki hay xô đa. Tôi bịp bợm kém anh, tôi không vì được lạc thú mà khen ngợi mình, cũng không yêu cầu anh khâm phục.

- Nhưng có bao giờ ông biết được những người buộc phải làm những điều mà lòng họ không muốn không?

- Không, anh đặt một câu hỏi ngớ ngẩn. Điều anh muốn nói là những người đó chấp nhận sự đau khổ trước mắt hơn là niềm vui trước mắt. Lý do phản đối cũng ngớ ngẩn như cách anh diễn đạt nó. Rõ ràng con người chấp nhận sự đau khổ trước mắt hơn niềm vui trước mắt chính vì họ mong chờ một niềm vui to lớn hơn trong tương lai. Niềm vui thường là hảo huyền, nhưng họ không gạt bỏ được thói quen tính toán sai lầm. Anh lúng túng vì anh không gạt bỏ được cái quan niệm lạc thú chỉ là khả năng thưởng thức, nhưng thật là trẻ con, một người hy sinh vì Tổ quốc, hy sinh vì anh ta thích thể, cũng hết như một người ăn cái bắp ngâm dấm vì người đó thích món đó. Đó là quy luật của tạo hóa. Nếu con người lại có thể thích đau khổ hơn lạc thú thì chắc từ lâu loài người đã tuyệt chủng rồi.

- Nhưng nếu tất cả việc đó là đúng - Philip nói to - chẳng còn việc gì là có ích nữa ư? Nếu ông vất hết bốn phận, lòng nhân hậu và cái đẹp thì chúng ta sinh ra trên đời này để làm gì?

- Đấy, phương Đông huy hoàng đang đem đến câu trả lời - Cronshaw mỉm cười nói.

Ông chỉ vào hai người đứng lúc này đẩy cửa vào quán ăn, mang theo một luồng gió lạnh. Họ là người vùng cận đông, chuyên đi lang thang bán

những tấm thảm rẻ tiền, mỗi người ôm một bọc hàng hóa. Hôm ấy là tối thứ bảy, quán ăn chật ních những người. Họ đi qua các bàn và hình như họ đem tới một vẻ gì huyền bí cho cái không khí ngột ngạt vẫn đục khói thuốc lá, hầm hập mùi người này. Họ ăn mặc theo kiểu châu Âu, quần áo tồi tàn, áo choàng mỏng manh, xơ xác, mỗi người vấn một mũ khăn (của người Ả rập). Mặt họ tái vì lạnh. Một người đã đứng tuổi, râu đen, người kia là một chàng trai khoảng mười tám tuổi, mặt đỏ chăng chịt vì bệnh đậu mùa và chỉ có một mắt. Họ đi qua trước Cronshaw và Philip.

- Allah thực là vĩ đại và Mohomet là tiên tri của Người - Cronshaw nghiêm trang nói.

Người lớn tuổi bước tới mỉm cười khúm núm như con chó lai hay bị đòn. Y liếc trộm ra cửa và với một cử chỉ lén lút mau lẹ, y đưa ra một bức ảnh khiêu dâm.

- Bác có phải lái buôn Masr-ed-Dine của thành phố Alexandria, hay từ Bagdad xa xôi đem hàng hóa đến đây. Chà, này bác, anh chàng một mắt kia có phải là một trong ba vị hoàng đế mà Sheherazede kể chuyện cho đức chúa công của nàng nghe chẳng?

Nụ cười của người bán hàng rong càng quyến rũ hơn tuy không hiểu Cronshaw nói gì, và nhanh như người làm trò ảo thuật, y đưa ra một cái hộp gỗ đàn hương.

- Không, đưa cho chúng tôi tấm vải vô giá của khung cử phương Đông kia. Bởi vì tôi muốn làm sâu sắc một bài học và tô điểm cho một câu chuyện.

Người cận đông kia trải ra một khăn bàn đỏ vàng, tầm thường, gồm guốc kỳ cục.

- Ba mươi lăm quan - y nói.

- Chà, bác ạ. Khăn trải bàn này không phải thợ ở Samarkande dệt, màu sắc này không phải nhuộm ở các thùng to ở Boukhara.

- Hai mươi lăm quan - người bán rong khúm núm mỉm cười.

- Ultima Thule chính là nơi sản xuất và cả ở Birmingham quê tôi.

- Mười lăm quan. Người có râu khúm núm nói.

- Cút đi. - Cronshaw nói - mong cho lũ lừa hoang làm ô uế mả bà ngoại mày.

Vẫn cứ điềm tĩnh nhưng không cười nữa, người cận đông kia đem hàng đến bàn khác. Cronshaw quay sang Philip.

- Anh đã bao giờ đến viện bảo tàng Cluny chưa? Ở đó anh sẽ thấy những tấm thảm Ba Tư màu sắc thanh tú nhất, họa tiết hoa văn rối rắm mà đẹp đẽ khiến mắt ta say mê, sửng sốt. Ở những bức thảm đó anh sẽ thấy cái huyền bí và cái đẹp khêu gợi của phương Đông, những hoa hồng của Hafiz và cái chén uống rượu Omar; nhưng sau này rồi anh sẽ được thấy nhiều hơn nữa. Vừa mới rồi, anh hỏi ý nghĩa cuộc đời là gì. Hãy đi xem những tấm thảm Ba Tư kia và một ngày gần đây câu trả lời sẽ đến với anh.

- Ông thật là bí hiểm.

- Tôi say rồi. - Cronshaw đáp.

Cuộc sống ở Paris đắt đỏ hơn là Philip tưởng, nên đến tháng Hai anh đã xài hết phần lớn số tiền đem theo ban đầu. Anh quá kiêu hãnh nên không cầu cứu với ông bác, người giám hộ, và cũng không muốn bác gái Louisa biết mình đang lâm vào cảnh thiếu thốn túng quẫn, vì anh biết chắc thế nào bác cũng gửi cho anh chút ít tiền riêng của bác, và anh hiểu khả năng của bác ít ỏi biết chừng nào. Còn ba tháng nữa anh sẽ đến tuổi trưởng thành, sẽ được sở hữu cái tài sản nhỏ bé của mình, anh sẽ vượt qua được gian đoạn khó khăn này bằng cách bán đi ít nữ trang xoàng xĩnh thừa hưởng của cha.

Thời gian này Lawson đưa ra ý kiến là hai người nên thuê một xưởng vẽ nhỏ còn bỏ không ở một phố đi ra đại lộ Raspail. Xưởng này rất rẻ, có buồng xếp có thể dùng làm buồng ngủ, và vì sáng này Philip cũng đến trường, nên Lawson có thể yên tĩnh sử dụng xưởng vẽ trong thời gian đó, sau khi lang thang hết trường này đến trường khác, Lawson kết luận được rằng anh có thể làm việc một mình mà có kết quả và dự định tìm người mẫu làm ba, bốn ngày trong một tuần. Lúc đầu Philip do dự vì sự tốn kém, nhưng sau đó hai người đã tính toán hết, và dường như (họ rất mong muốn có xưởng vẽ riêng nên đã tính toán thật thiết thực) phí tổn cũng chẳng nhiều hơn ở khách sạn. Dù tiền nhà, tiền dọn dẹp quét tước cho người gác cổng có nhiều hơn trước chút ít họ cũng gỡ lại được bằng cách nấu lấy bữa ăn sáng. Một vài năm trước đây, hẳn Philip đã nhất định từ chối không ở chung phòng với ai vì anh rất hay lo nghĩ đến cái chân tật nguyền của mình nhưng rồi cái cách nhìn nhận vấn đề lệch lạc như vậy dần dần cũng giảm nhẹ. Ở Pari cái đó không có gì là quan trọng lắm, và mặc dù bản thân anh không lúc nào quên, nhưng anh thôi không còn có cảm giác người khác luôn luôn để ý đến điều đó. Họ dọn đến nhà mới, mua hai cái giường, một cái giá rửa mặt, một vài chiếc ghế, và lần đầu tiên họ cảm thấy vui sướng vì được làm chủ. Hai người bồi hồi xúc động đến nỗi đêm đầu nằm lên cái

giường ngủ mà họ gọi là tổ ấm, họ thức chuyện trò đến hai ba giờ sáng. Và ngày hôm sau, họ nhóm lửa tự pha lấy cà phê, cứ mặc nguyên quần áo ngủ mà uống. Công việc thú vị đến nỗi Philip không đến trường Amitrano được trước mười một giờ. Anh rất phấn khởi. Anh gật đầu chào Fanny Price.

- Dạo này chị làm ăn thế nào? - Anh vui vẻ hỏi.

- Điều đó quan trọng gì đến anh? - Cô hỏi lại.

Philip không nhin được cười.

- Đừng nói chặn họng tôi, tôi chỉ muốn tỏ ra lễ độ.

- Tôi không cần sự lễ độ của anh.

- Chị thử nghĩ xem, cãi nhau cả với tôi như vậy thì có đáng không? - Philip ôn tồn hỏi. - Số người được chị chuyện trò thân mật thật ít, quả có thể.

- Đó là chuyện của tôi, phải không?

- Tất nhiên!

Anh bắt đầu làm việc, lòng phân vân không hiểu được vì sao Fanny Price lại tỏ ra khó chịu đến thế. Cuối cùng anh kết luận rằng anh hoàn toàn không ưa cô ta. Mọi người cũng chẳng ai ưa cô. Người ta chỉ lịch sự nói với cô vì sợ giọng lưỡi hiểm độc của cô. Vì trước mặt và sau lưng họ, cô nói toàn những chuyện xấu xa. Nhưng Philip cảm thấy hạnh phúc đến nỗi cả Price, anh cũng không muốn cô có ác cảm với mình. Anh dùng mưu mẹo mà trước đây anh thường thành công để xua đuổi thái độ căm thù của cô.

- Này chị, tôi mong được chị đến xem bản vẽ của tôi. Tôi đang hết sức lúng túng.

- Cảm ơn anh nhiều, nhưng tôi lại còn những việc đáng phải làm hơn.

Philip ngạc nhiên nhìn cô, vì xưa nay có một việc mà cô tin có thể làm một cách mau mắn là đưa ra những lời khuyên bảo. Cô vội vàng nói tiếng, giọng thì hạ thấp nhưng run lên vì tức giận:

- Bây giờ Lawson đã đi rồi thì anh cho rằng anh đành phải chịu đựng tôi. Cảm ơn anh rất nhiều. Đi mà tìm người nào khác giúp anh. Tôi không thêm của thừa của người khác.

Lawson có năng khiếu sư phạm, bất cứ lúc nào khám phá được cái gì là anh háo hức phổ biến ngay và bởi vì anh dạy bằng say mê nhiệt tình nên những điều anh chỉ bảo đã có kết quả. Không hề nghĩ đến việc đó, Philip thường có thói quen ngồi cạnh anh ta. Anh không bao giờ nghĩ rằng Fanny Price có thể ghen ghét lồng lộn như vậy, và khi thấy anh nhận sự giảng giải của người khác thì cô lại càng tức giận:

- Anh rất vui vẻ mà chịu đựng tôi khi anh chẳng quen biết ai ở đây - cô cay đắng bảo - nhưng vừa mới đánh bạn được với kẻ khác là anh liền quăng tôi sang một bên như một chiếc găng tay cũ - cô thích chí nhắc lại phép ẩn dụ cũ rích này - như một chiếc găng tay cũ. Được thôi, tôi không cần, nhưng tôi sẽ không ngu ngốc nữa.

Trong điều cô nói có ít nhiều sự thực khiến Philip tức giận. Anh trả lời không cần suy nghĩ.

- Tôi có yêu cầu chị khuyên bảo chẳng qua cũng chỉ vì thấy điều đó làm chị vui lòng.

Cô há hốc mồm kinh ngạc và bỗng nhiên đau khổ nhìn anh, đôi giòng nước mắt lăn xuống má. Nom cô có vẻ nhếch nhác, kỳ cục. Philip không sao hiểu nổi thái độ khác hẳn này, anh lại tiếp tục công việc của mình. Anh bứt rứt hối hận, nhưng nhất định không đến xin lỗi cô là anh đã làm cô đau lòng vì anh sợ cô nhân cơ hội này mà làm mất mặt anh. Trong mấy tuần liền, cô không chuyện trò với anh, và sau khi Philip đã hết bực bội vì bị cô chạm lòng tự ái, anh có phần thấy khoan khoái vì đã thoát khỏi một quan hệ bè bạn khó khăn. Anh hơi lung túng trước thái độ độc quyền của cô đối với anh.

Cô là một phụ nữ khác thường. Hằng ngày cô đến xưởng vẽ vào lúc tám giờ. Khi người mẫu đã ngồi vào vị trí là cô đã sẵn sàng bắt tay ngay vào việc. Cô làm việc bèn bí, không trò chuyện với ai, vật lộn hàng giờ với những khó khăn không thể vượt qua, và ở lại cho đến khi chuông đồng hồ điểm mười hai giờ. Cô không có hy vọng thành công. Trong việc cô làm không có một dấu hiệu nào dù là khiêm tốn nhất của một thành tựu xoàng mà phần đông số người trẻ tuổi có thể đạt tới sau vài tháng. Ngày nào cô cũng mặc bộ quần áo nâu xấu xí, bùn trong ngày mưa vừa qua còn dính bết trên đường gấu rách bươm mà Philip đã để ý đến khi lần đầu gặp cô cho tới giờ vẫn chưa vá.

Nhưng một hôm cô đến gần anh, mặt đỏ ửng, hỏi anh lát nữa có thể nói chuyện với cô không.

- Tất nhiên chị muốn nói chuyện bao nhiêu cũng được. - Philip cười đáp.
- Tôi sẽ ở lại đợi chị vào mười hai giờ trưa.

Khi tan tầm anh đến gặp cô.

- Anh có vui lòng đi bộ với tôi một chút không. - Cô lúng túng nói, mắt không nhìn anh.

- Tất nhiên là được.

Họ đi im lặng trong mấy phút, rồi thành lình cô hỏi anh.

- Anh còn nhớ anh nói với tôi điều gì hôm nọ không?

- À này đừng có cãi nhau nữa - Philip nói - Đúng là chẳng đáng gì đâu.

Cô thở một cái khó nhọc.

- Tôi không muốn cãi nhau với anh. Anh là người bạn duy nhất của tôi ở Pari. Tôi nghĩ rằng anh có phần mẫn tôi. Tôi cảm thấy giữa chúng mình có cái gì đấy. Tôi bị anh lôi cuốn - anh hiểu ý tôi - cái chân vẹo của anh.

Philip đỏ mặt, và bỗng tự nhiên cố bước cho không khập khiễng. Anh không thích ai nhắc đến tật nguyền đó của mình. Anh hiểu Fanny Price muốn nói gì. Cô thì xấu xí và thô lỗ, và bởi vì anh thì tật nguyền nên họ có cảm tình đôi chút với nhau. Anh rất giận cô, nhưng tự kiềm chế, không nói.

- Anh nói chỉ hỏi ý kiến cho tôi vui lòng. Vậy anh nghĩ rằng tôi vẽ xấu hay sao?

- Tôi chỉ thấy bức vẽ của chị ở trường Amitrano, cho nên hết sức khó khăn dựa vào đó mà đánh giá.

- Tôi còn một số bức vẽ khác mà tôi chưa bao giờ mời ai xem. Tôi muốn đưa anh xem. Anh có đến không?

- Chị có lòng tốt quá. Tôi hết sức mong được xem bức vẽ đó.

- Tôi ở gần đây, - cô nói như muốn tạ lỗi, - đi chỉ mất mười phút thôi.

- Ồ, thế thì hay quá. Anh nói.

Họ đi dọc theo đại lộ, rồi rẽ sang một phố hẻm dẫn anh vào một phố khác tồi tàn hơn, có những cửa hàng nghèo nàn ở tầng dưới và cuối cùng thì dừng lại. Hai người leo qua nhiều cầu thang. Cô mở khóa cửa, họ bước vào một gian gác xếp nhỏ, một bên mái dốc nghiêng, cửa sổ chật hẹp, đóng kín; mùi mốc xông lên trong phòng. Tuy trời rất lạnh, nhưng lò sưởi không có, mà cũng không có gì chứng tỏ rằng ở đây có lò sưởi. Giường chiếu còn bừa bãi. Một cái ghế, một tủ com mốt, đồng thời là giá rửa mặt, và một giá vẽ rẻ tiền là tất cả đồ đạc trong nhà. Nơi ở nghèo khổ là điều rõ ràng, nhưng sự bừa bãi lộn xộn không ngăn nắp gây cho ta một cảm giác kinh tởm. Trên mặt lò sưởi rải rác những thuốc màu, bút lông, một cái chén, một cái đĩa cáu ghét và một ấm pha trà.

- Anh đứng sang bên kia, tôi sẽ đặt tranh vẽ trên ghế cho anh nhìn được rõ hơn.

Cô cho anh xem hai mươi bức họa khoảng bốn tấc rưỡi chiều ngang, năm tấc chiều dọc. Cô lần lượt đặt từng bức họa trên ghế vừa theo dõi nét mặt của anh. Anh gật đầu khi nhìn mỗi bản vẽ.

- Anh thích chúng phải không? - Cô lo lắng hỏi sau mỗi lúc.

- Tôi muốn trước hết là xem chúng đã - anh đáp - Tôi sẽ phát biểu ý kiến sau.

Anh tỏ vẻ bình tĩnh nhưng trong lòng phân vân sợ hãi không biết nói gì đây. Không những các bức họa chỉ vẽ tòi hoặc màu sắc sử dụng một cách nghiệp dư như một người nào đó không có con mắt nhìn, mà trong tranh còn không thể hiện một chút ý niệm nào về sắc độ ánh sáng, còn phối cảnh thì thật là lố bịch. Tranh họa như sản phẩm của đứa trẻ lên năm, nhưng một đứa trẻ thì phải có một cái gì đó ngây thơ và tối thiểu cũng ghi lại được cái gì mình nhìn thấy, nhưng ở đây là tác phẩm của một đầu óc tầm thường trong ký ức tích tụ lộn xộn hình ảnh những bức họa tầm thường. Philip nhớ ra là cô say sưa nói về Monet và những người thuộc trường phái ấn tượng, nhưng trước mắt anh lúc này là những truyền thống tồi tệ nhất của viện hàn lâm hoàng gia.

- Đây - cuối cùng cô nói - Đây là tất cả bộ.

Philip không thật thà hơn ai nhưng anh thấy khó khăn quá khi phải trắng trợn nói dối và mặt anh đỏ bừng khi trả lời.

- Tôi nghĩ rằng những tranh này tuyệt vời.

Một thoáng hồng chột ửng trên đôi má ồm yếu của cô, cô nhếch mép mỉm cười.

- Anh không cần phải nói thế, nếu như không nghĩ như vậy, tôi cần sự thật.

- Nhưng tôi nghĩ như vậy mà.

- Anh không đưa ra được một lời nhận xét nào hay sao? Chắc cũng phải có một vài bức mà anh không thích bằng những bức khác chứ?

Philip loay hoay nhìn quanh. Anh thấy một phong cảnh, một mảng phong cảnh tiêu biểu đẹp đẽ của những họa sĩ tài tử, một chiếc cầu cổ, một nếp nhà tranh phủ giây leo, một bờ sông um lùm cây lá.

- Dĩ nhiên tôi không dám cho rằng mình hiểu được gì về cảnh này - Anh nói - Nhưng tôi hoàn toàn không chắc chắn về các độ sáng của nó.

Cô sa sầm nét mặt, cầm ngay bức tranh quay ngược lại.

- Tôi không hiểu vì sao anh lại chọn bức tranh này để mà chế nhạo. Đó là bức tranh tôi vẽ đẹp nhất từ trước tới nay. Tôi chắc chắn các độ ánh sáng tôi thể hiện trong tranh là được. Đó là điều không thể dạy cho ai, hoặc người ta hiểu, hoặc người ta không hiểu.

- Tôi thấy rằng tất cả đều hết sức tuyệt vời. - Philip nhắc lại.

Cô có vẻ tự mãn nhìn các bức tranh.

- Tôi nghĩ rằng không có gì phải hổ thẹn.

Philip nhìn đồng hồ.

- Thôi đã muộn rồi. Chị có vui lòng để tôi đãi chị một bữa ăn trưa xoàng không?

- Tôi đã chuẩn bị bữa trưa ở đây rồi.

Philip không nhận thấy có dấu hiệu về bữa cơm đó, nhưng anh nghĩ rằng có lẽ người gác cổng sẽ mang đến khi anh đi khỏi. Anh vội vàng ra về. Mùi mốc của gian phòng làm anh nhức đầu.

Trong tháng Ba, người ta nhận nhíp gửi tranh dự triển lãm. Riêng Clutton chẳng có gì sẵn sàng, anh chàng hết sức khinh miệt tranh vẽ hình hai đầu người của Lawson gửi đi, hiển nhiên đó là công trình của một sinh viên, chân dung thực của người mẫu, nhưng có sức thuyết phục nhất định, Clutton mong muốn sự tuyệt mỹ, không bằng lòng với những cố gắng biểu hiện bằng sự do dự. Anh nhún vai nói với Lawson rằng thật là ngạo mạn đem đi triển lãm cái món lẽ ra không nên xuất xưởng. Thậm chí khi thấy hình vật hai đầu anh cũng không giảm phần khinh bỉ. Flanagan cũng cố thử vận may nhưng tranh của anh bị từ chối. Bà Otter gửi tấm “Chân dung mẹ tôi” không có khuyết điểm gì; và treo ở một nơi xứng đáng.

Hayward mà Philip không gặp từ khi rời Heidelberg đến Pari vài ngày vào đúng dịp để dự buổi liên hoan do Lawson và Philip tổ chức tại xưởng vẽ để ăn mừng việc Lawson có tranh tham gia triển lãm. Philip háo hức muốn gặp Hayward nhưng rồi khi gặp nhau, anh thất vọng - bề ngoài Hayward có thay đổi một ít, mái tóc đẹp đẽ vàng hoe của anh bị thưa đi và giống như những người tóc vàng thường bị sa sút nhanh chóng, mặt anh lúc này nom nhăn nheo xanh xao. Đôi mắt xanh thì nhạt hơn và nét mặt như có vẻ gì đầy dờ dẩn. Trái lại, về tinh thần thì anh dường như không thay đổi một chút nào, và nếu trình độ văn hóa của anh đã từng gây ấn tượng sâu sắc cho anh chàng Philip mười tám tuổi thì nay có phần làm cho anh chàng Philip hai mươi một tuổi coi thường. Chính bản thân Philip đã thay đổi rất nhiều, anh khinh miệt mọi quan điểm xưa kia của anh về cuộc đời, về văn học nghệ thuật và không chịu được người nào vẫn còn khư khư ôm những quan điểm ấy. Anh không muốn thấy rõ một sự thật là anh muốn khoe khoang. Trước mặt Hayward, khi dẫn anh ta đi quanh các phòng trưng bày tranh Olympia của Manet và nói bằng một giọng rất kịch:

- Tôi đổi tất cả các nghệ sĩ bậc thầy lão luyện, trừ Velasquez, Rembrandt và Vermeer để lấy riêng một bức tranh này.

- Vermeer là ai vậy? Hayward hỏi.

-Ồ anh bạn thân mến, anh không biết Vermeer ư? Anh lạc hậu rồi. Không làm quen với ông ấy thì anh chẳng nên sống thêm nữa làm gì. Ông ấy là một nghệ sĩ lão luyện bậc thầy duy nhất đã vẽ tranh như một người có quan điểm mới.

- Anh lôi Hayward ra khỏi Luxembourg và kéo vội anh ta đến Louvre.

- Nhưng ở đây còn tranh vẽ gì nữa không? Hayward hỏi với tấm lòng hết sức say mê của con nhà du lịch.

- Chẳng còn có gì đáng xem nữa. Cậu có thể đi xem một mình với cuốn sổ tay hướng dẫn của cậu.

Khi họ đến Louvre, Philip đưa bạn xuống phòng Long Gallery

- Mình muốn xem bức tranh La Joconde - Hayward nói.

-Ồ, anh bạn thân mến, đó chỉ là văn học - Philip đáp.

Cuối cùng, Philip dừng lại trong một gian phòng nhỏ, trước bức tranh “Cô gái làm ren” của Vermeer Van Delft.

- Đây, đây là bức tranh đẹp nhất ở Louvre, giống hệt như tranh của Manet.

Bằng ngón tay cái diễn đạt một cách hùng hồn, Philip nói tràn giang đại hải về tác phẩm mỹ lệ này.

- Tôi không thấy được gì phi thường như vậy trong bức tranh này. - Hayward nói.

- Dĩ nhiên đây là tác phẩm của một họa sĩ. - Philip nói - Tôi hoàn toàn tin rằng người ngoại đạo không hiểu gì nhiều trong bức tranh.

- Người gì? Hayward hỏi.

- Người ngoại đạo.

Như phần đông những người quan tâm đến nghệ thuật, Hayward hết sức mong rằng mình có lý. Anh độc đoán với những ai không dám diễn đạt ý kiến của mình, nhưng với những ai diễn đạt hùng hồn thì anh lại rất khiêm tốn. Anh lấy làm cảm kích thái độ tự tin của Philip và ngoan ngoãn tiếp thu ý kiến của bạn ngụ ý rằng luận điệu ngạo mạn của chàng họa sĩ này muốn trở thành một kẻ am hiểu hội họa duy nhất, không vô lý tí nào, nhằm làm cho người ta có cảm tưởng tốt về bức tranh.

Một vài ngày sau, Philip và Lawson tổ chức buổi tiệc. Cronshaw cũng đặc biệt vui lòng nhận lời mời đến ăn cơm với họ. Cô Chalice xung phong đến nấu nướng cho họ và khước từ ý kiến muốn mời thêm các cô gái khác đến cho có bạn với cô. Clutton, Flanagan, Potter và hai người nữa đến dự tiệc. Đồ đạc trong nhà thiếu thốn, phải dùng bục đứng của người làm mẫu làm bàn ăn, còn khách khứa muốn ngồi trên hòm xiềng hay trên sàn nhà tùy ý. Bữa tiệc gồm có món thịt bò hầm rau do Chalice nấu, món chân giò cừ nướng đều, nóng thơm ngon được đưa mời khắp lượt quanh bàn ăn (cô Chalice nấu món khoai tây, xương vè thơm nức mùi cà rốt rán, là món ăn chuyên môn của cô); tiếp theo là món lê nướng bằng rượu mạnh do

Cronshaw tự tay làm lấy. Bữa ăn sẽ kết thúc với món pho mát khổng lồ vùng Brie để gần cửa sổ làm tăng thêm mùi thơm phức cho mọi món thức ăn khác đầy ắp trong xưởng vẽ. Cronshaw ngồi ở ghế danh dự trên một cái túi du lịch xứ Gladstone, hai chân xếp như một vị tổng trấn Thổ Nhĩ Kỳ, tươi cười hiền hậu với đám thanh niên vây quanh. Do thói quen, dù xưởng vẽ nhỏ bé, với cái lò sưởi nóng rực khiến không khí hầm hập, ông vẫn mặc áo choàng dựng cổ lên và đội mũ quả dưa; ông hài lòng nhìn bốn chai fiaschi of Chianti sắp thành hàng trước mặt, với một chai uýt-ki; đứng lên vào giữa, ông nói rằng cảnh đó làm ông nhớ tới một cô gái Nga mảnh khảnh tóc vàng hoe do bốn tên hoạn quan to béo bảo vệ. Để cho các người khác được thoải mái, Hayward chỉ mặc áo quần vải tuyết, đeo cà vạt Trinity Hall. Cái chất Ăng lê trong người anh lộ rõ một cách hài hước. Mọi người tỏ ra hết sức chú trọng lịch sự với anh. Trong khi dùng món súp, họ bàn về thời tiết và tình hình chính trị. Trong khi chờ đợi món chân cừu, họ ngừng nói chuyện, còn cô Chalice thì châm thêm một điếu thuốc lá.

- Rampunzel, Rampunzel, thả tóc xuống - bất thành lời cô nói.

Bằng một cử chỉ thanh nhã, cô cởi nút dài cho bím tóc xõa xuống hai vai, rồi cô lắc đầu.

- Để tóc xõa xuống thế này bao giờ tôi cũng thấy thoải mái hơn.

Với cặp mắt to màu nâu, vẻ mặt gầy gò khổ hạnh, nước da xanh xao, vàng trán rộng, cô như vừa bước ra từ bức tranh vẽ Burne - Jones. Cô có đôi bàn tay dài đẹp, ngón tay ám đậm ni - cô - tin. Cô mặc một bộ đồ len quét sát đất, màu hoa cà và màu xanh. Cô có dáng điệu lãng mạn của High Street ở Kensington. Tuy cô xinh đẹp và có vẻ phóng đãng nhưng lại là con người rất tốt, ân cần, tử tế và điệu bộ kiêu cách chỉ là bề ngoài mà thôi. Có tiếng gõ cửa, thế là cả bọn hò hét hoan hô. Chalice đứng lên đi mở cửa. Cô

cầm cái chân cừu giơ lên cao như cái đầu của John the Baptist trên cái đĩa gỗ, và miệng vẫn ngậm điếu thuốc lá, cô trình trọng bước tới như thầy tu.

- Xin chào người con gái của Herodias - Cronshaw nói to.

Cả bọn thích thú chén món thịt cừu, và ấm lòng nhìn người đàn bà xanh xao này ăn uống rất ngon lành. Cluton và Poter mỗi người một bên cô và không ai thấy cô quá bẽn lễn. Chỉ sáu tuần lễ mà cô đã chán ngán hầu hết mọi người, nhưng sau đó, cô biết rõ phải đối xử thế nào với những chàng trai đã hết lòng yêu cô. Cô không có ác ý với họ, mặc dù đã yêu họ, cô cũng thôi và đối xử với họ như bầu bạn nhưng không suồng sã. Chốc chốc cô nhìn Lawson với cặp mắt u buồn. Món lê nướng là một thành công lớn, phần do rượu mạnh, phần vì Chalice này ép mọi người phải ăn với pho mát.

- Tôi không biết là nó ngon tuyệt trần hay là tôi sắp phải nôn - cô nói - sau khi hết sức cố thử cái món pha trộn này.

Tiếp đến là cà phê và rượu cô nhắc với tốc độ vừa phải để ngăn ngừa hậu quả không hay, rồi họ ngồi thoải mái hút thuốc lá. Ruth Chalice không làm điều gì mà không tính toán một cách nghệ thuật, cô đặt mình duyên dáng ngồi bên cạnh Cronshaw và ngả cái đầu thanh tú lên vai ông. Cô đắm chiêu nhìn vào cái vực sâu tăm tối của thời gian, và chốc chốc cô thở dài não ruột trầm tư ngắm nhìn Lawson.

Rồi mùa hè đến, đám thánh niên náo nức hoạt động. Bầu trời xanh lôi cuốn họ đi ra biển, và ngọn gió nồm dễ chịu rì rào qua cành lá ngô đồng trên đại lộ quyến rũ, hướng họ về đồng quê. Mọi người vạch kế hoạch rời khỏi Pari; họ bàn cãi nên mang theo vải vẽ kích thước thế nào cho thích hợp nhất; họ dự trữ pa nô cho việc vẽ phác thảo; họ cãi lý, cãi lẽ về giá trị của nhiều địa điểm ở Anh. Flanagan và Poter đi Concarneau; bà Ottor và mẹ, vốn quen sống giản dị, thì đi Pont Aven; Philip và Lawson quyết định

đi đến khu rừng Fontainebleau, và Chalice biết rõ một khách sạn rất tốt ở Moret, ở đây có nhiều thứ để vẽ; nơi này gần Pari và cả Philip và Lawson không ai quan tâm đến chuyện tiền tài xe. Ruth Chalice sẽ đến đó, và Lawson có ý định vẽ chân dung cô ta ngoài trời. Đúng là lúc bấy giờ khu triển lãm tranh ở Pari đầy những bức chân dung trong các công viên, dưới nắng, với những cặp mắt nhấp nháy, những khuôn mặt phản chiếu màu xanh lá cây chan hòa ánh nắng. Bọn họ mời Clutton cùng đi với họ, nhưng anh muốn đi nghỉ hè một mình. Anh vừa phát hiện ra Cezanne và háo hức muốn đến Provence. Anh muốn có những bầu trời phủ đầy mây mà màu xanh chói lọi kia như tan ra nhỏ giọt như mồ hôi. Những con đường rộng rãi rải trắng bụi, những mái nhà xanh xám bạc màu vì nắng cháy và những cây ô-li-vơ rêu rĩ vì nóng lửa.

Trước ngày họ khởi hành, sau buổi học sáng, trong lúc thu xếp dụng cụ, Philip tươi cười nói với Fanny Price:

- Ngày mai tôi đi rồi.

- Đi đâu? Cô hỏi nhanh - Anh không đi xa chứ? Mặt cô xịu xuống.

- Tôi đi nghỉ hè. Chị không đi à?

- Không, tôi vẫn ở Pari. Tôi nghĩ rằng anh cũng sẽ ở lại. Tôi vẫn hằng mong.

Cô im bật và nhún vai.

- Nhưng ở đây nóng kinh khủng, chị sẽ rất khó chịu.

- Thời tiết khó chịu đối với tôi thì ảnh hưởng gì đến anh. Còn anh sẽ đi đâu?

- Đi Moret.

- Chalice cũng đến đấy, anh không đi cùng với cô ấy đấy chứ?

- Lawson và tôi cùng đi. Cả cố ấy cũng đến đó. Tôi không biết là chúng tôi lại cùng đi với nhau.

Gương mặt to của Price sa sầm lại đỏ bừng, cô hỏi trong họng giọng buồn rầu:

- Thật là bần thiú! Tôi cứ nghĩ rằng anh là người bạn tốt, có lẽ là người bạn tốt duy nhất ở đây. Con ấy ăn nằm với Clutton, Foinet, vì vậy mà lão rất chịu khó với nó. Và giờ đến hai anh nữa, anh và Lawson. Điều đó làm cho tôi buồn nôn.

- Ồ vô lý quá. Cô ấy là hạng người thực sự đứng đắn. Mọi người đối xử với cô ấy đúng như với bạn trai.

- Chà, đừng có nói với tôi, đừng có nói với tôi!

- Nhưng việc đó quan trọng gì với chị? - Philip hỏi. Tôi nghĩ hè ở đâu thực sự chẳng phải là việc của chị.

- Tôi đã mừng vui chờ đón nghỉ hè biết bao nhiêu. - Cô thở gấp rồi nói như nói với chính mình, - tôi cứ nghĩ là anh không có tiền để đi xa, mà ở đây thì chẳng còn ai, chúng ta có thể cùng nhau cộng sự và sẽ được cùng nhau đi xem nhiều thứ. - Rồi cô bỗng nghĩ đến Ruth Chalice - cái con bần thiú ấy - cô kêu lên - con ấy không đáng nhắc tới.

Philip nhìn cô mà lòng nao nao. Anh không phải là người nghĩ rằng bọn con gái có thể đem lòng yêu thương mình; anh biết quá rõ tật nguyên của mình, anh cũng thấy vụng về lúng túng trước mặt phụ nữ nên anh không sao hiểu được ý nghĩa của cơn giận dữ này. Fanny Price đang đứng trước mặt anh, trong bộ áo váy nâu bản thiu, mái tóc ẩm ướt không chải, xõa xuống mặt, và nước mắt tức giận ròn ròn trên má. Nom cô thật gớm ghiếc, Philip liếc nhìn ra cửa, bất giác hy vọng có người bước vào, để kết thúc cái cảnh giận dữ này.

- Tôi vô cùng ân hận - anh nói.

- Anh cũng giống như tất cả bọn họ. Anh tiếp nhận đủ mọi thứ mà anh lấy được, và anh không cảm ơn được một lời. Những điều anh biết hôm nay là nhờ có tôi dạy bảo, không một kẻ nào chịu giúp anh. Lão Foinet nó có bao giờ lo lắng cho anh và tôi có thể nói với anh điều này - dù anh có làm việc ở đây đến một nghìn năm, anh cũng chẳng làm nên trò trống gì. Anh chẳng có tài cán gì. Anh chẳng có cái gì độc đáo. Mà không phải chỉ mình tôi đâu mà cả bọn đều nói như thế. Dù anh có sống lâu bao nhiêu, anh cũng không bao giờ trở thành họa sĩ.

- Điều đó chẳng phải là việc của chị, phải không nào? - Philip nói mặt đỏ bừng.

- Đây, anh tưởng đó chỉ là tính khí của tôi thôi à? Anh hãy hỏi Clutton, hỏi Lawson, hỏi Chalice mà xem. Không, không, không. Anh không có được cái đó.

Philip nhún vai, bước ra. Cô hét to sau lưng anh:

- Không, không, không nghìn lần không.

Thời đó Moret là một thành phố cũ kỹ trên con đường ven rừng Fontainebleau, và khách sạn Ecuador là một khách sạn còn giữ được cái dáng dấp suy tàn của thời xưa cũ. Khách sạn trông ra dòng sông Loing uốn khúc. Chalice ở một buồng có sân thượng nhìn xuống sông, trông ra phong cảnh chiếc cầu cũ kỹ duyên dáng với cái cổng đi vào vững chắc. Cứ tối tối, sau khi cơm nước xong, họ ra ngồi đó, uống cà phê, hút thuốc lá và đàm luận hội họa. Xa xa một con kênh chảy vào dòng sông, hai bên bờ trồng toàn bạch dương, sau ngày làm việc, họ thường lang thang đi dạo ở đây. Cả ngày họ chỉ vẽ. Như phần đông lớp người ở thế hệ họ, tâm trí họ bị ám ảnh bởi nỗi lo sợ cái đẹp, họ quay lưng lại với cái đẹp hiển nhiên của thành phố để tìm những đề tài không hề có được cái đẹp mà họ đã coi thường. Sisley và Monet đã vẽ con kênh với hàng bạch dương, họ muốn thử tay nghề của mình, vẽ cái góc tiêu biểu này của nước Pháp, nhưng họ lại sợ hãi cái vẻ đẹp ước lệ của nó nên họ quyết tâm lẩn tránh nó. Còn Chalice, cô Chalice khéo tay, đã gây ấn tượng với Lawson mặc dù anh ta coi thường tài hội họa của nữ giới, đã bắt đầu một bức tranh, trong đó cô thử làm một việc độc đáo là bỏ qua không vẽ những ngọn cây; và Lawson liền có sáng kiến vẽ thêm ở cận cảnh một tờ quảng cáo to xanh về món sô-cô-la Menier, để làm nổi bật sự ghét cay ghét đắng của anh đối với sô-cô-la hộp.

Philip bây giờ bắt đầu vẽ tranh sơn dầu. Lòng anh vui thích rộn ràng khi lần đầu tiên anh dùng chất liệu dễ chịu này. Sáng sớm anh ra ngoài với Lawson với cái hộp nhỏ của mình và ngồi gần Lawson vẽ một bức tranh; việc này làm cho anh hài lòng đến nỗi không nhận thấy rằng mình chả làm gì hơn là sao chép lại. Anh chịu ảnh hưởng của bạn nhiều đến nỗi anh chỉ nhìn bằng cặp mắt của bạn. Lawson dùng các sắc độ quá tối, cả hai cho là màu cỏ xanh lục như màu nhung sẫm, trong khi đó, bầu trời tươi sáng thì họ vẽ thành một màu xanh biếc. Suốt cả tháng bảy, họ hưởng những ngày đẹp trời; trời rất nóng, và cái nóng bức làm cho trái tim Philip khô héo, làm cho tâm hồn anh suy nhược, anh không thể làm việc, trăm mối suy nghĩ canh cánh bên lòng. Sáng sáng anh thường cắp sách đến bờ kênh, dưới

bóng hàng cây bạch dương đọc một vài dòng rồi mơ màng hàng nửa giờ. Thỉnh thoảng, anh thuê một chiếc xe đạp ọp ẹp đạp dọc theo con đường bụi bặm dẫn đến khu rừng rồi nằm dưới một khoảng rừng thưa. Đầu óc anh tràn đầy những tưởng tượng lãng mạn. Dường như những phụ nữ thượng lưu trong tranh của Watteau đang đi thơ thẩn giữa chàng kỹ sĩ của họ giữa những cây cổ thụ, say mê thì thầm với nhau những chuyện không đâu, nhưng lòng vẫn canh cánh một mối lo không yên. Họ ở một mình trong khách sạn, không kể đến một người đàn bà Pháp to béo đứng tuổi, khuôn mặt như nhân vật Rabelais, với tiếng cười thô lỗ, dâm dăng. Cả ngày bà ta ở bờ sông câu cá kiêu ngạo nhưng không bao giờ được con nào; thỉnh thoảng Philip đến chuyện trò với bà. Anh khám phá ra xưa kia bà thuộc lớp đào kép mà người nổi tiếng nhất đại diện cho thế hệ chúng ta là bà Warren và bây giờ đây đã đủ sung túc, bà sống cuộc đời yên ổn của một mục tử sản. Bà kể với Philip những chuyện dâm ô, tục tĩu.

- Cậu phải đi Seville - bà nói tiếng Anh còn ít và sai. - Phụ nữ ở đây đẹp nhất thế giới. - bà lăng lơ liếc Philip, đầu gật gù. Cái cằm ba ngấn, cái bụng phệ rung lên khi bà cố ghìm tiếng cười.

Thời tiết càng ngày càng nóng bức đến nỗi ban đêm hầu như không thể ngủ được. Cái nóng bức như một vật hữu hình, nấn ná dưới chòm cây. Bọn họ không muốn bỏ qua những cảnh trời đêm đầy sao, và ba người thương ngồi yên lặng hàng giờ trên gác thượng buồng Ruth Chalice, quá mệt nhọc không còn chuyện trò được gì, nhưng cả ba đều mê tận hưởng sự tĩnh mịch. Họ nghe tiếng rì rào con sông, chuông nhà thờ điểm một giờ rồi hai, có khi đến ba tiếng họ mới đi ngủ. Bỗng một ngày Philip nhận thấy Ruth Chalice và Lawson yêu nhau. Anh đoán ra điều này cứ vào cách cô gái nhìn anh chàng họa sĩ trẻ tuổi này và cái dáng vẻ anh chàng coi nàng như sở hữu riêng của mình. Khi Philip ngồi cùng với hai người anh cảm thấy một bầu không khí nặng nề kỳ lạ vây quanh họ. Sự khám phá này làm cho Philip choáng váng. Xưa nay anh vẫn coi Chalice như một người bạn tốt, anh

thích trò chuyện với cô nhưng dường như anh không thể đi vào mối quan hệ thân thiết hơn. Một ngày chủ nhật, cả ba người họ cùng vào rừng đem theo cái giỏ chè, và khi đến một khoang rừng thưa lý tưởng, Chalice, trước cảnh bình dị nên thơ, khăng khăng đòi cởi giày và bít tất. Nếu hai bàn chân cô không hơi thô và ngón cái thứ ba đừng cộm và chai, thì nom hết sức duyên dáng. Do vậy Philip thấy hành động ấy hơi buồn cười. Nhưng giờ đây anh nhìn cô hoàn toàn khác; có cái gì đó yếu điệu dịu dàng trong đôi mắt to, trong nước da màu ô-liu của cô; anh cảm thấy mình ngu xuẩn trước đây không nhận thấy cái vẻ quyến rũ ấy. Anh nghĩ rằng anh cảm nhận một thoáng khinh thường trong cô, vì anh đã thông minh để hiểu rằng đã có thời gian cô nằm trong tầm tay anh, còn Lawson thì anh thấy một vẻ gì đó kẻ cả. Anh thèm muốn như Lawson, anh ghen tị với Lawson, không phải vì chuyện cá nhân mà vì tình yêu của anh ta. Anh mong muốn ở vào địa vị của anh ta, cảm xúc bằng trái tim của anh ta. Trong cơn xao động, anh lo sợ, tình yêu sẽ thoát qua bên anh không bao giờ dừng lại. Anh muốn được đắm mình trong tình yêu si mê, anh muốn bị cướp mất hai chân, chịu bất lực trong cuộc tấn công phi thường mà anh không cần biết đến đâu. Anh cảm thấy Chalice và Lawson hoàn toàn khác trước và họ vẫn cứ bèn bĩ có mặt bên anh làm cho anh bức bối. Anh bất mãn với mình. Cuộc đời không đem lại cho anh điều mong ước, anh cảm thấy bức bối là mình đang bỏ phí thời gian.

Người đàn bà Pháp béo mập nọ chẳng mấy chốc đoán ra mối quan hệ giữa hai người kia và đem nói chuyện này với Philip, hết sức bộc trực.

- Còn anh - mụ nói với nụ cười khoan dung của một người béo ra nhờ tính dâm dăng của những kẻ theo đuổi mình - anh đã có tình nhân chưa?

- Chưa. - Philip đỏ mặt, trả lời.

- Sao lại chưa? Đó là chuyện đúng lứa tuổi của anh.

Anh nhún vai. Anh đang cầm trong tay tập thơ của Verlaine và anh đi thơ thần. Anh thử đọc nhưng cơn xúc động quá mạnh. Anh nhớ tới những cuộc tình duyên ngẫu nhiên mà Flanagan đã giới thiệu với anh, những chuyện lén lút đến những căn nhà trong một phố cũ, có cái phòng khách lót thảm nhung Utrecht và những vẻ đẹp duyên dáng, vụ lợi của bọn đàn bà mặt bự phấn son. Anh rùng mình. Anh ngã mình trên thảm cỏ, duỗi tay chân, như con thú non tơ vừa ngủ dậy; dòng nước chảy róc rách, những cây bạch dương nhẹ nhàng run rẩy trước cơn gió thoảng qua, bầu trời xanh, tất cả gần như quá sức chịu đựng của anh. Anh mong mỗi yêu đương. Anh tưởng tượng một đôi môi nồng nàn đặt trên môi anh, một đôi cánh tay mềm mại quàng qua cổ. Anh hình dung mình ở trong vòng tay của Ruth Chalice, anh nghĩ đến cặp mắt đen láy, nước da kỳ diệu của cô. Anh bực dọc đã để một chuyện tình kỳ diệu như vậy tuột khỏi tay mình. Và nếu Lawson làm được việc đó thì tại sao anh không làm được. Nhưng đó chỉ là lúc anh không gặp cô, những đêm thao thức hoặc mơ màng vợ vẫn bên bờ kên, còn khi anh gặp cô, anh bỗng cảm thấy mình khác hẳn, anh không còn muốn ôm cô vào lòng, cũng không thể nào hình dung anh hôn cô. Thật hết sức lạ lùng. Khi ở xa cô, thì anh cho cô là xinh đẹp, chỉ nhớ đến cặp mắt tuyệt vời, gương mặt xanh xao mịn màng của cô; nhưng khi ở gần cô anh chỉ thấy ngực cô lép kẹp, răng hôi sâu, anh cũng không thể quên mấy ngón chân chai cứng của cô. Anh không hiểu nổi chính mình. Hẳn là anh chỉ luôn yêu đương lúc người ta vắng mặt, và bị ngăn cản, không hưởng thụ được bất cứ điều gì khi gặp dịp, do sự biến dạng kia của ảo ảnh dường như đã phóng đại sự ghê tởm lên chăng?

Anh không buồn khi thời tiết đổi thay, báo hiệu một mùa hè dài lâu rõ ràng là đã hết, đưa tất cả bọn họ trở lại Pari.

Khi Philip trở lại trường Amitrano, anh thấy Price không còn làm việc ở đó nữa. Cô đã giao nộp chìa khóa tủ. Anh hỏi Otter có biết điều gì xảy đến với Price không, thì Otter nhún vai đáp rằng có lẽ Price đã trở về Anh. Philip thấy nhẹ người. Anh rất bực mình cái tính cáu gắt của cô. Hơn nữa cô còn cứ hay khăng khăng đòi chỉ bảo anh về công việc, và khi anh không làm theo, thì lại xem như anh coi thường, và cô không chịu hiểu rằng anh không còn khờ khạo như những ngày đầu. Chẳng mấy chốc, anh quên tất cả mọi chuyện về cô ta. Bây giờ anh đang vẽ tranh sơn dầu rất say sưa. Anh hy vọng hoàn thành được một cái gì đủ quan trọng để năm sau gửi đến cuộc triển lãm tranh hàng năm ở Pari. Lawson đang họa chân dung Chalice. Cô rất có đường nét, và tất cả những chàng trai đã từng là nạn nhân say mê làm cho cô thành một người mẫu tuyệt vời; và cô còn có đủ điều kiện, kiến thức chuyên môn để đóng góp những lời bình phẩm có ích. Cô say mê nghệ thuật chủ yếu là vì say mê cuộc đời nghệ sĩ nên cô sẵn sàng lơ là với việc riêng của mình. Cô thích không khí ấm cúng của xưởng vẽ, thích có cơ hội để mặc sức hút thuốc lá, cô nói về tình yêu nghệ thuật và về nghệ thuật tình yêu với một giọng nhỏ nhẹ, dịu dàng. Và giữa hai vấn đề này, cô không có sự phân biệt rõ ràng. Lawson bỏ ra vô vàn công sức trong nhiều ngày để vẽ, làm việc cho đến khi hầu như không còn đứng được nữa, nhưng sau đó anh lại cạo xóa hết. Anh làm mệt mỏi hết sức chịu đựng kiên trì của bất cứ ai, trừ Ruth Chalice. Cuối cùng đầu óc anh rồi bời thất vọng.

- Chỉ còn có việc căng một tấm vải khác để vẽ lại từ đầu - anh nói - tôi biết đích xác bây giờ tôi cần gì và sẽ không lâu. Lúc ấy Philip cũng có mặt và Chalice nói với anh:

- Tại sao anh không vẽ tôi? Cứ theo dõi quan sát Lawson, anh sẽ học hỏi được nhiều.

Một trong những nét nhã nhặn, lịch thiệp của Chalice là thường gọi những tình nhân của mình bằng họ của người ấy.

- Tôi rất thích thể nếu Lawson không lấy làm khó chịu.

- Tôi cóc cần - Lawson trả lời.

Đây là lần đầu Philip vẽ chân dung, anh bắt đầu với một cảm xúc run sợ, nhưng cũng lấy làm tự hào. Anh ngồi gần Lawson và vẽ theo anh ta. Anh lợi dụng được những gì Lawson và Chalice sẵn sàng khuyên bảo. Sau cùng Lawson vẽ xong và mời Clutton vào bình phẩm. Clutton vừa mới trở lại Pari. Anh chèo từ Provence trôi dạt sang tây Ban Nha, hăm hở đi thăm Velasquez ở Madrid và từ đó anh đi Toledo. Anh ở lại Toledo ba tháng và trở về đem theo cho các bạn trẻ một cái tên rất mới: anh nói nhiều chuyện kỳ lạ về họa sĩ tên là El Greco và hình như chỉ học hỏi ông này ở Toledo.

- Ồ, đúng, tôi biết ông ta - Lawson nói - Ông ta là nghệ sĩ bậc thầy có được cái biệt tài vẽ tời như phách hiện đại.

Clutton nói ít hơn bao giờ, không đáp lại, nhưng nhìn Lawson với vẻ nhạo báng.

- Cậu có định cho chúng mình xem món gì mang từ Tây Ban Nha về không? - Philip hỏi.

- Ở Tây Ban Nha tôi không vẽ. Tôi bận quá.

- Vậy cậu làm gì?

- Tôi đang phải suy nghĩ. Tôi tin rằng tôi đã đoạn tuyệt những người phái ẩn tượng, tôi cho là dường như chỉ vài năm nữa họ sẽ trở nên nghèo nàn, hời hợt. Tôi muốn xóa bỏ hoàn toàn mọi điều đã học và bắt đầu lại từ đầu. Khi trở về, tôi đã hủy tất cả những gì đã vẽ. Không có gì hết trong xưởng vẽ của tôi trừ cái giá vẽ, thuốc màu và mấy tấm vải căng còn nguyên vẹn.

- Cậu sẽ làm gì?

- Tôi còn chưa biết. Tôi chỉ mới có một ý niệm mơ hồ về cái gì tôi muốn thôi.

Anh nói chậm chạp một cách kỳ cục tựa như đang cố gắng nghe một cái gì rất khẽ vừa đủ nghe. Hình như trong anh có một sức mạnh huyền bí mà anh không hiểu nổi và sức mạnh đó đang đấu tranh thầm lặng để tìm lối thoát. Sức mạnh của anh in sâu vào tâm trí người ta. Lawson rất sợ phê bình và e ngại có thể sẽ bị chê trách, anh ta làm như coi thường ý kiến của Clutton; nhưng Philip hiểu rằng không có gì làm cho anh thích thú hơn là lời khen của Clutton. Clutton yên lặng nhìn bức chân dung kia vài lần, rồi liếc nhìn bức tranh của Philip trên giá vẽ.

- Cái gì đây? Clutton hỏi.

- Ồ, tôi cũng thử vẽ chân dung.

- Một con khi cần mẫn. Anh thì thầm.

Anh lại quay sang bức vẽ của Lawson, Philip đỏ mặt nhưng không nói gì.

- Nào cậu nghĩ gì về bức tranh đó? Cuối cùng Lawson hỏi.

- Hình khối thì tuyệt - Clutton nói - Tôi nghĩ rằng đường nét rất tốt.

- Thế còn sắc độ, cậu thấy có ổn không?

- Rất tốt.

Lawson cười thích thú. Người anh run lên trong bộ quần áo như một con chó ướt.

- Này, tôi rất sung sướng là cậu thích bức tranh này.

- Tôi thì không, tôi nghĩ rằng nó chẳng có gì.

Laswon xịu mặt, kinh ngạc nhìn Clutton: anh chàng chẳng có ý niệm gì về điều mình muốn nói. Clutton vốn không có năng khiếu diễn đạt bằng lời nói và tựa như phải cố gắng lắm anh mới nói ra được. Điều anh cần phát biểu thì dài dòng, lộn xộn và ngắc ngứ; nhưng Philip hiểu được những lí lẽ đang làm chủ đề câu chuyện không mạch lạc của bạn. Clutton không bao giờ chịu đọc; lần đầu ý nghĩ này anh được nghe Cronshaw phát biểu tuy chúng để lại không nhiều ấn tượng, nhưng tâm trí anh nhớ mãi; và gần đây, chúng lại đột nhiên nổi bật lên với tính cách một sự phát hiện: khi vẽ, một họa sĩ thật sự phải nhắm hai mục tiêu chủ yếu, ấy là con người và biểu hiện tâm hồn con người. Những họa sĩ ấn tượng bận rộn với những vấn đề khác, họ vẽ con người thì thật tuyệt diệu, nhưng về mặt tâm hồn con người thì họ chẳng hề nghĩ đến, cũng hết như các họa sĩ vẽ chân dung người Anh thế kỷ thứ mười tám.

- Nhưng khi cậu cố gắng đạt được điều đó, thì cậu trở thành nhà văn - Lawson nói cắt ngang - Cứ để tôi vẽ con người như Manet, còn vấn đề biểu hiện tâm hồn họ thì tôi cóc cần.

Nếu cậu đánh bại được Manet về lĩnh vực chuyên môn của ông ta, thì cậu sẽ là người rất giỏi, nhưng bất kỳ ở đâu cậu cũng không thể bám được gót ông ta. Cậu không thể tự nuôi lấy thân bằng cái ngày hôm kia, đấy là vì mảnh đất đã bị vất kiệt rồi, anh phải quay lại đi. Chính xem tranh của Greco^[45] tôi mới cảm thấy rằng khi vẽ chân dung, người ta có thể làm một cái gì đó hơn hẳn những gì chúng ta đã biết trước đây.

- Như thế đã trở lại với Ruskin^[46] rồi - Lawson reo lên.

- Không. Anh thấy đấy, ông ấy đi tìm đạo đức. Tớ thì tớ cóc cần đạo đức. Những bài giảng không có dính dáng gì đến chuyện đó kể cả thẩm mỹ và những chuyện khác trừ tình yêu và cảm xúc. Những nhà họa chân dung lớn nhất như Rembrandt và El Greco biểu hiện cả hai: con người và tâm hồn con người. Các họa sĩ tầm thường chỉ vẽ được con người. Hoa huệ ở nơi thung lũng dù không thơm cũng đẹp, nhưng vì nó có mùi hương nên nó càng xinh đẹp hơn. Bức tranh này - anh chỉ vào bức tranh của Lawson- Ủ, trong bức tranh đường nét rất tốt, hình khối cũng rất tốt, nhưng đúng là theo lối cổ truyền, đường nét và hình khối phải vẽ sao cho người ta biết người còn gái này là một người con gái đê tiện, bẩn thỉu. Sự chính xác nào cũng hoàn toàn tốt đẹp: El Greco vẽ người của ông cao gần hai thước rưỡi vì ông muốn diễn đạt một cái gì ông không thể có được bằng cách nào khác.

- Quảng bég cái lão El Greco của anh đi - Lawson nói.

- Cứ nói lái nhải dài dòng về một người mà chúng ta chưa có dịp xem một tác phẩm nào của ông ta thì có lợi gì.

Clutton im lặng nhún vai, hút một điếu thuốc lá rồi đi ra. Philip và Lawson nhìn nhau.

- Trong điều anh ta nói có cái đúng - Philip nói.

Lawson bức bối nhìn bức vẽ của mình.

- Làm thế quái nào mà biểu hiện được trạng thái tâm hồn con người, nếu không phải là vẽ cho thật chính xác những gì ta nhìn thấy?

Trong thời gian này Philip kiếm được một người bạn mới. Sáng thứ hai nào những người mẫu cũng tập trung tại trường để người ta chọn lấy một người trong tuần lễ đó. Một hôm, có một người trẻ tuổi được nhận, rõ ràng anh ta không phải người làm mẫu chuyên nghiệp. Tư thế của người làm mẫu khiến Philip hết sức chú ý đến anh ta: khi bước lên bậc, anh đứng thẳng hai chân vững chắc, tay nắm chặt, đầu nhô về phía trước như thách thức, tư thế đó làm nổi bật hình dáng đẹp đẽ của anh, người anh không béo, các bắp thịt cuộn cuộn như bằng sắt thép. Kiểu đầu anh rất đẹp, tóc cắt tọc, râu ngắn gọn, cặp mắt to đen, lông mày rậm. Anh đứng mẫu hết giờ này qua giờ khác, không tỏ vẻ mệt nhọc. Sắc mặt anh ta thể hiện sự hồ thẹn pha lẫn quyết tâm. Vẻ nghị lực sôi nổi của anh ta kích thích trí tưởng tượng lãng mạn của Philip, và lúc buổi làm mẫu kết thúc, Philip thấy anh ta mặc quần áo hần hoi. Philip có cảm giác như anh ta là một ông hoàng ăn mặc rách rưới tả tơi. Anh ta kín đáo, ít nói, nhưng vài hôm sau bà Otter cho Philip biết anh ta là người Tây Ban Nha, trước đây chưa từng bao giờ ngồi mẫu.

- Tôi cho rằng anh ấy đang túng đỏi - Philip nói.

- Anh có để ý đến quần áo anh ta không? Quần áo đó rất gọn gàng, sạch sẽ thơm tất, phải không?

Tình cờ, Potter, một trong số người Mỹ đang học ở trường Amitrano, sắp đi Italia vài tháng nên muốn nhường lại xưởng vẽ cho Philip. Philip rất thích. Anh đã bắt đầu thấy khó chịu với những lời khuyên bảo độc đoán của

Lawson nên muốn sống một mình. Đến cuối tuần, lấy cơ bản vẽ của mình chưa xong, anh bước đến bên người mẫu hỏi anh ta có vui lòng đến ngồi làm mẫu cho anh một ngày không?

- Tôi không phải người mẫu - gã Tây ban Nha đáp - tuần sau tôi có việc khác phải làm.

- Bây giờ xin mời anh đi ăn trưa với tôi và chúng ta sẽ bàn đến việc này.
- Philip nói, và khi thấy người kia lưỡng lự, anh mỉm cười nói. - Đi ăn trưa với tôi có hại gì cho anh đâu.

Người mẫu nọ nhún vai, đồng ý, và họ đến một quán ăn. Gã Tây Ban Nha nói tiếng Pháp sai, tuy trôi chảy nhưng khó nghe kịp, và Philip cũng tìm cách hiểu được ý. Anh phát hiện ra y là nhà văn đến Pari để viết tiểu thuyết, và trong khi chờ đợi, kiếm sống bằng mọi cách đối với một kẻ nghèo xơ, nghèo xác: dạy học, dịch thuật bất kỳ việc gì y nắm chắc được, chủ yếu là tài liệu thương mại. Nhưng rồi cuối cùng bị dồn vào thế phải kiếm tiền bằng dáng dấp đẹp đẽ của mình. Ngồi làm mẫu được trả hậu, tiền kiếm được trong tuần qua đã cho y sống vài tuần. Y nói với Philip rằng y có thể sống thoải mái với hai quan mỗi ngày, điều này làm cho Philip sửng sốt; nhưng lại làm cho y hổ thẹn vì buộc phải phơi bày thân thể của mình ra để kiếm tiền và y xem việc đói khát mới là lý do để bào chữa. Philip thanh minh rằng anh không cần y ngồi y để vẽ cả người mà chỉ vẽ cái đầu thôi; anh muốn một lần họa chân dung để gửi trưng bày ở cuộc triển lãm sắp đến.

- Tôi không có thời giờ. Nhưng làm sao anh lại phải vẽ tôi? - gã Tây Ban Nha hỏi.

Philip trả lời rằng anh thích hình dáng cái đầu của y. Anh cho rằng anh có thể họa một bức chân dung đẹp.

- Tôi không có thời giờ. Bất đắc dĩ lắm tôi mới phải xâm phạm một vài phút của công việc viết lách.

- Nhưng việc này thường làm vào buổi chiều thôi. Buổi sáng tôi làm ở trường. Nói cho cùng, ngồi làm mẫu cho tôi tốt hơn là đi dịch tài liệu pháp luật.

Có nhiều truyền thuyết ở khu la tinh về cái thời những sinh viên nhiều nước khác nhau cùng sống chung mật thiết, nhưng điều này đã qua từ lâu, nay thì nhiều dân tộc ăn ở phần lớn là phân tán như ở một đô thị phương Đông. Tại nhà Julian và trường Mỹ thuật, một sinh viên Pháp bị các bạn đồng hương ghét bỏ vì đi giao thiệp với người nước ngoài, và thật là khó khăn cho một người Anh tìm cách quen dù hời hợt với bất kỳ dân cư thành thị nào nơi họ ở. Thực vậy, nhiều sinh viên, sau năm năm ở Pari không hiểu tiếng Pháp hơn ngoài những từ học để dùng chung trong các cửa hàng và họ sống một cuộc đời chẳng có gì hơn như họ đang ở làm việc ở phía nam thành phố Kesington.

Say sưa với bao suy nghĩ lãng mạn, Philip lấy làm vui mừng được dịp tiếp xúc với một người Tây Ban Nha; anh dùng hết tài thuyết phục của mình để vận động con người này sẵn sàng nhận việc.

- Tôi sẽ cho anh biết điều tôi sẽ làm cuối cùng, gã Tây Ban Nha trả lời - tôi ngồi làm mẫu cho anh không phải để lấy tiền công mà do sở thích của riêng tôi.

Philip thân ái giải thích nhưng người kia cương quyết không đổi ý kiến, và cuối cùng họ thỏa thuận là y sẽ đến vào ngày thứ hai tuần sau lúc một giờ. Y đưa cho Philip một danh thiếp có tên y: Miguel Ajuria.

Miguel đến ngồi làm mẫu đều đặn, và mặc dù y từ chối không chịu nhận tiền công, y thỉnh thoảng mượn của Philip năm chục quan. Như vậy có vẻ hơi đắt so với số tiền Philip phải trả cho các buổi ngồi mẫu bình thường, nhưng lại làm cho người Tây Ban Nha này cảm thấy vui lòng rằng mình kiếm sống không phải bằng cách hèn kém. Quốc tịch của y làm Philip xem như một nhân vật tiểu thuyết, anh hỏi y về Seville và Granda, Velasquez và Calderon^[47]. Nhưng Miguel không chịu chấp nhận sự vĩ đại của tổ quốc mình. Đối với y cũng như nhiều đồng bào của y, nước Pháp là nước tốt nhất cho người trí thức và Pari là trung tâm thế giới.

- Xứ sở Tây Ban Nha đã chết - Y kêu lên- Nó không có văn nhân, không có nghệ thuật, không có gì hết.

Dần dần bằng tài hùng biện dồi dào vốn là truyền thống dân tộc mình y thổ lộ tham vọng. Y đang viết một cuốn tiểu thuyết mà y hy vọng sẽ làm cho y nổi tiếng. Y chịu ảnh hưởng của Zola, và y xếp đặt hành động cuốn chuyện sẽ xảy ra ở Pari. Cuối cùng y nói cốt truyện với Philip. Đối với Philip truyện đó dường như còn thô thiển váng ngớ ngẩn; lời lẽ tục tĩu, khờ khạo - Đó là cuộc đời anh bạn thân mến, đó là cuộc đời - y kêu lên - lời lẽ tục tĩu khờ khạo chỉ dùng để làm nổi bật tính chất rập khuôn theo quy ước của giai thoại. Y viết từ hai năm nay giữa bao nhiêu gian lao không thể tưởng tượng nổi, chịu nhịn hết mọi lạc thú ở đời lôi kéo mình ở Pari, vật lộn đối với đói khát vì sự nghiệp nghệ thuật, quyết tâm rằng không có gì có thể cản trở y hoàn thành công việc vĩ đại của mình. Cố gắng của y thật là anh hùng.

- Nhưng sao anh lại không viết về xứ sở Tây Ban Nha - Philip hỏi - Việc đó hẳn thú vị hơn nhiều. Anh am hiểu cuộc sống ở đó.

- Nhưng Pari là nơi duy nhất đáng viết. Pari là biểu hiện của cuộc đời.

Một hôm, y đem tập bản thảo tới, và bằng thứ tiếng Pháp tồi của y, y dịch sôi nổi, y đọc các đoạn văn. Thật là thảm hại. Philip bối rối nhìn bức tranh anh đang vẽ: đằng sau vùng trán rộng kia là một trí tuệ tầm thường, và cặp mắt sáng ngời tha thiết kia không nhìn ra được cái gì sinh động trừ sự thật hiển nhiên. Philip không hài lòng với bức chân dung và sau mỗi buổi làm mẫu kết thúc, hầu như anh bao giờ cũng xóa đi những gì đã vẽ. Thật hoàn toàn hết sức đúng, là phải nhằm thể hiện được tâm hồn, nhưng liệu ai có thể nói được điều đó là gì khi con người dường như là cả một khối những mâu thuẫn? Anh mến Miguel nhưng anh lấy làm đau buồn hiểu rằng cuộc đấu tranh cừ khôi của y là vô ích; y có tất cả mọi thứ để trở thành một nhà văn giỏi, trừ tài năng. Philip nhìn tác phẩm của mình. Làm thế nào để có thể khẳng định có một cái gì trong đó hay chỉ là lãng phí thời gian? Rõ ràng là ý chí thành đạt không thể giúp đỡ được gì và lòng tự tin là vô nghĩa. Philip nhớ tới Fanny Price; nàng tin tưởng mãnh liệt vào tài năng của mình, sức mạnh ý chí của nàng thật lạ thường.

- Nếu mình không nghĩ rằng mình sẽ thành tài thì thà mình bỏ nghề hội họa - Philip tự nhủ - ích gì làm một họa sĩ tầm thường.

Rồi một buổi sáng khi anh đang đi ra, thì bác gác cổng gọi to là anh có thư. Trừ bác gái Louisa và đôi khi là Hayward còn thì chẳng có ai viết thư cho anh, đây là kiểu chữ viết anh không quen. Bức thư như sau:

Nhận được thư này anh hãy làm ơn đến ngay. Tôi không thể chịu đựng nổi hoàn cảnh này nữa. Xin anh hãy đến một mình. Tôi không chịu nổi cái ý nghĩ một người nào khác đung vào tôi. Tôi mong muốn anh đạt được mọi sự.

F. Price

Tôi không có gì ăn ba ngày nay.

Philip bỗng run người vì lo sợ. Anh hồi hải đến nhà cô. Anh lấy làm ngạc nhiên vì cô vẫn còn ở Pari. Đã nhiều tháng nay, anh không gặp cô, anh cứ tưởng cô đã về Anh từ lâu. Khi đến nơi, anh hỏi người gác cổng cô có ở nhà không.

- Có. Hai ngày nay tôi không thấy cô ấy đi ra ngoài.

Philip chạy lên cầu thang gác và gõ cửa. Không có ai đáp lại. Anh gọi tên cô. Cửa đã khóa, anh cúi xuống thì thấy cái chốt sắt nằm trong ổ khóa.

- Ối, trời ơi! Hy vọng rằng cô ấy không làm điều gì khủng khiếp - anh kêu to lên.

Anh chạy xuống, nói với người gác cổng rằng chắc chắn cô đang ở trong phòng. Anh nhận được thư cô và lo sợ một tai biến ghê gớm. Anh đề nghị phá cửa. Người gác cổng lúc đầu mặt nhăn nhó, không muốn nghe theo, bấy giờ trở nên hoảng hốt, y không thể nhận lấy trách nhiệm phá cửa nên sau đó tìm về một gã thợ khóa. Philip thấy Price không trả tiền thuê nhà quý cuối cùng: nhân dịp năm mới cô không có quà cho người gác cổng, vốn là thói quen hủ lậu nhưng y xem như là một quyền lợi. Bốn người bọn họ đi lên cầu thang và họ gõ cửa lần nữa. Không có tiếng trả lời. Gã thợ khóa bắt đầu mở khóa và cuối cùng họ vào trong căn phòng. Philip hét lên một tiếng và hai tay che mắt lại theo bản năng. Người đàn bà bất hạnh này lơ lửng với sợi dây thừng quanh cổ, cô đã buộc dây vào cái móc trên trần nhà do người thuê nhà trước đã đóng vào để đỡ mấy tấm màn ở giường nằm. Cô đã di chuyển cái giường bé nhỏ của mình, đứng lên một cái ghế rồi đạp ra xa. Cái ghế còn nằm lăn trên sàn nhà. Họ cắt dây, hạ cô xuống. Thi thể cô đã lạnh ngắt.

Câu chuyện Philip kể bằng cách này hay cách khác nghe rất khủng khiếp. Một trong những lời phàn nàn của đám nữ sinh là Fanny Price thường không tham dự các bữa ăn vui vẻ với họ ở khách sạn. Lý do này đã rõ ràng: cảnh nghèo túng kinh khủng đã hành hạ nàng. Anh nhớ lại bữa cơm trưa họ cùng ăn khi anh đến Pari lần đầu, kiểu ăn uống như ma đói của nàng làm anh ghê tởm. Bây giờ thì anh hiểu chỉ vì nàng đói quá. Người gác cổng nói với anh về món ăn hàng ngày của nàng: một chai sữa và một ổ bánh mì; buổi trưa ở trường về nàng ăn nửa ổ và uống nửa chai sữa, và tối đến thì ăn nốt phần còn lại. Ngày nào cũng vậy. Philip đau đớn nghĩ đến những gì nàng đã phải chịu đựng. Nàng không bao giờ cho ai biết nàng nghèo khổ hơn người khác, nhưng rõ ràng nàng đã hết tiền và cuối cùng không có đủ điều kiện để đến xưởng vẽ nữa. Căn phòng nhỏ bé hầu như trần trụi chẳng có đồ đạc, và chẳng có quần áo gì hơn là bộ đồ nâu tồi tàn nàng thường mặc. Philip lục soát đồ đạc của nàng để tìm địa chỉ người bạn nào mà anh có thể báo tin. Anh tìm thấy một mảnh giấy trên đó tên anh được viết đi viết lại nhiều lần. Điều này làm cho anh bàng hoàng. Quả thật nàng đã yêu anh; anh rùng mình nghĩ đến cái thân hình gầy còm trong bộ quần áo nâu, lưng lẳng ở cái đỉnh trên trần nhà. Nhưng nếu nàng chú ý đến anh vì sao nàng không để anh giúp đỡ. Anh sẽ rất vui lòng làm tất cả mọi việc có thể làm được. Anh cảm thấy hối hận vì không chịu nhận ra nàng đã nhìn anh bằng con mắt chứa đựng những tình cảm đặc biệt và giờ đây những dòng chữ kia trong thư nàng trở nên vô cùng cảm động: “Tôi không thể chịu nổi ý nghĩ một người nào khác đụng vào người tôi”. Nàng đã chết đói.

Cuối cùng Philip tìm được bức thư ký tên: người anh thương mến của em, Albert. Bức thư cũ đã hai ba tuần nay, gửi từ một đường phố nào đó ở Surbiton, khước từ việc cho vay năm bảng. Người viết thư phải lo nghĩ đến

gia đình vợ con, y thấy không cho vay tiền là đúng và khuyên Fanny nên trở về Luân Đôn, và cố gắng tìm một chỗ làm việc. Philip đánh điện cho Albert Price, và nhận được trả lời:

“Hết sức đau buồn. Rất khó bỏ mặc công việc. Cần thiết có mặt không? Price.”

Bức điện trả lời của Philip khẳng định ngắn gọn, và sáng hôm sau một người khách lạ đến xưởng vẽ.

- Tôi tên là Price, - y nói khi Philip mở cửa. Y mặc đồ đen, đội mũ quá đưa quần băng tang, y cũng có cái vẻ vụng về của Fanny, ria mép rập; nói giọng người Luân Đôn. Philip mời y vào nhà. Y đưa mắt liếc nhìn quanh xưởng vẽ trong khi Philip thuật lại mọi chi tiết của tấm thảm kịch và những việc anh đã làm.

- Tôi không cần phải nhìn cô ấy chứ, phải không? - Albert Price hỏi. - Thần kinh tôi không vững lắm, chỉ nhìn qua tôi đã thấy choáng váng rồi.

Y bắt đầu nói năng thoải mái. Y là một nhà buôn cao su, có vợ và ba con. Fanny là cô giáo nuôi dạy trẻ. Và y không hiểu nổi tại sao cô bỏ nghề này để đến Pari.

- Tôi và nhà tôi đã bảo cô ấy rằng Pari không phải là chỗ cho đàn bà con gái. Và nghệ thuật thì làm gì ra tiền. Không bao giờ có.

Khá rõ ràng là quan hệ của y với cô em gái không có gì là thăm thiết, việc nàng tự vẫn làm y tức giận, y cố cho đây là trò báo hại cuối cùng nàng gây cho y. Y không thích không thích ý kiến cho rằng đói nghèo đã dẫn nàng đến bước đường ấy. Việc này dường như làm ảnh hưởng đến gia đình.

Y bỗng nghĩ rằng hành động của nàng ắt phải có một nguyên nhân đúng đắn hơn.

- Tôi nghĩ chắc cô ấy phải gặp chuyện rắc rối với người đàn ông nào đó, đúng không? Anh hẳn hiểu điều tôi muốn nói... Pari và mọi chuyện. Chắc cô ấy làm như vậy để khỏi phải hổ thẹn.

Philip cảm thấy đỏ mặt và anh tự nguyện rửa mình yếu đuối. Cặp mắt tinh hí sắc sảo của Price có vẻ như nghi ngờ anh đan díu với em gái y.

- Tôi tin em gái anh là một người hoàn toàn đức hạnh. - anh trả lời gay gắt.- Cô ấy tự sát vì đói.

- Thế đấy, chuyện này thật đau đớn cho gia đình tôi, ông Carey ạ. Cô ấy chỉ việc viết thư cho tôi. Tôi sẽ chẳng để em tôi thiếu thốn.

Philip tìm ra địa chỉ người anh là do đọc lá thư y từ chối không cho mượn tiền; nhưng anh chỉ nhún vai; tranh cãi làm gì? Anh chợt cảm thấy ghét cái anh lùn này và muốn dứt việc với y càng sớm càng tốt. Về phần mình Albert Price cũng mong muốn giải quyết công việc cần thiết này cho nhanh chóng còn trở về Luân Đôn. Họ đi đến căn phòng bé nhỏ mà Fanny tội nghiệp đã sống ở đây. Albert nhìn các bức tranh và đồ đạc trong phòng.

- Tôi không dám tự phụ mình hiểu biết nhiều về nghệ thuật, - y nói, - nhưng chắc số tranh này cũng kiếm được chút ít, phải không?

- Chẳng kiếm được gì hết?

- Còn đồ đạc này chẳng đáng mười si ling.

Albert không biết tiếng Pháp nên Philip phải sắp xếp mọi việc. Dường như phải có những thủ tục dài dòng mới vùi lấp xuống đất an toàn cái thi thể tội nghiệp kia: phải xin giấy tờ nơi này, đem đi lấy chữ ký nơi nọ; phải gặp nhiều quan chức; ba ngày liền Philip bận rộn từ sáng đến tối. Cuối cùng anh và Albert Price theo xe tang đến nghĩa địa Montparnasse.

- Tôi muốn lo liệu công việc cho tươm tất - Albert Price nói - nhưng không cần thiết phải lãng phí tiền bạc.

Trong buổi sáng lạnh lùng, nghi lễ được tiến hành ngắn gọn, vô cùng buồn tẻ. Năm sáu người cùng làm việc với Fanny Price ở xưởng vẽ dự đám tang. Bà Otter cho đó là nhiệm vụ của mình vì là người thu tiền góp, Ruth Chalice là người tốt bụng, và Lawson, Clutton và Flanagan. Tất cả bọn họ đều không ưa nàng khi còn sống. Philip rùng mình nhìn khắp nghĩa địa, quanh anh chật ních những mồ mả, cái thì nghèo nàn, đơn sơ, cái thì thô kệch, có cái sang trọng, có cái xấu xí. Khi mọi người ra về, Albert Price mời Philip đi ăn trưa. Philip cảm thấy ghê tởm y và anh cũng mệt mỏi; mấy hôm nay không ngủ yên giấc, luôn mơ thấy Fanny Price trong bộ quần áo nâu sồn rách, lưng lẳng dưới cái đình trên trần nhà; nhưng anh không nghĩ ra được lý do từ chối.

- Anh đưa tôi đến nơi nào chúng mình có thể chén một bữa trưa cho thật sang. Tất cả việc này tác động hệ thần kinh của tôi.

- Nhà hàng Lavenue vùng này là nơi tốt nhất. - Philip trả lời.

- Albert Price ngồi vào ghế bọc nhung, thở dài nhẹ nhõm. Y gọi một bữa trưa thịnh soạn và một chai rượu vang.

- Thôi, tôi mừng thế là xong. - y nói.

Y đưa ra một số câu hỏi tinh ranh, và Philip nhận ra là y muốn nghe cảnh đời họa sĩ ở Pari mà y hình dung là tồi tệ, nhưng y ao ước chi tiết những cuộc chơi bồi trác táng mà trí tưởng tượng của y gợi ra cho y. Với những cái nháy mắt ranh mãnh, cái cười khẩy dè chừng, y cho biết rằng y biết kỹ càng rất nhiều thứ còn hơn là Philip thổ lộ. Y là một người lịch duyệt từng trải, một tên láu cá già đời. Y hỏi Philip đã đến một nơi nào đó nổi tiếng ở Montmartre từ Temple Bar đến Royal Exchange chưa? Ý y muốn hỏi anh đến Moulin Rouge chưa. Bữa ăn trưa hết sức ngon miệng và rượu vang thật tuyệt, ăn càng ngon miệng thì Albert Price càng cởi mở.

- Ta uống chút rượu mạnh đi. - y nói khi thấy bụng cà phê lên - ta cứ tiêu pha thả cửa. Y xoa hai tay.

- Anh biết không, tôi muốn ở lại đến tối, ngày mai mới về. ta cùng đi chơi tối, anh thấy thế nào?

- Nếu ông muốn tôi đưa ông đi đến các hộp đêm quanh Montmartre tối nay, thì không được. - Philip nói.

- Tôi nghĩ rằng hoàn toàn không phải chuyện đó.

Câu trả lời nghiêm chỉnh đến nỗi Philip mỉm cười.

- Và lại chuyện đó đã làm hỏng thần kinh của ông - Y nghiêm trang nói.

Albert Price kết luận tốt hơn hết là y trở về Luân Đôn bằng chuyến tàu hơn bốn giờ, và ngay sau đó y từ biệt Philip.

- Thôi được, xin chào ông bạn thân mến - y nói - tôi sẽ cố gắng trở lại Pari một ngày gần đây và sẽ tìm anh, lúc đó mình sẽ tha hồ chèn chén linh đình.

Chiều hôm ấy lòng Philip quá bồn chồn, anh không thể làm việc nổi nên anh lên xe buýt đi sang sông hy vọng xem một vài bức tranh trưng bày ở nhà hàng Durand - Ruel. Sau đó, anh đi bộ dọc đại lộ. Trời lạnh, gió lộng. Mọi người bước đi hối hả, mặt mày đầy âu lo, co ro trong chiếc áo choàng cổ tránh cái giá rét. Chắc rằng ở nghĩa địa Montparnasse, dưới bia mộ trắng xóa ấy phải lạnh như băng. Philip cảm thấy cô đơn và nhớ nhà kỳ lạ. Anh mong có bầu bạn. Giờ phút này, Cronshaw chắc đang làm việc, Clutton thì chẳng bao giờ ân cần tiếp đón ai, Lawson đang vẽ một bức chân dung khác nữa của Ruth Chalice và nhất định không muốn bị quấy rầy. Anh quyết định đến thăm Flanagan. Anh thấy chàng đang vẽ, nhưng vui thích gác việc lại để nói chuyện. Xưởng vẽ đầy đủ tiện nghi và ấm cúng, vì anh chàng người Mỹ này có nhiều tiền hơn phần đông bọn họ; Flanagan bắt đầu pha trà. Philip nhìn hai cái đầu hình người anh ta gửi đến triển lãm tranh hàng năm ở Pari.

- Tôi thật hết sức cả gan mới dám gửi đi triển lãm bất cứ cái gì - Flanagan nói - nhưng tôi cóc cần, Tôi cứ gửi đi. Cậu có thấy các bức tranh xấu quá không?

- Không xấu như tôi đã tưởng. - Philip đáp.

Thực tế các bức vẽ đó chứng tỏ một sự tài tình làm cho người ta sửng sốt. Những chỗ khó khăn được né tránh khéo léo và màu sắc được áp dụng bằng những nét bút mạnh bạo làm kinh ngạc và cuốn hút người xem. Tuy không có kiến thức và kỹ thuật nhưng Flanagan đã vẽ với những nét bút thoải mái của những người đã từng dành cả cuộc đời cho sự rèn luyện nghệ thuật.

- Nếu xem tranh mà cấm xem quá ba mươi giây thì anh sẽ là một bậc thầy vĩ đại, Flanagan ạ - Philip cười nói.

- Những chàng trai này không có thói quen hại nhau bằng sự tâng bốc quá đáng.

- Ở Mỹ chúng tôi không có thì giờ để ngắm một bức tranh nào trong hơn ba mươi giây - Flanagan cũng cười đáp lại.

Flanagan là người đãng trí nhất đời nhưng anh có tấm lòng ân cần hiền dịu không ai ngờ tới. Bất cứ lúc nào và bất kỳ ai đau ốm là có mặt anh ta ở bên giường chăm sóc. Tính tình vui vẻ của anh còn hiệu nghiệm hơn bất cứ thứ thuốc nào. Cũng giống như nhiều đồng bào của mình, anh không sợ hãi tính đa cảm như người Anh, vốn giấu kín những cảm xúc tâm hồn, anh thấy biểu lộ tình cảm thì chẳng có gì là phi lý, và anh biết cách thể hiện một cách sôi nổi thường làm ấm lòng bè bạn đang trong cảnh đau buồn. Anh biết Philip gặp nhiều điều phiền muộn, và với tính tốt hồn nhiên, anh cười đùa âm ỉ để bạn vui. Anh cường điệu những từ ngữ đặc Mỹ mà anh biết thường làm cho người Anh phải phì cười, anh tuôn ra thào thào bất tuyệt những chuyện kỳ quái, sinh động và vui nhộn. Học đi ăn tối và sau đó đến Gai - té Montparnasse là nơi tiêu khiển ưa thích của Flanagan. Đến cuối buổi thì Flanagan trong tâm trạng thật là lố lửng, anh uống khá nhiều rượu nhưng nếu anh có say là do tính hoạt bát của chính mình hơn là rượu. Anh đề nghị đến nhà hàng Bullier, Philip cảm thấy trong người quá mệt biết chắc không đi ngủ được nên cũng không từ chối. Họ đến ngồi vào một bàn kê trên bục bên cạnh, hơi cao hơn sàn nhà để có thể nhìn khiêu vũ, và uống bia bốc, ngay sau đó Flanagan trông thấy một người bạn, anh hét lên dữ dội, nhảy qua lan can lao vào nơi họ đang khiêu vũ. Philip ngồi ngắm mọi người, Bullier không phải là nơi đông người phong lưu đài các lui tới. Hôm nay là tối thứ năm, chỗ này có đông khách. Có một số sinh viên bán hàng hoặc người giúp việc ở các hiệu buôn; họ ăn mặc bình thường, quần áo bằng vải may sẵn hoặc bằng áo đuôi tôm kỳ quặc; và vì không có nơi treo mũ nên họ vẫn đội trên đầu. Một số phụ nữ trông có vẻ là những người hầu

gái, một số là những gái giang hồ mặc trát bụi phấn son, nhưng phần nhiều là các cô bán hàng. Họ ăn mặc nhiều màu, bắt chước vụng về thời trang ở phía bên kia sông. Đám đàn bà hư hỏng cổ trang điểm cho giống những nghệ sĩ các ca vũ trường hoặc các vũ nữ nổi tiếng thời đó, mắt kẻ mày đen thật đậm, hai má đỏ một màu đỏ trâng tráo. Những ngọn đèn to lớn màu trắng treo thấp, soi sáng căn phòng, làm nổi bật những chỗ tối trên các khuôn mặt, những đường nét dường như trở nên khắc khổ và màu sắc trên mặt trông lại càng thô bỉ. Thật là một quang cảnh gớm ghiếc. Philip ngả người trên bao lơn, nhìn chăm chăm trả lại khiến cho người ta lúng túng phải cúi xuống không dám nhìn mình, và anh ta thôi nghe nhạc. Học nhảy điên cuồng. Họ nhảy chầm chậm quanh căn phòng, nói rất ít, tập trung tư tưởng vào cuộc khiêu vũ. Căn phòng nóng nực, mặt họ bóng nhẫy mồ hôi. Philip thấy dường như mọi người đều vứt bỏ tất cả mặt nạ do tập tục người ta vẫn thường che giấu mọi biểu hiện của mình, và giờ đây anh thấy họ thực sự lộ nguyên hình trong phút giây buông thả này, trông họ giống thú vật kỳ lạ, một số mặt trông như cáo, một số đông trong tựa như chó sói, và bọn khác có khuôn mặt dài dần dần của loài cừu. Nước da họ vàng vọt, do cuộc sống bệnh hoạn, ăn uống thiếu thốn. Mặt họ dần dần vì những ham muốn thấp hèn, và những con mắt bé nhỏ của họ biểu lộ gian tham xảo quyệt. Trong dáng điệu của họ, không có gì thanh tú, người ta có cảm tưởng đời họ là những chuỗi ngày lo lắng tầm thường và những suy nghĩ đê tiện. Không khí trong phòng nặng nề mùi chua, ôi của con người. Nhưng họ vẫn nhảy điên cuồng như bị thúc ép bởi một sức mạnh kỳ lạ nào trong người và Philip cảm thấy dường như họ bị thúc đẩy bởi lòng mong muốn hưởng lạc đến điên cuồng và họ đang tuyệt vọng tìm lối thoát khỏi thế giới khủng khiếp. Sự khát khao lạc thú mà Cronshaw từng nói là động cơ duy nhất của hành động con người, vẫn cứ xúi giục họ mù quáng, nhưng chính cái độ khát khao của niềm khát vọng này dường như lại tước đoạt hết mọi niềm lạc thú. Họ cứ bị cơn lốc ấy cuốn hút, bối rối, bơ vơ mà không hiểu nổi vì sao. Định mệnh dường như cứ chế ngự được họ và họ nhảy nhót cứ như cảnh tối tăm vĩnh cửu đang ở ngay dưới chân họ, sự lạnh lẽ của họ như một niềm lo sợ mơ hồ, tựa như chính cuộc đời làm cho họ khiếp đảm và cướp đi

của họ tiếng nói, khiến tiếng kêu thét trong lòng họ tắt ngấm ngay từ trong cuống họng, mắt họ ngơ ngác, dữ tợn và mặc dù không thèm muốn thú vật đang làm cho mặt mày họ méo mó xấu xí và những gương mặt đê tiện của họ nhất là sự ngu đần của họ, mặc dù sự ngu đần là tội tệ hơn tất cả nỗi thống khổ của những cái nhìn bất động kia, khiến cho bọn người này vừa dễ sợ vừa đáng thương. Philip kính tởm họ, vậy mà lòng anh cảm thấy đau đớn vì lòng trắc ẩn vô hạn tràn ngập tâm hồn.

Anh lấy áo choàng ở phòng gửi, mặc vào và ra ngoài, bước trong đêm tối lằng lằng nỗi buồn.

Philip không thể rút bỏ khỏi tâm trí sự kiện bất hạnh kia. Điều làm băn khoăn nhất là những cố gắng vô ích của Fanny. Không ai làm việc chăm chỉ hơn nàng, nàng hài lòng tự tin ở chính mình, rõ ràng là lòng tự tin gần như vô nghĩa, điều đó tất cả các bạn nàng đều có. Miguel Ajuria cũng trong số này. Và Philip thấy buồn về sự trái ngược giữa những nỗ lực quả cảm của gã Tây Ban Nha này với kết quả tầm thường mà y đã đạt được. Cuộc sống khốn khổ của Philip ở nhà trường tạo cho anh cái khả năng tự phân tích lấy mình; và cái tật này đã nhiễm vào anh như một chất ma túy, để cho bây giờ anh trở nên đặc biệt sắc sảo trong việc phân tích những cảm nghĩ của mình. Anh không thể không nhận ra rằng nghệ thuật tác động đến mình khác với mọi người. Một bức tranh đẹp ngay lập tức làm cho Lawson rộn ràng sung sướng. Anh ta thưởng thức bằng bản năng. Ngay cả Flanagan cũng cảm thấy những điểm nào đó mà Philip buộc phải suy nghĩ. Sự nhận định của chính anh là bằng trí tuệ. Anh không thể nghĩ rằng nếu trong người anh có tính nghệ sĩ (anh ghét thành ngữ này, nhưng không tìm ra cách nói nào khác), anh sẽ dễ dàng xúc động rung cảm, không còn suy nghĩ kỹ trước cái đẹp như hai bạn kia. Anh bắt đầu tự hỏi anh có được điều gì ngoại trừ hai bàn tay khéo léo một cách hời hợt cho phép anh sao chép chính xác các đồ vật. Cái đó chẳng có ý nghĩa gì hết. Anh đã học được cách biết khinh miệt sự khéo tay chuyên môn. Điều quan trọng là phải cảm nhận bằng tâm hồn họa sĩ; Lawson vẽ theo cách nào đó là vì bản chất anh ta như vậy; nhưng tính cách anh ta đã được thể hiện qua những sự bắt chước mà một sinh viên nhạy cảm dễ dàng bị ảnh hưởng. Philip ngắm bức chân dung Ruth Chalice do chính mình vẽ, và bây giờ đã ba tháng qua, anh nhận ra rằng anh chẳng làm gì hơn là sao chép lại Lawson một cách hoàn toàn lệ thuộc. Anh cảm thấy mình cần cỗi. Anh vẽ bằng trí óc, và anh không thể không hiểu rằng chỉ có vẽ bằng trái tim thì mới có giá trị xứng đáng.

Anh có rất ít tiền, vừa đủ một nghìn sáu trăm bảng, anh phải tiết kiệm thật chi li. Trong mười năm tới anh không thể tính đến việc kiếm thêm một khoản nào khác. Lịch sử ngành hội họa đầy rẫy những nghệ sĩ kiếm sống không xong. Anh phải cam chịu cảnh túng thiếu; nếu tạo được những tác phẩm bất hủ thì cũng đáng, nhưng anh lo sợ kinh khủng là anh sẽ không bao giờ trở thành một cái gì hơn là một nghệ sĩ tầm thường. Liệu có đáng bỏ công để mà hy sinh tuổi trẻ, niềm vui, cuộc sống và biết bao hy vọng trong cuộc đời? Anh hiểu cuộc sống của những họa sĩ nước ngoài ở Pari, đủ để thấy rằng họ sống cuộc đời eo hẹp của người dân tỉnh lẻ. Anh biết một số đã lê lết cuộc đời suốt hai mươi năm rượt theo danh vọng luôn luôn trốn thoát họ, cho tới khi họ chìm đắm vào cảnh bần hàn và nghiện ngập rượu chè. Việc Fanny tự sát khơi dậy biết bao kỷ niệm và Philip nghe kể nhiều chuyện rùng rợn về cách người này, người nọ chạy trốn cảnh ngộ tuyệt vọng. Anh nhớ lại lời khuyên đó và từ bỏ mọi cố gắng vô hy vọng, có phải tốt đẹp bao nhiêu.

Philip vẽ xong chân dung của Miguel Ajuria và quyết định gửi tới cuộc triển lãm tranh ở Pari. Flanagan gửi đến hai bức họa và Philip cho rằng anh cũng vẽ được như Flanagan. Anh làm việc hết sức cố gắng về bức chân dung này đến nỗi anh không thể không nghĩ rằng nó phải có giá trị. Sự thật là khi ngắm nhìn nó, anh thấy nó không ổn, tuy anh không thể nói đó là cái gì; nhưng khi anh không đứng bên nó, tinh thần anh lại phấn chấn, và anh lấy làm hài lòng. Anh gửi tranh đến triển lãm và bức tranh bị từ chối. Anh không bị khó chịu nhiều vì anh đã làm tất cả mọi việc có thể làm được để thuyết phục mình rằng ít nhất có cơ hội để bức tranh của anh được tiếp nhận, cho đến mấy ngày sau, Flanagan chạy vào báo với Lawson và Philip rằng một trong số bức tranh của anh được tiếp nhận. Với vẻ mặt dửng dưng, Philip ngỏ lời chúc mừng và Flanagan tíu tít bận rộn mừng cho mình, đến nỗi anh không nhận ra cái giọng mỉa mai mà Philip không tìm nổi. Lawson nhanh trí hơn, nhận thấy điều đó một hai ngày trước và anh hơi

bức bối thái độ của Philip. Nhưng anh ngạc nhiên về câu hỏi tình hình Philip đặt ra cho anh ngay khi anh chàng người Mỹ kia đi khỏi:

- Nếu cậu ở vào địa vị tôi thì cậu có vứt đi toàn bộ cái đó không?

- Cậu muốn nói gì?

- Tôi tự hỏi không biết có đáng trở nên một họa sĩ tầm thường không? Cậu thấy đấy, về những chuyện khác, nếu cậu là bác sĩ hoặc đang kinh doanh buôn bán, nếu cậu xoàng xoàng thì chẳng quan trọng gì lắm, cậu kiếm sống, cậu phải xoay sở làm ăn. Nhưng còn sản xuất ra những tranh vẽ loại thường thì ích lợi gì.

Lawson rất quý Philip nên khi vừa nghĩ ra anh chàng thực sự đau khổ vì bức tranh không được chấp nhận, thì anh tự đặt cho mình nhiệm vụ phải an ủi bạn. Rõ ràng là phòng triển lãm tranh ở Pari đã từng từ chối những bức tranh mà mãi về sau này nổi tiếng; đây là lần đầu Philip gửi tranh đến nên việc anh bị khước từ không có gì đáng ngạc nhiên. Sự thành công của Flanagan có thể giải thích được, tranh vẽ của anh ấy lòe loẹt và hời hợt, đúng là thứ tranh mà một ban giám khảo chậm chạp lại thấy có giá trị. Philip dần dần trở nên khó chịu; Lawson mà nghĩ rằng anh lại có thể bối rối thật sự vì một tài học không đáng kể như vậy, và không hiểu ra tâm trạng chán chường của anh là do một sự nghi ngờ thâm kín tài năng của mình, thì thật là nhục.

Gần đây, trong chừng mực nào đó, Clutton rút khỏi nhóm ăn cơm bữa ở nhà hàng Gravier và hầu như sống một mình. Flanagan nói anh chàng yêu một cô gái nhưng tính cách nghiêm trang khắc khổ của Clutton không thể kêu gọi được tình yêu; Philip nghĩ rằng có khả năng anh chàng tách ra khỏi bạn bè để có thể khỏi trở ngại với những quan niệm mới của mình. Nhưng tối hôm ấy, khi các bạn khác rời khách sạn đi xem kịch còn Philip ngồi một

mình thì Clutton bước vào, bảo dọn bữa ăn tối. Họ bắt đầu trò chuyện; nhận thấy Clutton nói nhiều và ít châm biếm hơn ngày thường, Philip quyết định lợi dụng tâm trạng vui vẻ của anh chàng.

- Này, tôi mong cậu đến xem tranh của tôi - Philip nói - tôi muốn biết cậu nghĩ gì về tranh ấy.

- Không, tôi không muốn.

- Tại sao không? - Philip đỏ mặt hỏi.

- Tất cả bọn họ đều yêu cầu lẫn nhau như vậy, và không ai nghĩ đến việc từ chối bao giờ. Clutton nhún vai:

- Người ta yêu cầu cậu bình phẩm, nhưng họ chỉ muốn được khen. Vậy cái lợi của bình phẩm ấy là gì? Điều đó có ý nghĩa gì nếu tranh của người ta tồi hay đẹp.

- Điều đó quan trọng đối với tôi.

- Không. Lý do duy nhất người ta vẽ là vì người ta không dùng được. Đó là một chức năng như bất kỳ chức năng nào khác của con người, chỉ một ít người tương đối hiểu được vấn đề đó. Người ta vẽ cho chính bản thân mình, nếu không người ta sẽ tự sát mất. Cậu thử nghĩ xem, người ta cố gắng có trời mới biết được bao nhiêu lâu để có được một cái gì đó trên bức vẽ, gửi gắm hồn mình vào đó và kết quả là gì? Mười lần thì đến chín lần bị khước từ ở phòng triển lãm; nếu có bức được tiếp nhận, khi đi ngang qua, thiên hạ sẽ liếc nhìn mười giây; nếu người ta gặp may, sẽ có một tên dốt nát, ngu xuẩn nào đó mua nó đem về treo lên tường nhà hãnh, và ngắm nó cũng ngẩn ngui như khi hãnh nhìn cái bàn trong phòng ăn của hãnh. Phê bình

chẳng liên quan gì đến người nghệ sĩ. Nó đánh giá một cách khách quan đấy, nhưng nghệ sĩ chẳng cần khách quan làm quái gì.

Clutton đưa hai tay lên che mắt để có thể tập trung tâm trí vào điều anh muốn trình bày.

Người nghệ sĩ có mỗi cảm xúc mãnh liệt đặc biệt xuất phát từ cái gì mình trông thấy và bị thúc đẩy phải diễn đạt cái đó, và anh ta không hiểu tại sao, anh ta chỉ có thể diễn đạt sự xúc động của mình bằng đường nét và màu sắc. Cũng như nhạc sĩ vậy, anh này đọc một vài câu thơ và thế là các nốt nhạc phải phối hợp với nhau mà tự xuất hiện trong đầu anh ta. Anh ta không hiểu được vì sao câu thơ này làm cho gợi ra trong trí anh ta những nốt như thế này. Còn câu kia lại gợi cho những nốt khác; họ chỉ biết làm thôi. Và tôi sẽ nói cậu biết lý do khác vì sao sự phê bình là vô nghĩa: một họa sĩ cứ bắt thiên hạ nhìn thiên nhiên như anh ta, nhưng ở thế hệ kế tiếp, một họa sĩ nhìn thế giới khác, vào lúc đó công chúng đáng giá y không theo tác phẩm của chính y mà theo như bậc tiền bối của y. Vì vậy nhân dân Barbizon dạy tổ tiên chúng ta nhìn cây cối theo một cách nào đó, và tới khi Monet xuất hiện, ông ta vẽ khác đi, thì người ta bảo: nhưng mà cây cối không giống thế này. Không bao giờ họ hiểu được cây cối kia đã được vẽ đúng cách nhìn của người họa sĩ. Chúng ta vẽ từ trong ra ngoài - nếu chúng ta ép được thiên hạ nhìn theo cách nhìn của chúng ta, họ sẽ gọi chúng ta là những họa sĩ vĩ đại; nếu chúng ta không làm được như thế, thì thiên hạ sẽ phớt lờ chúng ta nhưng chúng ta vẫn cứ là chúng ta, chúng ta không gán một ý nghĩa nào cho những từ vĩ đại hoặc tầm thường. Điều xảy ra sau này đối với tác phẩm của chúng ta là không quan trọng; chúng ta đã đưa ra được tất cả những gì có thể ngay trong khi ta đang sáng tác nó. Clutton tạm ngừng, anh ăn ngẫu nhiên ngon lành món ăn dọn lên trước mặt. Philip hút một điếu xì gà rẻ tiền, kín đáo quan sát bạn. Cái đầu gồ ghề trông như được cái đục các nhà điêu khắc tạc ra từ một hòn đá bướng bỉnh, bờm tóc đen lờm chờm, mũi to, xương quai hàm đồ sộ, chứng tỏ một con người có nghị

lực. Tuy nhiên Philip nghĩ rằng đằng sau tấm mặt nạ này biết đâu chẳng có thể giấu một tính tình nhu nhược. Việc Clutton từ chối trưng bày tác phẩm của mình có thể chỉ là do thái độ tự cao tự đại; bất kỳ lời phê bình nào của ai, cứ nghĩ đến là anh không chịu nổi và anh chẳng muốn chuốc vào thân một sự chối từ của phòng triển lãm, anh muốn mình được tiếp nhận như một nghệ sĩ bậc thầy nên chẳng tội gì mà liều lĩnh đưa tác phẩm của mình để người ta so sánh với tác phẩm khác, điều này có thể buộc anh phải giảm bớt sự đánh giá về chính bản thân mình. Trong thời gian mười tám tháng, Philip đã hiểu biết anh ta; Clutton dần dần trở nên lỗ mãng hơn, gay gắt hơn; dù thường không ra ngoài vào nơi thoáng mát, đua tranh với chúng bạn, anh ấy vẫn lấy làm tức giận với những thành công dễ dàng của những người bạn kia. Anh chàng không chịu đựng được Lawson và đôi bạn này không còn quan hệ thân thiết như những ngày đầu khi Philip mới quen biết họ.

- Lawson được đẩy - anh ta khinh khỉnh nói - hẳn sẽ về Anh, trở thành một họa sĩ vẽ chân dung đúng mốt, kiếm được hàng vạn bảng một năm và sẽ là viện sĩ Viện hàn lâm quốc gia trước bốn mươi tuổi chuyên tạo ra những bức chân dung vẽ bằng tay cho giới thượng lưu quý phái và tầng lớp quý tộc nhỏ.

Philip cũng nhìn về tương lai, và anh hình dung Clutton hai mươi năm sau, cay đắng cô độc, cáu kỉnh, không một ai biết đến. Vẫn chôn chân ở Pari vì cuộc sống ở đây đã ngấm vào máu, cầm đầu một nhóm môn đệ bằng miệng lưỡi độc địa, bất mãn với chính mình và mọi người, không sáng tác được gì vì nỗi niềm khát vọng đi tìm cái tuyệt hảo mà anh không với tới, và có lẽ cuối cùng chìm đắm vào chuyện rượu chè. Gần đây đầu óc Philip luôn ám ảnh bởi ý nghĩ đời người chỉ sống có một lần, điều quan trọng là phải thành công, nhưng anh không tính đến những thành công về tiền tài hay danh vọng, anh hoàn toàn chưa hiểu được là anh muốn như thế nào, có lẽ là tích lũy được nhiều kinh nghiệm và phát triển cao độ mọi khả năng của

mình. Dù thế nào cuộc đời Clutton dường như là thất bại mà chỉ có những tác phẩm hội họa bất hủ mới có thể bào chữa được. Anh nhớ lại câu chuyện ẩn dụ kỳ quái của Cronshaw về tác phẩm Ba Tư nọ, mà anh thường nghĩ đến, nhưng Cronshaw với sự hóm hỉnh như vị thần diên đã không chịu làm rõ nghĩa: ông ta nhắc lại rằng không ai, trừ phi người ta tự khám phá ra điều đó cho chính mình. Thực ra chính nỗi niềm khát khao thành công được trong cuộc đời là nguồn gốc xui khiến Philip lưỡng lự không biết có nên tiếp tục theo ngành mỹ thuật. Nhưng rồi Clutton bắt đầu trở lại câu chuyện:

- Cậu còn nhớ tôi đã nói về cái thằng cha tôi gặp ở Brotanho không? Hôm nọ tôi thấy hắn ở đây. Hắn vừa đi Tahiti. Hắn cắt đứt quan hệ với mọi người. Hắn là người làm nhiều việc. một người mua bán cổ phần chứng khoán. Tôi cho rằng người ta gọi việc đó bằng tiếng Anh như vậy, hắn đã có vợ có gia đình và đang kiếm được một khoản lợi tức. Thế mà hắn vứt bỏ tất cả để trở thành họa sĩ. Hắn vứt bỏ tất cả đi sống ở Brotanho và bắt đầu vẽ. Hắn không kiếm được xu nào và chắc chắn là sẽ chết đói.

- Còn vợ hắn thì thế nào? - Philip hỏi.

- Ồ, hắn bỏ rơi họ - Hắn bỏ mặc cho họ chết đói.

- Thật là một việc hèn mạt.

- Chà, anh bạn thân mến, nếu cậu muốn trở thành một người thượng lưu, cậu phải từ bỏ chuyện thành nghệ sĩ. Người ta chẳng đạt được gì vừa ý với cả hai việc cùng một lúc. Cậu nghe nói những kẻ vẽ tác phẩm kiếm cơm để nuôi dưỡng mẹ già - ờ, việc đó chứng tỏ họ là những đứa con chí hiếu, nhưng không phải là bào chữa cho những tác phẩm tồi. Họ chỉ là những tên buôn bán. Nghệ sĩ chuyên nghiệp phải để mẹ đi trại tế bần. Có một nhà văn ở đây nói với tôi là vợ y chết trong khi sinh đẻ. Y yêu vợ nên diên lên

vì thương tiếc, nhưng khi ngồi bên giường theo dõi những phút lâm chung của vợ, y nhận thấy đầu óc y ghi nhận đủ mọi chi tiết, nàng nhìn thế nào nàng nói năng điều gì và những điều mà y đang cảm nghĩ có phải hào hoa phong nhã không?

- Nhưng bạn câu đầu có phải là một họa sĩ cừ khôi? - Philip hỏi.

- Không, không đâu, y vẽ đúng như Pissaro, y vẫn còn đang dò dẫm. Như y có năng khiếu vẽ màu sắc và trang trí. Nhưng đó không phải là vấn đề. Cái chính là cảm xúc, đó là điều y có được. Y cư xử với vợ như một tên vô lại mặt hạng. Còn cách y cư xử với mọi người đã giúp đỡ y và đôi khi chỉ nhờ lòng tốt của bạn bè y mới khỏi chết đói thì thật là thú vật - ấy thế mà y lại là một nghệ sĩ lớn đấy.

Philip suy nghĩ về con người đã sẵn sàng hy sinh tất cả mọi thứ: tình yêu, gia đình, tiền bạc, danh dự, bốn phận, cuộc sống sung túc an nhàn, để đưa sắc màu lên một tấm vải, vẽ nổi niềm xúc động mà con người đã đem lại cho họ. Thật là đẹp đẽ, vậy mà anh không đủ can đảm để làm như họ.

Nghĩ đến Cronshaw anh chợt nhớ là từ một tuần nay anh không gặp ông ta, vì vậy, sau khi Clautton ra về, anh đi thơ thẩn đến quán ăn mà anh tin chắc tìm được nhà văn này ở đó. Trong mấy tháng đầu ở Pari mọi điều ông ta phát biểu Philip tiếp nhận như là cấm nan, nhưng Philip còn cách nhìn thực tế nên dần dần anh không chịu nổi với những lý thuyết khô cứng. Một mớ thơ nghèo nàn của Cronshaw dường như không phải là đáp số có giá trị thực sự cho cuộc đời bản thủ. Philip không thể gạt khỏi bản chất những đặc tính giai cấp tiểu tư sản mà mình xuất thân, nên cái tình cảnh thiếu thốn, đi làm thuê của Cronshaw để nuôi dưỡng cả thể xác và tâm hồn, cuộc sống đơn điệu và buồn tẻ giữa cái gác mái lụp xụp và cái bàn ở quán ăn trái ngược với tư cách đáng trọng của ông. Cronshaw khá sắc sảo để tìm hiểu, chàng thanh niên này bị ông chê bai, và ông công kích tư tưởng tầm

thường của chàng với sự mỉa mai đôi lúc như đùa cợt nhưng thường là hết sức thấm thía.

- Anh là người buôn bán - ông nói với Philip - anh muốn đầu tư cuộc đời vào công trái hợp nhất để tìm về một cách chắc chắn ba phần trăm lãi. Tôi là kẻ ăn tiêu hoang phí, tôi sống bằng vốn liếng của mình, tôi sẽ tiêu đồng xu cuối cùng với nhịp đập cuối cùng của trái tim tôi.

Phép ẩn dụ này chọc tức Philip, vì nó khoác cho người nói một dáng dấp lãng mạn và như một vết nhơ lên quan điểm mà Philip đang cảm nhận theo bản năng và phải được diễn đạt nhiều hơn là anh đã nghĩ đến lúc bấy giờ.

Nhưng tối hôm đó, Philip muốn nói về bản thân mình. May sao đã muộn và chông đĩa của Cronshaw trên bàn. mỗi chiếc ngụ ý một thức uống, nói lên rằng ông được chuẩn bị để tiếp nhận một quan điểm độc lập về mọi việc nói chung.

- Tôi muốn biết ông có lời khuyên nào cho tôi không? - thỉnh linh Philip hỏi.

- Anh có vui lòng tiếp nhận nó không?

Philip nhún vai khó chịu.

- Tôi không tin rằng với tư cách là họa sĩ, tôi sẽ mãi mãi làm được nhiều điều đáng mong muốn. Tôi không thấy ích lợi gì trong việc trở thành một họa sĩ hạng hai. Tôi đang tính đến chuyện vứt bỏ nghề này.

- Vì sao anh phải vứt bỏ nó?

Philip do dự một lúc:

- Tôi cho rằng tôi yêu cuộc sống.

Vẻ trầm tĩnh trên khuôn mặt tròn trịa của Cronshaw bỗng thay đổi, khóe miệng chột trệ xuống, cặp mắt mờ đục chìm sâu trong hố mắt, hình như lưng ông còng xuống và ông già đi một cách lạ lùng.

- Việc này hả? - ông kêu lên, nhìn quanh quán ăn, giọng nói của ông thực sự run run. - Nếu anh có thể thoát ra khỏi nghề này, thì xúc tiến đi trong lúc còn thời gian.

Philip kinh ngạc nhìn ông chòng chọc, những cảnh tượng xúc động thường làm cho anh thấy thẹn thùng, anh cúi xuống. Anh hiểu rằng anh đang được chứng kiến tấn bi kịch của sự thất bại. Hai người đều im lặng. Philip cho rằng Cronshaw đang nhìn lại chính cuộc đời mình, và có lẽ ông đang suy nghĩ về thời thanh niên với những hy vọng sáng ngời, về những nỗi niềm thất vọng đã làm lu mờ ánh sáng huy hoàng ấy, những thú vui buồn tẻ thảm hại và tương lai đen tối. Cặp mắt của Philip dừng lại trên chông đĩa nhỏ và anh biết rằng Cronshaw cũng nhìn chúng.

Hai tháng trôi qua.

Nghiên ngẫm về vấn đề này, Philip cho rằng hình mẫu những họa sĩ, văn sĩ, nhạc sĩ chân chính, có một sức mạnh cuốn hút họ trọn vẹn vào công việc, và cuộc đời họ phải lệ thuộc vào nghệ thuật là điều họ không sao tránh khỏi. Không chống nổi một thế lực mà không hiểu, họ chỉ là những kẻ bị bản năng lừa bịp, và cuộc đời cứ trôi qua kẽ ngón tay mà họ không hề được biết. Nhưng anh có cảm tưởng rằng cuộc đời là phải sống hơn là tô vẽ nó, và anh muốn kiếm tìm những kinh nghiệm khác nhau của nó và từng phút chắt lọc được mọi cảm xúc mà cuộc đời hiến dâng. Cuối cùng, anh quyết định thực hiện một biện pháp nào đó và sẽ chấp nhận kết quả, và anh kiên quyết thực hiện ngay biện pháp đó. May mắn sao sang hôm sau lại là ngày lên lớp của Foinet, và anh kiên quyết hỏi thẳng thắn ông ta là liệu anh có đáng tiếp tục theo hội họa nữa không. Anh không bao giờ quên lời khuyên phủ phàng của ông thầy này với Fanny Price. Đó là lời khuyên đúng đắn. Philip không thể hoàn toàn dứt bỏ hình ảnh Fanny ra khỏi đầu óc anh. Văng nàng xướng vẽ hình như xa lạ, thỉnh thoảng động tác của một phụ nữ nào làm việc ở đó, hay một giọng nói nào đó làm anh bỗng giật mình nhớ đến nàng; bây giờ nàng đã qua đời, nhưng sự hiện diện của nàng có thể thấy rõ hơn là lúc nàng còn sống; và ban đêm anh thường chiêm bao thấy nàng, rồi lại kêu thét lên tỉnh giấc. Thật khủng khiếp khi nghĩ đến mọi đau khổ mà nàng phải chịu đựng.

Philip biết rằng những ngày đến xưởng vẽ ông Foinet thường ăn trưa tại một quán ăn nhỏ ở phố Odessa; nên anh ăn vội để có thể đợi ở bên ngoài, chờ ông thầy họa sĩ bước ra. Philip qua lại trên đường phố đông đúc và cuối cùng nhìn thấy ông Foinet đang cúi đầu đi về phía anh. Philip hết sức bối rối nhưng anh buộc phải bước tới gặp ông ta.

- Xin thầy thứ lỗi, tôi mong được nói chuyện với thầy một lúc.

Foinet liếc nhìn anh thật nhanh, nhận ra anh nhưng không hề mỉm cười chào đón.

- Cứ nói - ông bảo.

- Tôi đã làm việc ở đây hai năm dưới sự chỉ bảo của ông, tôi muốn đề nghị ông thẳng thắn cho tôi biết là tôi có nên tiếp tục nữa không?

Giọng Philip hơi run run. Foinet vẫn tiếp tục bước đi không nhìn lên. Philip để ý xem nét mặt ông ta thì không thấy lộ ra một biểu hiện gì.

- Tôi chưa hiểu.

- Tôi rất nghèo. Nếu tôi bất tài thì thà tôi làm việc khác.

- Anh không biết là mình có tài không à?

- Tất cả bạn tôi tin rằng họ có tài, nhưng tôi thấy một số bọn họ đã lầm.

Trên khóe môi chua chát, Foinet thoáng một nụ cười và ông ta hỏi:

- Anh ở gần đây không?

Philip nói địa chỉ xưởng vẽ của mình. Foinet quay trở lại.

- Vậy thì ta đi chứ? Anh cho tôi xem tranh của anh.

- Ngay bây giờ? - Philip kêu lên.

- Sao lại không?

Philip không biết trả lời thế nào. Anh im lặng đi bên cạnh thầy. Anh cảm thấy rất lo lắng. Anh không ngờ Foinet muốn xem tranh vẽ của mình ngay. Anh muốn có thì giờ chuẩn bị tư tưởng và những muốn đề nghị ông đến vào một ngày nào khác hay là anh có thể đem những bức tranh vẽ đến xưởng của ông. Anh băn khoăn lo sợ. Trong thâm tâm, anh thầm mong Foinet sẽ đến xem tranh của mình. Hy vọng nụ cười hiếm hoi sẽ rạng rỡ trên nét mặt ông; và ông sẽ cầm tay Philip bảo: “cũng khá đấy, cứ tiếp tục đi, chàng trai của ta, anh có tài năng đó, tài năng thực sự”. Tim Philip tưởng chừng vỡ ra vì xúc động. Nghĩ đến đó, thật là nhẹ nhõm, thật là vui. Lúc đó anh có đủ can đảm học tiếp; thử thách gay go, thiếu thốn, và thất vọng có nghĩa lý gì, nếu cuối cùng anh thành đạt. Anh đã làm việc hết sức, sẽ nghiêm ngặt biết bao nếu mọi sự chăm chỉ cần cù này là vô ích. Và anh bỗng giật mình nhớ lại anh đã nghe Fanny Price nói chính điều đó. Họ đã đến nhà, và Philip lấy làm lo sợ. Giá mà anh bạo miệng, anh đã yêu cầu Foinet đi nơi khác. Anh không muốn biết sự thật. Họ đi vào, khi họ đi qua, người gác cổng đưa cho anh một lá thư. Anh liếc nhìn phong bì, nhận ra chữ của bác trai, Foinet theo anh đi lên cầu thang. Philip không nghĩ ra được điều gì để nói. Foinet cũng im lặng, và sự im lặng này làm cho anh càng bồn chồn. Vị giáo sư ngồi xuống; và Philip không nói một lời, đặt trước ông bức tranh mà phòng triển lãm Pari đã loại ra. Foinet gật đầu không nói; sau đó Philip được ông xem hai bức tranh chân dung Ruth Chalice do anh vẽ, hai tay ba phong cảnh anh vẽ ở Moret và một số phác họa.

- Tất cả chỉ có thế - anh nói ngay sau đó với một tiếng cười ngượng ngáp.

Giáo sư Foinet tự quấn lấy một điều thuốc và châm lửa hút.

- Anh có rất ít tài sản riêng phải không? - cuối cùng ông ta hỏi.

- Thật rất ít. - Philip trả lời, và bỗng thấy côi long tê tái. - Không đủ sống.

- Không có gì làm cho con người hèn đi bằng những nỗi lo thường xuyên miếng cơm manh áo. Tôi rất khinh những kẻ coi thường tiền bạc, hoặc là họ giả nhân giả nghĩa hoặc là họ xuân ngốc. Tiền bạc như giác quân thứ sáu, không có nó, người ta không thể sử dụng trọn vẹn năm giác quan kia. Không có một khoản thu nhập đầy đủ thì một nửa năng lực cuộc đời bị vứt bỏ. Việc duy nhất là phải thận trọng, là anh không được tiêu quá một xu khi anh chỉ kiếm được có một xu. Anh sẽ nghe thiên hạ nói rằng cảnh bần cùng là một chất kích thích tốt nhất đối với nghệ sĩ. Người ta không bao giờ cảm thấy cường độ của chất đó trong da thịt. Họ không biết rằng cảnh bần cùng làm cho con người hèn hạ biết bao nhiêu. Nó đẩy họ vào cảnh nhục nhã không cùng, nó cắt cánh họ, nó gặm nhấm tâm hồn họ như bệnh ung thư, không phải là đòi hỏi giàu sang nhưng phải có vừa đủ để gìn giữ phẩm cách con người, để làm việc không bị lệ thuộc. Tôi vô cùng xót xa cho người nghệ sĩ, dù họ là nhà văn hay họa sĩ, cứ trông mong hoàn toàn vào nghệ thuật để mà sinh sống.

Philip lặng lẽ đem cất các bức tranh khác nhau mà anh đã bày ra.

- Thầy có thể tin rằng tôi có thể thành công?

Giáo sư Foinet khẽ nhún vai.

- Anh có đôi chút khéo tay. Với lao động kiên trì gian khổ, chắc chắn anh sẽ trở thành một họa sĩ thận trọng có khả năng. Có đến hàng trăm kẻ vẽ tồi tệ hơn anh và cũng có hàng trăm kẻ vẽ cừ hơn anh. Tôi không thấy tài năng

trong các bản vẽ anh đưa tôi xem. Tôi nhận ra có sự cần cù chăm chỉ và trí thông minh. Mãi mãi anh chỉ là họa sĩ xoàng thôi.

Philip thấy mình cần phải trả lời hết sức bình tĩnh.

- Tôi rất biết ơn thầy đã mất công khó nhọc. Tôi không biết cảm ơn thầy thế nào cho đủ.

Giáo sư Foinet đứng dậy như muốn đi về, nhưng ông thay đổi ý định, ông đứng lại và để tay lên vai Philip

- Nhưng nếu anh muốn yêu cầu tôi một lời khuyên thì tôi phải nói rằng: anh hãy hết sức can đảm và thử vận may ở một việc gì khác. Nghe thì có vẻ rất khắc nghiệt đấy, nhưng hãy để tôi nói với anh điều này: tôi sẽ vui lòng hiến dâng tất cả những gì tôi có trên thế gian này để được nghe một người nào khuyên bảo tôi như vậy, khi tôi ở lứa tuổi anh và tôi tiếp thu lời khuyên đó.

Philip kinh ngạc ngược nhìn ông ta, miệng giáo sư gượng một nụ cười, nhưng cặp mắt ông vẫn nghiêm trang và buồn.

- Thật là tàn nhẫn, con người chỉ phát hiện ra mình tầm thường khi đã quá muộn. Điều đó không làm cho người ta tốt hơn.

Ông khẽ cười khi nói những lời cuối cùng này và vội vã bước ra.

Như cái máy, Philip cầm lá thư của bác trai lên. Nhìn thấy nét chữ của bác trai, anh lo lắng vì thường thường là bác gái viết thư cho anh. Trong ba tháng gần đây, bác gái ốm, anh đã có ý muốn vượt biển về thăm bác, nhưng bà sợ gây trở ngại cho công việc của anh, nên đã khước từ, bà không muốn làm phiền anh, bà bảo sẽ đợi đến tháng tám, hy vọng anh sẽ về ở tại tòa cha

sở vài ba tuần lễ. Nếu chẳng may mà bệnh bà nguy kịch hơn, bà sẽ cho anh biết vì bà không muốn chết mà không gặp lại anh. Nếu bác trai viết thư cho anh thì chắc bà ốm nặng quá không cầm được bút. Philip mở phong thư. Bức thư như sau:

Cháu Philip thân yêu.

Bác lấy làm tiếc thương báo cho cháu biết bác gái của cháu đã từ trần sáng sớm hôm nay. Bác chết hết sức đột ngột, nhưng hoàn toàn thanh thản. Bệnh tình chuyển nặng quá nhanh đến nỗi không kịp nhắn tin cháu. Bác gái cháu đã chuẩn bị đầy đủ để đón nhận giờ phút cuối và bước vào nơi yên nghỉ cuối cùng với lòng tin trọn vẹn vào sự phục sinh thần thánh và cam chịu ý muốn thiêng liêng của Đức Chúa Kitô đầy ơn phước của chúng ta. Bác gái rất mong cháu có mặt ở lễ tang, vì vậy, bác hy vọng cháu về càng sớm càng tốt. Dĩ nhiên là một mớ công việc đè nặng lên vai bác và bác hết sức lúng túng. Bác hy vọng là cháu sẽ làm được mọi việc để giúp bác.

Bác thân yêu của cháu

William Carey

Ngày hôm sau Philip về đến Blackstable. Kể từ ngày mẹ qua đời, anh không mất ai là người ruột thịt; cái chết của bác gái làm anh choáng váng và cũng làm cho anh lo sợ lạ lùng; lần đầu tiên trong đời, ý nghĩ chính mình cũng có thể chết đến với anh. Anh không hiểu nổi rồi đây cuộc đời của bác trai sẽ ra sao, một khi không còn người bạn đời chung thủy, người đàn bà đã chăm sóc ông trong bốn mươi năm trời. Anh chắc sẽ gặp bác, suy sụp vì đau buồn tuyệt vọng. Anh sợ hãi phải giáp mặt, bác biết rằng mình sẽ không nói được điều gì có ích. Anh nhắm lại trong đầu một số lời nói thích hợp.

Anh vào tòa cha sở bằng cửa bên và đi sang phòng ăn. Bác William đang đọc báo.

- Chuyển tàu của cháu đến muộn. - Bác ngược mắt lên nói.

Philip đã xác định sẽ phó mặc cho những xúc động tự nhiên nhưng anh bàng hoàng trước sự đón tiếp khô khan của bác. Bác nén đau thương nhưng bình tĩnh, đưa cho anh tờ báo.

- Có một mẫu tin nhỏ thú vị về bác gái trong thời báo Blackstable. - Bác nói.

Như cái máy Philip đọc mẫu tin.

- Cháu có muốn lên nhìn bác gái không?

Philip gật đầu và cả hai cùng lên gác.

Bác gái Louisa nằm giữa một cái giường lớn, có hoa xung quanh mình.

- Cháu có muốn đọc một lời cầu nguyện ngắn không? - Cha sở hỏi.

Ông ta quỳ xuống và Philip biết rằng ông đang chờ anh làm theo, nên anh cũng quỳ xuống. Anh nhìn vào khuôn mặt bé nhỏ nhăn nheo kia và chỉ thấy rõ một cảm giác duy nhất: thật uổng phí cuộc đời! Một lúc ông Carey húng hắng ho và đứng dậy. Ông chỉ vào một vòng hoa dưới chân giường.

- Vòng hoa này là của giáo hội. Ông nói khẽ như đang ở trong nhà thờ, nhưng người ta cảm thấy rằng với tư cách là mục sư, ông ta thấy mình hoàn toàn như ở nhà. - Bác chắc bữa trà đã sẵn sàng.

Họ đi xuống phòng ăn. Những tấm màn buông xuống nom có vẻ sâu thẳm. Cha sở ngồi ở cuối bàn nơi bà vợ thường ngồi và trịnh trọng rót trà. Philip nghĩ rằng không ai trong hai bác cháu lại có thể ăn uống được gì, nhưng bác trai vẫn ăn ngon miệng, và bản thân vốn trung thực nên anh cũng làm theo. Họ im lặng một lúc. Philip bắt đầu ăn một miếng bánh ngọt rất ngon với một vẻ đau buồn mà anh cảm thấy hợp với khuôn phép.

Mọi việc thay đổi rất nhiều từ khi bác còn là cha phó - cha sở nói ngay sau đó.- Những ngày bác còn trẻ, những người đi đưa ma thường được cấp một đôi găng tay đen, và một mảnh vải lụa đen để quấn trên mũ. Bác Louisa tội nghiệp của cháu hay lấy lụa đó may áo dài. Bà thường bảo là cứ mười hai đám tang là bà có đủ lụa may một cái áo mới.

Rồi ông nói với Philip về những ai đã gửi hoa đến, hiện thời đã có hai mươi bốn vòng; cái ngày bà Rawlison, vợ cha sở ở Ferre từ trần, bà ta được những ba mươi hai vòng hoa, nhưng có khả năng ngày mai đây, số vòng hoa mang đến sẽ nhiều hơn lên; đám tang sẽ cử hành vào lúc mười

một giờ tại tòa nhà cha sở và chắc chắn to hơn nhiều so với đám bà Rawlison. Bác Louisa xưa nay vẫn không ưa bà Rawlison.

- Chính bác sẽ chủ trì lễ tang, bác đã hứa với bác gái, nhất định không để người nào khác mai táng bà.

Philip nhìn bác trai có ý chê khi thấy bác cầm lên miếng bánh ngọt thứ hai. Trong tình cảnh này, anh không thể không cho như thế là háu ăn.

- Nhất định là Mary-Ann làm bánh ngọt thì ngon tuyệt. Bác e rằng không có ai khác làm ngon được như thế.

- Chị ấy không đi khỏi hay sao? - Philip ngạc nhiên hỏi.

Mary-Ann ở tại tòa nhà cha sở lâu lắm rồi nếu như anh còn nhớ. Chị không bao giờ quên ngày sinh nhật của anh, và thường chú ý gửi cho anh một món quà mọn, buồn cười mà cảm động. Anh thực sự quý mến chị.

- Có chứ - Ông Carey trả lời - Bác nghĩ rằng để một người đàn bà không chồng trong nhà là không ổn.

- Trời ơi, chị ấy phải ngoài bốn mươi rồi còn gì!

- Đúng, bác cũng cho chị ta trạc tuổi ấy. Nhưng gần đây chị ta đâm ra khó tính khó nết, bất kỳ chuyện gì cũng cứ định dây vào. Và bác nghĩ đây là cơ hội rất tốt để cho chị ta thôi việc.

- Hẳn là một trường hợp không diễn lại nữa.

Anh lấy ra một điều thuốc, nhưng bác trai ngăn lại không cho đốt.

- Để tang lễ xong đã Philip ạ. - ông dịu dàng bảo.

- Vâng, Philip nói.

- Chừng nào bác gái tội nghiệp của cháu còn nằm trên ấy, thì hút thuốc trong nhà là điều vô cùng thất lễ.

Sau lễ tang, Josiah Graves, ủy viên quản lý tài sản của giáo hội, và làm giám đốc Ngân hàng trở về ăn tối ở tòa cha sở.

Các bức màn đã được kéo lên, và tự nhiên Philip cảm thấy khuây khỏa lạ lùng. Cái thi thể kia trong nhà làm anh khó chịu: khi còn sống người đàn bà thật tội nghiệp này là tất cả cái gì mến thương và dịu dàng, vậy mà khi nằm xuống ở trong phòng ngủ của mình trên gác, lạnh ngắt, cứng đờ, dường như bà lại gây ảnh hưởng xấu đến những người còn sống.

Ý nghĩ này làm Philip khiếp sợ.

Anh ngồi một mình mấy phút trong phòng ăn với viên quản lý tài sản của giáo hội.

- Tôi hy vọng anh có thể ở lại với bác trai anh một thời gian - y nói - tôi nghĩ không nên bỏ mặc ông già trở trời trong lúc này.

- Tôi chưa có dự định gì - Philip đáp - nếu bác ấy cần tôi, tôi sẽ hết sức vui lòng ở lại.

Như để làm vui người chồng góa vợ, trong bữa ăn, viên quản lý nói về trận hỏa hoạn vừa rồi ở Blackstable đã phá hủy một phần nhà thờ giáo hội Wesley.

- Tôi nghe là họ không bảo hiểm. - y mỉm cười nói.

- Cũng chẳng có gì khác, - cha sở nói - để xây dựng lại họ muốn thu bao nhiêu chả được. Tín đồ nhà thờ luôn sẵn sàng bỏ tiền ra.

- Tôi nghe nói Holden có gửi đến viếng một vòng hoa.

Holden là mục sư giáo phái ly khai và hằn chỉ vì Chúa cơ đốc đã tử nạn cho cả hai, nên ông Carey mới gật đầu chào ông ấy ngoài đường nhưng không chuyện trò.

- Tôi nghĩ thế là cố gắng lắm rồi đấy - ông Carey nhận xét - có bốn mươi một vòng hoa. Vòng hoa của ông đây đẹp thật, cháu Philip và tôi ngắm nhìn mãi không chán mắt.

- Có gì đâu mà - ông giám đốc ngân hàng nói.

Y hài lòng nhận thấy vòng hoa đó to hơn bất kỳ của ai khác. Rồi họ bắt đầu bình luận về những người dự đám tang. Các cửa hàng đều đóng cửa, trong dịp này viên quản lý tài sản giáo hội lấy trong túi ra một tờ thông báo in như sau:

- Vì có đám tang của Carey phu nhân, bán hang không mở cửa cho đến lúc một giờ.

- Đây là ý tôi - y nói.

- Tôi cho rằng họ đóng cửa thật là quý hóa - cha sở nói - bà Louisa tội nghiệp nhà tôi hẳn lấy làm cảm kích về việc đó.

Philip ăn cơm tối. Mary-Ann xem hôm ấy như ngày chủ nhật nên họ được ăn thịt gà quay và bánh bao nhân phúc bồn tử.

- Tôi cho rằng bác chưa nghĩ đến mộ chí - viên quản lý nói.

- Có, tôi đã nghĩ đến. Tôi nghĩ đến một cây thánh giá đơn sơ bằng đá. Bà Louisa thường không thích phô trương.

- Tôi cho rằng không còn gì tốt hơn một cây thánh giá. Nếu bác nghĩ đến một câu khắc thì bác cho ý kiến, có nên là: Còn gì tốt đẹp hơn là được về với Đấng Ki Tô.

Cha sờ mím môi. - Đúng như Bismarck^[48] cố gắng tự mình xếp đặt cho mình mọi việc, ông không thích câu này, nghe như là bôi nhọ chính mình.

- Tôi nghĩ mình sẽ không nói như thế. Tôi thích thế này hơn: Chúa đã ban cho và Chúa đã lấy đi.

-Ồ, bác lại thích thế à? Tôi thấy nó hơi có vẻ lạnh lùng.

Cha sờ trả lời phần nào chua chát còn ông Graves đáp lại bằng cái giọng mà kẻ góa vợ này cho là quá hách dịch trong lúc này. Câu chuyện sẽ đi hơi xa nếu ông không chọn được câu khắc riêng cho mộ chí của vợ. Họ ngừng một lát và sau đó câu chuyện hướng vào các vấn đề của giáo khu. Philip ra vườn để hút thuốc lá, anh ngồi trên một chiếc ghế dài và bỗng nhiên bắt đầu cười sặc sụa như điên.

Mấy ngày sau, bác trai tỏ ý mong anh ở lại Blackstable một vài tuần nữa.

- Dạ, việc đó rất hợp ý cháu - Philip thưa.

- Bác cho rằng đến tháng chín, cháu trở lại Pari là được rồi.

Philip không đáp. Anh suy nghĩ nhiều về điều Foinet nói với mình, nhưng anh còn rất phân vân nên chưa muốn nói đến tương lai. Trong việc anh từ bỏ nghệ thuật vì tin chắc mình không thể xuất sắc có cái gì đó thật đẹp đẽ; nhưng bất hạnh thay chỉ mình anh cho là như vậy thôi, còn với kẻ khác, đó là thú nhận thất bại mà anh thì không muốn thú nhận mình bị đánh bại. Anh là con người bướng bỉnh và sự ngờ vực rằng tài năng của mình đã không nhằm đúng hướng khiến anh có ý cưỡng ép hoàn cảnh và cứ tập trung đúng vào hướng kia. Anh không chịu được bị các bạn chê cười. Lieu này có lẽ đã ngăn cản anh quyết định bỏ học hội họa. Nhưng ở môi trường khác, thì anh lại bỗng thấy mọi việc đều khác hẳn. Như nhiều người khác, anh nhận ra rằng việc vượt biển Măng-sơ làm cho những chuyện có vẻ quan trọng trở thành phù phiếm lạ lùng. Cuộc sống xưa kia có sức quyến rũ đến nỗi từ bỏ nó thì anh không chịu được, giờ đây có vẻ là vô lý. Anh thấy ghê tởm những bóng đêm, những khách sạn với những món ăn tối, ghê tởm lối sống đê tiện mà tất cả bọn họ đã trải qua. Bạn bè nghĩ gì về anh, anh không quan tâm đến nữa. Cronshaw với thuật hùng biện, Otter với tư cách đáng trọng, Ruth Chalice với kiểu cách giả tạo, Lawson và Clutton với những cuộc cãi vã, anh bỗng thấy căm ghét tất cả bọn họ. Anh viết cho Lawson đề nghị gửi tất cả đồ đạc về cho anh. Một tuần sau, đồ đạc được gửi đến. Khi tháo mở các bức tranh, anh thấy có thể xem xét tác phẩm của mình mà không xúc động. Anh lấy làm thích thú khi nhận ra điều đó. Bác trai muốn xem tranh của anh. Dù trước đây ông nhất định không tán thành mong muốn của Philip đi Pari, ông cũng bình thản chấp nhận hoàn cảnh hiện nay. Ông quan tâm đến đời sống sinh viên và thường đặt cho Philip nhiều câu hỏi về vấn đề này. Thực tế ông có phần tự hào về anh vì anh là họa sĩ, và trước mặt mọi người, ông cố gắng làm nổi bật anh. Ông ham nhìn những mẫu Philip đưa bày ra cho ông. Philip đặt trước mặt ông chân dung của Miguel Ajuria.

- Tại sao cháu lại vẽ anh ta? - Ông Carey hỏi.

- Ồ, cháu cần một người mẫu và cái đầu anh ta làm cho cháu chú ý.

- Nhân tiện cháu không có việc gì làm ở đây, sao cháu lại không vẽ bác nhi?

- Bác sẽ phải ngồi mệt lắm.

- Bác tin rằng bác thích thế.

- Rồi bác cháu ta sẽ xem xét chuyện này.

Philip lấy làm buồn cười cái tính phù phiếm của bác trai. Rõ ràng bác rất thèm được anh ta vẽ chân dung. Được cái gì mà không phải trả đồng nào là cơ hội không nên bỏ lỡ. Trong hai ba ngày ông bác đưa ra những lời bóng gió. Ông quở trách Philip lười biếng, hỏi anh bao giờ thì bắt đầu bắt tay vào vẽ, rốt cuộc gặp ai ông cũng kể là Philip sắp vẽ chân dung ông. Cuối cùng gặp một hôm trời mưa, sau bữa ăn sáng, ông Carey nói với Philip:

- Thế nào, sáng này cháu vẽ chân dung bác chứ?

Philip đặt cuốn sách đang đọc xuống, tựa lưng vào ghế.

- Cháu đã bỏ nghề hội họa - anh đáp.

- Vì sao? - Bác trai ngạc nhiên hỏi.

- Cháu cho rằng trở thành một họa sĩ tầm thường thì không có gì là thú vị, và cháu đã kết luận rằng cháu sẽ không bao giờ vẽ khá hơn được.

- Cháu làm cho bác ngạc nhiên. Trước khi đi Pari thì cháu tin chắc mình là thiên tài.

- Cháu đã làm. - Philip đáp.

- Bác cứ tưởng cháu đã chọn được một nghề nghiệp mà cháu lấy làm tự hào đeo đuổi. Theo bác thì dường như cái mà cháu thiếu là tính kiên định.

Philip hơi khó chịu, thậm chí cả bác cũng không thể hiểu được rằng quyết định của anh thực sự là quả cảm biết bao.

- Một nghề thì sống, đồng nghề thì chết - Vị mục sư tiếp tục nói.

Philip rất ghét câu cách ngôn này, đối với anh nó hoàn toàn vô nghĩa. Bác trai luôn luôn nhắc đến nó trong buổi tranh luận trước lúc anh rời bỏ công việc thương mại. Rõ ràng nó gợi cho bác anh nhớ đến câu chuyện ngày đó.

- Cháu không còn bé bỏng nữa đâu, cháu biết đấy, cháu phải nghĩ việc bắt đầu làm ăn đi chứ. Thoạt tiên, cháu nằng nặc đòi trở thành nhân viên kế toán, và khi chán nghề ấy thì cháu lại muốn trở thành họa sĩ. Và giờ đây cháu thử nghĩ mà xem, cháu lại thay đổi ý kiến. Điều này chỉ cho thấy...

Ông lưỡng lự một lúc để cân nhắc những khuyết tật gì về tính cách Philip để chỉ ra thật xác đáng, nhưng Philip hoàn thành nốt câu này:

- Sự do dự, sự bất tài, không biết lo, thiếu quan tâm.

Cha sở nhìn quanh cậu cháu trai của mình để xem có phải anh chàng chế nhạo ông không. Gương mặt Philip vẫn nghiêm nghị nhưng hai mắt anh

chợt ánh lên một cái gì đó làm ông cảm thấy bực bội. Lẽ ra Philip phải nghiêm trang hơn. Ông thấy phải cho anh một trận.

- Bây giờ tôi không dính dáng đến vấn đề tiền nong của anh. Tự anh làm chủ lấy bản thân; nhưng tôi nghĩ là anh phải nhớ rằng đồng tiền của anh sẽ không tồn tại mãi mãi, về cái tật nguyên bất hạnh của anh không làm sao cho anh dễ dàng kiếm ăn được đâu.

Từ lâu, Philip đã biết rằng bất cứ lúc nào và bất kỳ có ai tức giận với anh, ý nghĩ đầu tiên của họ là nói cái gì đó về cái chân vẹo của anh. Anh đã có được kinh nghiệm là rất hiếm người có thể chống lại nỗi sự căm dỗ này. Nhưng anh đã tự rèn luyện để không tỏ dấu hiệu gì rằng điều nhắc nhở đó xúc phạm đến anh. Thậm chí anh còn kiểm chế được tính hay đỏ mặt đã từng hành hạ anh thời thơ ấu.

- Như bác vừa nhận xét rất đúng - anh trả lời - vấn đề tiền nong của cháu không dính dáng đến bác, và cháu là chủ nhân của chính mình.

- Dù thế nào thì anh cũng phải công bằng mà thừa nhận rằng tôi đã đúng khi phản đối cái quyết định đi học hội họa của anh.

- Điều đó chưa chắc hẳn đâu bác ạ. Cháu dám chắc khi một mình gây ra những lỗi lầm không ai giúp đỡ, người ta có lợi hơn là làm điều đúng theo lời khuyên bảo của kẻ khác. Cháu ăn chơi đã đủ, bây giờ cháu không mong gì hơn là cuộc sống.

- Vậy anh định làm gì?

Philip không chuẩn bị trả lời câu hỏi này, vì thực tế anh chưa quyết định. Anh đã nghĩ đến hàng tá nghề nghiệp.

- Công việc thích hợp nhất mà anh có thể làm là đi vào nghề nghiệp của cha anh, và trở thành bác sĩ.

- Ấy, đúng là cháu cũng đang nghĩ như vậy.

Anh đã nghĩ đến làm bác sĩ y khoa giữa nhiều việc khác nhau, chủ yếu vì đó là một công việc dường như đem lại nhiều tự do cá nhân. Kinh nghiệm cuộc đời nhân viên văn phòng khiến anh quyết tâm không bao giờ làm một việc gì liên quan đến cái nghề ấy. Câu trả lời của anh cho cha sởn rợn ra gần như một bất ngờ, có tính chất ứng đối. Anh thích thú được quyết định một cách ngẫu nhiên như thế này và ngay lập tức anh trù tính mùa thu này sẽ xin vào học tại bệnh viện ngày xưa của cha mình.

- Thế thì hai năm ở Pari của anh có thể xem như thời gian vụt đi.

- Cháu cũng chẳng biết nữa. Cháu đã được hưởng hai năm rất vui và đã học được một hai điều bổ ích.

- Điều gì vậy?

Philip ngẫm nghĩ một lúc và câu trả lời của anh không phải không có dụng ý châm chọc nhẹ nhàng.

- Cháu học được cách nhìn đôi bàn tay, điều mà trước đây cháu chưa bao giờ làm. Còn đáng lẽ chỉ nhìn nhà cửa, cây cối, cháu đã học được cách nhìn chúng trên nền trời, và cháu cũng học được rằng bóng tối không phải là đen mà nó có màu sắc.

- Anh cho rằng như vậy là anh thông minh phải không? Tôi thì tôi nghĩ rằng cái chuyện bông lơn của anh là hoàn toàn ngu ngốc.

Ông Carey trở về phòng làm việc mang theo tờ báo. Philip đối ghế, ngồi sang ghế bác trai vừa ngồi (đó là cái ghế tiện lợi nhất trong phòng này) và nhìn trời mưa như trút nước ngoài cửa sổ. Ngay trong thời tiết buồn bã này, những cánh đồng xanh trải dài tận chân trời cũng có cái gì đó yên tĩnh. Trước đây anh chưa bao giờ chú ý đến sức quyến rũ quen thuộc của phong cảnh này. Hai năm ở Pari đã mở mắt cho anh nhìn ra vẻ đẹp của quê hương mình.

Anh mỉm cười nghĩ đến lời phê bình của bác trai. May mắn làm sao bản tính anh lại thích bông đùa. Anh đã bắt đầu nhận ra nỗi mất mát to lớn anh phải chịu đựng về cái chết của cha và của mẹ. Đó là một trong những tình trạng khác nhau đã khiến anh nhìn nhận sự đời không giống mọi người. Tình thương của cha mẹ đối với con cái là một dạng tình cảm duy nhất hoàn toàn vô tư. Anh đã lớn lên giữa những người xa lạ, với rất nhiều cố gắng nhưng hiếm khi anh gặp được những con người bền chí hay kiên nhẫn chịu đựng. Anh lấy làm tự hào về tính điềm tĩnh của mình. Chính là nhờ sự chế nhạo của bạn bè mà anh đã luyện được tính đó. Lúc đó họ lại bảo anh là con người hoài nghi, vô tình. Anh đạt được cách xử sự bình tĩnh và trong nhiều trường hợp giữ được vẻ điềm tĩnh bên ngoài đến nỗi bây giờ đây anh không còn biểu lộ nỗi tình cảm của mình. Thiên hạ bảo anh là vô tình, nhưng anh hiểu anh là con người không làm chủ nỗi tình cảm bản thân: một thái độ ân cần ngẫu nhiên càng làm cho anh cảm động đến nỗi nhiều khi anh không dám mở miệng, sợ sẽ để lộ giọng nói run run của mình. Anh nhớ lại những tháng năm cay đắng sống ở nhà trường, tình cảnh nhục nhã phải chịu đựng kể từ khi anh phải đương đầu với cuộc đời, và tâm trạng vỡ mộng và thất vọng khi nhận ra sự khác biệt giữa ước vọng và thực tế cuộc đời. Nhưng dù sao anh cũng có thể nhận xét một cách khách quan về mình và mỉm cười thích thú.

- Nếu bản tính mình mà không hay bông lơn thì mình đã tự treo cổ rồi. -
anh hớn hở nghĩ thầm.

Anh nhớ lại câu trả lời cho bác trai khi ông hỏi anh học tập được gì ở Pari. Anh đã học được nhiều hơn như đã kể. Một buổi trò chuyện với Cronshaw vẫn còn in sâu trong tâm trí anh; một câu ông ấy dùng, một câu khá là bình thường nhưng buộc đầu óc anh phải suy nghĩ.

- Anh bạn thân mến, - Cronshaw nói - không có thứ đạo đức nào trừu tượng như thế đâu.

Khi anh không còn tin vào giáo lý cơ đốc, Philip cảm thấy như trút được khỏi hai vai một gánh nặng. Thoát khỏi trách nhiệm đè nặng lên từng hành động, khi từng hành động đều vô cùng quan trọng đối với việc bảo vệ linh hồn bất tử của anh, anh nghiệm được ý nghĩa sâu sắc của tự do. Nhưng bây giờ thì anh hiểu rằng điều đó chỉ là ảo mộng. Khi từ bỏ tôn giáo trong đó anh được giáo dưỡng, anh vẫn giữ gìn nguyên vẹn đạo đức là bộ phận khăng khít của tôn giáo. Vì vậy anh quyết định tự mình trừ tính mọi việc, quyết không chịu ảnh hưởng của những định kiến. Đức hạnh và tật xấu, những qui ước về điều thiện và điều ác, anh gạt bỏ hết với ý định tự mình sẽ tìm ra những qui tắc sống cho riêng mình. Và lại liệu có cần thiết phải có qui tắc? Đó là một trong những điều anh muốn khám phá. Rất rõ ràng là cái có vẻ vững chắc thì chỉ có vẻ thôi, bởi vì người ta đã dạy bảo anh như vậy từ thời niên thiếu. Anh đã đọc nhiều sách, nhưng chúng chẳng giúp được anh bao nhiêu, vì chúng dựa vào đạo đức của giáo lý cơ đốc; và thậm chí cả các nhà văn dù có nhấn mạnh rằng họ không tin vào thứ đạo lý đó, họ cũng không bao giờ thỏa mãn, cho đến khi nào họ nghĩ ra được một hệ thống luân thường đạo lý của bài thuyết giáo trên núi^[49]. Có lẽ hầu như không đáng đọc một tập sách dài dòng để biết được rằng người ta phải cư xử đúng như mọi người vẫn thường làm. Philip muốn tìm ra cách phải ăn ở thế nào

và anh cho rằng có thể giữ mình không bị ảnh hưởng của dư luận chung quanh. Nhưng đồng thời anh vẫn phải tiếp tục sống và cho tới khi tạo ra được một lý thuyết về tư cách đạo đức, anh tự mình thi hành một qui tắc tạm thời.

- Hãy đi theo sở thích của anh nhưng đồng thời cũng phải quan tâm thích đáng đến nhân viên cảnh sát quanh mình.

Anh cho rằng điều tất nhiên mà anh thu hoạch được ở Pari là sự tự do hoàn toàn về tinh thần và cuối cùng anh cảm thấy mình tự do tuyệt đối. Anh đọc rất nhiều sách triết học một cách lung tung không hệ thống, anh hân hoan chờ đợi thì giờ nhàn rỗi trong mấy tháng tới. Anh bắt đầu gặp gì đọc nấy, bắt đầu xem mỗi hệ thống triết học, lòng dạ cũng có phần phần khởi hy vọng tìm cho được một điều hướng dẫn nào đó làm cơ sở cho cung cách ứng xử của mình; anh thấy mình tựa như một du khách giữa những xứ sở xa lạ, càng đi tới thì chuyển đi lại càng hấp dẫn; anh đọc với nỗi niềm xúc động, như người ta đọc sách văn học thuần túy; và tìm anh đập ròn ràng khi anh tìm được những lời lẽ cao quý, những điều mà anh mơ hồ cảm thấy trong lòng. Những gì anh suy nghĩ là cụ thể nên chúng vận động khó khăn trong các lĩnh vực trừu tượng nhưng cả những khi không hiểu được lý lẽ, và trong quá trình theo dõi những tư tưởng quanh co len lỏi nhanh bên lề những điều khó hiểu anh cũng cảm thấy vui thú lạ lùng. Một đôi khi cả những nhà triết học vĩ đại dường như cũng chẳng chỉ bảo được gì cho anh, nhưng ở những vị khác, anh lại nhận ra những ý kiến thân thuộc mà anh cảm thấy rất gần gũi. Anh như một nhà thám hiểm ở Trung Phi, bỗng nhiên thấy mình đang đứng trên một vùng cao nguyên mênh mông, cây cối to cao với những đồng cỏ ngút ngàn, đến nỗi anh cứ tưởng mình đang ở trong một công viên nước Anh. Anh ham thích ý nghĩ ngay thẳng thiết thực của Thomas, Hobbes; Spinoza làm anh sợ. Trước đây anh chưa bao giờ được tiếp xúc với một tư tưởng cao quý, khó đến gần và khổ hạnh đến như vậy, việc này làm anh nhớ đến pho tượng của Rodin “Thời đại đồ đồng” mà anh

vô cùng hâm mộ; rồi đến Hume, Philip cũng thấy có cảm tình với chủ nghĩa hoài nghi của nhà triết học dễ thương này, và cứ miệt mài trong văn phòng sáng sửa đường như có khả năng diễn đạt những tư tưởng phức tạp thành lời lẽ đơn giản, du dương mà khúc triết, anh như đọc tiểu thuyết với nụ cười khoái trá trên môi. Nhưng không ở một người nào, anh tìm ra đúng điều mình cần. Anh đọc ở đâu đó nói rằng khi sinh ra con người đã theo học thuyết Platon, đã là môn đồ của Epicure, và câu chuyện về George Henry Lewes (ngoài ra còn cho người ta biết rằng triết học này hoàn toàn ảo tưởng) còn đây để chứng tỏ tư tưởng của mỗi nhà triết học không tách rời con người họ; khi hiểu điều đó, ta có thể phỏng đoán, trên qui mô lớn, triết lý mà họ viết ra. Có vẻ như người ta không hành động theo cách nào đó, nhưng đúng hơn là người ta suy nghĩ theo một cách nào đó, vì người ta được tạo ra theo một cách nào đó. Chân lý không dính dáng gì với điều đó. Không có thứ chân lý như vậy. Mỗi người là nhà triết học của chính mình, và những hệ thống hoàn chỉnh mà các vĩ nhân thời xưa đã sáng tác chỉ có giá trị đối với các nhà văn mà thôi.

Vì vậy vấn đề tìm ra cho được con người là gì, và hệ thống triết học của con người nhất định tự nó sẽ phát sinh. Theo Philip, dường như có ba vấn đề phải khám phá: quan hệ giữa con người với thế giới người ta đang sống, quan hệ giữa những con người đang sống với nhau và cuối cùng là quan hệ giữa con người với chính mình. Anh chuẩn bị một kế hoạch nghiên cứu tỉ mỉ.

Cái lợi sống ở nước ngoài là, tiếp xúc với phong tục tập quán của một môi trường mới lạ mà người ta cùng sống, người ta được đứng ngoài mà theo dõi những phong tục tập quán đó, và thấy rằng chúng không cần thiết như những kẻ mang chúng ra thực hành kia vẫn hằng tin tưởng, người ta không thể không nhận ra rằng những tín ngưỡng này đối với người ta là hiển nhiên mà đối với người nước ngoài lại là điều phi lý. Năm ở Đức, thời gian dài ở Pari đã chuẩn bị cho Philip để lúc này anh tiếp nhận lời giáo

huấn của tư tưởng hòa nghi đó với cảm giác thật là nhẹ nhõm. Anh thấy không có điều gì là thiện và không có điều gì là ác; sự việc chỉ được phép cho hợp với mục đích. Anh đọc “Nguồn gốc loài người”; Dường như sách này cung cấp cách giải quyết cho những điều mà anh băn khoăn. Bây giờ anh như một nhà thám hiểm lý giải rằng một số đặc trưng của thiên nhiên chắc hẳn là tự có, và sau khi đã đảo lộn cả một vùng sông rộng, tìm ra đây là con sông nhánh mà anh hằng mong đợi; ở đây là đồng bằng phì nhiêu dân cư đông đúc và xa xa nữa là núi non trùng điệp. Khi một khám phá vĩ đại nào đó được thực hiện, thì người ta thường lấy làm ngạc nhiên là nó đã không được chấp nhận ngay, và thậm chí đối với những ai công nhận sự thực đó, thì tác dụng của điều phát minh cũng vẫn là không đáng kể. Những độc giả đầu tiên của “Nguồn gốc loài người” thừa nhận nó theo lý lẽ của họ, nhưng cảm xúc của họ, là cơ sở cho tư cách đạo đức, thì không suy suyển. Philip sinh ra ở thế hệ sau tác phẩm lớn này xuất bản, phần lớn nội dung làm cho người cùng thời sợ hãi lại biến thành cảm nghĩ của thời đại hôm nay; vì vậy anh có thể vui lòng tiếp nhận nó. Cuộc đấu tranh vĩ đại cho cuộc sống làm cho anh vô cùng cảm động, và quy tắc luân thường đạo lý do cuộc đấu tranh này gợi ra dường như khớp với những khuynh hướng của anh. Anh tự nhủ: “Sức mạnh là chân lý”. Xã hội đứng ra một bên thành một tổ chức với những quy luật tiến hóa và tự bảo tồn của nó, trong khi đó thì cá nhân đứng ra một bên, Những hành động nào có lợi thì được cho là có đạo đức, những hành động nào không có lợi thì bị gọi là xấu xa. Thiện, ác chẳng có nghĩa gì hơn. Tội lỗi là điều bất lợi mà con người tự do cần phải gạt bỏ. Trong cuộc giao tranh với cá nhân, xã hội có ba thứ vũ khí: Luật pháp, dư luận công chúng và lương tâm, hai loại vũ khí đầu có thể đương đầu bằng mưu mẹo, mưu mẹo là vũ khí duy nhất của kẻ yếu chống lại kẻ mạnh; dư luận phổ biến đã làm nổi bật vấn đề này khi nó tuyên bố rằng tội lỗi chỉ là do chỗ bị phanh phui ra, nhưng lương tâm là tên phản bội ở ngay trong nhà, nó tiến hành đấu tranh xã hội trong mỗi tâm hồn và khiến cho cá nhân hy sinh vô ích cho sự thành công của kẻ thù. Bởi vì rõ ràng quốc gia và con người có ý thức về mình là hai cái không thể hòa hợp. Một đảng dùng con người cho mục đích riêng của mình, chà đạp, khinh rẻ con người,

nếu con người gây trở ngại cho nó, thường công con người bằng bao nhiêu huy chương, trả lương cho quyền cao chức trọng khi con người phục vụ nó trung thành, còn một đảng chỉ vững chắc trong sự độc lập của mình, lách qua nhà nước vì lợi ích vật chất, trả bằng tiền hay bằng dịch vụ cho một số phúc lợi nào đó, nhưng có ý nghĩa hàm ơn; dừng dừng đối với những khen thưởng đó và chỉ yêu cầu được yên thân. Đó là một khách du lịch độc lập dùng giấy phép và vé của ông Cock để tránh phiền hà nhưng lại đứng nhìn với thái độ xem thường để dãi các nhóm du lịch khác phải có người hướng dẫn. Người tự do không làm điều sai trái. Nếu có thể, họ làm mọi việc họ thích. Sức mạnh là cái thước duy nhất để đo đạo đức của họ. Họ thừa nhận luật lệ quốc gia, họ có thể vi phạm nó như không hề ý thức về tội lỗi, nếu như bị trừng phạt, họ chấp nhận không oán thán. Xã hội có sức mạnh.

Nhưng nếu đối với con người không biết phải trái, trong trường hợp ấy, Philip cho là lương tâm đã mất đi sức mạnh. Với tiếng hò reo chiến thắng, anh đã tóm cổ tên lừa đảo, thộp ngực nó mà ném đi. Nhưng anh vẫn không gần sát ý nghĩa cuộc đời hơn trước. Vì sao thế giới này tồn tại, con người sinh ra để làm gì? Đối với anh vẫn là điều không thể giải thích. Nhất định phải có một lý do nào đó. Anh nhớ đến chuyện ngụ ngôn của Cronshaw về tấm thảm Ba Tư. Ông ấy đưa ra chuyện này như một giải pháp cho điều bí ẩn và ông tuyên bố một cách khó hiểu rằng không có lời giải nào hết trừ phi người ta tự mình khám phá ra.

- Không biết ông ấy muốn nói cái quái gì? - Philip mỉm cười.

Và như thế, vào cái ngày cuối cùng tháng chín, hăm hờ thực hành tất cả những lý thuyết mới mẻ kia với một nghìn sáu trăm bảng, và cái chân vẹo, Philip lại đi Luân Đôn lần thứ hai, và bước vào đời lần thứ ba.

Việc thi đỗ của Philip trước đây để được nhận học tập sư nhân viên kế toán giúp anh đủ tư cách vào trường thuốc. Anh chọn trường St. Luke vì cha anh trước kia đã là sinh viên ở đó, và trước khi học kỳ hè kết thúc, anh đi Luân Đôn một ngày để gặp viên thư ký. Y đưa cho anh bản danh sách các phòng, và anh chọn một phòng có sẵn đồ đạc cho thuê trong một căn nhà bẩn thỉu nhưng được cái lợi là chỉ đi bộ vài phút là đến bệnh viện.

- Anh phải lo liệu thế nào để có được một bộ phận cơ thể mà giải phẫu - viên thư ký bảo anh - tốt hơn là anh bắt đầu từ cái chân; thông thường người ta làm như thế, dường như họ cho là dễ dàng hơn.

Philip thấy bài đầu tiên của mình về giải phẫu học là vào hồi mười một giờ nên khoảng mười giờ rưỡi anh khập khiễng qua đường đi đến trường đại học y, trong lòng có phần lo lắng. Ngay bên trong cửa ra vào có cặp một số thông báo, những bản kê danh mục bài giảng, những trận bóng đá, vân vân... Anh vờ vẫn nhìn những thứ đó, cố làm ra vẻ thoải mái. Các cậu thanh niên và học sinh xô đẩy nhau vào, tìm kiếm thư từ trên giá, tán gẫu với nhau rồi ra cầu thang xuống dưới tầng hầm có phòng đọc của sinh viên. Philip trông thấy nhiều người tha thẩn quanh đó, mắt rụt rè lơ lảo, và anh đoán rằng họ cũng đến đây lần đầu như anh. Lúc đã đọc kỹ các thông báo, anh trông thấy một tấm cửa kính dẫn đến một nơi vó vẻ là nhà bảo tàng, vì còn thừa hai mươi phút, anh bèn đi vào xem. Đó là một tập sưu tầm vật mẫu bệnh lý để xét nghiệm. Ngay lúc đó, một anh thanh niên khoảng mười tám tuổi lại gần anh.

- Này, có phải anh vào học năm thứ nhất không? - Hỏi:

- Phải - Philip đáp.

- Giảng đường ở đâu, anh biết không? Gần mười một giờ rồi.

- Tốt nhất là ta gắng đi tìm thôi!

Họ đi ra khỏi nhà bảo tàng, đi vào một hành lang tối om om, tường sơn hai sắc độ đỏ, một số thanh niên khác đang đi cùng chỉ đường cho họ. Hai người đến trước tấm cửa có biển đề “Phòng giảng cơ thể học”. Philip thấy đã có đông người ở đó. Ghế ngồi xếp thành nhiều tầng bậc, và đúng lúc Philip bước vào thì người phục vụ cũng vào đặt một cốc nước trên bàn ở chỗ ngồi của các giáo sư trong phòng giảng, và sau đó đem vào một xương chày và hai xương đùi trái và phải. Lại có một số người khác đi vào ngồi xuống ghế, gần mười một giờ thì phòng giảng hoàn toàn hết chỗ ngồi. Có khoảng sáu mươi sinh viên. Phần đông trẻ hơn Philip nhiều. Toàn những gương mặt nhẵn nhụi của các chàng trai mười tám nhưng cũng có một vài người lớn tuổi hơn anh, anh để ý một người cao lớn ria mép đỏ hoe, tầm trạc ba mươi, một người khác nhỏ bé tóc đen chỉ trẻ hơn một, hai tuổi, và một người đeo kính, râu đã hoa râm.

Giảng viên bước vào, ông Cameron, một người đẹp dáng, tóc trắng, mặt mày đường nét đều đặn. Ông gọi to tên sinh viên trên một bản danh sách dài. Đoạn ông đọc một bài diễn văn ngắn. Ông nói năng dịu dàng, cân nhắc từng chữ và hình như thích thú kín đáo về sự chuẩn bị cẩn thận lời lẽ đó. Ông giới thiệu với sinh viên một vài quyển sách nên mua và khuyên họ mua một bộ xương. Ông say sưa nói về cơ thể học, cần thiết cho sự nghiên cứu khoa phẫu thuật, vốn hiểu biết về giải phẫu sẽ làm cho sự đánh giá đối với nghệ thuật được nâng cao. Philip vênh tai nghe. Về cuối, anh được biết ông Cameron cũng giảng dạy cho sinh viên ở Hàn lâm viện Hoàng Gia, đã từng sống nhiều năm ở Nhật Bản, giữ một chức vụ ở trường đại học Đông Kinh và ông lấy làm tự hào mình biết đánh giá đúng cái đẹp.

- Rồi đây các bạn sẽ phải học nhiều điều chán ngắt - ông kết thúc bài diễn văn ngắn bằng một nụ cười độ lượng - mà các bạn sẽ quên khi đã thi đỗ mãn khóa, nhưng về khoa giải phẫu tốt hơn là học và bỏ phí ít nhiều còn hơn là không học một chút nào hết.

Ông cầm cái xương chậu trên bàn lên và bắt đầu miêu tả nó. Ông diễn đạt hay và rõ ràng.

Lúc kết thúc bài giảng, cậu học sinh đã nói chuyện với Philip ở nhà bảo tàng bệnh lý và ngồi cạnh anh trong phòng giảng bài, đề nghị đến phòng phẫu thuật. Philip và cậu ta lại tiến về hành lang. Một người phục vụ bảo cho họ biết phòng phẫu thuật ở đâu. Ngay lúc bước vào, Philip nhận ra ngay nơi phát sinh ra cái mùi cay xè mà anh đã để ý khi đi qua hành lang. Anh châm tẩu thuốc lá. Người phục vụ khẽ cười:

- Chẳng bao lâu các anh sẽ quen với mùi này. Tôi bây giờ thì không chú ý đến nữa rồi.

Y hỏi tên Philip và nhìn lên bản danh sách trên bảng.

- Anh có một chân - số bốn.

Philip thấy một tên khác được xếp thêm với tên mình.

- Điều đó nghĩa là gì? - Anh hỏi.

- Đúng lúc này chúng tôi rất thiếu xác chết. Chúng tôi phải bố trí hai sinh viên vào mỗi bộ phận cơ thể.

Phòng giải phẫu là một căn buồng lớn quét sơn như các hành lang, phía trên, phần dưới chân tường là màu đất nung sẫm. Kề vuông góc với bức

tường dọc chiều dài căn phòng ở những khoảng cách đều nhau, là những bàn sắt có soi rãnh giống như những đĩa đựng thức ăn, trên mỗi bàn đặt một xác chết. Phần nhiều là xác đàn ông, xác chết rất thẫm do biện pháp bảo quản đã áp dụng và nước da trông gần như da thuộc. Các xác chết hết sức hốc hác. Người phục vụ dẫn Philip đến một bàn có một thanh niên đang đứng bên.

- Tên anh là Carey phải không? - Hẳn hỏi

- Vâng.

- Ồ, vậy thì chúng ta cùng nhận cái chân này. Thật may đây là đàn ông, phải không?

- Vì sao? - Philip hỏi.

- Người ta thường thích đàn ông hơn - người phục vụ nói - xác đàn bà thường có nhiều mỡ.

Philip nhìn xác chết. Tay và chân quá gầy đến nỗi không có hình thù gì, còn xương sườn thì nổi rõ làm cho da căng lên. Đây là người đàn ông trạc tuổi bốn lăm, râu thưa thớt hoa râm, trên đầu lơ thơ ít tóc, hai mắt nhắm lại, hàm dưới hóp vào. Philip không thể nghĩ rằng cái này trước đây là con người, tuy vậy vẫn có cái gì dễ sợ, rung rợn trong hàng xác chết kia.

- Tôi có ý định sẽ bắt đầu vào hai giờ chiều - Người thanh niên đang cùng học giải phẫu với Philip nói.

- Được rồi, lúc ấy tôi sẽ có mặt ở đây.

Ngày hôm trước, anh đã mua một hộp dụng cụ cần thiết, và bây giờ anh nhận một cái tủ có khóa. Anh nhìn anh chàng cùng đi với mình vào phòng giải phẫu, thấy mặt anh chàng tái.

- Cậu thấy trong người khó chịu phải không? - Philip hỏi hần.

- Xưa nay tôi chưa thấy người chết bao giờ.

Họ đi dọc hành lang ra tới cổng trường. Philip nhớ đến Fanny Price. Nàng là người chết anh trông thấy lần đầu từ trước đến giờ, và anh nhớ chuyện đó đã làm anh xúc động lạ lùng. Có một khoảng cách không thể đo được giữa những người còn sống với những người đã chết; dường như họ không cùng một chủng loại. Thật là kỳ quặc phải nghĩ rằng chỉ vừa mới đây thôi họ còn nói năng, vận động, còn ăn uống, cười đùa. Ở những xác chết có một cái gì khủng khiếp và người ta có thể hình dung họ sẽ gây ảnh hưởng xấu đến những người còn sống.

- Anh thấy thế nào, ta đi ăn tí chút nhé? - Anh bạn mới nói với Philip.

Họ xuống tầng hầm nơi cơ một phòng tối trang bị như một quán ăn, ở đây sinh viên có thể ăn một chế độ như nhau như ở cửa hàng bánh mì sấy. Trong khi ăn (Philip ăn một bánh nướng phết bơ và một cốc sô cô la) anh biết được bạn mình tên là Dunsford. Y là một chàng trai có sắc mặt tươi tắn, cặp mắt xanh dịu dàng, tóc đen lượn sóng, tay chân to, cử chỉ nói năng từ tốn. Anh chàng ở Clifton đến.

- Anh có theo học lớp ghép kết hợp không? - Anh ta hỏi Philip.

- Có, tôi muốn có đủ trình độ chuyên môn càng sớm càng tốt.

- Tôi cũng đang học lớp ghép kết hợp, nhưng sau đó tôi sẽ theo học lớp nghiên cứu sinh phẫu thuật trường đại học Hoàng gia. Tôi sẽ đi vào khoa mổ xẻ.

Phần đông sinh viên theo chương trình giảng dạy của bộ môn liên kết của trường đại học phẫu thuật và trường đại học y khoa, nhưng những người có tham vọng hơn, hoặc siêng năng hơn thì kéo dài thêm việc học tập nhằm đạt một học vị ở trường đại học Luân Đôn. Khi Philip đến trường St. Luke, điều lệ vừa có những thay đổi, khóa học là năm năm chứ không phải là bốn năm như đối với những người ghi tên vào học trước mùa thu 1892. Dunsford tuân ra hàng tràng dự định của mình và cho Philip biết quá trình diễn biến thông thường các sự việc. Kỳ thi liên kết đầu tiên gồm có các môn sinh vật, giải phẫu và hóa, có thể thi làm nhiều lần và phần đông sinh viên sau ba tháng vào trường mới thi sinh vật. Môn học này vừa được đưa thêm vào danh mục các môn học, sinh viên bắt buộc phải tự kiểm lấy tài liệu, nhưng kiến thức cần có hết sức ít ỏi.

Philip trở lại phòng giải phẫu chậm mất mấy phút vì anh quên mua hai tay áo rộng mà người ta đeo vào để bảo vệ áo sơ mi; anh thấy một số người đã làm việc rồi. Người bạn cùng học đã bắt đầu đúng giờ, đang bận rộn mổ xẻ những dây thần kinh ngoài da. Hai sinh viên khác đang bận với cái chân thứ hai, còn một số đông hơn đang lằng xằng với những cánh tay.

- Tôi đã bắt đầu, không phiền gì anh chứ?

- Được thôi, cứ thoải mái - Philip đáp.

Anh lấy sách, mở trang có biểu đồ bộ phận cơ thể đã giải phẫu, nhìn vào cái họ phải tìm ra.

- Nom anh có vẽ thành thạo nhỉ.

- Ồ, trước tôi đã làm khá nhiều phẫu thuật súc vật rồi anh ạ.

Rồi họ trao đổi một vài câu chuyện trên bàn giải phẫu, phần thì về công việc, phần thì về triển vọng mùa bóng đá, về các thuyết trình viên, về những bài giảng Philip cảm thấy mình lớn tuổi hơn những người khác nhiều. Họ là những học sinh mới vào nghề. Nhưng vấn đề là kiến thức chứ không phải chuyện tuổi tác và Newson, anh chàng thanh niên nhanh nhẹn đang tiến hành giải phẫu với anh, tỏ ra rất thành thạo về môn học này. Có lẽ anh chàng không cảm thấy xấu hổ khi được phô trương tài năng và giải thích hết sức đầy đủ cho Philip về công việc đang làm; mặc dù vốn kiến thức tiềm ẩn của Philip không phải ít nhưng anh vẫn ngoan ngoãn lắng nghe. Sau đó, Philip cầm dao mổ, kẹp và bắt đầu làm việc trong khi anh chàng kia đứng nhìn.

- Vớ được một thằng cha gầy đến thế này thì tuyệt thật đấy - Newson vừa nói vừa chùi tay - chắc hẳn hẳn không có gì ăn phải đến một tháng rồi.

- Không rõ vì sao hẳn chết nhỉ? - Philip lẩm bẩm.

- Ồ, tôi cũng chẳng biết, thiếu gì nguyên nhân nhưng chủ yếu là chết đói, chắc vậy... Này, cẩn thận nhé, đừng có cắt động mạch đấy.

- “Đừng cắt động mạch này”, nói thì dễ lắm! - Một người trong bọn đang làm việc với cái chân kia, nhận xét - Động mạch của cái lão già này nằm có đúng chỗ đâu kia chứ!

- Các động mạch bao giờ cũng không ở đúng chỗ - Newson nói - cái bình thường là điều ta không bao giờ có được trong thực tế. Vì vậy mới gọi đó là chuyện bình thường.

- Thôi đừng có nói những chuyện như thế! - Philip nói - Nếu không, tôi cắt vào tay tôi mất.

- Nêu anh bị cắt tay - Newson đáp với vẻ rất hiểu biết, - anh phải rửa ngay chỗ đứt bằng thuốc sát trùng. Đó là việc anh phải hết sức cẩn thận. Năm ngoái ở đây có một tay chặt phải tay nhưng hăn lại coi thường, thế là hăn bị nhiễm trùng máu.

- Thế rồi hăn có khỏi không?

- Ồ, không, một tuần sau thì hăn chết. Tôi có đến nhìn hăn ở phòng khám nghiệm tử thi.

Đúng đến giờ dùng trà thì Philip đau lưng, và vì bữa trưa anh chỉ ăn qua loa nên anh hoàn toàn sẵn sàng đi uống trà.

Tay anh vẫn còn cái mùi đặc biệt mà sáng nay trong hành lang ngay lúc đầu anh đã để ý tới. Anh nghĩ rằng cả cái món bánh nướng của mình cũng có mùi đó.

- Chà, rồi anh sẽ quen thôi. - Newson nói - Khi người anh không vương vấn cái hôi thối của căn phòng giải phẫu khá cũ kỹ này anh sẽ rất nhớ đấy.

- Tôi sẽ chẳng để cái mùi đó làm tôi ăn mất ngon đâu - Philip nói, bởi thêm một cái bánh ngọt sau khi ăn xong miếng bánh nướng.

Quan niệm về cuộc đời sinh viên y khoa của Philip cũng như quan niệm của mọi người nói chung là dựa trên những hình ảnh mà Charles Dickens nêu ra giữa thế kỷ 19. Anh đã sớm phát hiện ra rằng Bob Sawyer - nếu quả thực anh ta đã từng tồn tại, không còn giống chút nào người sinh viên y khoa hiện nay.

Đây là một đám người hỗn hợp chập chững bước vào nghề y, tất nhiên có một vài người lười biếng hoặc vô tư lự. Họ cho đó là cuộc sống thoải mái, nhàn nhã khoảng hai ba năm và sau đó, hết tiền hoặc cha mẹ tức giận khước từ nuôi nấng thì bỏ bệnh viện. Một số khác thấy thi cử khó quá: chuyện thì hỏng hết keo này đến keo khác cướp mất nghị lực và họ hoang mang sợ hãi, vừa bước vào những tòa nhà gổm guốc của cái ban hỗn hợp này là họ quên hết những kiến thức mà trước đó họ thuộc lòng. Họ ở lại trường hết năm này qua năm khác, làm mục tiêu cho những chuyện khinh thường đùa cợt của bọn trẻ, một số bọn họ luôn cúi để thi chuyển sang khoa dược; một số khác trở thành phụ tá chưa có bằng cấp, một chức vụ bấp bênh, ông chủ bảo sao cũng phải chịu; số phận của họ là cảnh nghèo nàn, nghiện ngập rượu chè và chỉ có trời mới biết cuộc đời họ sẽ kết thúc ra sao. Nhưng phần đông sinh viên là những thanh niên cần cù, thuộc giai cấp trung lưu, họ được gia đình chu cấp đầy đủ để có được một cuộc sống khá giả mà họ đã quen. Nhiều người là con cái bác sĩ nên ít nhiều đã có dáng dấp nhà nghề, sự nghiệp của họ đã được an bài: ngay khi đạt được trình độ chuyên môn, họ trừ định xin bổ nhiệm vào một bệnh viện và sau khi nắm vững nghề nghiệp này (và có thể là một chuyến đi Viễn đông với tư cách bác sĩ trên tàu) họ sẽ đi theo cha và thời kỳ thanh xuân còn lại họ sẽ mở một phòng khám bệnh nông thôn. Một vài người được xếp vào loại như là đặc biệt xuất sắc: họ sẽ được nhiều phần thưởng và học bổng, hàng năm vẫn cấp cho những ai xứng đáng, lần lượt được bổ nhiệm vào làm ở các

bệnh viện, rồi tiếp tục đi lên, họ mở phòng khám bệnh ở phố Harley, và khi đã chuyên về khoa này hoặc khoa nọ rồi, họ trở nên giàu sang, có tiếng tăm và có chức vị.

Nghề y là nghề duy nhất con người có thể bước vào, ở bất kỳ lứa tuổi nào với khả năng kiếm sống đáng kể. Theo con mắt của Philip có ba bốn người đã quá tuổi thanh niên: một người đã phục vụ trong hải quân, theo tin đồn thì bị sa thải vì say rượu, tuổi khoảng ba mươi, mặt đỏ gay, thái độ cử chỉ lỗ mãng, tiếng nói oang oang. Một người khác đã có gia đình và hai con, y thua lỗ vì làm ăn với một người bị vỡ nợ. Y có cặp mắt luôn luôn nhìn xuống của kẻ chán đời và làm việc một cách lặng lẽ. Ở tuổi y việc học thuộc lòng rõ ràng là khó khăn. Trí não của y hoạt động chậm chạp, nom y cố gắng chuyên cần mà thương.

Philip thu xếp sắp đặt mấy căn phòng nhỏ bé của mình cho nó có vẻ ấm cúng như ở nhà.

Anh thu gọn sách vở, treo lên tường những bức tranh, những phác họa của chính mình ở trên tầng gác phòng khách. Phía bên trên buồng anh, có một sinh viên năm thứ năm tên là Griffiths ở, nhưng Philip ít gặp y, một phần do y chủ yếu làm việc trong các phòng của bệnh viện, và một phần y là người Oxford.

Những sinh viên đã từng cùng ở một trường đại học như thế thường gắn bó nhiều với nhau: họ dùng đủ mọi phương sách mà lớp thanh niên cho là tự nhiên, để buộc những người ít may mắn hơn phải ghi nhận địa vị xã hội thấp hèn của mình, số sinh viên còn lại thì hơi khó chịu thái độ thanh thản đường bệ của bạn họ. Griffiths người cao lớn, tóc hung đỏ, quần quăn thành búp, mắt xanh, da trắng, miệng đỏ tươi; y là một trong số những kẻ may mắn được mọi người ưa, vì y lúc nào cũng sôi nổi vui vẻ nhờ y cũng biết búng búng mấy nốt dương cầm, và hát mấy bài hát hài hước; đêm đêm khi

Philip đọc sách trong phòng vắng vẻ, anh nghe thấy tiếng bạn bè Griffiths la hét, cười nói ồn ào ngay trên đầu. Anh nhớ tới những đêm thú vị ở Paris, những buổi bọn họ ngồi trong xưởng vẽ, Lawson và anh, Flanagan và Clutton, đàm đạo về nghệ thuật, về đạo đức, về những chuyện tình trong hiện tại, về danh tiếng trong tương lai. Lòng anh quặn đau. Philip nhận thấy thực hiện một cử chỉ anh hùng là chuyện dễ nhưng gìn giữ được kết quả thật khó. Điều tồi tệ nhất là anh thấy công việc này hết sức chán ngắt. Anh đã mất hẳn cái thói quen được trợ lý phòng thí nghiệm nêu câu hỏi. Ngồi trong lớp mà đầu óc anh cứ bay bổng tận đâu đâu.

Cơ thể học là một khóa học buồn tẻ. Vấn đề đơn giản nhất là học thuộc lòng một khối lượng rất lớn những trang sách. Anh chán ngắt công việc mớ xẻ. Việc gì phải khó khăn cắt khúc những thần kinh với động mạch, trong khi ta có thể xem đúng vị trí của chúng trên biểu đồ trong một quyển sách hoặc trên mẫu xét nghiệm, mà ít vất vả hơn nhiều.

Anh kết bạn ngẫu nhiên, nhưng không có bạn thân, là vì dường như anh chẳng có gì riêng tây để mà tâm sự với bầu bạn. Khi anh cố gắng quan tâm đến những lo âu của họ, anh cảm thấy họ cho mình có thái độ gửi gắm nỗi niềm mà không cần biết mình có làm phiền người nghe hay không. Có một người nghe tin anh học mỹ thuật ở Paris tự hào rằng mình cũng là người có năng khiếu tranh luận về mỹ thuật với anh, nhưng Philip không chia sẻ được những quan điểm không hợp với mình và anh nhanh chóng nhận thấy ý kiến của người kia là xoàng nên dần dà anh chỉ trả lời nhát gừng. Philip muốn được mọi người yêu mến, nhưng anh không tìm cách cầu thân. Vì lo sợ bị khước từ nên anh không thể niềm nở ân cần và bằng vẻ lạnh lùng anh cố che đậy tính nhút nhát vẫn còn nhiều của mình. Anh lại phải chịu đựng những thử thách như hồi còn ở nhà trường, nhưng ở đây cuộc đời tự do của sinh viên y khoa tạo cho anh điều kiện luôn được sống riêng biệt lập.

Không cần phải cố gắng anh cũng đánh bạn được với Dunsford, một chàng trai nước da tươi tắn mà anh làm quen buổi đầu học kì. Dunsford gắn bó với Philip chỉ vì anh là người đầu tiên hẳn quen biết ở trường St. Luke. Hẳn không có bà con thân thuộc ở Luân Đôn nên cứ tối thứ bảy là hẳn và Philip có thói quen cùng đi đến chỗ ngồi hạng nhì nhà hát ca múa nhạc hoặc chỗ chuồng gà của một nhà hát nào đó. Hẳn dần dần nhưng vui vẻ, không bao giờ giận ai; hẳn thường nói những việc hiển nhiên, nhưng khi Philip chế nhạo hẳn, hẳn chỉ mỉm cười. Hẳn có cái cười dễ thương. Dù hẳn bị Philip đưa ra làm trò cười, hẳn vẫn mến Philip; anh thích thú tính chân thật của hẳn, còn bản chất dễ thương của hẳn làm anh rất khoái Dunsford có duyên nhưng hẳn cứ đinh ninh rằng không.

Hai người thường hay đến uống trà ở một cửa hàng phố Nghị viện, là vì Dunsford say một cô hầu bàn trẻ tuổi ở đây. Philip thì thấy cô không có gì hấp dẫn. Cô ta cao và gầy, mông không có và ngực thì như con trai.

- Ở Pari thì chẳng ai thèm nhìn cô ấy. - Philip nói với giọng đầy khinh miệt.

- Cô ấy được bộ mặt đẹp tuyệt. - Dunsford nói.

- Mặt thì quan trọng gì?

Các đường nét trên mình nàng xinh đẹp đều đặn, mắt xanh, trán rộng thấp mà các họa sĩ thời Victoria Lord Leighton, Alma Tadema và hàng trăm người khác khiến cả cái thế giới mà họ đang sống phải thừa nhận cho là một kiểu mẫu người đẹp Hy Lạp. Mái tóc nàng có vẻ rất dày chải chuốt gọn gàng, đặc biệt công phu cắt xõa xuống ngang trán theo kiểu mà nàng gọi là Alexandra. Bệnh thiếu máu hiện rõ trên đôi môi mỏng nhợt nhạt, nước da xanh xao, cả hai má thậm chí cũng không có lấy một chút hồng hào. Răng

rất đẹp; nàng rất chú ý để công việc không làm hỏng đôi bàn tay gầy nhỏ và trắng trẻo. Nàng thi hành phận sự với vẻ buồn bã.

Dunsford rất dút dát với phụ nữ, không bao giờ bắt chuyện được với nàng nên hẳn nài nỉ Philip giúp đỡ.

- Tôi chỉ cần anh mào đầu cho tôi thôi - hẳn nói - rồi sau đó tôi tự xoay xử lấy.

Để làm vui lòng hẳn, Philip đưa ra một vài nhận xét nhưng nàng chỉ đáp lại nhát gừng, cô nàng đã đánh giá họ như mấy chú nhãi và có thể là sinh viên nhưng nàng không biết nói gì với họ. Dunsford để ý thấy có người đàn ông tóc hung hung, râu tua tủa trông như vẻ người Đức, được nàng biệt đãi bất cứ lúc nào y bước vào cửa hàng, và lúc đó phải gọi nàng hai ba lần, nàng mới đến nhận thực đơn của họ. Nàng lạnh nhạt một cách láo xược, với những khách hàng không quen biết; khi đang chuyện trò với bạn thì nàng hoàn toàn dừng dừng không thèm nghe tiếng gọi của những người sốt ruột. Nàng có tài đối xử khéo léo với khách hàng nữ muốn gọi món giải khát bằng mức độ xác láo vừa đủ làm cho họ bực mình mà không tạo cho họ cơ hội phàn nàn với ban quản lý. Một hôm Dunsford cho anh biết tên nàng là MILDRED. Hẳn được nghe một cô gái khác của cửa hàng này gọi nàng.

- Tên gì mà ghê tởm thế - Philip bảo.

- Sao vậy? Dunsford hỏi - tôi lại ưa tên đó.

- Tên nghe kiêu căng quá.

Tình cờ ngày hôm ấy, gã người Đức kia không có mặt ở đó, và khi nàng bưng trà đến, Philip mỉm cười nhận xét:

- Hôm nay bạn của cô không ở đây?

- Tôi không hiểu anh muốn nói gì - nàng lạnh lùng đáp.

- Tôi đang nhắc đến con người quý phái có chòm râu hung hung ấy. Anh ta đã bỏ cô để đi với người khác rồi chẳng?

- Ở trên đời này có những con người phải biết rằng tốt hơn là nên lo chính mình đã - nàng đập lại.

Nàng bỏ mặc họ, và vì trong mấy phút đó không có ai để phục vụ, nàng ngồi xuống xem tờ báo buổi chiều của một khách hàng bỏ lại.

- Anh thật ngớ ngẩn lại làm cho cô nàng cáu. - Dunsford nói.

- Tôi cần cớ gì cái thái độ đỏng đảnh của cô ả. - Philip đáp.

Nhưng anh cũng chạm tự ái. Điều làm cho anh bực bội là cứ mỗi khi anh định làm vừa lòng một người đàn bà thì họ lại méch lòng. Lúc hỏi hóa đơn, anh liền đưa ra một câu hòe tiến thêm một bước.

- Chúng ta không còn chuyện trò gì với nhau nữa sao? - Anh mỉm cười nói.

- Tôi ở đây để nhận thực đơn phục dịch khách hàng, tôi chẳng có điều gì để nói với họ và tôi cũng không muốn họ nói điều gì với tôi.

Nàng đặt mảnh giấy xuống, trên đó nàng ghi số tiền họ phải trả và trở lại bàn chỗ nàng vừa ngồi. Philip đỏ mặt tức giận.

- Đó là cú đâm làm cho anh sáng mắt ra, anh Carey ạ - Dunsford nói khi cả hai đã đi ra ngoài.

- Cái con đĩ mất dạy - Philip nói - mình sẽ không đến đây nữa.

Ảnh hưởng của anh đối với Dunsford khá vững chắc nên anh đã kéo hẳn phải đi uống trà nơi khác và chẳng bao lâu Dunsford cũng tìm được một phụ nữ trẻ khác để tán tỉnh. Nhưng việc bị cô hầu bàn lãng nhục cứ day dứt anh. Nếu cô ấy đối xử lịch sự với anh thì anh hoàn toàn chẳng quan tâm đến cô làm gì, nhưng trái lại rõ ràng là nàng ghét anh, nàng làm tổn thương đến lòng tự trọng của anh. Anh không thể nào từ bỏ ý định trả đũa nàng. Anh bực bội với chính mình vì cái ý nghĩ nhỏ nhen ấy nhưng đã ba bốn ngày anh cương quyết không đến cửa hàng, mà nó cũng không giúp anh vượt qua được ý định đó nên anh đành kết luận rằng để cho đỡ bận bịu đầu óc thì tốt hơn là gặp nàng. Làm như vậy chắc chắn anh sẽ không nghĩ đến nàng nữa. Một buổi chiều mượn cớ có một cuộc hẹn, vì anh cũng có phần hổ thẹn về cái tính nhút nhát của mình, anh để Dunsford ở nhà và đi thẳng đến cửa hàng mà anh đã thề không bao giờ trở lại. Anh trông thấy cô hầu bàn nọ ngay vừa lúc bước vào cửa hàng và anh đến ngồi ở một trong số bàn cô phục vụ. Anh hy vọng nàng sẽ nhắc đến việc anh vắng mặt ở đây từ một tuần nay, nhưng khi nàng đến bàn nhận thực đơn, nàng không hề dả động gì đến. Anh đã từng nghe nàng nói với khách hàng khác:

- Độ này ông ấy đã thành khách lạ rồi đấy.

Cô tỏ ra như trước đây chưa từng gặp anh bao giờ và để thử xem có phải cô đã thực sự quên mình, khi cô bưng trà lên, anh bèn hỏi:

- Tối nay cô có gặp anh bạn tôi không?

- Không, mấy ngày nay, anh ấy không tới đây.

Anh muốn dùng việc này để mở đầu câu chuyện, nhưng anh bối rối lạ kỳ nên không nghĩ ra được điều gì để nói. Cô ta không tạo cơ hội cho anh và bỏ đi ngay. Anh không có dịp nói gì cho mãi tới lúc thanh toán hóa đơn mới hỏi:

- Thời tiết thật tồi tệ phải không cô?

Thật là nhục nhã phải buộc thốt ra một câu như vậy. Anh không hiểu nổi vì sao nàng làm cho anh lúng túng đến thế.

- Phải, ở đây cả ngày thì thời tiết đối với tôi không quan trọng gì lắm.

Cái giọng xác láo của nàng làm cho anh hết sức tức giận, anh cố ghìm mình, im lặng.

- Cầu Chúa cho cô ta nói một điều gì vô lễ - lòng anh sôi lên giận dữ, - để mình tố giác cho cô nàng bị tống cổ. Thế mới đáng đời cô ả.

Anh không gạt bỏ nổi hình ảnh cô gái ra khỏi đầu óc mình, Anh tức giận chế giễu sự ngu xuẩn của chính mình. Chấp nhận lời nói của cô hầu bàn bé nhỏ xanh xao thì thật vô lý; nhưng anh vẫn cảm thấy xấu hổ. Dù không ai biết rõ anh bị bê mặt, trừ Donsford mà chắc chắn hẳn cũng đã quên, Philip vẫn cảm thấy không yên tâm nếu chưa rửa được nổi nhục này. Anh tính toán nên phải làm gì cho hay hơn và quyết định ngày nào cũng sẽ đến cửa hàng; hiển nhiên anh đã gây cho cô nàng ấn tượng xấu về mình, nhưng anh đã tự cho mình đủ khôn ngoan để xóa hẳn ấn tượng này, anh sẽ thận trọng không nói bất cứ điều gì để có thể xúc phạm người khó tính nhất. Anh đã làm tất cả điều đó, nhưng chẳng đem lại kết quả. Buổi tối khi vào cửa hàng, anh chào cô, thế là cô nàng cũng đáp lại đúng như thế. Nhưng có một lần anh không chào, định xem cô nàng có chào trước không, song cô chẳng nói gì hết. Anh nghĩ thầm trong bụng một từ ngữ mà mặc dù người ta vẫn dùng cho phái nữ nhưng cũng ít dùng giữa những con người lịch sự; nhưng rồi anh cứ thản nhiên gọi trà. Anh quyết không nói một lời và lúc rời cửa hàng ra về không chào như thường lệ. Anh cam đoan với mình là sẽ không đến nữa. Nhưng hôm sau, đến giờ dùng trà, anh cảm thấy mỗi lúc một bồn chồn. Anh cố nghĩ đến chuyện khác nhưng không còn chỉ huy nổi tâm trí mình. Cuối cùng anh thất vọng nói:

- Xét cho cùng, chẳng có lý do gì để mình không đến nếu mình muốn.

Cuộc đấu tranh với bản thân kéo dài khá lâu và khi anh đi vào cửa hàng thì đã gần bảy giờ.

- Tôi đã nghĩ là anh không đến - cô gái nói với anh khi ngồi xuống.

Tim anh nhảy thình thịch trong ngực và anh cảm thấy đỏ mặt.

- Tôi bận chút việc không đến sớm được.
- Chắc anh bận cắt vụn người ra phải không?
- Không đến nỗi quá ghê gớm như vậy đâu.
- Anh là sinh viên phải không?
- Phải.

Lieu đó có vẻ thỏa mãn óc tò mò của cô gái. Cô bỏ đi và vì cái giờ muộn màng không có khách ở các bàn cô phục vụ nữa nên cô vùi đầu vào đọc tiểu thuyết. Đó là thời kỳ sách báo sáu xu được tái bản. Nhưng loại tiểu thuyết rẻ tiền do những kẻ viết văn thuê nghèo khổ sáng tác theo đơn đặt hàng, được cung cấp đều đặn cho những người dốt nát tiêu thụ. Philip phấn khởi, như vậy là cô nàng đã tự động bắt chuyện với anh; anh cảm thấy thời cơ đang đến, đến lượt mình anh sẽ nói thẳng vào mặt cô đúng những điều anh đã suy nghĩ, anh thật hơi lòng hơi dạ. Anh nhìn nàng, nét mặt nhìn nghiêng của nàng quả là thật kỳ lạ, các cô gái Anh thuộc tầng lớp này lại thường hoàn mỹ như vậy và khiến người ta phải sửng sờ kinh ngạc, sửng sờ đến nghẹt thở, nhưng vẻ đẹp ấy lạnh lùng như đá cẩm thạch; và cái nước da mịn màng nhưng xanh xao của nàng gây cho người ta một ấn tượng về thể trạng ốm yếu. Tất cả các cô hầu bàn đều ăn mặc như nhau, áo dài đen giản dị, tạp dề trắng, cổ tay áo giả, mũ vải nhỏ xíu. Khi nàng ngồi cúi xuống xem sách, nàng mấp máy môi nhắm đọc, Philip ký họa chân dung nàng trên nửa tờ giấy lấy ra trong túi áo và anh để lại trên bàn khi ra về. Đó là một ý bất ngờ thật hay vì hôm sau khi anh vừa bước vào nàng đã mỉm cười với anh.

- Thế mà tôi không biết anh vẽ được.

- Tôi đã từng là sinh viên mỹ thuật ở Pari hai năm.

- Tôi đưa bức họa này của anh bỏ quên lại tối hôm qua cho bà giám đốc xem, bà ta thích ngẩn thích ngơ. Có phải anh định vẽ tôi không?

- Đúng thế. - Philip đáp.

Khi nàng đi gọi trà cho anh, một cô khác tới gần anh.

- Tôi đã xem bức chân dung anh vẽ cho chị Rogers. Giống chị ấy như đúc ấy. - Cô ta nói.

Lần đầu tiên anh nghe được tên nàng, và khi muốn lấy hóa đơn anh gọi nàng bằng cái tên đó.

- Thế là anh biết tên tôi. - Nàng nói khi trở lại.

- Đây là do bạn cô đã nói ra khi cô ta nói chuyện với tôi về bức vẽ kia.

- Cô ấy cũng muốn anh vẽ một bức cho cô ấy đấy. Anh đừng có nhận lời. Nếu anh vẽ một lần là anh sẽ phải vẽ tiếp tất cả bọn, chúng sẽ muốn anh vẽ hết.

Rồi, không dừng lại, chẳng mạch lạc gì, nàng tiếp:

- Còn anh bạn trẻ vẫn đi cùng với anh, đâu rồi? Anh ta đi nơi khác rồi sao?

- Cô lại nhớ hẳn mới lạ chứ. - Philip đáp.

Trong lòng Philip bỗng rung lên một cảm giác đặc biệt mà anh không phân tích nổi. Dunsford có mái tóc xoăn đẹp, nước da tươi tắn, nụ cười xinh xắn. Philip nghĩ đến những lời thế mà thèm.

- Hẳn đang yêu. - anh cười khẽ nói.

Khi anh khập khễnh về nhà, Philip thầm nhắc từng lời trong câu chuyện. Bây giờ cô nàng đã thật sự thân thiết với mình rồi. Khi nào có dịp, anh sẽ đề nghị vẽ cho nàng bức ký họa cẩn thận hơn, chắc nàng sẽ thích; gương mặt nàng xinh, nhìn nghiêng trông thật đáng yêu và nước da xanh mượt của nàng có cái gì đó quyến rũ lạ lùng. Anh cố nghĩ xem nó giống cái gì; đầu tiên anh nghĩ đến xúp đậu; nhưng anh tức giận xua đuổi ý nghĩ này và hình dung đến những cánh nụ hoa hồng vàng lúc người ta xé nhỏ ra từng mảnh trước khi nó nở. Bây giờ anh không còn ác cảm với nàng.

- Nàng không phải hàng người xấu. - anh lẩm bẩm.

Anh thật ngớ ngẩn mới mếch lòng vì những điều nàng nói, không còn nghi ngờ gì nữa, lỗi chính là do anh: nàng chẳng muốn làm người xấu tính, xấu nét đâu, anh đã gây ấn tượng xấu với người ta. Thành công của bức vẽ làm anh hãnh diện. Giờ đây anh đã biết được cái tài mọn của anh, nàng chú ý đến anh hơn. Ngày hôm sau, anh đứng ngồi không yên. Anh đã tính đến chuyện đi ăn trưa ở cửa hàng trà này, nhưng chắc chắn giờ đó ở đây sẽ đông người, Mildred không thể nói chuyện với anh. Trước đó anh đã tìm cách thoái thác không cùng đi dùng trà với Dunsford, và đúng bốn giờ rưỡi (anh xem đồng hồ đeo tay đến chục lần) anh bước vào nhà hàng.

Mildred ngồi quay lưng lại phía anh. Nàng đang nói chuyện với gã người Đức mà ngày nào Philip cũng gặp ở đây, nàng đang cười với điều hẳn nói. Philip thấy tiếng cười thô bỉ làm anh rung mình. Anh gọi nàng, nhưng nàng

không để ý; anh gọi nàng lần nữa, lúc ấy, dần dần càng tức giận vì sốt ruột, anh lấy gậy gõ ầm ầm xuống bàn. Nàng bước tới, mặt mày có vẻ giận dữ.

- Cô khỏe không? - Anh chào hỏi.

- Dường như anh vội lắm thì phải?

Nàng nhìn xuống anh với thái độ xác lác mà anh biết quá rõ.

- Này, cô làm sao thế? - Anh hỏi.

- Xin anh vui lòng đặt hàng cho, anh cần gì tôi sẽ mang lại. Tôi không thể đứng nói chuyện cả đêm đâu.

- Xin cho trà và bánh bao nướng. - Philip trả lời cộc lốc.

Anh giận nàng đến muốn phát điên. Anh chăm chú đọc tờ báo “Ngôi sao” mang theo khi nàng bưng trà đến.

- Nếu cô đưa luôn hóa đơn ngay bây giờ cho tôi thì tôi không phải làm phiền cô nữa. - Anh lạnh lùng nói.

Nàng viết một mảnh giấy để lên bàn rồi trở lại với gã Đức nọ. Chẳng mấy chốc nàng đã trò chuyện sôi nổi với gã. Gã là một người tầm thước, đầu tròn, mặt búng, hàng ria rậm tua tủa, gã mặc áo đuôi tôm, quần xám đeo một sợi dây đồng hồ bằng vàng to tướng. Philip chắc rằng các cô gái khác đang hết nhìn anh rồi lại nhìn nàng, cặp trai gái ngồi ở bàn trao đổi với nhau những cái liếc mắt ý nghĩa. Anh cảm thấy chắc chắn là họ đang cười nhạo mình và máu anh sôi lên. Bây giờ thì anh cay đắng căm ghét Mildred. Anh hiểu rằng tốt nhất là chấm dứt, không đến quán này nữa, nhưng anh không chịu được ý nghĩ mình bị thất bại trong chuyện này, nên

anh nghĩ ra một kế hoạch để tỏ cho nàng biết rằng anh coi khinh nàng. Ngày hôm sau, anh đến ngồi ở bàn khác, và gọi cô bồi khác phục vụ trà. Người bạn của Mildred lại có mặt ở đây, và nàng đang trò chuyện với gã. Nàng không để ý đến Philip, vì vậy khi đi ra, anh chọn đúng lúc nàng buộc phải gặp ngang đường, khi đi qua anh nhìn nàng như nhìn một người trước đây anh chưa từng gặp. Anh làm đi làm lại như thế trong ba bốn ngày. Anh hy vọng rằng sau đó nàng sẽ nắm lấy cơ hội này mà nói với anh vài lời; anh nghĩ rằng nàng sẽ hỏi vì sao bây giờ anh không đến ngồi ở cái bàn do nàng phục vụ; và anh đã chuẩn bị một câu trả lời chất chứa mọi sự kính trọng của anh đối với nàng. Anh hiểu rằng lo nghĩ buồn phiền là đánh bại anh lần nữa. Gã người Đức kia đột nhiên biến mất, nhưng Philip vẫn đến ngồi ở bàn khác. Nàng vẫn không để ý đến anh. Anh nhận ra rằng điều anh làm là một vấn đề mà nàng hoàn toàn dừng dừng; anh có thể cứ tiếp tục như vậy cho đến ngày tận thế cũng chẳng hề có kết quả.

- Ta chưa chịu thua - anh tự bảo.

Hôm sao anh đến ngồi ở ghế cũ, và khi nàng tới, anh chào nàng như thể anh không hề bỏ nàng suốt một tuần nay. Nét mặt anh trầm lặng, nhưng anh không ngăn được nhịp đập điên loạn của con tim.

Thời ấy, loại tiểu nhạc kịch đột nhiên được quần chúng rất hâm mộ mới được ít lâu, và anh chắc chắn rằng Mildred sẽ rất thích đi xem.

- Cô này, - Anh bỗng nói - không biết cô có vui lòng một tối nào đó đi ăn cùng tôi rồi đến nhà hát “Người đẹp của thành phố New York không? Tôi sẽ mua hai vé ngồi loại thượng hạng.

Anh nói thêm câu sau để quyến rũ nàng. Anh đã biết được khi bọn con gái đi xem kịch, thì hoặc họ ngồi ghế hạng nhì, hoặc nếu có đàn ông dẫn họ

đi thì cũng ít khi mua loại đắt tiền hơn hàng ghế sắp vòng ở phía trên. Nét mặt xanh xao của Mildred không biểu lộ một thay đổi nhỏ.

- Đi thì đi. - Nàng nói.

- Khi nào thì cô đi được?

- Tôi nghỉ việc sớm vào các ngày thứ năm.

Thế là họ thỏa thuận với nhau. Mildred ở với người cô phố Herne Hill. vở kịch bắt đầu diễn lúc tám giờ, vì vậy họ phải ăn cơm lúc bảy giờ. Nàng đề nghị anh đón nàng ở phòng đợi của khách đi tàu hạng nhì ở nhà ga Victoria. Nàng tỏ ra không thích thú, nhưng nhận lời mời, tựa hồ như ban phát một ân huệ. Philip cảm thấy hơi bực bội trong lòng.

Philip đến ga Victoria sớm hơn giờ hẹn gần nửa giờ, và ngồi trong phòng đợi khách loại hai. Anh chờ mãi mà nàng không đến. Anh bắt đầu lo lắng, anh vào nhà ga theo dõi các đoàn tàu từ ngoại ô vào; giờ hẹn đã quá mà vẫn chưa thấy bóng dáng nàng. Philip sốt ruột. Anh vào các phòng đợi khách nhìn mọi nàng trong các phòng. Bỗng tim anh giật thót.

- À cô đây! Tôi tưởng cô không đến.

- Tôi cũng đang thích như vậy, anh bắt tôi phải chờ cả buổi, tôi đã định về.

- Nhưng cô bảo cô sẽ đến phòng đợi của khách hạng nhì mà.

- Tôi không bảo thế. Chẳng lẽ tôi cứ phải ngồi trong phòng đi của khách hạng nhì khi tôi có thể ngồi trong phòng đợi khách hạng nhất, đúng không?

Philip tin chắc anh không lầm, nhưng anh không nói gì, và họ lên xe taxi.

- Chúng ta đi ăn ở đâu đây? - nàng hỏi.

- Quán ăn Adelphi. Cô có ưng không?

- Ăn đâu cũng được.

Nàng nói năng khiếm nhã. Nàng khó chịu vì đã phải chờ đợi, và đáp lại sự cố gắng bắt chuyện của Philip, nàng trả lời nhất gừng từng tiếng. Nàng mặc áo choàng đan móc kim. Họ đến quán ăn và ngồi vào bàn. Nàng hài

lòng nhìn quanh. Những cái chụp đồ của những cây nến trên bàn, màu vàng của đồ trang trí, những tấm gương soi làm cho căn phòng thêm lộng lẫy.

- Tôi chưa từng đến đây bao giờ. - Nàng mỉm cười với Philip. Nàng đã cởi áo choàng; anh thấy nàng mặc áo dài xanh xám, cổ cắt vuông; tóc chải chưa bao giờ công phu như vậy. Anh gọi sâm banh, và khi sâm banh được mang lại, mắt nàng sáng lên.

- Anh liều lĩnh thật đấy!

- Vì tôi đã gọi sâm banh sao? - anh hỏi tự nhiên như thể xưa nay anh vốn không uống thứ nào khác.

- Tôi lấy làm ngạc nhiên khi anh mời tôi đi xem kịch với anh.

Câu chuyện diễn ra không thoải mái lắm, bởi vì nàng có vẻ không có gì nhiều để mà nói; và Philip lo lắng thấy rõ là mình không làm cho cô ta vui. Cô nghe nhận xét của anh, bằng thái độ lơ đãng, mắt còn mãi nhìn các thực khách khác, thậm chí cũng chẳng cần tỏ vẻ chú ý đến anh. Anh nói đùa một vài câu ngắn ngủi, nhưng cô hiểu ra một cách nghiêm chỉnh. Biểu hiện duy nhất hoạt bát mà anh đạt được là lúc anh đề cập đến các cô gái khác ở cửa hàng; cô không chịu được bà quản lý nên cuối cùng cô kể hết với anh mọi chuyện tồi ác của bà.

- Tôi không sao chịu nổi mẹ cũng như mọi thái độ lên mặt của mẹ. Lần lúc tôi đã định nói với mẹ về cái việc mẹ không ngờ là tôi biết được.

- Việc gì thế? - Philip hỏi.

- Đấy, tôi tình cờ biết được, thỉnh thoảng mẹ đi nghỉ cuối tuần với một gã đàn ông ở East-bourne. Một cô gái làm việc ở đây có người chị đã có gia

thất, đi đến đó với chồng, đã bắt gặp mẹ. Mẹ cũng cùng ở một nhà trọ đó, mẹ đeo khăn cưới, và tôi thì chắc là mẹ chưa có chồng.

Philip rót đầy cốc cho nàng, hy vọng rằng rượu sâm banh sẽ làm cho nàng niềm nở hơn; anh ao ước cuộc đi chơi ngắn ngủi này sẽ thành công. Anh để ý thấy nàng cầm dao như cầm quân bút, và khi nàng uống ngón tay út để thò ra. Trong lúc chuyện trò anh đưa ra nhiều vấn đề, nhưng chẳng moi ra được gì lắm ở nàng; và anh tức giận nhớ lại là anh thấy nàng cười nói liến láu liên miên với đã người Đức. Họ ăn xong và đi xem kịch. Philip là người thanh niên rất có học thức, anh coi thường loại tiểu nhạc kịch. Anh cho là những đoạn hài tầm thường, còn âm nhạc thì giai điệu giản đơn, anh thấy hình như ở Pháp thể loại này hay hơn nhiều, nhưng Mildred lại hết sức thích thú, nàng ôm bụng cười ngặt nghẽo. Thỉnh thoảng khi có điều gì làm cho nàng thích thú, nàng đưa mắt về phía Philip, trao đổi một cái nhìn khoái trá; rồi nàng vỗ tay nhiệt liệt hoan nghênh.

- Đây là lần thứ bảy tôi được xem - nàng nói, sau màn thứ nhất - và tôi không phản đối nếu như tôi được đi xem bảy lần nữa.

Nàng chú ý nhiều đến những phụ nữ ngồi chung quanh họ, trước sân khấu. Nàng chỉ cho Philip những ai dỗi phẫn, những ai đội tóc giả.

- Trông dân khu Tây Luân Đôn thật khiếp - nàng nói. - Tôi không hiểu làm sao họ lại như thế được. - Nàng đưa tay lên mái tóc mình. - Của tôi là hoàn toàn của riêng tôi, một sợi tóc cũng là của tôi.

Nàng không phục bất kỳ ai, và khi nói về một người nào thì toàn là những điều không tốt đẹp, làm cho Philip khó chịu. Anh tin rằng hôm sau nàng sẽ kể lại cho các cô bạn ở cửa hàng rằng anh đưa đi chơi và quấy rầy nàng đến chết. Anh không ưa nàng, vậy mà không hiểu sao anh lại muốn ở gần nàng. Trên đường về anh hỏi:

- Tôi hy vọng rằng cô thích?

- Cũng thích.

- Cô có vui lòng đi chơi với tôi một tối nào nữa không?

- Đi cũng được.

Anh không bao giờ chịu nổi những câu nói như vậy. Thái độ hờ hững của nàng làm cho anh phẫn nộ.

- Nghe như thế đi hay không đi, cô cũng chẳng bận tâm gì lắm.

- Ồ, nếu anh không đưa tôi đi chơi thì đã có người khác sẽ đưa đi. Tôi có bao giờ thiếu đàn ông đưa tôi đi xem kịch đâu.

Philip im lặng. Họ đã đến nhà ga, và anh lại phòng bán vé.

- Tôi đã có vé tháng rồi - nàng nói.

- Bây giờ đã hơi muộn, tôi nghĩ là nên đưa cô về nhà, nếu cô không phản đối.

- Ồ, thế cũng được, nếu điều đó làm anh vui lòng.

Anh lấy vé hạng nhất một lượt cho nàng và lấy vé khứ hồi cho mình.

- Tôi được, anh không buồn xin. Tôi muốn nói điều ấy với anh. - Nàng nói khi anh mở cửa toa xe.

Khi mọi người khác bước lên xe và không còn chuyện trò gì được, anh không biết mình vui hay buồn. Đến Herne Hill, họ xuống tàu và anh đưa nàng đến góc phố nàng ở.

- Tạm biệt anh ở đây! - nàng đưa tay ra nói - Tối hơn là anh đừng đến tận cửa. Tôi biết thiên hạ là thế nào, và tôi không muốn người nào dị nghị.

Nàng chào anh và bước đi rất nhanh. Anh còn thấy cái khăn quàng trắng trong đêm tối. Anh nghĩ nàng có thể quay trở lại, nhưng không. Philip trông thấy căn nhà nàng đi vào, và một lúc thì anh cũng đi tới để nhìn vào. Đó là một gian nhà nhỏ, gạch vàng, ngăn nắp bình thường giống hết mọi nhà bé nhỏ khác trong đường phố. Anh đứng ở ngoài thêm mấy phút, chẳng mấy chốc cánh cửa sổ trên gác thượng tối sẫm, Philip đi chậm chậm trở lại nhà ga. Thế là phí một đêm chẳng ra sao. Anh cảm thấy tức giận, thao thức và khổ sở.

Nằm trên giường, anh còn như thấy nàng ngồi trong các toa tàu lửa, đầu trùm khăn choàng trắng. Anh không biết làm thế nào sống nổi quãng thời gian cách xa cho đến khi lại được thấy nàng. Anh mơ nàng nghĩ đến gương mặt gầy gò, đường nét thanh tú và nước da hơi tái tái xanh của nàng. Ở gần nàng anh không hạnh phúc, nhưng xa nàng anh sẽ khổ sở. Anh muốn được ngồi bên nàng, ngắm nghía nàng, được đứng chạm vào người nàng, anh muốn... Ý nghĩ này chợt đến với anh rồi bỗng chợt tắt, anh bỗng trở nên tỉnh táo... anh muốn được hôn cái miệng nhỏ nhắn nhợt nhạt kia với đôi môi mỏng. Cuối cùng anh nhìn ra sự thật. Anh đã yêu nàng - Thật không sao tin nổi!

Anh thường nghĩ đến lúc đã đem lòng yêu một người nào đó, một hình ảnh cứ nhiều lần hiện lên trong đầu. Anh thấy mình đi vào một phòng khiêu vũ; mắt chăm chú nhìn vào một nhóm nhỏ đàn ông, đàn bà đang chuyện

trò; và một phụ nữ trong bọn quay lại, mắt nàng bỗng gặp mắt anh, và anh hiểu rằng cả hai đều nghệt thờ. Anh đứng hoàn toàn nín lặng. Nàng người cao, nước da ngăm ngăm đen, xinh đẹp, đôi mắt thăm thăm như màn đêm; nàng mặc quần áo trắng, trên mái tóc huyền lấp lánh những hạt kim cương, hai người nhìn nhau, quên bẵng mọi người xung quanh. Anh đi thẳng đến nàng và nàng cũng nhẹ nhàng bước lại anh. Cả hai đều cảm thấy những thủ tục lúc này thật là lạc lõng. Anh nói với nàng:

- Anh đi tìm em suốt một đời.

- Và cuối cùng anh đã đến, - nàng thì thầm.

- Em có vui lòng nhảy với anh không? Thế là nàng ngả mình vào đôi cánh tay rộng mở của anh. Và họ khiêu vũ. (Philip luôn luôn cho rằng mình không hề khập khiễng). Nàng nhảy tuyệt diệu.

- Em chưa nhảy với ai có bước nhảy như anh - nàng nói. Nàng xé nát chương trình của mình và họ cùng nhảy với nhau suốt đêm hôm đó.

- Anh rất sung sướng đã đợi chờ em. - anh nói với nàng - Anh đã biết rồi cuối cùng thế nào anh cũng sẽ gặp em.

Mọi người trong phòng nhảy đều chăm chăm nhìn hai người. Họ không cần biết và không muốn phải che giấu tình cảm đắm say của họ. Rồi hai người đi vào công viên. Anh khoác tấm áo choàng mỏng mảnh lên vai nàng và đưa nàng lên xe ngựa đang chờ sẵn. Họ đi chuyển tàu nửa đêm về Paris, vùn vụt lao đi trong trời đêm tĩnh lặng đầy sao, lạc vào một thế giới chưa một ai từng biết.

Anh hồi tưởng lại giấc mơ xưa và dường như chuyện anh yêu Mildred Rogers là không thể nào xảy ra. Cái tên nghe sao mà kỳ cục. Anh không

cho nàng là đẹp; anh không ưa thân hình gầy yếu của nàng, chỉ tối hôm ấy, anh mới để ý bộ xương ngựa của nàng trồi lên trong tấm áo dạ hội của nàng; anh nhìn kỹ từng đường nét, anh không thích cái miệng và nước da bệnh hoạn của nàng làm cho anh thấy mơ hồ kinh tởm. Nàng thô tục. Những lời nói nhạt nhẽo và nghèo nàn, luôn luôn được lặp đi lặp lại chứng tỏ đầu nàng rỗng tếch; anh nhớ lại tiếng cười thô bỉ với những câu hài trong vở tiểu nhạc kịch hôm nọ. Anh nhớ lại ngón tay út nàng cẩn thận không khi đưa cốc lên môi; điệu bộ cũng như lời lẽ chuyện trò của nàng có cái vẻ quý phái bỉ ổi. Anh nhớ lại sự xất xực khiến anh lăm lăm đã muốn tát tai nàng và bỗng nhiên không hiểu vì sao, có lẽ do ý nghĩ muốn đánh nàng hay nhớ lại hai vành tai xinh đẹp bé bỏng của nàng mà anh cảm thấy toàn thân xúc động. Anh khao khát nàng. Anh hình dung được siết chặt trong vòng tay tấm thân mảnh khảnh yếu đuối, và hôn lên đôi môi nhạt nhợt của nàng. Anh muốn đưa mấy ngón tay vuốt ve cặp má xanh xao của nàng. Anh thèm muốn nàng. Anh đã từng nghĩ đến tình yêu như một trạng thái ngây ngất chiếm đoạt tâm hồn, làm cho cảnh vật mang dáng dấp xuân, anh chờ đón hạnh phúc mê ly, nhưng đây không phải là hạnh phúc mà là sự khát khao đến đớn đau, một nỗi đau cay đắng mà trước đây anh chưa từng biết đến. Anh cố gắng nghĩ trạng thái đó đến với anh vào lúc nào, nhưng đành chịu. Anh chỉ nhớ lại rằng sau vài ba lần đầu tiên, từ đó không lần nào anh bước vào cửa hàng mà anh không thấy lòng nhói đau; và mỗi khi nàng nói chuyện với anh thì anh cảm thấy như mình đang nghẹt thở. Khi nàng bỏ anh, anh khổ sở nhưng khi nàng trở lại với anh, anh thấy thất vọng.

Anh nằm sòng soài trên giường hệt như một con chó. Anh tự hỏi rồi đây làm thế nào tâm hồn anh chịu đựng nỗi đau không dứt này.

Sáng hôm sau Philip dậy sớm, anh nghĩ đến Mildred. Anh định ninh rằng anh có thể gặp nàng ở nhà ga Victoria và cùng đi với nàng đến cửa hàng. Anh cạo mặt vội vàng, xỏ quần áo và lên xe buýt đến nhà ga. Anh tới nơi vào lúc tám giờ kém hai mươi và theo dõi các chuyến tàu ở ngoài vào. Đám đông lũ lượt đổ xuống, các thầy ký, các nhân viên bán hàng vào giờ sớm này chật ních sân ga; họ hối hả tiến ra, có lúc từng đôi, thỉnh thoảng các cô gái đi thành nhóm, nhưng hình như là đi một mình. Vào lúc sáng sớm này phần đông bọn họ trông tái mét, xấu xí, và có vẻ đăm chiêu; số trẻ con bước ra nhẹ nhàng tựa hồ được dẫm trên nền xi măng sân ga là điều thú vị đối với chúng, nhưng những kẻ khác thì như một cái máy đẩy về phía trước, mặt mày cau lại lo lắng.

Cuối cùng Philip nhìn thấy Mildred, anh hăm hở lao tới.

- Chào cô - anh nói - Tôi nghĩ rằng tôi phải đến thăm xem cô thế nào sau đêm qua.

Nàng mặc áo choàng dài rộng màu nâu đã cũ, và đội mũ thủy thủ. Rất rõ ràng là nàng không thích gặp anh.

-Ồ tôi khỏe mạnh. Tôi chẳng có nhiều thì giờ để mà lãng phí.

- Nếu tôi cũng đến Victoria với cô thì có phiền cô không?

- Tôi đến không phải là quá sớm đâu. Tôi phải đi nhanh. - Nàng đáp và nhìn xuống cái chân vẹo của Philip.

Mặt anh bừng đỏ.

- Xin lỗi cô, tôi sẽ không giữ cô lại.

- Anh cứ thoải mái.

Cô đi tiếp, còn anh trở về nhà để ăn điểm tâm mà lòng trĩu nặng. Anh ghét nàng. Anh nghĩ anh cứ chăm lo đến nàng thì thật ngốc nghếch. Nàng đâu phải hạng đàn bà có thể thích anh, và hẳn là cái chân tàn tật của anh phải làm nàng kinh tởm. Anh đã quyết định là chiều hôm ấy không đi uống trà, nhưng cuối cùng, dù tự giận mình, anh vẫn ra đi. Nàng gật đầu mỉm cười chào anh lúc anh bước vào.

- Tôi nghĩ rằng hồi sáng tôi hơi vô lễ với anh - nàng nói - Anh biết không, tôi không hề mong, thế mà anh đến thăm, tôi bất ngờ quá.

- Ồ, không hề gì.

Anh bỗng thấy như trút được gánh nặng. Anh cảm thấy lòng vô cùng biết ơn một lời thân ái.

- Vì sao cô không ngồi uống đi? - anh hỏi - Bây giờ không còn ai cần cô nữa mà.

- Tôi thích bất cứ lúc nào muốn ngồi thì ngồi.

Anh nhìn nàng nhưng không nghĩ được điều gì để nói; anh băn khoăn vất óc tìm một lời để giữ nàng lại với mình; anh những muốn nói là nàng có ý nghĩa bao nhiêu đối với anh, nhưng lúc này anh không biết làm thế nào để tỏ tình rằng anh đã yêu tha thiết.

- Anh bạn có bộ râu mép đẹp của cô đâu rồi? Gần đây tôi không gặp anh ấy.

- Ồ, anh ấy đã trở về Birmingham. Anh ấy bận ông việc ở đó, chỉ thỉnh thoảng mới lên Luân Đôn.

- Anh ấy có yêu cô không?

- Tốt hơn là anh hỏi anh ấy - nàng cười nói - Tôi không hiểu anh hỏi để làm gì nếu anh ấy yêu tôi.

Anh suýt trả lời bằng một sự cay đắng, nhưng anh cố tự kiềm chế.

- Tôi lấy làm lạ tại sao cô nói như thế. - Đó là tất cả điều anh cho phép mình nói ra.

Nàng nhìn anh bằng cặp mắt thờ ơ.

- Có vẻ cô coi thường tôi - anh nói thêm.

- Tại sao tôi coi thường anh?

- Chẳng có lý do nào hết.

Anh giơ tay với cái phiếu thanh toán.

- Anh nóng tính thế - nàng nói khi thấy cử chỉ đó. Anh dễ mếch lòng quá đấy.

Anh cười và nhìn nàng như van lơn.

- Cô có vui lòng làm một điều cho tôi không? - Anh hỏi.

- Còn tùy thuộc đó là việc gì chứ.

- Để tôi trở lạ nhà ga với cô tối nay.

- Anh đi cũng được.

Uống trà xong, anh ra về, nhưng đến tám giờ khi nhà hàng đóng cửa, anh đã đứng đợi bên ngoài.

- Anh kỳ quái thật. - Nàng nói khi bước ra - tôi không hiểu anh!

- Việc này quá khó khăn vậy sao? - Anh trả lời gay gắt.

- Có cô nào thấy anh đợi tôi không?

- Tôi không biết và tôi cũng không cần.

- Anh biết không, cả bọn chúng nó chế giễu anh. Chúng bảo là anh phải lòng tôi.

- Cứ làm như là cô lo chuyện này lắm ấy. - Anh khẽ nói.

- Thôi được, đồ hay gây sự ạ!

Đến nhà ga, anh mua một vé và tuyên bố sẽ tiễn nàng về tận nhà.

- Dường như anh nhiều thì giờ chẳng có gì làm thì phải - nàng nói.

- Tôi nghĩ rằng tôi có thể lãng phí nó theo cách riêng của tôi.

Họ luôn luôn có vẻ như sắp cãi nhau. Sự thật là anh giận mình đã đem lòng yêu nàng. Dường như nàng luôn luôn làm anh bẽ mặt và cứ mỗi lần chịu đựng một điều sỉ nhục, anh lại chàng thêm oán giận. Nhưng tối hôm đó, nàng tỏ ra thân mật và nói năng nhiều: nàng cho anh biết rằng cha mẹ nàng đã mất; nàng cho anh hiểu rằng nàng không phải làm việc để kiếm sống mà làm việc cho vui thôi.

- Cô tôi không muốn tôi đi vào con đường kinh doanh buôn bán. Ở nhà thứ gì tốt nhất tôi cũng có. Tôi không muốn anh nghĩ rằng tôi cần phải đi làm.

Philip biết rằng nàng nói dối. Vì sĩ diện giai cấp, nàng phải khoe khoang như vậy để khỏi phải bị ô danh là phải làm việc để kiếm sống.

- Gia đình tôi là gia đình có họ hàng con ông cháu cha - nàng nói.

Philip cười nhạt, và nàng để ý đến thái độ đó.

- Anh cười gì đó? - nàng hỏi ngay - Anh không tin tôi nói thật hay sao?

- Dĩ nhiên là tôi tin, anh đáp.

Nàng ngờ vực nhìn anh, nhưng trong chốc lát nàng không chống nổi sự cảm dỗ gây ấn tượng cho anh về năm tháng huy hoàng đã qua của mình.

- Cha tôi luôn luôn không rời cái xe chó, chúng tôi có ba đầy tớ, một người nấu bếp, một chị hầu phòng và một người sai vặt. Nhà chúng tôi thường trồng hoa hồng đẹp. Thiên hạ trước kia thường có thói quen dừng

lại trước công, hỏi nhà này của ai mà có những đóa hoa hồng đẹp thế. Dĩ nhiên làm việc với bọn gái hầu bàn ở cửa hàng này điều chẳng hay ho gì cho tôi, đó không phải là tầng lớp người trước đây tôi quen thuộc, vì thế lắm lúc tôi thật sự nghĩ rằng tôi sẽ từ bỏ công việc đó. Đây không phải là nghề nghiệp mà tôi lưu tạm, anh đừng nghĩ thế; nhưng đó là tầng lớp quần chúng mà tôi phải chung đụng.

Họ ngồi đối diện với nhau trên tài, và Philip với rất nhiều thiện cảm, hoàn toàn sung sướng lắng nghe những điều nàng nói. Anh lấy làm buồn cười về cái tính khờ khạo của nàng và hơi cảm động. Hai má nàng bắt đầu hơi ửng hồng. Anh đang nghĩ rằng nếu hôm nay hôn được dưới cằm nàng thì thật thích.

- Lúc anh vừa đặt chân vào nhà hàng, tôi đã thấy anh thật là con người hào hoa phong nhã, ông cụ thân sinh anh là người có chức nghiệp phải không?

- Ông cụ tôi là bác sĩ.

- Một người có chức nghiệp dễ phân biệt lắm. Ở họ có một cái gì đó mà tôi không hiểu nhưng nom họ tôi nhận ra ngay.

Họ ra khỏi nhà ga và cùng sánh bước bên nhau.

- Này, tôi muốn cô đi xem một vở kịch nữa với tôi - anh nói.

- Đi cũng được - nàng trả lời.

- Có lẽ cô có thể nói rằng cô thích đi xem.

- Vì sao?

- Không sao hết. Chúng ta định ngày đi.

- Tối thứ bảy có được không?

- Vâng, được đấy.

Họ vừa thỏa thuận với nhau một số chi tiết thì đã đến góc phố nàng ở. Nàng đưa tay và anh cầm lấy.

- Này, tôi thèm ghê gớm được gọi cô là Mildred.

- Nếu anh thích thì anh cứ gọi. Tôi chẳng cần.

- Còn cô sẽ gọi tôi là Philip chứ?

- Tôi sẽ gọi thế nếu tôi nhớ. Gọi anh là ông Carey thì có vẻ tự nhiên hơn.

Anh kéo nàng về phía mình, nhưng nàng lùi lại.

- Anh làm gì thế?

- Cô không muốn hôn tôi tạm biệt ư? - anh thì thầm.

- Trơ tráo! - nàng trả lời.

Nàng giật tay và chạy nhanh về nhà.

Philip mua vé đi xem kịch tối thứ bảy. Đó là một trong những ngày nàng không về sớm được, vì vậy nàng không có thì giờ chạy về nhà thay quần

áo; nhưng lúc sáng nàng đã có ý đem theo áo dài mặc vội quần áo ở ngay cửa hàng. Nếu đã đồng ý đứng đợi ở ngoài từ bảy giờ mười lăm trở đi. Anh nóng lòng nghĩ rằng trên xe ngựa đi từ nhà hát đến nhà ga, có thể anh sẽ được hôn nàng. Chiếc xe sẽ tạo mọi sự dễ dàng cho người đàn ông vòng lưng ôm người con gái (xe ngựa hai bánh được cái lợi thế này hơn xe taxi ngày nay) và niềm vui ấy thật đáng để anh tiêu pha cho đêm biểu diễn.

Nhưng đến chiều thứ bảy, khi đến cửa hàng uống trà và để cho chắc thêm về cuộc hẹn, anh gặp gã đàn ông có hàng ria đẹp nọ bước ra khỏi cửa hàng. Bây giờ thì anh đã biết được tên gã là Miller. Gã là người Đức nhập quốc tịch Anh đặt tên mình theo lối người Anh, và đã sống nhiều năm ở Anh. Philip nghe gã nói chuyện, dù tiếng Anh của gã trôi chảy, tự nhiên, nhưng hoàn toàn không có ngữ điệu của người địa phương. Philip hiểu rằng gã tán tỉnh Mildred nên anh đâm ra hết sức tức ghen tức với gã. Nhưng anh nghĩ tới tính khí lạnh lùng của nàng để tự an ủi vì chính điều này đã làm anh đau khổ, anh cho rằng nàng không có khả năng yêu đương, anh xem kẻ tình địch cũng chẳng hơn gì anh. Nhưng giờ đây lòng anh nặng trĩu. Vì anh nghĩ trước hết sự xuất hiện thành công của Miller có thể quấy rầy cuộc đi chơi mà anh đang trông chờ. Anh bước vào, lòng chán chường vì lo ngại. Cô gái đến chỗ anh lấy thực đơn của anh và sau đó thì bưng trà đến.

- Tôi tiếc quá - nàng nói, vẻ mặt thực sự đau khổ - Rốt cuộc là tối nay tôi không thể đi được.

- Tại sao? Philip hỏi.

- Đừng có nghiêm khắc quá về chuyện đó - nàng cười nói - không phải lỗi tại tôi. Đêm qua cô tôi bị ốm lại đúng ngày nghỉ củ cô gái giúp việc, thành ra tôi phải ở nhà với bà. Không thể bỏ mặc cô tôi một mình được, đúng không?

- Việc đó không quan trọng. Để bù lại, tôi sẽ đến gặp cô ở nhà vậy.

- Nhưng anh đã mua vé rồi. Bỏ phí đi thật là đáng tiếc.

Anh lấy vé ra khỏi túi áo rồi cố ý xé nát vụn.

- Anh làm như thế để làm gì?

- Cô đừng tưởng rằng tôi muốn đi xem một mình, cái vở nhạc kịch dở òm ấy. Tôi lấy vé chỉ vì cô.

- Nếu đó là điều anh muốn thì anh không thể gặp tôi ở nhà đâu!

- Cô đã sắp đặt việc khác rồi chẳng?

- Tôi không hiểu anh định nói gì - Anh đúng là cũng ích kỷ như tất cả những người khác. Anh chỉ nghĩ đến anh. Nếu cô tôi khó ở thì đó không phải là lỗi của tôi.

Nàng viết nhanh hóa đơn, và bỏ mặc anh. Philip hiểu biết rất ít về phụ nữ, nếu không anh đã biết rằng người ta phải chấp nhận cả những lời dối trá rành rành nhất của họ. Anh quyết định phải quan sát cửa hàng xem đích xác có phải Mildred đi với gã người Đức kia không. Anh đau khổ muốn biết một điều không còn nghi ngờ gì nữa. Đến bảy giờ, anh đứng bên kia hè đường đối diện. Anh nhìn quanh tìm Miller nhưng không thấy gã. Mười phút sau, Mildred đi ra, nàng vẫn mặc áo choàng và cũng trùm cái khăn choàng như khi anh đưa nàng đến nhà hát Shaftesbury. Rõ ràng nàng không đi về nhà. Nàng nhìn thấy anh trước khi anh kịp lánh mặt, hơi chột dạ, nhưng rồi đi thẳng tới anh.

- Anh làm gì ở đây thế? - nàng hỏi.

- Tôi đang hóng mát - anh trả lời.

- Anh đang rình mò tôi. Đồ đê tiện. Tôi cứ nghĩ anh là con người lịch sự.

- Cô thử nghĩ xem một con người lịch sự liệu có quan tâm đến cô không?

Lòng anh như có quỷ ám, nó xúi giục anh làm sự việc tồi tệ hơn. Anh muốn làm nàng đau ngang với nỗi đau nàng gây trong lòng anh.

- Tôi nghĩ rằng tôi có thể thay đổi ý kiến nếu tôi thích. Tôi không muốn bắt buộc phải đi chơi với anh. Tôi đã nói với anh là tôi về nhà, tôi không muốn ai theo dõi, hoặc rình mò.

- Hôm nay cô có gặp Miller không?

- Đó không phải là việc của anh. Thực ra tôi không gặp, như vậy anh lại càng sai.

- Chiều nay tôi thấy anh ta. Anh ta vừa ra khỏi cửa hàng thì tôi bước vào.

- Được, nếu thế thì sao? Tôi có thể đi chơi với anh ấy, nếu tôi muốn, đúng không nào? Tôi không hiểu anh định bắt bẻ tôi ra sao nào!

- Anh ta bắt cô chờ phải không?

- Ừ, thà rằng tôi phải chờ đợi anh ấy còn hơn là để anh chờ tôi. Hãy ngẫm nghĩ cho kỹ mà nhớ đời điều đó! Còn bây giờ, có lẽ anh nên về nhà mà nghĩ đến công việc riêng của anh trong tương lai.

Tâm trạng anh thay đổi đột ngột từ giận dữ sang thất vọng và khi nói giọng anh run run.

- Nay, đừng có cư xử tồi tệ như thế với tôi, Mildred, cô biết không, tôi hết sức yêu cô. Tôi nghĩ rằng tôi yêu cô hết lòng. Cô không thay đổi ý kiến sao? Tôi trông chờ biết bao buổi tối hôm nay. Cô xem, anh ta không đến, và thực ra anh ta cóc cần gì cô. Cô không muốn đi ăn tối với tôi ư? Tôi sẽ mua vé khác và chúng ta sẽ đi đến bất cứ nơi nào cô thích.

- Tôi đã bảo anh là tôi không muốn. Anh nói nhiều cũng vô ích. Tôi đã quyết định là cứ thế tôi làm.

Anh nhìn nàng một lúc nào, lòng tan nát khổ đau. Trên hè đường mọi người vui vẻ hối hả đi qua, xe ngựa, xe buýt âm âm chạy qua. Anh thấy Mildred đưa mắt nhìn quanh. Nàng sợ không trông thấy Miller trong đám đông.

- Tôi không thể cứ tiếp tục mãi như thế này - Philip rầu rĩ nói. Thật là hèn hạ quá. Bây giờ tôi mà đi là dứt khoát đấy, nếu cô không đi với tôi tối nay, cô sẽ không bao giờ gặp lại tôi đâu.

- Anh cứ làm tôi coi chuyện đó là ghê gớm lắm đấy. Nếu quả thật như vậy thì tôi thoát nợ.

- Vậy thì, chào cô!

Anh gật đầu chào, và chậm chạp khập khiễng bước đi, lòng hy vọng thiết tha nàng sẽ gọi anh trở lại. Đến cây cột đèn gần đó, anh liếc nhìn qua vai. Anh nghĩ rằng nàng sẽ vẫy tay gọi anh - anh sẽ vui lòng quên hết mọi sự, sẵn sàng chịu bất cứ nỗi nhục nào - nhưng nàng đã quay đi và rõ ràng là

không còn băn khoăn gì về anh nữa. Anh hiểu rằng tổng khứ anh đi là nàng sung sướng.

Philip trải qua một đêm thật là tồi tệ khổ. Anh đã nói anh không ở nhà, nên bà chủ nhà không chuẩn bị bữa và anh phải đi ăn ở nhà hàng Gatti. Sau đó anh trở về nhà; ở gác trên Griffiths đang hội họp bạn bè, cuộc vui chơi náo nhiệt đó làm cho nỗi đau riêng của anh càng thêm không chịu nổi. Anh đến Nhà hát ca múa nhạc, nhưng vì là tối thứ bảy nên ở đây chỉ còn chỗ đứng; sau nửa giờ buồn chán, chân mỏi, anh trở về nhà. Anh cố đọc sách nhưng không thể tập trung tư tưởng, vậy mà anh đang cần phải làm việc nhiều. Còn khoảng hơn hai tuần lễ nữa, anh phải thi môn sinh vật, tuy môn này dễ, nhưng gần đây anh đã bỏ bê những buổi lên lớn nên anh thấy rõ là mình chẳng biết gì. Tuy là thi vấn đáp, nhưng anh chắc rằng thời gian hai tuần có thể đủ cho anh tìm hiểu tiếp thu và qua được môn này. Anh tin vào trí thông minh của mình. Anh vứt sách sang một bên, đầu óc lại đắm chìm vào vấn đề lúc nào cũng ám ảnh tâm trí anh.

Anh đang cay tự trách mình về cách đối xử tối hôm nọ. Vì sao anh để nàng lựa chọn, hoặc phải đi ăn tối với anh, hoặc không gặp lại anh nữa. Dĩ nhiên là nàng từ chối. Lẽ ra anh phải lưu tâm đến lòng tự trọng của nàng. Cầu sau lưng anh đã đốt cháy mất rồi! Giá mà anh nghĩ được rằng nàng đang đau khổ thì nỗi niềm anh phải chịu đựng sẽ bớt phần khó khăn, đằng này anh lại hiểu nàng quá rõ: nàng hoàn toàn hờ hững với anh. Nếu anh không ngu xuẩn, anh đã phải vờ tin chuyện nàng, phải cố sức mà che dấu sự chán ngán và chế ngự cơn tức giận của mình. Anh đã đọc được những lý thuyết về việc người ta cứ hay lý tưởng hóa tình yêu, nhưng anh hiểu đúng bản chất nàng. Nàng không vui tính hoặc thông minh, đầu óc nàng tầm thường, nàng sắc sảo thô bỉ làm cho anh chán ghét, nàng không hiền lành cũng không dịu dàng. Như nàng thường tự nói ra, nàng thích làm giàu. Điều làm cho nàng thích thú là trò đùa quý quyết với những người cả tin, nàng thường lấy làm toại ý khi đánh lừa được ai. Nghĩ đến kiểu cách hào

hoa, vẻ tinh tế của nàng trong khi ăn uống, Philip cười vang man rợ; nàng không chịu được một lời nói thô lỗ, và trong khuôn khổ của vốn từ vựng hạn chế của mình, nàng thích dùng uyển ngữ, bất cứ ở đâu nàng cũng phát hiện được những chuyện sỗ sàng, nàng không bao giờ nói đến cái quần mà gọi là “cái bọc ngoài bên dưới”, nàng cho hỉ mũi là việc làm có phần khiếm nhã và khi buộc phải làm thì miễn cưỡng như có lỗi. Nàng hết sức xanh xao vì thiếu máu và còn kèm theo cả chứng khó tiêu. Philip cảm thấy khó mà chịu nổi bộ ngực lép cùng cặp hông thẳng đuột, còn kiểu làm đầu thô kệch của nàng thì anh ghét thậm tệ. Anh khinh bỉ mình đã yêu nàng.

Sự thật là anh vẫn bất lực. Anh cảm thấy đúng như ngày xưa ở nhà trường lắm lúc bị ở trong tay một cậu học trò to lớn hơn. Anh vùng vẫy chốn lại một sức mạnh trội hơn cho đến lúc kiệt sức, khiến anh hoàn toàn bất lực. Anh nhớ lại tình trạng suy nhược khác thường ở chân tay, hầu như tê liệt - đến nỗi anh không còn đứng nổi nữa. Anh có thể chết đi được. Giờ đây anh cảm thấy đúng như tình trạng yếu đuối ngày ấy. Anh yêu người đàn bà này đến mức anh hiểu rằng trước đây anh chưa từng yêu bao giờ. Nàng có những khuyết tật ư? Anh cần gì, anh nghĩ rằng anh sẽ yêu chúng, cả những khuyết tật trong con người, cả những khuyết tật trong tính cách nàng, dù thế nào chúng cũng chẳng có ý nghĩa gì đối với anh. Điều đó dường như chẳng liên quan đến anh; anh thấy như bị một sức mạnh kỳ lạ nào đó xâm chiếm toàn thân, thúc đẩy anh chống lại ý muốn của chính anh, trái với lợi ích của anh; và bởi vì anh yêu tự do, nên anh ghét những xích xiềng trói buộc, anh cười giấu mình cửa nay vẫn thường tha thiết mong ước được biết đến một thứ tình yêu say đắm mà dập vùi như vậy. Anh tự nguyện rửa mình đã chịu khuất phục. Anh hồi tưởng những giây phút khởi đầu nếu như anh đừng vào cửa hàng với Dunsford thì đã hoàn toàn chẳng có việc gì xảy ra.

Tất cả việc này là do lỗi lầm của chính anh. Nếu không do cái tính hợm mình lỗ bịch thì anh không bao giờ phải buồn phiền lo lắng vì cô gái thô lỗ

này.

Dù thế nào thì mọi việc xảy ra tối hôm ấy cũng đã kết thúc toàn bộ câu chuyện. Anh không thể nào trở lại trừ phi anh không còn mảy may liêm sỉ. Anh thiết tha muốn rũ bỏ mối tình đang ám ảnh anh. Thật hèn hạ và thật đáng ghét. Anh phải tự giữ mình không phải nghĩ đến nàng. Nỗi đau khổ trong anh rồi đây sẽ phải dần dần nguôi ngoai. Tâm trí anh trở về quá khứ. Liệu Emily Willkinson và Fanny Price đã có phải vì anh mà cam chịu một điều gì tương tự như nỗi đau của anh hôm nay? Anh cảm thấy lòng day dứt hối hận.

- Mình không thể hiểu nổi tâm trạng này là thế nào - anh tự nhủ.

Anh không ngủ được. Ngày hôm sau là chủ nhật, anh học môn sinh vật. Anh ngồi với quyển sách trước mặt, miệng nhẩm đọc để tập trung tư tưởng, nhưng rồi anh chẳng nhớ được gì. Hình ảnh Mildred từng giây từng phút lại hiện về trong trí anh, và anh thầm nhắc lại từng câu của cuộc cãi vã giữa họ với nhau. Anh phải buộc mình trở về với quyển sách. Rồi anh ra ngoài đi dạo. Vào những ngày thường trong tuần, phố xá bên bờ phía nam con sông khá bẩn thỉu, nhưng ồn ào náo nhiệt, kẻ đến người đi, nhộn nhịp hỗn độn, nhưng vào những ngày chủ nhật, các nhà hàng đóng cửa, trên đường không có xe cộ, thì vắng vẻ, buồn bã thê lương không sao tả xiết. Những ngày như thế, Philip tưởng không bao giờ kết thúc. Anh quá chán chường nên giấc ngủ nặng nề, nhưng ngày thứ hai anh lại quyết tâm bắt đầu cuộc sống. Lễ Noel đang đang đến gần. Khá nhiều sinh viên về nông thôn nghỉ phép ngắn ngày giữa hai kỳ mùa đông, nhưng Philip thì từ chối lời mời về Blackstable của bác trai. Anh lấy cố thi cử đã gần hết, nhưng thực ra anh không muốn rời Luân Đôn và Mildred. Anh quá xao lãng học hành đến nỗi bây giờ chỉ còn hai tuần dành cho chương trình học quy định cho ba tháng. Anh bắt đầu nghiêm túc lao vào học tập. Mỗi ngày anh thấy dễ dàng quên Mildred hơn. Anh mừng cho sức mạnh nghị lực của mình. Nỗi đau giờ đây không còn

nhưng thay thế là một thứ nhức nhối tương tự như cảm giác của người bị ngã ngựa, tuy không gãy xương nhưng khắp mình mẩy thâm tím, và bàng hoàng. Lúc này Philip thấy mình có thể tìm hiểu với ý thức hiểu kỳ tâm trạng của mình trong mấy tuần qua. Anh cố phân tích tình cảm bản thân và anh cảm thấy có phần thích thú. Một điều làm anh đặc biệt chú ý là trong hoàn cảnh như thế những điều anh suy nghĩ chẳng còn ý nghĩa, cái thứ triết lý tự anh nghĩ ra mà anh đã có lần hết sức hài lòng rất cuộc là vô tích sự. Vấn đề này làm lòng anh bối rối.

Nhưng có một đôi lần anh gặp trên đường một thiếu nữ giống Mildred đến nỗi tim anh tưởng chừng như ngưng đập. Thế là anh không ghìm nổi mình vội vàng đuổi cho kịp, lòng rộn ràng mà lo lắng để rồi nhận ra đó chỉ là một người hoàn toàn xa lạ. Mọi người đã từ vùng quê trở về, anh anh cùng Dunsford đi uốn trà ở cửa hàng A.B.C.

Bộ đồn phục quá quen thuộc của các cô hầu bàn làm anh khổ sở đến nỗi anh không thốt nổi một lời. Anh chợt nghĩ có lẽ nàng đã chuyển sang làm việc tại một cơ sở kinh doanh khác của hãng này, và có thể anh sẽ bất ngờ mặt đối mặt với nàng. Ý nghĩ này làm anh kinh hoàng đến nỗi anh sợ Dunsford sẽ nhận thấy anh có vấn đề: anh không nghĩ ra được điều gì để nói; câu chuyện làm anh muốn phát điên, và phải cố hết sức anh mới ghìm được mình không thốt lên với Dunsford: “Cậu im đi! Trời đất ơi!”.

Rồi ngày thi đến. Đến lượt mình Philip bước tới bàn thấy giáo chấm thi, lòng hết sức tự tin. Anh trả lời hai ba câu hỏi. Sau đó người ta đưa cho anh mẫu để xét nghiệm; vì anh rất ít dự những buổi lên lớp nên ngay khi bị hỏi về những điều không học được qua sách vở, anh đời người cứng họng. Anh cố che giấu sự dốt nát của mình, thầy giáo chấm thi cũng không ép, và cũng chẳng mấy chốc mà đã qua được mười phút. Anh cảm thấy chắc hẳn là đỗ, nhưng ngày hôm sau, khi đến để xem kết quả thông báo ngoài cửa tòa nhà dùng cho thi cử, anh sửng sờ không thấy số báo danh của mình trong những

người trúng tuyển. Anh kinh ngạc đọc danh sách đó đến ba lượt. Dunsford cùng đi với anh.

- Này, tôi hết sức buồn là anh bị đánh trượt - hẳn nói.

Hẳn vừa mới hỏi số báo danh của Philip. Anh quay lại và qua nét mặt rạng rỡ của Dunsford, anh hiểu rằng hẳn đã.

- Ồ, không sao hết, - Philip nói. Tôi rất vui mừng, cậu thế là ổn rồi. Mình sẽ thi lại vào tháng bảy.

Anh làm ra vẻ như mình không hề bận tâm. Trên đường về, dọc theo đường đê, anh nói đi nói lại những chuyện vô thường vô phạt. Dunsford vốn tốt bụng muốn trao đổi về nguyên nhân anh thi hỏng, nhưng Philip nhất định ra chiều hờ hững. Anh cảm thấy vô cùng xấu hổ; sự việc anh chàng Dunsford mà anh xem như một con người rất vui vẻ mà khá ngu đần này lại trúng tuyển, làm cho sự thất bại bất ngờ của anh càng thêm khó chịu hơn. Anh thường tự hào mình thông minh, và giờ đây, anh thất vọng tự hỏi bởi không biết anh có đánh giá đúng mình không. Trong ba tháng học kỳ mùa đông, những sinh viên gặp nhau vào tháng mười, đã tách rời ra từng nhóm rõ ràng: nhóm thì xuất sắc, nhóm thì thông minh hoặc cần cù và nhóm thì “vô tích sự”. Philip biết rằng việc mình thi hỏng chẳng làm ai ngạc nhiên trừ chính mình. Đã đến giờ uống trà, anh biết một số đồng thường uống trà dưới tầng hầm y khoa, những ai không ưa anh sẽ nhìn anh thỏa mãn, còn những kẻ đáng thương vô phúc thi hỏng thì sẽ có thiện cảm với anh, để tranh thủ sự đồng tình. Anh dự định trong một tuần lễ sẽ không lai vãng đến gần bệnh viện, cho tới khi sự việc này chẳng còn ai nhớ tới, nhưng cũng chỉ vì anh rất ghét đi đến đó, rốt cuộc anh cứ đến: anh muốn bắt mình phải chịu đau khổ. Trong phút chốc, anh hăng hái và quên hẳn phương châm sống của mình là cứ việc chiều theo đúng sở thích của chính mình và cũng lưu tâm thích đáng đến với nhân viên cảnh sát chung quanh,

hoặc nếu như anh hàng động đúng theo điều đó, thì chắc hẳn trong con người anh phải có một thứ bệnh hoạn kỳ lạ nào đó khiến anh phải tự hành hạ mình và coi đó như là một thú vui tàn nhẫn.

Nhưng sau đó, khi đã bắt mình chịu đựng thử thách, sau câu chuyện ồn ào trong phòng hút thuốc, anh bước ra ngoài đi vào đêm tối, và một cảm giác cô đơn trống vắng tràn ngập tâm hồn. Anh cảm thấy mình vô lý và vô ích. Anh cần biết bao một niềm an ủi và anh không thể cưỡng lại ý muốn cản dở đi tìm gặp Mildred. Anh cần phải gặp nàng dù anh không được cùng nàng trò chuyện; dù sao nàng cũng là người hầu bàn, nàng sẽ phải phục vụ anh. Nàng là người duy nhất trên thế gian này mà anh cần đến. Che giấu sự thật với chính mình chẳng lợi ích gì. Dĩ nhiên, trở lại cửa hàng này, xem như không có việc gì xảy ra thì thật nhục; nhưng anh đâu còn tự trọng. Dù anh không dám tự thú nhận điều đó với mình, ngày nào anh cũng hy vọng nàng sẽ viết cho anh, nàng đã biết rằng một lá thư gửi đến bệnh viện nhất định sẽ đến tay anh, nhưng nàng không biết. Rõ ràng là gặp hay không gặp anh đối với nàng chẳng có gì quan trọng và anh cứ lải nhải tự nhủ.

- Ta phải gặp nàng. Ta phải gặp nàng.

Anh khát khao mong muốn đến nỗi anh không thể bố trí thì giờ cần thiết để đi bộ, mà anh phải nhảy lên xe ngựa. Anh quá tiết kiệm không dùng riêng một chiếc khi điều đó có thể tránh được. Anh đứng ngoài cửa hàng mấy phút, anh chợt nghĩ có lẽ nàng ra về, nên anh lo sợ hối hả bước vào. Anh trông ngay thấy nàng. Anh ngồi xuống và nàng bước tới.

- Cô làm ơn cho tôi một tách trà và một bánh nướng xốp - anh gọi.

Anh nói nàng khó khăn. Trong giây phút anh đã lo rằng anh sắp phát khóc.

- Tôi cứ tưởng anh chết rồi - nàng nói.

Nàng mỉm cười. Chao ôi, nàng mỉm cười. Dường như nàng đã hoàn toàn quên hẳn trận cãi nhau vừa qua mà Philip cứ nhắc lại với mình hàng trăm lần.

- Tôi nghĩ nếu cô muốn gặp tôi thì tôi đã viết thư cho tôi rồi - anh đáp.

- Tôi bận bù đầu bù đầu còn thời gian để nghĩ đến chuyện thư từ.

Dường như nàng không thể nói được một điều gì dụi dàng. Philip nguyên rủa số phận đã buộc chặt anh vào một người đàn bà như vậy. Nàng bỏ đi lấy trà cho anh.

- Anh có muốn tôi ngồi đây với anh vài phút không? - nàng hỏi khi bưng trà đến.

- Có chứ!

- Anh đi đâu suốt trong thời gian qua?

- Tôi ở Luân Đôn.

- Tôi cứ ngỡ anh đi nghỉ hè. Vậy tại sao anh không đến đây?

Philip dờ dẫm say đắm nhìn nàng.

- Cô không nhớ rằng tôi đã nói tôi sẽ chẳng bao giờ gặp lại cô nữa sao?

- Vậy anh đang làm gì đây?

Nàng như muốn cho anh nếm mùi sỉ nhục nhưng anh biết nàng khá rõ nên hiểu rằng nàng nói năng không hề suy nghĩ; nàng xúc phạm anh quá lắm, nhưng thậm chí nàng chẳng bao giờ nghĩ là mình làm như vậy. Anh không đáp.

- Anh rình mò tôi như thế thì đó là một trò đùa xấu xa. Tôi luôn luôn nghĩ rằng anh là con người quân tử.

- Này, Mildred, đừng có ác với tôi như thế, tôi không chịu được đâu.

- Anh thật buồn cười. Tôi không hiểu được anh.

- Rất đơn giản. Tôi như một thằng khờ dại đáng nguyên rủa đến nỗi đem hết tâm hồn và thể xác ra yêu cô, và tôi hiểu rằng cô không cần gì tôi.

- Nếu anh là người quân tử, tôi nghĩ rằng ngày hôm sau đó anh đã đến xin lỗi tôi rồi.

Nàng tỏ ra tàn nhẫn. Anh nhìn cổ nàng. Anh những muốn cầm ngay dao đang dùng cắt bánh này mà thọc mạnh vào cái cổ ấy. Anh biết kha khá về cơ thể học để tìm ra đúng động mạch cảnh. Nhưng đồng thời, anh lại muốn hôn tới tấp lên cái khuôn mặt xanh xao gầy gò này.

- Giá mà tôi làm cô hiểu được rằng tôi yêu cô mãnh liệt biết chừng nào!

- Vậy mà anh vẫn chưa xin lỗi tôi.

Mặt anh dần dần tái mét. Giờ phút này nàng cảm thấy mình không hề làm điều gì sai trái. Bây giờ nàng muốn anh tự hạ mình. Nhưng anh lại rất kiêu ngạo, trong phút chốc anh đã định bảo nàng: “Cô cứ ngay đi cho

khuất mắt tôi!” nhưng anh không dám. Tình yêu đã làm cho anh thấp hèn. Anh muốn thà rằng cam chịu đủ điều còn hơn là không được gặp nàng.

- Mildred ạ, tôi rất ân hận. Tôi xin lỗi cô.

Anh đã cố gắng lắm mới nói ra lời. Thật là một cố gắng khủng khiếp.

- Bây giờ anh đã nói vậy thì tôi cũng không ngại gì mà bảo anh rằng tôi rất lấy làm tiếc đã không đi chơi với anh tối hôm ấy. Tôi tưởng Miller là con người quân tử, nhưng hôm nay tôi đã nhận ra là mình lầm. Tôi đã tống cổ nó đi rồi.

Philip khẽ giật mình.

- Mildred, cô có muốn tối nay đi chơi với tôi không? Chúng ta cùng đi ăn ở một nơi nào đó.

- Ồ, tôi không đi được. Cô tôi đợi tôi ở nhà.

- Tôi sẽ đánh điện cho bà. Cô có thể nói cô bị giữ lại ở nhà hàng, bà sẽ tin. Ồ, nên đi đi thể theo ý trời. Lâu quá tôi không gặp cô, tôi cần nói chuyện với cô.

Nàng nhìn xuống quần áo.

- Không sao cả. Chúng ta sẽ đến một nơi nào đó mà cô ăn mặc thế nào cũng được. Và sau đó chúng ta sẽ đi xem ca múa nhạc. Cô đồng ý đi. Điều đó làm tôi vui rất nhiều.

Nàng lưỡng lự một lúc; anh nhìn nàng bằng con mắt can lớn đáng thương hại.

- Được, tôi đi cũng được. Không rõ từ bao nhiêu lâu rồi tôi chưa hề đi chơi đâu.

Phải hết sức khó khăn anh mới khăn được mình không nắm ngay lấy tay nàng để mà hôn tới tấp.

Họ ăn tối ở Soho. Philip vui vẻ đến phát run. Đây không phải là một trong những nơi đông khách nhất của các quán ăn rẻ tiền, mà người đứng đắn và kẻ nghèo khó đến ăn để tìm cái chất tự do phóng dăng và chắc chắn là ít tốn kém. Đây là một cơ sở kinh doanh xoàng xĩnh của hai vợ chồng một người ở Rouen đến mà Philip tình cờ phát hiện. Vẽ đặc Pháp của cái quầy tủ kính bày hàng đã hấp dẫn anh. Trong quầy thường đặt một miếng thịt sống trên một cái đĩa và mỗi bên là hai đĩa rau tươi. Hầu bàn là một gã người Pháp ốm o toan tính học tiếng Anh trong một quán rượu mà gã không hề được nghe một thứ tiếng gì khác trừ tiếng Pháp, còn khách hàng là mấy ả tư cách đáng ngờ, vài cặp vợ chồng có khăn ăn dành riêng và một ít người lai lịch không rõ đến ăn những bữa cơm vội vàng ít ỏi.

Ở đây Mildred và Philip có thể kiếm một bàn riêng. Philip sai gã hầu bàn đi mua một chai vang Buốc-gô-nơ ở quán rượu bên cạnh đó, và gọi món canh rau thơm, bí tết (bày ở tủ hàng) với khoai tây và trứng tráng rưới rượu anh đào trắng. Khung cảnh này, bữa ăn này quả thật phảng phất một không khí lãng mạn. Mới đầu những lời đánh giá của Mildred có phần dè dặt.

- Tôi không bao giờ tín nhiệm những quán ăn người nước ngoài, mình không bao giờ biết được những đĩa thức ăn hồ lớn này có những món gì.

Nhưng rồi nàng cũng bất giác thay đổi ý:

- Tôi thích chỗ này, anh Philip ạ - nàng hỏi - Mình có thể cứ thoải mái, chẳng cần giữ gìn ý tứ, đúng không?

Một gã to cao đi vào. Hắn có mái tóc bờm hoa râm và chòm râu thưa tua tủa. Gã mặc một tấm áo choàng xác xơ đội chiếc mũ dạ rộng vành. Gã gật

đầu chào Philip mà lần trước đã gặp gã ở đây.

- Nom hăn như một thằng cha vô chính phủ - Mildred nói.

- Đúng đấy! Hăn là một trong những người nguy hiểm nhất Châu Âu. Hăn đã ở mọi nhà tù của lục địa, đã ám sát nhiều người hơn bất cứ tên sát nhân nào. Hăn thường đi lang thang với một quả bom trong túi áo, và dĩ nhiên thứ vũ khí này làm cho chuyện trò với hăn có phần khó khăn hơn, là vì người ta không đồng ý với hăn thì hăn đặt quả bom lên bàn biểu lộ thái độ rõ ràng.

Nàng kinh hoàng sợ hãi và kinh ngạc nhìn người đàn ông rồi ngờ vực liếc nhìn Philip. Bắt gặp cái nhìn vui vẻ của anh, nàng chau mày.

- Anh chế nhạo tôi!

Anh khẽ cười vui. Anh cảm thấy rất hạnh phúc. Nhưng Mildred không thích bị cười nhạo.

- Tôi không thấy gì buồn cười trong câu chuyện dối trá ấy.

- Em đừng cáu giận.

Anh cầm tay nàng đang để trên bàn siết nhẹ nhàng.

- Em thật xinh đẹp, tôi có thể hôn lên mỗi vết chân em - anh nói.

Nước da xanh xao của nàng làm anh say sưa, và đôi môi mỏng nhợt nhạt của nàng có một sức quyến rũ lạ thường. Bệnh thiếu máu có phần làm cho nàng thờ gáp nhưng chính điều đó lại làm cho vẻ mặt nàng thêm phần hấp dẫn.

- Em cũng có mền tôi tí chút chứ, phải không? - anh hỏi.

- Ủ, giả sử tôi không mền anh thì tôi đã chẳng ngồi ở đây đúng không nào? Anh đúng là con người quân tử. Phải công nhận như vậy.

Ăn xong hai người uống cà phê. Philip hút một điếu xì gà ba xu, vứt bỏ cả nguyên tắc tiết kiệm.

- Em không thể hình dung nổi tôi vui như thế nào đâu, khi được ngồi đối diện với em và ngắm nhìn em như thế này, tôi mỗi mòn khao khát em. Tôi ốm đau vì nhớ em.

Mildred hơi đỏ mặt, mỉm cười. Lúc đó nàng không bị đau đớn do chứng khó tiêu thường xuất hiện ngay sau bữa ăn. Nàng thấy có thiện cảm hơn bao giờ hết với Philip. Nhìn thấy vẻ âu yếm khác thường trong mắt nàng, lòng anh tràn trề hạnh phúc. Theo bản năng, anh hiểu rằng tự nộp mình vào tay nàng là điên rồ; anh chỉ còn một lối thoát duy nhất là đối xử với nàng một cách hờ hững, không cho nàng thấy được những tình cảm không chế ngự được đang sôi sục trong lòng anh; tất nhiên nàng chỉ lợi dụng tính nhu ngược của anh. Nhưng giờ đây, anh không thể khôn ngoan: anh kể lể với nàng mọi nỗi lo âu khắc khoải anh đã chịu đựng những ngày xa nàng, anh kể nàng nghe cuộc đấu tranh với bản thân, anh đã cố gắng thế nào để chế ngự những tình cảm đắm say và tưởng đã thành công nhưng cuối cùng anh đã phát hiện rằng tình cảm đó lại càng mãnh liệt hơn bao giờ hết. Thực tế anh biết anh chẳng bao giờ muốn chế ngự nó. Anh yêu nàng bao nhiêu, khổ đau nào có quản gì. Anh thổ lộ trần trụi lòng mình. Anh kiêu hãnh phơi bày với nàng tất cả mọi yếu đuối của mình.

Không gì làm anh vui thích hơn là cứ ngồi trong quán tồi tàn mà ẩm cúng này, nhưng anh biết rằng Mildred lại thích xem hát, vốn là con người

hiếu động nên dù đến nơi nào thì cũng chỉ một lát là nàng muốn đi ngay chỗ khác. Anh không dám làm nàng buồn chán.

- Nay, ta đi xem ca múa nhạc, xem thử thế nào - anh nói.

Anh nghĩ ngay rằng nếu nàng quan tâm đến anh đôi chút thì nàng đã nói là nàng thích ở lại đây hơn.

- Tôi vừa nghĩ đã đi là phải đi đến cùng - nàng trả lời.

- Vậy thì ta đi tiếp thôi!

Philip sốt ruột đợi buổi diễn kết thúc. Anh quyết định chính xác phải làm một điều gì và khi bước vào xe ngựa, anh đưa tay như tình cờ, vòng qua lưng nàng. Nhưng anh vội rút tay lại ngay và khẽ kêu lên một tiếng. Có một cái gì đó đâm vào tay anh.

Mildred cười.

- Đấy, anh cứ để tay vào không đúng chỗ là bị chích như thế đấy - nàng nói - Bao giờ tôi cũng biết được khi nào bọn đàn ông chực vòng tay ôm lưng tôi, cái đinh ghim đó bao giờ cũng tóm được bọn họ.

- Tôi sẽ cẩn thận hơn.

Anh lại vòng tay ôm ngang lưng nàng một lần nữa. Nàng khôn phản đối.

- Anh thấy dễ chịu quá! - anh sung sướng thì thào.

- Miễn là anh vui lòng - nàng đáp lại.

Xe đi qua phố St.Jame vào công viên và Philip vội vàng hôn nàng. Anh sợ nàng nên phải đem hết can đảm ra mới làm được việc đó. Nàng quay mặt hướng sang anh không nói một lời. Nàng làm vẻ không quan tâm mà cũng chẳng có vẻ thích điều đó.

- Ôi, giá mà em biết được anh chờ đợi bao lâu nụ hôn này - anh thì thào.

Anh định hôn nàng lần nữa, nhưng nàng quay mặt đi.

- Một lần đủ rồi! - nàng bảo.

Hy vọng có thể hôn nàng lần thứ hai, anh đi cùng nàng xuống tận Herne Hill, đến cuối đường phố nàng ở, anh hỏi:

- Em không cho anh hôn một lần nữa ư?

Nàng nhìn anh dửng dưng, rồi liếc nhanh trên đường. Thấy không có ai nàng nói:

- Anh hôn cũng được.

Anh siết chặt nàng trong vòng tay và say sưa hôn nàng, nhưng nàng đẩy anh ra.

- Cẩn thận cái mũ của em, ngốc ạ! Anh vụng lắm! - nàng nói.

Từ đó ngày nào anh cũng gặp nàng. Anh bắt đầu ăn trưa ở cửa hàng, nhưng Mildred ngăn chặn anh luôn, nàng bảo làm như vậy bọn con gái ở đây chúng nó xì xào, vì vậy anh đành chỉ đến uống trà mà thôi; nhưng bao giờ anh cũng đứng chờ để đi cùng nàng ra ga, và hàng tuần họ đi ăn tối với nhau vài lần. Anh tặng nàng mấy món quà nhỏ, vòng đeo tay bằng bạc, găng tay, khăn tay và những vật tương tự. Anh tiêu pha như vậy là vượt quá khả năng của mình, nhưng anh không tránh được; chỉ khi nào anh tặng nàng cái gì đó nàng mới tỏ ra có phần âu yếm. Nàng biết giá cả của từng thứ, và lòng biết ơn của nàng tỷ lệ chính xác với giá trị của món quà biếu của anh. Anh không cần. Mỗi khi nàng tự nguyện hôn anh, anh sung sướng quá nên anh không còn để ý bằng những cách nào mà anh được quán quýt. Anh phát hiện ra rằng nàng coi những ngày chủ nhật phải ở nhà là chán ngắt, vì vậy cứ đến những sáng hôm ấy, anh xuống Herne Hill đón nàng ở cuối đường phố và cùng nàng đi nhà thờ.

Rồi nàng trở về nhà ăn cơm, còn anh đến ăn vội vàng ở khách sạn. Đến chiều họ đi dạo ở trong công viên Brockwell. Họ không có gì nhiều để nói chuyện với nhau nên Philip sợ nàng buồn (nàng rất dễ buồn) bốp óc nghĩ tìm chủ đề cho câu chuyện. Anh thấy rõ cả hai chẳng một ai vui thích trong những cuộc dạo chơi như thế này, nhưng xa nàng anh không chịu nổi và anh cố hết sức kéo dài cho đến lúc nàng mệt và nổi cáu. Anh hiểu rằng nàng không cần đến anh, nhưng anh cố gán ép một mối tình mà lý trí đã báo cho anh biết là không hợp với bản chất của nàng vốn là con người lạnh lùng. Anh không có quyền gì đối với nàng, nhưng anh không thể không đòi hỏi. Thời gian này họ đã thân nhau hơn, anh thấy khó kiềm chế được tính khí của mình, anh hay cáu kỉnh và không kiềm được những điều cay đắng. Họ thường cãi nhau và nàng không thêm nói năng với anh một lúc, nhưng thường anh phải khuất phục, phải quỳ xuống van xin. Anh giận mình không

còn biết tự trọng. Trong khi thấy nàng trò chuyện với người đàn ông nào khác trong cửa hàng, anh tuông lồng lộn, và khi nổi cơn ghen, dường như anh không còn làm chủ được mình. Anh cố ý lăng mạ nàng, rồi bỏ nhà hàng và sau đó suốt đêm anh không ngủ trở, trở mình trằn trọc trên giường, lúc thì tức giận, lúc thì ân hận. Ngày hôm sau, anh đến cửa hàng cầu xin nàng tha thứ.

- Đừng có giận anh - anh nói - anh yêu em ghê gớm đến nỗi không kiềm chế nổi mình.

- Rồi một ngày nào đây, anh còn đi quá xa nữa kìa - nàng đáp lại.

Anh ao ước được đến nhà hàng, cốt hy vọng sự gần gũi sẽ tạo cho anh lợi thế hơn những người khác nàng làm quen rải rác trong giờ phục vụ; nhưng nàng nhất định không chịu.

- Cô em sẽ cho chuyện đó là buồn cười.

Anh ngờ nàng từ chối chỉ vì nàng không muốn anh gặp bà cô của nàng. Mildred kể với anh rằng bà là quả phụ của một nhà chức nghiệp (đây là một mẫu thể hiện lòng kính trọng của nàng) và bứt rứt trong lòng khi ý thức được rằng người đàn bà tử tế ấy khó mà gọi được là con người đáng kính. Philip hình dung bà ra thực ra chỉ là vợ góa một tiểu thương. Anh biết rằng Mildred là trường giả học làm sang. Nhưng anh không có cách nào làm cho nàng hiểu rằng dù bà cô ấy tầm thường bao nhiêu, anh cũng không quan tâm.

Cuộc cãi nhau tệ hại nhất diễn ra vào bữa cơm tối khi nàng cho anh biết có một người đàn ông mời nàng đi xem kịch. Mặt Philip tái đi, đánh lại và trở nên khắc khổ.

- Cô không đi chứ? - Philip hỏi.

- Tại sao tôi lại không đi! Anh là là người lịch sự tử tế mà.

- Cô muốn đi đâu, tôi sẽ đưa cô đi!

- Nhưng đó không phải cùng là một việc. Tôi không thể lúc nào cũng đi chơi với anh. Và lại người ra đã đề nghị tôi tự định lấy ngày giờ, và tôi sẽ đi đúng vào một buổi tối mà tôi không đi chơi với anh. Chuyện ấy với anh cũng thể thôi mà.

- Nếu cô biết thế nào là đúng đắn, nếu cô biết cô còn chút lòng biết ơn, hẳn cô sẽ không nghĩ tới chuyện đi.

- Tôi không hiểu anh muốn nói đến biết ơn là thế nào? Nếu là những thứ anh tặng tôi thì anh có thể lấy về. Tôi không cần.

Giọng nàng lại trở về với cái vẻ chua ngoa đôi lần vẫn dùng - Lúc nào cũng đi với anh thì chẳng có gì là thú vị. Lúc nào cũng “Em có yêu anh không? Em có yêu anh không?” đến phát ốm.

Anh hiểu rằng chỉ có điên mới tiếp tục yêu cầu nàng như vậy, nhưng anh không chịu được.

- Chao ôi, em rất yêu anh mà - lúc nào nàng cũng trả lời như vậy.

- Chỉ thể thôi ư! Còn anh, anh hết lòng yêu em.

- Nếu em hiểu rằng chỉ một lời của em sẽ làm anh sung sướng biết bao.

- Đấy, điều em vẫn thường nói là con người em nó chỉ có thể thôi, thích thì thích mà không thích thì em cũng kệ xác.

Nhưng có một đôi lần nàng diễn đạt ý kiến một cách nhẹ nhàng hơn và khi anh đặt câu hỏi ấy thì nàng đáp:

- Thôi anh, đừng có lái nhai nữa.

Lúc đó anh làm thinh, giận dỗi. Anh ghét nàng.

Và bây giờ thì anh bảo nàng:

- Thôi được, nếu vấn đề đó, cô như vậy thì hỏi rằng vì sao cô lại hạ cố mà đi chơi với tôi.

- Đó không phải vì điều tôi đòi hỏi, anh có chắc như vậy, chính anh cứ nài ép.

Lòng kiêu ngạo của anh bị xúc phạm cay đắng, anh giận dữ đáp lại.

- Vì không có ai nên cô cho rằng để tôi mời cô đi ăn uống, xem kịch, xem hát thì cũng được và khi đã có kẻ khác xuất hiện thì kệ xác tôi phải không? Xin cảm ơn cô, tôi đã chán ngấy cái cảnh bị lợi dụng rồi.

- Tôi không cho bất kỳ kẻ nào ăn nói với tôi như vậy đâu. Tôi sẽ cho anh biết là tôi cần đến những bữa ăn bữa thiu của anh hay không.

Nàng đứng dậy, mặc áo và bước nhanh ra ngoài quán ăn. Philip vẫn ngồi. Anh cương quyết không chịu đứng dậy, nhưng mười phút sau, anh đã nhảy lên xe ngựa đi theo nàng. Anh đoán rằng nàng đi tàu đến Victoria, như vậy họ sẽ đến cùng một lúc. Anh nhìn thấy nàng trên sân ga, nhưng nàng không

biết anh đi xuống Herne Hill cùng một chuyến tàu đó. Anh không muốn nói chuyện với nàng để chờ tới khi nàng về, nàng không còn tránh được anh.

Ngay lúc nàng vừa rẽ khỏi phố chính sáng choang, ồn ào người qua lại, thì anh đuổi kịp nàng.

- Mildred - anh gọi.

Nàng tiếp tục bước, không nhìn anh mà cũng không đáp lại. Anh lại gọi tên nàng, lúc ấy nàng mới dừng bước, đứng quay lại đối mặt với anh.

- Anh muốn gì? Tôi đã thấy anh cứ quan quẩn ở Victoria. Tại sao anh không để mặc tôi?

- Anh vô cùng ân hận. Em bỏ qua cho anh.

- Không, tính khí anh, cơn ghen của anh tôi đã chán ngấy rồi. Tôi không cần anh và sẽ không bao giờ cần anh. Tôi không muốn còn phải dây dưa gì với anh.

Nàng tiếp tục rảo bước và anh phải vội vã để theo kịp nàng.

- Em chẳng bao giờ khoan dung với anh cả - anh nói - Khi người ta không quan tâm tới ai thì vui vẻ tử tế là chuyện dễ dàng, nhưng khi đã yêu như anh thì thật quá khó khăn. Em hãy thương anh. Em không chú ý đến anh, thôi thì cũng được. Dù thế nào em cũng không thể làm thế nào khác được. Anh chỉ muốn em cho phép anh yêu em.

Nàng vẫn đều bước không nói một lời. Chỉ còn mấy trăm thước nữa là đã tới nhà hàng, lòng Philip quặn lại. Anh tự hạ mình bịa luôn ra một câu chuyện tình chẳng ăn nhập gì tới họ.

- Nếu em tha thứ cho anh lần này thì anh hứa là em sẽ không bao giờ phải phàn nàn về anh. Em có thể đi chơi với ai mà em lựa chọn. Anh chỉ lấy làm sung sướng nếu em đến với anh khi em không có việc gì làm tốt hơn.

Nàng đứng lại vì họ đã đến góc phố mà anh thường chia tay nàng ở đó.

- Anh sẽ không đi cho đến khi nào em tha thứ cho anh.

- Tôi đã chán ngấy chuyện này lắm rồi.

Anh lưỡng lự một lúc, vì anh bỗng thấy anh có thể nói ra một điều gì làm nàng động lòng. Điều này làm cho anh đau khổ suýt nữa không nói nên lời.

- Thật tàn nhẫn, thật quá sức chịu đựng đối với anh. Em không hiểu thế nào là một thằng què. Anh chẳng hy vọng được em yêu và đó cũng là điều tất nhiên thôi.

- Anh Philip, em không có ý muốn nói như vậy - nàng trả lời, giọng nàng bỗng đưa quăng vì thương hại - Anh biết đấy, không đúng đâu

Bây giờ anh bắt đầu đóng kịch, giọng bỗng khàn khàn và trầm hẳn xuống.

- Ồ, anh cảm thấy điều đó mà.

Nàng cầm tay anh, nhìn anh, mắt nàng đắm lệ.

- Em xin thề với anh điều ấy chưa bao giờ ảnh hưởng đến em. Sau một hai ngày đầu, là em không hề suy nghĩ gì về chuyện đó.

Anh nín lặng, một vẻ nín lặng bi thương sâu thẳm, anh muốn nàng phải nghĩ rằng anh bàng hoàng xúc động.

- Anh biết đấy, em rất yêu anh, anh Philip ạ. Chỉ có điều là lắm lúc anh khó chịu quá. Chúng mình làm lành nhé.

Nàng áp môi nàng vào môi anh. Anh hôn nàng, thở dài nhẹ nhõm.

- Bây giờ anh lại sung sướng chứ? - nàng hỏi.

- Anh sướng điên lên được.

Nàng chúc anh ngủ ngon rồi hối hả đi xuống lối cuối phố. Ngày hôm sau, anh mua cho nàng một chiếc đồng hồ quả quýt nhỏ có ghim hoa để nàng cài trên áo. Từ lâu nàng vẫn ao ước cái này.

Nhưng rồi ba bốn ngày sau, khi bừng trà lên cho anh, Mildred nói với anh:

- Anh có nhớ điều gì anh hứa với em tối hôm nọ không? Anh muốn giữ lời hứa không?

- Có.

Anh hiểu rằng nàng muốn nói gì, và chuẩn bị tư tưởng nghe nàng nói tiếp.

- Là vì tối nay em sẽ đi chơi với người đàn ông nọ mà em đã nói với anh.

- Được, anh mong em sẽ vui.

- Anh không phản đối chứ, phải không?

Bây giờ thì anh hoàn toàn kiểm chế được mình.

- Anh không thích điều đó - Anh mỉm cười - nhưng anh sẽ cố gắng không gắt gỏng được chừng nào hay chừng ấy.

Quá say sưa với ý nghĩ về cuộc đi chơi này làm nàng rất phấn khởi và nàng cứ sôi nổi chuyện mãi. Philip tự hỏi không biết nàng nói thế cho anh đau khổ hay chỉ là vô tình. Anh có thói quen bỏ qua tính độc ác của nàng, cho là nàng ngu dại. Nàng không đủ thông minh để hiểu rõ khi nào nàng xúc phạm đến anh.

- Yêu được một người con gái đầu óc tưởng tượng không có, rồi một chút ý thức cũng không, quả thật không phải là trò đùa - anh nghĩ bụng trong khi nàng nói.

Nhưng chính những thiếu sót ấy đã bào chữa cho nàng. Nếu không hiểu điều này, anh không bao giờ tha thứ cho nàng đã làm anh đau khổ.

- Anh ấy lấy vé đi xem ở nhà hát Tivoli - nàng nói - Anh ấy để tùy em lựa chọn và em chọn chỗ này. Chúng em sẽ đi ăn tối ở quán ăn Hoàng gia mà anh ta cho là nơi đắt tiền nhất ở Luân Đôn.

- Hẳn ta là người hào hoa phong nhã theo mọi nghĩa của danh từ này - Philip nghĩ thầm, nhưng anh nghiêng răng để khỏi thốt lên một tiếng nào.

Philip đến nhà hát Tivolo, thấy Mildred và anh bạn cô, một gã trai trẻ mặt mày nhẵn nhụi, tóc bóng mượt, có cái vẻ chải chuốt của người đi chào hàng, ngồi hàng ghế thứ hai trước sân khấu. Mildred đội mũ len có đính lông chim đà điểu Châu Phi thật hợp với nàng. Với nụ cười lặng lẽ của mình; nàng không nói năng hoạt bát và phải có trò hề tục tĩu mới làm cho nàng cười. Nhưng Philip thấy nàng xem chăm chú và có vẻ thích thú. Anh cay đắng nghĩ thầm gã bạn thích chững diện và vui tính rất hợp với nàng. Vì là người tính khí uể oải, nên nàng thích những nơi ồn ào. Philip thì say mê tranh luận nhưng không có tài nói chuyện phiếm. Anh khâm phục mấy người nạn. Lawson chẳng hạn là bậc thầy về những trò khôi hài dễ dàng, và anh ý thức được cái kém cỏi của mình nên anh hổ thẹn và ngượng nghịu. Điều anh thích thú thì Mildred lại buồn chán. Nàng trông mong nghe người ta nói về bóng đá, về đua ngựa, nhưng cả hai thứ đó anh đều không biết. Anh không biết những lời bóng gió chỉ cần nói ra đã đủ gây cười.

Anh thường tôn sùng quá đáng các ấn phẩm và bây giờ, để có thể hấp dẫn Mildred, anh chăm chỉ đọc “Thời báo thể thao”.

Philip không tự nguyện đầu hàng mỗi tình thiêu đốt đời anh. Anh hiểu rằng mọi sự trên đời này chỉ là tạm thời và vì vậy sẽ có ngày nó phải chấm dứt. Anh mòn mỏi mong chờ ngày đó. Tình yêu như một vật ký sinh trong lòng anh, nó nuôi dưỡng một cuộc sống đáng ghét bằng máu thịt của đời anh, nó hút đi sinh lực của anh dữ dội đến nỗi anh không còn thấy thích một chuyện gì khác. Trước kia anh thường say mê vẻ duyên dáng của công viên St. Jame, anh thường ngồi ngắm những cành cây in bóng trên nền trời trông như một bức tranh Nhật Bản, con sông Thames xinh đẹp với những chiếc thuyền mũi không ngừng xuôi ngược, những cầu tàu không ngừng lôi cuốn anh; tâm hồn anh tràn đầy những hình ảnh êm đềm trước bầu trời thay đổi của Luân Đôn. Nhưng giờ đây, với anh cái đẹp là vô nghĩa. Vãn bóng Mildred anh buồn chán, bồn chồn. Một đôi lần anh nghĩ phải xem tranh ảnh cho khuây khỏa, nhưng anh đi qua hết phòng tranh tượng quốc gia như một kẻ tham quan, không có bức tranh nào làm cho lòng anh rung động. Anh tự hỏi liệu có bao giờ nữa anh còn quan tâm đến những gì anh ưa thích. Trước đây anh miệt mài đọc sách, nhưng giờ đây, sách vở là vô nghĩa, thì giờ nhàn rỗi, anh dùng trong phòng hút thuốc của câu lạc bộ bệnh viện, lật xem vô số tạp chí xuất bản định kỳ. Tình yêu này là một nỗi thống khổ, anh cay đắng cảm thấy mình đã bị khuất phục, anh đã bị tình yêu cầm tù, và anh khao khát tự do.

Thỉnh thoảng sáng ngủ dậy, anh không cảm thấy gì hết. Lòng anh bỗng rộn ràng vui sướng, vì anh nghĩ rằng mình được tự do; anh không yêu nữa; nhưng trong khoảnh khắc, khi anh dần dần tỉnh hẳn thì nỗi đau vẫn âm ỉ trong lòng và anh hiểu rằng mình chưa lành bệnh. Mặc dù điên cuồng mong mỏi Mildred, anh vẫn khinh nàng. Anh thầm nghĩ trên thế gian này không có gì đau đớn hơn nỗi đau cùng một lúc vừa thương lại vừa khinh bỉ.

Theo thói quen, Philip đào sâu phân tích trạng thái tình cảm của mình, anh liên miên tranh luận với chính mình, về hoàn cảnh của anh và đi đến kết luận rằng anh chỉ có thể tự chữa lấy cho mình khỏi căn bệnh yêu đương hèn nhát này bằng cách chấp nhận Mildred làm người tình. Chính vì đôi khát tình dục mà anh đau khổ, nếu thỏa mãn vấn đề này thì anh có thể tự giải thoát khỏi những sợi dây ràng buộc không thể nào chịu đựng nổi. Anh hiểu rằng Mildred không cần anh chút nào theo hướng này. Khi anh hôn nàng thăm thiết thì nàng lùi ra ghê tởm. Nàng không hề có những khoái cảm xác thịt. Đôi khi anh thuật lại những cuộc tình phiêu lưu của mình tại Paris định làm cho nàng ghen nhưng nàng không quan tâm. Đã một vài lần, anh ngồi vào những bàn khác trong quán trà, vờ tán tỉnh các cô phục vụ các bàn này, nhưng nàng hoàn toàn dửng dưng. Anh nhận thấy không phải nàng giả vờ.

- Chiều nay anh không ngồi ở bàn em phục vụ, em không lấy làm phiền chứ? Anh hỏi một lần khi cùng ra ga với nàng - các bàn của em đều chật ních hết.

Sự thật không phải như vậy nhưng nàng không cãi lại. Thậm chí nếu việc anh ngồi bàn khác là không đáng kể đối với nàng, nhưng nếu nàng tỏ ra khó chịu thì anh vẫn lấy làm khoan khoái. Một lời quở trách có thể là niềm an ủi đối với tâm hồn anh.

- Em nghĩ rằng ngày nào cũng ngồi vào một bàn thì thật là dớ dẩn. Thỉnh thoảng anh phải giúp các cô hầu bàn khác chứ.

Nhưng càng nghĩ điều đó, anh càng tin chắc rằng sự đầu hàng hoàn toàn của nàng là con đường duy nhất đưa anh đến tự do. Anh như chàng hiệp sĩ thời xưa bị hóa thân bởi những lời thần chú kỳ diệu, cố tìm cho được liều thuốc khôi phục lại hình hài đẹp đẽ ngày xưa của mình. Philip chỉ còn một hy vọng: Mildred rất muốn đi Paris. Đối với nàng cũng như phần đông dân

Anh, đó là trung tâm những cuộc vui, trung tâm của thời trang. Nàng đã nghe nói về nhà hàng Louvre, ở đây người ta có thể mua quần áo kiểu mới nhất bằng khoảng nửa giá tiền mua ở Luân Đôn. Một người bạn nàng hưởng tuần trăng mật ở Paris, cả ngày la cà ở nhà hàng này; trong suốt thời gian họ ở đây, ở The Moulin Rouge và mọi nơi nào khác nàng chưa biết, cả hai vợ chồng - trời ơi - đều chưa bao giờ đi ngủ trước sáu giờ sáng. Nếu như nàng có chiều theo những điều ham muốn của anh thì hẳn chỉ là cái miễn cưỡng nàng phải trả, để được thỏa lòng mong ước. Philip không cần quan tâm nàng thỏa mãn tình cảm của anh theo những điều kiện nào. Thậm chí anh còn có ý nghĩ điên rồ quá đáng là cho nàng uống ma túy. Anh cho nàng uống rượu liên tục hy vọng kích thích được nàng, nhưng nàng không thích rượu, dù nàng thích anh gọi sâm banh, là vì, điều đó có vẻ sang trọng, nàng cũng không bao giờ uống quá nửa cốc. Nàng thích khi nào rời bàn đứng dậy cốc rượu đầy ắp vẫn còn nguyên.

- Điều đó chứng tỏ cho bọn hầu bàn anh là người như thế nào - nàng bảo.

Philip chọn một cơ hội lúc nàng có vẻ thân mật hơn ngày thường. Anh phải dự một kỳ thi về cơ thể học vào cuối tháng ba. Còn tuần nữa là Lễ Phục Sinh. Mildred sẽ được nghỉ trọn ba ngày.

- Bây, lúc ấy sao em không đi Paris nhỉ - anh hỏi. - Chúng ta sẽ được hưởng một thời gian thật tuyệt.

- Làm thế nào em có thể đi được. Tốn tiền lắm.

Philip đã nghĩ tới điều này, ít ra nhất thiết phải tốn hai mươi lăm bảng. Đối với anh đó là món tiền lớn. Anh sẵn sàng tiêu xài dốc túi vì nàng.

- Cái đó quan trọng gì? Em hãy nói là em muốn đi, em yêu nhé!

- Thế rồi sẽ ra làm sao? Em không tưởng tượng rằng mình đi ra ngoài với một người đàn ông không phải là chồng. Anh không nên đề nghị một chuyện như thế.

- Điều đó có gì quan trọng!

Anh tán rộng về vẻ huy hoàng của phố Hòa Bình, vẻ lộng lẫy chói lọi của Folies Gergere. Anh mô tả cung điện Le Louvre và Bon Marché. Anh kể cho nàng nghe về Cabaret du Nelant, về tu viện và nhiều nơi người nước ngoài lui tới. Bằng những màu sắc rực rỡ, anh miêu tả, ca tụng những khía cạnh của Paris mà anh khinh miệt. Anh khẩn khoản nàng đi với anh.

- Anh bảo là anh yêu em, nhưng nếu anh thực sự yêu em, thì anh phải muốn lấy em chứ? Anh chưa bao giờ đề nghị cưới em.

- Em thừa biết anh không làm nổi điều đó. Dù thế nào thì anh cũng chỉ đang học năm thứ nhất, trong sáu năm nữa, anh sẽ chẳng kiếm được xu nào?

- Ồ, em có trách anh đâu. Cho dù anh có quỳ gối van xin, em cũng chẳng lấy anh.

Anh đã nhiều lần tính đến việc cưới xin, nhưng nghĩ tới đây anh lại chùn bước. Ngày nào còn ở Paris, anh đã từng quan niệm rằng hôn nhân là thể chế lỗ bịch của những kẻ phàm tục. Anh cũng hiểu rằng nếu bị trói buộc vĩnh viễn, nhất định đời anh sẽ hỏng, bản năng của giai cấp trung lưu trong người anh cho rằng lấy một cô gái hầu bàn làm vợ có vẻ là một việc dễ sợ. Một người vợ tầm thường nhất định làm anh khó mà có được một phòng khám bệnh kha khá. Và lại anh chỉ còn đủ tiền để chi dùng cho đến khi anh tốt nghiệp, anh không thể nuôi vợ dù hai vợ chồng có dàn xếp được là chưa sinh con đẻ cái. Anh nhớ đến Cronshaw bị trói buộc với người đàn bà thô

bỉ mà rùng mình khiếp sợ. Anh đã thấy trước Mildred sẽ như thế nào, với những quan niệm quý phái và đầu óc thiển cận của nàng. Không, anh không thể cưới nàng. Nhưng đây chỉ là lý trí của anh quyết định như vậy. Anh thấy rằng mọi giá anh phải có nàng; và nếu như vì không cưới nàng, mà anh không có được nàng thì nhất định anh sẽ phải làm điều đó, tương lai ra sao thì ra, có thể kết thúc sẽ là đổ vỡ, anh cóc cần. Khi đầu óc anh đã nảy sinh một ý gì thì điều đó cứ ám ảnh anh, anh không nghĩ đến một điều gì khác và anh có hàng loạt lý luận để thuyết phục mình rằng điều anh muốn làm là hợp lý. Anh thấy mình đang làm sụp đổ tất cả những lý lẽ đúng đắn mà anh chợt nghĩ ra nhằm phản đối việc hôn nhân. Càng ngày thấy càng say mê nàng hơn; và mối tình không được thỏa mãn làm anh trở nên tức giận, vì bị xúc phạm.

- Trời ơi, nếu ta cưới nàng, ta sẽ bắt nàng trả giá cho mọi đau khổ mà ta đã chịu đựng. - Anh nghĩ thầm trong bụng.

Cuối cùng anh không chịu nổi cơn khắc khoải. Một tối, sau khi cơm nước xong, trong một quán rẻ tiền, ở Soho mà hiện nay họ thường đến, anh nói với nàng:

- Đây, có phải hôm nọ em nói rằng nếu anh ngỏ lời cầu hôn, em cũng sẽ không lấy anh, có phải không?

- Phải, tạo sao không?

- Là vì anh không thể sống không có em. Anh cứ muốn em mãi mãi ở bên anh. Anh cố gắng từ bỏ ý nghĩ đó mà không được. Và sẽ không bao giờ từ bỏ được. Anh muốn em làm vợ anh.

Nàng đã đọc quá nhiều tiểu thuyết để biết tiếp nhận thế nào là một lời dạm hỏi như vậy.

- Em thực rất cảm ơn anh, anh Philip ạ, em rất lấy làm hãnh diện về lời cầu hôn của anh.

- Ồ, đừng nói vớ vẩn. Em sẽ lấy anh phải không?

- Anh có nghĩ rằng chúng ta có hạnh phúc không?

- Không, nhưng cần gì điều đó.

Anh thốt ra những lời này, gần như miễn cưỡng làm cho nàng ngạc nhiên.

- Ủ, anh thật buồn cười. Vậy thì tại sao anh muốn lấy em? Hôm nọ anh nói là anh không đủ khả năng.

- Anh nghĩ anh chỉ còn khoảng một nghìn bốn trăm bảng. Hai đứa có thể tần tiện vừa đủ cũng bằng như một người. Số tiền đó đủ nuôi sống chúng ta cho đến khi anh tốt nghiệp, được bổ nhiệm vào làm việc tại bệnh viện, lúc ấy anh có thể nhận một chân phụ tá.

- Thế có nghĩa là trong sáu năm anh vẫn không có kiếm thêm được đồng nào. Chúng mình phải sống dựa vào khoản bốn bảng một tuần cho đến lúc ấy, phải không?

- Không nhiều hơn ba bảng đâu. Anh còn phải trả tất cả các học phí nữa.

- Và khi là phụ tá anh có thể nhận được cái gì?

- Ba bảng một tuần.

- Có phải anh có ý muốn nói suốt cả thời gian đó, anh phải học tập, tiêu pha một món tài sản nhỏ để rồi cuối cùng kiếm được ba bảng một tuần? Em không cho là em sẽ phong lưu hơn bây giờ.

Anh yên lặng một lúc.

- Như vậy là em muốn nói em sẽ không lấy anh có phải không? - anh hỏi giọng khản lại - Tình yêu lớn lao của anh chẳng có một chút ý nghĩa nào với em hay sao?

- Về những chuyện đó người ta phải nghĩ đến cá nhân mình đã, đúng không nào? Em sẽ không phản đối việc lấy chồng, nhưng lấy chồng mà chẳng được phong lưu hơn bây giờ thì em chẳng muốn. Như vậy hỏi rằng ích lợi gì?

- Nếu em quan tâm đến anh thì hẳn em không nghĩ đến tất cả điều đó.

- Có lẽ không.

Anh im lặng. Anh muốn uống một cốc vang để nuốt trôi một cái gì đó tắt nghẹn trong họng.

- Anh hãy nhìn cô gái vừa đi ra kia, Mildred nói, cô ấy mua bộ áo choàng bằng da lông thú tại The Bon Marché ở Brixton đấy. Em thấy bộ áo này trong tủ kính bày hàng hôm trước khi em xuống đó.

Philip mỉm cười chua chát.

- Anh cười gì thế? - nàng hỏi. Thật đấy. Lúc đó em nói với cô em, em nhất định không mua thứ gì cùng loại đó để trong tủ kính bày hàng này, để

mọi người phải hiểu rằng phải trả giá bao nhiêu mới mua được.

- Anh không hiểu nổi em. Em làm cho anh cực kỳ khổ sở rồi em nói những chuyện vớ vẩn chẳng có liên quan gì đến điều chúng ta đang nói.

- Anh làm em bực mình, nàng buồn rầu đáp - Em không thể không chú ý những áo lông thú đó, vì em đã nói với cô em...

- Em nói với cô em điều gì, anh có cần - anh nôn nóng cắt ngang.

- Em mong anh không được ăn nói thô bỉ với em, anh Philip ạ. Anh biết đó, em không thích thế.

Philip khẽ nhếch mép mỉm cười, nhưng cặp mắt anh trông dữ tợn. Anh yên lặng một lúc. Anh buồn rầu nhìn nàng. Anh ghét nàng, anh khinh nàng và anh cũng yêu nàng.

- Nếu anh có đôi chút khôn ngoan, thì anh phải đừng bao giờ gặp em nữa - cuối cùng anh nói. Giá mà em biết rằng anh khinh bỉ anh biết bao bì đã trót yêu em.

- Đó không phải là chuyện hay ho gì để nói với em - nàng giận dữ đáp lại, mặt mày sưng sía.

- Không phải thế đâu. - anh cười - Thôi ta đi đến Paris đi.

- Anh buồn cười thật đấy, anh bắt đầu cười đúng vào lúc người ta không nghĩ rằng anh cười được. Và nếu em làm cho anh khổ sở như vậy, tại sao anh lại muốn dẫn em đi đến Pavillon? Em đã sẵn sàng trở về nhà đây.

- Chỉ là vì ở gần em thì anh đỡ khổ sở hơn là ở xa em.

- Ước gì em biết được anh thực sự nghĩ thế nào về em.

Anh bật cười thẳng thắn.

- Em thân yêu, nếu em biết được thì không bao giờ em nói chuyện với anh nữa đâu.

Philip không qua được kỳ thi kiểm tra môn cơ thể học cuối tháng ba. Anh và Dunsford cùng nghiên cứu trên bộ xương người của Philip mua, trao đổi với nhau các câu hỏi cho đến lúc cả hai đều thuộc lòng mỗi điểm bám của cơ vào xương, ý nghĩa của mỗi nốt, mỗi rãnh xương; nhưng tại phòng thi, Philip bỗng hoảng sợ, ngại sai, nên đã trả lời không đúng các câu hỏi. Anh biết bị đánh trượt nên hôm sau cũng chẳng bận tâm lên phòng thi xem niêm yết số báo danh của mình. Lần thứ hai hỏng này rõ ràng xếp anh vào số người kém cõi lười biếng của năm học.

Anh không lo lắng nhiều lắm. Anh còn phải suy nghĩ nhiều việc khác. Anh tự nhủ Mildred chắc hẳn cũng phải có cảm xúc như bất kỳ ai, vấn đề chỉ còn là kích thích chúng, anh đã có nhiều kinh nghiệm lý thuyết về đàn bà, đã có một vết thương lòng, anh cho rằng mọi người ai rồi cũng sẽ có lúc, một khi mà nàng phải chịu khuất phục trước tính kiên trì. Vấn đề là phải bình tĩnh chờ cơ hội bằng thái độ ân cần tỉ mỉ làm cho nàng dần dần kiệt sức, rồi lợi dụng tình trạng kiệt sức thể chất đó, một sự kiệt sức khiến nàng mở rộng tâm hồn đón nhận yêu thương, vấn đề là phải biến mình thành một nơi cho nàng ẩn náu, tránh được những buồn phiền vụn vặt. Trong công việc hàng ngày anh kể cho nàng nghe quan hệ của các bạn anh với các phụ nữ xinh đẹp ở Paris mà họ say mê. Cuộc sống mà anh mô tả đó, có sức quyến rũ, có vẻ vui tươi thoải mái nhưng không buông thả. Anh đem những kỷ niệm của bản thân trộn lẫn với những chuyện tình của Mimi và Rodolphe, của Misette và các bạn khác, anh rót vào tai Mildred câu chuyện nghèo nàn mà sống động tiếng hát, tiếng cười, câu chuyện yêu đương hỗn loạn, mà lại thành ra lãng mạn do sắc đẹp và tuổi thanh xuân. Anh không bao giờ trực tiếp công kích những định kiến của nàng, nhưng tìm cách đấu tranh bằng cách nêu ra rằng định kiến đó là của người dân ngoại ô. Nàng hồ hững, anh không ngại, nàng lạnh lùng, anh không tức giận. Anh nghĩ rằng

mình đã từng làm cho nàng buồn chán, nên giờ đây anh cố gắng tỏ ra niềm nở, vui vẻ, anh không để cho mình nổi giận, không đòi hỏi gì, không phàn nàn, không gắt gỏng. Khi nàng hẹn hò với anh rồi không giữ lời, hôm sau gặp nàng anh vẫn tươi cười; khi nàng xin lỗi, anh bảo không sao. Anh không bao giờ để cho nàng thấy được nàng làm anh đau khổ. Anh hiểu rằng những nỗi đau tình ái của mình đã làm cho nàng chán ngắt, nên anh thận trọng che giấu mọi tình cảm có thể làm nàng buồn phiền dù ở mức nhỏ nhất. Anh thật quả cảm. Mặc dù nàng không bao giờ đề cập đến những thay đổi này vì nàng không hề nhận ra điều đó, nhưng sự thay đổi này cũng ảnh hưởng tới nàng, nàng hay tâm sự với anh hơn; nàng hỏi han anh những nỗi buồn phiền lặt vặt, nàng thường hay phàn nàn về mục chủ nhà hàng, về một cô bạn hầu bàn, hoặc về bà cô nàng; bây giờ nàng khá hay chuyện và dù nàng không bao giờ nói một điều gì mà không cho rằng không quan trọng, chuyện của nàng nhạt nhẽo, Philip vẫn lắng nghe không chán.

- Em yêu anh những khi anh không tán tỉnh em. - Có một lần nàng nói với anh như vậy.

- Điều đó làm cho anh hãnh diện. - Anh cười.

Nàng không hiểu được rằng lời nàng nói đã làm lòng anh quặn thắt và cũng không hiểu được rằng anh đã cần phải cố gắng thế nào mới trả lời được nàng nhẹ nhàng như vậy.

- Ô, bây giờ thỉnh thoảng anh hôn em, em không phản đối đâu. Điều đó không xúc phạm em và lại làm anh vui.

Một đôi lần nàng còn đi xa hơn, thí dụ yêu cầu anh dẫn nàng đi ăn cơm hiệu, và đề nghị này của nàng làm cho anh sung sướng vô ngần.

- Em chẳng đề nghị với người khác đâu - nàng nói như để tạ lỗi. - Nhưng em biết rằng với anh thì được.

- Em không thể cho anh một niềm vui nào lớn hơn thế này đâu. - Anh mỉm cười nói.

Vào khoảng cuối tháng tư, một buổi tối, nàng yêu cầu anh dẫn nàng đi ăn.

- Được thôi. - Anh trả lời. - Rồi sau đó em muốn đi đâu?

- Ồ, chúng mình đừng đi đâu cả. Chúng mình cứ ngồi lại mà chuyện trò. Anh không phản đối chứ?

- Dĩ nhiên là không.

Anh nghĩ là nàng đã bắt đầu quan tâm tới anh. Ba tháng trước đây, ý nghĩ bỏ cả một đêm để trò chuyện có thể làm nàng buồn đến chết. Đó là một ngày đẹp trời, và mùa xuân làm cho Philip thêm vui vẻ phấn khởi. Bây giờ anh đã biết thỏa mãn với những điều rất bé mọn.

- Này, giá mà là mùa hè thì có phải trời đẹp tuyệt không, em nhỉ? - Anh hỏi trong lúc họ ngồi ở tầng trên xe buýt đi Soho - chính nàng đã đưa ra ý kiến họ không nên đi xe ngựa, tốn phí quá - cứ chủ nhật nào chúng mình cũng có thể dạo chơi trên con sông này. Chúng ta sẽ mang giỏ thức ăn trưa.

Nàng khẽ mỉm cười và anh mạnh dạn nắm tay nàng. Nàng để yên.

- Anh thực sự nghĩ rằng em bắt đầu hơi yêu anh rồi đấy. Anh cười nói.

- Anh thật ngốc, anh thừa biết là em quý anh, nếu không, em đã chẳng ngồi đây, đúng không nào?

Bây giờ thì họ đã là khách hàng quen của quán ăn nhỏ bé này ở Soho. Bà chủ mỉm cười chào họ khi thấy họ đến. Gã hầu bàn thì khúm núm.

- Để em gọi thức ăn bữa cơm tối nay. - Mildred nói.

Philip thấy chưa bao giờ nàng vui như hôm nay, anh đưa thực đơn cho nàng và nàng chọn những món ăn mà nàng ưa thích. Món ăn các loại không nhiều, nên đã nhiều lần họ ăn đủ mọi thứ nhà hàng cung cấp. Philip vui. Anh nhìn kỹ nàng, chăm chú vào nét tuyệt mỹ của hai má xanh xao của nàng. Khi họ ăn xong, như một ngoại lệ, Mildred cầm một điếu thuốc lá. Nàng rất ít hút thuốc.

- Em không thích thấy đàn bà hút thuốc lá - nàng nói. Nàng lưỡng lự một lúc rồi nói:

- Anh có ngạc nhiên khi em yêu cầu anh đưa em đi chơi và cho em bữa tối nay không?

- Anh rất sung sướng.

- Anh Philip, em có điều này muốn nói với anh.

Anh liếc vội nhìn nàng, lòng anh thất lại, nhưng anh đã tự rèn luyện nhiều.

- Được, bắt đầu đi! - Anh mỉm cười nói.

- Anh sẽ không gây sự với em về chuyện này chứ? Em sắp lấy chồng đấy.

- Em lấy chồng à? - Philip hỏi.

Anh không nghĩ ra điều gì khác để nói. Anh vẫn thường nghĩ đến khả năng đó và hình dung những điều phải nói, phải làm. Anh đã đón đau sầu não mỗi lần nghĩ đến nỗi thất vọng mà anh sẽ phải chịu đựng, anh đã nghĩ đến chuyện tự sát, đến cơn giận dữ điên cuồng choáng ngợp hồn anh; nhưng có lẽ anh cũng hoàn toàn liệu trước nỗi xúc cảm anh sẽ phải trải qua, nên giờ đây anh chỉ còn cảm thấy kiệt sức mà thôi. Cảm thấy mình như người bệnh nặng, sức sống suy sụp quá rồi, đến nỗi dừng dừng mọi sự, chỉ muốn được yên thân một mình.

- Anh hiểu cho. Em đã lỡ thì rồi. - Nàng nói - Năm nay em đã hai mươi tư tuổi nên đã đến lúc em phải lập gia đình.

Philip lặng thinh. Anh nhìn bà chủ quán ngồi sau quầy hàng, mắt đắm đắm vào cái lông đỏ của một thực khách đã cài lên mũ bà ta. Mildred bực bội:

- Anh phải chúc mừng em chứ! - Nàng nói.

- Ủ, lẽ ra anh phải chúc mừng em, đúng không? Anh khó tin nổi đây là sự thật. Anh vẫn thường nghĩ đến chuyện này. Thật buồn cười đến đứt ruột. Anh vừa mới sung sướng biết bao lúc em yêu cầu đưa em đi ăn hiệu. Em sắp lấy ai đấy?

- Miller - Nàng đáp, hơi đỏ mặt.

- Miller à? - Philip kinh ngạc kêu lên. - Nhưng đã bao nhiêu tháng nay em có gặp hẳn ta đâu.

- Tuần qua có một hôm anh ấy đến đây ăn trưa và sau đó thì ngỏ lời cầu hôn với em. Anh ấy kiếm được rất nhiều tiền. Bây giờ mỗi tuần anh ấy kiếm được bảy bảng và có nhiều triển vọng.

Philip lại yên lặng. Anh nhớ ra là nàng thường thích Miller, gã có một sức quyến rũ kỳ lạ mà nàng không hề biết.

- Anh nghĩ rằng chuyện đó tất phải xảy ra, - cuối cùng anh nói - Em bắt buộc phải chấp nhận người nào trả giá cao nhất. Vậy khi nào em sẽ làm lễ cưới?

- Thứ bảy tới. Em đã báo xin thôi việc.

- Sớm thế ư?

- Chúng em chỉ làm lễ cưới và đăng ký ở tòa thị chính thôi. Em thích thế.

Philip cảm thấy vô cùng mệt mỏi. Anh muốn rời nàng đi về. Anh nghĩ là phải về nhà đi ngủ ngay. Anh gọi lấy hóa đơn.

- Anh sẽ đưa em lên xe ngựa chở em về ga Victoria. Anh chắc rằng em không phải đợi tàu lâu.

- Anh sẽ không đi với em sao?

- Không, nếu em không phản đối.

- Tùy anh thôi, - nàng kiêu ngạo đáp. - Có thể ngày mai vào giờ uống trà, em sẽ gặp anh chứ?

- Không, anh cho tốt hơn là chúng ta chấm dứt ở đây. Anh không hiểu vì sao anh cứ tiếp tục làm khổ mình như vậy. Xe ngựa anh đã trả tiền rồi đấy.

Anh gật đầu, gượng cười chào nàng rồi nhảy lên xe về nhà.

Anh hút một tẩu thuốc trước khi đi ngủ, nhưng mắt anh cứ riu lại. Anh không thấy đau khổ. Anh đi ngủ ngay, vừa đặt đầu xuống gối là anh đã ngủ li bì.

Nhưng vào khoảng ba giờ sáng, Philip thức giấc và không ngủ lại được nữa. Anh bắt đầu nghĩ đến Mildred. Anh cố không nghĩ tới nàng nhưng không sao ngăn nổi mình. Không biết đến bao lâu, chuyện ấy cứ lẩn quẩn trong tâm trí làm đầu óc anh quay cuồng. Phải lấy chồng là điều không thể tránh đối với một cô gái phải làm việc nuôi thân, cuộc sống thật khắc nghiệt, nếu nàng tìm được kẻ nào có thể đem lại cho nàng một gia đình êm ấm và nàng chấp thuận thì không nên chê trách nàng. Philip thừa nhận rằng theo quan điểm của nàng thì có điên mới lấy anh: chỉ có tình yêu mới có thể làm cho người ta chịu được cảnh nghèo nàn như thế và nàng thì không yêu anh. Đâu có phải lỗi ở nàng; đó là một sự thật phải được thừa nhận như bất cứ sự thật nào khác. Philip thử lý luận với mình. Bản thân anh biết rõ ẩn sâu trong hồn mình là tính kiêu căng bị làm nhục; tình yêu của anh bắt đầu từ một vết thương của tính tự kiêu tự đại, nên xét cho cùng bây giờ chính điều này đã gây nên phần lớn bất hạnh của anh. Anh khinh mình bao nhiêu thì anh khinh nàng bấy nhiêu. Rồi anh vạch kế hoạch cho tương lai và những kế hoạch đó cứ lẩn đi lẩn lại, bị gián đoạn do hồi tưởng tới những nụ hôn trên gò má tái nhợt mịn màng, do âm thanh giọng nói kéo dài của nàng; anh có nhiều việc phải làm, là vì trong dịp hè anh phải thi môn hóa cùng lúc với hai môn thi lần trước. Anh đã tách mình khỏi bạn bè ở bệnh viện nhưng bây giờ anh cần tình bạn. Một việc may mắn xảy ra: hai tuần trước Hayward viết thư cho biết anh ta sẽ đi qua Luân Đôn và mời anh đi ăn nhưng Philip không muốn bị quấy rầy nên đã từ chối. Hayward sẽ trở về trong hè này và Philip quyết định viết thư cho anh ta.

Đồng hồ đánh tám tiếng, anh sung sướng đứng dậy. Người anh tái nhợt một mối. Nhưng sau khi tắm, mặc quần áo và ăn sáng xong anh thấy mình lại hòa hợp với đời và nỗi đau trong anh đã phần nào dịu đi. Sáng hôm ấy, anh thấy không muốn lên lớp nghe giảng, thay vào đó, anh đến cửa hàng

của lục quân và hải quân mua quà cưới cho Mildred. Sau hồi lâu phân vân do dự, anh quyết định chọn một cái hộp đựng đồ trang sức giá hai mươi bốn bảng, như thế là vượt quá khả năng của anh nhiều, nhưng hộp này trông lờ lợt dung tục, anh hiểu là nàng có thể biết chính xác giá bao nhiêu; anh hài lòng một cách đáng cay đã chọn được một món quà tặng làm cho nàng vui thích, nhưng đồng thời lại biểu hiện được cái ý của anh khinh nàng.

Philip lo sợ thấy ngày cưới của Mildred đến gần, anh đang đợi một cơn đau không thể nào chịu nổi; và anh nhẹ người khi nhận được thư của Hayward sáng thứ bảy nói rằng anh ta sẽ đến đúng ngày hôm ấy và sẽ đến phiền Philip giúp anh ta tìm phòng trọ. Philip nóng lòng được khuây khỏa, nhìn biểu thời gian, thấy Hayward chỉ có thể đến trong một chuyến tàu; anh liền đi đón anh ta, và cuộc gặp mặt của hai người bạn thật là nồng nhiệt. Họ gửi hành lý lại nhà ga và đi ra vui vẻ. Hayward đặc biệt đề nghị trước nhất phải đến Phòng trưng bày tranh tượng quốc gia một giờ, ít lâu nay anh không được xem tranh, anh tuyên bố chỉ cần nhìn lướt qua là anh lại hòa mình được vào cuộc sống. Đã nhiều tháng nay Philip không có ai để có thể chuyện trò về hội họa và sách vở. Từ những ngày ở Pari, Hayward đã mãi mê với những nhà thơ hiện đại Pháp - tại đây có tình trạng quá thừa thãi thi sĩ như thế - nên anh biết được nhiều thiên tài mới để nói chuyện với Philip. Họ đi qua phòng trưng bày tranh tượng, chỉ cho nhau xem, những bức tranh được họ ưa thích; đề tài này tiếp đến đề tài khác; hai người chuyện trò sôi nổi. Nắng rực rỡ, không khí ấm áp.

- Chúng mình ra công viên ngồi đi. - Hayward bảo - Ăn trưa xong chúng mình sẽ đi tìm thuê phòng sau.

Mùa xuân ở đây thật đẹp. Đó là một ngày mà người ta cảm thấy được sống trên đời thật là hạnh phúc. Màu xanh non tơ của cây cối nổi bật trên nền trời thật tuyệt; bầu trời phơn phớt xanh nhạt lừa thừa những vạt mây

trắng. Ở cuối bể nước là cái khối nhà xám xám trại Horse Guards. Phong cảnh tao nhã hài hòa có cái vẻ đẹp của một bức tranh thế kỷ thứ mười tám. Nó làm cho người ta nhớ đến không phải là Watteau^[50] với những phong cảnh trữ tình đến nỗi chỉ gợi lại những thung lũng chật hẹp vùng rừng núi chỉ thấy trong mộng, mà là nhớ tới Jean Baptiste Pater tầm thường. Tâm hồn Philip nhẹ nhàng thanh thản. Anh hiểu rõ nghệ thuật có thể giải phóng tâm hồn khỏi sự đau khổ (là vì anh nhìn thiên nhiên với con mắt con nhà nghệ thuật) đây là điều trước đây anh chỉ đọc qua sách vở.

Họ đi ăn trưa ở một quán ăn người Ý và gọi một chai rượu Chianti. Họ tiếp tục chuyện trò suốt bữa ăn. Họ nhắc lại những mối quan hệ chung ở Heidelberg, nói về bạn bè của Philip ở Pari, họ bàn về văn chương, về hội họa, về đạo đức, về cuộc đời. Philip bỗng nghe đồng hồ điểm ba tiếng, anh chợt nhớ ra vào giờ này là lễ thành hôn của Mildred. Anh cảm thấy đau nhói trong tim, và trong giây phút, anh không còn nghe được Hayward đang nói gì. Nhưng anh rót cho mình đầy cốc rượu Chianti. Anh không quen uống rượu nên cảm thấy choáng váng. Lúc đó, dù thế nào anh cũng không còn gì phải lo nghĩ. Đã bao nhiêu tháng nay đầu óc linh lợi của anh đã quen biếng nhác, cho nên bây giờ anh nói chuyện say sưa. Anh lấy làm sung sướng vì có người đàm đạo, có người cùng quan tâm đến những điều anh quan tâm.

- Nay, chúng mình đừng có phung phí một ngày đẹp thế này để đi tìm phòng trọ. Cậu nghỉ ở nhà mình tối nay. Ngày mai hoặc thứ hai cậu đi tìm phòng trọ cũng được.

- Được. Vậy chúng ta phải làm gì? - Hayward hỏi.

- Ta lên tàu xuôi về Greenwich.

Ý kiến này hấp dẫn Hayward và họ nhảy lên xe ngựa đi Westminster Bridge. Họ lên tàu đúng vào lúc tàu bắt đầu khởi hành. Ngay sau đó, Philip tươi cười nói:

- Tôi còn nhớ lần đầu khi tới Pari - Clutton, tôi cho là thế, cho ra một bài diễn thuyết dài về chủ đề: cái đẹp của sự vật là do thi sĩ và họa sĩ gán cho. Chính họ sáng tạo ra bởi vì cảm nhận cái đẹp từ trong tâm hồn mình. Họ không phải lựa chọn giữa gác chuông nhà thờ Giotto và ống khói một nhà máy và rồi cái đẹp phong phú lần theo cảm xúc do chính nó gọi lên trong các thế hệ kế tiếp. Đó là lý do vì sao đồ cổ đẹp hơn đồ hiện đại. Bài thơ ca ngợi cái bình hãm trà Hy Lạp, ngày nay nghe thú vị hơn lúc nó được viết ra, là vì từ hàng trăm năm nay, những người yêu nhạc đã đọc nó và kẻ thất tình đã tìm thấy ở đó ở từng dòng, từng chữ, một nguồn an ủi.

Philip để cho Hayward suy ra những gì trong cảnh trí trước mắt đã làm nảy sinh trong anh có thể để tùy bạn kết luận. Chính do phản ứng đột ngột từ những tháng năm dài từng trải trong đời mà lúc này anh xúc động đến thế. Thành phố Luân Đôn lung linh sắc màu thanh tú đã đem lại cho màu đá xám của các tòa nhà chất mịn màng của một bức phấn màu, và bến tàu cùng nhà kho thì có cái vẻ mộc mạc duyên dáng của bức tranh khắc Nhật Bản. Họ xuôi dòng xa hơn nữa, và eo biển tráng lệ, biểu tượng của đại đế quốc này, mở rộng ra dần, chen chúc tàu bè qua lại. Philip nghĩ đến các họa sĩ, các nhà thơ đã tạo ra cho cả cảnh vật đẹp đẽ nhường này mà lòng anh tràn ngập biết ơn. Họ đến Vũng Luân Đôn; ôi, hỏi ai có thể mô tả được vẻ uy nghi của nó? Trí tưởng tượng anh bay bổng, liệu ai mà biết được những hình ảnh nào vẫn tồn tại trên dòng nước mênh mông này, tiến sĩ Johnson với Boswell bên cạnh, và cụ già Pepys trên chiến hạm; lịch sử huy hoàng của nước Anh, và truyện anh hùng hiệp sĩ, và chuyện dũng cảm phiêu lưu... Philip mắt sáng ngời quay sang Hayward.

- Ôi Charles Dickens yêu quý! - Anh thì thầm, nhếch mép cười về niềm xúc cảm của chính mình.

- Cậu từ bỏ hội họa mà không thấy hối tiếc chút nào ư? - Hayward hỏi.

- Không.

- Tớ nghĩ rằng cậu thích nghề thầy thuốc.

- Không, tớ ghét nghề này, nhưng không có việc gì khác để làm. Trong hai năm đầu công việc vất vả khủng khiếp và không may mình lại chẳng có đầu óc khoa học.

- Nay, cậu không tiếp tục đổi nghề nữa chứ?

- Ồ, không, mình cứ bám lấy nghề này thôi. Mình cho rằng khi nào vào làm việc trong bệnh viện, mình sẽ yêu thích nó hơn. Mình đã nghĩ rằng mình quan tâm đến con người nhiều hơn bất cứ cái gì khác trên đời này và theo chừng mực hiểu biết của mình, đó là nghề duy nhất người ta được tự do. Với kiến thức trong đầu và một hộp dụng cụ cùng một ít thuốc men, người ta có thể kiếm sống bất kỳ ở đâu.

- Như thế thì cậu sẽ không thuê phòng khám bệnh?

- Dù sao thì cũng còn khá lâu. - Philip đáp - Xong thời gian thực tập ở bệnh viện, tớ sẽ xin làm việc ngay trên một tàu nào đó. Tớ muốn đi đến các nước phương Đông - đến quần đảo Mã Lai, Xiêm La, Trung Quốc và lúc đó tớ sẽ làm bất kỳ việc gì. Chẳng thiếu gì những công việc bất ngờ thí dụ như dịch tả ở Ấn Độ và những chuyện tương tự. Tớ muốn đi đây đi đó, muốn biết thế giới. Đối với một người nghèo, cách duy nhất để thực hiện việc này là đi làm nghề y.

Lúc đó họ đến Greenwich. Tòa lâu đài nguy nga hùng vĩ của Inigo Jones đứng sừng sững trước con sông.

- Này, nhìn xem, đây hẳn là nơi Poor Jacques lặn xuống bùn để kiếm từng đồng xu - Philip nói.

Họ thơ thẩn trong công viên. Trẻ con rách rưới chơi đùa, la hét ồn ào; đây đó những bác thủy thủ tắm nắng. Cảnh vật như thuộc về một trăm năm trước.

- Cậu phí mất hai năm ở Pari là một điều đáng tiếc, Hayward nói.

- Lãng phí à? Cậu hãy nhìn những động tác của cháu bé kia, cậu hãy nhìn ánh nắng vẫn đùa qua kẽ lá cùng những bóng nó in trên mặt đất. Cậu hãy nhìn bầu trời! Thế nào, nếu tớ không từng sống ở Pari thì tớ chẳng bao giờ trông thấy bầu trời này.

Hayward cảm thấy Philip đang ghen ngào và anh ngạc nhiên nhìn bạn.

- Cậu làm sao thế?

- Không có gì. Mình lấy làm tiếc đã xúc động quá thế này, nhưng trong sáu tháng qua mình không được tiếp xúc với cái đẹp dù chỉ là một phút.

- Trước kia thì cậu rất chi là thực tế. Thật hết sức thú vị được nghe cậu nói như vậy.

- Tớ cóc cần làm ra vẻ như vậy đâu - Philip nói - Thôi ta đi uống trà đặc đi.

Cuộc đến thăm của Hayward đem lại cho Philip nhiều điều tốt lành, càng ngày anh càng ít nghiền ngẫm về Mildred. Anh nhìn lại những ngày tháng qua mà cảm thấy ngán ngẫm. Anh không hiểu nổi làm sao mà anh lại cam chịu một tình yêu ô nhục đến như vậy. Nghĩ đến Mildred, nghĩ đến những cảnh xiết bao nhục nhã nàng bắt anh chịu đựng, lòng anh sục sôi căm giận. Giờ đây anh hình dung nàng với những khuyết tật trên cơ thể, với những kiểu cách điệu bộ đến nỗi anh rùng mình nhớ lại mình đã có một thời gần gũi nàng.

- Đúng là việc này chứng tỏ ta thiếu nghị lực bao nhiêu - anh tự nhủ. Câu chuyện phiêu lưu này cũng như một hành động vụng dại người ta phạm phải trong một bữa tiệc, một điều vụng dại không sao có thể bỏ; phương thuốc cứu chữa duy nhất là lãng quên. Nỗi ghê sợ cảnh sa đọa quả đã cứu giúp anh. Anh như con rắn lột da, nhìn lại cái vỏ xác cũ. Vui sao một lần nữa anh lại làm chủ được mình, anh hiểu rõ mình đã bỏ mất nhiều niềm vui ở đời, khi đắm chìm vào cái chuyện rồ dại mà thiên hạ gọi là tình yêu kia, anh đã chán ngấy. Nếu như vậy là tình yêu thì anh không muốn yêu thương gì nữa. Philip kể lại qua loa với Hayward về những gì anh đã chịu đựng.

- Có phải Sophocle^[61] - anh hỏi - đã cầu nguyện khi được giải thoát khỏi cơn mê đắm thú vật đã phá hủy những tình cảm sâu sắc nhất của ông?

Philip như được sống lại. Anh hít thở bầu không khí xung quanh như trước đây chưa từng được hít thở bao giờ và trước mọi sự đời anh thích thú như con trẻ. Anh gọi thời kỳ điên rồ của mình là sáu tháng khổ sai.

Hayward ở Luân Đôn mới được vài ngày thì Philip nhận được từ Blackstable chuyển tới một lá thiệp mời xem cuộc trưng bày tranh dành

riêng cho bạn bè và các nhà phê bình tại một phòng trưng bày tranh tượng nào đó. Anh rủ Hayward đi cùng, và khi nhìn vào danh mục, anh thấy Lawson cũng có một bức tranh ở đó.

- Mình tin rằng Lawson gửi thiệp mời này - Philip nói - Ta hãy đi tìm hẳn, hẳn chắc chắn đang đứng trước tranh vẽ của mình.

Bức tranh này là tấm chân dung nhìn nghiêng của Ruth Chalice, để riêng ra trong một góc nhà và quả thật Lawson đứng cách đó không xa. Với cái mũ mềm rộng, quần áo lung thụng màu nhạt, chàng trông có vẻ lu mờ giữa đám đông ăn mặc sang trọng kéo đến xem triển lãm. Chàng sốt ruột đón chào Philip, và với tính liến thoắng thường ngày, báo cho Philip biết chàng đã đến sống ở Luân Đôn, Ruth Chalice là con đàn bà hồng, chàng đã tậu được một xưởng vẽ, Pari chẳng còn là Pari, chàng đã được đặt vẽ một bức chân dung, nhưng tốt hơn là họ phải cùng đi ăn nói chuyện ngày xưa cho được thoải mái. Philip nhắc chàng nhớ lại sự quen biết của anh với Hayward và lấy làm vui vẻ thấy Lawson có phần kính nể Hayward quần áo thanh lịch và cử chỉ cao quý. Họ chế giễu anh nhiều hơn hồi còn ở cái xưởng vẽ nhỏ bé tồi tàn mà Lawson và Philip thuê chung.

Trong bữa ăn Lawson tiếp tục cung cấp tin tức. Flanagan đã trở về Mỹ, Clutton thì đã đi xa. Chàng đi đến kết luận là người ra không thể làm được việc gì chừng nào còn tiếp xúc với nghệ thuật và giới nghệ sĩ, điều tốt lành là tránh khỏi ngay tức thì. Để ra đi được dễ dàng hơn, chàng cãi nhau với tất cả bạn bè ở Pari. Chàng ngày càng phát huy năng khiếu nói năng với họ những sự thật chua xót, chạm nọc họ. Vì thế cho nên, phải chăng bọn họ đành chịu, khi được biết anh chàng quyết định đến định cư ở Gerona là một thành phố nhỏ phía Bắc I Pha Nho đã quyến rũ chàng, khi chàng nhìn thấy nó qua cửa toa tàu hỏa trên đường đi Barcelona. Bây giờ chàng đang sống ở đó một mình.

- Không hiểu chàng ta có bao giờ làm nên trò trống gì không?

Anh chàng quan tâm đến khía cạnh nhân đạo trong cuộc đấu tranh thể hiện các điều còn quá mơ hồ trong đầu óc con người đến nỗi chàng trở nên bệnh hoạn, hay gây gổ. Philip cảm thấy lờ mờ rằng chính mình cũng ở trong trường hợp tương tự, nhưng với anh, đó là cách xử thế nói chung làm cho anh lúng túng. Đó là điều anh muốn thể hiện nhưng để làm gì thì vẫn còn là điều mơ hồ chưa rõ. Nhưng anh không có thì giờ tiếp tục đà suy nghĩ đó, là vì Lawson thao thao kể lại ngay thật câu chuyện yêu đương giữa chàng và Ruth Chalice. Nàng đã bỏ chàng để lấy một sinh viên trẻ vừa mới ở Anh đến và vẫn cư xử xấu xa. Lawson thực sự nghĩ rằng phải có một người nào đó can thiệp vào cứu vớt chàng thanh niên kia. Nhất định nàng sẽ làm hỏng cuộc đời hẳn. Philip hiểu rằng sự bất bình chủ yếu của Lawson là bức chân dung đang họa nửa chừng phải bỏ dở.

- Bọn đàn bà không nhạy cảm về nghệ thuật. Họ chỉ làm ra vẻ như vậy thôi - chàng nói. Nhưng rồi chàng kết thúc khá triết lý. - Dù sao tôi cũng kiếm được bốn bức chân dung của nàng, và bức họa cuối cùng tôi đang làm dở thì không chắc có thành công hay không.

Philip thêm muốn cách giải quyết những chuyện tình dễ dàng của chàng họa sĩ này. Anh chàng trải qua mười tám tháng khá dễ chịu để có được một người mẫu tuyệt vời, không tốn đồng nào và cuối cùng chia tay nàng dễ dãi như không.

- Còn về Cronshaw thì thế nào? - Philip hỏi.

- Ồ, ông ấy đi đứt rồi. - Lawson tươi cười đáp với tính vô tình của tuổi trẻ. - Chỉ sáu tháng nữa ông ấy sẽ chết. Mùa đông vừa qua ông ấy bị viêm phổi. Ông ấy nằm bảy tuần lễ trong bệnh viện Anh, khi ông ta ra viện, người ra bảo ông ta chỉ từ bỏ rượu mới bình phục được.

- Tội nghiệp cho ông già khốn khổ. - Philip vốn sống có điều độ mỉm cười.

- Ông ta nhìn được một thời gian, dù sao ông ấy đã quen đến The Lilas, không thể tránh xa nơi này, nhưng bây giờ ông chỉ uống sữa nóng với hoa cam và ông trì độn lắm rồi.

- Tôi chắc anh không giấu ông ta sự thật này.

- Ồ, bản thân ông ta cũng tự hiểu điều đó. Trước đây ít lâu, ông ta lại bắt đầu uống uryt-ki. Ông tuyên bố ông già quá rồi còn đổi thay gì được nữa. Ông ta muốn thà cứ sung sướng trong sáu tháng rồi chết còn hơn là sống năm năm vất vưởng. Hơn nữa, theo tôi, hiện nay ông ta túng bấn lắm. Anh hiểu chứ, trong lúc ốm đau, ông ta không kiếm được gì nên cái ả giang hồ sống với ông ấy hành hạ ông ấy đến khổ.

- Lần đầu gặp ông ta, mình nhớ rằng, mình phục ông ta hết sức - Philip nói. - Mình thấy ông ta thật tuyệt vời. Chính cái thứ đạo đức dung tục của giai cấp trung lưu cuối cùng đã phải trả giá. Thật là ghê tởm!

- Dĩ nhiên ông ta là kẻ bất tài. Sớm muộn rồi ông ấy cũng sa xuống bùn lầy như nhớt. - Lawson nói.

Philip lấy làm khó chịu vì Lawson vẫn không chút động lòng trắc ẩn đối với chuyện này. Dĩ nhiên gieo hạt nào thì gặt quả ấy nhưng bi kịch của cuộc đời nằm trong cái hậu quả tất yếu của chuyện đó.

- Ồ, tôi quên mất - Lawson nói tiếp - anh vừa đi khỏi thì ông ta nhờ chuyển cho anh một tặng phẩm. Tôi nghĩ anh sẽ trở lại nên tôi không lo lắng nghĩ ngợi gì về chuyện đó, vả lại tôi cho rằng nó chẳng đáng gửi đi,

nhưng rồi nó sẽ được gửi sang Luân Đôn cùng với mọi đồ đạc còn lại của tôi, và một ngày nào đó, anh có thể đến xưởng của tôi mà lấy nếu anh thích.

- Anh chưa cho tôi biết đó là cái gì?

- Ồ, chỉ là một mẫu thảm nhỏ rách tả tơi. Tôi nghĩ nó chẳng có giá trị gì. Một hôm tôi hỏi ông ấy định gửi cái của bản thủ này cho kẻ khốn khổ nào. Ông bảo tôi là ông thấy nó trong một cửa hàng phố De Rennes, và mua với giá mười lăm quan. Hình như đó là một tấm thảm Ba Tư. Ông nói rằng anh hỏi ông ta ý nghĩa của đời, và cái đó là câu trả lời. Nhưng mà lúc đó ông ta say lắm.

Philip cười.

- Ồ, phải, mình hiểu. Tôi sẽ đến lấy. Đó là câu chuyện pha trò ưa thích của ông ta. Ông bảo tôi tự tìm hiểu lấy, nếu không, câu trả lời chẳng có ý nghĩa gì.

Philip làm việc tốt và thoải mái; anh còn nhiều việc phải làm, vì trong tháng bảy, anh phải thi ba môn của kỳ thi kết hợp đầu tiên, trong đó có hai môn anh thi hỏng trước đây; nhưng anh thấy cuộc đời thú vị. Anh được một người bạn mới. Trong lúc kiếm tìm người mẫu, Lawson phát hiện ra một cô gái đang đóng các vai phụ ở một nhà hát, và cốt để bố trí một bữa cơm trưa xoàng vào một ngày thứ bảy. Cô rủ theo một người bạn để tranh tiếng; vì cô này mà Philip được mời làm người khách thứ tư, và được giao nhiệm vụ chuyện trò cho cô ta khuây khỏa. Anh thấy việc này dễ, bởi vì cô ta là con người dễ thương, vui chuyện. Cô mời anh đến thăm, nhà cô ở quảng trường Vincent, và ngày nào cô cũng có mặt ở nhà vào giờ uống trà lúc 5 giờ, anh đến, vui thích vì được đón tiếp niềm nở, nên anh lại đến nữa. Cô Nesbit tuổi chưa quá hai mươi lăm, mặt xấu xí nhưng tươi tỉnh, cặp mắt sáng, gò má cao, miệng rộng. Những nét tương phản quá đáng bên ngoài của nàng gợi nhớ đến bức chân dung của một họa sĩ trường phái hiện đại Pháp; da nàng rất trắng, hai má ửng đỏ, lông mày rậm, tóc đen nhánh. Thật kỳ quặc và có phần không tự nhiên nhưng không phải đến nỗi gây nên một ấn tượng vô duyên. Nàng có chồng, nhưng hai người đã bỏ nhau, nàng viết những loại truyện ngắn ba xu để kiếm sống, nuôi con. Có một nhà xuất bản chỉ chuyên về loại truyện này nên nàng chẳng bao giờ thiếu việc. Tiền nhuận bút tồi, in một truyện ba chục nghìn chữ nàng mới được trả mười lăm bảng, nhưng nàng cũng hài lòng.

- Nói cho cùng thì độc giả chỉ tốn có hai xu - nàng nói - Họ thích xem đi xem lại cùng một câu chuyện. Tôi chỉ việc thay đổi tên và thế là xong hết. Khi nào chán ngán tôi lại nghĩ đến chuyện thợ giặt thợ là, chuyện tiền thuê nhà, may quần áo cho cháu bé và tôi lại tiếp tục.

Ngoài ra còn có một số rạp hát cần vai phụ nên nhờ vậy mỗi khi có việc nàng cũng kiếm được mỗi tuần từ mười sáu silinh đến một đồng ghi-nê. Hết ngày làm việc, mệt lử, nàng ngủ say như chết. Nàng tìm đủ mọi cách để khắc phục số phận gian nan. Như có thói hài hước sắc sảo, từ những chuyện bực mình, nàng cũng biến được thành chuyện buồn cười. Đôi khi công việc không chạy, chẳng còn một xu dính túi, nàng liền đem một số đồ đạc vật vãnh đến hiệu cầm đồ phố Vauxhall Bridge, và ăn bánh mì với bơ cho đến khi công việc sáng sửa hơn. Lúc nào nàng cũng lạc quan.

Philip quan tâm đến cuộc sống không biết xoay sở tính toán của nàng, anh phì cười nghe nàng kể lại những chuyện kỳ lạ trong cuộc đấu tranh vật lộn với cuộc sống. Anh hỏi nàng sao không cố gắng viết những tác phẩm có tính chất văn học hơn, nhưng nàng biết là mình không có tài, chuyện lá cải của nàng tuôn ra hàng nghìn, hàng nghìn chữ ấy tuy đáng ghét thật nhưng không những nó được trả nhuận bút kha khá mà còn là công việc hay nhất mà nàng có thể làm được. Nàng không có gì để mà trông mong chờ đợi trừ việc tiếp tục sống như hiện nay. Hình như nàng chẳng có họ hàng thân thuộc, còn bạn bè nàng thì cũng nghèo khổ như nàng.

- Tôi không nghĩ đến tương lai. - Nàng nói - Chẳng nào tôi còn đủ để trả tiền thuê nhà ba tuần lễ, và thêm một vài đồng nữa để mua thực phẩm, thì tôi chẳng lo gì nữa. Đời còn gì đáng sống nếu như tôi cứ hết lo đến hiện tại lại nghĩ đến tương lai. Khi nào lâm vào cảnh tòi tệ nhất thì thường bao giờ tôi cũng tìm ra lối thoát.

Chẳng bao lâu việc Philip đến nhà nàng uống trà hàng ngày đã trở thành lệ, và để cho các lần đến thăm ấy khỏi làm nàng lúng túng, anh thường đem theo bánh ngọt, một lạng bơ hoặc ít trà. Họ bắt đầu gọi nhau bằng tên thánh. Đối với anh, sự đồng cảm của phụ nữ là điều mới mẻ, và anh thích ai sẵn lòng lắng nghe nỗi niềm phiền muộn của mình. Thời khắc trôi nhanh. Anh không che giấu sự cảm phục của anh đối với nàng. Nàng là người bạn

thật tuyệt diệu. Anh không thể không so sánh nàng với Mildred. Hai người hoàn toàn trái ngược, một người thì ương bướng đến ngớ ngẩn, không chịu quan tâm đến những điều mà mình không hiểu, còn một người thì có sẵn trí thông minh, nhận thức sâu sắc và mau lẹ. Lòng anh thắt lại khi nghĩ rằng thiếu chút nữa anh đã có thể bị ràng buộc suốt đời với người đàn bà như Mildred! Một buổi tối anh kể cho Norah toàn bộ câu chuyện tình của anh. Chuyện thì chẳng có gì để anh tự hào nhưng nhận được một sự thông cảm như vậy là điều làm cho lòng anh hết sức dễ chịu.

- Thế là anh thoát tội - Nàng nói khi anh kể xong.

Nàng có cái cách ngồi ngộ. Thỉnh thoảng ngả đầu sang một bên như con chó con Aberdcen. Nàng đang ngồi may khâu trên chiếc ghế tựa lưng, vì nàng không có thời gian để mà ở không, còn Philip thì ngồi thoải mái dưới chân nàng.

- Tôi không thể tả nổi lòng mình thanh thản nhẹ nhàng như thế nào khi chuyện đó chấm hết. - Anh thở dài.

- Tội nghiệp, anh đã phải qua một thời kỳ khốn khổ - nàng lẩm bẩm, và để tay mình lên vai anh tỏ ý thông cảm.

Anh cầm lấy tay nàng đặt lên một chiếc hôn, nhưng nàng vội vàng rút lại.

- Tại sao anh làm thế? - Nàng hỏi, mặt đỏ bừng.

- Cô có phản đối không?

Nàng nhìn anh một lúc, cặp mắt long lanh rồi nàng mỉm cười.

- Không. - Nàng đáp.

Anh quỳ xuống trước mặt nàng. Nàng bình tĩnh nhìn thẳng vào mắt anh, cái miệng rộng run run nàng mỉm cười hỏi:

- Thế nào?

- Cô biết không, cô là một người phụ nữ tuyệt vời. Tôi rất biết ơn tấm lòng tốt của cô. Tôi rất quý cô.

- Anh đừng có ngớ ngẩn! - Nàng nói.

Philip nắm lấy hai khuỷu tay nàng và kéo nàng về phía mình. Nàng không chống cự nhưng người hơi cúi xuống và anh hôn lên đôi môi đỏ của nàng.

- Vì sao anh lại làm thế? - Nàng lại hỏi.

- Là vì tôi thấy dễ chịu.

Nàng không đáp lại nhưng mắt dịu hiền nhìn anh và nhẹ nhàng đưa tay vuốt mái tóc anh.

- Philip này, anh xử sự thế này thì thật hết sức ngớ ngẩn. Chúng ta đang là những người bạn tốt như vậy, cứ giữ nguyên cái tình bạn ấy có phải đẹp bao nhiêu!

- Nếu thực sự cô muốn tôi nghe theo, thì không nên vuốt má tôi - Philip đáp.

Nàng khúc khích cười và cứ tiếp tục.

- Như vậy là tôi rất sai phải không? - Nàng nói.

Philip ngạc nhiên như có phần thích thú, nhìn thẳng vào mắt nàng, cặp mắt dịu dàng hơi ươn ướt, biểu lộ xúc cảm làm anh mê mẩn. Lòng anh bỗng rung động ứa nước mắt.

- Norah, em không yêu tôi phải không? - Anh ngây thơ hỏi.

- Thông minh như anh mà lại hỏi những điều ngờ ngẩn như thế.

- Ôi em yêu dấu! Không bao giờ anh dám mơ tưởng được thế này.

Anh quàng tay ôm hôn nàng, nàng cười mặt đỏ bừng, rồi nàng bật khóc, ngoan ngoãn trong vòng tay anh.

Một lúc sau, anh rời tay ôm nàng ra, ngồi tò mò nhìn nàng.

- Anh choáng váng cả người. - Anh nói.

- Vì sao?

- Vì anh vô cùng kinh ngạc.

- Và anh vừa lòng chứ?

- Anh rất vui sướng - anh nói to với tất cả tấm lòng - hết sức tự hào, hết sức hạnh phúc và hết sức biết ơn em.

Anh nắm lấy hai tay nàng rồi hôn lên tới tận. Đối với Philip đây là điểm khởi đầu của một niềm hạnh phúc có vẻ lâu bền vững chắc. Họ trở thành người yêu, nhưng vẫn là bầu bạn. Trong tâm hồn Norah bản năng làm mẹ được thỏa mãn vì tình yêu của nàng đối với Philip; nàng cần có người để được cùng nhau trò chuyện, để được rầy la và để chiều chuộng vuốt ve, nàng thích cuộc sống gia đình, nàng tìm thấy nguồn vui trong việc chăm sóc sức khỏe và ăn mặc của anh. Nàng thương anh tận tụy, sự tận tụy mà anh vốn nhạy cảm, rồi lòng thương ấy tự nhiên trở thành tình thương yêu triu mến. Nàng trẻ trung, nàng khỏe mạnh và dường như việc nàng hiến dâng tình yêu là một điều hoàn toàn tự nhiên. Nàng là một con người hăm hở, lạc quan yêu đời. Nàng yêu Philip vì anh cùng nàng cười vui vẻ về mọi chuyện thích thú ở đời đã lôi cuốn sức tưởng tượng của nàng và trước hết, nàng yêu anh chỉ vì nàng yêu anh.

Khi nàng nói điều này với anh, anh vui vẻ đáp:

- Nói bậy. Em yêu anh vì anh biết nghe chuyện và không bao giờ muốn cưỡng lời em.

Thực ra, Philip không yêu nàng. Anh hết sức quý mến nàng, sung sướng được ở bên nàng, thích thú nghe nàng trò chuyện. Nàng khôi phục cho anh lòng tự tin, nàng đã chữa lành cho anh - có thể nói như vậy - vết thương lòng. Anh vô cùng hãnh diện được nàng chăm sóc. Ở nàng anh cảm phục lòng dũng cảm, tinh thần lạc quan, thái độ thách thức định mệnh một cách gan góc. Nàng có một chút triết lý của riêng mình tuy chất phác mà lại thực tế.

- Anh biết không, em không tin nhà thờ, các vị mục sư và những thứ vớ vẩn đâu - nàng nói - nhưng em tin Thượng Đế, và em tin rằng Người không bận tâm đến việc người ta làm, miễn là người ta giữ vững ý kiến của mình,

cứu giúp người hoạn nạn khi có khả năng. Em cho rằng mọi người nói chung là rất tốt, và em lấy làm tiếc cho những ai không được như vậy.

- Còn thế giới bên kia, em nghĩ sao?

- Ồ, về việc đó em không biết chắc, anh hiểu đấy - nàng cười - nhưng em hy vọng điều tốt đẹp nhất. Và dù thế nào đi nữa, sẽ không phải trả tiền thuê nhà và không viết tiểu thuyết ba xu.

Nàng có được cái năng khiếu bẩm sinh của phụ nữ về mặt tán dương tế nhị. Nàng cho rằng Philip rời bỏ Pari là dũng cảm, một việc làm khi anh đã biết rõ mình không thể trở nên một nghệ sĩ cừ; và anh lấy làm vui thích khi nàng biểu lộ nhiệt tình khâm phục đối với anh.

Trước đây, anh chưa bao giờ hoàn toàn chắc chắn rằng hành động đó là sự can đảm hay là tính không quả quyết. Vậy mà nàng lại cho đó là một cử chỉ dũng cảm thì thật thú vị. Nàng còn liêu lĩnh tấn công anh về một vấn đề mà các bạn anh xưa nay theo bản năng vẫn thường né tránh.

- Thật là một điều dớ dẩn, là anh quá nhạy cảm về cái chân tật của mình - nàng nói. Nàng thấy mặt anh đỏ bừng, nhưng nàng vẫn nói tiếp - thiên hạ không nghĩ đến chuyện đó nhiều như anh nghĩ đâu, lần đầu gặp anh, thì họ có chú ý đến điều ấy, nhưng sau đó họ quên ngay.

Anh không đáp.

- Anh giận em phải không?

- Không.

Nàng quàng tay qua cổ anh.

- Anh biết đấy, em nói vậy chỉ vì em yêu anh. Em không muốn điều đó làm cho anh khổ sở.

- Anh nghĩ rằng em có thể nói với anh bất cứ điều gì - anh mỉm cười trả lời. Anh thậm chí mong sẽ làm được một điều gì đó để em biết rằng anh vô cùng biết ơn em.

Nàng còn ảnh hưởng đến anh bằng nhiều cách khác. Nàng thường không để anh phải cáu gắt, những khi anh nổi nóng thì nàng cười chế giễu. Nàng làm cho anh nhã nhặn hơn.

- Em có thể bảo anh làm bất cứ việc gì em thích - Có lần anh nói với nàng như vậy.

- Anh có khó chịu không?

- Không, anh muốn làm điều gì em thích.

Anh ý thức được rất rõ hạnh phúc của mình. Đối với anh, dường như nàng đã hiến dâng cho anh hết thảy những gì mà một người vợ có thể hiến dâng cho chồng, còn anh, anh vẫn được tự do, nàng là người bạn hấp dẫn nhất xưa nay anh từng có, anh đã tìm được ở nàng lòng thương cảm không thể có ở bất cứ người đàn ông nào. Quan hệ giới tính không gì hơn là sợi mắc xích vững chắc nhất trong tình bạn của họ. Nó bổ sung tình bạn, nhưng không phải là chủ yếu. Và bởi vì sự thèm muốn của Philip đã được thỏa mãn, anh trở nên điềm tĩnh và dễ dàng chịu đựng hơn. Anh thấy mình hoàn toàn làm chủ bản thân. Một đôi lần nhớ lại thời gian mùa đông mà anh còn bị cơn đam mê ghê tởm kia ám ảnh, anh bỗng thấy lòng tràn đầy khinh ghét Mildred và nổi ghê tởm với chính bản thân mình.

Kỳ thi đang tới gần, Norah cũng quan tâm đến như anh. Anh lấy làm hãnh diện và cảm động về sự hăm hở của nàng. Nàng bắt anh phải hứa đến báo ngay cho nàng biết kết quả. Lần này anh thi xong cả ba môn mà không gặp điều gì rủi ro, và khi anh đến báo cho nàng, nàng òa lên khóc.

- Chao ôi, bây giờ thì em sung sướng quá. Trước đây em rất lo.

- Em yêu bé bỏng ngốc nghếch của anh. - Anh cười mà lòng ghen ngào.

Ai mà không vui lòng trước sự ân cần của nàng.

- Bây giờ anh sẽ làm gì? - Nàng hỏi.

- Giờ thì anh có thể nghỉ hè, tâm hồn anh thanh thản. Từ giờ cho đến học kỳ mùa đông bắt đầu vào tháng mười, anh không phải làm gì hết.

- Em cho rằng anh sẽ về nhà bác ở Blackstable.

- Hoàn toàn sai. Anh sẽ ở lại Luân Đôn chơi với em.

- Em thì lại thích anh đi hơn.

- Tại sao? Em chán anh rồi ư?

Nàng cười, đặt hai tay lên vai anh.

- Vì anh đã làm việc vất vả, trông anh phờ phạc lắm. Anh cần không khí trong lành, anh cần phải nghỉ ngơi. Anh đi đi, em xin anh.

Anh không trả lời một lúc lâu. Anh âu yếm nhìn nàng.

- Em biết không, người khác nói thế thì anh ko tin đâu, nhưng em nói thì anh tin. Em chỉ nghĩ cho anh những điều tốt lành. Không biết em tìm thấy gì ở anh.

- Anh sẽ nhận xét tốt cho em vào tờ giấy xin nghỉ việc chứ? - Nàng cười vui vẻ.

- Ủ, anh sẽ ghi rằng em ân cần tử tế không sách nhiễu, không bao giờ làm phiền, quấy rầy, em là con người dễ làm vừa lòng.

- Tất cả điều đó vớ vẩn hết - nàng nói - nhưng em sẽ nói với anh một điều: em là một trong số những người hiếm hoi mà em được biết từ trước đến nay, có khả năng biết rút kinh nghiệm.

Philip nóng lòng nóng ruột chờ ngày trở lại Luân Đôn. Trong hai tháng anh ở Blackstable, Norah viết thường xuyên cho anh. Thư nàng viết dài, chữ to, rõ nét bằng giọng văn hóm hỉnh vui vẻ, nàng mô tả những sự kiện lật vạt hàng ngày, những chuyện rắc rối trong gia đình bà chủ nhà, rất nhiều đề tài để anh cười, những điều bực mình hài hước ở các buổi diễn tập của nàng - nàng đóng vai phụ trong một buổi biểu diễn quan trọng tại một nhà hát ở Luân Đôn - và những sự việc lật vạt bất ngờ với các nhà xuất bản truyện ngắn.

Philip đọc nhiều, đi tắm, chơi quần vợt và lái thuyền buồm. Vào đầu tháng mười, anh trở lại Luân Đôn chuẩn bị cho kỳ thi kết hợp lần thứ hai. Anh tha thiết thi đỗ lần này để kết thúc chương trình học tập vất vả cực nhọc; sau khi đỗ, sinh viên trở thành trợ lý cho thầy thuốc chữa bệnh ngoại trú, sẽ được tiếp xúc, áp dụng với các nam nữ bệnh nhân những điều đã học trong sách vở, sách giáo khoa. Ngày nào Philip cũng gặp Norah.

Lawson nghỉ ở Poole, chàng có một số phác thảo về bến cảng và bãi biển để trưng bày. Chàng có hai đơn đặt vẽ chân dung và được đề nghị ở lại Luân Đôn cho đến tiết sương mù mùa đông. Hayward lúc này cũng đang ở Luân Đôn, anh đã định qua mùa đông ở nước ngoài, nhưng rồi cứ lần lữa hết ngày này qua ngày khác mà vẫn do dự chẳng định đi đâu. Vài ba năm trở lại đây, Hayward béo ra rất nhanh - đã năm năm qua kể từ khi Philip gặp anh lần đầu ở Heidelberg - và anh hói sớm. Chuyện này làm anh rất bực mình nên anh để tóc dài để che giấu cái mảng khó coi trên đỉnh đầu. Niềm an ủi duy nhất của anh là cái trán bây giờ có vẻ rất thanh cao. Đôi mắt xanh của anh giờ mờ nhạt, mí mắt sụp xuống ơ thờ, cặp môi nhợt nhạt yếu đuối không còn nét đầy đặn của tuổi thanh xuân. Anh vẫn còn nói mơ hồ về những dự định tương lai nhưng bằng cái giọng chẳng còn mấy niềm

tin; và anh ý thức được rằng bạn bè chẳng còn tin mình nữa; cứ uống vào vài ba cốc uýt-ki là anh trở nên u hoài sầu não.

- Tôi là một kẻ thất bại - anh than thở. - Tôi không thích hợp với cuộc sống phải đấu tranh tàn bạo này. Giờ chỉ còn một việc duy nhất tôi có thể làm là đứng sang một bên, để mặc cho cái đám đông dung tục đeo đuổi những chuyện tốt lành.

Anh gây cho người ta cái cảm giác rằng thất bại là điều còn tinh tế cao siêu hơn thành công. Anh nói bóng gió rằng thái độ xa lánh của anh là do chán ghét mọi cái tầm thường thấp hèn. Anh nói rất tuyệt về Pari.

- Tôi cứ nghĩ rằng lẽ ra anh đã đọc hết Platon rồi thì phải. - Philip sốt ruột nói.

- Cậu bảo sao? - anh nhướn đôi lông mày, hỏi.

Anh không muốn tiếp tục vấn đề. Gần đây anh tìm thấy được chân giá trị của sự im lặng.

- Tôi không hiểu cứ đọc đi đọc lại mãi một thứ thì ích lợi gì - Philip nói - Đây chỉ là hình thức nặng nề của bệnh lười nhác.

- Nhưng liệu anh có nghĩ rằng trí nhớ của anh tuyệt vời đến nỗi chỉ đọc một lần đầu là anh có thể hiểu được một nhà văn uyên thâm nhất không?

- Tôi không cần hiểu họ. Tôi không phải là nhà phê bình. Tôi quan tâm đến họ vì lợi ích của tôi, chứ không phải vì lợi ích của họ.

- Vậy thì anh đọc để làm gì?

- Một phần để mua vui, vì đó là thói quen, nếu tôi không đọc, tôi thấy khó chịu ngay cũng như không hút thuốc lá, một phần là để hiểu được mình. Khi đọc sách, dường như tôi chỉ đọc bằng mắt, nhưng thỉnh thoảng tình cờ tôi bắt gặp một đoạn văn, có thể chỉ một câu thôi có ý nghĩa với tôi, thế là nó trở thành một bộ phận của cơ thể tôi. Thế là từ sách vở tôi đã rút ra được mọi điều có ích cho tôi, nên dù có đọc nó đến hàng chục lần tôi cũng chẳng thu nhận được gì hơn. Cậu hiểu không, theo tôi, dường như con người ta cũng giống như một nụ hoa còn khép kín, phần lớn những điều họ đọc, hoặc làm chẳng có hiệu quả gì hết, nhưng có một số điều nào đó lại có ý nghĩa riêng với họ, và thế là một cánh hoa được hé nở và rồi các cánh hoa cứ nở thành từng cánh một đến cánh cuối cùng đóa hoa hình thành.

Philip không thoả mãn với phép ẩn dụ của anh, nhưng điều anh cảm thấy, hãy còn chưa rõ, anh không biết giải thích cách nào khác.

- Cậu muốn làm cái này, muốn trở thành cái nọ. - Hayward nhún vai nói - Tâm thường quá!

Giờ đây Philip đã hiểu Hayward rất rõ. Anh ta nhu nhược và tự phụ, tự phụ đến nỗi người ta phải thường xuyên dè chừng, không để anh chạm tự ái; anh lẫn lộn thói biếng nhác với chủ nghĩa lý tưởng để rồi không phân biệt được đâu là đâu. Một hôm tại xưởng vẽ của Lawson, anh gặp một nhà báo, người này say mê câu chuyện của anh; thế rồi một tuần sau, chủ bút một tờ báo viết thư đề nghị anh viết bình luận cho ông ta. Trong bốn mươi tám giờ Hayward sống khắc khoải trong do dự. Lâu nay anh nói sẽ làm một cái gì đó tương tự như việc này nên giờ đây anh không còn mặt mũi nào mà từ chối thẳng thừng, nhưng nghĩ đến phải làm một cái gì đó thì anh lại hoảng sợ. Cuối cùng anh khước từ lời đề nghị kia và thở phào nhẹ nhõm.

- Chuyện đó sẽ gây trở ngại cho công việc của mình, anh nói với Philip.

- Công việc gì? Philip tàn nhẫn nói.

- Đời sống tinh thần của mình. - Anh đáp.

Rồi anh thao thao hết lời ca tụng Amiel, một giáo sư ở Genève, mà tài hoa hứa hẹn những thành tựu không bao giờ được thực hiện, cho đến lúc chết, nguyên nhân thất bại và lời lẽ thanh minh cùng một lúc được bày tỏ trong tập nhật ký tỉ mỉ phi thường tìm thấy giữa đồng giấy má của ông. Hayward mỉm một nụ cười khó hiểu.

Nhưng Hayward vẫn có thể say sưa nói về sách vở; thị hiếu của anh tuyệt vời, nhận định của anh thanh nhã; và mỗi quan tâm thường xuyên của anh về lý tưởng khiến anh thành người bầu bạn có thể khuấy khỏa giải sấu, thực ra những tư tưởng đó đối với anh chẳng có ý nghĩa gì, vì chúng không bao giờ ảnh hưởng đến anh. Nhưng anh coi những tư tưởng đó cũng như những thứ đồ sứ trong phòng bán đấu giá, anh thích thú nâng niu chúng theo hình dáng và nước men, thăm định giá chúng rồi sau đó lại cất nó đi vào hộp, không nghĩ gì đến nữa.

Và chính Hayward đã có được một phát hiện quan trọng. Một buổi tối, sau khi chuẩn bị kỹ, anh dẫn Philip và Lawson đến một quán rượu ở phố Beak, đáng được chú ý không phải chỉ do bản thân cửa hàng, và do lịch sử của cửa hàng - nó có những kỷ niệm thời kỳ hưng thịnh thế kỷ mười tám, kích thích sức tưởng tượng lãng mạn - mà còn do món thuốc lá để hút là loại hảo hạng ở Luân Đôn và trước hết là món rượu “Pân” của nó.

Hayward đưa họ vào một gian phòng dài, rộng, lộng lẫy, ánh sáng lờ mờ, trên tường treo những bức tranh đồ sộ, các hình phụ nữ khỏa thân: biểu tượng to lớn của trường phái Haydon; nhưng khói thuốc, hơi đốt và không khí Luân Đôn đã làm cho các tranh đó thêm quý giá, trông tựa như tác phẩm cổ điển của các nghệ sĩ bậc thầy. Tấm ván ô màu sẫm, màu vàng trát dày đã

mờ của cái gờ trần, những chiếc bàn bằng gỗ đẽo hoa vân đem lại cho căn phòng vẻ an lạc xa hoa, và những chiếc ghế bọc da kê dọc tường nhà nom êm ái, thoải mái. Một cái đầu dê đực, trong đựng thứ thuốc hút nổi tiếng kia, được đặt ngay trên mặt bàn đối diện với cửa ra vào. Họ gọi rượu Pân. Đó là thứ rượu Pân hâm nóng. Ngòi bút nhà văn sẽ lúng túng ngập ngừng khi thử mô tả cái tuyệt vời của món rượu, vốn từ ngữ đơn sơ và các tính ngữ quá nghèo nàn của đoạn miêu tả này sẽ không hoàn thành nổi nhiệm vụ; và những thuật ngữ hoa mỹ, những thành ngữ châu ngọc ngoại lai cũng chỉ nâng được trí tưởng tượng sôi nổi của người ta lên mà thôi. Loại Pân này sưởi ấm máu trong người, làm cho đầu óc sáng sủa hơn ta sáng khoái; ngay lập tức tâm trí ta trở nên sáng suốt hoàn toàn và có thể đánh giá sự thông minh của người khác; nó có tính mơ hồ của âm nhạc và tính chính xác của toán học. Chỉ có một trong số những đặc tính của nó là có thể đem so sánh với bất cứ cái gì khác, nó có sự ấm áp của một tấm lòng rộng lượng, nhưng cái vị của nó, cái mùi của nó, cái cảm giác đặc biệt của nó, thì không diễn tả được bằng lời. Charles Lamb với sự tinh tế vô biên của mình, nếu cố thử diễn đạt, có lẽ đã vẽ được những bức tranh mê hồn về cuộc sống của thời đại ông; Lord Byron trong một khổ thơ về Don Juan hướng vào cái bất khả, có lẽ đã đạt tới sự siêu phẩm; Oscar Wilde nếu chất đầy châu báu ở Ispahan trên gấm thêu kim tuyến xứ Byzantin có lẽ đã sáng tạo nên cái đẹp làm xao xuyến lòng người. Suy nghĩ điều đó, tâm hồn lão đảo quay cuồng trong những mộng ảnh hội hè của Heliogabale^[52], những hòa âm tinh tế của Debussy^[53] lẫn lộn với hương xưa thơ mộng, những tủ đựng quần áo cũ, cổ xếp nếp, bít tất dài, áo chèn đàn ông của một thế hệ đã bị lãng quên, với mùi hương đã nhạt của hoa huệ nơi thung lũng và mùi thiu của phó mát Cheddar. Hayward phát hiện quán rượu có món đồ uống vô giá này, do gặp ngoài đường một người tên là Macalister xưa cùng học Cambridge. Hãn ta là người mua bán cổ phần chứng khoán và là một nhà triết học. Hãn hay đến quán rượu này mỗi tuần một lần và chẳng bao lâu việc gặp nhau ở đây vào các buổi tối thứ ba giữa Philip, Lawson và Hayward đã trở thành thói quen. Sự đổi thay lối sống khiến bây giờ quán

này ít người lui tới, nên lại là điều có lợi cho những ai thích thú chuyện trò. Macalister là một gã to xương, người lùn một mẫu, mặt phúng phính, tiếng nói dịu dàng, hẳn chuyên tâm về triết học của Kant, xét đoán mọi việc theo quan điểm lý trí đơn thuần. Hẳn rất thích trình bày học thuyết của mình. Philip rất quan tâm lắng nghe. Lâu nay anh đã kết luận rằng không có gì làm anh thích thú hơn môn siêu hình học nhưng anh không chắc nó sẽ có hiệu quả khi đem áp dụng trong việc đời. Cái thứ triết học gọn gàng khiêm tốn được tạo thành từ kết quả những suy ngẫm của anh ngày còn ở Blackstable chẳng đem đến cho anh một lợi ích gì cụ thể trong thời gian anh mê đắm Mildred. Anh không thể khẳng định rằng lý trí có thể giúp đỡ người ta cách xử sự ở đời. Đối với anh, dường như cuộc sống là cuộc sống. Anh nhớ lại rất rõ nét cơn đam mê mãnh liệt đã xâm chiếm lòng anh, nhớ đến sự bất lực của mình lúc đó anh sợ như bị dây thừng trói ghì xuống đất anh không sao chống lại nổi. Anh đọc được trong sách vở biết bao điều khôn ngoan, nhưng anh chỉ có thể xét đoán từ chính kinh nghiệm của bản thân mình (anh không hiểu có phải là anh khác người không); anh không thích tính toán lẽ thuận lẽ nghịch của một hành động, đến cái bất lợi tất phải gánh chịu nếu anh thực hiện, đến cái hậu quả tai hại do chệnh mảng có thể xảy ra; nhưng toàn bộ con người anh đều bị đẩy tới không thể nào cưỡng lại. Anh không hành động bằng một bộ phận mà với toàn bộ con người anh. Cái sức mạnh khổng lồ anh, dường như không thể liên quan đến lý trí: mọi việc làm của lý trí là phải vạch ra những biện pháp nhằm đạt được cái mà toàn bộ tâm trí anh đang cố giành lấy. Macalister nhắc nhở anh về thuyết mệnh lệnh tuyệt đối. Anh hãy hành động làm sao để mỗi hành động của anh sẽ có thể trở thành một khuôn mẫu hành động chung cho tất cả mọi người.

- Điều đó đối với tôi dường như hoàn toàn ngớ ngẩn. - Philip phản đối.

- Nói như vậy đối với bất cứ điều gì Emmanuel Kant tuyên bố thì anh tào tợn thật. - Macalister đập lại.

- Vì sao? Tôn kính những lời lẽ gì đó của một người nào đó là một cái tính lỗ bịch; trong thế gian này có một cảnh tượng quái quái là quá nhiều chuyện sùng kính. Kant nghĩ ra một số điều, không phải là vì chúng đúng với sự thật mà bởi vì ông ta là Kant.

- Được, vậy anh phản đối thuyết Mệnh lệnh tuyệt đối ở chỗ nào? (Họ bàn tán như thể là số phận các nước đế quốc đang được đặt lên bàn cân).

- Thuyết đó cho rằng người ta có thể lựa chọn đường đi của mình bằng ý chí cố gắng. Thuyết đó cho rằng lý trí là kẻ dẫn đường chắc chắn nhất. Tại sao tiếng gọi của lý trí phải khác hơn tiếng gọi của dục vọng. Chúng khác hẳn nhau. Chỉ có thể thôi.

- Anh có vẻ mãi nguyện được làm nô lệ cho dục vọng của mình.

- Nô lệ bởi vì tôi không thể tự cứu được mình nhưng mãi nguyện thì không đâu. -Philip cười nói.

Trong lúc nói chuyện, anh nghĩ đến cơn điên cuồng rồ dại kia đã thúc đẩy, khiến anh đeo đuổi Mildred. Anh nhớ lại mình đã từng giận sôi lên cường lại, và cảm thấy mình thật là hèn mạt.

- Cảm tạ Thượng Đế, bây giờ mình đã thoát khỏi mọi chuyện đó - anh nghĩ thầm trong bụng.

Ấy vậy mà thậm chí khi tuyên bố điều này, anh cũng không hoàn toàn tin chắc rằng mình đã chân thực. Khi chịu ảnh hưởng của tình yêu, anh cảm thấy mình mạnh mẽ kỳ lạ và tâm trí anh hoạt động với một sức lực hiếm có. Anh nhanh nhẹn hơn, tâm hồn anh sôi nổi, hăm hở rộn ràng khiến giờ đây

anh thấy đời hơi buồn tẻ. Trong ý nghĩa này của cuộc sống, có sự đền bù cho mọi khổ cực mà anh đã chịu đựng.

Nhưng những lời lẽ không đúng lúc của Philip làm cho anh mãi mê tranh luận về sự tự do ý chí, mà trí nhớ của Macalister thì rất vững vàng, y đưa ra hết lý lẽ này đến lý lẽ khác. Hẳn có đầu óc biện chứng nên hẳn buộc Philip phải mâu thuẫn với chính mình; y dồn anh vào chân tường mà anh chỉ còn có thể thoát ra bằng những sự nhượng bộ tai hại. Lô-gíc hẳn chương ra làm anh vấp ngã và hẳn đẩy lui được anh một cách hống hách.

Cuối cùng Philip nói:

- Được, tôi không thể nói gì thay cho người khác. Tôi chỉ nói cho tôi. Cái ảo tưởng về tự do ý chí quá vững chắc trong đầu óc tôi đến nỗi tôi không thể vứt bỏ nó đi được, nhưng tôi tin đó chỉ là ảo tưởng. Nhưng đó là ảo tưởng của những động cơ mạnh nhất thúc đẩy tôi hành động. Trước khi làm gì, tôi cảm thấy rằng tôi được lựa chọn và điều này ảnh hưởng đến việc tôi làm, nhưng sau đó khi công việc đã hoàn thành, tôi lại tin rằng việc đó từ nghìn xưa đến nay vẫn là không tránh khỏi.

- Vậy từ chuyện đó cậu rút ra điều gì? - Hayward hỏi.

- Sao cơ, chẳng qua đây chỉ là những sự hối tiếc vớ vẩn. Thôi đừng tiếc rẻ con gà quạ tha làm gì, bởi vì mọi sức mạnh của thế gian đều nhất quyết ăn tươi nuốt sống nó.

Một buổi sáng thức dậy, Philip thấy đầu óc choáng váng, anh trở lại giường nằm, bỗng nhận ra mình ốm, tay chân đau nhức, anh lạnh run lên. Khi bà chủ nhà dọn bữa điểm tâm, anh gọi bà qua cánh cửa mở rằng anh khó ở và xin một chén trà và một miếng bánh mì nướng.

Mấy phút sau đã có tiếng gõ cửa, rồi Griffiths bước vào. Họ ở cùng nhà đã hơn một năm nay, nhưng chỉ gật đầu chào nhau ở ngoài hành lang mà thôi.

- Nay, tôi nghe anh khó ở - Griffiths hỏi - tôi đến xem thử anh thế nào.

Philip đỏ mặt không hiểu vì sao, anh cố tỏ ra mọi sự đều bình thường, chỉ trong một vài giờ là anh sẽ khỏi thôi.

- Thế nào, tốt hơn là anh để tôi cặp nhiệt cho - Griffiths bảo.

- Hoàn toàn không cần thiết đâu - Philip càu nhàu đáp.

- Cứ thử đo xem sao - Anh cứ để tôi làm!

Philip đặt nhiệt kế vào mồm. Griffiths ngồi bên mép giường, vui vẻ tán gẫu một lúc rồi lấy nhiệt kế ra xem.

- Nay, trông đây, ông bạn thân mến, ông phải nằm đây để tôi đưa lão Deacon lại khám cho.

- Vớ vẩn - Philip nói - không có chuyện gì đâu, mong anh đừng có bận bịu về tôi.

- Nhưng đây không phải là chuyện bận bịu. Anh hăm hập thế này nên phải nằm nghỉ thôi. Anh có đồng ý thế không nào?

Thái độ của y vừa tử tế vừa nghiêm túc vô cùng hấp dẫn khiến y dễ mến một cách lạ lùng.

- Anh chăm sóc người bệnh thật tuyệt - Philip thì thầm mỉm cười nhắm nghiền hai mắt.

Griffiths vồ vồ lại gối, khéo léo vượt lại chần đệm rồi nhẹ tay đập lên người anh. Y vào phòng khách của Philip tìm ống truyền nước nhưng không tìm được cái nào, nên y phải về phòng mình lấy đem đến. Y kéo rèm xuống.

- Bây giờ anh ngủ đi, tôi sẽ đưa ông bạn bác sĩ lại ngay sau khi ông ta xong ca khám.

Trong khi chờ đợi Philip thấy thời gian trôi sao mà chậm chạp. Đầu anh nhức như búa bổ, chân tay đau nhức, anh sợ mình sẽ khóc lên. Lúc đó có tiếng gõ cửa và Griffiths khỏe mạnh hăng hái tươi cười bước vào.

- Bác sĩ Deacon đây rồi - y bảo.

Thầy thuốc bước tới. Ông ta đã cao tuổi, cử chỉ dụi dàng, Philip mới chỉ biết mặt. Ông ta hỏi mấy câu rồi khám nhanh, và chẩn đoán.

- Anh cho là bệnh gì? Ông ta mỉm cười hỏi Griffiths.

- Bệnh cúm.

- Hoàn toàn đúng.

Bác sĩ Deacon nhìn quanh căn phòng trọ tối tăm.

- Anh muốn đi bệnh viện không? Người ta sẽ cho anh nằm phòng riêng, và anh sẽ được chăm sóc tốt hơn ở đây.

- Tôi thích ở đây hơn, - Philip đáp.

Anh không muốn bị quấy rầy, anh thường hay dè dặt, với môi trường mới. Anh không thích các cô y tá rối rít về anh, không thích cái sạch sẽ buồn tẻ của bệnh viện.

- Thưa ông, tôi có thể săn sóc anh ta - Griffiths nhanh nhẩu nói.

- Ồ, tốt quá.

Bác sĩ viết đơn thuốc, hướng dẫn cách sử dụng rồi ra về.

- Bây giờ anh phải làm đúng lời tôi dặn đây - Griffiths nói - Tôi là y tá ngày và cũng đồng thời là y tá đêm.

- Anh tốt bụng lắm, nhưng tôi sẽ chẳng cần gì đâu. - Philip nói.

Griffiths đặt tay lên trán Philip, một bàn tay khô, to bè mát rượi khiến Philip dường như cảm thấy dễ chịu.

- Tôi đem ngay đơn thuốc này đến trạm phát thuốc cho họ pha chế và sẽ về.

Một lát sau y đem thuốc về và đưa Philip một liều. Sau đó y lên gác lục tìm sách vở.

- Chiều nay tôi làm việc trong phòng anh. Không phiền anh chứ - y nói khi bước xuống - Tôi sẽ để cửa mở, nếu cần gì, anh có thể gọi tôi một tiếng.

Chiều hôm ấy, sau giấc ngủ chập chờn không thoải mái, Philip thức dậy nghe có tiếng nói trong phòng khách của anh. Một người bạn đến thăm Griffiths.

- Nay, tốt hơn là tối nay cậu đừng đến - Anh nghe Griffiths nói.

Và mấy phút sau lại có người khác vào phòng, tỏ vẻ ngạc nhiên thấy Griffiths ở đó - Philip nghe giải thích.

- Tôi đang chăm sóc một anh năm thứ hai trong nhà này. Ông bạn tội nghiệp này bị gục vì bệnh cúm. Tối nay không chơi bài uýt được đâu cậu ạ.

Ngay sau đó, Griffiths còn một mình và Philip gọi y.

- Nay, tối nay anh không hoãn buổi hội họp đấy chứ? anh hỏi.

- Không phải vì anh đâu. Tôi phải học bài về môn phẫu thuật.

- Anh đừng hoãn. Tôi sẽ khỏe thôi. Anh đừng lo lắng về tôi.

- Được rồi.

Cơ bệnh Philip mỗi lúc một tăng. Đêm đến có đôi lần mê sảng, nhưng gần sáng anh thức dậy sau một giấc ngủ không yên. Anh thấy Griffiths đang rời khỏi ghế bành, quỳ xuống nhóm từng cục than vào lò sưởi. Bên ngoài bộ Pyjama, anh ta khoác một tấm áo dài.

- Anh đang làm gì đấy? Anh hỏi.

- Tôi làm cho anh thức giấc phải không? Tôi đã cố gắng nhóm lò cho thật khế mà!

- Tại sao anh không ngủ? Mấy giờ rồi?

- Khoảng năm giờ. Tôi nghĩ rằng đêm nay tôi ngồi đây với anh thì tốt hơn, tôi đã đem ghế bành vào đây, nếu trái nệm mà nằm xuống thì tôi sẽ ngủ tít đi mất, đến khi anh cần gì tôi lại chẳng nghe thấy anh gọi.

- Tôi mong anh đừng quá tử tế với tôi như vậy - Philip rên rỉ nói. Lỡ lây bệnh thì sao?

- Lúc đó thì anh sẽ chăm sóc tôi, anh bạn thân mến ạ - Griffiths cười nói.

Sáng dậy Griffiths vén màn lên. Y có vẻ nhợt nhạt, mệt mỏi sau một đêm không ngủ, nhưng vẫn nhiệt tình hăng hái.

- Bây giờ tôi sẽ rửa ráy cho anh - y vui vẻ nói với Philip.

- Tôi có thể tự làm lấy - Philip ngượng ngùng nói.

- Vớ vẩn, nếu anh nằm trong phòng chật hẹp của bệnh viện thì một cô y tá sẽ tắm rửa cho anh và tôi có thể làm việc đó khéo léo như cô y tá.

Vì quá yếu mệt, Philip đành để cho Griffiths lau chùi tay chân, mặt mũi, lưng ngực. Y làm cẩn thận, vừa luôn mồm chuyện trò thân mật, y thay khăn trải giường, trải nệm, sắp đặt chăn gối đúng như người ta làm ở bệnh viện.

- Giá mà bà xơ Arthur trông thấy tôi lúc này nhỉ! Chắc bà ấy sẽ ngạc nhiên lắm đấy. Bác sĩ Deacon sẽ đến thăm anh sớm.

- Tôi không hiểu tại sao anh lại quá tốt với tôi như vậy - Philip nói.

- Đây là công tác thực hành dễ chịu đối với tôi - Có một người bệnh để mà chăm sóc cũng hay hay.

Griffiths cho anh ăn sáng rồi đi ra mặc quần áo và đi ăn. Chưa đầy mười giờ, y trở về mang theo một chùm nho và ít hoa.

- Anh tốt quá. - Philip nói.

Anh nằm liệt giường năm ngày.

Norah và Griffiths thay nhau chăm sóc anh. Tuy cùng tuổi với Philip, nhưng đối với Philip, Griffiths tỏ ra hóm hỉnh có những tình cảm của người mẹ.

Y là con người ân cần hòa nhã, hay động viên khuyến khích người khác, nhưng đức tính cao quý nhất của y là sức sống, có vẻ như nó đem lại sức khỏe cho mọi người mà y tiếp xúc. Philip không quen với sự nuông chiều mà nhiều người hưởng được của mẹ hay chị; nên sự dịu hiền có tính chất nữ giới của anh chàng trai khỏe mạnh này làm anh vô cùng cảm động.

Philip ngày càng khá hơn. Lúc ngồi rãi rãi trong phòng Philip, Griffiths kể cho anh nghe các mẫu chuyện vui về những cuộc tình của mình để anh khuây khỏa. Y là tay tán gái đại tài, có thể cùng một lúc tiến hành đến ba bốn vụ. Và vì phải tính toán mưu mẹo để thoát khỏi những điều rắc rối nên y thính nhạy tuyệt vời. Y có biệt tài khiến cho mọi việc xảy đến với y đều có sức quyến rũ lãng mạn. Y nợ như chúa chổm, vật dụng nào có ít nhiều giá trị đều bị y đem đi cầm cố hết, nhưng lúc nào y cũng biết cách để mà vui tươi tiêu xài hoang phí và hào phóng. Y vốn là người có bản chất phiêu lưu, y thích những kẻ nghề nghiệp không rõ ràng, có những dự tính qui quyết và với đám hạ lưu thường hay lui tới các quán rượu ở Luân Đôn thì quan hệ của y thật là rộng. Bọn đàn bà phóng đảng coi y như một người bạn, thổ lộ với y những phiền muộn, khó khăn và thành công của họ trong cuộc sống; bọn cờ gian bạc lận thì quan tâm đến tình cảnh túng thiếu của y, thiết đãi y ăn uống, y bị đánh hỏng trong các kỳ thi, hết lần này đến lần khác nhưng y vui vẻ chịu đựng; gia đình trách móc mắng mỏ, y ngoan ngoãn phục tùng một cách dễ thương khiến ông thân sinh y, một bác sĩ hành nghề ở Leeds không còn bụng dạ nào mà giận nổi.

- Về sách vở thì tôi dốt nát lắm, - Y vui vẻ nói - tôi không học hành nổi.

Đời sao mà tươi đẹp! Nhưng rõ ràng khi đã quá thời thanh xuân sôi nổi, và cuối cùng khi đã tốt nghiệp rồi thì thành công của y trong nghề nghiệp sẽ rất phi thường. Y sẽ chữa bệnh cho mọi người bằng thái độ quyến rũ đích thực của y.

Philip tôn sùng y như xưa kia anh đã từng tôn sùng những học sinh cao lớn khi còn ở nhà trường. Tới lúc Philip khỏe hẳn thì hai người đã trở thành một đôi bạn thân thiết; Philip còn đặc biệt lấy làm vui lòng là Griffiths có vẻ thích ngồi trong phòng khách riêng của anh, lãng phí thì giờ của anh bằng những câu chuyện tếu và luôn mồm phì phèo thuốc lá. Thịnh thoảng Philip dẫn y đến quán rượu cách xa phố Regent. Hayward cho y là ngớ

ngân, nhưng Lawson thừa nhận sức quyến rũ của y và tha thiết muốn vẽ y; y có một khuôn mặt đẹp đẽ, mắt xanh da trắng, tóc quăn. Họ thường tranh luận về nhiều vấn đề y không hiểu, lúc ấy y ngồi im với nụ cười hiền hậu trên khuôn mặt xinh trai, cảm thấy sự có mặt của y cũng đã góp phần vào việc vui thích của cả bọn. Khi y phát hiện Macalister là người mua bán cổ phần chứng khoán, y hăm hở muốn ông ta mách nước và Macalister mỉm cười từ tốn cho y biết nên mua cổ phần nào, vào thời điểm nào thì gặp được vận may. Điều đó làm cho Philip thêm chảy nước dãi; là vì theo cách này theo cách khác, anh đã tiêu pha quá nhiều hơn là anh tưởng, nên kiếm được ít tiền với cách thức dễ dàng mà Macalister gợi ra là điều rất hợp với anh.

- Lần sau nghe được tin gì thật hay, tôi sẽ cho anh biết - gã mua bán cổ phần chứng khoán nói. Thịnh thoảng người ta cũng thành công. Vấn đề chỉ là đợi vận. Kiếm được năm mươi bảng, mua cho Norah cái áo choàng lông thú mà nàng rất cần trong mùa đông tới. Nghĩ đến điều này Philip không thể không thích thú. Anh nhìn ngắm các tủ hàng ở phố Regent, lựa chọn những vật phẩm có thể mua được với số tiền đó. Cái gì cũng xứng đáng với nàng. Nàng đem lại cho đời anh muôn vàn hạnh phúc.

Một buổi chiều ở bệnh viện về nhà để tắm rửa và sửa sang quần áo cho gọn gàng trước khi đi uống trà theo lệ với Norah, trong lúc anh vặn khóa ngoài để vào thì bà chủ nhà mở cửa cho anh.

- Có mộ bà đang đợi gặp ông. Bà nói.

- Gặp tôi? - Philip kêu lên.

Anh lấy làm ngạc nhiên. Chỉ có thể là Norah, và anh không nghĩ ra điều gì khiến nàng đến đây.

- Lẽ nào không cho bà ấy vào nhưng có điều là bà ấy đến đây đã ba lần và có vẻ bối rối khi không tìm được ông, vì thế nên tôi mới bảo bà ấy đợi.

Anh vượt qua bà chủ nhà đang giải thích và lao vào phòng. Anh thấy buồn nôn kinh tởm, đó là Mildred. Nàng đang ngồi nhưng vội vàng đứng lên khi anh bước vào. Nàng không bước lên mà cũng không nói năng gì. Anh kinh ngạc đến nỗi không còn biết mình đang nói cái gì.

- Cô muốn cái chết tiệt gì đây? Anh hỏi.

Nàng không nói nhưng òa lên khóc. Hai tay nàng thông xuống không đưa lên lau nước mắt, nom nàng như một chị hầu phòng đang cầu xin một chỗ làm. Trong thái độ của nàng có một cái gì đó vô cùng hèn hạ. Philip không phân tích nổi cảm giác đang choáng ngợp lòng mình. Anh bỗng muốn quay lại và chạy trốn khỏi phòng.

- Tôi nghĩ rằng sẽ không bao giờ gặp lại cô nữa - cuối cùng anh nói.

- Em muốn chết cho rồi - nàng than thở.

Philip để mặc cho nàng đứng đấy. Lúc đó anh chỉ còn nghĩ đến mình phải kiên quyết. đầu gối anh run lên. Anh nhìn nàng và thất vọng lắm lắm.

- Có chuyện gì thế? anh hỏi.

- Emil hẳn đã bỏ em.

Philip giật mình, lúc đó anh chợt hiểu anh vẫn còn yêu nàng tha thiết như xưa, chưa bao giờ anh hết yêu nàng. Nàng đang đứng trước mặt anh, khúm núm và cam chịu. Anh muốn ôm nàng trong vòng tay, hôn tới tấp lên khuôn mặt nheo nhuốc nước mắt của nàng. Chao ôi! Ly biệt, lâu làm sao thời gian ly biệt! đã bao nhiêu lần rồi! không hiểu làm sao mà anh đã chịu đựng nỗi điều đó!

- Tốt hơn là em ngồi xuống để anh lấy nước cho em uống.

Anh kéo ghế lại gần lò sưởi cho nàng ngồi. Anh lấy uýt-ki pha xô-đa, nàng uống nước mà vẫn thốn thức. Nàng đưa cặp mắt quàng thâm hết sức buồn rầu nhìn anh. Mặt nàng gầy hơn, xanh xao hơn lúc anh gặp nàng lần cuối cùng.

- Biết thế này, em nhận lời lấy anh khi anh ngỏ lời.

Philip không hiểu vì sao lời nhận xét này lại làm anh xúc động. Anh không còn ép nỗi mình cứ giữ thái độ cách biệt với nàng, anh đặt tay lên vai nàng.

- Anh rất buồn thấy em phiền muộn.

Nàng gục đầu vào lòng anh òa lên điên dại. Nàng bỏ mũ ra cho khỏi vướng. Chưa bao giờ anh nghĩ rằng nàng khóc như thế. Anh lại hôn nàng không biết bao nhiêu lâu. Đường như điều này làm cho nàng dịu đi.

- Anh Philip, bao giờ anh cũng tốt đối với em - nàng nói - vì thế nên em biết rằng em có thể đến với anh.

- Hãy nói anh nghe điều gì đã xảy ra?

- Chao ôi, em không thể - Nàng kêu lên, vùng ra khỏi tay anh.

Anh quỳ xuống bên nàng, áp má anh vào má nàng.

- Em không biết rằng không có chuyện gì là em không thể nói với anh ư? Có bao giờ anh trách móc em về bất cứ điều gì đâu.

- Dần dà nàng kể lại hết cho anh nghe, thỉnh thoảng nàng lại khóc nức lên làm anh không sao hiểu nổi.

- Thứ hai tuần qua, hăn đến Birmingham, hăn hứa ngày thứ ba trở về, nhưng hăn không về cho đến hết thứ sáu hăn cũng không về, vì vậy em mới viết thư hỏi em có chuyện gì, hăn không trả lời. Và em viết cho hăn nói rằng em không được hỏi âm thì em sẽ đi Birmingham, và sáng hôm nay em nhận được thư của một luật sư nói rằng em không có quyền yêu sách hăn và nếu em quấy rầy hăn thì hăn sẽ buộc phải nhờ pháp luật bảo vệ.

- Nhưng thật vô lý - Philip kêu lên - một thằng đàn ông mà lại đối xử với vợ như thế à. Em có cãi nhau với hăn không?

-Ồ, vâng, chúng em có cãi nhau hôm chủ nhật, hấn nói hấn chán em nhưng trước đây hấn cũng nói thế rồi hấn trở lại làm lành. Em nghĩ hấn không có ý định như vậy. Hấn hoảng sợ vì em nói với hấn em đã mang thai. Em đã cố giấu hấn chuyện này được chừng nào hay chừng ấy. Nhưng sau đó em buộc phải nói với hấn. Hấn bảo rằng đó là tại em, rằng em phải biết hơn hấn. Giá mà anh nghe được những điều hấn nói với em. Em đã phát hiện ra rất nhanh rằng hấn chẳng phải người quân tử. Hấn không để cho em một đồng xu. Hấn không trả tiền nhà, mà em cũng không kiếm đâu ra tiền để trả, mẹ giữ nhà đã nói với em chẳng ra sao - thế đấy, theo cách nói của mẹ thì em có lẽ là kẻ trộm cắp.

- Anh nghĩ rằng em sẽ phải thuê một căn buồng.

- Hấn cũng bảo như vậy đấy, nhưng chúng em vừa thuê mấy buồng có sẵn cả đồ đạc ở Highbury - hấn bần tiện thế đấy. Hấn bảo là em tiêu xài hoang phí, nhưng hấn có cho em đồng nào đâu mà hoang phí.

Nàng có cái kiêu thật kỳ quặc là cứ đem cái tầm thường trộn lẫn với cái quan trọng. Philip bối rối không thể hiểu được toàn bộ sự việc.

- Không người đàn ông nào đê tiện như thế.

- Anh không hiểu hấn đâu, bây giờ dù hấn có van xin, em cũng không về với hấn. Nghĩ đến hấn em thật ngu ngốc. Mà hấn đâu có kiếm ra tiền như hấn nói, toàn là nói láo.

Philip nghĩ ngợi một lúc lâu. Anh vô cùng xúc động trước cảnh đau khổ của nàng đến nỗi anh không nghĩ đến mình.

- Em có muốn anh đi Birmingham không? Anh có thể gặp hấn ta và thử gắng dàn xếp mọi việc.

- Ồ, không hy vọng đâu - hẳn sẽ không trở lại. Em đã biết hẳn rồi.

- Nhưng hẳn phải chu cấp cho em chứ. Hẳn không thể thoái thác trách nhiệm. Anh không hiểu gì về chuyện này, tốt hơn là em đi hỏi ý kiến một luật sư nào đấy xem sao.

- Em biết làm thế nào được. Em không có tiền.

- Anh sẽ trả tất cả. Anh sẽ viết một thư ngăn cho ông luật sư riêng của anh, ông ta là người trung thực và là người thi hành chúc thư của anh. Em có muốn anh cùng đi với em đến đó bây giờ không? Anh hy vọng ông ta còn ở lại phòng giấy.

- Không, anh cứ viết thư cho ông ta đưa em, em sẽ đi một mình.

Bây giờ nàng mới bình tĩnh lại. Anh ngồi xuống viết thư. Lúc ấy anh nhớ ra nàng không có tiền. May là hôm trước anh có đổi một tờ séc và có thể cho nàng năm bảng.

- Anh thật tốt với em, anh Philip - nàng nói.

- Anh rất sung sướng có thể làm một việc gì đó giúp em.

- Anh có còn yêu em không?

- Chưa bao giờ anh yêu em như bây giờ.

Nàng ngẩng mặt lên hiến dâng và anh hôn nàng. Hành động này là sự đầu hàng mà anh chưa bao giờ gặp ở nàng và nó đền bù cho anh những nỗi

đau đã qua. Nàng ra về và anh liền nhận ra nàng đã ở đây trong hai giờ liền. Anh cảm thấy vô cùng sung sướng.

- Tội nghiệp em, tội nghiệp em. Anh lẩm bẫm một mình, lòng ấm áp. Chưa bao giờ anh cảm thấy tình yêu của anh dành cho nàng lớn lao hơn.

Anh hoàn toàn không còn nghĩ tới Norah. Cho đến khoảng tám giờ, bỗng anh nhận được một bức điện. Trước khi mở xem, anh đã hiểu đó là của Norah.

“Có chuyện gì xảy ra vậy Norah”

Anh không còn biết phải làm gì, cũng không biết mình phải trả lời thế nào. Lẽ ra sau buổi diễn kịch mà nàng đóng vai phụ kết thúc, anh có thể đi đón nàng và cùng đi bộ về nhà như đôi khi anh vẫn làm, nhưng tối nay, anh không thể đi đón nàng. Anh muốn viết thư cho nàng, nhưng anh không quyết định nổi cách xưng hô với nàng “Norah yêu quý” như thường lệ. Anh quyết định đánh điện.

“Rất tiếc - mắc bận - Philip”.

Anh hình dung nàng, cảm thấy khó chịu với cái khuôn mặt nhỏ bé xấu xí đỏ gay, lưỡng quyền cao và lớp da sần sùi của nàng làm anh nổi da gà. Anh hiểu rằng anh phải có một hành động nào đó tiếp theo bức điện, nhưng dù sao nó cũng trì hoãn được hành động kia.

Hôm sau anh gửi một bức điện nữa.

“Xin lỗi, không thể đến được - sẽ có thư”.

Mildred đã bảo sẽ đến vào lúc bốn giờ chiều và anh không muốn cho nàng biết rằng giờ này là bất tiện. Nói cho cùng, nàng là trên hết. Anh sốt ruột chờ đợi. Từ cửa sổ anh nhìn thấy nàng đến và tự anh ra mở cửa.

- Thế nào? Em có gặp Nixon không?

- Có - nàng đáp - ông ta bảo chuyện đó chẳng có lợi gì đâu. Em không nên làm gì cả. Em đành phải cười mà chịu vậy.

- Không thể thế được - Philip kêu lên. Nàng ngồi xuống mệt mỏi.

- Ông ta có cho em biết vì lý do gì không? Anh hỏi.

Nàng đưa cho anh một lá thư nhàu nát.

- Thư của anh đây. Philip ạ, em không đem đi. Hôm qua em không thể nói với anh, em thực sự không được; Emil không cưới em. Hãn không thể cưới em. Hãn đã có vợ và ba con rồi.

Một cơn ghen bỗng cuộn dâng trong lòng làm anh đau đớn, hầu như không chịu nổi.

- Vì thế cho nên em không thể về nhà cô em. Em không còn đến nhà ai được ngoài anh.

- Điều gì đã khiến em ra đi với hãn? - Philip hỏi giọng âm thầm nhưng cố làm ra vẻ cứng rắn.

- Em không biết, trước hết em không biết hãn đã có vợ và đến khi hãn cho em biết, em liền cho hãn một trận. Sau đó nhiều tháng em không gặp hãn, khi hãn trở lại cửa hàng lần nữa và ngỏ lời cầu hôn em, em không hiểu

điều gì đã choán hết người em. Em thấy như không dừng được. Em phải đi với hắn.

- Em có yêu thương hắn không?

- Em không biết. Em hầu như không thể nhin cười về những chuyện hắn nói. Hắn có cái gì đó hay hay - Hắn bảo em sẽ chẳng hối tiếc chuyện đó, hắn hứa cho em mỗi tuần bảy bảng, hắn khoe hắn kiếm được những mười lăm bảng, nhưng toàn là láo, hắn không kiếm ra được một đồng nào. Và lúc ấy em cũng chán, cứ sang sang phải đến cửa hàng và em sống với cô em cũng không được hòa thuận lắm, bà ấy muốn đối xử với em giống như đứa ở chứ không phải người nhà, bảo em phải dọn buồng riêng cho em, nếu em không làm thì không ai làm cho. Chao ôi, em tiếc rằng em đã nhận lời khi hắn đến cửa hàng ngỏ lời cầu hôn, lúc ấy em cảm thấy em không thể cưỡng lại nổi nữa.

Philip lùi ra xa khỏi nàng. Anh ngồi vào bàn úp mặt vào lòng bàn tay. Anh cảm thấy nhục nhã vô cùng.

- Anh Philip, anh giận em đấy ư? Nàng thương hại hỏi.

- Không - anh ngẩng mặt lên đáp - nhưng mắt nhìn đi nơi khác - lòng anh chỉ vô cùng đau đớn mà thôi.

- Vì sao?

- Em nghĩ mà xem, ngày ấy anh yêu em bao nhiêu. Anh đã cố làm đủ điều để em quan tâm đến anh. Anh cứ nghĩ rằng em không thể nào yêu dù bất kỳ người nào. Thật kinh khủng khi biết rằng em sẵn sàng hy sinh tất cả vì tên đểu cáng kia. Không biết em tìm thấy gì ở hắn.

- Anh Philip, em vô cùng ân hận. Ngay sau đó em đã đăng cay và hối tiếc. Em cam đoan với anh như vậy.

Philip hình dung lại Emil Miller với nét mặt nhợt nhạt bệnh hoạn, cặp mắt xanh gian xảo, cái vỏ bên ngoài lịch sự rẻ tiền của hắn lúc nào cũng khoác chiếc gi lê thêu đỏ chóa, Philip thở dài. Nàng đứng lên bên cạnh anh, nàng vòng tay quàng cổ anh.

- Em sẽ không bao giờ quên được là anh đã ngỏ ý cưới em, anh Philip ạ!

Anh nắm tay nàng và ngược lên nhìn nàng. Nàng cúi xuống hôn anh.

- Anh Philip, nếu anh vẫn cần em thì ngay bây giờ anh muốn gì em cũng sẽ làm. Em biết anh thực sự là con người quân tử.

Anh nín lặng. Lời của nàng nói làm cho anh cảm thấy lợm giọng.

- Em tốt lắm nhưng không thể được.

- Anh không còn chút nào thương em nữa ư?

- Có, anh yêu em với trọn vẹn lòng mình.

- Thế thì tại sao bây giờ chúng ta không hưởng một thời kỳ tốt lành. Anh nghĩ xem, bây giờ còn gì đáng ngại nữa đâu.

Anh gỡ tay khỏi nàng.

- Em không hiểu từ ngày biết em, anh yêu em đến héo hắt cả hồn nhưng bây giờ, gã đàn ông kia - thật bất hạnh cho anh lại giàu trí tưởng tượng - chỉ

nghĩ đến điều đó thôi đã đủ làm cho anh kinh tởm rồi.

- Anh thật buồn cười.

Anh lại cầm tay nàng và mỉm cười với nàng.

- Em không nên cho anh là vô ơn. Có cảm ơn em cũng không biết thế nào cho đủ, nhưng em ạ, anh không thể làm khác được.

- Anh là người bạn rộng lượng, anh Philip ạ.

Họ tiếp tục chuyện trò và chẳng mấy chốc họ lại như đôi bạn ngày xưa. Trời đã về chiều, Philip đề nghị ăn tối và xem ca múa nhạc. Nàng muốn để anh phải nài ép thuyết phục vì nghĩ rằng xử sự sao cho hợp với hoàn cảnh và lập tức nàng cảm thấy đi đến một nơi vui chơi giải trí lúc này là không thích hợp với hoàn cảnh tuyệt vọng của mình. Cuối cùng Philip giải thích, nàng đi chỉ là để cho anh vui mà thôi, và khi Mildred thấy việc nhận lời được coi như hy sinh nàng mới chịu. Nàng có thái độ ân cần khác hẳn trước, làm cho anh say mê. Nàng yêu cầu anh dẫn tới cái quán ăn nhỏ bé ở Soho mà xưa kia hai người thường lui tới; anh vô cùng biết ơn nàng về đề nghị đó, chứng tỏ rằng những kỷ niệm hạnh phúc kia vẫn còn gắn bó với nàng. Bữa ăn càng kéo dài nàng càng trở nên vui vẻ hơn. Món rượu vang đỏ Buốc-gô-nơ của quán rượu góc phố làm nàng ấm lòng nên nàng quên hẳn rằng mình cần phải giữ vẻ mặt đau thương. Philip cho rằng đã có thể yên tâm nói chuyện tương lai với nàng. Nhân một lúc thuận lợi anh bèn hỏi.

- Chắc em không còn một xu dính túi phải không?

- Chỉ có số tiền anh cho hôm qua, mà em phải đưa bà chủ nhà ba đồng rồi.

- Được, tốt hơn là anh đưa em thêm một tờ mười đồng nữa để e chi tiêu. Anh sẽ hỏi ý kiến luật sư của anh và nhờ ông ta viết thư cho Miller, nhất định chúng ta sẽ khiến được hãn phải chi ra ít nhiều. Nếu như ta bắt được hãn phải lòi ra một trăm bảng thì số tiền này sẽ giúp em chống nổi tới ngày sinh cháu.

- Em thà chết đói, một xu của hãn em cũng không lấy.

- Nhưng hãn bỏ rơi em trong cơn hoạn nạn thế này thì thật là dã man.

- Em còn có lòng tự trọng để mà cân nhắc.

Philip cảm thấy có phần lúng túng. Anh cần tiết kiệm khắt khe với số tiền riêng đủ tiêu dùng cho đến khi tốt nghiệp, anh cần phải có nhiều hơn thế chút ít để còn nuôi thân trong thời gian một năm đảm nhiệm nhiệm vụ bác sĩ nội trú y khoa và là bác sĩ nội trú phẫu thuật, hoặc hành nghề độc lập hoặc ở một bệnh viện nào khác. Nhưng Mildred kể cho anh nghe đủ chuyện bủn xỉn của Emil. Anh sợ nếu khuyên can, nàng sẽ buộc tội cả anh nữa cũng không rộng rãi.

- Em sẽ không lấy của hãn một xu. Em thà đi ăn xin. Đáng lý anh phải đi tìm công ăn việc làm từ lâu rồi nhưng trong hoàn cảnh hiện nay của em, em biết làm thế nào. Em phải nghĩ tới sức khỏe của em chứ, đúng không anh?

- Em không cần lo lắng hiện tại - Philip nói - Anh có thể cho em mọi thứ cần thiết đủ đến lúc nào em đi làm được.

- Em biết có thể trông cậy vào anh. Em đã bảo Emil hãn đừng có tưởng rằng em không còn ai để mà đến. Em nói với hãn anh chính là người quân tử.

Dần dần Philip biết được sự chia tay giữa hai người xảy ra như thế nào. Hình như mẹ vợ thẳng cha nọ đã phát hiện chuyện tăng tịu của hắn trong các chuyến đi của hắn đến Luân Đôn. Mẹ đến báo với giám đốc của công ty đang dùng hắn. Mẹ dọa ly dị và người ta liền thông báo sẽ sa thải hắn. Hắn yêu thương con cái hết lòng hết dạ, nên nghĩ đến phải xa chúng hắn không chịu nổi và khi phải lựa chọn giữa vợ và tình nhân, hắn đã chọn vợ. Hắn vẫn thường lo lắng tránh có đứa con phải làm cho cảnh rối rắm này phức tạp thêm, nên khi ngày sinh nở đã gần Mildred không thể giấu giếm được nữa đành báo cho hắn biết sự thật thì hắn hoảng sợ. Hắn gây chuyện cãi nhau rồi bỏ nàng thẳng thừng.

- Bao giờ em ở cũ? Philip hỏi.

- Đầu tháng ba.

- Ba tháng.

Cần phải bàn kế hoạch. Mildred tuyên bố nàng sẽ không ở lại căn hộ thuê tại Highbury và Philip nghĩ nàng ở gần anh hơn như vậy cũng thuận tiện.

Anh hứa ngày mai sẽ lo tìm một nơi nào đó. Nàng giả ý nên chọn Vaux Hall Bridge Road xem như một vùng lân cận thích hợp.

- Và về sau này nữa cũng chắc được gần - nàng nói thêm.

- Ý em muốn nói gì?

- Thế này nhé, em sẽ chỉ có thể ở đây khoảng hai tháng hoặc hơn nữa một ít, sau đó em phải vào nhà hộ sinh. Em biết một nơi rất khá, đến đấy phần đông là tầng lớp trên, mà họ chỉ lấy có bốn ghi-nê một tuần và không

phải trả gì thêm. Dĩ nhiên tiền bác sĩ trả riêng, nhưng tất cả chỉ có thế. Một đứa bạn em đã đến đó, bà chủ nhà là người thượng lưu quý phái. Em định sẽ nói với bà chồng em là sĩ quan ở Ấn Độ, nên em phải đến Luân Đôn để sinh cháu, vì ở đây tốt hơn cho sức khỏe của em.

Dường như Philip không quen nghe nàng nói như vậy. Với đường nét xinh xắn thanh tú, mặt xanh xao, trông nàng lạnh lùng, và vẫn như còn là con gái. Nghĩ đến những tình cảm nồng nàn không ngờ có thể bùng cháy trong nàng, lòng anh bỗng xoắn xang lạ lùng. Và tim anh đập nhanh.

Philip đoán rằng khi về đến nhà, chắc sẽ nhận được thư Norah, nhưng không có, sáng hôm sau, anh cũng không nhận được. Sự im lặng đó làm anh bực tức, nhưng đồng thời làm cho anh lo sợ. Từ tháng sáu trước, khi anh ở Luân Đôn, ngày nào họ cũng gặp nhau, vậy mà hai ngày qua, anh không đến thăm nàng, và không đưa ra lý do vắng mặt, chắc hẳn nàng phải cho là kỳ quặc; anh tự hỏi không biết có một sự tình cờ không may nào đó, nàng đã trông thấy anh với Mildred chẳng. Nghĩ đến nàng bị xúc phạm hoặc khỗ sở, anh không chịu được và chiều nay anh quyết định ghé lại thăm nàng bởi vì anh đã tự cho phép mình xúc tiến những quan hệ thân tình với nàng. Nghĩ đến việc tiếp tục những quan hệ đó, anh thấy lòng chán ngán.

Anh tìm cho Mildred hai buồng ở tầng hai một căn nhà phố Vaux Hall Bridge Road. Hai buồng này ồn ào nhưng biết nàng thích tiếng xe cộ.

- Em không thích đường phố buồn tẻ, cả ngày không một bóng người qua lại - nàng nói - Hãy cho em một chút sự sống.

Sau đó anh buộc lòng phải đến quảng trường Vincent. Anh cảm thấy lòng bồi hồi lo lắng khi bấm chuông. Anh ân hận là mình đã xử sự tồi tàn với Norah; anh nghĩ đến những lời trách móc mà sợ, anh biết nàng tính nóng nảy, và anh ghét cảnh cãi nhau; có lẽ tốt nhất là nên nói thật với nàng rằng Mildred đã trở lại với anh và anh yêu Mildred vẫn mãnh liệt như xưa; anh rất lấy làm ân hận, nhưng anh còn gì để hiến dâng cho Norah. Rồi anh nghĩ đến nỗi đau của nàng, vì anh biết nàng yêu anh, trước đây anh hãnh diện về tình yêu ấy, và vô cùng biết ơn nàng thì nay anh bỗng thấy nó trở nên nặng nề. Nàng không đáng phải đau khổ. Không biết bây giờ nàng sẽ chào hỏi anh như thế nào, và khi bước lên thang gác, đủ mọi hình thức đối

xử có thể thực hiện được chột lóe lên trong trí óc anh. Anh gõ cửa. Anh cảm thấy rõ mặt mình tái đi, anh tự hỏi làm thế nào để che giấu tâm trạng bối rối của mình.

Nàng đang cắm cúi viết, nhưng khi anh bước vào, nàng đứng bật dậy.

- Em nhận ra ngay bước đi của anh - nàng kêu lên - Đây chú bé hư đốn trốn ở đâu thế?

Nàng vui mừng bước tới quàng tay ôm cổ anh. Nàng hân hoan được gặp anh. Anh hôn nàng và sau đó, để giữ bình tĩnh, anh nói anh đang thèm uống trà. Nàng hồi hải nhóm bếp nấu ấm nước sôi.

- Vừa qua anh bận kinh khủng - anh ngập ngừng nói.

Nàng bắt đầu liến láu theo cách nói năng vốn hoạt bát của mình, về một nhà xuất bản trước đến nay chưa thuê nàng bao giờ, vừa mới giao cho nàng viết một truyện ngắn. Nàng sẽ được trả mười lăm ghi-nê về truyện này.

- Đó là tiền trên trời rơi xuống. Chúng mình sẽ làm gì anh biết không? Chúng mình sẽ tổ chức một chuyến đi chơi ngắn. Chúng mình đi Oxford trọn một ngày anh nhé? Em thích tham quan các trường đại học lắm.

Anh nhìn trong mắt nàng cố tìm thấy trong đó một thoáng trách móc nhưng cái nhìn của nàng vẫn ngay thật vui vẻ như mọi lần. Được gặp anh nàng mừng rỡ khôn tả. Lòng anh se lại. Anh không thể nói với nàng sự thật phũ phàng kia. Nàng sửa soạn bánh mì nướng, cắt ra thành từng miếng nhỏ đưa cho anh ăn như đối với trẻ con.

- Bé ăn no rồi chứ? Nàng hỏi.

Anh gật đầu mỉm cười; nàng châm thuốc lá cho anh. Rồi, nàng đến ngồi trên gối anh như mọi khi. Nàng rất nhẹ. Nàng ngã người vào tay anh, thở dài sung sướng.

- Hãy nói một cái gì thú vị đối với em đi - Nàng thở thê.

- Anh biết nói gì?

- Nếu cố sức tưởng tượng thì anh có thể nói rằng anh cũng có yêu em tí chút đấy!

- Thì em vẫn biết là anh yêu em mà.

Lúc này anh không còn lòng dạ nào nữa mà nói với nàng nữa. Ít nhất hôm nay anh cũng muốn nàng yên tâm và có lẽ anh sẽ viết cho nàng. Như vậy, dễ hơn. Nghĩ đến cảnh nàng khóc lóc, anh không chịu được. Nàng bảo anh hôn, và khi anh hôn nàng, anh nghĩ đến Mildred, nghĩ đến đôi môi mỏng nhạt nhợt của Mildred. Hình ảnh Mildred không một giây phút rời khỏi tâm trí anh, như một vật vô hình nhưng lại thực tế hơn một hình bóng, và hình ảnh đó liên tục làm cho anh lơ đãng.

- Hôm nay anh trầm lặng quá - Norah nói.

Tính nói nhiều của nàng vốn là đề tài để hai người trêu chọc nhau, nên anh đáp:

- Có bao giờ em cho anh nói một lời nào đâu, vì vậy anh đã mất dần thói quen trò chuyện rồi.

- Nhưng anh không lắng nghe thế là không lịch sự.

Anh hơi đỏ mặt, tự hỏi không biết nàng có chút nào nghi hoặc về chuyện bí mật của anh không, và lòng anh bứt rứt, anh ngoảnh mặt đi chỗ khác. Chiều nay, sức nặng của nàng làm cho anh mệt mỏi, anh không muốn nàng đụng đến anh.

- Anh tê chân lắm rồi - anh nói.

- Ấy chết, em xin lỗi - nàng kêu lên và nhảy xuống - Em sẽ cấm việc này nếu em không sửa chữa thói quen ngồi trên gối đàn ông.

Anh giậm chân như để bớt mỏi rồi đi đi lại lại. Sau đó anh bước đến trước lò sưởi để làm nàng không ngồi lại được như cũ. Trong lúc nàng nói chuyện, anh thấy nàng xứng đáng gấp mười Mildred; nàng làm anh vui nhiều hơn và nói chuyện với nàng thú vị hơn; nàng thông minh hơn, bản chất nàng tốt hơn nhiều, nàng là người đàn bà nhỏ bé, có đức hạnh, dũng cảm trung thực; còn Mildred, anh chưa xót suy nghĩ, thì không xứng đáng với một tính ngữ nào. Nếu anh còn chút khôn ngoan thì anh phải gắn bó với Norah, với nàng anh sẽ hạnh phúc nhiều hơn là với Mildred; xét cho cùng chính nàng mới yêu anh còn Mildred chỉ là người biết ơn sự giúp đỡ của anh mà thôi. Nhưng xét cho cùng thì điều quan trọng là yêu chứ không phải là được yêu và lòng anh lại thêm khát Mildred. Thà ở bên nàng mười phút còn hơn ở một buổi chiều với Norah, một nụ hôn của đôi môi lạnh lùng của Mildred đối với anh đáng giá hơn hết thảy những vuốt ve chiều chuộng của Norah.

- Ta không sao chống nổi - anh nghĩ bụng - hình ảnh nàng đã khắc sâu trong tim óc ta rồi. Nàng tàn nhẫn, nàng xấu xa, thô bỉ, dằn độn, tham lam, anh không quan tâm, anh yêu nàng. Thà sống khổ sở với nàng còn hơn là hạnh phúc với Norah.

Khi anh đứng lên đi, Norah hỏi anh hững hờ:

- Thế nào, ngày mai em có gặp anh nữa không?

- Có chứ - anh đáp.

Anh biết là anh sẽ không đến được, vì anh phải giúp đỡ Mildred chuyển nhà, nhưng anh không có đủ can đảm để nói như thế. Anh quyết định sẽ gửi một bức điện. Buổi sáng Mildred đi xem nhà và nàng lấy làm vừa ý. Ăn trưa xong, Philip đi Highbury với nàng. Nàng có một hòm quần áo, và một cái hòm nữa đựng các thứ linh tinh lặt vặt, đồ độn tóc, chụp đèn, khung ảnh; với những thứ đó nàng gắng làm cho căn phòng có không khí gia đình, ngoài ra nàng còn có hai ba cái hộp to bằng giấy bìa cứng, nhưng tất cả đồ đạc chất trên nóc xe để phòng Norah tình cờ đi qua gặp. Anh không có dịp nào để đánh điện mà cũng không thể làm thế tại phòng bưu điện phố Vaux Hall Bridge Road vì nàng sẽ tự hỏi anh làm gì gần đó; và nếu anh ở đó, anh không thể có lý do để bào chữa cho việc không đến nhà nàng ở ngay quảng trường bên cạnh. Anh quyết định tốt hơn là sẽ đến thăm nàng khoảng nửa tiếng; nhưng điều cần thiết này lại làm anh bực bội; anh tức giận với Norah bởi lẽ vì nàng mà anh phải nghĩ tới những mưu chước xấu xa hèn hạ. Nhưng anh sung sướng được ở gần Mildred. Anh vui thích được giúp đỡ nàng tháo dỡ đồ đạc; anh được hưởng cái cảm giác say sưa của một kẻ làm chủ đứng ra sắp đặt cho nàng về ở căn phòng đầy đủ tiện nghi này, do chính anh tìm thuê và trả tiền nhà. Anh không muốn nàng phải vất vả. Làm hết mọi việc cho nàng thật là một niềm vui, còn nàng thì chẳng muốn làm việc gì khi đã có kẻ khác tỏ ý muốn làm cho nàng. Anh mở bọc quần áo của nàng đem cất. Nàng không có ý định ra phố nữa, nên anh đi lấy dép lê và cởi giày cho nàng. Các công việc của kẻ hầu người hạ này làm cho anh hoan hỉ.

- Anh làm hư em - nàng nói, - tay nàng đưa lên âu yếm vuốt mái tóc anh trong khi anh đang cởi giày cho nàng. Anh cầm tay nàng và hôn lên cả hai.

- Có được em ở bên thật tuyệt!

Anh sắp đặt nệm gối, khung ảnh. Nàng có nhiều bình sứ màu xanh.

- Anh sẽ mua ít hoa cho em cắm - Anh nói. Anh đưa mắt tự hào nhìn khắp lượt cách trang trí của mình.

- Em không ra ngoài nữa nên em mặc áo ở nhà thôi - nàng nói - anh cởi đấng sau cho em.

Nàng quay lại một cách tự nhiên, coi anh như người cùng giới. Giới tính của anh không có nghĩa gì với nàng. Nhưng lòng anh tràn đầy lòng biết ơn với lời yêu cầu tỏ ra thân tình kia của nàng. Anh tháo cái móc cài cho nàng, ngón tay lóng ngóng.

- Lần đầu tiên bước chân tới quán trà, anh không nghĩ rằng anh sẽ phải làm việc này cho em - anh gượng cười nói.

- Thì sẽ có người khác làm - nàng đáp. Nàng bước sang phòng ngủ mặc vội tấm áo dài màu xanh nhạt viền toàn bằng đấng ten rẻ tiền. Philip đặt nàng nằm trên ghế tràng kỷ rồi đi pha trà cho nàng.

- Anh e rằng không thể ở lại uống trà với em - anh nói giọng tiếc rẻ - anh có một cuộc hẹn chán ngắt nhưng chỉ độ nửa giờ anh sẽ trở lại.

Anh tự hỏi anh sẽ trả lời thế nào nếu nàng hỏi anh hẹn gặp ai, nhưng nàng không tỏ ra tò mò. Khi đến nhận phòng, anh đã đặt cơm cho hai người ăn và ngó ý ở lại ăn tối với nàng. Vì vội vàng muốn mau trở lại cho nhanh nên anh phải đi tàu điện dọc theo Bauxhall Bridge Road. Anh nghĩ tốt hơn là nói thật ngay với Norah rằng anh không thể ở lại quá mấy phút.

- Em này, anh chỉ còn đủ thời gian để hỏi thăm sức khỏe của em thôi - anh nói ngay khi bước vào nhà, anh quá bận.

Mặt nàng xịu xuống.

- Vì sao, có việc gì thế?

Điều làm anh bức tức là nàng buộc anh nói dối, và anh biết rằng mình đở mặt khi trả lời rằng có một buổi phẫu thuật ở bệnh viện mà nhất định phải đến. Anh có cảm giác nàng nhìn anh không tin, và điều này càng làm anh thêm bức bối.

- Ồ, được, không sao - nàng nói - ngày mai em sẽ có anh suốt cả ngày.

Anh lúng túng nhìn nàng. Mai là chủ nhật và anh đã tính cả ngày ở với Mildred. Anh tự nhủ phải làm như vậy theo đúng phép lịch sự thông thường. Anh không thể bỏ mặc nàng một mình trong một căn nhà lạ.

- Anh rất tiếc ngày mai anh mắc bận rồi. Anh biết đây là màn mở đầu một cuộc cãi cọ, anh sẵn sàng hy sinh đủ mọi thứ để tránh được điều này. Hai má Norah dần dần đỏ tía.

- Nhưng em đã mời gia đình Gordons đến ăn trưa. Đây là một gia đình diễn viên, họ đang đi biểu diễn các tỉnh và chủ nhật này sẽ đến Luân Đôn. Em đã bảo với anh việc này từ tuần trước.

- Anh rất tiếc, anh quên mất. - Anh lưỡng lự - Anh e rằng anh sẽ không đến được, không có ai khác em có thể nhờ thay anh sao?

- Vậy thì ngày mai anh sẽ làm gì?

- Em đừng có tra khảo anh.

- Anh không muốn nói với em phải không?

- Có nói với em thì chẳng sao đâu, nhưng nhất cử nhất động của mình đều phải giải thích là điều cũng làm anh khó chịu.

Bỗng Norah đổi giọng. Cố tự nhủ, nàng đã ghìim được cơn tức giận và bước đến cầm tay anh.

- Anh Philip, ngày mai đừng làm cho em phải thất vọng. Em tha thiết đợi chờ được hưởng ngày hôm đó bên anh. Vợ chồng Gordons thì muốn được gặp anh và chúng mình sẽ vui vẻ biết bao nhiêu.

- Nếu có thể được anh sẽ vui lòng đến.

- Em đâu có phải là con người đòi hỏi quá quắt đúng không anh. Em không luôn đòi hỏi anh phải làm những điều khiến anh bực mình. Thế mà anh không bỏ được cuộc hẹn gớm ghiếc ấy ư? - Chỉ một lần này thôi.

- Anh rất tiếc. Anh không biết phải làm thế nào - anh buồn rầu đáp lại.

- Cho em biết chuyện gì đi? Nàng ngọt ngào dỗ dành.

Philip đã có đủ thời gian để bịa chuyện:

- Hai chị em của Griffiths đến đây nghỉ cuối tuần nên bọn anh dẫn họ đi chơi phố.

- Chỉ có thể thôi phải không? Nàng vui mừng nói - Nếu thế anh Griffiths có thể nhờ một người khác dễ dàng.

Anh tiếc là không nghĩ ra được một chuyện khẩn cấp hơn. Anh đã nói dối vụng về.

- Không, anh rất tiếc là không được. Anh đã hứa và anh muốn giữ lời.

- Nhưng anh đã hứa với em, nhất định là em phải được ưu tiên hơn rồi.

- Em đừng nài ép nữa - anh nói.

Cơ giận của Norah liền bùng nổ:

- Anh không đến là vì anh không muốn đến. Không hiểu trong mấy ngày gần đây anh làm gì, anh hoàn toàn khác hẳn.

Anh nhìn đồng hồ.

- Anh e rằng đã đến lúc anh phải đi - anh nói.

- Ngày mai anh không đến à?

- Không.

- Trong trường hợp đó anh không cần phải đến làm gì cho phiền - nàng to tiếng, không còn kiềm chế nổi nữa.

- Tùy em - anh đáp.

- Em cũng chẳng giam hãm anh nữa đâu - nàng mỉa mai nói tiếp.

Anh nhún vai bước ra. Anh thấy nhẹ người. May mà không đến nỗi to chuyện, không có khóc lóc. Vừa đi anh vừa tự khen mình đã thoát khỏi khó khăn dễ dàng đến thế. Anh đến phố Victoria mua ít hoa đem về cho Mildred.

Bữa cơm xoàng của hai người rất đạt. Philip đem đến một lọ trứng muối mà anh biết nàng rất thích, còn bà chủ nhà thì dọn lên cho họ món sườn với rau và bánh ngọt tráng miệng. Có cả rượu Buốc-gô-nhơ là loại vang nàng ưa thích. Rèm buồng cửa ảm, thậm chí cái chụp trên ngọn đèn căn phòng cũng trở nên ảm cúng.

- Thật đúng như ở nhà - Philip cười nói.

- Lẽ ra em có thể lâm vào cảnh sa sút tồi tệ hơn nữa chứ; đúng không anh? Nàng đáp.

Cơm nước xong, Philip kéo hai cái ghế bành đến trước lò sưởi và họ ngồi xuống. Anh thoải mái hút một tẩu thuốc. Anh cảm thấy mình hạnh phúc độ lượng.

- Ngày mai chúng mình sẽ làm gì nhỉ? - anh hỏi.

- À, em sẽ đi Tulse Hill. Anh vẫn còn nhớ bà chủ quán trà phải không đấy, bây giờ bà ấy đã có gia đình, bà mời em đến chơi cả ngày với bà. Dĩ nhiên bà cũng nghĩ rằng em đã lấy chồng.

Philip thấy lòng quặn lại.

- Nhưng anh đã từ chối một lời mời, để ở đây ngày chủ nhật với em.

Anh nghĩ nếu nàng yêu anh thì nàng phải nói trường hợp đó, nàng sẽ ở nhà với anh. Anh biết rất rõ nếu là Norah, nàng sẽ không do dự bao giờ.

- Thế nào, anh làm thế thật là dớ dẩn. Em đã hứa như vậy đã từ hơn ba tuần lễ rồi.

- Nhưng làm sao em có thể đi một mình được?

-Ồ em sẽ nói rằng Emil có việc đã đi xa. Chồng bà ấy buôn bán găng tay, ông ấy là con người rất kẻ cả.

Philip yên lặng, lòng tái tê cay đắng. Nàng liếc nhìn anh.

- Anh Philip, anh không cản trở em một niềm vui nho nhỏ chứ? Anh hiểu cho đây là lần cuối cùng em có thể đi một nơi nào đó và không biết rồi bao lâu nữa mới lại đi được, vả lại em đã hứa với người ta rồi.

Anh mỉm cười nắm lấy tay nàng.

- Không, em yêu, anh muốn em cứ vui chơi cho thật thỏa thích. Anh chỉ muốn em vui sướng mà thôi.

Có một quyển sách nhỏ đóng bằng giấy xanh để mở úp trên ghế trường kỷ, Philip lơ đãng cầm lên. Đó là cuốn tiểu thuyết, tác giả là Courthenay Paget, bút danh của Norah.

- Em rất thích sách của ông này - Mildred nói - cuốn nào em cũng đọc.

Anh nhớ lại điều Norah đã nói về bản thân nàng.

- Em được đông đảo chị em đầu bếp ưa thích. Họ cứ tưởng em là quý phái lắm.

Griffiths thường hay tâm sự với Philip nên đáp lại, Philip kể chi tiết những chuyện yêu đương rối rắm của mình, và sáng chủ nhật, điếm tâm xong họ khoác áo ngoài ngồi bên lò sưởi hút thuốc lá, anh thuật lại cho Griffiths nghe cuộc cãi vã hôm trước. Griffiths khen anh đã thoát khỏi khó khăn dễ dàng đến thế.

- Bước vào một cuộc tình với bất cứ một người đàn bà nào là việc đơn giản nhất trần gian - y trình trọng nhận xét, nhưng thoát ra khỏi chuyện đó là một sự phiền toái kinh khủng.

Philip cảm thấy tự hào mình đã khéo léo thu xếp công việc. Ít nhất, anh cũng thấy vô cùng nhẹ nhõm. Nghĩ tới Mildred đang vui chơi ở Tulse Hill, anh thấy hài lòng thực sự vì nàng sung sướng. Đối với anh đây là một sự hy sinh quên mình. Anh không làm giảm bớt niềm vui của nàng mặc dù anh đã phải trả giá bằng sự thất vọng của chính mình; anh thấy dâng lên trong lòng một cảm giác ấm áp dễ chịu.

Nhưng sáng thứ hai, anh thấy một bức thư của Norah đặt trên bàn. Nàng viết:

Anh yêu quý nhất đời,

Em rất ân hận về việc em đã cáu gắt với anh hôm thứ bảy. Hãy tha thứ cho em và chiều nay đến uống trà với em như mọi khi. Yêu anh.

Norah của anh.

Lòng anh se lại, anh không biết phải làm gì. Anh đưa thư cho Griffiths xem.

- Tốt hơn là anh lờ đi, không phúc đáp - y nói.

-Ồ, không thể được - Philip kêu lên - tôi sẽ khổ sở nếu nghĩ nàng cứ phải khắc khoải chờ đợi. Anh không biết được cái cảnh đồng tai ngóng đợi tiếng gõ cửa của nhân viên bưu điện, nó như thế nào ấy. Tôi đã biết tôi không thể để bất kỳ ai khác phải chịu đựng cực hình đó.

- Ông bạn thân mến, người ta không thể cắt đứt thứ chuyện yêu đương đó mà không một ai khác đau khổ. Anh phải quyết định. Vấn đề là đừng để việc đó kéo dài quá lâu.

Philip nghĩ rằng anh không được phép để Norah phải đau khổ vì mình. Còn Griffiths hẳn đâu biết hết được Norah có thể buồn đau đến mức độ nào. Anh nhớ lại nỗi đau của mình khi Mildred báo tin nàng sắp lấy chồng. Vì vậy, anh không muốn ai phải chịu đựng điều anh đã trải qua.

- Nếu anh không muốn làm cho cô ta đau khổ, thì anh hãy trở về với cô ta - Griffiths nói.

- Không thể được.

Anh đứng dậy đi đi lại lại trong phòng, lòng dạ cồn cào. Anh tức giận Norah vì nàng đã không chịu để cho vấn đề này dừng lại. Nàng phải hiểu rằng anh không còn yêu nàng chút. Người ta bảo phụ nữ hiểu những chuyện đó rất nhanh mà.

- Anh có thể giúp tôi - anh nói với Griffiths.

- Anh bạn thân mến, đừng rối rít lên về chuyện này. Anh biết đấy, chuyện này rồi ai cũng vượt qua. Chắc hẳn cô ta không yêu anh quá như anh tưởng đâu. Người ta thường hay có khuynh hướng cường điệu tình cảm nồng nàn của kẻ khác đối với mình.

Y ngừng lại một lúc thích thú nhìn Philip.

- Nghe đây, anh chỉ còn có thể làm một việc là viết cho cô ta một lá thư nói rằng sự tình đã kết thúc rồi. Viết thế nào để không có chuyện hiểu lầm. Điều đó sẽ làm cô ta đau khổ đấy, nhưng nếu anh nói thẳng nói thật thì cô ta còn đỡ đau hơn là anh cố nường nhẹ vòng vèo.

Philip ngồi xuống viết bức thư như sau:

Norah thân yêu của anh,

Anh rất ân hận đã làm em buồn khổ, nhưng anh nghĩ rằng tốt hơn chúng ta cứ để cho sự việc dừng lại như hôm tối thứ bảy. Nín kéo nữa làm gì khi niềm vui đã mất. Em đã bảo anh đi và anh đã đi. Anh không có ý định trở lại. Vĩnh biệt.

Philip Carey.

Anh đưa thư cho Griffiths xem và hỏi y thấy thế nào. Griffiths đọc thư, mắt nháy nháy nhìn Philip. Y không nói cảm nghĩ của mình.

- Cứ như là ăn tiền đấy.

Philip ra bưu điện gửi thư. Cả buổi sáng hôm ấy anh bực bội, anh hình dung rất tỉ mỉ những cảm giác của Norah khi nàng nhận được thư này. Anh tự dẫn vật khổ sở khi anh nghĩ đến nàng khóc lóc. Nhưng đồng thời anh

cũng thấy nhẹ người. Nỗi đau tưởng tượng dễ chịu đựng hơn nỗi đau thực, và giờ đây anh có thể tự do yêu Mildred với trọn vẹn tấm lòng mình. Nghĩ tới cảnh chiều nay xong việc ở bệnh viện anh được gặp nàng lòng anh rộn ràng vui sướng. Khi về đến nhà để tắm rửa như thường lệ, anh chưa kịp đặt chìa khóa vào ổ khóa thì đã nghe có tiếng người đằng sau:

- Em vào được chứ? Em đợi anh đã nửa giờ.

Đó là Norah. Anh cảm thấy mặt đỏ bừng. Nàng cười nói vui vẻ, giọng không có một chút phật ý giận hờn. Không điều gì chứng tỏ giữa hai người đã có chuyện đổ vỡ. Anh thấy mình bị dồn vào thế bí. Anh lo ngại, nhưng anh cố gượng cười.

- Được, mời em vào - anh đáp.

Anh mở cửa và nàng đi trước anh vào phòng khách. Anh bực dọc và để giữ bình tĩnh anh mời nàng một điếu thuốc lá và châm cho mình một điếu. Nàng rạng rỡ nhìn anh.

- Đây, anh trẻ con thế, tại sao anh viết cho em một bức thư dễ sợ như thế. Nếu em cho bức thư đó là nghiêm túc thì nhất định nó sẽ khiến em hoàn toàn khốn khổ.

- Nghiêm túc thật đấy - anh nghiêm nghị đáp.

- Đừng có ngớ ngẩn. Hôm nọ em nổi nóng, em đã có thư xin lỗi. Anh không hài lòng. Vì vậy em đến đây xin lỗi anh lần nữa. Nói cho cùng, anh làm chủ lấy anh, em không đòi hỏi gì ở anh. Em không muốn anh làm điều gì mà anh không thích.

Đang ngồi trên ghế, nàng vùng đứng dậy, dang hai tay, mạnh dạn đi lại phía anh.

- Anh Philip, mình lại làm lành với nhau thôi. Em rất tiếc đã làm phật lòng anh.

Anh không ngăn được nàng cầm tay anh, nhưng anh không nhìn nàng.

- Anh lấy làm rất tiếc rằng đã muộn quá rồi!

Nàng ngồi phệt xuống sàn nhà, bên cạnh anh và ôm lấy hai đầu gối anh.

- Anh Philip, đừng có ngớ ngẩn. Em cũng nóng tính và em hiểu rằng em xúc phạm anh, nhưng anh hờn dỗi về chuyện đó thì thật là quá ngớ ngẩn và làm cho cả hai người phải khổ sở không có ích gì. Tình bạn của chúng ta tươi vui biết mấy. Nàng đưa mấy ngón tay chậm chậm vuốt ve anh - anh Philip, em yêu anh.

Anh đứng dậy rời khỏi nàng, đi về bên kia gian phòng.

- Anh rất ân hận. Anh không thể làm được gì. Mọi việc đã kết thúc.

- Có phải anh muốn nói anh không yêu em nữa phải không?

- Anh rất tiếc là như vậy.

- Đúng là anh chỉ tìm cơ hội để bỏ em nên anh đã nắm lấy luôn dịp này.

Anh không đáp. Nàng chăm chăm nhìn anh một lúc tưởng như không thể chịu đựng nổi. Nàng vẫn ngồi trên sàn nhà nơi anh vừa bỏ mặc nàng lưng

tựa vào ghế bành, nàng bắt đầu khóc, lặng lẽ âm thầm, không buồn che mặt, từng giọt nước mắt nối tiếp nhau lăn trên má. Nàng không nức nở. Cảnh tượng ấy trông thật thương tâm. Philip ngoảnh mặt đi.

- Anh vô cùng ân hận đã làm em đau khổ, nếu anh không yêu em thì đâu phải lỗi tại anh.

Nàng không đáp, chỉ ngồi đó, người rũ xuống, nước mắt ròn ròn trên má. Nếu nàng trách móc thì có lẽ anh còn chịu đựng được. Anh đã nghĩ thế nào nàng cũng dùng dùng tức giận và anh đã chuẩn bị chấp nhận. Trong thâm tâm, anh đã từng nghĩ sẽ là một trận cãi nhau thực sự, cả hai sẽ nói với nhau những lời thật độc địa, để biện hộ cho thái độ đối xử của mình. Thời khắc trôi qua, cuối cùng những giọt nước mắt âm thầm của Norah dần dần làm Philip hoảng sợ. Anh liền vào phòng ngủ đem ra một cốc nước và cúi xuống đưa cho nàng.

- Em uống một tí nước cho nó dịu đi.

Nàng thờ ơ để môi vào cốc, uống vài ngụm. Rồi nàng hỏi anh khăn tay, giọng thì thào rã rời. Nàng lau nước mắt.

- Dĩ nhiên em đã biết là anh không yêu em như em đã yêu anh - nàng rên rỉ.

- Anh e rằng đó là chuyện thường xảy ra trên đời - anh nói - thường thường là phải một người yêu và một người cứ để cho người ta yêu mình.

Anh nghĩ đến Mildred mà lòng bỗng nhói đau cay đắng. Norah lặng lẽ một lúc lâu không đáp.

- Em đã sống những tháng ngày khốn khổ không hạnh phúc. Cuộc đời em hôm nay sao mà đáng ghét! - Cuối cùng nàng nói.

Nàng không nói với anh mà nói với chính mình. Trước đây chưa bao giờ Philip nghe nàng than thở về cảnh sống với chồng, hay cảnh nghèo túng. Anh vốn khâm phục thái độ gan dạ của nàng trước cuộc đời.

- Rồi anh đã đến với em, anh rất tốt với em. Em mến phục anh vì anh thông minh, và em thật hạnh phúc đã có được một người để gửi gắm niềm tin. Em yêu anh, cứ nghĩ rằng tình ta sẽ không bao giờ chấm dứt và em hoàn toàn không lỗi lầm gì.

Và nước mắt nàng lại đầm đìa nhưng bây giờ nàng đã bình tĩnh hơn, nàng úp mặt trong chiếc khăn tay của Philip. Phải cố gắng khó khăn nàng mới làm chủ được mình.

- Cho em ít nước nữa - nàng nói.

Nàng lau nước mắt.

- Em rất tiếc mình đã xử sự ngớ ngẩn thế này. Em bị bất ngờ quá.

- Norah à, anh vô cùng ân hận. Anh muốn em hiểu rằng anh vô cùng biết ơn em về hết thảy những gì em đã làm cho anh.

Anh hỏi nàng nghĩ gì về anh.

- Chao ôi! Bao giờ cũng vậy - nàng thở dài - nếu mình muốn đàn ông xử sự tốt với mình thì mình phải xấu xa với họ, nếu mình tử tế với họ, họ sẽ vì thế làm cho mình đau khổ.

Nàng đứng lên, nói nàng phải về. Nàng đăm đăm nhìn Philip hồi lâu. Rồi nàng thở dài.

- Thật không thể nào giải thích nổi. Sao lại thế này nhỉ?

Philip bỗng quyết định.

- Anh nghĩ tốt hơn là nên nói em biết. Anh không muốn em nghĩ về anh quá xấu. Anh muốn em hiểu rằng anh không thể nào dừng được. Mildred đã trở về.

Mặt nàng đỏ bừng.

- Tại sao anh không nói ngay với em. Chắc chắn rằng em xứng đáng được biết điều đó.

- Anh cứ e ngại nói ra.

Nàng soi gương sửa lại mũ cho ngay ngắn.

- Anh làm ơn gọi cho em xe ngựa - nàng nói - em cảm thấy không thể đi bộ nổi.

Anh ra cửa, chặn chiếc xe ngựa hai bánh đang đi qua, nhưng lúc nàng theo anh ra đường anh giật mình nhận thấy mặt nàng nhợt nhạt. Nàng bước nặng nề chậm chạp, dường như bỗng chốc trở nên già yếu hơn. Nàng trông như đau ốm đến nỗi anh không còn bụng dạ nào để nàng đi về một mình.

- Để anh đưa em về nhé, có được không?

Nàng không đáp, và anh bước lên xe. Họ im lặng khi xe chạy qua cầu, qua những phố nghèo trẻ con đang chơi đùa la hét ầm ĩ trên đường. Về đến trước cửa nhà, nàng không bước ra ngay. Hình như chân nàng không còn đủ sức để cử động.

- Norah, mong rằng em sẽ tha thứ cho anh - anh nói.

Nàng đưa mắt nhìn anh và anh thấy chúng lại long lanh ướt nhưng miệng cố mím một nụ cười.

- Tội nghiệp! Anh đang lo lắng vì em; anh không nên buồn phiền. Em không trách anh đâu. Em sẽ vượt được!

Để tỏ rằng mình không còn oán giận, nàng nhẹ nhàng vuốt má anh rất nhanh; sau đó nàng nhảy xuống xe và đi vào nhà.

Philip trả tiền xe rồi đi bộ đến nhà Mildred. Lòng anh nặng trĩu. Anh tự trách mình. Nhưng tại sao? Anh không biết lẽ ra anh có thể làm gì khác. Đi qua cửa hàng hoa quả, anh nhớ ra là Mildred thích nho. Anh hết sức khoan khoái có thể bày tỏ tình yêu của anh bằng cách nhớ ra mọi sở thích bất thường của nàng.

Ba tháng tiếp sau, ngày nào Philip cũng đến thăm Mildred. Anh đem theo sách vở, và uống trà xong thì làm việc, trong khi đó Mildred nằm đọc tiểu thuyết, trên ghế trường kỷ. Thỉnh thoảng anh ngược mắt nhìn nàng một lúc, một nụ cười hạnh phúc thoáng hiện trên môi. Nàng dường như cũng cảm thấy anh đang nhìn mình.

- Đừng có phí thì giờ ngấm em, ngốc ạ! Tiếp tục công việc của anh đi -
nàng bảo.

- Bạo chúa! Anh vui vẻ trả lời.

Khi bà chủ nhà bước vào trải khăn bàn để dọn ăn, anh để sách qua một bên, phấn chấn trao đổi với bà vài ba câu bông đùa. Bà là người khu đông Luân Đôn, bé nhỏ, đã đứng tuổi, tính tình vui vẻ, nhanh nhẩu mồm miệng. Mildred và bà đã trở thành đôi bạn thân thiết. Nàng thuật lại cho bà câu chuyện bịa đặt thật khéo léo những hoàn cảnh đã đẩy nàng vào tình thế gay go hiện nay. Câu chuyện làm người đàn bà nhỏ bé tốt bụng áy náy cảm động, từ đấy chẳng khó khăn nào là to lớn đối với bà, nếu như bà làm cho Mildred được thoải mái. Để cho hợp hoàn cảnh, Mildred đề nghị Philip phải mạo nhận là anh trai. Họ cùng ăn với nhau; và Philip vui sướng mê mẩn mỗi khi anh gọi được một món thức ăn nào đáp ứng với khẩu vị khó khăn của Mildred. Anh vô cùng thích thú được ngồi đối diện với nàng và chốc chốc anh lại nắm tay nàng siết chặt, lòng hân hoan mãn nguyện. Ăn xong, nàng ngồi trong chiếc ghế bành cạnh lò sưởi, còn anh ngồi xuống sàn nhà bên cạnh nàng, ngả mình vào đầu gối nàng và hút thuốc. Họ thường không trò chuyện gì và thỉnh thoảng Philip nhận thấy Mildred mơ màng ngủ thiếp đi. Lúc ấy anh không dám cử động làm nàng thức giấc, anh ngồi

yên lặng không nhúc nhích, lơ đãng nhìn lửa cháy, đắm mình trong hạnh phúc.

- Chợp mắt một lúc có dễ chịu không em? Anh mỉm cười hỏi, khi nàng tỉnh dậy.

- Em có ngủ đâu - nàng đáp - em chỉ vừa chợp mắt thôi.

Nàng không bao giờ chịu nhận là mình ngủ. Tính nàng vốn lạnh lùng, thân phận nàng không làm cho nàng thật sự băn khoăn. Nàng lo lắng nhiều cho sức khỏe của mình, ai khuyên bảo gì nàng cũng nghe. Sáng nào đẹp trời nàng cũng đi ra ngoài tản bộ một lúc. Khi trời không lạnh quá, nàng ngồi chơi trong công viên St. James, thì giờ còn lại trong ngày, nàng hoàn toàn thoải mái ngồi trên trường kỷ liêm miên đọc hết cuốn truyện này đến cuốn truyện khác, hoặc buôn chuyện phiếm với bà chủ nhà, những chuyện ngồi lê đôi mách thì nàng rất quan tâm và không bao giờ cạn; nàng kể cho Philip chi tiết về lai lịch bà chủ nhà, của những người trọ ở tầng dưới và của hàng xóm láng giềng hoặc bên dãy sát vách đường. Thịnh thoảng nàng hoảng sợ khóc lóc với Philip về chuyện đau đẻ, khủng khiếp lo rằng có thể nàng sẽ chết; nàng kể lại cho anh cạn kể chuyện sinh nở của bà chủ nhà, của bà ở tầng dưới (Mildred không quen biết bà này; em là người kín đáo - nàng nói - em không phải là người thích giao du với bất cứ ai) rồi nàng miêu tả thật chi tiết, pha trộn một cách kỳ quặc những cảnh ghê người một cách khoái trá, nhưng phần lớn thời gian nàng đón chờ đến kỳ thai sinh một cách bình tĩnh.

- Nói cho cùng, em đâu có phải người đầu tiên sinh nở, phải không? Bác sĩ dặn em đừng lo. Anh biết không, nếu như em không được khỏe mạnh thì mới sợ.

Khi đến gần ngày sinh nở, bà Owen chủ nhà hộ sinh nàng sẽ đến, giới thiệu cho một bác sĩ, mỗi tuần Mildred đi khám thai một lần và phải trả phí tổn cho ông ta mười lăm đồng.

- Dĩ nhiên em có thể xoay xở khám nơi khác rẻ hơn nhưng bà Owen nhiệt tình giới thiệu ông ta, nên em nghĩ thà tốn kém một ít mà mẹ tròn con vuông còn hơn.

- Nếu em thấy sung sướng và an tâm thì anh chẳng mấy may quan tâm đến vấn đề chi tiêu.

Nàng chấp nhận mọi việc Philip lo cho nàng, xem đó cứ như là chuyện tự nhiên nhất đời, về phía mình anh lại thích được tiêu pha cho nàng, mỗi lần đưa cho nàng một tờ năm bảng là mỗi lần anh cảm thấy ít nhiều sung sướng và tự hào; anh cho nàng khá nhiều bởi vì nàng không tiết kiệm.

- Em không biết tiền bạc chạy đi đâu hết - nàng nói - dường như nó tuột qua tay em cứ như nước ấy.

- Không sao em ạ - Philip nói - Anh rất sung sướng có thể làm được cho em bất kỳ điều gì.

Nàng may vá không giỏi, vì thế nàng không chuẩn bị các thứ cần thiết cho đứa bé sơ sinh; nàng bảo Philip rằng những thứ ấy mua thì rẻ hơn nhiều. Cách đây không lâu, Philip bán đi một văn tự cầm cố có ghi số tiền anh đã gửi; giờ đây với năm trăm bảng ở ngân hàng chờ được đầu tư vào một việc gì đó có thể dễ dàng thực hiện hơn, anh thấy mình khá giả phi thường. Họ hay bàn về tương lai, Philip muốn Mildred tự nuôi con lấy, nhưng nàng không chịu, nàng cần phải kiếm sống; không phải chăm sóc đứa bé, công việc làm ăn của nàng sẽ dễ dàng hơn. Nàng dự tính sẽ trở lại một trong những cửa hàng của công ty nàng đã làm việc trước đây, còn đứa

bé thì nàng có thể gửi cho một người đàn bà nào đứng đắn ở thôn quê trông nom.

- Chi ra bảy xu một tuần, em có thể tìm người trông nom cháu tử tế. Như thế thì hay hơn cho em và cho con em.

Philip xem đó như một việc nhẩn tâm, nhưng khi anh cố phân tích cho nàng hiểu điều phải trái thì nàng lại vờ như cho rằng anh lo ngại tiêu pha.

- Anh không cần lo nghĩ chuyện đó - Nàng nói - Em sẽ không yêu cầu anh trả đâu.

- Em thừa biết là trả bao nhiêu, anh cũng không cần.

Trong thâm tâm Mildred mong đứa bé sẽ chết non ngay lúc đẻ. Tuy nàng không thể hiện gì ngoài những lời xa xôi bóng gió nhưng Philip hiểu rằng nàng thực sự nghĩ đến điều đó. Thoạt đầu Philip cảm thấy bàng hoàng kinh tởm, nhưng sau khi cân nhắc mọi lẽ, anh buộc phải thú nhận rằng đây là giải pháp tốt nhất.

- Nói thế này thế nọ đều rất hay cả đấy - Mildred nhận định giọng rầu rĩ - nhưng đàn bà con gái phải một mình kiếm sống thì thật hết sức khó khăn. Mà khi họ lại có con nữa thì lại càng không dễ dàng một tí nào.

- May thay em đã có anh để cầu cứu - Philip mỉm cười nắm tay nàng.

- Anh thật tốt với em, Philip ạ.

- Ồ, nói vớ vẩn.

- Anh cũng không nói là em đã không hiến dâng anh một cái gì để đền đáp lại những điều anh đã làm.

- Trời ơi, anh không muốn chuyện đền đáp. Nếu anh làm một cái gì cho em là vì anh yêu em. Em không mảy may chịu ơn anh. Anh không muốn ở em bất kỳ điều gì ngoại trừ tình yêu của em.

Anh có phần ghê tởm với cách cảm nghĩ rằng thể xác nàng là một loại hàng hóa có thể giao nộp một cách dửng dưng, coi như đấy phải là vật lễ để tạ ơn cho mọi sự giúp đỡ.

- Nhưng em rất mong muốn được đền đáp mà, anh Philip ạ, anh quá tốt với em.

- Được, cứ đợi đã, chẳng hại gì. Khi nào sức khỏe hồi phục chúng ta sẽ đi hưởng một tuần trăng mật bé nhỏ của chúng ta.

- Ủ, hư đốn, nàng mỉm cười nói.

Mildred tính mình sẽ ở cữ vào đầu tháng ba và sau đó ngay lúc nào đã khỏe mạnh thì đi nghỉ nửa tháng ở bờ biển, như vậy Philip sẽ có điều kiện học hành chuẩn bị cho kỳ thi mà không bị gián đoạn, sau đó đến ngày lễ Phục sinh thì họ thu xếp để cùng đi Pari. Philip nói không biết chán về những việc họ sẽ làm vào thời gian này, lúc ấy Pari thích lắm. Họ sẽ thuê một buồng tại một khách sạn nhỏ Philip đã biết ở khu vực La Tinh, còn họ sẽ đến ăn tại đủ loại quán ăn nhỏ, duyên dáng; họ sẽ đi xem kịch, anh sẽ dẫn nàng đi xem ca múa nhạc. Được gặp bạn bè anh, hẳn nàng sẽ vui thích. Anh nói chuyện với nàng về Cronshaw, nàng sẽ gặp ông ta, lại có cả Lawson, hẳn đã đến Pari và ở lại khoảng một hai tháng, họ sẽ đi đến Bal Ballier, rồi những chuyến du ngoạn; họ sẽ đi tham quan Versailles, Chartres, Fontainebleau.

- Thế thì tốn tiền lắm! Nàng nói.

-Ồ, vứt bég cái chuyện tiền nong đi! Em thử nghĩ xem anh đang nóng lòng chờ đợi chuyển đi đó biết bao nhiêu. Em không hiểu được điều đó có ý nghĩa thế nào đối với anh sao? Trước đây anh chưa từng yêu ai ngoài em. Và về sau, anh cũng sẽ không yêu ai.

Nàng lắng nghe nhiệt tình của anh, mắt nàng long lanh như cười vui. Anh tưởng chừng đọc được trong đó một tình cảm triu mến mới lạ và anh biết ơn nàng. Nàng dịu dàng hơn trước nhiều. Không còn nữa cái tính kiêu kỳ đã từng chọc anh. Bây giờ nàng đã quen với anh đến nỗi trước mặt anh, nàng không cần phải phô trương màu mè; nàng không còn lo chải chuốt đầu tóc tỉ mỉ như xưa, mà chỉ buộc một cái nơ, cái kiểu để tóc lòa xòa ngang trán trước đây vốn ưa thích giờ nàng đã từ bỏ. Nàng hợp với những kiểu thật giản dị; mặt nàng gầy khiến cặp mắt có vẻ rất to, phía dưới quần sâu nên màu xanh đôi gò má lại càng làm cho chúng thêm thăm thẳm. Nàng có cái nhìn ham muốn khát khao vô cùng xúc động. Philip thấy ở nàng phảng phất một cái gì đó của Đức mẹ Đồng Trinh. Anh ước mong cặp mắt đó cứ mãi mãi như vậy. Trong đời anh chưa bao giờ anh sung sướng hơn giờ phút này.

Thường lệ đêm nào anh cũng ra về vào lúc mười giờ vì nàng thích đi ngủ sớm, còn anh buộc phải làm thêm hai giờ nữa để bù vào khoảng thời gian mất mát lúc tối. Trước khi ra về, anh thường chải tóc cho nàng. Lúc chia tay, đêm nào anh cũng hôn nàng như một trình tự nghi lễ; trước tiên anh hôn lòng bàn tay (mấy ngón tay sao mà khẳng khiu, móng thì thật đẹp vì nàng dành rất nhiều thì giờ để chăm chút) rồi sau đó đến cặp mắt nhắm lại của nàng, mắt phải trước, mắt trái sau, và cuối cùng anh mới hôn lên môi. Anh ước mong có dịp được thỏa mãn nỗi khát khao đang thiêu đốt lòng anh; anh sẵn sàng quên mình vì nàng.

Chẳng bao lâu đã đến lúc nàng phải đến nhà hộ sinh. Philip chỉ có thể đến thăm nàng vào buổi chiều. Mildred đã thay đổi câu chuyện đời mình, giờ đây nàng là vợ một người lính phải trở về trung đoàn của mình đang ở Ấn Độ, còn Philip thì được giới thiệu với bà giám đốc bệnh viện là anh rể.

- Bây giờ nói năng điều gì, em phải cẩn thận - nàng nói với anh - vì ở đây có một bà, chồng làm việc ở cơ quan dân sự bên Ấn Độ.

- Ở địa vị em, anh chẳng lo lắng điều ấy - Philip nói - Anh tin chắc chồng bà ấy và chồng em đi Ấn Độ trên cùng một chuyến tàu.

- Tàu nào? Nàng ngây thơ hỏi.

- Tàu Flying Dutchman (tàu ma)

Mildred sinh con gái, mẹ tròn con vuông; khi Philip được phép vào thăm thì đứa bé đang nằm bên cạnh mẹ. Mildred rất yếu, nhưng nàng cũng nhẹ người vì mọi việc đã xong xuôi. Nàng để anh xem đứa bé, và bản thân nàng cũng tò mò nhìn nó.

- Trông con bé buồn cười anh nhỉ? Em không thể tin được đây là con em!

Đứa bé đỏ hỏn, nhăn nheo nom kỳ quặc. Nhìn đứa bé Philip mỉm cười. Anh hoàn toàn không biết nói gì; anh lúng túng vì cô y tá bệnh viện đang đứng cạnh anh, với cung cách cô đang nhìn, anh cảm thấy là cô không tin câu chuyện rắc rối của Mildred, mà cô tin rằng anh mới là cha đứa bé.

- Em sẽ đặt tên cho cháu là gì? Philip hỏi.

- Em chưa quyết định sẽ đặt tên cháu là Madeleine hay Cecilia.

Cô y tá để họ một mình trong mấy phút, và Philip bèn cúi xuống hôn lên môi Mildred.

- Em yêu quý, anh rất sung sướng, mọi việc đã xong xuôi may mắn.

Nàng choàng tay ôm lấy cổ anh.

- Anh Philip yêu quý, anh là người rộng lượng với em.

- Bây giờ anh cảm thấy cuối cùng thì em là của anh. Em yêu quý, anh chờ đợi em từ lâu lắm rồi.

Họ nghe có tiếng bước chân của cô y tá ngoài cửa, Philip vội vàng đứng lên. Cô bước vào, một nụ cười thoáng trên môi.

Ba tuần sau, Philip tiễn mẹ con Mildred trở về Brighton. Nàng bình phục nhanh, chưa bao giờ anh thấy nàng khỏe mạnh hơn lúc này. Nàng đến một nhà nấu cơm tháng, mà nàng đã hai lần nghỉ cuối tuần với Emil Miller, nàng đã viết thư cho họ nói rằng chồng có công việc buôn bán nên đã đi Đức, và nàng sẽ đến mang theo cả con. Nàng lấy làm thích thú với những chuyện nàng bịa đặt và các tình tiết của câu chuyện chứng tỏ nàng có sức tưởng tượng khá phong phú. Mildred đề nghị tìm ở Brighton một người đàn bà sẵn lòng nhận nuôi đứa bé. Philip giật mình vì sự nhẫn tâm của nàng, nàng cứ khăng khăng tống khứ đứa bé sớm quá như thế, nhưng nàng lý luận một cách có ý thức rằng: đem gửi đứa trẻ tội nghiệp ở nơi nào đó ngay trước khi nó bén hơi mẹ thì tốt cho nó hơn. Philip hy vọng rằng sau khi để con được vài ba tuần, thì tình mẫu tử sẽ phát sinh, nên anh tính sẽ dựa vào điều này để thuyết phục nàng giữ con lại, nhưng chẳng có việc nào như vậy xảy ra. Mildred không khó chịu với con, nàng làm mọi việc cần thiết, thỉnh thoảng nàng cũng thấy thích và luôn mồm kể chuyện về nó, nhưng trong lòng thì nàng vẫn thấy dửng dưng. Nàng không xem nó như một phần máu thịt của mình. Chưa gì nàng đã nhận thấy con bé giống cha. Nàng luôn tự hỏi mai khi nó lớn lên nàng sẽ nuôi nấng dạy dỗ nó ra sao và nàng bực tức với chính mình đã ngốc nghếch mới chuốc một đứa con vào thân như vậy.

- Giá mà hồi đó em hiểu biết được mọi điều như bây giờ - nàng nói.

Nàng cười chế nhạo Philip, vì anh lo lắng về chuyện chăm nom săn sóc đứa bé.

- Giả sử anh là bố nó thì chắc anh cũng không thể cưỡng cưỡng hơn thế - nàng nói - em thích được xem Emil lâm vào tình trạng bối rối như thế nào vì nó.

Đầu óc Philip chất chứa những chuyện giữ trẻ anh đã nghe được và những hạng người thú vật hành hạ lũ trẻ bất hạnh bị bố mẹ ích kỷ tàn nhẫn giao phó cho họ trông nom nuôi nấng.

- Đừng có ngớ ngẩn như thế? Mildred bảo. Đó là trường hợp anh trả khoán một lần cho bà giữ trẻ ngay. Nếu trả tiền từng tuần một thôi thì vì quyền lợi họ phải trông nom đứa bé tử tế.

Philip cứ khẳng khẳng là Mildred phải giao đứa bé cho người nào đó không có con và họ phải cam đoan không giữ một đứa bé nào khác.

- Đừng có mặc cả - anh bảo - anh thà tốn năm hào một tuần còn hơn là cứ phải lo lắng con bé có thể bị bỏ đói hay bị đánh đập.

- Anh ngốc nghếch đến buồn cười! Nàng cười nói.

Trông cái thân hình yếu đuối bất lực của đứa bé, Philip cảm thấy trong lòng dấy lên một cái gì đó thật cảm động. Nó bé bỏng, xấu xí và hay quấy. Mẹ nó thai nghén nó trong túi hổ, đau buồn. Chẳng một ai muốn có nó. Nhờ có anh, một kẻ xa lạ, nó mới được nôi cái ăn, chốn ở, và manh quần tấm áo che thân.

Khi tàu chuyển bánh, anh hôn Mildred, anh cũng định thơm cả con bé, nhưng anh lại sợ nàng cười.

- Em yêu, viết thư cho anh nhé, được không? Anh cháy lòng cháy ruột chờ đợi em về đấy!

- Anh hãy cố gắng thi cử cho tốt đấy!

Anh cần cù học tập cho kỳ thi, bây giờ trước mắt chỉ còn mười ngày nỗ lực cuối cùng. Anh rất mong thi đỗ, trước hết là để tiết kiệm thời gian và tiền bạc, vì trong bốn tháng qua tiền cứ vèo vèo lọt qua kẽ tay anh không ngờ nổi, thứ đến là bởi vì kỳ thi này sẽ kết thúc thời kỳ lao động cực nhọc. Thi xong sinh viên sẽ học về nội khoa, sản khoa và phẫu thuật, nếu anh đem so sánh thì các môn này thú vị hơn, sinh động hơn cơ thể học và sinh lý học là những môn anh đã tiếp xúc từ trước đến nay. Phần còn lại của chương trình được Philip quan tâm chờ đợi. Anh cũng chẳng thích sẽ phải thú nhận với Mildred mình thi hỏng, mặc dù chuyện thi cử là khó khăn và phần đông thí sinh bị đánh trượt trong cố gắng lần đầu nhưng anh biết nàng sẽ nghĩ về anh không tốt đẹp gì nếu như anh không đỗ, nàng có cái lối làm nhục khác thường để bày tỏ điều nàng suy nghĩ.

Mildred gửi cho anh một bưu thiệp báo tin nàng đến nơi bình yên, còn anh thì mỗi ngày tranh thủ nửa giờ viết cho nàng một bức thư dài. Khi diễn đạt lời lẽ anh thường e dè nhút nhát, nhưng cũng đến lúc anh có thể kể cho nàng đủ mọi chuyện anh cảm thấy lỗ bịch nếu nói ra bằng miệng và anh liền lợi dụng điều này để thổ lộ cặn kẽ nỗi lòng. Trước đây anh chưa bao giờ diễn đạt nỗi tình thương tha thiết của anh với nàng, tình yêu ấy là từng mảng, từng mảng ăm ắp hồn anh đến nỗi mọi hành động là một phần của tình yêu ấy; ngay cả mọi suy nghĩ của tâm hồn anh, cũng là một phần của tình yêu ấy. Anh viết cho nàng về tương lai, về hạnh phúc, tất cả đang bày ra trước mắt anh, về lòng biết ơn của anh đối với nàng. Anh tự hỏi (trước đây anh vẫn cũng thường tự hỏi nhưng chưa bao giờ anh diễn đạt bằng lời) không hiểu điều gì trong nàng đã khiến anh mê si đến thế, anh không biết, anh chỉ biết khi nàng ở bên cạnh thì anh hạnh phúc và khi nàng ra đi thì trần gian bỗng trở nên u ám lạnh lùng; anh chỉ biết rằng mỗi khi nghĩ đến nàng thì trái tim trong ngực anh đập nhanh đến mức niềm vui khi nàng có mặt trở thành hầu như một nỗi đau đầu; đầu gối anh run lên, anh cảm thấy yếu đuối và kiệt đi vì đói khát. Anh nóng lòng mong đợi thư nàng trả lời. Anh không trông mong nàng viết thư vì anh biết nàng viết khó khăn; anh

hoàn toàn hài lòng với mảnh thư ngắn ngủi vụng về gửi đến trả lời cho bốn phong thư của anh. Nàng nói về nhà nấu cơm tháng mà nàng thuê một buồng, bà ta rất thích trẻ con; tối thứ bảy nàng đi xem kịch, Brighton bây giờ tràn ngập người là người. Điều này làm cho Philip cảm động vì nó rất thực tế. Lối viết lãng nhãng, nội dung câu nệ hình thức làm cho anh muốn bật cười, muốn ôm chầm lấy nàng trong vòng tay và hôn nàng.

Anh bước vào kỳ thi, lòng vui vẻ tin tưởng chẳng đề thi nào làm anh lúng túng. Anh biết anh làm bài tốt và đầu cho phần hai của kỳ thi là môn vấn đáp mà anh có phần lo lắng hơn, nhưng anh cũng tìm được cách trả lời đầy đủ các câu hỏi. Khi kết thúc và kết quả được công bố, anh gửi một điện báo tin thắng lợi cho Mildred.

Khi về đến nhà, Philip thấy một bức thư của Mildred. Nàng nói sẽ ở lại Brighton. Nàng nghĩ vậy, như thế sẽ tốt hơn. Nàng đã tìm được một bà sẵn lòng nhận giữ đứa bé bảy silinh một tuần nhưng nàng còn muốn dò hỏi thêm về bà ta, giá biểu rất có lợi cho nàng, nên nàng tin chắc rằng mấy ngày ở lại thêm sẽ đem lại cho nàng rất nhiều điều tốt lành. Nàng ghét phải xin thêm tiền Philip nhưng liệu nhận được thư này anh có gửi cho nàng một ít được chẳng, vì nàng phải mua một cái mũ mới, nàng không thể mỗi lần đi chơi với người bạn gái cũng vẫn cứ dùng một chiếc mũ, còn chị ta thì ăn mặc rất sang trọng. Anh chợt cảm thấy thất vọng cay đắng. Bức thư đã làm tiêu tan mọi niềm vui thi đỗ.

- Giá mà nàng yêu ta bằng một phần tư ta yêu nàng thì nàng sẽ không thể nào chịu nổi xa nhau thêm dù chỉ là một ngày.

Anh vội vàng gạt bỏ ý nghĩ này, sao anh có thể ích kỷ như vậy; dĩ nhiên sức khỏe của nàng phải để lên hàng đầu. Nhưng hiện nay anh không phải làm gì, anh có thể đến Brighton với nàng một tuần và cả ngày họ có thể ở bên nhau. Nghĩ đến đây lòng anh đã thấy rộn ràng. Thú vị biết bao bỗng

nhiên anh lại xuất hiện trước mặt Mildred nói là anh đã thuê được phòng ở nhà trọ cơm tháng. Anh xem giờ tàu. Nhưng anh bỗng dừng lại. Anh không chắc nàng sẽ vui mừng gặp anh ở Brighton; anh vốn trầm lặng, còn nàng lại thích vui vẻ ồn ào, anh đã biết nàng thích vui với người khác hơn là với anh. Phải ngời nghĩ rằng mình làm nàng mất vui chỉ trong giây lát cũng đủ khiến anh cảm thấy khổ sở. Anh sợ, anh không dám liều. Thậm chí viết thư gợi ý rằng không có việc gì giữ anh lại thành phố này, rằng anh thích được sống một tuần lễ ở nơi anh có thể gặp nàng hàng ngày anh cũng không viết. Nàng biết anh dối, nếu nàng muốn anh đến hẳn nàng đã phải yêu cầu anh. Đưa ra những đề nghị này để rồi nhận phải những lời thoái thác từ chối ư? Không, anh không đủ sức chịu đựng nỗi điều này.

Hôm sau anh viết thư và gửi nàng năm bảng. Cuối thư, anh nói thêm nếu nàng muốn gặp anh cuối tuần, thì anh sẽ sẵn sàng đáp tàu đi Brighton, nhưng bất kỳ thế nào nàng cũng không nên vì anh mà thay đổi kế hoạch của mình. Anh nóng lòng đợi thư trả lời. Trong thư phúc đáp nàng nói giá mà nàng biết trước thì có thể thu xếp được, nhưng nàng đã hẹn đi xem ca múa nhạc tối thứ bảy, và lại nếu anh có mặt ở đó sẽ làm thiên hạ bàn tán ra vào. Tại sao anh không đến vào sáng chủ nhật rồi ở lại cả ngày? Họ sẽ ăn trưa ở khách sạn Metrophole rồi sau đó, nàng sẽ đưa anh đi gặp người sắp trông nom đứa bé, một bà có dáng dấp rất thương lưu, quý phái.

Chủ nhật tới may mắn sao lại là ngày đẹp trời. Lúc tàu gần đến Brighton, qua cửa sổ nàng ào vào tràn trề cả toa, Mildred đứng chờ anh trên sân ga.

- Đi đón anh thế này thì em tử tế quá chừng! Anh kêu lên nắm lấy tay nàng.

- Thì anh cũng mong em làm như vậy đúng không?

- Đúng, anh đã hy vọng là em sẽ đi đón anh. Này, trông em khỏe khoản lắm đấy.

- Cũng chẳng tốt lắm đâu. Em cho rằng em được ở đây lâu lâu nữa thì em mới là khôn ngoan. Ở nhà trọ này là những người rất thú vị. Suốt mấy tháng trời chẳng gặp ai. Em cần được vui. Lắm lúc em thấy chán ngắt.

Nàng trông rất sang, đầu đội mũ, một cái mũ to màu đen có đính đầy những bông hoa rẻ tiền, phất phơ quanh cổ là chiếc khăn dài thêu bằng lông thiên nga giả. Nàng vẫn rất gầy. Khi bước đi lưng nàng hơi còng còng (dáng đi của nàng vốn thế) nhưng cặp mắt của nàng hôm nay có vẻ không to lắm, nước da tuy chưa bao giờ được hồng hào, nhưng lúc này đã không còn thô như trước. Hai người đi xuống bãi biển. Nhớ ra là đã nhiều tháng nay anh không đi dạo với nàng. Philip chợt cảm thấy rất rõ mình đi khắp khiêng, nên anh cố bước cho thật thẳng để che giấu nó.

- Em có vui được gặp anh không? - Anh hỏi lòng rạo rức yêu thương đến rồ dại.

- Dĩ nhiên, anh không cần phải hỏi thế.

- À này, Griffiths nhờ anh chuyển đến em tình cảm yêu thương của hắn.

-Ồ cái đồ trơ tráo.

Philip đã kể cho nàng nghe rất nhiều về Griffiths. Anh cho nàng biết y là kẻ yêu đương nhăng nhít như thế nào, và để nàng vui, anh thuật lại một vài cuộc tình Griffiths đã kể cho anh nghe và yêu cầu anh giữ bí mật. Mildred lắng nghe, thỉnh thoảng làm ra vẻ ghê tởm, nhưng nói chung là tò mò muốn biết, còn Philip bằng một giọng ngưỡng mộ hết lời vẽ thêm về sức hấp dẫn cùng diện mạo của bạn mình.

- Chắc chắn em sẽ thích anh ấy như anh. Anh ấy là người hoạt bát, vui nhộn và rất là tốt bụng.

Philip kể Mildred nghe chuyện khi họ chưa hoàn toàn quan hệ với nhau, Griffiths đã chăm sóc anh suốt thời gian anh bị bệnh và khẳng định tinh thần quên mình của Griffiths không phải là uổng phí.

- Thật khó mà không mến anh ta - Philip nói.

- Em không ưa những anh chàng điển trai - Mildred nói - em nghĩ rằng họ quá kênh kiệu.

- Anh ta muốn làm quen với em. Anh đã nói với anh ấy rất nhiều về em.

- Anh nói những gì? Mildred hỏi.

Trừ Griffiths, Philip chẳng còn ai để mà tâm sự về tình yêu của anh với Mildred, nên dần dà anh đã thuật lại cho y nghe toàn bộ câu chuyện quan hệ giữa anh với nàng. Đã có tới hàng trăm lần anh mô tả hình dáng nàng với y, say đắm nhấn mạnh từng chi tiết dung nhan diện mạo của nàng, bởi vậy Griffiths biết chính xác hình dáng tay nàng gầy guộc ra sao, gương mặt nàng xanh xao thế nào, và khi anh nói về sức quyến rũ của đôi môi tái nhợt thì y cười Philip.

- Trời ạ! Cũng may mà tôi không nhìn thấy sự vật bi quan như thế - y nói - nếu vậy thì đời chẳng còn gì đáng sống.

Philip mỉm cười, Griffiths không hiểu được thế nào là hạnh phúc của một mối tình yêu đương cuồng nhiệt, nó giống đồ ăn, thức uống, như không khí

để thờ, và bất cứ cái gì cần cho cuộc sống. Griffiths biết Philip chăm sóc cô gái này trong khi nàng sinh cháu bé và hiện nay sắp đi ở nơi khác với nàng.

- Thôi thế thì cũng phải nói rằng anh xứng đáng được đến đáp đấy, - Y nhận xét chắc rằng anh phải tốn một số tiền kha khá đấy. Cũng may là anh có đủ khả năng để làm việc đó.

- Tôi không có khả năng đâu. Nhưng cần gì.

Vì còn sớm chưa đến giờ ăn trưa, Philip và Mildred ngồi chơi ở một điểm xe đỗ trên đường đi dạo mát, tắm nắng và nhìn khách đi qua đường. Những anh chàng chào hàng ở các cửa hiệu Brighton từng tốp hai ba người vừa đi vừa vung vẩy chiếc can trên tay còn các cô bán hàng thì từng đám thông dong khúc kha, khúc khích. Người ta có thể phân biệt được ai là người từ Luân Đôn đến nghỉ trong một ngày, giá rét buốt làm cho họ thêm mệt mỏi. Có nhiều người Do Thái, có những bà béo mập, quần áo sa tanh bó sát, người đẩy kim cương, những ông chồng béo tốt thấp lùn, khoa chân khoa tay kiểu cách, có các ông đứng tuổi, ăn mặc chỉnh tề, đến nghỉ cuối tuần tại một trong số những khách sạn lớn; sau một bữa điểm tâm quá nhiều chất bổ, họ siêng năng cần mẫn dạo bước để ăn cho được ngon miệng một bữa trưa cũng quá nhiều chất bổ; họ chuyện trò về thời tiết với bạn bè, bàn về Dr Brighton hay London by the Sea. Đây đó một diễn viên nổi tiếng đi qua cố tình làm ra vẻ không biết đến sự chú ý của thiên hạ đối với hắn, lúc thì hắn mang giày da, loại da trơn bóng lộn, áo choàng ngoài cổ màu lông cừu Astrakhan, tay cầm can có đầu bịt bạc, lúc thì hắn mặc quần chèn gối, áo choàng dài rộng bằng vải tuyết Harriz, mũ vải tuyết đội lệch ra sau gáy dạo chơi như vừa về sau một ngày đi săn. Nắng long lanh trên mặt biển trong xanh phẳng lặng.

Ăn trưa xong, họ đến Hove thăm người đàn bà sẽ nhận nuôi dưỡng đứa bé. Bà ta ở một căn nhà nhỏ nhưng sạch sẽ, gọn gàng trong một phố hẻo

lánh. Tên bà là Harding, đã quá tuổi trung niên, người béo, tóc hoa râm, mắt đỏ, hai má phúng phính. Dưới cái mũ vải bông bà có dáng dấp của người mẹ hiền và Philip nghĩ rằng có thể bà là người nhân hậu.

Bà không nhận thấy việc trông trẻ là khó chịu? Anh hỏi.

Bà giải thích chồng bà là cha phó, hơn bà rất nhiều tuổi, ông hiện đang gặp khó khăn, không có công việc thường xuyên cố định, vì các cha sở thích được những người trẻ giúp việc, thỉnh thoảng khi có người nào ốm đau hoặc nghỉ phép, ông thay thế họ mới kiếm được một ít và một tổ chức từ thiện có trợ cấp cho vợ chồng bà một số tiền ít ỏi, nhưng cách sống của bà quạnh hiu nên việc chăm sóc trẻ của bà cũng là để có việc cho khuây khỏa, thêm nữa mỗi tuần được số tiền công một vài silinh cũng giúp bà tiếp tục mọi việc. Bà hứa là đứa bé sẽ được nuôi dưỡng chu đáo.

- Đúng là một bà quý phái phải không anh? Mildred nói khi họ ra về.

Họ trở lại uống trà ở khách sạn Metropole. Mildred thích chỗ đông người, thích đàn nhạc. Philip đã chán chuyện trò, anh quan sát mặt Mildred khi nàng chăm chăm ngắm nhìn quần áo của đám phụ nữ đi vào. Nàng có cái tài đặc biệt đánh giá các đồ vật rất nhanh nhạy và chốc chốc lại ghé về phía anh, thầm thì kết quả những suy ngẫm của mình.

- Anh có nhìn thấy cái trâm kia không? Ít nhất cũng bảy ghi-nê.

Hoặc là: - Anh Philip, anh nhìn cái áo lông chồn kia, da thỏ đấy, không phải là lông chồn đâu.

Rồi nàng cười đắc thắng.

- Mới nhìn thoáng một cái là em đã biết ngay.

Philip mỉm cười sung sướng. Anh mừng thấy nàng vui thích, và những câu chuyện thật thà của nàng làm anh vừa thú vị vừa cảm động.

Dàn nhạc tấu toàn những bản nhạc tình cảm.

Ăn trưa xong, họ ra ga, Philip khoác tay nàng. Anh nói cho nàng biết những việc anh đã thu xếp cho cuộc hành trình của họ sang Pháp cuối tuần. Nàng phải trở về Luân Đôn, nhưng nàng bảo là phải đến hết thứ bảy tuần sau mới về được. Anh đã giữ trước phòng tại khách sạn ở Pari và đang háo hức chờ đợi cái ngày được đi mua vé tàu.

- Đi tàu hạng nhì, em đồng ý không? Chúng mình không nên phung phí, điều quan trọng là khi sang bên ấy ta có thể sống làm sao cho thật thoải mái.

Anh kể với nàng hàng trăm lần về khu La tinh. Đến khu này họ sẽ cùng nhau thơ thẩn qua những phố cổ vui vẻ, sẽ đến ngồi nghỉ ngơi trong các công viên xinh đẹp của Luxembourg. Khi đã chán Pari, và nếu lại gặp buổi đẹp trời, họ có thể đi Fontaineblau. Cây cối lúc ấy hẳn đang đậm chồi nảy lộc. Ôi cái màu xanh của rừng xanh! Anh chưa thấy một điều gì có thể đẹp hơn. Nó đẹp như một lời ca; nó đẹp như một niềm vui của nỗi đau khổ của tình yêu. Mildred im lặng lắng nghe. Anh quay lại; cố nhìn sâu vào cặp mắt nàng:

- Em có muốn đi không? Anh hỏi.

- Dĩ nhiên là em muốn đi.

- Em không biết anh trông chờ chuyến đi này như thế nào đâu. Anh rất lo không biết anh sẽ làm gì để qua nổi những ngày sắp tới. Anh rất lo ngại có

điều gì đó xảy ra cản trở chuyến đi. Có những lúc người anh như muốn phát rồ, phát dại vì không nói được với em rằng anh yêu em biết nhường nào. Và cuối cùng, cuối cùng...

Anh đột nhiên dừng lại. Đã đến nhà ga, hai người đã la cà lãng phí thời gian trên đường, nên Philip chỉ còn vừa đủ thì giờ nói lời tạm biệt (chúc nàng một đêm tốt lành).

Anh hôn nàng vội vã và cố chạy thật nhanh đến cửa bán vé. Nàng còn đứng tại chỗ, nơi anh vừa chào từ biệt. Khi anh chạy, trông anh thật lố bịch.

Anh hôn nàng vội vã và cố chạy thật nhanh đến cửa bán vé. Nàng còn đứng tại chỗ, nơi anh vừa chào từ biệt. Khi anh chạy, trông anh thật lố bịch.

Anh chờ ngày thứ bảy tiếp theo, Mildred trở về, tối hôm đó Philip giữ rịt nàng cho riêng mình. Anh cùng nàng đi ăn cơm, có cả sâm banh. Rồi anh lấy vé đi xem kịch. Đã lâu lắm đây là cuộc vui đầu tiên của nàng ở Luân Đôn nên cái gì cũng làm cho nàng ngây thơ thích thú. Khi họ rời nhà hát đi về căn phòng anh thuê cho nàng ở Pimlico, trên xe, nàng âu yếm nép sát vào người anh.

- Bây giờ thì anh thật sự tin rằng em rất sung sướng được gặp anh. - Anh nói.

Nàng không đáp nhưng dịu dàng siết chặt tay anh. Ở nàng cách biểu lộ tình cảm như thế này là chuyện rất hiếm. Philip cảm thấy lâng lâng hạnh phúc.

- Anh đã mời Griffiths ngày mai đến ăn cơm với chúng mình. - Anh nói với nàng.

-Ồ, thật vui là anh đã làm như vậy. Em cũng muốn làm quen với anh ta.

Tối chủ nhật thì không thể có chỗ nào để dẫn nàng đến vui chơi giải trí, Philip sợ nàng ở nhà cả ngày với anh một mình thì buồn. Griffiths con người vui nhộn có thể giúp họ giải trí suốt tối; Philip thì thấy quý cả hai nên anh muốn họ làm quen với nhau rồi thân nhau. Lúc ra về anh nói với Mildred:

- Chỉ còn sáu ngày nữa.

Họ dự định sẽ đi ăn tối tại khách sạn Romano vào chủ nhật. Vì là bữa cơm thịnh soạn nên hình như họ phải trả giá đắt hơn bình thường. Philip và Mildred đến trước, phải đợi Griffiths một lúc.

- Thằng quỷ này chúa hay đến trễ - Philip nói. Hẳn là cu cậu lại đang tình tự với một ả nào trong đám mỹ nhân của hẳn.

Nhưng Philip vừa dứt lời thì y xuất hiện. Y đẹp trai, người cao, và mảnh, đầu và thân thể cân đối, cử chỉ duyên dáng hấp dẫn; tóc quăn, cặp mắt xanh nhìn thân mật, bạo dạn, môi đỏ tươi, tất cả đều có sức quyến rũ, qua ánh mắt Mildred nhìn Griffiths, Philip thấy nàng biết đánh giá đúng anh chàng này, và anh thấy thoả mãn lạ lùng. Griffiths mỉm cười chào hai người.

- Tôi đã nghe nói nhiều về chị - y nói với Mildred khi bắt tay nàng.

- Nhưng không nhiều bằng tôi nghe về anh - nàng đáp.

- Mà cũng không xấu - Philip nói.

- Anh ấy có bôi đen tính nết của tôi không hả chị? Griffiths cười, hàm răng trắng trẻo đều đặn làm sao, còn nụ cười thì sao mà dễ thương đến thế, Mildred nhận định như vậy và Philip cũng thấy được cái nhìn đó.

- Hai người phải coi nhau như bạn cũ đấy nhé, - Philip nói, tôi đã kể quá nhiều về người này, người kia với hai bên rồi.

Griffiths với tâm trạng hết sức vui vẻ vì cuối cùng y đã qua được kỳ mãn khoá, y được cấp bằng tốt nghiệp, và vừa được bổ nhiệm là bác sĩ nội trú ở một bệnh viện phía bắc thành phố Luân Đôn. Đầu tháng năm y bắt đầu nhận việc và trong khi chờ đợi, y sẽ về nhà nghỉ phép, đây là tuần cuối cùng của y ở thành phố nên y quyết định tận hưởng thời gian này càng

nhieu càng hay. Y bắt đầu kể những chuyện vui tầm phào mà Philip vốn rất hâm mộ. Vì anh không tài nào bắt chước được. Chuyện y kể thực ra không có gì. Nhưng sự hoạt bát của y làm cho chúng trở nên thú vị. Sức sống tràn trề trong con người y tác động đến bất cứ ai quen biết y, nó dễ cảm nhận gần như là hơi nóng của cơ thể. Philip chưa bao giờ thấy Mildred vui như vậy và anh mừng thấy bữa tiệc mọn của anh đã thành công. Mildred vui như điên, cười nói mỗi lúc một to. Nàng hoàn toàn không còn giữ ý, thái độ dè dặt và lịch sự vốn đã trở thành bản tính thứ hai của nàng.

Ngay sau đó Griffiths nói:

- Này, tôi thật khó mà có thể gọi chị là bà Miller. Bao giờ Philip cũng gọi chị là Mildred.

- Anh cứ gọi cô ấy là Mildred đi. Cô ấy không móc mắt anh đâu, tôi dám nói như thế đấy.

- Nếu vậy thì chị ấy phải gọi tôi là Harry.

Philip im lặng ngồi nghe hai người thao thao trò chuyện, anh nghĩ bụng: được, cứ bàn bạc vui sướng là một điều thật ấm lòng - thỉnh thoảng Griffiths thì thâm thân mật trêu chọc anh một câu về cái tính quá nghiêm nghị cố hữu của anh.

- Anh Philip, em tin rằng anh ấy rất mến anh - Mildred mỉm cười nói.

- Anh ta không đến nổi tồi! Griffiths trả lời vui vẻ nắm tay Philip lắc lắc.

Dường như tình cảm quý mến của y đối với Philip làm y lại càng thêm duyên. Cả ba người đều không nghiện rượu, nên rượu vang uống vào làm họ lơ mơ chệnh choáng. Griffiths trở nên nói nhiều hơn, ồn ào hơn đến nỗi

Philip tuy thích thú cũng phải yêu cầu y im lặng; Y có tài kể chuyện nên chuyện về những cuộc tình của y lúc nào cũng nhuộm màu lãng mạn và rộn rã tiếng cười. Và trong tất cả các chuyện ấy, y đều đóng vai người tình hóm hỉnh. Mildred mắt ngài sáng, háo hức cứ giục y kể tiếp. Y tuôn ra hết giai thoại này đến giai thoại khác. Khi người ta bắt đầu tắt đèn, nàng bàng hoàng kinh ngạc.

- Trời ơi! Đêm nay qua nhanh thật. Em cứ tưởng chưa quá chín rưỡi.

Họ đứng lên ra về, và khi chào y, nàng nói thêm:

- Ngày mai em sẽ đến uống trà ở buồng Philip, nếu có thể, mời anh ghé tạt qua chơi.

- Sẵn sàng! Y cười đáp lại.

Trên đường về Pimlico, Mildred chỉ chuyện trò về Griffiths. Dung nhan diễm mạo đẹp trai, quần áo cắt may hợp thời trang, giọng nói, tính tình vui vẻ, bất kỳ điều gì của y, nàng cũng thấy thích.

- Anh lấy làm vui mừng là em thấy mến anh ta - Philip nói - Em có nhớ rằng, khi em mới làm quen với anh ta, em có vẻ hơi khinh thường không?

- Anh Philip ạ! Em cho rằng anh ấy là con người rất tốt mới quý mến anh như vậy. Anh có được một người bạn thật là tốt.

Nàng ngẩng mặt cho Philip hôn. Đó là việc hiếm có.

- Anh Philip, đêm nay em thích quá, em rất cảm ơn anh.

- Đừng nói ngớ ngẩn như thế. Anh cười, anh cảm động, nước mắt rưng rưng vì lời nhận xét đó.

Nàng mở cửa và trước lúc bước vào nhà, nàng còn quay lại bảo Philip:

- Anh bảo với Harry là em bắt đầu mê anh ấy rồi đấy.

- Được - Anh cười - Chúc em ngủ ngon.

Hôm sau khi họ đang dùng trà thì Griffiths bước vào. Y biếng nhác ngả người xuống chiếc ghế bành. Trong động tác chậm chạp chân tay dài ngoẵng của y người ta nhận thấy có một cái gì đó khêu gợi tình dục một cách lạ kỳ. Philip vẫn im lặng, trong khi hai người kia trò chuyện không ngừng, nhưng anh lấy làm vui. Anh say sưa ngắm nhìn cả hai người xem như họ say sưa ngắm nhìn nhau là chuyện quá tự nhiên. Anh chẳng hề bận tâm Griffiths cố thu hút sự chú ý của Mildred hay không? Bởi lẽ tất cả tối nay nàng sẽ là của riêng anh, thái độ của anh gần như thái độ của người chồng âu yếm, tin cậy ở lòng chung thủy của vợ, thích thú đứng nhìn vợ tán tỉnh người lạ mà cho là vô hại. Nhưng đến bảy giờ rưỡi, anh nhìn đồng hồ nói:

- Mildred, đã gần đến giờ ăn cơm.

Ngập ngừng một lúc, Griffiths có vẻ như đang cân nhắc.

- Được, tôi sẽ đi về - cuối cùng y nói - tôi không biết là muộn quá.

- Tối nay anh làm gì không? Mildred hỏi.

- Không.

Lại im lặng, Philip cảm thấy hơi bực mình.

- Tôi phải đi lau rửa một chút - anh nói - và với Mildred anh nói thêm - Còn cô có muốn rửa tay không?

Nàng không đáp.

- Tại sao anh không đi ăn cơm với chúng tôi nhỉ? Nàng nói với Griffiths.

Y nhìn Philip, thấy anh mặt sa sầm, nhìn y chăm chăm.

- Đêm qua tôi đã ăn uống với anh chị rồi - y cười nói - tôi đến lại làm quấy quả anh chị.

- Ồ, không can gì - Mildred năn nỉ - Philip, bảo anh ấy đến đi, không trở ngại gì đâu, phải không?

- Tất nhiên nếu thích thì anh ấy cứ đến.

- Thế thì được - Griffiths nói ngay - tôi lên gác tắm rửa một tý.

Lúc y rời khỏi phòng, Philip tức giận quay sang Mildred.

- Thế quái nào mà em lại mời anh ta ăn cơm với chúng mình.

- Em không đừng được, khi anh ấy nói sẽ không bận bịu - mà mình lại chẳng nói gì hết thì thật buồn cười.

- Ồ, thật là dớ dẩn! Tại sao em lại hỏi anh ta có bận gì không làm quái gì?

Cặp môi của Mildred tái nhợt, mím chặt lại.

- Thỉnh thoảng em muốn giải trí một tý, ở nhà mãi một mình với anh em cũng chán.

Họ nghe tiếng bước chân nặng nề của Griffiths xuống cầu thang và Philip vào buồng để tắm rửa. Họ đến ăn trong một hiệu ăn của người Ý gần đây. Philip bực mình ngồi im, nhưng anh mau chóng nhận ra mình làm như vậy là để lộ ra cái thế bất lợi so với Griffiths, nên anh buộc lòng phải che giấu điều khó chịu của mình. Anh uống nhiều rượu hòng làm tiêu tan cơn đau đang gặm nhấm tim anh và anh cố gắng chuyển trò. Dường như hồi hận về câu nói vừa rồi, Mildred làm mọi việc để vừa lòng anh. Nàng tỏ ra ân cần âu yếm đến nỗi chẳng mấy chốc Philip nghĩ rằng tình cảm ghen tuông như vậy thì thật là dớ dẩn. Ăn cơm xong, họ lên xe đến nhà hát vũ kịch, Mildred ngồi giữa, nàng tự đưa tay cho anh. Cơn tức giận của anh thế là tiêu tan. Bỗng nhiên không hiểu thế nào anh lại biết chắc rằng Griffiths đang nắm tay kia của nàng. Lòng anh lại quặn đau dữ dội, đây là cơn đau thực sự của cơ thể, anh bàng hoàng hoảng sợ, tự hỏi điều mà lẽ ra anh phải đặt ra từ trước đây, phải chăng Mildred và Griffiths đã yêu nhau. Anh không còn nhìn thấy những tiết mục gì đang biểu diễn trên sân khấu. Hình như ngờ vực, giận dữ kinh hoàng, bất hạnh, như một màn sương mù vít kín mắt anh; nhưng anh buộc lòng phải làm ra vẻ như không hề có gì xảy ra. Anh vẫn tiếp tục nói cười. Một ý nghĩ kỳ lạ bỗng choán đầu óc anh: anh muốn tự hành hạ mình. Anh đứng dậy nói muốn uống một cái gì đó. Mildred và Griffiths chưa bao giờ được dịp một mình với nhau. Anh muốn cứ để mặc họ với nhau.

- Tôi đi với anh - Griffiths nói - Tôi cũng đang khát.

- Ồ, vớ vẩn, anh cứ ngồi nói chuyện với Mildred.

Philip không hiểu tại sao mình nói như thế. Bây giờ anh lại đẩy họ lại với nhau khiến nỗi đau của anh cũng không sao chịu nổi. Anh không ra quầy rượu, anh đi lên ban công, đứng ở đó, anh có thể theo dõi họ, mà họ không trông thấy anh.

Hai người không còn nhìn lên sân khấu, mà giờ đây dăm dăm nhìn nhau, mỉm cười. Griffiths vẫn thao thao bất tuyệt, còn mắt Mildred thì như dán chặt vào miệng y. Philip bỗng cảm thấy đầu đau ghê gớm. Anh đứng đấy lặng người. Anh hiểu rằng nếu anh trở về chỗ thì sẽ trở ngại cho họ. Không có anh, họ vui sướng bên nhau, còn anh, anh đang đau, anh đang đau ghê gớm. Thời khắc trôi qua.

Giờ đây nghĩ phải trở lại với họ, anh ngưng ngưng kỳ lạ. Anh biết họ không hề nghĩ đến anh và anh chợt cay đắng nghĩ là chính mình đã trả tiền bữa cơm họ ăn, trả tiền chỗ ngồi cho họ xem. Chao ôi! Họ đã biến anh thành một thằng hề. Mặt anh nóng bừng vì hổ thẹn, anh đã thấy được nếu không có anh thì họ còn vui sướng biết bao nhiêu. Anh chợt quyết định để kệ họ với nhau và đi về nhà, nhưng anh không có mũ và áo choàng ngoài và rồi còn phải dài dòng giải thích lý do. Anh quay về chỗ. Anh cảm thấy một thoáng khó chịu trên mặt Mildred, anh thấy lòng quặn lại.

- Anh đi làm quái quỷ gì mà lâu thế? Griffiths niềm nở cười hỏi.

- Gặp mấy người quen phải nói chuyện với họ, không thể bỏ đi được. Mình nghĩ rằng hai người thì không có gì mà phải phàn nàn.

- Tôi thì hoàn toàn rất vui - Griffiths nói - Còn Mildred thì không biết thế nào.

Nàng khẽ mỉm cười sung sướng thoả mãn, trong tiếng cười có cái gì thô bỉ khiến Philip kinh tởm. Anh đề nghị đi về.

- Đi nào - Griffiths nói - cả hai chúng tôi đưa em về tận nhà.

Philip ngờ rằng nàng đã sắp đặt như vậy để nàng khỏi phải đi một mình với anh. Ngồi trong xe anh không nắm tay nàng mà nàng cũng chẳng đưa tay cho anh, nhưng anh biết rằng trong suốt thời gian đó nàng đang cầm tay Griffiths. Ý nghĩ duy nhất trong đầu óc anh lúc này là hết thảy đều thô bỉ kinh khủng. Trong khi xe chạy, anh tự hỏi họ đã dự định gặp nhau như thế nào cho anh không biết được, anh thầm nguyện rửa mình đã để họ ở lại với nhau, làm vậy vô hình chung có khác nào anh đã tự tay mình nối giáo cho giặc.

- Ta cứ giữ xe đi tiếp - Philip nói khi xe về đến nhà trọ của Mildred - Tôi mệt quá không đi bộ nổi về nhà.

Trên đường về, Griffiths chuyện trò vui vẻ, Philip thì đáp lại nhát gừng từng tiếng nhưng y có vẻ dửng dưng không lưu ý. Philip thấy cần phải tỏ ra cho Griffiths biết rằng anh đang có vấn đề suy nghĩ. Rốt cuộc, sự yên lặng của Philip càng trở nên rất có ý nghĩa, Griffiths không thể bỏ qua, y bỗng cảm thấy rất bối rối, ngừng bật. Philip định nói một điều gì đó. Nhưng anh quá dè dặt nên cứ ngập ngừng mãi. Thời khắc cứ trôi qua, và chắc sẽ không có cơ hội nữa. Tốt nhất là phải tìm ra ngay sự thật. Anh cố ép mình phải nói:

- Anh có yêu Mildred không? Bất thành lình anh hỏi.

- Tôi ấy à - Griffiths cười - có phải vì thế mà anh có vẻ khang khác tối nay không? Dĩ nhiên là không, ông bạn thân mến ạ.

Y cố ý luôn tay khoác tay Philip. Nhưng Philip vội nhích ra xa. Anh biết Griffiths nói dối. Anh không dám quyết định bắt Griffiths phải nói với anh rằng y không nắm tay Mildred. Bỗng nhiên anh cảm thấy người vô cùng mệt mỏi, chân tay rã rời.

- Harry này, đối với anh, việc đó chẳng có ý nghĩa gì. - Anh nói - Đàn bà anh đã có hàng đống rồi. Anh đừng cướp nàng của tôi. Nàng là toàn bộ cuộc đời tôi. Tôi khốn khổ quá nhiều rồi.

Anh ghen ngào, rồi bật lên nước nở không sao kìm nổi.

Anh cảm thấy vô cùng hổ thẹn với chính mình.

- Bạn thân mến, anh thừa biết là tôi không hề muốn làm điều gì để anh phải buồn. Tôi hết sức yêu quý anh nên không thể làm như vậy. Tôi chỉ đùa vui vậy thôi mà. Giá như tôi biết anh lại nghĩ ngợi thế này thì đã gìn giữ cẩn thận hơn rồi.

- Thật không? Philip hỏi.

- Tôi cần quái gì cô ta kia chứ. Tôi xin lấy danh dự nói với anh đấy.

Philip thở phào nhẹ nhõm. Xe dừng lại trước cửa nhà họ.

Hôm sau Philip cảm thấy trong lòng vui vẻ. Vì anh rất ngại sự có mặt thường xuyên của mình sẽ làm phiền Mildred nên anh phải thu xếp sau khi ăn tối xong, anh mới đến thăm nàng. Khi anh đến thì nàng đã sẵn sàng, anh đùa về sự đúng giờ giấc hiếm có của nàng. Nàng mặc tấm áo mới mà anh vừa tặng. Anh khen trông nàng sao mà lịch sự.

- Em sẽ phải đem đi chữa lại - nàng nói - cái váy cứ lũng thùng hông bết.

- Thế thì em phải giục thợ may làm nhanh lên nếu em muốn mang bộ này đi Pari.

- Đến lúc đó em sẽ chữa xong.

- Chỉ còn có hơn ba ngày nữa thôi đấy, chúng mình sẽ đi chuyển tàu mười một giờ phải không?

- Tùy anh.

Gần một tháng trời nàng sẽ trọn vẹn là của riêng anh. Anh nhìn nàng khát khao đắm đuối. Anh buồn cười về sự si mê của chính mình.

- Không hiểu anh đã tìm thấy gì ở em nhỉ.

Người nàng gần như giơ xương. Ngực nàng phẳng như ngực con trai. Miệng xấu xí, môi mỏng tái nhợt, da còn hơi xanh xao.

- Ra đến nước ngoài, anh sẽ cho em uống rất nhiều thuốc viên Blaud - Philip cười nói - Anh sẽ làm cho em lúc về, người béo phì, da thịt hồng hào.

- Em không thích béo đâu - nàng nói.

Nàng không nói về Griffiths, và một lúc sau trong khi đang ăn, tin chắc ở mình, ở quyền lực của mình đối với nàng, Philip nói gần như đùa cợt.

- Theo con mắt anh thì dường như đêm qua em tấn công Harry ghê quá đấy đúng không?

- Thì em đã nói với anh là em yêu anh ta mà. - Nàng cười đáp.

- Anh lấy làm vui mừng được biết rằng anh ta lại không yêu em.

- Làm sao anh biết được.

- Anh đã hỏi anh ấy.

Nàng ngập ngừng một lúc ngắm nhìn Philip, một cái nhìn kỳ lạ.

- Anh có muốn đọc bức thư anh ấy gửi sáng nay không?

Nàng đưa anh một phong bì. Philip nhận ra nét chữ mạnh dạn rõ ràng của Griffiths. Có cả thầy tám trang. Thư viết hay, tha thiết chân thật và có duyên. Đây là thư của một anh chàng quen tán tỉnh phụ nữ. Y nói với Mildred rằng y yêu nàng thiết tha, yêu nàng ngay từ buổi đầu gặp gỡ; y không muốn thế, vì y biết rằng Philip đã quá yêu nàng, nhưng y không ghìem nổi lòng mình. Philip là con người thật đáng quý và y vô cùng hổ thẹn với chính mình, nhưng không phải là lỗi tại y, có một cái gì đấy cứ thúc đẩy

y. Những lời tán tụng của y làm nàng mê mẩn; cuối cùng y cảm ơn nàng đã nhận lời đi ăn cơm với y trưa mai và nói rằng y cháy lòng cháy ruột mong được gặp nàng. Philip nhận thấy thư viết từ tối hôm trước; như vậy là Griffiths phải viết thư này ngay sau khi chia tay với anh và đã cất công ra bưu điện ngay trong khi Philip cứ ngỡ rằng y đã lên giường.

Anh đọc thư, lòng quặn đau nhưng không một dấu hiệu ngạc nhiên nào biểu lộ trên mặt. Anh im lặng mỉm cười đưa trả bức thư cho Mildred.

- Bữa cơm trưa ấy vui chứ?

- Dĩ nhiên là có, nàng trả lời dứt khoát.

Philip cảm thấy hai tay mình run lên, anh phải giấu chúng dưới bàn.

- Em không nên cả tin vào Griffiths. Em biết không, y chỉ là kẻ ong bướm mà thôi.

Nàng cầm bức thư xem lại lần nữa.

- Cả em nữa em cũng không thể dừng được - nàng nói bằng một giọng cố làm cho có vẻ hững hờ. Em không hiểu điều gì đã đến với em.

- Chuyện này có vẻ hơi bất tiện cho anh đấy phải không em nhỉ?

Nàng đưa mắt thoáng nhìn Philip.

- Em phải nói là anh tiếp nhận điều đó khá bình tĩnh.

- Thế em nghĩ rằng anh phải làm thế nào? Em muốn anh phải vò đầu bứt tai chẳng?

- Em biết anh giận em.

- Chuyện đó thật buồn cười. Anh không mảy may giận em. Lẽ ra anh phải biết trước chuyện này là điều tất nhiên. Anh đã khờ khạo đẩy hai người đến với nhau. Anh biết rất rõ là hấn ta lợi thế hơn anh về nhiều mặt, hấn vui nhộn hơn anh, hấn rất đẹp trai, hấn duyên dáng hơn, hấn có thể nói với em những chuyện mà em thích.

- Tôi không hiểu như thế là anh muốn nói gì? Nếu tôi không khôn ngoan thì đâu phải lỗi ở tôi, nhưng tôi không đến nỗi ngu xuẩn như anh tưởng đâu, tôi cam đoan với anh như vậy - chẳng phải nói dài dòng. Anh bạn trẻ ơi, anh hơi quá trịch thượng với tôi đấy.

- Em định cãi nhau với anh hay sao? Anh ôn tồn nói.

- Không, nhưng em không hiểu vì sao anh lại đối xử với em như một kẻ mà em không biết nói thế nào.

- Anh rất tiếc, anh không có ý muốn xúc phạm em, anh chỉ muốn bình tĩnh xem xét mọi khía cạnh của sự việc. Cần gì phải đẩy sự việc đến chỗ đổ vỡ nếu như chúng ta còn có thể ngăn chặn được. Anh thấy em bị hấn lôi cuốn, mà theo anh, đấy cũng là chuyện rất tự nhiên thôi. Điều duy nhất xúc phạm anh thực sự là hấn đã khuyến khích em. Hấn vốn biết anh si mê em đến chừng nào. Hấn viết cho em chỉ năm phút sau khi hấn nói với anh là hấn coi em như cỏ rác, điều này làm anh thấy đê tiện.

- Nếu anh có ý định làm giảm bớt tình cảm quý mến của em bằng cách nói xấu anh ấy thì anh làm rồi.

Philip nín lặng một lúc. Anh không biết nói thế nào để nàng biết được quan điểm của anh. Anh muốn nói năng thật điềm tĩnh, có suy nghĩ, có cân nhắc, nhưng lòng anh đang rối bời, xúc động đến nỗi mỗi ý nghĩ trong anh không sao còn rành rẽ nổi.

- Thật không đáng hy sinh tất cả cho một sự mê đắm mà em biết không thể bền lâu. Nói cho cùng, hẳn không cần người nào quá mười ngày, hạng người như vậy đối với em liệu có ý nghĩa gì?

- Đó là anh cứ nghĩ vậy thôi. Giọng nàng gay gắt khiến Philip khó xử.

- Nếu em đã yêu rồi thì còn biết làm thế nào. Anh sẽ đành cố hết sức chịu đựng thôi. Em và anh, tình cảm giữa chúng mình đang mỗi ngày đậm thắm, mà anh thì đâu có xử tệ với em, đúng không? Anh luôn biết rằng em chẳng yêu anh, nhưng em luôn quý mến anh và khi sang đến Pari rồi thì em sẽ quên Griffiths. Nếu em quyết định không nghĩ đến anh ta, em sẽ thấy điều đó chẳng khó khăn gì lắm, anh nghĩ rằng anh xứng đáng được em dành cho anh một chút gì đó.

Nàng không đáp và họ tiếp tục bữa ăn. Tới lúc sự yên lặng trở nên nặng nề, Philip bắt đầu nói sang những chuyện khác. Anh làm như không nhận ra thái độ lơ đãng của Mildred. Nàng âm ừ trả lời chiếu lệ, cố tình không đưa ý kiến riêng của mình. Sau cùng nàng đột ngột cắt lời anh:

- Anh Philip ạ, em e rằng em sẽ không thể ra đi vào ngày thứ bảy được đâu. Bác sĩ khuyên em không nên.

Anh biết là nàng nói dối, nhưng anh đáp.

- Vậy thì khi nào em đi được?

Nàng liếc nhìn anh, thấy mặt anh tái nhợt căng thẳng, nàng bối rối quay mặt đi. Lúc ấy nàng hơi sợ anh.

- Thôi em đành nói thật với anh cho nó xong đi. Em không thể đi đâu với anh được đâu.

- Anh biết thế nào em cũng nói dối như vậy. Bây giờ em thay đổi thì muộn quá. Vé tàu và mọi việc đã thu xếp xong xuôi cả rồi.

- Anh đã bảo rằng chỉ khi nào em thích anh mới đưa em đi nhưng em thì em không muốn.

- Anh đã thay đổi ý kiến, anh sẽ không chịu bị lừa phỉnh nữa đâu. Em phải đi.

- Philip ạ, em rất quý anh như một người bạn. Nhưng nghĩ tới một cái gì đó khác thế thì em chịu. Em không quý anh theo cách đó được đâu. Không được đâu anh Philip ạ.

- Một tuần lễ trước đây em hoàn toàn bằng lòng đi Pari?

- Lúc đó lại khác.

- Phải chăng lúc đó em chưa quen Griffiths?

- Chính anh bảo rằng nếu em yêu anh ấy thì biết làm thế nào kia mà.

Lúc này nom mặt anh có vẻ buồn phiền, nàng nhìn chăm chăm vào đĩa thức ăn. Mặt Philip tái bệch đi vì giận dữ. Anh những muốn nắm chặt tay

đấm thẳng vào mặt nàng, trong đầu anh, anh đã hình dung mặt nàng sẽ thâm tím thế nào. Ngồi ở một bàn gần họ có hai anh chàng trạc tuổi mười tám. Chốc chốc các cậu lại nhìn Mildred. Anh tự hỏi phải chăng họ ghen tị với anh đang được ăn với một cô nàng xinh xắn. Có lẽ các cậu đang ước mơ được vào địa vị của anh. Mildred là người chấm dứt im lặng.

- Chúng ta có cùng đi với nhau thì chẳng hay ho gì đâu. Đầu óc em lúc nào cũng nghĩ đến anh ấy. Đối với anh thì như vậy còn có gì ngán ngấm hơn.

- Đó là việc của tôi - anh đáp.

Nàng suy nghĩ về hàm ý trong câu trả lời của anh và mặt nàng đỏ bừng.

- Nhưng thế thì đúng là đáng tởm. - Tôi cứ nghĩ anh là người quân tử.

- Cô lầm rồi.

Anh lấy làm thú vị về câu trả lời của mình nên nói xong anh bật cười.

- Thề theo ý Chúa, anh đừng có cười - nàng kêu lên - anh Philip, tôi không thể đi với anh được, tôi rất tiếc. Tôi biết tôi đã xử sự với anh không đúng nhưng người ta đâu có thể ép buộc được mình.

- Khi cô gặp những chuyện rầy rà tôi đã thu xếp mọi việc cho cô, cô quên rồi sao? Tôi đã dốc túi ra để nuôi cô cho đến ngày cô sinh nở, trả tiền thuê mướn bác sĩ và mọi thứ là tôi. Tiền để cô đi Brighton cũng là tôi và tôi hiện đang phải chi phí để nuôi dưỡng con cô, chi phí để sắm sửa quần áo cho cô và mỗi một manh áo cô đang mang trên người kia là do tiền của tôi.

- Nếu anh là người quân tử thì anh không ném vào mặt tôi những việc anh đã làm cho tôi.

- Chao ôi! Cô cảm ơn đi. Cô tưởng tôi thích làm người quân tử lắm hay sao? Nếu tôi là người quân tử nhất định tôi không phạm thời giờ với một con đàn bà nhớp nhúa như cô. Tôi đêch cần cô yêu tôi hay không. Tôi đã chán ngấy làm một thằng ngốc đáng nguyên rủa. Thứ bảy cô phải đi Pari với tôi, nếu không cô phải gánh chịu mọi hậu quả.

Hai má nàng đỏ bừng tức giận, và khi trả lời anh, giọng nàng thô bỉ hàng tôm hàng cá, điều mà xưa nay thường bị che đậy dưới kiểu cách nói năng nhã nhặn.

- Tôi không hề yêu anh bao giờ, ngay từ bước đầu, nhưng chính anh ép buộc tôi. Những cái hôn của anh lúc nào cũng làm tôi tởm. Bây giờ cho dù tôi có chết đói, tôi cũng không để cho anh đụng vào người tôi.

Philip cố nuốt thức ăn trên đĩa, nhưng cổ họng anh nghẹn tắc. Anh uống một hơi cạn cốc rồi châm một điếu thuốc. Toàn thân anh run lên. Anh không nói năng gì. Anh đợi nàng đứng dậy nhưng nàng ngồi yên, mắt dán vào tấm khăn trải bàn. Giá chỉ có hai người với nhau, hẳn anh đã vòng tay ôm choàng lấy nàng mà hôn đắm đuối; anh hình dung cái cổ dài trắng trẻo ngả ra đằng sau trong khi môi anh áp sát môi nàng. Một giờ trôi qua không ai nói một lời, rốt cuộc cảm thấy rằng người bồi bàn đang lẹ lù lẹ lờn chăm chăm nhìn họ, Philip gọi lấy hóa đơn. Rồi với giọng bình thản anh nói: Ta đi chứ?

Nàng không nói nhưng với lấy túi xách, găng tay. Nàng xô tay vào áo.

- Khi nào cô lại gặp Griffiths.

- Mai - nàng thân nhiên trả lời.

- Tốt hơn là cô nên kể lại đầu đuôi câu chuyện cho hẳn biết.

Nàng mở túi xách, động tác như một cái máy, và trông thấy một mảnh giấy trong đó. Nàng lấy ra.

- Đây là hoá đơn thanh toán tấm áo này - nàng ngập ngừng nói.

- Thế là thế nào?

- Tôi đã hứa ngày mai.

- Cô đã hứa rồi ư?

- Như vậy có nghĩa là anh định không thanh toán khoản này sau khi anh bảo tôi mua, phải không?

- Thế đấy.

- Tôi sẽ yêu cầu Harry trả - nàng nói mặt tức thì đỏ bừng.

- Hẳn sẽ vui mừng được giúp cô. Hẳn hiện đang nợ tôi bảy bảng, và tuần qua vì cạn túi hẳn đã đem cầm cái kính hiển vi.

- Anh đừng có mang những chuyện này ra làm cho tôi sợ. Tôi hoàn toàn có khả năng tự kiếm sống.

- Đó là việc tốt nhất cô có thể làm. Tôi có ý định sẽ không cho cô một xu nào nữa đâu.

Nàng nghĩ tới tiền thuê nhà phải trả vào ngày thứ bảy, tiền ăn của con bé, nhưng nàng không nói gì. Họ rời tiệm ăn, ra tới ngoài đường, Philip hỏi.

- Tôi có phải gọi xe cho cô không? Còn tôi, tôi sẽ tản bộ một tý.

- Tôi không còn xu nào. Chiều nay tôi vừa phải thanh toán một hoá đơn.

- Nếu vậy cô đi bộ cũng chẳng chết đâu. Nếu ngày mai cô muốn gặp tôi thì tôi sẽ có mặt ở nhà vào giờ uống trà.

Anh nâng mũ chào và rời bước thong thả. Anh nhìn quanh một lúc, thấy nàng vẫn còn đứng ở nơi anh vừa từ biệt nàng, bơ vơ nhìn đám đông qua lại. Anh liền lộn lại, vừa cười vừa dúi vào tay nàng một đồng tiền.

- Đây cho cô hai đồng để mà về.

Anh vội vã bước đi không để cho nàng kịp nói một lời.

Chiều hôm sau, Philip ngồi trong phòng mình phân vân không biết Mildred có đến hay không. Đêm qua anh ngủ không ngon. Cả buổi sáng nay anh ngồi ở câu lạc bộ bên khoa y đọc báo liên miên hết tờ này đến tờ khác. Đang kỳ nghỉ hè, nên ở Luân Đôn chỉ còn lại ít bạn bè sinh viên anh quen biết, nhưng anh cũng tìm được một hai người để trò chuyện, chơi một ván cờ, giết dần thời gian tẻ ngắt. Ăn trưa xong, anh cảm thấy rất mệt, đầu rất đau nên phải trở về nhà trọ nằm; anh cố đọc một cuốn tiểu thuyết. Anh không thấy Griffiths. Đêm qua lúc anh trở về, y không ở nhà, sau đó anh nghe tiếng y về, nhưng y không nhìn vào buồng Philip như thường lệ để xem anh đã ngủ chưa; đến sáng Philip lại nghe tiếng y ra rất sớm. Rõ ràng là muốn tránh mặt anh. Bỗng có tiếng gõ cửa nhẹ nhẹ. Philip đứng bật dậy ra mở cửa. Mildred đang đứng lặng lẽ trên ngưỡng cửa.

- Cô vào đi - Philip nói.

Anh khép cửa. Nàng ngồi xuống - nàng ngập ngừng mãi rồi mới nói.

- Cảm ơn anh đã cho em hai đồng tối hôm qua.

- Ồ, có gì đâu.

Nàng mỉm cười với anh bẽn lễn. Điều này làm Philip nhớ đến cái nhìn lấy lòng rụt rè của con chó con nghịch ngợm bị đánh đòn muốn chuộc lỗi với chủ.

- Em đã ăn trưa với Harry - nàng nói.

- Thế à.

- Anh Philip, nếu anh còn muốn em đi với anh vào ngày thứ bảy em sẽ đến.

Cảm giác đặc thảng chột bùng lên trong lòng anh, nhưng đấy chỉ là một cảm giác thoáng qua, tiếp theo lại là sự ngờ vực.

- Vì chuyện tiền nong phải không? Anh hỏi.

- Phần nào thôi, nàng đáp hồn nhiên, Harry không thể làm gì. Anh ấy nợ năm tuần tiền nhà ở đây, còn nợ anh những bảy đồng và bác thợ may cũng đang thúc giục đòi tiền. Giá như có cái gì cầm được, anh ấy sẽ đem đi cầm đồ, nhưng mọi thứ đã cầm hết cả rồi. Em phải vất vả lắm mới khất nổi với bà thợ may tiền nợ tấm áo mới, thứ bảy này em còn phải trả tiền trọ, mà công ăn việc làm thì đâu có tìm được trong năm ba phút. Thường thì cứ phải đợi cho đến khi có nơi nào khuyết họ mới gọi.

Nàng nói tất cả chuyện này bằng một giọng rầu rầu đều đều, như kiểu tường thuật. Philip không đáp lại. Anh đã hiểu khá rõ những điều nàng nói.

- Cô vừa bảo chỉ phần nào thôi à! - Cuối cùng anh mới nhận xét.

- Thế đấy, Harry nói anh là người tuyệt vời đối với cả hai chúng em. Anh thực người bạn tốt của anh ấy, và anh đã lo cho em những điều mà có lẽ không một người đàn ông nào có thể làm được. Anh ấy bảo chúng em phải xử sự đúng đắn. Anh ấy kể cho em những điều mà chính anh đã nói về anh ấy, là bản chất anh ấy không chung thủy, anh ấy không được như anh, và em phải là đứa ngu xuẩn mới bỏ anh để đi theo anh ấy.

- Vậy em có muốn đi xa với anh không? Philip hỏi.

- Em thì thế nào cũng được.

Anh nhìn nàng, nhếch mép xót xa. Như vậy là anh đã chiến thắng, anh sắp đạt được ước muốn. Anh khẽ cười, cười nổi điểm nhục của chính mình. Nàng liếc nhìn anh không nói.

- Anh đã trông chờ chuyển đi ra nước ngoài với em bằng cả tâm hồn lẫn thể xác mình và cuối cùng anh đã nghĩ rằng sau biết bao bất hạnh, anh sắp được hạnh phúc...

Anh chưa nói hết câu, bỗng Mildred oà lên nước nở. Nàng đang ngồi trên chiếc ghế mà trước đây Norah đã ngồi khóc, và cũng như Norah, nàng gục mặt vào chỗ lõm ở giữa lưng ghế, nơi người ta vẫn thường tựa đầu.

- Ta không gặp may với phụ nữ - Philip nghĩ thầm. Tấm thân gầy còm của nàng rung lên theo tiếng nước nở. Philip chưa từng chứng kiến một người đàn bà nào khóc lóc một cách tuyệt vọng đến như vậy. Cảnh tượng thật đau đớn quá chừng khiến lòng anh tan nát không hiểu nổi mình đang làm gì, anh bước tới đưa hai tay ôm nàng. Nàng không cưỡng lại, tự nguyện giao phó nỗi đau trong vòng tay an ủi của anh. Anh thì thầm bên tai nàng những lời âu yếm. Anh không còn biết mình đang nói gì, anh cúi xuống hôn nàng dồn dập.

- Em khổ lắm phải không? Cuối cùng anh hỏi.

- Em muốn chết - nàng thì thầm, rên ri - em muốn chết. Ngay từ lúc đưa bé ra đời.

Philip tháo cái mũ ra cho nàng khỏi vướng. Anh xoay đầu nàng vào ghế cho thoải mái hơn rồi đến ngồi bên bàn nhìn nàng.

- Tình yêu thật đáng sợ, có đúng vậy không em? - Anh nói. - Vậy mà ai cũng muốn yêu, thật kỳ lạ!

Chẳng mấy chốc cơn thốn thức dữ dội cũng đã dịu dần, nàng ngồi mệt lử, ngật đầu ra phía sau, hai tay thông xuống hai bên sườn. Nom nàng có cái vẻ kỳ cục của những người nộm mà các họa sĩ thường dùng để mặc vải vẽ.

- Anh không biết là em yêu hẳn ta đến thế! Philip nói.

Tình yêu của Griffiths thì anh hiểu quá rõ, bởi vì anh tự đặt mình vào địa vị Griffiths; nhìn bằng đôi mắt của y, sờ mó bằng tay y, ở vào địa vị y mà suy nghĩ; và anh hôn nàng bằng môi của y, mỉm cười với nàng bằng cặp mắt xanh cười cợt của y nhưng cơn xúc động của Mildred làm cho anh kinh ngạc. Anh không bao giờ nghĩ rằng nàng lại có thể yêu, và đây đúng là tình yêu không lầm lẫn được. Có một cái gì hụt hẫng trong lòng, anh cảm thấy thực sự như có cái gì đó đang tan vỡ, và anh bỗng cảm thấy người mệt lả đi lạ lùng.

- Anh không muốn làm cho em khổ. Em chẳng cần phải đi với anh nếu em không muốn. Dù thế nào anh cũng sẽ cho em tiền.

Nàng lắc đầu.

- Không, em đã nói em đến là em sẽ đến.

- Làm thế ích gì, em đã ốm tương tư vì hẳn mà.

- Vâng, rất đúng. Em đã tương tư, em cũng như anh ấy đều biết chuyện này sẽ chẳng bền, nhưng ngay lúc này...

Nàng ngáp ngừng và nhắm mắt lại như sắp ngất xỉu. Một ý nghĩ kỳ quặc chợt loé lên trong đầu Philip, và anh liền nói ngay không cần ngáp ngừng suy nghĩ.

- Tại sao em không làm chuyến đi này với hẳn ta.

- Đi thế nào được. Anh biết rằng chúng em làm gì có tiền.

- Anh sẽ cho em.

- Anh ấy ư?

Nàng đứng dậy, nhìn anh, mắt nàng sáng lên, hai má ửng hồng.

- Có lẽ tốt nhất là em làm chuyện ấy cho nó xong đi rồi trở về với anh.

Gợi ý xong, lòng anh quặn đau, nhưng lẫn lộn với nỗi đau đón giày vò anh, lại mơ hồ một cái gì đấy, một cảm giác kỳ lạ như khoái cảm. Mildred tròn xoe mắt chăm chăm nhìn anh.

- Ồ, chúng em làm như vậy sao được? Nhờ vào tiền của anh ư? Chỉ nghĩ đến điều ấy thôi, Harry cũng sẽ không chịu rồi.

- Ồ, không đâu, y sẽ chịu nếu em thuyết phục y.

Nàng phản đối thì anh càng nài ép, tuy nhiên trong thâm tâm, anh lại tha thiết cầu mong nàng chối từ quyết liệt.

- Anh sẽ cho em năm bảng, em có thể đi từ thứ bảy đến thứ hai. Việc này em làm thật dễ dàng. Đến thứ hai y sẽ về nhà cho tới khi được bổ nhiệm về

khu bắc Luân Đôn.

- Ôi, anh Philip, anh muốn thế thật ư? Nàng chắp hai tay kêu lên - nếu cuối cùng anh để cho chúng em đi, sau này nhất định em sẽ yêu anh nhiều lắm. Em sẽ làm bất cứ việc gì cho anh. Nếu làm như thế chắc chắn em sẽ chấm dứt chuyện này, có thật anh sẽ cho chúng em tiền không?

- Thật, anh đáp.

Bây giờ nàng đã thay đổi hoàn toàn. Nàng bắt đầu cười. Nàng sung sướng như điên. Nàng đứng dậy đến quỳ gối bên Philip, nắm tay anh:

- Anh thật tuyệt quá, anh Philip ạ! Anh là người bạn tốt nhất của em từ trước đến giờ. Sau này anh sẽ không giận em chứ?

Anh lắc đầu mỉm cười, nhưng lòng anh sao mà đau!

- Bây giờ em có thể đi nói cho anh Harry biết được không? Và em có thể nói với anh ấy rằng anh không nghĩ ngợi gì chứ? Anh ấy sẽ chết mất nếu như anh không đảm bảo là anh coi chuyện đó chẳng có gì quan trọng. Chao ôi, anh không hiểu được là em yêu anh ấy biết chừng nào đâu. Còn sau này em sẽ làm bất cứ điều gì anh muốn. Ngày thứ hai em sẽ đi Pari với anh hay bất cứ nơi nào.

Nàng đứng lên đội mũ.

- Cô đi đâu?

- Đi hỏi anh ấy có dẫn em đi không?

- Sớm thế à?

- Anh có muốn em ở lại không? Nếu anh muốn thì em sẽ ở lại.

Nàng ngồi xuống, khẽ cười.

- Không, không sao đâu, tốt nhất cô nên đi ngay đi, chỉ có điều là: lúc này mà gặp Griffiths thì tôi không chịu được, điều đó sẽ làm đau lòng tôi quá lắm. Cô bảo y là tôi không thù oán gì y hoặc có ý gì tương tự nhưng tôi yêu cầu y nên tránh mặt tôi.

- Được - Nàng đứng phắt dậy và đeo găng tay vào - Em sẽ cho anh biết anh ấy nói gì.

- Tốt hơn cô đi ăn tối nay với tôi.

- Được lắm.

Nàng ngược mắt lên cho anh hôn, khi môi anh ép chặt môi nàng, nàng quàng tay ôm cổ anh.

- Ôi, anh Philip, anh thật đáng yêu.

Hai giờ sau, nàng viết thư gửi anh vài dòng báo tin nàng nhức đầu không thể đến ăn cơm với anh. Hầu như Philip đã tính đến điều này. Anh biết nàng sẽ đi ăn với Griffiths. Anh vốn là người có tính ghen nhưng gần như cơn đam mê bỗng nhiên xâm chiếm hai con người này giống như là một cái gì đó từ bên ngoài, tựa như một lực lượng ma quái nào đó nhập vào họ, khiến anh thấy bất lực. Hai người yêu nhau, anh cho là lẽ đương nhiên. Anh biết Griffiths có mọi lợi thế hơn anh và anh thú nhận rằng ở vào địa vị Mildred, anh cũng sẽ hành động như nàng. Điều làm anh đau nhất là sự phạm lỗi của Griffiths. Hai người đang thân thiết bao nhiêu, mà Griffiths

thì biết anh đắm say tận tụy vì Mildred biết chừng nào, lẽ ra y nên buông tha cho anh thì mới phải.

Cho đến ngày thứ sáu anh vẫn không gặp lại Mildred, lòng anh nôn nao chỉ muốn được nhìn mặt nàng; nhưng lúc nàng đến, và khi anh hiểu rằng nàng may mắn không còn nghĩ đến anh, giờ đây hình ảnh Griffiths đã choán hết tâm hồn nàng thì anh bỗng thấy ghét nàng. Bây giờ anh đã hiểu vì sao nàng và Griffiths yêu nhau. Griffiths là một thằng ngốc, ôi một thằng đại ngốc; điều này thì anh biết ngay từ đầu, nhưng anh cố nhắm mắt làm ngơ, hãnh ngốc nghếch, đầu óc rỗng tuếch của hắn ẩn giấu một bản chất vô cùng ích kỷ, hắn sẵn sàng hy sinh bất kỳ ai cho những thèm muốn của hắn. Hắn sống một cuộc sống sao mà trống rỗng, hết la cà ở quán rượu lại đến say sưa ở các nhà hát ca múa nhạc, lãng nhãng hết cô này đến cô khác. Không bao giờ hắn đọc một cuốn sách, hết thảy những gì không phù phiếm, không dung tục, hắn không thèm biết, đầu óc hắn chưa bao giờ có được một ý nghĩ gọi là tế nhị, cái từ phổ biến thường trực ở cửa miệng hắn là “Cừ thật”; đó là lời ca tụng cao nhất của hắn đối với đàn ông hay đàn bà. “Cừ thật”! Mildred có thích hắn cũng là điều không đáng ngạc nhiên. Hai đứa thật hợp nhau!

Philip nói bâng quơ với Mildred những chuyện chẳng hề liên quan đến hai người. Anh biết nàng đang muốn nói về Griffiths nhưng anh lờ đi không tạo cơ hội. Anh không dả động đến chuyện cách đây hai tối nàng đã viện cớ để thoái thác không đi ăn cơm với anh. Anh hững hờ với nàng để nàng phải nghĩ rằng anh đã bỗng nhiên trở nên dửng dưng, anh đặc biệt khéo léo nói toàn những chuyện lật vặt mà anh biết nàng sẽ động lòng, những chuyện rất mập mờ, độc địa rất tinh vi khiến nàng không biết bắt bẻ vào đâu được. Cuối cùng nàng đứng dậy.

- Bây giờ em phải đi - nàng nói.

- Tôi chắc cô có nhiều việc phải làm - anh đáp.

Nàng đưa tay, anh bắt lấy, chào nàng và ra mở cửa. Anh hiểu nàng muốn nói về chuyện gì và anh biết rằng thái độ lạnh nhạt mỉa mai của anh làm cho nàng rụt rè. Tính nhút nhát của anh thường làm cho anh có vẻ lạnh nhạt nhưng thực ra anh không chủ tâm làm cho người ta sợ sệt, và khi phát hiện ra điều này, bất kỳ lúc nào có cơ hội là anh thể hiện được đúng như vậy.

- Anh không quên điều đã hứa chứ? Cuối cùng nàng hỏi khi anh mở cửa.

- Điều gì vậy?

- Về chuyện tiền ấy!

- Cô cần bao nhiêu?

Anh nói một cách chậm rãi, lạnh lùng khiến lời anh nghe càng đặc biệt khó chịu. Mildred đỏ mặt. Anh biết lúc này, nàng ghét anh lắm nên anh lấy làm lạ thấy nàng biết tự kiềm chế, không xấu hổ tức giận với anh. Anh muốn cho nàng đau khổ.

- Ngày mai em phải trả tiền áo, tiền nhà. Thế thôi, Harry không muốn đi nên chúng em không cần tiền cho việc đó.

Philip nghe nhịp tim mình đập mạnh, anh rời tay khỏi quả đấm cửa. Cánh cửa sập lại.

- Vì sao không?

- Anh ấy bảo là không được, không thể nào nhờ vào tiền của anh như vậy...

Philip bưng bưng nổi giận, một cơn tức giận vốn ẩn náu trong anh, nó luôn luôn dày vò anh, nên mặc dù không một giây phút nào anh mong muốn Griffiths và Mildred cùng nhau ra đi, nhưng chính anh, anh vẫn không ghìm nổi mình; anh vẫn tìm cách thông qua nàng thuyết phục Griffiths.

- Tôi không hiểu tại sao lại không, nếu tôi bằng lòng - anh nói.

- Em cũng đã nói với anh ấy như vậy.

- Tôi nghĩ rằng nếu hẳn ta mà thực sự muốn đi thì hẳn sẽ không do dự.

- Ồ, không phải thế đâu, anh ấy cũng rất muốn đi. Nếu có tiền anh ấy đi ngay.

- Nếu hẳn ta quá câu nệ về chuyện đó thì tôi sẽ đưa tiền cho cô.

- Em đã bảo nếu anh ấy muốn, thì số tiền đó anh sẽ cho vay và chúng em sẽ cố gắng trả lại sau thật sớm.

- Phải đi quy lụy một gã đàn ông để được hẳn dẫn đi nghỉ cuối tuần, cô có phần nào thay đổi đấy.

- Vâng, cũng có phần nào đấy anh nhỉ? Nàng vừa nói vừa khẽ cười vô liêm sỉ; Philip rùng mình.

- Vậy thì cô sẽ làm thế nào? Anh hỏi.

- Không làm gì cả. Ngày mai anh ấy đi về nhà. Anh ấy phải về.

Đối với Philip đây có thể sẽ là một sự giải thoát. Không còn Griffiths ở bên cản trở nữa, Mildred sẽ lại là của anh. Ở Luân Đôn, nàng không quen ai, nàng sẽ buộc phải đi lại quan hệ với anh, và khi chỉ còn hai người với nhau, chẳng mấy chốc anh có thể làm cho nàng quên ngay cái chuyện si mê này. Lúc này anh chỉ cần lặng im là đủ. Nhưng trong anh bỗng nảy sinh niềm khát khao thật quý quái, anh muốn phá vỡ những e dè thận trọng của họ, anh muốn biết bọn chúng ăn ở với nhau ghê tởm tới mức nào. Chỉ cần nhử thêm một chút nữa thôi, nhất định hai đứa sẽ phải khuất phục. Cứ nghĩ đến cảnh nhăn nhó của hai đứa, người anh đã run lên vì vui sướng. Cho dù mỗi lời anh nói là một cực hình cho chính mình, nhưng anh vẫn cảm thấy trong cực hình đó có cái cảm giác hân hoan kinh khủng.

- Hoặc chấp nhận thì phải chấp nhận ngay, hoặc không bao giờ nữa.

- Đấy em cũng đã nói với anh ấy như thế đấy - Nàng nói. Giọng của nàng có vẻ say sưa làm Philip sững sốt. Anh bực dọc cắn móng tay.

- Cô tính sẽ đi đâu?

- À, đi Oxford. Anh ấy học đại học ở đó - Anh có biết không. Anh ấy bảo rằng anh ấy đưa em đi thăm các trường.

Philip nhớ lại đã có lần anh gợi ý đi Oxford thì nàng phát biểu một cách rất kiên quyết là chỉ mới nghĩ đến cảnh ấy thôi là nàng đã ngán ngẩm lắm rồi.

- Xem chừng có vẻ đẹp trời đấy. Đúng lúc mà ở đó thì thú vị phải biết.

- Em đã cố thuyết phục anh ấy rồi đấy.

- Sao cô không thử lần nữa xem.

- Em sẽ bảo là anh muốn cho chúng em đi chứ?

- Tôi nghĩ rằng cô chẳng cần phải nói quá đến như thế đâu. Philip nói.

Nàng ngừng lời nhìn anh một lúc. Philip cố gắng nhìn lại nàng có vẻ thân ái. Anh ghét nàng, anh khinh nàng, tuy vậy anh sẵn sàng hiến dâng nàng cả tâm hồn thể xác.

- Thế này nhé, em sẽ đi đến xem có đúng anh ấy không thể thu xếp được hay không. Rồi thì, nếu như anh ấy đồng ý, ngày mai em sẽ đến lấy tiền đem về. Lúc nào thì anh ở nhà?

- Ăn trưa xong tôi sẽ về nhà chờ cô.

- Được rồi.

- Bây giờ tôi sẽ cho cô tiền may áo và tiền thuê phòng trọ.

Anh lại bàn việc lấy ra toàn bộ số tiền anh có. Cái áo dài phụ nữ là sáu ghi-nê, anh đưa thêm tiền nhà, tiền ăn cho nàng và tiền gửi trẻ trong một tuần. Anh cho nàng tám bảng mười hào.

- Em rất cảm ơn anh - nàng nói, rồi ra đi.

Sau khi ăn trưa ở tầng hầm trường Đại học Y khoa, Philip trở về nhà. Hôm đó chiều thứ bảy, bà chủ nhà đang lau chùi cầu thang.

- Ông Griffiths có ở nhà không bà? Anh hỏi.

- Thưa ông không. Sáng nay, ngay sau khi ông đi ra thì ông ấy cũng đi.

- Ông ấy có về nhà nữa không bà?

- Tôi nghĩ rằng không. Ông ấy đã mang cả hành lý theo.

Philip phân vân. Anh cầm một quyển sách và bắt đầu đọc. Đó là cuốn “Cuộc hành trình đến La Mecque” anh vừa mới mua ở hiệu sách Westminster Public Library; anh đọc trang đầu, nhưng không hiểu nổi, tâm trí còn để ở đâu đâu, lúc nào cũng lắng nghe xem có tiếng rung chuông. Anh không dám hy vọng Griffiths đi về nhà ở Cumberland mà không có Mildred cùng đi. Mildred rồi sẽ đến lấy tiền. Anh quyết tâm tiếp tục đọc, anh cố gắng tập trung tư tưởng một cách tuyệt vọng, ra sức nhồi nhét những hàng chữ in vào đầu óc nhưng nỗi đau đớn anh đang chịu đựng làm cho chúng méo mó. Ôi! ma quỷ nào đã khiến xui anh đưa ra cái đề nghị đáng ghét cho họ tiền bạc kia; nhưng giờ đây đã hứa hẹn rồi, anh không đủ can đảm để lùi lại nữa, không phải vì Mildred mà chính vì anh. Cái tính bướng bỉnh bệnh hoạn nó cứ buộc anh đã quyết định điều gì là phải thực hiện bằng được. Anh thấy rằng anh đã đọc ba trang sách mà chúng không để lại cho anh mảy may ấn tượng. Anh đọc lại từ đầu, ngạc nhiên nhận ra cứ đọc đi đọc lại hoài vẫn cứ một câu; chữ nghĩa lẫn lộn một cách kinh khủng với những suy nghĩ trong đầu hết như cảnh tượng vẫn thường thấy trong cơn mộng. Giờ chỉ còn một việc anh làm được là đi ra khỏi nhà rồi ở

ngoài cho đến nửa đêm, như thế thì bọn họ sẽ không thể đi được, và anh đã hình dung thấy họ cứ mỗi giờ lại ghé qua nhà hỏi xem anh có ở nhà hay không. Nghĩ đến nỗi thất vọng của bọn họ mà lòng anh thích thú. Anh nhắc đi nhắc lại ý kiến này như cái máy. Nhưng anh không thể làm như vậy. Cứ để cho họ đến lấy tiền, lúc ấy anh sẽ hiểu được con người ta có thể rơi vào vực thẳm ô nhục sâu đến mức nào. Bây giờ anh không đọc được nữa. Đơn giản là anh không nhìn thấy mặt chữ. Anh tựa lưng vào ghế, nhắm mắt lại. Anh đợi Mildred, người tái tê vì chờ.

Bà chủ nhà bước vào.

- Thưa ông, bà Miller muốn gặp ông.

- Bà cứ cho bà ta vào.

Philip cố hết sức bình tĩnh lại để tiếp nàng, không một dấu hiệu tình cảm nào biểu lộ trên nét mặt, cố che giấu tình cảm diễn biến trong lòng. Anh chột muốn nhảy xổ ra, quỳ xuống chân nàng nắm lấy hai tay nàng mà van xin nàng đừng đi, nhưng anh biết sẽ không có cách nào lay chuyển được nàng, mà rồi nhất cử nhất động của anh nàng sẽ kể lại hết với Griffiths. Anh cảm thấy hổ thẹn.

- Sao, cuộc du ngoạn ngắn ngủi ấy thế nào? Anh vui vẻ hỏi.

- Chúng em đi đây, Harry đang đứng ở ngoài. Em đã bảo là anh không muốn gặp anh ấy, vì thế anh ấy phải tránh anh. Nhưng anh ấy muốn biết liệu anh ấy có thể vào chào từ biệt anh được không, chỉ một phút thôi?

- Không, tôi không muốn gặp hẳn - Philip nói.

Anh hiểu rằng nàng đâu có quan tâm đến việc anh gặp hay không gặp Griffiths. Bây giờ đây, lúc nàng đã đứng trước mặt anh thì anh lại muốn nàng cuốn xéo cho nhanh.

- Này, năm bảng đây. Tôi muốn cô đi ngay cho.

Nàng cầm tiền và cảm ơn anh. Nàng quay bước ra khỏi phòng.

- Bao giờ cô trở lại? Anh hỏi.

- Ồ, ngày thứ hai. Lúc ấy Harry phải về nhà mà.

Anh biết những lời anh sắp nói là một điều nhục nhã, nhưng thèm muốn, ghen tuông đã đánh gục anh rồi.

- Sau đó thì tôi sẽ gặp cô chứ?

Giọng anh không giấu được vẻ cầu xin.

- Dĩ nhiên, em sẽ cho anh biết lúc nào em trở về.

Anh siết tay nàng. Qua chiếc rèm cửa, anh thấy nàng nhảy lên chiếc xe bốn bánh đang đỗ trước nhà. Xe chạy, xe lăn bánh xa dần. Lúc đó anh vật mình xuống giường vùi mặt vào hai lòng bàn tay. Nước mắt rưng rưng, anh giận mình, anh nắm chặt hai tay, toàn thân căng lên cho nước mắt đừng trào ra, nhưng không được, và những tiếng nức nở xé ruột cứ bật ra.

Sau cùng, mệt lử và hổ thẹn, anh ngồi dậy và đi rửa mặt. Anh uống ực ki mạnh pha với nước xô đa. Anh cảm thấy người đã dễ chịu hơn tí chút. Anh chợt nhìn thấy hai vé tàu đi Pari trên mặt lò sưởi, bị cơn điên giận thúc

đây, anh liền vồ lấy vút luôn vào lửa. Anh biết có thể đem trả vé lấy lại tiền, nhưng anh có tiêu huỷ nó thì lòng anh mới nhẹ nhõm.

Sau đó, anh đi ra phố tìm bạn. Cậu lạc bộ vắng tanh. Anh cảm thấy sẽ lên cơn rồ dại mất nếu không tìm được ai đó để chuyện trò, nhưng Lawson hiện đang ở nước ngoài; anh liền đến nhà Hayward, chị hầu gái ra mở cửa nói rằng anh ta đã đi nghỉ cuối tuần ở Brighton. Anh đến phòng trưng bày tranh tượng thì phòng này vừa mới đóng cửa. Anh không biết làm gì. Lòng dạ anh như điên như cuồng và anh chợt nghĩ đến Griffiths và Mildred đang trên đường đi Oxford, sung sướng ngồi đối mặt nhau trên tàu. Anh trở về nhà nhưng căn nhà bỗng làm cho anh ghê sợ, chính ở đây anh chịu bao điều bất hạnh, anh cố gắng một lần nữa đọc sách của Burton, nhưng mắt thì nhìn sách mà lòng dạ cứ tự trách mình, cứ nói đi nói lại hoài: Ối! mình mới ngu dại làm sao! Ối mình mới ngu dại làm sao! Chính anh đã gợi ý cho họ đi. Chính anh đã cho tiền, và đã ép họ nhận; lẽ ra khi giới thiệu Griffiths với Mildred anh phải biết điều gì sẽ xảy ra: chỉ riêng cơn si mê điên dại của anh cũng đã đủ khơi dậy dục vọng của người khác. Lúc này chắc hẳn hai người đã tới Oxford. Họ sẽ đến ở trong một nhà trọ ở phố John. Philip chưa bao giờ đến Oxford, nhưng Griffiths đã nhiều lần nói với anh về thành phố này đến nỗi anh biết đích xác họ sẽ đến đâu và sẽ ăn uống tại khách sạn Clarendon: đến nơi này ăn uống chơi bài đối với Griffiths đã trở thành thói quen. Sau khi vào một quán ăn ở gần Charing Cross ăn qua loa cho xong bữa, Philip quyết định sẽ đi xem kịch và sau đó anh kiếm được một vé hạng nhất trong một nhà hát đang diễn một vở kịch của Oscar Wilde^[54]. Anh tự hỏi không biết tối nay Mildred và Griffiths có đi xem kịch? Chắc họ phải tìm cách giết thời giờ chứ; cả hai người đều quá đần độn, họ đâu có thỏa mãn ngồi nói chuyện suông, nhớ lại đầu óc tầm thường của hai người khiến anh thấy họ thật đẹp đôi, anh lấy làm thích thú một cách tàn nhẫn. Anh ngồi nhìn lên sân khấu mà đầu óc cứ nghĩ vẩn vơ, cứ mỗi lần nghỉ giải lao anh lại uống rượu ực ki vào cho người được sáng khoái, vì không mấy khi uống rượu nên rượu tác động rất nhanh, nhưng lúc say rượu thì anh càng

buồn giận, càng rầu rĩ. Khi vỡ kịch kết thúc, anh lại uống. Anh không đi nằm, biết chắc mình không ngủ được và kinh sợ những hình ảnh mà trí tưởng tượng mạnh mẽ của anh có thể bày ra trước mắt. Anh cố không nghĩ đến chúng. Anh biết mình đã uống quá nhiều. Bây giờ thì người anh run lên vì khát khao được làm điều xấu xa, bẩn thỉu. Anh muốn lăn lộn trong buồn nhớ, anh rờ dại ước ao có được những đặc tính của loài thú. Anh muốn quỳ xuống mà bò bằng bốn chân.

Ủ rũ trong cơn say, anh lê lết chiếc chân khèo ngược phố Piccadilly, tức giận, khổ đau cào xé tâm hồn. Một ả mãi dâm mắt xanh mỏ đỏ chột năm lấy cánh tay anh giữ lại. Anh gạt mạnh cô nàng, miệng tuôn những lời hung bạo. Anh đã đi mấy bước nhưng bỗng dừng lại. Ở cái ả giang hồ này thì có kém chi kẻ khác nhỉ? Anh ân hận đã nói với cô ta cục cằn thô lỗ. Anh lộn lại.

- Này! Anh gọi.

- Anh cút đi! ả nói.

Philip cười:

- Tôi chỉ muốn hỏi liệu tôi có hân hạnh được cô nhận lời đi ăn cơm tối nay với tôi không?

Ả sững sốt nhìn anh và lưỡng lự một lúc. Ả thấy là anh say.

- Em không phản đối.

Anh thích thú thấy ả dùng đúng câu anh vẫn thường nghe ở cửa miệng Mildred. Anh dẫn ả đến quán ăn mà anh vẫn quen đưa Mildred tới. Trên đường đi anh thấy ả nhìn xuống cái chân khèo của anh.

- Tôi bị thọt, cô không khó chịu gì chứ?

- Anh độc đáo thật! À cười đáp.

Khi anh trở về đến nhà thì người mới nhừ, đầu nhức như búa bổ không sao chịu nổi. Anh lại uống thêm ực ki và xô đa để cho mình được vững vàng, rồi anh lên giường nằm, lập tức lịm ngay trong một giấc ngủ không mộng mị cho đến tận trưa hôm sau.

Cuối cùng cũng đến ngày thứ hai và Philip cho rằng nỗi cực hình dai dẳng của anh đã chấm dứt. Xem giờ tàu, anh thấy chuyến muộn nhất mà Griffiths có thể đi về nhà đêm đó. Rời Oxford vào khoảng sau một giờ có lẽ Mildred sẽ đi chuyến tốc hành chậm hơn mấy phút đưa nàng về Luân Đôn. Anh rất muốn ra ga đón nàng, nhưng anh nghĩ có lẽ Mildred thích ở nhà một mình cả ngày; có lẽ đến tối nàng mới viết cho anh một dòng báo tin nàng đã về, nếu không, sáng hôm sau anh sẽ tạt qua nhà nàng; anh lấy làm nản chí. Anh ghét cay ghét đắng Griffiths, nhưng đối với Mildred cho dù biết bao chuyện đã xảy ra, anh chỉ thấy thêm khát nàng đến cháy lòng. Bây giờ thì anh lấy làm vui mừng là chiều thứ bảy vừa rồi trong một phút cuồng loạn anh đi tìm một chút hơi ấm tình người thì Hayward đã không có mặt ở Luân Đôn; có thể anh đã không ngăn được mình thổ lộ tâm can với y và Hayward sẽ khinh anh, và có lẽ việc anh vẫn chấp nhận Mildred làm người tình, sau khi nàng đã hiến thân cho kẻ khác, sẽ làm cho y thấy chướng hoặc kinh tởm. Nhưng anh cần quái gì chướng hay kinh tởm. Anh sẵn sàng chấp nhận mọi thoả hiệp và sẵn sàng chấp nhận những điều còn nhục nhã hơn nữa, hèn hạ hơn nữa miễn là những thèm muốn khát khao của anh được thoả mãn.

Vào khoảng chiều tối, dù trong lòng không định mà chân anh vẫn dẫn đến nhà nàng. Anh đứng nhìn lên cửa sổ. Cửa sổ tối om. Anh không dám đánh bạo hỏi nàng đã về chưa. Anh tin chắc vào lời hứa của nàng. Nhưng đến sáng anh không nhận được thư, khoảng gần trưa, khi anh tạt qua nhà, chị hầu gái bảo là nàng chưa về. Anh không hiểu nổi. Anh biết Griffiths nhất định phải về nhà trước ngày đó, để đi phù rể cho một đám cưới, còn Mildred thì không tiền. Đầu óc anh cứ lý sự luẩn quẩn đủ điều có thể xảy ra. Chiều đó anh lại đến, để lại một bức thư mời nàng đi ăn cơm với anh tối hôm ấy, bình thường như không có việc gì xảy ra trong hai tuần qua. Anh

ghi rõ cả địa chỉ và thời gian gặp nhau, và tuy biết chỉ là hy vọng hão huyền, anh vẫn đến đúng hẹn, anh chờ đợi suốt một giờ nhưng nàng không đến. Sáng thứ tư, anh cảm thấy hổ thẹn không dám đến nhà hỏi nên anh viết thư sai một chú bé mang đến, dặn dò chờ thư phúc đáp, nhưng một giờ sau, chú bé mang về phong thư còn nguyên chưa mở, Philip giận sôi lên. Cú lờng gạt cuối cùng này thật quá quắt, anh không còn chịu nổi. Anh nhắc đi nhắc lại với chính mình rằng anh ghê tởm Mildred, nỗi thất vọng mới này đúng là tội của Griffiths, anh căm ghét hẳn đến mức anh hiểu được niềm khoái lạc trong cái hành động giết chết một con người; anh đi đi lại lại trong phòng, nghiền ngẫm nếu bất chợt gặp hẳn trong đêm tối, anh được thọc con dao vào cổ họng hẳn đúng ngay vào động mạch cảnh, rồi bỏ hẳn nằm chết ngoài đường như một con chó thì vui mừng biết bao nhiêu. Trong lúc buồn rầu, tức giận, Philip như điên như dại, anh vốn không thích uýt ki nhưng anh cần phải uống cho đầu óc u mê dần dần. Hai tối thứ ba và thứ tư anh đi ngủ trong cơn say.

Sáng thứ năm anh thức dậy rất muộn, mắt lờ đờ, mặt tái nhợt, anh chập chững bước vào phòng khách để xem có thư từ gì không, một cảm giác lạ lùng bỗng nhói tim anh khi nhận ra nét chữ của Griffiths.

Bạn thân mến!

Tôi không hiểu nổi sẽ phải viết cho anh thế nào, nhưng tôi cảm thấy là phải viết. Tôi hy vọng anh không đến nỗi căm giận tôi. Tôi biết ra đi với Milly là điều không phải nhưng tôi thực sự đã không kiểm nổi mình. Nàng đã làm đầu óc tôi u mê nên lúc đó tôi có thể làm bất cứ điều gì miễn là tôi chiếm được nàng. Khi nàng bảo anh cho chúng tôi tiền để mà đi, tôi không thể cưỡng lại được, và giờ đây thế là hết, tôi vô cùng hổ thẹn cho tôi, tôi rất tiếc đã ngu xuẩn đến như vậy. Tôi mong anh sẽ viết vài dòng cho tôi rằng anh không giận tôi và tôi xin anh cho phép tôi được đến gặp anh. Tôi rất đau đớn khi anh bảo Milly rằng anh không muốn gặp tôi. Anh, một người

bạn rộng lượng, mong anh hãy viết cho tôi một vài dòng nói rằng anh tha thứ cho tôi. Điều này sẽ làm cho lương tâm tôi thanh thản. Tôi cứ ngỡ rằng chuyện này đối với anh không quan trọng nếu không anh đã chẳng cho tiền. Nhưng tôi hiểu đáng lẽ ra tôi không nên nhận tiền đó. Tôi đã về nhà hôm thứ hai còn Milly thì muốn một mình ở lại Oxford thêm vài ngày. Nàng sẽ về Luân Đôn vào thứ tư, vì vậy khi nhận được thư này thì anh cũng đã gặp nàng và tôi hy vọng mọi việc sẽ diễn ra hoàn toàn tốt lành. Anh hãy viết cho tôi và tha thứ cho tôi. Xin anh viết ngay cho.

Bạn thân mến của anh

Harry

Philip tức giận xé nát bức thư. Anh không có ý định sẽ trả lời. Anh coi khinh Griffiths về những lời xin lỗi, anh không chịu được cái chuyện cắn rứt lương tâm đó, hẳn ta có thể làm một việc đê tiện, cái đó thì tùy hẳn, nhưng sau đó lại hối tiếc thì thật đáng khinh bỉ. Anh cho bức thư là hèn nhát, giả nhân giả nghĩa. Những lời lẽ uỷ mị tình cảm này làm anh cảm thấy tởm lợm.

- Làm một việc bẩn thỉu sau đó nói rằng người ta rất ân hận và thế là mọi điều lại ổn thỏa, nếu vậy thì dễ dàng quá - Philip lẩm bẩm.

Anh ước ao một ngày nào đó anh sẽ có dịp chơi cho Griffiths một ván.

Nhưng dù sao anh cũng biết Mildred đã trở về thành phố. Không kịp cạo mặt, anh vội vã mặc quần áo, uống vội một chén trà rồi thuê xe đến nhà nàng. Chiếc xe dường như bò bò trên đường. Anh khát đến quặn ruột được gặp nàng, bỗng anh bất giác lẩm rầm cầu nguyện Chúa, một vị Chúa mà anh không tin, anh cầu xin Người hãy làm cho nàng đón tiếp anh tử tế. Anh

chỉ muốn quên. Anh hồi hộp bấm chuông. Trong niềm khát khao cháy bỏng lại được ôm nàng trong vòng tay, anh quên hết mọi khổ đau.

- Bà Miller có ở nhà không? Anh vui vẻ hỏi.

- Bà ấy đi rồi! Chị hầu phòng đáp.

Anh ngây người nhìn chị ta.

- Khoảng một giờ trước đây bà ấy đến lấy đồ đạc đi.

Anh đứng lặng người một lúc.

- Chị có đưa cái thư của tôi cho bà ấy không? Bà ấy có nói đi đâu không?

Lúc đó anh liền hiểu rằng Mildred lại lừa dối anh. Nàng sẽ không trở về với anh. Nhưng cố giữ thể diện, anh nói:

- Ồ, được, tôi chắc chắn sẽ nhận được thư của bà ấy. Có lẽ bà ấy đã gửi theo một địa chỉ khác chăng?

Anh quay ra, thất vọng trở về nhà. Lẽ ra anh phải biết là thế nào nàng cũng hành động như thế này, có bao giờ nàng quan tâm đến anh đâu, ngay từ đầu nàng đã đem anh ra làm trò hề; nàng không có lòng thương xót, không có sự ân cần, không có lòng nhân đức. Điều tốt nhất là chấp nhận việc không thể tránh khỏi. Nỗi đau anh đang gánh chịu thật là khủng khiếp, thà chết còn hơn. Anh chợt nghĩ tốt hơn hết là nên kết thúc toàn bộ sự việc; anh có thể nhảy xuống sông hay nằm trên đường sắt. Nhưng ý này vừa loé lên trong đầu thì anh đã chững lại. Lý trí bảo anh rằng, với thời gian anh sẽ vượt qua được mọi bất hạnh; nếu anh quyết tâm cố gắng, anh có thể quên được nàng. Tự sát thật là lỗ bịch, vì một con đàn bà nhớp nhúa như vậy thì

thật là tởm lợm. Anh chỉ có một cuộc đời, anh điên hay sao mà lại định vứt bỏ. Anh cảm thấy sẽ không bao giờ thắng được cơn đam mê của lòng mình nhưng anh hiểu rằng rốt cuộc đây chỉ là vấn đề thời gian mà thôi.

Anh không muốn ở lại Luân Đôn. Ở đây mọi thứ đều gợi nhớ đến nỗi niềm bất hạnh của anh. Anh gửi điện cho bác trai biết anh sắp trở về Blackstable và anh vội vàng chuẩn bị hành lý tranh thủ đi chuyển tàu đầu tiên. Anh muốn đi khỏi căn nhà bẩn thỉu này, nơi anh đã chịu quá nhiều đau khổ. Anh muốn hít thở không khí trong lành. Anh ghê tởm với chính mình. Anh cảm thấy anh sắp điên.

Từ khi lớn lên, Philip được ở căn phòng đẹp nhất dành riêng cho khách trong nhà cha sở. Đó là một buồng đầu hồi, trước một cửa sổ có cây cổ thụ che khuất tầm nhìn, nhưng từ một cửa sổ khác, người ta nhìn thấy cánh đồng cỏ mênh mông ở bên kia khu vườn và sân tòa cha sở. Philip còn nhớ tấm giấy dán tường từ những ngày thơ ấu. Trên tường nhà treo những bức tranh thuốc nước kỳ cục của một người bạn thời thanh niên của cha sở vẽ từ đầu thời đại Victoria. Vẻ đẹp của chúng có cái gì cổ cổ, một vẻ đẹp dễ quý phái. Cái bàn gương trang điểm được bọc vải mu-xơ-lin cứng. Một cái tủ com-mốt cũ kỹ để treo quần áo. Philip thở dài khoan khoái; anh không bao giờ mảy may hiểu được rằng tất cả những thứ ấy đều có ý nghĩa đối với anh. Cuộc sống ở tòa cha sở vẫn diễn ra như xưa. Không một thứ đồ đạc nào thay đổi vị trí; cha sở vẫn ăn những món ăn ngày xưa, vẫn nói những câu chuyện ngày xưa, và hàng ngày vẫn đi tản bộ như xưa, ông béo thêm một chút; ít nói hơn một chút, ít hẹp hòi hơn một ít. Ông đã quen với cảnh sống độc thân và cũng ít nhớ đến vợ. Những cuộc cãi vã với Josiah Graves vẫn cứ tiếp tục. Philip đến thăm viên quản lý tài sản của giáo hội. Y gầy hơn một ít, xanh xao hơn một ít, và khắc khổ hơn một ít; y vẫn độc đoán, vẫn phản đối dùng nến trên bàn thờ. Các cửa hàng vẫn giữ cái vẻ cổ lỗ dễ thương. Philip đứng trước một cửa hàng bán đồ dùng cho dân chài, giày đi biển, mũ vải dầu, dây nhợ, anh nhớ lại tại đây những ngày còn thơ bé, lòng

anh đã có lần rạo rức trước tiếng gọi của biển cả cùng những chuyện phiêu bạt giang hồ diệu kỳ đến những bến bờ xa lạ.

Mỗi khi có hai tiếng gõ cửa liên tục của nhân viên bưu điện, anh không ngăn nổi tim mình đập mạnh. Có thư của Mildred do bà chủ nhà ở Luân Đôn gửi đến chẳng? Nhưng anh biết là vô vọng. Bây giờ đây khi anh có thể xem xét điều này một cách bình tĩnh hơn, anh hiểu rằng việc cố gắng ép buộc Mildred yêu mình là anh đã cố làm một việc không thể nào làm nổi được. Anh không hiểu cái gì truyền đi từ người đàn ông sang người đàn bà, từ người đàn bà sang người đàn ông để biến một trong hai người trở thành nô lệ; gọi đó là bản năng giới tính là thích hợp nhưng nếu như không có một điều gì hơn thế nữa thì không hiểu vì sao lại xảy ra một lực hấp dẫn đối với người này mạnh mẽ hơn là đối với người kia. Không thể cưỡng bức nó được; trí óc không thể vật lộn với nó; tình bạn, lòng biết ơn, lợi ích đều không có quyền lực gì với nó. Bởi vì anh không lôi cuốn được Mildred về mặt tình dục, không một điều gì khác có thể tác động đến nàng. Ý nghĩ này làm cho anh thấy ghê tởm; nó biến nhân tính trở thành thú tính, anh bỗng thấy lòng dạ con người đầy rẫy những chỗ đen tối. Bởi vì Mildred lãnh đạm với anh, anh cho rằng nàng không thích dục tính, cái bộ mặt xanh xao thiếu máu, đôi môi nhỏ hẹp, ngực lép cùng cái vẻ lơ đãng uể oải của nàng chứng minh giả thuyết của anh là đúng. Ấy vậy mà bỗng nhiên nàng lại có thể si mê đắm đuối sẵn sàng từ bỏ tất cả hết thảy để thoả mãn những tình cảm nhất thời. Anh không sao hiểu nổi cuộc tình của nàng với Emil Miller, điều ấy dường như rất khác với nàng, nàng không thể giải thích được, nhưng giờ đây khi anh tận mắt nhìn nàng với Griffiths, anh hiểu đúng là chuyện như thế đã xảy ra: một sự khát khao không kìm chế nổi đã xô đẩy nàng lao tới. Anh cố tìm hiểu điều gì đã khiến hai gã đàn ông kia hấp dẫn được nàng. Phải chăng bản tính nàng có phần nào thô lỗ; các trò bông lơn dung tục của hai gã đã hấp dẫn được nhận thức vốn quá chất phác của nàng đối với trò hài hước. Nhưng điều lôi cuốn nàng có lẽ là vẻ dâm dật lộ liễu vốn là đặc tính dễ nhận nhất của bọn họ. Bản chất vốn lịch sự một cách kiểu cách,

nàng thường né tránh những chuyện thực tế về cuộc đời, nàng xem cái chức năng xác thịt như là chuyện bất lịch sự; nàng thường luôn lựa chọn một từ rắc rối mà nàng cho là thích hợp hơn một từ giản đơn; tính cách thô bạo của hai gã kia giống như một ngọn roi quất trên cặp vai gầy trắng trẻo của nàng, khiến nàng rùng mình trong một cơn đau đường tình dục.

Philip buộc phải có quyết định về một vấn đề. Anh sẽ không trở lại căn nhà đã gây cho anh nhiều đau khổ ấy nữa. Anh viết thư báo cho bà chủ nhà biết. Anh muốn có đồ đạc của riêng mình. Anh quyết định sẽ thuê những căn phòng không có sẵn đồ đạc như vậy vừa dễ chịu lại vừa rẻ hơn; đây là một việc cấp bách phải xem xét vì chỉ trong vòng mười tám tháng trở lại đây anh đã tiêu hết gần bảy trăm bảng. Để bù lại, bây giờ anh phải chi tiêu tiết kiệm hết sức chặt chẽ. Thịnh thoảng nghĩ đến tương lai mà anh thấy hoảng sợ. Anh đã ngu xuẩn xài phí quá nhiều tiền bạc cho Mildred, nhưng anh biết nếu việc đó lại xảy ra thì anh vẫn hành động như vậy. Mặt anh vốn thường không biểu lộ mạnh mẽ tình cảm, cử chỉ thì hơi chậm chạp, các bạn anh lại cho rằng anh là người cứng cõi thận trọng và trầm tĩnh, đôi lúc anh nghĩ đến điều này mà lấy làm thích thú. Họ cho anh là biết điều, khen ngợi anh là có ý thức, nhưng anh biết vẻ trầm tĩnh của anh đâu có hơn gì một tấm mặt nạ, một tấm mặt nạ mà anh đeo một cách hoàn toàn vô ý thức, nó tựa như lớp màn bảo vệ của những cánh bướm; nên chính bản thân anh, anh cũng lấy làm lạ về ý chí yếu đuối của mình. Đối với anh, dường như chỉ một xúc cảm nhẹ nhàng cũng đủ làm cho anh rung động như chiếc lá đu đưa trước gió, và khi một tình cảm nồng nàn choáng ngập lòng anh, thì anh hoàn toàn bất lực. Anh không điềm tĩnh. Anh chỉ có vẻ có được đức tính ấy bởi vì anh vốn đứng vững đối với rất nhiều điều mà người khác cảm thấy hấp dẫn.

Anh nhìn lại một cách khá mỉa mai cái món triết học mà anh phát triển cho mình, giúp anh bao nhiêu trong cảnh ngộ anh vừa trải qua, và anh tự hỏi liệu tư tưởng có thực sự giúp gì được cho con người trong những giây

phút gay cấn của cuộc đời. Dường như đối với anh, có một sức mạnh nào đó tuy xa lạ nhưng lại tồn tại chính trong người anh, thúc giục anh, xô đẩy anh tựa như cơn gió lớn nơi địa ngục không ngừng cuốn phăng Paolo và Francesca. Anh thường suy nghĩ trước về những điều cần phải làm, nhưng đến giờ hành động thì không hiểu sao lại trở nên bất lực trước bản năng và tình cảm. Anh hành động như cái máy bị lôi kéo cùng một lúc bởi lực của tính cách chính anh và lực của môi trường; lý trí chỉ là một kẻ bàng quan đứng ngoài mà nhìn, mà quan sát sự việc tựa như không có khả năng can thiệp, nó cũng tựa như các vị thiên thần của Epicure^[55] tự trên chín tầng mây cao nhìn xuống hành động của con người, nhưng chẳng hề mảy may có quyền lực để tác động đến những gì xảy ra.

Hai ngày trước khi học kỳ bắt đầu, Philip lên Luân Đôn tìm nhà trọ. Anh lùng sục các phố xá quanh Westminster Bridge Road nhưng đường phố bẩn thỉu làm anh chán ngán; cuối cùng anh cũng tìm được một phố ở Kennington có vẻ tĩnh lặng và cổ kính làm người ta đôi chút nhớ đến cái thành phố Luân Đôn ở bên kia sông mà Thackeray đã từng quen biết. Ở đường phố Kennington nơi chỉ có xe ngựa đồ sộ bốn bánh của gia đình Newcomes phải đi qua để đưa họ đến khu tây Luân Đôn, lúc này những cây ngô đồng đang nhu nhú chồi xanh. Nhà cửa trên đường phố mà Philip định chọn này đều là nhà hai tầng, treo trên đại đa số các cửa sổ là những tấm biển “NHÀ CHO THUÊ”. Anh gõ cửa một nhà trên biển có ghi rõ là nhà không cho thuê cả đồ đạc. Một người đàn bà khắc khổ, ít nói đưa anh đi xem ba căn phòng rất hẹp, và một phòng có lò nấu bếp và chậu rửa bát. Tiền thuê một tuần là chín silinh. Philip chẳng cần đến nhiều phòng như vậy, nhưng tiền thuê hạ mà anh thì muốn dọn đến ở ngay. Anh hỏi bà chủ liệu có thể giúp anh việc quét dọn nhà cửa và làm bữa điểm tâm buổi sáng được chẳng, nhưng bà trả lời không có công việc đó, bà cũng bận quá rồi. Anh chẳng còn cách nào khác hơn là vui lòng, và bà còn cho biết rằng ngoài việc thu tiền nhà bà không muốn dính dáng gì thêm với anh nữa. Bà bảo anh nên đến hỏi thăm người bán tạp hóa đồng thời cũng là phòng bưu điện ở góc phố, có thể ở đấy người ta sẽ giới thiệu một bà sẽ nấu nướng cho anh.

Qua nhiều lần thay đổi chỗ ở, Philip đã thu thập được ít nhiều đồ đạc, một chiếc ghế bành mua ở Paris, một cái bàn, mấy bức họa, và tấm thảm nhỏ Ba Tư mà Cronshaw đã tặng anh. Bác trai anh cho anh một cái giường xếp mà ông không dùng nữa, vì đến tháng tám ông không còn cho thuê nhà và Philip chỉ bỏ thêm mười bảng mua sắm một vài thứ cần thiết khác. Anh chi mười silinh mua loại giấy màu hạt ngô để dán ở phòng dùng làm phòng

khách riêng, anh treo trên tường một bức phác vẽ bến tàu Des Grands Augustins của Lawson tặng anh, một tấm ảnh chụp lại bức Odalisque của Ingres và một tấm khác chụp lại bức Olympia của Manet mà hồi còn ở Pari anh hay ngắm nhìn trong lúc dạo mát. Để nhớ lại mình đã từng có một thời duyên nợ với công việc trau dồi nghệ thuật, anh treo bức vẽ than chân dung anh chàng thanh niên Tây Ban Nha Miguel Ajuria, bức vẽ đẹp nhất của anh từ trước đến nay. Đây là một bức vẽ khóa thân, hai tay người mẫu nắm chặt, chân bám chặt sàn, với một sức lực đặc biệt, vẻ kiên nghị trên mặt gây một ấn tượng rất mạnh; mặc dù sau một thời gian dài xếp bút, giờ đây nhìn rất rõ tác phẩm của mình có nhiều điểm khuyết nhưng nó làm anh liên tưởng đến nhiều kỷ niệm, nên anh ngắm nhìn nó một cách độ lượng. Không hiểu Miguel giờ đây ra sao. Không gì dễ sợ bằng con đường nghệ thuật mà những con người không tài năng cứ đam mê đeo đuổi. Có thể kiệt quệ vì bị ruồng bỏ, vì đói khát, vì bệnh tật, cuộc đời anh ta đã chấm hết ở một bệnh viện nào đó, hoặc trong cơn tuyệt vọng anh đã đi tìm cái chết trong sông Seine ngẫu đục; nhưng biết đâu với bản chất kiên định của người phương nam, giờ đây anh ta nguyện từ bỏ đấu tranh và hiện đang là nhân viên tại một công sở nào đó ở Madrid, dành nhiệt tình hùng biện của mình phục vụ các hoạt động chính trị và trò đấu bò.

Philip mời Lawson và Hayward đến xem căn nhà mới của anh, họ đến người thì mang chai uýt-ki, người thì patê gan và anh lấy làm thú vị khi họ khen khiêu tả mỹ của anh. Lẽ ra anh cũng mời cả gã mua bán cổ phần chứng khoán người Ecốt, nhưng nhà chỉ có ba cái ghế, và như vậy thì chỉ tiếp được một số khách nhất định. Lawson biết rằng nhờ chàng mà Philip rất thân với Norah Nesbit và lúc đó nói cho anh biết chàng tình cờ gặp cô ấy mấy ngày trước đây.

- Cô ta hỏi thăm sức khỏe của cậu.

Nghe nhắc đến tên Norah, Philip đỏ bừng mặt. Anh vẫn không bỏ được cái tật ngượng nghịu đỏ mặt khi lúng túng, Lawson điều cốt nhìn anh. Lawson bây giờ đây ở Luân Đôn gần như cả năm, anh chịu khuất phục môi trường đến mức đã để tóc ngắn, mặc complet xéc trang nhã và đội mũ quả dưa.

- Mình biết chuyện giữa các cậu đã cắt đứt quan hệ - chàng nói.

- Từ nhiều tháng nay tớ không gặp cô ấy.

- Trông nàng khá duyên dáng. Nàng đội mũ rất sang có cảm chùm lông chim đà điều trắng, hẳn nàng đang làm ăn phát đạt.

Philip nói lảng sang chuyện khác, nhưng anh vẫn nghĩ đến nàng và sau một lúc im lặng, khi cả ba đang nói đến một chuyện khác, đột nhiên anh hỏi:

- Cậu có nghĩ là Norah giận mình không?

- Không hề. Cô ấy nói rất tốt về cậu.

- Tớ đang ngập ngừng muốn đi thăm cô ấy!

- Cô ấy sẽ không ăn thịt cậu đâu.

Philip thường nhớ đến Norah, khi Mildred bỏ anh thì người đầu tiên anh nghĩ đến là Norah; anh cay đắng nhủ thầm nếu như Norah thì nàng không bao giờ đối xử với anh như vậy. Có một cái gì đấy trong anh cứ thúc giục đến với nàng. Anh có thể trông mong vào lòng trắc ẩn của nàng, nhưng anh cảm thấy hồ thẹn vì lúc nào nàng cũng tốt với anh, vậy mà anh lại đối xử với nàng thật tồi tệ.

Giá như mình khôn ngoan gắn bó với nàng! Anh nhủ thầm khi Lawson và Hayward đã ra về và anh hút tẩu thuốc cuối cùng trước khi đi ngủ.

Anh nhớ lại những giờ phút thân mật của Norah trong căn phòng khách ấm cúng ở quảng trường Vincent, anh nhớ những buổi cùng nàng đi xem triển lãm tranh; xem kịch và những tối hạnh phúc chuyện trò cùng nàng. Nàng lo lắng đến hạnh phúc của anh, nàng quan tâm đến hết thấy những gì liên quan đến anh. Nàng yêu anh, một tình yêu thủy chung, một tình yêu còn hơn cả những khoái cảm thể xác; nó gần như tình yêu của một người mẹ, anh luôn luôn hiểu rằng tình yêu ấy là một báu vật mà anh phải hết lòng cảm ơn thương để đã ban phát cho anh. Anh quyết định sẽ trông nhờ vào lòng thương của nàng. Quả thật, nàng đã phải chịu đau khổ ghê gớm, nhưng anh biết lòng nàng rộng lượng nàng sẽ tha thứ cho anh. Lòng nàng không thể có chỗ cho hận thù. Viết thư cho nàng ư? Không! Tốt nhất là anh bất ngờ đến nhà rồi phủ phục dưới chân nàng - anh biết rằng đến lúc đó anh sẽ nhút nhát quá, anh sẽ không thực hiện nổi một động tác có vẻ kịch như vậy, nhưng anh rất thích được tưởng tượng cảnh này, và nói với nàng nếu nàng nhận cho anh được trở lại, nàng có thể tin cậy anh mãi mãi. Anh đã thoát khỏi căn bệnh đáng căm ghét vì nó mà anh đau khổ, anh đã hiểu giá trị của nàng và bây giờ nàng có thể tin anh. Anh mơ tưởng ngay đến tương lai. Anh hình dung anh đang cùng nàng chèo thuyền trên sông những ngày chủ nhật, anh sẽ dẫn nàng đi Greenwich, anh không bao giờ quên được chuyến đi chơi thú vị với Hayward và vẻ đẹp của bến cảng Luân Đôn, vẫn còn như một kho báu tồn tại thường trực trong ký ức của anh; rồi những chiều hè oi ả, hai người sẽ cùng nhau đến ngồi trong công viên trò chuyện. Anh cười một mình khi nhớ đến những câu chuyện vui nàng kể cho anh nghe, những câu chuyện tuy suông sã nhưng rất tức cười mang đậm tính cách của nàng, chúng cứ tuôn trào tựa một dòng sông sỏi bọt trên những viên cuội nhỏ. Những nỗi đau buồn thống khổ trong anh rồi cũng tan biến như một cơn ác mộng.

Những hôm sau khi anh đến trước cửa nhà nàng, vào giờ uống trà, giờ mà gần như chắc chắn tìm được Norah ở nhà, thì anh bỗng mất can đảm. Liệu nàng có thể tha thứ cho anh chăng? Xồng xộc vào nhà nàng như thế này ư? Anh cảm thấy mình thật khả ố. Một người đầy tớ gái khác, không phải người trước kia anh đã gặp khi ngày nào anh cũng có thói quen ghé tạt lại đây, ra mở cửa, anh hỏi bà Nesbit có ở nhà không.

- Chị làm ơn hỏi bà có thể tiếp ông Carey không? Anh nói - Tôi đợi ở đây.

Chị tớ gái chạy lên cầu thang, và một lát thì chạy xuống.

- Thưa ông, mời ông lên, tầng hai, phía trước.

- Tôi biết rồi. Philip nhếch mép cười nói.

Anh đi lên mà trong lòng xao xuyến. Anh gõ cửa.

- Mời vào - một giọng nói quen thuộc vui vẻ.

Dường như đó là lời mời vào cuộc đời thuận lợi, hòa hợp và hạnh phúc. Khi anh bước vào, Norah bước tới đón anh. Nàng bắt tay anh như là mới chia tay nhau hôm qua. Một người đàn ông đứng dậy.

- Xin giới thiệu đây là ông Carey, đây là ông Kingsford. Philip chua xót thất vọng thấy nàng không ở nhà một mình; anh ngồi xuống và nhận xét người lạ mặt. Anh chưa bao giờ nghe nàng nhắc đến tên người này nhưng Philip thấy ông ta ngồi trên ghế rất tự nhiên thoải mái như ở nhà. Ông ta khoảng bốn mươi, mày râu nhẵn nhụi mái tóc dài vàng hoe chải chuốt gọn gàng, nước da hơi đỏ, cặp mắt xanh xám mệt mỏi của những người tóc hoe

đã qua thời thanh xuân. Ông ta người cao hơn trung bình, mũi to miệng rộng, xương mặt nhô lên, hai vai rộng, người có vẻ nặng nề.

- Em cứ phân vân không biết vừa qua có chuyện gì xảy đến với anh - Norah nhanh nhẩu hỏi - Em gặp anh Lawson hôm nọ, anh ấy có nói với anh không? Và em đã báo tin cho anh ấy rằng thực đã đến lúc anh phải trở lại thăm em rồi đấy.

Philip không nhận thấy dù chỉ một thoáng lúng túng trên mặt nàng; anh phục nàng đã làm cho cuộc gặp gỡ thoải mái dễ chịu mà chính anh cảm thấy vô cùng khó xử. Nàng pha trà mời anh. Nàng sắp bỏ đường vào thì anh ngăn lại.

- Em ngớ ngẩn quá! Nàng kêu lên - Em quên rồi.

Anh không tin nàng quên. Chắc chắn nàng nhớ rõ anh không bao giờ uống trà với đường. Anh chấp nhận sự tình cờ này như một dấu hiệu chứng tỏ rằng nàng đã làm ra vẻ như hững hờ.

Câu chuyện do Philip làm gián đoạn, lại tiếp tục, nhưng ngay sau đó, anh bắt đầu cảm thấy mình có phần nào quấy rầy hai người. Kingsford không đặc biệt để ý gì đến anh. Ông ta nói chuyện hay, lưu loát, không phải là không hóm hỉnh, nhưng có vẻ hơi quyết đoán, hình như nhà báo, trong bất kỳ vấn đề nào được đề cập đến, ông cũng đều nói được một điều gì đấy làm cho người nghe thích thú, nhưng Philip bực tức thấy mình đứng ngoài câu chuyện. Anh quyết định ở lại chờ ông khách này ra về. Anh phân vân tự hỏi mình có cảm phục Norah hay không. Ngày xưa anh và nàng thường bàn về những kẻ muốn tán tỉnh nàng và cùng cười nhạo họ, Philip cố lái chuyện vào những vấn đề chỉ có anh và Norah biết, nhưng lần nào cũng bị nhà báo này cắt ngang và lại đẩy được câu chuyện sang một đề tài mà Philip buộc phải làm thinh. Anh bắt đầu hơi tức Norah, bởi vì nàng phải hiểu rằng anh

đang ở trong tình trạng lơ bịch, nhưng biết đâu nàng chẳng bắt anh phải chịu cảnh này như một sự trừng phạt. Nghĩ tới đó, tâm trạng anh lại vui vẻ. Tuy vậy, cuối cùng đồng hồ điểm sáu tiếng và Kingsford đứng lên.

- Tôi phải đi đây - ông nói.

Norah bắt tay ông ta và đi tiễn đến tận đầu cầu thang. Nàng đóng cửa và đứng ở ngoài mấy phút. Philip tự hỏi không biết họ nói chuyện gì với nhau.

- Ông Kingsford là ai thế? Anh vui vẻ hỏi khi nàng quay vào.

-Ồ! Anh ấy xuất bản một tạp chí ở Harmsworth. Mới đây, anh ấy nhận khá nhiều bản thảo của em.

- Tôi cứ tưởng ông ta không ra về?

- Em rất mừng thấy anh ở lại. Em có chuyện nói với anh. - Nàng co chân thu gọn dưới khổ người bé nhỏ nép trong chiếc ghế bành to rộng và châm một điếu thuốc lá. Anh mỉm cười thấy nàng ngồi đúng tư thế thường làm cho anh thích thú.

- Em nom giống hệt một con mèo.

Cặp mắt đẹp màu huyền ảo ngược nhìn anh.

- Em phải thật sự bỏ cái thói quen này. Ở tuổi em mà xử sự cứ như trẻ con thế này thì thật lơ bịch, nhưng khi ngồi thu chân lại em thấy thoải mái dễ chịu.

- Thật thú vị hết sức khi lại được ngồi ở trong căn này - Philip sung sướng nói - Em không biết rằng tôi nhớ nó làm sao.

- Vì lẽ gì anh không trở về sớm hơn?

- Tôi ngại - anh đáp mặt bưng đờ.

Nàng nhìn anh, mặt đầy vẻ dịu dàng, môi mím một nụ cười duyên dáng.

- Có gì mà anh cần phải e ngại?

Anh ngập ngừng một lúc, tim đập rộn ràng.

- Em còn nhớ lần cuối cùng chúng ta gặp nhau không? Tôi đã đối xử với em vô cùng tệ bạc. Tôi vô cùng hổ thẹn.

Nàng đăm đăm nhìn anh không đáp. Anh mất hẳn bình tĩnh, anh dường như đã gần tới mục đích chuyến đi mà chỉ bây giờ anh mới hiểu ra tính chất ác liệt của nó. Nàng vẫn ngồi im, cuối cùng anh buột muốn nói thật:

- Em có thể tha thứ cho anh không?

Rồi liền kể cho nàng nghe rằng Mildred đã bỏ anh và nỗi bất hạnh quá sức này khiến suýt nữa anh tự tử. Anh kể cho nàng mọi chuyện xảy ra giữa anh và Mildred, việc đưa bé ra đời, cuộc gặp gỡ với Griffiths, hành động đại dột, lòng tin cậy của anh và nỗi niềm mênh mang. Anh nói với nàng anh vẫn hằng nhớ đến tấm lòng nhân hậu, đến tình yêu của nàng và hối tiếc bao nhiêu đã vứt bỏ nó, anh chỉ có hạnh phúc khi ở bên nàng, bây giờ anh hiểu giá trị của nàng to lớn biết chừng nào. Giọng anh khản đi vì xúc động. Một đôi lúc anh cảm thấy hổ thẹn với chính điều mình đang nói, nên anh vừa nói vừa nhìn xuống đất; mặt anh biến dạng đi vì đau khổ, vậy mà nói ra được anh cảm thấy nhẹ nhõm lạ lùng. Cuối cùng anh nói xong. Anh mệt lả ngã người tựa lưng vào ghế và chờ đợi. Anh không giấu giếm điều gì và

thậm chí trong việc tự hạ mình, anh cũng cố làm cho mình đáng khinh hơn nữa. Anh ngạc nhiên thấy nàng không nói, cuối cùng anh ngược mắt nhìn lên. Nàng không nhìn anh. Mặt nàng nhợt nhạt, nom nàng có vẻ như đang chìm đắm trong suy tư.

- Em không có điều gì để nói với anh sao?

Nàng giật mình, mặt đỏ bừng.

- Em rất tiếc là anh đã phải trải qua một thời gian tệ hại như vậy - nàng nói - em buồn vô cùng.

Dường như nàng định nói tiếp nhưng nàng bỗng im bật, và anh lại đợi.

Cuối cùng nàng nói, như miễn cưỡng.

- Em đã hứa hôn với Kingsford.

- Thế tại sao em không nói ngay với anh - anh kêu lên - để anh tự xỉ nhục mình trước mặt em làm gì.

- Em rất tiếc - Em không thể ngăn anh - Em gặp anh ấy ngay sau khi anh - nàng như muốn tìm cách diễn đạt thế nào để anh không cảm thấy đau lòng - nói với em rằng bạn anh đã trở lại. Em rất khốn khổ mất một thời gian, anh ấy hết sức tốt với em. Anh ấy biết có người nào đó làm cho em đau khổ, dĩ nhiên anh ấy không biết là anh. Nếu không có anh ấy, không biết bây giờ em ra sao? Bỗng nhiên em thấy không thể tiếp tục làm việc, em mệt mỏi quá, em cảm thấy đau yếu quá. Em nói với anh ấy về chồng em. Anh ấy tỏ ý muốn cho em tiền để em tiến hành công việc ly hôn, nếu em vui lòng lấy anh ấy càng sớm càng hay. Công việc làm ăn của anh ấy rất

tốt, em chẳng cần phải làm gì, trừ phi em muốn. Em hết sức cảm kích, và bây giờ thì em rất, em rất yêu anh ấy...

- Thế em đã xin ly dị xong chưa? Philip hỏi.

- Em đã được quyết định ly hôn tạm thời. Đến tháng bảy thì quyết định đó có hiệu lực tuyệt đối và lúc đó em làm lễ cưới ngay.

Philip ngồi im lặng một lúc.

- Anh tiếc rằng anh đã ngu xuẩn đến thế - cuối cùng anh lâm bầm.

Anh đang nghĩ đến lời thú tội dài dòng và nhục nhã của mình. Nàng tò mò nhìn anh.

- Đã có bao giờ anh yêu thực sự em đâu? Nàng nói.

- Yêu đương là chuyện chẳng thú vị gì lắm.

Nhưng anh vẫn thường lấy lại bình tĩnh rất nhanh, và anh liền đứng lên chìa tay ra nói:

- Anh hy vọng em sẽ vô cùng hạnh phúc. Rốt cục đó là điều tốt nhất cho em.

Lúc nàng nắm giữ tay anh trong tay nàng, nàng nhìn anh có vẻ đắm chiêu suy nghĩ.

- Anh sẽ đến thăm em nữa chứ? Nàng hỏi.

- Không, anh lắc đầu đáp. Nhìn thấy em hạnh phúc thì anh càng thêm khát vô cùng.

Anh chậm rãi bước ra khỏi nhà. Xét cho cùng nàng có lý khi nói rằng anh không bao giờ yêu nàng. Anh thất vọng, thậm chí bức tức, nhưng tính kiêu ngạo còn đau nhiều hơn tình cảm của anh. Bản thân anh tự hiểu được điều đó. Và ngay lúc đó, anh dần dần ý thức được rằng quỷ thần đã chơi khăm anh một vở. Anh buồn rầu. Được trời phú cho cái năng khiếu biết tự cười chê những điều phi lý của chính mình, quả thực là một điều không lấy gì làm thú vị!

Trong ba tháng tiếp sau, Philip học về các môn mới mẻ đối với anh. Đám sinh viên vụng về vào học trường Đại học Y khoa gần hai năm trước giờ chỉ còn thừa thớt, một số thấy việc qua được những kỳ thi khó khăn hơn họ tưởng nhiều, nên đã rời bỏ bệnh viện, một số thì cha mẹ họ không lường trước được giá cả sinh hoạt đắt đỏ ở Luân Đôn nên đã đem họ về, và một số khác thì hướng theo những nghề nghiệp khác. Có một thanh niên mà Philip quen biết, nghĩ ra được một cách kiếm tiền mà cậu ta cho là tinh xảo, y bỏ tiền ra mua đồ đạc về đem bán lại và đem cầm, nhưng ngay sau đó y thấy đem cầm hàng hóa mua chịu thì lợi hơn; có một người bạn nào đó phát hiện thấy tên y trong một vụ kiện ở tòa án vi cảnh, chuyện này làm xôn xao bệnh viện. Y bị tạm giam và người cha ưu phiền phải đứng ra bảo lãnh và anh chàng phải ra nước ngoài làm phu khuân vác trên tàu biển. Có một người khác, một chàng trai xưa nay chưa hề đặt chân tới thành thị, bị ngay cái nhà hát ca vũ kịch, các quán rượu cám dỗ anh ta miên man ngày tháng giữa bọn cưỡi ngựa đua, bọn đánh cá ngựa, đám huấn luyện viên và bây giờ trở thành nhân viên của bọn chuyên sống bằng nghề cá ngựa. Một lần Philip gặp hẳn, trong một quầy rượu gần rạp xiếc Picadilly, mặc áo vét tông bó sát người, đầu đội mũ màu nâu rộng vành để trắng. Người thứ ba có năng khiếu ca hát, và mô phỏng điệu bộ nhờ bắt chước thành công các diễn viên kịch nổi tiếng tại các buổi hòa nhạc mịt mù khói thuốc ở trường Đại học Y khoa, y đã bỏ bệnh viện để vào đội hợp xướng của một nhà hát ca nhạc. Còn một người nữa làm Philip chú ý vì cử chỉ vụng về và cách ăn nói lúc nào cũng toàn những thán từ ư, ô, a, khiến người ta nghĩ rằng hẳn chẳng có thể có được những xúc cảm sâu sắc, thì lại cảm thấy nhà cửa thành phố Luân Đôn ngọt ngào. Người hẳn nom ngày càng tiêu tụy vì phải sống trong những mảnh không gian bị bít kín, và cái tâm hồn không ra gì trong hẳn cứ quẩn quại như một con chim sẻ bị nắm trong bàn tay người, tim đập mạnh, chiêm chiếp hãi hùng. Hẳn khao khát bầu trời bao la phóng khoáng nơi

chốn hoang vu hẳn đã từng sống những ngày tháng tuổi thơ, rồi bỗng một ngày giữa hai bài giảng hẳn ra đi không để lại một lời và điều mà các bạn hẳn được nghe sau đó là hẳn đã bỏ nghề y và đang làm việc cho một trang trại.

Philip hiện đang dự các bài giảng về khoa nội và phẫu thuật, hàng tuần có một số buổi sáng anh thực hành băng bó cho bệnh nhân ngoại trú và vui mừng kiếm được ít tiền; anh được học cách chẩn bệnh, cách dùng ống nghe, cách pha chế và cho thuốc. Đến tháng bảy, anh sẽ qua một đợt kiểm tra y, và tạm thời anh lấy làm thích thú làm quen với các loại độc được, pha chế các loại thuốc nước hỗn hợp, đóng thuốc viên và làm thuốc mỡ. Anh thèm thường nắm bắt bất cứ vấn đề gì khơi gợi được những ý có lợi cho con người.

Một lần anh trông thấy Griffiths ở đằng xa nhưng chẳng muốn gọi lại vết thương lòng, anh tránh mặt hẳn. Khi anh thấy rõ bạn bè Griffiths - vài người trong số này bây giờ là bạn anh - biết chuyện bất hòa giữa hai người và anh đoán chừng là họ biết nguyên nhân, Philip cảm thấy ngượng ngùng. Một người trong bọn họ, một tay rất cao lớn, đầu bé nhỏ, dáng điệu chậm chạp tên là Ramsden, một người ngưỡng mộ Griffiths nhất, kẻ từng sao chép đúng từ kiểu cà vạt, kiểu giày đến cách nói năng và điệu bộ của hẳn, đã cho Philip biết rằng Griffiths hết sức mếch lòng vì Philip đã không trả lời thư hẳn. Hẳn muốn giải hòa với anh.

- Hẳn yêu cầu anh nói lại với tôi như thế à? Philip hỏi.

- Ồ, không. Tôi nói điều này hoàn toàn theo ý mình thôi - Ramsden nói - Anh ta rất ân hận về hành động của mình, anh ta bảo rằng anh lúc nào cũng xử sự hoàn toàn độ lượng với anh ta. Tôi biết anh ta sẽ lấy làm vui mừng nếu chuyện này được bỏ qua. Anh ta không đến bệnh viện vì sợ gặp anh, anh ta cho rằng anh sẽ làm như không biết đến anh ta.

- Đúng! Tôi sẽ làm như vậy.

- Điều đó sẽ làm anh ta khá khổ tâm đấy!

- Hẳn khổ tâm hơn thế nữa thì tôi cũng chẳng sao! Philip nói.

- Anh ta sẽ làm bất kỳ điều gì để chuộc lại lỗi lầm của mình.

- Thật trẻ con! Hẳn loạn trí mất rồi! Tại sao hẳn phải lo lắng. Hẳn làm gì mà cần đến một kẻ vô danh tiểu tốt như tôi! Tôi không liên quan gì với hẳn nữa.

Ramsden cho Philip là người sắt đá và không có tình. Y không nói gì một lúc, bối rối nhìn quanh.

- Harry rất ân hận. Phải chi anh ta đừng có bao giờ dây dưa dính dáng đến con đàn bà kia.

- Thật sao? Philip hỏi.

Anh nói với một thái độ dửng dưng mà anh lấy làm hài lòng. Không ai đoán biết tim anh đập dữ dội đến chừng nào. Anh sốt ruột chờ Ramsden tiếp tục.

- Tôi cho rằng lúc này, anh đã hoàn toàn vượt qua được chuyện đó rồi phải không?

- Tôi ấy à? Philip đáp. - Hoàn toàn vượt qua.

Dần dần anh biết toàn bộ câu chuyện về quan hệ giữa Mildred và Griffiths. Với nụ cười trên môi anh làm ra vẻ như bình thản lắng nghe, làm anh chàng dần dần chuyện trò với anh hoàn toàn bị lừa. Chuyến đi nghỉ cuối tuần của nàng với Griffiths ở Oxford không những không dập tắt mà còn thổi bùng lên cơn đam mê đột ngột của nàng và khi Griffiths phải trở về nhà, với một tình cảm thật không ngờ, nàng quyết định ở lại Oxford một mình thêm vài ngày vì tại đây nàng rất sung sướng. Nàng thấy không gì có thể khiến nàng trở về với Philip. Nàng đã chán ghét anh, Griffiths ngạc nhiên trước ngọn lửa tình mà chính tay hắn nhen nhóm hai ngày với nàng ở thôn quê, hắn cảm thấy tê ngắt, hắn không muốn một cuộc vui chơi chốc lát lại biến thành chuyện yêu đương rầy rà. Nàng buộc hắn phải hứa sẽ viết thư cho nàng; vốn là người chân thật, lịch sự, bản chất lễ độ chỉ muốn làm vừa lòng mọi người, khi về đến nhà, hắn viết cho nàng một lá thư dài rất dễ thương. Và nàng trả lời bằng một lá thư dày cộm đầy những lời lẽ nồng nàn, vụng về, vì nàng không có tài diễn đạt, đã viết tồi lại còn thô thiển. Thư này làm cho hắn bức mình, và khi hắn nhận được một lá thư nữa vào ngày hôm sau, rồi tiếp đến bức thư thứ ba, thì hắn bắt đầu thấy tình yêu của nàng không còn làm cho hắn hãnh diện nữa, mà lại khiến cho hắn hoảng sợ. Hắn không trả lời, thế là nàng tới tập gửi điện hỏi hắn có ốm đau không? Có nhận được thư nàng không? Nàng nói sự im lặng của hắn làm cho nàng vô cùng lo lắng. Hắn buộc phải viết, cố gắng trả lời cho thật nhạt nhẽo nhưng lại không làm nàng méch lòng; hắn xin nàng đừng có đánh điện vì khó giải thích cho mẹ lắm; là người cô, một bức điện đối với bà là một sự kiện đáng run sợ. Qua đường bưu điện, nàng trả lời là nàng phải gặp hắn, và cho biết nàng định đi cầm đồ (nàng có hộp đồ trang sức, quà cưới của Philip tặng, có thể đem cầm được tám bảng) để có thể lên ở lại một thị trấn cách có bốn dặm cái làng mà cha Griffiths hành nghề. Điều này làm cho Griffiths lo sợ, nên lần này hắn cũng dùng điện tín để bảo nàng không được làm như vậy, hắn hứa cho nàng biết thời gian nào hắn về Luân Đôn. Khi hắn lên tới nơi, hắn thấy nàng đã đến bệnh viện nơi hắn được bổ nhiệm, để tìm hỏi. Hắn không thích chuyện này và lúc gặp Mildred hắn cảm nàng không được đến đây với bất cứ lý do gì; lúc này sau ba tuần lễ vắng mặt,

hắn thấy rõ ràng là nàng quấy rầy hắn, hắn tự hỏi vì sao hắn luôn luôn bận tâm về nàng và hắn quyết định cắt đứt quan hệ với nàng càng sớm càng tốt. Hắn là con người sợ cãi nhau và cũng không muốn làm ai đau khổ, nhưng đồng thời hắn còn phải làm nhiều việc khác, nên hắn quyết không để Mildred quấy rầy. Khi gặp nàng, hắn tươi cười vui vẻ, dễ chịu, trìu mến, hắn bịa ra một lý do có sức thuyết phục về sự vắng mặt của hắn trong thời gian vừa qua, từ khi gặp hàng lần sau cùng, nhưng hắn cố tìm mọi cách tránh mặt nàng. Khi nàng ép buộc hắn phải hẹn gặp, thì vào phút chót hắn mới điện cho nàng hoãn hẹn; trong ba tháng đầu sau khi được bổ nhiệm, hắn toàn ở nhà, nhưng hắn dặn bà chủ nhà, khi Mildred tới, thì nói hắn đi vắng. Nàng thường phục đón hắn ngoài đường và hắn biết nàng đứng quanh đầu đó hàng mấy tiếng đồng hồ đợi hắn ra khỏi bệnh viện hắn thường nói với hàng vài ba câu thân ái duyên dáng rồi kiếm cớ chạy trốn là đang bận công việc. Dần dần hắn trở nên rất khéo léo trong việc lén ra khỏi bệnh viện mà không ai trông thấy. Một bận, nửa đêm, hắn về nhà trọ và thấy một người đàn bà đứng ngoài sân trước bao lơn, đoán ra ngay kẻ đó là ai, hắn liền đến xin ngủ tạm qua đêm ở nhà Ramsden; hôm sau bà chủ kể lại là Mildred ngồi khóc trên ngưỡng cửa hàng giờ đến nỗi bà buộc lòng phải nói nếu nàng không đi khỏi thì bà sẽ gọi cảnh sát.

- Đây anh bạn thân mến, tôi nói để cho anh biết nhé - Ramsden nói - anh thoát ra khỏi chuyện này thật may quá đấy. Harry tuyên bố rằng nếu anh ta dù chỉ là phong thanh mà biết được là nàng làm phiền người ta quá chừng như vậy thì thà rằng anh ta bị quỷ tha ma bắt còn hơn là phải đầy đọa dính dáng với nàng.

Philip nghĩ tới cảnh nàng ngồi suốt đêm dài trên ngưỡng cửa. Anh tưởng tượng gương mặt sầu thảm của nàng lúc ngược mắt nhìn bà chủ đang xua đuổi nàng.

- Không biết hiện nay cô ta làm gì?

- Ồ, nhờ Chúa, cô nàng đã kiếm được một việc làm ở đâu đó. Cô nàng bận bịu cả ngày.

Đúng trước khi học kỳ hè kết thúc, chuyện sau cùng hắn nghe được là, rốt cuộc, cái tiết vì bị truy lùng liên tục, anh chàng Griffiths lịch sự đành phải rút lui. Hắn bảo Mildred là hắn đã chán ngấy bị phiền nhiễu và tốt nhất là nàng nên ra đi, đừng có quấy rầy hắn nữa.

- Đó là việc duy nhất anh ta nên làm - Ramsden nói - Câu chuyện đã thành ra quá quắt.

- Như vậy là mọi việc đã chấm dứt rồi phải không?

- Ồ, trong mười ngày anh ta không gặp cô nàng. Anh biết đấy, về cái trò bỏ rơi thiên hạ thì Harry tuyệt vời. Đây là đầu đuôi câu chuyện về bài toán khó giải nhất mà anh ta từng gặp nhưng rốt cuộc anh ta cũng đã giải quyết được tốt đẹp.

Sau đó Philip không còn được nghe thêm gì nữa về nàng. Nàng đã mất hút trong đám người không tên mệnh mông của thành phố Luân Đôn.

Vào đầu học kỳ mùa đông, Philip trở thành người giúp việc điều trị các bệnh nhân ngoại trú. Có ba y sĩ phụ trách mỗi người hai ngày một tuần. Philip ghi tên vào nhóm bác sĩ Tyrell. Ông được sinh viên yêu mến nên họ thường tranh giành nhau được giúp việc dưới quyền ông. Bác sĩ Tyrell ba mươi lăm tuổi, người cao gầy, đầu rất nhỏ, tóc hung đỏ hớt ngắn, hai mắt xanh lồi ra, mặt đỏ hồng. Ông nói hay, lời lẽ dịu dàng, thích đùa một chút và lạc quan yêu đời. Ông là người thành đạt, bệnh nhân đông, và tương lai có thể còn được tặng thưởng huân chương, Do giao thiệp với sinh viên và dân nghèo, ông có vẻ kẻ cả bề trên và do thường tiếp xúc với người ốm, ông có thái độ hạ cố vui tính của người khỏe mạnh mà một số thầy thuốc thể hiện như là cử chỉ nhà nghề. Ông đứng trước giường bệnh, họ cảm thấy mình như một cậu học trò đứng trước mặt thầy giáo vui tính; bệnh tật của họ là một việc tình nghịch ngổ ngẩn làm cho người ta buồn cười hơn là phát cáu.

Hàng ngày sinh viên phải có mặt ở phòng bệnh nhân ngoại trú, xem xét các trường hợp mà thu lượm kiến thức theo khả năng của mình, nhưng vào những ngày anh ta phụ tá thì nhiệm vụ có phần rõ ràng hơn. Lúc bấy giờ, khu bệnh nhân ngoại trú ở bệnh viện St. Luke gồm ba phòng thông liền nhau, và một phòng đợi rộng rãi nhưng tồi tàn với những hàng cột xây đồ sộ và những hàng ghế dài. Ở đây sau khi được gọi đến buổi trưa; bệnh nhân ngồi đợi thành những dãy dài, chai lọ cầm tay, người thì ăn mặc rách rưới bẩn thỉu, người thì khá tươm tất; trong bóng tối mờ mờ, đàn ông, đàn bà, mọi lứa tuổi và trẻ con gây cho người ta một ấn tượng kỳ quặc và kinh tởm. Họ gợi nghĩ đến những bức họa dữ tợn của Daumier. Tất cả các phòng đến quét sơn như nhau, bằng màu hồng với phần chân tường cao màu nâu sẫm, phòng nào cũng sực mùi sát trùng và tới khi chiều thì cộng thêm mùi hôi hám của con người. Phòng đầu là phòng rộng rãi nhất; ở giữa kê bàn nhỏ

hơn, thấp hơn, bác sĩ nội trú ngồi tại một bàn, nhân viên ghi tên đăng ký bệnh nhân trong ngày ngồi một bàn. Sổ đăng ký này là một tập sách to ghi tên tuổi, giới tính, nghề nghiệp người bệnh và lời chẩn đoán của bác sĩ về bệnh trạng của người bệnh.

Đến một giờ rưỡi, bác sĩ nội trú đến, rung chuông gọi người gác cổng cho các bệnh nhân cũ vào. Thường thường số này khá đông, nên cần giải quyết càng nhiều càng tốt, trước khi bác sĩ Tyrell đến lúc hai giờ. Bác sĩ nội trú mà Philip phải tiếp xúc là một người nhỏ bé, nhanh nhẹn, dáng vẻ làm ra quan trọng một cách quá đáng với nhân viên, ông có lối xử sự hạ cố của người trên đối với kẻ dưới và rõ ràng ông ta lấy làm phật ý về sự suồng sã của đám sinh viên lớn tuổi, những người đã từng là đồng môn với ông; (họ lại xử sự với ông một cách thiếu tôn trọng không xứng với địa vị hiện tại của ông). Ông bắt đầu khám bệnh. Một nhân viên giúp ông. Bệnh nhân ùn ùn kéo vào. Đàn ông được khám trước. Chủ yếu họ bị viêm cuống họng, cuống phổi kinh niên, một chứng “ho khan rất khó chịu”, người thì đến gặp bác sĩ nội trú, người thì đến gặp nhân viên đưa giấy gọi vào, nếu bệnh tình của họ đã tiến triển tốt thì bác sĩ ghi vào giấy gọi mấy chữ “khám lại sau hai tuần” và đến trạm phát thuốc đem theo chai lọ, lãnh thuốc về dùng cho mười bốn ngày nữa. Một số bệnh nhân đi lại bệnh viện nhiều lần đã quen cứ chùng chình nán lại để được thầy thuốc đích thân khám cho, nhưng họ cũng ít thành công với cách này, chỉ có ba, bốn người bệnh tình có vẻ cần đến sự quan tâm của bác sĩ mới được giữ riêng ra để khám.

Bác sĩ Tyrell bước vào, cử chỉ nhanh nhẹn, vẻ mặt hồ hởi, tựa tựa như một chàng hề xiếc nhảy ra sân khấu, gọi tướng lên: “Ấy lại có chúng tớ đây!”. Dáng điệu của ông như tỏ ra muốn nói rằng: đau ốm là chuyện hoàn toàn vô lý. Cứ đợi đấy, rồi đâu sẽ vào đấy ngay thôi. Ông ngồi xuống ghế, hỏi có bệnh nhân cũ nào phải khám, xem xét họ rất nhanh, nhìn họ với cặp mắt sắc sảo. Khi luận về những triệu chứng của họ, bỗng đưa một câu với bác sĩ nội trú làm cho toàn thể nhân viên khoái trá cười ồ lên, bác sĩ nội trú

cũng cười theo, nhưng có vẻ cho nhân viên mà cười như vậy là hơi khiếm nhã, rồi bác sĩ Tyrell đưa ra một câu nhân xét về thời tiết và rung chuông gọi nhân viên đưa bệnh nhân mới vào.

Họ vào từng người một, đến bên bàn của bác sĩ Tyrell. Bệnh nhân già có, trẻ có, trung niên có, nhưng phần nhiều thuộc tầng lớp lao động, công nhân nhà máy, bồi bàn các quán rượu, nhưng cũng có một số ăn mặc gọn gàng sạch sẽ, rõ ràng thuộc tầng lớp trên khác với công nhân bến tàu, phu đánh xe bò, nhân viên bán hàng, thầy ký, vân vân... Bác sĩ Tyrell ngờ vực nhìn họ. Lắm lúc họ mặc quần áo rách rưới làm vẻ nghèo khổ, nhưng những chuyện gian lận ấy không một qua được cặp mắt sắc sảo của ông, nên lắm lúc ông từ chối không chịu khám cho những người theo ông hoàn toàn có khả năng trả tiền điều trị. Phụ nữ là những kẻ dở nhất, họ sử dụng cách này vụng về hơn. Họ thường mặc áo váy gần như rách tả tơi, nhưng họ lại sơ suất quên rút nhẫn khỏi ngón tay.

- Nếu bà đã có khả năng để sắm đồ trang sức, thì bà cũng có khả năng trả thù lao cho bác sĩ. Bệnh viện là nơi dành cho những người nghèo khổ. Bác Sĩ Tyrell nói.

Ông trả giấy gọi và mời tiếp người khác.

- Nhưng tôi có giấy gọi mà?

- Giấy gọi đó của bà đối với tôi không có giá trị, bà ra ngay. Công việc của bà không phải là đến đây để ăn cắp thì giờ cần thiết cho những kẻ nghèo thực sự.

Người bệnh giận dỗi bước ra, mặt mày cau có bực tức. Chắc hẳn bà ta sẽ viết thư cho các báo chí về sự quản lý tồi tệ của các bệnh viện Luân Đôn -

Bác sĩ Tyrell mỉm cười khi ông cầm mẫu giấy gọi tiếp theo và đưa cặp mắt sắc sảo nhìn người bệnh.

Phần đông người bệnh đều cho rằng bệnh viện là cơ quan của nhà nước, cho nên họ đã nộp thuế, thì họ có quyền đòi hỏi được chăm sóc. Họ tưởng bác sĩ bỏ thì giờ ra cho họ, đã được trả lương hậu.

Bác sĩ Tyrell để cho mỗi sinh viên tập sự khám cho một ca bệnh. Sinh viên này dẫn bệnh nhân vào một trong số buồng nhỏ bé hơn ở bên trong, mỗi buồng có một giường phủ vải lông ngựa đen, họ hỏi người bệnh nhiều câu, khám phổi, tim, gan, ghi nhận xét bệnh trạng, ý kiến chẩn đoán của mình vào giấy gọi của bệnh nhân và đợi bác sĩ Tyrell vào. Khi đã khám xong cho đàn ông, ông mới vào, theo sau là một nhóm sinh viên và anh sinh viên thực tập kia đọc to từ đầu đến cuối điều anh đã ghi. Bác sĩ hỏi anh vài câu rồi tự mình khám cho bệnh nhân. Nếu có điều gì cần nghe, sinh viên dùng ống nghe, người ta thường thấy một người có hai hay ba dụng cụ đó treo trên ngực, và có thể còn hai cái nữa đeo trên lưng, trong khi đó những người khác sốt ruột đợi đến lượt mình. Đứng giữa bọn họ, bệnh nhân cảm thấy lúng túng, nhưng không hẳn là không thích khi thấy người ta tập trung chú ý vào mình, người bệnh lắng nghe lơ mơ, trong khi bác sĩ Tyrell thao thao diễn giải về bệnh tình. Vài ba sinh viên áp ống nghe lại vào người bệnh để nhận ra tiếng ran khô hay tiếng ran rít mà bác sĩ mô tả, và sau đó bảo người bệnh mặc lại quần áo.

Khi đã khám nhiều ca bệnh, bác sĩ Tyrell lui vào một phòng rộng, lại ngồi vào bàn làm việc của mình. Ông hỏi bất kỳ sinh viên nào tình cờ đứng gần ông là anh ta sẽ kê đơn thuốc gì cho người bệnh vừa rồi mới được khám. Sinh viên này kể ra một vài thứ thuốc.

- Thực chứ? Bác sĩ Tyrell nói. Được! Độc đáo đấy! Tôi nghĩ rằng chúng ta không nên vội vàng.

Điều này thường khiến cho các sinh viên bật cười, rồi nháy mắt thích thú về sự hóm hỉnh nhanh nhẹn của chính mình, bác sĩ kê vài thứ thuốc khác hẳn thứ thuốc mà anh sinh viên đề nghị.

Khi có hai ca bệnh hoàn toàn giống nhau, và sinh viên đề xuất cách điều trị của thầy thuốc đã cho dùng cho ca thứ nhất, thì bác sĩ Tyrell lại rất khéo léo nghĩ ra một cách điều trị khác. Lắm lúc biết rằng ở trạm phát thuốc các dược sĩ buộc phải làm việc cật lực nên họ thích cấp những loại thuốc đã làm sẵn, những thuốc pha chế hỗn hợp có giá trị của bệnh viện tìm ra do nhiều năm kinh nghiệm, ông ta bèn giải trí bằng cách viết một đơn thuốc phức tạp.

- Chúng ta phải giao việc để cho các nhà dược sĩ có việc làm chứ? Nếu chúng ta cứ tiếp tục kê đơn mist; alb, thì họ sẽ cùn nghề.

Bọn sinh viên cười ngất, còn ông bác sĩ đưa mắt nhìn họ một vòng lấy làm khoái trá về câu đùa của mình. Rồi ông rung nhẹ chuông, khi người gác cổng thò đầu vào, ông bảo: Mời các bà phụ nữ đã điều trị lần trước vào nhá!

Ông tựa lưng vào ghế chuyện phiếm với bác sĩ nội trú trong khi người gác cổng dẫn vào phòng một đoàn người bệnh đã được khám lần trước. Họ đi vào một hàng con gái xanh xao thiếu máu, đầu tóc rũ rượi, môi nhợt nhạt: họ không thể tiêu hóa nổi lượng thức ăn vốn đã thiếu thốn mà lại còn tồi tệ; rồi đến các bà mẹ già gầy gò da thịt nhão nhoét tàn tạ trước tuổi vì những kỳ sinh nở quá mẫn, ôm ngực ho sù sụ. Bác sĩ Tyrell và bác sĩ nội trú khám cho họ rất nhanh. Trời đã về chiều, không khí trong căn phòng nhỏ bé mỗi lúc càng trở nên hôi hám buồn nôn. Bác sĩ nhìn đồng hồ;

- Hôm nay có nhiều bệnh nhân mới là nữ không? Ông hỏi.

- Một số kha khá - Bác sĩ nội trú đáp.

- Cứ để họ vào. Anh có thể khám cho bệnh nhân cũ.

Bệnh nhân bước vào. Đối với cánh nam giới bệnh tật của họ đều do rượu chè vô độ, còn bệnh nhân nữ là do ăn uống thiếu thốn. Đến khoảng sáu giờ họ đều được khám xong. Philip mệt nhoài vì phải đứng luôn, do không khí khó chịu trong phòng và do phải tập trung chú ý; anh cùng các bạn thực tập sinh lững thững trở về trường Đại học Y uống trà.

Philip say sưa cuốn hút vào công việc. Con người ở đây là những con người ở dạng nguyên tử, những chất liệu muôn đời để cho nghệ sĩ sáng tác; Philip thấy trong lòng một cảm giác kỳ lạ, khi tình cờ anh được ở vào vị trí một nghệ sĩ, còn người bệnh thì như đất sét trong tay anh. Anh nhún vai thích thú nhớ lại quãng đời ở Pari, những tháng ngày anh còn miệt mài với màu sắc, với mọi độ đậm nhạt, có trời biết là gì, để nhằm tạo ra cái đẹp. Sự tiếp xúc trực tiếp với đàn ông, đàn bà đem lại cho anh một cảm giác mạnh mẽ mà xưa nay anh chưa hề biết. Nhìn mặt họ, nghe họ nói năng, lòng anh phấn hứng vô cùng, họ bước vào mỗi người một vẻ, khi thì lết chân một cách kỳ dị, người lướt nhẹ nhàng, người thì lại bước nặng nề chậm chạp, một vài người thì bẽn lễn rụt rè. Nhìn họ, bạn có thể đoán ngay ra nghề nghiệp của họ, biết được cách phải hỏi họ những câu chuyện như thế nào, cho họ dễ hiểu, sẽ phát hiện được những điều gần như là đối trá, và mưu mẹo làm sao để cuối cùng bạn vẫn tìm được sự thật.

Cũng cùng một sự việc nhưng bạn thấy mỗi người tiếp nhận mỗi cách khác nhau. Lời chẩn đoán về những căn bệnh hiểm nghèo sẽ được người này tiếp nhận bằng một tiếng cười, một câu đùa, song ở người khác thì lại là một sự tuyệt vọng âm thầm. Đối với những người này, Philip thấy mình ít dè dặt hơn so với những kẻ khác trước đây. Nói cho thật chính xác thì

điều anh cảm thấy đối với họ không phải là lòng trắc ẩn bởi vì lòng trắc ẩn lại gợi đến một cái gì đó như là sự hạ cố; anh chỉ cảm thấy mình làm cho họ thoải mái; khi phải khám chẩn đoán bệnh cho một ca nào anh thấy dường như người bệnh giao phó tính mệnh họ trong tay anh với một lòng tin khác thường.

- Có lẽ - anh mỉm cười nghĩ bụng - có lẽ mình có năng khiếu để làm bác sĩ. Nếu tình cờ mà mình lại chọn đúng cái nghề thích hợp như thế này thì buồn cười thật.

Dường như nhiều buổi chiều như thế, chỉ riêng anh trong số nhân viên kia nhận ra được những điều cảm động. Đối với những sinh viên khác thì đàn bà, đàn ông chỉ là bệnh nhân, nếu là ca phức tạp thì thật hay, mà nếu là ca đã rõ ràng thì thật chán ngắt; họ nghe tiếng rì rầm và ngạc nhiên vì gan không bình thường; một tiếng ran bất ngờ trong phổi cũng là một vấn đề họ bình luận. Nhưng với Philip tất cả những cái đó có ý nghĩa hơn nhiều. Chỉ cần được quan sát người bệnh, được nhìn đường nét dáng đầu, tay chân, mắt mũi họ là anh đã cảm thấy thú vị. Trong phòng này, bạn có thể thấy được bản chất con người ở trạng thái bất ngờ nhất, và lại cái mặt nạ thường ngày bị lật bỏ một cách phũ phàng bày ra để bạn thấy tâm hồn nguyên sơ của họ. Một đôi lần, bạn sẽ được gặp những con người khắc kỷ một cách ngu muội khiến bạn vô cùng xúc động. Một lần, Philip khám cho một người có vẻ cục mịch vô học, anh cho biết bệnh của y là vô hy vọng. Anh vốn điềm tĩnh, vậy mà anh cũng phải ngạc nhiên trước cái bản năng tuyệt vời của con người này. Trước mặt người lạ y không hề lộ vẻ nào nao núng. Nhưng khi chỉ còn một mình, phải đối mặt với chính mình, liệu y có còn can đảm được như vậy hay chẳng, hay y lại tuyệt vọng đầu hàng? Một đôi lần lại là thảm kịch. Một hôm có một thiếu nữ đưa người em gái đến khám bệnh. Cô ta độ khoảng mười tám tuổi, gương mặt thanh tú với cặp mắt xanh to, mái tóc hoe vàng lóng lánh dưới nắng thu, và nước da nàng đẹp khiến người ta sửng sốt. Đám sinh viên xanh mắt lên nhìn nàng. Có mấy

khi họ thấy được một cô gái xinh đẹp trong những căn phòng dơ dáy này. Thiếu nữ trình bày lai lịch gia đình, cha mẹ chết vì lao phổi, một ông anh và một bà chị cũng vậy, giờ còn có hai chị em. Gần đây cô em lại bắt đầu ho và sụt cân. Nàng cởi áo choàng để lộ tấm cổ trắng như sữa. Bác sĩ Tyrell lặng lẽ khám với phương pháp mau lẹ thường lệ; ông bảo vài ba nhân viên áp ống nghe vào nơi ông chỉ ngón tay, sau đó để mặc cô gái mặc áo vào. Người chị đứng né xa ra một chút rồi khẽ khàng hỏi ông để cô em không nghe được. Giọng thiếu nữ run run lo sợ.

- Thưa bác sĩ, em tôi không mắc phải chứng bệnh đó chứ ạ?

- Tôi e rằng chứng bệnh đó thì không còn nghi ngờ gì nữa.

- Tôi chỉ còn có mình nó. Nó mà đi nữa thì tôi chẳng còn ai.

Thiếu nữ khóc. Bác sĩ nghiêm trang nhìn nàng, ông nghĩ rằng cả nàng nữa cũng mắc bệnh đó và sẽ chẳng được bao lâu. Cô gái quay lại nhìn thấy chị khóc, thế là cô hiểu. Khuôn mặt đáng yêu ấy liền biến sắc, và nước mắt dòng dòng trên má. Hai chị em đứng lặng lẽ khóc một lúc. Bỗng quên hẳn đám người đang đứng nhìn họ, người chị bước tới bế em vào lòng rồi âu yếm đung đưa em như ru một đứa trẻ thơ.

Khi hai chị em đã đi khỏi, một sinh viên hỏi:

- Thưa bác sĩ, liệu cô ta còn sống được bao lâu nữa?

Bác sĩ Tyrell nhún vai.

- Anh và chị cô ấy chết sau triệu chứng ban đầu ba tháng, cô ấy rồi cũng thế thôi. Nếu họ giàu có thì chúng ta có thể làm được một việc gì đó. Ta

không thể bảo họ: Các người hãy đến St. Moritz. Không thể làm gì được cho họ đâu.

Một lần có một người đàn ông khỏe mạnh đang ở độ tuổi cường tráng đến khám vì cơn đau dai dẳng làm cho y khổ sở mà hình như bác sĩ cũng đành bó tay. Người ta nhận định y cũng chết thôi, không phải là cái chết khủng khiếp của định mệnh, khoa học đành phải bó tay, nhưng là cái chết không sao tránh khỏi đối với kẻ nghèo. Vì con người là một chiếc vòng răng bé nhỏ trong một cỗ máy vĩ đại của nền văn minh vĩ đại, phức tạp, khả năng thay đổi hoàn cảnh của con người cũng nhỏ bé như cỗ máy mà thôi. Duy nhất chỉ có sự nghỉ ngơi hoàn toàn là có thể cứu y, người thầy thuốc không đi tìm những việc không làm được.

- Anh phải tìm một việc nào nhẹ nhàng hơn nhiều.

- Trong nghề nghiệp của tôi không có những việc nhẹ nhàng.

- Nếu cứ tiếp tục công việc như thế, thì anh sẽ tự sát thôi. Anh ốm nặng đấy.

- Có phải ông muốn nói tôi sắp chết chẳng?

- Tôi không muốn nói như vậy, nhưng chắc chắn là anh không hợp với công việc nặng nhọc.

- Nếu tôi không đi làm thì ai nuôi nấng vợ con cho tôi.

Bác sĩ Tyrell nhún vai. Tình thế khó xử này ông đã gặp hàng trăm lần, thời giờ đã thúc bách, mà còn nhiều người bệnh đang chờ đợi.

- Được, tôi sẽ cấp cho anh một ít thuốc này, và sau một tuần, anh trở lại đây cho tôi biết bệnh tình anh ra sao.

Người đàn ông cầm giấy gọi và cái đơn thuốc vô dụng rồi ra đi. Bác sĩ thì nói gì mà chẳng được. Y cảm thấy bệnh mình không đến nỗi phải không đi làm. Y đang có công ăn việc làm chắc chắn và y không thể vứt bỏ đi.

- Tôi cho rằng y chỉ sống được một năm nữa thôi - bác sĩ Tyrell nói.

Lắm lúc lại là hài kịch. Thịnh thoảng cũng có giây phút hài hước theo kiểu của người dân Luân Đôn chính hiệu. Thịnh thoảng lại có một bà già nào đó, tựa như một nhân vật mà Charles Dickens đã phác họa, đến làm cho họ thích thú bằng những điều huyền thuyên thật kỳ quái. Một hôm, một bà già đến, mục vốn là diễn viên ba lê một nhà hát ca múa nhạc nổi tiếng. Trông mục ta khoảng năm mươi, nhưng nói là mới hai mươi tám, mặt trát bột son phấn, cặp mắt đen và to của mục trơ trên liếc tình với đám sinh viên và nụ cười thì quyến rũ một cách thô bỉ. Đây lòng tự tin, mục vô cùng lấy làm khoái trá, tự do suồng sã với bác sĩ Tyrell như xưa kia mục đã từng có thời tự do suồng sã với những kẻ cuồng si say đắm mục. Bản thân bác sĩ Tyrell cảm thấy rất vui. Mục bị viêm cuống phổi mãn tính, mục nói với ông là bệnh này gây trở ngại cho mục trong khi hành nghề.

- Em không hiểu vì sao lại có chuyện như thế này được, em xin lấy danh dự mà thề là em không hiểu. Từ bé đến giờ em không ốm lấy một ngày. Ông cứ nhìn em thì biết.

Mục đảo cặp mắt, với hàng lông mi nhuộm đen, liếc nhìn đám thanh niên, miệng cười để lộ bộ răng vàng khè. Giọng nói của mục vốn đã là giọng nói của Luân Đôn chính gốc, vậy mà mục còn cố tình làm điệu bộ khiến mỗi lời nói của mục là một sự thú vị.

- Đây là điều mà người ta gọi là chứng viêm mao phế quản mùa đông - bác sĩ Tyrell nghiêm trang trả lời. Phần đông phụ nữ tuổi trung niên thường mắc bệnh đó.

- Vậy thì em không mắc phải bệnh đó bao giờ. Ông nói chuyện ấy với em thì quả là lịch sự thật đấy. Từ trước đến giờ chưa từng một ai nói em là trung niên.

Mụ mở to hai mắt, ngoẹo đầu sang một bên, nhìn bác sĩ với vẻ tinh quái khó tả.

- Đây là điều bất lợi cho nghề nghiệp của chúng tôi - ông nói - lắm lúc nó buộc chúng tôi phải không lịch sự với phụ nữ.

Mụ cầm đơn thuốc, mỉm một nụ cười khêu gợi cuối cùng.

- Anh sẽ đến xem em múa chứ? Hỡi người yêu dấu!

- Nhất định, tôi sẽ đến.

Rồi ông rung chuông gọi ca tiếp theo.

- Có được quý ông ở đây bảo vệ tôi thật phúc cho tôi quá.

Nhưng tóm lại người ta có cảm tưởng đây không phải bi kịch mà cũng chẳng phải hài kịch. Không diễn tả điều này được. Nó muôn hình muôn vẻ, có tiếng khóc, có tiếng cười, có hạnh phúc, có khổ đau, nó chán ngắt, thú vị và hững hờ, nó tồn tại như người ta thấy nó; nó ồn ào và sôi nổi, nó nghiêm trang, nó thâm sâu và hài hước; nó tầm thường; nó giản đơn và phức tạp; niềm vui sát vai với nỗi tuyệt vọng; tình mẹ thương con; tình yêu trai gái; lòng khát khao lê lết đôi chân nặng nề quá đáng; nó hành hạ kẻ có tội lẫn

người vô tội, những người vợ không nơi nương tựa, những đứa trẻ khốn khổ, đàn ông, đàn bà ma men trói buộc đành chịu hậu quả không tránh khỏi; thân chết rì rầm trong những phòng này; và cũng ở đây, việc chẩn đoán sự sống khởi đầu đã làm cho một cô gái tội nghiệp nào đó phải thẹn thùng khiếp sợ. Ở đây không có thiện mà cũng không có ác. Chỉ có sự thật. Đó là cuộc đời.

Vào khoảng cuối năm, khi kết thúc thời kỳ ba tháng làm trợ lý ở khoa điều trị ngoại trú, Philip nhận được thư của Lawson lúc đó đang ở Pari.

Philip thân mến!

Bác Cronshaw hiện đang ở Luân Đôn, và bác sẽ vui mừng nếu được gặp cậu. Bác hiện ngụ tại số nhà 43 phố Hyde Soho. Mình không biết phố này ở đâu, nhưng mình chắc cậu có thể tìm ra, hãy độ lượng chăm sóc cho bác ấy một chút, vận may của bác ấy cũng đã đến ngày tận rồi. Bác ấy sẽ nói với cậu bác ta đang làm gì. Còn công việc ở đây vẫn rất xui xẻo như mọi khi. Dường như từ ngày cậu còn ở đây cho tới nay vẫn chẳng có gì thay đổi. Clutton đã trở lại nhưng hẳn ta hết sức quá quắt không ai chịu nổi, hẳn cãi nhau với mọi người. Theo tất cả những điều mình biết, hẳn không có lấy một xu dính túi, hẳn sống trong một xưởng vẽ nhỏ ngay sau vườn bách thảo, nhưng hẳn không cho ai xem những sáng tác của hẳn. Hẳn không lộ mặt đến bất kỳ nơi nào, nên chẳng ai biết được hẳn đang làm gì. Có thể hẳn là một tài năng, nhưng mặt khác, cũng có thể hẳn là một thằng mất trí.

À này, tình cờ mình gặp Flanagan hôm nọ. Hẳn đang dẫn phu nhân đi xem phố. Hẳn đã vứt bỏ nghệ thuật và bây giờ đang bận rộn làm cha. Hẳn sống rủng rỉnh lắm. Flanagan phu nhân thì rất xinh đẹp, mình đang gắng vẽ một bức chân dung cho nàng. Nếu ở địa vị mình thì cậu đòi bao nhiêu. Mình không muốn trở thành đứa ngu chỉ đòi một trăm năm mươi bảng nếu họ hoàn toàn sẵn sàng trả ba trăm bảng.

Bạn thân của cậu

Frederick Lawson.

Philip viết cho Cronshaw và được thư trả lời dưới đây, trong nửa tờ giấy viết thư loại rẻ tiền và không sao hiểu nổi, thư chỉ qua con đường bưu điện mà phong bì lại bắn đến thế!

Carey thân mến!

Dĩ nhiên tôi còn nhớ anh rất rõ. Thậm chí tôi nhớ rằng mình đã góp được một phần nào cứu anh thoát khỏi vũng lầy tuyệt vọng mà chính tôi cũng đắm chìm không ai cứu nổi. Tôi sẽ sung sướng được gặp anh. Tôi là một kẻ xa lạ trong một thành phố xa lạ, tôi đang bị lũ người tầm thường vùi dập. Được chuyện trò về Pari sẽ là điều thú vị. Tôi không mời anh đến thăm tôi vì nơi ở của tôi không nguy nga tráng lệ xứng đáng với việc được đón tiếp một đồng nghiệp nổi tiếng của ông Purgon, nhưng tối nào cũng vậy vào khoảng từ bảy đến tám giờ anh cũng sẽ tìm được tôi tại quán ăn tên là Au bon Plaisir phố Dean Street.

Người bạn thân chân thành của anh

J. Cronshaw

Philip đi ngay hôm nhận được thư. Quán ăn này chỉ có một phòng bé nhỏ, là loại quán của tầng lớp nghèo khổ nhất và dường như Cronshaw là khách hàng duy nhất. Ông ta đang ngồi trong một góc nhà, nơi kín nhất để tránh gió lùa, đầu vẫn đội cái mũ quả dưa ngày xưa và vẫn cái áo bành tời tàn mà Philip thấy ông thường mặc.

- Tôi ăn uống ồ đây vì tôi thích nơi vắng vẻ - ông nói - Họ nấu nướng chẳng ngon lành gì; khách hàng ít ỏi đến đây chỉ là một vài gái điếm với mấy tay hầu bàn thất nghiệp; công việc kinh doanh đang đến chỗ hỏng nên món ăn rất tồi. Nhưng họ phá sản tôi lại càng lợi.

Trước mặt Cronshaw là một cốc rượu áp-xin. Kể từ khi họ gặp nhau đến nay tính ra đã được gần ba năm, và Philip kinh ngạc về sự thay đổi bên ngoài của ông. Trước kia, ông ta khá to béo, bây giờ nom ông gầy quắt, mặt vàng bủng, da cổ chảy xuống nhăn nheo, quần áo trên người rộng thùng thình như của người năm khác; còn cổ áo thì cỡ to gấp ba bốn lần khiến nom ông càng lồi thối lệch thếch. Tay ông run run. Philip nhớ đến nét chữ viết nguệch ngoạc, ngẫu nhiên không ra hình thù gì trên giấy. Rõ ràng là Cronshaw rất ốm yếu.

- Những ngày gần đây, tôi ăn được ít - ông nói - sáng ngày ra, tôi không khỏe lắm. Bữa trưa tôi thường chỉ ăn cháo và sau đó ăn một ít pho mát.

Bất giác Philip liếc nhìn cốc rượu áp-xin; thấy thế Cronshaw liền đưa mắt nhìn anh, một cái nhìn điệu cợt mà ông vẫn thường có để tỏ ý chê bai những lời khuyên nhủ khôn ngoan của mọi người.

- Anh đã chẩn đoán bệnh tôi, và anh cho rằng tôi uống rượu áp-xin là rất không tốt đúng không?

- Rõ ràng là bác bị xơ gan - Philip nói.

- Rõ ràng

Ông nhìn Philip, cái kiểu nhìn trước đây đã từng có sức mạnh khiến Philip khó mà tin được đầu óc ông lại cạn hẹp như vậy. Dường như điều ông đang suy nghĩ là một sự thật hiển nhiên, một sự thật hiển nhiên đau buồn; và khi người ta đã chấp nhận điều hiển nhiên thì liệu có gì để nói? Philip đổi chuyện.

- Khi nào bác trở về Pari?

- Tôi sẽ không về Pari. Tôi sắp chết.

Ông nói điều này bằng một giọng hết sức tự nhiên, làm Philip giật mình. Anh đã nghĩ biết bao điều muốn nói với ông nhưng dường như tất cả đều vô ích. Anh biết Cronshaw sắp chết.

- Vậy bác có định ở hẳn Luân Đôn không? Anh hỏi một câu quá vụng về.

- Luân Đôn là cái gì với tôi? Tôi là con cá trên cạn. Tôi bước đi giữa các phố phường đông đúc, bị thiên hạ xô lấn chen đẩy nhưng tôi cảm thấy như mình bước đi trong một thành phố chết. Tôi cảm thấy tôi không thể chết ở Pari. Tôi muốn về nhắm mắt bên đồng bào mình. Tôi không hiểu cái bản năng bí ẩn nào cuối cùng đã kéo tôi trở lại.

Philip biết về người đàn bà đã ăn ở với Cronshaw và hai đứa trẻ ăn mặc nhếch nhác, nhưng Cronshaw không nhắc tới nên anh cũng không muốn nói tới họ.

- Tôi không hiểu vì sao bác lại nói đến chết - anh nói.

- Cách đây hai năm, tôi bị viêm phổi, ai cũng bảo rằng qua được đối với tôi là điều kỳ lạ. Hình như cơ thể tôi rất dễ nhiễm cái bệnh ấy, mà tôi một gặp cơn ho nữa là tôi sẽ chết.

- Bác chỉ nói đại! Nom bác đâu đã đến nỗi trầm trọng quá thế. Chỉ có điều là bác cần phải giữ gìn. Tại sao bác không bỏ rượu?

- Vì tôi không muốn. Người ta làm gì, điều đó không quan trọng, nếu người ta sẵn sàng gánh chịu hậu quả. Đây, tôi sẵn sàng gánh chịu hậu quả. Anh bảo chừa rượu, nghe dễ quá, nhưng như hiện nay đó là việc duy nhất

còn lại của tôi. Anh nghĩ xem không có nó, đời tôi sẽ ra sao? Làm sao anh hiểu rượu vào cơ thể sẽ sung sướng ra sao? Tôi mong mỗi khát khao nó và khi sống, tôi nhắm nháp từng giọt, từng giọt một rồi sau đó, cảm thấy tâm hồn ngây ngất một niềm khoái trá không bút mực nào tả được. Điều này làm anh ghê tởm. Anh là người nguyên tắc, trong thâm tâm anh, anh khinh tôi, khinh thường những khoái cảm thể xác. Mà khoái cảm thể xác lại mãnh liệt nhất, tuyệt diệu nhất. Tôi là người may mắn có giác quan mạnh mẽ và tôi lại thỏa mãn chúng đến hết mình. Giờ đây tôi phải trả giá và tôi sẵn sàng trả giá.

Philip dăm dăm nhìn ông một lúc.

- Bác không sợ sao?

Trong giây lát Cronshaw không đáp lại. Dường như ông ta đang cân nhắc cách trả lời.

- Thỉnh thoảng vào những lúc cô đơn một mình - ông nhìn Philip. Anh nhìn thấy và cho rằng đó là một sự tuyên án phải không? Anh lầm. Tôi không tiếc rằng mình đã lo sợ. Các lý lẽ cơ đốc giáo cho rằng người sống bao giờ cũng phải nghĩ đến cái chết, là chuyện điên rồ. Chỉ có một cách sống: Phải quên rằng người ta sẽ chết. Cái chết quan trọng. Người khôn ngoan dù sợ chết cũng quyết không ảnh hưởng đến một hành động nào của mình, tôi biết tôi sẽ lo sợ kinh khủng. Tôi biết tôi không thể giữ cho mình khỏi đả đàng cay luyện tiếc cuộc đời; cuộc đời đã dẫn dắt tôi đi vào ngõ hẻm như vậy, nhưng tôi không thừa nhận sự luyện tiếc đó. Lúc này đây tôi già nua, yếu đuối, tôi bệnh tật, nghèo nàn, và sắp chết, nhưng tôi vẫn bám chắc lấy sự sống và tôi chẳng luyện tiếc gì hết.

- Bác có nhớ tấm thảm Ba Tư mà bác tặng tôi không? Philip hỏi.

Cronshaw mỉm cười, vẫn nụ cười lặng lẽ ngày xưa.

Tôi đã bảo anh rằng tấm thảm ấy sẽ giải đáp được vấn đề khi anh hỏi tôi ý nghĩa cuộc đời là gì.

Philip mỉm cười đáp; bác không cho tôi biết câu trả lời sao?

- Không, không. Tôi không thể làm như thế. Câu trả lời sẽ vô nghĩa nếu không phải do anh tự tìm lấy.

Cronshaw sắp xuất bản tập thơ của ông. Việc này, bạn bè đã thúc giục ông từ nhiều năm nay, nhưng do lười nhác, ông không thể làm được những điều cần thiết. Đáp lại sự cố vũ của họ, ông bảo ở Anh tình yêu thơ ca đã chết, người ta xuất bản được một cuốn sách bằng giá của biết bao tháng năm suy nghĩ và lao động; rồi ra nó được phê bình bằng dăm ba đồng khinh thường cùng một lúc với hàng lô cuốn khác tương tự, và sẽ có vài ba chục cuốn bán được, số còn lại thì sẽ trở về nhà máy giấy. Nỗi niềm khát khao danh vọng từ lâu rồi đã mỗi mòn trong ông. Nó cũng chỉ là những ảo ảnh như mọi thứ khác. Nhưng một người bạn ông đã đứng ra cáng đáng việc này. Ông là nhà văn Leonard Upjohn mà Philip được gặp một vài lần với Cronshaw trong các quán ăn ở khu phố. Ông có danh tiếng lớn ở Anh, là nhà phê bình và được cả nước công nhận là người giải thích văn học hiện đại Pháp. Ông sống nhiều ở Pháp, là một trong những người làm cho tờ *Mercure de France* trở thành tờ tạp chí sinh động nhất của thời kỳ đó do cách diễn đạt quan điểm bằng một thứ ngôn ngữ giản dị. Ở Anh ông nổi tiếng là người có tính độc đoán. Philip đã đọc một số bài báo của ông. Ông bắt chước Sir Thomas Brown và tạo cho mình một văn phong liêng. Ông dùng những câu trau chuốt, cân nhắc kỹ càng và những từ cổ xưa lộng lẫy làm cho các sáng tác của ông có cá tính. Leonard Upjohn đã thuyết phục Cronshaw giao cho ông toàn bộ các bài thơ vì thấy rằng đã đủ để xuất bản thành một tập thơ với khổ cỡ hợp lý. Ông hứa dùng ảnh hưởng của mình với các nhà xuất bản. Cronshaw đang cần tiền. Từ khi bị ốm đau, càng ngày ông càng thấy khó mà làm việc được đều đặn; ông kiếm chỉ vừa đủ tiền để mua rượu. Khi Upjohn viết cho ông rằng có một vài nhà xuất bản mặc dù hâm mộ thơ đó cũng thấy không bõ công xuất bản thì Cronshaw bắt đầu quan tâm đến chuyện này. Ông viết cho Upjohn nhấn mạnh tình cảnh cực kì túng thiếu của mình, thúc giục ông ta cố gắng hơn nữa. Giờ đây khi sắp từ bỏ cuộc đời, ông cũng nghĩ rằng mình đã sáng tác được những vần thơ

tuyệt diệu. Ông hy vọng sẽ thành linh xuất hiện trên thế giới như một tinh cầu mới trong vũ trụ. Cả đời ấp ủ trong người những cái đẹp quý giá, rồi đến khi sắp đoạn tuyệt với cuộc đời, khi không còn cần đến gì nữa, đem chúng tặng cho đời với thái độ khinh bạc thì còn gì cao quý bằng.

Ông quyết định đi Anh là do Leonard Upjohn báo tin là một nhà xuất bản đã đồng ý in thơ của ông. Thật là một kỳ công việc Upjohn thuyết phục được nhà xuất bản này ứng trước mười bảng tiền bản quyền tác giả.

- Ứng trước tiền bản quyền tác giả, anh nhớ nhé. Cronshaw bảo Philip - Đến Milton cũng chỉ vền vẹn lĩnh được cả thầy có mười bảng.

Upjohn hứa viết một bài báo có ký tên về tập thơ này và sẽ yêu cầu bạn bè viết bình luận. Cronshaw làm ra vẻ dửng dưng với vấn đề này, nhưng dễ thấy rằng ông ta lấy làm khoái trá nghĩ đến sự náo động ông đã gây ra.

Một hôm Philip nhận lời đến ăn tối với Cronshaw ở một quán tồi tàn mà ông ta cứ khăng khăng ăn ở đó, nhưng Cronshaw không đến. Philip biết được ông ta đã không đến từ ba ngày nay. Anh ăn qua loa cho xong bữa rồi quay đi tìm địa chỉ trong lá thư đầu tiên Cronshaw viết cho anh. Phải khó khăn anh mới tìm ra phố Hyde. Đó là một phố nhà cửa bần thiêu chen chúc, kính ở nhiều cửa sổ bị vỡ được sửa chữa lại vụng về bằng những mảnh giấy báo tiếng Pháp; cửa ra vào từ nhiều năm không được quét sơn; ở tầng dưới là những cửa hàng nhỏ bé, tồi tàn, hiệu giặt, thợ chữa giầy, người bán văn phòng phẩm. Đám trẻ con rách rưới chơi đùa ngoài đường, đầu đây từ một chiếc đàn phong cầm cũ kỹ đang tuôn ra giai điệu một bài ca thô tục. Philip gõ cửa nhà Cronshaw (ở tầng dưới cùng là cửa hàng bánh mứt rẻ tiền), một bà người Pháp đã luống tuổi mặc tạp dề bần thiêu ra mở cửa, Philip hỏi bà ông Cronshaw có ở nhà không.

- À vâng, có một người Anh ở đằng sau, gác trên cùng. Không biết ông ta có ở nhà không. Nếu ông muốn gặp ông ấy, tốt hơn ông lên xem.

Cầu thang được soi sáng bằng một tia đèn khí. Trong nhà có một mùi ghê tởm. Trong khi Philip đi lên, từ một buồng gác hai, một người đàn bà đi ra nhìn anh ngờ vực, không nói gì. Ở cầu thang tầng trên cùng có ba cái cửa. Philip gõ một cửa, và tiếp tục gõ; không có ai trả lời, anh cố vặn tay nắm, nhưng cửa đã khóa. Anh gõ cửa khác, cũng không có ai trả lời, anh cố gõ lần nữa thì cửa mở. Căn phòng tối om.

- Ai đó?

Anh nhận ra tiếng của Cronshaw.

- Carey đây. Tôi vào được không?

Không nghe trả lời. Anh bước vào. Cửa sổ vẫn đóng kín; mùi hôi thối xông lên nồng nặc. Ngọn đèn ngoài đường chiếu một ít ánh sáng vào, và anh nhìn thấy một căn phòng bé nhỏ với hai cái giường đặt nối đầu vào nhau, một cái giá rửa mặt và một cái ghế, cái nọ cách cái kia một khoảng nhỏ hẹp để đi qua lại. Cronshaw đang nằm trên giường gần cửa sổ nhất. Ông nằm im không cử động, nhưng khẽ cười.

- Tại sao anh không thắp nến lên? Lúc ấy ông mới nói.

Philip bật diêm và thấy cây giá nến trên sàn bên cạnh giường. Anh châm lửa đốt đèn và để lên giá rửa mặt. Cronshaw đang nằm ngửa không nhúc nhích, trông ông thật kỳ trong bộ quần áo ngủ, đầu ông hói nhiều không ai ngờ. Mặt ông nhợt nhạt như thầy ma.

- Này ông bạn thân mến, trông bác ốm yếu quá đấy. Có ai ở đây chăm sóc bác không?

- Buổi sáng trước khi đi làm, cậu Georges có đem về cho tôi một chai sữa.

- Georges là ai vậy?

- Tôi gọi anh ấy là Georges vì tên anh ấy là Adolphe. Anh ta cùng ở căn phòng nguy nga này với tôi.

Philip để ý thấy cái giường thứ hai không được thu dọn gọn gàng từ khi có người ngủ. Trên mặt gối, chỗ thường hay gối đầu vào thì đen bẩn.

- Bác bảo căn phòng này còn có một người nữa ở phải không? - Anh kêu lên.

- Đúng! Ở Soho, ở trọ phải trả tiền. Georges làm bồi bàn. Anh ấy đi làm từ tám giờ sáng, mãi đến giờ nhà hàng đóng cửa vẫn chưa về, vì vậy anh ấy chẳng làm trở ngại cho tôi chút nào. Cả hai chúng tôi đều không ngủ được, cho nên anh ấy kể cho tôi nghe chuyện đời anh ấy để qua đêm. Anh ta người Thụy Sĩ mà tôi lại vốn thích những cậu bồi bàn. Họ nhìn nhận cuộc đời thú vị ra phết.

- Bác ốm bao lâu rồi?

- Ba ngày nay.

- Có phải bác muốn nói từ ba hôm nay, bác chỉ có một chai sữa ấy, phải không? Trời đất ơi! Vì sao mà bác không gửi cho tôi mấy dòng. Nghĩ đến bác nằm đây cả ngày không ai chăm sóc, tôi không thể nào chịu được.

Cronshaw khẽ cười.

- Ôi trông cái mặt anh đẹp chưa! Anh bạn thân mến ơi! Tôi thực sự tin rằng anh đang đau khổ đấy. Vì anh bạn quý hóa tôi.

Philip đỏ mặt, anh không ngờ mặt anh lại biểu lộ con hốt hoảng đến như vậy, khi anh nhìn thấy căn phòng kinh tởm và cảnh ngộ khốn cùng của nhà thơ tội nghiệp này. Cronshaw nắm ngấm Philip, ông mỉm cười hiền lành nói tiếp.

- Tôi hết sức sung sướng anh bạn ạ. Này, anh bạn xem, những bản in thử của tôi đây. Anh nên nhớ rằng tôi vốn coi thường những chuyện thiếu thốn tiện nghi mà người đời coi trọng. Điều kiện sống của con người ta có nghĩa gì, nếu những ước mơ của anh đã cho anh được làm chúa tể tối cao của cả không gian và thời gian.

Các bản in thử đang nằm trên giường ông, và trong bóng tối, ông đưa tay lấy được. Ông giở cho Philip xem và mắt ông sáng lên. Ông lật mở từng trang, vui mừng với chữ in rõ ràng. Ông đọc to một đoạn thơ.

- Cũng không đến nỗi dở chứ? Phải không nào?

Một ý nghĩ chợt đến với Philip. Việc này sẽ khiến anh phải chi tiêu chút ít mà lúc này thì không được phép chi tiêu thêm dù chỉ là một món nhỏ nhất, nhưng mặt khác, trong trường hợp này mà nghĩ đến chuyện tiết kiệm thì thật tẻ.

- Này, để bác ở đây tôi không chịu nổi đâu. Tôi có thuê một căn buồng phụ hiện vẫn bỏ không, tôi có thể dễ dàng mượn ai đó một cái giường, bác

đến ở với tôi một thời gian được không? Như thế sẽ đỡ cho bác khỏi phải trả tiền thuê buồng này.

- Ồ, anh bạn thân mến, để rồi anh cứ khăng khăng bắt tôi để mở cửa sổ ư.

- Nếu bác thích, bác có thể bịt kín mọi cửa sổ.

- Ngày mai tôi khỏe thôi. Lẽ ra hôm nay tôi đã có thể ngồi dậy được rồi, chỉ vì tôi cảm thấy lười biếng đó thôi.

- Nếu vậy bác có thể di chuyển dễ dàng. Và sau đó bất cứ lúc nào bác thấy khó ở là bác cứ đi nằm ngay, tôi sẽ có mặt ở đó săn sóc bác.

- Nếu anh thích như thế thì tôi sẽ đến - Cronshaw vừa nói vừa mỉm cười, một nụ cười bơ phờ nhưng không phải không vui.

- Thế thì tuyệt.

Hai người quyết định hôm sau thì Philip sẽ đến đón Cronshaw về. Philip tranh thủ được một giờ buổi sáng làm việc để thực hiện việc di chuyển. Lúc tới thì anh thấy Cronshaw đã mặc xong quần áo, đội mũ, khoác áo choàng ngồi trên giường, và dưới sàn nhà cạnh chân ông là một chiếc va li nhỏ tòi tàn đựng quần áo sách vở đã bao gói lại. Nom ông có vẻ như đang ngồi trong phòng đợi của nhà ga. Nhìn thấy ông, Philip mỉm cười. Hai người đi đến Kennington bằng xe bốn bánh, cửa xe đóng kín cẩn thận. Philip để ông khách ở căn buồng của chính mình. Từ sáng sớm, anh đã đi mua cho mình một khung giường cũ, một tủ quần áo rẻ tiền và một tấm gương soi. Cronshaw bắt tay ngay vào việc sửa chữa các bản in thử. Sức khỏe ông khác hẳn.

Trừ những lúc ông cúi kính vì ốm đau bệnh tật, Philip thấy ông là người khách dễ tính. Buổi sáng anh phải lên lớp lúc chín giờ nghe giảng, nên cho đến tối anh mới gặp Cronshaw. Đã một hai lần, Philip thuyết phục ông ta cùng ăn bữa cơm tối đạm bạc mà anh tự nấu lấy, nhưng ngồi trong nhà thì lòng dạ Cronshaw rất bồn chồn không sa chịu nổi, nên ông thường thường ông thích đến ăn tại một vài quán rẻ tiền nhất ở Soho. Philip yêu cầu ông đến bác sĩ Tyrell khám bệnh nhưng ông kiên quyết từ chối. Ông biết đã là bác sĩ thì nhất định sẽ bảo ông chữa rượu, mà ông thì đã quyết định sẽ không làm như vậy. Thường thường cứ vào buổi sáng ông thấy đau đớn kinh khủng, nhưng đến trưa, có rượu áp-xin vào, ông khỏe ra và đến nửa đêm, lúc về nhà, ông lại có thể chuyện trò rất thông minh như ngày xưa ông đã làm Philip kinh ngạc khi lần đầu tiên làm quen. Các bản in thử đã sửa xong. Tập thơ sẽ được xuất bản vào đầu mùa xuân, sau khi công chúng đã hồi sức sau loạt sách tung ra như bão táp trong dịp lễ Nô-en.

Đến đầu năm thì Philip đã thành người phụ mổ ở phòng phẫu thuật chữa bệnh ngoại trú. Công việc này cũng cùng tính chất như công việc anh vừa làm mãi mê trước đây nhưng nó liên quan trực tiếp đến khoa phẫu thuật nhiều hơn là đến khoa nội; và phần lớn bệnh nhân thì mắc phải hai loại bệnh đốn đời mà một số công chúng năm ngựa cứ làm ra bộ đoan trang kiểu cách để cho phép truyền bá rộng rãi khắp nơi. Bác sĩ phẫu thuật mà Philip phụ mổ, băng bó người bệnh, tên là Jacobs. Y người thấp béo, tính tình sôi nổi, đầu hói, nói oang oang, giọng người khu đông Luân Đôn, thường hay bị đám sinh viên mô tả như một anh chàng “bất lịch sự đại tếu”; nhưng y có tài cả về mặt mổ xẻ cũng như về mặt dạy bảo truyền nghề nên họ cũng bỏ qua chuyện đó. Y cũng có tài khôi hài đáng kể mà y áp dụng một cách vô tư đối với người bệnh cũng như đối với đám sinh viên. Y rất thích đem những người phụ mổ ra để làm trò giễu cợt. Bởi lẽ họ dốt nát, nhút nhát, và không đối đáp được với y như những người ngang hàng, nên điều này không có gì khó lắm. Những buổi chiều thuộc ca làm việc của y, y cho phép mình được đưa ra những sự thật đau lòng chua xót chạm nọc thiên hạ mà y rất lấy làm khoái trá, còn đám sinh viên thì chỉ đứng gượng cười mà kiên nhẫn chịu đựng. Một hôm có một thằng bé bị thọt được đưa đến, cha mẹ nó muốn biết liệu có chữa được không. Jacobs quay sang Philip.

- Anh Carey, anh nên nhận ca bệnh này. Đây là một đề tài mà hẳn rằng anh phải biết ít nhiều.

Philip đỏ mặt, trước hết vì điều mà vị bác sĩ phẫu thuật này nói là rõ ràng với ý định hài hước; sau nữa là tiếng cười xun xoe của những người phụ mổ bị bắt nạt. Quả thực, đây là đề tài mà từ khi đến bệnh viện, Philip đã chú ý khắc khoải nghiên cứu. Anh đã đọc mọi sách vở trong thư viện nói

đến tật vẹo chân với nhiều dạng khác nhau. Thằng bé mười bốn tuổi, mũi tẹt và hếch, mắt xanh, mặt đầy tàn nhang. Cha nó đề nghị nếu có thể được thì xin các bác sĩ hãy chữa cho cháu vì chân tay cháu như vậy thì cháu khó kiếm sống nổi.

Philip tò mò nhìn nó. Nó là thằng bé vui vẻ không hề e thẹn nhút nhát, trái lại nó còn hay chuyện, bạo dạn làm người bố tỏ vẻ không đồng ý. Nó rất quan tâm đến cái chân nó.

- Ông biết không, chỉ trông bề ngoài nó thế này thôi - nó nói với Philip - cháu chẳng thấy nó vướng víu gì.

- Im đi Erme - cha nó bảo - con nói nhiều quá đấy.

Philip khám chân và chậm rãi đưa tay lên chỗ dị dạng. Anh không hiểu nổi vì sao cậu bé lại không cảm thấy nhức nhối, điều vẫn luôn luôn trĩu nặng lòng anh. Vì sao anh không chịu đựng được cảnh tật nguyên của mình đứng đưng bình thản như thế. Một lúc sau Jacobs bước tới. Cậu bé đang ngồi trên mép giường, bác sĩ phẫu thuật và Philip ngồi mỗi người một bên, còn các sinh viên thì đứng xúm xít quanh họ thành nửa vòng tròn. Với tài ăn nói quen thuộc, Jacobs nói ngắn gọn nhưng rất sinh động về tật vẹo chân. Y đề cập đến nhiều loại và các hình dạng biến đổi của nó ở những điều kiện cơ thể khác nhau.

- Tôi cho là anh bị talipes equinus phải không? Y đột ngột quay sang nói với Philip.

- Vâng.

Philip cảm thấy mắt các bạn sinh viên đổ dồn về phía mình và anh thầm giận mình đã không thể kìm nổi đỏ mặt. Anh cảm thấy hai bàn tay anh ướm

mồ hôi. Do hành nghề đã lâu và với trí minh mẫn tuyệt vời đã nổi tiếng, bác sĩ phẫu thuật này nói năng lưu loát. Ông ta quan tâm đến nghề nghiệp của mình một cách kỳ lạ. Nhưng Philip không lắng nghe. Anh chỉ mong ông làm nhanh cho xong. Bỗng anh nhận ra rằng Jacobs đang nói chuyện với anh.

- Này anh Carey, anh cời bít tất ra một lúc không phiền gì chứ?

Philip rùng mình. Anh chợt có ý muốn mắng cho ông bác sĩ này một trận, nhưng anh không có can đảm để gây chuyện. Anh sợ tính giễu cợt tàn nhẫn của y. Anh cố làm ra vẻ thản nhiên.

- Không sao cả! Anh đáp.

Anh ngồi xuống cời giày. Mấy ngón tay anh run run, anh nghĩ rằng có khi anh không tháo được nút dây. Anh nhớ lại hồi còn đi học, tụi bạn đã bắt anh phải cho chúng xem chân như thế nào, anh nhớ lại lúc đó lòng anh đã dẫn vật khổ sở ra sao.

- Anh này giữ gìn chân sạch ghê nhỉ? Jacobs chua ngoa nó bằng cái giọng khu đông Luân Đôn của mình. Đám sinh viên có mặt cười khúc khích. Philip để ý thấy cậu bé họ đang khám bệnh tò mò háo hức nhìn xuống anh. Jacobs cầm chân anh trong tay y và nói:

- Đúng, đây là điều tôi nghĩ. Ngày còn bé người ta đã làm phẫu thuật cho anh một lần rồi đúng không?

Ông ta lại tiếp tục thao thao giảng giải. Đám sinh viên xúm nhau ngó nhìn chân Philip. Vài ba người xem xét thật tỉ mỉ khi Jacobs bỏ tay ra.

- Lúc nào thì các anh xong - Philip cười nói mỉa mai. Anh có thể giết chết lũ này. Anh nghĩ thật thú vị biết mấy nếu bất thành linh anh đâm cái đục vào cổ bọn họ (anh không hiểu vì sao thứ dụng cụ đặc biệt này lại hiện ra trong trí anh) - Bọn chúng mới thú vật làm sao! Ước gì anh tin được rằng có địa ngục để anh được an ủi khi nghĩ đến những cảnh tra tấn khủng khiếp dành cho bọn chúng. Bác sĩ Jacobs chuyển sang nói về cách điều trị, phần thì ông ta nói với cha cậu bé, nhưng phần nữa thì nói với sinh viên. Philip mang bút tất vào và buộc giầy. Cuối cùng bác sĩ phẫu thuật cũng kết thúc. Nhưng dường sau đó, ông chợt nhớ ra một ý gì đó nên quay sang Philip:

- Anh biết không. Tôi nghĩ có lẽ anh mổ lại một lần nữa hóa hay đấy. Dĩ nhiên tôi không thể làm cho chân anh trở lại bình thường, nhưng tôi nghĩ tôi có thể làm được một cái gì đấy. Anh có thể suy nghĩ về vấn đề này, và khi nào anh cần nghỉ, anh có thể đến nằm bệnh viện một vài ngày.

Philip vẫn thường tự hỏi không biết có cách gì chữa chạy cho cái chân mình, nhưng vì không thích đả động đến vấn đề này nên anh không hỏi ý kiến bất cứ bác sĩ nào dù là bác sĩ phẫu thuật ở bệnh viện. Thông qua vốn kiến thức của mình, anh cho rằng dù thế nào lúc bé anh cũng đã chữa rồi - lúc bấy giờ việc chữa tật vẹo chân không được tinh xảo như ngày nay - thì bây giờ có chữa lại cũng chẳng hy vọng bao nhiêu. Song nếu như phẫu thuật mà làm cho anh mang giầy bình thường và bớt được khập khiễng thì kể ra cũng đáng làm. Anh nhớ lại anh đã từng nhiệt thành bao nhiêu cầu Chúa ban phép lạ là điều mà chính bác anh cũng đã bảo đảm với anh là quyền lực vô biên. Anh mỉm cười buồn rầu.

- Ngày ấy mình quả là khờ khạo - anh nghĩ bụng.

Vào cuối tháng hai thì bệnh tình Cronshaw rõ ràng ngày càng nặng hơn. Ông không còn dậy được nữa. Ông nằm trên giường và khăng khăng đòi đóng cửa sổ cả ngày, ông không chịu để bác sĩ đến khám bệnh, ông ít ăn

nhưng đòi uýt ki và thuốc lá. Philip biết rằng ông ta không được dùng hai thứ đó, nhưng không ai cãi lại nổi Cronshaw.

- Tôi dám chắc những thứ đó đang giết chết tôi. Tôi cóc cần. Anh đã răn đe tôi, anh đã làm đủ mọi điều cần phải làm. Tôi không cần biết đến những răn đe ấy của anh. Đồ khốn khiếp, hãy cho tôi uống một chút gì đó đi.

Mỗi tuần Leonard Upjohn đến bất thành linh vài ba lần, lướt nhanh vào căn phòng; cách xuất hiện của ông ta khiến người ta nghĩ đến hình ảnh một chiếc lá rụng vèo. Người ông ta gầy còm, tuổi trạc ba mươi lăm, tóc dài màu bạch kim, gương mặt xanh xao. Ông có vẻ là người ít sống ngoài trời. Ông đội một cái mũ của giáo sĩ ngoại đạo. Ông có thái độ kẻ cả bề trên nên Philip không ưa và cái kiêu thao thao bất tuyệt của ông làm anh chán ngấy. Leonard Upjohn rất thích nghe chính mình nói. Ông không nhạy cảm đối với sự quan tâm của người nghe mà đó lại là điều kiện trước nhất của người biết nói chuyện; ông không bao giờ nhận ra là ông đang nói những điều mà mọi người đã biết. Ông cân nhắc đắn đo chỉ cho Philip biết phải suy nghĩ thế nào về Rodin, Albert Salman, và Cesar Franck.

Bà giúp việc cho Philip chỉ đến làm có một giờ vào buổi sáng và cả ngày Philip phải có mặt ở bệnh viện, nên Cronshaw ở nhà một mình. Upjohn nói với Philip rằng phải có người ở lại với Cronshaw nhưng ông chẳng hề làm gì để thực hiện điều đó.

- Nghĩ đến nhà thơ lớn đó phải trợ trợ một mình thì thật dễ sợ. Ông ấy có thể ra đi mà chẳng có ai ở bên cạnh.

- Tôi nghĩ rất có thể sẽ như thế.

- Làm sao mà anh nhẫn tâm thế!

- Thế sao hàng ngày ông không đến đây làm việc để nếu cần gì thì lúc đó đã có ông ở gần - Philip lạnh lùng hỏi.

- Tôi ấy à? Anh bạn thân mến ơi! Tôi chỉ có thể làm việc trong một môi trường quen thuộc, và lại tôi còn phải ra phố luôn.

Việc Philip đem Cronshaw về nhà riêng của mình làm Upjohn cũng có phần lúng túng.

- Tôi tiếc rằng anh không để ông ta cứ ở Soho - Upjohn vừa mới vừa hoa hoa hai bàn tay gãy, ngón dài - trong cái gác áp mái bẩn thỉu kia, thì lãng mạn thật đấy. Tôi có thể chịu được điều đó thậm chí nếu đó là Wapping hay Shoredirch nhưng tại khu phố Kennington đáng kính này ư! Ôi, một nhà thơ mà lại nhắm mắt ở một khu như vậy!

Cronshaw hay cái kinh đến nỗi Philip chỉ có thể giữ được bình tĩnh bằng cách lúc nào cũng nhớ rằng đó là triệu chứng của bệnh tật. Đôi lúc Upjohn đến trước khi Philip có mặt ở nhà, lúc ấy Cronshaw thường chua chát than thở về anh. Upjohn thường lắng nghe với vẻ tự mãn.

- Carey quả là không có năng khiếu thẩm mỹ cái đẹp - Upjohn mỉm cười nói - anh ta có đầu óc của tầng lớp trung lưu.

Ông ta rất hay châm biếm Philip, Philip phải kiềm chế mình nhiều trong quan hệ xử sự với ông. Nhưng vào một buổi tối, anh không ghìm được mình nữa. Anh đã phải qua một ngày vất vả ở bệnh viện nên về đến nhà người mệt chết ra rồi. Anh đang pha trà trong bếp thì Leonard Upjohn đến gần anh, nói rằng Cronshaw than phiền Philip cứ khăng khăng buộc ông ta phải nhờ bác sĩ.

- Anh không hiểu rằng anh đang được hưởng một đặc ân rất quý, rất tuyệt vời sao? Anh phải đem hết sức mình, đúng vậy, phải đem hết sức mình ra để chúng tỏ rằng anh xứng đáng với điều đó chứ.

- Đó là một đặc quyền quý báu tuyệt vời mà tôi khó có thể cáng đáng nổi
- Philip đáp.

Bất cứ lúc nào có vấn đề tiền nong là Leonard Upjohn lại tỏ vẻ khinh khỉnh. Do nhạy cảm nên ông ta dễ tức giận khi bị ám chỉ.

- Trong thái độ của Cronshaw có cái gì đó cao quý mà anh lại quấy rầy, cứ những nhieu ông ta. Có những ý nghĩ tinh tế mà anh phải thừa nhận cho dù anh không cảm thấy.

Mặt Philip sa sầm.

- Chúng ta hãy gặp Cronshaw - anh lạnh lùng nói.

Nhà thơ đang nằm ngửa đọc sách; miệng ngậm tẩu thuốc. Không khí có mùi mốc, mặc dù căn phòng được xếp ngăn nắp, nhưng trông có vẻ bẩn thỉu ở bất cứ chỗ nào có đến vết Cronshaw lui tới. Thấy họ bước vào, ông vội vàng nhắc kính ra. Philip giận sôi lên. Anh bảo:

- Ông Upjohn cho tôi biết là bác phàn nàn với ông ấy là tôi thúc giục bác mời bác sĩ. Tôi muốn bác mời bác sĩ vì bác có thể chết bất cứ ngày nào, và nếu không có bác sĩ nào khám cho, tôi sẽ không xin được giấy chứng nhận. Rồi người ta sẽ phải tiến hành một cuộc điều tra và rồi tôi sẽ bị khiển trách là không mời bác sĩ.

- Tôi không nghĩ như vậy. Tôi nghĩ rằng anh muốn bác sĩ đến khám là vì lợi ích của tôi, chứ không phải vì lợi ích của riêng anh. Tôi sẽ mời bác sĩ

đến bất cứ lúc nào anh muốn.

Philip không đáp nhưng khẽ nhún vai, hầu như không ai thấy Cronshaw theo dõi thái độ anh, cười khúc khích.

- Đừng có nổi nóng như vậy, anh bạn yêu quý. Tôi hiểu rất rõ là anh cố gắng hết sức sắp xếp mọi việc cho tôi. Ta hãy hỏi ý kiến ông bác sĩ của anh, ông ta có lẽ sẽ làm được một điều gì đó cho tôi, và dù sao thì việc đó cũng sẽ làm cho anh yên tâm. Rồi ông ta đưa mắt nhìn Upjohn.

- Anh thật ngốc nghếch quá đấy Leonard ạ, tại sao anh lại cứ phải muốn làm phiền chàng trai này như vậy? Phải kiên nhẫn chịu đựng với tôi, anh ấy đã khá vất vả rồi. Còn anh, anh sẽ chẳng làm gì được hơn cho tôi là viết một bài báo thật hay về tôi sau khi tôi chết? Tôi hiểu anh chứ!

Hôm sau Philip đến bác sĩ Tyrell. Anh cảm thấy bác sĩ thuộc dạng người sẽ quan tâm đến chuyện này, và ngay sau khi làm xong công việc hàng ngày, bác sĩ cùng Philip đi ngay đến Kennington. Ông chỉ còn đồng ý với điều mà Philip cho ông biết từ trước. Ca bệnh này là vô phương cứu chữa.

- Nếu anh muốn, tôi sẽ đưa ông ấy đến bệnh viện - bác sĩ nói - ông ấy có thể chết bất cứ lúc nào.

- Không thuyết phục được ông ấy đâu.

- Anh biết đấy, ông ấy có thể chết bất cứ lúc nào.

Philip gật đầu. Bác sĩ Tyrell đưa ra vài ba đề nghị và hứa sẽ trở lại bất kỳ lúc nào Philip cần. Ông để lại địa chỉ. Khi Philip tiễn ông, trở vào anh thấy Cronshaw im lặng đọc sách; ông ta không hề bận tâm hỏi xem bác sĩ đã nói gì.

- Anh hài lòng rồi chứ? Anh bạn thân mến! Ông hỏi.

- Tôi tin rằng không có gì khiến được bác làm theo lời khuyên của bác sĩ Tyrell, đúng không? Cronshaw mỉm cười.

- Đúng, không có gì!

Sau chuyện này khoảng hai tuần, một buổi tối hết giờ làm việc ở bệnh viện về, Philip gõ cửa buồng Cronshaw. Không nghe tiếng trả lời, anh bước vào. Cronshaw đang cuộn tròn nằm nghiêng về một bên, Philip lại gần giường. Anh không biết Cronshaw đang ngủ, hay chỉ nằm đó trong một cơn cú kính không nén được. Anh ngạc nhiên thấy mồm ông ta há hốc. Anh sờ vai ông, và thất đảm kêu lên một tiếng. Anh luồn tay vào dưới áo sơ mi và sờ tim ông, anh không còn biết phải làm gì trong cơn bối rối, anh chợt nhớ đến một việc mà anh nghe nói người ta vẫn thường làm, anh liền đem tấm gương soi để trước miệng Cronshaw. Anh bỗng giật mình hoảng sợ thấy một mình mình trở trọi với Cronshaw. Mũ áo vẫn còn trên người, anh lao vội xuống thang gác chạy ra đường. Anh gọi một chiếc xe ngựa đi đến phố Harley. Bác Sĩ Tyrell đang ở nhà.

- Bác sĩ ơi, phiền bác sĩ đến ngay cho. Tôi cho rằng Cronshaw đã chết.

- Nếu ông ấy chết rồi thì tôi đến còn ích gì?

- Tôi sẽ hết sức biết ơn bác sĩ nếu bác sĩ đến cho. Tôi đã thuê xe chờ ngoài cửa. Chỉ mất độ nửa giờ là đến thôi mà.

Tyrell đội mũ. Lên ngồi trong xe, ông mới hỏi anh mấy câu.

- Khi tôi đi làm sáng nay dường như ông ấy không nặng hơn thường ngày - Philip nói - Ngay vừa rồi mới đi vào, tôi sững sờ cả người. Cứ nghĩ đến ông ta chết một mình trở trọi... Bác sĩ cho rằng ông ta biết mình sắp chết không?

Philip nhớ lại lời Cronshaw. Không hiểu vào giờ phút cuối cùng bác ta có hoảng sợ trước cái chết không nhỉ? Philip hình dung mình rơi vào cảnh ngộ tương tự: biết cái điều không thể tránh khỏi đang tới và không ai, không có một ai ở bên để nghe được lời an ủi vào giây phút cuối cùng, anh kinh hoàng khiếp sợ.

- Anh có vẻ choáng váng đấy - bác sĩ Tyrell nói - cặp mắt xanh của ông nhìn sang anh có vẻ thông cảm.

Khi nhìn Cronshaw, ông nói:

- Ông ấy chết cách đây đã được mấy tiếng rồi. Tôi cho rằng ông ấy chết khi đang ngủ. Trường hợp này đôi lúc cũng xảy ra.

Thi thể ông già có vẻ như co rút lại, trông thiếu não, không còn ra hình thù con người. Bác sĩ Tyrell thản nhiên nhìn cái xác. Ông lấy đồng hồ ra xem, động tác như một cái máy.

- Thôi, tôi phải đi đây. Tôi sẽ gửi giấy chứng nhận đến cho anh. Có lẽ anh phải liên lạc với thân nhân ông ta.

- Tôi cho rằng ông ta không có ai - Philip nói.

- Còn việc chôn cất thì sao?

- Ồ, tôi sẽ lo liệu.

Bác sĩ Tyrell liếc nhìn Philip. Ông tự hỏi liệu có nên góp với Philip vài đồng vào việc này chẳng. Ông không biết gì về hoàn cảnh của Philip, có lẽ anh ta đủ sức lo khoản phí tổn này cũng nên. Gợi ý gì về chuyện này, lỡ ra anh ta lại nghĩ rằng chẳng liên quan gì tới mình mà mình lại xen vào.

- Thôi nhé, nếu tôi có thể làm được một việc gì đó thì anh cứ cho tôi biết.

Philip cùng ông bước ra và chia tay nhau trên ngưỡng cửa, Philip đến sở điện báo đánh điện cho Léonard Upjohn. Sau đó anh đến người làm nghề lo việc đám ma có cửa hàng ngày nào anh cũng đi qua trên đường đến bệnh viện. Anh thường chú ý đến cửa hàng này do ba hàng chữ bạc: *Tiết kiệm - Nhanh chóng - Lịch sự* trên mảnh vải đen, trang trí ở tủ kính bày hàng và ở dưới là hai cái quan tài mới. Mấy hàng chữ này bao giờ cũng làm anh thấy hay hay. Người làm nghề lo việc đám ma này là một gã Do Thái, nhỏ bé, béo phì, tóc đen quăn dài, láng bóng, gã mặc đồ đen, đeo một chiếc nhẫn kim cương to tướng trên ngón tay chuỗi mẫn. Gã tiếp Philip theo một cách đặc biệt, nói năng ồn ào, do tính bầm sinh nhưng lại pha lẫn với vẻ mặt dịu dàng thích hợp với nghề nghiệp của y. Y nhận ra rất nhanh là Philip đang rất lúng túng, và hứa sẽ cử ngay một người đàn bà đến giúp những việc cần thiết. Y gợi ý tổ chức đám tang thật linh đình. Nên Philip cảm thấy hổ thẹn trong lòng khi y có vẻ cho những lý do phản đối của anh là bủn xỉn. Mặc cả về một số vấn đề như vậy thì kinh tởm quá. Cuối cùng Philip đành thỏa thuận với một giá đắt mà anh khó có thể căng đáng nổi.

- Thưa ông, tôi rất hiểu - người làm nghề lo việc đám ma nói - ông không muốn phô trương, thế thôi. Xin ông biết cho là chính bản thân tôi cũng không phải là người thích khoe khoang - chẳng qua là ông muốn làm việc đó một cách lịch sự. Xin ông cứ để mặc tôi. Tôi sẽ lo liệu càng rẻ càng tốt và tất nhiên cũng chú ý thích đáng đến những gì cần phải có. Tôi không thể nói hơn phải không ạ!

Philip trở về nhà ăn sáng, và đang ăn thì người đàn bà kia đến giúp việc khâm liệm. Một lúc sau anh nhận được điện của ông Léonard Upjohn:

“Sửng sốt và đau buồn vô hạn. Rất tiếc tối nay không đến được. Ăn cơm khách. Mai sẽ đến sớm với anh. Thương cảm sâu sắc nhất - Upjohn”.

Một lát thì bà giúp việc tang lễ gõ cửa phòng khách.

- Thưa ông, tôi đã làm xong. Mời ông sang nhìn ông ấy xem mọi việc đã ổn định chưa?

Philip đi theo bà ta. Cronshaw đang nằm ngửa, mắt nhắm nghiền, hai tay thành kính bắt chéo trên ngực.

- Thưa ông, nên có một ít hoa.

- Mai tôi sẽ mua.

Bà ta hài lòng liếc nhìn thi thể. Công việc của bà ta như thế là xong. Bây giờ bà thả tay áo xuống, cởi bỏ tạp dề và đội mũ. Philip hỏi bà lấy tiền công bao nhiêu.

- Đấy, thưa ông, có người cho tôi hai silinh sáu xu, có người cho tôi năm silinh.

Philip lấy làm hổ thẹn đưa cho bà không đến năm silinh. Bà ta cảm ơn anh vừa đủ lịch sự cho thích hợp với cảnh ngộ đau buồn của anh đang phải chịu đựng rồi ra về. Philip vào phòng khách, dọn dẹp chỗ thức ăn còn lại của bữa cơm tối và ngồi đọc “Khoa phẫu thuật” của Walsham. Nhưng anh thấy lòng bồn chồn lạ thường, khó ngồi yên mà đọc. Khi nào có một tiếng động ở cầu thang là anh giật nảy mình, tim đập mạnh. Anh cảm thấy sợ cái đang nằm trong căn phòng sát vách kia, cái mà trước đã từng là một con người và giờ đây không còn gì nữa. Cơn vắng lặng dường như có sự sống, dường như có một sự vận động huyền bí nào đó bên trong sự kiện siêu tự

nhiên và khủng khiếp của cái chết đè nặng trên căn nhà này. Bỗng nhiên Philip cảm thấy ghê rợn con người đã từng một thời là bạn của mình. Anh cố tập trung tâm trí để đọc nhưng chẳng mấy chốc anh thất vọng vứt sách. Điều làm cho anh băn khoăn là sự phù phiếm hoàn toàn của cuộc đời mới vừa kết thúc kia. Cronshaw sống hay chết, cái đó không quan trọng. Và nếu như ông ta đừng bao giờ sinh ra trên đời này có lẽ còn tốt hơn. Philip nghĩ đến Cronshaw hồi còn trai trẻ; cần phải có sức tưởng tượng mới hình dung nổi ông ta ngày đó, một con người thon thả, bước đi nhún nhảy, đầu tóc còn rậm, con người lúc nào cũng sôi nổi, hy vọng tràn đầy. Cái nguyên tắc sống của Philip, hành động theo bản năng, đồng thời chú ý thích đáng đến nhân viên cảnh sát quanh quần đầu phố, không có tác dụng gì hay lắm ở đây. Chính vì thực hiện điều này mà Cronshaw đã thất bại thảm hại như vậy. Dường như không thể tin cậy vào bản năng, Philip bối rối. Anh tự hỏi vậy thì phải sống như thế nào đây? Nếu như cuộc sống đã là vô dụng, và tại sao người ta hành động bằng cách này hơn cách khác. Người ta hành động theo xúc cảm bản thân, nhưng xúc cảm của họ có thể tốt hoặc xấu; dường như xúc cảm đưa đến thắng lợi, hoặc tới tai họa. Đúng là chuyện may rủi. Đời là một mớ bong bong không thể tháo gỡ. Bị thôi thúc bởi những lực lượng mà họ không hiểu nổi, con người hành động hấp tấp chỗ này chỗ nọ; và họ hoàn toàn mất hẳn mục đích sống! Dường như họ vội vàng chỉ để mà vội vàng.

Sáng hôm sau Léonard Upjohn đến với một vòng hoa nhỏ, hoa tang nguyệt quế. Y lấy làm hài lòng với ý định đặt vòng hoa này lên đầu nhà thơ quá cố như một chiếc vương miện, và mặc dù Philip làm thỉnh tỏ ý không tán thành, y cố đặt vòng hoa tang lên cái đầu hói của Cronshaw. Nó giống cái vành mũ của diễn viên hài kịch lùn trong nhà hát ca múa nhạc, trông thật lố bịch.

- Tôi sẽ đặt nó lên tim bác ấy vậy - Léonard nói.

- Ông nên đặt nó lên bụng bác ấy - Philip nhận xét.

Upjohn thoáng một nụ cười trên môi.

- Chỉ có một nhà thơ mới biết được tim của nhà thơ ở đâu - y đáp.

Họ vào nhà khách và Philip nói cho y biết công việc chuẩn bị cho đám tang.

- Tôi hy vọng anh không tiết kiệm chi tiêu. Tôi muốn cỗ xe tang đi trước một đoàn dài xe ngựa bốn bánh không người ngồi, đầu ngựa thì đung đưa những chùm lông cao và một đám thật đông các mụ khóc mướn với khăn tang dài bằng voan trùm trên mũ. Tôi thích cái ý để cho các xe ngựa kia không có người ngồi.

- Bởi vì tiền chi phí cho đám tang rõ ràng sẽ mọc trong túi tôi và đúng vào lúc này, tôi lại không đầy túi, nên tôi cố gắng làm sao cho đám tang càng vừa phải càng tốt.

- Nhưng anh bạn thân mến nếu vậy thì sao anh không đặt cho ông ta một xe đò của người nghèo? Có lẽ như thế nên thơ hơn. Anh có bản năng chính xác đối với những việc tầm thường.

Philip hơi đỏ mặt, nhưng không trả lời. Ngày hôm sau, anh và Upjohn đi theo xe tang, trong một chiếc xe ngựa do Philip thuê. Lawson không tới được, gửi đến một vòng hoa, và để cho cỗ quan tài không trông có vẻ như bị hững hờ quá, Philip mua hai vòng hoa. Trên đường về, gã đánh xe thúc ngựa. Philip mệt rũ rời, chẳng mấy chốc thiếp ngủ. Tiếng Upjohn làm anh tỉnh giấc.

- May làm sao tập thơ lại chưa xuất bản. Tôi nghĩ tốt hơn là chúng ta nên hoãn lại một chút, và tôi sẽ viết lời tựa. Tôi đã bắt đầu suy nghĩ lời tựa ấy, trong khi đi ra nghĩa trang. Tôi tin rằng tôi có thể viết được một cái gì đó khá tốt. Dù thế nào, tôi cũng sẽ bắt đầu bằng một bài báo trên “Tuần san thứ bảy”.

Philip không đáp, hai người im lặng. Cuối cùng Upjohn nói:

- Tôi nghĩ khôn ngoan nhất là sẽ không vứt bỏ bản thảo. Tôi sẽ viết bài cho một tạp chí nào đó và sau đấy sẽ sử dụng làm lời tựa.

Philip để ý theo dõi các báo ra hàng ngày, hàng tháng và mấy tuần sau thì bài báo xuất hiện. Dư luận xôn xao, nhiều báo khác trích đăng nhiều đoạn. Tuy phần tiểu sử còn mơ hồ vì không ai biết nhiều về những năm tháng thanh niên của Cronshaw nhưng đây là một bài báo hay, tinh tế, dễ thương và nhiều hình ảnh. Với văn phong rắc rối của mình, Léonard Upjohn khắc họa nên những đường nét duyên dáng về Cronshaw ở khu La Tinh, bình luận và sáng tác thơ ca. Cronshaw trở thành một hình tượng sinh động, một Verlaine của nước Anh. Những lời văn đầy sắc màu của Léonard Upjohn tiếp tục với giọng trang nghiêm xúc động và càng khoa trương thống thiết khi tả về những giờ phút cuối cùng của Cronshaw trong cảnh bần cùng ở căn phòng tồi tàn bé nhỏ kia tại Soho; và với sự dè dặt vô cùng hấp dẫn nhưng đồng thời lại gợi cho người đọc hình dung tới một tấm lòng độ lượng lớn lao nhiều hơn là đức khiêm nhường, y mô tả những cố gắng của mình để chuyển nhà thơ đến căn nhà tranh năm lần trong một bụi kim ngân giữa một vườn cây ăn quả đang trổ hoa. Rồi y nói đến một sự thiếu thông cảm - tuy có thiện chí nhưng lại thiếu tế nhị - đã dẫn dắt nhà thơ đến thành phố Kennington với sự hóm hỉnh có chừng mực mà sự trung thành triệt để với từ vựng của Thomas Browne đòi hỏi phải có. Giọng văn trở nên mỉa mai châm biếm tinh vi ở đoạn y kể lại chuyện chịu đựng của Cronshaw trong những tuần lễ cuối cùng đối với chàng sinh viên trẻ tuổi tuy đầy thiện

chí nhưng vụng về đã tự làm y tá chăm nom săn sóc ông và tình trạng đáng thương của con người giang hồ tuyệt vời ấy giữa một môi trường sắc mùi tiêu tư sản tuyệt vọng. Cái đẹp từ đồng tro tàn. Y trích dẫn Isaie^[56]. Ôi thật mỉa mai! Một nhà thơ bị ruồng bỏ vĩnh biệt cuộc đời giữa khung cảnh đầy rẫy ước lệ tầm thường. Điều này làm Léonard Upjohn nhớ lại chúa Kito giữa bọn Pharisien^[57], và sự tương tự này tạo cho y cơ hội sáng tác được một đoạn văn tuyệt diệu. Rồi y kể lại một người bạn - khiêu thẩm mỹ tinh tế của y chỉ cho phép y ám chỉ một cách tế nhị anh bạn này là ai mà có được những sở thích thanh tao như thế - đã đặt vòng hoa nguyệt quế như thế nào lên tim nhà thơ quá cố; và hai bàn tay đẹp đẽ không còn sự sống dường như đang đê mê yên nghỉ trên vòm lá của Apollon^[58], vòng lá ngát hương nghệ thuật, xanh hơn màu ngọc của thủy thủ, da xạm đen nắng gió, đem về từ đất nước Trung Hoa bí hiểm muôn màu muôn vẻ. Một sự tương phản tuyệt vời là bài báo này kết thúc bằng sự mô tả đám tang thô thiển, tầm thường, buồn tẻ của một con người đáng nhẽ ra phải được chôn cất hoặc như ông hoàng hoặc như một người nghèo khổ. Đó là vòng hoa bất hạnh, là thắng lợi cuối cùng của bọn phàm tục đối với nghệ thuật, đối với cái đẹp và với cái vô hình.

Léonard Upjohn chưa bao giờ viết được một cái gì hay hơn. Bài báo như một phép lạ về sức hấp dẫn, về duyên dáng và lòng thương xót. Cùng một lúc với bài báo, y cho đăng tất cả những bài thơ hay nhất của Cronshaw, như vậy thì khi tập thơ được xuất bản, cho dù nhiều điều của nó đã được mọi người biết đến, nhưng địa vị của y được nâng lên nhiều. Y được tôn vinh là nhà phê bình phi thường. Trước đây y sống có phần như bàng quan, nhưng tình người ấm áp trong bài báo này, khiến nó hấp dẫn vô cùng.

Vào mùa xuân, Philip thi đỗ, kết thúc thời kỳ thực tập bằng bó ở khoa chữa bệnh ngoại trú, và anh trở thành nhân viên thư ký khoa chữa bệnh nội trú. Chức vụ này sẽ kéo dài sáu tháng. Mỗi buổi sáng, nhân viên này đi theo bác sĩ nội trú đến làm việc ở các khu bệnh nhân, trước hết ở khu vực đàn ông, rồi đến khu vực đàn bà; anh ta vào sổ các ca bệnh, tiến hành thử nghiệm và cả ngày sinh hoạt với các y tá. Mỗi tuần lễ, hai buổi chiều, bác sĩ trực đi khắp lượt với một nhóm nhỏ sinh viên, khám bệnh nhân, giúp đỡ sinh viên trao đổi kiến thức. Công việc này không nhộn nhịp, không thay đổi thường xuyên, không tiếp xúc mật thiết với thực tế như ở khu ngoại trú, nhưng Philip thu thập được nhiều kinh nghiệm. Quan hệ giữa anh và bệnh nhân rất tốt. Anh có phần hãnh diện thấy họ tỏ ra thích được anh chăm sóc. Anh không cảm thông được sâu sắc với nỗi đau khổ của họ, nhưng anh yêu mến họ và anh không tỏ vẻ lên mặt, nên anh được họ quý mến hơn những nhân viên khác. Anh vui vẻ, thân mật và động viên họ. Như mọi người đã sống quen trong bệnh viện, anh nhận thấy quan hệ với bệnh nhân nam dễ hơn với bệnh nhân nữ. Đàn bà thường hay cầu nhàu, gắt gỏng. Họ kêu ca oán trách cay đắng những cô y tá phải làm việc vất vả nặng nhọc, rằng các cô không tỏ ra quan tâm đến họ, điều mà họ cho là có quyền được hưởng; và họ hay gây chuyện rắc rối vô ơn và thô lỗ.

Ít lâu sau, Philip có dịp kiếm được một người bạn. Một buổi sáng, bác sĩ nội trú giao cho anh một ca bệnh mới, một bệnh nhân nam; Philip ngồi cạnh giường bệnh bắt đầu ghi chi tiết vào bản theo dõi bệnh án. Nhìn vào tờ khai của bệnh nhân, anh để ý thấy người bệnh là một nhà báo, tên là Thorpe Athelny, một cái tên khá lạ đối với một bệnh nhân nằm viện. Ông ta bốn mươi tám tuổi, bị bệnh vàng da do một cơn đau đột ngột và được đưa đến phòng khám vì những triệu chứng còn mập mờ, cần theo dõi. Bằng một giọng vui vẻ, có giáo dục, ông ta trả lời nhiều câu hỏi mà Philip có nhiệm

vụ phải hỏi. Vì ông ta nằm trên giường nên khó biết ông ta cao hay thấp, nhưng nhìn đầu và hai bàn tay bé nhỏ của ông ta, có thể đoán được ông ta cao dưới mức trung bình. Philip có thói quen hay nhìn tay mọi người và tay của Athelny làm cho anh ngạc nhiên: hai bàn tay rất nhỏ, ngón tay dài búp măng, móng tay đẹp hồng hào; tay ông ta hết sức mịn màng và nếu không bị chứng vàng da thì hẳn phải trắng trẻo lạ lùng. Người bệnh để tay ra ngoài chăn, một tay hơi duỗi ra, ngón trỏ và ngón giữa chắp lại; trong khi nói chuyện với Philip ông ta có vẻ hài lòng nhìn ngắm bàn tay mình. Mắt Philip long lanh liếc nhìn mặt ông ta. Tuy nước da vàng, nhưng gương mặt nom thanh nhã, cặp mắt xanh, mũi khoằm lộ rõ vẻ táo tợn, mà không khó coi, chòm râu ngắn tủa nhọn lốm đốm bạc, đầu ông ta hơi hói nhưng tóc còn để dài, chứng tỏ xưa kia chúng rất mượt và quần quần rất đẹp.

- Tôi biết ông là nhà báo - Philip nói - ông viết cho những báo nào?

- Tôi viết cho tất cả các báo. Anh có thể mở bất cứ tờ báo nào cũng thấy một vài bài của tôi.

Cạnh giường có một tờ báo, ông ta với lấy và chỉ một chỗ đăng quảng cáo. Tên một hãng nổi tiếng mà Philip biết được in bằng chữ to: LYNN và SEDLEY phố Regent - Luân Đôn. Phía dưới là lời tuyên bố võ đoán: “Trì hoãn chần chừ là ăn cắp thời gian” với những chữ in nhỏ hơn nhưng vẫn có tầm quan trọng nào đó. Rồi một câu hỏi làm người ta sửng sốt vì tính hợp lý của nó: “Sao không đặt hàng hôm nay”? Tiếp đến một câu nhắc lại, chữ in to hơn như tiếng búa lương tâm nện lên quả tim kẻ giết người: “Tại sao không”? Rồi táo tợn: “Hàng nghìn đôi găng tay của thị trường chính thế giới với giá cả làm người ta kinh hoàng; hàng nghìn đôi bút tất của những xí nghiệp đáng tin cậy nhất thế giới bán giá hạ không ngờ”. Cuối cùng vẫn câu hỏi ấy đặt trở lại, nhưng bây giờ được ném ra như sự thách thức của chiếc găng tay sắt trên vũ đài: “Tại sao không đặt mua hàng hôm nay?”.

- Tôi là đại biểu báo chí của Lynn và Sedley - ông ta vẫy nhẹ bàn tay đẹp đẽ của mình ra hiệu cho những nhu cầu tiêu dùng tầm thường nào đó...

Philip tiếp tục hỏi những câu hỏi qui định, một số chỉ là thủ tục, một số câu hỏi khác khéo léo đặt ra để người bệnh bộc lộ những điều còn muốn giấu giếm.

- Ông đã sống ở nước ngoài chưa? Philip hỏi.

- Tôi đã ở Tây Ban Nha mười một năm.

- Ông làm gì ở đó?

- Tôi làm thư ký cho một hãng tàu thủy của người Anh ở Toledo.

Philip nhớ ra là Cluton đã sống mấy tháng ở Toledo và câu trả lời của nhà báo này càng làm cho anh chú ý nhìn ông ta hơn; nhưng anh cảm thấy mình thể hiện điều đó không phải lúc; cần phải duy trì khoảng cách giữa người bệnh và nhân viên trong bệnh viện. Khi khám xong, anh tiếp tục đến các giường khác.

Bệnh Thorpe Athelny không nặng, tuy da vẫn còn rất vàng, chẳng bao lâu ông ta đã khá hơn, ông còn nằm lại chỉ vì bác sĩ cho rằng ông phải được theo dõi cho tới khi một số phản ứng nào đó trở nên bình thường. Một hôm, khi bước vào phòng bệnh nhân, Philip để ý thấy Athelny đang đọc sách, tay cầm bút chì. Lúc Philip đến giường ông ta, ông ta để sách xuống.

- Tôi có thể xem ông đang đọc gì được không? Philip hỏi. Anh không thể không nhìn khi thấy một cuốn sách.

Philip cầm sách lên, thì ra đây là một tập thơ Tây Ban Nha, thơ của San Juan de la Cruz, khi anh giở sách, một tờ giấy rơi ra. Philip nhặt tờ giấy lên thì thấy có một bài thơ viết trên đó.

- Ông đang dùng thì giờ nhàn rỗi để làm thơ đấy ư? Đó là công việc không phải phép đối với một người ốm đang nằm bệnh viện đâu nhé!

- Tôi đang thử dịch vài bài. Anh có biết tiếng Tây Ban Nha không?

- Không.

- Thế anh biết lịch sử San Juan de la Cruz chứ?

- Quả thực tôi không biết.

- Ông ấy là một trong số người theo thuyết thần bí của Tây Ban Nha, là một trong số nhà thơ hay nhất mà thiên hạ từng nhớ đến. Tôi nghĩ thơ của ông ta đáng được dịch ra tiếng Anh.

- Tôi có thể xem bản dịch của ông không?

- Nó còn thô lắm. Athelny nói, nhưng vẫn nhanh nhẩu đưa cho Philip xem, chứng tỏ ông ta đang háo hức muốn anh đọc.

Bài dịch viết bằng bút chì, nét chữ viết đẹp nhưng rất khác thường, khó đọc: giống như lối chữ Gô tích.

- Viết được như thế này, ông mất thời gian kinh khủng lắm phải không? Thật phi thường.

- Tôi không hiểu vì sao chữ viết tay không được đẹp

Philip đọc khổ thơ đầu tiên:

Trong đêm tối mịt mù

Lòng nóng bừng

Khao khát tình yêu

Ôi số phận may mắn thay!

Tôi đã tới

Chẳng ai hay

Trong giây phút này

Gia đình tôi đang yên giấc

Philip tò mò nhìn Thorpe Athelny. Anh không hiểu được mình còn hơi dè dặt với ông ta hoặc đã bị ông ta lôi cuốn. Chợt nhận ra mình có thái độ hơi kẻ cả bề trên, mặt anh đỏ bừng như sợ Athelny có thể cho mình là lỗ bịch.

- Ông có cái tên thật khác người. Anh nhận xét để nói cho có chuyện.

- Đây là cái tên rất cổ ở vùng Yorkshire. Ngày xưa cụ tổ gia đình tôi phải đi mất một ngày ngựa mới vòng hết cả ngôi nhà của mình, nhưng bây giờ thì gia đình tôi sa sút rồi. Đàn bà thì ăn chơi, ngựa thì chậm chạp.

- Anh nên học tiếng Tây Ban Nha - ông ta nói - đó là thứ tiếng cao quý. Nó không ngọt ngào như tiếng Ý. Tiếng Ý là ngôn ngữ của những danh ca giọng nam cao và những người hát rong. Còn tiếng Tây Ban Nha có cái cao quý của nó, nó không rì rầm như suối reo trong vườn cây, mà nó cuộn cuộn dâng lên như nước lũ trên dòng sông lớn.

Lời lẽ khoa trương của ông ta làm cho Philip buồn cười, nhưng anh nhạy cảm với thuật hùng biện nên anh vui vẻ lắng nghe. Athelny nhiệt tình thực sự, say sưa mô tả với anh bằng những lời lẽ sinh động, niềm vui phong phú, khi đọc nguyên tác truyện Don Quixote và chất nhạc, chất thơ, cái trong sáng, cái thiết tha của Calderon.

- Tôi phải làm tiếp công việc - sau đó Philip nói.

- Ồ, xin anh tha lỗi cho. Tôi quên mất. Tôi sẽ bảo nhà tôi đem bức ảnh thành phố cảng Toledo cho anh xem khi nào có dịp, xin mời anh đến trò chuyện cùng tôi. Anh không biết được điều đó đem lại vui thú cho tôi thế nào đâu.

Trong mấy ngày sau đó, hễ có dịp là Philip lại đến tìm hiểu thêm về nhà báo Thorpe Athelny. Đó là người nói chuyện có duyên. Ông không nói những điều to tát, nhưng ông có cách nói hào hứng sôi nổi một cách sinh động khiến trí tưởng tượng của người nghe như bốc lửa. Philip sống nhiều trong thế giới ảo tưởng như thế mà vẫn thấy tâm trí mình tràn đầy những hình ảnh mới lạ. Athelny phong thái rất lịch sự. Ông ta hiểu biết nhiều hơn Philip, nhưng trong bệnh viện này ông là kẻ nhận của cứu tế, phải lệ thuộc vào những quy tắc nghiêm ngặt; nên ông đã chọn cho mình một chỗ giữa hai vị trí một cách thoải mái và hóm hỉnh. Một lần Philip hỏi tại sao ông ta lại đến bệnh viện.

- Ồ, tôi có nguyên tắc là phải tôn trọng và tận dụng mọi phúc lợi mà xã hội này cung cấp. Tôi lợi dụng thời đại tôi đang sống. Khi ốm đau, tôi tạm thời thu xếp vào nằm bệnh viện, chẳng phải xấu hổ giả dối làm gì, và tôi gửi các con tôi vào học trường công.

- Thực thế à? Philip hỏi.

- Và chúng nó cũng được giáo dục cơ bản còn tốt hơn khi tôi học ở Winchester nhiều. Anh thử nghĩ xem tôi còn có thể dạy dỗ các cháu cách nào khác được? Tôi có chín đứa. Khi nào tôi về mà, anh nên đến xem tất cả chúng nó. Anh bằng lòng chứ?

- Tôi hết sức vui lòng - Philip đáp.

Mười ngày sau, Thorpe Athelny đã khỏe mạnh và ra viện.

Ông ta đưa địa chỉ cho Philip và Philip hứa đến ăn cơm với ông ta vào hồi một giờ ngày thứ bảy tới. Athelny cho anh biết ông ta ở trong một căn nhà do Inigo Jones xây dựng; cũng như say sưa về mọi thứ chuyện, ông ta nói say sưa về hàng lan can bằng gỗ sồi già. Khi ông ta đi xuống mở cửa cho Philip, ngay lập tức ông ta làm cho anh phải thán phục nghệ thuật điêu khắc tao nhã trên tấm rèm đỡ cửa. Đây là một căn nhà tồi tàn đang rất cần đến một lớp sơn, nhưng có giá trị thời đại của nó, trong một phố nhỏ, giữa Chancery Lane và Holborn, đã từng có uy thế một thời, nhưng giờ đây chỉ khá hơn khu ổ chuột một tí, người ta đã có kế hoạch phá dỡ để xây dựng thành những khu nhà rộng rãi; trong khi chờ đợi, tiền thuê nhà lại ít nên Athelny có thể thuê hai lầu trên theo giá phù hợp với mức thu nhập của ông ta. Trước kia Philip chưa từng thấy ông ta đứng lên, nên nay ngạc nhiên về vóc người nhỏ bé của ông ta; ông ta cao không quá năm phích năm in-sơ. Ông ta ăn mặc kỳ cục, quần vải lanh xanh loại công nhân Pháp thường dùng, một áo choàng nâu bằng nhung cũ kỹ, ông ta dùng thắt lưng đỏ tươi, cổ áo thấp và thắt nơ con bướm xòe giống như loại nơ trong tranh hài hước người Pháp trên các trang báo Punch. Ông ta niềm nở đón chào Philip, bắt đầu nói ngay về căn nhà và đưa tay âu yếm vuốt ve hàng lan can.

- Anh hãy nhìn này, sờ thử mà xem, nó cứ như nhung lụa. Ôi sao mà nó thanh nhã, tuyệt vời đến thế. Vậy mà năm năm nữa, bọn chủ thầu sẽ bán nó cho người ta làm củi đấy.

Ông ta cứ nhất định dắt cho kỳ được Philip vào một phòng ở trên gác, ở đây một người đàn ông mặc sơ mi trần, một người đàn bà lồi thối lệch thẹo và ba đứa trẻ đang ăn bữa cơm ngày chủ nhật.

- Tôi chỉ dẫn vị khách này vào để giới thiệu cái trần nhà của ông thôi. Ông đã thấy cái gì kỳ diệu như thế bao giờ chưa? Thưa bà Hodgson, bà có khỏe không? Đây là ông Carey là người đã chăm sóc tôi khi tôi ở bệnh viện.

- Xin mời ông vào - người đàn ông nói - Chúng tôi hoan nghênh bất cứ bạn bè nào của ông Athelny. Ông Athelny đã giới thiệu cho tất cả bạn ông xem cái trần nhà này. Bất kể chúng tôi đang làm gì, dù chúng tôi đã đi nằm hay tôi đang tắm rửa, ông ấy cũng cứ vào.

Philip thấy được là họ coi Athelny có hơi kỳ quặc, nhưng không vì thế mà họ không quý ông ta, và họ há hốc mồm nghe ông ta sôi nổi thao thao thuyết trình về vẻ đẹp của cái trần nhà thế kỷ mười bảy này.

- Này đúng không ông Hodgson? Phả bỏ cái này là một tội ác ghê gớm. Ông là một công dân có thể lực, tại sao không viết bài đăng báo phản đối?

Người đàn ông mặc áo sơ mi trần cười nói với Philip:

- Ông Athelny muốn đùa một chút thôi. Người ta vẫn bảo căn nhà bản thủ thế này và ở không an toàn.

- Tôi cóc cần cái chuyện cải thiện điều kiện vệ sinh, nghệ thuật trước đã - Athelny kêu lên. Tôi có chín con và chúng nó lớn nhanh nhờ vào cống rãnh thối, không không tôi sẽ không đại đâu. Với tôi là không có quan điểm mới lạ gì hết! Lúc nào mà tôi đi khỏi đây, trước khi thuê được một căn nhà nào là tôi phải tin chắc rằng hệ thống cống rãnh tồi tệ.

Có tiếng gõ và một cô gái tóc vàng hoe đẩy cửa.

- Bố ơi, mẹ bảo bố đừng nói chuyện nữa, về ăn cơm đi.

- Đây là con gái thứ ba của tôi - Athelny nói - ngón tay chỉ vào con gái như đóng kịch. Cháu tên là Maria del Pilar nhưng gọi nó là Jane thì nó thích hơn. Jane, con xì mũi đi!

- Con không có khăn tay, bố ạ!

- Thôi đi con gái ơi! Ông ta vừa đáp vừa rút ra một cái khăn to rất đẹp. Thế con nghĩ rằng Thượng Đế ban cho con mấy ngón tay để làm gì?

Họ bước xuống cầu thang và Philip được dẫn vào một căn phòng tường lát vắn bằng gỗ sến màu sẫm, giữa buồng kê một cái bàn hẹp gỗ tếch có hai thanh sắt chống đỡ, loại bàn này ở Tây Ban Nha gọi là mesa de hieraje. Họ sẽ ăn ở đó, vì có hai chỗ đã bố trí sẵn, hai ghế bành to tay vịn rộng rãi bóng nhẵn bằng gỗ sồi, lưng tựa, mặt ghế chỗ ngồi đều bọc da. Các thứ này trông giản dị thanh nhã nhưng không tiện lợi. Đồ đạc duy nhất nữa là một bargueno trang hoàng công phu có nẹp sắt mạ vàng để trên một cái giá kiểu của nhà thờ, chạm trổ sơ sài nhưng hết sức đẹp. Trên bargueno đặt hai ba cái đĩa bóng láng bị sứt mẻ nhiều nhưng màu sắc phong phú; trên tường, trong những khung đẹp nhưng ọp ẹp là tranh của các lão nghệ sĩ bậc thầy của trường phái Tây Ban Nha, đề tài tuy tiêu sơ, bị thời gian và cách giữ gìn tồi làm hư hỏng, ở những bức tranh này vẫn toát ra một xúc cảm mãnh liệt nồng nàn. Trong phòng không có đồ đạc gì có giá trị, nhưng ấn tượng thật dễ chịu. Tráng lệ mà mộc mạc. Philip cảm thấy căn phòng toát ra một tinh thần Tây Ban Nha cổ kính đích thực. Athelny đang giới thiệu nửa chừng với anh phần bên trong của cái bargueno với những đường nét hoa văn chạm trổ xinh đẹp, những ngăn kéo kín đáo thì một cô gái cao lớn có hai bím tóc nâu sáng mượt đung đưa sau lưng, bước vào.

- Mẹ bảo cơm đã sẵn sàng đợi, bố ngồi vào bàn là con sẽ bưng đến ngay.

- Đến bắt tay ông Carey đi Sally. Ông ta quay sang Philip. Nom cháu to lớn không? Cháu là con gái đầu lòng của tôi. Sally con ba nhiêu tuổi?

- Thưa bố, đến tháng sáu này con mười lăm tuổi.

- Tôi đặt tên thánh cho cháu là Maria del Sol; vì cháu là con đầu lòng, và tôi hiến dâng cháu cho vừng thái dương vinh quang xứ Castille, nhưng mẹ cháu cứ gọi là Sally còn em trai cháu thì gọi là chị mặt phèn phẹt.

Cô gái cười bẽn lễn, để lộ hàm răng trắng đều đặn, mặt bừng đỏ, cô gái nom chừng chạc có vẻ lớn hơn tuổi, mắt xám xinh xắn dịu dàng, trán rộng, hai má hồng hào.

- Con bảo mẹ đến bắt tay chào ông Carey đi để ông ấy còn ngồi vào bàn.

- Mẹ bảo sẽ vào sau khi cơm nước xong. Mẹ chưa tắm rửa.

- Nếu vậy chúng ta sẽ đích thân đến thăm bà ấy. Ông khách chắc hẳn sẽ không ăn món bánh pudding xứ Yorkshire trước khi bắt tay con người đã làm ra bánh ấy.

Philip theo vị chủ nhà vào gian nhà bếp nhỏ bé và quá đông người, đang ồn ào huyên náo mà khi vị khách lạ vừa bước vào là im bật ngay. Giữa nhà kê một cái bàn lớn, ngồi chung quanh hầu như chờ ăn là lũ trẻ nhà Athelny. Một người đàn bà đứng bên lò hấp bánh đang lấy khoai nướng ra từng củ một.

- Đây là ông Carey, Betty ạ. - Athelny giới thiệu.

- Ôi chao! Sao mình lại đưa ông ấy vào đây, ông ấy sẽ nghĩ thế nào?

Bà đeo một cái tạp dề bẩn thỉu, hai tay áo vải vén lên quá khuỷu, cuộn uốn tóc đầy trên đầu. Bà Athelny to lớn, ít nhất cũng cao hơn chồng ba in-sơ, tóc hoe vàng, đôi mắt xanh, gương mặt đôn hậu; trước kia bà vốn là người xinh đẹp, nhưng tuổi tác và nhiều lần thai nghén khiến bà sỗ sề và cặp mắt xanh của bà đã nhạt màu, nước da thô và hung hung đỏ, màu tóc cũng phai. Bà đứng thẳng người lên, chùi tay vào tạp dề và chìa tay ra.

- Xin hoan nghênh ông - bà khẽ nói. Philip cảm thấy giọng bà thân quen một cách lạ lùng. - Athelny kể rằng ông hết sức tử tế với anh ấy ở bệnh viện.

- Nào, bây giờ tôi phải giới thiệu anh với lô hàng sống này - Athelny nói - đây là Thorpe, y chỉ một chú bé mũm mĩm tóc quăn, cháu là con trai cả, người thừa kế danh vị, tài sản và trách nhiệm của gia đình. Kia là Athelstan, Harold, Edward. Y lấy ngón tay trở ba chú bé hơn, tất cả đều hồng hào khỏe mạnh, tươi cười, mặc dù khi chúng thấy Philip tươi tỉnh nhìn chúng, chúng bẽn lẽn, cúi gằm xuống đĩa thức ăn. Bây giờ đến lũ con gái theo thứ tự: Maria del Sol...

- Chị mặt phèn phẹt chứ - một chú bé nói.

- Ý thức hài hước của mày còn sơ đẳng lắm con ạ. Maria de los Mercedes, Maria del Pilar, Maria del Concepcion, Maria del Rosario.

- Tôi thì gọi các cháu là Sally, Molly, Mabel, Rosie và Jane - bà Athelny nói - Này Athelny, ông về phòng mình đi, tôi sẽ cho dọn cơm lên. Các con tôi sẽ cho vào sau một chút khi tắm rửa xong chúng nó.

- Mình này, nếu tôi đặt tên cho bà thì tôi phải gọi bà là Maria of the Soapsuds^[59]. Bà là chúa hay hành hạ lũ nhóc khốn khổ này bằng xà phòng.

- Anh Carey, xin mời anh đi trước đi, nếu không thì không sao mời nổi được anh ngồi vào bàn đầu.

Athelny và Philip ngồi vào hai cái ghế to như ghế của thầy tu; Sally bưng đến hai đĩa thịt bò, bánh pudding Yorkshire, khoai nướng và bắp cải. Athelny móc túi lấy ra sáu xu bảo con gái đi mua một bình rượu bia.

- Tôi hy vọng rằng không phải vì tôi mà ông kê cái bàn này ở đây - Philip nói - tôi sẽ hoàn toàn sung sướng được ngồi ăn uống cùng lũ trẻ.

-Ồ không! Tôi thường ăn một mình. Tôi thích phong tục cổ xưa. Tôi cho rằng đàn bà không được ngồi ăn với đàn ông. Việc này sẽ làm hỏng hết chuyện trò và tôi chắc có hại cho họ. Họ sẽ suy nghĩ này nọ mà khi họ đã nghĩ ngợi thì đàn bà thường không bao giờ thoải mái.

Cả khách lẫn chủ đều ăn uống ngon lành.

- Anh đã bao giờ nếm thử món “pudding Yorkshire” như thế này chưa? Không ai có thể làm món này được như nhà tôi. Không lấy đàn bà quý tộc hóa ra có lợi. Anh đã nhận ra là nhà tôi không phải phụ nữ quý tộc phải không.

Câu hỏi vụng về làm Philip không biết trả lời thế nào.

- Tôi không bao giờ nghĩ đến điều đó. Anh đáp vu vơ không đâu vào đâu.

Athelny cười. Ông có cái cười vui sướng khác thường.

- Không, nhà tôi không phải phụ nữ quý tộc, cũng không phải là cái gì na ná như thế. Thân sinh bà là một nông dân, trong đời bà, bà không bao giờ phải lo lắng về chuyện chăm lo đến đời sống, lời ăn tiếng nói. Chúng tôi sinh được mười hai cháu, và chín cháu còn sống. Tôi bảo nhà tôi đã đến lúc thôi, đừng đẻ nữa, nhưng nhà tôi là người đàn bà bướng bỉnh, và tôi tin rằng chưa đẻ được đủ hai chục nhóc thì bà chưa thỏa mãn.

Lúc ấy Sally đưa bia đến, rót vào cốc của Philip rồi đi sang phía bên kia bàn, rót cho bố. Ông ta lấy tay vòng qua lưng con gái.

- Có bao giờ anh trông thấy một có gái to cao xinh đẹp thế này không? Mới mười lăm mà trông cứ như hai mươi. Anh nhìn hai má cháu xem. Cả đời cháu không đau ốm một ngày. Ai mà lấy cháu sẽ là người may mắn phải không Sally?

Sally nghe tất cả điều đó, miệng hững hờ mỉm cười, không tỏ vẻ ngượng ngùng nhiều, vì đã quen với những cơn bốc đồng của bố, nhưng vẫn lộ một vẻ e lệ ung dung hết sức hấp dẫn.

- Bố ạ, đừng để thức ăn nguội đi - cô gái nói và bước ra khỏi vòng tay cha - khi nào bố sẵn sàng ăn món pudding thì bố gọi.

Hai người còn lại với nhau. Athelny nhắc cái ca thiếc lên môi, ừng ực một hơi dài.

- Tôi cam đoan không có gì ngon hơn bia Anh - anh ta nói - ta hãy cảm tạ Thượng Đế đã cho hưởng những niềm vui giản dị này, thịt bò nướng, bánh gạo pudding, bia và sự ăn uống ngon miệng. Xưa kia, tôi đã có lần lấy vợ thượng lưu, anh bạn tri kỷ ạ.

Philip cười, cảnh tượng này làm anh cảm thấy vui. Cái con người bé nhỏ ngồ ngộ ăn mặc kỳ quặc, tường nhà ghép pa nô cùng đồ đạc kiểu Tây Ban Nha, những món ăn của người Anh, tất cả những thứ này hợp thành một điều phi lý thú vị.

- Anh bạn thân mến, anh cười phải không, anh không thể hình dung được chuyện lấy vợ, một người vợ không cân xứng đâu. Anh muốn lấy một người vợ trí thức như anh. Đầu óc anh bị nhồi nhét đầy những tư tưởng vợ chồng là bầu bạn. Anh bạn ơi, toàn là chuyện vô lý, vợ vãn. Một ông chồng không cần nói chính trị với vợ. Nếu như tôi quan tâm đến những ý kiến của Betty về phép tính vi phân thì anh nghĩ thế nào? Một người chồng cần một người vợ biết nấu ăn và chăm sóc con cái. Tôi đã thử cả hai nên tôi hiểu. Thôi, chúng ta gọi món pudding nhé.

Ông ta vỗ tay, và Sally bước vào ngay. Lúc cô bé dọn dẹp bát đĩa, Philip định đứng lên giúp, nhưng Athelny ngăn lại.

- Anh bạn ạ, cứ để mặc cháu. Cháu nó không muốn anh bận tâm về chuyện này đâu, có phải không Sally? Nếu anh cứ ngồi trong lúc cháu phục vụ anh, cháu cũng chẳng cho là anh khiếm nhã, cháu nó cóc cần đến thái độ hào hoa phong nhã đối với phụ nữ, có phải không Sally?

- Vâng ạ. Sally bẽn lẽn đáp

- Sally, con có biết bố đang nói gì không?

- Không bố ạ!

- Nhưng bố biết đấy, mẹ con không thích bố nói tục đâu.

Athelny cười phá lên. Sally bưng vào hai đĩa bánh nếp pudding béo ngậy, mịn màng, thơm ngát. Athelny tấn công luôn đĩa của mình một cách khoái trá.

- Một trong những quy tắc của nhà này là không bao giờ thay đổi thức ăn ngày chủ nhật. Đó là một nghi thức: thịt bò nướng, bánh pudding cho năm mươi ngày chủ nhật trong năm. Ngày chủ nhật lễ Phục sinh thịt cừu non và đậu Hà Lan; ngày lễ thành Mi Sên thì ngỗng quay và nước sốt táo. Như vậy chúng tôi bảo tồn truyền thống của dân tộc mình. Khi nào Sally lấy chồng, cháu sẽ quên nhiều điều khôn ngoan tôi đã dạy bảo cháu, nhưng cháu sẽ không bao giờ quên được nếu người ta muốn khỏe mạnh và hạnh phúc thì ngày chủ nhật phải ăn thịt bò nướng và bánh pudding.

- Khi nào sắp ăn bánh pho mát thì bố gọi - Sally điềm tĩnh nói.

- Anh có biết truyền thuyết về con chim bói cá không? Athelny hỏi. Dần dần Philip đã quen với việc ông ta nhảy rất nhanh từ vấn đề này sang vấn đề khác.

- Khi bay trên mặt biển, lúc con chim bói cá được đã kiệt sức, thì con cái liền đặt mình dưới con đực đỡ nó trên đôi cánh chắc khỏe của mình. Như con chim bói cá, đó là điều người chồng cần có ở người vợ. Tôi sống ba năm với người vợ trước. Cô ấy là một con người trong giới thượng lưu, mỗi năm thu nhập một nghìn rưỡi, chúng tôi thường tổ chức những bữa tiệc thanh lịch trong căn nhà gạch đỏ bé nhỏ của chúng tôi ở Kensington. Nàng là người đàn bà duyên dáng, những cặp vợ chồng luật sư hay đến ăn cơm với chúng tôi, những kẻ mua bán cổ phần chứng khoán có trình độ văn hóa, những nhà chính trị mới bắt đầu phát triển tài năng, ai cũng nói như vậy, nàng là người đàn bà duyên dáng. Nàng bắt buộc tôi đi nhà thờ phải đội mũ lụa, mặc áo dài, nàng lôi tôi đến buổi hòa nhạc cổ điển, nàng rất thích những buổi thuyết giảng chiều thứ bảy, sáng nào nàng cũng ngồi vào bàn

ăn điểm tâm đúng tám giờ rưỡi, nếu tôi đến muộn thì đành phải ăn nguội, nàng đọc những sách đúng đắn. Trời ơi! Thế mà người đàn bà này đã làm cho tôi buồn biết bao! Hiện nay nàng vẫn duyên dáng, vẫn sống trong căn nhà nhỏ bằng gỗ và gạch đỏ ở Kensington, với những bài báo của Morris và những bức tranh khắc đồng của Whistler trên tường. Nàng tổ chức những bữa tiệc thanh lịch, có thịt dê ủ kem và ướp đá của hiệu Gunter, hết như nàng đã tổ chức hai mươi năm trước.

Philip không hỏi bằng cách nào mà cặp vợ chồng không hợp này đã ly dị nhau, nhưng Athelny liền kể ngay cho anh:

- Anh biết không, Betty và tôi lấy nhau không cưới xin gì đâu, vợ tôi không muốn ly dị tôi. Lũ trẻ này là những đứa con ngoài hôn thú, đứa nào cũng thế hết, và có phải vì thế mà chúng nó có đứa nào tồi hơn không? Betty xưa kia vốn là một trong số các cô hầu phòng trong căn nhà nhỏ bé bằng gạch đỏ ở Kensington. Bốn năm năm trước đây, tôi lâm vào cảnh vô cùng quẫn bách và có bảy con, nên tôi đành đến vợ tôi yêu cầu nàng giúp đỡ. Nàng bảo nàng sẽ chi cho tôi một khoản tiền trợ cấp nếu tôi từ bỏ Betty, và ra nước ngoài. Tôi mà từ bỏ Betty được ư? Thà tôi chịu cùng nàng chết đói còn hơn! Vợ tôi bảo rằng tôi thích sống với loại cận bã của xã hội. Tôi đã thoái hóa, cuộc đời tôi đã xuống dốc. Hiện nay tôi phụ trách công tác quảng cáo cho một hãng buôn bán vải, mỗi tuần kiếm được ba bảng, và ngày ngày tôi cảm tạ Thượng Đế cho tôi không phải sống trong căn nhà nhỏ bé bằng gạch đỏ ở Kensington.

Sally bưng món bánh pho mát Cheddar lên; Athelny vẫn tiếp tục thao thao.

- Thật sai lầm lớn nhất trong đời nếu người ta nghĩ rằng phải cần đến tiền bạc để nuôi sống con cái. Người ta cần tiền bạc để làm cho chúng trở thành ông nọ bà kia. Một năm nữa thì Sally sẽ phải làm việc nuôi thân. Cháu sẽ

học may, có được không con, Sally? Còn mấy thằng con trai thì chúng sẽ phục vụ Tổ quốc. Tôi muốn tất cả chúng nó sẽ vào hải quân, đó là một cuộc sống vui tươi, khỏe mạnh, được ăn ngon, lương lậu khá, lại có trợ cấp hưu trí cho đến lúc chết.

Philip châm tẩu thuốc, Athelny hút thuốc lá sợi Havana tự cuốn lấy. Sally thu dọn bàn ăn. Philip vốn kín đáo nên anh lấy làm ngỡ ngàng khi được ký gửi biết bao nhiêu chuyện tâm tư như vậy. Với tiếng nói sang sảng trong cái thân mình bé tí, với lời lẽ khoa trương, với vẻ mặt người nước ngoài và chất hay cường điệu. Athelny là một con người kỳ lạ. Ông ta gọi cho Philip nhớ rất nhiều đến Cronshaw. Hình như hai người cũng độc lập suy nghĩ như nhau, cũng tự do phóng túng như nhau, nhưng Athelny hoạt bát hơn vô cùng; về mặt trí tuệ thì ông ta thô thiển hơn, ông ta không có được sự quan tâm đến những vấn đề trừu tượng là điều mà nhờ đó, những câu chuyện của Cronshaw thường rất hấp dẫn. Athelny tự hào về nguồn gốc quý tộc của gia đình mình. Ông ta đưa Philip xem những tấm ảnh một lâu đài từ thời nữ hoàng E-li-gia-bét, và bảo:

- Dòng họ Athelny chúng tôi đã từng sống ở đây suốt bảy thế kỷ đấy, anh bạn ạ! Chà, nếu anh mà nhìn thấy những lò sưởi và những trần nhà!

Ông ta lấy từ chiếc tủ bên trong ván lát chân tường ra một biểu đồ cây phả hệ. Ông ta khoe với Philip, hí hửng thỏa mãn như trẻ con. Quả thực biểu đồ này gây ấn tượng mạnh mẽ.

- Anh thấy không, các tên riêng luôn luôn được lặp lại nhé, Thorpe, Athelstan, Harold, Edward. Tôi dùng những tên này cho các cháu trai. Còn các cháu gái, tôi đặt cho tên Tây Ban Nha.

Philip thoáng cảm thấy khó chịu, toàn bộ câu chuyện có thể là một sự mạo nhận tinh vi, người thuật lại không hề có động cơ hèn hạ, mà chỉ vì

mong muốn gây ấn tượng, làm cho người nghe phải giật mình, kinh ngạc. Athelny đã kể cho anh rằng ông ta từng học ở Winchester; nhưng Philip vốn nhạy cảm với những khác biệt trong cách cư xử, cảm thấy ngay vị chủ nhà này không có tính cách của một người được giáo dục tại một trường đại học nổi tiếng. Trong lúc ông ta trình bày quan hệ chi nhánh họ hàng cao quý của ông bà tổ tiên, Philip lấy làm thích thú nghĩ thầm biết đâu Athelny lại chẳng là con trai của một thương nhân nào đó ở Winchester, con một người bán đấu giá hoặc con của gã lái buôn than, và biết đâu cái chuyện trù họ chỉ là mối liên quan duy nhất của ông ta với dòng dõi cổ xưa mà ông đang khoe khoang cây phả hệ.

Có tiếng gõ cửa và lũ trẻ bước vào. Bây giờ chúng đã sạch sẽ, gọn gàng, mặt mũi sạch bong, đầu tóc chải mượt; chúng sắp được con bé lớn Sally dẫn đến trường học ngày chủ nhật. Athelny đùa với chúng theo cách hồ hởi như đóng kịch của ông, khiến ta biết ngay rằng ông ta hết lòng với tất cả các con. Thật cảm động khi nhìn thấy vẻ tự hào của ông ta về những đứa con khỏe mạnh, xinh đẹp. Philip thấy chúng có vẻ bẽn lẽn trước mặt anh, và khi được bố cho phép, chúng liền ủa ra khỏi phòng, nhẹ người ra mặt. Mấy phút sau bà Athelny bước vào. Bà đã bỏ cuộn uốn tóc, món tóc ngang trán lúc này chải thật cẩn thận. Bà mặc một bộ đồ đen giản dị, đội mũ có giắt loại hoa rẻ tiền, và cổ lồng hai bàn tay đỏ và thô do lao động nhiều vào đôi găng tay đen bằng da dê non.

- Em sắp đi nhà thờ đây, Athelny - bà nói - Mình không cần gì chứ?

- Chỉ cần em cầu nguyện thôi Betty ạ.

- Cầu nguyện thì cũng chẳng tốt lành gì hơn cho mình, mình đã công kích chuyện này quá nhiều rồi. Bà mỉm cười nói - Rồi quay sang Philip, bà dài giọng: Tôi không làm sao bảo được nhà tôi đặt chân tới nhà thờ. Ông ấy không hơn gì một kẻ vô thần.

- Trông bà ấy có giống người vợ thứ hai của Rubens^[60] không? Athelny nói to - Có lẽ mặc quần áo thế kỷ mười bảy vào, nom bà ấy lộng lẫy lắm đấy nhỉ? Đây mới là dạng phụ nữ cần phải cưới làm vợ, anh bạn trẻ ạ. Anh hãy nhìn bà ấy mà xem.

- Athelny ạ, mình chỉ được cái tài ba hoa thôi! Bà điềm tỉnh đáp.

Bà đã cài được khuy găng tay, và trước khi đi ra, bà quay sang Philip mỉm một nụ cười nhân hậu và có phần lúng túng.

- Anh sẽ ở lại uống trà chứ? Ông Athelny nhà tôi thích có người để được trò chuyện, ít khi nhà tôi gặp ai khá xứng đáng.

- Dĩ nhiên anh ấy sẽ ở lại uống trà - Athelny nói. Sau khi vợ đã đi khỏi, ông tiếp: Tôi coi việc để các cháu học ngày chủ nhật là cần thiết, và tôi thích Betty đi nhà thờ. Tôi nghĩ phụ nữ thì phải ngoan đạo. Bản thân tôi, tôi chẳng tin gì cả, nhưng tôi thích đàn bà, trẻ con có tín ngưỡng.

Philip vốn là người rất khắt khe đối với các vấn đề chân lý nên thái độ thiếu nghiêm túc này làm anh có phần sững sốt.

- Nhưng làm sao ông có thể để người ta dạy các con mình những điều mà ông không tin là đúng?

- Nếu những điều đó là tốt đẹp, thì dù nó không đúng, tôi cũng không quan tâm nhiều lắm. Thỏa mãn cùng một lúc lý trí lẫn khả năng thẩm mỹ là một đòi hỏi quá lớn đối với con người. Tôi muốn Betty trở thành tín đồ công giáo La Mã. Tôi vẫn thích được trông thấy bà ấy đầu đội một vòng hoa giấy vào ngày làm lễ cầu đạo, nhưng bà cứ ngoan cố theo đạo Tin Lành. Và lại tôn giáo là một vấn đề tính khí. Khi người ta đã có thiên hướng về tôn giáo thì người ta sẽ tin vào bất cứ điều gì, nếu không, cho dù có nhồi nhét hết niềm tin này đến niềm tin khác vào đầu người ta, thì cũng chẳng ăn thua gì, người ta sẽ vứt bỏ hết. Có lẽ tôn giáo là trường học đạo lý tốt nhất. Nó cũng như những thứ được phẩm mà các ngài dùng trong y khoa ấy, khi hòa tan, nó lại chứa đựng một chất khác: Tự nó thì không có hiệu lực gì, nhưng nó có thể làm cho chất khác phải bị hấp thụ. Người ta tiếp nhận đạo lý vì nó kết hợp với tôn giáo; người ta mất tôn giáo nhưng đạo lý

sẽ còn lại. Một người có thể sẽ trở thành tốt nếu anh ta học tập lòng nhân hậu qua việc yêu kính Chúa hơn là qua việc nghiên cứu Herbert Spencer.

Điều này trái ngược với mọi quan niệm của Philip. Anh vẫn nhìn đạo cơ đốc như một sự câu thúc làm cho con người hèn hạ, cần phải vứt bỏ, bằng bất cứ giá nào trong tiềm thức, anh thường gắn liền đạo cơ đốc với những buổi lễ buồn thảm trong nhà thờ ở Tercanbury; và thứ đạo lý mà Athelny đề cập, đối với anh chỉ là một bộ phận của thứ tôn giáo mà sự hiểu biết que quặt còn bảo tồn, khi nó bỏ qua một bên những niềm tin duy nhất có thể làm nó trở thành hợp lý. Nhưng trong khi anh ngẫm nghĩ câu trả lời, thì Athelny, chú ý nghe mình nói hơn là tranh luận, lại xõ ra một loạt những điều về công giáo La Mã. Đối với ông ta, công giáo La Mã là bộ phận chủ yếu của nước Tây Ban Nha; mà với ông ta thì nước Tây Ban Nha lại có ý nghĩa rất nhiều, bởi vì đất nước ấy đã cứu ông thoát khỏi một cuộc sống gia đình gò bó trong những tập tục lễ nghi mà ông chán ngấy.

Tay chân vung vẩy, giọng nói thì cường điệu, Athelny mô tả cho Philip những nhà thờ lớn Tây Ban Nha với những khoảng trống mênh mông, những tấm trang trí sau bàn thờ dát vàng đồ sộ và những đồ kim loại mạ vàng lộng lẫy đã phai màu, bầu không khí vắng lặng nặng trĩu khói hương. Philip tưởng chừng như trông thấy những giáo sĩ mặc áo tế ngắn vải ba tít, những chủ bé lễ sinh mặc quần áo đỏ, đi từ nơi để đồ thờ thánh đến chỗ đội hợp xướng; anh gần như nghe tiếng cầu kinh buổi chiều đều đều. Những cái tên Athelny kể: Avila, Tarragona, Saragossa, Segovia, Cordoba âm vang nghe như tiếng kèn trompet trong lòng anh. Anh như nhìn thấy những cột trụ đá hoa cương xám cao ngất trong những thành phố cổ kính Tây Ban Nha, giữa một cảnh trí tối màu, hoang vu và lộng gió.

- Xưa nay tôi vẫn thích được đến Seville - anh buột mồm nói. Bỗng Athelny giơ cao tay bằng một động tác rất kịch, khiến anh ngừng lại.

- Seville! Athelny kêu lên - Không, không, đừng đến đấy. Seville, thành phố gọi đến những cô gái nhảy múa theo nhịp sênh phách, ca hát giữa các vườn cây bên sông Guadalquivir, những trò đấu bò, hoa cam, những khăn choàng mantones de Manila. Đó là đất nước Tây Ban Nha của kịch vui opera và của Montmartre. Cái duyên tầm thường của nó có thể cung cấp những trò giải trí liên miên riêng cho những ai có vốn hiểu biết nông cạn. Theophile-Cautier đã bòn rút của Seville tất cả những gì mà thành phố này có. Chúng ta, những kẻ đến sau, chỉ có thể lặp lại những xúc cảm mạnh mẽ của ông ta mà thôi. Ông ta đã đặt bàn tay béo mập lên cái hiển nhiên, mà ở Seville, thì chẳng có gì hết, ngoài cái hiển nhiên, mọi thứ đều đã xác sơ, đều có dấu tay. Murillo là họa sĩ của thành phố Seville ấy. - Đang ngồi, Athelny bỗng đứng lên đi lại cái tủ Tây Ban Nha, hạ thấp mặt trước có bản lề to mạ vàng, có khóa rất đẹp, để bày ra một dãy ngăn kéo nhỏ. Ông ta lấy ra một gói ảnh.

- Anh có biết El Greco không? Ông ta hỏi.

- À, tôi nhớ ra ông ta đã gây ấn tượng phi thường với một người bạn ở Pari.

- El Greco là một họa sĩ Toledo. Betty không tìm được tấm ảnh tôi muốn đưa anh xem. Đó là bức tranh El Greco vẽ cái thành phố ông ta yêu mến, bức tranh xác thực hơn bất cứ tấm ảnh nào, anh đến ngồi vào bàn đi.

Philip kéo ghế tới trước, và Athelny đặt tấm phiên bản trước mặt anh. Anh yên lặng tò mò nhìn tấm ảnh một lúc lâu. Anh giơ tay với tấm ảnh khác thì Athelny lấy đưa cho anh. Trước đây anh chưa bao giờ được xem tác phẩm của người nghệ sĩ bậc thầy khó hiểu này; mới thoạt nhìn, anh cảm thấy băn khoăn về cách vẽ tùy hứng của ông: nhân vật bị kéo dài ra một cách khác thường, đầu rất nhỏ bé, tư thế vô lý. Đây không phải là chủ nghĩa hiện thực, vậy mà ngay trong những bức tranh đó ta cảm thấy một cái gì đó

xác thực khiến lòng ta phải xao xuyến. Athelny háo hức diễn tả bằng một lời lẽ sinh động, nhưng những điều ông ta nói Philip chỉ nghe lơ mơ. Anh bối rối. Anh xúc động lạ lùng. Những hình ảnh này như gợi cho anh một ý nghĩa nào đó, nhưng anh không nắm hết được. Có những chân dung đàn ông với cặp mắt to sâu muện, như muốn nói một điều gì khó hiểu; có các thầy tu dài ngoẵng trong tấm áo dòng Fran-xít hay dòng Đô-mi-ních vẽ mặt vô cùng bối rối làm những cử chỉ mà người ta không nắm bắt nổi ý nghĩa; có tranh lễ Đức Mẹ Đồng Trinh lên trời, có tranh Chúa Giê-su bị đóng đinh trên thánh giá mà nhờ có một cảm xúc diệu kỳ nào đó họa sĩ đã làm cho người ta xem cảm được rằng da thịt thi thể Chúa Ki-tô không chỉ là da thịt người mà là một cái gì đó thiêng liêng; lại còn bức tranh ngày lễ lên trời vẽ Đấng Cứu Thế như đang vút lên cõi trời, vậy mà vẫn đứng vững chãi trong thinh không như đứng trên mặt đất, những cánh tay các thánh tông đồ giơ lên, những dải quần áo, điệu bộ ngậy ngất của họ biểu lộ sự hân hoan của một niềm vui thần thánh. Nền của hầu hết các cảnh đó là bầu trời đêm, cái màn đêm đen của tâm hồn, với những đám mây hoang dại bị các trận gió kỳ lạ của địa ngục xé tả tơi và ánh trăng yếu ớt chiếu vào một màu bệch bạc.

- Tôi đã nhiều lần nhìn thấy bầu trời này ở Toledo - Athelny nói. Tôi nghĩ rằng lần đầu tiên El Greco đến thành phố này là vào một đêm như vậy và cảnh đó gây cho ông một ấn tượng dữ dội đến nỗi ông không bao giờ quên nổi.

Philip nhớ lại nỗi niềm xúc động của Clutton trước nhà nghệ sĩ bậc thầy kỳ lạ này mà giờ đây anh mới được xem tác phẩm của ông ta lần đầu. Anh cho Clutton là người đáng chú ý nhất trong số bạn bè mình quen biết ở Pari. Thái độ mỉa mai, kiểu sống tách biệt thù địch làm cho người ta khó hiểu được anh ta, nhưng hôm nay đây, nhìn lại, Philip cảm thấy dường như trong anh có một sức lực bi thảm nào đó, cứ cố gắng uống công để tự biểu hiện trên tranh. Y là người tính cách không bình thường, bí ẩn theo cái kiểu của

một thời đại không thiên về chủ nghĩa thần bí, bất mãn với cuộc đời, bởi vì y cảm thấy mình bất lực không nói lên được những khát vọng thầm kín trong tâm hồn. Sự hiểu biết của y không hợp với những đòi hỏi của tinh thần. Chẳng có gì ngạc nhiên trong tình cảm sâu sắc của y với con người Hy Lạp đã sáng tạo ra được một kỹ thuật mới lạ nhằm diễn đạt những khát vọng của tâm hồn. Philip xem lại một lần nữa hàng loạt chân dung những người quý phái Tây Ban Nha với những cổ áo xếp bông, râu nhọn, mặt nhợt nhạt tương phản với màu đen nền nã của quần áo họ mặc và màu nền tranh tối sẫm. El Greco là họa sĩ của tâm hồn; và những người quý phái kia xanh xao ốm yếu, không phải vì kiệt sức, mà vì bị câu thúc, tâm hồn bị dày vò, dường như họ bước đi trong cuộc đời mà đứng đưng không biết cái đẹp của thế gian; vì mắt họ chỉ nhìn vào tim họ, và họ lóa mắt trước vẻ huy hoàng của thế giới vô hình. Không một họa sĩ nào có thể nhìn tâm hơn ông mà chỉ ra được rằng trần gian này chỉ là một nơi quá cảnh. Tâm hồn những con người này, những cặp mắt mà họa sĩ đã vẽ họa, nói lên lòng khát khao kỳ lạ của họ; giác quan họ sắc sảo thần diệu, không phải với âm thanh, mùi vị, và màu sắc mà là với tâm hồn, những xúc động hết sức tinh tế của tâm hồn. Người quý tộc sống bằng tấm lòng của thầy tu và họ nhìn đời cũng bằng mắt của các vị thánh trong lều cỏ, nên họ chẳng hề kinh ngạc lều cỏ. Môi họ, trời cho không phải để mỉm cười.

Vẫn im lặng, Philip trở lại tấm ảnh thành phố Toledo mà theo anh dường như là bức ảnh hấp dẫn nhất. Anh không thể không ngắm nhìn nó. Lạ thay anh thấy mình như đang trên ngưỡng của một sự phát hiện mới mẻ về cuộc đời. Lòng hồi hộp như rung động trước một cuộc tình. Phút chốc anh chợt nghĩ đến mối tình đã từng thiêu đốt hồn anh và so với niềm phấn khích lúc này rạo rức trong lòng anh thì tình yêu là không đáng kể. Bức tranh anh ngắm nhìn là một bức tranh dài rộng, nhà cửa chen chúc trên một ngọn đồi, trong một góc, một chủ bé đang cầm tấm bản đồ lớn của thành phố; ở một góc khác là một nhân vật huyền thoại tượng trưng cho dòng sông Tagus, và trên trời là Đức Mẹ Đồng Trinh đứng giữa các thiên thần. Đây là một

phong cảnh làm đảo lộn mọi quan điểm của Philip, bởi vì anh đã từng sống trong các giới tôn sùng chủ nghĩa hiện thực chính xác, vậy mà ở đây, kỳ quặc thay, một lần nữa anh thấy một thực tại còn vĩ đại hơn nhiều bất cứ thực tại nào mà các nghệ sĩ bậc thầy đã thể hiện, những bậc thầy mà anh đã khiêm tốn nể sợ. Anh nghe Athelny bảo rằng sự miêu tả đó chính xác đến nỗi khi dân Toledo đến xem tranh, họ nhận ra nhà cửa của họ. Họ sẽ vẽ đúng cái gì mình thấy, nhưng ông ta đã nhìn bằng cặp mắt của tâm hồn. Có cái gì đó thoát tục trong cái thành phố xám nhạt này. Đó là thành phố của tâm hồn được nhìn thấy bằng thứ ánh sáng nhạt nhẽo, không phải là đêm mà cũng không phải là ngày. Thành phố nằm trên ngọn đồi xanh thế gian, và bao quanh là những bức tường đồ sộ với những pháo đài có thể bị đột chiếm, không phải do máy móc hay những phương tiện mà loài người phát minh, mà do sự cầu nguyện ăn chay, do sự thờ dài sám hối và do sự hành hạ xác thịt; đó là dinh lũy của Chúa. Những nhà cửa màu xám kia không phải làm bằng thứ đá mà thợ nề biết được hình dáng, chúng có cái gì đó khủng khiếp khiến người ta không hiểu những con người nào sống nổi trong đó. Người ta có thể đi bộ qua các phố xá mà không hề kinh ngạc thấy rằng tất cả đều hoang vắng, vậy mà không phải là trống không. Bởi vì người ta cảm thấy được một sự có mặt tuy vô hình mà vẫn rõ ràng với mọi giác quan bên trong; đó là một thành phố huyền bí, tại đó trí tưởng tượng loạng choạng như một người bước ra khỏi ánh sáng đi vào bóng tối; linh hồn trần trụi đi đi lại lại, biết cái không thể biết, ý thức được cái lạ lùng về điều đã trải qua, về cái tuyệt đối, ý thức được rất sâu sắc mà không thể diễn tả. Và không phải bất ngờ trên bầu trời xanh kia, bầu trời xanh thực thụ nhận biết không phải bằng mắt mà là bằng linh hồn, với những vạt mây mỏng mỏng lững lờ theo những làn gió thoảng kỳ lạ như tiếng khóc, tiếng thờ dài của những linh hồn lạc lối, người ta trông thấy Đức Mẹ Đồng Trinh thiêng liêng mặc áo dài đỏ và áo choàng xanh, giữa các thiên thần có cánh; Philip có cảm giác như dân cư thành phố này không hề ngạc nhiên khi thấy Người xuất hiện, họ tỏ vẻ cung kính và biết ơn nhưng cứ bước tiếp.

Athelny nói về những nhà văn thần bí Tây Ban Nha, về Thérèse de Avila, Sanjuan de la Cruz, Fray Diego de Leons, tất cả những người này đều say sưa cái thế giới vô hình mà Philip thấy được trong các bức tranh của El Greco; dường như họ có khả năng sờ mó được cái vô hình, nhìn thấy được cái vô hình ấy. Họ là người Tây Ban Nha của thời đại họ, lòng họ còn rung động những kỳ công vĩ đại của một dân tộc hùng cường; trí tưởng tượng của họ phong phú niềm tự hào về Châu Mỹ và những hòn đảo xanh rì vùng biển Caribê. Lưu truyền trong máu họ là sức mạnh hình thành từ cuộc đấu tranh bao đời với người Mor; họ kiêu hãnh vì họ làm chủ thế giới; họ mang trong người những tầm xa, bao la, những vùng đất đỏ hoang vu, những núi non tuyết phủ xứ Castille, ánh nắng, bầu trời xanh, và những vùng đồng bằng xứ Andalusia đầy hoa. Cuộc sống là sôi nổi, muôn màu, và vì nó hiển dăng quá nhiều, nên con người không ngừng khao khát nhiều thêm; vì là con người nên người ta không bao giờ thỏa mãn; người ta đem hết mình hăm hở lao vào cuộc đấu tranh mãnh liệt để theo đuổi cái không tả được.

Athelny bắt đầu thấy hài lòng tìm được người để có thể đọc cho nghe bản dịch mà thỉnh thoảng ông ta vẫn đem ra tiêu khiển vào những giờ nhàn rỗi. Bằng giọng trong sáng ngân vang, ông ta ngâm bài “thánh ca về linh hồn và Chúa Ki-tô người tình của linh hồn”, bài thơ thú vị bắt đầu bằng những câu: En una noche oscura và noche serena của Fray Luis de Leon. Ông ta dịch bài thơ rất hồn nhiên, không phải không tài tình, ông ta tìm được những từ dù sao cũng gợi lên được cái vĩ đại còn thô của nguyên tác. Những bức tranh của El Greco minh họa cho thơ và lời thơ minh họa cho tranh. Xưa nay Philip vốn có đọc chút ít Kinh Thánh nên thường khinh thường chủ nghĩa lý tưởng. Anh luôn luôn say mê cuộc sống nên đối với anh hình như cái chủ nghĩa lý tưởng mà anh tình cờ bắt gặp, nói chung là sự lùi bước hèn nhát trước cuộc sống.

Kẻ mơ mộng không thực tế, tự rút lui, vì không chịu nổi đám đông chen lấn, hẳn không có sức đấu tranh, vì thế hẳn cho đấu tranh là tầm thường, hẳn phù phiếm và bị bạn bè hẳn không đánh giá theo đúng giá trị của hẳn, nên hẳn tự an ủi mình bằng cách khinh miệt bạn bè. Đối với Philip thì Hayward đúng là kiểu người ấy, đẹp trai, uể oải, gầy gò người đã quá béo và đầu hoi hói, và vẫn ôm ấp cái bề ngoài dễ coi đã tàn tạ của mình, vẫn nâng niu ý định thực hiện những công việc tuyệt vời trong một tương lai bấp bênh và đằng sau chuyện này là rượu uýt ki, là những mảnh tình dung tục ngoài đường phố. Chính vì để phản ứng những gì Hayward đại diện, Philip đã lên tiếng đòi cho cuộc sống thể hiện đúng như nó tồn tại; tính đê tiện, thói hư tật xấu, tình trạng dị dạng không làm anh khó chịu, anh tuyên bố muốn con người phải được phô bày rõ ràng; chẳng hạn gặp một sự việc hèn hạ, tàn ác, ích kỷ hay tham lam, anh xoa tay bảo: đó là chuyện đời. Điều anh học được ở Pari là không có cái xấu, cũng không có cái đẹp, mà chỉ có chân lý; tìm kiếm theo đuổi cái đẹp là cảm tính của con người. Anh há chẳng phải đã vẽ quảng cáo cho Socôla Menier giữa một phong cảnh, để thoát khỏi sức mạnh không cưỡng lại được của cái đẹp đó sao?

Nhưng ở đây, anh dường như tiên đoán một điều gì mới lạ. Trước kia, đã một đôi lần, anh mê mẩn tìm kiếm nó nhưng mãi đến bây giờ anh mới thấy rõ sự thật; anh cảm thấy mình sắp đạt được một phát hiện. Anh mơ hồ cảm thấy đây có điều gì đó còn tốt đẹp hơn là chủ nghĩa hiện thực mà anh vốn tôn sùng; nhưng chắc chắn không phải là chủ nghĩa lý tưởng không sinh khí ốm yếu tách khỏi cuộc sống; nó dư thừa sức mạnh, nó tráng kiện, nó thừa nhận mọi mặt phong phú của cuộc sống, cái xấu và cái đẹp, sự bản thiêu và hành động anh hùng; nó vẫn là chủ nghĩa hiện thực; nhưng là thứ chủ nghĩa hiện thực đã vươn tới tầm cao hơn, trong đó sự việc thay đổi do ánh sáng chói qua cái nhìn nghiêm nghị của những nhà quý tộc đã quá cố xứ Castille; ánh sáng chói lợi hơn thứ ánh sáng đã từng soi rọi sự việc. Dường như qua cái nhìn nghiêm nghị của những nhà quý tộc đã quá cố xứ Castille, anh nhìn sự việc sâu sắc hơn; và những động tác cử chỉ của các vị thánh,

thoạt nhìn tưởng chừng như man đại méo mó, có vẻ như có một ý nghĩa huyền bí nào đó. Nhưng anh không nói ra được ý nghĩa đó là gì. Nó như một lời truyền hết sức quan trọng gửi tới anh, nhưng anh được truyền lại bằng một thứ ngôn ngữ xa lạ anh cũng không hiểu nổi. Anh thường luôn luôn tìm kiếm ý nghĩa về cuộc sống và dường như ở đây, một ý nghĩa đã xuất hiện, nhưng còn mơ hồ, mờ mịt. Lòng anh vô cùng bối rối. Anh nhận ra cái điều có vẻ là chân lý đó giống như việc nhờ chớp sáng lóe lên trong đêm đen bão tố mà người nhận ra một dãy núi. Dường như anh thấy rằng con người là mạnh mẽ; anh dường như nhận ra tính tự chủ cũng có thể say sưa nồng nhiệt, cũng có hiệu lực như sự đầu hàng dục vọng; anh dường như nhận ra cuộc sống nội tâm cũng có thể thay đổi và thật là đa dạng, cũng đổi thay, cũng phong phú kinh nghiệm như cuộc đời con người đi chinh phục các vương quốc và thám hiểm những vùng đất đai xa lạ.

Câu chuyện giữa Philip và Athelny bị cắt ngang khi có tiếng bước rầm rập lên thang gác. Athelny mở cửa cho lũ con đi học trở về. Chúng bước vào cười nói reo hò. Ông ta vui vẻ hỏi chúng đã học được gì. Một lúc Sally xuất hiện nói mẹ bảo bố chơi với em cho mẹ chuẩn bị bữa trà. Athelny bắt đầu kể cho chúng một truyện của Hans Anderson^[61]. Chúng không phải những đứa trẻ nhút nhát nên chúng nhanh chóng kết luận Philip không phải là ghê gớm. Bé Jane đến đứng gần anh, rồi lúc sau nó ngồi lên đùi anh. Lần đầu tiên trong cuộc đời cô đơn, Philip sống giữa một gia đình, anh mỉm cười vui nhìn lũ trẻ xinh xắn mãi mê nghe truyện thần tiên. Thoạt nhìn, cuộc đời của người bạn mới của anh có vẻ lập dị; giờ đây dường như có cái đẹp hoàn toàn tự nhiên.

Sally bước vào một lần nữa.

- Nào, các em! Trà đã dọn xong đấy, cô bé nói.

Jane tụt xuống khỏi đầu gối Philip, và tất cả lũ trẻ đi vào nhà bếp.

Sally bắt đầu trải khăn lên bàn Tây Ban Nha dài.

- Mẹ hỏi mẹ có phải vào uống trà với bố và chú không? Con có thể cho các em uống trà được.

- Con thưa với mẹ, bố và chú đây sẽ lấy làm hãnh diện và vinh dự được mẹ chiếu cố đến cùng uống trà - Anthlly nói.

Philip nghĩ dường như ông ta không thể nói điều gì mà không diễn đạt hùng hồn hoa mỹ.

- Vậy con bày biện cho mẹ - Sally nói.

Một lát cô bé trở lại, với cái khay trên để bánh mì nhà làm lấy, một tấm bơ, một lọ mứt dâu. Trong khi cô bé đặt mọi thứ lên bàn, người bố trêu cô. Ông ta bảo đã đến lúc cô bé phải kiếm bạn, ông ta cho Philip biết cô bé rất kiêu, không muốn có quan hệ gì với các chàng trai rắp ranh xếp hàng từng cặp, đứng chờ ngoài cửa trường đạo, nài xin vinh dự được đưa cô bé về nhà.

- Bố cứ nói lung tung bố ạ - Sally nói, với nụ cười chậm rãi hiền hậu.

- Trông cháu anh không ngờ rằng chỉ vì nó không chào hỏi một chàng phụ thợ may đang lính, và một gã kỹ sư điện, một kỹ sư điện, anh chú ý nhé, bắt đầu rượu chè vì cháu từ chối không cho dùng chung sách thánh ca ở nhà thờ. Cứ nghĩ đến điều gì sẽ xảy ra khi cháu nó thành người lớn, là tôi rùng mình.

- Mẹ sẽ thân hành bưng trà lên. Sally nói.

- Sally không bao giờ chú ý nghe tôi nói - Athelny nói cười nhìn con, tự hào trù mẫn - cháu lo lắng việc mình, không cần quan tâm đến chiến tranh, đến cách mạng, đến thiên tai. Kẻ nào lấy được cháu thật là may mắn.

Bà Athelny bưng trà vào. Bà ngồi xuống cắt bánh mì và bơ. Philip thích thú thấy bà coi chồng như trẻ con. Bà phết mứt, cắt bánh mì và bơ thành những lát mỏng cho chồng ăn. Lúc này bà đã bỏ mũ ra, trong bộ y phục ngày chủ nhật có vẻ hơi chật, trông bà giống như vợ một trang chủ mà hồi còn bé, anh và ông bác vẫn thỉnh thoảng ghé thăm. Và anh liền hiểu vì sao mà anh thấy giọng nói của bà lại quen thuộc. Bà nói đúng như là người ở vùng Blackstable.

- Bà chị ở nơi nào đến đây? Philip hỏi bà.

- Tôi người vùng Kentơ, từ Ferne đến.

- Tôi cũng nghĩ như vậy - Bác tôi từng là cha sở xứ Blackstable.

- À, thế thì buồn cười thật - bà nói - vừa rồi ở nhà thờ, tôi tự hỏi không biết ông có họ hàng gì với ông Carey không. Tôi đã nhiều lần gặp ông ấy. Tôi có một bà chị họ lấy ông Barker chủ trang trại Roxley gần nhà thờ Blackstable, và hồi còn con gái, tôi thường đến ở đấy luôn. Thế có buồn cười không kia chứ?

Bà nhìn anh, cặp mắt đã nhạt màu của bà chợt sáng lên một vẻ quan tâm mới mẻ. Bà hỏi anh có biết Ferne không. Đó là một làng xinh đẹp cách Blackstable khoảng mười dặm và cha sở thỉnh thoảng sang Blackstable làm lễ mùa gặt tạ ơn Chúa.

Bà kể tên nhiều trang chủ vùng lân cận. Bà vui sướng lại được nói về quê hương, nơi bà đã sống thời thanh xuân, bà lấy làm vui thích được gọi lại những cảnh, những vẫn còn sống dai dẳng trong ký ức của bà, đây vốn là đặc tính của tầng lớp bà. Điều đó cũng đem lại cho Philip một cảm giác thật kỳ lạ dường như một cơn gió nhẹ từ đồng quê thoáng bay lọt vào giữa thành phố Luân Đôn này. Anh tưởng như trông thấy những cánh đồng màu mỡ ở xứ Ken-tô với những cây du oai nghiêm, và cánh mũi phập phồng của anh hít thở không khí thơm thơm, nó đậm mùi vị của muối Bắc Hải, khiến anh bỗng cảm thấy lạnh buốt.

Đến mười giờ mà Philip vẫn chưa từ biệt gia đình Athelny. Vào lúc tám giờ lũ trẻ bước vào chúc mọi người ngủ ngon và hết sức tự nhiên đưa má cho Philip hôn.

Anh thấy mến ngay lũ trẻ. Sally chỉ chìa tay ra.

- Sally chỉ hôn đàn ông khi nào gặp họ lần thứ hai - bố nàng giải thích.

- Vậy thì ông phải mời tôi một lần nữa thôi - Philip nói.

- Ông không nên để ý đến lời nói của bố tôi - Sally mỉm cười nhận xét.

- Con bé trẻ tuổi là thế mà lại bình tĩnh nhất đấy. Bố nàng nói thêm.

Bữa ăn tối có bánh mì, pho mát và bia. Lúc này bà Athelny phải cho lũ trẻ đi ngủ, khi Philip vào nhà bếp chào chúc bà ngủ ngon (bà thường ngồi nghỉ ở đây và đọc báo tin nhanh hàng tuần) bà thân mật mời anh hôm nào trở lại.

- Chừng nào ông Athelny còn có công ăn việc làm thì chủ nhật nào nhà chúng tôi cũng tổ chức ăn ngon - bà nói - Anh đến nói chuyện với ông ấy thế này thật là nhân đức!

Ngày thứ bảy sau, Philip nhận được bưu thiếp của Athelny cho biết vợ chồng họ đang mong đợi anh đến ăn cơm ngày chủ nhật. Sợ họ gặp khó khăn về tiền nong, Philip viết trả lời sẽ chỉ đến dùng trà mà thôi. Anh mua một cái bánh nho khô to tướng, để có chiêu đãi anh, họ cũng không tốn kém. Anh thấy cả nhà đều vui mừng gặp anh. Còn chiếc bánh thì giúp anh làm tiếp việc giành được hoàn toàn tình cảm của lũ trẻ. Anh khẳng khẳng đòi cả nhà phải cùng uống trà ở nhà bếp. Bữa ăn hôm ấy thật ồn ào vui vẻ.

Chẳng bao lâu, đối với Philip đã trở thành lệ, chủ nhật nào anh cũng đến nhà Athelny, vì anh bình dị không màu mè khách sáo và vì tình cảm quý mến của anh đối với lũ trẻ thể hiện quá rõ, nên anh được chúng thích nhất.

Nay vừa nghe tiếng rung chuông ngoài cửa là chúng thò đầu ra ngoài cửa sổ nhìn, để biết chắc là anh, rồi sau đó cả bọn ồn ào chạy ủa xuống thang gác đón anh vào nhà. Chúng lẫn xả vào lòng anh. Trong tiệc trà, chúng tranh giành nhau được ngồi cạnh anh. Chẳng mấy chốc chúng đã gọi anh là chú Philip.

Athelny rất mực cởi mở nên Philip dần dần biết được nhiều đoạn đường đời của ông ta. Ông ta đã theo đuổi nhiều nghề, và nhưng chẳng việc nào ông làm được đến nơi đến chốn, động việc gì hỏng việc ấy. Ông đã từng kiếm sống ở đồn điền chè tại Ceylan, làm người đi chào bán rượu vang Italia ở Mỹ, làm thư ký cho một công ty cấp nước ở Toledo là công việc làm được lâu nhất. Ông ta đã từng là nhà báo, và đôi khi là phóng viên tại tòa án vi cảnh cho một tờ báo buổi chiều, ông ta đã từng là phó tổng biên tập tờ báo vùng trung du nước Anh và chủ bút một tờ báo khác ở vùng bờ biển Riviera. Qua tất cả nghề đó, ông đã thu thập được nhiều giai thoại vui mà ông ta thích thú say sưa kể lại bằng tài năng biểu diễn văn nghệ của riêng mình. Ông ta đọc nhiều, chủ yếu là ham thích những sách vở ít ai biết đến; ông ta tuôn ra kho tích trữ kiến thức thâm thúy của mình, và lấy làm khoái trá một cách ngây thơ về sự sùng sốt của thánh giả. Ba bốn năm trước, tình cảnh nghèo xác nghèo xơ đã dồn ông vào thế phải đi làm nghề quảng cáo cho một hãng bán vải lớn; và mặc dù ông ta thấy công việc này không xứng đáng với tài năng của mình - mà ông ta tự giá rất cao - nhưng thái độ kiên quyết của vợ, và tình cảnh túng thiếu của gia đình buộc ông phải bám lấy nó.

Từ giã gia đình Athelny, Philip đi bộ xuống Chancery Lane về phía The Strand để lên xe buýt ở đầu phố Parliament. Một hôm chủ nhật, khi đã quen biết họ chừng sáu tuần lễ, anh cũng vẫn đi theo lối cũ, nhưng anh thấy xe buýt Kennington đã chật hết chỗ ngồi. Bấy giờ là tháng sáu, ban ngày trời mưa, còn ban đêm ấm và lạnh. Anh đi ngược lên rạp xiếc Picadilly để mua vé xe. Xe buýt đợi khách chỗ máy nước, và khi xe đỗ lại đó ít khi có quá vài ba người trong xe. Xe phục vụ tuyến đường này cứ mười lăm phút một chuyến và anh phải đợi một lúc. Anh vợ vẫn nhìn đám đông. Các quán rượu đang đóng cửa, nhiều người quanh quẩn ở đây. Đầu óc anh bận rộn với những quan niệm của Athelny gợi ra bằng tài quyền rũ của mình.

Bỗng tim anh ngừng đập. Anh trông thấy Mildred. Từ bao nhiêu tuần nay, anh không hề nghĩ đến nàng. Lúc này nàng đang từ góc đại lộ Staffesbury đi lại và đứng lại chỗ đánh xe, đợi cho đoàn ngựa đi qua. Nàng chăm chăm đợi dịp nên không chú ý đến một điều gì khác. Nàng đội mũ rơm đen to có cảm nhiều lông chim, và mặc quần áo lụa đen; thời bấy giờ phụ nữ mặc áo có đuôi dài lê thê là hợp thời trang; lúc đường đã vắng Mildred kéo lê váy dưới đất, bước qua đường đi xuống hướng rạp xiếc. Philip hồi hộp bước theo nàng. Anh không muốn nói với nàng nhưng anh muốn biết vào giờ này, nàng đi đâu; anh muốn nhìn mặt nàng. Nàng bước đi chậm chậm, dọc theo Air Street rồi rẽ vào phố Regent. Rồi nàng lại đi ngược lên phía rạp xiếc. Philip bối rối. Anh không thể hiểu nổi nàng đang làm gì. Có lẽ nàng đang chờ đợi ai đó và anh rất tò mò muốn biết người này là ai. Nàng bước lên kịp một gã thấp lùn đội mũ quả dưa đang đi dạo hết sức thông thả cùng hướng với nàng; khi đi qua, nàng liếc trộm gã. Đi mấy bước nữa, nàng đến nhà hàng Swan và Edger, nàng đứng lại đợi quay mặt ra đường. Khi gã kia đi tới, nàng mỉm cười. Gã này chăm chăm nhìn nàng

một lúc rồi ngoảnh mặt đi. Hắn lại tiếp tục dạo bước. Lúc ấy Philip chợt hiểu.

Anh bàng hoàng ghê tởm. Trong giây lát, anh bỗng cảm thấy hai chân mình mềm nhũn hầu như không đứng nổi; sau đó anh vội vã bước theo và khẽ chạm vào tay nàng.

- Mildred!

Nàng giật mình quay lại. Anh nghĩ rằng mặt nàng lúc ấy phải đỏ bừng, nhưng trong đêm tối anh không thể nhìn rõ. Hai người đứng lặng, nhìn nhau một lúc. Cuối cùng nàng nói:

- Ô, được gặp anh thật lạ!

Anh không biết trả lời thế nào nên anh hết sức bối rối, bàng hoàng, những lời nói đang dồn dập trong đầu anh có vẻ như lời lẽ trên sân khấu, không tin được.

- Thật khủng khiếp! - Anh thở hển hển gần như nói với mình.

Mildred không nói thêm một lời, nàng ngoảnh mặt đi, nhìn xuống hè đường. Anh cảm thấy mặt mình như méo đi vì đau đớn.

- Chúng ta có thể đi một chỗ nào đó nói chuyện được không?

- Em không muốn nói chuyện - nàng đáp, cúi kính - Hãy để mặc em.

Anh chợt nghĩ có lẽ nàng đang rất cần tiền, và không thể đi nơi khác vào giờ này.

- Nếu em hết tiền thì anh có hai đồng đây - anh buột miệng.

- Em không hiểu anh muốn nói gì. Em đang trên đường về nhà trọ mà. Em chờ gặp một cô bạn ở chỗ em làm.

- Em chớ nói dối - anh nói.

Lúc ấy, anh mới thấy nàng khóc và anh nhắc lại câu hỏi:

- Ta không thể đi một nơi nào nói chuyện được chẳng? Anh không về nhà em được ư?

- Không. Anh không thể về nhà em - nàng thốn thức, em không được dắt đàn ông về đây. Nếu anh muốn ngày mai em sẽ gặp anh.

Anh cảm thấy chắc chắn là nàng không giữ hẹn. Anh không cho nàng đi.

- Không, ngay bây giờ, em phải đưa anh đến chỗ nào đi.

- Được, em biết có một phòng, nhưng người ta sẽ đòi trả sáu silinh.

- Không sao. Ở đâu thế?

Nàng cho địa chỉ, và anh gọi xe. Họ đến một phố tồi tàn sau viện bảo tàng Anh Quốc gần đường Gray's Inn Road. Nàng cho xe dừng lại ở góc phố.

- Người ta không thích mình đi xe thẳng đến cửa - nàng nói.

Đó là những lời đầu tiên từ khi họ ngồi vào trong xe. Họ đi mấy bước nữa, Mildred gõ lên cánh cửa ba tiếng rõ ràng. Philip để ý thấy trên cửa sổ hình bán nguyệt treo một tấm bìa cứng trên viết lời rao nhà này cho thuê. Cánh cửa lặng lẽ mở và một cụ già cao lớn đón hai người vào. Bà già chăm chú nhìn Philip rồi nói nhỏ gì đó với Mildred. Nàng đưa Philip đi dọc hành lang dẫn tới một căn phòng ở phía sau. Phòng tối mò, nàng hỏi anh diêm và đốt đèn khí; đèn không có chao, khí đốt cháy bùng lên kêu xè xè. Philip thấy mình ở trong một phòng ngủ bẩn thỉu bé nhỏ với một bộ đồ gỗ sơn trông giống gỗ thông quá to so với căn phòng; màn cửa có đặng ten thì rất dơ dáy; lò sưởi bị che lấp sau tấm chắn bằng giấy. Mildred ngồi phịch xuống một chiếc ghế kê cạnh lò sưởi. Philip ngồi lên mép giường. Anh cảm thấy hổ thẹn. Bây giờ anh mới thấy hai má Mildred trát đầy phấn hồng, lông mày kẻ đen, nhưng trông nàng có vẻ gầy gò ốm yếu, và màu đỏ trên hai má khiến da nàng càng thêm xanh xao hơn. Nàng lơ đãng nhìn đăm đăm vào tấm chắn giấy, Philip không nghĩ ra được điều gì để nói; anh cảm thấy cổ họng tắc nghẹn như sắp muốn khóc. Anh lấy tay che mắt.

- Trời ơi! Thật khủng khiếp - Anh rên rỉ.

- Có gì đâu mà anh cứ làm ầm lên như vậy, em không hiểu nổi. Em nghĩ rằng anh phải hài lòng mới đúng.

Philip không đáp, và trong phút chốc, nàng òa lên nước nở.

- Anh có cho rằng em làm thế này vì em thích thế không?

- Chao ôi! Em yêu quý của anh, anh kêu lên. Anh buồn quá. Anh buồn quá lắm.

- Thế mà làm chuyện đó em lại vớ bở đấy.

Philip vẫn không tìm được điều gì để nói. Anh lo sợ đến tuyệt vọng để nói một điều gì đó mà sợ nàng lại cho là sĩ nhục hay chế nhạo.

- Cháu nhỏ ở đâu? Cuối cùng anh hỏi.

- Em đem cháu theo với em về Luân Đôn. Ở Brighton em không có tiền để tiếp tục nuôi cháu, vì thế em phải mang cháu theo. Em thuê được một buồng trên quảng đường Highbury. Em nói với người ta em làm nghề diễn viên. Hàng ngày phải xuống tận khu tây Luân Đôn thì rất xa thật đấy, nhưng được người nào cho đàn bà thuê nhà thì thực là khó khăn.

- Ở phòng trà họ không nhận cho trở lại hay sao?

- Em không tìm được việc làm ở bất kỳ nơi nào. Em đã đi rạc cả cảng để kiếm tiền. Một bạn em đã tìm được, nhưng vì ốm, em phải ở nhà một tuần, thế là khi trở lại, họ bảo không cần em nữa. Mình không thể trách người ta, phải không? Người ta không thể dành chỗ làm cho đàn bà con gái ốm yếu.

- Trông em lúc này có vẻ không khỏe lắm. - Philip nói.

- Quả thực em không được phép ra ngoài tối nay đâu nhưng không dừng được, em đang cần tiền. Em đã viết thư cho Emil nói rằng em gục rồi, nhưng anh ấy cũng không thèm trả lời.

- Đáng lẽ em phải viết cho anh.

- Em không muốn thế, không thể làm như vậy sau những gì đã xảy ra, thêm nữa em cũng không muốn để anh biết em đang gặp khó khăn. Để rồi anh sẽ bảo đáng đời, thật đáng đời em ư? Không, anh có nói vậy cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên đâu.

- Thế thì em không hiểu anh rồi! Thậm chí ngay cả lúc này.

Trong giây lát, anh nhớ lại tất cả nỗi đau khổ anh phải chịu đựng vì nàng, và anh lấy làm buồn chán. Nhưng chẳng qua đây chỉ là hồi tưởng mà thôi. Nhìn nàng, anh hiểu rằng anh không thể yêu nàng nữa. Anh rất tiếc cho nàng, nhưng anh mừng thấy mình được tự do. Anh ngồi ngắm nàng, và anh tự hỏi, không hiểu vì sao trước đây anh có thể dần dần yêu nàng si mê đến thế.

- Anh là người quân tử với mọi ý nghĩa của từ này - nàng nói. - Anh là người tốt nhất từ trước tới giờ em chưa từng gặp - nàng ngừng lại một lúc, rồi mặt nàng bỗng đỏ bừng - anh Philip ạ, em không muốn đòi hỏi anh, nhưng mà anh có thể cho em vay tạm đồng nào không?

- Thật may mà anh mang theo một ít. Anh lấy làm tiếc chỉ có hai bảng thôi!

Anh đưa hết cho nàng.

- Em sẽ trả lại anh.

- Ồ, có gì đâu em - anh mỉm cười - Đừng lo lắng làm gì.

Anh đã không nói được điều anh muốn nói. Hai người nói chuyện rất tự nhiên, và dường như thế nào nàng cũng sẽ trở lại cuộc đời ghê tởm ấy, còn anh sẽ không làm được gì để cản ngăn nàng. Nàng đứng dậy để cầm tiền, và lúc này cả hai cùng đứng.

- Có phải em giữ anh quá lâu không? Nàng hỏi. Em nghĩ rằng anh cần phải về nhà.

- Không, anh không có việc gì - anh đáp.

- Em vui mừng được ngồi...

Ấn ý của những lời nói đó xé nát lòng anh và thật đau đớn thấy nàng lại ngồi phịch xuống ghế, mệt mỏi rời rã. Sự yên lặng kéo dài đến nỗi Philip cảm thấy lúng túng. Anh phải châm một điếu thuốc.

- Anh Philip! Anh thật tốt quá. Anh chẳng hề trách mắng em cho dù là một lời. Em cho rằng lẽ ra anh phải mắng mỏ em đủ điều.

Nàng lại khóc. Anh nhớ lại cái ngày bị Emil Miller ruồng bỏ, nàng đã đến nhà anh khóc lóc như thế nào. Giờ đây nhớ lại nỗi đau của nàng, nhớ lại nỗi nhục của chính mình anh càng thấy lòng tràn đầy thương xót.

- Giá mà em có thể thoát khỏi cảnh này - nàng rên rỉ - em căm ghét nó lắm rồi. Em không thích hợp với cảnh sống này, em không phải hạng con gái đi làm như thế. Em phải làm bất cứ điều gì để thoát khỏi. Nếu có thể, em sẽ đi ở đầy tớ - Chao ôi! Sao em không chết đi cho rồi.

Nàng xót xa phận mình và nàng suy sụp hoàn toàn, nàng nức nở như điên như dại khiến tấm thân gầy rung lên.

- Trời ơi! Anh đâu có hiểu được? Nếu chưa trải qua thì làm sao anh hiểu được.

Nhìn nàng khóc, Philip chịu không nổi. Hoàn cảnh ghê tởm của nàng làm lòng anh đau đớn.

- Tội thân em - anh thì thầm - Tội thân em! Lòng anh vô cùng xúc động. Một ý nghĩ chợt lóe lên trong đầu. Anh cảm thấy người như mê đi vì sung

sống.

- Mildred này, nếu như em quả thật muốn thoát khỏi cảnh này, anh có một ý kiến. Lúc này anh cũng đang cạn túi và phải hết sức tiết kiệm, nhưng anh đã thuê được phòng nhỏ ở Kennington, và còn thừa một buồng? Nếu em muốn, em và cháu bé có thể đến ở đó. Anh có thuê một bà phục vụ bao hào sáu một tuần để đến quét dọn nhà cửa và nấu nướng tí chút cho anh. Em có thể làm việc đó, tiền ăn uống của em sẽ không nhiều hơn tiền anh tiết kiệm để thuê người. Làm như vậy thì sẽ nuôi được hai người, và chắc hẳn cháu bé ăn cũng chẳng tốn bao nhiêu.

Nàng thôi khóc và nhìn anh.

- Anh vẫn nhận cho em quay trở lại, bất chấp những điều đã xảy ra ư?

Philip hơi đỏ mặt, bối rối vì những điều anh sắp phải nói.

- Anh không muốn em hiểu lầm anh. Anh chỉ để em ở một buồng, và chi phí ăn uống cho em mà chẳng tốn gì. Anh chẳng mong gì hơn ở em là em làm đúng công việc của bà vẫn phục vụ cho anh. Ngoài ra, anh không mấy may đòi hỏi em một việc nào khác. Anh dám chắc em đủ sức lo tốt công việc bếp núc.

Nàng đứng bật dậy, sắp sửa nhảy xổ vào anh.

- Anh Philip, anh thật quá tốt với em.

- Đứng! Em hãy đứng yên đấy - anh vội vàng nói và đưa hai tay ra ngăn lại như đẩy nàng ra.

Anh không hiểu vì sao như vậy, nhưng nghĩ đến nàng chạm vào người anh là anh không chịu nổi.

- Anh chỉ muốn là bạn của em thôi, không hơn!

- Anh tốt với em - nàng nhắc lại - anh thật tốt với em.

- Như thế có nghĩa là em sẽ đến phải không?

- Ồ, vâng, em sẽ làm bất cứ việc gì để thoát khỏi cảnh này, anh Philip, anh sẽ không phải hối tiếc điều anh làm đâu, không bao giờ. Khi nào thì em có thể dọn đến hả anh?

- Ngày mai em đến là tốt nhất.

Bỗng nàng lại òa lên khóc nức nở.

- Bây giờ em còn khóc nữa làm quái gì? Anh mỉm cười.

- Em rất biết ơn anh, em không biết làm thế nào để có bao giờ đền đáp được cho anh.

- Ồ, không có gì đâu. Tốt hơn hết là bây giờ em đi về đi.

- Anh ghi địa chỉ và dặn nếu nàng đến vào lúc năm giờ rưỡi thì anh sẽ có mặt để giúp nàng.

Trời đã quá khuya, nên anh phải đi bộ về nhà. Đường đi lúc này dường như không xa bởi vì lòng anh mê mải sung sướng. Anh cảm thấy người lâng lâng như đang bay trên không.

Hôm sau Philip dậy sớm chuẩn bị phòng cho Mildred ở. Chàng cho bà giúp việc nghỉ hẳn. Khoảng 6 giờ thì Mildred đến. Philip đứng ngóng trên cửa sổ, bước xuống giúp ả khuân vác hành lý và đưa ả vào nhà; hành lý của ả hiện còn không quá ba gói to bọc trong giấy nâu vì ả đã phải bán mọi thứ không cần thiết. ả vẫn mặc cái áo lụa dài đen đã mặc tối hôm qua, lúc này má ả không đánh phấn hồng, nhưng mắt ả vẫn còn vệt đen vì hồi sáng vừa rửa mặt qua loa, cho nên nom ả rất ốm yếu. Lúc ả xuống xe ầm đưa bé trên tay, trông thật thảm thương. ả có vẻ hơi ngượng nên ngoài những chuyện chung chung, họ không còn chuyện gì để nói với nhau.

- Thế là cô đã đến đây bình yên vô sự.

- Trước đây em chưa bao giờ ở khu vực này của Luân Đôn.

Philip chỉ căn phòng cho ả. Chính trong căn phòng này Cronshaw đã từ trần. Dù cho là vô lý, Philip không bao giờ muốn nghĩ đến việc trở lại căn phòng này khi Cronshaw qua đời, chàng vẫn ngủ trên chiếc giường xếp, vẫn ở cái buồng nhỏ bé mà chàng đã dọn sang để cho bạn được thoải mái.

Đứa bé đang ngủ yên.

- Em chắc anh không nhận ra cháu - Mildred nói.

- Từ ngày chúng ta đưa cháu về Brighton, tôi không được gặp cháu.

- Em đặt cháu xuống đây? Cháu nặng lắm em không thể bế lâu quá.

- Tôi rất lấy làm tiếc chưa mua cái nôi - Philip mỉm cười bối rối.

- Ồ, cháu sẽ ngủ với em. Cháu thường như thế mà.

Mildred đặt đứa bé vào chiếc ghế bành và nhìn quanh phòng. Ắ nhận ra phần nhiều là đồ đạc ả từng biết trong phòng thuê ngày xưa của chàng. Chỉ có một vật mới, đó là bức tranh chân dung Philip, do Lawson vẽ hồi cuối mùa hè năm ngoái, treo trên lò sưởi; Mildred nhìn bức tranh và phê phán.

- Bức tranh này có phần em thích, có phần em không thích. Em cho rằng anh trông khá hơn thế.

- Tình hình ngày một sáng sủa hơn đấy - Philip cười - Trước kia, chưa bao giờ cô bảo rằng tôi đẹp trai cả.

- Bản thân em không phải là người lo nghĩ đến bên ngoài của đàn ông. Em không thích những người đẹp trai. Em cho là bọn họ quá tự phụ.

Mắt ả đảo quanh phòng theo bản năng, để tìm gương soi, nhưng không có; ả đưa tay lên vuốt nhẹ mái tóc cắt ngang trán.

- Em ở đây thì người khác trong nhà sẽ nói gì? Ắ bỗng hỏi.

- Ồ, chỉ có một người đàn ông và vợ ông ấy ở đây. Ông ta cả ngày đi vắng, còn bà ta thì tôi chẳng gặp, trừ ngày thứ bảy, để trả tiền thuê nhà. Họ tránh gặp bất cứ ai. Từ khi đến đây, tôi chưa nói được vài lời với ông chồng lẫn bà vợ.

Mildred bước sang phòng ngủ, tháo đồ đạc ra sắp đặt lại... Philip cố đọc sách nhưng chẳng có vui vẻ phấn chấn; chàng tựa lưng vào ghế, hút một điếu thuốc, mỉm cười nhìn đứa bé đang ngủ. Chàng cảm thấy sung sướng. Chàng hoàn toàn tin chắc rằng chàng không yêu Mildred một chút nào.

Chàng lấy làm lạ rằng những cảm xúc ngày xưa giờ đây hoàn toàn nguội lạnh; chàng thấy mình kinh tởm con người ả, nếu chàng chạm vào ả, chắc chàng sẽ sờn gai ốc. Chàng không hiểu được chính mình. Ngay sau đó, ả gõ cửa, bước vào.

- Này, cô không cần phải gõ cửa - Chàng bảo - Cô đã đi một vòng quanh khu nhà chưa?

- Từ trước tới giờ, em chưa từng thấy một cái nhà bếp nào nhỏ như thế này.

- Cô sẽ thấy nó đủ to để nấu các món ăn sang trọng của chúng ta - Chàng trả miếng nhẹ nhàng.

- Em thấy ở đó không còn gì. Có lẽ em nên ra phố mua một vài thứ.

- Được, nhưng tôi cũng xin nhắc cô rằng chúng ta phải hết sức tiết kiệm đấy.

- Em mua cái gì để ăn tối đây?

- Tốt hơn là cô mua cái gì cô có thể nấu nướng được - Philip cười đáp.

Chàng đưa cho ả ít tiền và ả đi ra phố. Nửa giờ sau ả trở về, đặt các thứ mua được lên bàn. Lên được hết cầu thang ả thở hổn hển.

- Này, cô bị thiếu máu đấy - Philip nói - Tôi sẽ cho cô mấy viên Blaud.

- Em phải mất thời giờ đi tìm các cửa hàng. Em mua một ít gan. Món này ngon phải không? Không thể ăn được nhiều, như thế thì tiết kiệm hơn là ăn thịt.

Nhà bếp có lò nấu bằng hơi, sau khi đặt món gan lên bếp lửa, Mildred đi vào phòng khách trải khăn bàn.

- Tại sao cô chỉ chuẩn bị cho một chỗ ngồi - Philip hỏi - Cô không ăn à?

Mildred đỏ mặt.

- Em nghĩ rằng có thể anh không muốn em cùng ngồi ăn.

- Sao lại không?

- Em chỉ là đứa ở thôi mà, đúng không?

- Đừng có nói dớ dẩn. Tại sao cô lại có thể ngốc nghếch như vậy? - Chàng mỉm cười nhưng thái độ nhẫn nhục của ả làm cho chàng thấy lòng xót xa lạ lùng. Tội nghiệp cô ả. Chàng nhớ lại con người ả những ngày đầu mới quen biết. Chàng ngập ngừng một lúc.

- Đừng nghĩ rằng tôi ban ơn cô - Chàng nói - Đó chỉ là một cách sắp đặt công việc. Cô lao động thì tôi phải trả tiền cơm tháng và tiền nhà trọ cho cô. Cô không phải chịu ơn tôi cái gì cả. Trong chuyện này chẳng có điều gì nhục cho cô.

Ả không đáp nhưng nước mắt rùng rùng trên má. Kinh nghiệm ở bệnh viện cho chàng biết rằng tầng lớp phụ nữ này thường cho công việc phục vụ là thấy hèn; chàng không thể không thấy khó chịu với ả; nhưng rồi chàng tự trách mình, bởi vì rõ ràng là ả ốm yếu, mệt nhọc, chàng đứng lên giúp ả xếp đặt thêm một chỗ ngồi nữa ở bàn. Bây giờ đứa bé đã thức giấc. Mildred đã chuẩn bị sẵn thức ăn cho con. Món gan và món thịt lợn hong muối xông khói đã sẵn sàng, và họ cùng ngồi vào bàn. Để tiết kiệm, Philip

bỏ rượu và chỉ dùng nước đun sôi để nguội, nhưng trong nhà còn nửa chai Uýt-ki, chàng nghĩ rằng Mildred uống một chút có thể làm cho ả dễ chịu. Chàng cố hết sức làm cho bữa cơm tối vui vẻ; nhưng Mildred mệt lả người. Khi họ ăn xong, ả bế con đặt lên giường.

- Cô cũng nên ngủ sớm cho khỏe người, Philip bảo - Trông cô hoàn toàn kiệt sức rồi đấy.

- Rửa bát đĩa xong em mới đi ngủ.

Philip châm tẩu thuốc và bắt đầu đọc sách. Thật dễ chịu khi nghe tiếng người đi đi lại lại ở phòng bên. Lăm lúc cảnh cô quạnh đẽ nặng tâm hồn chàng. Mildred bước vào dọn dẹp bàn ăn. Nghĩ tới ả mặc áo lụa dài đen đảm đương mọi việc đó, anh thấy ả thật đặc biệt và Philip mỉm cười. Nhưng chàng phải làm việc và chàng mang sách đặt lên bàn. Chàng đọc cuốn “Y học” của Osler; trước kia, trong nhiều năm tác phẩm của Taylo là sách giáo khoa được tin dùng nhất thì nay nhường chỗ cho cuốn sách này gần đây được sinh viên ưa chuộng. Một lúc sau Mildred bước vào hai tay áo thả xuống. Philip ngồi yên lơ đãng liếc nhìn ả, hoàn cảnh thật kỳ lạ khiến chàng hơi bồn chồn lo lắng. Chàng sợ Mildred có thể tưởng chàng sắp quấy rầy ả và chàng hoàn toàn không biết làm thế nào để ả yên tâm. Mà chàng lại không thể tỏ ra phũ phàng.

- À, này, chín giờ tôi phải lên lớp nghe giảng, vì thế tôi cần ăn sáng vào lúc tám giờ mười lăm. Cô có thể thu xếp được không?

- Ồ, được. Có gì đâu. Khi em còn ở phố Nghị viện sáng nào em cũng thường đi chuyến xe lửa tám giờ mười hai phút khởi hành từ Herne Hill.

- Tôi hy vọng cô sẽ thấy căn phòng ấm cúng và sau một đêm dài nghỉ ngơi, ngày mai cô sẽ là một người khác.

- Anh sẽ làm việc cho đến khuya ư?

- Tôi thường làm việc đến mười một giờ hay mười một giờ rưỡi.

- Vậy thì em chúc anh ngủ ngon.

- Chúc cô ngủ ngon

Hai người đứng hai bên bàn. Chàng không bắt tay ả, ả nhẹ nhàng đóng cửa. Chàng nghe ả đi đi lại lại trong buồng ngủ, rồi một lúc sau chàng nghe tiếng cọt két khi ả lên giường nằm.

Hôm sau là ngày thứ ba. Như thường lệ, Philip ăn vội bữa điểm tâm rồi phóng nhanh đi nghe giảng bài lúc chín giờ. Chàng chỉ còn trao đổi mấy lời với Mildred. Đến tối về chàng thấy ở ngòai cạnh cửa sổ mạng bít tất cho chàng.

- Này, cô siêng năng quá đấy - Chàng mỉm cười - Cả ngày cô loay hoay những việc gì?

- Ồ, em quét dọn nhà cửa, sau đó đưa cháu ra ngoài chơi.

Ả mặc chiếc áo dài đen đã cũ, vẫn cái áo kiểu đồng phục mà ả đã mặc hồi còn phục vụ ở cửa hàng trà; áo đã sờn rách, nhưng ả vẫn mặc và trông khá hơn là khi ả mặc áo lụa đen hôm trước. Đứa bé đang ngồi trên sàn nhà, nó giương đôi mắt to nhìn lên Philip, cái nhìn khó hiểu, và cười khanh khách khi chàng ngồi xuống cạnh, bắt đầu đùa nghịch với những ngón chân trần của nó.

Nắng chiều dịu dịu lan đầy phòng, bước chân về nhà mà nhìn thấy một ai đó thì thật là thú vị. Một người đàn bà và một trẻ thơ trang trí rất đẹp cho một căn phòng.

Chàng đã đến phòng khám và phát thuốc cho bệnh viện, mua được một lọ thuốc viên Bland. Chàng đưa cho Mildred và bảo ả nên uống sau bữa ăn. Đó là loại thuốc ả quen dùng xưa nay từ hồi ả mới mười sáu tuổi.

- Tôi chắc Lawson thích nước da xanh xao kia của cô - Philip nói - Anh ta bảo nước da ấy rất thềm vẽ, nhưng bây giờ thì tôi rất thực tế, tôi chỉ vui sướng khi nào cô trở nên hồng hào trắng trẻo như một cô gái vắt sữa.

- Em đã cảm thấy khỏe hơn rồi.

Sau bữa cơm tối thanh đạm, Philip nhét đầy thuốc lá vào túi đựng thuốc và đội mũ. Thường vào những ngày thứ ba hàng tuần, chàng vẫn đến quán rượu phố Beak; sau khi Mildred đến ở, chàng muốn quan hệ với ả rõ ràng minh bạch, nên chàng thấy vui mừng ngày này tới sớm như vậy.

- Anh đi ra ngoài sao? - ả hỏi.

- Vâng, những ngày thứ ba, tôi cho phép nghỉ một đêm. Mai tôi gặp lại cô. Chúc cô ngủ ngon.

Philip đến quán bao giờ cũng ở trong tâm trạng thích thú. Macalister, một người mua bán chứng khoán hay triết lý cũng thường đến đó và vui vẻ tranh luận về mọi thứ chuyện trên đời. Khi còn ở Luân Đôn, Hayward vẫn lui tới đều đặn dù anh ta và Macalister không ưa nhau, nhưng do thói quen, tuần nào họ cũng gặp nhau vào một tối như vậy. Macalister cho Hayward là một kẻ đáng thương, y xem thường tình cảm yếu đuối của anh ta, hỏi về tác phẩm văn học của Hayward bằng một giọng châm biếm và với nụ cười đầy khinh miệt, y tiếp nhận những ý kiến mơ hồ của anh ta về những tác phẩm tương lai; họ thường tranh luận sôi nổi; nhưng rượu “pân” thì ngon mà cả hai người đều ưa thích; nói chung như những người bạn tuyệt diệu. Tối hôm ấy, Philip thấy cả hai người ở đó, có cả Lawson. Lawson ít lui tới đây hơn, anh ta đã bắt đầu làm quen với người Luân Đôn nên đi hiệu ăn cơm luôn. Tất cả bọn họ quan hệ rất tốt với nhau, bởi vì Macalister đem lại cho họ một công việc có lợi về Sở giao dịch chứng khoán Luân Đôn, Hayward và Lawson mỗi người vừa mới kiếm được năm chục bảng. Đó là một việc lớn lao đối với Lawson là con người vốn hay phung phí mà lại kiếm được ít tiền. Anh đạt tới giai đoạn này của nghề họa chân dung từ khi các nhà phê bình rất chú ý và có một số phụ nữ quý tộc tự nguyện làm mẫu không lấy

tiền công để anh họa chân dung họ. Hai bên đều hiểu chuyện này, và quý bà cao thượng nọ lấy đó để lên mặt là những quý phụ nữ bảo trợ nghệ thuật, nhưng rất hiếm khi anh gặp được một kẻ vô học chính hiệu lại sẵn sàng trả tiền hậu hĩnh cho một bức chân dung của vợ họ. Lawson tràn đầy thỏa mãn.

- Đó là cách kiếm tiền tuyệt hay từ trước đến giờ tôi chưa bao giờ nghĩ ra được - Anh kêu lên - Tôi chẳng phải móc túi mình lấy ra đến sáu xu.

- Nay anh bạn, từ hôm thứ ba vừa rồi, anh không có mặt ở đây thế là anh đã bỏ lỡ dịp may - Macalister nói với Philip.

- Trời ơi, sao anh không viết thư cho tôi? - Philip nói - Giá mà anh biết được lúc này một trăm bảng có ích cho tôi biết chừng nào.

-Ồ, đâu có thì giờ làm việc ấy. Phải có mặt tại chỗ mới được. Thứ ba vừa rồi, tôi nhận được tin một món có lợi, thế là tôi hỏi mấy cha này có muốn đầu cơ vật không, rồi sáng thứ tư tôi mua cho họ một nghìn cổ phần, đến chiều thì giá tăng lên, tôi bán ngay. Mỗi tương được năm chục bảng và riêng tôi vớ được vài trăm.

Philip thấy thèm đến đứt ruột. Chàng vừa phải bán vắn tự cầm cố cái gia sản nhỏ bé mà chàng đã đầu tư vào đó và nay chỉ còn có sáu trăm bảng. Lắm lúc nghĩ đến tương lai chàng hoang mang sợ hãi. Trước khi tốt nghiệp chàng vẫn có thể tự nuôi thân trong hai năm, hơn nữa chàng có ý định tìm cách được bổ nhiệm vào làm công việc tại bệnh viện, như vậy, ít nhất là trong ba năm, chàng không trông mong kiếm được gì. Cho dù có tiết kiệm hết mức chàng cũng còn không được hơn một trăm bảng. Số tiền này thật quá ít ỏi để tồn tại trong trường hợp bị đau ốm hoặc bị thất nghiệp không kiếm ra tiền bạc để nuôi thân. Một canh bạc may sẽ thay đổi được tình cảnh của chàng.

- Ồ thôi được, điều đó không quan trọng, Macalister nói - chẳng bao lâu nữa sẽ có dịp thôi mà. Một ngày gần đây, Nam Phi sẽ lại có chuyện giá cả tăng vọt, lúc ấy tôi sẽ xem có thể làm gì được cho cậu.

Macalister làm ăn ở thị trường Kaffir; y thường kể cho họ nghe những chuyện nhờ giá cả tăng vọt mà có những vụ giàu có bất ngờ trong một hoặc hai năm về trước.

- Thôi, lần sau đừng có quên nhé!

Họ lại ngồi chuyện trò đến gần nửa đêm; Philip ở xa hơn hết, là người về đầu tiên. Nếu không kịp chuyển tàu cuối cùng, thì phải đi bộ và như vậy phải về rất muộn. Và cũng vì thế nên đến mười hai giờ rưỡi khuya chàng mới về đến nhà. Bước lên thang gác, chàng lấy làm ngạc nhiên thấy Mildred vẫn còn ngồi trong chiếc ghế bành của chàng.

- Thế quái nào mà cô chưa đi ngủ? - Chàng kêu lên.

- Em không buồn ngủ.

- Dù sao cô cũng phải đi ngủ. Ngủ được cho đỡ mệt.

Ả ngồi yên. Từ lúc ăn tối, chàng để ý thấy ả đã thay áo dài lụa đen.

- Em nghĩ rằng em nên ngồi đợi anh để xem nhờ anh có cần gì.

Ả nhìn chàng và một nụ cười thoáng hiện trên cặp môi mỏng tái nhợt. Philip không chắc mình có hiểu không. Chàng có phần lúng túng làm ra bộ thực sự vui vẻ.

- Cô chu đáo quá, nhưng như thế cũng rất sai. Đi ngủ nhanh lên, nếu không sáng mai cô không dậy sớm được.

- Em thấy không buồn ngủ.

- Ngó ngấn - Chàng lạnh lùng nói.

À đứng lên đi về phòng mình, mặt có vẻ giận. Nghe ả khóa cửa ầm ỹ chàng mỉm cười.

Những ngày tiếp theo không có chuyện gì xảy ra. Mildred đã ổn định trong môi trường mới. Ăn điểm tâm xong, khi Philip vội vã đi làm thì cả buổi sáng, ả đảm đương công việc nội trợ. Họ ăn uống rất đơn giản, nhưng ả thích bỏ ra nhiều thì giờ để mua bán một vài thứ cần thiết. ả không muốn phiền phức nấu nướng bữa trưa, nên chỉ uống một cốc ca cao và ăn bánh mì với bơ; sau đó, ả đẩy xe đưa con đi chơi rồi trở về nhà ngồi không suốt cả buổi chiều. ả luôn mệt mỏi nên không phải làm nhiều, như vậy rất hợp với ả. Philip giao phó cho Mildred trả tiền thuê nhà cho bà chủ mặt mày góm ghiếc mà ả đã kết bạn, và chỉ trong một tuần lễ ả có thể kể cho chàng nghe chuyện hàng xóm láng giềng nhiều hơn điều chàng đã nghe được trong một năm.

- Bà ta rất tử tế - Mildred nói - Đúng là một bà chủ quý phái. Em nói với bà ta chúng mình đã cưới nhau.

- Cô có thấy cần phải nói thế không?

- Thì cũng phải nói với bà ta một cái gì chứ. Em ở đây mà lại không phải là vợ anh thì buồn cười quá. Em không hiểu bà ta sẽ nghĩ về em thế nào.

- Tôi cho rằng bà ấy chẳng bao giờ tin cô đâu.

- Thế mà bà ta tin em đấy, em cuộc với anh nào. Em nói với bà ta là chúng mình lấy nhau đã hai năm nay. Anh biết không, mẹ phải nói như vậy, vì có đứa bé. Chỉ có điều là gia đình anh không đồng ý, vì anh chỉ là một sinh viên - ả phát âm thành sinh viên - vì thế chúng mình phải giữ kín chuyện này. Nhưng bây giờ thì gia đình đã nhượng bộ nên chúng mình sẽ về ở với gia đình trong dịp hè này.

- Cô bịa chuyện vào bậc thầy - Philip nói. Chàng cảm thấy Mildred vẫn còn thích những chuyện dối trá. Trong hai năm vừa qua, ả chẳng học được gì. Nhưng chàng nhún vai.

“Xét cho cùng cô ấy chẳng may mắn lắm” - Chàng ngẫm nghĩ.

Đêm ấy là một đêm ấm áp, đẹp trời không một gợn mây. Dân Luân Đôn như đổ ra hết ngoài đường. Lắm lúc thời tiết thay đổi làm cho người ta thao thức không ngủ và thôi thúc họ ra ngoài trời. Sau khi thu dọn bữa ăn tối, Mildred đến đứng bên cửa sổ. Tiếng huyền náo của kẻ qua người lại, tiếng í ới gọi nhau, tiếng đàn thùng từ xa vọng lại, tất cả những âm thanh đó dội lên tận phòng.

- Anh Philip, tối nay anh có phải làm việc không? Ắ hỏi chàng với vẻ thèm muốn khao khát.

- Tôi phải làm việc, nhưng tôi không biết là có nên không? Sao, cô muốn tôi làm việc gì khác ư?

- Em muốn ra ngoài một tí. Chúng mình đi chơi bằng xe điện hạng nhất được chứ?

- Nếu cô muốn.

- Để em đi lấy mũ đã. - Á mừng rỡ nói.

Một đêm như thế, gần như không ai có thể cứ ru rú ở trong nhà. Mildred bảo để mặc đứa bé đang nằm ngủ cũng chẳng sao; ban đêm, khi đi đâu ả thường bỏ con ở nhà một mình, mà nó chẳng hề thức giấc. Á trở ra, phấn khởi với chiếc mũ trên đầu, ả tranh thủ dịp này để thoa một ít phấn hồng. Philip nghĩ rằng tình trạng phấn khích làm cho hai má tái nhợt của ả ửng đỏ; niềm vui trẻ con của ả làm chàng cảm động. Chàng tự trách mình đã khắt khe với ả. Á cười vui vẻ khi bước ra ngoài giữa bầu không khí thoáng đãng. Hai người lên chuyến tàu điện đầu tiên đi tới Westminster Bridge. Philip ngậm tẩu thuốc. Họ ngắm nhìn đường phố đông nghẹt những người. Các cửa hiệu đều mở cửa, đèn đuốc sáng choang vui nhộn, thiên hạ đang mua sắm đồ đạc cho ngày mai. Khi đi qua nhà hát ca múa nhạc Canterbury, Mildred kêu lên:

- Ô, anh Philip, ta vào đi, đã nhiều tháng nay em chưa đi xem nhạc.

- Cô biết đấy, chúng ta không đủ khả năng lấy vé hạng nhất đâu.

- Ô, không sao, ngồi ở chuồng gà em cũng sung sướng lắm rồi.

Họ xuống xe, đi lộn lại khoảng một trăm thước đến cửa nhà hát. Họ mua được vé tốt, sáu xu một vé, ngồi ở chỗ cao nhưng không phải chuồng gà. Và vì hôm nay rất đẹp trời, nên còn thừa nhiều chỗ. Mắt Mildred long lanh, ả sung sướng hết mình. Sự hồn nhiên của ả làm cho Philip cảm động. Á là một vấn đề khó xử đối với chàng. Ở ả vẫn còn một số điểm chàng ưa thích và chàng cho rằng ả có nhiều điểm rất tốt, nhưng đã được nuôi dưỡng tồi tệ, cuộc đời ả vất vả; chàng đã trách mắng ả nhiều đến nỗi ả không chịu được; nếu chàng đòi hỏi ả có những đức tính mà ả không thể có được thì đó là lỗi của chính chàng. Ở vào hoàn cảnh khác có thể ả đã là một cô gái duyên

dáng. Con người của ả không sao có thể thích ứng được với một cuộc sống phải đấu tranh để tồn tại. Lúc này, nhìn nghiêng miệng hé mở, với một thoáng ửng hồng trên gò má trông ả có vẻ trinh bạch lạ thường. Nỗi niềm trắc ẩn bỗng tràn ngập lòng chàng, và từ trong thâm tâm chàng tha thứ cho ả đã làm cho chàng đau khổ. Mắt chàng cay xè vì không khí ngột ngạt khói thuốc, nhưng khi chàng ngó ý muốn về thì ả quay sang với vẻ mặt cầu khẩn đề nghị ở lại xem cho hết buổi. Chàng mỉm cười đồng ý. ả nắm lấy tay chàng cho đến lúc kết thúc đêm trình diễn. Khi cùng đám khán giả ùa ra ngoài đường đông nghẹt những người, ả không muốn về nhà. Hai người thủng thẳng đi lên phía Wesmingser Bride Road ngắm nhìn dòng người.

- Từ bao tháng nay, em không hưởng một thời gian vui thích như thế này
- ả nói.

Philip vô cùng xúc động, chàng cảm ơn định mệnh, nhờ cơn bốc đồng đột ngột, chàng đã dắt mẹ con Mildred về nhà mình. Thật là dễ chịu thấy ả vui sướng hàm ơn.

Cuối cùng ả thắm mệt và hai người lên tàu điện trở về nhà. Lúc này trời đã khuya, khi họ xuống xe rẽ vào phố của mình thì đường không còn một bóng người, Mildred luồn tay khoác tay chàng.

- Thật giống như ngày xưa, anh Philip nhỉ - ả nói.

Trước kia, ả chưa bao giờ gọi thẳng chàng là anh Philip như Griffiths vẫn gọi chàng và thậm chí trong giây phút này cách xưng hô ấy cũng đâm nhói lòng chàng. Chàng nhớ lại thuở ấy chàng chỉ muốn chết đi cho xong. Cơn đau đớn đến nỗi chàng rất nghiêm chỉnh tính đến chuyện tự sát. Hết thấy những chuyện đó dường như đã từ một thời xa xôi lắm. Chàng mỉm cười về con người mình thời đã qua. Giờ đây đối với Mildred chàng không còn cảm

thấy gì ngoài một sự thương hai vô bờ bến. Hai người đã về đến nhà và khi họ vào phòng khách, Philip châm đèn.

- Cháu bé thế nào? - Philip hỏi.

- Em vào xem ngay đây.

À quay ra nói rằng con bé không hề cựa quậy từ lúc mẹ đặt nằm. Thật là một đứa trẻ tuyệt vời. Philip chìa tay ra.

- Thôi nhé, chúc cô ngủ ngon.

- Anh đã muốn đi ngủ rồi ư?

- Đã gần một giờ rồi. Dạo này tôi không quen thức khuya - Philip đáp.

À nắm tay chàng rồi nhìn thẳng vào mắt chàng mỉm cười.

- Anh Philip này, tối hôm nọ tại căn phòng này khi anh yêu cầu em đến đây, lúc nào anh bảo rằng anh không muốn em phải làm điều gì cho anh trừ công việc nấu nướng và những việc tương tự, em chẳng tin vào điều anh nghĩ đâu.

- Đúng thế mà - Philip rút tay lại đáp. - Tôi không muốn gì hơn.

- Đừng có ngớ ngẩn như thế - À cười nói.

Chàng lắc đầu.

- Tôi nói điều đó hoàn toàn nghiêm chỉnh. Tôi sẽ không bảo cô ở đây với bất kỳ điều kiện nào khác.

- Tại sao không?

- Tôi cảm thấy là không thể được. Tôi không giải thích nổi, nhưng nếu không thể thì mọi sự sẽ hỏng hết.

Ả nhún vai.

- Ồ được, anh muốn làm gì tùy thích, tôi chẳng phải là kẻ đi quy lụy van xin vì chuyện đó.

Rồi ả đi ra, đóng sầm cánh cửa sau lưng mình.

Sáng hôm sau, Mildred lằm lỳ, mặt mày sùng sĩa. Ắ ở trong phòng cho đến lúc chuẩn bị cơm trưa, ắ nấu nướng kém, chẳng biết gì hơn ngoài món sườn cừu và thịt bò rán. Ắ không biết làm thế nào tận dụng những đầu thừa đuôi thẹo, vì vậy Philip buộc phải chi tiêu nhiều hơn là chàng mong muốn. Khi ắ dọn ăn, ắ ngồi đối diện với Philip, nhưng không ăn gì. Chàng hỏi lý do thì ắ bảo là ắ đau đầu quá nên không thấy đói. Chàng vui mừng là đã có chỗ để sử dụng thì giờ còn lại trong ngày; gia đình nhà Athelny niềm nở và thân mật, thật là một niềm vui bất ngờ khi chàng nhận thấy mọi người trong nhà hoàn toàn mong chờ chàng đến thăm. Khi chàng trở về thì Mildred đã đi nằm, hôm sau ắ vẫn im lặng. Trong bữa ăn tối, ắ ngồi nhú mày, vẻ mặt kiêu kỳ. Philip khó chịu, nhưng chàng tự nhủ phải tỏ ra ân cần với ắ, phải biết dung thứ.

- Cô nói ít quá - Chàng tươi cười bảo.

- Em được thuê để nấu nướng quét dọn, em chẳng nghĩ rằng chuyện trò cũng là công việc của em.

Chàng cho câu trả lời đó thiếu lịch sự, nhưng nếu họ định sống chung với nhau thì chàng phải cố gắng hết sức làm sao cho mọi việc được ổn thỏa.

- Tôi ngại cô giận tôi về chuyện tối hôm nọ - Chàng nói - Đề cập đến chuyện này thật bất tiện, khó nói, nhưng rõ ràng là cần phải bàn cãi.

- Em không hiểu anh định nói gì? - Ắ đáp.

- Cô đừng giận tôi, tôi đã chẳng bao giờ yêu cầu cô đến ở đây đâu, nếu như không tôi muốn quan hệ giữa chúng ta là tình bạn. Tôi đã đề nghị như

vậy vì nghĩ rằng cô cần một chỗ ở và do đó sẽ có cơ hội tìm kiếm việc làm.

- Ô, em chẳng thiết gì đâu, anh đừng nghĩ thế.

- Tôi chẳng bao giờ nghĩ như vậy - Chàng vội vàng nói - Cô không nên cho tôi là vô ơn bạc nghĩa. Tôi hiểu rằng cô đề nghị như thế chỉ là vì tôi. Đây chỉ là một cảm nghĩ bất chợt mà tôi không ghìem nổi nó, có thể làm cho mọi sự trở thành xấu xa khó chịu.

- Anh buồn cười thật - Á nói, mắt lạ lùng nhìn chàng - Em không hiểu nổi anh.

Bây giờ thì á không giận chàng, nhưng á bối rối, á không hình dung được chàng muốn gì, nhưng á phải chấp nhận tình thế; quả thật á có cảm giác mơ hồ là chàng xử sự hết sức cao thượng khiến á phải khâm phục, song lòng á cũng sẵn sàng giễu cợt, và thậm chí có phần còn khinh chàng nữa.

- Anh chàng này thật kỳ quặc - á nghĩ thầm.

Cuộc sống của họ cứ thế lạng lẽ trôi. Philip cả ngày ở bệnh viện, buổi tối làm việc ở nhà, trừ những lúc đến gia đình Athelny hay tới quán rượu phố Beak. Có lần vị bác sĩ mà chàng làm phụ tá mời chàng đến dự một bữa tiệc long trọng và vài ba lần chàng dự những buổi liên hoan của các bạn sinh viên tổ chức. Mildred chấp nhận cuộc sống buồn tẻ của mình, nếu như á có khó chịu vì một vài tối Philip đã bỏ á ở nhà một mình, thì á cũng không bao giờ đề cập đến. Thỉnh thoảng chàng đưa á đi xem vũ kịch. Chàng thực hiện ý định của mình, quan hệ duy nhất giữa hai người là một sự đối lập, á đảm đương công việc nội trợ, chàng lo cho á ăn và ở. Á cũng khẳng định rằng tìm việc làm trong mùa hè này là vô ích và đồng ý với Philip sẽ dứt khoát ở lại đây cho đến mùa thu. Á nghĩ rằng đến lúc ấy kiếm việc mới dễ dàng.

- Về phía tôi thì khi nào kiếm được việc làm, nếu thấy tiện, cô có thể vẫn ở đây. Phòng ở đã có kia và bà giúp việc cho tôi trước đây có thể đến trông nom cháu bé.

Càng ngày chàng càng quyến luyến đứa con của Mildred. Chàng vốn là con người âu yếm nhưng ít khi có cơ hội biểu lộ. Mildred không phải là không tử tế với đứa con gái bé bỏng. ả chăm sóc nó rất cẩn thận, một lần, con bé bị cảm lạnh nặng, ả đã chứng tỏ là một người nuôi trẻ tận tụy; nhưng con bé hay quấy mẹ và mỗi khi nó làm phiền là ả nói cay nghiệt. ả quý con nhưng không có tình thương yêu nồng nàn có thể quên mình của người mẹ. Mildred không biểu lộ tình cảm, ả cho đó là chuyện lỗ bịch. Khi Philip ngồi để đứa bé trên đầu gối, đùa nghịch với nó, thì ả cười nhạo chàng.

- Nếu anh là cha đẻ nó, chắc anh cũng không thể rối rít hơn. Sao anh có thể lại mền con bé thế không biết?

Philip đỏ mặt, chàng không thích bị chế nhạo. Hết lòng vì con cái của kẻ khác như thế thật vô lý, và chàng cảm thấy thèn thẹn đã biểu hiện lộ liễu đến thế. Nhưng con bé đã hiểu được tình cảm quyến luyến của Philip nên thường áp mặt vào má chàng hoặc nép mình vào lòng chàng.

- Đối với anh thì quả là dễ chịu thật đấy - Mildred nói - Anh có bị phiền nhiễu gì đâu, nhưng đến nửa đêm, anh phải thức cả tiếng đồng hồ vì “bà hoàng này” chưa chịu đi ngủ, liệu anh có còn mê mẩn nó nữa hay không?

Philip nhớ lại đủ mọi trò chơi từ những ngày thơ ấu mà chàng tưởng chừng đã quên mất từ lâu. Chàng duỗi hai chân con bé đặt cạnh chân mình:

- Nu na nu nống, cái bống nằm trong, cái ong nằm ngoài...

Buổi tối trở về, bước chân vào tới phòng khách, việc đầu tiên là chàng nhìn đứa trẻ bò lồm ngồm trên sàn nhà; nghe tiếng trẻ con bi bô mừng rỡ khi thấy chàng, lòng chàng rộn lên vì vui sướng. Mildred dạy con gọi chàng bằng bố, và khi đứa trẻ bỗng gọi chàng như vậy lần đầu, ả cười ngất:

- Anh thích con bé vì nó là con em phải không? Nếu nó là con người khác thì liệu anh có thích như vậy không?

- Tôi chưa bao giờ biết con của ai khác nên tôi không thể trả lời. - Philip đáp.

Vào cuối học kỳ thứ hai thực tập làm thư ký ở phòng bệnh nhân nội trú, Philip gặp may. Lúc bấy giờ là giữa tháng bảy vào một buổi tối thứ ba, chàng đến quán rượu bố Beak, không tìm thấy ai chỉ gặp có Macalister. Họ ngồi tán gẫu về các bạn vắng mặt. Một lúc sau, Macalister bảo chàng:

- Ô, này, hôm nay tớ nghe được một câu chuyện khá tốt lành. New-Kleinfontein là một mỏ vàng ở Rhodesie. Nếu cậu muốn cậu có thể kiếm chác được chút ít đấy.

Từ bao lâu nay Philip vẫn khắc khoải chờ đợi một cơ hội như vậy, nhưng tới nay, khi nó đến thì chàng lại do dự. Chàng lo sợ ghê gớm bị mất tiền. Chàng ít có tinh thần của một kẻ cơ hội.

- Tôi thích lắm, nhưng không biết tôi có dám liều hay không. Mọi việc mà hỏng thì liệu tôi có phải thua thiệt khoảng bao nhiêu?

- Nhẽ ra tới không nói chuyện này với cậu đâu, có điều tớ thấy cậu có vẻ quá ham thích. - Macalister hờ hững trả lời.

Philip cảm thấy Macalister coi mình là một kẻ hơi ngu đần.

- Tôi rất thèm kiếm chác được một ít.

- Cậu không thể kiếm ra tiền nếu không chuẩn bị tư tưởng liều mất tiền.

Macalister bắt đầu nói sang chuyện khác và trong lúc trả lời hẳn. Philip vẫn tiếp tục nghĩ rằng nếu chuyến mạo hiểm này thành công thì lần sau gặp nhau, gã mua bán cổ phần chứng khoán này sẽ chế nhạo chàng. Giọng lưỡi Macalister vẫn cay độc.

- Nếu anh đồng ý thì tôi sẽ thử một keo - Philip bắn khoả nói.

- Được rồi, tớ sẽ mua cho cậu hai trăm chục cổ phần, nếu tớ thấy tăng lên nửa cua-ron, tớ sẽ bán ngay.

Philip nhanh chóng tính xem số lãi đó sẽ lên tới bao nhiêu và chàng thèm rõ dãi, ba chục bảng sẽ là của trời cho lúc này, và chàng nghĩ rằng thần định mệnh nợ chàng việc này. Trong bữa ăn sáng hôm sau, khi gặp Mildred chàng cho ả biết chàng đã làm gì, ả cho là chàng rất khờ khạo.

- Em chưa bao giờ biết ai kiếm ra tiền tại Sở giao dịch chứng khoán Luân Đôn - ả nói. Em thường bảo người ta không thể trông mong làm giàu ở đó.

Trên đường về, Philip mua một tờ báo buổi chiều lật ngay xem những cột đăng tải tin tức về tiền tệ. Chàng không hiểu gì về vấn đề này và phải khó khăn lắm chàng mới tìm ra một cổ phần tăng lên một phần tư. Tim chàng đập mạnh, chàng sợ Macalister quên hay vì một lý do nào đó đã không mua. Macalister đã hứa đánh điện. Philip không thể chờ tàu điện về nhà, chàng phải lên xe ngựa. Đó là một sự phung phí hiếm có.

- Có ai điện cho tôi không? - Chàng hỏi khi bước xông xộc vào nhà.

- Không. - Mildred đáp.

Mặt chàng xịu xuống, lòng thất vọng cay đắng, chàng ngồi phịch xuống ghế.

- Vậy thì rốt cuộc thằng cha ấy không mua cổ phần cho mình, thằng cha chết tiệt. - Chàng nói thêm dữ dội. Thời vận ác nghiệt làm sao! Thế mà cả ngày mình đã nghĩ đến phải làm gì với số tiền đó.

- Thế nào, anh đã định làm gì? - Á hỏi.

- Bây giờ nghĩ tới chuyện đó phỏng có ích gì? Ồ, tôi đang cần tiền ghé gớm.

Á cười và đưa bức điện cho chàng.

- Em chỉ đùa tý thôi, em đã mở ra xem rồi.

Chàng giật lấy bức điện từ tay Á. Macalister đã mua cho chàng hai trăm năm mươi cổ phần và bán mỗi cổ phần lãi được nửa cua-ron như y đề nghị. Giấy ủy nhiệm sẽ gửi đến ngày hôm sau. Philip tức giận mất một lúc vì trò đùa độc ác của Mildred, nhưng rồi chàng chỉ nghĩ tới nỗi vui mừng của mình mà thôi.

- Đối với tôi, việc này vô cùng quan trọng. - Chàng kêu lên. Nếu cô thích tôi sẽ tặng cô một cái áo dài mới.

- Em đang rất cần có một cái - Á đáp.

- Cô biết tôi sẽ làm gì không? Đến cuối tháng bảy này tôi phải mổ đấy.

- Sao? Anh không bị ốm đấy chứ? Ắ cắt ngang.

Ắ choáng váng cả người khi nghĩ tới một chứng bệnh mà ả không biết rõ, và ngờ rằng chàng sẽ giải thích căn nguyên cho ả đỡ lúng túng. Chàng đỏ mặt, chàng rất ghét phải đả động đến tật nguyền của mình.

- Không, nhưng người ta nghĩ rằng người ta có thể làm một cái gì đấy cho cái chân của tôi. Trước tôi không có đủ thời gian nhưng bây giờ thì không sao. Công việc thực tập băng bó của tôi không quan trọng lắm. Đáng lẽ sẽ bắt đầu tháng sáu nhưng có thể hoãn đến tháng mười. Tôi chỉ nằm ở viện vài tuần và số ngày hè còn lại chúng ta có thể đi nghỉ ở bãi biển. Như thế sẽ tốt cho cả nhà; cô, cháu bé và tôi.

- Ồ, anh Philip, ta đi Brighton đi, em thích Brighton, ở đấy anh sẽ làm quen với toàn những người thanh lịch.

Philip thoáng nghĩ đến một làng đánh cá nào đó ở Cornwall, nhưng khi ả nói chuyện chàng chợt nghĩ ra là ở đấy Mildred sẽ buồn chết đi mất.

- Đi lâu cũng được miễn là thấy biển. Chàng không hiểu vì sao bỗng nhiên mình lại khát khao biển cả mãnh liệt đến thế. Chàng muốn đắm mình trong biển cả, vui thích nghĩ tới chuyện vùng vẫy trong nước mặn. Chàng là tay bơi lội cừ và không gì làm cho chàng hồ hởi bằng sóng to nơi biển cả.

- Ôi, sẽ thú vị đấy - Chàng kêu lên.

- Sẽ như là tuần trăng mật ấy anh nhỉ! - Ắ nói - Thế anh sẽ cho em bao nhiêu tiền để may áo dài nhỉ?

Phi yêu cầu bác sĩ trợ tá phẫu thuật Jacobs mà chàng giúp việc bằng bó, tiến hành phẫu thuật. Jacobs vui lòng nhận lời, vì đúng lúc ấy ông ta quan tâm với tật bàn chân vẹo bị mọi người coi thường và đang sưu tầm tài liệu cho một tờ báo. Ông cho Philip biết trước là không thể làm cho cái chân này của chàng giống hết chân kia, nhưng có thể làm cho nó tốt hơn nhiều và dù phải luôn đi khập khiễng, chàng vẫn có thể mang được giày trông dễ coi hơn trước. Nhớ lại mình đã từng cầu Chúa là đấng toàn năng lấp biển đời non vì chàng là kẻ có được đức tin, chàng chua chát mỉm cười.

- Tôi không trông chờ vào một phép lạ - Chàng đáp.

- Tôi nghĩ rằng anh để tôi xem có thể làm được gì là một điều khôn ngoan. Anh sẽ thấy trong lúc hành nghề cái chân thọt là điều khá bất lợi. Những người không chuyên môn thường có nhiều thích thú kỳ cục, họ không muốn bác sĩ mang một thứ khuyết tật gì trên người.

Philip vào một căn phòng nhỏ dành riêng cho các con bệnh đặc biệt ở đầu cầu thang, bên ngoài mỗi phòng lớn. Chàng ở lại đó một tháng vì bác sĩ phẫu thuật bắt chàng phải nằm viện cho đến khi chàng có thể đi đứng được; chàng chịu đựng rất giỏi lần mổ xẻ này, nên chàng được hưởng một khoảng thời gian khá thú vị. Lawson và Athelny đến thăm chàng, và một hôm bà Athelny cũng cùng đi với hai con đến thăm; đám sinh viên quen biết thỉnh thoảng tạt vào tán gẫu. Mildred mỗi tuần đến hai lần. Mọi người đều rất ân cần với chàng. Vốn là người thường ngạc nhiên khi thấy có ai đó bận tâm vì mình, Philip rất cảm động và biết ơn. Chàng vui vẻ tận hưởng thời gian nghỉ ngơi không lo lắng gì. Ở đây chàng không cần nghĩ đến tương lai, không cần biết tiền bạc còn đủ hay không và cũng chẳng nghĩ đến chuyện có qua nổi kỳ thi tốt nghiệp hay không. Chàng tha hồ đọc sách báo. Gần

đây chàng không được đọc khuya vì bị Mildred quấy rầy. Khi chàng đang cố tập trung tư tưởng thì ả thốt ra một lời nhận xét băng quơ và nếu không trả lời thì ả không bằng lòng. Mỗi khi chàng ngồi thoải mái đọc sách thì ả sẽ có ngay việc này việc nọ phải nhờ làm, một cái nút chai ả không mở nổi, hoặc một cái đinh ả không đóng nổi.

Họ thu xếp đi Brighton vào tháng tám. Philip muốn thuê phòng có sẵn đồ đạc, nhưng Mildred bảo như thế thì ả sẽ phải đảm đương công việc nội trợ. Đối với ả, đây chỉ là những ngày nghỉ ngơi nên ả muốn một sự đổi thay hoàn toàn.

Philip đồng ý. Tình cờ Mildred biết một nhà thối cơm trọ ở thành phố Kemp; ở đây mỗi tuần họ có thể trả không quá hai mươi lăm silinh một người. ả đã thỏa thuận với Philip là sẽ viết thư đặt phòng trước, nhưng khi chàng trở lại Kensington chàng thấy ả không làm gì cả. Chàng nổi cáu.

- Tôi không nghĩ được rằng cô lại bận việc đến như vậy - Chàng nói.

- Thế đấy, làm sao em nhớ hết mọi việc được. Nếu em quên thì đó không phải lỗi ở em.

Philip khao khát đi biển quá đến nỗi chàng không đợi liên lạc được với bà chủ nhà trọ.

- Chúng ta để hành lý lại nhà ga, rồi đến nhà trọ xem còn phòng không, nếu còn chúng ta sẽ bảo một người phu khuân vác đến mang hành lý về.

- Anh cứ làm theo ý thích - Mildred bướng bỉnh nói.

ả không ưa bị trách mắng nên ả làm cao ngời dửng dưng trong một sự yên lặng ngạo mạn, trong khi anh chuẩn bị mọi việc cho chuyến đi. Dưới

mặt trời thánh tám, căn phòng bé nhỏ nóng nực ngọt ngào và từ con đường xông lên một mùi oi bức nặng nề. Nằm trên giường trong căn phòng nhỏ bé với những bức tường đỏ quét thạch cao, chàng ao ước không khí mát mẻ và sóng bể tung tóe vào ngực chàng. Chàng thấy mình có thể điên nếu phải chờ lại một tối nữa ở Luân Đôn.

Mildred đã trở lại vui vẻ khi nhìn thấy phố xá Brighton tấp nập người đi nghỉ mát, cả hai người đều phấn khởi lúc đến thành phố Kemp. Philip vỗ nhẹ vào má cháu bé.

- Xuống ở đây mấy ngày rồi hai má này sẽ hồng lên cho mà xem - Chàng cười nói.

Họ đến nhà trọ và cho xe ngựa đi về. Một chị đầy tứ quần áo xốc xếch mở cửa. Khi Philip hỏi đã có buồng chưa, chị trả lời để chị còn hỏi. Rồi chị đi tìm bà chủ. Một bà tuổi trung niên béo mập, trông có vẻ thạo việc, bước xuống cầu thang chăm chú liếc nhìn họ với cặp mắt nhà nghề, và hỏi họ yêu cầu chỗ trọ như thế nào.

- Hai buồng riêng, và nếu có thể được chúng tôi cần một giường cũ cho trẻ con trong một buồng đó.

- Tôi e không có loại buồng đó. Tôi có một phòng đôi rộng rãi xinh xắn, và có thể đặt thêm một cái giường cũ.

- Thế thì không ổn rồi - Philip nói.

- Tuần sau tôi có thể xếp cho ông một buồng khác. Vào dịp này, Brighton đông người lắm nên có được thế nào người ta cũng đành chấp nhận mà thôi.

- Anh Philip, nếu chỉ có mấy ngày thôi thì em nghĩ chúng mình có thể thu xếp được - Mildred nói.

- Tôi nghĩ rằng được hai buổi là tiện hơn cả. Bà có thể giới thiệu cho một nơi nào khác có thể nhận người ăn cơm tháng không?

- Được, nhưng tôi không tin rằng còn chỗ hơn tôi.

- Có lẽ xin bà vui lòng ghi cho tôi địa chỉ.

Quán trọ bà chủ béo mập này giới thiệu ở ngay bên cạnh nên họ đi bộ tới đó. Tuy phải tựa vào một chiếc gậy, và người còn hơi yếu, nhưng Philip có thể đi đứng hoàn toàn vững vàng, Mildred thì bế đứa bé. Họ đi im lặng một lúc, sau đó chàng thấy ả khóc, chàng cảm thấy khó chịu nhưng chàng không quan tâm, song ả cố làm cho chàng chú ý.

- Đưa em mượn cái khăn mùi xoa được không? - ả nói giọng đứt quãng thốn thức quay đầu sang chỗ khác.

Chàng đưa khăn cho ả không nói gì. ả lau nước mắt và chàng chưa kịp lên tiếng thì ả nói tiếp:

- Có lẽ em là người mắc bệnh hủi.

- Xin cô đừng có gây chuyện ngoài đường, ngoài phố. - Chàng bảo.

- Cứ nằng nặc đòi phòng riêng như vậy thì thật quá buồn cười. Thiên hạ sẽ nghĩ về chúng mình.

- Nếu thiên hạ hiểu cảnh ngộ của chúng ta thì tôi cho rằng họ sẽ nghĩ rằng chúng ta là những người có phẩm hạnh đáng khen.

Ả liếc mắt nhìn chàng.

- Anh không để lộ việc chúng ta không cưới nhau đấy chứ? Ả nói nhanh.

- Không.

- Vậy thì tại sao anh không muốn sống với em như là chúng mình đã lấy nhau?

- Cô em ạ, tôi không thể giải thích được. Tôi không có ý muốn làm nhục cô đâu. Nhưng không được, chỉ đơn giản thế thôi. Tôi chắc điều đó là ngớ ngẩn và vô lý, nhưng tôi không thể làm khác được. Trước đây, tôi yêu cô tha thiết đến nỗi bây giờ... Chàng bỗng ngừng lại - Nói cho cùng, những chuyện như vậy không thể giải thích được.

- Phải, anh đã từng yêu em ghê thật đấy! - Ả kêu lên.

Nhà trọ họ được giới thiệu tới do một người đàn bà không chồng, lẳng xăng, cặp mắt sắc, nói năng lưu loát, quản lý. Họ có thể thuê một buồng đôi mỗi người hai mươi lăm silinh một tuần và trả thêm năm silinh cho đứa bé, hoặc thuê hai buồng chiếc mỗi tuần trả thêm một bảng nữa.

- Tôi buộc phải tính giá đắt hơn - Bà ta xin lỗi và giải thích - vì nếu như bí quá, tôi có thể kê thêm hai giường ngay trong những phòng đơn.

- Việc đó chẳng làm chúng tôi phá sản được. Mildred, cô nghĩ như thế nào?

- Ồ, em không phản đối. Đối với em, thế nào cũng xong - ả đáp.

Philip cười, phớt lờ câu trả lời hờn dỗi của ả. Bà chủ nhà trọ thu xếp cho người mang vắc hành lý của họ đến, và họ ngồi nghỉ. Philip lấy làm sung sướng gác cái chân ít nhiều còn đau lên trên ghế.

- Em ngồi cùng phòng với anh được không, không phiền gì anh chứ? - Mildred khiêu khích.

- Đừng có cãi nhau Mildred ạ - Chàng nhẹ nhàng bảo.

- Em không biết anh sung túc quá đến mức có thể vứt đi mỗi tuần một bảng.

- Đừng giận tôi. Tôi cam đoan với cô rằng đó là cách duy nhất để chúng ta có thể sống chung với nhau.

- Em cho rằng anh khinh em, có thể thôi.

- Dĩ nhiên là không. Tại sao tôi lại khinh cô?

- Thật không bình thường chút nào!

- Không bình thường à? Nhưng nào cô có yêu tôi đâu, phải thế không?

- Em ấy à? Thế anh xem em là người thế nào?

- Cô không phải như một người đàn bà có thể yêu si mê, cô không phải như vậy.

- Thật nhục nhã quá - Ả kêu lên, mặt mày sừng sĩa.

- Ô, nếu ở vào địa vị cô, tôi sẽ chẳng quan trọng hóa vấn đề làm gì.

Trong nhà trọ có khoảng hơn chục người. Họ ăn uống trong một căn phòng chật hẹp, tắm tối quanh một cái bàn dài. Bà chủ nhà trọ ngồi thái thịt ở đầu bàn. Thức ăn thì dở, bà chủ nói đó là cách nấu nướng của người Pháp, ý bà muốn nói món nước sốt chế biến tồi đã che giấu chất lượng kém cỏi của nguyên liệu: cá chim giả thành thịt cừu tơ. Nhà bếp thì nhỏ bé, thiếu tiện nghi, nên món nào cũng chỉ âm ỉm. Khách trọ đàn độn nhưng kiêu căng; các bà già với mấy cô gái luống tuổi ế chồng; vài gã độc thân già điệu bộ kiểu cách uốn éo, nhưng thần ký già đứng tuổi mặt mũi xanh xao đi với các bà huyền thuyên suốt về mấy cô gái của họ đã thành gia thất, và vài cậu con trai đang chiếm những địa vị rất sang ở các thuộc địa. Trong khi ngồi vào bàn ăn, họ bàn cãi về cuốn tiểu thuyết mới nhất của Corelli; vài người trong bọn họ thích ngài Leighton hơn ông Alma Tadema, còn mấy người khác thì lại thích Alma Tadema hơn ngài Leighton. Chẳng mấy chốc mà Mildred đã kể cho đám phụ nữ nghe chuyện hôn nhân lãng mạn của ả với Philip, lúc đó chàng là đối tượng quan trọng vì gia đình chàng, một gia đình khá giả, ông bà tổ tiên đã nhiều thế hệ sống ở hạt này, đã tước quyền thừa kế của chàng vì chàng lấy vợ khi còn là sinh viên; nào là bố Mildred có biệt thự to lớn ở tận gần vùng Devonshire, nhất định bỏ mặc họ vì ả lấy Philip. Vì thế họ phải đến nhà trọ và không có cả vú em cho con, nhưng buộc họ phải thuê hai phòng vì họ đã quen sống đầy đủ tiện nghi nên họ không chịu được cảnh sống gò bó. Những khách trọ khác cũng giải thích sự có mặt của họ, một trong số đàn ông sống độc thân thường đến nghỉ ở khách sạn Metropole, nhưng ý thích có bạn bè vui vẻ mà ở những khách sạn đắt tiền này người ta lại không tưởng được điều đó. Còn bà già nọ và cô con gái tuổi trung niên, có ngôi nhà đẹp đẽ ở Luân Đôn đang được sửa chữa lại nên bảo con gái: “Gwenie yêu quý của mẹ này, năm nay chúng ta phải đi nghỉ mát ở một nơi rẻ tiền”. Thế là họ đến đây. Tất nhiên đây không phải là những thứ mà họ vẫn quen. Mildred thấy họ hết thảy đều là người rất

thượng lưu mà ả thì vốn ghét những kẻ tầm thường thô lỗ. ả thích giới thượng lưu quý phái phải thực sự là thượng lưu quý phái.

- Khi đã là người quý phái, thì em muốn họ phải ra người quý phái - ả nói.

Lời nhận xét này có vẻ khó hiểu đối với Philip, nhưng khi nghe ả nhắc lại như vậy hai ba lần với nhiều người khác và thấy điều này được đồng tình một cách rất thành thật, thì chàng đi đến kết luận rằng điều này chỉ tối nghĩa đối với trí thông minh của riêng chàng mà thôi. Đây là lần đầu tiên Philip à Mildred sống bên nhau gần gũi như thế này. Ở Luân Đôn, cả ngày chàng không gặp ả, và khi chàng về đến nhà thì bao giờ họ cũng có chuyện để nói về nhà cửa, về đứa bé và về hàng xóm láng giềng, mãi cho tới khi chàng ngồi vào bàn làm việc. Giờ đây suốt cả ngày chàng ở bên ả. Ăn sáng xong hai người ra bãi biển, buổi sáng êm ả qua sau một lần tắm lội và đi dạo chơi dọc bờ biển, buổi chiều cũng tạm được, sau khi cho đứa bé đi ngủ, họ lên cầu tàu nghe nhạc và ngắm nhìn dòng người qua lại liên tục không ngừng. Philip thích thú phán đoán họ là ai, và thêu dệt nhiều mẩu chuyện ngắn về họ; chàng đã quen chỉ đáp lại những lời nhận xét của Mildred bằng miệng nên những suy tư trong đầu chàng thì vẫn nguyên vẹn không hề bị quấy rầy; nhưng những buổi chiều thì dài lê thê, tẻ nhạt. Họ ngồi trên bãi biển. Mildred nói họ phải triệt để tranh thủ mọi điều lợi của “bác sĩ Brighton” và ả luôn mồm bình phẩm mọi chuyện trên đời khiến chàng không sao đọc nổi sách. Nếu hoặc chàng không để ý nghe thì ả phàn nàn.

- Ô, anh hãy vứt cái thứ sách dớ dẩn cổ lỗ ấy đi. Anh cứ đọc mãi nó chẳng tốt đâu. Anh Philip ạ, anh đến thôi óc mất thôi, rồi anh xem.

- Ô, vớ vẩn! - Chàng đáp.

- Và lại như thế khó gần lắm!

Chàng nhận ra nói chuyện với ả thật khó. ả thậm chí không có được cả khả năng chú tâm đến những điều mình nói; một con chó chạy ngang trước mặt, hoặc một người nào đó đi qua áo quần sặc sỡ lòe loẹt, cũng khiến ả chộp lấy bình luận và thế là ả quên khuấy điều mình vừa nói. Nhất là về tên người thì ả rất tồi, ả không thể nhớ nổi tên, ả lấy làm bực mình vì ả không sao nhớ nổi tên họ đến nỗi đang giữa câu chuyện, ả phải ngừng lại vắt óc suy nghĩ. Cũng có lúc ả nhớ ra nhưng khổ nỗi sau đó vào lúc Philip đang nói về một điều gì đó thì ả thường phá ngang.

- Collins, đúng rồi. Em biết thế nào cũng có lúc nào đó em nhớ ra mà. Collins, đúng là cái tên mà em đã không nhớ nổi.

Điều đó làm cho chàng bực tức vì như vậy chứng tỏ ả không hề nghe chàng nói về bất kỳ chuyện gì, vậy mà nếu chàng im lặng thì ả trách móc hờn dỗi. Đầu óc ả thuộc hạng không có khả năng tiếp xúc với những vấn đề trừu tượng trong năm phút và khi Philip đành phải nói chung chung thì ả lại nhanh chóng tỏ ra buồn chán. Mildred rất hay nằm mơ, và có trí nhớ chính xác về những giấc mơ của ả mà ngày nào ả cũng đem kể lại dài dòng.

Một buổi sáng Philip nhận được một bức thư dài của Thorpe Athelny. Những ngày này ông ta đang nghỉ hè, một cuộc nghỉ hè theo kiểu rất kịch, nhưng trong đó có nhiều chất huênh hoang vốn là đặc tính của ông. Đã từ mười năm nay ông vẫn làm như vậy. Ông đưa cả gia đình đến cánh đồng trồng cây hu-blông ở Kent cách quê bà Athelny không xa và cả nhà thu hái hu-blông trong ba tuần lễ. Công việc này cho họ sống ngoài trời, kiếm ra tiền, điều này làm bà Athelny hài lòng nhất, hơn nữa họ lại còn có dịp tiếp xúc với mảnh đất quê hương. Athelny nhấn mạnh điểm này. Những ngày sống trên đồng ruộng làm họ khỏe hẳn ra, giống như một nghỉ lễ có phép thần diệu làm cho họ trẻ lại, tay chân cường tráng, tâm hồn tươi mát. Về đề tài này Philip đã được nghe ông kể rất nhiều chuyện kỳ quái tô điểm thêm

đẹp như tranh vẽ. Nay Athelny mời chàng bỏ một ngày sang chơi với họ, ông ta muốn chia sẻ với chàng một số suy ngẫm về Shakespeare cũng như về những dụng cụ âm nhạc, còn lũ trẻ thì đang hò hét đòi gặp chú Philip. Chiều đến, trên bãi biển với Mildred, chàng đọc lại bức thư. Chàng nhớ đến bà Athelny, một bà mẹ vui tính vốn có tấm lòng mến khách nhân hậu, tính tình xởi lởi; chàng nhớ đến Sally gì trước tuổi với bím tóc dài vàng hoe, vàng trán rộng, với cung cách ngồ ngộ, tỏ vẻ có uy quyền của một bà mẹ ít tuổi. Rồi chàng nhớ đến lũ trẻ vui tươi, huyền ảo, khỏe mạnh, và xinh xắn. Tâm hồn chàng như bay về với họ. Ở gia đình này có một đức tính mà chàng không nhớ được trước đây chàng đã từng nhận thấy trong con người, đó là lòng nhân hậu. Cho tới nay chàng chưa hề nghĩ đến điều này, nhưng rõ ràng chính vẻ đẹp của lòng nhân hậu của họ đã hấp dẫn chàng. Về lý thuyết thì chàng không tin có lòng nhân hậu, nếu đạo đức chẳng qua chỉ là vấn đề lễ nghĩa thì thiện và ác liệu còn ý nghĩa gì. Chàng không muốn là con người phi lý nhưng đây chỉ là lòng hào hiệp giản đơn, tự nhiên không gượng gạo, mà chàng cho là đẹp đẽ. Vừa ngẫm nghĩ, chàng vừa từ từ xé vụn bức thư; chàng không biết làm thế nào để có thể đi một mình không có Mildred mà chàng thì không muốn đi với ả.

Trời oi ả, bầu trời không một gợn mây, nên họ đã đến một nơi râm mát. Đứa bé đang chăm chú chơi với mấy hòn sỏi trên bãi biển, thỉnh thoảng nó lại bò tới đưa cho chàng giữ một viên, rồi lại giật lấy và cẩn thận đặt xuống. Nó đang chơi một trò chơi bí ẩn, rắc rối chỉ mình nó hiểu. Mildred ngủ, ả nằm ngật đầu ra sau, miệng he hé, hai chân duỗi thẳng, đôi giày thò ra ngoài váy lót một cách lố bịch. Chàng lơ đãng nhìn ả, nhưng lúc này chàng bỗng đặc biệt chăm chú. Chàng nhớ lại chàng đã yêu ả tha thiết đến bao nhiêu và chàng tự hỏi vì sao bây giờ chàng hoàn toàn hững hờ với ả. Sự thay đổi bên trong này khiến chàng cảm thấy lòng tê tái. Dường như mọi điều chàng đã chịu đựng thế là hoàn toàn uổng công. Ngày xưa được chạm vào tay ả lòng chàng như mê mẩn, chàng đã từng khát khao hòa nhập được vào tâm hồn ả để có thể cùng nàng chia sẻ từng ý nghĩ, từng cảm xúc. Khi

cả hai cũng lặng yên thì bỗng một lời nhận xét của ả khiến chàng liên tưởng ra những suy nghĩ miên man của họ sao mà cách xa nhau và lòng chàng nhói đau. Chàng đã chống lại bức tường không thể vượt qua đó, bức tường như đã chia cắt mỗi người một ngã. Xưa chàng đã yêu ả đến điên dại mà nay lòng chàng chẳng còn mảy may vương vấn, chàng thấy thật bi thảm lạ lùng. Lắm lúc chàng thấy ghét ả. ả không có khả năng học tập, ả không học được gì trong kinh nghiệm cuộc đời, ả vẫn là con người vô giáo dục như xưa. Nghe ả đối xử láo xược với người đầy tớ gái lao động nặng nhọc ở nhà trọ, chàng cảm thấy ghê tởm.

Ngay sau đó, chàng suy nghĩ về các dự định riêng của mình. Đến cuối năm thứ tư, chàng sẽ thi kiểm tra môn phụ khoa và một năm nữa thì được cấp bằng. Lúc ấy, chàng có thể tính đến chuyện làm một chuyến đi Tây Ban Nha. Chàng muốn được tận mắt ngắm những bức tranh mà chàng chỉ biết qua tranh ảnh. Chàng cảm thấy sâu sắc rằng El Greco giữ một bí quyết có tầm quan trọng đặc biệt đối với chàng, và tới Taledo, chắc chàng sẽ phát hiện ra. Chàng không mong làm những gì to tát, nên với một trăm bảng, chàng có thể sống ở Tây Ban Nha được sáu tháng. Giá mà Macalister giúp tiếp cho chàng một vụ tốt lành nữa thì chàng có thể kiếm được số tiền đó dễ dàng. Nghĩ tới những đo thị cổ kính tráng lệ, những vùng đồng bằng đất nâu lòng chàng thấy ấm lại. Lúc này chàng tin chắc không thể rút ra hết thấy mọi cái cuộc đời hiển dăng, chàng nghĩ rằng ở Tây Ban Nha chàng có thể sống mãnh liệt hơn, có thể hành nghề trong một thành phố cổ kính nọ, ở đó có khá nhiều khách ngoại quốc, vắng lai hoặc thường trú và hẳn chàng có thể kiếm sống được. Nhưng chuyện này phải gác lại lâu hơn, trước mắt chàng phải được bổ nhiệm vào một vài bệnh viện đã, thu thập được kinh nghiệm ở đấy rồi chàng mới dễ tìm việc sau này. Chàng mong xin được một chân bác sĩ trên một chiếc tàu hạng lớn không chạy dọc theo đường nhất định, ở đấy công việc nhàn nhã đủ cho người ta có thể tham quan những nơi tàu cập bến. Chàng muốn đi về phía Đông, những cảnh đẹp ở Bangkok, ở Thượng Hải, những hải cảng Nhật Bản hiện lên trong trí tưởng

tượng phong phú của chàng. Chàng hình dung những cây cọ, bầu trời xanh, nóng bức, những con người da ngăm ngăm và chùa chiền; chàng như say sưa ngửi thấy mùi vị thơm tho của phương Đông. Tim chàng đập rộn ràng với lòng khao khát thiết tha cái đẹp, cái lạ của thế gian.

Mildred thức giấc.

- Có lẽ em đã ngủ được một lúc - ả nói - Này con bé hư đốn kia, mà lại đang làm gì đấy hở? Anh Philip này, hôm qua quần áo nó còn sạch sẽ là thế mà bây giờ anh thử nhìn nó mà xem!

Trở về Luân Đôn, Philip bắt đầu công việc băng bó ở các phòng mổ. Chàng không quan tâm đến khoa mổ nhiều như khoa nội, một ngành khoa học kinh nghiệm chủ nghĩa hơn và tạo cho chàng một phạm vi tưởng tượng rộng lớn hơn. So với bên khoa nội thì công việc này vất vả hơn. Sau một buổi lên lớp - từ chín đến mười giờ - chàng đến các phòng băng bó vết thương, rút mũ chỗ khâu, thay băng; Philip có phần kiêu hãnh về sự khéo tay trong công việc này, chàng thích thú moi được lời tán thưởng của một cô y tá. Một số buổi chiều trong tuần có những ca mổ chàng mặc áo bơ lu trắng đứng trong phòng mổ sẵn sàng đưa cho bác sĩ phẫu thuật mọi dụng cụ cần thiết, hoặc lau chùi máu, vì vậy chàng có thể nhìn tận mắt những gì chàng cần biết. Khi tiến hành một vài ca mổ hiếm có, phòng mổ thường đầy ắp người, nhưng thường thường không quá năm sáu sinh viên có mặt, có lúc ấy Philip khoái trá thấy mọi việc diễn ra trong một bầu không khí ấm cúng. Thời bấy giờ thiên hạ nói chung có vẻ say mê bệnh viêm ruột thừa, khá nhiều trường hợp vào phòng mổ vì bệnh này; ông bác sĩ mà Philip phụ giúp việc băng bó, đang thân thiện đua tài với một bạn đồng nghiệp xem ai có thể cắt bỏ ruột thừa trong thời gian ngắn nhất và vết mổ nhỏ nhất.

Theo trình tự, Philip lúc này được giao trực ở bộ phận tai nạn. Các sinh viên luân phiên nhau đảm nhận công việc này ba ngày liền, trong thời gian đó, họ ở trong bệnh viện, ăn uống tại nhà ăn tập thể, họ được một buồng ở tầng dưới cùng gần phòng cấp cứu, với một cái giường ban ngày thì xếp lại thành một cái tủ. Người phụ mổ phải trực ngày đêm để phòng có trường hợp cấp cứu, lúc nào họ cũng bận rộn, cả đêm hiếm khi họ ngủ được một vài giờ mà không nghe chuông rung đúng trên đầu khiến họ lập tức bật dậy khỏi giường. Tối thứ bảy dĩ nhiên là tối bận rộn nhất, và giờ các quán rượu đóng cửa là giờ bận rộn nhất. Cảnh sát thường đưa đến bệnh viện bọn đàn ông say bí tỉ và thế là lại phải rửa ruột cho họ; đám đàn bà thì do còn tồi tệ

hơn, họ thường được đưa vào với một vết thương trên đầu hoặc một cái mũi đầy máu do bị chòng đánh; một vài chị thề đưa chòng ra tòa, những chị khác xấu hổ thường tuyên bố đấy là do tai nạn. Việc gì người phụ nữ xoay sở được thì họ làm lấy, nhưng nếu gặp ca quan trọng thì họ mới chờ bác sĩ phẫu thuật nội trú. Anh ta phải cẩn thận trong việc này bởi vì bác sĩ phẫu thuật nội trú không lấy làm gì thú vị lắm phải xuống năm thang gác vì những chuyện không đâu. Các ca bệnh từ đứt tay đến cắt cổ đều xếp hạng theo thứ tự. Những chàng trai tay bị máy móc nghiền nát, những người bị xe ngựa đâm, trẻ em chơi đùa bị gãy chân; thỉnh thoảng cảnh sát đưa tới những kẻ toan tự sát; Philip đã thấy một người nhọt nhạt, mắt đờ đẫn với một vết thương dài và sâu từ ai này đến tai kia, hẩn nằm trong phòng mấy tuần lễ, có một cảnh sát trông nom, hẩn lặng lẽ âm thầm, giận dữ và buồn bã vì hẩn còn sống; hẩn không hề giấu giếm là hẩn sẽ lại tự sát ngay khi hẩn ra khỏi nơi đây. Các phòng đều chật ních người và bác sĩ phẫu thuật nội trú lâm vào cảnh khó xử trước những bệnh nhân do cảnh sát đem tới. Nếu trả họ về đồn và nếu họ chết ở đó, thì báo chí liền đăng ngay những chuyện khó chịu, và lắm lúc thật khó mà nói bệnh nhân là một kẻ sắp chết hoặc là một gã say rượu. Cho đến lúc mệt mỏi, Philip mới đi ngủ, để rồi phải thức giấc sau một tiếng đồng hồ. Những lúc nghỉ, chàng ngồi trò chuyện với bà y tá trực đêm trong phòng cấp cứu. Bà ta tóc hoa râm, tướng mạo như đàn ông, là y tá trực đêm phòng cấp cứu đã hai mươi năm nay. Bà thích công việc này vì bà được làm sếp của chính mình, không bị nữ y tá trưởng quấy rầy. Bà cử động chậm chạp nhưng rất giỏi, không trường hợp cấp cứu nào mà bị chịu thất bại. Những người phụ nữ vốn thiếu kinh nghiệm hoặc nhút nhát tìm thấy ở bà một sức mạnh đáng tin cậy. Bà giúp đỡ đến hàng nghìn người nhưng không một người nào làm bà e ngại: bà thường gọi họ là ông Mỗ; và khi họ thân ái nhắc bà là không phải tên của họ, cho bà biết tên thực, và chỉ gật đầu và tiếp tục gọi họ là ông Mỗ. Trong gian phòng trống không với hai giường đệm lông ngựa, với ngọn đèn khí chiếu sáng, Philip thích ngồi lắng nghe bà kể chuyện. Đã từ lâu rồi bà không còn coi những kẻ đã đến đây như những con người, họ chỉ là những ống đo nồng độ rượu hoặc những chân gãy hoặc những cổ họng bị cắt. Bà coi thói hư tật xấu,

cảnh nghèo khổ, và sự tàn nhẫn trên đời này như là việc đương nhiên. Trong những hành động của con người, bà không thấy có gì đáng ca tụng hay oán trách, bà chấp nhận tất cả. Chất hài hước của bà có pha chút ít tàn nhẫn.

- Tôi nhớ lại một người tự sát - bà kể với Philip - nhảy xuống sông Thames. Người ta vớt hắt lên, đem đến đây và mười ngày sau, hắt nhiễm bệnh sốt thương hàn do uống phải nước sông Thames.

- Thế hắt có chết không?

- Vâng, hắt chết rất đẹp. Tôi phân vân không biết đó có phải là tự sát không? Có nhiều vụ tự sát thật buồn cười. Tôi nhớ một người không kiếm được việc làm, mà vợ hắt thì chết rồi, thế là hắt liền đem cầm quần áo, mua một khẩu súng lục; nhưng lại bắn trượt nên chỉ hỏng một con mắt và hắt lại bình yên vô sự. Sau đó, cậu thử nghĩ xem, mặt mày bị mất đi một mảng, chỉ còn một mắt, hắt đi tới kết luận là xét cho cùng thì cõi trần chẳng phải là nơi xấu, và rồi hắt sống những năm tháng còn lại rất hạnh phúc. Tôi thường để ý là người ta chẳng tự sát vì tình như thiên hạ nghĩ đâu, đó chỉ là sự tưởng tượng của những nhà viết tiểu thuyết; người ta tự tử vì không kiếm được một đồng nào. Tôi tự hỏi vì sao như vậy.

- Tôi cho rằng tiền bạc quan trọng hơn tình yêu - Philip đáp.

Dù thế nào thì lúc này vấn đề tiền bạc cũng chiếm chỗ rất nhiều trong ý nghĩ của Philip. Chàng phát hiện ra cái chân lý tầm thường trong câu châm ngôn vui nhộn mà chàng hay nhắc đi nhắc lại là hai người có thể sống chẳng tốn kém gì hơn một người và chàng đã bắt đầu lo âu về chuyện tiêu pha. Mildred không phải là người nội trợ giỏi và họ chi phí tốn kém chẳng khác gì ăn uống ở khách sạn. Quần áo cho đứa bé, giày dép cho Mildred, ô, dù và các thứ lặt vặt khác không có ả không chịu được. Lúc ở Brighton về,

ả đã tuyên bố ý định đi tìm việc làm, nhưng ả chẳng làm gì cụ thể, và ngay sau đó ả bị cảm nặng nằm liệt giường liệt chiếu hai tuần. Khi đã khỏe, ả có viết thư trả lời một vài nơi thông báo tuyển người làm, nhưng không kết quả, hoặc ả đến muộn quá, chỗ trống đã có người, hoặc công việc quá nặng nhọc đối với ả. Một lần ả được một nơi ướm hỏi nhưng tiền công một tuần chỉ mười bốn silinh, mà ả thì cho rằng ả đáng giá hơn thế nhiều.

- Không tội gì mà để cho thiên hạ nó lừa mình - ả nhận xét - Nếu hạ giá quá thì chẳng ai kính trọng mình. Tự mình coi rẻ mình.

- Tôi nghĩ rằng mười bốn silinh cũng chẳng đến nỗi nào - Philip lạnh lùng đáp.

Chàng không thể không nghĩ rằng số tiền đó cần thiết bao nhiêu cho các món chi tiêu trong nhà, thế mà Mildred bắt đầu nói bóng gió rằng ả không kiếm được việc làm vì ả không có áo dài kha khá để tiếp xúc riêng với chủ. Chàng may áo dài cho ả, ả mặc thử vài lần, nhưng Philip cho là ả mặc thử chiếu lệ. ả không muốn đi làm. Chàng chỉ biết cách duy nhất để kiếm tiền là mua bán chứng khoán ở Sở giao dịch chứng khoán Luân Đôn, và chàng rất muốn thử nghiệm vận may như hồi mùa hè vừa qua nhưng rồi chiến tranh nổ ra với Transvaal, và chàng chẳng kiếm chác gì được ở Nam Phi. Macalister cho chàng biết một tháng nữa Redvers Buller tiến quân vào Pretoria, lúc ấy thì giá cả mọi thứ sẽ tăng vọt. Chỉ có điều là phải kiên nhẫn chờ đợi. Điều họ muốn là sự thất bại của Anh để cho giá chứng khoán hạ xuống tí chút, lúc ấy có thể mới đáng mua. Philip bắt đầu cần cù nghiên cứu mục tin tức tài chính thương nghiệp trong tờ báo chàng ưa thích. Chàng hay khó chịu và nổi cáu, một vài lần nói năng gay gắt với Mildred, ả không khéo xử cũng không kiên nhẫn chịu đựng nên tức giận đốp chát lại, thế là hai bên cãi nhau. Philip thường xin lỗi về những lời nói của mình, nhưng Mildred không có tính khoan dung nên ả còn mặt sưng mày sía đến vài ba ngày. ả làm cho chàng khó chịu bằng mọi cách, trong ăn uống, trong

vứt bỏ bữa bãi quần áo trong phòng khách. Bị chiến tranh kích thích, từ sáng cho đến tối, Philip đọc ngẫu nhiên báo chí, còn ả thì chẳng quan tâm đến việc gì xảy ra, ả làm quen với mấy người cùng phố, có một bà đề nghị đưa ông chủ đến thăm họ. ả đeo một nhẫn cưới và tự xưng là bà Carey. Trên tường nhà Philip treo vài ba bức họa, toàn là tranh khỏa thân, hai bức tranh đàn bà và một chân dung Miguel Ajuria, hai chân vững chãi, hai tay siết chặt. Philip gìn giữ các bức tranh này vì đó là những tác phẩm đẹp nhất mà chàng đã vẽ được và chúng nhắc nhở chàng nhớ lại những ngày hạnh phúc. Nhưng từ lâu Mildred đã nhìn chúng bằng con mắt khó chịu.

Anh Philip ạ, em muốn anh hạ mấy bức tranh này xuống - Cuối cùng ả bảo chàng - Bà Forewan bên nhà số 13 chiều hôm qua đến đây. Em không còn biết trốn đi đường nào. Em thấy bà ấy nhìn chăm chăm mấy bức tranh đó.

- Mấy bức tranh đó có vấn đề gì?

- Các bức tranh đó không đứng đắn. Treo những bức tranh lỏa thể như vậy làm cho người ta kinh tởm đấy, em nói như vậy đấy. Và chẳng hay ho gì đối với con bé. Bây giờ thì nó đã chú ý đến mọi vật rồi đấy.

- Sao cô có thể thô bỉ như vậy?

- Thô bỉ à? Thế là nhã nhặn đấy. Em có bao giờ nói gì đâu, nhưng anh nghĩ rằng cả ngày phải nhìn lên những con người trần truồng kia là em thích lắm à?

- Này Mildred, cô không biết đùa một chút nào chẳng? Chàng lạnh nhạt hỏi.

- Em không hiểu vì sao chuyện biết đùa hay không biết đùa lại liên quan đến vấn đề này. Em rất muốn tự mình được hạ mấy bức tranh đó xuống lắm đấy. Anh có muốn biết em nghĩ gì về các bức tranh đó không? Chúng thật kinh tởm.

- Tôi không cần biết cô nghĩ thế nào, tôi cấm cô đụng đến những bức tranh ấy.

Khi nào Mildred giận nhau với Philip thì ả quay ra trừng phạt con để trả thù chàng. Đứa trẻ quý mến Philip cũng như chàng quý mến nó, nó rất thích sáng nào cũng bò vào phòng chàng (nó sắp lên hai tuổi, có thể đi đứng khá vững) và được chàng bế lên giường. Khi Mildred ngăn cấm việc này, nó khóc lóc thảm thiết. Nếu Philip có cản trở thì ả đáp:

- Em không muốn nó quen thân đi như vậy.

Nếu lúc đó mà chàng còn nói gì thêm thì ả nói:

- Em dạy con em thì việc gì đến anh. Nghe anh nói thiên hạ cứ tưởng như anh là cha đẻ nó. Em là mẹ nó, em phải hiểu điều gì có lợi cho nó, phải không nào?

Philip giận điên lên vì sự ngu đần của Mildred nhưng giờ bây giờ chàng thờ ơ với ả đến nỗi chỉ thỉnh thoảng ả mới làm cho chàng tức tối. Dần dần chàng cũng quen với sự có mặt của ả. Ngày lễ Giáng Sinh đến cộng với hai ngày nghỉ của Philip, chàng đem cây nhựa ruồi về trang trí căn phòng, chàng tặng quà No-en cho mẹ con Mildred. Họ chỉ có hai người nên không thể ăn cả một con gà tây, nhưng Philip quay một con gà giò và luộc bánh Pudding No-en mà ả đã mua tại cửa hàng tạp phẩm gần đấy. Họ liền uống một chai rượu vang. Ăn xong Philip ngồi trong ghế bành, cạnh lò sưởi, hút thuốc lá; châu rượu bất thường khiến chàng quên đi trong chốc lát nỗi niềm

ao ước tiền bạc lúc nào cũng canh cánh bên lòng. Chàng cảm thấy sung sướng, khoan khoái. Ngày sau đó Mildred bước ra bảo chàng là cháu bé đòi chàng hôn cháu, chúc nó ngủ ngon và chàng mỉm cười đi vào phòng ngủ của Mildred. Chàng khuyên cháu đi ngủ, chàng tắt đèn, để ngỏ cửa, phòng đứa bé khóc, rồi trở về phòng khách.

- Cô sẽ ngồi đâu? - Chàng hỏi.

- Anh ngồi ở ghế anh. Em ngồi ở sà-nhà.

Khi chàng ngồi xuống, ả ngồi trước lò sưởi, tựa vào hai đầu gối chàng. Chàng không thể nhớ lại rằng ngày trước họ đã từng ngồi thế nào trong nhà ả ở Vauxhall Bridge Road, nhưng tư thế ngồi đó đã bị đảo ngược, lúc ấy chàng ngồi trên sà-nhà, đầu tựa vào đầu gối ả. Hồi đó chàng yêu ả tha thiết biết bao nhiêu. Lúc này chàng thấy thương mến, điều mà lâu lắm rồi chàng không cảm thấy. Chàng chỉ còn cảm thấy đôi cánh tay bé bỏng mềm yếu của đứa trẻ ôm chặt lấy cổ chàng.

- Cô có thấy ấm cúng không? - Chàng hỏi.

Ả ngược lên nhìn chàng, khẽ gật đầu, mỉm cười. Họ mơ màng yên lặng, nhìn chăm chăm vào lò sưởi. Cuối cùng ả quay lại, tò mò nhìn chàng.

- Từ khi em đến đây, anh không hôn em một lần nào, anh biết không? - Đột nhiên ả hỏi.

- Cô có muốn tôi hôn không? - Chàng mỉm cười nói.

- Em cho rằng anh chẳng còn quan tâm đến em theo kiểu ấy nữa.

- Tôi rất mến cô.

- Anh quý cháu bé nhiều hơn.

Chàng không trả lời và ả áp má vào tay chàng.

- Anh không giận em nữa chứ? - Ngay sau đó, ả hỏi, hai mắt nhìn xuống.

- Việc quái gì mà tôi giận cô.

- Em chưa bao giờ yêu anh như bây giờ. chỉ từ khi thử lửa rồi em mới biết yêu anh.

Chàng thấy ớn lạnh nghe ả dùng những loại câu trong tiểu thuyết ba xu mà ả thường đọc nghiêng ngả. Lúc đó, chàng tự hỏi điều ả nói ra có ý nghĩa gì với ả không; có lẽ ả không biết diễn đạt cách nào khác những cảm nghĩ chân thật của mình hơn cách diễn đạt khoa trương rỗng tuếch của The Family Herald.

- Chúng ta sống chung cái kiểu như thế này có vẻ buồn cười quá.

Chàng không đáp lại một hồi lâu, và cả hai lại im lặng; nhưng cuối cùng chàng lên tiếng, tựa như không hề cảm thấy câu chuyện bị ngắt quãng.

- Cô không nên giận tôi. Người ta không trách được những chuyện như vậy. Tôi nhớ lại tôi đã cho cô là độc ác và tàn nhẫn vì cô xử sự thế này, thế nọ; nhưng tôi quá khờ dại. Trách cô không yêu tôi thì thật vô lý. Tôi đã nghĩ rằng tôi có thể khiến cho cô yêu tôi, nhưng bây giờ tôi hiểu rằng điều đó không thể làm được. Tôi không hiểu điều gì khiến cho kẻ nào đó yêu mình nhưng dù gì đi nữa, thì đó là điều duy nhất quan trọng, nếu không có

nó, người ta không thể tạo ra bằng lòng tốt hoặc sự rộng lượng hoặc một cái gì đó đại loại như vậy.

- Em nghĩ rằng nếu trước kia anh thực sự yêu em thì ngày nay anh vẫn yêu em.

- Lẽ ra tôi cũng đã từng nghĩ như vậy. Tôi nhớ lại trước kia tôi cứ quen nghĩ rằng điều đó sẽ tồn tại mãi mãi, tôi thấy thà chết còn hơn sống không có cô. Tôi thường mong đến một ngày kia, khi da cô nhăn nheo, nhan sắc cô tàn tạ để không còn ai chú ý đến cô nữa, lúc đó cô sẽ hoàn toàn là của tôi.

Ả không đáp, và ngay sau đó ả đứng lên, ả nói ả đi ngủ. Ả mím một nụ cười hơi bẽn lẽn.

- Anh Philip này, hôm nay là ngày lễ Giáng Sinh, anh không hôn em, chúc em ngủ ngon sao?

Chàng cười, hơi đỏ mặt, và chàng hôn ả. Ả đi vào phòng ngủ của mình, còn chàng bắt đầu đọc sách.

Sau vài ba tuần lễ thì tình hình căng thẳng tới tột đỉnh. Cách cư xử của Philip làm cho Mildred điên tiết. Bao nhiêu cảm xúc khác nhau rối rắm trong lòng khiến ả luôn thay đổi tính khí. Gần như suốt ngày ả chỉ ủ ê suy nghĩ về tình thế của ả. Những cảm nghĩ ấy ả không nói nên lời thậm chí ả cũng chẳng hiểu chúng là thế nào, nhưng đầu óc ả hằn sâu một số việc nhất định khiến ả cứ phải nghiền ngẫm. ả chưa bao giờ hiểu được Philip và cũng chưa thực sự yêu chàng nhưng ả thích ở bên chàng, vì ả cho chàng là con người thượng lưu quý phái. Ngày xưa cha chàng là bác sĩ, bác chàng hiện là mục sư, điều đó gây ấn tượng sâu sắc đối với ả. ả có vẻ khinh thường chàng; ả không thể sống thoải mái buông thả, ả cảm thấy chàng đang chỉ trích cách cư xử của ả.

Khi lần đầu đến sống trong căn nhà nhỏ bé ở Kennington, lúc ấy ả đang mệt mỏi và hổ thẹn. ả sung sướng được sống riêng biệt một mình chẳng phải lo trả tiền thuê nhà, thế cũng an nhàn. Trong mọi thời tiết ả chẳng cần phải đi đâu ra ngoài, ả có thể nằm yên trên giường nếu thấy trong người khó ở. ả chán ghét cuộc đời dĩ vãng; phải niềm nở ân cần, phải khúm núm quy lụy thì thật kinh tởm; ngay cả bây giờ nhớ tới thái độ thô lỗ, lời lẽ cục súc của bọn đàn ông, ả nghĩ mà xót xa cho thân phận mình. Nhưng ả cũng ít nghĩ tới chuyện cũ; ả biết ơn Philip đã đến cứu ả. Mỗi khi nhớ lại chàng đã yêu ả chân thành như thế nào còn ả thì đối xử với chàng quá tồi tệ bao nhiêu mà thấy hối hận day dứt trong lòng. Dàn hòa với chàng cũng dễ thôi, theo ả điều này chẳng có gì đáng kể. ả ngạc nhiên thấy chàng khước từ gợi ý của ả, nhưng ả nhún vai: nếu anh chàng thích thế, cứ để chàng lên mặt ta đây, ả chẳng cần, rồi được ít lâu anh chàng lại chẳng khát khao, lúc ấy thì hẳn là sẽ đến lượt ả khước từ nếu anh chàng nghĩ rằng anh chàng tước bỏ được của ả một điều gì đó thì anh chàng lắm to. ả không còn nghi ngờ gì quyền lực của ả đối với chàng. Chàng là con người khác thường thật đấy,

nhưng ả hiểu chàng khá rõ. Ngày xưa chàng vẫn thường cãi nhau như thế với ả rồi thề bồi không bao giờ nhìn mặt ả nhưng chỉ ít phút sau là chàng lại đến quì xin ả tha thứ. Nhớ tới những lúc chàng quì sụp trước mặt ả như thế ả rung mình. Cho dù có phải nằm dưới đất cho ả bước chân lên người chàng, chàng cũng lấy làm vui sướng. ả biết chính xác phải đối xử với chàng như thế nào: không thèm để ý tới chàng, làm như không chú ý tới tâm trạng của chàng, bỏ mặc chàng đấy, thì chỉ trong chốc lát chắc chắn chàng sẽ khom lưng quỳ gối. ả khẽ cười với mình vui vẻ trong lòng nghĩ đến việc chàng phải nuốt nhục đến trước mặt ả. Bây giờ thì ả đã có kinh nghiệm rồi. ả hiểu bọn đàn ông là thế nào, ả chẳng còn muốn dây dưa đến họ nữa. ả hoàn toàn sẵn sàng sống yên ổn với Philip. Xét mọi lẽ, anh chàng đích thực là thượng lưu quý phái, mà điều ấy đâu phải là chuyện có thể coi thường. Dù thế nào cũng chẳng cần gì mà phải vội vàng, ả chẳng dại gì đi bước đầu tiên. ả mừng thấy chàng yêu mến đứa trẻ, tuy ả buồn cười cho anh chàng; quý con người khác đến thế thì thật khôi hài, không nghi ngờ gì nữa, anh chàng quả là con người kỳ dị.

Nhưng một vài chuyện làm ả ngạc nhiên. ả vốn đã quen với sự quy lụy của chàng. Ngày xưa được làm mọi việc cho ả là chàng hết sức vui mừng, ả đã quen trông thấy chàng thất vọng vì một lời câu gắt, sướng mê vì một lời thân ái; nay thì chàng khác hẳn, và từ một năm trở lại đây, chàng cũng chẳng khác hơn. Chưa một phút nào ả lại chợt nghĩ chàng đã thay đổi tình cảm, ả cho rằng chàng không để ý đến sự bức tức cáu kỉnh của ả chỉ là đóng kịch mà thôi. Lắm lúc, chàng muốn đọc sách, bảo ả đừng nói chuyện, ả không biết nên nổi cáu hay nên hờn dỗi, và ả cũng đã bối rối nên cuối cùng đành lặng im. Sau đó đến bữa nói chuyện mà chàng cho ả biết ý định của chàng về quan hệ giữa hai người phải là lí tưởng thuần túy; nổi nhớ lại việc rắc rối xảy ra trong cái quá khứ không hay ho gì của họ, ả chợt nghĩ là chàng lo sợ ả có thể mang bầu. ả đã vất vả để làm yên lòng chàng nhưng cũng chẳng thay đổi được gì. ả là hạng đàn bà không có khả năng hiểu một người đàn ông lại có thể không bị vấn đề tình dục ám ảnh như chính ả; xưa

nay quan hệ giữa ả và bọn đàn ông thuần túy là như thế; và ả không thể hiểu rằng họ lại luôn luôn có những thích thú khác. Ắ chợt nghĩ ra hay là Philip đang yêu một kẻ nào khác và ả theo dõi chàng, ả nghi ngờ các cô y tá ở bệnh viện hoặc cô nào chàng gặp ở ngoài đường, nhưng những điều nghi ngờ tinh ranh lại đưa ả tới kết luận là không có ai nguy hiểm trong gia đình Athelny, và ả cũng nhận thấy, như phần đông sinh viên y khoa, Philip không để tâm đến giới tính của các nữ y tá mà chàng thường quan hệ trong công việc. Trong tâm trí chàng hình ảnh của họ luôn gắn liền với mùi thuốc gây mê. Philip không nhận được thư từ của ai, và giữa một đồng đồ đạc của chàng cũng chẳng có một tấm ảnh thiếu nữ nào. Nếu có ai yêu, chàng sẽ khéo léo giấu giếm, thế mà đối với mọi câu hỏi của Mildred chàng trả lời ngay thật, rõ ràng chẳng có cơ gì đáng nghi ngờ.

- Mình không tin anh ấy yêu đương ai khác. Cuối cùng ả nghĩ bụng. Điều đó khiến ả nhẹ cả người, vì trong trường hợp này, chắc chắn chàng vẫn còn yêu ả, nhưng cách đối xử của chàng làm cho ả rất đổi phân vân. Nếu chàng có ý định đối xử với ả như vậy, tại sao chàng lại yêu cầu ả đến ở căn buồng này?

Điều này thật trái với tự nhiên. Mildred không phải là người đàn bà quan niệm được về khả năng lòng trắc ẩn, sự rộng lượng và lòng nhân hậu. Ắ chỉ có thể kết luận Philip là con người kì quặc. Ắ định ninh rằng nguyên nhân dẫn dắt chàng đến cách cư xử như vậy là do lòng hào hiệp; và trí tưởng tượng của ả đầy rẫy những chuyện hư cấu rẻ tiền, ả tự hình dung mọi thứ giải thích lãng mạn viễn vông về tính tế nhị của chàng, ả tha hồ tưởng tượng mọi thứ chuyện hiểu lầm cay đắng, chuyện tẩy uế bằng lửa, những tâm hồn trong trắng như tuyết, và cái chết trong đêm giáng sinh giá buốt nghiệt ngã. Ắ quyết định khi hai người đến Brighton, ả sẽ chấm dứt mọi tình trạng vô lí này; họ sẽ lại ở với nhau một mình ở đó, thiên hạ sẽ cho là họ là hai vợ chồng, mà ở nơi đây lại có nhu cầu dạ nhạc chơi và có dàn nhạc. Khi ả thấy không có gì khiến được Philip ở chung với ả, khi chàng

nói vấn đề này với ả bằng một giọng trước đây ả chưa từng nghe bao giờ, thì ả chột hiểu rõ rằng chàng không cần đến ả. ả ngạc nhiên. ả nhớ lại hết thảy những gì chàng thổ lộ ngày xưa, và chàng đã yêu ả tuyệt vọng biết chừng nào. ả cảm thấy nhục nhã, tức giận, nhưng nhờ tính láo xược bẩm sinh ả đã vượt qua tất cả. Chàng không cần nghĩ là ả yêu chàng, bởi vì ả không yêu. Lắm lúc ả ghét chàng, ả mong sẽ làm nhục chàng, nhưng ả thấy mình bất lực lạ thường; ả không biết làm cách nào để điều khiển được chàng. ả bắt đầu bực dọc với chàng, ả đã khóc một đôi lần. Mấy lần ả quyết tâm tỏ ra tử tế đặc biệt với chàng, nhưng ban đêm, khi họ đi dạo dọc bờ biển, ả nắm lấy tay chàng, thì chàng xin lỗi rút tay lại như khó chịu bị ả đụng vào người. ả không còn hiểu ra sao. Chỗ dựa duy nhất của ả đối với chàng là con bé con, mà càng ngày chàng có vẻ quý mến. ả có thể khiến chàng tái mặt tức giận bằng cách tát đũa bé hay xô đẩy nó, và đôi mắt cười vui dịu dàng ngày xưa của chàng chỉ ánh lên lúc chàng trông thấy ả bế đứa bé trên tay. ả để ý điều này khi được người ta chụp ảnh ả trong tư thế đó trên bờ biển và sau đó ả thường đứng như vậy để Philip nhìn ả.

Khi họ trở về Luân Đôn, Mildred bắt đầu đi tìm công ăn việc làm mà ả cả quyết là rất dễ dàng; bây giờ ả muốn độc lập với Philip; ả lấy làm mãn nguyện nghĩ tới việc báo cho chàng biết ả sẽ ở riêng và sẽ đem theo đứa bé. Nhưng tới khi tiếp xúc thực tế, thì ả mất hết can đảm. ả dần dần đã trở nên thích nghi với thời giờ nhàn rỗi dài dằng dặc, không muốn chịu sự sai khiến của một bà chủ. Nghĩ đến chuyện một lần nữa lại phải khoát vào người bộ đồng phục, con người tự trọng của ả thấy ghê tởm. ả giải thích cho hàng xóm láng giềng quen biết là ả sống phong lưu, nếu thiên hạ nghe nói ả phải đi làm thì ả sẽ còn mặt mũi nào. Sự lười nhác bẩm sinh cả ả đã thắng thế. ả không muốn rời bỏ Philip chừng nào mà chàng còn sẵn chu cấp cho ả, thì hà tất gì ả phải tính chuyện bỏ chàng. Không có tiền của đâu lại đem vứt đi, nhưng chàng đã lo liệu cho ả nơi ăn chốn ở, nếu không chàng sẽ khấm khá hơn nhiều. Bác trai chàng đã già, có thể chết bất cứ ngày nào, lúc ấy chàng sẽ thừa hưởng chút xíu tài sản và cho dù tình hình có diễn ra như hiện nay,

thì điều đó vẫn còn hơn là quần quật từ sáng tinh mơ đến tối để mỗi tuần nhật về mấy cái silinh. Cố gắng của ả giảm dần, nhưng ả vẫn đọc các cột quảng cáo trên báo chí hàng ngày cốt để tỏ ra rằng ả không muốn bỏ lỡ cơ hội, gặp được việc gì làm xứng đáng với ả. Nhưng ả bất giác hoang mang sợ hãi, ả sợ rồi Philip sẽ chán ngấy phải nuôi nấng ả. Bây giờ ả chẳng còn chút ảnh hưởng nào đối với chàng, ả nghĩ rằng chàng còn cho ả ở đây chỉ vì chàng quý con bé. ả có suy nghĩ ủ ê về chuyện này, ả tức giận nghĩ thầm, rồi sẽ có một ngày nào đấy, ả sẽ bắt chàng phải trả giá cho hết thảy những chuyện này. ả không thể cam chịu để cho chàng không còn quan tâm đến ả nữa, ả sẽ ép buộc chàng. Sự oán giận làm cho ả đầu khố, lắm lúc ả thèm muốn Philip lạ lùng. Bây giờ chàng lạnh lùng đến nỗi ả phải giận sôi lên. ả luôn luôn nghĩ tới chàng theo cách đó. ả cho rằng chàng đối xử với ả như vậy là quá ư tồi tệ và ả không hiểu ả đã làm gì cho đáng tội. ả tiếp tục nhủ thầm nếu họ cứ phải sống như vậy thì thật trái với tự nhiên. Rồi ả chợt nghĩ nếu Sự việc diễn biến khác đi, nếu ả có con với chàng, chắc chắn chàng sẽ lấy ả. Chàng quả là con người kỳ quặc nhưng chàng đích thực là con người thượng lưu quý phái, không ai có thể chối cãi. Cuối cùng điều đó biến thành một sự ám ảnh, và ả quyết thúc đẩy một sự thay đổi trong quan hệ giữa hai người. Giờ đây chàng thậm chí không còn hôn ả nữa, mà ả thì ước ao, ả hồi tưởng lại xưa kia chàng đã từng riết chặt môi ả nồng cháy biết bao nhiêu, ả có một cảm giác kỳ lạ mỗi khi nhớ lại điều này. Và ả thường hay nhìn lên môi chàng.

Một buổi tối đầu tháng hai, Philip cho ả biết là chàng sẽ đi ăn với Lawson; Lawson tổ chức một bữa tiệc tại xưởng vẽ của y để kỷ niệm ngày sinh nhật, và chàng ở lại đến khuya mới về; Lawson đã mua hai chai rượu Pân mà họ ưa thích ở quán rượu phố Beak, và bọn dự định hưởng một đêm vui. Mildred hỏi phụ nữ có được mời không, Philip cho biết là không, chỉ có nam giới thôi; đúng hơn là bọn họ chỉ đến ngồi trò chuyện và hút thuốc lá, Mildred cho như thế là không vui lắm; nếu ả là họa sĩ, ả sẽ có đến nửa tá cô mẫu. ả lên giường nhưng không ngủ được, và ngay sau đó, một ý nghĩ

chợt đến với ả; ả đứng dậy, đến đóng cái then cửa ở đầu cầu thang để Philip không đi vào được. Khoảng một giờ chàng về tới nhà, ả nghe chàng vắng tục khi thấy cửa bị đóng chặt. ả bèn ra khỏi giường và mở cửa.

- Quỷ quái thế nào mà cô tự giam hãm mình trong nhà như vậy. Tôi lấy làm tiếc là đã lôi cô ra khỏi giường.

- Em đã cố ý để cửa mở, không hiểu thế nào mà nó lại đóng lại.

- Cô về giường nhanh lên kẻo bị cảm lạnh.

Chàng đi vào phòng khách và đốt đèn. ả theo chàng bước tới lò sưởi.

- Tôi muốn sưởi ấm chân một tí. Hai chân lạnh như nước đá.

Chàng ngồi xuống và bắt đầu cởi giày. Mắt chàng long lanh và hai má đỏ bừng. ả nghĩ bụng hẳn chàng say.

- Anh có vui không anh? ả mỉm cười hỏi.

- Có, tôi đã được hưởng một buổi tối tuyệt vời.

Philip hoàn toàn không say nhưng vừa rồi chàng đã cười nói nhiều và lúc nay vẫn còn sôi nổi lắm. Một buổi tối như thế làm chàng nhớ lại những ngày xưa ở Pari. Chàng vui vẻ phấn chấn, chàng lấy tẩu thuốc lá ra nhồi đầy thuốc.

- Anh chưa đi ngủ à? ả hỏi.

- Chưa, tôi chưa buồn ngủ tí nào. Lawson phấn khởi lắm. Hắn nói không ngớt lời kể từ lúc tôi đến cho tới lúc ra về.

- Các anh ấy nói về chuyện gì?

- Có trời biết! Đủ mọi thứ chuyện trên đời. Giá mà cô nhìn thấy tất cả bọn tôi gân cổ gào thét và chẳng có ai nghe cả.

Philip cười khoái trá nhớ lại, Mildred cũng cười. Ắ tin chắc rằng chàng đã uống quá say. Đó chính là điều ả mong đợi. Ắ đã hiểu biết bọn đàn ông.

- Em có thể ngồi chứ? - Ắ nói.

Không đợi chàng trả lời, ả ngồi ngay trên đầu gối chàng.

- Nếu cô chưa đi ngủ thì nên đi lấy áo khoác ngoài mặc.

- Ồ, như thế này em vẫn không sao. - Rồi ả quàng tay ôm cổ chàng, áp sát mặt chàng và thở thê. - Anh Philip, tại sao anh lại khó chịu với em?

Chàng cố đứng dậy, nhưng ả giữ lại.

- Anh Philip, em yêu anh - Ắ nói.

- Cô đừng nói vớ vẩn như thế!

- Không vớ vẩn đâu, em nói thật đấy. Em không thể sống mà không có anh. Em thèm anh.

Chàng gỡ ra khỏi tay ả.

- Xin cô đứng lên cho. Cô tự đem mình ra làm trò hề, và làm cho tôi cảm thấy mình hoàn toàn là một thằng ngốc.

- Anh Philip, em yêu anh mà. Em muốn đền bù lại mọi nỗi đau em đã gây ra cho anh. Em không thể tiếp tục sống như thế này. Sống như thế này không phải bản tính con người.

Chàng trườn người ra để ả ngồi một mình trên ghế.

- Tôi lấy làm tiếc nhưng quá muộn rồi.

Ả khóc nức lên nghe như xé ruột.

- Nhưng tại sao? Tại sao anh lại tàn nhẫn đến thế?

- Tôi cho rằng tại vì tôi đã quá yêu thương cô. Tình cảm nồng nàn của tôi giờ đã mòn mỏi. Cứ nghĩ đến bất cứ việc gì dây dưa đến chuyện đó là tôi kinh sợ. Giờ đây tôi không thể nhìn cô mà không nghĩ đến Emil và Griffiths. Người ta đành chịu không thể làm thế nào được những chuyện như vậy. Đó là vấn đề thần kinh, tôi nghĩ vậy.

Ả nắm lấy tay chàng và hôn tới tấp.

- Đừng! chàng kêu lên.

Ả ngã người xuống ghế.

- Em không thể tiếp tục như thế này. Nếu anh không muốn yêu em, em thà đi nơi khác còn hơn.

- Đừng có đại đột, cô không phải đi đâu. Cô có thể ở đây bao lâu tùy ý, nhưng cô phải dứt khoát nghĩ rằng chúng ta chỉ là bạn bè, và không có gì hơn nữa.

Cơ giận dữ của ả bỗng sụt xuống đột ngột và ả cười một tiếng cười ngọt ngào đầy ẩn ý. ả đứng lên uốn éo đến bên Philip vòng tay ôm lấy chàng. ả thỏ thẻ tán tỉnh.

- Đừng có ngớ ngẩn như thế, anh. Em cũng tin rằng anh bực bội mà, nhưng anh không biết được em có thể ngoan ngoãn đến mức nào đâu.

ả áp mặt ả vào mặt chàng, cọ cọ má vào má chàng. Đối với Philip, cái cười của ả là cái cười đưa tình tởm lợm, và cái khóe mắt long lanh khêu gợi đậm đặc của ả khiến chàng rung mình khiếp sợ. Chàng bất giác lùi lại.

- Tôi không muốn - Chàng nói.

Nhưng ả không chịu rời chàng. Môi ả kiếm tìm miệng chàng. Chàng nắm hai tay ả giật mạnh rồi đẩy ả ra xa.

- Cô làm tôi phát tởm. - Chàng nói.

- Em đây à?

Tì một tay lên mặt lò sưởi lấy lại thăng bằng, ả nhìn chàng một lúc, và hai gò má bỗng đỏ bừng. ả cất tiếng cười lạnh lạnh, tức giận.

- Tôi làm ông phát tởm?

Ả ngừng lại rồi bỗng nhiên ả thở dốc.

Rồi sau đó từ miệng ả những lời lăng mạ như thác đổ. Ả gân cổ lên gào thét. Ả gọi chàng bằng mọi cái tên bẩn thỉu mà ả nhớ được. Ả nói năng tục tĩu đến nỗi Philip phải kinh ngạc. Xưa nay ả vẫn thường ao ước được làm con người thanh lịch, thường tỏ ra phần nộ với những điều thô lỗ, chàng chưa bao giờ nghĩ ra là ả lại biết được những lời lẽ mà lúc này ả dùng đến. Ả bước tới gần chàng, hất mặt lên nhìn chàng, cái mặt méo xệ vì tức giận. Ả gào lên, nước bọt sủi ra hai bên mép.

- Tôi chẳng bao giờ thích anh, không một lần nào. Tôi đánh lừa anh luôn luôn. Tôi chán anh, tôi chán ngấy anh nên tôi ghét anh. Tôi sẽ không bao giờ để cho anh chạm vào người tôi, nếu chẳng phải vì tiền. Khi phải để cho anh hôn tôi, tôi muốn lộn mửa. Griffiths và tôi, chúng tôi đã cười anh, chúng tôi cười anh vì anh sao mà ngốc đến thế. Một thằng ngốc! Một thằng ngốc.

Sau đó, ả lại lớn tiếng thóa mạ thậm tệ. Ả buộc cho chàng đủ mọi tội lỗi hèn hạ: nào là keo kiệt, bủn xỉn, nào là đần độn, là tự phụ, là ích kỉ; ả phun ra những lời chế nhạo độc địa lên tất cả những gì chàng nhạy cảm nhất. Cuối cùng ả quay bước nhưng ả vẫn giận như điên như dại, tiếp tục quát tháo chàng bằng những từ ngữ lăng nhục tục tĩu. Ả cầm nắm đấm mở tung cửa. Rồi ả quay lại ném vào mặt chàng một câu rửa mà ả cho là lời duy nhất thực sự xúc phạm chàng. Ả cố sức dồn vào từ này tất cả mọi ác ý, mọi cay độc. Câu rửa quát vào mặt chàng như một ngọn roi. - Thằng què.

Sáng hôm sau, Philip giật mình tỉnh giấc, thấy đã muộn, chàng nhìn đồng hồ: chín giờ. Chàng ra khỏi giường, vào nhà bếp, kiếm ít nước nóng để cạo mặt. Không thấy bóng dáng Mildred đâu cả, đồ đạc, bát đĩa dùng trong bữa ăn tối hôm qua vẫn còn nằm trong chậu rửa. Chàng gõ cửa phòng ả.

- Dậy đi Mildred! Muộn lắm rồi.

Không có tiếng trả lời, cả sau khi chàng gõ cửa lần thứ hai to hơn, và chàng kết luận là ả đang hờn dỗi. Vì quá vội nên chàng không còn thì giờ để lo lắng đến chuyện này; chàng đặt ít nước lên đun sôi, nhảy vào bồn tắm thường được đổ đầy nước từ tối hôm trước cho bớt giá lạnh. Chàng đoán chừng Mildred thường nấu bữa sáng để trong phòng khách trong khi chàng mặc quần áo. ả đã làm như vậy hai ba lần trước mỗi khi chàng nổi cáu. Nhưng chàng không thấy ả động tĩnh gì, chàng hiểu rằng nếu chàng muốn ăn gì thì phải tự kiếm lấy. Chàng bực mình bị ả chơi khăm một vố đúng vào buổi sáng chàng ngủ quên. Khi chàng chuẩn bị xong vẫn không thấy bóng dáng ả, nhưng chàng nghe có tiếng động trong phòng ả.

Rõ ràng ả đã thức dậy. Chàng tự pha lấy tách trà, cắt hai mẩu bơ và bánh mì, chàng vừa ăn vừa mang giày, sau đó chàng chạy lao xuống cầu thang tiến theo ngõ phố rẽ ra con đường sắt chính để kịp tàu. Trong khi đưa mắt tìm cửa hàng bán báo để xem tin tức chiến tranh trên các tờ áp phích, chàng nhớ tới chuyện cãi nhau tối hôm qua, bây giờ thì việc đã rồi, chàng đành gác lại đến ngày mai; chàng cho đó là chuyện lỗ bịch, chàng thì lỗ lảng, nhưng vào cái lúc lòng tự ái tràn ngập, chàng đã không làm chủ được mình. Chàng giận Mildred đã đẩy chàng đến một thái độ vô lý, rồi chàng lại ngạc nhiên nghĩ đến cơn thịnh nộ và cách nói tục tũ của ả. Chàng đỏ mặt nhớ lại lời chế nhạo cuối cùng của ả, nhưng chàng nhún vai khinh bỉ. Từ lâu, chàng

đã trải qua những lúc lũ bạn chàng tức giận chàng họ không bao giờ quên đem tội nguyên của chàng ra chế giễu. Chàng đã trông thấy những người trong bệnh viện bắt chước cách đi của chàng, nhưng không phải trước mắt như hồi ở nhà trường, mà khi nào họ tưởng chàng không để ý đến. Chàng hiểu họ làm như thế không phải có ác ý, vì con người bản chất là một loài động vật hay bắt chước, vì đó là cách dễ dàng làm cho mọi người cười vui, chàng hiểu điều đó, nhưng chàng không thể cam chịu như vậy.

Chàng sung sướng lao vào công việc. Khi bước vào chàng thấy căn phòng dường như vui vẻ thân mật. Bà y tá trưởng niềm nở, tươi cười, nhanh nhẩu chào đón chàng.

- Ông đến muộn quá, ông Carey ạ.

- Đêm qua tôi ra phố ăn nhậu lu bù.

- Thảo nào!

- Cảm ơn bà!

Chàng vừa cười, vừa đến người bệnh đầu tiên, một thằng bé bị lao toét bã đậu. Chàng tháo băng cho nó. Nó lấy làm vui thích được gặp chàng. Philip đặt một miếng băng sạch lên vết thương và đùa với nó. Philip được mọi bệnh nhân quý chuộng; chàng vui tính, dịu dàng, có đôi bàn tay êm ái không gây đau đớn cho họ trong khi đó một vài người phụ nữ có phần thô bạo, làm việc thì tắc trách. Chàng ăn trưa với bạn bè ở câu lạc bộ, một bữa ăn thanh đạm chỉ bánh nướng và bơ với một cốc cacao; bọn họ bàn về chiến tranh. Nhiều người đã ra tiền tuyến nhưng nhà cầm quyền khó tính khước từ bất cứ ai chưa được bổ nhiệm công tác ở bệnh viện. Có kẻ cho rằng, nếu chiến tranh tiếp diễn thì chắc họ sẽ vui lòng tham nhận bất cứ ai đã tốt nghiệp; nhưng ý kiến chung là chiến tranh có thể kết thúc trong vòng

một tháng. Lúc này Roberto đã ở bên ấy rồi nghĩ chẳng bao lâu mọi việc sẽ đầu vào đấy. Đó cũng là ý kiến của Macalister, y bảo Philip rằng họ phải sẵn đón cơ hội và mua cổ phần ngay khi hòa bình được tuyên bố. Sau đó thì giá cả sẽ tăng vọt và bọn họ có thể kiếm được ít tiền. Theo lời chỉ bảo của Macalister, Philip để tùy y mua cổ phần cho chàng khi gặp thời cơ. Số ba chục bảng kiếm được trong dịp hè đã kích thích lòng ham muốn của chàng và bây giờ chàng muốn kiếm được vài trăm đồng.

Kết thúc ngày làm việc, chàng lên xe điện về Kennington. Chàng tự hỏi Mildred sẽ xử sự thế nào. Nghĩ rằng ả có thể gặt gồng không thèm trả lời các câu hỏi của mình, chàng lấy làm khó chịu.

So với thời tiết trong năm, thì đêm ấy là một đêm ấm trời, thậm chí trong những phố buồn bã của khu nam thành phố Luân Đôn không khí những ngày tháng hai vẫn còn uể oải. Thiên nhiên như bồn chồn sau những tháng đông dài. Vạn vật tỉnh giấc nảy nở sinh sôi trong lòng đất rì rào tin xuân báo hiệu tiếp tục hoạt động không ngừng. Philip những mong được ngồi mãi trên xe, vì đối với chàng phải trở về nhà lúc này là điều ghê tởm, chàng cần không khí ngoài trời, nhưng lòng chàng se lại; chàng thấy thèm được gặp con bé. Chàng mỉm cười nghĩ đến con bé chập chững đến với chàng, mồm bi bô vui sướng. Về đến nhà, chàng bất giác nhìn lên cửa sổ, và ngạc nhiên không thấy ánh đèn. Chàng lên thang gác, gõ cửa, nhưng không có tiếng trả lời. Nhiều khi Mildred ra ngoài, ả thường để chìa khóa dưới tấm thảm chùi chân, bây giờ chàng mới tìm thấy. Chàng bước vào phòng khách bật diêm. Có điều gì đó xảy ra mà chàng không kịp hiểu. Chàng vịn đèn ga lên hết cỡ rồi châm lửa. Căn phòng bỗng chói lòa, chàng nhìn quanh, há hốc mồm. Nhà cửa bị đập phá hết. Mọi thứ trong nhà đều bị hủy hoại một cách cố ý. Tức giận sôi người, chàng lao vào phòng Mildred. Căn phòng tối om trống không. Khi thả đèn lên, chàng thấy mọi thứ của ả và của đứa bé ả đã mang đi hết. Mới bước vào chàng đã để ý thấy cái xe đẩy không còn để ở cầu thang như mọi ngày, nhưng chàng nghĩ rằng Mildred đem con ra

ngoài chơi; hết thấy đồ đạc trên giá rửa mặt đều vỡ vụn, lớp đệm hai mặt ghế ngồi bị rách chéo sâu hai nhát bằng dao; gối bị xé toang, khăn giải giường có nhiều vết rách to, chiếc gương soi hình như bị đập vỡ bằng búa. Philip ngơ ngác bước vào phòng riêng của mình, ở đây cũng vậy, tất cả mọi thứ đều hỗn độn, chậu và bình đựng nước bị đập tan tành. Gương soi thành mảnh vụn, khăn giải giường bị xé nát. Mildred rạch chiếc gối một vết lớn vừa cho ả thò tay vào móc long rữ ra và vất tung tóe khắp phòng. ả thọc sâu con dao vào mấy cái chần. Tấm ảnh mẹ Philip để trên bàn gương trang điểm khung ảnh bị bẻ gãy, kính bị đập vỡ. Philip bước vào gian nhà bếp bé tí, mọi thứ gì có thể đập vỡ được đều bị đập vỡ, từ bát đĩa, cốc chén cho đến khuôn làm bánh pudding.

Philip căng thẳng nghẹt thở. Mildred không để lại thư từ, không gì hết ngoài sự đổ nát này để biểu lộ lòng căm tức của ả, và chàng hình dung nét mặt hăm hăm của ả trong lúc phá phách. Chàng trở lại phòng khách, đưa mắt nhìn quanh, chàng kinh ngạc đến nỗi không còn tức giận nổi. Chàng tò mò nhìn con dao bếp và cái búa đập than ả vứt lại trên bàn. Sau đó mắt chàng bắt gặp con dao lạng thọt to tướng trong lò sưởi. Cả lò sưởi này cũng bị đập vỡ. Chắc hẳn ả đã mất nhiều thời gian lắm mới gây được những thiệt hại ghê gớm như vậy. Bức chân dung của chàng do Lawson vẽ họa bị cắt chéo, vết rách ban rộng gớm guốc. Các tranh của chàng vẽ bị xé toạc từng mảnh, những tấm phiên bản chụp Olympia của Manet, Odalisque của Ingres, chân dung Philip IV bị ả dùng búa đập than đập phá tan tành. Khăn trải bàn ăn, màn cửa, hai mặt ghế bành đều có những vết rách dài và sâu. Những thứ này bị phá hủy hoàn toàn. Trên một bức tường, nơi để bàn làm việc, Philip treo mẫu thảm Ba Tư nhỏ bé của Cronshaw tặng chàng mà Mildred ghét cay ghét đắng.

- Nếu đó là một tấm thảm thì phải đem trải nó trên sàn nhà - ả nói - còn đây tất cả chỉ là một mảnh vải len thôi hoặc, thế thôi.

Tấm thảm này làm cho ả điên tiết vì Philip khẳng định với ả rằng nó chứa đựng lời giải đáp cho một điều bí ẩn thú vị. Ả cho rằng chàng chế nhạo ả, ả đã lấy dao đâm thẳng ba nhát vào tấm thảm nhưng nó khá bền nên vẫn còn trên tường tuy đã rách tả tơi. Philip có vài ba chiếc đĩa xanh, trắng không giá trị gì nhưng chàng đã mua từng chiếc một với số tiền nhỏ mọn và chàng rất quý vì đó là những vật kỉ niệm. Chúng đã thành những mảnh vụn vứt bừa bãi trên nền nhà. Các gáy sách của chàng cũng mang nhiều vết rạch dài và sau, ả còn chịu khó xé hẳn ra nhiều trang ở mấy cuốn truyện tiếng pháp mới đóng tạm. Những vật trang trí con con trên mặt lò sưởi biến thành những mảnh vụn trên nền lò. Tất cả mọi thứ gì có thể phá hủy bằng dao con hay bằng búa đều bị phá trụi.

Toàn bộ tài sản của Philip chắc không bán được ba chục bảng, nhưng chàng xem phần lớn chúng là những bạn bè cũ thân thuộc; chàng lại là người thích cuộc sống gia đình gắn bó với mọi thứ linh tinh lặt vặt vì chúng là của chàng. Chàng tự hào về tổ ấm nhỏ bé của mình, và nhờ vào đồng tiền ít ỏi như vậy, chàng làm cho nó xinh xắn, có đặc điểm riêng biệt. Giờ đây chàng chìm đắm trong thất vọng. Chàng tự hỏi vì sao ả có thể tàn nhẫn đến thế. Một cơn lo sợ chợt đến khiến chàng quay gót chạy ra hành lang nơi đặt tủ đựng quần áo của chàng_ Chàng mở tủ và thở dài nhẹ nhõm. Rõ ràng ả quên cái tủ này, mọi thứ trong tủ vẫn còn nguyên vẹn. Chàng trở về phòng khách, đứng ngắm cảnh tượng, lòng phân vân không biết phải làm gì; chàng không còn lòng dạ nào để bắt đầu cố gắng thu dọn sửa sang mọi thứ, thêm nữa trong nhà không còn thức ăn mà chàng thì đang đói; chàng đi ra phố tìm mua cái ăn. Khi trở về chàng bình tĩnh hơn. Nghĩ tới đứa bé, chàng cảm thấy lòng nhói đau, chàng tự hỏi không biết nó có nhớ chàng không. Có lẽ mới đầu nó nhớ, nhưng một tuần sau, nó có thể quên chàng; và chàng vui mừng thoát khỏi tay Mildred. Nghĩ tới ả chàng không giận, nhưng lòng chàng tràn ngập một nỗi chán chường.

- Cầu trời cho ta sẽ không bao giờ gặp lại cô ấy nữa - Chàng kêu lớn. Công việc duy nhất bây giờ là rời khỏi căn nhà này và chàng quyết định sáng mai báo cho chủ nhà biết. Chàng không có khả năng sửa chữa lại sự thiệt hại đã rồi, và vì còn ít tiền quá, chàng phải đi tìm chỗ trọ rẻ hơn. Chàng sẽ sung sướng được thoát khỏi này. Trước đây sự tiêu pha khiến chàng phải lo nghĩ nhưng giờ đây, nếu còn ở trong nhà này thì chàng luôn luôn nhớ tới Mildred. Philip là người thích kiên nhẫn. Chừng nào chưa thực hiện được ý định thì chàng chưa có thể nghỉ ngơi, vì thế chiều hôm sau, chàng đến một gã buôn đồ cũ, gã nhận mua tất cả số đồ đạc hư và số còn nguyên vẹn với giá ba bảng. Hai ngày chàng dọn đến căn nhà đối diện với bệnh viện mà đã từng ở khi lần đầu tiên chàng trở thành sinh viên y khoa. Bà chủ nhà là một người tử tế. Bà cho chàng thuê một phòng ngủ ở tầng trên sáu silinh một tuần đó là căn phòng tồi tàn nhỏ bé trông ra sân nhà, nhưng bây giờ chàng chẳng còn gì trừ quần áo và một thùng sách. Và chàng vui mừng thuê được chỗ trọ giá rẻ đến thế.

Bây giờ, chuyện may mắn của Philip đối với ai khác thì không thành Vấn đề - nhưng với chàng là cần thiết - lại chịu ảnh hưởng của những sự kiện quan trọng mà đất nước chàng đã trải qua. Quá trình lịch sử đang chuyển biến này có ý nghĩa đến nỗi như là vô lý nếu nó động chạm đến cuộc đời một chàng sinh viên y khoa không có tiếng tăm. Hết trận này đến trận khác, Magersfontein, Colenso, Spion Kof thất bại trên sân vận động Eten, đã làm nhục quốc gia và giáng một đòn chỉ mạng vào uy tín tầng lớp quý tộc lớn và nhỏ, mãi đến lúc ấy còn thật sự không thấy ai phản đối bản năng cai trị bẩm sinh mà họ tự khẳng định. Trật tự cũ đang bị quét sạch, quả thực lịch sử đã sang trang. Lúc đó người không lồ dùng hết sức mạnh bình sinh dò dẫm được vào cái tưởng chừng như sự chiến thắng. Cronje đầu hàng Paardeberg, Ladysmith được giải thoát và đầu tháng Lord Rooerts hành quân vào Bliemfontein.

Hai ba ngày sau, khi các tin tức đó đến Luân Đôn, Macalister đến quan rượu phố Beak vui vẻ báo tin tại sở giao dịch chứng khoán Luân Đôn việc mua bán có vẻ sáng sủa hơn. Hòa bình đã nhìn thấy rồi, thì tuần nữa Roberts sẽ tiến quân vào Prétoria, cổ phần bắt đầu tăng giá, và sẽ tăng vọt lên, đó là điều chắc.

Bây giờ là lúc bắt đầu - y nói với Philip - Đợi cho thiên hạ hiểu ra thì không lợi. Chính là bây giờ hoặc chẳng bao giờ.

Y có nguồn tin nội bộ. Giảm đốc một khu mỏ Nam Phi điện cho người hùn vốn lâu năm của công ty ông ta nhà máy còn nguyên vẹn. Người ta bắt đầu làm việc càng sớm càng tốt. Đó không phải chuyện đầu cơ tích trữ, mà là chuyện đầu tư. Để chứng tỏ người hùn vốn trên cho việc này là có lợi, Macalister cho Philip biết y đã mua năm trăm cổ phiếu cho hai cô em, y

không giờ đầu tư vốn vào tổ chức kinh doanh nào không an toàn chắc chắn như Ngân hàng Anh quốc. - Chính tôi sắp sửa bán nốt chiếc áo sơ mi đi để đánh cuộc vụ này - Y bảo.

Giá cổ phần từ hai bảng một phần tám đến hai bảng một phần tư. Y khuyên Philip đừng tham lam, mà nên vừa lòng với mức tăng giá mười Silinh thôi. Y mua cho mình ba trăm cổ phần và gợi ý Philip mua. Philip rất tin tưởng ở y, một phần vì y là người Xứ E-cốt, do đó mà bản chất cẩn thận, một phần vì trước đây y có ý kiến đúng. Chàng bèn chớp lấy đề nghị này.

- Nay bọn mình sẽ có thể bán trước khi thanh toán Macalister nói - Nếu không được, tôi sẽ thu xếp chuyển khoản cho cậu.

Đối với Philip điều này có vẻ là một phương pháp tuyệt diệu. Như vậy mình sẽ bám chặt cho đến khi thu được lợi nhuận mà không bao giờ phải bỏ ra đồng xu nào. Chàng bắt đầu quan tâm theo dõi các mục tin tức về sở giao dịch chứng khoán Luân Đôn trên báo chí. Hôm sau, mọi thứ lên giá một ít, và Macalister viết thư cho biết y phải mua cổ phần với giá hai bảng một phần tư, thị trường vẫn vững. Nhưng trong có một vài ngày giá cả bỗng sụt. Tin tức từ Nam Phi không làm được yên lòng và Philip lo lắng thấy giá cổ phần của mình tụt xuống còn có hai bảng, nhưng Macalister vẫn lạc quan, bọn Boers không chịu đựng được lâu nữa, và y sẵn sàng đánh cuộc một cái mũ chóp cao rằng Roberts sẽ tiến quân vào Johannesburg trước giữa Tháng Tư. Đến kỳ thanh toán Philip phải trả hết gần bốn chục bảng. Điều này khiến chàng rất lo lắng nhưng chàng thấy cách giải quyết duy nhất là phải kiên trì, trong hoàn cảnh của chàng, sự thua lỗ là quá lớn không thể chịu nổi. Trong vài ba tuần lễ không có điều gì xảy ra; bọn Boers chắc không biết rằng họ bị đánh bại và họ không còn gì hơn là sự đầu hàng; thực tế họ có thu được một vài thắng lợi nhỏ và cổ phần của Philip lại hạ xuống thêm nửa cua-ron. Rõ ràng chiến tranh chưa chấm dứt. Ở thị trường lúc này người ta bán ra rất nhiều cổ phần. Khi gặp Philip, Macalister tỏ ra bi quan.

- Không biết điều tốt nhất có phải là nên giảm bớt thua lỗ hay không? Tôi đã bắt đầu ngán cứ phải thanh toán khoản chênh lệch lắm rồi.

Philip lo đến phát ốm. Đêm chàng không ngủ; ăn vội bữa sáng, bây giờ giảm xuống chỉ còn nữa ổ bánh mì và pho mát, để đến phòng đọc của câu lạc bộ xem báo; lắm lúc có tin tức xấu, lắm lúc chẳng có tin tức gì hết, nhưng tới khi các cổ phần bắt đầu nhúc nhích lại là giá tụt. Chàng không còn biết phải làm gì. Nếu giờ đem bán đi, rõ ràng là chàng sẽ thua lỗ cả gần ba trăm năm chục bảng. Và như vậy chàng chỉ có tám chục bảng để mà sống lay lắt.

Ôi, giá như chàng không bao giờ ngu xuẩn học đòi mua bán cổ phần dựa vào sổ giao dịch chứng khoán Luân Đôn như thế; nhưng bây giờ tốt nhất là phải kiên trì; biết đâu một ngày nào đó, điều gì quyết định có thể xảy và cổ phần có thể sẽ lên giá; lúc ấy chàng chẳng hy vọng rằng sẽ có lãi, nhưng chàng cần bù lại được sự thua lỗ. Đó là cơ hội duy nhất để chàng kết thúc khóa học ở bệnh viện này. Học kì hè bắt đầu vào tháng năm và chàng có ý định lúc kết thúc học kỳ sẽ thi về khoa sản. Như vậy chàng chỉ còn một năm học nữa, chàng tính toán thật rõ ràng và đi tới kết luận rằng với một trăm năm mươi bảng, chàng có thể giải quyết được học phí và mọi yêu cầu, nhưng đó là mức tối thiểu có khả năng thực hiện.

Đầu tháng tư chàng đến quán rượu phố Beak hy vọng gặp Macalister . Thảo luận tình hình với y làm cho chàng ít nhiều yên tâm; nhiều người, ngoài chàng ra, cũng đang đau khổ vì mất tiền; điều này an ủi chàng phần nào. Nhưng đến nơi, Philip không gặp ai, chỉ có Hayward. Philip vừa mới ngồi xuống, anh ta đã nói.

- Chủ nhật này mình xuống tàu đi Cape đây.

- Thật không? - Philip kêu lên.

Chàng không thể ngờ là Hayward lại quyết định như vậy. Hiện nay ở bệnh viện đàn ông nhập ngũ hàng loạt. Chính phủ vui mừng kiếm được bất kì ai đã tốt nghiệp.; nhiều người khác ra đi với tư cách lính thường, viết thư về nhà nói rằng họ được đưa đến công tác tại bệnh viện ngay khi người ta biết họ là sinh viên y khoa.

Một làn sóng yêu nước tràn khắp xứ sở và những kẻ tình nguyện thuộc mọi tầng lớp xã hội.

- Cậu đi với tư cách gì? - Philip hỏi.

- Ồ, mình đi với tư cách lính thường trong quân lỵ binh nghĩa dũng hạt Dorset.

Philip quen biết Hayward từ tám năm nay. Tình thân mật của lứa tuổi thanh niên, bắt nguồn từ chỗ Philip say sưa khâm phục đối với con người có thể tranh luận với chàng về văn học nghệ thuật, tình cảm đó đã tiêu tan từ lâu giờ chỉ còn chỗ cho thói quen. Khi Hayward ở Luân Đôn, hàng tuần họ gặp nhau một vài lần. Anh ta vẫn còn nói chuyện về sách vở với một sự hiểu biết tinh tế. Philip không chịu đựng nổi, lắm lúc chuyện trò của Hayward làm chàng phát cáu. Chàng không còn tuyệt đối tin rằng trên đời trừ nghệ thuật không có gì quan trọng. Thái độ coi thường hành động và thành công của Hayward khiến chàng bực bội. Philip vừa khuấy rượu pân vừa nghĩ đến tình bạn ban đầu và lòng nhiệt thành của mình đã từng mong mỏi Hayward sẽ làm nên việc lớn; từ lâu chàng đã mất hết những ảo tưởng đó, bây giờ chàng hiểu ra là Hayward chỉ nói chứ không làm. Với ba trăm bảng một năm mà giờ đây đã ba mươi lăm tuổi anh ta lại cho rằng khó sống hơn trước khi còn là thanh niên. Quần áo anh ta tuy vẫn do thợ cừ may cắt nhưng bây giờ anh ta dùng lâu hơn nhiều, điều đó trước đây là không thể

được. Anh ta béo ục ịch, mái tóc vàng hoe cho dù có chải khéo léo đến đâu cũng không che đậy nổi cái đầu hói. Cặp mắt xanh giờ đây lơ lơ đã nhạt màu. Chẳng khó khăn gì cũng đoán được rằng anh ta rượu chè thái quá.

- Quái quỷ thế nào mà cậu lại tính chuyện nhập ngũ tận Cape? - Philip hỏi.

- Ồ, tôi chẳng biết. Tớ nghĩ là tớ phải đi thôi.

Philip im lặng. Chàng hơi choáng váng. Chàng hiểu rằng Hayward bị dồn vào tình trạng bứt rứt tâm hồn mà chàng không giải thích được.

Một sức mạnh nào đó trong người anh ta khiến việc chiến đấu cho xứ sở có vẻ là cần thiết. Thật là kỳ quặc, vì anh ta vẫn coi lòng yêu nước không hơn gì một định kiến và lấy làm hãnh diện về chủ nghĩa thế giới của mình. Anh ta xem nước Anh như một nơi lưu đày, những người đồng hương nói chung đã làm thương tổn tính nhạy cảm của anh ta. Philip tư hỏi điều gì đã khiến người ta làm những việc trái ngược với mọi lý thuyết về cuộc sống của họ như thế. Đối với Hayward, nếu như anh ta đứng sang một bên, mỉm cười nhìn xem những kẻ dã man tàn sát lẫn nhau, điều đó có lẽ hợp lý hơn. Hình như con người chỉ là những con rối trong tay lực lượng vô hình, bị sai khiến làm việc này việc nọ; lắm lúc thiên hạ dùng lý lẽ để biện hộ cho hành động của mình. Khi không thể được thì người ta hành động bất chấp lẽ phải.

- Con người ta thật lì lợm - Philip nói - Tớ không bao giờ có thể ngờ rằng cậu lại ra đi như một chân lính trơn.

Hayward hơi bối rối, mỉm cười, không nói gì.

- Tớ đi khám sức khỏe hôm qua - Cuối cùng anh ta mới nói - Đành chịu Gêne (ngượng nghịu) cho người ta khám. Biết được hoàn toàn khỏe mạnh, như vậy kể cũng đáng.

Philip để ý thấy anh ta vẫn điệu bộ dùng một từ tiếng Pháp trong khi có thể dùng một từ tiếng Anh. Nhưng đúng lúc ấy thì Macalister bước vào.

- Anh Carey, tôi muốn gặp anh - Y nói - Gia đình nhà tôi không có ý muốn giữ những cổ phần kia lâu thêm nữa đâu, thị trường đang trong tình hình dễ sợ, họ muốn anh lấy về hết đi.

Ruột Philip thắt lại. Chàng hiểu là không thể như vậy được. Thế nghĩa là chàng chấp nhận thua lỗ. Lòng tự trọng khiến chàng bình tĩnh trả lời:

- Không biết việc đó có đáng làm không. Tốt hơn là anh đem bán đi.

- Nói thì dễ lắm. Tôi không chắc bán được, thị trường đang đứng, chẳng có ai mua.

- Nhưng thị giá các cổ phần đã hạ xuống còn một và một phần tám bảng.

- Ồ! Đúng thế nhưng điều đó chẳng có ý nghĩa gì. Với giá hạ đó người ta cũng chẳng kiếm chác được gì.

Philip yên lặng một lúc, rồi cố trấn tĩnh:

- Có phải anh muốn nói là chúng ta chẳng còn chút giá trị nào chẳng?

- Ồ, tôi không nói thế. Dĩ nhiên chúng vẫn có giá trị chút ít, nhưng anh thấy đấy, bây giờ chẳng ai mua.

- Vậy thì anh nên bán đi, được bao nhiêu thì được. Macalister dăm dăm nhìn Philip. Y tự hỏi không biết chàng có bị choáng váng lắm không.

- Nay anh bạn thân mến, tôi rất lấy làm ân hận, chúng ta đều cùng cảnh như nhau. Không ai nghĩ rằng chiến tranh lại kéo dài như vậy. Tôi đã lôi anh vào nhưng chính tôi cũng ở trong đó.

- Không sao đâu - Philip nói - Thì cũng đành liều, chứ biết thế nào.

Chàng trở về bàn, nơi chàng vừa đứng lên để đến nói với Macalister. Chàng chết lặng người. Chàng bỗng thấy đau đầu dữ dội, nhưng chàng không muốn thiên hạ cho là hèn yếu. Chàng ngồi nán lại một giờ nữa, sôi nổi cười nói với mọi người về đủ thứ chuyện. Cuối cùng chàng đứng dậy ra về.

- Anh tiếp nhận điều đó khá bình tĩnh đấy - Macalister bắt tay chàng và nói - Tôi nghĩ rằng chẳng ai muốn mất ba bốn trăm bảng.

Trở về căn phòng nhỏ bé tồi tàn của mình, Philip vật mình xuống giường, thất vọng. Chàng vẫn cứ cay đắng hối tiếc hành động điên rồ của mình; chàng tư nhủ hối tiếc vậy là điều vô lý bởi vì điều xảy ra là không tránh được mà cũng đã xảy ra rồi, nhưng chàng không chịu nổi. Chàng hết sức khổ sở. Chàng không ngủ được. Chàng nhớ lại mọi cách hoang phí tiền của trong mấy năm gần đây. Đầu chàng đau dữ dội.

Chiều hôm sau, qua chuyển thư cuối cùng, chàng nhận được bản quyết toán. Chàng xem xét số gửi ngân hàng và nhận thấy sau khi trang trải mọi khoản, chàng chỉ còn bảy bảng.

Bảy bảng! chàng mừng thấy mình còn khả năng thanh toán. Buộc phải thú nhận với Macalister là mình hết tiền thì thật kinh khủng. Trong học kỳ

hè, chàng phụ trách băng bó ở phòng mắt và chàng đã mua lại một kính soi đáy mắt của một sinh viên. Chàng vẫn chưa trả tiền, nhưng chàng không đủ can đảm để nói cho cậu sinh viên nọ là chàng muốn hủy bỏ chuyện mua bán này. Chàng cũng phải mua thêm một ít sách. Chàng vẫn còn khoảng năm bảng để đủ chi dùng trong sáu tuần lễ, chàng liền viết thư cho ông bác một bức thư trình bày do chiến tranh chàng phải chịu những tổn thất nặng nề, và không thể tiếp tục học tập nếu bác trai không giúp đỡ. Chàng đề nghị bác gửi cho chàng vay một trăm rưỡi bảng, trong mười tám tháng tới, mỗi tháng một lần. Chàng hứa trả lãi và vốn dần dần một khi chàng kiếm ra tiền. Chậm nhất trong một năm rưỡi nữa, chàng sẽ tốt nghiệp và lúc ấy khá chắc chắn chàng có thể tìm được một chân phụ tá lương ba bảng một tuần. Bác chàng viết là ông không thể làm gì được. Yêu cầu ông bán tổng bán tháo trong lúc giá cái gì cũng rẻ mạt thì thật chẳng ra sao, và chút ít tài sản của ông, ông thấy có bốn phận phải giữ gìn cho mình phòng trường hợp ốm đau. Rồi ông kết thúc bức thư bằng mấy câu thuyết lý đạo đức nghe đã nhàm. Ông đã khuyên răn đi, khuyên răn lại Philip nhưng chàng có bao giờ chịu nghe ông; chuyện xảy ra ông chẳng ngạc nhiên. Đã từ lâu ông trông chờ điều này, nó sẽ chấm dứt cái tính không chịu cân nhắc kỹ càng và cách sống hoang phí của chàng. Khi đọc thư Philip trở nên nóng nảy, và thấy vọng. Chàng không bao giờ có thể ngờ được bác trai lại có thể từ chối; chàng ùng ùng nổi giận; nhưng rồi chàng lại thất vọng hoàn toàn. Nếu bác trai không giúp đỡ được chàng chẳng còn khả năng tiếp tục học tập ở bệnh viện. Hoang mang sợ hãi, chàng đành gạt lòng tự ái sang một bên, viết cho cha sở xứ Blackstable một lá thư nữa, lần này trình bày cho bác anh thấy hoàn cảnh khẩn cấp hơn; nhưng có lẽ chàng không giải thích đúng mức còn bác chàng thì không thấu hiểu tình thế khốn cùng tuyệt vọng của chàng nên ông trả lời là ông không thể thay đổi ý kiến; Philip đã hai mươi lăm tuổi đầu, phải kiếm lấy làm nuôi thân. Khi nào ông qua đời ông sẽ cho Philip thừa kế chút ít, nhưng cho tới lúc đó thì một xu ông cũng nhất định không cho. Qua bức thư này, Philip cảm thấy sự thỏa mãn của một con người từ nhiều năm nay vẫn từng không tán thành cách cư xử của chàng, và giờ đây người đó thấy mình là đúng.

Philip bắt đầu đem quần áo đi cầm cố. Chàng giảm bớt chi tiêu, mỗi ngày, ngoài bữa điếm tâm, chàng chỉ ăn một bữa lúc bốn giờ chiều gồm bánh mì, bơ và ca cao đủ để chịu đựng đến sáng hôm sau. Vì vậy đến khoảng 9 giờ tối là chàng đói bụng, phải đi nằm. Chàng tính vay tiền của Lawson, nhưng sợ bạn từ chối, chàng lại thôi; cuối cùng chàng đành hỏi mượn bạn 5 bảng. Lawson vui lòng cho chàng mượn, nhưng khi đưa tiền anh ta bảo:

- Trong khoảng một tuần lễ cậu trả lại mình nhé, được không? Tớ phải trả cho thợ lắp khung, lúc này, tớ cũng đang rất túng.

Philip biết mình không thể trả lại, tưởng đến điều Lawson có thể nghĩ về mình, chàng cảm thấy hổ thẹn đến nỗi sau khi nhận tiền về hai ngày chàng đem trả không hề động tới. Vừa lúc ấy, Lawson sắp đi ăn trưa, anh mời Philip cùng đi. Chàng sung sướng được bữa ăn ngon nhưng chàng hầu như không thể ăn được. Chủ nhật tới, chắc chàng được ăn trưa với gia đình Athelny. Chàng ngập ngừng không muốn thổ lộ với họ những điều đã xảy ra cho chàng.; xưa nay họ vẫn nghĩ chàng tương đối sung túc, chàng sợ nếu họ biết chàng không còn một xu dính túi, họ sẽ nghĩ về chàng ít thiện cảm hơn.

Dù luôn luôn nghèo khổ, chàng chưa bao giờ nghĩ tới khả năng không óc đủ mà ăn; đó không phải là điều có thể xảy ra cho lớp người như chàng, vì vậy chàng cảm thấy hổ thẹn như mắc phải một căn bệnh ô nhục. Cảnh ngộ chàng đang gặp hoàn toàn bất ngờ. Chàng sửng sốt đến nỗi không biết làm gì khác hơn là tiếp tục công tác ở bệnh viện; chàng mơ hồ hi vọng sẽ có một việc gì đó xảy ra; chàng hoàn toàn không thể tin tưởng nổi rằng điều vừa xảy ra với mình là có thật; chàng hồi tưởng ngày xưa trong học kỳ đầu

ở trường, chàng thường nghĩ đời mình cứ như một giấc chiêm bao có thể lúc tỉnh giấc chàng lại thấy mình đang ở nhà. Nhưng phút chốc chàng nhận thấy ngay trước mắt là viễn cảnh một tuần lễ nữa, chàng sẽ không còn một xu nhỏ. Chàng phải bắt đầu kiếm ngay một việc gì đấy. Giá mà chàng đã tốt nghiệp thì dù với cái chân thọt, chàng cũng có thể xin nhập ngũ ra nước ngoài, đến xứ Cape, vì hiện nay đang cần rất nhiều thầy thuốc. Nếu không bị tật nguyên, chàng có thể được tuyển vào một trung đoàn kỵ binh nghĩa dũng thường được sai phái đi luôn luôn. Chàng đến gặp viên thư kí trường đại học y khoa, hỏi có thể để chàng dạy kèm một số sinh viên kém không; nhưng viên thư kí tỏ ra không hy vọng được cho chàng một việc gì như thế. Philip đọc mục quảng cáo trên mấy tờ báo y học. Một bác sỹ có phòng khám bệnh và phát thuốc đường Fulham cần một phụ tá chưa tốt nghiệp, chàng bèn đến xin làm. Khi đến gặp ông ta, chàng thấy bác sỹ liếc nhìn cái chân thọt của chàng, và khi nghe Philip nói mới học năm thứ tư ở bệnh viện, ông ta nói ngay rằng kinh nghiệm của chàng chưa đủ. Philip hiểu rằng đó chỉ là lí do từ chối, ông ta muốn có một người giúp việc nhanh nhẹn. Philip chú ý tìm những cách khác để kiếm tiền. Chàng biết tiếng Pháp và tiếng Đức, chàng cho rằng có thể có cơ hội tìm một công việc như phụ trách việc giao tiếp bằng thư từ, việc này khiến chàng không vui lắm, nhưng chàng quyết tâm vì không còn việc gì khác. Đối với những quảng cáo buộc người xin việc phải thân hành đến, thì chàng hổ thẹn quá không trả lời, chỉ nơi nào yêu cầu trả lời bằng thư chàng mới phúc đáp, nhưng chàng không có kinh nghiệm để mà phô trương, không được ai gửi gắm phí thác. Chàng hiểu cái vốn tiếng Đức và tiếng Pháp của mình không dùng trong buôn bán được, chàng mù tịt về các danh từ thương mại, tốc ký không biết ghi, máy đánh chữ cũng không biết đánh. Chàng không thể không công nhận, trường hợp của mình là vô vọng. Chàng đã nghĩ tới chuyện viết thư cho vị cố vấn pháp luật là người thi hành chúc thư của cha chàng; nhưng chàng không viết vì chàng đã làm trái với lời thông báo rõ ràng của ông ta, cha đã bán văn tự cầm cố trong có ghi số tiền Anh cho chàng. Chính qua ông bác mà chàng biết ông Nixon hết sức chê trách

chàng. Và qua thời gian Philip làm ở văn phòng kế toán, ông ta đã rút ra kết luận là chàng lười nhác và bất tài.

- Ta thà chết đói - Philip nghĩ thầm.

Đã một vài lần chàng chợt nghĩ đến khả năng tự sát. Kiểm ra một thứ gì đó ở trạm khám và phát thuốc của bệnh viện là chuyện dễ dàng, và nghĩ tới trường hợp xấu nhất mà có ngay những phương tiện tự sát, không đau đớn gì làm cũng không một niềm an ủi; nhưng đó không phải là cách giải quyết mà chàng thật sự tính đến một cách nghiêm chỉnh. Khi Mildred bỏ chàng đi theo Griffiths, nỗi đau của chàng lớn đến nỗi chàng đã muốn chết để chẳng còn phải phiền muộn. Hôm nay điều chàng cảm thấy không giống như vậy. Chàng nhớ lại bà y tá trưởng phụ trách phòng cấp cứu đã kể cho chàng nghe rằng người ta thường tự tử vì túng quẫn hơn là vì tình duyên, và chàng cười không nghĩ tới một trường hợp ngoại lệ. Chàng chỉ ước mong có thể kể lể mọi điều lo nghĩ với một người nào đó, nhưng chàng lại không dám thú nhận. Chàng cảm thấy hổ thẹn. Chàng tiếp tục kiếm việc làm. Đã ba tuần lễ, chàng không trả tiền nhà, chàng giải thích cho bà chủ đến cuối tháng chàng mới có tiền, bà ta không nói gì, nhưng môi bà mím lại trông có vẻ dữ tợn. Đến ngày cuối tháng bà hỏi chàng nếu có tiền thì trả dần bà ít nhiều, nhưng chàng lấy làm đau khổ trả lời là chàng chưa trả được; chàng cho bà biết là sẽ viết thư cho ông bác và hứa chắc chàng có thể thanh toán vào ngày thứ bảy tới.

- Được, ông Carey ạ, tôi hy vọng ông sẽ thanh toán bởi vì tôi còn phải trả tiền thuê nhà, và tôi cũng không thể để cho việc thanh toán cũ dây dưa mãi.

- Bà nói năng không giận dữ nhưng với một thái độ quả quyết khá dễ sợ. Bà ngừng một lát rồi nói tiếp: - Nếu thứ bảy tới ông không trả, tôi buộc phải thưa kiện với ông thư ký bệnh viện.

- Ồ, vâng, rồi sẽ đâu vào đấy.

Bà nhìn chàng một lúc rồi đảo mắt quanh căn phòng tuềnh toàng. Khi bà ta nói tiếp thì giọng bà ta rất bình thường như đề cập tới một vấn đề gì đó hoàn toàn tự nhiên.

- Tôi có làm món thịt rán khá ngon, nếu như ông quá bộ xuống dưới nhà, xin được mời ông dùng một chút cơm với chúng tôi.

Philip cảm thấy mặt nóng bừng, chàng nghẹn ngào nói.

- Thưa bà Higgins, xin rất cảm ơn bà, nhưng tôi không đói tí nào.

- Xin tùy ông.

Khi bà ta rời phòng bước ra, Philip vật mình xuống giường. Chàng phải nắm chặt hai bàn tay cho khỏi bật ra tiếng khóc.

Thứ bảy. Hôm nay là ngày chàng đã hứa sẽ trả tiền nhà cho bà chủ. Suốt cả tuần, chàng mong đợi một việc gì đó xảy ra. Chàng không tìm được việc làm. Trước đây chàng chưa từng bao giờ bị dồn vào bước đường cùng như thế này cho nên chàng sững sốt đến không còn biết làm gì nữa. Trong thâm tâm chàng có cảm giác rằng tất cả những chuyện này là một trò đùa ngớ ngẩn, chàng còn lại không quá mấy đồng xu, và đã bán hết số quần áo không dùng đến; chàng có mấy cuốn sách và vài thứ lặt vặt nếu đem bán cũng được vài silinh, nhưng bà chủ đã theo dõi tình hình đi, về của chàng, chàng sợ bị bà ta chặn lại nếu chàng đem cái gì ra khỏi phòng. Tốt nhất là để cho bà ta biết chàng không thanh toán nổi tiền nhà. Nhưng chàng không đủ can đảm. Đó là vào trung tuần tháng sáu. Đêm ấy trời đẹp và ấm. Chàng quyết định không về nhà, chàng chậm rãi cuốc bộ dọc theo đê Chelsea, con sông này vắng vẻ yên tĩnh, cho đến một nhòai, chàng mới ngồi gật trên một chiếc ghế tựa dài. Chàng không biết đã ngủ được bao lâu; chàng giật mình thức giấc khỏi cơn mơ đang bị cảnh Sát lay dậy bảo phải đi đi, chàng mở mắt chỉ thấy có một mình. Chàng lại tiếp tục đi, chẳng hiểu vì sao, cuối cùng chàng đến Chiswich, ở đây chàng lại ngủ. Được một lúc tấm ghế đá cứng làm chàng tỉnh dậy. Đêm dường như quá dài. Chàng rùng mình. Ý thức về cảnh nghèo khổ trĩu nặng trong lòng, chàng không hiểu mình sẽ phải làm cái quái quỷ gì đây. Chàng hổ thẹn phải ngủ trên bờ đê; điều này tựa như một chuyện nhục nhã khác thường, và trong đêm tối, chàng cảm thấy hai má đỏ bừng. Chàng nhớ lại những chuyện được nghe về những người đã trong cảnh này, trong đó có sĩ quan, giáo sĩ, những kẻ từng là sinh viên đại học, chàng tự hỏi không biết rồi đây, chàng có trở thành như họ, đứng sắp hàng xin cháo bố thí của nhà tế bần. Tốt hơn là nên tự sát, chàng không thể tiếp tục sống như vậy; Lawson có lẽ sẽ giúp chàng nếu như anh ta biết chàng đang trong cảnh vô hạn khổ cùng; để cho lòng tự trọng ngăn cản một yêu cầu tương trợ thì thật vô lý. Chàng tự hỏi tại sao chàng lại vấp

ngã đau đớn thế. Chàng vẫn luôn cố gắng làm điều tốt nhất, thế mà mọi việc vẫn trong tình trạng tồi tệ, khi có khả năng, chàng giúp đỡ mọi người, chàng nghĩ mình không đến nỗi ích kỷ hơn bất kỳ kẻ nào khác, vậy mà lâm vào cảnh khó khăn thế này thì thật bất công đáng sợ.

Nhưng nghĩ như vậy chẳng có ích gì. Chàng tiếp tục bước đi. Trời đã sáng, trong cảnh tĩnh mịch, con sông trông thật đẹp; buổi sáng tinh mơ có cái gì đó huyền ảo hiệu một ngày rất đẹp, bầu trời bình minh nhợt nhạt không một gợn mây. Chàng cảm thấy mệt nhoài, ruột đói cồn cào, nhưng không thể ngồi yên, lúc nào cũng lo sợ bị cảnh sát đến hỏi. Nếu bị như vậy thì thật nhục nhã. Chàng thấy người dơ dáy muốn đi tắm. Cuối cùng chàng đến tòa án Hampton. Chàng cảm thấy nếu không có gì ăn, chàng có thể khóc được. Chàng chọn một quán ăn rẻ tiền rồi bước vào, mùi thức ăn nóng khiến chàng lợm giọng buồn nôn, chàng muốn ăn một thứ gì đủ sống qua ngày, nhưng nhìn thấy thức ăn, chàng lại không muốn ăn. Chàng uống một chén trà, ăn một tí bánh mì và bơ. Lúc ấy chàng nhớ ra hôm nay là chủ nhật và chàng có đến gia đình Athelny, chàng nghĩ tới món thịt bò nướng và món dồi đơn Yorkshire mà họ hay ăn, nhưng chàng mỗi mệt kinh khủng, không thể đối diện với cái gia đình hạnh phúc huyền ảo này. Chàng thấy buồn rầu, khổ sở. Chàng muốn trợ một mình, chàng quyết định rẽ vào trong công viên. Các đốt xương chàng đau nhức. Có lẽ chàng phải đi tìm máy nước để rửa mặt, chân tay, và uống một ít; chàng rất khát và lúc này không còn thấy đói, chàng vui vẻ nghĩ tới hoa, tới bãi cỏ, tới những cây đại thụ cành là sum suê. Chàng cho rằng ở đây chàng trù tính tốt hơn sắp tới phải làm gì. Chàng nằm trên bãi cỏ, trong bóng mát và đốt một tẩu thuốc. Để tiết kiệm, từ lâu chàng đã hạn chế thuốc lá, một ngày chỉ hút hai lần; chàng khoan khoái thấy hầu bao còn đầy. Chàng không hiểu nếu túi không tiền thì người ta làm gì. Một lúc sau, chàng ngủ thiếp đi. Khi chàng thức giấc thì trời đã gần trưa; chàng tính phải lên đường trở về ngay Luân Đôn, có mặt ở đó sáng mai để kịp trả lời một số quảng cáo tuyển dụng người làm xem ra có bề triển vọng. Chàng nghĩ tới ông bác đã từng bảo khi nào ông

chết sẽ để lại cho chàng chút ít gia sản. Philip không biết tối thiểu nó là bao nhiêu, có thể không quá vài trăm bảng. Chàng phàn nàn không biết có thể vay mượn số tài sản thuộc quyền thừa kế này không? Không thể không có sự thỏa thuận của ông già được, mà ông cụ thì sẽ chẳng bao giờ đồng ý. Điều duy nhất mình có thể làm là cứ bám riết lấy bằng mọi giá cho đến khi ông cụ qua đời.

Philip tính tuổi bác. Cha sở xứ Blackstable đúng đã trên bảy mươi. Ông bị viêm cuống phổi kinh niên, nhưng đã có nhiều người già mắc bệnh kinh niên ấy mà vẫn sống đến dai dẳng mãi.

Trong khi chờ đợi chắc chắn một điều gì đó sẽ xảy ra, Philip không thể vứt bỏ cái cảm tưởng là tinh thần của chàng hoàn toàn khác thường, con người rơi vào hoàn cảnh đặc biệt của chàng, không thể chết đói được. Chàng không sao tin nổi những điều không may của chàng lại là chuyện có thật nên chàng hoàn toàn không chịu nản chí. Chàng quyết định mượn của Lawson nửa xô-vơ-ring. Cả ngày chàng ở trong công viên, khi nào thấy đói quá thì lấy thuốc ra hút. Chàng không muốn ăn gì cho tới khi nào lại lên đường đi Luân Đôn; chàng phải giữ gìn sức khỏe vì đường còn xa. Chàng lên đường vào lúc trời đã mát mẻ hơn, khi nào mệt mỏi thì chàng ngủ trên ghế đá. Không có ai quấy rầy chàng. Ở ga Victoria, chàng đã tắm rửa, đánh răng, cạo râu, uống trà ăn bánh mì với bơ, trong khi ăn, chàng đọc các mục quảng cáo trên báo buổi sáng. Khi nhìn xem các mục này, mắt chàng chú ý tìm một lời rao tìm nhân viên bán hàng tại quầy bán vải của một vài cửa hiệu nổi tiếng. Chàng bỗng tái tê một cách lạ lùng, vì theo những định kiến của giới trung lưu của chàng thì làm nhân viên bán hàng là một việc dễ sợ, rồi chàng nhún vai - xét cho cùng thì điều đó có quan trọng - và chàng quyết định cứ thử xem sao. Chàng có một cảm giác kỳ quặc là bằng cách chấp nhận, thậm chí tự nguyện cam chịu mọi điều sỉ nhục, chàng đang thúc đẩy định mệnh. Chàng thấy hồ thẹn ghê gớm khi đến trình diện ở cửa hàng lúc chín giờ. Nhiều người đã có mặt ở đó trước chàng. Họ thuộc đủ mọi lứa

tuổi cậu bé mười sáu tuổi cho đến những người bốn mươi; một vài người đang thì thầm trò chuyện nhưng phần đông là im lặng; khi chàng đến kiếm một chỗ ngồi, những người xung quanh gườm gườm nhìn chàng. Chàng nghe một người nói:

- Tôi chỉ mong đợi có một điều là người ta từ chối cho sớm sớm để tôi còn thì giờ đi đến chỗ khác.

Người đứng cạnh anh ta liếc nhìn Philip và hỏi:

- Anh có kinh nghiệm gì không?

- Không - Philip đáp.

Y ngừng một lát rồi đưa ra một nhận xét:

- Dù ăn trưa xong, nhưng nhà hàng nhỏ hơn cũng chẳng tiếp anh đâu nếu như không hẹn trước.

Philip nhìn những người giúp việc. Một số đang xếp những tấm vải hoa sặc sỡ và vải Crê-ton, một số khác - người đứng cạnh nói với chàng - đang chuẩn bị đơn đặt hàng của các tỉnh lẻ gửi đến qua đường bưu điện. Vào chín giờ mười lăm thì ông chủ đến. Chàng nghe một người đang đợi nói với một người khác rằng đó là ông Gibbons. Ông ta đã đứng tuổi, người thấp lùn to béo, râu đen, tóc đen bóng nhoáng, cử chỉ nhanh nhẹn, mặt mũi có vẻ thông minh. Ông đội mũ chóp cao, mặt áo choàng dài, ve áo được tô điểm bằng một đóa hoa phong lữ trắng có lá bao quanh. Ông bước vào văn phòng bé nhỏ chỉ có một cái bàn làm việc kiểu Mỹ đặt trong góc, một tủ sách và một tủ bút phê. Những người đứng bên ngoài nhìn ông thản nhiên tháo bông hoa phong lữ ra khỏi ve áo, và cắm vào một cái lọ đầy nước. Trong khi làm việc, không được phép mang hoa trên người .

Suốt cả ngày nhân viên cửa hàng ca ngợi bông hoa để lấy lòng chủ .

- Tôi chưa thấy bông hoa nào đẹp hơn thế này - Họ nói - Hoa nhà trồng có phải không ạ? - Vâng, đúng vậy - Ông mỉm cười đáp .

Cặp mắt thông minh sáng lên lộ rõ vẻ tự hào. Ông bỏ mũ, thay áo choàng, mắt liếc nhìn đồng thư từ, rồi chuyển sang những kẻ đang chờ gặp ông. Ông khẽ vẩy ngón tay ra hiện, người đứng đầu trong hàng người nối đuôi bước vào văn phòng. Từng người một đi qua trước mặt ông, trả lời các câu ông hỏi, ông hỏi câu rất ngắn gọn, mắt nhìn thẳng vào mặt người xin việc.

- Tuổi? Nghề nghiệp gì? Vì sao bỏ việc? Ông nghe họ trả lời nét mặt thản nhiên. Đến lượt Philip, chàng cứ tưởng rằng ông Gibbons sẽ chăm chú tò mò nhìn mình. Quần áo Philip sạch gọn, cắt may kha khá, nom chàng có đôi chút khác những người kia - Nghề gì? - Tôi lấy làm tiếc tôi không có nghề gì - Philip đáp .

- Không tốt.

- Tôi lấy làm tiếc tôi không có nghề gì - Philip đáp.

- Không tốt.

Philip bước ra khỏi văn phòng. Lần thử thách này không đến nỗi đau đớn hơn là chàng mong đợi nên chàng cảm thấy thất vọng gì lắm. Chàng không hy vọng lần đầu có thể tìm được việc ngay. Chàng còn giữ tờ báo và bây giờ chàng xem lại thông báo, ở Holnorn cũng có một cửa hàng đang cần người bán hàng và chàng đến đó; nhưng khi tới nơi, chàng thấy đã có người được chọn rồi. Hôm ấy nếu muốn có gì ăn, chàng phải đến xưởng vẽ

Lawson trước lúc anh ta đi ăn trưa, vì vậy chàng theo địa lộ Brompton đến phố Yeoman.

- Này, cho đến cuối tháng thì mình túng quá - Vừa gặp được lúc thuận tiện, chàng nói ngay. - Đang mong cậu sẽ cho mượn nửa đồng Xô-ve-ring được không?

Khi phải hỏi vay mượn tiền bạc, chàng thường thấy vô cùng khó khăn, chàng nhớ lại cái cảnh rất tự nhiên của những người trong bệnh viện trước đây đã bòn rút những số tiền nhỏ của chàng không có ý trả lại, họ coi như đấy là một đặc ân họ ban cho chàng.

- Sẵn lòng - Lawson đáp.

Nhưng khi thọc tay vào túi áo, anh ta thấy chỉ còn có tám silinh. Philip như nghệt thờ.

- Ồ, được, đưa tớ vay năm silinh vậy? Chàng nhẹ nhàng nói.

- Đây.

Philip đến nhà tắm công cộng ở Westminster, chỉ mất hai xu để tắm rửa. Sau đó chàng mua cái gì ăn. Chàng không biết đến chiều thì sẽ xoay xử ra sao. Chàng không trở lại bệnh viện e có người hỏi han lời thôi, vả lại bây giờ chàng chẳng có việc gì làm ở đó. Trong vài ba phòng chàng làm việc, hẳn là người ta thắc mắc vì sao chàng không đến, nhưng chẳng sao, họ muốn nghĩ thế nào thì nghĩ, chàng đâu phải là anh sinh viên đầu tiên nửa chừng bỏ học không báo trước. Chàng đến thư viện công cộng xem báo chí cho đến chán mắt. Sau đó chàng lấy ra cuốn “Những đêm A-rập mới” của Stevenson, nhưng chàng không đọc được, lời lẽ trong cuốn sách không có nghĩa gì đối với chàng và chàng tiếp tục nghiền ngẫm về tình cảnh không

nơi nương tựa của chàng. Cứ nghĩ mãi đến một chuyện như thế, sự chăm chú suy tư làm cho chàng nhức đầu. Cuối cùng thèm khát không khí mát mẻ, chàng đến công viên Xanh, nằm dài trên thảm cỏ. Chàng đau khổ nghĩ tới tật nguyện mà chàng không được ra đi chiến đấu. Chàng thiu thiu ngủ, chiêm bao thấy mình bỗng nhiên chân lạnh lặn, đang ở Cape trong một trung đoàn kỵ binh nghĩa dũng; những tấm tranh ở các họa báo chàng đã xem, giúp cho trí tưởng tượng của chàng giàu thêm hình ảnh, chàng thấy mình đang sống trên thảo nguyên Nam Phi, mặc quần áo ca ki cùng với nhiều binh sĩ khác ngồi quanh ngọn lửa trong đêm tối. Tỉnh dậy chàng thấy trời vẫn còn sáng. Sau đó chàng nghe tiếng chuông đồng hồ Bigbell điểm bảy tiếng. Chàng không biết làm gì cho hết mười hai giờ nữa. Chàng nghĩ tới đêm dài mà sợ. Bầu trời u ám, chàng lo sắp có mưa. Chàng sẽ phải đến nhà trọ kiếm giường nằm, chàng đã từng trông thấy người ta quảng cáo giường nằm bằng ánh sáng, bên ngoài các quán trọ ở Lambeth: giường tốt sáu xu; chàng chưa bao giờ trọ trong đó, và chàng khiếp sợ nghĩ lại mùi hôi hám và rận rệp. Chàng quyết định chừng nào còn được thì cứ ở ngoài trời. Chàng ở trong công viên mãi đến khi người ta đóng cửa, chàng bắt đầu ra ngoài đi loanh quanh. Chàng rất mệt. Chàng chợt nghĩ lúc này nếu xảy ra tai nạn có khi là chuyện may mắn, như vậy chàng mới được vào nhà thương được nằm trên giường bệnh sạch sẽ đến hàng tuần. Đến nửa đêm đói quá, không có gì ăn, không còn bước nổi, chàng vào quán cà phê ở góc phố Hyde Park, ăn hai củ khoai và uống một cốc à phê. Rồi chàng lại đi. Lòng dạ quá bồn chồn không sao ngủ được và chàng lo sợ ghê gớm bị cảnh sát xua đuổi. Chàng chợt nhận ra mình đã bắt đầu nghĩ về cảnh sát ở một góc cạnh hoàn toàn khác trước. Thế là chàng đã sống ngoài trời đến đêm thứ ba. Thỉnh thoảng chàng ngồi trên mấy dãy ghế ở Picadilly, và gần sáng chàng lại cuốc bộ xuống đường để cứ mười lăm phút chàng lại lắng nghe tiếng chuông đồng hồ Bigbell, và tính ra còn bao nhiêu lâu nữa thì đô thành mới thức giấc. Sáng ra chàng tiêu mấy xu để tắm rửa, mua một tờ báo để đọc mục quảng cáo và bắt đầu lại đi tìm việc làm.

Và cứ như vậy nhiều ngày tiếp tục trôi qua chàng ăn rất ít, bắt đầu cảm thấy ốm yếu vì vậy chàng khó mà còn đủ sức để đi tìm việc mà công việc thì xem chừng rất khó hy vọng. Bây giờ chàng đã quen dần với chuyện phải chờ đợi thật lâu sau một cửa hàng mong may ra có thể được nhận vào làm hoặc nghe lời một lời từ chối cộc lốc. Chàng đi khắp kinh thành Luân Đôn tới đủ mọi nơi quảng cáo thuê người làm và do đó chàng đã quen mặt rất nhiều Người xin việc cũng vô vọng như chàng. Một vài người đánh bạn với chàng, nhưng chàng quá mệt mỏi, quá khổn khổ không nhận lời cầu thân của họ. Chàng không đến Lawson nữa vì còn nợ của anh ta năm silinh. Đầu óc bắt đầu mù không còn suy nghĩ được tinh táo và đã thôi chẳng còn quan tâm đến tương lai. Chàng khóc nhiều. Thoạt đầu chàng còn giận mình, và cảm thấy hổ thẹn nhưng sau đó chàng nhận thấy khóc được làm cho lòng dịu vợi và không hiểu vì sao lại làm cho chàng cảm thấy đỡ đói. Vào những giờ sáng tinh mơ, chàng khổ sở vì lạnh. Một đêm chàng trở về phòng mình thay quần áo; lúc đó vào khoảng 3 giờ sáng, khi đã tin chắc hoàn toàn mọi người đã ngủ, chàng mới lên vào và đến năm giờ mới ra đi. Chàng sung sướng đến mê mẩn được nằm trên giường êm ấm, mình mẩy đau ê ẩm lại càng làm cho chàng khoái trá. Khoái trá đến nỗi không buồn ngủ nữa mà chỉ muốn nằm mãi. Chàng đã dần dần quen với cảnh thiếu ăn, nên không thấy đói lắm, mà chỉ yếu đi thôi. Trong thâm tâm chàng luôn nghĩ đến chuyện tự sát, nhưng chàng cố hết sức không để ý nghĩ đó dừng lại quá lâu bởi vì chàng lo sợ, sẽ bị sự căm dỗ này chi phối và như vậy thì chàng không còn đủ khả năng tự cứu lấy mình. Chàng vẫn thường tự nhủ tự sát là vô lý, bởi vì sự muộn thì sẽ cũng có một điều gì đó sẽ xảy ra. Chàng không thể gạt bỏ được cái ấn tượng rằng hoàn cảnh của chàng là hết sức trái với lẽ thường, và hoàn toàn không thể coi là chuyện có thật; nó tựa như một căn bệnh lâu dài nhưng nhất định rồi chàng sẽ bình phục. Đêm nào chàng cũng thề thốt là không có gì bắt chàng chịu đựng một đêm như thế nữa và chàng quyết định sáng hôm sau sẽ viết thư cho ông bác, hoặc ông Nixon cố vấn pháp luật cho Lawson; nhưng sau đấy thì chàng lại không dám hèn hạ thú nhận sự thất bại hoàn toàn của mình, chàng hiểu Lawson sẽ tiếp nhận chuyện đó như thế nào. Trong tình bạn giữa hai người, Lawson là người vô

ý tứ, và anh ta lấy làm tự hào về lương tri của mình. Chàng sẽ phải kể hết câu chuyện đại dột của mình. Chàng có cái cảm giác khó chịu là Lawson sau khi giúp đỡ chàng, sẽ đối xử lạnh nhạt với chàng. Bác chàng và ông cố vấn pháp luật dĩ nhiên sẽ làm một điều gì đó cho chàng, nghĩ đến những lời trách mắng của họ, chàng đâm ra sợ hãi. Chàng không muốn ai la mắng mình, chàng nghiêng răng nhắc đi nhắc lại việc xảy ra là không thể tránh được, vì chính vì lẽ đó mà đã xảy ra. Hối tiếc là vô lý.

Ngày giờ kéo dài vô tận như không hết. Mà số tiền silinh Lawson cho mượn, không đủ chi dùng lâu hơn Philip nóng lòng trông đợi ngày chủ nhật để đến gia Athelny. Chàng không hiểu điều gì đã ngăn cản chàng đến đó sớm hơn trừ cái ý muốn nóng bỏng tự lo liệu lấy mọi sự. Bởi vì Athelny đã từng qua cảm cảnh khốn cùng, đã từng biết những giờ tuyệt vọng, là người duy nhất có thể làm cái gì đó giúp chàng. Có thể là sau khi ăn tối xong, chàng sẽ có thể nói được cho Athelny biết chàng đang gặp khó khăn. Philip nhăm đi nhăm lại những điều sẽ nói. Chàng rất lo sợ Athelny dùng lời hứa hão để thoái thác; nếu như ông ấy lại muốn thử thách chàng mà kéo dài càng lâu càng hay thì thật rất đáng kính sợ. Philip đã mất hết lòng tin vào bạn bè.

Tối thứ bảy, trời lạnh căm. Philip rét run người. từ trưa thứ bảy cho đến lúc rã rời lê bước đến nhà Athelny, chàng không hề ăn gì. Sáng chủ nhật, chàng tiêu nốt hai xu cuối cùng vào việc tắm rửa tại nhà tắm công cộng ở Charing Cross.

Khi Philip rung chuông, một cái đầu ló ra ngoài cửa sổ, và một lát thì chàng nghe tiếng lũ trẻ rầm rập chạy xuống cầu thang đón chàng vào nhà. Cúi xuống cho chúng hôn là một khuôn mặt xanh xao, gầy gò, lo âu. Tình cảm ồn ào của chúng khiến chàng cảm động đến nỗi chàng phải kiểm soát đứng nấn ná trên cầu thang để tranh thủ thời gian lấy lại bình tĩnh, chàng đang ở trong trạng thái bị kích động nên hầu như cứ chuyện gì cũng dễ khiến chàng bật khóc. Chúng hỏi vì sao chủ nhật trước chàng không đến. Chàng trả lời là bị ốm, chúng muốn biết chàng ốm thế nào; để làm chúng vui, Philip bịa ra một chứng bệnh bí mật có cái tên kếp man rợ, hỗn hợp tiếng Hi Lạp và tiếng la tinh (một thuật ngữ y học bao gồm hai thứ tiếng đó) khiến chúng thích chí ré lên cười ngặt nghẽo. Chúng kéo Philip vào phòng bắt chàng kể lại câu chuyện để cho bố chúng được mở mang trí óc. Athelny đứng lên bắt tay chàng. Ông ta chăm chăm nhìn Philip, nhưng với cặp mắt ốc nhồi tròn xoe thì dường như lúc nào ông ta cũng có vẻ nhìn chăm chăm như thế. Khi ấy, Philip không hiểu vì sao cái nhìn đó làm cho chàng ngượng ngùng.

- Chủ nhật vừa rồi chúng tôi nhớ anh quá! Ông ta nói.

Không bao giờ Philip nói dối được mà không lúng túng, và khi giải thích xong lý do không đến được, mặt chàng đỏ bừng. Sau đó bà Athelny bước vào bắt tay chàng:

- Tôi mong anh đã khỏe hơn. - Bà nói.

Chàng không hiểu vì sao bà đoán được đã có chuyện gì xảy đến với chàng, bởi vì khi chàng lên gác với lũ trẻ thì cửa nhà bếp đóng và chúng không hề rời chàng.

- Mười phút nữa mới có cơm - bà nói giọng kéo dài, chậm chạp - trong khi chờ đợi, bố nó và anh ăn một cốc trứng đánh với sữa nhé!

Vẻ lo lắng của bà làm cho Philip áy náy. Chàng gượng cười, trả lời rằng chàng không đói chút nào. Sally bước vào bày bàn ăn và Philip bắt đầu nói đùa với nàng. Cả nhà thường thân mật chế giễu là nàng mím mím như Bà trẻ Elizabelth, tức cô ruột của bà Athelny, mà lũ trẻ chưa gặp bao giờ nhưng xem như một mẫu người to béo ghê gớm.

- Này Sally. Từ hôm tôi gặp em lần sau cùng có điều gì đã xảy ra vậy?

- Em không biết.

- Tôi cho là em đã tăng trọng đấy.

- Còn anh, thì em chắc chắn là không rồi - nàng trả đũa - trông anh đúng là một bộ xương.

Philip đỏ mặt.

- Sally, đấy, con cũng là một tu quoque^[62] - bố nàng kêu lên. Phải phạt con một sợi tóc vàng thôi. Jane đi tìm cho bố cái kéo lớn.

- Ở kia bố, anh ấy gầy thế kia kìa - Sally phản đối - Chỉ còn có da bọc xương thôi.

- Vấn đề không phải ở đó, con ạ. Anh ấy hoàn toàn tự do muốn gầy cũng được, nhưng béo phì như con là bất lịch sự.

Vừa nói, ông ta vừa kiêu hãnh choàng tay ôm lưng nàng và nhìn con với cặp mắt ngưỡng mộ.

- Bố ạ, để cho con bày bàn ăn đã. Nếu con mà to béo thì có khối người thích.

-À, cái con bé trơ trên này - Athelny kêu lên, tay vung vẩy như đóng kịch
- Nó chế nhạo tôi vì cái chuyện mà ai cũng biết là Joseph con trai của Lévi buôn bán đồ kim hoàn ở Holborn đã dạm hỏi cầu hôn nó.

- Em có nhận lời anh ta không, Sally? Philip hỏi.

- Anh không biết tính nết bố em hay sao? - Chẳng có câu nào thật đâu.

- Được, nếu hãnh mà không ngỏ lời cầu hôn - Athelny nói to - thì bố xin thề có Thánh Giôgiơ và đất nước Anh trung thực này là bố sẽ tóm cổ hãnh hỏi ngay xem vậy thì ý định hãnh ra sao.

- Mời bố ngồi xuống bố ạ, cơm đã dọn xong. Nào thôi, các em, bây giờ thì giải tán và đi rửa chân rửa tay. Chị sẽ khám tay rồi mới cho ăn đấy nhé.

Trước lúc ăn, Philip thấy mình đói cào cả ruột, nhưng đến lúc ngồi vào bàn bụng dạ chàng không thèm muốn một món nào và hầu như chàng không ăn được một tí gì. Đầu óc chàng rã rời. Chàng không nhận ra là khác hẳn mọi lần, hôm nay Athelny nói rất ít. Ngồi trong nhà ấm cúng Philip thấy lòng khuây khỏa, nhưng thỉnh thoảng chàng không khỏi liếc mắt nhìn ra ngoài cửa sổ. Trời đang có cơn dông, thời tiết đang đẹp bỗng thay đổi. Trời trở lạnh gió rét buốt. Chốc chốc gió thốc những trận mưa quất mạnh vào cửa sổ. Philip tự hỏi đêm nay chàng sẽ làm gì. Gia đình Athelny đi ngủ sớm, chàng không thể cứ ngồi lì ở đây sau mười giờ. Lòng chàng thắt lại nghĩ tới lúc lại phải ra ngoài trời tối tăm lạnh lẽo. Sống giữa bạn bè thân

thuộc để rồi sau đó trở lại một thân một mình ngoài đường, điều này không còn gì khủng khiếp hơn. Chàng lại tiếp tục tự nhủ còn biết bao kẻ có lẽ cũng phải qua đêm ngoài trời. Chàng chuyện trò cố xua đuổi những hình ảnh đó khỏi tâm trí, nhưng giữa chừng, tiếng mưa lộp bộp bắn vào cửa sổ làm chàng giật mình.

- Thời tiết như tháng ba - Athelny nói - Thế này thì chẳng ai muốn vượt biển Măng-Sơ.

Chẳng mấy chốc họ đã ăn xong và Sally đi vào dọn dẹp.

- Anh có thích loại thuốc rẻ tiền này không? Athelny nói và chìa cho chàng một điếu xì gà.

Philip cầm lấy và khoái trá hít một hơi. Chàng thấy dễ chịu lạ thường. Khi Sally dọn dẹp xong, Athelny bảo nàng ra ngoài và khép cửa lại.

- Bây giờ sẽ chẳng còn ai quấy rầy chúng ta nữa - ông ta quay lại nói với Philip - Tôi đã thỏa thuận với Betty không cho lũ trẻ vào đây cho đến khi nào tôi gọi chúng nó.

Philip giật mình nhìn ông ta, chàng chưa kịp hiểu ý ông, thì Athelny với cử chỉ quen thuộc, sửa lại kính trên mũi, đã tiếp:

- Chủ nhật vừa rồi, tôi viết thư hỏi anh xem có chuyện nhưng vì không thấy trả lời, nên hôm thứ tư tôi đến nhà anh.

Philip quay mặt nhìn sang chỗ khác, không đáp. Tim bắt đầu đập dữ dội. Athelny đã ngừng nói, và tiếp theo là một sự im lặng dường như không thể chịu nổi đối với Philip, nhưng chàng không nghĩ ra được lấy một lời - Bã

chủ nhà bảo tôi rằng anh không ở nhà từ tối thứ bảy, và còn nợ của bà tháng tiền nhà vừa rồi. Cả tuần này anh ngủ ở đâu?

Điều này khiến Philip đau khổ phải trả lời. Chàng nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ.

- Không ở đâu cả.

- Tôi đã cố tìm anh.

- Tại Sao? Philip hỏi.

- Betty và tôi, chúng tôi đã từng gặp những ngày tháng suy sụp như vậy, chỉ có điều là chúng tôi còn phải trông nom các cháu thơ dại, tại sao anh không đến đây?

- Tôi không thể đến.

Philip e rằng mình sắp khóc. Chàng cảm thấy người rất yếu. Chàng nhắm mắt, nhúu mày, cố ghìm mình. Chàng bỗng giận Athelny không để cho chàng ngồi một mình; nhưng rồi chàng không còn chịu đựng nổi, và ngay sau đó, mắt vẫn nhắm nghiền, chậm rãi cho lời nói được bình tĩnh, chàng thuật lại cho ông ta nghe câu chuyện bất ngờ trong mấy tuần cuối cùng vừa qua. Trong khi nói chàng cảm thấy dường như mình đã xử sự một cách ngớ ngẩn nên chàng càng thêm khó nói. Athelny chắc sẽ cho chàng là một kẻ hoàn toàn ngu xuẩn.

- Bây giờ thì anh đến ở với chúng tôi cho tới khi tìm được việc làm - Athelny nói, khi chàng vừa dứt lời. Philip đỏ mặt mà không hiểu vì sao.

- Ồ, ông bà thật tốt bụng, nhưng tôi không thể như vậy.

- Tại sao lại không?

Philip không đáp. Chàng đã từ chối theo bản năng vì sợ làm phiền người ta và bản tính vốn rụt rè khi phải tiếp nhận ân huệ. Ngoài ra chàng cũng biết gia đình Athelny hiện phải kiếm sống lần hồi từng ngày, con cái đông, chỗ ở đâu, tiền của đâu mà để chứa thêm một người, nuôi thêm một miệng.

- Tất nhiên anh nên đến đây - Athelny bảo - Thằng Thorpe sẽ ngủ chung với các em nó, còn anh có thể ngủ giường nó. Anh đừng mảy may nghĩ rằng chuyện ăn uống của anh sẽ ảnh hưởng đến chúng tôi.

Philip còn e ngại chưa nói thì Athelny đã bước ra gọi vợ.

- Betty - ông nói khi bà bước vào - ông Carey sẽ đến ở với chúng mình.

-Ồ, thế thì hay quá - bà nói - tôi sẽ đi chuẩn bị giường chiếu.

Giọng bà chân thành, thân thiết coi như chuyện dĩ nhiên, khiến Philip cảm kích tận đáy lòng. Chàng không bao giờ trông mong thiên hạ tử tế với mình, và khi họ vậy thì chàng ngạc nhiên và xúc động. Giờ đây chàng không ngăn được hai giòng lệ chảy dài xuống má.

Hai vợ chồng Athelny bận bực việc sắp đặt nơi ăn chốn ở, làm như không chú ý đến tình trạng yếu đuối của chàng. Khi bà Athelny đi ra, Philip ngả người tựa vào lưng ghế, nhìn ra ngoài cửa sổ, khẽ cười.

- Chắc ở ngoài đường hôm nay thì thích nhỉ!

Athelny bảo Philip rằng ông ta có thể dễ dàng tìm việc gì đó cho chàng ở một công ty bán vải lớn mà chính ông cũng làm việc tại đó. Nhiều nhân viên giúp việc đã ra chiến trường. Các hãng buôn Lynn và Sedley với nhiệt tâm yêu nước, đã hứa vẫn giữ chỗ làm cho họ. Công việc của những vị anh hùng này dồn lên vai những người ở lại và do không tăng lương cho những người này, người ta có thể biểu lộ cùng một lúc tinh thần vì việc chung và sự tiết kiệm tiền của, nhưng chiến tranh vẫn tiếp diễn, việc buôn bán không đình trệ bao nhiêu. Ngày nghỉ sắp đến, khi nhiều nhân viên vắng mặt hai tuần một lúc có nghĩa là nhất định người ta phải thuê mướn người làm nhiều hơn. Kinh nghiệm của Philip khiến chàng nghi ngờ không biết người ta có thuê mướn chàng không, nhưng Athelny cho mình là người có vai vế trong công ty khẳng khẳng là viên quản đốc không thể từ chối ông ta điều gì, Philip được đào tạo ở Pari có thể làm ăn được. Chỉ có vấn đề là phải chờ đợi một thời gian ngắn, thì nhất định chàng kiếm được việc làm có lương hậu là vẽ mẫu các trang phục và vẽ quảng cáo. Philip hoàn thành một tranh quảng cáo vẽ bán đấu giá mùa hè và Athelny lấy đem đi. Hai ngày sau, ông ta mang về, nói rằng viên quản đốc rất thích bức vẽ, nhưng hết sức lấy làm tiếc là đúng vào lúc gian hàng không còn chỗ trống. Philip hỏi liệu có còn việc gì khác chàng làm được chăng.

- Tôi e rằng không còn.

- Ông có chắc hoàn toàn không?

- Đấy, sự thật là ngày mai họ đăng báo tìm một người hướng dẫn khách - Athelny nói và nghi ngại nhìn chàng qua cặp kính.

- Ông có cho là tôi có cơ hội xin được việc đó không?

Athelny hơi bối rối, ông đã làm cho Philip trông mong một công việc gì tốt đẹp hơn nhiều, mặt khác ông nghèo quá, không thể cứ tiếp tục nuôi chàng mãi.

- Trong khi chờ đợi việc gì khá hơn, anh có thể nhận công việc này. Nếu anh được công ty tuyển dụng rồi thì lúc nào anh cũng có thể có cơ hội tốt hơn.

- Ông biết đấy, tôi không làm cao đâu. - Philip mỉm cười.

- Nếu anh quyết định chọn việc đó, sáng mai chín giờ kém mười lăm, anh nên có mặt ở đây.

Mặc dù chiến tranh, việc tìm công ăn việc làm rõ ràng gặp nhiều khó khăn, bởi vì khi Philip đến cửa hàng này thì đã thấy nhiều người đang chờ ở đó rồi. Chàng nhận ra mấy người chàng đã gặp trong lúc đi tìm việc, và có một gã đã từng nằm nghỉ tại công viên vào một buổi chiều. Bây giờ điều đó chứng tỏ với Philip rằng gã cũng không cửa không nhà như chàng và phải sống qua đêm ở ngoài trời. Những kẻ đứng chờ ở đây, đủ các hạng già, trẻ, cao, thấp, ai cũng cố gắng ăn diện để gặp viên quản đốc, tóc chải chuốt cẩn thận, tay rửa sạch kỹ càng. Họ đứng đợi trong một hành lang, sau này Philip mới biết là nó thông đến nhà ăn và phòng làm việc, cứ cách mấy thước thì có năm hay sáu bậc lên xuống cắt quãng hành lang. Tuy trong cửa hàng có đèn điện, nhưng ở đây, chỉ thấp đèn khí đặt trong những rọ bảo vệ làm bằng dây thép, đang réo cháy phùn phụt. Philip đến đúng giờ, nhưng khi chàng được gọi và vào phòng thì đã gần mười giờ. Đó là một căn phòng ba góc giống như miếng thị phó mát đặt nằm, trên tường treo nhiều tranh phụ nữ mặc cooc-xê, và hai tấm mẫu quảng cáo, một tấm vẽ một người đàn ông mặc quần áo ngủ có đường sọc to xanh, trắng, còn tấm kia là một chiếc tàu với cánh buồm căn gió đang rẽ sóng biển trong xanh, trên cánh buồm

có hàng chữ lớn: “Bán đấu giá đại quy mô quần áo trắng”. Phía rộng nhất của văn phòng là mặt sau của tủ kính được trang hoàng để bày hàng vào dịp này, một nhân viên giúp việc đi đi lại lại trong thời gian viên quản lý gặp gỡ người đến xin việc. Viên quản lý đang đọc một lá thư. Y là người hồng hào, tóc hung hung, ria mép rậm, giữa dây chuyền đồng hồ lòng thòng một chùm huy chương bóng đá, y mặc áo sơ mi trắng, ngồi bên một cái bàn rộng bên cạnh máy điện thoại, trước mặt y là những tờ quảng cáo trong ngày, sản phẩm của Athelny, và những bài báo tranh ảnh cắt ra dán trên một tấm bìa. Y liếc nhìn Philip nhưng không nói gì. Y đọc một bức thư cho cô gái đánh máy ngồi bên chiếc bàn con ở góc phòng, sau đó y hỏi tên, tuổi, nghề nghiệp của Philip. Y nói giọng mũi khu đông Luân Đôn cao sang sáng đường như lúc nào y cũng không kiềm chế được. Philip để ý thấy rằng trên của y thô và nhô ra, khiến người ta có cảm tưởng là chúng lung lay và nếu bị giật mạnh đột ngột thì có thể rơi rụng.

- Tôi cho là ông Athelny đã nói chuyện với ông về tôi - Philip nói.

- Ồ, anh là anh chàng đã vẽ tranh quảng cáo này phải không?

- Thưa ông, vâng.

- Không có giá trị đối với chúng tôi, không có giá trị gì hết.

Y nhìn Philip từ đầu đến chân, y dường như chú ý Philip về phương diện nào đó có khác với những kẻ đến trước chàng.

- Anh biết đấy, anh phải mua một cái áo choàng. Tôi tin là anh chưa có cái nào. Anh coi bộ là chàng trai trẻ đứng đắn. Tôi cho rằng anh cũng hiểu mỹ thuật chẳng đem lại lợi lộc gì.

Philip không xác định được là y muốn hay không muốn thuê chàng. Y ném vào chàng những câu không thân thiện.

- Anh ở đâu?

- Bố mẹ tôi qua đời khi tôi còn bé.

- Tôi muốn tạo cơ hội cho lớp thanh niên trai trẻ. Tôi đã tạo cơ hội cho nhiều người và ngày nay họ là những quản đốc gian hàng. Họ biết ơn tôi. Tôi thay mặt họ tuyên bố điều này. Họ hiểu điều tôi làm cho họ. Hãy bắt đầu từ bậc thang dưới cùng, đó là con đường tốt nhất để học nghề, và lúc ấy nếu anh gắn bó với nghề, thì không ai biết được nó sẽ đưa anh tới đâu. Nếu anh thấy thích hợp, một ngày nào đó anh có thể thấy mình ở địa vị tôi hiện nay. Phải ghi nhớ lấy điều này, chàng thanh niên ạ.

- Thưa ông, tôi sẽ cố gắng làm hết sức mình - Philip nói.

Chàng hiểu, khi cần phải “thưa ông”, nhưng chàng nghe nó kỳ quặc, và chàng sợ dùng thái quá thành ra hỏng việc. Ông quản đốc này thích chuyện, nhờ đó ông vui sướng tỏ rõ được quyền thế của chính mình, và mãi cho tới sau khi đã tuôn ra nhiều lời lẽ hay ho, ông mới quyết định về trường hợp của Philip.

- Thôi được, tôi tin chắc anh sẽ làm hết mình - cuối cùng y phát biểu với vẻ tự cao tự đại - Dầu sao chẳng nữa, tôi cũng phải thử thách anh qua công việc.

- Xin cảm ơn ông rất nhiều.

- Anh có thể bắt đầu ngay. Tôi sẽ trả anh sáu silinh một tuần, và chịu mọi sự ăn uống, mọi thứ đều cung cấp, anh hiểu chứ, còn số sáu silinh là tiền

tiêu vặt mỗi tháng trả một lần, anh muốn tiêu gì tùy ý. Thứ hai anh bắt đầu làm việc nhé. Như vậy, tôi tin rằng anh không có gì phàn nàn cả chứ.

- Thưa ông, không.

- Phố Harrington - Anh biết là đâu chưa? - Đại lộ Shaftesbury. Anh sẽ ngủ ở đó. Nhà số mười, đúng thế. Anh có thể ngủ tối thứ bảy ở đó, nếu anh muốn, đây, anh muốn thế nào cũng được, hoặc ngày thứ hai anh gửi hòm xiềng đến đây.

Rồi viên quản đốc gật đầu: Thôi chào anh.

Bà Athelny cho Philip mượn đủ tiền trả chủ nhà để chàng dọn đồ đạc đem đi. Với năm silinh và phiếu cầm đồ com lê, chàng có thể mua của hiệu cầm đồ một cái áo choàng rất vừa. Còn những quần áo khác thì chàng chuộc lại. Chàng nhờ Carter Paterson gửi rương hòm đến phố Harrington, và sáng ngày thứ hai thì chàng đến cửa hàng này, với Athelny. Athelny giới thiệu và để chàng ở lại với cửa hàng trưởng. Y tên là Sampson, ba mươi tuổi, người nhỏ bé, vui vẻ, y bắt tay Philip, và để chứng tỏ tài năng của chính mình mà y rất đỗi tự hào, y hỏi chàng có nói tiếng Pháp được không. Y lấy làm ngạc nhiên khi Philip cho biết là chàng nói được.

- Còn tiếng nào khác nữa?

- Tôi nói được tiếng Đức.

- Ồ chính tôi thỉnh thoảng cũng có sang Pari - Parlez vous francais (anh nói tiếng Pháp được chứ?). Đã từng ở nhà hàng Maxim chưa?

Philip được bố trí vào quầy y phục ở đầu cầu thang. Công việc của chàng là hướng dẫn khách đến các khu trưng bày hàng may mặc. Nghe Sampson đọc danh sách thì có rất nhiều khu. Bỗng y để ý thấy Philip đi khắp khiêng.

- Chân anh làm sao thế? - Y hỏi.

- Tôi bị thọt một chân - Philip đáp - Nhưng tôi vẫn đi bộ hoặc làm việc gì tương tự đều được.

Y ngần ngại nhìn chân chàng một lúc, Philip đoán là y đang tự hỏi vì sao viên quản đốc lại nhận chàng vào làm việc. Philip hiểu rằng y không cho đó

là cái gì quan trọng.

- Ngày đầu tôi không chắc anh nhớ hết tất cả, nếu nghi ngờ điều gì, anh hỏi các cô.

Rồi Sampson quay đi, Philip cố nhớ gian hàng này, gian hàng nọ ở đâu, chàng lo lắng để ý khách hàng đang tìm hiểu những điều chỉ dẫn. Đến một giờ chàng đi ăn trưa, phòng ăn trên tầng thượng của tòa nhà đồ sộ này là một phòng dài, rộng, thấp đèn sáng choang, nhưng mọi cửa sổ đều đóng kín để tránh bụi bặm, một mùi nấu bếp xông lên khó chịu. Trên những chiếc bàn dài đều có khăn trải, những chai nước to bằng thủy tinh để cách quãng. Ở quãng giữa là những lọ muối và những chai dấm. Nhân viên cửa hàng ồn ào lũ lượt kéo vào, ngồi trên những dãy ghế dài còn ấm hơi nóng của những người đến, ăn lúc mười hai giờ rưỡi.

- Không có dưa món rồi - người ngồi cạnh Philip nhận xét.

Y là một người trai trẻ cao gầy, mũi cong như cái móc, mặt xanh xao, đầu dài hình gồ ghề như cái đầu lâu có những chỗ lồi lõm trông thật kỳ quặc, còn trán và cổ thì đầy những mụn trứng cá đỏ và sưng tấy. Tên y là Harris. Philip nhận thấy có ngày những đĩa ăn xúp to ở cuối bàn đựng đầy dưa món pha trộn. Món này rất được mọi người ưa thích. Chưa có dao, nĩa nhưng một lát thì gã đây tới trai to béo mặc áo choàng trắng đi vào đem hai nắm dao và nĩa vớt loảng xoảng ở giữa bàn. Ai muốn lấy cái nào tùy ý. Những dao nĩa đó vừa mới được rửa trong nước bẩn, còn nóng ẩm và dính mỡ. mấy cậu bồi mặc vét tông trắng đi một vòng chuyên tay nhau phục vụ món thịt hầm lành lành trong đĩa nước sốt, họ đặt đĩa xuống bàn với cử chỉ nhanh nhẹn của người làm trò ảo thuật khiến cho nước sốt sánh ra trên khăn trải. Sau đó họ bưng tới những đĩa cải bắp to khiến Philip buồn nôn khi nhìn thấy những thức ăn này. Chàng để ý thấy mọi người rưới dấm chua

lên trên. Một cảnh tượng ồn ào náo nhiệt, người ta nói, cười, hò hét, tiếng dao, tiếng thìa, nĩa kêu loảng xoảng, tiếng nhai thức ăn ngấu nghiến.

Philip sung sướng trở lại gian hàng. Chàng bắt đầu nhớ lại vị trí từng gian, và khi có người muốn biết đường, chàng ít phải hỏi người giúp việc.

- Thưa bà, gian thứ nhất ở phía tay phải, rẽ sang trái là gian thứ hai.

Khi quần áo ế ẩm, một vài cô nhân viên mới ngộ với chàng đúng một lời và chàng cảm thấy họ đang tìm hiểu khả năng, tính tình của chàng. Đến năm giờ, chàng lại lên phòng ăn uống trà. Chàng vui vẻ ngồi xuống. Những lát bánh mì phết đầy bơ đã bày sẵn. Nhiều người còn lấy trong “kho” ra những lọ mứt có ghi tên họ của mình.

Đến sáu giờ rưỡi, khi nghỉ việc Philip đã mệt nhoài, Harris ngồi cạnh chàng trong bữa ăn, tỏ ý muốn dẫn chàng đến phố Harrington để chỉ chỗ ngủ cho chàng. Y cho Philip biết các phòng đã chật hết chỗ, trong phòng y còn thừa một giường và Philip có thể thu xếp để ở đấy. Hãng buôn ở phố Harrington nguyên là một hiệu đóng giày ống, cửa hàng thì dùng làm phòng ngủ, rất tốt vì cửa sổ ba phần bít ván nên sự thông gió chỉ nhờ vào một cửa sổ con ở tít cuối trần nhà. Một mùi mốc xông lên và Philip lấy làm mừng là không phải ngủ ở đấy. Harris đưa chàng lên phòng khách trên gác hai, ở đây, có một chiếc đàn dương cầm cũ kỹ, phím trông như một hàng răng sâu, trên bàn có một hộp thuốc xì gà không nắp để bộ cờ đô-mi-nô; mấy số báo cũ The Strand Magazine và The Graphics vứt rải rác đây đó. Các phòng khác đều dùng làm phòng ngủ. Phòng ngủ của Philip ở tận trên cùng tòa nhà, có sáu giường, cạnh mỗi giường để một cái rương hoặc một cái va li. Đồ đạc duy nhất là một chiếc tủ com mốt có bốn ngăn kéo lớn và hai ngăn kéo nhỏ. Philip là người mới đến, được một ngăn, các ngăn đều có chìa khóa, nhưng cái nào cũng giống cái nào nên ít khi dùng đến, và Harris khuyên chàng cất giữ đồ đạc quý giá trong rương. Trên mặt lò sưởi có

gương soi. Harris chỉ cho Philip phòng rửa mặt và một phòng khá rộng lớn có một dãy tám phòng tắm. Tất cả những người ở cùng nhà tắm rửa ở đây. Phòng này ăn thông qua một phòng khác có hai bồn tắm, lớp men sứ bên ngoài đã biến màu, phần gỗ thì dính xà phòng bắn thiu, trong bồn có những vạch sẫm của mức nước các lần trước.

Khi Harris và Philip trở về phòng ngủ, họ gặp một gã người cao đang thay quần áo và một cậu bé mười sáu tuổi vừa chải đầu vừa ra sức huýt sáo. Chỉ sau một vài phút người đàn ông cao kia đi ra, không nói một lời với ai, Harris nháy mắt ra hiệu cho cậu bé, còn cậu bé thì vẫn huýt sáo nháy mắt ra hiệu đáp lại. Harris cho Philip biết gã kia tên là Prier, trước đây gã phục vụ trong quân đội, bây giờ là nhân viên gian hàng tư lự. Gã hầu như không giao du với ai, nhưng tối nào cũng chuồn khỏi nơi này như thế, không một lời chào hỏi, để đi gặp tình nhân. Harris cũng đi ra ngoài, chỉ còn cậu bé ở lại tò mò nhìn Philip đang tháo mở đồ đạc. Cậu bé tên là Bell, làm không công trong gian hàng bán tạp phẩm. Cậu rất khoái bộ lễ phục của Philip. Cậu cho chàng biết về những người khác trong phòng và hỏi đủ mọi thứ chuyện về chàng. Cậu là một thanh niên vui tính, thỉnh thoảng giữa câu chuyện, bằng cái giọng rè rè đã vỡ, cậu hát lên những khúc hát của nhà hát ca múa nhạc. Dọn dẹp xong đồ đạc, Philip ra đi bách bộ ngoài đường, nhìn đám đông. Thảng hoặc chàng đứng lại ngoài cửa khách sạn, nhìn thiên hạ đi vào. Thấy đói bụng, chàng mua cái bánh bao, vừa đi, vừa ăn. Người quản lý số nhà giao chàng một chìa khóa vạn năng. Ông này tắt đèn vào lúc mười một giờ mười lăm nhưng Philip sợ cửa khóa không vào được nên chàng về đúng giờ, chàng biết được thể thức nộp tiền phạt, nếu anh về sau mười một giờ anh phải nộp phạt một silinh, quá mười lăm phút phải nộp phạt nửa cua-rôn, ngoài ra anh được báo trước là nếu phạm lỗi ba lần thì anh bị đuổi.

Trừ người lính kia, còn lại mọi người đã ở trong nhà khi Philip trở về. Hai người đã lên giường.

- Chà, Clarence, thằng bé hư hỏng.

Chàng phát hiện cậu bé Bell lấy bộ lễ phục của chàng ra mặc vào cái gối đầu giường. Thằng bé khoái trá với trò đùa của nó.

- Này Clarence, mày nên diện bộ ấy vào dịp dạ hội.

- Giá mà hăn không thận trọng thì hăn đã tóm lấy người đẹp ở nhà hàng Lynn rồi đấy.

Philip từng nghe nói về các buổi dạ hội, số tiền lương trích ra để trang trải cho các đêm đó là một bất bình của nhân viên. Mỗi tháng trừ hai silinh bao gồm y tế phí và tiền sử dụng tủ sách tiểu thuyết cũ rích, ngoài ra còn trừ bốn silinh cho việc tắm giặt. Philip nhận thấy chàng sẽ không bao giờ nhận được một phần tư của số sáu silinh hàng tuần.

Phần đông người ta ăn bánh mì nhỏ cắt làm hai ở giữa nhồi những miếng thịt mỡ lợn muối, xông khói to tướng. Những bữa cơm tối thường lệ của đám nhân viên giúp việc gồm những bánh xăng-uych do một cửa hàng nghèo khổ cách đó vài ba nhà cung cấp, giá hai xu rưỡi một suất.

Người lính nọ xồng xộc bước vào, im lặng nhanh chóng cởi quần áo và nằm vật xuống giường. Đến mười một giờ mười phút thì đèn khí sáng bừng lên và năm mươi phút sau thì tắt hăn. Người lính đi ngủ, còn những kẻ khác mặc py-ja-ma áo ngủ tụ tập quanh cái cửa sổ lớn, reo hò cười đùa ném những mẩu bánh thừa xuống đám đàn bà con gái đang đi dưới đường. Tòa nhà đối diện cao sáu tầng gác là một xưởng cho những thợ may Do Thái, họ nghỉ việc lúc mười một giờ, các phòng đèn thấp sáng choang, và không có màn che cửa sổ. Con gái ông chủ (gia đình này gồm bố, mẹ, hai con trai còn bé và một con gái hai mươi tuổi) khi công việc đã xong, đi quanh nhà

để tắt đèn, lắm lúc ả tự cho phép mình để cho các gã thợ may tán tỉnh. Nhân viên trong phòng Philip tha hồ giải trí bằng cách theo dõi người này, người nọ đứng chờ cửa sau để ve vãn cô nàng và họ đánh cuộc cò con với nhau xem kẻ nào sẽ thành công. Đến nửa đêm thì khách khứa rời khỏi quầy bán rượu Harrington Arm ở cuối phố, và ngay sau đó, bọn họ đi ngủ. Bell ngủ gần cửa ra vào nhất, đi ngang qua phòng, nhảy từ giường này sang giường khác, cho tới khi đã đến giường mình rồi hẳn vẫn không ngừng huyền thuyên. Cuối cùng tất cả đều yên lặng trừ tiếng ngáy đều đều của người lính, và Philip cũng đi ngủ.

Bây giờ chuông kêu to leng reng làm chàng thức giấc, tám giờ kém mười lăm thì tất cả bọn họ mặc xong quần áo, và vội vàng xuống thang gác với hai chân mang sẵn bút tất dài để chọn lấy giày của mình. Họ vừa buộc dây giày vừa chạy về phía cửa hàng phố Oxford để ăn sáng. Nếu quá tám giờ thì họ không còn gì ăn, mà đã vào cơ quan làm việc thì họ không được phép ra ngoài tìm gì ăn nữa. Lắm khi, biết không thể đến nhà hàng đúng giờ, họ đành dừng chân ở một cửa hiệu nhỏ ở gần nhà mua một cặp bánh bao nhân nho nhưng lại phải tốn tiền nên phần đông họ nhịn ăn đi làm cho đến bữa ăn trưa. Philip ăn một ít bánh mì với bơ, uống một cốc chè và đến tám rưỡi thì bắt đầu công việc.

- Thừa bà gian hàng thứ nhất ở bên phải, gian hàng thứ hai ở về phía bên trái.

Chẳng mấy chốc mà chàng đã trả lời các câu hỏi hoàn toàn như cái máy. Công việc này thật buồn tẻ, mệt mỏi. Mấy ngày sau chàng đau chân, đứng thấy khó khăn, những tấm thảm dày và mềm nung nóng hai chân, ban đêm lúc tháo cởi bút tất ra rất đau. Đó là lời than thở chung của mọi người, còn anh bạn ở cùng tầng gác thì bảo do lúc nào cũng có mồ hôi nên giày và bút tất cũ mục dần. Mọi người trong phòng đều đau như vậy và khi ngủ họ bỏ chân ra ngoài chần nệm cho bớt đau. Lúc đầu Philip không đi bộ được chút

nào, khá nhiều đêm ở phòng khách phố Harrington chàng phải dầm chân trong xô nước lã, trong những lúc đó chỉ có Bell, chàng trai làm trong quầy sản phẩm làm bầu bạn. Hắn thường ở nhà để sắp xếp những con tem sưu tầm được. Anh chàng vừa dán những con tem giấy nhỏ bé vừa huýt sao đều đều.

Cứ hai tuần một lần vào tối ngày thứ hai lại có dạ hội. Khi Philip bắt đầu tuần làm việc thứ hai thì có dạ hội ở nhà hàng Lynn. Chàng thu xếp đi dự với một người trong đám đàn bà làm ở cùng gian hàng với anh.

- Cứ chiều lòng họ đi - bà bảo - thì làm như tôi.

Đây là bà Hodges, một người đàn bà nhỏ bé, bốn mươi lăm tuổi, tóc nhuộm xấu xí, mặt mày vàng ửng, đầy những tia máu đỏ li ti, mắt xanh nhạt với tròng con người màu vàng. Bà quý Philip ngay khi chàng đến làm việc ở cửa hàng mới một tuần, bà đã gọi chàng bằng tên thánh.

- Anh và tôi cả hai đều hiểu thế nào là sa sút - bà nói.

Bà cho Philip biết tên thật của bà không phải là Hodges, nhưng bà hay nhắc đến “ông Hodges chồng tôi” ông ta là một luật sư và đối xử với bà thường là khó coi, nên bà bỏ ông, bà thích không bị lệ thuộc ai, nhưng rồi bà đã hiểu ra thế nào là cảnh phải tự mình xoay sở lấy, anh bạn thân mến ạ - ai bà cũng gọi là anh bạn thân mến - bà thường ăn cơm muộn ở nhà. Bà hay xỉa răng bằng cái ghim trâm cài đầu to bằng bạc, có hình một chiếc roi da và chiếc roi ngựa ngắn đặt chéo nhau, ở giữa là hai cái đinh thúc ngựa. Philip không thoải mái trong môi trường mới, các cô nhân viên cửa hàng gọi chàng là “anh điệu”. Một người gọi chàng là anh Phil, chàng không thể trả lời vì chàng không mảy may có ý nghĩ là cô ta nói với mình, vì thế cô hát đầu bảo chàng là “đồ ngạo mạn”, và lần sau cô gọi chàng là “ông Carey” với giọng nhấn mạnh mỉa mai. Tên cô ta là Jewell, sắp lấy chồng bác sĩ. Bọn con gái khác không gặp chú rể bao giờ nhưng thấy y tặng cô ấy nhiều vật phẩm rất xinh đẹp thì bảo nhau rằng y phải là một nhà quý tộc.

- Đừng có quan tâm đến điều họ nói, anh bạn thân mến ạ - bà Hodges bảo. Tôi đã từng phải chịu đựng điều đó cũng như anh hôm nay. Tôi nghiệp, họ chẳng biết hơn đâu về chuyện đó, anh hiểu lấy lời tôi, họ càng quý mến anh hơn, nếu anh biết giữ vững nhân cách như tôi trước kia.

Buổi dạ hội được bố trí tại khách sạn trong tầng hầm. Bàn ghế được dọn sang một bên để lấy chỗ khiêu vũ, những bàn nhỏ hơn thì được sắp đặt cho việc chơi bài ulyt đánh tổ dân lên.

- Các “xếp” thường phải đến đây sớm - bà Hodges nói. Bà giới thiệu với chàng cô Bennett là hoa khôi của nhà hàng Lynn. Cô trông nom quầy bán quần áo lót nữ giới. Khi Philip bước vào thì cô đang nói chuyện với anh bạn đồng nghiệp ở quầy dệt kim đàn ông. Cô Bennett tầm vóc đồ sộ, mặt to đỏ, trát đầy phấn, ngực nở nang, bệ vệ, tóc nâu vàng nhạt chải chuốt công phu. Cô mặc quá diện, nhưng không phải là không có thẩm mỹ, một bộ đồ đen áo cổ cao, cô chơi bài và mang trên tay đôi găng đen bóng láng, nhiều dây chuyền vàng nặng đeo quanh cổ, tay đeo vòng, tai lủng lẳng hoa tai hình tròn có ảnh, một chiếc có ảnh nữ hoàng Alexandra, cô mang túi xách xa tanh đen và miệng nhai kẹo cao su.

- Ông Carey, tôi lấy làm hài lòng được gặp ông - cô nói - Đây là lần đầu, ông đến dự dạ hội của chúng tôi phải không? Tôi chắc ông thấy ngỡ ngàng ngùng tí chút, nhưng không sao, tôi bảo đảm với ông như vậy.

Cô ta hết sức làm cho mọi người cảm thấy thoải mái tự nhiên như ở nhà. Cô vỗ vai mọi người và cười luôn miệng.

- Tôi là cô gái tinh nghịch phải không? Cô quay sang Philip và nói to - Ông nghĩ về tôi thế nào? Nhưng tôi không thể dừng được.

Những kẻ sắp tham gia dạ hội đã đến, đại đa số là nhân viên trẻ của nhà hàng, đám con trai thì không có bạn gái, còn bọn con gái thì chưa tìm được bạn. Nhiều người đàn ông trai trẻ mặc thường phục, thắt nơ trắng buổi tối, cài khăn tay lụa. Họ sắp sửa biểu diễn, họ có vẻ bận rộn, lơ đãng, một số tự tin, nhưng một số khác thì bồn chồn, họ lo lắng quan sát đám công chúng của mình. Ngay sau đó một cô gái đầu tóc bù xù đến ngồi bên chiếc pianô, hai tay chạy vượt trên phím đàn làm vang lên hợp âm rộn rã. Khi thính giả đã ngồi vào chỗ, cô ta nhìn quanh và giới thiệu tên bản nhạc.

“Một cuộc dạo chơi bằng xe ở Nga la tư”

Một tràng vỗ tay nổi lên, trong lúc đó cô khéo léo sửa lại vòng nhạc ở cổ tay. Cô khẽ mỉm cười và lập tức tấu một giai điệu hùng hồn. Khi cô kết thúc, một tràng vỗ tay dữ dội hơn và kéo dài yêu cầu cô diễn lại thì cô lại dạo một khúc nhạc mô phỏng biển cả với những tiếng láy rền bé nhỏ miêu tả sóng vỗ róc rách, tiếp đến là những hợp âm dồn dập được kéo đến bằng những cú bần đập biểu hiện cơn bão táp. Sau đó một gã đàn ông hát khúc “Hãy tạm biệt anh” và vì được hoan nghênh nhiệt liệt, y phải hát thêm một bài. “Hát ru cho em ngủ”. Cử tọa tỏ rõ nhiệt tình của mình với đầu óc sáng suốt tế nhị. Mọi người đều vỗ tay tán thưởng cho đến khi bài hát được trình bày lại, vì vậy có lẽ không có ai ghen tị, không có ai được hoan nghênh hơn ai. Cô Bennett oai vệ đi tới chỗ Philip.

- Tôi chắc ông hát hoặc chơi nhạc được - Thừa ông Carey - cô hỏi giọng hóm hỉnh - Qua gương mặt của ông, tôi nhận ra điều đó.

- Tôi e rằng tôi không có khả năng đó.

- Cả đến ngâm thơ ông cũng không sao?

- Tôi không có năng khiếu hoạt động ở chỗ đông người.

Gã quỳ trưởng quỳ dẹt kim đàn ông là một người ngâm thơ nổi tiếng. Tất cả nhân viên gian hàng của y đều lớn tiếng gọi mời y ra biểu diễn. Không đợi phải nài ép, y ngâm một bài thơ dài bi thảm. Y đảo tròn hai mắt, để tay lên ngực thể hiện nỗi đau khổ cực kỳ.

Điểm lý thú là y ăn tối bằng quả dưa chuột do câu thơ cuối cùng tiết lộ, được người xem hoan hô cười vang, trợn cười hơi gượng vì mọi người đều thuộc bài thơ này, tuy nhiên người ta cũng cười to và lâu. Cô Bennett không chơi đàn, không hát hoặc ngâm thơ,

- Ồ không, cô ấy có chút mánh khéo riêng - bà Hodges giải thích.

- Đây, bà chị không bắt đầu giễu cợt em chứ. Sự thật là em hiểu rất nhiều thuật xem tướng tay và có thể nhìn xa nghìn dặm.

- Ồ, cô Bennett, cô xem tướng tay cho bọn em đi.

Đám con gái gian hàng của cô reo lên, hăm hở làm cô ta vừa lòng.

- Tôi không thích xem tướng tay, thực sự không thích. Tôi đã nói cho thiên hạ biết những câu chuyện khủng khiếp, và tất cả những chuyện đó đã trở thành sự thật làm cho người mê tín ưa chuộng.

- Ôi, cô Bennett, chỉ một lần thôi.

Một nhóm nhỏ tập hợp quanh cô ta, và giữa những tiếng thét ngượng ngùng, những tiếng cười khúc khích, giữa những bộ mặt đỏ bừng e thẹn, những tiếng kêu lo sợ hay thán phục, với giọng thần bí, cô ta nói về người tóc vàng và kẻ tóc đen, về tiền bạc gửi kèm một lá thư, về những cuộc hành trình, cho đến khi khuôn mặt bực phấn của cô ta lấm tấm mồ hôi.

- Nhìn mà xem - cô nói - người tôi ướt đẫm mồ hôi đây này.

Đến chín giờ thì ăn khuya. Có bánh bao nhân nho, có xăng-uyt, có nước chè và cà phê, mọi thứ không phải trả tiền, trừ nước khoáng ai muốn uống phải trả. Đám thanh niên hay chiều chuộng phụ nữ đưa nước gừng ra mời họ, nhưng tính e thẹn thường tình khiến họ từ chối. Cô Bennett rất thích nước gừng, cô uống hai và lăm lúc ba chai trong một buổi tối, nhưng cô cứ nhất định tự trả tiền lấy. Bọn đàn ông thích cô về chuyện đó.

- Cô ấy là gái già kỳ quặc - họ bảo nhau - nhưng các anh chú ý đấy, cô ta không phải hạng người xấu, cô ta không giống một số người khác đâu.

Sau bữa ăn khuya, họ chơi bài uyt theo kiểu tổ dân lên. Thật hết sức ồn ào, người ta cười nói, la hét, di chuyển từ bàn này sang bàn kia. Cô Bennett càng trở nên sôi nổi hơn.

- Nhìn mà xem - cô nói - người tôi ướt đẫm mồ hôi đây này.

Đúng lúc, một gã táo bạo hơn trong đám trai trẻ, nêu ý kiến là nếu muốn khiêu vũ thì tốt nhất nên bắt đầu đi. Cô gái chơi nhạc đệm ngồi bên chiếc pi-a-nô, đặt chân lên bàn đạp dạo một thanh âm quyết định thật to, cô ta chơi một điệu van-xơ mơ mộng, nhấn nhịp vào những nốt hãm, trong khi đó, tay phải cô lướt trên quãng tám xen kẽ, dồn dập, mạnh mẽ. Bằng cách thay đổi âm sắc, cô bắt chéo hai tay, chơi giai điệu đó thêm những nốt trầm.

- Cô ấy đàn hay nhỉ - Bà Hodges nhận xét với Philip - Ấy thế mà cả đời cô ta chưa hề được học một bài nào đâu, chỉ có nghe người ta mà thôi.

Cô Bennett thích khiêu vũ và thơ hơn bất cứ mọi thứ khác trên đời. Cô nhảy giỏi, nhưng hết sức, hết sức chậm rãi, cặp mắt đăm chiêu những dòng

suy tư đang bay bổng tận một nơi nào đó xa xăm. Vừa thở dốc cô vừa bàn đến cái sàn nhà, đến cái nóng bức, và về bữa ăn khuya hôm nay. Cô bảo nhà hàng Portman Roones có sàn nhảy tốt nhất Luân Đôn, và cô thường thích các buổi liên hoan khiêu vũ ở đây; các buổi này dành riêng cho những người được chọn lọc và nhảy với mọi hạng đàn ông mà không hiểu gì hết về họ và cô không chịu được sao người ta rất có thể bộc lộ mình với một người mà mình không hề hay biết máy may. Gần như mọi người đều nhảy rất cừ và họ lấy làm khoái trá. Mặt người nào cũng đầm đìa mồ hôi, và những cổ áo rất cao của các chàng trai trẻ cứ dần dần mềm nhũn.

Philip đứng xem. Lòng chàng tràn ngập một nỗi chán chường còn to lớn hơn nỗi chán chường mà chàng đã cảm thấy từ lâu, bây giờ mới nhớ lại chàng cảm thấy cô đơn kinh khủng. Chàng không bỏ đi, sợ người ta cho mình ra vẻ lên mặt ta đây, và chàng nói, cười với đám con gái, nhưng trong lòng chàng là cả một nỗi niềm bất hạnh. Cô Bennett hỏi chàng có bạn gái chưa.

- Chưa, chàng mỉm cười đáp.

- Ồ, được, tha hồ cho ông chọn ở đây. Một số trong đám các cô, có nhiều người rất xinh đẹp đứng đắn, tôi hy vọng rằng rồi chẳng bao lâu nữa ông sẽ có.

Cô ta nhìn chàng một cách rất tinh nghịch.

- Cố chiều lòng họ - bà Hodges bảo - Đấy chính là điều tôi đã căn dặn anh ấy.

Đã gần mười một giờ, đêm liên hoan kết thúc. Philip không ngủ được. Như các bạn khác, chàng bỏ hai chân ra ngoài chần nệm. Chàng cố hết sức

không nghĩ gì đến những ngày hiện tại chàng đang trải qua. Anh chàng người lính ngáy đều.

Mỗi tháng một lần, thư ký cửa hàng trả tiền lương. Vào ngày phát lương, sau khi uống trà xong, từng đợt nhân viên bán hàng đi vào hành lang, nhập vào dòng người đang chờ đợi theo thứ tự, như khán giả nối đuôi nhau, xếp hàng ngoài cửa phòng trưng bày tranh tượng. Từng người một đi vào văn phòng. Viên thư ký ngồi bên bàn, trước những bát bằng gỗ đựng tiền, y hỏi tên họ người làm công, xem nhanh trong cuốn sổ, sau cái liếc mắt ngờ vực với người làm công, y đọc to số tiền phải trả, rồi lấy tiền khỏi bát, đếm từng đồng bỏ vào tay người làm công.

- Cảm ơn, đi tiếp đến ông kia - y nói.

- Cảm ơn - có tiếng đáp lại.

Người làm công này đi tiếp đến người thư ký thứ hai và trước khi rời khỏi căn phòng, anh ta phải trả cho y bốn silinh về khoản tắm giặt và hai silinh cho câu lạc bộ và một số tiền phạt nếu như anh ta vi phạm. Với số tiền còn lại anh ta trở lại gian hàng của mình và ở đó cho đến giờ ra về. Phần đông những người ở cùng nhà với Philip đều mắc nợ bà bán bánh xăng-uyt mà họ thường đến ăn vào bữa tối. Bà ta là một bà già, ngộ ngộ, rất béo, mặt rộng to phèn phẹt, tóc đen gọn gàng ép sát vào hai bên trán theo kiểu của nữ hoàng Victoria trong những bức chân dung gần đây. Bà thường đội chiếc mũ phụ nữ nhỏ màu đen, mang tạp dề trắng, tay áo vén lên tới khuỷu, bà cắt bánh xăng-uyt, với hai bàn tay to, bần, bóng nhoáng, mỡ dính cả lên ngực, trên tạp dề và trên váy bà. Bà tên là Fletcher, nhưng mọi người gọi bà là “má”, bà thực sự yêu quý đám nhân viên nhà hàng mà bà vẫn gọi là các con. Vào những ngày cuối tháng, bà không phải lo ghi nợ. Ai cũng biết thỉnh thoảng bà còn cho người này, người nợ mượn một vài silinh khi họ túng thiếu. Bà là người nhân hậu thương người. Khi đi phép hoặc trở lại

nhà hàng sau những ngày nghỉ, bọn con trai đều đến hôn lên má béo đỏ của bà và không thiếu gì người bị mất việc, không tìm ra việc khác, được bà cho ăn uống không phải trả tiền để qua nổi những ngày gian khổ. Bọn con trai hiểu rõ tấm lòng nhân hậu của bà nên đáp lại họ cũng chân tình thương mến bà. Họ thích câu chuyện một người ở Bradford làm ăn khấm khá, có riêng năm cửa hàng, sau mười lăm năm, trở lại thăm má Fletcher và tặng má một đồng hồ đeo tay bằng vàng.

Philip tự túc bằng mười tám silinh còn lại của số lương hàng tháng. Từ trước đến giờ đây là đồng tiền đầu tiên chàng kiếm được trong đời. Nó không đem lại cho chàng một cảm giác chán nản. Số tiền bé nhỏ càng làm nổi bật tình cảnh không còn hy vọng của chàng. Chàng gửi bà Athelny mười lăm silinh để trả bớt số tiền chàng nợ, nhưng bà nhất định không lấy quá nửa đồng xô-vê-rin.

- Bà biết không, nếu thế thì phải tám tháng tôi mới trả hết nợ cho bà.

- Chừng nào mà Athelny còn làm việc thì tôi còn đủ khả năng chờ đợi, và biết đâu người ta chẳng sẽ tăng lương cho anh.

Athelny vẫn bảo là sẽ nói chuyện với viên quản lý về Philip, không sử dụng đến tài năng của chàng là một điều thật vô lý, nhưng rồi ông ta chẳng dả động gì đến, và chẳng bao lâu Philip đi tới kết luận là trong con mắt của vị quản lý, viên phụ trách quảng cáo này không phải là một nhân vật quan trọng lắm như đối với chàng. Thình thoảng chàng gặp Athelny trong cửa hàng. Vẻ hào nhoáng của ông giờ đã lụi tàn trong bộ quần áo tầm thường, cũ kỹ nhưng giản dị và trang nhã, cái con người bé nhỏ, khiêm tốn, chịu khuất phục kia, hồi hải đi qua các gian hàng có vẻ như muốn chạy trốn những lời nhận xét.

- Khi tôi nghĩ là tôi đã lãng phí cuộc đời ở đó như thế nào - ông phát biểu ở nhà - tôi gần như muốn ghi tên thôi việc. Đây không phải là chỗ để phát huy tài năng cho một người như tôi. Tôi cần cõ đi, tôi bị bỏ đói.

Không để ý tới những lời than phiền của chồng, bà Athelny lặng im ngồi khâu vá, môi hơi mím.

- Thời buổi này rất khó kiếm việc làm. Công việc của ông ở đây vừa đều đặn lại vừa chắc chắn như thế, ông cứ ở đó, chừng nào người ta còn hài lòng về ông.

Hiển nhiên là Athelny phải ở lại đó. Được nhìn thấy người đàn bà vô học, người chỉ ràng buộc chồng bằng một sợi dây không hợp pháp lại giành được uy thế với con người tài hoa không kiên định này thật là một điều thú vị.

Bà Athelny đối xử ân cần với Philip bằng một tấm lòng nhân hậu của một người mẹ, trong khi chàng đang ở trong một hoàn cảnh khó khăn, chàng cảm động thấy bà lo toan cho mình cơm ngon, canh ngọt; chủ nhật cũng được đến với gia đình thân thiết này, đó là niềm an ủi của đời chàng (và khi đã dần dần quen với chuyện này, thì sự đơn điệu của nó là điều chủ yếu làm cho chàng kính sợ). Ngồi trên những chiếc ghế oai vệ kiểu Tây Ban Nha tranh luận đủ điều với Athelny là một niềm vui mặc dù hoàn cảnh chàng có vẻ vô vọng đến thế, không bao giờ chàng chia tay ông để trở về phố Harrington, mà chàng không mang theo trong lòng một cảm giác hoan hỉ. Mới thoát đầu Philip cố gắng tiếp tục nghiên cứu sách vở y học để khỏi quên những điều đã học nhưng vô ích, sau một ngày làm việc mệt mỏi, chàng không tài nào tập trung tư tưởng, và khi chàng không biết còn bao nhiêu lâu nữa mới có thể trở lại bệnh viện thì dường như tiếp tục học tập là một việc làm vô vọng. Chàng liên tiếp nằm mơ thấy mình ở trong căn phòng của bệnh viện. Mỗi lần tỉnh giấc là một lần đau khổ. Sự ồn ào của

các bạn khác ngủ cùng phòng làm chàng cảm thấy khó chịu không thể tả, chàng đã quen sống cô đơn, và những lúc này phải sống chung với người khác, không được một mình, dù trong chốc lát, đối với chàng thật kinh khủng. Lúc này trong những giờ phút như vậy chàng thấy khó mà đương đầu với nỗi thất vọng. Chàng hình dung mình sẽ phải tiếp tục “thừa bà, gian thứ nhất bên phải, gian thứ hai bên trái” và cứ như thế vô hạn định. Và nếu như chàng chưa bị đuổi đi thì chàng phải đáng mừng. Những kẻ ra chiến trường chẳng bao lâu rồi sẽ trở về, cửa hàng đã bảo đảm sẽ nhận họ, thì điều này có nghĩa là những người khác sẽ bị sa thải. Lúc đấy cho dù công việc này có chẳng ra gì thì liệu chàng có còn giữ nổi?

Chỉ duy nhất có một điều có thể giải thoát cho chàng đó là cái chết của ông bác. Lúc ấy hẳn chàng sẽ có vài trăm bảng và nhờ đó chàng có thể học cho xong khóa học ở bệnh viện. Philip bắt đầu tha thiết cầu mong sao cho ông lão chóng chết. Chàng tính xem ông lão có thể sống thêm được bao lâu, năm nay tuổi ông chắc đã phải quá bảy mươi. Philip không biết chính xác nhưng ít nhất thì cũng phải là bảy mươi lăm, ông bị viêm cuống phổi kinh niên, mùa đông nào cũng ho hen nặng. Dù đã thuộc lòng chứng bệnh này, Philip cũng cứ đọc đi đọc lại các chi tiết trong sách giáo khoa y học, nói về chứng viêm cuống phổi của người già. Ông lão sẽ không qua khỏi một mùa đông khắc nghiệt. Philip thiết tha mong cho trời mưa rét. Không giây phút nào chàng không nghĩ đến điều đó vì vậy nó đã trở thành một thứ độc tưởng. Nóng to cũng ảnh hưởng đến sức khỏe của bác William và trong tháng tám lại có ba tuần thời tiết oi ả. Philip tưởng tượng có lẽ một ngày nào đây, sẽ có một bức điện báo tin cha sẽ chết đột ngột và chàng đã hình dung đến một sự nhẹ nhõm không sao nói nên lời.

Đứng ở đầu cầu thang hướng dẫn khách vào các gian hàng theo yêu cầu của họ, chàng không ngớt bận tâm suy nghĩ sẽ làm gì với số tiền kia. Chàng không biết nó sẽ là bao nhiêu, có lẽ không quá năm trăm bảng, nhưng thậm chí như vậy cũng đủ rồi. Chàng sẽ rời khỏi cửa hàng ngay, chẳng cần phải

phiền hà báo trước xin thôi, chàng sẽ đóng gói hòm xiềng và ra đi không nói với ai một lời rồi chàng trở lại bệnh viện. Đó là việc thứ nhất. Có thể chàng đã quên nhiều rồi chăng? Trong sáu tháng chàng có thể học lại tất cả, rồi chàng sẽ qua ba kỳ thi, càng sớm càng tốt, trước hết là khoa sản, rồi đến khoa nội và khoa phẫu thuật. Nhưng một nỗi lo sợ ghê gớm bỗng choáng ngợp tâm hồn, mặc dù đã hứa hẹn, bác chàng vẫn có thể để lại toàn bộ tài sản cho xứ đạo hay cho nhà thờ. Nghĩ vậy Philip như phát ốm. Ông già chẳng có thể nhẫn tâm đến như thế. Nhưng nếu sự việc cứ xảy ra thì Philip đã nhất quyết sẽ phải làm gì, chàng nhất định không tiếp tục sống mãi như thế này. Chàng chỉ chịu được cuộc sống hôm nay, bởi vì chàng có thể mong đợi cái gì đấy tốt hơn. Nếu không còn hy vọng thì liệu có còn gì nữa để chàng phải sợ. Lúc ấy hành động dũng cảm duy nhất là tự sát, và suy nghĩ việc này, Philip quyết định tỳ mi loại thuốc ngủ không đau đớn nào chàng sẽ dùng và làm thế nào chàng có được trong tay. Điều này khuyến khích chàng suy nghĩ rằng nếu mọi việc trở thành không thể chịu đựng được thì dù thế nào chàng cũng đã có lối thoát.

- Thưa bà gian hàng thứ hai ở bên phải, rồi bà xuống thang gác, gian thứ nhất ở bên trái và cứ thế bà đi thẳng.

Mỗi tháng một lần Philip trực trong một tuần lễ. Chàng phải đến cửa hàng lúc bảy giờ sáng, xem xét việc quét dọn, khi người ta làm xong thì chàng có nhiệm vụ bỏ các tấm khăn phủ hòm và vật mẫu ra. Đến chiều khi người làm nghỉ việc thì chàng phải phủ lại khăn lên các vật mẫu, các rương hòm và lại để mắt tới những người quét dọn. Công việc bản thủ, vô vị, chàng không được phép đọc sách báo, không được viết lách, không được hút thuốc lá mà chỉ được đi quanh quẩn trong phòng và thời gian thì trôi qua chậm chạp. Đến chín giờ rưỡi chàng về ăn tối, đây là sự an ủi duy nhất, bởi vì uống trà lúc năm giờ chỉ làm chàng càng thêm đói, vì vậy bánh mì và bơ, nước ca cao uống thoải mái, tất cả do xí nghiệp cung cấp đều được nhiệt liệt hoan nghênh.

Một hôm, khi Philip làm ở cửa hàng Lynn được ba tháng, ông Sampson, cửa hàng trưởng đi đến, nóng giận như bốc lửa. Là vì viên quản đốc khi đến thăm gian hàng, tình cờ để ý tủ kính trình bày y phục, ông cho gọi cửa hàng trưởng và đưa ra những lời nhận xét châm biếm về cách lựa chọn màu sắc trưng bày.

Buộc phải im lặng cam chịu những lời lẽ mỉa mai của cấp trên, Sampson bèn dôn hết lên đầu những người giúp việc, và y đã xỉ vả anh bạn khốn khổ có nhiệm vụ phải bày biện tủ hàng ấy.

- Nếu anh muốn làm việc cho tử tế thì tự anh phải làm lấy - Sampson gầm lên - tôi đã thường bảo và luôn luôn sẽ bảo như vậy. Người ta không thể nào bỏ mặc bất cứ việc gì cho bọn các anh cả. Các anh tự cho mình là thông minh phải không? Thông minh!

Y hất câu này vào mặt những người làm công, như một lời trách móc cay đắng nhất.

- Các anh không biết rằng nếu đặt một màu xanh phát điện trong tủ hàng thì nó sẽ át tất cả các màu xanh khác sao?

Y đưa mắt dữ tợn nhìn quanh gian hàng rồi dừng lại ở Philip.

- Anh Carey, thứ sáu tới, anh sẽ bày biện lại tủ hàng này. Để xem rồi anh làm việc này ra sao.

Y đi vào văn phòng, càu nhàu tức giận. Ruột Philip quặn lại. Sáng thứ sáu, chàng tới tủ hàng với một cảm giác chán chường tủi thẹn. Má chàng nóng bừng. Phơi thân ra trước khách qua đường, thật khó chịu, và dù chàng tự nhủ rằng, nhượng bộ một cảm nghĩ như vậy thật là ngu xuẩn, nhưng

chàng vẫn quay lưng ra ngoài phố. Vào giờ này ít có sinh viên ở bệnh viện đi qua phố Oxford mà ở Luân Đôn thì chàng không quen biết ai khác, nhưng khi làm việc chàng thấy cổ họng như nghẹn tắc lại, chàng tưởng tượng nếu như chàng quay lại sẽ bắt gặp cái nhìn của người quen nào đó. Chàng làm cho thật nhanh. Chỉ cần nhìn thoáng qua đã thấy các màu đỏ hòa hợp với nhau và quần áo được xếp đặt cách xa nhau hơn mọi khi. Philip đạt được hiệu quả rất tốt. Khi cửa hàng trưởng đến đứng ngoài đường nhìn vào các thành quả kia, y hài lòng ra mặt.

- Tôi biết tôi không nhầm lẫn khi giao cho anh tủ bày hàng. Quả thật anh và tôi là những kẻ thượng lưu quý phái. Anh thấy đấy, tôi không tuyên bố điều này tại gian hàng nhưng anh và tôi đều là người dân thượng lưu quý phái. Điều ấy rõ ràng. Anh bảo tôi việc đó không có kết quả, không đúng đâu, bởi vì tôi nhận thấy nó rất có kết quả.

Philip được giao việc này đều đặn, nhưng chàng không thể quen với việc quảng cáo rao hàng. Chàng sợ nhất là sáng thứ sáu, ngày phải bày biện tủ hàng, chàng hãi hùng tới mức mới năm giờ sáng chàng đã bừng tỉnh và nằm thao thức đau đớn trong lòng. Bọn con gái làm công trong gian hàng biết tính chàng hay xấu hổ nên họ phát hiện ra ngay cái trò đứng quay lưng ra đường của chàng. Họ cười trêu chàng và gọi chàng là “Sidey” “Anh điệu”.

- Chắc anh sợ bà cô anh đi ngang qua và sẽ cắt suất thừa kế.

Nói chung chàng sống rất hòa thuận với đám con gái này. Họ cho chàng hơi kỳ quặc, nhưng cái chân thọt dường như đã bào chữa cho việc chàng là người tốt bụng, lễ độ và điềm đạm, chàng không ngần ngại giúp đỡ bất cứ người nào.

- Trông anh ấy người ta nhận ra ngay là con nhà quý phái - họ bảo nhau.

- Rất kín đáo nữa, phải không? - Một thiếu phụ còn trẻ nhận xét. Đây là người mà chàng đã không được lòng say mê sâu khấu rất nhiệt thành trước đây.

Phần đông bọn họ đều có “bạn”, những ai chưa có thì tuyên bố là cũng có, nhưng thực ra có lẽ chẳng có ai để ý đến họ. Một vài cô tỏ vẻ bắt đầu sẵn sàng đặt quan hệ với Philip nhưng chàng chỉ nghiêm chỉnh theo dõi mọi mưu mẹo của họ một cách thú vị. Và lại, lâu rồi chàng ngán ngẫm với những chuyện tỏ tình, thêm nữa hầu như lúc nào chàng cũng mệt mỏi và thường hay đói bụng.

Philip tránh những địa điểm chàng đã quen biết trong thời kỳ sung sướng. Những cuộc họp mặt ngăn ngủi ở quán rượu Beak Street giờ đã chấm dứt. Macalister bỏ rơi bạn bè, không đến đó nữa; còn Hayward thì đã đi Cape. Chỉ còn mỗi mình Lawson ở lại, và bây giờ Philip cảm thấy mình và anh chàng họa sĩ này chẳng còn điều gì chung nên cũng không mong gặp hẳn ta, nhưng một buổi chiều thứ bảy, sau khi ăn xong, chàng thay quần áo đi bộ xuống phố Regent vào thư viện công cộng ở St. Martin's Lane với ý định ở lại đó cả buổi chiều, bỗng chàng chạm trán với hẳn. Ý định đầu tiên là chàng định đi qua không chào hỏi, nhưng Lawson không để cho chàng làm như vậy.

- Cậu đi quái đâu suốt thời gian qua? Hẳn kêu lên.

- Mình đây à? Philip hỏi lại.

- Tôi viết cho cậu, mời cậu đến dự một buổi tiệc nho nhỏ ở xưởng vẽ thế mà cậu chẳng trả lời.

- Mình không nhận được thư cậu.

- Không, tôi biết rồi. Tôi bệnh viện hỏi thăm cậu, thấy thư của tôi còn nguyên trên giá. Cậu đã vứt bỏ nghề y rồi hả?

Philip lưỡng lự một lúc, nói thật thì chàng hổ thẹn, nhưng chàng lại bức tức thấy mình xấu hổ, nên chàng buộc phải nói, nhưng không ngăn được đỏ mặt.

- Ừ, có được ít tiền thì mình mất hẳn, thành thử mình không còn khả năng đeo đuổi việc học tập.

- Ừ, tớ rất lấy làm tiếc. Thế bây giờ cậu làm gì?

- Mình làm người hướng dẫn khách hàng.

Cái từ này làm chàng như nghẹn lời nhưng chàng nhất quyết không lảng tránh sự thật. Chàng nhìn thẳng vào Lawson và nhận ra là y đang bối rối. Philip mỉm cười chua cay.

- Nếu cậu vào nhà hàng Lynn và Sedley, đi đến gian áo dài may sẵn, cậu sẽ thấy tớ mặc áo choàng đi tha thẩn ở đó dáng điệu rất ung dung, hướng dẫn các bà, các cô muốn mua váy lót hoặc bút tất: “Thưa bà, gian thứ nhất bên phải, và gian thứ hai bên trái”.

Thấy Philip đang làm điệu bộ giễu cợt cùng cách hướng dẫn này, Lawson cười ngượng nghịu. Hẳn không biết nói thế nào. Hình ảnh Philip gọi ra làm cho hẳn ghê người, nhưng hẳn ngại không muốn tỏ ra thương hại bạn.

- Đây là một chút thay đổi với cậu thôi - hẳn nói - hẳn thấy câu nói của mình dường như vô nghĩa và ngay lúc đó hẳn hối tiếc đã thốt ra. Philip bỗng đỏ mặt.

- Đúng - chàng nói - Nhân đây, mình còn nợ cậu năm silinh.

Chàng rút tay vào túi, móc ra mấy đồng tiền.

- Ờ, có gì đâu, mà tớ đã quên hết biến rồi.

- Cậu cứ lấy đi.

Lawson nhận tiền im lặng. Họ đứng giữa mặt đường, bị dân chúng đi qua chen lấn. Có một cái gì đó lấp lánh trong cặp mắt Philip như nhạo báng khiến chàng họa sĩ vô cùng khó chịu và hẳn không biết được rằng lòng Philip nặng trĩu nỗi niềm tuyệt vọng. Lawson hết sức muốn làm cái gì đấy, nhưng hẳn lúng túng không biết làm gì.

- Này, cậu đến xưởng vẽ trò chuyện với mình một lúc được không?

- Không - Philip đáp.

- Sao lại không?

- Chẳng có chuyện gì nói.

Chàng thấy nỗi đau khổ hiện lên trong ánh mắt Lawson, nhưng chàng không ghìem nỗi mình. Chàng ân hận, nhưng chàng phải nghĩ đến chàng. Chàng không chịu nổi ý nghĩ đưa hoàn cảnh của mình ra bàn luận. Sở dĩ chàng chịu đựng được vì chàng đã kiên quyết không nghĩ đến nó nữa. Chàng lo sợ sự mềm yếu của mình, mỗi lần bắt đầu thổ lộ tâm can. Hơn nữa chàng ghét cay ghét đắng những nơi chàng đã sống khổ sở, chàng nhớ lại nỗi nhục nhã phải cam chịu, khi ở xưởng vẽ, bụng đói cồn cào, chàng phải nhờ Lawson mời đi ăn cơm và dịp gần đây nhất chàng vay mượn của hẳn năm silinh. Chàng không thích gặp Lawson vì hẳn gợi lại những ngày vô cùng nhục nhã của chàng.

- Này, vậy thì một tối nào đó đến ăn cơm với tớ nhé. Đêm nào cũng được, tùy cậu chọn.

Lòng tốt của anh chàng họa sĩ làm cho Philip cảm động. Chàng nghĩ thầm thì ra tất cả mọi hạng người đều tử tế với mình một cách lạ lùng.

- Bạn thân mến, cậu tốt bụng quá, nhưng tớ thích không đi thì hơn. Rồi chàng chìa tay “Thôi chào cậu”.

Bản khoán trước một cử chỉ có vẻ khó hiểu, Lawson bắt tay chàng và Philip nhanh chóng khập khiễng bỏ đi. Lòng chàng nặng trĩu và đối với chàng như thường lệ, chàng lại bắt đầu trách mình về cách xử sự vừa qua, chàng không hiểu lòng kiêu ngạo rồ dại nào đã khiến chàng khước từ tình nghĩa bạn bè. Nhưng chàng nghe có ai chạy theo sau lưng, và ngay liền đó là tiếng Lawson gọi chàng, chàng đứng lại, cái cảm giác thù địch bỗng nhiên thẳng thẽ, chàng ra mặt nghiêm nghị lạnh lùng với Lawson.

- Chuyện gì thế?

- Có lẽ cậu đã nghe về Hayward rồi phải không?

- Tớ biết hẳn đã đi Cape.

- Cậu biết không, hẳn chết ngay sau khi lên bờ.

Philip lặng người một lúc, không đáp. Chàng không tin vào tai mình.

- Thế nào? Chàng hỏi.

- Chà, nó bị thương hàn. Thật không may, tớ nghĩ là cậu không biết. Khi nghe tin đó, tớ điếng người.

Lawson gật đầu chào nhanh và bỏ đi. Philip rùng mình, cảm thấy đau nhói trong tim. Trước kia, chàng chưa bao giờ mất một người bạn cùng lứa

tuổi, cái chết của Cronshaw, người già hơn chàng nhiều, xảy đến như quá trình diễn biến bình thường của sự vật. Còn tin này khiến chàng choáng váng khác thường. Nó nhắc nhở chàng rằng chính chàng rồi cũng sẽ chết, như bất cứ người nào khác, Philip hoàn toàn hiểu mọi người đều phải chết, nhưng trong thâm tâm chàng lại không nghĩ rằng mình cũng phải theo quy luật đó. Từ lâu tình cảm của chàng đối với Hayward chẳng còn nồng ấm, nhưng cái chết của hắn cũng khiến chàng xúc động sâu sắc. Chàng bỗng nhớ đến những buổi chuyện trò thoải mái ngày xưa, chàng đau đớn nghĩ rằng chẳng bao giờ họ còn chuyện trò với nhau nữa, chàng nhớ lần đầu gặp gỡ, những ngày tháng thú vị cùng nhau trải qua ở Heideberg. Nhớ lại những năm đã qua không còn bao giờ trở lại, lòng Philip quặn lại. Chàng bước tiếp đi như cái máy, không để ý mình đi đâu, bỗng chàng bực bội nhận ra đáng lẽ đi vòng xuống chợ bán cỏ khô, chàng lợi thơ thân đi dọc đại lộ Shaftesbury. Chàng bực mình lại phải lộn lại, thêm nữa nhận được những tin như vậy, chàng chẳng muốn đọc sách mà chỉ muốn ngồi một mình suy nghĩ. Chàng quyết định đến nhà bảo tàng Anh quốc. Giờ đây cái cảnh cô đơn là niềm khoái trá duy nhất của chàng. Từ ngày đến làm công ở nhà hàng Lynn, chàng thường đến đó, ngồi trước các ngôi đền Parthénon, và để mặc cho những khối công trình tuyệt vời kia làm dịu vợi những nỗi phiền muộn trong tâm hồn chàng. Nhưng buổi chiều hôm ấy những khối công trình kia không nói gì với chàng, và sau mấy phút, chàng sốt ruột đi thơ thân bên ngoài. Ở đấy rất đông, nào dân tỉnh lẻ nét mặt ngu đần, nào người nước ngoài đang mãi mê tham khảo sách hướng dẫn, vẻ gồm guốc của họ bôi nhọ những kiệt tác bất diệt này, và sự sôi nổi của các họ quấy rầy giấc ngủ vĩnh cửu của vị thần. Chàng đến chỗ khác, ở đây hầu như vắng bóng người. Philip ngồi xuống, mệt mỏi rã rời, thần kinh căng thẳng. Chàng không sao gạt bỏ được hình ảnh những con người này khỏi óc. Thịnh thoảng tại nhà hàng Lynn, bọn họ cũng tác động đến chàng như vậy và chàng ghê sợ nhìn họ diễu qua trước mặt, họ sao mà xấu xí, mặt mày sao mà ti tiện, thật khủng khiếp, mặt họ méo mó vì những dục vọng tầm thường, ý niệm về cái đẹp hoàn toàn xa lạ đối với họ. Mắt họ lấm lét và cảm họ nhu nhược. Họ không độc ác nhưng nhỏ nhen, thô lỗ, họ hài hước

nhưng là một thứ bông lơnh thấp hèn. Lắm lúc, chàng thấy mình nhìn họ và tìm một sự tương tự giữa họ và một con vật nào đấy. Chàng đã cố không làm thế, bởi vì việc này nhanh chóng trở thành một ám ảnh và chàng thấy hết thấy bọn họ kẻ thì là cừu, hoặc ngựa, kẻ thì là cáo hoặc dê. Đồng loại của mình làm chàng kinh tởm.

Nhưng một lúc sau, không khí môi trường tác động đến chàng. Lúc này chàng cảm thấy đã thanh thản hơn. Chàng bắt đầu lơ đãng nhìn những tấm bia mộ dựng thành hàng trong khu vực. Đó là công trình của những người thợ xây đá thành A-ten thế kỷ thứ tư và thứ năm trước Công nguyên, đây chỉ là một sự gia công rất đơn giản, không phải tài giỏi lớn lao nhưng nó hàm chứa tinh thần tuyệt vời của những người dân A-ten. Trải qua năm tháng, thời gian, đường nét hình dáng chúng thành ra mềm mại, màu đá diu diu ngả sang màu mật, khiến người ta bất giác nghĩ đến bầy ong của Hymettas. Một vài bản khắc đá minh họa một người khóa thân ngồi trên chiếc ghế dài, một số khác miêu tả người chết đang vĩnh biệt người thân, và mấy bản là cảnh người chết siết chặt tay người ở lại. Hết thấy các bản khắc đều là lời vĩnh biệt bi thương, thế thôi, không có gì hơn nữa. Sự đơn giản của các bức chạm thật vô cùng cảm động. Bầu bạn chia tay bầu bạn, con già từ mẹ và nỗi đau dồn nén của người còn sống, lại càng thêm xót xa. Biết bao lần rồi, hàng bao nhiêu thế kỷ tiếp nối đã trôi qua trên nỗi bất hạnh đó. Trải qua hai nghìn năm, những kẻ than khóc kia cũng đã trở thành cát bụi như những người từng được khóc than. Vậy mà nỗi đau kia vẫn còn sống động. Và giờ đây nó ăm ắp trong lòng Philip, khiến tình xót thương dâng lên và chàng bật thành lời: “Tội nghiệp cho con người, tội nghiệp thay cho con người” và chàng chợt nghĩ những khách tham quan đang há hốc miệng, những người nước ngoài béo phì đó đang cầm sách hướng dẫn trong tay cùng cái lũ người ti tiện tầm thường đã từng chen chúc trong cái cửa hàng Lynn kia cùng với những ham muốn nhỏ nhoi, những lo âu thông tục của họ, mọi người đều có thể chết và sẽ chết. Họ cũng yêu thương, và họ phải già từ người thân, con từ già mẹ, vợ từ già chồng, và có lẽ bi thảm

hơn, vì cuộc đời họ xấu xa, hèn hạ, họ không hiểu được điều gì đã đem lại cái đẹp cho thế gian. Có một tấm bia rất đẹp, một hình nổi chạm hai người trẻ tuổi nắm tay nhau, đường nét kín đáo, mộc mạc khiến người ta phải nghĩ rằng nổi niềm xúc động của nhà điêu khắc là chân thành. Đó là một tượng đài kỷ niệm tuyệt vời dựng lên cho một thứ tình cảm quý giá nhất của loài người, đó là tình bằng hữu. Chàng ngắm nhìn tượng đài, nước mắt rưng rưng. Philip nhớ đến Hayward, nhớ lại mình đã hết sức khâm phục hẳn những ngày đầu gặp gỡ và sự tan vỡ ảo tưởng đã xuất hiện như thế nào, tiếp theo là sự thờ ơ cho đến lúc chẳng còn gì gắn bó họ với nhau, trừ thói quen và những kỷ niệm ngày xưa. Có một việc lạ lùng trong đời là hàng bao nhiêu tháng trời, ngày nào anh cũng gặp một con người, anh rất thân thiết với y đến nỗi anh không thể hình dung cuộc sống mà lại không có y. Thế rồi xa nhau, mọi sự vẫn tiếp tục như xưa, và người bạn cứ tưởng chừng như cần thiết ấy lại chứng tỏ là không cần thiết. Cuộc đời anh vẫn tiếp tục và thậm chí anh không còn thấy thiếu y. Philip nhớ lại những ngày đầu tiên ở Heideberg khi Hayward còn có khả năng làm những việc lớn, đầy nhiệt huyết với tương lai và dần dần không làm được việc gì đành cam chịu thất bại. Và giờ đây, hẳn đã chết. Cái chết của hẳn cũng phũ phàng như cuộc đời hẳn. Hẳn chết không tiếng tăm, vì một căn bệnh ngớ ngẩn, lại thất bại một lần nữa, thậm chí hết đời mà cũng không hoàn thành được việc gì. Nay thì đâu vẫn hoàn đấy, như thế là hẳn không sống trên đời bao giờ.

Philip thất vọng tự hỏi sống để làm gì. Hình như nó hoàn toàn vô nghĩa. Trường hợp Cronshaw cũng vậy, ông ta đã sống hoàn toàn không đáng kể, ông ta đã chết và bị lãng quên, tập thơ của ông bày bán hạ giá ở cửa hàng sách cũ, đời ông dường như chẳng ích lợi gì cho ai trừ việc cung cấp cho một nhà báo hăng hái được dịp viết bài cho một tờ tạp chí. Và Philip kêu to: “Sống để làm gì?”

Sự cố gắng không cân xứng với kết quả. Những hoài bão ngời sáng của tuổi trẻ phải trả giá cay đắng bằng sự vỡ mộng. Đau khổ, bệnh tật, và

những nỗi bất hạnh đè lên cán cân quá đỗi nặng nề. Tất cả điều đó có nghĩa là gì? Chàng nghĩ đến cuộc đời của chính mình, đến những hy vọng cao cả khi bước vào đời, đến cái khuyết tật của cơ thể, đến tình trạng không bạn bè, đến cảnh thiếu thốn tình cảm yêu thương vây quanh một thời trai trẻ. Chàng tin rằng từ trước đến giờ chàng đã làm tất cả những gì tốt đẹp nhất, vậy mà chàng đã thất bại nặng nề làm sao! Những người khác không gặp thuận lợi hơn chàng, lại thành công, và người khác nữa có nhiều thuận lợi hơn lại thất bại. Dường như thuận túy là chuyện may rủi. Mưa rơi xuống người chính trực và kẻ gian tà cũng hết như nhau và những câu hỏi tại sao, vì có gì đều vô giá trị.

Nghĩ tới Cronshaw, Philip nhớ lại tấm thảm Ba Tư ông đã tặng chàng, bảo rằng nó sẽ giải đáp cho chàng câu hỏi về ý nghĩa cuộc đời và đột nhiên lời giải đó chợt nảy ra trong trí, chàng khúc khích cười bởi vì chàng đã tóm được nó rồi, nó như một câu đố làm cho người ta lo nghĩ cho tới khi tìm ra được lời giải, và lúc ấy người ta không hình dung nổi làm thế nào mà từ trước đến giờ nó lẫn được. Câu trả lời thật rõ ràng. Đời là vô nghĩa. Trên quả đất, vận tinh của một ngôi sao vụt qua trong không gian, sinh vật xuất hiện dưới ảnh hưởng của những hoàn cảnh điều kiện là bộ phận của lịch sử hành trình, như vậy nếu sự sống trên trái đất này đã có một sự bắt đầu dưới ảnh hưởng của những điều kiện khác thì sự sống cũng sẽ có một sự kết thúc, con người, không có nghĩa gì hơn những hình thái khác của sự sống, không phải là đỉnh cao của sáng tạo mà là phản ứng vật lý đối với môi trường. Philip nhớ lại câu chuyện một vị hoàng đế phương Đông muốn hiểu biết lịch sử nhân loại, được một nhà hiền triết dâng lên năm trăm tập sách, vì bận công việc quốc gia, nhà vua yêu cầu ông ta viết lại cho cô đọng. Hai mươi năm sau, nhà hiền triết trở lại và pho lịch sử của ông ta bây giờ không quá năm mươi tập, nhưng nhà vua lại mời ông rút ngắn lại lần nữa. Hai mươi năm nữa lại trôi qua, nhà hiền triết lúc này đã già, tóc đã hoa râm, ông đem tới chỉ một cuốn sách trong đó chứa đựng kiến thức mà nhà vua tìm kiếm, nhưng nhà vua đang nằm hấp hối trên giường bệnh, thậm chí

không còn thì giờ đọc cuốn sách nọ, lúc ấy nhà hiền triết liền dâng lên nhà vua lịch sử nhân loại tóm tắt chỉ trong có một dòng như sau: con người sinh ra, đau khổ và chết. Không có ý nghĩa nào hết trong cuộc đời và cuộc đời của con người không phụng sự cho một mục đích gì. Dù con người có sinh ra hay không, dù sống hay chết, điều đó chỉ là hư vô. Đời là vô nghĩa, và cái chết là không quan trọng. Philip hớn hở như hồi còn trẻ thơ khi niềm tin vào Chúa đã như một gánh nặng được trút khỏi hai vai, chàng cảm thấy hầu như chàng đã rũ bỏ được gánh nặng trách nhiệm cuối cùng, và đây là lần đầu chàng hoàn toàn tự do. Sự vô nghĩa của con người chàng đã trở thành sức mạnh, chàng bỗng thấy mình ngang sức với thần định mệnh cay nghiệt dường như cứ muốn truy bức chàng, bởi vì, nếu cuộc sống là vô nghĩa thì nhân loại cũng hết bạo tàn. Việc chàng đã hoàn thành hay còn bỏ dở đều không thành vấn đề. Thất bại không đáng kể, mà thành công cũng chẳng có ý nghĩa gì. Chàng là sinh vật vô cùng nhỏ nhoi trong cái đám nhân loại nhưng nhúc chiếm giữ mặt đất trong một thời gian ngắn ngủi. Giờ đây quyền lực của chàng là vô biên vì chàng đã giành giật được điều bí mật của cái hư vô trong thời đại hỗn mang. Biết bao nhiêu ý nghĩ cứ xô đẩy chen lấn nhau trong trí tưởng tượng sôi nổi của Philip. Chàng thỏa mãn vui mừng hít thở không khí căng lồng ngực. Chàng muốn nhảy lên, muốn hò hát. Từ bao nhiêu tháng nay chàng chưa bao giờ được sung sướng như vậy.

- Ôi, cuộc sống - Chàng phấn khởi reo trong lòng - Ôi cuộc sống, cái ngòi chích của người đầu ròi?

Bởi vì sức tưởng tượng bay bổng và sức thuyết phục của luận chứng toán học đã chứng minh cho chàng rằng đời là vô nghĩa, thì đồng thời nó lại mang đến với sức thuyết phục đó, một quan niệm khác, và chàng nghĩ rằng chính vì thế cho nên Cronshaw đã tặng chàng tấm thảm Ba Tư giống như người thợ dệt tạo ra mẫu vẽ trên vải, không mục đích nào ngoài thú vui thẩm mỹ của hắn ta. Con người phải được sống cuộc sống và nếu như người ta buộc phải chấp nhận rằng hành động nằm ngoài sự lựa chọn của

con người, thì anh ta cũng có thể coi cuộc đời chẳng khác chi cái mẫu vẽ trên tấm thảm. Anh ta làm việc đó không phải do cần thiết, cũng chẳng phải vì lợi ích mà chẳng qua chỉ vì niềm vui của bản thân. Bằng rất nhiều sự kiện quan trọng trong đời hẳn, bằng hành động, cảm xúc, suy tư, hẳn có thể chế tạo một kiểu mẫu hợp thức, công phu, phức tạp hay đẹp đẽ, và dù đó có thể không gì hơn là một ảo tưởng mà hẳn có khả năng lựa chọn, dù cái đó có thể không hơn gì một trò ảo thuật quái dị, trong đó ma quỷ ẩn hiện dưới ánh trăng thì điều đó cũng không quan trọng; đối với hẳn cái đó có vẻ như thế và là như thế. Trong cuộc sống dài rộng, một con sông không có nguồn cứ không ngừng chảy ra một vùng biển cả không có thật theo cách võ đoán của chàng, con người có thể tìm được sự thỏa mãn cá nhân trong việc lựa chọn nhiều màu chỉ để làm nên mẫu vẽ trên tấm vải. Có một mẫu vẽ rõ ràng nhất, hoàn hảo và đẹp đẽ, trong đó con người sinh ra, khôn lớn trưởng thành, lấy vợ lấy chồng, sinh con đẻ cái, lao động vất vả vì miếng ăn, rồi chết, nhưng có những mẫu vẽ khác, khó hiểu và kỳ lạ, trong đó hạnh phúc không vào, thành công không có, chúng có thể có một vẻ duyên dáng làm cho thiên hạ bâng khuâng hơn. Có một vài cuộc đời trong đó có cuộc đời Hayward mà sự lãnh đạm mù quáng của số mệnh kết liễu đột ngột đời người, trong lúc dự định vẫn chưa hoàn thành, lúc ấy niềm an ủi dễ dàng nhất là cho rằng nó không có ý nghĩa. Có những cuộc đời khác như của Cronshaw thì lại đưa ra một mẫu vẽ khó mà làm theo, phải thay đổi quan điểm, sửa chữa lại những tiêu chuẩn cũ kỹ trước khi thiên hạ hiểu rằng một cuộc đời như thế vốn tự nó đã biện minh cho nó. Philip cho rằng nếu như chàng rời bỏ được khát khao hạnh phúc thì chàng sẽ gạt bỏ được ảo tưởng cuối cùng của chàng. Đời chàng có vẻ đáng sợ nếu đem nó ra đối chiếu với những phút giây hạnh phúc, nhưng giờ đây khi chàng hiểu rõ có thể đem nó so đo với một cái gì khác thì chàng như lấy lại sức lực. Hạnh phúc cũng như khổ đau chẳng có ý nghĩa bao nhiêu. Cả hai vấn đề này, cũng như mọi tình tiết của đời chàng, cùng cấu thành bản phác họa. Trong chốc lát chàng như đứng lên trên những tai biến của đời chàng. Chàng cảm thấy chúng không tác động gì đến chàng như trước nữa. Giờ đây cho dù có điều gì xảy đến với chàng thì cái đó sẽ lại là một môtip nữa thêm vào mẫu vẽ vốn đã

phức tạp và khi xong nhất định chàng sẽ vui hưởng việc hoàn thành. Mẫu vẽ đó là một công trình nghệ thuật, nó sẽ không kém phần tráng lệ bởi vì chỉ có chàng mới biết đến sự tồn tại của nó, và tới khi chàng chết thì lập tức vẻ đẹp đó sẽ không còn nữa.

Philip cảm thấy mình hạnh phúc.

Cửa hàng trưởng Sampson bắt đầu thấy mến Philip. Y rất bảnh bao, bọn con gái nhân viên cửa hàng nói họ sẽ không ngạc nhiên nếu có một ngày nào đó y cưới một khách hàng giàu có làm vợ. Y sống ở vùng ngoại ô, và thường đến cửa hàng làm việc trong bộ quần áo lễ phục khiến cho những người bán hàng phải ngạc nhiên. Lắm lúc những người lo việc quét dọn, gặp y sáng hôm sau vẫn ăn mặc rất chỉnh tề và đi làm, họ nghiêm trang nháy mắt với nhau khi y bước vào bàn giấy, khoác áo choàng thay vào. Vào những dịp này, sau khi lên ra ngoài, ăn vội bữa điểm tâm, trở về, bước lên thang gác, y cũng thường xoa xoa hai tay vào nhau nháy mắt với Philip.

- Cái đêm gì mà kỳ thế! Cái đêm gì mà kỳ thế! Y thốt lên, trời ơi! Tôi cam đoan như vậy.

Y nói với Philip y là người đàn ông thượng lưu duy nhất ở đó, và y với Philip là đôi bạn duy nhất hiểu đời là như thế nào. Sau khi nói thế, y đột ngột thay đổi thái độ, đáng lẽ gọi Philip là anh bạn thân mến, thì y gọi là ông Carey, ra vẻ quan trọng cho xứng với cương vị cửa hàng trưởng của y, và đặt Philip vào vị trí của chàng là người hướng dẫn khách hàng.

Mỗi tuần một lần cửa hàng Lynn và Sedley nhận những báo chí về thời trang từ Pari, và phỏng theo các mẫu quần áo in trên các báo đó để phục vụ nhu cầu của khách hàng. Khách hàng của họ thật đặc biệt, phần quan trọng nhất là phụ nữ ở các thành phố công nghiệp nhỏ hơn, các bà này quá ư thanh lịch không thích may áo dài ở địa phương nhưng tại Luân Đôn họ lại chưa đủ quen thuộc để phát hiện những tay thợ may quần áo đàn bà lành nghề hợp với túi tiền của họ. Ngoài những người này, thật trái ngược lại là một số lớn diễn viên ca múa nhạc chuyên nghiệp. Đây là loại khách hàng do chính Sampson tạo ra, nên y rất lấy làm tự hào. Họ đã bắt đầu mua trang

phục sân khấu ở cửa hàng Lynn và y cũng đã tán tỉnh được nhiều người trong bọn họ mua quần áo khác ở đây.

- Cũng tốt như cửa hàng Paquin mà tiền chỉ có nửa. - Y nói.

Y hấp dẫn thuyết phục được loại khách hàng này là do thái độ của y đối với họ cứ thân thiết như bạn bè, họ vẫn thường bảo nhau:

- Tội gì mà vứt tiền, khi mình có thể mua váy, áo tại cửa hàng Lynn mà chẳng ai biết là không phải của Pari.

Sampson hết sức kiêu hãnh được kết bạn với những kẻ nổi tiếng được ưa chuộng mà áo dài của họ do y may; lần ăn cơm khách lúc hai giờ ngày chủ nhật với cô Victoria Virgo, tại ngôi nhà xinh đẹp của cô ở Tulse Hill, ngay ngày hôm sau y làm cho cả gian hàng khoái trá với nhiều chi tiết phong phú. Y kể với mọi người: “Bộ áo dài màu xanh ánh bạc cô ấy mặc là do chúng tôi may đấy, tôi đánh cược là nếu cô ấy không tiết lộ áo ấy do chúng tôi may và nếu không phải tự tay tôi vẽ kiểu thì chính tôi cũng phải nói rằng áo ấy phải là cửa hàng Paquin”. Philip không bao giờ để ý đến quần áo của đàn bà, nhưng từ lúc ấy, chàng có phần thích thú bắt đầu quan tâm đến mặt kỹ thuật của trang phục phụ nữ. Sampson, một con người dốt nát, y thấy rõ chỗ kém của mình, nhưng y tinh khôn, biết lợi dụng ý kiến của người khác, y thường hỏi ý kiến nhân viên giúp việc trong cửa hàng để dựng những mẫu mới và y mau lẹ nhận thấy những lời bình phẩm của Philip là có giá trị. Nhưng y rất đố kỵ, thường không bao giờ thừa nhận rằng mình đã nghe lời khuyên của người khác. Những khi phải sửa lại một bản vẽ nào theo gợi ý của Philip, cuối cùng bao giờ y cũng nói:

- Đấy, cuối cùng rồi cũng trở lại ý kiến của chính tôi.

Lúc này Philip làm ở cửa hàng được năm tháng. Một hôm, cô Alice Antonia, danh ca về hài kịch bước vào yêu cầu gặp ông Sampson. Cô là người đàn bà to lớn, tóc nâu vàng nhạt, mặt trơ trên trán đầy phấn, tiếng the thé, cử chỉ hồ hởi của một diễn viên vốn quen thân mật với bọn con trai khán giả chuồng gà ở các nhà hát ca múa nhạc tỉnh lẻ. Cô có một bài hát mới và muốn ông Sampson vẽ cho một kiểu trang phục.

- Tôi muốn một cái gì nổi bật - cô nói - ông biết đấy, tôi không thích cái gì cổ lỗ. Tôi muốn cái gì khác hẳn mọi người kia.

Sampson dịu dàng thân mật trả lời là y hoàn toàn chắc chắn sẽ có được đúng cái mà cô yêu cầu. Y đưa cô xem các bản vẽ phác thảo.

- Tôi biết ở đây chẳng có cái gì cô thích đâu, nhưng chính là tôi muốn đưa cô xem đại loại cái mẫu mà tôi sẽ gợi ý.

- Ồ không, hoàn toàn không phải cái kiểu như thế này đâu - cô nhìn qua mấy kiểu ở bản vẽ phác thảo, sốt ruột nói. Cái kiểu mà tôi muốn lấy là phải làm thế nào cho khi khán giả nhìn thấy, họ phải ngã ngửa ra vì kinh ngạc kia.

- Vâng, tôi hoàn toàn hiểu ý cô Antonia - cửa hàng trưởng đáp, miệng thì cười ngọt xót, nhưng mắt thì ngây ngô nhìn cô.

- Tôi chắc rằng, cuối cùng cứ ghé qua Pari là tôi sẽ có được ngay.

- Ồ, tôi nghĩ rằng chúng tôi có thể làm vừa lòng cô, cô Antonia ạ, cái gì cô mua được ở Pari thì cô cũng có thể mua ở đây.

Khi cô ta oai vệ ra khỏi cửa hàng, Sampson hơi khó chịu đem bàn vấn đề này với bà Hodges.

- Người gì mà xấu như ma, chẳng còn lằm lằm vào đâu được - Bà Hodges nói.

- Alice, bà đang ở đâu đấy? Cửa hàng trường cái kính nhận xét và cho rằng y đã thắng bà một điểm.

Quan niệm của y về quần áo diễn viên ca múa nhạc không vượt qua giới hạn những tấm váy ngắn, những dải buộc có xoáy và những đồ trang sức hình tròn lấp lánh những đồng xê-quin, về vấn đề này, cô Antonia đã nói thẳng ra, không úp mở.

- Ôi! Cha mẹ ôi! Cô kêu lên.

Giọng nói của cô ta thể hiện một mối ác cảm ghê gớm đối với bất cứ vật gì cũ rích cho dù cô không nói thêm rằng cứ trông thấy những đồng xê-quin kia là cô đã muốn lộn mửa. Sampson cũng đã bắt ra được vài ý, nhưng bà Hodges bảo thẳng y rằng những kiểu ấy không hợp. Chính bà gợi ý cho Philip:

- Cậu Philip, cậu biết vẽ không? Tại sao cậu không ra tay thử xem cậu có thể làm gì nào?

Philip mua một hộp thuốc màu nước rẻ tiền, rồi tối đến trong lúc thắp Bell mười sáu tuổi ồn ào huýt máy nốt nhạc, cặm cụi với mấy con tem thư, thì chàng phác ra một vài bản mẫu. Chàng nhớ lại mấy bộ quần áo chàng đã từng trông thấy ở Pari và chàng phỏng theo một bộ, tạo được kiểu bằng cách hòa hợp các sắc màu rực rỡ ít được sử dụng. Kết quả này làm cho chàng thích thú và sáng hôm sau, chàng đưa cho bà Hodges xem. Bà ta tỏ vẻ hơi ngạc nhiên, nhưng rồi bà cầm ngay đến cho ông cửa hàng trường.

- Thật là khác thường! Điều này thì không thể chối cãi! - Y nói.

Bản vẽ khiến y bối rối, đồng thời với cái nhìn lão luyện, y thấy cái mẫu này nhất định sẽ đem lại cho y thành công tuyệt vời. Để gỡ thế diện, y đề nghị sửa chữa một vài chỗ, nhưng bà Hodges khôn ngoan hơn khuyên y để nguyên như thế đưa cho cô Antonia xem.

- Đối với cô này, thì được ăn cả ngã về không và có thể cô ta ưa thích kiểu này.

- Hẳn là về không nhiều hơn là được ăn cả - Sampson nhìn mẫu kiểu áo để hở vai, nói - anh chàng này biết vẽ đấy chứ nhỉ? Thế mà anh chàng cứ giấu tài lâu mãi.

Khi báo tin cho cô Antonia, cửa hàng trưởng cho đặt kiểu áo ở trên bàn vào một vị trí mà để lúc vừa ló mặt và văn phòng là nó đã đập ngay vào mắt cô ta. Lập tức cô ta vồ ngay lấy.

- Cái gì đó? - Cô hỏi - Tại sao lại không may cho tôi kiểu này nhỉ?

- Đấy chính là một áo chúng tôi đã nghĩ ra cho cô. Sampson đáp một cách tự nhiên - Cô có thích cái đó không?

- Hừ? Tôi có thích hay không? Cô nói - Nói thế thì có khác gì ông hỏi tôi có thích hát hay không?

- Đấy, cô thấy không, việc gì phải đi Pari. Cô chỉ hé miệng nói cô muốn gì là cô đã có ngay.

Công việc được tiến hành ngay lập tức và Philip thỏa mãn khi thấy bộ quần áo hoàn thành. Lòng Philip run lên vì thấy thỏa mãn. Nhưng công lao

thuộc về hoàn toàn cửa hàng trưởng và bà Hodges, song chàng không quan tâm, nên khi đi cùng với họ đến Tivoli để ngắm cô Antonia mặc bộ quần áo đó lần đầu, thì chàng tràn ngập tự hào. Cuối cùng, trả lời câu hỏi của bà Hodges, chàng cho bà biết chàng đã học vẽ thế nào, vì sợ những người ở chung, sẽ cho rằng chàng lên mặt ta đây, nên chàng hết sức cẩn thận không nói gì về những việc làm trước kia của mình; và bà ta thuật lại chuyện này với ông Sampson. Ông cửa hàng trưởng không đả động gì vấn đề này với chàng, nhưng bắt đầu đối xử với chàng có phần tôn trọng hơn và ngay sau đó giao cho chàng vẽ kiểu trang phục cho hai khách hàng tình lẻ. Cả hai đều hài lòng hết mức. Từ ấy y bắt đầu kể với khách hàng về “một chàng trai thông minh, vốn là sinh viên mỹ thuật ở Pari đấy, quý vị ạ” hiện đang làm việc cho y; và chẳng mấy chốc, Philip mặc áo sơ mi trần, ngồi thu lu sau một tấm màn che, cặm cụi vẽ từ sáng đến tối. Lăm lăm, chàng bận rộn đến nỗi ba giờ chiều mới ăn trưa với những kẻ còn rớt lại sau. Chàng thích thế, vì họ chẳng có mấy người, và tất cả bọn họ đều mệt nhoài không còn sức mà tán hươu tán vượn. Thức ăn cũng khá hơn vì đó là đồ thừa còn lại trên bàn của cửa hàng trưởng. Từ một chân hướng dẫn khách leo lên địa vị người vẽ kiểu quần áo, việc đó tác động lớn đến cả cửa hàng. Chàng thấy rõ chàng là mục tiêu của sự đổ kỵ. Harris, người làm công có cái đầu hình thù kỳ lạ, người đầu tiên chàng làm quen ở cửa hàng này, và là người gắn bó với Philip cũng không giấu được nỗi đả độn cay của hẳn.

- Có người toàn gặp may - hẳn nói - một ngày nào đây, cậu sẽ là cửa hàng trưởng, và bọn tớ sẽ phải gọi cậu là “thưa xếp”.

Hẳn bảo Philip phải đòi tăng lương, vì mỗi tuần chàng vẫn lĩnh không quá sáu silinh như lúc mới bắt đầu làm việc, mặc dù công việc đang tiến hành của chàng là vô cùng khó khăn. Nhưng đòi tăng lương là việc làm vô cùng tế nhị. Lão giám đốc có cách đối phó nhạo báng với những ai thỉnh cầu như vậy.

- Anh cho rằng anh đáng giá hơn nữa phải không? Anh nghĩ rằng anh đáng giá bao nhiêu, hả?

Nhân viên làm công nợ sợ hết hồn, đành đề nghị rằng theo chỗ anh ta nghĩ thì mỗi tuần anh ta phải được thêm hai silinh nữa.

- Ồ, tốt lắm, nếu anh cho rằng anh xứng đáng chừng đó, có thể được thôi.

Rồi lão ngừng lại và đôi khi với cái nhìn nghiêm khắc lão thêm: “Và anh cũng có thể nhận luôn giấy báo thôi việc”.

Lúc ấy, rút lui lời thỉnh cầu là vô ích, anh phải ra đi mà thôi. Ý lão giám đốc là những kẻ giúp việc đã bất bình thì không ra sức làm việc và nếu họ không xứng đáng được tăng lương thì nên sa thải họ ngay. Kết quả là không có người nào đòi hỏi trừ phi họ chuẩn bị thôi việc. Philip do dự. Chàng có phần nào nghi ngờ những bạn ở cùng phòng, bọn họ bảo rằng cửa hàng trưởng không có khả năng làm gì được nếu không có chàng. Họ là những người bạn đứng đắn, nhưng ý thức đũa cọt của họ thô sơ, nếu họ thuyết phục được Philip đòi tăng lương và chàng có bị sa thải thì việc đó dường như là chuyện buồn cười đối với họ. Chàng không thể quên nỗi tủi nhục phải chịu đựng trong lúc phải đi tìm việc làm, chàng không muốn lâm vào cảnh như vậy một lần nữa và chàng hiểu hiểm mà có dịp may tìm được một việc vẽ kiểu quần áo, có đến hàng trăm người vẽ giỏi cũng như chàng. Nhưng chàng hiện rất cần tiền, quần áo đã sờn rách hết, những tấm thảm nặng nề của nhà hàng đã làm hỏng bút tất và giày của chàng. Gần như chàng đã thuyết phục được mình thực hiện một bước mạo hiểm thì một buổi sáng, khi ăn điểm tâm trong tầng hầm, đi ngang qua hành lang dẫn tới văn phòng giám đốc, chàng thấy nhiều người nối đuôi nhau xếp hàng chờ để trả lời cho một quảng cáo cần người, ai được tuyển dụng sẽ được nuôi cơm và cũng được lĩnh sáu silinh mỗi tuần như Philip trước kia. Một vài

người trong bọn họ ném vào chàng những cái nhìn ghen tỵ, bởi vì chàng có việc làm. Chàng rùng mình. Chàng không dám liếc.

Mùa đông đã qua. Thịnh thoảng Philip lên đến bệnh viện cuối giờ làm việc, lúc ấy ít có khả năng gặp người quen, để xem có thư từ gì của chàng không. Vào dịp lễ Phục Sinh, chàng nhận được thư của ông bác. Chàng ngạc nhiên nhận được tin bác, bởi vì cha sở Blackstable cả đời không bao giờ viết cho chàng quá nửa tá thư và toàn là nói về công việc làm ăn.

Cháu Philip thân mến!

Nếu cháu có ý định sắp nghỉ phép và muốn xuống đây thì bác sẽ vui mừng gặp cháu. Trong mùa đông, bác rất ốm yếu về cái chứng viêm cuống phổi, bác sĩ Wigram cho rằng không chắc bác qua khỏi. Đợi ơn Chúa, nhờ thể tạng phi thường, bác đã trở lại bình phục, thật là kỳ lạ.

Bác yêu mến của cháu

William Carey

Bức thư khiến Philip tức giận. Tại sao bác chàng lại nghĩ rằng chàng còn sống? Thậm chí chàng cũng chẳng mất công tìm hiểu. Có thể chàng đã chết đói mà ông già đâu có quan tâm. Nhưng trên đường về nhà, chàng chợt nảy ra một ý trong đầu. Chàng đứng lại dưới cột đèn, đọc lại bức thư, nét chữ không còn gọn gàng kiên quyết như xưa; chữ bây giờ to hơn và nét thì run run; có lẽ bệnh tật làm ông lo sợ, nhưng ông không dám thú nhận và có lẽ qua bức thư chiếu lệ này, ông có ý định bày tỏ lòng mong mỏi được gặp con người thân thuộc duy nhất trên cõi đời này. Philip phúc đáp rằng vào tháng bảy chàng có thể về Blackstable được khoảng hai tuần lễ. Chàng không biết làm gì trong đợt nghỉ ngắn ngày này, nên lời mời kia là thích hợp. Tháng chín gia đình Athelny bắt đầu thu hoạch hublông, nhưng thời

gian ấy thì chàng lại bận, chàng vẫn còn phải chuẩn bị mẫu quần áo mùa thu. Theo lệ thường của cửa hàng Lynn dù muốn hay không, tất cả mọi người phải nghỉ phép nửa tháng; trong thời gian này nếu không đi đâu thì nhân viên có thể ngủ trong buồng mình, nhưng ăn uống phải tự lo liệu lấy. Đa số không có bạn bè quanh thành phố Luân Đôn, nên ngày nghỉ đối họ là một khoảng thời gian rắc rối, họ phải chi phí tiền ăn với đồng lương ít ỏi của mình, và thời gian thanh thoi mà tiền lại không có để mà tiêu xài. Từ khi đi tham quan Brighton với Mildred tới nay đã được hai năm, chàng chưa một lần rời khỏi Luân Đôn. Chàng ao ước bầu không khí trong lành và khung cảnh tĩnh lặng của miền biển tháng năm tháng sáu, chàng mong đợi thiết tha đến nỗi cuối cùng đến lúc được ra đi thì chàng lại cảm thấy hững hờ.

Tối cuối cùng, khi chàng bàn với cửa hàng trưởng về một vài việc còn tồn đọng lại, bỗng ông Sampson hỏi chàng:

- Anh vẫn lĩnh lương bao nhiêu nhỉ?

- Sáu silinh.

- Tôi cho thế không đủ. Khi nào anh trở lại, tôi sẽ xem xét để nâng lên cho anh mười silinh.

- Xin cảm ơn ông vô cùng. - Philip mỉm cười trả lời. Tôi đang cần vài bộ quần áo mới.

- Nếu anh gắn bó với công việc, không đứ đờn với đám con gái như mấy người trong bọn họ, tôi sẽ quan tâm đến anh, anh Carey. Anh chú ý nhớ, anh còn phải học tập nhiều, nhưng anh đầy triển vọng - tôi phải bảo anh điều này - anh đầy triển vọng, tôi sẽ lo liệu cho anh lĩnh mỗi tuần một bảng ngay khi nào anh xứng đáng với số tiền đó.

Philip tự hỏi chàng phải chờ đợi bao lâu nữa mới được số lương ấy. Hai năm chẳng?

Chàng giật mình trước sự thay đổi của bác trai. Lần trước gặp bác, chàng thấy ông còn béo mập, đứng thẳng người, mày râu nhẵn nhụi, hai má phình phính đầy ham muốn, nhưng hôm nay, trông ông suy sụp một cách kỳ lạ, da ông vàng bủng, phía dưới mắt có những chỗ húp lên to, bác già hẳn đi, lưng còng xuống. Trong trận ốm gần đây, ông già để râu mọc dài, và đi đứng hết sức chậm chạp.

- Hôm nay bác không được khỏe - ông nói lúc Philip vừa tới, đang ngồi với ông trong phòng ăn - Trời nóng bức, làm bác lại khó chịu.

Philip hỏi thăm công việc của giáo khu, chàng nhìn bác tự hỏi liệu ông còn sống thêm được bao nhiêu lâu nữa. Một mùa hè nóng bức là ông sẽ ra đi. Philip nhận thấy hai bàn tay ông sao mà xương xẩu; chúng cứ run rẩy. Điều đó có ý nghĩa nhiều lắm đối với chàng. Nếu ông cụ năm xuống vào dịp hè này thì chàng có thể trở lại bệnh viện vào đầu học kỳ mùa đông; nghĩ đến việc không trở lại nhà hàng Lynn nữa, lòng chàng rộn ràng sung sướng. Đến bữa ăn, cha sở ngồi gù lưng trên ghế, bà quản gia ở với ông từ ngày vợ ông mất, nói:

- Thưa ông, để ông Philip cắt bánh thịt chứ ạ?

Không muốn thú nhận tình trạng ốm đau của mình, ông lão sắp sửa làm cái công việc đó, liền tỏ ra vui mừng khi có lời đề nghị đầu tiên giúp mình khỏi phải gắng sức.

- Bác ăn có ngon miệng chứ? Philip hỏi.

- Ồ, phải, bác vẫn ăn được, nhưng bây giờ bác gầy hơn cái dạo cháu về lần trước. Gầy hơn là bác mừng. Bác không thích béo quá. Bác sĩ Wigram cho rằng giá gầy hơn bây giờ thì càng tốt.

Khi bữa ăn xong, bà quản gia đem ít thuốc cho ông uống.

- Đưa cái đơn thuốc cho Philip xem - ông ta bảo - Anh ấy cũng là bác sĩ đấy. Tôi muốn anh ấy xem như thế có được không. Tôi đã cho bác sĩ Wigram biết anh đang học để trở thành bác sĩ, ông ấy phải giảm bớt tiền thù lao. Nhưng hóa đơn tôi phải thanh toán mới thật là sợ chứ. Ngày nào ông ấy cũng đến liền trong hai tháng, và cứ mỗi lần thăm bệnh là ông ấy tính năm silinh. Bao nhiêu tiền phải không? Hiện nay ông ấy vẫn còn đến mỗi tuần hai lần. Tôi sẽ bảo ông ấy không cần phải đến nữa. Khi nào cần, tôi sẽ cho mời.

Ông ấy háo hức nhìn Philip trong khi chàng đọc đơn thuốc. Toàn là thuốc ngủ, trong đó còn hai thứ, một thứ thì cha sở giải thích là chỉ dùng khi nào bị đau dây thần kinh không chịu được.

- Tôi rất cẩn thận - ông nói - tôi không muốn nhiễm phải thói quen dùng thuốc phiện.

Ông không đả động đến công việc của cháu ông. Philip nghĩ đó là cách đề phòng chàng đòi hỏi tiền nong, nên ông cứ day đi day lại mãi những yêu cầu về tài chính mà ông phải cáng đáng. Nào là bác phải tiêu pha nhiều như thế nào cho bác sĩ, nhiều hơn thế nữa cho người bán dược phẩm, bào là trong lúc đau ốm, ngày nào phòng ngủ cũng phải đốt lò sưởi, và bây giờ chủ nhật ông cần phải có xe ngựa đưa đến nhà thờ buổi sáng cũng như buổi tối. Philip tức giận, chàng định bảo: “Bác không việc gì phải lo, cháu sẽ không vay mượn của bác đâu,” nhưng chàng nín lặng. Đối với chàng dường

như con người già nua này đã mất hết trừ hai thứ: Thú vui được ăn uống và lòng tham tiền, ôi cái tuổi già gồm ghiếc!

Chiều hôm ấy, bác sĩ Wigram đến khám bệnh và sau đó, Philip đi với ông bác sĩ ra công vườn.

- Ông thấy bác ấy thế nào? Philip hỏi.

Bác sĩ Wigram lo lắng sao cho công việc đúng đắn, không phạm sai lầm, nhất là không phạm sai lầm, nếu tránh được thì ông không bao giờ đánh bạo đưa ra ý kiến rõ ràng. Ba mươi lăm năm trong nghề ở Blackstable, ông có tiếng là hết sức thận trọng, nhiều bệnh nhân của ông cho rằng một bác sĩ thận trọng còn tốt hơn nhiều so với một bác sĩ tài giỏi. Có một bác sĩ mới đến làm ăn sinh sống ở Blackstable từ mười năm nay, nhưng thiên hạ xem y như khách không mời mà đến, người ta đồn y rất giỏi, nhưng y không nhiều khách hàng trong đám người khá giả bởi vì không ai thực sự hiểu biết gì về y.

-Ồ, cũng khá - Bác sĩ Wigram trả lời câu hỏi của Philip.

- Bác ấy có gì trầm trọng không?

- Thế đấy, anh Philip, bác anh không còn là thanh niên nữa - bác sĩ đáp, mỉm cười thận trọng khiến người ta cũng nghĩ rằng, nói cho cùng thì cha sở Blackstable cũng không phải là một ông già.

- Dường như bác ấy cho tim bác không được ổn?

- Về tim ông ấy thì tôi không hài lòng - bác sĩ đánh bạo nói - Tôi nghĩ rằng ông ấy phải cẩn thận, hết sức cẩn thận mới được.

Philip cứ định hỏi: bác ấy còn sống được bao lâu? Nhưng chàng thấy hỏi điều đó nghe thật chướng tai. Trong những vấn đề như vậy, cách nói loanh quanh mới hợp phép lịch sự, nhưng tuy đáng lẽ chàng hỏi một câu nữa, chàng chợt nghĩ ra là bác sĩ hẳn đã quen với sự xót ruột của bản thân người bệnh, phải nhìn thấy thấu những biểu lộ tình cảm của họ. Mím cười về thái độ đạo đức giả của mình, Philip cúi mặt nhìn xuống.

- Trước mắt thì không có gì nguy hiểm chứ?

Bác sĩ rất ghét loại câu hỏi này, nếu bảo người bệnh không thể sống đến một tháng nữa thì bản thân gia đình phải chu đáo chuẩn bị một sự tổn thất, và nếu lúc đó, người bệnh vẫn sống, thì người nhà đổ lên đầu thầy thuốc nỗi oán giận đã làm cho họ đau khổ khi chưa cần thiết. Mặt khác, bảo người bệnh có thể sống một năm, thế mà trong một tuần lễ người ta đã chết, thì người nhà họ sẽ bảo anh chẳng hiểu biết gì về nghề nghiệp của mình. Nếu họ biết cái chết gần kề, thì họ nghĩ tới tất cả tình cảm dồi dào dành cho người quá cố. Bác sĩ Wigram làm động tác phủ tay.

- Tôi cho rằng không có gì rủi ro nghiêm trọng chừng nào ông ta vẫn như hiện nay - cuối cùng bác sĩ đánh bạo nói - Nhưng mặt khác, chúng ta không được quên rằng ông ta không còn là thanh niên nữa, thế đấy, như máy móc cũ kỹ rồi ấy mà. Nếu ông ta vượt qua được thời tiết nóng bức này, thì tôi không hiểu tại sao ông ta không sống để chịu tới mùa đông, và nếu như mùa đông không quấy rầy ông nhiều quá thì tại sao việc gì sẽ phải xảy ra.

Philip trở về phòng ăn, nơi bác chàng đang ngồi. Với cái mũ chòm đội đầu, cái khăn choàng trên vai đan bằng kim móc, ông già có vẻ lổ bịch. Ông nhìn chăm chăm ra cửa, và lúc Philip đi vào, ông nhìn thẳng vào mặt chàng. Philip hiểu rằng bác đang lo lắng chờ chàng trở lại.

- Sao, bác sĩ nói gì về bác?

Philip hiểu ngay là ông già này sợ chết. Điều đó làm cho Philip cảm thấy hơn ngượng; bất giác chàng nhìn ra chỗ khác. Bản chất yếu đuối của con người thường khiến chàng lúng túng.

- Ông ta bảo bác đã khỏe hơn nhiều - Philip đáp - Cặp mắt ông già ánh lên một chút vui mừng.

- Bác được cái thể trạng kỳ diệu - bác trai nói - ông ấy còn nói gì nữa không? - bác ngờ vực nói thêm.

Philip mỉm cười.

- Ông ấy bảo nếu bác giữ gìn sức khỏe thì không có lý gì mà bác lại không sống tới một trăm tuổi.

- Bác không mong sống đến thế, nhưng sao lại không tới tám mươi được. Bà mẹ bác thọ tới tám mươi tư mà.

Cạnh ghế ngồi của cha sở, có chiếc bàn con trên đó để cuốn kinh thánh và một tập to kinh cầu nguyện phổ thông mà nhiều năm nay ông có thói quen đọc cho cả nhà. Bây giờ ông với cánh tay run run ra cầm lấy cuốn kinh thánh.

- Các vị trưởng lão ngày xưa sống mới dai khiếp chứ nhỉ? - Cha sở nói, rồi khe khẽ cười kỳ quặc, cái cười theo Philip phỏng đoán, ngụ ý một niềm mong ước rụt rè.

Ông già này bám lấy cái sống. Vậy mà ông tuyệt đối tin tưởng tất cả mọi điều tôn giáo ông đã dạy. Ông tin linh hồn là bất tử, ông thấy rằng theo khả năng mình, ông đã ăn ở khá tử tế, thì rất có thể kết luận nhất định ông lên

Thiên đường. Trong đời hoạt đồn lâu dài của ông, ông đã phân phát những lời an ủi tôn giáo này cho bao nhiêu người chết! Có lẽ ông cũng giống vị bác sĩ kia, chính mình đã kê đơn cho thuốc, nhưng chẳng thu được lợi lộc gì. Philip lấy làm bối rối và cảm phần thấy ông già hăm hờ bám lấy chặt trần gian. Chàng phân vân tự hỏi điều khủng khiếp không tên nào đang ẩn náu trong đầu óc ông già. Chàng những mong muốn đi sâu vào tâm hồn ông để thăm dò, để ngắm, nhìn thật trần trụi, sự lo sợ ghê gớm đó.

Nửa tháng qua nhanh và Philip trở lại Luân Đôn. Suốt tháng tám oi ả. Sau tấm màn che trong gian hàng bày quần áo, mặc áo sơ mi cộc tay, chàng cặm cụi ngồi vẽ. Những nhân viên bán hàng theo ca kíp, đều đi nghỉ phép. Tối đến Philip thường vào công viên Hyde Park nghe hòa nhạc. Dần dần quen việc, chàng thấy ít mệt hơn và tâm trí chàng sau một thời gian dài trì trệ, nay đã ổn định và đi vào những hoạt động mới. Toàn bộ ao ước của chàng lúc này tập trung vào cái chết của ông bác. Chàng vẫn mơ giấc mơ như thế một sáng sớm, chàng sẽ nhận được điện báo tin cha sở qua đời đột ngột, và thế là tự do, chàng đã nắm được trong tay. Khi thức dậy, không thấy gì ngoài giấc mơ, chàng điên cuồng tức giận. Sự việc này dường như có thể xảy ra bất kỳ lúc nào. Chàng bận rộn với những kế hoạch tỉ mỉ về tương lai. Bây giờ đây, theo kế hoạch, chàng sẽ nhanh chóng bỏ qua một năm chàng phải dùng trước đây, mà chàng vẫn có thể thi đỗ tốt nghiệp và chàng dừng lại ở chuyến du lịch sang Tây Ban Nha mà lòng chàng đã quyết. Chàng nghiên cứu những sách báo mượn ở thư viện không phải trả tiền, nói về xứ sở này, và nhờ các ảnh chụp mà chàng đã biết chính xác quang cảnh của mỗi thành phố. Chàng đã thấy mình la cà ở Cordova trên cái cầu bắc qua sông Guadalquivir, lang thang qua các đường phố quanh co của Toledo, đến ngồi trong các nhà thờ, nơi chàng moi ra các bí quyết của El Greco mà chàng cảm thấy nhà họa sĩ bí ẩn này giữ kín cho mình. Athelny thông cảm với tâm trạng của chàng. Những buổi chiều chủ nhật, để cho Philip không bỏ sót điều gì đáng ghi nhớ, họ lên kế hoạch hành trình tỉ mỉ. Để khỏi sốt ruột, Philip bắt đầu tự học tiếng Tây Ban Nha và đêm đêm

trong phòng khách vắng vẻ ở phố Harrington chàng để ra một tiếng để làm bài tập tiếng Tây Ban Nha và về phía mình, chàng đã dịch được những câu văn tuyệt diệu trong Don Quixote sang tiếng Anh. Mỗi tuần một lần Athelny dạy cho chàng một bài học và Philip học được một số câu để giúp chàng trong cuộc hành trình. Bà Athelny cười diều hai người.

- Ôi! Trời ơi, hai ông cứ luẩn quẩn với cái tiếng Tây Ban Nha nhà các ông mãi! Nào các ông, tại sao các ông không làm một cái gì có ích hơn nhỉ?

Nhưng Sally, lúc này đang độ trưởng thành, sắp búi tóc như người lớn vào dịp lễ Thiên Chúa giáng sinh, thỉnh thoảng đứng bên anh nghiêm trang lắng nghe, trong khi cha nàng và Philip trao đổi bình luận với nhau bằng một thứ tiếng mà nàng không hiểu. Nàng cho bố là con người phi thường từ trước đến giờ chưa từng thấy và nàng chỉ nhận xét Philip qua ý kiến của bố.

- Bố bảo rằng số chú Philip khá lắm đấy - Nàng nhận xét như thế với lũ em trai và em gái.

Thorpe, đứa lớn nhất đã đủ tuổi để làm thủy thủ trên tàu Arethusa, và Athelny, bằng cách mô tả diện mạo đẹp đẽ của chàng trai khi mặc quân phục về nhà nghỉ phép đã làm cho cả nhà khoái trá. Vừa bước vào tuổi mười bảy, Sally đã đi học nghề may quần áo phụ nữ. Vẫn cái kiểu nói năng hoa mỹ, Athelny nói về những con chim này đã đủ khả năng bay nháy, đang bắt đầu rời tổ ấm của cha mẹ; và rừng rưng rưng nước mắt, ông bảo bất cứ lúc nào chúng muốn quay về thì cái tổ ấm kia vẫn còn đó. Tổ ấm đấy và cơm ăn vẫn đấy cứ mãi mãi là của chúng, tấm lòng người cha sẽ chẳng bao giờ khép lại trước nỗi lo cho đàn con.

- Ông Athelny, ông nói quá - bà vợ bảo - Tôi không hiểu chúng nó có thể chuốc vào những lo lắng gì nếu chúng vững vàng chín chắn. Chừng nào

người ta sống lương thiện, không sợ lao động, thì không đời nào người ta bị thất nghiệp, ấy là tôi nghĩ như vậy, tôi có thể khẳng định với ông tôi sẽ không buồn phiền khi trông thấy thằng em út chúng nó tự kiếm lấy mà sống.

Do sinh đẻ nhiều, lao động vất vả, thường xuyên lo âu đã vắt kiệt sức bà Athelny; tối đến, lắm lúc bà đau lưng phải ngồi xuống nghỉ ngơi. Hạnh phúc lý tưởng của bà là được một người đầy tớ gái đảm đương công việc nặng nhọc để bà không phải dậy sớm trước bảy giờ. Ông Athelny hoa hoa bàn tay đẹp trắng.

- Ôi, bà Betty, bà và tôi, chúng ta đáng được nhà nước khen thưởng. Chúng ta nuôi dạy được chín đứa con khỏe mạnh, mấy thằng con trai thì sẽ phục vụ nhà vua, còn mấy đứa con gái, chúng sẽ lo việc bếp núc và may vá, rồi đến lượt chúng, chúng lại chăm sóc cho con cái khỏe mạnh. Quay sang Sally, nhằm an ủi nàng và giảm bớt sự trái ngược này, ông ta bằng một giọng khoa trương nói thêm: “Chúng nó chỉ phục vụ người nào biết vũng vàng chờ đợi.”

Gần đây, Athelny còn thêm cả chủ nghĩa xã hội và một mớ các lý thuyết mâu thuẫn khác mà ông tin tưởng mãnh liệt vào bây giờ ông tuyên bố:

- Trong một nước xã hội chủ nghĩa, bà và tôi, chúng ta sẽ được trả lương hưu dồi dào, bà Betty ạ.

- Chao ôi! Đừng có nói với tôi về những người theo chủ nghĩa xã hội của các ông. Tôi không kiên nhẫn được với họ đâu - bà nói to - Điều đó chỉ có nghĩa là một bọn chơi dong lười nhác như nhau kiếm chác ở mọi tầng lớp lao động. Phương châm của tôi là: Hãy để mặc tôi. Đừng có ai can thiệp vào chuyện của tôi, tôi sẽ vẫn vui vẻ cố gắng trong cái cuộc đời chó má này và khôn thì sống mống thì chết.

- Bà gọi cuộc sống này là chó má ư? Athelny nói - Không đời nào - chúng ta đã trải qua cảnh thăng trầm của cuộc đời, chúng ta đã phải vật lộn, lúc nào chúng ta cũng vẫn nghèo khổ, nhưng cuộc đời này là đáng sống, đúng vậy, một trăm lần đáng sống, cứ mỗi lần nhìn các con là tôi tuyên bố như vậy.

- Ông Athelny, ông cứ việc nói - bà nhìn chồng không giận dữ nhưng nói với một sự điềm tĩnh đầy khinh miệt. Đối với lũ trẻ, thì ông được hưởng phần vui thú, còn tôi, tôi phải mang nặng đẻ đau, tôi phải chịu đựng đau khổ vì chúng. Tôi không bảo là không yêu thương chúng, bây giờ chúng còn cả đây, bây giờ nếu được làm lại từ đầu, thì tôi sẵn sàng ở vậy. Vì sao? Nếu chẳng chồng, chẳng con, thì bây giờ tôi có hề có một cửa hàng nho nhỏ, có bốn, năm trăm bảng gửi ngân hàng và một cô gái giúp việc làm những công việc nặng nhọc. Chao ôi! Có các vàng tôi cũng chẳng chuốc lấy cái cuộc sống này nữa đâu!

Philip nghĩ tới hàng triệu triệu người, cuộc đời họ không hơn gì là lao động liên miên, chẳng đẹp cũng chẳng xấu, nhưng họ đành phải chấp nhận nó như chấp nhận bốn mùa thay đổi. Chàng bưng bưng phần nộ, bởi vì biết thấy mọi sự đều dường như vô ích. Chàng vẫn không thể cam chịu với niềm tin đời là vô nghĩa, vậy mà tất cả mọi vật chàng trông thấy, tất cả những suy nghĩ của chàng lại càng củng cố niềm tin ấy. Nhưng dù chàng có nổi giận thì sự giận dữ đó cũng mang lại niềm vui. Đời không đáng ghét như vậy nếu đời là vô nghĩa, và với một ý thức kỳ lạ về sức lực, chàng đương đầu với nó.

Thu qua đông đến, Philip đã để địa chỉ của mình cho bà Foster quản gia của bác trai, để bà có thể tiện liên lạc với chàng, nhưng mỗi tuần một lần, chàng vẫn đến bệnh viện để may ra có thể nhận được thư từ gì không. Một buổi tối, chàng thấy tên mình trên một phong bì bằng một nét chữ mà chàng mong sẽ không bao giờ gặp lại. Chàng cảm thấy nghi ngờ. Trong phút chốc chàng không quyết định nổi có nên cầm lấy phong thư hay không? Nó gợi lại cho chàng quá nhiều kỷ niệm đáng ghét. Nhưng cuối cùng, không đành được, chàng xé và mở rộng phong bì.

7 phố William,

Quảng trường Fitzroy.

Anh Philip thân mến,

Em có thể gặp anh càng sớm càng tốt, trong một vài phút không? Em có nhiều chuyện phiền muộn để sợ chẳng xoay xử ra sao. Không phải chuyện tiền nong đâu.

Bạn chân thành của anh

Mildred.

Chàng xé vụn bức thư rồi đi ra đường, vút vào bóng tối.

- Quỷ tha ma bắt nó đi! - Chàng lầm bầm.

Nghĩ đến việc gặp lại ả, chàng thấy trong lòng dấy lên một sự kinh tởm. Chẳng có gì phải quan tâm đến sự khốn cùng của ả, cho đáng đời. Chàng cảm ghét nghĩ tới ả, và tình yêu ngày xưa đối với ả giờ chỉ còn gợi lên sự ghê tởm. Nhớ lại bao nhiêu chuyện cũ, chàng càng thấy trần trụi ghê tởm. Khi qua con sông Thames, theo bản năng, chàng không còn suy nghĩ gì nữa về ả. Chàng lên giường nằm, nhưng không sao ngủ được; phân vân tự hỏi không biết làm sao, chàng cứ lo sợ ả ốm đau hay đói khát, nhất định ả không viết thư cho chàng trừ phi ả không còn hy vọng. Chàng giận mình yếu đuối, nhưng chàng biết rằng nếu không gặp lại ả thì chàng không yên tâm. Sáng hôm sau, trên đường đi đến cửa hàng chàng viết một bưu thiếp gửi bưu điện. Khó khăn lắm chàng mới làm được việc này, và chàng chỉ nói chàng lấy làm tiếc là ả đang gặp khó khăn và hứa sẽ đến theo địa chỉ ả đã gửi cho vào lúc bảy giờ tối hôm ấy.

Đó là một căn nhà trọ tồi tàn trong một đường phố bẩn thỉu; gặp lại ả, chàng thấy đau khổ, nên khi hỏi ả có nhà không, chàng hết sức mong ả đi vắng. Chỗ này, trông có vẻ là một nơi mà chuyện dọn đến dọn đi là thường xuyên. Chàng quên xem dấu bưu thiếp trên thư ả, và không biết thư đó nằm trên giá mấy ngày rồi. Một người đàn bà nghe tiếng chuông bước ra, bà ta không trả lời câu hỏi của chàng mà chỉ lặng lẽ đi trước chàng dọc theo hành lang, và đến gờ một cái cửa đằng sau nhà.

- Bà Miller, có một ông khách muốn gặp bà - bà ta gọi.

Cánh cửa hé mở và Mildred nhìn ra ngõ vực.

- Ồ, anh đấy à - ả kêu lên - mời anh vào.

Chàng bước vào, ả đóng cửa lại. Đây là một căn phòng ngủ hết sức nhỏ bé lộn xộn bừa bãi như mọi nơi ở của ả; một đôi giày của ả bẩn thỉu nằm trên sàn nhà, mỗi nơi một chiếc, một cái áo choàng trên bàn, một cái mũ

trên tủ com-mốt, với món tóc quăn giả bên cạnh. Philip tìm chỗ để mũ. Mấy cái móc sau cánh cửa chất đầy váy, và chàng để ý thấy bùn vấy đầy dưới gấu.

- Anh ngồi xuống đi! Ắ bảo và khẽ cười gượng nghịu, chắc rằng anh ngạc nhiên khi lại nhận được thư của em phải không?

- Giọng cô khản lắm - chàng đáp - cô đau họng chẳng?

- Vâng, từ ít lâu nay!

Chàng ngồi im, đợi ắ giải thích tại sao ắ cần gặp chàng. Nhìn gian phòng đủ cho chàng thấy rõ ắ đã trở lại cuộc đời ngày xưa mà chàng đã lôi kéo ắ ra. Một cái ảnh của con bé đặt trên mặt lò sưởi, nhưng không một dấu hiệu nào chứng tỏ ở đây có trẻ con. Mildred đang cầm một chiếc khăn tay, ắ nhét vào một quả bóng nhỏ và chuyển qua chuyển lại trên tay. Chàng thấy ắ rất bồn chồn. Ắ đang nhìn chăm chăm vào lò sưởi khiến chàng có thể quan sát ắ mà ắ không bắt gặp. Ắ gầy hơn nhiều so với lúc ắ bỏ chàng, nước da vàng và khô, nhãn nheo co rúm lại thêm nhiều trên xương gò má. Tóc ắ nhuộm nhưng ngả sang màu vàng nhạt đã làm thay đổi ắ nhiều, và làm cho ắ trông có vẻ thô bỉ hơn.

- Được thư anh, em nhẹ cả người, em có thể khẳng định với anh điều đó - cuối cùng ắ nói - em cứ nghĩ có lẽ anh không còn ở bệnh viện đó nữa.

Philip vẫn không nói gì.

- Hiện nay chắc rằng anh đã tốt nghiệp rồi phải không?

- Không.

- Sao lại như vậy?

- Tôi không ở bệnh viện đó nữa. Tôi đã bỏ đi từ mười tám tháng nay.

- Anh hay thay đổi. Hình như anh không làm được một việc gì lâu.

Philip im lặng một lúc nữa, và khi chàng nói thì với một giọng lạnh lùng

- Tôi mất số tiền được hưởng trong một chuyện làm ăn không may, nên không còn khả năng theo học nghề y. Trước hết tôi phải kiếm ăn.

- Vậy anh đang làm gì?

-Ồ!

Ả liếc nhanh về phía chàng và lập tức quay nhìn ra chỗ khác. Chàng nghĩ chắc ả đỏ mặt. Ả bực dọc lấy khăn mùi xoa xoa xoa sát nhẹ lòng bàn tay.

- Anh vẫn không quên nghề thuốc chứ? Ả nói dẫn mạnh từng tiếng một cách kỳ quặc.

- Không hoàn toàn.

- Vì vậy cho nên em muốn gặp anh. Giọng ả hạ thấp, tiếng nói trở thành thì thầm khàn khàn. Em không biết em làm sao ấy.

- Tại sao cô không đi bệnh viện?

- Em không muốn đi bệnh viện để bị cái đám sinh viên cứ nhìn chăm chăm vào mặt. Em sợ họ muốn giữ em lại.

- Cô đang kêu đau bệnh gì? Philip lạnh lùng hỏi bằng một câu đã thành công thức trong phòng khám bệnh nhân ngoại trú.

- Lạ quá, em bị phát ban mà không làm sao tổng khứ nó đi đâu được.

Philip cảm thấy lòng nhức nhối. Trán chàng vã mồ hôi.

- Để tôi xem họng cô thế nào?

Chàng dẫn ả đến cửa sổ, cố gắng xem xét. Bỗng chàng nhận thấy một nỗi kinh hãi vô cùng trong cái nhìn của ả, trông thật khó chịu. ả khiếp sợ, ả muốn chàng làm yên lòng ả, ả nhìn chàng có ý cầu khẩn, không dám đòi hỏi những lời an ủi mà lòng ả đang đau đớn ước mong sẽ nhận được, nhưng chàng không đưa ra một lời an ủi nào.

- Tôi e rằng quả thực cô đang ốm nặng đây - chàng bảo.

- Anh cho đó là bệnh gì?

Khi nghe chàng nói mặt nàng bỗng tái nhợt như thầy ma, ngay đến hai môi ả cũng vàng ra; ả bắt đầu khóc lóc thất vọng lắc đầu lặng lẽ, sau đó ả thẫn thức nấc lên.

- Tôi rất lấy làm buồn - cuối cùng chàng nói - Nhưng tôi phải nói cho cô biết.

- Thà rằng em tự tử cho nó xong còn hơn.

Chàng không để ý đến lời hăm dọa ấy.

- Cô có tiền không? Chàng hỏi/

- Sáu hoặc bảy bảng.

- Cô phải từ bỏ cách sống này đi cô biết không. Cô thử nghĩ xem, chẳng lẽ cô không tìm được một việc làm nào ư? Tôi tiếc tôi không thể giúp cô nhiều được. Mỗi tuần tôi chỉ kiếm được có mười hai silinh mà thôi.

- Bây giờ thì em có thể làm được việc gì? Ắ sốt ruột kêu lên.

- Trời đất quỷ thần ơi! Thì cô phải cố mà tìm lấy một việc gì đó chứ?

Chàng nói năng hết sức nghiêm trang, chỉ cho ả thấy mỗi nguy hiểm của chính bản thân ả, mà cả còn làm cho những người khác liên lụy, ả buồn rầu ngồi nghe. Chàng cố gắng an ủi ả. Cuối cùng tuy hờn dỗi ả cũng bằng lòng và hứa thực hiện mọi điều chàng khuyên bảo. Chàng viết đơn thuốc và hứa sẽ gửi lại cho hiệu dược phẩm gần nhất, và căn dặn ả cần phải uống hết sức đều đặn. Đứng lên ra về, chàng đưa tay ra.

- Đừng nản chí, chẳng bao lâu nữa, họng cô sẽ khỏi thôi.

Khi chàng đi ra, mặt mày ả bỗng nhiên méo mó, xệch xạc, ả cầm lấy áo choàng của chàng.

- Trời ơi, đừng bỏ mặc em - nàng kêu lên giọng khàn khàn. Em sợ lắm, đừng bỏ em một mình lúc này. Anh Philip, em xin anh. Em không thể đến ai khác. Anh là người bạn duy nhất mà từ trước đến giờ em mới gặp.

Chàng thấy ả khiếp sợ, nó giống lạ lùng với nỗi khiếp sợ của ông bác mà chàng nhìn thấy trong mắt ông khi ông lo rằng ông chết. Philip nhìn xuống. Người đàn bà này đã hau lần bước vào cuộc đời chàng và làm cho chàng

đau khổ. Ắ không yêu sách gì chàng, vậy mà lạ thay không hiểu vì sao từ trong sâu thẳm tâm hồn chàng lại đau đớn sâu sắc lạ lùng đến thế. Chính nỗi đau này, đã khiến chàng không thể yên, từ khi chàng nhận được thư ắ, mãi tới khi chàng phải tuân theo lời ắ.

- Có lẽ mình không bao giờ thoát nỗi chuyện này - chàng nhủ thầm.

Có điều khó hiểu là khi ở gần ắ, chàng cảm thấy ghê tởm bức bối khó chịu, một sự ghê tởm cụ thể kỳ lạ.

- Cô muốn tôi phải làm gì? Chàng hỏi.

- Ta cùng ra ngoài đi ăn. Em sẽ trả tiền.

Chàng do dự. Chàng cảm thấy ắ đang len lõi lách vào cuộc đời chàng một lần nữa trong khi chàng cứ ngỡ là ắ mãi mãi bước ra khỏi rồi. Ắ một mõi lo lắng chờ chàng trả lời.

- Chao ôi, em biết em đã đối xử tệ bạc với anh, nhưng anh đừng bỏ mặc em lúc này. Thế là anh đã được trả thù rồi mà. Nếu bây giờ anh bỏ mặc em một mình, em chẳng biết em sẽ làm gì đâu.

- Được, tôi không phản đối - chàng nói - nhưng chúng ta phải ăn ở hiệu nào rẻ tiền, những ngày gần đây tôi không có tiền để mà phung phí.

Ắ ngồi xuống, mang giày, thay áo và đội mũ; hai người cùng đi ngoài phố cho tới lúc tìm được một quán ăn ở đường Tottenham Court. Philip đã mất hẳn thói quen ăn uống vào những giờ này, còn Mildred thì đau họng không nuốt được. Họ ăn một ít giăm bông nguội, Philip uống một cốc bia. Họ ngồi đối diện với nhau như ngày xưa vẫn thường như vậy; chàng tự hỏi không biết ắ còn nhớ không; họ chẳng có chuyện gì nói với nhau, và nếu

Philip không cố gắng chuyện trò thì chắc họ sẽ cứ ngồi im như thế. Trong cái ánh sáng chói trang của quán ăn với những tấm gương soi tầm thường phản chiếu sang nhau hàng loạt, ả trông có vẻ già đi phờ phạc. Philip băn khoăn muốn biết về đứa trẻ, nhưng không có can đảm để hỏi. Cuối cùng ả nói:

- Con chết trong dạo hè vừa qua.
- Chao ôi! Chàng nói.
- Anh nên nói là anh buồn chứ.
- Không - chàng đáp - tôi rất mừng.

Ả liếc nhìn chàng và hiểu ra chàng định nói gì, ả vội quay nhìn chỗ khác.

- Ngày xưa anh quý nó lắm cơ mà, đúng không? Em vẫn thường nghĩ buồn cười thật làm sao anh lại có thể quẩn quýt với con cái người khác đến thế.

Ăn xong họ ghé lại cửa hàng dược mua thuốc, thứ mà Philip đã kê đơn, rồi quay lại căn phòng tồi tàn nọ, chàng cho ả uống một liều. Sau đó họ còn ngồi với nhau tới lúc đến giờ Philip phải về phố Harrington. Chàng buồn ghê gớm.

Ngày nào chàng cũng đến thăm bệnh ả. ả uống thuốc theo đơn của chàng và làm theo lời chỉ dẫn của chàng, chẳng mấy chốc mà kết quả đã rõ ràng khiến ả hết sức tin cậy vào tài năng của chàng. Sức khỏe của ả ngày càng khá và cơn tuyệt vọng ngày một giảm. ả nói năng thoải mái hơn.

- Khi nào em có việc làm là khỏe mạnh ngay thôi - Á nói - Bây giờ em đã được bài học, em muốn nó có ích cho em. Vì tấm lòng chân thành của anh, không còn chuyện chơi bời phóng đãng nữa đâu.

Mỗi lần đến thăm ả, Philip đều hỏi ả tìm được việc chưa. Á bảo chàng đừng lo, khi nào ả cần, ả sẽ tìm được việc làm ngay; ả chẳng thiếu gì cách, tốt hơn là cứ nghỉ ngơi một vài tuần đã. Chàng không phản đối, nhưng về sau chàng cứ nhắc đi nhắc lại, ả cười diễu chàng, bây giờ thì ả đã phấn khởi hơn, ả kể cho chàng những chuyện dài dòng của mấy bà giám đốc ả đã gặp riêng, và ả có ý định xin việc làm ở một cửa hàng ăn uống, các bà ấy hỏi gì và ả trả lời ra sao. Chưa có gì chắc chắn dứt khoát nhưng ả chắc chắn đầu tuần sau sẽ sắp xếp được một việc gì đó; không cần phải vội vàng, và nếu nhận một công việc không thích hợp thì thật là sai lầm.

- Nói như vậy là vô lý - chàng sốt ruột bảo - cô nên nhận làm bất kỳ việc gì cô tìm được. Tôi không thể giúp cô, và tiền bạc của cô không đủ cho cô chi dùng mãi mãi.

- Ờ! Em cũng chưa đến nỗi bị kiệt quệ, em cứ liều.

Chàng nhìn xoáy vào ả. Kể từ ngày chàng đến thăm ở đây lần đầu tiên tới nay đã ba tuần qua, mà lúc ấy ả còn không đến bầy bảng. Chàng chợt thấy nghi nghi. Chàng chợt nhớ lại một vài điều ả nói, và chàng liền rút ra được kết luận. Chàng tự hỏi có phải ả cố gắng đi tìm việc làm thật không. Có lẽ ả chỉ toàn nói dối chàng. Số tiền bạc ả có mà còn để được lâu thế thì thật là lạ.

- Ở đây cô phải trả tiền nhà bao nhiêu?

- Ở bà chủ nhà này rất tốt; không như mấy bà chủ khác, bà ta rất sẵn sàng đợi lúc nào thuận tiện thì em trả.

Chàng im lặng. Điều chàng nghi ngờ khủng khiếp quá, khiến chàng lưỡng lự. Có hỏi ả cũng vô ích, ả sẽ chối phăng. Nếu chàng muốn biết sự thật, chàng phải tự mình tìm hiểu lấy. Tối nào, chàng cũng có thói quen từ giã ả vào lúc tám giờ, khi chuông đồng hồ điểm là chàng đứng dậy, nhưng đáng lẽ đi trở lại phố Harrington, thì chàng đứng lại ở một nơi kín đáo ở góc quảng trường Fitzrey, nhờ đó có thể nhìn thấy mọi người đi dọc theo phố William. Dường như chàng đợi đã lâu lắm, nghĩ rằng mình phỏng đoán sai, chàng sắp sửa rời khỏi, thì cửa nhà số 7 mở ra và Mildred bước ra. Chàng vội lùi vào bóng tối và để ý theo dõi ả đi về phía chàng. ả đội mũ trên có trùm lông vũ chàng đã thấy trong buồng ả, chàng nhận ra chiếc áo dài ả đang mặc quá lòa loẹt để đi phố và không hợp thời tiết này. Chàng chậm rãi lững thững theo sau ả cho đến khi tới phố Tottenham, thì ả đi chậm chậm và đến góc đường Oxford, ả đứng lại nhìn quanh, rồi vượt qua nhà hát ca múa nhạc. Chàng đến bên ả, vỗ nhẹ vào tay. Chàng thấy ả đánh má hồng và tô môi.

- Mildred, cô đi đâu đấy?

Nghe tiếng chàng ả giật mình, mặt đỏ bừng như xưa nay mỗi khi ả bị bắt quả tang nói dối; mắt ả long lanh tức giận mà chàng thừa biết, khi ả theo bản năng, tìm cách tự bảo vệ lúc bị ai sỉ nhục. Nhưng ả không nói thành lời những điều đã mấp mé cửa miệng.

- Ô, em chỉ đi xem biểu diễn văn nghệ thôi. Tối nào cũng ở nhà một mình, chán lắm.

Chàng tỏ vẻ không tin.

- Trời ơi, cô không nên như thế. Đã bao nhiêu lần tôi bảo cô việc đó nguy hiểm như thế nào. Cô cần phải lập tức ngừng ngay cái trò ấy lại.

- Ờ, thôi anh đừng có lên lớp nữa - Ắ hét lên cộc cằn. Anh cho rằng tôi sẽ sống bằng gì?

Chàng cầm tay ả, và chẳng nghĩ là mình đang làm gì, chàng cố lôi ả đi.

- Thế theo ý trời, cô đi đi thôi. Để tôi đưa cô về nhà. Cô không hiểu cô đang làm gì. Đó là tội ác.

- Tôi cần quái gì? Cứ để mặc cho họ liệu xem sao. Bọn đàn ông chả tốt lành gì với tôi thì cần gì tôi phải lo lắng cho họ.

Ắ đẩy chàng ra rồi đi đến phòng bán vé rạp hát, đặt tiền xuống. trong túi Philip chỉ còn ba xu.

Chàng không thể đi theo, chàng chậm rãi bỏ đi về dưới phố Oxford.

- Mình không thể làm gì hơn nữa - chàng tự nhủ. Đến đây là kết thúc. Chàng không gặp lại ả nữa.

110.

Lễ Thiên Chúa giáng sinh năm nay đúng vào ngày thứ năm, cửa hàng đóng cửa bốn hôm, Philip viết cho bác trai hỏi nếu chàng về nghỉ ở tòa cha sở thì có tiện không. Bà Foster trả lời rằng ông Carey không được khỏe lắm nên không thể tự tay viết cho chàng, nhưng ông mong được gặp chấy và sẽ vui mừng nếu chàng về ngay. Bà đón Philip ngoài cửa và khi bắt tay chàng bà nói:

- Thưa ông, ông sẽ thấy ông cụ thay đổi nhiều kể từ lần trước, nhưng xin ông cứ làm ra vẻ không nhận thấy bất kỳ điều gì, có được không? Ông ấy

lo lắng hoảng sợ cho mình quá thế. Philip gật đầu và đi theo bà vào phòng ăn.

- Thưa ông, ông Philip đã về đây.

Cha sở xứ Blackstable chẳng còn sống được bao lâu. Nhìn đôi má lõm sâu hoắm và cái thân hình rúm ró của ông thì chẳng nhằm lẫn nữa. Ông ngồi cuộn tròn trong ghế bành, đầu ngả ra sau hết sức kỳ quặc, vai trùm chiếc khăn choàng. Bây giờ ông không thể đi đâu mà không phải chống gậy, tay ông run lẩy bẩy nên ăn uống khó khăn.

- Bây giờ thì bác ấy không sống được lâu - Philip nghĩ thầm, khi nhìn thấy bác.

- Anh trông bác thế nào? Cha sở hỏi - Từ lần trước tới giờ anh trông bác có thay đổi gì không?

- Cháu cho là bác lại khỏe mạnh hơn dạo hè vừa qua.

- Do thời tiết nóng bức đấy, cái nóng bức bao giờ cũng làm cho bác khó chịu.

Lịch sử mấy tháng cuối cùng của ông Carey là những tuần lễ nằm trên giường bệnh và những tuần lễ ở dưới nhà. Ông có một cái chuông nhỏ ngay ở bên cạnh, vừa nói ông vừa rung chuông gọi bà Foster, bà ta ngồi ở phòng sát đó sẵn sàng chăm lo mọi nhu cầu của ông, ông hỏi lần đầu tiên rời khỏi phòng này lên gác của ông là vào ngày nào?

- Thưa ông, ngày bảy tháng mười một.

Ông Carey nhìn Philip để xem chàng hiểu câu trả lời này thế nào.

- Nhưng tôi vẫn ăn khỏe phải không bà Foster?

- Vâng, thưa ông, ông ăn uống ngon miệng lắm ạ!

- Tuy thế dường như tôi chẳng béo ra.

Ngoài sức khỏe ra ông chẳng còn quan tâm đến bất kỳ điều gì. Đầu óc ông lúc nào cũng chỉ nghĩ đến một điều đó là sự sống, mặc dù cuộc đời ông buồn tẻ, cơn đau dai dẳng làm cho ông không ngủ được, trừ những lúc phải dùng móc-phin.

- Số tiền phải thanh toán những hóa đơn của bác sĩ thật dễ sợ - ông lại leng keng rung chuông - Bà Foster, bà đưa hóa đơn của cửa hàng dược phẩm cho cậu Philip xem.

Bà kiên nhẫn cầm tờ hóa đơn để trên mặt lò sưởi đưa cho Philip.

- Mới chỉ một tháng thôi đấy. Bác tự hỏi vì cháu cũng ở ngành y liệu cháu có thể mua được thuốc với giá rẻ hơn chẳng. Bác muốn mua bằng tiền mặt ở cửa hàng nhưng lại phải tốn bưu phí.

Dù bề ngoài ông tỏ ra ít quan tâm tới chàng, không hẳn hỏi han chàng đang làm gì, nhưng dường như ông vui mừng có chàng ở bên. Ông hỏi Philip có thể ở lại được bao lâu, và khi được biết chàng phải lên đường sáng thứ ba thì ông tỏ ý muốn thời gian về thăm của chàng kéo dài hơn. Ông kể tỉ mỉ cho chàng tất cả mọi triệu chứng và nhắc lại những gì bác sĩ đã nói về ông. Đột nhiên, ông dừng lại để rung chuông, khi bà Foster bước vào, ông bảo:

- Ờ, tôi tưởng bà không có ở đây. Tôi chỉ rung chuông xem bà có đấy không.

Khi bà đi khỏi, ông giải thích cho Philip rằng điều ông bức bối là không tin chắc bà Foster có nghe rõ không, rồi có việc gì xảy ra với bác thì bà có biết chính xác phải làm gì không. Thấy bà mệt mỏi hai mắt nặng trĩu vì mất ngủ, Philip có ý kiến với bác là ông bắt bà làm việc quá vất vả.

- Ờ, nói vậy - cha sở bảo - bà ấy khỏe như voi.

Lần sau, khi bà đi vào đưa thuốc cho ông ta, ông bảo bà:

- Cậu Philip nói bà phải làm nhiều việc quá đấy, bà Foster. Chính bà muốn chăm sóc tôi, phải không?

- Ờ, thưa ông, tôi không phiền gì đâu. Tôi muốn làm mọi việc có thể làm được.

Ngay sau đó, thuốc có hiệu lực và ông Carey ngủ thiếp đi. Philip vào nhà bếp, hỏi bà Foster có chịu đựng nổi công việc này không? Chàng nhận thấy khá nhiều tháng bà chẳng được nghỉ ngơi.

- Biết làm thế nào hả ông? Bà đáp - Ông già tội nghiệp phải phụ thuộc vào tôi biết chừng nào, mặc dù lắm lúc ông ấy cũng rắc rối đấy, nhưng mình không thể không quý ông ấy, phải không ông? Tính đến bây giờ tôi đã ở đây bao nhiêu năm, không biết rồi đây khi ấy nằm xuống thì tôi sẽ làm gì.

Philip hiểu rõ ý bà ta thực sự yêu thương ông già. Bà tắm rửa, mặc quần áo cho ông, cho ông ăn uống, một đêm thức dậy năm sáu lần, bởi vì bà nằm ngủ ở ngay trong cái buồng sát cạnh buồng ông, và bất cứ lúc nào thức giấc

ông cũng leng keng, leng keng cái chuông cho tới khi bà bước vào mới thôi. Ông có thể chết bất cứ lúc nào, nhưng cũng có thể sống dai dẳng hàng tháng. Việc bà chăm lo săn sóc một người không phải là máu mủ ruột thịt mà kiên trì dịu dàng đến thế thật là tuyệt vời, song cũng thảm thương và tội nghiệp biết bao, trên đời này bà là người duy nhất quan tâm đến ông. Philip thấy dường như tôn giáo mà cả đời ông thuyết giảng, giờ đây đối với ông chỉ còn mang tính chất quan trọng theo nghi lễ mà thôi. Chủ nhật nào cha phó xứ cũng phải đến làm lễ bán thánh thể cho ông và ông thường đọc kinh thánh, nhưng rõ ràng là ông sợ chết. Ông tin đó là cánh cổng đi đến cuộc sống vĩnh hằng, nhưng ông không muốn bước vào. Đau đớn liên miên phải ngồi trên ghế liên miên, không hy vọng còn bao giờ đi được ra ngoài trời, ông ta bám lấy cõi thế gian quen thuộc này hết như một đứa trẻ trông vào người vú em.

Trong đầu Philip luẩn quẩn một câu hỏi mà chàng thường không đặt ra bởi vì chàng biết ông bác sẽ không bao giờ cung cấp được một cái gì hơn là một câu trả lời thành khuôn khổ. Chàng tự hỏi ông mục sư kia, giờ đây như một cỗ máy đã vô cùng tàn tạ, đang cập kê miệng lỗ liệu có còn tin vào sự bất tử nữa chẳng? Có thể trong giờ phút hấp hối mặc dù ông không nói ra nhưng trong thâm tâm hẳn là ông sẽ tin rằng không làm gì có Chúa và sau cuộc trần thế sẽ chỉ là hư vô.

Buổi tối tặng quà nhân dịp lễ Nô-en, Philip ngồi trong phòng ăn với bác trai. Sáng hôm sau chàng phải đi rất sớm để về đến cửa hàng vào lúc chín giờ, cho nên lúc ấy, chàng phải cáo biệt bác Carey để đi năm sớm. Cha sở xứ Blackstable đang ngủ gà gật, còn Philip thì nằm trên ghế trường kỷ cạnh cửa sổ, chàng bỏ rơi cuốn sách xuống đầu gối và nhìn vu vơ quanh phòng. Chàng tự hỏi đồ đạc ở đây bán được bao nhiêu. Chàng đã đi quanh nhà, xem xét các thứ quen thuộc từ ngày còn thơ ấu. Mấy chiếc đồ sứ có thể sẽ bán được tiền, chàng phân vân không biết có đáng bỏ công đem chúng đi Luân Đôn; nhưng còn ổi đồ gỗ kiểu từ thời nữ hoàng Victoria, bằng gỗ đào

hoa tâm rắn chắc và xấu xí; số này đem ra bán đấu giá thì vô giá trị. Có khoảng ba bốn nghìn cuốn sách, nhưng ai cũng biết sách vỡ là thứ rất khó bán, cho nên có quá lắm cũng chẳng được hơn một trăm bảng. Philip không rõ bác mình sẽ để lại bao nhiêu; chàng tính đi tính lại có tới hàng trăm lần số tiền tối thiểu dùng để học cho xong khóa học ở bệnh viện, thì tốt nghiệp và sống qua thời gian, chàng hy vọng được bổ nhiệm vào công tác ở bệnh viện. Chàng nhìn ông già đang ngủ, một giấc ngủ không yên lành, gương mặt héo hon nhăn nhúm không còn đặc tính của con người, đó là gương mặt của một con vật lạ lùng nằm đó. Philip cho rằng có thể kết liễu cuộc đời vô ích này quá dễ dàng. Chàng đã nghĩ đến điều đó mỗi bữa tối khi bà Foster chuẩn bị thuốc an thần cho bác trai. Có hai chai, một chai đựng thuốc ông dùng thường xuyên, còn chai kia đựng một loại thuốc phiện, ông dùng khi cơn đau lên không chịu được. Thuốc rót sẵn để cạnh giường, ông thường uống vào lúc ba hoặc bốn giờ sáng. Một điều đơn giản là tăng gấp đôi liều thuốc là ông sẽ chết trong đêm và chẳng ai nghi ngờ gì hết, vì đây là một cách chết mà bác sĩ Wigram vẫn hằng mong cho ông, một cái chết không đau đớn. Kéo dài thêm cuộc đời khắc khoải thêm vài tháng nữa thì chẳng có ý nghĩa gì đối với ông già này, nhưng thêm được mấy tháng đó, đối với chàng quan trọng biết bao nhiêu, mọi điều phải chịu đựng thế là sẽ chấm dứt, nghĩ tới sáng lại phải trở về làm việc, chàng rùng mình ghê sợ. Những ý nghĩ ấy cứ ám ảnh đầu óc khiến tim chàng đập nhanh, và dù đã cố gắng chàng cũng không sao vứt bỏ nó ra khỏi tâm trí. Chuyện đó thật dễ dàng làm sao, hết sức dễ dàng. Chàng không có cảm tình với ông già, chàng chưa từng bao giờ yêu quý ông; cả cuộc đời ông là một sự ích kỷ với người vợ đã kính yêu ông; dừng dừng với đứa bé mà ông có trách nhiệm phải trông nom; ông không phải là con người tàn nhẫn nhưng ông khắc nghiệt ngu đần, bị gặm nhấm bởi những ham muốn vật chất tầm thường. Chuyện đó thật dễ dàng, quá ư dễ dàng. Nhưng Philip không dám. Chàng sợ lương tâm cắn rứt. Có tiền, có của để rồi suốt đời phải hối tiếc về việc đã làm, thì liệu còn ích gì. Mặc dù chàng vẫn thường tự nhủ hối tiếc là vô ích song thỉnh thoảng chàng vẫn nhớ lại một số sự việc nào đó làm chàng phải suy nghĩ. Chàng cầu mong không có việc gì phải day dứt lương tâm.

Bác chàng mở mắt. Philip vui mừng vì lúc này nom ông ta có vẻ con người hơn. Chàng thật thà kinh sợ những ý nghĩ vừa chợt đến với chàng. Chàng đang trù tính chuyện giết người, và chàng tự hỏi liệu có còn ai khác suy nghĩ như vậy, hoặc như vậy là chàng không bình thường và sa đọa. Chắc rằng khi đến lúc chàng sẽ không sao làm nổi việc đó, nhưng đầu óc chàng cứ luẩn quẩn ý nghĩ nếu như chàng có chùn tay lại thì chính là vì chàng sợ. Bác chàng lên tiếng:

- Anh Philip, anh không mong đợi bác chết đấy chứ?

Philip nghe tim mình đập mạnh trong lồng ngực.

- Trời ơi! Không.

- Thế thì tốt. Bác sẽ chẳng thích anh như thế. Khi nào bác nằm xuống, anh sẽ được hưởng một ít tiền đấy, nhưng anh không nên trông mong vào chuyện ấy. Nghĩ như vậy sẽ không hay cho anh đâu.

Ông nói khẽ, giọng có vẻ lo lắng lạ lùng khiến lòng Philip nhói đau. Chàng phân vân không hiểu nhờ sự sáng suốt nào mà ông già này lại đoán ra những dự vọng kỳ quặc trong óc chàng.

- Cháu hy vọng bác sẽ sống được hai mươi năm nữa - chàng nói.

-Ồ đấy, tôi chẳng mong sống dai được như thế, nhưng nếu tôi gìn giữ sức khỏe thì tại sao tôi lại không sống được thêm ba bốn năm nữa.

Rồi ông im lặng một lúc, còn Philip cũng không biết nói sao. Rồi như thể đã suy nghĩ kỹ điều đó, ông già lại nói:

- Mọi người đều có quyền sống lâu chừng nào còn có thể được.

Philip muốn ông lão nghĩ sang chuyện khác.

- Nhân đây, chắc rằng bác không được tin tức gì của cô Wilkinson phải không ạ?

- Có chứ - Năm nay, có lần bác nhận được thư. Cô ấy đã có chồng, anh biết chứ?

- Không có lẽ.

- Phải, cô ấy lấy một người góa vợ. Bác tin rằng họ sống hoàn toàn phong lưu.

Ngày hôm sau, Philip lại bắt đầu làm việc, nhưng sự kết thúc trong khoảng mấy tuần lễ mà chàng mong đợi đã không xảy ra. Tuần chuyển thành tháng. Mùa đông trôi qua, trong các công viên cây cối đâm chồi, nảy lộc. Philip cảm thấy mệt mỏi kinh khủng. Thời gian nặng nề lê bước nhưng vẫn cứ qua đi, và Philip nghĩ rằng tuổi thanh niên của chàng đang đi qua và chẳng bao lâu nữa sẽ mất mà chẳng hoàn thành được cái gì. Kể từ khi chắc chắn rằng chàng sẽ bỏ việc, công việc của chàng chẳng còn mục đích gì nữa. Nhưng chàng đã trở thành khéo tay trong nghề vẽ mẫu quần áo, và dù không có khả năng sáng tạo, chàng đang mau lẹ phỏng theo thời trang của Pháp làm cho nó phù hợp với thị hiếu của khách hàng nước Anh. Lắm lúc chàng không phải không hài lòng về các loại mẫu vẽ của mình, nhưng khi đem ra thực hiện thì người ta hay làm hỏng các mẫu vẽ đó. Chàng buồn cười nhận thấy mình bức tức đến muốn phát điên mỗi khi ý kiến của chàng không được thực hiện đầy đủ. Chàng phải xử sự rất thận trọng, cứ mỗi lần chàng đề nghị một cái gì đó độc đáo thì lập tức bị ông Sampson bác bỏ với lý do khách hàng họ không muốn những mẫu quá đáng, đây là loại cửa hàng thực sự đứng đắn, không được có thái độ tùy tiện đối với khách hàng như vậy. Một vài lần y nói năng gay gắt với Philip; y cho rằng chàng thanh niên này đã bắt đầu hơi lên mặt, bởi vì ý kiến của Philip thường không trùng hợp với ý kiến của y.

- Nay anh bạn trẻ tài giỏi, anh phải hết sức coi chừng đấy, nếu không một ngày nào đấy anh sẽ thấy mình ra đứng đường thôi.

Philip những muốn dấm cho y một cái vào mũi, nhưng chàng phải tự kiềm chế. Dù thế nào thì chuyện này cũng chẳng có thể kéo dài lâu hơn nữa, và sau đó chàng sẽ vĩnh viễn thoát nợ với con người này. Lắm lúc trong cơn tuyệt vọng đến hài hước, chàng đã phải kêu lên phải chăng bác

chàng được cấu tạo bằng sắt đá. Con người gì mà ghê gớm! Trong lúc Philip đang còn suy ngẫm nhiều việc khác thì cuối cùng chàng bất ngờ nhận được điện báo tin cha sở đang hấp hối. Đó là vào tháng bảy, còn hai tuần nữa là chàng đi nghỉ phép. Chàng tiếp được thư của bà Foster nói rằng bác sĩ bảo ông Carey sẽ chẳng còn sống được bao lâu, nếu Philip muốn gặp bác ấy thì phải về ngay. Philip đến gặp cửa hàng trưởng xin nghỉ việc. Sampson là người đứng đắn nên khi được biết tình hình như vậy y không gây khó khăn gì, Philip chào từ giã mọi người trong cửa hàng, lý do nghỉ việc của chàng được phóng đại lan truyền trong đám nhân viên này, họ cho rằng chàng sắp thừa hưởng một gia tài. Bà Hodges thì nước mắt lưng tròng khi bắt tay chàng.

- Chắc rằng chúng tôi sẽ không còn năng được gặp anh nữa - bà nói.

- Tôi vui mừng thoát khỏi cái cửa hàng Lynn này - chàng đáp.

Nhưng thật kỳ lạ, chính giờ phút này chàng buồn khi rời bỏ những con người mà chàng đã từng cảm thấy khinh ghét, và khi lên xe ra khỏi căn nhà phố Harrington, chàng không hớn hờ vui mừng. Biết bao nhiêu lần chàng mừng tượng những xúc động có thể mình sẽ trải qua trong trường hợp này, cho nên bây giờ chàng chẳng có cảm giác gì. Chàng thản nhiên như thể đang đi nghỉ phép mấy ngày.

- Tính nết mình thật tồi! Chàng tự nhủ - Sự việc chưa bao giờ tới thì mình khắc khoải trông chờ, ấy thế mà khi chúng xảy ra thì bao giờ mình cũng thất vọng.

Vào đầu buổi chiều, thì chàng về đến Blackstable, bà Foster đón chàng ngoài cửa, nhìn nét mặt bà, chàng đoán chắc bác chàng chưa chết.

- Hôm nay ông ấy khá hơn một chút - bà nói - ông ấy đã được cái thể tạng phi thường.

Bà dẫn chàng đi vào buồng ngủ, ông Carey nằm ngửa. Ông nhếch miệng mỉm cười với Philip, cái cười phảng phất vẻ hài lòng ranh mãnh; một lần nữa ông đã dùng mưu đánh lừa được kẻ thù của mình.

- Tôi đã tưởng tôi hoàn toàn xong xuôi từ hôm qua. Ông nói giọng đã kiệt - mọi người cũng đã nghĩ như vậy, có đúng không và Foster?

- Ông được cái thể tạng phi thường, không ai phủ nhận điều đó.

- Trong thẳng già này vẫn còn sinh khí đấy!

Bà Foster bảo cha sở không được nói nhiều, sợ ông mệt; bà coi ông như một đứa trẻ, thân ái nhưng hết sức cương quyết; và có cái gì đó gây thơ, con trẻ trong thái độ thỏa mãn của ông già về việc đã làm tiêu tan điều trông mong của người ta. Nghiền ngẫm nhiều nên ông hiểu ngay rằng người ta đã nhắc Philip trở về, và ông lấy làm thích thú thấy chàng bị đánh lừa về mục đích của chuyến đi. Ông già chỉ cần tránh được một cơn đau tim khác là ông có thể khá lên trong vài tuần, trước đó ông đã nhiều lần lên cơn, ông thường cảm thấy như sắp chết đến nơi, nhưng rồi ông vẫn không sao. Người ta bàn tán về thể trạng của ông, nhưng không một ai hiểu được làm sao mà ông khỏe đến như thế.

- Anh sẽ ở lại đây một hai ngày chứ? Ông hỏi Philip, giả cách tin rằng chàng về nghỉ phép.

- Cháu đang có ý định đó. - Philip vui vẻ đáp.

- Gió biển sẽ làm cho anh khỏe ra.

Ngay sau đó bác sĩ Wigram đến, và sau khi khám bệnh cha sở xong, ông ta nói chuyện với Philip.

- Anh Philip, tôi e lần này ông cụ không qua được. Đó là một tổn thất lớn cho mọi người chúng ta. Tôi quen biết ông cụ đã ba mươi lăm năm nay.

- Dường như bây giờ ông cụ khá khỏe - Philip nói.

- Tôi đang giữ cho ông cụ sống được là nhờ thuốc men, nhưng không thể kéo dài được lâu. Hai ngày gần đây tình hình rất xấu, nhiều phen tôi cứ tưởng ông cụ đã đi hẳn.

- Bà Foster có nói gì với anh không?

- Ý bác sĩ muốn nói gì?

- Những người này rất mê tín; bà ấy khẳng khẳng với ý nghĩ là ông ấy còn vướng mắc điều gì trong lòng và khi nào chưa tống khứ được điều ấy thì ông chưa nhắm mắt được. Ông không muốn thú nhận điều đó.

Philip không đáp lại, và bác sĩ tiếp tục.

- Dĩ nhiên đó là chuyện vô lý, ông ấy sống cuộc đời hết sức trong sạch, ông ấy đã hoàn thành nhiệm vụ, ông ấy là mục sư có đức hạnh của giáo khu, tôi chắc rằng tất cả chúng ta sẽ nhớ ông; ông ta không có điều gì để tự chê trách. Tôi rất ngại không biết vị cha sở sau này có hợp với chúng ta bằng nửa như thế này không.

Trong nhiều ngày, bệnh trạng của ông Carey vẫn không thay đổi. Ông ăn ít và không được ngon miệng như trước. Bây giờ bác sĩ Wigram quyết làm

dị cơn đau đớn của chứng viêm dây thần kinh đang dày vò người bệnh; chứng này khiến tay chân bị bại liệt của người bệnh run rẩy không ngớt và dần dần làm cho người bệnh kiệt sức. Nhưng trí óc người bệnh còn minh mẫn. Philip và bà Foster thay nhau săn sóc ông già. Đã bao nhiêu tháng trời, phải chăm chú đến nhu cầu của người bệnh, nên bà mệt mỏi, vì thế Philip khẳng khăng ngồi thức đêm với bác trai để bà có thể ngủ được. Chàng ngồi hàng giờ trên một chiếc ghế bành, để khỏi ngủ say giấc và dưới ánh sáng mấy ngọn nến đã được che lại, chàng đọc “Một nghìn một đêm lẻ”. Từ hồi còn bé đến nay chàng chưa xem lại nên câu chuyện đó làm chàng nhớ lại thời ấu thơ. Lẽn lúc chàng ngồi lắng nghe cái tĩnh mịch của đêm khuya. Khi thuốc ngủ hết hiệu lực thì ông Carey lại không chịu nằm yên và bắt chàng luôn bận rộn.

Cuối cùng vào một buổi sáng sớm, khi chim chóc hót líu lo trên cành, chàng nghe tiếng gọi tên mình. Chàng đến bên giường ông Carey đang nằm ngửa, nhìn lên trần nhà, ông không quay nhìn Philip. Thấy mồ hôi trên trán bác, chàng lấy khăn lau:

- Philip, cháu đấy hả? Ông già hỏi.

Philip giật nảy mình bởi vì giọng nói của bác bỗng nhiên thay đổi, thều thào và khàn khàn, y hệt tiếng nói của một người rét cóng do sợ hãi.

- Vâng, bác cần gì?

Ông già ngập ngừng và vẫn đưa cặp mắt đã đại chăm chăm nhìn lên trần nhà.

Lúc ấy mặt ông già chợt co rúm lại.

- Bác nghĩ rằng bác sắp chết - ông nói.

- Ôi, vô lý! Philip nói to - bác còn sống lâu.

Hai giọt nước mắt lăn trên gò má nhăn nheo của ông lão khiến cho Philip hết sức cảm động. Trong đời mình, bác trai không bao giờ để lộ mỗi xúc động riêng tư nào, giờ đây thật dễ sợ khi phải nhìn những giọt nước mắt đó, bởi vì chúng biểu thị một nỗi kinh hãi không diễn tả nổi bằng lời.

- Cháu hãy cho mời ông Simmonds đến - bác bảo - Bác muốn chịu lễ ban thánh thể. Ông Simmonds là cha phó.

- Ngay bây giờ hả bác? - Philip hỏi.

- Ngay bây giờ, nếu không thì chậm quá.

Philip đánh thức bà Foster, nhưng muộn hơn là chàng tướng, bà đã dậy rồi. Chàng bảo bà sai bác làm vườn đi mời cha phó, còn chàng trở lại phòng bác trai.

- Cháu đã mời bác ông Simmonds chưa?

- Đã cho đi mời rồi.

Im lặng. Philip ngồi cạnh giường và thỉnh thoảng lau mồ hôi trên trán ông.

- Philip, để cho bác nắm tay cháu - cuối cùng ông già bảo. Philip chìa tay ra cho bác, và ông già níu lấy như níu lấy cuộc sống, hòng tìm niềm an ủi trong giây phút cuối. Có lẽ cả đời ông, ông chưa từng bao giờ thực sự yêu thương ai nhưng giờ đây theo bản năng ông quay về với con người. Tay ông già đẫm mồ hôi, lạnh ngắt, ông tím lấy tay Philip với một sức sống

tuyệt vọng sắp tàn. Ông già đang đấu tranh chống lại với cơn sợ chết. Nghĩ mọi người rồi ai cũng phải đi qua cảnh này. Chao ôi, thật tàn ác biết bao! Vậy mà họ vẫn có thể tin vào Chúa, tin vào một vị Chúa để cho tôi con mình phải đón đau khổ đến như vậy! Chàng chưa từng bao giờ quan tâm đến bác trai, trong hai năm nay, ngày nào chàng cũng mong cho bác chết; nhưng giờ phút này chàng không sao nén nổi niềm trắc ẩn tràn ngập cõi lòng.

Để khác với thú vật, phải trả một giá đắt biết chừng nào.

Họ không nói năng gì, chỉ một lần, tiếng hỏi thều thào của ông Carey phá tan sự yên lặng.

- Ông ấy đến ư?

Cuối cùng bà quản gia nhẹ nhàng đi vào báo ông Simmonds đã đến. Ông ta đem theo một cái túi đựng áo tế và mũ trùm đầu. Bà Foster đem cái đĩa làm lễ ban thánh lễ đến. Ông Simmonds lặng lẽ bắt tay Philip rồi với vẻ mặt nghiêm trọng rất nghề nghiệp ông đi lại phía người ốm. Philip và người quản gia ra khỏi phòng.

Philip đi tản bộ quanh khu vườn còn tươi mát và ướt đẫm sương mai. Chim chóc đang cất tiếng hót vui vẻ. Bầu trời xanh, không khí thơm tho, hơi lạnh và nặng trĩu hơi muối. Hoa hồng đang nở rộ. Cỏ cây khoác màu xanh rục rỡ. Vừa đi vừa nghĩ đến nghi lễ bí truyền đang diễn ra trong phòng ngủ kia, khiến chàng xúc động lạ thường. Ngay sau đó bà Foster đi ra, cho biết bác trai đang mong gặp chàng. Ông cha phó đang sắp xếp đồ đạc vào cái túi đen. Người bệnh khẽ quay đầu lại và mỉm cười chào chàng. Philip lấy làm ngạc nhiên nhận thấy ở ông bác có sự thay đổi, một sự thay đổi kỳ lạ, mắt ông ta mấy đi về kinh hoàng, mặt bác không còn tái, trông ông có vẻ hạnh phúc và thanh thản.

- Bây giờ bác đã hoàn toàn sẵn sàng rồi - ông già nói giọng khác hẳn trước - khi nào Chúa thấy đến lúc phải gọi bác thì bác sẵn sàng trao linh hồn vào tay Người.

Philip im lặng. Chàng thấy được bác chân thành. Điều này hầu như một phép lạ. Ông đã tiếp nhận thể xác và máu của Đấng Cứu Thế, và máu thịt của Người đã đem lại sức mạnh cho ông để ông không còn sợ phải bước lên con đường đi vào đêm đen không sao tránh khỏi. Ông biết mình sắp chết, ông đành cam chịu. Ông chỉ còn nói thêm có một điều:

- Tôi sẽ gặp lại người vợ thân yêu.

Câu đó làm cho Philip giật mình. Chàng nhớ lại ông đã từng ích kỷ nhẫn tâm biết bao đối với bác gái, hờ hững biết bao đối với mối tình khiêm tốn tận tụy của bà. Cha phó vô cùng cảm động đi ra và bà Foster khóc lóc tiễn ông ra đến cửa. Ông Carey hết sức vì cố gắng bắt đầu lơ mơ thiếp đi. Philip ngồi bên giường đợi chờ giây phút cuối. Buổi sáng trôi qua, hơi thở ông già lúc này đã khò khè. Bác sĩ Wigram tới và bảo ông già đang hấp hối. Ông già đã hôn mê, tay còn yếu ớt nắm lấy chiếc khăn trải giường; ông luôn luôn cựa quậy và la hét. Bác sĩ Wigram tiêm cho ông một mũi dưới da.

- Bây giờ thì tôi chẳng có thể làm gì được nữa, ông già có thể chết bất cứ lúc nào.

Bác sĩ nhìn đồng hồ và rồi nhìn vào người bệnh. Philip thấy đã một giờ. Bác sĩ Wigram nghĩ tới bữa ăn trưa của ông.

- Bác sĩ không cần phải chờ đợi. - chàng nói.

- Tôi chẳng còn làm gì được nữa - bác sĩ nói.

Khi bác sĩ đi khỏi, bà Foster yêu cầu Philip đến nhà thợ mộc đồng thời cũng là người làm nghề lo việc ma chay, bảo họ cho một bà đến làm việc khâm liệm.

- Ông cần phải ra ngoài một chút cho thoáng - bà bảo - cho người nó tỉnh.

Người làm nghề lo việc ma chay ở cách đó nửa dặm đường. Khi Philip ủy thác công việc cho y, y hỏi:

- Tội nghiệp, ông cụ đã mất lúc nào?

Philip do dự. Chàng chợt nghĩ ra rằng trong khi bác trai vẫn còn sống mà đem một bà về tắm rửa thi thể thì dường như đó là một điều tàn bạo, chàng phân vân không hiểu vì sao bà Foster lại yêu cầu chàng đến đây. Thiên hạ sẽ nghĩ chàng cuống cuồng muốn giết ngay ông già. Chàng cảm thấy gã làm nghề lo việc ma chay đang nhìn chàng một cách kỳ quặc. Y nhắc lại câu hỏi làm cho chàng phát cáu. Đây đâu phải là công việc của gã.

- Cha sở qua đời lúc nào?

Lúc đầu Philip định trả lời là cha sở vừa mới mất, nhưng khi ấy người bệnh cứ sống lai nhai mãi hàng giờ thì không thể nào giải thích được.

Chàng đỏ mặt và ngượng nghịu đáp:

- Ồ, thực ra ông ấy chưa chết.

Gã làm nghề lo việc ma chay nhìn chàng lấy làm khó hiểu, và Philip vội vàng giải thích.

- Bà Foster chỉ có một mình, bà muốn có thêm một người đàn bà nữa ở đó. Bác hiểu chưa? Lúc này ông cụ chết rồi cũng nên.

Gã kia gật đầu.

- Ồ, vâng tôi hiểu. Tôi sẽ đưa người đến ngay.

Khi Philip trở lại tòa cha sở, chàng lên phòng ngủ. Bà Foster đang ngồi trên ghế cạnh giường đứng lên và nói:

- Ông già vẫn như lúc ông vừa mới đi ra.

Bà xuống bếp kiểm cái gì ăn, còn Philip tò mò nhìn xem cái chết tiến triển thế nào. Bây giờ, cái sinh vật hôn mê đang còn đấu tranh một cách yếu ớt kia không còn chút gì là của người nữa. Thình thoảng từ cái miệng há hốc lại thốt ra những tiếng thều thào.

Từ bầu trời không một gợn mây, ánh nắng chiếu xuống nóng bức nhưng cây cối trong vườn vẫn mát mẻ xinh tươi. Một ngày đẹp tuyệt vời. Một con ruồi xanh bay vo vo đập vào ô cửa sổ. Bỗng có tiếng nấc mạnh làm cho Philip giật mình. Tiếng nấc nghe thật khủng khiếp, chân tay ông già bỗng giần giật và ông già tắt thở. Cổ máy đã dừng. Con ruồi kia vẫn cứ vo ve, bay vo ve đập vào ô cửa sổ bằng kính.

Josiah Graves có tài tổ chức đám tang xứng đáng mà ít tốn kém; sau khi chôn cất xong, y ở lại toàn gia sản với Philip, y là người được giao tờ chúc thư, và với ý thức đúng đắn phù hợp với hoàn cảnh, y đọc cho Philip nghe trong lúc dùng bữa trà sáng. Chúc thư viết trên nửa tờ giấy, ông Carey để lại mọi của cải cho cháu trai mình; đồ đạc trong nhà, khoảng tám chục bảng ở ngân hàng, hai mươi cổ phần ở công ty A.B.C. Một ít cổ phần ở nhà máy bia Allsope, một vài cổ phần ở nhà hát ca múa nhạc Oxford với một ít cổ phần nữa ở khách sạn Luân Đôn. Các cổ phần đó mua theo sự hướng dẫn của ông Graves, nên y hài lòng với Philip.

- Anh thấy đấy, mọi người phải ăn, uống và cần chơi bời giải trí. Nếu sử dụng tiền bạc vào những việc mà thiên hạ cho là cần thiết thì người ta luôn luôn sống an toàn.

Lời lẽ của y cho thấy một sự phân biệt thú vị giữa sự thô bỉ của cái tầm thường mà y chê trách, nhưng phải thừa nhận, với cái được chọn lọc theo một thị hiếu cao đẹp hơn. Toàn bộ số vốn đã đầu tư là vào khoảng năm trăm bảng, cộng thêm số dư tại ngân hàng và đồ đạc sẽ bán ra. Đối với Philip đây là sự giàu sang, chàng không vì thế mà vui sướng, nhưng cảm thấy hết sức yên tâm.

Hai người bàn việc bán đấu giá phải được tiến hành càng sớm càng tốt. Sau đó ông Graves ra về; còn Philip ngồi xuống tự mình xem xét kỹ lưỡng giấy tờ của người quá cố. Ngài mục sư William Carey từng lấy làm tự hào về việc không phá hủy bất cứ cái gì, nên ở đây có hàng chồng thư từ cũ kỹ từ năm mười năm trước được gói thành bó xếp lên nhau có phiếu ghi số rõ ràng. Ông ta không những giữ gìn những thư gửi cho ông mà cả những thư do chính ông viết. Có một gói thư nhỏ màu vàng gồm những thư ông viết

cho cha chàng trong những năm bốn mươi của thế kỷ kho ông còn là sinh viên đại học chưa tốt nghiệp đi sang Đức nghỉ hè. Philip đọc vu vơ các thư này. Đó là một ông William Carey khác với ông William Carey mà chàng đã biết, nhưng đối với một kẻ quan sát sắc sảo thì những vết tích của một chàng trai có thể gợi cho ta tiên đoán được con người thành niên trong tương lai. Những lá thư có tính chất hình thức và hơi khoa trương. Con người này tỏ ra khao khát được viết tất cả cái gì đáng ghi nhớ và với một niềm say mê cao quý đã mô tả những lâu đài trên bờ sông Rhine. Những thác nước ở Schaffhausen đã khiến con người này phải “dâng lời cảm tạ lên đấng tạo hóa cung kính toàn năng; người đã dựng lên những công trình tráng lệ, kỳ diệu”, và con người ấy không thể không nghĩ rằng “trước công trình này của tạo hóa thiêng liêng, người ta phải suy ngẫm để mà sống sao cho thanh cao, trong sạch”. Giữa mấy lá thư, Philip tìm thấy bức tiểu họa vẽ ông William Carey sau khi ông được phong chức. Bức vẽ miêu tả một vị cha phó gầy, trẻ tuổi, tóc dài quấn tự nhiên, cặp mắt huyền to, mở rộng và một khuôn mặt nhợt nhạt khổ hạnh. Philip nhớ lại tiếng cười khúc khích của bác trai khi nói đến hàng tá dép lê đi trong nhà và những phụ nữ mê thích bác, đã làm cho bác. Buổi chiều còn lại và suốt buổi tối Philip vất vả với vô số thư từ. Chàng nhìn qua địa chỉ, chữ ký rồi xé làm hai bức thư vứt vào một sọt rác bên cạnh. Bỗng chàng thấy một bức thư ký tên Helen, chàng không quên nét chữ này, nét chữ viết mảnh khảnh, có góc cạnh và cổ lỗ. Bức thư mở đầu bằng “Anh William thân mến” bà kết thúc bằng “Đứa em gái thương yêu của anh.” Lúc ấy chàng mới chợt nghĩ ra đó là thư của chính mẹ mình, trước đây chàng chưa bao giờ được xem một lá thư nếu là thư mẹ, cho nên bây giờ nét chữ của bà thật là xa lạ đối với chàng. Bức thư này viết về chính chàng.

Anh William yêu quý,

Stephen đã viết cho anh để cảm ơn anh về những lời chúc mừng của anh nhận dịp chúng em sinh cháu trai và về những lời chúc mừng thân ái của

anh đối với em.

Ơn Chúa, cả hai chúng em đều khỏe mạnh cả, em vô cùng biết ơn về niềm hạnh phúc lớn lao này đã đến với em. Lúc này em đã cầm được bút nên em muốn tự mình được thừa với anh và chị Louisa thân mến rằng bản thân em hết sức chân thành biết ơn anh chị về mọi sự ân cần của anh chị đối với em hiện nay và mãi mãi, kể từ ngày em có chồng. Em sắp sửa xin anh ban cho em một ân huệ lớn. Stephen và em, chúng em mong anh sẽ là cha đỡ đầu của cháu bé, chúng em hy vọng anh sẽ vui lòng đồng ý. Em hiểu rằng điều mà em yêu cầu không phải là nhỏ, bởi vì anh là mục sư, em tin chắc rằng anh sẽ hết sức nghiêm túc nhận lấy trách nhiệm này. Nhưng em vẫn đặc biệt ước mong anh sẽ đảm đương công việc đó, bởi vì anh là mục sư, lại còn là bác của cháu. Ngày đêm em cầu xin Chúa cho cháu trở thành người có đức hạnh, lương thiện tin vào đạo Cơ đốc. Được anh chặn dắt, em hy vọng cháu sẽ thành một tên lính trung thành của Chúa Cứu Thế, suốt đời ngoan đạo, khiêm tốn và hiếu thảo.

Đứa em gái thương yêu của anh.

Helen.

Philip đẩy bức thư ra một bên, ngả người về phía trước, hai tay ôm mặt. Bức thư khiến chàng vô cùng cảm động, đồng thời cũng làm cho chàng vô cùng ngạc nhiên, ngạc nhiên về giọng điệu mộ đạo của nó, đối với chàng dường như không nhạt nhẽo mà cũng chẳng ủy mị. Ngoài việc mẹ chàng là người xinh đẹp, chàng không biết gì về người mẹ đã qua đời gần hai mươi năm nay, và giờ đây thật là lạ lùng khi chàng biết mẹ còn là một con người giản dị và ngoan đạo. Chàng chưa từng bao giờ nghĩ tới mặt này của mẹ. Chàng đọc lại điều mẹ nói về mình; những điều mẹ trông mong và suy nghĩ về mình, chàng đã thành ra khác hẳn, chàng ngẫm nghĩ về mình một lúc; mẹ mất đi có lẽ hay hơn. Lúc ấy một cơn bốc đồng đột ngột khiến chàng xé

nát bức thư. Lời lẽ ân cần mộc mạc làm cho bức thư dường như có tính cách riêng tư đặc biệt; trong khi đọc, chàng có cảm giác ngỡ vực cái gì không đúng đắn đã phơi bày tâm hồn dịu dàng của mẹ chàng. Tồi chàng tiếp tục đọc những thư từ vô vị của cha sở.

Mấy ngày sau, chàng trở lại Luân Đôn, và lần đầu tiên kể từ hai năm nay, chàng đi vào hội trường bệnh viện Saint-Luke giữa ban ngày. Chàng đến gặp viên thư ký trường y, y ngạc nhiên thấy Philip, và tò mò hỏi chàng lâu nay làm gì. Kinh nghiệm cuộc đời đã đem lại cho Philip lòng tự tin và cách nhìn khác trước. Xưa kia, một câu hỏi như thế thường làm cho chàng lung túng, nhưng giờ đây, với vẻ mơ hồ cố tính, năm ngăn chặn câu hỏi thêm nữa, chàng điềm tình trả lời là do công việc riêng, chàng buộc phải bỏ dở việc học tập và bây giờ chàng ước mong được qua kỳ thi tốt nghiệp càng sớm càng tốt. Kỳ thi đầu tiên chàng dự là khoa sản và phụ khoa và chàng ghi tên xin làm phụ tá ở phòng dành riêng chữa bệnh phụ nữ, vì tình cờ gặp thời kỳ nghỉ nên việc xin làm một chân phụ tá khoa sản không khó khăn; chàng thu xếp để nhận nhiệm vụ này trong tuần lễ cuối tháng tám và hai tuần lễ đầu tháng chín. Sau cuộc nói chuyện riêng này, Philip đi qua trường y ít nhiều vắng vẻ, do các kỳ thi cuối học kỳ hè đã kết thúc, và chàng thơ thẩn suốt theo dãy nhà dọc bờ sông. Chàng bồi hồi xúc động. Chàng nghĩ bây giờ mình có thể bắt đầu cuộc đời mới và chàng quyết bỏ lại đằng sau mọi lỗi lầm dai dột và bao nỗi bất hạnh ngày xưa. Nhìn dòng sông đang chảy kia chàng thấy được rằng mọi sự đều trôi qua, sẽ trôi qua và không có gì là quan trọng, tương lai tràn đầy hứa hẹn đang ở phía trước.

Chàng trở lại Blackstable, bận rộn với việc thanh toán tài sản của bác trai. Việc bán đấu giá định vào giữa tháng tám là lúc có nhiều khách hàng đến nghỉ hè, để giá có thể khá hơn. Các danh mục được liệt kê và được gửi tới nhiều nhà buôn sách cũ ở Tercanburry, Maidstone và Ashford.

Một buổi chiều, Philip chợt có ý định đi sang Tercanbury thăm lại trường cũ. Chàng chưa một lần về thăm kể từ khi rời bỏ nhà trường, lòng tràn ngập niềm vui, nghĩ rằng từ nay mình sẽ được làm chủ chính mình. Chàng ngỡ ngàng lang thang qua những phố xá chật hẹp đã quá quen thuộc trong bao nhiêu năm trời. Những cửa hàng ngày xưa, nay vẫn còn đó, vẫn bán những thứ hàng đó; người bán sách với sách học sinh; những tác phẩm sùng đạo và những tiểu thuyết mới nhất bày trong một tủ kính và trong một tủ kính khác là những tấm ảnh của nhà thờ lớn, ảnh của thành phố; cửa hàng bán đồ chơi với những gậy đánh cricket, dụng cụ câu cá, vợt đánh tennis và bóng đá; cửa hàng thợ may nơi chàng từng mua áo quần suốt những tháng năm thơ ấu, cửa hàng bác trai thường đến mua cá mỗi lần đến Tercanbury. Chàng thơ thẩn dọc dãy phố bản thiu trên đó có toàn nhà gạch đỏ nằm sau một bức tường cao. Đó là trường dự bị. Xa hơn nữa là cổng trường hoàng gia, và chàng đứng trên cái sân hình bốn cạnh chung quanh có nhiều dãy nhà khác. Đúng bốn giờ, lũ học trò con trai hồi hả ùa ra khỏi trường. Chàng thấy các thầy giáo, mặc áo trùm đội mũ vương, toàn các thầy lạ. Tính đến nay, hơn mười năm đã trôi qua, kể từ ngày chàng rời trường, biết bao nhiêu đổi thay. Chàng trông thấy thầy hiệu trưởng, ông đang chậm rãi đi về trường sở của mình, vừa đi vừa nói chuyện với một học sinh đã lớn tuổi mà Philip đoán là học sinh lớp sáu. Thầy không thay đổi bao nhiêu, người cao nước da tái nhợt, lông mày như Philip còn nhớ, vẫn cặp mắt hoang dại ấy, nhưng chòm râu đen bây giờ đã lốm đốm hoa râm và những nếp nhăn trên khuôn mặt ngăm ngăm đen bây giờ hằn sâu hơn. Chàng chợt muốn đi lên nói chuyện với thầy nhưng chàng e rằng có thể thầy đã quên mình và chàng vui thích nghĩ tới chuyện phải giải thích cho thầy biết mình là ai. Đám học trò trai la cà trò chuyện với nhau, và ngay sau đó một số vội thay quần áo ra ngoài chơi bóng rổ, một số khác đi rời thành nhóm hai ba người ra khỏi cổng trường. Philip hiểu họ đang đi đến bãi chơi cricket, một số khác lại đi vào những khoảng đất có tường bao quanh để đánh bóng chày. Philip đứng giữa họ như một kẻ xa lạ, một vài cậu dừng dừng liếc qua chàng, nhưng không hiếm khách tham quan bị thu hút vào cái cầu thang nóc-mãng kia, nên chẳng mấy ai chú ý đến họ. Philip tò mò nhìn đám học sinh. Chàng

buồn rầu nghĩ đến khoảng cách giữa chàng và họ, và cay đắng nghĩ mình đã từng ước mơ thật nhiều nhưng kết quả chẳng bao nhiêu. Đối với chàng dường như những năm tháng ấy đã vĩnh viễn qua đi không trở lại và hoàn toàn uổng phí. Đám học sinh măng tơ và sôi nổi kia đang làm việc chàng đã từng làm, chàng cảm thấy thời gian như ngừng lại kể từ ngày chàng rời khỏi trường, nơi đây chàng đã biết từng người, ít nhất cũng là biết tên tuổi, vậy mà giờ đây chàng không quen dù chỉ là một người. Trong một vài năm lại có kẻ khác đến thay họ, còn những người này họ lại thành những kẻ xa lạ đứng đây như chàng hôm nay, những điều suy nghĩ này không mang lại cho chàng niềm an ủi nào, mà chỉ gây cho chàng ấn tượng về sự phù phiếm của kiếp người. Từng thế hệ sẽ lặp lại cái vòng quay bình thường này. Chàng tự hỏi các bạn cũ của chàng hôm nay ra sao, tuổi họ bây giờ đã gần ba mươi, một vài người khác đã chết, một số khác có vợ có con, họ là binh sĩ, thầy tu, bác sĩ, luật sư, bây giờ họ là những con người trầm tĩnh đang bắt đầu bỏ lại đằng sau cả một thời son trẻ. Liệu có ai trong bọn họ cuộc đời đã tan nát như chàng? Chàng nhớ đến anh chàng học sinh nọ mà chàng đã từng hết lòng hâm mộ, thật buồn cười chàng không sao nhớ nổi tên hắn. Chàng nhớ rất kỹ hình dạng hắn thế nào, hắn đã từng là bạn chí thân của chàng, nhưng chàng vẫn không nhớ ra tên hắn. Chàng thích thú nhớ lại những lúc đã từng ghen tuông đau khổ vì hắn. Vậy mà thật buồn chàng vẫn cứ không sao nhớ ra tên hắn. Chàng mong ước được trở lại thành một cậu học sinh như các chàng trai đang thơ thẩn trong sân kia, chàng sẽ làm lại từ đầu, không còn mắc sai lầm và làm cái gì có ích cho đời hơn. Chàng cảm thấy cô đơn không chịu nổi. Hầu như chàng nuối tiếc cái cảnh cơ hàn mà chàng chịu đựng trong hai năm vừa qua, bởi vì cuộc đấu tranh trong tuyệt vọng để kiếm được miếng cơm manh áo đã giảm nhẹ nỗi đau của cuộc sống; đó không phải là lời Chúa nguyện rửa loài người mà là liều thuốc làm cho con người hòa hợp hơn với cuộc sống.

Nhưng Philip cảm thấy khó chịu với chính mình, chàng gọi lại trong trí suy nghĩ của mình về mô hình cuộc đời, niềm bất hạnh mà chàng đã phải

chịu đựng không gì hơn là một mặt của tấm huân chương được tô điểm rất công phu, chàng hăm hở tự nhủ là mình phải vui vẻ chấp nhận mọi sự, dù buồn thương hay phấn khởi, dù là niềm vui hay bất hạnh, bởi vì tất thấy những cái đó sẽ làm cho mầm đời thêm phong phú. Chàng kiếm tìm cái đẹp một cách tinh táo, và chàng nhớ lại ngay cả hồi còn bé, chàng đã thích thú bao nhiêu khi được ngắm nhìn ngôi nhà thờ lớn kiểu Gô-tích mà đứng từ trong sân trường có tường bao bọc kia, người ta cũng nhìn thấy. Chàng đến đó nhìn tòa nhà đồ sộ màu xám dưới bầu trời vẩn vù những mây, với ngọn tháp ở giữa vút cao như lời ngợi ca của con người dâng lên Thượng đế. Những đám học sinh đang đánh cricket kia, chúng nhanh nhẹn khỏe mạnh và tích cực, chàng không thể không nghe chúng la hét mới vui, tiếng cười reo của tuổi trẻ là một sự khẳng định và chàng nhận ra được cái đẹp ở trước mặt chỉ bằng những con mắt mình.

Từ đầu tuần lễ cuối tháng tám, Philip bắt đầu nhận nhiệm vụ mới. Công việc này khó khăn gian khổ vì mỗi ngày trung bình chàng phải đỡ đẻ ba đợt. Trước đó ít lâu, sản phụ được bệnh viện phát cho một tấm thẻ, đến kỳ sinh nở, họ cho người đem thẻ đến người gác cổng, thường là cô bé bên kia đường đối diện với nhà trọ của Philip. Ban đêm bác gác cổng này có chìa khóa chung, tự đi sang đánh thức Philip, thức dậy trong đêm tối lúc ấy và đi qua những phố vắng của South Side xem như có điều gì bí ẩn. Vào những giờ đó thường thường là người chồng cầm thẻ đi. Nếu đã có đông con, thì anh chồng gần như bao giờ cũng đem thẻ đi với thái độ dửng dưng, cau có, nhưng nếu là vợ chồng mới cưới thì anh chồng lo lắng, và đôi khi uống rượu để cố quên nỗi lo âu. Trong khi đi bộ một dặm đường hoặc hơn, Philip và người nhà sản phụ thường bàn luận về hoàn cảnh lao động và giá cả sinh hoạt, nhờ đó Philip biết được nhiều nghề nghiệp khác nhau bên bờ sông này. Chàng gây được sự tin cậy giữa đám người kia, và trong lúc chàng chờ đợi hàng mấy giờ liền trong một căn phòng ngột ngạt, người đàn bà đau đẻ nằm trên một cái giường rộng choán hết nửa căn phòng, người mẹ của sản phụ và bà đỡ chuyện trò với chàng tự nhiên như giữa họ với nhau. Hoàn cảnh sống trong hai năm gần đây đã dạy cho chàng nhiều điều với cảnh đời của những kẻ hết sức bần cùng, mà họ lấy làm thích thú thấy chàng cũng trải qua cuộc đời như vậy. Và điều gây được ấn tượng đối với họ là họ không hoài nghi chàng bằng những mẹo vặt. Chàng tốt bụng, có đôi tay nhẹ nhàng và chàng không không bao giờ lên mặt ta đây khi uống với họ một chén trà, và sáng sớm mai, nếu như còn phải đợi, họ mời chàng ăn một khoanh bánh mì với mỡ lợn; chàng vốn không quá câu nệ và bây giờ được thể ăn ngon lành hầu hết các thứ, chàng đến vài nhà ở trong cùng, sống rách rưới tại một đường phố tối tăm, nhà nọ chen chúc nhà kia lộn xộn, thiếu ánh sáng, thiếu cả không khí, toàn là những người nghèo khổ, nhưng những nhà khác tuy hư hỏng, sàn nhà mọt, mái nhà dột nát, không ngờ lại có vẻ

sang trọng, trong nhà có hàng lan can gỗ sồi chạm trổ thanh tú, tường ván lát còn nguyên. Người ở dày đặc, mỗi gia đình một phòng, ban ngày, lúc nào cũng huyên náo tiếng trẻ con chơi đùa ngoài sân. Tường nhà cũ kỹ là nơi sinh sản mọt; không khí hôi hám đến nỗi Philip thường hay cảm thấy lợm giọng phải bật lửa châm một tẩu thuốc. Bà con ở đây kiếm được ngày nào ăn ngày ấy. Vì vậy ở đây trẻ sơ sinh chẳng được ai mong đợi, cha thì cáu kỉnh, giận dữ, mẹ thì thất vọng, thêm một miếng ăn nữa trong lúc còn chưa nuôi nổi lũ nhóc đã trót đẻ ra rồi. Philip thường thấy rõ họ ước mong cho đứa con chết ngay lúc sinh, hay có thể chết nhanh chóng. Chàng cứu một phụ nữ đẻ sinh đôi (nguồn hài hước cho những kẻ thích đùa), khi biết tin, chị ta gào lên than khóc, rồi rên rỉ kêu khổ mãi không thôi. Bà mẹ chị ta nói thẳng:

- Tôi không biết rồi vợ chồng nó nuôi nấng chúng thế nào?

- Có lẽ sẽ phải đến lúc Chúa phải đem chúng nó về với Người - bà đỡ bảo.

Philip giật mình trông thấy bộ mặt sừng sĩa dữ tợn của anh chồng lúc anh ta nhìn hai đứa bé tí hon nằm cạnh nhau trong cái gia đình đang tụ tập ở đây. Chàng cảm thấy ở người chồng một sự bức bối ghê gớm đối với việc hai sinh vật nhỏ xíu tội nghiệp kia, chúng ra đời mà chẳng ai mong đợi. Chàng ngờ rằng nếu mình không nói một cách kiên quyết thì nhất định một tai nạn sẽ xảy ra. Tai nạn vẫn thường xảy ra, nhiều bà mẹ lấy chăn phủ kín cho đứa trẻ chết ngạt, và có thể chế độ ăn uống sai lầm không phải bao giờ cũng là hậu quả của sự cầu thả.

- Ngày nào tôi cũng đến đây - chàng bảo - Tôi báo cho các người biết - nếu việc gì xảy ra với hai đứa trẻ thì sẽ có một cuộc điều tra đấy.

Người cha không đáp nhưng quắc mắt nhìn Philip - Tội giết người đang ẩn náu trong tâm hồn hẳn.

- Cầu Chúa phù hộ cho những linh hồn bé bỏng của chúng - bà nội nói - Liệu điều gì sẽ xảy ra với chúng?

Khó khăn lớn nhất là làm sao giữ cho sản phụ nằm lại giường ít nhất mười ngày theo yêu cầu tối thiểu của bệnh viện. Gia đình trông nom thì bất tiện, không ai muốn trông nom trẻ con mà không được trả công, còn anh chồng thì cầu nhàu, sau giờ làm việc mệt nhọc, bụng đói, về nhà không được bữa trà ngon. Philip nghe nói người nghèo thường giúp đỡ nhau, nhưng các sản phụ thì hết bà này đến bà khác đều phàn nàn với chàng là không ai đến dọn dẹp nhà cửa và thổi cơm nấu nước cho lũ trẻ mà không lấy công, mà họ thì không đủ sức thanh toán. Nghe các bà nói chuyện và qua những lời bình luận ngẫu nhiên, chàng có thể suy ra họ còn nhiều điều chưa nói, Philip còn biết giữa người nghèo và các tầng lớp trên các điểm chung thật là bé nhỏ. Họ không đố kỵ với ai khấm khá hơn mình, bởi vì cuộc sống của hai bên khác nhau quá xa, mà họ thì có quan điểm riêng về sự an nhàn; sự an nhàn đã biến cuộc đời của tầng lớp trung lưu tựa như hình thức, cứng nhắc. Và lại họ còn có phần coi khinh lớp người này yếu đuối không biết lao động chân tay. Những người biết tự trọng chỉ mong được yên thân, nhưng phần đông thì coi bọn giàu sang là người để họ lợi dụng; họ biết ăn biết nói làm sao để cho những kẻ hảo tâm phục vụ họ sao cho có lời, mà lời lộc ấy, họ coi như có quyền hưởng, sợ dĩ chúng có lọt vào nhà họ, chẳng qua chỉ vì họ biết mưu mẹo và tầng lớp trên là một lũ rồ. Nếu như họ chịu đựng ông mục sự một cách dửng dưng, khinh khinh thì họ lại ghét cay ghét đắng các bà thanh tra xã hội. Các bà bước vào nhà mở toang cửa lớn, chẳng thềm hỏi lấy một lời xem mình có đồng ý hay không, rồi thì “tôi bị viêm cuống họng đây này, chỉ cần rét thôi cũng đủ chết”, rồi các bà dòm dòm, ngó đủ mọi xó xỉnh nữa chứ; và nếu như các bà không kêu ca nhà cửa bẩn thỉu thì thấy ngay là các bà nghĩ khá đúng rồi “giá như

nhà có người ăn người làm thì tốt nhỉ”, tôi ấy à, tôi những muốn xem thiên hạ một nách bốn đứa con mọn thì thiên hạ xoay xử nhà cửa ra sao, rồi nào là bếp nước, vá may, tắm rửa cho chúng”.

Philip phát hiện ra rằng đối với những con người này, bi kịch lớn nhất của cuộc đời không phải là sự ly biệt hay cái chết, chuyện này là lẽ đương nhiên và nước mắt có thể làm khuây khỏa nỗi đau buồn - mà là sự mất công ăn việc làm. Một buổi chiều chàng gặp một người đàn ông về nhà, sau khi vợ y ở cữ được ba ngày, y cho vợ biết mình bị sa thải, anh ta là thợ xây dựng, và vào thời buổi đó, công việc làm khó khăn, y nói rõ sự việc và ngồi xuống uống trà.

- Chao ôi! Anh Jim - người vợ kêu lên.

Người chồng lầm lì ngồi ăn thịt như hầm trong cái xoong để phần cho mình; y nhìn chăm chăm vào đĩa thức ăn; người vợ hơi hốt hoảng liếc nhìn y hai ba lần, rồi nàng ngồi khóc âm thầm. Gã thợ xây này người bé nhỏ, thô lỗ, mặt xù xì xạm nắng, một vết sẹo trắng chạy dài trên trán, hai bàn tay to lông lá. Ngay sau đó, gã đẩy đĩa thức ăn sang một bên tựa như không sao nuốt nổi nữa và quay mặt nhìn đăm đăm ra ngoài cửa sổ. Căn phòng ở phía sau trên gác thượng, ở đây không trông thấy gì, chỉ trừ có mây mù ảm đạm. Một sự im lặng chất nặng nỗi thất vọng. Philip thấy không thể nói gì, chỉ còn mỗi cách là bỏ đi, và chàng ra về mệt mỏi vì chàng phải thức gần như suốt đêm, lòng chàng bưng bưng nỗi giận đối với cái xã hội khắc nghiệt này. Chàng thấu hiểu nỗi tuyệt vọng trong cảnh đi kiếm công ăn việc làm và cơn phiền muộn này còn gay go hơn là phải chịu đựng đói khát. Chàng vui mừng thấy mình không còn tin ở Thượng đế, bởi vì chắc hẳn con người không thể chấp nhận và chịu đựng một tình cảnh như thế này, sở dĩ người ta cam chịu cuộc đời chỉ vì cuộc đời là vô nghĩa.

Philip cảm thấy dường như những người dùng thì giờ vào việc giúp đỡ tầng lớp nghèo khổ, là sự sai lầm, bởi vì họ tin rằng họ tìm cách bù đắp cho những sự việc có thể làm cho họ lo lắng, nếu như chính họ là người phải chịu đựng. Người nghèo không cần nhà cao cửa rộng thoáng mát, họ đau ốm vì lạnh, bởi vì thức ăn của họ, thiếu thốn chất dinh dưỡng nên khí huyết lưu thông kém; khoảng không gây cho họ cảm giác ớn lạnh; họ thích đốt càng ít than càng tốt; nhiều người ngủ chung một buồng họ cũng không cho là khổ vì họ thích như vậy, từ lúc sinh ra cho đến chết, không lúc nào họ không sống trong trợ trợ một mình cho nên cảnh cô đơn đè nặng tâm hồn họ, họ thích thú cảnh sống chen chúc của mình nên tiếng huyên náo ầm ĩ không dứt của chung quanh, họ vứt bỏ ngoài tai. Họ thấy không cần thiết phải tắm rửa thường xuyên, nên Philip thường nghe, lúc vào bệnh viện gặp ai họ cũng công phần nói đến điều bắt buộc đó mà họ cho là khó chịu và là chuyện sỉ nhục. Chủ yếu họ muốn để mặc họ; lúc ấy nếu ông chồng có công ăn việc làm đều đặn, thì cuộc sống sẽ thoải mái và không phải không dễ chịu và không phải không có những niềm vui của nó, sau một ngày làm việc họ có vẻ thừa thãi thời gian để ngồi tán gẫu, trước một cốc bia hết sức ngon lành, phố xa cũng là một nguồn giải trí không bao giờ cạn. Muốn đọc báo ư? Thì đã có tờ “Reynold” hoặc tờ “Tin tức thế giới” đấy; (nhưng thật khiếp, thời gian sao mà trôi nhanh đến thế, quả thực đây là thực tế, hồi còn con gái, họ là kẻ đọc sách hiếm có; vậy mà bây giờ thì hết công việc họ đến công việc kia, ngay cả đến báo cũng không có thời gian để mà đọc).

Theo lệ thường, sau khi sinh nở, sản phụ được khám ba lần. Một hôm chủ nhật, Philip đến thăm một sản phụ vào giờ ăn. Đây là lần đầu tiên bà ta ngồi dậy.

- Em không thể nằm mãi trên giường được nữa đâu, thực sự không được. Em đâu có phải là kẻ ăn không ngồi rồi quen đâu. Cả ngày nằm đó không làm gì, em sốt ruột lắm, ấy là em đã bảo với anh Erb nhà em như vậy, để em dậy nấu cơm cho anh ấy.

Anh Erb đang ngồi ở bàn, tay dao, tay nĩa. Hăn trẻ, nét mặt cởi mở, mắt xanh, hăn kiếm được khá nhiều tiền, mọi việc trôi chảy nên cặp vợ chồng này sống ung dung. Họ mới lấy nhau được ít lâu, và cơ bản vợ chồng đều lấy làm vui thích có đứa con trai hồng hào nằm trong nôi đặt cạnh chân giường. Mùi bít tết thơm ngon tỏa khắp phòng, Philip quay mắt nhìn bếp lò.

- Em đang chuẩn bị dọn cơm - người vợ nói.

- Chị cứ làm đi - Philip bảo - Tôi chỉ ngó qua cậu con trai của anh chị rồi đi ngay.

Hai vợ chồng bật cười về câu nói của Philip, và Erb đứng lên cùng đi với Philip đến bên nôi. Anh chàng hãnh diện nhìn đứa bé mới sinh.

- Trông cu cậu cũng không đến nỗi, đúng không? Philip nói.

Chàng cầm mũ lên, lúc ấy vợ Erb đã dọn xong món bít tết và sắp trên bàn một đĩa đậu xanh.

- Anh chị sắp ăn một bữa cơm ngon - Philip mỉm cười nói.

- Anh ấy ở nhà chỉ có ngày chủ nhật, nên em thích làm món gì đặc biệt cho anh ấy để khi đi làm anh ấy còn nhớ đến gia đình vợ con.

- Xin mời anh ngồi xuống ăn với chúng tôi một miếng. Erb nói

- Ở kia, anh Erb - chị vợ sừng sốt nói.

- Không sao đâu, nếu anh chị mời tôi - Philip mỉm cười duyên dáng.

- Đây thế mới gọi là anh em chứ. Anh đã biết mà, chúng mình không làm méch lòng anh ấy đâu, Polly ạ. Đem ngay cho anh một đĩa thức ăn nữa, đi em!

Polly bối rối; nàng nghĩ bụng: “Cái anh Erb này lạ thật, chẳng bao giờ mình hiểu nổi anh ấy nghĩ gì trong đầu”. Nhưng nàng cũng đi lấy đĩa, dùng tạp dề lau nhanh, rồi mở tủ com-mốt lấy thêm dao, nĩa trong số dao kéo để giữa lô quần áo đẹp nhất của nàng. Trên bàn có bình đựng rượu thứ nặng, và Erb rót đầy cốc cho Philip. Hẳn muốn mời chàng phần bít tết lớn nhất, nhưng chàng nhất định đòi họ phải chia đều. Phòng ở của cặp vợ chồng này sáng sủa vì có hai cửa sổ lớn sát sàn nhà, nguyên là phòng khách của một tòa nhà nếu không lịch sự thì ít nhất cũng kha khá một thời, cách đây hai mươi năm có lẽ do một nhà buôn khá giả hay một sĩ quan hưởng chế độ nửa lương ở. Trước khi lấy vợ, Erb là cầu thủ bóng đá, trên tường treo ảnh nhiều đội khác nhau, thái độ tự mãn, đầu tóc chải sáp gọn gàng, đội trưởng thì tay ôm cúp hãnh diện ngồi giữa. Còn nhiều dấu hiệu phồn vinh khác: ảnh chụp họ hàng thân thuộc của vợ chồng Erb trong những bộ quần áo diện đi chơi ngày chủ nhật, trên mặt lò sưởi để một tảng đá nhỏ có gắn nhiều vỏ sò một cách công phu; và trên mặt các cốc vaj đều có dòng chữ “Tặng phẩm của vùng Southend” viết theo lối gô-tích, có hình vẽ bến tàu và công viên. Erb ít nhiều là con người có cá tính, hẳn không phải nghiệp đoàn viên, hẳn tỏ ra căm phẫn đối với việc nghiệp đoàn chẳng ích lợi gì với hẳn, bao giờ hẳn tìm việc làm cũng khó khăn. Bất cứ ai có đầu óc suy xét, không tự cao tự đại, gặp việc gì cũng làm, thì được nhiều lương thôi. Polly thì nhút nhát. Giá mà ở địa vị hẳn thì chị đã gia nhập nghiệp đoàn. Vừa rồi xảy ra bãi công, cứ mỗi lần chồng ra khỏi nhà là chị ta tin chắc sẽ bị xe cứu thương mang trả về. Nàng quay sang bảo Philip:

- Anh ấy đến là bướng bỉnh, chẳng có việc gì vừa ý anh ấy.

- Sao, đây là xứ sở tự do, không ai bức chế được tôi.

- Bảo đây là xứ sở tự do chẳng hay ho gì đâu, điều đó không ngăn cản họ đập đầu anh khi họ có cơ hội - Polly nói.

Khi họ đã ăn xong, Philip đưa túi thuốc lá của mình cho Erb và họ cùng đốt tẩu, sau đó chàng đứng lên, bởi vì rất có thể đang có một “ca” chờ chàng ở nhà. Chàng bắt tay họ, chàng thấy họ lấy làm hài lòng được chàng dự bữa cơm và họ thấy chàng cũng hoàn toàn thích thú việc này.

- Vậy thì xin tạm biệt ông - Erb nói - Chúng tôi hy vọng có được một vị bác sĩ quý hóa nếu bà xã nhà tôi lại ọ ẹ lần nữa.

- Đừng có nói vớ vẩn anh Erb - nàng đập lại - Làm sao mà anh biết được có lần sau.

Ba tuần lễ tập sự rồi cũng qua đi và đã kết thúc. Philip đã chăm sóc sáu mươi hai sản phụ, nên chàng mệt mỏi rã rời. Vào đêm cuối cùng, khoảng mười giờ, chàng về nhà cầu trời cho không bị ai réo gọi nữa. Trong mười ngày qua không đêm nào chàng được nghỉ ngơi trọn vẹn. Ca đờ để vừa rồi thật khủng khiếp. Một gã to béo lực lưỡng chệnh choáng hơi men, tìm chàng và dẫn đến một căn phòng bẩn thỉu chưa từng thấy, ở tận cùng một cái sân sặc mùi hôi hám; đấy là một gác mái nhỏ xíu; một cái giường gỗ có màn che màu đỏ cáu bẩn, choán gần hết chỗ, còn trần nhà thấp đến nỗi Philip có thể đưa đầu ngón tay với tới, nhờ một ngọn nến leo lét chiếu sáng, chàng nhìn kỹ trần nhà, ở đấy lũ rệp bị hun nóng bò ra lúc nhúc. Sản phụ là một người tuổi trung niên lôi thôi lếch thếch, xưa nay thai liên tiếp bị chết trong bụng. Philip chưa quen chuyện này. Chồng chị trước đi lính ở Ấn Độ. Luật pháp do công chúng Anh - một công chúng làm bộ đoan trang kiêu cách - áp đặt lên xứ sở này, đã mở đường cho cái chứng bệnh tệ hại nhất tự do hoành hành, và người vô tội bị vạ lây.

Vừa ngáp Philip vừa cởi quần áo đi tắm, sau đó chàng giữ quần áo và ngắm nghía những con rệp rơi xuống ngọ nguậy trên mặt nước. Chàng vừa định lên giường nằm thì có tiếng gõ cửa, bác gác cổng bệnh viện mang đến chàng một tấm thẻ.

- Quỷ tha ma bắt bác đi - Philip gất lên - Bác là người cuối cùng mà tôi muốn tiếp đêm nay. Ai đem thẻ này đến?

- Thưa ông, tôi cho đó là người chồng. Tôi có phải báo anh ta đợi không?

Philip xem địa chỉ, nhận ra phố này chàng đã quen bèn bảo bác gác cổng là chàng có thể tìm đường một mình. Chàng mặc quần áo và năm phút sau,

tay xách cái túi đen, chàng bước ra đường.

Một gã đàn ông chàng không thể nhận ra trong đêm tối và tự xưng là người chồng.

- Thưa ông, tôi nghĩ tốt hơn là đợi ông - người ấy nói - người ở khu tôi thì lỗ mãng, mà họ cũng không biết ông là ai.

- Xin cảm ơn tấm lòng của anh, họ đều biết bác sĩ cả đấy. Tôi đã từng đến mấy nơi trông còn lỗ mãng hơn đường phố Waver kia.

Hoàn toàn đúng như vậy. Cái túi đen kia là giấy hộ chiếu đi qua các ngõ hẻm thăm hại và vào những cái sân sặc sụa mùi hôi thối mà nhân viên cảnh sát chẳng dễ dàng gì dám liều đi vào một mình. Một vài lần, một nhóm người tò mò nhìn Philip khi chàng đi qua; Philip nghe được những lời bình phẩm thì thầm, và sau đó một người nói:

- Đó là bác sĩ ở bệnh viện.

Khi chàng đến gần, một vài người lên tiếng.

- Xin chào ông!

- Thưa ông nếu không phiền gì ông, thì chúng ta nên rảo căng cho - Lúc ấy người đi cùng với chàng nói - Họ đã bảo tôi đừng để mất thì giờ.

- Tại sao anh lại để muộn thế? Philip vừa bước nhanh vừa hỏi.

Khi đã đi qua cột điện, chàng liếc nhìn anh chàng này.

- Anh trông trẻ quá nhi - chàng nói.

- Thưa ông, tôi đã quá mười tám.

Anh chàng đẹp trai, cảm không một sợi râu, người hăn lùn nhưng chắc nịch, trông không hơn một chú thiếu niên.

- Anh còn trẻ mà đã có vợ à? Philip hỏi.

- Bắt buộc phải thế thôi.

- Anh kiếm được bao nhiêu?

- Thưa ông, mười sáu silinh.

Một tuần lễ mười sáu silinh không phải là nhiều để nuôi nấng vợ con. Căn phòng của cặp vợ chồng này tổ cáo cảnh bần cùng vô hạn của họ. Kích thước hợp lý, nhưng căn phòng trông có vẻ rất rộng. Vì hầu như không có đồ đạc gì, sàn nhà không có thảm, trên tường không có một bức tranh, một bức chân dung nào kể cả bức tranh ảnh phụ sản cắt ra từ những số báo về ngày lễ Thiên Chúa giáng sinh lồng trong những khung gỗ rẻ tiền, vẫn thường thấy trong một số nhà khác. Sản phụ nằm trên một cái giường sắt nhỏ hẹp loại rẻ tiền nhất. Thấy nàng quá trẻ, Philip giật mình.

- Trời ơi, chị ấy không thể nào quá mười sáu tuổi - chàng nói với bà đỡ đến giúp sản phụ trong cơn đau đẻ.

Trong thẻ nàng ghi là mười tám, nhưng một khi còn trẻ quá, người ta thường tăng lên một vài tuổi. Nàng cũng xinh, thật là hiếm có trong những tầng lớp này, mà thể trạng bị suy sụp vì ăn uống tồi, không khí xấu và những công việc có hại cho sức khỏe, gương mặt nàng thanh tú, cặp mắt

xanh to, và mái tóc huyền vấn công phu theo mốt của các cô gái bán hàng hoa quả rong. Nàng và chồng hết sức lo lắng.

- Tốt hơn là anh đợi ở ngoài để khi tôi cần thì anh có ngay - Philip bảo người chồng.

Giờ đây, nhìn người chồng kỹ hơn, Philip lại lấy làm ngạc nhiên về cái vẻ trẻ con của anh ta, lẽ ra anh ta phải đùa nghịch ở ngoài đường với các chú bé khác thì đúng chỗ hơn là khắc khoải chờ đợi đứa con ra đời. Thời khắc trôi qua, đã gần hai giờ mà đứa bé vẫn chưa lọt lòng mẹ. Mọi việc có vẻ đang diễn ra tốt đẹp; Philip mời anh chồng vào, nhìn cái cách anh ta bẽn lẽn ngưỡng nghịu hôn vợ, chàng lấy làm cảm động; Philip sắp xếp đồ đạc, trước khi ra về chàng bắt mạch sản phụ một lần nữa.

- Ối, chàng thốt lên.

Chàng vội nhìn chị ta; có điều gì vừa xảy ra. Trong những trường hợp khẩn cấp, phải cho mời chủ nhiệm khoa sản đến, đây là một người đã tốt nghiệp và phụ trách khu vực này. Philip viết vội một bức thư ngắn đưa cho anh chồng bảo cầm thư chạy đến bệnh viện; chàng bảo anh ta đi gấp vì chị vợ đang trong tình trạng gay go nguy cấp. Người chồng đi ngay. Philip chờ đợi, lo lắng; chàng biết sản phụ đang bị băng huyết có thể chết, chàng sợ chị ta không thể qua khỏi trước khi sếp của chàng đến, chàng sử dụng mọi biện pháp có thể. Chàng nóng ruột hy vọng chủ nhiệm khoa sản không bị nơi khác mời đi. Thời khắc như kéo dài vô tận. Cuối cùng chủ nhiệm đến, trong lúc khám người bệnh, ông ta hỏi khẽ Philip mấy câu. Qua nét mặt ông ta, Philip nhận thấy ông ta cho ca này là hết sức trầm trọng. Ông ta tên là Chandler, người cao, ít nói, mũi dài, mặt gầy có nhiều nếp nhăn so với lứa tuổi. Ông ta lắc đầu.

- Ngay từ đầu đã là vô hy vọng. Anh chồng ở đâu?

- Tôi bảo anh ta đợi ở cầu thang.

- Tốt hơn là đưa anh ta vào.

Philip mở cửa gọi anh ta lúc này đang ngồi trong tốt, trên bậc thang thứ nhất của tầng nhà ăn thông sang nhà bên cạnh. Anh ta đến gần giường.

- Có vấn đề gì thế?

- Đây là chảy máu bên trong, không thể ngăn chặn nổi được.

Chủ nhiệm khoa lưỡng lự một lúc, vì phải tuyên bố một chuyện đau lòng, ông ta cố gắng làm cho giọng nói ít đột ngột: “Chị nhà đang hấp hối”.

Người chồng không nói một lời, anh ta đứng lặng nhìn vợ nằm mê man trên giường, người nhợt nhạt; bà đỡ lên tiếng:

- Quý ông đây đã làm hết khả năng mình. Anh Harry ạ, bà nói - Từ đầu tôi đã thấy việc gì sẽ xảy ra.

- Cảm ơn - Ông Chandler bảo.

Các cửa sổ không có màn che, ngày đã gần rạng; chưa phải là bình minh, nhưng bình minh cũng đã lấp ló. Với khả năng của mình, bằng mọi cách Chandler giữ cho thiếu phụ sống thêm, nhưng sự sống đang dần dần thoát khỏi người đàn bà này, và thành linh chị ta tắt thở. Anh chàng con trai chồng chị đứng ở cuối cái giường sắt rẻ tiền, hai tay đặt lên thành, anh không nói gì, nhưng trông anh nhợt nhạt, một vài lần Chandler đưa cặp mắt bắn khoả liếc nhìn anh, nghĩ rằng anh sắp ngất, cặp mắt hoàn toàn man dại. Nhìn anh người ta liên tưởng đến một con chó bị đòn mà nó không

hiếu vì sao. Khi Chandler và Philip cùng nhau thu xếp xong đồ đạc, Chandler quay sang nhìn anh chồng.

- Anh nên nằm nghỉ một lúc, tôi chắc anh mệt lắm.

- Thưa ông, không có chỗ nào nằm nghỉ - anh chồng đáp với một giọng khiêm tốn hết sức đau khổ.

- Anh không quen biết ai trong nhà này để có thể cho anh một chỗ nghỉ tạm sao?

- Thưa ông, không!

- Họ mới dọn đến trong tuần qua, chả quen biết ai - bà đỡ nói.

Chandler lưỡng lự. lúng túng một lúc, sau đó đến bên người chồng và nói:

- Tôi rất lấy làm tiếc việc này xảy ra.

Ông đưa tay ra, và anh chồng theo bản năng liếc nhìn bàn tay mình có sạch không rồi mới bắt tay ông chủ nhiệm.

- Xin cảm ơn ông.

Philip cũng bắt tay anh ta. Chandler bảo bà đỡ sáng mai đến lấy giấy phép mai táng. Rồi cả hai rời khỏi căn nhà và đều im lặng cất bước.

- Lần đầu thì những chuyện thế này làm ta ngại ngại đôi chút phải không? Cuối cùng Chandler mới nói.

- Một chút thôi - Philip đáp.

- Nếu anh muốn, tôi sẽ bảo bà gác cổng tối nay không đến gọi anh nữa.

- Đến tám giờ sáng mai nếu có ca bệnh nào thì tôi đã hết phiên trực.

- Anh đã giải quyết bao nhiêu ca bệnh rồi?

- Sáu mươi ba.

- Tốt, vậy thì anh sẽ nhận được văn bằng.

Họ đến bệnh viện, chủ nhiệm khoa sản vào xem có ai cần mình không, còn Philip đi tiếp. Cả ngày hôm trước trời rất nóng bức mặc dù thế không khí buổi sáng sớm vẫn mát dịu. Phố xá tĩnh mịch. Philip không cảm thấy buồn ngủ. Công việc của chàng đã kết thúc, chàng không phải vội vàng. Chàng tha thần bước hân hoan tận hưởng không khí mát rượi trong tĩnh lặng, chàng muốn tới cầu nhìn cảnh rặng đông trên sông. Một nhân viên cảnh sát ở góc phố chào chàng. Nhờ cái túi xách của chàng, hẳn biết Philip là ai.

- Thưa ông, tối nay ông ra ngoài muộn - hẳn nói.

Philip gật đầu chào rồi đi qua. Chàng đứng tựa lưng vào hàng lan can, ngắm đờ bình minh. Vào giờ này, cái thành phố lớn này giống như thành phố của những người đã chết. Bầu trời không một gợn mây, các vì sao đã mờ dần, ngày rạng; một màn sương tỏa nhẹ trên sông, những tòa nhà to lớn bên bờ phía Bắc nom giống như những tòa lâu đài trên một hòn đảo thần tiên. Một đoàn sà lan buông neo giữa dòng, một màu tím huyền ảo trùm cảnh vật, không biết làm sao lại khiến người ta bấn khoăn sợ hãi, nhưng rồi

mọi vật nhanh chóng nhạt đi và trở nên âm u lạnh lẽo. Rồi mặt trời mọc, một tia nắng vàng ối lén xuyên qua bầu trời lúc ấy bỗng từng lên óng ả màu sắc. Hình ảnh cô gái xanh xao nhợt nhạt nằm chết trên giường và chàng trai đứng ở cuối giường như một con vật bị đòn roi cứ hiện ra luôn luôn trong mắt chàng. Sự trần trụi của căn phòng dơ dáy làm cho nỗi đau khổ càng thêm thấm thía. Số phận trở trêu đã đột ngột kết liễu cuộc đời nàng khi nàng mới bắt đầu thì thật là ác nghiệt; nhưng đúng lúc tự nhủ điều này, thì Philip lại nghĩ tới cảnh sống đã dành cho nàng: sinh con đẻ cái, vật lộn 1 buồn thảm với cảnh bần cùng, tuổi trẻ suy nhược vì công việc nặng nề và cảnh thiếu thốn dẫn tới tuổi trung niên lồi thoi lệch thếch - chàng thấy gương mặt xinh xắn trở nên gầy gò, trắng bệch, mái tóc thưa dần, đôi bàn tay xinh xắn bị công việc làm xấu dần một cách tàn nhẫn, trở thành gân guốc giống móng vuốt của con thú già nua. Lúc ấy, khi người chồng đã qua tuổi xuân xanh, thì tìm việc sẽ khó khăn, phải nhận đồng lương ít ỏi và cuối cùng là cảnh cơ hàn khốn khổ không tránh khỏi, nàng có thể đẩy nghị lực, tần tiện, siêng năng nhưng điều này không thể cứu được nàng; về sau vẫn là trại tế bần hoặc sống nhờ vào lòng hiếu thảo của các con. Ai có thể thương xót nàng vì nàng đã chết khi cuộc đời đã dành cho nàng chẳng bao nhiêu?

Nhưng lòng trắc ẩn là vô nghĩa. Philip cảm thấy đó chẳng phải là điều mà những người này cần đến. Họ không kêu ca phàn nàn. Họ chấp nhận số phận. Đó là trật tự đương nhiên của sự vật. Nếu không, trời ơi! Nếu không họ sẽ ùa nhau sang sông, chen chúc nhau đến bên những tòa nhà vĩ đại, kiên cố uy nghiêm kia, và họ sẽ cướp bóc, đốt phá. Nhưng lúc này bầu trời rạng rỡ dịu dàng, nhàn nhạt, sương mù đã loãng; cảnh vật bỗng rực sáng lộng lẫy mà êm ả; con sông Thames màu xám bỗng ửng hồng rồi chuyển sang xanh xám như màu xà cừ, và xanh như màu xanh của lõi hoa hồng vàng. Các cầu tàu và nhà kho tụ lại với nhau bên Surrey nom yêu kiều một cách náo nhiệt. Cảnh tượng thật tuyệt vời: Philip cảm thấy lòng mình run lên, say sưa choáng ngợp trước vẻ đẹp của vũ trụ. Ngoài ra, dường như không còn gì có ý nghĩa nữa.

Còn mấy tuần nữa thì bắt đầu học kỳ mùa đông; Philip ở lại phòng bệnh nhân ngoại trú và đến tháng mười thì chàng nhận công việc ổn định. Chàng bỏ bệnh viện khá lâu nên cảm thấy mình hết sức xa lạ giữa đám người mới; những người này thuộc các lứa tuổi khác nhau, nên ít quan hệ với nhau; số bạn học cùng thời với chàng phần đông bây giờ đã tốt nghiệp, vài người đi nhận việc tại các bệnh viện và bệnh xá ở nông thôn, vài người được bổ nhiệm về làm ở nhà thương Saint-Luke. Chàng nghĩ rằng trong hai năm đầu óc bị bỏ hóa làm cho chàng khỏe mạnh và bây giờ chàng có thể dốc nghị lực ra làm việc.

Gia đình Anthelny vui sướng thấy chàng gặp may mắn. Chàng dành riêng không bán một số đồ vật của bác trai sử dụng để tặng người trong gia đình làm quà. Chàng tặng Sally một dây chuyền vàng nguyên là sở hữu của bác gái. Ngày nay nàng đã đến tuổi trưởng thành, nàng học nghề may quần áo phụ nữ, sáng nào nàng cũng ra đi từ tám giờ đến làm việc cả ngày tại một cửa hàng phố Regent. Sally có đôi mắt xanh, ngay thật, trán rộng, mái tóc dài mượt óng, thân thể phát triển, hông rộng, ngực nở tròn đầy; và ông bố vốn thích bàn về dung nhan con gái, thường xuyên cảnh cáo nàng liệu đừng có béo. Nom nàng hấp dẫn vì nàng khỏe mạnh, dịu dàng và sôi nổi yêu đời. Nhiều kẻ yêu say mê nàng, nhưng nàng vẫn cứ đứng đưng làm cho người ta cảm giác rằng nàng xem việc tỏ tình như chuyện vô nghĩa; do đó mà dễ hiểu khi bọn thanh niên cho rằng nàng khó gần. Sally già dặn so với tuổi đời. Nàng thường quen giúp mẹ làm công việc nội trợ, chăm sóc các em, vì thế nàng có cái dáng của người quản lý, khiến cho mẹ nàng nói rằng nàng phần nào quá ưa thích lũ trẻ theo cách riêng của mình. Nàng không nói nhiều, nhưng dường như càng lớn lên nàng có một khả năng hài hước kín đáo; và lắm lúc, một lời nhận xét của nàng thốt ra, khiến người ta nảy ra ý nghĩ là dưới cái bề ngoài trầm tĩnh của nàng, nàng đang thích thú đánh

lạc hướng mọi người. Philip thấy rằng với nàng, chàng chưa bao giờ có thể thân mật triu mến như đối với người khác trong gia đình Anthelny này. Thịnh thoảng thái độ hồ hững của nàng khiến chàng phần nào bức dọc. Ở nàng có cái gì đó khó hiểu.

Khi Philip tặng nàng dây chuyền vàng, Anthelny âm ỉ nằng nặc bảo nàng phải hôn chàng, nhưng Sally đỏ mặt lùi lại.

- Không, con không hôn - nàng nói.

- Hôn xược vô ơn - Anthelny nói to - Tại sao không?

- Con không thích đàn ông hôn con - nàng trả lời.

Thấy nàng ngượng nghịu, Philip thích thú nhưng chàng liền kéo Anthelny sang chuyện khác. Việc này không khó khăn gì. Nhưng rõ ràng sau đó mẹ nàng đã đã động đến vấn đề này, cho nên lần sau, khi Philip đến, tranh thủ vài phút chỉ có hai người với nhau, nàng nhắc đến chuyện đó.

- Tuần trước, khi em không muốn hôn anh, anh không khó chịu với em chứ?

- Không một chút nào - chàng cười đáp.

- Không phải em không biết ơn. Nàng hơi thẹn khi thốt ra câu nói trang trọng mà nàng đã chuẩn bị: em sẽ mãi mãi quý trọng sợi dây chuyền đó, anh thật hết sức tốt bụng mới đem tặng em.

Philip thấy bao giờ nói chuyện với nàng cũng khó. Nàng làm những việc cần làm một cách đúng mực, dường như nàng cảm thấy không cần thiết phải nói chuyện, tuy nhiên ở con người nàng không có gì là không chan

hòa. Một buổi chiều chủ nhật, khi vợ chồng Anthelny đi vắng, và Philip vẫn được coi như người nhà, đang ngồi đọc sách trong phòng khách, thì Sally đi vào, đến ngồi bên cửa sổ may vá. Áo quần của con gái đều cắt may ở nhà nên Sally không cho phép mình ngồi rồi vào những ngày chủ nhật. Philip nghĩ nàng muốn trò chuyện bèn đặt sách xuống.

- Anh cứ đọc đi - nàng nói. Em thấy anh có một mình nên mới đến ngồi với anh.

- Từ trước đến giờ, anh chưa thấy ai ít nói như em ấy- Philip nói.

- Chúng em không muốn lại thêm một người hay nói, lăm điều trong nhà này - nàng nói.

Giọng nàng không hề có ý mỉa mai, nàng chỉ nói lên một sự thật. Nhưng câu nói khiến Philip nghĩ rằng nàng đang phán xét bố mình, than ôi, ông còn đâu là người hùng của nàng những ngày thơ ấu, và trong tâm trí nàng những cuộc chuyện trò thú vị của ông đều bị gắn liền với tính hoang phí thường hay đem lại gia đình biết bao khó khăn. Nàng so sánh tài hùng biện của cha với bản năng thực tiễn của mẹ; và mặc dù tính hoạt bát của cha làm cho nàng thích thú thì có lẽ thỉnh thoảng cũng làm cho nàng khó chịu. Khi nàng cúi xuống khâu vá, Philip nhìn nàng, nàng khỏe mạnh, chắc nịch, cân đối; nên trông thấy nàng trong đám con gái khác trong cửa hàng ngực lép kẹp, xám ngoét thiếu máu, thì thật là một điều kỳ quặc. Mildred bị bệnh thiếu máu.

Một thời gian sau đó hình như Sally có người cầu hôn. Thỉnh thoảng nàng đi chơi với chúng bạn cùng chỗ làm nên làm quen với một thanh niên là một kỹ sư điện, công ăn việc làm rất tốt. Đây là một đám rất khá, có nhiều khả năng được lựa chọn. Một hôm nàng nói với mẹ anh này ngỏ lời hỏi nàng làm vợ.

- Con trả lời thế nào? - mẹ hỏi.

- Ôi, con bảo anh ta lúc này con không lo lắng lắm về chuyện chồng con. Nàng ngừng lại một lát theo thói quen, giữa những lời bình phẩm - thấy anh ta có vẻ choáng váng nên con mời anh ta chủ nhật đến dùng trà.

Đó là một dịp hết sức hấp dẫn đối với Anthelny. Suốt cả buổi chiều, ông diễn tập vai ông bố một cách nghiêm nghị, khắc khổ đang lên lớp soi sáng cho chàng trai sắp tới, ông lôi ra một cái mũ Ai Cập và khăn khăn đội đội.

- Ông Anthelny, ôi, ông đừng có vợ vãn thế! Bà vợ bảo - lúc này bà ăn mặc thật bảnh bao trong bộ nhung đen, nhưng quá chật đối với bà vì mỗi năm bà béo mập ra - ông sẽ làm hỏng hết chuyện của con bé thôi.

Bà cố giật cái mũ ra nhưng con người đáng yêu này đã nhanh nhẹn nhảy tránh sang một bên:

- Buông tôi ra bà ơi! Không gì khiến tôi bỏ được đâu! Phải chứng tỏ ngay cho anh chàng kia biết rằng không phải anh ta đang chuẩn bị bước vào một gia đình tầm thường.

- Cứ để bố đội mẹ ạ - Sally nói, vẫn cái cách điềm đạm lạnh lùng quen thuộc. nếu Donaldson không chịu được thì anh ấy cứ việc bỏ đi. Cho nó thoát nợ.

Philip cho rằng chàng thanh niên kia đang bị đặt vào một sự thử thách gay go, bởi vì Anthelny, trong cái áo vét tông nhung nâu, với chiếc cà vạt đen nhũ nhót và cái mũ khăn đỏ, là một cảnh tượng làm cho chàng kỹ sư điện ngây thơ phải sửng sốt. Khi khách đến, anh ta được chủ nhà đón chào theo cách lịch sự đáng tự hào của con nhà quý tộc Tây Ban Nha, còn bà

Anthelny thì hoàn toàn tự nhiên, không khách sáo. Họ ngồi bên chiếc bàn cũ kỹ dùng để là quần áo, trong những chiếc ghế thầy tu có lưng tựa cao; bà Anthelny rót trà từ cái bình bóng lộn, tạo nên một chút màu sắc của đất nước Anh và của nhân dân vùng quê trong ngày hội. Bà tự tay làm lấy bánh ngọt, và trên bàn còn có mứt cũng là của nhà làm đấy. Đây là tiệc trà tại một ngôi nhà trong trang trại và dưới mái nhà cổ từ thời vua Giêm I này, Philip thấy bữa tiệc hết sức hay hay, là lạ và có sức quyến rũ. Anthelny vì lý do nào đó, chợt nảy ra ý định nói về lịch sử xứ Byzantine; ông đã đọc những tập “Sự suy tàn và sụp đổ” của tác giả gần đây; và ngón tay trở giờ ra một cách rất kịch, ông tuôn vào tai anh chàng cầu hôn đang kinh ngạc, những câu chuyện xấu xa về Theodora và Erene.

Ông đem hàng tràng kiến thức uyên bác ra trực tiếp nói với khách; và chàng trai kia không còn biết tựa vào đâu, phải ngồi im, e thẹn, và thỉnh thoảng gật đầu tỏ ra mình hiểu và quan tâm đến câu chuyện. Bà Anthelny không để ý đến câu chuyện của chồng, nhưng thỉnh thoảng ngắt lời để mời chàng thanh niên dùng thêm trà hoặc ép chàng ăn thêm bánh ngọt và mứt. Philip ngồi quan sát Sally; nàng ngồi không nói, điềm tĩnh, mắt nhìn xuống nghe ngóng; cặp lông mi dài xinh đẹp in bóng trên gò má. Người ta không thể xác định nàng thích thú cảnh tượng này hay chú ý đến chàng trai kia. Không thể thăm dò được nàng, nhưng một điều chắc chắn là chàng kỹ sư điện kia đẹp trai này đầy hứa hẹn, mày râu nhẵn nhụi, đường nét đều đặn trung thực dễ thương, anh chàng người cao, thân thể cân đối; Philip nghĩ rằng anh ta sẽ là người bạn đời rất tốt cho nàng, và chàng cảm thấy lòng mình bỗng nhói ghen với niềm hạnh phúc mà chàng nghĩ là đang chờ đợi họ.

Ngay sau đó, chàng trai cầu hôn xin phép cáo từ. Sally đứng lên, không nói một lời, tiễn anh ta ra cửa. Khi nàng trở lại, ông bố oang oang hỏi:

- Thế nào Sally, bố cho rằng anh chàng của con rất ngoan. Gia đình ra sẵn sàng đón tiếp anh ấy. Ta thông báo hôn lễ tổ chức ở nhà thờ. Để rồi bố sửa soạn bài hát về đám cưới.

Sally bắt tay vào dọn dẹp các món đồ trà. Nàng không đáp. Bỗng nàng liếc nhanh về phía Philip.

- Ông Philip, ông nghĩ thế nào về anh ấy?

Nàng vẫn không chịu gọi chàng là chú Philip như các em và cũng thường không gọi chàng là Philip.

- Tôi nghĩ rằng hai người rất đẹp đôi.

Nàng đưa mắt nhìn nhanh chàng một lần nữa, và sau đó hơi đỏ mặt, nàng tiếp tục công việc.

- Tôi cho rằng anh ấy là một trang thanh niên rất ngoan, ăn nói lễ độ. - Bà Anthelny nói - Và tôi nghĩ rằng anh ta đúng là một con người khiến cho cô gái nào cũng hạnh phúc.

Trong phút chốc Sally không đáp lại, Philip lạ lùng nhìn nàng, dường như nàng đang suy ngẫm về điều mẹ nói, mặt khác, có thể nàng đang suy nghĩ tới một con người trong mơ nào đó.

- Sally, tại sao con không trả lời khi người ta nói chuyện với con? Mẹ nàng có vẻ bức bối, nhận xét.

- Con cho anh ấy là người ngớ ngẩn.

- Vậy thì con không lấy nó sao?

- Không, con không lấy.

- Mẹ không hiểu con còn muốn gì hơn nữa - bà Anthelny nói - và rất rõ ràng bây giờ bà lấy làm khó chịu - anh ấy là một thanh niên hết sức đứng đắn và có khả năng đem lại cho con một gia đình hoàn toàn khá giả. Không có con thì gia đình ta ở đây cũng phải nuôi khá nhiều miệng ăn rồi. Nếu con gặp một cơ hội như thế mà không biết nắm lấy thì thật rồ dại. Mà mẹ dám chắc con có thể có đầy tớ gái để mà sai bảo những công việc nặng nhọc.

Trước đây Philip chưa bao giờ nghe bà Athelny nói thẳng tới những khó khăn của đời bà như vậy. Chàng nhận ra phải lo cái ăn cái mặc cho mỗi đứa trẻ con quan trọng biết chừng nào.

- Con nghĩ rằng nóng nảy như vậy chẳng có lợi gì, mẹ ạ - Sally bình thản nói - Con không lấy anh ấy đâu.

- Mà là đứa con gái hết sức nhẫn tâm, ác nghiệt và ích kỷ.

- Mẹ ạ, nếu mẹ muốn con kiếm lấy nuôi thân thì lúc nào con cũng có thể đi ở cho thiên hạ.

- Đừng có ngớ ngẩn như vậy, con hiểu rằng bố con không bao giờ để con làm việc đó.

Philip bắt gặp cái nhìn của Sally, trong đó chàng thấy ánh lên một niềm thích thú. Chàng phân vân không rõ nàng tìm thấy điều gì đáng buồn cười trong chuyện này. Nàng thật là một cô gái kỳ quặc.

Trong năm học cuối cùng ở bệnh viện St.luke, Philip phải hết sức thoải mái, lòng không vương vấn tình yêu và có đủ tiền bạc để thỏa mãn mọi nhu cầu. Chàng thường nghe người ta có thái độ khinh thường khi nói tới tiền bạc. Chàng tự hỏi nếu không tiền thì tới bao giờ họ có thể làm được việc gì không. Chàng hiểu rằng sự thiếu thốn làm cho con người nhỏ nhen, bần tiện, tham lam, nó làm méo mó tính cách con người và khiến họ nhìn thế giới từ một góc độ tầm thường. Khi người ta phải cân nhắc từng xu thì tiền bạc trở thành quan trọng một cách lố bịch, người ta cần có khả năng đánh giá nó đúng với cái giá trị thích đáng của nó. Philip sống một cuộc đời đơn độc, không đi lại thăm hỏi ai, trừ gia đình Anthelny, nhưng chàng không cô quạnh. Chàng bận rộn với những dự định cho tương lai và đôi khi cũng có nghĩ về quá khứ. Thỉnh thoảng nhớ tới bạn cũ, nhưng chàng không cố gắng tìm thăm họ. Chàng những muốn được biết Norah Nesbit bây giờ ra sao; nàng hẳn là một Norah nào khác rồi nhưng chàng không nhớ tên người chồng sắp cưới của nàng lúc đó; chàng lấy làm sung sướng được quen biết nàng, một con người nhân hậu và can đảm. Một buổi tối khoảng mười một giờ rưỡi chàng thấy Lawson đi bộ dọc theo đại lộ Piccadily, hẳn mặc lễ phục và vừa ở nhà hát ra. Tuân theo một ý nghĩ đầu tiên chợt đến trong đầu, Philip vội vã rẽ ngoặt sang bên. Đã hai năm rồi, chàng không gặp hẳn, bây giờ chàng cảm thấy không thể nào nối lại tình bạn đã bị gián đoạn. Chàng và Lawson chẳng còn gì để nói với nhau nữa. Philip không còn quan tâm đến nghệ thuật, chàng thấy dường như hiện nay chàng có thể thưởng thức cái đẹp còn mạnh mẽ hơn hồi còn niên thiếu, nhưng đối với chàng, hình như nghệ thuật là không quan trọng. Chàng đang bận rộn nghĩ ra mô hình cuộc đời hỗn loạn nhiều vẻ mà chất liệu gia công chàng có trong tay nếu đem so sánh thì chất màu và lời lẽ lại hết sức tầm thường. Lawson đã góp phần phục vụ cho ý đồ của chàng. Tình bạn của Philip với hẳn đã là một mô típ cho cái mô hình mà chàng đang công phu nghiên ngẫm; bỏ qua sự thật là chàng không còn quan tâm đến anh họa sĩ nữa thì giữa họ chỉ là chuyện tình cảm ủy mị.

Đôi lúc Philip nhớ tới Mildred. Chàng cố ý tránh những con đường mà chàng có thể gặp ả; nhưng thỉnh thoảng một cảm nghĩ nào đó, có thể là tính tò mò, có thể là một điều sâu xa hơn mà chàng không muốn thừa nhận, khiến chàng đi thơ thẩn quanh đại lộ Picadilly và phố Regent vào những giờ rất có khả năng gặp mặt ả ở đấy. Chàng không biết nổi mình mong được gặp ả hay mình sợ phải gặp ả, và trong giây phút chàng đã nghĩ rằng đúng là ả, chàng bỗng có một cảm giác kỳ lạ, lòng chàng quặn đau một cách khác thường trong nỗi đau lẫn lộn cả sự sợ hãi và sự kinh tởm nhưng khi vội vàng đuổi kịp nhận ra là mình nhầm, thì chàng không biết là lòng mình dụi vội hay là thất vọng.

Đầu tháng tám, Philip thi xong môn phẫu thuật là kỳ thi cuối cùng và nhận văn bằng. Kể từ ngày vào bệnh viện St. Luke đến nay là bảy năm. Chàng đã gần ba mươi. Bước xuống cầu thang trường đại học phẫu thuật Hoàng gia, tay cầm tấm văn bằng chứng nhận chàng đủ tư cách hành nghề, lòng chàng rộn ràng thỏa mãn.

- Bây giờ chàng mới thực sự sắp sửa bắt đầu vào đời - chàng nghĩ.

Ngày hôm sau, chàng đến văn phòng thư ký ghi tên xin bổ nhiệm vào một bệnh viện. Viên thư ký là một người nhỏ bé, vui tính, râu đen, Philip thấy ông lúc nào cũng hết sức niềm nở; ông ta chúc mừng thành công của chàng rồi nói:

- Tôi nghĩ không biết anh có thích làm người thay thế một tháng trên bờ biển phí Nam không? Lương mỗi tuần là ba gui nê với điều kiện ăn ở không phải trả.

- Tôi không phản đối - Philip đáp.

- Tại Farnley và Dorsetshire ở nhà bác sĩ South. Anh phải xuống đó ngay, người phụ tá của ông ta nhiễm phải bệnh quai bị. Tôi tin rằng đó là một chỗ làm hết sức vừa ý.

Trong thái độ của viên thư ký, có điều gì đó đáng nghi ngờ một chút làm Philip khó xử.

- Có chuyện đưa nhau vào bẫy phải không? Philip hỏi.

Viên thư ký lưỡng lự một lát rồi cười xoa dịu:

- Thế đấy, sự thế là thế này, theo chỗ tôi hiểu thì ông ta là một người kỳ khôi, có phần nào cộc cằn. Cơ quan không muốn cử ai đến giúp ông ta nữa. Ông ta phát biểu ý nghĩ của mình rất thẳng thắn nên người ta không thích.

- Nhưng ông có cho rằng ông ta sẽ hài lòng với một người chỉ vừa mới tốt nghiệp không? Xét cho cùng, tôi không có kinh nghiệm.

- Ông ta tất phải vui mừng nhận được anh - viên thư ký đối đáp theo kiểu ngoại giao.

Philip nghĩ một lúc. Trong mấy tuần tới chàng không có việc gì làm. Và chàng lấy làm sung sướng có cơ hội kiếm được ít tiền. Chàng bỏ qua chuyện đi nghỉ ở Tây Ban Nha chàng tự dành cho mình trong tương lai, một khi được bổ nhiệm và bệnh viện St. Luke hoặc vào một bệnh viện khác, nếu ở đây không được người ta giao việc gì cho chàng.

- Được, tôi sẽ đi.

- Chỉ có điều là anh phải đi ngay chiều nay. Như thế có tiện cho anh không? Tôi sẽ đánh ngay một bức điện.

Philip muốn dành riêng cho mình ít ngày, nhưng tối hôm trước chàng đã đến thăm gia đình Anthelny (chàng đi cùng một lúc để báo tin mừng cho họ) và thực tế cũng không có lý do gì để nói vì sao không khởi hành ngay. Hành lý phải đóng gói chằng có là bao. Ngay sau bảy giờ tối hôm ấy, chàng đã ra khỏi ga Farnley và thuê xe ngược đến nhà bác sĩ South. Đó là một tòa nhà rộng, thấp, trát bằng vữa xtu-cô có giống cây leo Virginia trên mái. Chàng được dẫn vào phòng khám bệnh. Một ông già đang viết trên bàn làm việc. Ông ngẩng đầu nhìn lên lúc người hầu gái dẫn Philip vào. Ông không đứng dậy, mà cũng không nói gì, chỉ nhìn Philip chòng chọc. Philip lấy làm ngạc nhiên.

- Tôi nghĩ rằng ông đang mong chờ tôi - chàng nói - Sáng nay viên thư ký bệnh viện St. Luke đã đánh điện cho ông rồi.

- Tôi đã lui bữa cơm tối lại nửa giờ. Anh cần tắm rửa không?

- Có ạ! Philip đáp.

Philip lấy làm buồn cười về thái độ kỳ quặc của bác sĩ South. Bây giờ ông mới đứng lên. Philip nhận thấy ông người tầm thước, gầy, tóc bạc trắng cắt ngắn, miệng rộng mím chặt như không thể có môi. Mặt ông cạo nhẵn nhụi trừ hai món tóc mai mỏng làm lớn thêm khuôn mặt chữ điền do bộ quai hàm vững chắc của ông tạo nên. Ông mặc quần áo vải tuyết nâu, mang bít tất trắng, quần áo rộng thùng thình trên người ông như thể được cắt may cho một người khác to béo hơn. Trông ông như một chủ trại khá giả ở giữa thế kỷ mười chín. Ông mở cửa.

- Kia là phòng ăn - ông vừa nói vừa chỉ tấm cửa đối diện - phòng ngủ của anh ở ngay đầu cầu thang đi vào cửa thứ nhất. Khi nào anh đã sẵn sàng thì anh xuống.

Trong bữa ăn, Philip biết bác sĩ South đang xem xét chàng nhưng ông ta ít nói và Philip cảm thấy ông cũng không muốn nghe người phụ tá của ông nói nhiều.

- Anh tốt nghiệp bao giờ? Bỗng nhiên ông hỏi.

- Hôm qua.

- Anh đã qua một trường đại học nào không?

- Không.

- Năm vừa qua, khi người phụ tá của tôi nghỉ phép người ta phái đến cho tôi một anh sinh viên đại học, tôi đã bảo họ đừng làm như thế nữa.

Rồi ông lại ngừng. Bữa ăn hết sức đơn giản nhưng rất ngon. Philip giữ thái độ điềm tĩnh bên ngoài, nhưng trong lòng vô cùng phấn khởi. Chàng hết sức tự hào được chọn làm người thay thế, điều này làm chàng cảm thấy mình đã trưởng thành rất nhiều; chàng chợt có một ý nghĩ điên rồ là muốn được cười phá lên một cách vu vơ và càng nghĩ tới lòng tự trọng nghề nghiệp chàng càng thích cười.

Nhưng thành linh bác sĩ South cắt ngang dòng suy nghĩ của chàng.

- Anh bao nhiêu tuổi?

- Xấp xỉ ba mươi.

- Thế mà anh mới chỉ tốt nghiệp thôi à?

- Mãi cho tới năm hai mươi ba tuổi tôi mới vào trường y và nửa chừng tôi phải bỏ dở hai năm.

- Vì sao?

- Vì nhà nghèo.

Bác sĩ South đưa mắt nhìn chàng, một cái nhìn kỳ quặc, rồi lại ngồi im. Cuối bữa ăn, ông đứng lên ra khỏi bàn.

- Anh có biết hạng khách hàng nào ở đây không?

- Không! Philip đáp.

- Phần đông là dân đánh cá và gia đình của họ. Bệnh nhân của tôi là những người có chân trong nghiệp đoàn và những người của bệnh viện những người đi biển. Trước tôi quen sống một mình ở đây; nhưng từ khi họ cố gắng biến nơi này thành một bờ biển nghỉ mát sang trọng thì có một bác sĩ khác đến xây dựng cơ sở hành nghề trên một vách đá nhô ra biển, những kẻ khá giả tới với ông ta, còn tôi, tôi chỉ biết những ai hoàn toàn không đủ khả năng thanh toán cho bác sĩ.

Philip thấy tình trạng kinh dị đó là điểm nhạy cảm nhất trong lòng ông già.

- Xin ông hiểu cho là tôi chưa có kinh nghiệm - Philip nói.

- Các anh thì không một ai biết được việc gì.

Ông bước ra khỏi buồng không nói thêm lời nào, và bỏ mặc Philip một mình. Khi người hầu gái đến dọn dẹp, chị cho Philip biết bác sĩ South khám bệnh từ lúc sáu đến bảy giờ. Công việc tới hôm ấy là xong. Philip tìm được một cuốn sách trong phòng, chàng chăm tấu thuốc và nằm đọc. Thật là một niềm an ủi thú vị, vì trong mấy tháng gần đây, ngoài sách vở y học, chàng không đọc được gì. Đến mười giờ bác sĩ South bước vào nhìn chàng. Philip thích nằm gác chân, nên vừa rồi chàng đã kéo một cái ghế lại đặt hai chân lên.

- Coi bộ anh khéo tạo điều kiện thoải mái đấy nhỉ! Giọng nói cay nghiệt của bác sĩ khiến Philip có thể bối rối nếu chàng không phấn khởi vui vẻ như hôm nay.

Philip nhấp nháy mắt trả lời:

- Ông không phản đối chứ ạ!

Bác sĩ South nhìn anh, không trả lời thẳng vào câu hỏi.

- Anh đang đọc gì thế?

-Peregrine Pickle của Smollet.

- Tôi cũng tình cờ mà được biết rằng Smollet viết Peregrine Pickle.

- Xin ông thứ lỗi, thầy thuốc thường không quan tâm nhiều đến văn học, có phải thế không ạ?

Philip đặt sách xuống bàn và bác sĩ South cầm lên. Đó là một tập sách của cha xứ Blackstable trước đây. Sách mỏng bìa đóng bằng da dê thuộc đã phai màu, trang đầu sách in bằng bản khắc đồng; những trang sách có mùi

mốc và đã biến màu theo thời gian. Khi bác sĩ South cầm cuốn sách, Philip bất giác ngả người về phía trước, hai mắt chàng ánh lên một nụ cười.

Rất ít chuyện gì thoát khỏi sự chú ý của ông bác sĩ già.

- Tôi làm anh buồn cười phải không? Bác sĩ lạnh lùng hỏi.

- Tôi thấy ông thích sách. Cứ qua cách cầm sách là có thể biết.

Bác sĩ South đặt ngay cuốn tiểu thuyết xuống.

- Tám giờ rưỡi thì ăn sáng - Ông nói và ra khỏi căn phòng.

Philip nghĩ bụng “ông này kỳ khôi thật”!

Chẳng bao lâu, chàng tìm ra được vì sao những người phụ tá bác sĩ South khó sống hòa thuận với ông. Trước hết ông cương quyết chống đối mọi phát minh trong ba mươi năm gần đây; ông ta không chịu nổi những loại thuốc đã trở thành một thứ mốt mà người ta cho là nó tác dụng chữa bệnh một cách kỳ diệu rồi chỉ trong một vài năm là bị loại bỏ. Ông có vô khối những loại hộp thuốc mang từ bệnh viện St. Luke về, nơi ông ta đã từng là sinh viên - mà ông dùng cả đời này và ông thấy hiệu quả như bất cứ thuốc nào hợp thời trước đây. Philip kinh ngạc thấy bác sĩ South nghi ngờ phương pháp vô trùng; ông ta thừa nhận nó là chiêu theo dư luận chung; nhưng những cách phòng ngừa mà Philip biết rằng ở bệnh viện người ta không biết, phải hết sức thận trọng, thì ông lại sử dụng, với thái độ khoan dung xem thường của một người lớn chơi trò đánh nhau với trẻ con.

- Tôi đã thấy chất khử trùng phát triển quét sạch mọi thứ trước đó, rồi sau lại mục kích phương pháp vô trùng chiếm lấy vị trí của nó. Toàn chuyện vớ vẩn.

Những người trẻ tuổi được phái đến với ông ta chỉ quen với khách hàng của bệnh viện; và họ đến với lòng khinh miệt không che giấu đối với các môn đa khoa mà họ từng miệt mài nghiên cứu một cách vô bổ những ngày còn ở bệnh viện; nhưng họ chỉ khám những ca bệnh phức tạp xuất hiện trong phòng khám bệnh viện, họ biết cách điều trị một căn bệnh khó hiểu ở tuyến thượng thận, nhưng lại đành bó tay khi được hỏi về chứng nhức đầu số mũi. Kiến thức của họ có tính chất lý thuyết và lòng tự tin của họ là vô hạn. Bác sĩ South mím chặt môi theo dõi họ, ông thích thú một cách tàn nhẫn khi ông làm cho họ thấy rằng sự ngu dốt của họ thật là vĩ đại, còn tính kiêu ngạo của họ là điều hết sức vô lý. Khách hàng ở đây là những người dân chài nghèo khổ, và bác sĩ tự tay pha chế đơn thuốc của chính mình kê. Bác sĩ South hỏi người phụ tá của mình người ta làm thế nào kiếm sống cho qua ngày nếu ghi đơn thuốc cho một người dân đánh cá đau dạ dày một hộp dịch được gồm nửa tá thuốc đắt tiền. Ông cũng phàn nàn rằng những thầy thuốc trẻ là không có học thức, sách đọc của họ gồm Thời báo thể thao và Tạp chí Y học nước Anh; họ viết không rõ ràng mà cũng không đúng chính tả. Trong vài ba ngày, bác sĩ South theo dõi chặt chẽ Philip, sẵn sàng tấn công chàng bằng những lời mỉa mai châm biếm cay chua, nếu chàng tạo cơ hội cho ông ta; biết vậy nên Philip cứ lo lắng công việc của mình, nhưng trong lòng, chàng rất thích thú. Chàng thấy vui vì đã được thay đổi công việc. Chàng rất thích cái cảm giác được tự lập. Phòng khám bệnh có đủ mọi hạng người. Chàng lấy làm hài lòng vì dường như chàng có thể gây được lòng tin cậy đối với bệnh nhân và thật thú vị khi việc theo dõi quá trình điều trị ở đây không nhất thiết phải cách quãng xa như ở bệnh viện. Công việc đi thăm bệnh nhân đưa chàng đến những mái lều tranh lụp xụp ngổn ngang nào những buổi, những dụng cụ đánh cá, và đây đó những vật kỷ niệm về những chuyến đi khơi xa, một chiếc hộp sơn mài Nhật Bản, mũi lao, những mái chèo Mélanesia hay những lưỡi dao găm mua từ các chợ ở Stamboul; trong những căn buồng bé nhỏ ngọt ngào này phảng phất cái không khí lãng mạn, và mùi muối biển mang lại mát mẻ cho căn buồng.

Philip thích trò chuyện với những người đi biển. Thấy chàng không kiêu kỳ, họ kể cho chàng nghe những câu chuyện bịa dài dòng về những chuyến viễn du từ những ngày còn trai trẻ.

Một vài lần, chàng đã lầm lẫn khi chẩn bệnh (trước đây chàng không bao giờ gặp bệnh sởi, nên khi đứng trước hiện tượng phát ban, chàng cho đó là chứng bệnh ngoài da khó hiểu) và một vài lần ý kiến điều trị của chàng khác với ý kiến của bác sĩ South. Lần đầu tiên xảy ra, bác sĩ South mỉa mai tàn ác công kích chàng, nhưng Philip vui vẻ chịu đựng, chàng có khiếu ứng đối, trả lời một vài câu khiến bác sĩ South ngừng lại tò mò nhìn chàng. Về mặt Philip nghiêm trang nhưng hai mắt chàng long lanh. Ông già này không tránh được cảm giác tưởng Philip đang trêu ghẹo mình. Ông đã quen với việc đám phụ tá thường ghét và sợ ông, nên đây là cuộc thử nghiệm mới lạ. Ông sắp sửa nổi giận và định bụng sẽ tống cổ Philip đi theo chuyến tàu tối, ông đã từng xử sự như vậy với những người giúp việc; nhưng ông chợt có cảm giác khó chịu, như vậy chỉ làm cho Philip sẽ công khai coi thường ông và bỗng nhiên ông cảm thấy buồn cười. Và mặc dù không muốn, ông cũng nhếch mép cười rồi bỏ đi. Dần dà ông cũng thấy được là Philip cố tình trêu ông cho vui một cách có hệ thống. Trước hết ông ngạc nhiên và sau đó ông vui vẻ.

Và chẳng bao lâu ông nhận ra đây là phương pháp của Philip muốn rờn đùa ông cho vui.

“Cái thằng láo xược!” ông thầm nghĩ và cười thầm.

Philip đã viết thư báo cho Athelny biết chàng đang làm một người thay thế ở Dorsetshire và chàng đã được ông ta trả lời đúng lúc. Giọng thứ long trọng đầy những tính ngữ hoa mỹ như vương miện Ba Tư lấp lánh đầy ngọc quý, chữ viết tay đẹp và khó đọc như chữ gô-tích mà ông ta lấy làm tự hào. Ông ta đề nghị Philip thế nào cũng đến với ông và gia đình tại cánh đồng hu- bông xứ Kent mà năm này ông cũng đến; và nhằm thuyết phục chàng, ông nói những chuyện đẹp đẽ và phức tạp giữa con người Philip và cây hu- bông thân xoắn quanh co. Philip phúc đáp ngay là chàng sẽ đến ngày nào bắt đầu rảnh việc. Dù không sinh ra ở đó, chàng cũng có cảm tình đặc biệt với đảo Thanet. Nghĩ tới hai tuần lễ được gần gũi với ruộng đồng và chỉ cần có thêm bầu trời xanh là cảnh sắc sẽ thơ mộng chẳng kém những khu rừng ô-liu ở Arcady, lòng chàng đã hân hoan vui thích.

Bốn tuần làm việc của chàng ở Farnly nhanh chóng đi qua. Trên vách đá nhô ra biển xuất hiện một thành phố mới với những biệt thự bằng gạch đỏ, bao quanh là những bãi chơi gôn, và một khách sạn lớn mới mở cửa gần đây, phục vụ khách nghỉ hè, nhưng Philip ít khi đến đó. Ở phía trước gần bến tàu, những căn nhà nhỏ bé bằng đá của thế kỷ trước tùm tùm không thành hàng thành lối mà trông vui mắt, và những con đường dốc thật hẹp chạy tụt xuống, tất cả có một cái gì đó cổ kính khêu gợi sức tưởng tượng của con người. Cạnh bờ biển là những nhà tranh sạch sẽ gọn gàng, phía trước có vườn nhỏ xiu ngăn nắp, đây là nhà của các thuyền trưởng các hãng tàu buôn về hưu, của những bà mẹ hay vợ góa những kẻ kiếm sống bằng đường biển; những nhà đó bề ngoài trông thanh bình, và hay hay là lạ. Những tàu hàng chạy không theo đường nhất định từ Tây Ban Nha, từ miền Cận Đông, những tàu trọng tải ít vào bến cảng nhỏ bé này; và thỉnh thoảng, những cơn gió lãng mạn còn đẩy về đây một cánh thuyền buồm. Bến cảng này khiến Philip nhớ lại cái bến cảng bé nhỏ bản thiêu với những thủy thủ

trên tàu chở than ở Blackstable, nơi đây lần đầu tiên chàng ước mơ - bây giờ là một điều ám ảnh - đi đến những xứ sở phương đông và những hòn đảo đầy nắng trong vùng biển nhiệt đới. Nhưng ở đây người ta cảm thấy mình gần gũi với đại dương mênh mông sâu thẳm hơn là ở trên bờ Bắc Hải, dương như lúc nào cũng có giới hạn, ở đây người ta có thể hít một hơi dài, lúc ngắm nhìn ra mênh mông vô tận; và ngọn gió tây, ngọn gió dịu dịu thân yêu phảng phất mùi muối của đất Anh, nâng cao tâm hồn đồng thời cũng làm cho cõi lòng yêu mến.

Một buổi tối, trong tuần lễ cuối cùng Philip làm việc với bác sĩ South thì một đứa bé đến cửa phòng khám bệnh trong lúc ông bác sĩ già và Philip đang pha chế thuốc theo đơn. Đó là một cô gái bé nhỏ áo quần rách rưới, mặt mũi bẩn thỉu, đi chân đất. Philip mở cửa.

- Thưa ông, xin mời ông đến ngay nhà bà Fletcher ở Ivy Lane.

- Fletcher làm sao thế? Bác sĩ South hỏi giọng gay gắt.

Con bé không để ý đến ông ta mà chỉ chăm chú nhìn Philip:

- Thưa ông, cậu con trai nhỏ của bà ấy bị tai nạn, xin mời ông đến ngay!

- Bảo bà Fletcher là tôi sẽ đến - bác sĩ South nói to.

Con bé ngậm ngừng một lúc rồi đưa ngón tay cái ghét lên cái miệng dơ bẩn, đứng im nhìn Philip.

- Có vấn đề gì thế, em bé? Philip mỉm cười hỏi.

- Thưa ông, bà Fletcher nói mời ông bác sĩ mới đến có được không?

Có tiếng động trong phòng khám bệnh và bác sĩ South bước ra hành lang.

- Bà Fletcher không vừa lòng với tôi phải không? - Ông quát. Tôi đã chăm sóc bà Fletcher từ khi bà ấy mới lọt lòng. Vì sao bây giờ tôi lại không đáng chăm sóc cho thằng nhóc con bần thiu của bà ấy?

Trong phút chốc, con bé có vẻ như sắp khóc, lúc ấy nó thay đổi ý kiến; thật thong thả nó thè lưỡi vào bác sĩ South và khi ông ta chưa hết ngạc nhiên, nó đã ra sức ba chân bốn cẳng chạy biến. Philip thấy ông già bực mình.

- Ông có vẻ hơi mệt, và từ đây đến Ivy Lane cũng khá xa - chàng nói - như muốn tại cho ông cái cơ bảo chữa cho việc ông không thân hành đi được.

Bác sĩ South càu nhàu trong miệng.

- Khốn nạn, đối với người sử dụng được cả hai chân thì lại có cái nhìn thiên cận hơn đối với người chỉ có một cẳng rưỡi.

Philip đỏ mặt, đứng im một lúc.

- Ông muốn tôi đi hay ông thân hành đi lấy? Cuối cùng chàng lạnh lùng nói.

- Tôi đi ích gì? Người ta cần anh!

Philip đội mũ và ra đi khám cho người ốm. Khi chàng trở về thì đã gần tám giờ. Bác sĩ South đang đứng trong phòng ăn, lưng tựa lò sưởi.

- Anh đi lâu quá đấy! Ông nói.

- Tôi lấy làm tiếc, tại sao ông không ăn trước đi?

- Là vì tôi muốn đợi. Từ lúc ấy đến giờ anh ở nhà bà Fletcher à?

- Không, thú thật là không. Trên đường về, tôi dừng lại ngắm cảnh mặt trời lặn nên quên mất cả giờ giấc.

Bác sĩ South không đáp, người đẩy tờ bưng vào một ít cá trích cơm nướng, Philip ăn rất ngon miệng. Bỗng nhiên bác sĩ South ra một câu hỏi:

- Vì sao anh ngắm mặt trời lặn?

Philip trả lời miệng còn ngậm đầy thức ăn.

- Bởi vì tôi cảm thấy hạnh phúc.

Bác sĩ South nhìn chàng, một cái nhìn kỳ quặc và trên gương mặt già nua, một mím thoáng một nụ cười. Rồi họ tiếp tục im lặng ăn; nhưng khi người hầu gái đem rượu vang đỏ vào cho họ và đi ra, thì ông già ngả người ra phía sau, cặp mắt sắc sảo nhìn Philip dăm dăm.

- Này anh bạn trẻ, khi tôi chế nhạo cái chân anh thì lòng anh cũng đau chút tí phải không? Ông hỏi.

- Thiên hạ vẫn thường làm như vậy, trực tiếp hay gián tiếp khi họ tức giận tôi.

- Tôi cho là họ biết là yếu điểm của anh.

Philip bình tĩnh nhìn ông ta, mặt đối mặt.

- Phát hiện ra điều đó, ông có sung sướng không?

Bác sĩ không trả lời nhưng ông ta khẽ cười một cách chua chát. Họ ngồi chăm chăm nhìn nhau một lúc. Sau đó bác sĩ South làm cho Philip vô cùng ngạc nhiên.

- Tại sao anh không ở lại đây, để tôi tổng khứ cái thằng ngu xuẩn đáng nguyên rủa bị quai bị kia đi nhỉ?

- Ông rất tử tế, nhưng tôi hy vọng đến mùa thu này được bổ nhiệm vào bệnh viện. Việc đó rất có ích cho tôi xin được việc khác sau này.

- Tôi muốn mời anh cộng tác với tôi - bác sĩ South gắt gỏng nói.

- Tại sao? Philip ngạc nhiên hỏi.

- Coi bộ người ta thích anh.

- Tôi nghĩ đó không phải là tất cả lý do để ông tán thành - Philip lãnh đạm nói.

- Anh có cho rằng sau bốn mươi năm hành nghề, tôi có cần thiên hạ ưa thích người phụ tá của tôi hơn không? Không, anh bạn ạ! Không có tình cảm giữa bệnh nhân và tôi. Tôi không trông đợi lòng biết ơn của họ. Tôi chỉ mong họ trả thù lao cho tôi. Đấy, anh thấy vấn đề ấy như thế nào?

Philip không đáp, không phải chàng đang suy nghĩ về đề nghị của ông, mà vì chàng ngạc nhiên. Mọi một người mới tốt nghiệp cộng tác rõ ràng là chuyện rất không bình thường, và chàng kinh ngạc thấy rõ nếu như không có điều gì buộc ông ta tuyên bố như vậy thì hẳn bác sĩ South đã có cảm tình với chàng. Chàng nghĩ rằng khi thuật lại chuyện này với viên thư ký bệnh viện St. Luke, chắc y sẽ rất buồn cười.

- Mỗi năm khách hàng đem lại chừng bảy trăm bảng. Chúng ta có thể tính ra phần anh bao nhiêu và anh có thể trang trải cho tôi dần dần. Khi tôi chết, anh có thể kế tục tôi. Tôi nghĩ như thế tốt hơn phải đi gõ cửa các bệnh viện vài ba năm và rồi cho đến lúc có thể tự lập vẫn là kẻ phụ giúp cho người ta.

Philip biết đó là cơ hội mà phần đông những kẻ cùng nghề với chàng sẽ chớp lấy ngay. Nghề này đông người quá, và một nửa số người chàng quen biết sẽ vui mừng chấp nhận đồng lương thu nhập tuy còn khiêm tốn nhưng chắc chắn như thế.

- Tôi rất lấy làm tiếc, nhưng không thể được - chàng nói. Thế có nghĩa vứt bỏ mọi dự định trong bao nhiêu năm nay. Bằng cách này hay cách khác, tôi đã trải qua thời kỳ sóng gió nhưng trước mắt tôi luôn luôn là niềm hy vọng thi cho đỗ tốt nghiệp để rồi đi du lịch; hiện nay sáng nào ngủ dậy xương cốt tôi đau như chỉ muốn bật ra ngoài, tôi không quan tâm đi đến một chỗ nào nhất định mà chỉ muốn đi xa, đến những nơi chưa hề được biết.

Lúc này mục tiêu đó dường như đã rất gần. Vào giữa năm sau chàng sẽ kết thúc thời kỳ tập sự ở bệnh viện St. Luke, sau đó chàng sẽ đi Tây Ban Nha; chàng có thể sống nhiều tháng ở đấy, đi ngao du khắp nơi trên đất nước lãng mạn này; sau đó chàng tìm tàu đi về hướng đông. Cuộc đời đang ở phía trước và thời gian thì không đáng kể. Chàng có thể tùy thích đi thơ

thần năm này qua năm khác ở những nơi ít người lui tới giữa các dân tộc không quen biết, có lối sống kỳ lạ. Chàng đi tìm cái gì hoặc các cuộc hành trình đem lại cái gì cho chàng, chàng không biết, nhưng chàng có cảm giác là chàng sẽ học được điều gì đó mới lạ về cuộc đời, và tóm được đầu mối của điều bí ẩn mà khi lần ra chàng thấy còn bí ẩn nhiều hơn nữa. Và ngay cả lúc không thấy gì chàng cũng sẽ yên tâm, lòng không còn day dứt. Nhưng bác sĩ South đang tỏ ra ân cần hết sức với chàng, nếu từ chối lời mời của ông ta mà không có lý do thỏa đáng thì dường như là vô ơn bạc nghĩa, vì vậy với cá tính rụt rè, cố tỏ ra càng thực tế càng tốt, chàng giải thích vì sao việc thực hiện những dự định mà chàng ấp ủ rất thiết tha, lại quan trọng đến thế với chàng.

Bác sĩ South yên lặng lắng nghe, cặp mắt sắc sảo, lão luyện của ông trông bỗng dịu hiền. Đối với Philip dường như việc ông không ép chàng nhận lời mời càng tăng thêm tấm lòng nhân hậu của ông hơn nữa. Sự rộng lượng luôn luôn là tối cần thiết. Ông có vẻ coi lý lẽ của Philip là có cơ sở. Ông bỏ hẳn vấn đề này, và bắt đầu nói về thời trai trẻ của mình; ông đã từng phục vụ trong hải quân hoàng gia, và do gấn bó lâu ngày với biển, nên khi về hưu, ông định cư tại Farnley. Ông kể cho Philip những ngày xa xưa trên Thái Bình Dương và những chuyện phiêu lưu ngoạn mục ở Trung Quốc. Ông tham gia đội viễn chinh chống bọn sừ tằm đầu kẻ thù ở Borneo và đã biết Samoa khi còn là một quốc gia độc lập. Ông đã từng cập bến ở những đảo san hô. Philip mê mẩn lắng nghe ông nói. Dần dần ông kể cho Philip về chính mình. Bác sĩ South góa vợ, vợ ông mất cách đây ba mươi năm, và con gái ông đã lấy một chủ trại ở Rhodesia, hẳn cãi nhau với ông và cặp vợ chồng mới cưới không về Anh từ mười năm nay. Cuộc đời ông cũng coi như thể không vợ, cũng không con. Ông hết sức cô đơn. Tính cộc cằn của ông chẳng qua chỉ là cái vỏ ngoài để che đậy vụng về một sự vỡ mộng hoàn toàn; Philip trông cảnh ông mà thấy thảm. Đúng là ông đang chờ chết, không sốt ruột nhưng kinh tởm nó, ông ghét tuổi già, nhưng không có khả năng cam chịu những bất hạnh của tuổi già, tuy vậy, ông tin

rằng cái chết là giải pháp duy nhất cho cuộc đời cay đắng của ông. Philip đi qua đời ông, cuộc phân ly lâu ngày với cô con gái đã giết chết tình cảm bẩm sinh của ông - trong chuyện cãi nhau, nàng đã đứng về phía chồng nên ông không bao giờ gặp lại lũ con nàng - tình cảm đó lúc này tự nhiên đọng lại ở Philip. Lúc đầu ông tức giận, ông tự nhủ đó là dấu hiệu của tình trạng lẩn tránh, nhưng ở Philip có cái gì đó hấp dẫn ông, và không hiểu vì sao ông thấy mình mỉm cười với chàng. Philip không làm phiền ông. Một hai lần ông đặt tay lên vai chàng; điều này cũng gần như sự vuốt ve âu yếm chưa từng có, kể từ ngày con gái rời bỏ nước Anh bao nhiêu năm trước. Đến giờ Philip lên đường, bác sĩ South đưa tiễn chàng ra ga; ông cảm thấy lòng sâu muộn không sao giải thích được.

- Tôi đã sống những ngày tuyệt đẹp ở đây - Philip nói - ông hết sức ân cần tử tế với tôi.

- Tôi nghĩ rằng anh rất vui mừng được ra đi.

- Tôi thích thế đấy. Nhưng những ngày ở đây quả thật rất thích.

- Nhưng anh còn muốn ra ngoài chu du thế giới. Chao ôi, tuổi trẻ các anh. Ông ngập ngừng một lúc - Anh cần nhớ rằng nếu anh thay đổi ý kiến thì lời mời của tôi vẫn còn giá trị.

- Ông thật vô cùng tử tế.

Qua cửa toa tàu, Philip bắt tay ông, và con tàu nhỏ khói rời nhà ga. Nghĩ tới hai tuần lễ sống trong cánh đồng hu-blông, nghĩ tới chuyện gặp lại bạn bè, chàng lấy làm sung sướng và chàng hân hoan được một ngày đẹp trời. Nhưng bác sĩ South thì bước chậm chạp trở lại căn nhà trống trải. Ông cảm thấy hết sức già nua và vô cùng hiu quạnh.

Khi Philip tới Ferne thì đêm đã khuya. Đây là quê hương của bà Athelny, từ thuở bé, bà đã quen việc thu hái ở cánh đồng hu-blông, năm nào bà cũng vẫn cùng chồng và các con đến đấy. Như nhiều người dân xứ Kent, gia đình bà ra ngoài đều đặn, họ sung sướng vui mừng kiếm được ít tiền, nhưng đặc biệt với cuộc nghỉ hè hàng năm mà họ hân hoan mong đợi trong nhiều tháng, coi đó là những ngày nghỉ ngơi đẹp nhất. Công việc không nặng, làm tập thể giữa đồng, còn đối với lũ trẻ thì đó là chuyến cắm trại dài ngày. Ngoài trời ở đây, một khi công việc đã xong trong những đêm dài, trai gái gặp nhau, thơ thẩn tỏ tình trên những đường làng, và thường thường sau vụ thu hoạch hu-blông là rất nhiều đám cưới tiếp theo. Họ ra đi bằng xe ngựa, đem theo bộ đồ giường, hũ vại, xoong chảo và bàn ghế, và trong thời vụ thu hoạch hu-blông thì xứ Ferne vắng vẻ. Họ sống rất riêng biệt và thường không thích sự xâm nhập của người “nước ngoài” như họ vẫn gọi những ai từ Luân Đôn đến; họ xem khinh và cũng e ngại những người này, họ là đám người thô lỗ và người dân quê đứng đắn không muốn giao thiệp với họ. Ngày xưa, người hái hu-blông ngủ trong những nhà cửa thô sơ, nhưng mười năm nay một dãy lều được dựng lên bên một cánh đồng cỏ, và năm nào gia đình Athelny cũng có một túp lều như thế, như nhiều người khác.

Athelny mượn chiếc xe ngựa của một quán trọ ở cách cánh đồng hu-blông một phần tư dặm, để ra ga đón Philip. Ông đã kiếm được một buồng trong quán trọ của chàng. Họ để hành lý tại đó và đi ngược về phía cánh đồng cỏ nơi có những dãy lều. Những lều này không gì hơn là chũm mười hai put vuông. Trước mỗi phòng có bếp lửa đốt bằng củi, mỗi gia đình tập hợp xung quanh bếp, hau háu nhìn nấu cơm tối. Mặt mũi lũ con Athelny đều xạm đen vì gió biển và nắng trời. Bà Athelny đội mũ che gáy trông như một bà nào khác, người ta có cảm giác rằng những năm tháng dài sống thị thành thực sự không thay đổi được bà; bà là người sinh ra và được nuôi

dưỡng ở vùng quê và người ta thấy bà sống nơi thôn dã hết sức thoải mái chẳng khác ở nhà. Bà đang rán mỡ lợn muối xông khói, vừa phải để mắt đến lũ trẻ nhỏ, nhưng bà tươi cười vui vẻ với Philip và nồng nhiệt bắt tay chàng. Athelny thì hằng say thích thú với cuộc sống thôn dã.

- Sống ở các đô thị, chúng tôi thèm khát ánh sáng và mặt trời. Đó không phải là sự sống, đó là cảnh giam cầm kéo dài. Này bà Betty, ta hãy bán tất cả tài sản và mua một trang trại ở vùng quê.

- Tôi có thể biết trước là ông sẽ sống ra sao! Bà trả lời vui vẻ có ý chế nhạo chồng - Này, mới ngày mưa đầu mùa đông thôi là ông sẽ phải khóc lóc mà đòi về Luân Đôn. Rồi à quay sang Philip - Khi chúng tôi về đây, thì Athelny bao giờ cũng vậy, nông thôn thích hợp với ông ấy. Ấy thế mà ông ấy thì không phân biệt nổi củ cải cho người ăn với củ cải cho người ăn với củ cải dùng để nuôi súc vật.

- Hôm nay bố làm biếng - Jane nhận xét với tính ngay thật là đặc điểm của em - bố hái không đầy một thùng.

- Thì bố đang tập mà, con ạ, ngày mai bố sẽ hái được nhiều thùng hơn tất cả tụi con gộp lại.

- Đi ăn tối thôi, các con - bà Athelny bảo - Sally đâu?

- Con đây, mẹ ạ!

Nàng bước ra khỏi túp lều bé nhỏ và ánh lửa bếp củi hắt lên mặt nàng rực sáng. Mới đây, từ khi nàng đi học may quần áo phụ nữ, Philip chỉ thấy nàng dùng áo dài thường, gọn gàng nên hôm nay trong bộ áo vải in hoa, rộng thùng thình thoải mái trông nàng có cái gì đó rất duyên dáng, hai tay áo xắn lên để lộ cánh tay tròn chắc nịch. Nàng cũng đội mũ che gáy.

- Trông cô giống người con gái vắt sữa trong một chuyện cổ tích - Philip nói khi bắt tay nàng.

- Nó là hoa hậu của cánh đồng hu-blông này đấy - ông Athelny nói - Ba lấy danh dự mà thề, nếu con trai ông chủ đồn điền đây mà không thấy con thì anh chàng sẽ ngỏ lời cầu hôn con trước khi con có ý kiến về Jack Robinson.

- Ông chủ đồn điền không có con trai, bố ạ - Sally đáp.

Nàng tìm chỗ ngồi và Philip ngồi dịch lại nhường một chỗ cho nàng bên cạnh chàng. Trong đêm tối, nhờ ngọn lửa củi trong bếp soi sáng, trông nàng xinh đẹp tuyệt vời, nàng nom như một vị nữ thần đồng nội, và người ta nhớ đến những cô gái mơn mớn khoẻ mạnh mà Hercirk thân mến đã ca ngợi bằng những lời thơ thanh thú. Bữa cơm tối hôm ấy đậm bạc - bánh mì phết mỡ lợn ráng giòn, chè cho trẻ con và bia cho vợ chồng Athelny và Philip. Athelny ăn ngấu nghiến, món gì cũng hết lời khen ngợi. Ông buông lời khinh bỉ Lucullus và đồn dập thoá mạ Brillat - Saverin.

- Ông Athelny, có một việc người ta có thể nói thay cho ông - bà vợ nói - ông biết thưởng thức món ăn của mình, không còn nghi ngờ gì nữa.

- Do tự tay bà nấu nướng, bà Betty của tôi ạ - ông vừa nói vừa đưa thẳng ngón tay trở hùm biện ra.

Philip cảm thấy hết sức dễ chịu. Chàng sung sướng nhìn hình nét ngọn lửa với mọi người quây quần xung quanh và màu sắc hồng tương phản với màu đen tối tăm; và cuối cánh đồng cỏ là một hàng cây du cao trên bầu trời đầy sao.

Lũ trẻ nói cười và Athelny cũng như một đứa bé trong bọn, bằng những trò tinh nghịch và những chuyện bịa đặt làm cho chúng ta hét om sòm.

- Người ta cho là có hàng đàn Athelny rất vui hạ xuống đây - bà vợ nói - “Tôi không biết chúng ta sẽ phải làm gì nếu bây giờ không có ông Athelny”, bà Bridges bảo với tôi như vậy. “Ông ấy lúc nào cũng đùa được. Ông ấy giống một cậu học sinh hơn là cha một gia đình”.

Sally ngồi im, nhưng nàng không quan tâm lo lắng đến những nhu cầu của Philip khiến chàng vui thích. Thật là dễ chịu có nàng bên cạnh, và thỉnh thoảng chàng liếc nhìn khuôn mặt khoẻ mạnh sạm nắng của nàng. Một lần chàng bắt gặp cái nhìn của nàng và nàng yên lặng mỉm cười. Cơm tối xong, người ta sai Jane và một cậu em đi xuống suối dưới cánh đồng cỏ lấy một thùng nước đem về rửa bát đĩa.

- Các con, chỉ chỗ ngủ cho chú Philip, rồi các con cũng nên đi ngủ thôi.

Những bàn tay nhỏ bé nắm lấy Philip, kéo chàng về phía lều. Chàng đi vào, bật diêm. Trong lều không có đồ đạc, bên cạnh một cái thùng sắt tây đựng quần áo, chẳng có gì khác ngoài dãy ba cái giường, mỗi cái kê sát dựa vào một bức tường, ngoài ra không có gì nữa, Athelny theo Philip bước vào lều và hãnh diện chỉ cho chàng mấy cái giường đó.

- Đây là thứ để nằm ngủ - ông nói to - không phải cái loại nệm lò xo và lông tơ thiên nga của các anh đâu. Tôi không ngủ đâu ngon giấc bằng ở đây. Anh sẽ đắp chăn trải giường mà ngủ. Anh bạn thân mến, tôi vô cùng thương cho anh!

Giường ngủ gồm có một lớp cành hu-blông phủ rơm và trên cùng phủ chăn. Sau một ngày rười rượi, những người thu hái sung sướng ngủ say trong mùi hu-blông thơm tho quanh lều. Gần chín giờ thì đồng cỏ yên tĩnh,

mọi người đi ngủ, một vài người con nán lại trong các quán rượu cho đến mười giờ cửa hàng đóng cửa mới trở về. Athelny đi bộ đến đó với Philip. Nhưng trước khi ông đi, bà Athelny nói với chồng..

- Khoảng sáu giờ chúng ta ăn sáng, nhưng tôi chắc các ông không muốn dậy sớm như thế. Ông biết đấy, sáu giờ là chúng ta phải bắt đầu lao vào công việc rồi.

- Dĩ nhiên anh ấy phải dậy sớm - Athelny nói to - và anh ấy phải làm việc như mọi người chúng ta. Anh ấy đã bắt đầu kiếm lấy nuôi thân. Không làm thì đừng ăn, chàng trai ơi!

- Trước khi ăn sáng, lũ trẻ phải xuống suối tắm rửa, trên đường về chúng sẽ gọi anh. Anh ấy sẽ chờ chúng ta qua quán “Người thủy thủ vui nhộn”.

- Nếu các em đánh thức tôi, tôi sẽ đi tắm với chúng nói - Philip nói.

Jane, Harold và Edward reo lên vui thích về viễn cảnh này và sáng hôm sau, còn đang ngủ ngon thì Philip bị lũ trẻ xông xạc vào buồng đánh thức. Máy chú bé nhảy lên giường chàng và chàng phải dùng đôi dép lê xua đuổi chúng xuống. Chàng mặc quần, khoác áo choàng ra ngoài. Trời mới bắt đầu hé sáng, không khí còn lạnh; và mặt trời vàng nhạt đang ló lên trên nền trời không một gợn mây. Sally, một tay dắt Rosie một tay cầm khăn và quần áo tắm, đang đứng ở giữa đường. Lúc ấy chàng mới thấy cái mũ che gáy của nàng màu hoa oải hương và tương phản với cái mũ, gương mặt nàng đỏ và rậm nắng như quả táo. Nàng khẽ mỉm cười chào đón chàng, và chàng bỗng để ý thấy rằng nàng nhỏ, đều đặn và rất trắng. Chàng tự hỏi sao trước đây chàng không chú ý đến điều này.

- Em muốn để anh ngủ - nàng nói - nhưng chúng nó cứ nhất định đến đánh thức anh. Em đoán là thực tế anh không muốn đi.

- Ồ, có, tôi muốn đi.

Họ đi bộ xuôi theo con đường rồi rẽ qua các đầm lầy. Đi lối này thì chưa đầy một dặm đã tới biển. Thấy nước xanh và có vẻ lạnh, Philip rùng mình, nhưng lũ trẻ thì cởi phăng quần áo, hò hét nhảy ùm xuống nước. Sally làm mọi việc bao giờ cũng thông thả, cho nên khi tất cả lũ trẻ đã lội lồm bồm quanh Philip thì nàng mới xuống nước. Bơi lội là tài nghệ giỏi nhất của chàng; ở dưới nước chàng thấy như ở nhà, và chẳng mấy chốc chàng khiến mọi người bắt chước mình khi chàng chơi trò cá heo, trò người đang chết đuối, trò một bà béo mập sợ ướt tóc. Cuộc tắm biển này thật ồn ào náo nhiệt, và Sally phải hết sức nghiêm khắc mới bắt được các em đi lên.

- Anh cũng hư như chúng nó - Nàng nói với Philip giọng nghiêm nghị của người mẹ làm chàng buồn cười đồng thời cũng là cho chàng cảm động.
- Không có anh ở đây thì chúng nó hết sức ngoan.

Họ trở về. Sally mái tóc óng ả chảy xoà xuống một bên vai, tay cầm mũ che gáy. Khi họ đến lều thì bà Athelny đã bắt đầu ra đồng hu-blông. Athelny mặc một cái quần cũ nhất thiên hạ, áo vét-tông cài khuy chứng tỏ không có sơ mi ở trong, đầu đội mũ mềm rộng vành, đang rán cá trích muối hun khói trên ngọn lửa củi. Ông có vẻ thích thú về mình, trông ông hệt như một tên kẻ cướp. Vừa trông thấy bọn đi tắm về, trong mùi thơm cá rán, ông gào lên bài hát hợp xướng của những mục phù thủy trong vở Macbeth.

- Ánh sáng không được dềnh dàng, nếu không là mẹ cáu đấy. - Ông nói khi bọn họ tới gần.

Và sau mấy phút thì Harold và Jane tay cầm bánh mì phết bơ, qua cánh đồng cỏ để đi tới cánh đồn hu-blông là một cảnh gắn liền với thời niên thiếu của thời niên thiếu của Philip, và nhà cấy hoa bia đối với chàng là nét

tiêu biểu nhất của vùng Kent. Philip bước theo sau Sally đi qua những hàng dài cây hu-blông không hề có cảm giác xa lạ, mà thoải mái tự nhiên như ở nhà. Lúc này mặt trời đã rực rỡ càng làm nổi bật những nơi có bóng mát. Mắt Philip say sưa ngắm ngấu màu sắc xanh tươi của lá. Hoa hu-blông đang ửng lên vàng rộ, đối với chàng, đây là vẻ đẹp và tình cảm nồng nàn mà những nhà thơ xứ Sicile tìm thấy dịu dàng toả lên từ đất đai màu mỡ vùng Kent và từng cơn gió nhẹ thánng chín ngọt ngào hương vị của hoa hu-blông. Tự nhiên, Athelstan thấy lòng hồ hởi và liền cất cao giọng hát; cái giọng ồ ồ của chú bé mười lăm tuổi đã làm Sally quay lại.

- Athelstan, im đi không có chúng mình lại bị một trận sấm sét bây giờ. Một lát thì họ nghe có tiếng người nói lao xao và một lúc sau đó họ chợt trông thấy những người thu hái hu-blông. Tất cả mọi người làm việc hăng hái, họ vừa nhặt hái vừa nói cười. Họ ngồi trên ghế, trên thùng gỗ đặt ngay bên cạnh; một vài người đứng gần túi vải bạt, hái xong là vứt thẳng hoa vào túi. Chung quanh là một lũ trẻ con và khá nhiều cháu sơ sinh, một số nằm trong những chiếc nôi tạm tạm, một số được ủ trong chăn trên mặt đất êm khô ráo. Lũ trẻ chơi đùa nhiều hơn làm. Đàn bà thì làm việc tất bật, họ hái từ ngày con thơ ấu và họ có thể làm nhanh gấp đôi những người ở Luân Đôn đến. Họ lấy làm hãnh diện về số giỏ đầy hái được trong một ngày nhưng họ phàn nàn lúc này họ chẳng còn kiếm ra tiền như ngày xưa, lúc ấy phải tám giỏ và có khi chín giỏ mới được một silinh. Ngày xưa một người thu hái giỏi trong một vụ mùa có thể kiếm đủ nuôi thân cho tới hết năm, nhưng bây giờ chẳng kiếm được là bao, quá lắm là được hưởng một ngày nghỉ không phải mất hết tiền, và chỉ có thế. Bà Hill mua được một cái đàn pianô bằng tiền thu hái - ấy là bà bảo thế - chứ bà ta thì hết sức keo kiệt, thiên hạ chẳng ai bằng, nhiều người cho rằng bà ta chỉ nói thế thôi, và nếu quả thật bà đã mua được thì có lẽ chỉ là vì bà đã sử dụng ít tiền gửi ở quỹ tiết kiệm vào việc đó.

Những người hái hu-blông chia thành từng toán mười người cùng chung một túi vải hạt, không kể trẻ con, và Athelny âm ỉ kiêu hãnh về thắng lợi khi ông tham dự vào một toán gồm hoàn toàn người nhà của ông. Mỗi toán có một người phụ trách túi vải hạt. Nhiệm vụ của người này là cung cấp túi và dây thừng để buộc túi (túi vải hạt này là một thứ bao tải lớn khung gỗ bề cao bảy put, những túi này được xếp thành dãy dài giữa những hàng cây hu-blông); Athelny mong được phụ trách công việc này một khi gia đình ông có đủ người lớn để lập một toán. Trong lúc ấy, ông làm việc đúng là để khích lệ người khác hơn là do nỗ lực của chính mình. Ông quả quyết rằng ngày hôm ấy, ông hái nhiều hơn bất cứ ai, trừ mẹ các cháu, dĩ nhiên không ai có thể hái được nhiều như mẹ chúng, việc này làm ông nhớ lại những thử thách mà Aphrodite đã đặt cho nàng Psyché hiếu kỳ và ông bắt đầu kể cho lũ trẻ câu chuyện yêu đương của nàng với chú rết vô hình. Ông kể rất hay. Philip mỉm cười lắng nghe, đối với chàng dường như câu chuyện cổ tích này rất hợp với cảnh trí này. Bầu trời bây giờ rất xanh, chàng nghĩ rằng thậm chí ở Hy Lạp có lẽ cũng không thể có được một bầu trời đẹp hơn. Lũ trẻ tóc vàng hoe, má hồng hào, khoẻ mạnh, hoạt bát nhanh nhẩu; hình dáng mềm mại của những cây hu-blông; màu ngọc lục của lá cây thách thức như tiếng kèn trompet; cái ma lực của con đường hai bên cây cối xanh tốt thu hẹp dần ở đoạn cuối với những người thu hái đội mũ che gáy; có lẽ tất cả những thứ ấy thấm đượm sắc Hy Lạp hơn người ta có thể tìm thấy trong sách vở các vị giáo sư hay trong các viện bảo tàng. Chàng khoái chí cái đẹp của đất nước Anh. Chàng nghĩ đến những con đường trắng quanh co uốn khúc, với những hàng rào cây, đồng cỏ xanh rì với những cây du, núi đồi hình nét thanh thú với những lùm cây nhỏ bao quanh đỉnh đồi, những đầm lầy bằng phẳng và biển Bắc u sầu. Chàng thật rất sung sướng cảm thấy được về yêu kiều của chúng. Nhưng ngay sau đó, Athelny áy náy tỏ ý muốn đi hỏi thăm mẹ của Robert Kemp hiện nay thế nào. Ông quen biết mọi người trong vùng, họ gọi bằng tên thánh; ông hiểu lịch sử gia đình họ và mọi việc xảy đến với họ từ lúc họ sinh ra. Với tính huênh hoang vô hại, ông đóng vai người thương lưu lịch sự với họ và tỏ ra một chút hạ cố trong cách đối xử suồng sã của mình. Philip không muốn đi với ông.

- Tôi đang kiểm miếng ăn mà! - chàng nói.

- Hết sức đúng, anh bạn ạ! Athelny đáp - không làm thì đừng ăn. Ông vừa bước đi vừa vẫy tay trở lại.

Philip không có giờ riêng, nhưng chàng ngồi với Sally. Lane thấy chàng giúp đỡ chị cả thì cho là hoàn toàn vô lý, lẽ ra chàng phải giúp mình, và chàng phải hứa khi nào giờ của chị Sally đầy rồi, thì sẽ hái giúp em. Sally hái cũng nhanh gần như mẹ.

- Như thế thì cô không làm hỏng bàn tay khâu vá chứ? Philip hỏi.

- Ồ, không, việc này cần bàn tay mềm mại, vì vậy đàn bà hái tốt hơn đàn ông. Nếu bàn tay anh thô, các ngón tay cứng nhắc do phải lao động nặng nhọc nhiều, thì anh không thể hái tương đối giỏi như thế được.

Chàng thích xem những động tác khéo léo của nàng và thỉnh thoảng nàng cũng để ý quan sát chàng với sự chăm chú của một người mẹ, thật là buồn cười, tuy vậy cũng hết sức là duyên dáng. Lúc đầu chàng còn vụng về, bị nàng cười nhạo. Khi nàng cúi xuống chỉ vẽ cho chàng giải quyết cả một dây cây thế nào cho tốt nhất thì tay họ chạm vào nhau. Chàng ngạc nhiên thấy nàng đỏ mặt. Chàng không thể tin rằng nàng đã là một người đàn bà vì chàng đã từng xem nàng là một cô gái mới lớn, chàng không thể không xem nàng vẫn còn bé bỏng, vậy mà con số những kẻ say mê nàng chứng minh rằng nàng không phải trẻ con nữa; tuy vậy họ chỉ lẫn xả vào có mấy ngày thôi, một người anh họ của Sally đã ân cần sẵn đón đến nỗi nàng phải chịu đựng nhiều lời đùa cợt. Anh ta tên là Peter Gann, con trai người chị bà Athelny, chồng bà này là một chủ trại ở gần Ferne. Mọi người đều hiểu vì sao ngày nào anh ta cũng phải đi bộ qua cánh đồng hu-blông.

Đến tám giờ có tiếng tù và kêu gọi ngừng việc để ăn sáng và mặc dầu bà Athelny bảo họ chưa đáng được ăn nhưng họ cũng ăn rất ngon lành. Họ lại lao vào công việc, làm đến mười hai giờ, tới khi tiếng tù và thổi lên một lần

nữa báo hiệu giờ ăn trưa. Vào những giờ nghỉ, người phụ trách đo lường đi vòng quanh từ túi vải bạt này đến túi vải bạt khác; theo sau là nhân viên kế toán, số gia thu hái hu-blông sau. Đối với mỗi túi đầy, người ta phân chia thành ra những giỏ một, xếp vào một cái bao lớn, rồi người phụ trách đo lường và người kéo sào mới đem đi chết lên xe bò. Thỉnh thoảng Athelny đi về kể chuyện nào là bà Heath hoặc bà Jones hái được bao nhiêu và ông trình trọng kêu gọi gia đình phải vượt các bà ấy, ông luôn luôn muốn đạt những kỷ lục mới, và lắm lúc hăng say nhất hái trong suốt một tiếng đồng hồ. Tuy vậy điều thích thú chủ yếu của ông trong việc này được phô cho thiên hạ thấy cái đẹp của bàn tay thanh nhã của ông mà ông rất đỗi tự hào. Ông đã bỏ nhiều thì giờ để cắt sửa móng và ông đưa mấy ngón tay búp măng ra và nói với Philip rằng những nhà quý tộc Tây Ban Nha, khi ngủ vẫn thường đeo găng có bôi dầu để giữ gìn ngón tay cho trắng trẻo. Bàn tay siết chặt cuống họng Châu Âu - ông nhận xét đột ngột - cũng có hình dáng đẹp để thanh thú như bàn tay đàn bà; và lúc ông khéo léo hái hu-blông, ông ngắm nhìn tay mình thở dài tự mãn. Hái chán rồi, ông tự quần lấy một điều thuốc lá và đàm luận với Philip về văn chương và nghệ thuật. Buổi chiều trời dần dần rất nóng bức, công việc không còn được sôi nổi và chuyện trò cũng rời rạc. Tiếng nói luôn mồm không ngớt lúc ban mai yếu dần, giờ trở thành những ý kiến nhận xét không mạch lạc. Môi trên của Sally đã lấm tấm mồ hôi và trong khi lao động, miệng nàng hơi he hé như một nụ hoa hồng chớm nở.

Giờ nghỉ tùy thuộc vào tình trạng nhà sấy hoa bía. Lúc nhà sấy được đổ đầy sớm, và nhiều khi hoa hu-blông hái lúc ba hay bốn giờ cũng được đưa vào sấy khô trong đêm. Sau đó người ta nghỉ việc. Nhưng thông thường đợt đo lường cuối cùng trong ngày tiến hành vào lúc năm giờ. Khi túi vải bạt mỗi nhóm được đo xong, họ thu nhập đồ đạc và vì công việc trong ngày đã kết thúc, họ bắt đầu lững thững ra khỏi cánh đồng. Đám đàn bà trở về lều dọn dẹp và chuẩn bị bữa cơm tối, trong khi đó một số khá

đông bọn đàn ông thì ra đường đi đến quán rượu. Thật thú vị biết bao nhiêu được uống một cốc bia sau một ngày lao động.

Túi vải bạt của gia đình Athelny được giải quyết sau cũng khi người phụ trách đo lường đến, bà Athelny thở dài nhẹ nhõm đứng dậy vươn vai, phải ngồi bao nhiêu tiếng đồng hồ trong một tư thế nên người bà cứng đờ.

- Nào! Chúng ta hãy đến quán “Người thuỷ thủ vui tính” thôi Athelny nói - những nghi thức trong ngày phải được thực hiện đúng đắn, không có gì thiêng liêng hơn chuyện đó.

- Ông cầm cái bình theo - bà vợ bảo - và đem về chùng non một lít cho bữa cơm tối.

Bà đưa tiền cho chồng, đếm từng xu một. Phòng khách quầy bán rượu đã đầy người; nền nhà được rải cát, xung quanh xếp ghế dài, trên tường treo những bức tranh vàng úa vẽ những võ sĩ đấu lấy tiền thời Victoria. Người được cấp môn bài quen tất cả mọi khách hàng, y đứng tựa trên quầy bán rượu hiền lành mỉm cười với hai thanh niên đang ném vòng lên trên một cây gậy cắm trên nền nhà. Mỗi lần ném không trúng đích, họ bị những khách đứng xem hoan hô vui vẻ chế giễu khá nhiều. Người ta nhường chỗ cho khách mới đến. Philip tự tìm lấy chỗ ngồi giữa một người lao động chân tay già mặc quần nhung kẻ có dây buộc đầu gối và một chàng trai mười bảy mặt mày sáng sủa, trên trán đổ món tóc mai xoắn xuống gọn gàng. Athelny cứ nhất định cố tham gia ném vòng. Ông đánh cuộc nửa panh rượu và thắng cuộc. Khi nâng cốc chúc sức khoẻ người thua, ông nói:

- Anh bạn ạ, dù có thắng cuộc Derby tôi cũng không khoái hơn thế này.

Đứng giữa những người dân quê, ông là một nhân vật kỳ dị với cái mũ rộng vành, chòm râu nhọn, nếu như người ta cho ông là con người hết sức

lạ lùng là một điều dễ hiểu, nhưng tình hình ông rất vui, lòng nhiệt thành hăng hái của ông dễ lây sang người khác, khiến người ta không thể không quý mến ông. Chuyện trò cứ diễn ra thoải mái. Người ta trao đổi với nhau một vài lời pha trò bằng cái giọng rõ ràng chậm chạp của đảo Thanet, và những câu nói hóm hỉnh của người dân địa phương hay đùa này đã đẩy lên những trận cười náo nhiệt. Thật là một cuộc họp mặt thú vị! Phải là một con người không có tình cảm mới không cảm thấy lòng tràn đầy toại ý về bè bạn. Philip lơ đãng đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ, lúc này trời vẫn sáng và vẫn còn nắng, ở khung cửa sổ treo những tấm rèm trắng nhỏ bé buộc bằng dải đỏ như màn cửa sổ nhà tranh và trên ngưỡng cửa là những chậu hoa phong lữ. Những con người nhàn rỗi này đứng lên đúng lúc từng người một, lững thững trở về đồng cỏ, nơi đây đang nấu cơm tối.

- Tôi chắc anh sắp sửa đi ngủ - bà Athelny nói với Philip - Anh chưa quen dậy sớm từ năm giờ sáng và lại cả ngày ngoài trời.

- Chú Philip, chú đi tắm với chúng cháu chứ? Lũ trẻ nói to.

- Dĩ nhiên!

Chàng mệt mỏi nhưng sung sướng. Ngồi trên chiếc ghế đầu dựa vào tường lều, chàng vừa hút thuốc vừa lắc lư nhìn vào đêm tối. Sally đi ra, đi vào, bận rộn. Chàng lơ đãng nhìn xem những hoạt động thư thái của nàng. Chàng chú ý đến dáng đi của nàng, tuy không đặc biệt duyên dáng nhưng ung dung, chắc chắn. Cặp hông nàng đưa theo bước đi, và đôi chân nàng vững chãi đặt trên mặt đất, Athelny sang bên hàng xóm ngồi chuyện phiếm, và ngay sau đó, Philip nghe bà vợ ông nói như nói chung với mọi người.

- Thế đấy, nhà hết cả chè, tôi cần ông Athelny đi xuống nhà bà Black mua một ít. Ngừng lại một lát, rồi cất tiếng: Sally, con chạy ngay xuống

nhà bà Black mua cho mẹ nửa pao chè, được không con? Nhà mình hết sạch chè!

- Được, mẹ ạ!

Bà Black ở một ngôi nhà tranh cách đó chừng nửa dặm đường. Bà kết hợp nhiệm vụ trưởng phòng bưu điện với việc buôn bán đủ mọi thứ hàng. Sally thả tay áo xuống và bước ra ngoài.

- Sally, tôi có phải đi cùng với cô không? Philip hỏi.

- Anh đừng lo. Em không sợ đi một mình đâu.

- Tôi không cho là cô sợ, nhưng gần đi ngủ, tôi cũng định muốn đi lại cho giãn gân cốt tay chân.

Sally không nói và hai người cùng nhau ra đi. Đường sá quang quẻ thanh vắng. Không một tiếng động trong đêm hè. Họ không nói nhiều.

- Đến bây giờ mà trời còn nóng bức quá nhỉ? Philip nói.

- Lúc này thời tiết thật kỳ lạ. Em nghĩ rằng thời tiết thế này là tuyệt vời.

Họ yên lặng không có vẻ tỏ ra lúng túng ngỡ ngàng nghịu. Họ thích thú được đi bên nhau và cảm thấy không cần phải nói. Bỗng ở bậc trèo qua hàng rào, họ nghe tiếng người thì thầm, và trong bóng tối họ nhìn thấy bóng hai người đang ngồi rất sát bên nhau, không động đậy, khi Philip và Sally đi qua.

- Không biết ai thế nhỉ? Sally hỏi.

- Trông họ có vẻ hạnh phúc đấy chứ? Phải không!

- Chắc họ cũng cho chúng ta là một cặp tình nhân.

Họ đã trông thấy ánh đèn trong ngôi nhà tranh trước mặt, và trong mấy phút sau, hai người đã bước vào cửa hàng bé nhỏ. Ánh sáng chói loà làm họ loá mắt một lúc.

- Anh chị đến chậm quá - Bà Black bảo - Tôi sắp sửa đóng cửa - Bà nhìn đồng hồ - Gần chín giờ rồi.

Sally hỏi mua nửa pao chè (bà Athelny không thể mua nổi quá nửa pao chè một lúc) rồi ra về. Thình thoảng có tiếng động thành linh và cụt ngùn của vài con thú ăn đêm nhưng nó chỉ làm cho đêm tối càng thêm tĩnh mịch.

- Em tin rằng nếu mình đứng im thì có thể nghe được sóng biển - Sally nói.

Rồi họ lắng nghe. Trí tưởng tượng khiến họ nghe vãn vãng như có tiếng rì rầm của những con sóng bé nhỏ đập dồn vỗ vào bãi đá. Khi họ trở lại bậc trèo qua hàng rào, thì cặp tình nhân kia vẫn còn ở đó, nhưng lúc này họ yên lặng trong vòng tay nhau, và môi chàng trai xiết chặt môi cô gái.

- Họ có vẻ bận rộn nhỉ - Sally nói.

Hai người rẽ ở một góc đường, một làn gió ấm áp phả vào mặt họ trong giây lát. Hơi lạnh từ mặt đất toả vào không gian. Có điều gì đó là lạ run rẩy trong đêm tối, và có vẻ như có một cái gì đó, nào ai rõ, như một sự chờ đợi. Cơ thể lặng bỗng hàm súc và chứa đựng bao nhiêu ý nghĩa. Philip có một cảm giác lạ lùng trong lòng, tim chàng dường như tràn đầy xúc động. Tim chàng dường như muốn tan ra. Chàng cảm thấy hạnh phúc khao khát và

mong chờ. Chàng nhớ lại những câu thơ mà Jessica và Lorenzo thì thầm nhau, những lời êm ái tranh nhau bày tỏ nỗi lòng. Nhưng những hình tượng kỳ lạ thích thú ấy lại chói lợi tình yêu. Chàng không biết có cái gì trong không khí khiến giác quan của chàng nhanh nhẹn lạ thường đến thế. Chàng thấy dường như tâm hồn mình thanh khiết nên mới cảm thụ được hương thơm, âm thanh cùng mùi vị của đất. Chàng chưa bao giờ thấy khả năng cảm nhận cái đẹp của mình lại tuyệt vời như vậy. Chàng sợ Sally cất tiếng nói sẽ làm tan vỡ giây phút thần tiên này, nhưng nàng không nói một lời, nên chàng lại muốn nghe âm thanh giọng nói của nàng. Giọng nói ấm áp nhỏ nhẹ đó chính là tiếng nói của đêm đồng nội.

Họ tới cánh đồng mà nàng phải đi qua để về túp lều. Philip đi vào mở cổng cho nàng.

- Vậy thì đến đây anh sẽ chào em và chúc em ngủ ngon.

- Cảm ơn anh đã đi suốt đoạn đường với em. Nàng chìa tay ra, chàng nắm lấy và nói: “Nếu em mà rất ngoan thì phải hôn anh và chúc anh ngủ ngon”!

- Em không phản đối.

Philip chỉ nói đùa chơi. Chàng chỉ muốn hôn nàng vì chàng đang sung sướng, chàng yêu nàng mà trời đêm thì quá đẹp.

- Thế thì chào em - chàng nói, khẽ cười và kéo nàng về phía mình.

Nàng hiến dâng đôi môi cho chàng, đôi môi nóng hổi và đầy đặn, và mịn màng khiến chàng nấn ná không muốn rời; đôi môi như đoá hoa; rồi không hiểu vì sao, chàng bất giác vòng tay ôm nàng vào lòng. Nàng lặng lẽ khuất phục. Thân thể nàng rắn chắc khoẻ mạnh. Chàng cảm thấy tim nàng rộn

ràng sát với tim mình. Và chàng không kìm nổi mình. Các giác quan nhục thể bỗng dâng lên cuốn chàng như dòng lũ. Chàng kéo nàng vào một chỗ tối bên hàng giậu.

Philip ngủ say mê mệt. Anh giật mình tỉnh dậy thấy Harold đang lấy cái lông cù vào mặt chàng. Khi chàng mở mắt thì có tiếng reo hò vui thích. Nhưng chàng còn ngái ngủ.

- Đi nào, anh chàng lười ngay xương - Jane gọi - Chị Sally bảo chú nếu không nhanh lên thì chị ấy không đợi đâu.

Lúc ấy chàng bỗng nhớ điều đã xảy ra. Lòng chàng thắt lại, vừa mới nhồm dậy, chàng lại thôi, chàng không biết rồi đây làm thế nào mà nhìn được mắt nàng; một sự ân hận đột ngột dâng lên khiến lòng chàng cay đắng, hối tiếc việc mình đã làm. Nàng sẽ nói gì với chàng sáng nay? Chàng phải giúp nàng, chàng tự hỏi vì sao mà chàng có thể ngu xuẩn như thế. Nhưng lũ trẻ không để chàng có thì giờ, Edward vợ lấy khăn len và quần tằm của chàng. Athelstan thì giật khăn trải giường; và sau mấy phút thì tất cả bọn họ đã xuống đường ồn ào cười nói. Sally mỉm cười nhìn chàng, cũng vẫn nụ cười ngây thơ đáng yêu như từ trước đến giờ.

- Anh mặc quần áo gì mà lâu thế? Em cứ nghĩ anh không đến.

Thái độ của nàng không có gì khác trước chút nào. Chàng đã chờ đợi một sự thay đổi nào đó thô lỗ hoặc tế nhị, chàng đã tưởng tượng ra cách đối xử của nàng, có thể nàng sẽ ngượng ngùng, hoặc tức giận hoặc có thể tỏ ra âu yếm hơn đối với chàng, nhưng chẳng có gì hết. Nàng đúng vẫn là nàng như trước đây. Bọn họ cùng đi ra bãi biển, cười nói vui vẻ; Sally thì trầm lặng, hiền lành, kín đáo, nhưng có bao giờ chàng thấy nàng khác đâu. Nàng không tìm cách nói chuyện với chàng mà cũng chẳng tránh né. Philip lấy làm kinh ngạc. Chàng tưởng rằng việc xảy ra tối hôm trước phải khiến nàng có một sự thay đổi nào đó, nhưng cứ tưởng như chẳng có gì xảy ra, cứ tựa

như một giấc chiêm bao. Một tay dắt đứa em gái, một tay dắt đứa em trai, trong khi vừa bước đi, vừa nói luôn mồm như một kẻ tư lự, chàng cố tìm cho một lời giải thích. Chàng tự hỏi phải chăng Sally muốn quên việc kia. Có lẽ lúc ấy, nàng cũng như chàng không còn tri giác, chuyện đã xảy ra bây giờ xem như một biến cố trong một hoàn cảnh không bình thường, nên nàng quyết định không bận tâm tới nữa. Nếu quy cho nàng là biết suy nghĩ chín chắn và khôn ngoan già dặn, thì những điều ấy không hợp tuổi mà cũng chẳng hợp với tính nết nàng. Nhưng chàng nhận ra mình chưa hiểu gì về nàng, ở nàng vẫn có một cái gì đó khó hiểu.

Họ chơi trò nhảy cườm dưới nước, và cuộc tắm biển hôm nay cũng ồn ào, náo nhiệt như ngày hôm trước. Sally chăm sóc, thật trọng để ý tới mọi người, khi họ ra ngoài quá xa, nàng gọi lại. Trong lúc đám kia tổ chức những trò đùa nghịch thì nàng điềm tĩnh lội bơi ngược xuôi, thỉnh thoảng nàng ngửa người thả nổi lênh bênh. Ngay sau đó, nàng dứt khoát ít nhiều gọi lên, cuối cùng chỉ một mình Philip còn ở dưới nước, Chàng nhân dịp này bơi ra thật xa. Buổi tắm lần thứ hai này chàng đã quen với nước lạnh hơn, nên chàng thích thú đắm mình trong nước mát rượi; chàng lấy làm vui thích được tự do sử dụng tay chân, chàng mạnh mẽ vung tay sải dài trên biển. Nàng quàng khăn tắm quanh người bước tới.

- Philip, anh phải đi vào ngay - nàng gọi, coi chàng như đứa trẻ con mà nàng có nhiệm vụ trông nom.

Và khi chàng bơi vào phía nàng, mỉm cười vì cái giọng ra lệnh của nàng, thì nàng liền trách:

- Ở lâu dưới nước thế kia, anh thật hư quá lắm. Mối anh tím ngắt rồi, anh thử xem hai hàm răng anh đang đập vào nhau cầm cặp kia kìa!

- Được rồi, tôi sẽ lên.

Trước đây nàng không bao giờ nói với chàng như vậy. Như thế là điều đã xảy ra đã đem lại cho nàng một thứ quyền lực đối với chàng. Và nàng xem chàng như một đứa trẻ phải được chăm sóc. Sau mấy phút bọn họ đã mặc quần áo và bắt đầu đi về. Sally để ý đến hai tay chàng.

- Anh thử nhìn xem, tay anh tím ngắt.

- Ồ, không sao đâu, một lát máu sẽ lưu thông trở lại.

- Đưa tay em xem!

Nàng ấp lấy tay chàng trong tay mình, hét xoa tay này đến tay kia cho đến lúc nước da hồng hào trở lại. Philip cảm động, bối rối, dăm dăm nhìn nàng. Vì có lũ trẻ nên chàng không thể nói gì với nàng, và chàng không bắt gặp mắt nàng, nhưng chàng chắc rằng nàng không chủ tâm tránh mắt chàng, chỉ hoàn toàn tình cờ, hai cặp mắt họ mới không gặp nhau. Và cả ngày hôm ấy thái độ cư xử của nàng không hề mảy may tỏ ra là nàng biết đến điều gì đã xảy ra giữa hai người. Có thể nàng hay nói nhiều hơn mọi ngày đôi chút. Khi tất cả gia đình ngồi lại trên đồng hu-blông, nàng kể cho mẹ nghe Philip đã nghịch ngợm ở lì dưới nước cho tới khi da thịt tái mét vì lạnh. Thật là khó tin, vậy mà dường như cái kết quả duy nhất của việc xảy ra tối hôm trước, lại gợi lên cho nàng cái ý thức bảo vệ chàng, nàng cũng mong muốn chăm sóc chàng theo bản năng như đối với các em nàng.

Chỉ tối đến chàng mới ở nhà một mình với nàng. Nàng đang nấu cơm tối còn Philip thì ngồi trên bãi cỏ cạnh bếp lửa. Bà Athelny đi xuống dưới làng mưa ít hàng hoá, còn lũ trẻ đuổi bắt nhau chạy tán loạn. Philip ngập ngừng không nói. Chàng hết sức bối rối, Sally điềm tĩnh thanh thản chăm lo đến công việc của mình, nàng bình thản chấp nhận sự yên lặng đang làm cho chàng rất lúng túng. Chàng không biết bắt đầu như thế nào. Sally ít nói, trừ

phi có ai nói với mình hoặc có điều gì đặc biệt cần nói. Cuối cùng chàng không thể chịu đựng lâu hơn nữa.

- Sally, em không giận anh chứ? Chàng bỗng thốt nói lên lời.

Nàng lặng lẽ ngược mắt thản nhiên nhìn chàng.

- Em ấy à? Không? Vì sao mà em phải giận anh được?

Chàng sững sốt, không trả lời. Nàng mở vung nồi khuấy bên trong rồi đặt lại. Một mùi ngon thơm toả ra trong không khí. Nàng nhìn chàng một lần nữa, miệng thoáng một nụ cười, đó là nụ cười của ánh mắt thì đúng hơn.

- Em lúc nào cũng yêu anh - nàng nói.

Tim chàng đập dữ dội trong lồng ngực, chàng cảm thấy máu dồn lên má. Chàng cố cười gượng gạo.

- Anh không biết điều đó.

- Đó là vì anh ngốc!

- Anh không hiểu vì sao em yêu anh.

- Em cũng hiểu. Nàng bỏ thêm ít củi vào lửa. Em biết rằng em yêu anh từ cái ngày anh đến, sau những đêm ngủ ngoài trời và phải nhịn đói anh nhớ không? Mẹ và em đã sửa soạn giường của Thorpy cho anh.

Mặt chàng lại đỏ bừng, chàng không ngờ nàng lại biết được cái việc xảy ra đó. Nhớ lại chuyện đó chàng cảm thấy hãi hùng và hổ thẹn.

- Vì thế nên em không muốn dây dưa với ai. Anh có nhớ cái anh chàng mà mẹ em muốn em lấy không? Em để anh ấy đến dự tiệc trà vì anh ấy quấy rầy em quá, chứ em đã biết là em sẽ từ chối.

Philip kinh ngạc đến nỗi không biết nói gì. Một cảm giác lạ lùng trong lòng mà chàng không biết nó là gì, nếu không phải đó là niềm hạnh phúc. Sally khuấy nổi một lần nữa.

- Em mong cho lũ trẻ về nhanh. Không biết chúng nó chạy đâu? Lúc này cơm nước đã xong cả rồi.

- Để anh đi tìm xem có gặp chúng nó không nhé - Philip nói.

- Được, thế cũng hay. Em phải nói là... à, kia mẹ về.

Lúc ấy chàng đứng lên, nàng nhìn chàng không chút lúng túng.

- Tối nay, cho các em đi ngủ xong, em sẽ đi chơi với anh nhé?

- Đồng ý!

- Vậy thì anh chờ em ở gần bậc thềm hàng rào, khi nào xong thì em đến.

Chàng ngồi chờ trên bậc thềm dưới trời sao, giữa hai bên là bờ rào cao trồng cây mâm xôi quả đã chín.

Hương đêm thơm ngát bốc lên từ mặt đất, bầu không khí tĩnh mịch, êm đềm. Tim chàng đập rộn ràng như điên loạn. Chàng không sao hiểu nổi việc gì đã xảy ra với chàng. Xưa nay tình yêu đối với chàng là tiếng khóc, là nước mắt và tình cảm sôi nổi, mà ở Sally thì không có điểm nào như vậy; nhưng chàng biết ngoài tình yêu ra thì không điều gì khác có thể khiến nàng tự nguyện hiến dâng. Nhưng tại sao nàng yêu chàng? Chàng sẽ không ngạc nhiên nếu nàng chia sẻ cho người anh họ của nàng Peter Gann cao gầy và chân thật, bộ mặt sạm nắng, bước đi ung dung. Philip tự hỏi nàng tìm thấy gì ở mình. Chàng không biết nàng yêu chàng như vậy có thể gọi là tình yêu chẳng. Dù sao chàng cũng tin chắc sự trinh bạch của nàng. Chàng mơ hồ nghi nghi hoặc là do có nhiều điều kết hợp, những điều mà nàng chỉ cảm thấy chứ không ý thức được, hương nồng của khí trời, của màn đêm, của cánh đồng hoa bia, bản năng lạnh mạnh bẩm sinh của đàn bà, tấm lòng thương mến tràn đầy và một thứ tình cảm phảng phất một cái gì của người mẹ và cái gì đó của người chị; và nàng hiến dâng tất cả những cái nàng phải hiến dâng, bởi vì lòng nàng tràn đầy tình người.

Chàng nghe có tiếng bước chân trên đường, và một bóng người hiện ra trong đêm tối.

- Sally, chàng thì thầm.

Nàng dừng lại, đi tới bậc thềm, nàng mang theo mùi hương dịu dàng trong sạch của hoa đồng cỏ nội. Dường như nàng đem lại mùi hương của cỏ khô mới cắt, của hoa bia chín, và cái tươi mát của cỏ non. Chàng ép môi vào đôi môi mềm dịu tròn đầy của nàng và vòng tay ôm chặt thân hình yêu kiều, rắn chắc và khoẻ mạnh của nàng.

- Sữa và mật ong - chàng nói - Em như sữa và mật ong.

Chàng bảo nàng nhắm mắt và chàng lần lượt hôn lên hai hàng mi. Chàng đưa tay lướt qua cánh tay vạm vỡ khoẻ mạnh để trần đến khuỷu của nàng và lấy làm kinh ngạc cái vẻ mỹ miều của nó; nó lơ mờ trong bóng đêm óng ánh lông tơ vàng; nàng có nước da trong trắng của Rubens, mềm mại và trong suốt lạ lùng. Đó là cánh tay của nữ thần Xắc-xông nhưng không vị thần nào có được cái vẻ đẹp giản dị tự nhiên tuyệt vời như vậy, và Philip nghĩ đến một khu vườn có mái nhà tranh, với nhiều loại hoa quý nở rộ trong lòng mọi người, chàng nghĩ đến thực quỳ, hồng đỏ, hồng trắng còn gọi là York và Lancaster, hoa tình yêu - trong sương mù, và Sweet William, rồi hoa kim ngân, phi yến và London Pride.

- Làm sao mà em có thể quan tâm đến anh? Chàng nói - Anh vô vị, què quặt, tầm thường và xấu xí.

Nàng lấy hai tay ôm mặt chàng và hôn lên môi:

- Anh là một chàng ngốc nghếch cỡ lớn, đấy anh là như thế đấy - nàng đáp.

Vụ hoa hu-blông thu hoạch xong. Philip nhận được tin điện báo được bổ nhiệm làm trợ lý cho bác sĩ nội trú tại bệnh viện St. Luke. Chàng cùng với gia đình Athelny trở về Luân Đôn. Chàng mượn một căn nhà bình thường ở Westminster và đến đầu tháng mười thì bắt đầu nhận nhiệm vụ Công việc này thú vị và lắm vẻ, ngày nào chàng cũng học được điều mới lạ; chàng cảm thấy mình cũng có khả năng nào đó; chàng gặp Sally luôn và thấy đời đẹp lạ thường. Trừ những ngày có bệnh nhân ngoại trú, còn thì đến khoảng sáu giờ chàng được tự do, lúc ấy chàng đến cửa hàng làm việc của Sally đón nàng trở về. Nhiều chàng thanh niên la cà đối diện cổng ra vào, hoặc đứng xa hơn một chút về phía trước, ở góc phố; và các cô gái đi ra hai người một, hoặc từng tốp nhỏ khi nhận ra các chàng trai, họ lấy khuỷu tay thúc vào nhau, cười khúc khích. Sally, trong chiếc áo dài đen giản dị, nom khác hẳn với cô gái quê ngày nào đã từng hái hoa hu-blông bên chàng. Nàng vội vã rời cửa hàng, nhưng khi gặp nhau, nàng bước chậm lại và yên lặng mỉm cười chào chàng. Hai người đi bên nhau giữa phố phường náo nhiệt. Chàng kể cho nàng nghe công việc ở bệnh viện và nàng lại thuật lại với chàng việc làm của nàng ở cửa hàng ngày hôm ấy. Bây giờ chàng đã biết tên các cô gái cùng làm việc với nàng. Chàng thấy Sally có khả năng hài hước, tuy còn hạn chế nhưng sắc sảo, những nhận xét bông đùa bất ngờ của nàng về các cô gái hay các chàng trai đang tấn công họ, làm chàng thích thú. Nàng có cách nói hoàn toàn nghiêm trang khi đề cập đến một vấn đề rất đặc biệt như thể hoàn toàn chẳng có gì đáng buồn cười chút nào vậy mà lại hàm chứa một nhận xét tinh tế khiến Philip phá lên cười khoái trá. Lúc ấy nàng thường liếc nhanh nhìn chàng, cặp mắt long lanh cười tỏ ra nàng không phải không biết nhận thức được khả năng biết đùa của chính mình.

Họ gặp nhau tay bắt mặt mừng và chia tay nhau cũng trang trọng theo nghi thức. Một lần Philip mời nàng đến nhà uống trà với chàng, nhưng nàng từ chối.

- Không, em không thích làm thế. Điều đó có vẻ buồn cười lắm.

Họ chưa hề trao đổi với nhau một lời yêu đương. Dường như nàng không mong gì hơn những cuộc dạo chơi kia trên tình bè bạn. Vậy mà Philip quả quyết rằng nàng sung sướng được ở bên chàng. Nàng vẫn như những ngày

đầu. Ngày ấy chàng chưa hiểu được cách xử sự của nàng; nhưng càng hiểu nàng, dần dà chàng càng mến nàng, nàng có khả năng biết tự chủ, và ở nàng tấm lòng trung thực thật dễ thương; người ta cảm thấy có thể tin cậy vào nàng trong mọi hoàn cảnh.

- Em thật là một cô gái ngoan ngoãn vô cùng - một lần chàng nhận nhét băng quơ về nàng như vậy.

- Em mong em cũng chỉ giống như mọi người khác - nàng đáp.

Chàng biết rằng mình không yêu nàng. Đó chỉ là một thứ tình cảm vô cùng trìu mến của chàng đối với nàng; tuy nhiên chàng thích được có nàng ở bên, nó khiến lòng chàng vô cùng dịu nhẹ. Còn một dạng tình cảm nữa mà chàng thấy thật buồn cười là mình lại có thể ấp ủ nó đối với một cô gái bán hàng mới mười chín tuổi đời, đó là lòng kính trọng. Chàng ngưỡng mộ cái sức khoẻ lộng lẫy của nàng. Nàng là một động vật tuyệt vời, không khiếm khuyết, cái thân hình hoàn hảo của nàng lúc nào cũng khiến cho chàng ngưỡng mộ một cách vì nề. Nàng làm cho chàng cảm thấy mình không xứng đáng với nàng.

Rồi một hôm, khoảng ba tuần sau khi họ trở về Luân Đôn, trong lúc cùng nhau đi dạo, chàng để ý thấy nàng ít nói hơn mọi ngày. Một nếp nhăn thoáng thoáng giữa hai hàng lông mày làm thay đổi gương mặt trầm lặng của nàng:

- Em làm sao thế, Sally? Chàng hỏi.

Nàng không nhìn chàng mà nhìn thẳng phía trước, sắc mặt tối sẫm.

- Em không biết.

Chàng hiểu ngay điều nàng muốn nói. Tim chàng bỗng đập nhanh và chàng cảm thấy mặt mình đang tái đi.

- Em muốn nói gì? Có phải em sợ rằng...?

Chàng dừng lại. Chàng không thể nói tiếp. Không bao giờ chàng nghĩ đến một việc như thế có thể xảy ra. Lúc ấy chàng thấy môi nàng run run và nàng đang cố giữ cho đừng khóc.

- Em chưa chắc chắn. Có lẽ rồi sẽ ổn cả thôi.

Họ yên lặng tiếp bước cho đến gốc phố Chancery Lane; hai người vẫn thường chia tay nhau ở đây. Nàng chìa tay ra và túm túm cười.

- Anh đừng lo về việc đó vội. Chúng ta hãy hy vọng điều tốt đẹp nhất.

Chàng đi xa dần, đầu óc rối bời. Chàng ngu xuẩn ngốc nghếch làm sao! Đó tức là điều trước tiên đập vào mắt chàng, một kẻ xuẩn ngốc hèn hạ, khốn khổ, và chàng giận dữ tự sỉ vả mình đến hàng chục lần. Chàng khinh miệt mình. Làm sao mà chàng lại có thể đắm đầu vào một mớ bòng bong

như thế này? Nhưng cùng lúc ấy, mặc dù nhiều ý nghĩ dồn dập săn đuổi nhau trong óc, hơn nữa, dường như chúng còn túm tụm lại rồi bời tuyệt vọng, giống những mảnh rời của trò chơi lắp hình thấy trong cơn ác mộng, chàng vẫn tự hỏi chàng sẽ phải làm gì. Mọi việc đã rõ ràng quá trước mắt chàng, tất cả những ý định từ lâu của chàng cuối cùng đã ở trong tầm tay, thế mà bây giờ sự ngu dại không thể tưởng tượng được của chàng, đã dựng lên một chướng ngại mới này. Philip không bao giờ có thể khắc phục được lòng say mê hướng về tương lai, đó là khuyết điểm mà chàng thừa nhận đối với quyết tâm đi tới một cuộc sống ổn định. Vừa ổn định công tác ở bệnh viện là chàng đã bận rộn chuẩn bị các chuyến đi. Trong quá khứ, không hay ho gì, chàng thường cố không nghĩ tưởng tận quá đến các dự định tương lai, việc đó làm cho chàng chán nản, nhưng bây giờ mục tiêu đã gần đến thế, chạy theo một ham muốn khó lòng chống lại như vậy, chàng thấy chẳng hại gì. Trước hết chàng muốn đi Tây Ban Nha. Đây là đất nước thân mến của nó, tính chất lãng mạn, màu sắc; lịch sử và sự hùng vĩ của nó, chàng cảm thấy nó là lời tiên báo chi tiết cho chàng mà không có đất nước nào khác có thể truyền lại được. Chàng đã biết những thành phố cổ kính tráng lệ Cordoue, Seville, Toledo, Leon, Tarragona, Burgos, như thể từ ngày thơ ấu chàng đã ở đấy, đã đặt chân lên những đường phố khúc khuỷu quanh co. Những họa sĩ vĩ đại Tây Ban Nha là những họa sĩ của tâm hồn, và lòng chàng rộn ràng cảm xúc khi hình dung thấy mình đê mê đứng trước những công trình đó, đối với chính tâm hồn chàng bị giày vò khôn nguôi, những công trình nhiều nghĩa hơn bất cứ những công trình nào khác. Chàng đã đọc nhiều nhà thơ lớn mang nhiều nét đặc trưng của con người hơn là các nhà thơ ở xứ sở khác, bởi vì cảm hứng của họ không hề bắt nguồn từ những dòng văn chương chung chung của nhân loại mà trực tiếp từ những vùng đồng bằng thơm tho, nắng cháy và từ những núi rừng hoang vắng của quê hương. Còn mấy tháng trời gần ngủi nữa thôi, thì chính tai chàng sẽ được nghe khắp nơi quanh mình cái ngôn ngữ thích hợp cả với sự cao quý của tâm hồn và với tình yêu. Khiếu thẩm mỹ tinh tế khiến chàng nghĩ rằng Andalousie quá mềm mại, đam mê nhục dục thậm chí có phần tầm thường, không đáp ứng được lòng hăng hái sôi nổi của chàng, trí tưởng tượng của

chàng dừng lại ở khoảng mênh mông lộng gió của xứ Castille, cảnh tráng lệ của những vùng Aragon và Leon núi đồi lỏm chỏm. Chàng hoàn toàn không hiểu những cuộc tiếp xúc chưa biết đó sẽ đem lại cho mình những gì, nhưng chàng đã cảm thấy nhờ đó mà chàng sẽ lấy lại được sức lực, khiến chàng có thể đương đầu và lĩnh hội những điều kỳ lạ muôn màu muôn vẻ của những nơi xa xôi hơn, lạ lùng hơn.

Đây chỉ là phần đầu. Chàng phải liên hệ với nhiều công ty tuyển dụng bác sĩ phẫu thuật trên tàu, phải biết chính xác các tuyến đường của họ, và qua những ai đã từng làm việc trên tàu, mà biết rõ lợi hại của mỗi tuyến đường. Chàng gạt sang một bên các hãng Orient và P và O. Khó tìm công ăn việc làm ở các hãng này; hơn nữa việc chuyên chở hành khách của họ không cho phép nhân viên thầy thuốc có quyền tự do; nhưng còn nhiều hãng khác có tàu lớn chạy không theo đường nhất định thông dong về phía đông, đỗ lại ở tất cả các thứ cảng với nhiều khoảng thời gian khác nhau, từ một hai ngày đến một vài tuần, vì vậy người ta có rộng rãi thì giờ và thảnh thơi có thể tiến hành một cuộc du ngoạn sâu trong nội địa. Vì tiền lương tồi, chế độ ăn uống cũng chẳng tương xứng hơn nên ít ai xin vào làm ở các hãng này, nếu người nào có bằng cấp của trường đại học ở Luân Đôn xin vào làm thì khác hẳn hẳn là được, nếu như anh ta quyết tâm. Do không có hành khách trừ một vài người đi buôn thất thường qua lại những cảng xa xôi hẻo lánh, nên cuộc sống trên tàu cũng thân mật và thú vị. Philip thuộc lòng danh mục các nơi tàu cập bến, và mỗi một nơi lại gợi lên trong tâm trí chàng cái ánh nắng nhiệt đới, những sắc màu quyến rũ và một cuộc sống huyền bí, mãnh liệt, dối dào. Cuộc sống đẹp làm sao! Đây mới là điều chàng mong muốn. Cuối cùng nhất định chàng sẽ đến gần sát cuộc sống. Và có thể từ Đông Kinh hay Thượng Hải, chàng sẽ chuyển tàu đi vào một tuyến đường khác, và dừng lại ở những hòn đảo ở phía Nam Thái Bình Dương. Một bác sĩ thì ở đâu cũng làm ăn được. Có thể có dịp đi đến vùng nông thôn Miến Điện, và những cảnh rừng nhiệt đới ở Sumatra hay Bornéo rậm rạp, tại sao chàng lại không thể đến tham quan. Chàng còn trẻ và thời

gian đối với chàng không thành vấn đề. Ở đất Anh, chàng không có gì ràng buộc, không có bà con thân thuộc; chàng có thể đi khắp thế giới năm này qua năm khác, tìm hiểu cái đẹp, cái lạ và những cái biến đổi của cuộc đời.

Bây giờ thì điều này xảy ra. Chàng bỏ qua một bên khả năng nhằm lẫn của Sally. Chàng có cảm giác kỳ lạ rằng nàng có lý; rất cuộc có lẽ đúng như vậy; bất cứ ai cũng có thể nhận thấy tạo hoá sinh ra nàng để làm mẹ. Chàng hiểu chàng phải làm gì. Chàng không nên để cho sự việc bất ngờ kia làm chệch hướng đi của chàng một li tí nào. Chàng nhớ tới Griffiths, chàng có thể dễ dàng hình dung thấy gã thanh niên kia sẽ dừng dừng bao nhiêu khi tiếp nhận một mẫu tin như thế. Hẳn sẽ cho đó là chuyện vô vùng phiền toái và sẽ bỏ chạy lập tức như một kẻ từng trải. Hẳn sẽ bỏ mặc cô gái kia giải quyết điều phiền muộn với tất cả khả năng của mình. Philip tự nhủ, nếu như điều này xảy ra thì đó là không thể tránh khỏi. Chàng không đáng trách hơn Sally, nàng là cô gái đã bước vào đời, đã biết được thực tế cuộc đời vì nàng đã chấp nhận chuyện mạo hiểm ấy hoàn toàn tỉnh táo. Để cho một chuyện như vậy xáo lộn toàn bộ kiểu mẫu đời chàng sẽ là một điều rồ dại. Chàng là một trong số ít người ý thức được một cách sâu sắc rằng cuộc đời hết sức mỏng manh và cần phải biết hết sức tận hưởng. Điều gì có thể làm được là chàng sẽ thực hiện cho Sally; chàng có khả năng cho nàng một số tiền đầy đủ. Con người có khả năng và nghị lực không bao giờ tự cho phép mình rời xa mục đích.

Chàng tự nhủ với mình tất cả điều đó, nhưng chàng biết chàng sẽ không sao thực hiện được. Chỉ giản đơn có một điều là chàng không thực hiện được nổi. Chàng hiểu sao được mình.

- Ôi, sao mà mình nhu nhược đến thế! Chàng thất vọng lắm lắm.

Nàng tin rằng chàng tốt, và ăn ở với chàng. Thật giản đơn có một điều là chàng không thể làm cái việc mà bất chất mọi lý lẽ của mình, chàng cảm

thấy rất xấu xa. Chàng biết trong quá trình xê dịch, chàng sẽ không thể yên tâm nếu chàng luôn luôn nghĩ tới nỗi bất hạnh của nàng. Hơn nữa còn có cha mẹ nàng lúc nào cũng đối xử tốt với chàng, không thể đền đáp lại bằng sự vô ơn bạc nghĩa. Điều duy nhất là phải cưới Sally càng nhanh càng tốt. Chàng sẽ viết thư cho bác sĩ South cho biết chàng sắp lập gia đình và nếu đề nghị của ông trước đây còn giá trị thì chàng sẽ vui lòng nhận lời. Chỉ có loại khách hàng ở giữa những người nghèo là loại khách hàng có thể hợp với chàng được; ở đây tật nguyện của chàng không thành vấn đề, người ta sẽ không chê cười cách cư xử hồn nhiên của vợ chàng. Chưa chi đã coi nàng như vợ mình thật kỳ, điều này đem lại cho chàng một cảm giác lạ lùng, êm ái, và chàng bỗng rung mình khi nghĩ tới đứa bé sẽ là con mình. Chàng không nghi ngờ gì là bác sĩ South sẽ vui mừng chấp nhận chàng và chàng đã hình dung đến cuộc sống sắp tới của chàng và Sally trong cái làng đánh cá kia. Họ sẽ ở trong một căn nhà nhỏ trông ra biển và chàng sẽ theo dõi những con tàu lớn đi qua tới những vùng chàng sẽ chẳng bao giờ hết. Có lẽ đó là điều khôn ngoan nhất. Cronshaw đã từng cả quyết với chàng rằng thực tế cuộc đời chẳng có nghĩa gì đối với ông ta, nhờ sức tưởng tượng mà ông ta đã có cả hai lĩnh vực không gian và thời gian ghép đôi lại. Đúng như vậy. “Chàng sẽ mãi mãi yêu đương và nàng luôn luôn trở nên xinh đẹp”.

Quà cưới cho vợ chàng sẽ là tất cả hy vọng cao quý của chàng. Một sự hy sinh! Lòng Philip lâng lâng trước sự hy sinh đó, suốt cả buổi tối chàng chỉ nghĩ đến nó. Chàng phấn khởi đến nỗi không thể đọc sách báo gì được. Dường như chàng bị đẩy ra ngoài phố, rồi chàng lang thang hết xuôi lại ngược trên Birdcage Walk, trong lòng hồi hộp mừng vui. Chàng sốt ruột không sao chịu nổi. Chàng muốn trông thấy niềm hạnh phúc của Sally khi chàng ngỏ lời dạm hỏi, và nếu không muộn quá, chàng đã đến nàng ngay lúc này. Chàng đã hình dung những đêm dài ngồi bên Sally trong gian phòng khách ấm cúng, rèm không buông để hé có thể nhìn ra biển; chàng thì đọc sách còn nàng thì cúi đầu cặm cụi với công việc, và ngọn đèn được

che sáng khiến cho gương mặt yêu kiều của nàng càng thêm xinh đẹp. Hai người sẽ trò chuyện về đứa con, và khi ngoảnh mặt nhìn chàng, mắt nàng rạng rỡ yêu thương. Dần dần những người đánh cá và vợ con bệnh nhân của chàng, sẽ quý mến họ, và đến lượt mình, họ sẽ chia sẻ niềm vui nỗi buồn với những cuộc đời bình dị kia. Nhưng những suy nghĩ của chàng lại quay về đứa con của chàng và nàng. Chàng đã thấy mình hết lòng say mê tận tụy với nó. Chàng hình dung ra mình sẽ đưa tay nâng niu vuốt ve tay chân nhỏ bé hoàn hảo của nó, chàng biết: nó sẽ xinh đẹp; và chàng nhất định sẽ để lại cho nó tất cả những điều mơ ước của chàng về một cuộc sống dồi dào đầy những đổi thay. Nghĩ về những năm tháng hành hương dang dặc của một thời dĩ vãng, chàng vui vẻ chấp nhận nó. Chàng chấp nhận tất nguyện đã gây cho đời chàng nhiều khổ cực, chàng hiểu rằng nhờ nó mà chàng đã giành được cái khả năng tự xem xét nội tâm đã đem lại cho chàng biết bao niềm vui. Không có điều đó thì chàng sẽ không bao giờ biết thưởng thức sắc sảo cái đẹp; không biết say mê văn học nghệ thuật, không quan tâm đến mọi mặt của cuộc đời. Sự giễu cợt và khinh bỉ mà người đời chồng chất lên chàng, đã khiến chàng đã hướng về những bông hoa mà chàng cảm thấy sẽ không bao giờ phai hương. Lúc ấy chàng nhận thấy cái bình thường là cái đáng quý nhất đời. Người nào cũng có khuyết nhược điểm này nọ về thể chất hay tinh thần, chàng nghĩ tới hết thấy những người mà chàng đã từng quen biết (toàn xã hội như một nhà thương, không hiểu vì sao chàng lại nghĩ như vậy) họ lũ lượt điếu qua.

Chàng đã chuẩn bị gặp Sally vào ngày thứ bảy tại phòng trưng bày tranh tượng quốc gia. Ngay khi ra khỏi cửa hàng, nàng sẽ đến đây và ăn cơm trưa với chàng. Đã hai ngày qua kể từ khi chàng gặp nàng, vậy mà lúc nào lòng chàng cũng hân hoan. Vì chàng cảm thấy mình rất hạnh phúc nên chàng không cố tìm gặp nàng. Chàng tự nhắc trong lòng thật chính xác những điều định nói và sẽ nói như thế nào. Bây giờ thì chàng sốt ruột quá không thể chịu nổi, chàng đã viết cho bác sĩ South và bức điện của ông chàng đã nhận được sáng nay còn để trong túi áo: “Đã sa thải tên quai bị ngu xuẩn - Khi nào anh đến?” Philip đi dọc đại lộ Parliament. Trời nắng lung linh trên đường phố. Xa xa trong màn sương mong manh, những con đường, nét cao sang của những nhà cao tầng trở nên mềm mại tuyệt vời. Chàng đi qua quảng trường Trafalgar. Bất chợt lòng dạ chàng như quặn thắt, trước mặt chàng là một người đàn bà nom rất giống Mildred. Cũng gương mặt Mildred, chân đi cũng hơi lê bước là điều rất đặc biệt của ả. Không kịp nghĩ ngợi, tim đập rộn ràng, chàng rảo bước cho tới khi theo kịp đi sóng đôi, thì lúc ấy người đàn bà ngoảnh lại. Chàng nhận ra ngay là một người không quen biết. Bà ta lớn tuổi hơn, da mặt vàng nhăn nheo, nhưng đó không phải là một cảm giác mà cũng xen lẫn cả thất vọng, chàng thấy ghê tởm cho chính mình. Chàng không bao giờ thoát khỏi mối tình đả đốn này ư? Từ trong thâm tâm, chàng cũng cảm thấy từ trong sâu thẳm tâm hồn, vượt lên hết thảy, vẫn còn vương vấn nỗi thèm khát kỳ lạ đến tuyệt vọng, đối với người đàn bà đê tiện ấy! Mối tình kia đã gây ra cho chàng bao nhiêu đau khổ, đến nỗi chàng biết rằng không bao giờ, sẽ không bao giờ chàng hoàn toàn thoát nổi. Rốt cuộc có lẽ chỉ có cái chết mới có thể dập tắt cơn thèm khát ấy.

Nhưng rồi chàng cũng gạt bỏ được nỗi dẫn vật trong lòng. Chàng nghĩ đến Sally, nghĩ đến cặp mắt xanh và cái nhìn triu mến của nàng và bất giác

chàng mỉm cười. Chàng bước lên bậc thềm ngôi nhà triển lãm, đến ngồi nghỉ trong gian đầu để có thể nhìn thấy nàng đi vào. Được ngồi giữa những bức hoa lúc nào chàng cũng thấy dễ chịu. Chàng không ngắm nhìn một bức nào, nhưng chàng để cho cái tráng lệ của màu sắc, cái đẹp của đường nét tác động lên tâm hồn chàng. Đầu óc chàng đang dồn cho Sally. Hẳn là thú vị biết bao nhiêu nếu được đem nàng đi khỏi cái kinh thành Luân Đôn này, ở đây nàng tựa như một hình ảnh lạc lõng, như một bông hoa đồng nội bày ở cửa hàng giữa những giò phong lan và chùm đỗ quyên. Tại cái đồng hoa bia xứ Kent, chàng đã hiểu rằng nàng không phải là con người cho nơi thành thị, và chàng tin chắc rằng dưới bầu trời êm dịu Dorset, bông hoa đồng nội ấy sẽ xinh đẹp tuyệt vời. Nàng bước vào và chàng đứng dậy đón nàng. Nàng mặc đồ đen, tay áp trắng và cổ áo tròn vải ba-tít. Hai người bắt tay nhau.

- Anh đợi có lâu không?

- Không! Mới mười phút. Em có đói không?

- Không đói lắm.

- Chúng mình ngồi đây một tí nhé, được không em?

- Nếu anh muốn. Tùy anh.

Họ ngồi bên nhau, không nói. Philip sung sướng được cảm thấy nàng ở gần. Cái thân hình khoẻ mạnh của nàng như truyền nhiệt sang, làm cho chàng cảm thấy ấm lên. Cơ thể nàng tưởng như toả ra một vầng hào quang, hừng hực sự sống.

- Sao, em thấy trong người thế nào? Cuối cùng chàng hơi mỉm cười hỏi.

- Ồ, bình yên vô sự. Đó là báo động giả mà thôi.

- Thật không?

- Anh không mừng sao?

Một cảm giác khác thường bỗng dâng lên trong lòng Philip. Hôm trước chàng đã chắc chắn rằng sự ngờ vực của Sally là có cơ sở đúng đắn, không giây phút nào chàng nghĩ tới khả năng nhầm lẫn. Tất cả mọi dự định của chàng thế là bỗng nhiên sụp đổ và cuộc sống hình dung tỉ mỉ như thế giờ đây không hơn gì một giấc mơ không bao giờ trở thành hiện thực. Một lần nữa chàng được tự do. Chao ôi, được tự do! Chàng không phải từ bỏ bất kỳ một kế hoạch nào, cuộc sống vẫn ở trong tay chàng lại muốn làm gì tùy ý. Chàng không thấy vui mà chỉ thấy tinh thần suy sụp. Lòng chàng quặn lại. Trước mặt chàng tương lai hiện ra đồ nát, trống rỗng. Như thế là sự bao nhiêu năm lênh đênh trên đại dương mênh mông, trải qua nguy hiểm, thiếu thốn, cuối cùng chợt gặp một bến lành, nhưng sắp tới bờ thì một ngọn gió ngược chợt nổi lên, lại đẩy thuyền chàng trở về biển cả; và bởi vì chàng đã để tâm trí mình dừng lại trên những đồng cỏ mượt mà; đến những rừng cây tươi xanh nơi đất liền nên đại dương hoang vắng mênh mông làm cho lòng chàng tràn đầy đau khổ. Chàng không thể, một lần nữa lại phải đương đầu với cô đơn và bão tố. Sally nhìn chàng bằng cặp mắt trong vắt.

- Anh không mừng sao? Nàng hỏi lại - Em tưởng là anh phải sướng như điên ấy chứ!

Chàng ngơ ngác bắt gặp cặp mắt đăm đăm của nàng.

- Anh không chắc thế - chàng nói khẽ.

- Anh buồn cười thật. Đàn ông phần lớn không nói như vậy.

Chàng thấy rõ là mình đã tự lừa dối mình; chẳng phải sự hy sinh khiến chàng nghĩ tới chuyện xây dựng gia đình, mà là lòng khát khao có gia đình, có tổ ấm, có tình yêu; và giờ đây kho thấy hết thấy những điều ấy dường như đã tuột khỏi tay chàng, nên chàng bàng hoàng thất vọng. Chàng cần tất cả những thứ đó hơn bất kỳ một điều gì khác trên đời này. Chàng phải quan tâm làm gì đến xứ sở Tây Ban Nha và các thị thành Cordoue, Tolédo, Leon của nó; các ngôi chùa Miến Điện, những hồ nước mặn trên các đảo Nam Hải, là gì đối với chàng? Châu Mỹ đang ở ngay đây. Đối với chàng, dường như suốt đời mình, chàng đã nghiền ngẫm lời lẽ, tác phẩm của người khác, nên chàng đã đeo đuổi lý tưởng của họ chứ không phải của chính mình. Cách xử sự của chàng xưa nay luôn luôn bị bốn phận thống trị, chưa bao giờ yêu cầu bức bách của tâm hồn. Giờ đây chàng gác bỏ mọi điều đó sang một bên với một cử chỉ khó chịu. Xưa nay chàng vẫn hằng sống với tương lai, còn cái hiện tại thì luôn luôn tuột khỏi tay chàng. Còn lý tưởng của chàng? Chàng nghĩ tới niềm khát khao tạo nên một mô hình kiểu phức tạp, phải chăng chàng cũng không thấy rằng cái mô hình đơn giản nhất trong con người sinh ra, hoạt động, lấy vợ lấy chồng, sinh con đẻ cái và chết đi, là cái hoàn hảo nhất hay sao? Có lẽ chịu để hạnh phúc chi phối mình thì phải chấp nhận thất bại, nhưng đó là một sự thất bại đẹp hơn nhiều thắng lợi.

Chàng liếc nhanh Sally tự hỏi nàng đang nghĩ gì, rồi lại ngoảnh mặt quay đi.

- Anh sắp xin cưới em làm vợ - chàng nói.

- Có lẽ em cũng mong như vậy, nhưng em không muốn làm vương chân anh.

- Em sẽ chẳng làm như vậy.

- Về những chuyến đi du lịch của anh sang Tây Ban Nha và các nơi khác thì sao?

- Làm sao em biết được là anh muốn đi du lịch?

- Em phải biết ít nhiều về chuyện đó chứ. Em đã nghe anh nói; anh và bố bàn về chuyện này chán cả tai.

- Anh cần quái gì những chuyện đó. Chàng ngừng lại một lát rồi hạ giọng khàn khàn thì thầm nói khẽ: Anh không muốn xa em! Anh không thể xa em!

Nàng không đáp. Chàng không biết nàng suy nghĩ gì.

- Sally, anh tự hỏi không biết em có bằng lòng lấy anh không?

Nàng ngồi yên, gương mặt nàng không biểu lộ một thoáng xúc động, nhưng khi trả lời thì nàng không nhìn chàng.

- Tùy anh!

- Còn em không muốn hay sao?

- Ồ, dĩ nhiên là em thích có nhà của riêng của mình, vì cũng đã đến lúc em phải lập gia đình.

Chàng tủm tỉm cười. Bây giờ thì chàng hiểu nàng khá rõ và thái độ của nàng không làm chàng ngạc nhiên.

- Nhưng mà em đâu có muốn lấy anh?

- Em sẽ không lấy người người khác.

- Vậy thì việc đó thể là xong.

- Bố mẹ sẽ ngạc nhiên lắm đấy nhĩ?

Anh sung sướng quá.

- Chúng mình cần đi ăn trưa đi - nàng nói.

- Ôi, em yêu quý!

Chàng mỉm cười, nắm lấy tay nàng xiết chặt. Hai người đứng lên, rời khỏi phòng triển lãm tranh tượng. Họ dừng lại một lúc ở hàng lan can ngắm nhìn quảng trường Trafalgar. Xe ngựa, xe buýt tất bật ngược xuôi và những dòng người hối hả đi về mọi ngả, và trời đang bừng nắng.

--HẾT--

[1] Acropolis: vệ tinh của thành Aten, thời cổ Hy Lạp.

[2] Nhưng mà, Adolf

[3] Garibaldi 1807 - 1882: một nhà yêu nước Italia.

[4] Việc canh gác ở sông Rhine

[5] Renan: 1823 - 1892 - Nhà ngữ văn, nhà sử học Pháp.

[6] Luther (1893 - 1946) một lãnh tụ đạo tin lành người Đức.

[7] Wesley (1703 - 1791) nhà thần học, nhà truyền bá phúc âm, nhà sáng lập giáo hội Methodism.

- Maptism: một giáo phái của đạo Thiên chúa, chủ trương người lớn tin đạo rồi mới chịu lễ rửa tội.

- Methodism: giáo phái giám lý

[8]

Périclès: Chính khách Hy Lạp thế kỷ 5 trước Công nguyên. – Phidias: Nhà điêu khắc Hy Lạp thế kỷ 5 trước Công nguyên.

[9]

Gott im Himmel!: Trời ơi!

[10]

Rococo: Một phong cách nghệ thuật châu Âu dưới triều đại Louis XV

[11]

Người thổi kèn Trompet ở Sackingen

[12]

William Morris, học sĩ và nhà văn Anh (1834 – 1898)

[13]

Coquelin: Tên một diễn viên người Pháp (1841 – 1909)

[14]

Alphonse Daudet: Tên một nhà văn nổi tiếng người Pháp (1840 – 1847)

[15]

Sapho: Một tác phẩm của Alphonse Daudet

[16]

Guy de Maupassant: Tên một nhà văn Pháp (1850 – 1893)

[17]

Deniaiser (tiếng Pháp) có nghĩa là làm cho hết khờ khạo.

[18]

Cinquième: Thứ năm.

[19]

Ces dames: Các bà ấy.

[20]

Je suis libre, n'est-ce pas? Tôi tự do phải không?

[21]

Je m'y connais: tôi thông thạo việc đó

[22]

vers neuf heures: lúc 9 giờ.

[23]

C'est une fatalité: Đó là định mệnh.

[24]

Charmant garçon: chàng thanh niên đẹp trai

[25]

Massenet: (1842 – 1912) nhà soạn nhạc Pháp.

Benjamin Gadard: (1849 – 1895) nhà soạn nhạc Pháp.

Holmes (Oliver Wendell) 1809-1894, thầy thuốc, nhà thơ Mỹ.

[26]

Antony: quý tộc La Mã (83 – 30 trước CN). Anh hùng cái thế trở thành nô lệ sắc đẹp của Cleopatra, nữ hoàng Ai Cập.

[27]

Cleopatra: Nữ hoàng Ai Cập, nổi tiếng gì sắc đẹp.

[28]

Murger: nhà văn Pháp (1822 – 1864) tác giả Scènes de la vie de bohème (cảnh đời của những kẻ phóng dăng lang thang)

[29]

Louis Philip (1773 – 1850) vua nước Pháp từ 1830 đến 1848.

[30]

Hôn em đi!

[31]

Trời, em yêu anh, em yêu anh, em yêu anh.

[32]

A, em cóc cần bác làm vườn, em cóc cần và em sẽ cóc cần!

[33]

Ruskin (1819 -1900) nhà phê bình nghệ thuật, nhà xã hội học, nhà văn Anh

[34]

Moulin Rouge: tên một vũ trường ở Pháp xây dựng từ năm 1889.

[35]

Nhà hát ca vũ nhạc xây dựng ở Pari 1867.

[36]

1511 - 1574: Họa sĩ Italia.

[37]

1494 - 1534: Họa sĩ Italia.

[38]

Anch'is Son'pittore: Tôi cũng là họa sĩ.

[39]

Odalisque: tranh vẽ người đàn bà để ngực trần của Dom Jogres (1780-1867)

[40]

Cose des Lilas: tên một công viên ở Pari.

[41]

Kent, Lancashire: hai đội cricket mang tên hai địa phương này.

[42]

Thưa ông Cronshaw, không ai cả!

[43]

Ông này kỳ cục thật!

[44]

Corot (1796-1875): họa sĩ vẽ phong cảnh, người Pháp.

[45]

EL Greco: Họa sĩ Tây Ban Nha khoảng giữa sau thế kỷ 16 đầu thế kỷ 17.

[46]

John Ruskin (1819 -1900) nhà văn tiểu luận, phê bình, nhà cải cách nước Anh.

[47]

Seville: một thành phố Tây Ban Nha.

Granda: một thành phố Nicaragua.

Velasquez (1599 - 1660) họa sĩ Tây Ban Nha.

Calderon (1600 - 1681) nhà thơ Tây Ban Nha.

[48]

Bismarck (1815 – 1898) chính khách Phổ - Thủ tướng Đức

[49]

Bài thuyết giáo trên núi: bài phát biểu của Chúa Jesus cho các tông đồ của Người, về tám đường hạnh phúc kể trong sách Phúc Âm.

[50]

Jean Antoine Watteau (1684-1721): họa sĩ Pháp.

[51]

Sophocle (khoảng 497-405 trước Công nguyên) nhà thơ bi kịch Hy Lạp.

[52]

Heliogabale (204-222): Hoàng đế La Mã

[53]

Debussy (1862-1918): nhà soạn nhạc Pháp.

[54]

Oscar Wilde (1854 – 1900): nhà văn Anh.

[55]

Epicure: triết gia Hy Lạp (khoảng 341 – 240 trước Công nguyên.)

[56]

Isaie: nhà tiên tri đứng đầu bốn nhà tiên tri lớn Do Thái.

[57]

Pharisien: người giả đạo đức, người Do Thái sùng nghi thức đạo.

[58]

Apollon: một trong các vị thần của thần thoại Hy Lạp, được coi là thần Ánh sáng, thần Nghệ thuật và thần Tiên tri.

[59]

Soapsud: nước xà phòng.

[60]

Rubens (1577-1640): họa sĩ và là nhà ngoại giao xứ Flandre.

[61]

Hans Anderson (1805-1875) nhà Văn Đan Mạch .

[62]

(). Tu quoque: con cũng thế

Table of Contents

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

1.

2.

3.

4.

5.

6.

7.

8.

9.

10.

11.

12.

13.

14.

15.

16.

17.

18.

19.

20.

21.

22.

23.

24.

25.

26.

27.

- [28.](#)
- [29.](#)
- [30.](#)
- [31.](#)
- [32.](#)
- [33.](#)
- [34.](#)
- [35.](#)
- [36.](#)
- [37.](#)
- [38.](#)
- [39.](#)
- [40.](#)
- [41.](#)
- [42.](#)
- [43.](#)
- [44.](#)
- [45.](#)
- [46.](#)
- [47.](#)
- [48.](#)